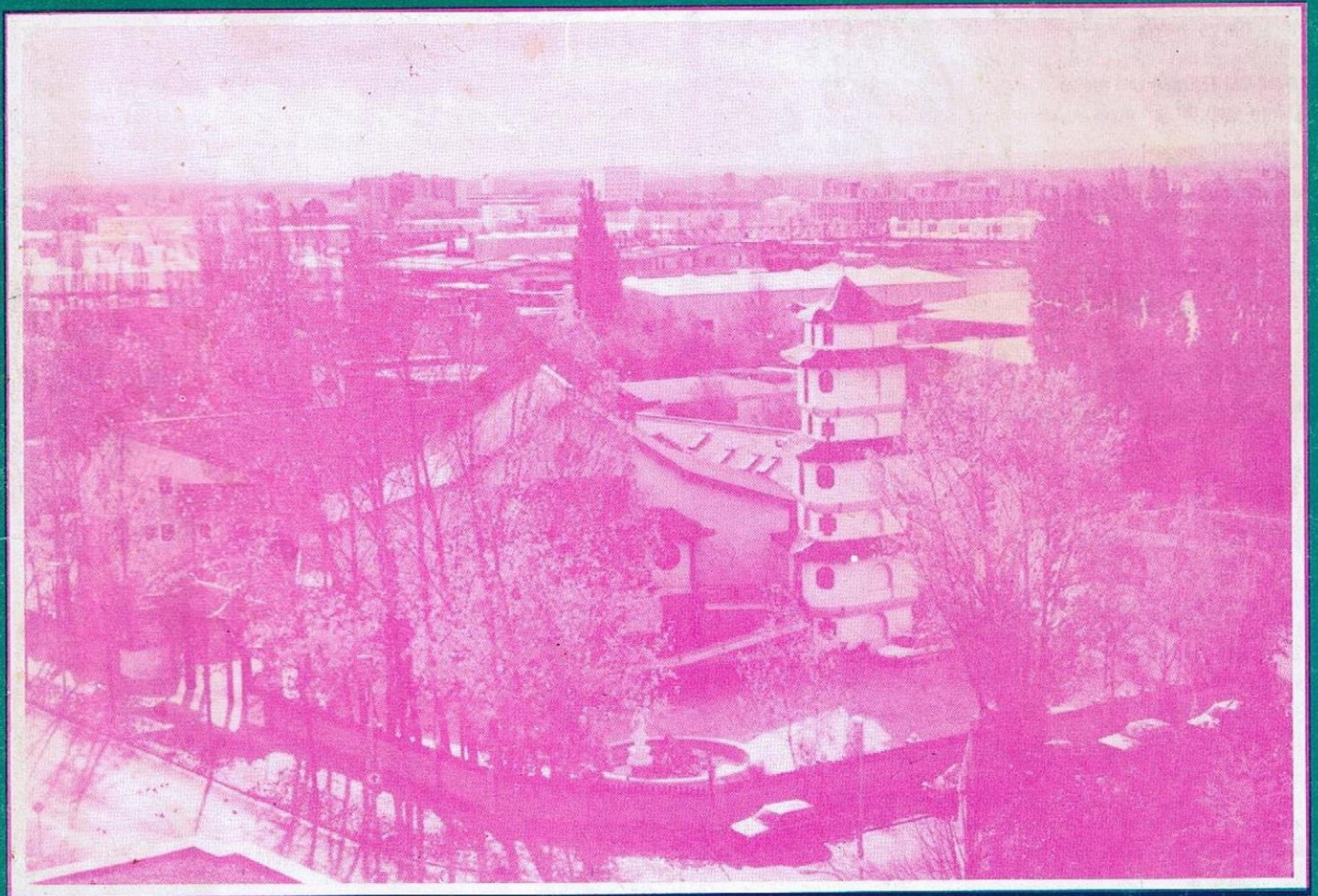


VIÊN GIÁC



SỐ - NR. **100** TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchlinge in der Bundesrepublik Deutschland
NĂM THỨ 19 ■ THÁNG 8 ■ JAHRGANG 19. ■ AUGUST 1997 ■ AUSGABE IN VIETNAMESISCHE & DEUTSCH



SỐ ĐẶC BIỆT TẠP CHÍ VIÊN GIÁC 100



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo hữu Thị Tâm

BẢN BIÊN TẬP VÀ CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà
- Quỳnh Hoa - Tử Hùng Trần Phong Lưu - Vũ Nam
- Thiện Nghĩa - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện
Cần - Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân



Hồ trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Nguyễn
Van Ba (Canada) - Tử Xung Roland Berthol (Đức)
- Thanh Bình (Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) -
Đông Phương Mai Lý Càng (Pháp) - Hà Huyền
Chí (Hoa Kỳ) - Hòa Thượng Thích Trí Chơn - Dr.
Phan Quang Đán (Hoa Kỳ) - Sư Huỳnh Hà Đâu
Đồng (Đức) - D.S. Trương Thị Mỹ Hà (Đức) -
Phước Hà (Bỉ) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn
Đình Hùng (Hòa Lan) - Trần Thị Nhật Hùng (Thụy Sĩ)
- Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Lê Đoàn Kim (Hoa
Kỳ) - Quang Kính (Đức) - Nguyễn Minh Khánh
(Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bỉ) - Thiện Hữu Trần Hữu
Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện Mẫn
(Nga) - Thiện Xuân Inna Malkhanova (Nga) - Lê
Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) -
Phong Hùng Lưu Nhân Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn
(Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc)
- Phan Hùng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ)
- Văn Nương LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn Quới
(Hòa Lan) - Giang Phúc Sơn Đông (Đức) - TS.
Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trương Ngọc Thanh
(Đức) - Phạm Thắng (Canada) - Đoàn Văn
Thống (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Võ Thức
(Ấn Độ) - Thúy Trúc (Hoa Kỳ) - Hoài Việt (Pháp) -

KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo V.N tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge
i. d. BRD

TÒA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 - Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ứng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quản binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn		3
TÔN GIÁO		
Luyện về Đời nối tiếp đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn		4 - 5
Người tu sĩ Tây Tạng và vấn đề ăn thịt - Thích Hạnh Nguyễn		6 - 7
Con đường đưa tôi đến Phật Giáo - Thiện Tâm Nguyễn Hùng		8 - 9
Ồi ! sắc chào mi - Thiện Nguyễn		9
Tây Tạng huyền bí và các siêu cường quốc - Đoàn Văn Thống		10 - 14
Thức thứ tám - Lâm Như Tạng		15 - 17

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes Tu Xung Roland Berthold		18 - 20
Weg ohne Grenzen - Thích Như Điển		21 - 22
Vườn Thơ Viên Giác - Phú Vân phụ trách		23 - 31
Trang Hoa Phượng - Hồng Nhiên phụ trách . Gia đình Phật Tử - Thiện Cần - Phạm Hồng Sáu		32 - 48
Viết về báo Viên Giác số 100 - Thích Như Điển		49 - 51
Dở chồng sách cũ - Phù Vân		52 - 62
Nỗi niềm gửi mẹ - Mạnh Bích		64 - 66
Tự chất vấn thâm tâm - Đào Trọng Hiếu		67
Cuộc đời đi xuống hay đi lên - Diệu Huệ		68
Cách một đại dương . Chiếc tàu thủy trên dòng cầu Long - Phạm Thống		69 - 73
Lá thư Bắc Mỹ - Lê Thị Bạch Nga		75 - 76
Kim Thoa - Giang Phúc Đông Sơn		77 - 80
Ồ Lâu tình sử - Hướng Giang Thái Văn Kiểm		81 - 86
Tạp chí cho mùa hè 97 - Hồ Trường An		87 - 89
Bài chép phật - Vũ Thị Dạ Thảo		90 - 93
Duyên công đức - Đông Phương Mai Lý Càng		94 - 95
Y phục thời Linh Nam . Quan Thế Âm Bồ Tát - Trần Đại Sỹ		97 - 101
Một vài nghi vấn thời tiền sử - Phan Hùng Nhơn		102 - 104
Tiêu chuẩn Đức và thuộc Lỗ Bang - Trần Phong Lưu		105 - 106
Duyên Hạnh Ngộ - Trần Thị Nhật Hùng		107
Lính thú đời nay - Nguyễn Tấn Hùng		108 - 111
Bánh phồng tôm Sa Giang - Nguyễn Văn Ba		112 - 115
Biến cố Ất Dậu 5.7.1885 của Tôn Thất Thuyết - Tôn Thất Hứa		116 - 125
Phong vấn nhà thơ Hoài Việt - Tử Nguyễn		129 - 131
Một vài ý kiến về con người huyền thoại Hồ Chí Minh - Nguyễn chí Thành & Trần huy Hoàng		131 - 132
Màu đỏ cuối mùa - N.T Long Thanh		132 - 133
Luyện cường về Văn Hóa Việt Nam - Ký giả Cao Sơn		134 - 135
Trầm, Ngồi và em - Nguyễn Thủy		137 - 140
Con chó phản động - Nguyễn Minh Khánh		141 - 144
Hoài niệm về một cuộc viếng thăm Cổ Loa thành - Vũ Kỳ		145 - 146
Một thời đã qua - Vũ Nam		147 - 149

Y HỌC THƯỜNG THỨC - Quỳnh Hoa . Gia Chánh Chay - V.G 150 - 151

Nghĩa vụ người nữ Phật Tử VN đối với đất nước Nguyễn Việt Nữ		152 - 158
Văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc - Lê Kim Ngân		159 - 160
Thư gửi tướng Dương Văn Minh - Linh già		161 - 162
Ví sao tôi biểu tình chống vấn nghệ Cộng Sản - Người tỵ nạn		162 - 163
Diễn đàn dân chủ		164 - 168
Sinh hoạt cộng đồng		168 - 175
Giải đáp thắc mắc tỵ nạn - Thiện Hữu Trần Hữu Lộc		176 - 178
Thế Thạo - Người Giám Biên		179 - 185
Tin thế giới - Phan Ngọc		186 - 192
Phước danh cúng dường		193 - 197
Hộp thư Viên Giác - Trả lời độc giả		197 - 198
Cáo phó - Cảm tạ - Phần ưu		199

THƠ

Trình Chung (14) * Tùy Anh (14) * Phan Quang Đán (35 & 62) * Lê Trung Thu (40)
* Nguyễn Thủy (48) * Vũ Hối (63 & 96) * Bảo Văn (66) - * Đặng Quốc Việt (68) *
Hồng Lan (73) * Quang Kính (74) * Minh Trang (86) * Kim Lan (89) * Tuệ Nga
(93) * Ái Cầm (101) * Nguyễn Đức Hoàn (111) * Thúy Trúc (127) * Huyền Thanh
Lữ (136) - Hoàng Ly Giang (146) * Thanh Bình (151) * Đào Thị Kim Loan (178) *
S.H. Hà Đâu Đồng (192) * Như Tạng (192).

HÌNH ẢNH

Toàn cảnh chùa Viên Giác Hannover (ảnh Phạm Cường)



T hấm thoát mỗi đó mà đã 19 năm trôi qua với sự hiện diện của tờ báo Viên Giác trong cộng đồng người Việt và người Đức tại hải ngoại này. Chúng con xin tạ ơn Tam Bảo, ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng đã gia hộ và soi sáng cho chúng con, con đường đã đi và đã chọn, nhằm phục vụ lý tưởng của người con Phật là phụng sự cho tha nhân trên lãnh vực tinh thần này. Đó có lẽ cũng là cách đền ơn đáp nghĩa hay nhất. Vì "phục vụ chúng sanh, tức cúng dường chư Phật" vậy.

Từ khi Viên Giác mở mắt chào đời vào ngày 1 tháng 1 năm 1979 với đôi chân còn yếu ớt, chưa có kinh nghiệm về mọi phương diện, rồi năm 2 tuổi, sau 6 số báo khiêm nhường bằng tiếng Việt và 2 số báo tiếng Đức đón sơ được xuất bản, bắt đầu từ năm 1981 Viên Giác đã thay đổi hình dạng của mình từ hình thức đến nội dung, để chập chững bước vào sánh vai với làng báo Việt Nam tại hải ngoại. Đến nay bộ mới đã đủ số 100 và cộng với 8 số bộ cũ, tổng cộng thành 108 số. Con số 108 này rất có ý nghĩa với người

Phật Tử. Vì đây chính là quả vị của sự giác ngộ, ngay cả hàng A La Hán, Bích Chi Phật hay Bồ Tát với con số ấy là tổng thể của 6 trần, 6 căn và 6 thức biến đổi hòa hợp của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý ($18 \times 6 = 108$) để trở thành con số ý nghĩa trên. Và chẳng Viên Giác đã thể hiện được một phần nào trách nhiệm của mình khi giới thiệu đến với quý độc giả xa gần về những gì mà Viên Giác đã cứu mang mấy lâu nay - âu đó cũng chỉ là bốn phận và trách nhiệm mà thôi. Tuy trong bốn phận tự mình giao phó đó, chắc chắn còn nhiều thiếu sót và sai lầm. Vậy kính mong chú Tôn Đức và các bậc Thiện Hữu Tri Thức cũng như quý Phật Tử xa gần hoan hỷ bỏ qua cho những sự vụng về ấy.

Đứa con tinh thần ấy đã 19 mùa Đông qua Xuân lại, Thu sang Hạ đến; nay đã đến lúc độc lập hoàn toàn theo luật pháp của thế gian cho phép. Con chim non ngày nào chập chững vào đời, nay đã rời tổ ấm để đi xây dựng một cuộc sống cho riêng mình. Nói như thế để thấy rằng bốn phận của người đi trước là sinh thành, dưỡng dục và hỗ trợ, giúp đỡ trong mọi hoàn cảnh và chính đứa con ấy phải đi thẳng vào đời với đôi chân vững chãi và phải vươn vai lên sánh bước với mọi người, trước là để đền ơn đáp nghĩa mọi người và sau là để tự mình thể hiện đức tính tự giác ngộ để tịnh hóa thân tâm và tiếp tục hướng dẫn những thế hệ đi sau tiếp theo nề nếp cũ, để xây Đạo dựng Đời. Ở bất cứ nơi đâu và chốn nào, không có ai mà "vô sư tự chúng" được. Nghĩa là: không Thầy, không cha mẹ thì ta sẽ không trở nên người lớn; nhưng dẫu là người ấy có lớn bao nhiêu đi chăng nữa mà thiếu vắng bậc sanh thành ra mình, xem như mất cả một bầu trời.

Nói như thế để biết rằng bốn phận, trách nhiệm là gì. Vì những người đi trước, chúng ta phải có bốn phận giúp đỡ những thế hệ đi sau và những thế hệ kế thừa nương theo những gì đã có mà phát triển. Về nội dung tờ báo Viên Giác như đường hướng và lập trường đã định sẵn là, chúng ta không tranh đấu cho một chủ nghĩa này hay một chủ nghĩa nọ, mà chúng ta phải vượt lên trên tất cả những cái gì đối đãi của nhị nguyên. Vì Phật Giáo chúng ta không tôn thờ thần linh chủ nghĩa, lại càng không công nhận cá nhân chủ nghĩa. Do vậy chỉ có tinh thần dân tộc tự chủ mới đáng quý và đáng thể hiện nơi này hay nơi khác, hay ngay cả tại quê hương mình mà thôi. Nếu Phật Giáo đi ra ngoài nhiệm vụ ấy, Phật Giáo sẽ không còn là Phật Giáo của Dân Tộc Việt Nam nữa.

Biết bao nhiêu triều đại và chính thể đã trôi qua. Biết bao nhiêu lớp sóng phề húng của lịch sử đã làm cho lòng người ngao ngán, chán chường trước cảnh đổi thay của vạn vật. Nhưng Tôn Giáo, nhất là Phật Giáo đã trải qua mấy ngàn năm lịch sử vẫn còn đây. Bởi vì nhờ tính cách đại đồng và biết lấy cái khổ đau của dân tộc làm cái khổ đau của mình, biết chia sẻ niềm vui của dân tộc làm niềm vui của mình; nên Phật Giáo đi vào dân tộc nào là tồn tại và phát triển mãi mãi không thôi. Trong quá khứ Phật Giáo đã bị bao nhiêu lần bức hại qua các triều đại bạo tàn của lịch sử; nhưng, họ đàn áp Phật Giáo cũng giống như đâm vào hư không, hoặc đâm vào bánh xe. Không khí trong bánh xe ấy không bị hư hại, mà còn tự đội ngược lại họ. Vì lẽ ấy, sự tự chế của Phật Giáo là sự tự chế bình thường, để cho mọi thế lực, dầu bên trong hay bên ngoài phải thấy rằng bất kỳ dưới hình thức nào đó, Phật Giáo có đầy đủ Bi, Trí và Dũng.

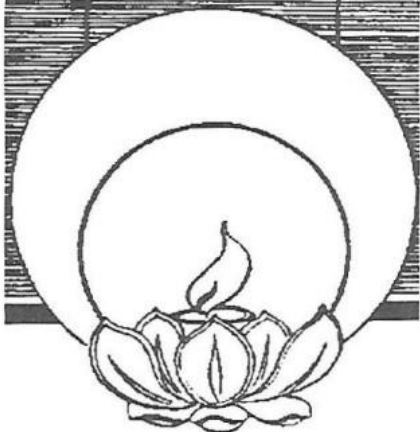
Hôm nay nhân ngày Vu Lan báo hiếu sắp về và cũng là ngày kỷ niệm báo Viên Giác bộ mới thứ 100, tôi xin đại diện cho Ban Biên Tập báo Viên Giác viết Lá Thư Tòa Soạn số 108 này để gửi đến quý độc giả xa gần và xin cảm niệm công đức của quý vị đã hỗ trợ cho Viên Giác trưởng thành như ngày hôm nay.

Cầu nguyện cho tất cả mọi người, mọi loài thâm nhập được vào tri kiến của Như Lai.

Thay mặt Ban Biên Tập Báo Viên Giác

Thích Như Điển - Chủ Nhiệm

TÔN GIÁO



LUẬN VỀ ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác:
Reflections on Life After Life.
Tác giả:
Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch:
HOÀNG-PHI
LỮ HOÀNG-NGUYỄN

CHƯƠNG VI.

HỎI THÊM

Từ khi xuất bản quyển "Đời Tiếp Nối Đời", tôi nhận được nhiều câu hỏi của độc giả, của các đồng nghiệp y khoa, đại học cũng như của những vị quan tâm đến vấn đề. Vì đa số các câu hỏi đó có tính cách tổng quát nên tôi xin mạn phép trả lời nơi quyển sách này.

1. **Hỏi:** Liệu việc công khai thảo luận một cách rộng rãi các chi tiết của hiện tượng cận tử có ảnh hưởng chi đến mức độ chính xác của công cuộc khảo cứu lãnh vực này trong tương lai?

Đáp: Dĩ nhiên vấn đề khá tế nhị. Có thể các kinh nghiệm có được sau này là do ảnh hưởng việc đọc những chuyện kể về chết hụt, cũng có thể có mấy kẻ vô liêm sỉ đặt dõc là đã từng bị, nhằm gây chú ý và tự quảng cáo hay muốn đạt một mục đích nào đó. Dù cuộc khảo cứu của tôi, của bác sĩ Kubler-Ross và các

nhà điều tra khác về lãnh vực này có thể khiến việc phân biệt vàng thau trở nên khó khăn, song thiết nghĩ nếu muốn nghiên cứu hiện tượng này một cách khoa học, nó phải được đưa ra trước công luận.

Cách thứ hai là giữ kín nó như một bí mật nghề nghiệp. Nhưng làm vậy cũng bị chỉ trích và nhiều khê lăm. Trong nhiều năm qua, câu hỏi thường đặt ra với tôi là: "Nếu mấy chuyện này xảy ra nhiều như vậy, tại sao chúng không được phổ biến rộng rãi hơn?". Bây giờ có lẽ chúng ta bắt đầu ở vào thời kỳ mà vấn đề là: "Bởi những việc này được phổ biến rộng rãi như vậy, liệu có còn ngạc nhiên vì sao chúng lại xảy ra nhiều đến thế?"

2. **Hỏi:** Tại sao ông không nêu tên thật những người được phỏng vấn? Điều này chẳng làm công trình của ông đáng tin hơn không?

Đáp: Tôi vẫn giữ ý định không công bố danh tính vì khá nhiều lý do. Những người đến với tôi định ninh rằng tôi sẽ không sử dụng tên của họ. Tôi muốn giữ kín để có thể tiếp tục thu thập thêm nhiều bài tường thuật mà thiên hạ ắt không cho nếu cảm thấy sẽ bị nhận diện. Dĩ nhiên sẽ có nhiều độc giả hơn nếu tôi đăng hình ảnh, tên họ, địa chỉ các người được phỏng vấn giống như bài viết trên báo chí. Tuy nhiên đúng trên quan điểm khoa học, việc này đâu có làm công cuộc khảo cứu của tôi đáng tin hơn.

Rốt lại, điều sẽ làm cho nó "thực" hơn, là những người khác cũng tìm được những điều giống như tôi đã có trong các trường hợp khác biệt. Sách của tôi chẳng đưa ra kết luận nào. Tôi chỉ đoán là những ai theo đuổi vấn đề này một cách cảm thông, cần mẫn ắt sẽ tìm thấy những thí dụ cận tử chứng tỏ tất cả các yếu tố và giai đoạn khác nhau mà tôi đã viết.

3. **Hỏi:** Toàn bộ khái niệm về việc có sự sống sau khi chết không phải là chuyện mơ tưởng?

Đáp: Vài người có thể lập luận rằng vì tất cả, hay ít ra đa số chúng ta đều mong được sống sau khi chết, nên họ nghi ngờ bất cứ chứng cứ nào được trưng ra về chuyện này. Mấy lập luận kiểu đó có ở nhiều lĩnh vực, nhưng chúng tôi xin thưa là ta cũng có thể hiểu cách khác: Điều mà phần đông chúng ta mơ ước không có nghĩa là nó chẳng xảy ra.

William James nói rất rõ khi bảo rằng đối với các vấn đề tôn giáo không thể đem thí nghiệm để xác minh hay phủ nhận, thì giờ đây việc "không tin chúng bởi e sai lầm" đâu còn thuần lý hơn việc "tin vì hy vọng là đúng".

4. **Hỏi:** Chú ý đến những kinh nghiệm cận tử chẳng phải chỉ là "mốt" nhất thời?

Đáp: Tôi không nghĩ như vậy. Quan tâm đến bản chất và ý nghĩa của sự chết đã hiện hữu xuyên suốt lịch sử triết lý Tây phương. Hầu hết các đại triết gia đều bàn đến vấn đề này, và ta có thể thấy nó hầu như là đề tài chủ yếu của các tác phẩm và hệ thống tư tưởng của các vị này.

Thứ nữa, sự tiến bộ nhanh chóng của kỹ thuật hồi sinh hầu như đảm bảo là chúng ta sẽ thấy chuyện này xảy ra ngày càng nhiều trong tương lai.

Sau hết, nhiều bác sĩ phải nghe các bệnh nhân nan y van nài: "Không ai có thể cho tôi biết chết là như thế nào?" Không quan tâm đến việc xem kinh nghiệm chết hụt như là báo hiệu về đời sống vĩnh cửu hay chỉ đơn thuần là kết quả của những hiện tượng sinh lý cuối cùng, tôi cho rằng hữu ích khi ta có thể bắt đầu soi sáng thêm một tí về vấn đề này.

5. **Hỏi:** Những người ông tiếp chuyện có chú ý đến chuyện huyền bí trước khi hoặc sau khi họ chết hụt?

Đáp: Tôi từng tiếp xúc với hơn 300 người chết hụt. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy có một số ít người quan tâm đến các vấn đề luân hồi, đồng bóng, tử vi hay các chuyện huyền bí khác. Còn riêng tôi thì thấy rằng trong số các đối tượng nghiên cứu, chỉ có sáu hay bảy người tỏ ra thích những chuyện huyền bí, trước hoặc sau khi chết hụt. Hầu như không ai trong số mấy người này báo cáo là đã chết hụt hơn một lần trong đời họ.

Nhìn chung, những người tôi phỏng vấn không phải là loại thường bị chết hụt hoặc quá chú tâm đến những chuyện huyền bí.

6. **Hỏi:** Bác sĩ từng phỏng vấn một người vô thần đã chết hụt?

Đáp: Tất cả những người tôi tiếp chuyện đều thuộc truyền thống Do Thái - Thiên Chúa Giáo.

Trong khung cảnh đó, chữ "vô thần", ít ra cũng phần nào, là ngôn từ "có tính chất xét đoán" đưa đến việc tìm hiểu cá tính, xúc cảm, tín ngưỡng. Chữ "chủ nghĩa vô thần" có thể, trong vài trường hợp, chỉ là sự phát biểu bằng lời nói, song che giấu các xúc cảm cá nhân có thể rất khác biệt, có khi họ rất là sùng đạo.

Tôi cảm thấy hầu như không thể xác định mức độ tín ngưỡng trước khi chết hụt của những người này, bởi ai trong xã hội Tây phương ít nhiều gì cũng tiếp xúc với những khái niệm về tôn giáo. Vì vậy câu hỏi được đặt ra cho bất cứ ai là ở mức độ nào (dù một cách vô thức) người này có được những khái niệm về tôn giáo.

Những người tôi phỏng vấn bảo rằng trước khi chết hụt họ chưa có một tín ngưỡng đặc biệt nào, nhưng sau khi về tử cõi chết lại thừa nhận là đúng các giáo điều về đời sống sau khi chết.

7. **Hỏi:** Những người ông phỏng vấn thuộc lứa tuổi nào?

Đáp: Tôi tiếp xúc với nhiều người trưởng thành, nghe kể về những kinh nghiệm có được thuở nhỏ. Trẻ nhất trong các báo cáo này là hồi ba tuổi. Tuy nhiên tôi chỉ nói chuyện với một cậu bé và em kể lại kinh nghiệm chết hụt. Tình cờ đấy thôi. Cậu kể khi đang nằm trong một bệnh viện nhi đồng và tôi có nhiệm vụ điều trị cậu.

Người trong tuổi nhất tôi tiếp xúc là một cụ già 75 tuổi. Cụ cho biết vừa chết hụt hai tháng trước đó. Tôi thấy tuổi tác dường như không liên quan chi đến nội dung vấn đề. Dĩ nhiên tư tưởng hiện ra trong óc chết đi sống lại khác với tư tưởng một người trưởng thành, và cách diễn tả cũng khác biệt.

8. **Hỏi:** Không phải kết quả của những chuyện này là vinh danh sự chết?

Đáp: Không, hoàn toàn không. Thiết nghĩ tất cả chúng ta đều thừa nhận các khía cạnh xấu của sự chết. Xấu ở chỗ nó chia lìa những người thân thương, sự đau đớn vì bệnh hoạn, thường tích xảy ra trước khi chết. Còn xấu ở chỗ phải chết non trước khi có cơ hội hoàn tất những việc mà họ muốn thực hiện trong đời.

9. **Hỏi:** Tôi "chết" đi rồi được cử sống. Song chẳng nhớ gì về chuyện đó. Tại sao vậy?

Đáp: Nhiều người cũng thắc mắc như thế. Để trả lời, tôi xin đưa ra vài nhận xét. Trong quyển "Đời Tiếp Nối Đời", tôi có nhấn mạnh là không phải tất cả những ai từng bị công bố đã "chết" nhưng sau đó sống lại đều nhớ hết mọi chuyện đã xảy ra. Tôi tiếp xúc với nhiều người về tử cõi chết và họ chẳng nhớ chi.

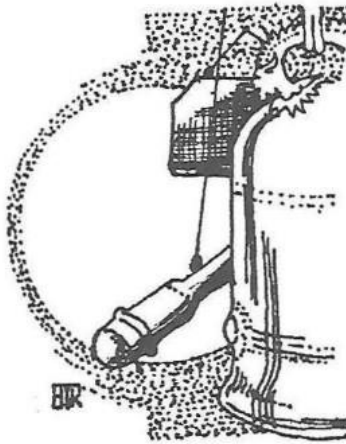
Tôi không thấy có sự khác biệt giữa những người chết hụt có kinh qua hay không kinh qua các kinh nghiệm đó do yếu tố tôn giáo, cá tính, hoàn cảnh, nguyên nhân "tử vong" hay yếu tố nào khác.

Có thể tự hỏi một số người chết hụt không nhớ được gì phải chăng họ đã xóa bỏ chuyện đó. Có nghĩa là lúc kinh nghiệm đó xảy ra, tiềm thức của mấy người này, vì lý do nào đó, đã bắt buộc ý thức phải "quên" đi. Rất mong quý vị chỗ xem danh sách mà tôi liệt kê các yếu tố thường xảy ra là cố định, là mẫu mực của một kinh nghiệm chết hụt. Các kinh nghiệm khác nhau rất xa, vài người chỉ có một hay hai yếu tố, còn những người khác thì có phần lớn các yếu tố. Tôi tiên đoán danh sách do tôi thiết lập sẽ dài thêm, sửa đổi và tái lập. Danh sách đó chỉ nhằm nêu một kiểu mẫu đơn sơ, có tính cách lý thuyết. Xin đừng xem đó là lý tưởng cố định.

10. **Hỏi:** Ông bảo không phải ai chết hụt cũng có được kinh nghiệm. Vậy tỷ lệ là bao nhiêu?

Đáp: Loại khảo cứu tôi thực hiện không cho tôi cơ sở để thẩm định. Thứ nhất, các mẫu trường hợp nghiên cứu nhằm vào những ai đã kinh qua kinh nghiệm chết hụt. Vì bản chất của công trình tôi đang làm, những người có kinh nghiệm hẳn nhiên kể cho tôi nghe nhiều hơn là những ai về tử cõi chết mà chẳng nhớ được gì.

Câu hỏi tương tự như vậy cũng thường được nêu lên về các yếu tố cá biệt của kinh nghiệm chết hụt. Chẳng hạn hỏi có bao nhiêu phần trăm người hồi dương đã chui qua đường hầm đen tối hoặc gặp Đấng Ánh Sáng, v.v... Tôi không nghĩ đến việc tính tỷ lệ của các yếu tố. Thứ nhất, không ai có thể đoán chắc rằng vì một người khi kể về kinh nghiệm chết hụt đã



không nêu ra một yếu tố nào đó, cho nên yếu tố này đâu có xảy ra. Có thể y đã quên hay vì lý do nào đó mà bỏ qua. Thứ nhì, tôi chẳng bỏ công đếm bởi lẽ việc này chỉ mang đến những số liệu khoa học giả hiệu.

Nếu muốn hai quyển sách của tôi có những đồ thị, biểu đồ nêu các con số, tỷ lệ thì cũng dễ thôi. Nhưng vì các mẫu trường hợp tôi nghiên cứu không phải do tình cờ và không được thu thập trong những hoàn cảnh có kiểm soát, nên các đồ thị, đồ biểu chỉ là sự tự lừa dối chứ chẳng chút giá trị khoa học.

Cách duy nhất để giải đáp thỏa đáng các vấn đề này trên quan điểm khoa học là những khảo cứu sau này sẽ được nói rõ hơn trong phần phụ lục. Chẳng hạn 250 trường hợp cấp cứu thành công với máy tim phổi ở một bệnh viện ắt phải được điều tra trong những điều kiện nhất định để trắc nghiệm các giả thuyết thực nghiệm.

Dù thiếu chúng có thống kê, tôi cảm thấy các kinh nghiệm chết hụt thuộc loại tôi mô tả thường xảy ra cho những người được hồi sinh. Tôi đoán rằng bất cứ nhà điều tra nào khi nghiên cứu một cách có thiện chí, cẩn thận sẽ tìm thấy rất nhiều dữ kiện.

11. **Hỏi:** Bác sĩ từng phỏng vấn một người chết hụt bằng cách thôi miên y?

Đáp: Tôi từng nghĩ đây có thể là phương pháp hữu ích nên áp dụng đối với những người tình nguyện. Thực ra tôi đã ở các giai đoạn đầu

của việc thảo kế hoạch điều tra kinh nghiệm cận tử với sự cộng tác của một nhà thôi miên y học rành nghề. Nhưng chúng tôi thấy, về mặt lý thuyết, nếu đưa một người trở về giây phút y được xem là đã "chết" rất ư nguy hiểm. Tiềm thức người này sẽ tuân theo các gợi ý của nhà thôi miên một cách trung thực. Và lại các gợi ý của thôi miên có thể đưa đến những kết quả kỳ lạ trên cơ thể và hoạt động của cơ thể. Chẳng hạn bảo rằng có một vật nóng đang chạm vào da người bị thôi miên thì một vết bỏng giộp có thể hiện lên trên da người đó.

Cho nên chúng tôi nghĩ rằng vì tuân theo lời gợi ý là tâm trí hãy trở về lúc bị "chết", người bị thôi miên có thể lại trải qua những biến chuyển sinh lý lúc chết. Mỗi đây tôi được biết có một thí nghiệm loại này khiến người bị thôi miên đứng tim, phải cấp cứu hồi sinh! Khỏi cần nói, không thể tán thành các thí nghiệm đó.

12. **Hỏi:** Có nên kể cho các bệnh nhân nan y về các kinh nghiệm cận tử?

Đáp: Nhiều bác sĩ hỏi tôi chuyện này. Tôi chưa có ý niệm thỏa đáng trong lòng vì có rất nhiều biến số. Về mặt tiêu cực, người ta có thể lập luận rằng kiến thức này có thể quấy rầy bệnh nhân nếu y đã có một giáo lý cố định cho rằng sau khi chết sẽ xảy ra những chuyện khác biệt, hoặc là chẳng có chuyện gì sẽ xảy ra. Trong trường hợp này, người ta cho rằng không nên kể cho bệnh nhân nghe, chỉ tổ quấy rầy họ, nhất là khi họ đã chuẩn bị cái chết theo phương cách của chính họ.

Mặt khác, tôi cũng nghe lập luận rằng nên kể những chuyện đó cho một số người nghe. Nếu các báo cáo này không đúng và chẳng có đời sống sau khi chết thì đâu có hề gì. Nhưng nếu các báo cáo này đúng, bệnh nhân hẳn chuẩn bị nhiều hơn đối với những gì sắp xảy ra. Quyển "Sách Tây Tạng Cho Người Quá Vãng" rõ ràng là được viết nhằm mục đích này. Sách được đọc cho người hấp hối (và cả cho người vừa mới chết) để họ ít ngỡ ngàng trước những trạng thái phải trải qua.

Thiết nghĩ câu trả lời sau cùng cho vấn đề này tùy thuộc vào những người liên hệ. Bác sĩ tùy thuộc vào các nhận định y học của mình, tùy vào sự hiểu biết về bệnh nhân của mình và nhất là mối quan hệ giữa bác sĩ với bệnh nhân.

Dù sao đi nữa, vấn đề này sẽ sớm có tính cách học thuật bởi các kinh nghiệm cận tử ngày càng được biết đến nhiều hơn. Cho nên tôi xin nêu đề nghị của một bác sĩ nhi khoa từng chăm sóc nhiều bệnh nhân nan y. Bà cho rằng những người chết hụt nên chia sẻ kinh nghiệm cận tử với những người bệnh nặng không thể sống, nếu họ muốn nghe. SA10059/3

(Còn tiếp kỹ sau)

Người tu sĩ Tây Tạng và vấn đề ăn thịt

THÍCH HẠNH NGUYỄN

Để tìm hiểu căn nguyên về hiện tượng ăn mặn trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng Đại Thừa, qua dịp sống chung tu học với họ một thời gian tại Tu viện Sera, nay tôi muốn trình bày đến người Phật tử Việt Nam một đôi nét về vấn đề này.

Với tôi chưa bao giờ có thể chấp nhận được, một Tăng sĩ Phật Giáo mà lại ăn thịt chúng sanh ở các bữa ăn trong ngày. Nhưng rồi qua thời gian tu học, tôi chấp nhận được việc này, coi như đó là sự chấp nhận tính dị biệt khác nhau nơi mỗi con người, nơi mỗi truyền thống Phật Giáo khác biệt. Truyền thống Phật Giáo có hai, Nam Tông và Bắc Tông. Nam Tông thì chủ trương ăn mặn từ xa xưa, còn Bắc Tông thì chay tịnh cũng tự thuở nào. Tuy nhiên cũng có Bắc Tông ăn mặn nên cũng làm cho không ít người phân vân và cảm thấy kỳ kỳ về điều này.

Phân vân và cảm thấy hơi kỳ kỳ nhất là tôi trong thời gian đầu tìm hiểu về Phật Giáo Tây Tạng ở Đan Mạch. Thuở đó tôi đã xuất gia và đã quá quen thuộc với hình bóng của người Tăng sĩ Phật Giáo dùng những món chay lạ trong đời sống sinh hoạt ăn uống hàng ngày, nên khi có dịp vào những trung tâm Phật Giáo Tây Tạng và chứng kiến các Tu sĩ ngồi nhai thịt nhồm nhoàm và nói chuyện với nhau, tôi đã cảm thấy không mấy cảm tình. Nhưng rồi vậy mà không biết sao tôi lại có cơ duyên vào sống chung và tu học với người Tu sĩ Tây Tạng và ở Tu viện đây cũng được gần hai năm rồi.

Thật sự mà nói, người Tây Tạng rất thích ăn thịt, kể cả những vị Tăng có đạo hạnh và đã đi tu nhiều năm trường. Tôi lấy làm khó hiểu về điều này, vì một mặt các vị ấy thường dạy về lòng tử và tâm bi đối với muôn loài và rằng các

chúng sanh hữu tình này đều đã là cha mẹ của chúng ta trong nhiều đời kiếp, và một mặt hàng ngày họ đều ăn nuốt thịt của các loài ấy. Thế nên dù có tìm hiểu và thích thú về Phật Giáo Tây Tạng gì đi nữa thì tôi cũng không chấp nhận việc ăn mặn một cách trọn vẹn.

Tôi cũng hiểu rằng Tây Tạng là một quốc gia khô cằn, tọa lạc ở một độ cao mà ở đó chỉ có nhiều núi đá và quanh năm tuyết phủ. Như vậy trong hoàn cảnh và môi trường ấy, người dân ở đây không thể trông trọt các loại hoa màu gì khác để sống ngoài việc phải ăn thịt những con thú rừng. Trong môi trường của núi rừng hoang dã, con người được sinh vào những nơi chốn này có lẽ đã được phú bẩm cho tính tình sơn dã, nên mấy khi việc không ăn thịt lại có thể tương ứng với thân thể của con người xứ này. Do đó mà có thể dù được học Phật, dù có hiểu và có tu, cái bản năng và nhu cầu đòi hỏi của cơ thể cũng làm cho những người tu khó dừng lại được trước các món thịt thà mà họ đã quen sống từ thuở ấu thời.

Nói vậy, không phải là tất cả các Tăng sĩ Tây Tạng đều ăn thịt hết và chấp nhận việc này như là một điều đúng hoàn toàn. Các ngài khi biết tôi ăn chay, ai ai cũng chấp tay tán thán và xem đó là chuyện hy hữu. Rồi cũng đã có những nỗ lực trong vấn đề cải cách việc ăn uống sau khi nghe những lời khuyên của Đức Đạt Lai Lạt Ma về việc ăn chay này. Ngay chính ngài cũng đã cố gắng ăn chay trong một thời gian hai năm, nhưng sau đó do bệnh tình và bác sĩ khuyên ăn mặn chút ít nên ngài đã dùng lại nhưng đã giới hạn trong mức tối thiểu. Hôm ngài xuống Tu viện Sera năm 94, ngài cũng có khuyên bảo dùng thêm đồ chay và bớt việc ăn mặn càng nhiều càng tốt chừng ấy. Sau đó trong chuyến đi thăm làng tự nạn bên cạnh, ngài cũng lập một hồ nước nuôi cá để làm nơi cho những người Phật tử phóng sanh. Một nông trại nuôi gà gần đó của người Tây Tạng cũng được ngài lưu ý và khuyên nên dẹp bỏ vì việc thương mại như vậy không đúng tinh thần từ bi trong đạo Phật. Sau lời khuyên của ngài, nơi này nay đã được biến thành một trại dưỡng lão cho những người già neo đơn trong vùng.

Dù có cố gắng cách mấy thì người ta cũng có thể thấy các Tăng sĩ ở đây ăn thịt ít nhất là một lần trong ngày vào buổi chiều. Thời gian gần đây, Tu viện Sera có khoảng 2300 Tăng sĩ được sự bảo trợ của văn phòng FPMT của Lama Zopa, nên các bữa trưa, đồ chay đã được phục vụ ngay trên chánh điện và do đó cũng đã giảm bớt phần nào số thịt bò bị giết trong Tu viện. Một vị Tăng thư ký của văn phòng kể tôi nghe rằng, mỗi ngày có khoảng gần 10 con bò bị người Ấn Độ giết để có thịt bán cho Tu viện. Nghe thấy thật là bất nhẫn trong lòng. Mỗi đây thầy Viện trưởng cũng có

khuyến các Tăng sĩ nên tập ăn chay, tìm hiểu và học thêm cách nấu chay từ người Ấn và Hoa để có thêm được những món ăn ngon lành trong ngày và cũng từ đó mà tiết chế bớt việc ăn thịt. Nhưng rồi lời ngài khuyến là vậy nhưng không biết có mấy ai nghe để mà thực hành.

Ngài Viện trưởng Tu viện Sera là người có nhân duyên với các Phật tử Việt Nam nhiều nhất. Ngài đã ở bên Canada mấy năm rồi và có khá nhiều người Việt Nam làm đệ tử ngài, khi qua Mỹ và đi giảng các nơi ngài đều ở chùa Việt Nam hoặc ở nhà các Phật tử Việt. Khi gặp tôi cũng là người Việt Nam đang tu học tại Tu viện, ngài rất mừng và kể ra hàng loạt các món ăn chay Việt Nam - mà ngài rất thích cho tôi nghe: Bánh bèo, bánh xèo, bánh hời, bánh bao, bánh ướt v.v... đủ thứ, ngài nói trong giọng cười và ra vẻ hãnh diện với cái biết ăn uống của mình. Tôi hỏi ý ngài về việc ăn chay, ngài đáp rằng ngài thấy rất ngon và muốn làm một cuộc cách mạng *đổi mặn ra chay* trong Tu viện của ngài. Ý kiến ngài thật là hay và táo bạo nhưng không biết có thực hiện nổi không và bây giờ đi đến đâu rồi. Tuy nhiên thấy ngài có vẻ chịu các món ăn chay Việt Nam lắm, làm tôi thấy cũng thỏa mãn trong lòng.

Tu viện Sera có tất cả 7 nhà hàng khác nhau do các Tu sĩ quản lý để phục vụ các bữa ăn uống cho những Tăng sĩ trong viện. Sinh hoạt ăn uống nơi đây có vẻ tập nập lắm và chẳng khi nào thấy thừa người trong nhà hàng. Tuy nhiên để tìm món ăn chay cho ngon lành thì lại không có nên tôi rất lấy làm thất vọng về điều này nhất là thời gian đầu mới đến viện. Người Tăng sĩ khi vào quán gần như chẳng ai kêu đồ chay thì phải, nên do đó việc gọi đồ ăn chay quá là một chuyện hiếm có, lâu rồi có nơi gần như chẳng bán đồ chay nữa. Trong tình cảnh hiếm hoi các món chay đó tôi có ăn một vài lần lúc ban đầu đến viện nhưng rồi thời gian sau, thấy họ làm không sạch và quá dở nên tôi cũng vắng mặt luôn ở các nơi này vào trong những ngày tháng sau này.

Có một vài lần tôi được một số thầy quen biết mời đến nhà dùng trưa hoặc tối, họ tiếp và đãi tôi thịnh soạn lắm, nhưng rồi tôi vẫn không thể nuốt trôi qua các bữa ăn chay nửa lai Ấn nửa lai Tây Tạng mà họ làm. Nói đến các món ăn Tây Tạng thì chỉ biết nói đến món *thuk-pa* (một loại mì với nước súp), *then-thuk* (như loại bánh canh nước được ngắt ra từ những miếng bột nhỏ) và *mô-mô* (một loại như bánh bao của mình nhưng làm nhỏ hơn và bên trong có nhân thịt); Và dĩ nhiên là *chăm-pa* (một loại bột như bột cốm được hòa với bơ hay trà bơ rồi vo lại thành cục để ăn). Đường như là cái thực đơn ăn của người dân Tây Tạng chỉ có vậy, nên quanh đi quẩn lại họ chỉ ăn như vậy tối ngày, và những món đó nếu làm không thịt thì sẽ chẳng có mùi vị gì! Một vị thầy nói với tôi như vậy.

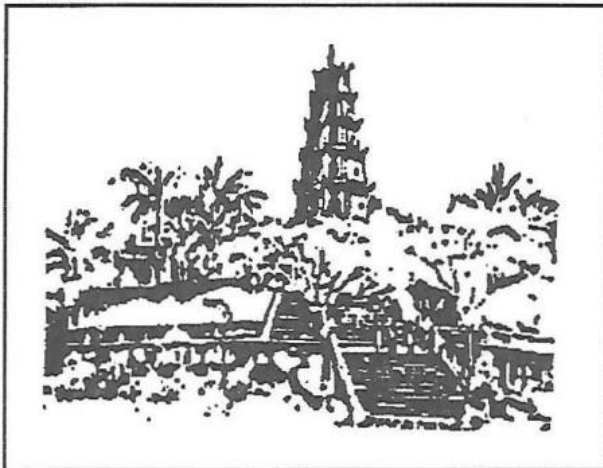
Còn nếu ăn chay theo kiểu Ấn Độ ư! Khi nghĩ đến để viết tôi cũng thấy hơi rùng mình vì cái mùi Masala ca-ri ấy cứ nồng nặc. Không có thể nói hai chữ "đường như" nữa mà phải nói tất cả các món ăn của Ấn Độ họ đều cho cái mùi Masala này vào. Thế nên dù món nọ, món kia có khác tên, tôi thấy nó cũng chung một mùi. Do đó mà nói rằng dù tôi có ở Ấn Độ suốt đời thì có lẽ tôi cũng sẽ không chọn cho mình được món ăn uống theo kiểu Ấn này. Khi các vị Tăng sĩ Tây Tạng học nấu ăn chay, họ chẳng thể học món nào khác hơn là các món Ấn Độ với mùi Masala kia. Vậy nên dù muốn dù không tôi cũng phải tự nấu cho chính mình và đôi lúc siêng bắt thường thì mỗi các Tăng sĩ Tây Tạng lại thường thức món chay không có vị Masala do tôi nấu.

Hồi còn ở Dharamsala, tôi có dịp mua đậu hũ về để làm các món ăn chay ngon lành, nhưng kể từ khi xuống miền Nam tôi chưa từng có lại dịp đó. Đậu hũ gần như là một món chính để nấu trong các bữa ăn chay mà nay không có thì coi như món chay đó đã mất đi hết ý vị rồi. Nên gần đây tôi đang tìm cách phục hưng tinh thần làm đậu hũ trong viện (trước đây có làm nhưng sau bị dẹp tiệm) để người ta tập làm quen với các món chay mới có đậu hũ. Một số các thầy bạn chung quanh cũng đồng ý và tỏ vẻ phấn khởi lắm nếu đậu hũ được làm và bán trong viện. Tôi đưa tiền cho một thầy mua về 10 kg đậu nành nhưng rồi chẳng ai biết làm, chỉ có một thầy kia biết chút đỉnh nên làm đại, làm quả quạng một vài ký thủ và sau cùng ra được một vài lát nhỏ bỏ rệu và vô vị. Thật là trông có vẻ thảm thương làm sao!

Sống trong cảnh như vậy, tôi mới thấy hối tiếc là không chịu học hỏi và thường thức đúng mức những món ăn chay do má tôi và một vài Phật tử tài hoa nấu khi còn ở bên chùa. Nói đến ăn uống, dù là chay đi nữa thì có lẽ món ăn của người Việt Nam cũng sẽ không thua các món ăn của người Hoa. Nói đến cái đa dạng hoặc nói đến cái thẩm mỹ ăn uống chay thì người ta phải nói đến các bữa lễ lạc lớn tại chùa, nhất là vào bữa cúng trai tăng vào mùa Vu Lan. Vào ngày đó, nếu muốn, những người Phật tử cũng có thể làm đồ chay đến trăm món và trăm màu. Không hiểu sao nhân tài nấu ăn chay của người Việt Nam quá nhiều, còn bên đây để tìm một người nấu chay cũng khó được dù trong Tu viện có vài ngàn người. Thế nên tôi ao ước rằng, nếu có các nhân tài nấu ăn chay Việt Nam nào đó quá vắng đến Tu viện Sera này, tôi sẽ mời họ ở lại ít lâu để mở khóa dạy nấu ăn chay cho các thầy Tây Tạng, cũng như tôi sẽ tổ chức một đại lễ ăn chay để thỉnh hết tất cả các thầy lớn trong viện đến thưởng thức.

Có lẽ khi thẩm được thế nào là cái ngon đúng nghĩa của các món chay thì cuộc cách mạng *biến mặn thành chay* mới có thể trở thành sự thật. Còn không thì dù có nghe lời khuyên bảo của Đức Đạt Lai Lạt Ma hay của ngài Viện trưởng đến mấy, các Tăng sĩ ở đây cũng khó mà nuốt những món chay Tây Tạng thiếu vị và món chay Ấn Độ nực mùi Masala kia. Nên chỉ tất cả các vị ấy chỉ biết đến các món ăn có thịt là đúng rồi!

Cách đây ít lâu, tôi có bàn với quý thầy ở đây về việc, Tu viện nên lập một xưởng làm đậu hũ, mở một nhà hàng thuần bán chay và tổ chức các lớp dạy nấu ăn chay cho những ai muốn học. Quý thầy ở đây đã đồng ý và nay



thì nhà hàng chay thuộc sự quản lý của quý thầy lo về môi trường của Tu viện sắp mở cửa, việc làm đậu hũ cũng đang được nghiên cứu để tiến hành và sơ khởi đã có nhiều sự hưởng ứng. Việc mở lớp dạy nấu chay thì đang chờ người đảm nhiệm. Trong các vấn đề này đều do tôi gợi ý mà ra. Từ những việc hưởng ứng đáng khích lệ này, tôi mong thời gian sau này khi các thầy ở đây rõ biết hơn cách nấu và làm các món chay thì có thể sẽ có một sự thay đổi nào đó trong quan niệm và nhận thức của họ về việc ăn uống, để rồi sau này họ có thể tự thay đổi nơi họ. Dù sao tôi vẫn tin là họ sẽ thay đổi (vì họ đang muốn thay đổi) khi biết rõ về các món chay ngon lành và đa dạng không kém các món mặn mà họ đang dùng. Nhiều thầy khuyến khích tôi cố động và tạo thêm hiểu biết về các món ăn chay mới đến những Tăng sĩ Tây Tạng; nên nay nhân viết bài này tôi cũng muốn mời một số Phật tử hảo tâm và có khả năng trong vấn đề làm giỏi các món ăn chay lâu năm, có thể giúp cho quý thầy Tây Tạng trong viện biết rõ thêm về các món ăn chay mà mình có thể làm để giới thiệu đến họ.

Một việc khác nữa là ngài Viện trưởng và thầy thư ký thuộc bệnh viện "Troden" lo việc sức khỏe cho các Tăng sĩ trong Tu viện kêu gọi và nhờ tôi giúp đỡ giùm là, tìm một vài bác sĩ thiện nguyện đến Tu viện để giúp khám và chữa trị cho nhiều thầy ở đây. Tu viện Sera với

khoảng gần 4000 Tăng sĩ mà hiện chỉ có một bệnh viện nhỏ hay có thể nói là một trạm xá với một bác sĩ làng quê không mấy giỏi đến khám mỗi ngày. Do chế độ ăn uống thiếu khoa học và ý thức về vệ sinh nên các Tu sĩ ở đây bị bệnh rất nhiều. Theo một số tìm hiểu sơ khởi của quý thầy đảm trách về việc sức khỏe trong viện thì có đến khoảng 50% quý thầy tại đây mắc bệnh loét dạ dày, 30% mắc bệnh viêm phổi và một số bệnh khác như: đường ruột, bệnh tim, thấp khớp v.v... Đây là một điều đáng lo ngại nhưng các vị Tăng sĩ ở đây do vì thiếu phương tiện, kiến thức nên đành chịu trận. Một số đến thời kỳ bệnh phát tác phải đi nhà thương tỉnh thật là xa, và các nhà thương

này cũng chỉ biết cách và trị theo kiểu Ấn Độ nên những cơn bệnh trên đáng lý bên những xứ phương Tây họ trị sáu tháng hay một năm là dứt, thì tại Ấn Độ này người ta phải trị từ 4 đến 6 năm mới dứt hẳn. Như trường hợp bị viêm phổi của thầy tôi Geshe Jampa Sangel phải trị gần 5 năm trường, trong khi tôi trước đây cũng bị bệnh ấy và chỉ trị có 6 tháng bên Đan Mạch là dứt hẳn. Do đó, tôi cũng thay mặt ngài Viện trưởng và ban quản trị trạm xá "Troden" của Tu viện Sera, nhân bài viết này xin được phép mời những vị Bác sĩ Việt Nam nào

nếu có chút thời gian rảnh trong các dịp nghỉ, xin ghé lại Tu viện một vài tháng để làm công tác từ thiện nhân đạo khám và chữa bệnh cho quý thầy. Được vậy là mình cũng đã làm một công đức rất lớn cho đạo rồi.

Nhân đây tôi cũng xin cảm tạ đến Thầy tôi, người đã cho đăng bài viết cũng như lời thông tin này lên báo Viên Giác. Mọi sự đóng góp của quý vị Phật tử Việt Nam dù là bằng sự đến giúp làm và giới thiệu các món chay cho các thầy Tây Tạng ở đây hay đến khám và giúp chữa bệnh cho quý thầy tại viện đều được biết ơn và được cảm tạ chân thành. Mọi chi phí trong thời gian ăn ở tại Tu viện sẽ do tôi và Tu viện đài thọ. Xin liên lạc với tôi qua số phone/fax hoặc thư từ qua địa chỉ:

Tỳ Kheo Thích Hạnh Nguyên
Sera Monastic University
Ngari Khamtsen. H. No. 42B
P.O Bylakuppe. 571 104.
Distt. Mysore. K.S. INDIA
Tel/Fax: 91 - 8276 - 74652

(Tu viện Sera, ngày 17.6.97)

CON ĐƯỜNG ĐƯA TÔI ĐẾN VỚI PHẬT GIÁO

Thiện Tâm NGUYỄN HÙNG

Trước đây, tôi chưa bao giờ tin vào Phật, cũng rất ít đi chùa; ngoài ngày rằm, mừng một cúng không được đều đặn lắm thấp hướng tại gia, thì thường ngày đầu năm âm lịch có viếng thăm chùa, nhưng để xem là chính chủ cũng không lễ bái gì. Không phải tôi là kẻ vô thần, đi thờ cúng sán hay bất cứ một đạo phái nào khác mà vì cuộc sống ở Việt Nam dưới chế độ cộng sản suốt mấy chục năm qua thật vô cùng cực khổ. Người dân suốt năm tháng ngày lam lũ làm ăn, lo trăm ngàn thứ đòi thường để mà tồn tại thì còn thời gian đâu để lo nghĩ đến chuyện lễ bái cúng kiếng (và đó cũng là ý đồ của cộng sản để người dân chẳng còn tâm trí và thời gian đâu để chống lại chúng cho dù chế độ của chúng có tàn bạo đến đâu và xã hội do chúng tạo ra có thối nát đến mấy) ...

Thế rồi, tôi cùng gia đình may mắn được sang tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Tại đây, mặc dù chúng tôi đã trình bày những hoạt động của mình tại Việt Nam trong lĩnh vực chính trị và văn hóa đòi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam phải thay đổi đường lối, song chúng tôi vẫn bị khước từ cho cư trú chính trị tại Đức. Trong tâm trạng đau buồn và thất vọng; tôi cùng gia đình đi thăm chùa đầu năm âm lịch Đinh Sửu (1997). Lần đầu tiên được gặp Thầy trụ trì Chùa Viên Giác, Thầy Thích Như Điển, tôi không khỏi bồi hồi, lòng muốn thưa với Thầy những băn khoăn, khúc mắc của mình và gia đình, nhưng rất e ngại và nghĩ chắc gì Thầy đã nói giúp mình. Sau một tháng đắn đo, tôi đã mạnh dạn trình bày với về hoàn cảnh gia đình mình. Thật bất ngờ, tôi đã được Thầy ân cần chỉ bảo, giảng giải cho tôi hiểu, rằng: vẫn chưa hết hy vọng, cần phải tiếp tục làm những gì, pháp luật Đức trong vấn đề này như thế nào và đặc biệt Thầy hướng tôi đến với Phật Giáo để làm những điều thiện có ích cho xã hội và bản thân, đồng thời tạo những cơ hội thực hiện những lý tưởng mà mình theo đuổi. Và tôi đã bước những bước đầu tiên chấp chững đến với Phật Giáo, đến với chùa từ đấy. Tất nhiên cũng không khỏi ngỡ ngàng và vụng về. Nhưng tôi tin ở Thầy, tin ở quyết tâm của mình sẽ đến với một lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ nhưng đầy tình người, chân thiện.

"Quy Y Tam Bảo" là cái mốc lớn đánh dấu sự thay đổi trong cuộc đời tôi và cũng là cánh cửa đầu tiên - Cửa Phật đón nhận tôi làm con cháu của Người. Buổi lễ quy y thật trang

nghiêm và xúc động. Tại đó tôi đã hiểu vì sao Phật dạy phải thực hiện 5 điều cấm kỵ để cho bản thân tránh được những tai ương chướng nghiệp và góp phần làm cho cuộc sống giữa người và người có ý nghĩa hơn. Tất nhiên, để thực hiện được 5 điều dạy của Phật quả thực là rất khó, không phải mình là người cố tình làm những điều xấu mà vì suốt mấy chục năm qua, đã quá quen với cuộc sống bon chen, sóng gió đời thường rồi. Nay, mình hiền thực đi, tu hạnh đi có nghĩa là chấp nhận một sự thiệt thòi trong cuộc sống, nhưng ngược lại mình sẽ được một kết quả tốt đẹp hơn - Luật nhân quả mà. Làm điều thiện chắc chắn sẽ gặp thiện, làm điều ác thì tránh sao khỏi bị trừng trị.

Thiên liêng và cảm động nhất là phút giây những người quy y Tam Bảo được lần lượt lên nhận Giấy Chứng Nhận của Thầy. Mỗi người chúng tôi được Thầy ban cho một cái tên của con nhà Phật. Tôi được Thầy ban cho cái tên rất hay, ý nghĩa và tôi rất tâm đắc: **Thiện Tâm**. Đứng là cần phải có cái Tâm, một cái Tâm làm điều thiện, một quyết tâm và một lòng tin mạnh mẽ ở con đường mình đã chọn...

Và tôi được dự buổi Lễ Phật Đản thật nao nhiệt tại chùa. Thế mới biết, lòng người dân Việt Nam xa xứ vẫn không quên đến với Đạo Phật, đến với chùa và cúng chính là đến với nền văn hóa Việt Nam truyền thống, đến với cội nguồn Dân Tộc.

Đêm đó, tôi được xem chương trình văn nghệ đặc sắc mang đầy tính cách Phật Giáo của những nam nữ thanh niên trong các Gia Đình Phật Tử trình diễn: Sinh động và rất nghiêm túc trong các tiết mục. Buổi chiều trước đó là sinh hoạt của các nam nữ trong Gia Đình Phật Tử München thật hồn nhiên và lành mạnh. Giờ đây, tôi đã hiểu được ý nghĩa câu nói: Gia Đình Phật Tử là nền tảng của đạo đức trong con người Việt Nam, trong thanh niên Việt Nam.

Đúng như lời của Thượng Tọa Thích Như Điển trong bài: "**Hơn Nửa Đăm Đường**" đăng trong Viên Giác số ra tháng 4.97: "... *Khi người ta đi trên một con đường và đến một lối cụt. Ở đó có một...*". Tôi hình dung hoàn cảnh của tôi lúc này cũng vậy. Bế tắc, thất vọng. Hoặc sẽ sụp đổ hoàn toàn hoặc cố tìm thêm nữa, cố đi thêm nữa thì sẽ thấy lối rẽ: Phải hoặc trái và qua được khúc đường đó là một lối thoát thênh thang, cử thế mà đi, đi tiếp...

Nhưng, đến với Phật Giáo không phải chỉ có vậy. Không chỉ để giải quyết những bế tắc của mình. Cao hơn thế, chúng ta tìm được cho mình một lý tưởng sống, một cách sống, một niềm tin, một hy vọng ở một cái gì đó, một nơi nào đó thiên liêng mà lại rất cụ thể, cao cả mà lại rất thực tế trong đời sống hàng ngày.

Tôi đã từng có những ngày sống ở chùa, từng ăn cơm chùa và quan sát được mọi sinh hoạt trong chùa. Và tôi đã thấy, đó là một cuộc sống có tổ chức, ngăn nắp, khoa học và bao quát rất nhiều khía cạnh... Dưới sự chỉ bảo của

Thầy trụ trì, công việc được tiến hành như một guồng máy, người nào việc nấy, làm việc tự giác với kỷ luật cao nghiêm túc và hoàn toàn trên tinh thần thiện nguyện. Và chùa Viên Giác là hình ảnh thu nhỏ của một nền Phật Giáo chân tu của Việt Nam (khác hẳn với một "ngành" Phật Giáo "mậu dịch" của cộng sản Việt Nam hiện nay ở Việt Nam do một số tên mặt vụ đội lốt). Bằng chứng là: Tôi đã được thấy rất đông những người Đức tới dự học những khóa học về giáo lý Phật Giáo do Thượng Tọa Thích Như Điển chủ trì. Không ít những người Đức xin Quy Y Tam Bảo. Ngay chính hôm tôi dự lễ quy y cũng có người Đức cùng con cái của họ. Ngoài ra Thầy còn đi giảng ở rất nhiều nơi trên nước Đức cho cả người Việt lẫn người Đức. Từ München tới Hamburg, từ Frankfurt tới Berlin v.v... tất cả những điều nói trên đã chứng tỏ nền Phật Giáo chân chính của Việt Nam đã được đông đảo người nước ngoài ở đây chấp nhận và đi theo. Ngay cả những Nghị sĩ Quốc Hội, những Bộ Trưởng Nội Vụ tiểu bang và liên bang cũng rất quan tâm và có sự ủng hộ thiết thực.

Còn về phần người Việt Nam ở đây thì khỏi nói rồi. Họ tới chùa Viên Giác không chỉ đơn thuần là đi lễ chùa. Họ đến đây như đến với một Trung Tâm Văn Hóa của người Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản tại Đức. Ở đây, họ tìm thấy được những nét độc đáo và đặc sắc của nền văn hóa truyền thống Việt Nam, từ báo chí cho đến những buổi sinh hoạt văn nghệ rồi tới những ngày lễ lớn như đón Giao Thừa Tết âm lịch cổ truyền tại chùa, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan v.v... Riêng đón năm mới âm lịch phải kéo dài từ Giao Thừa cho tới ngoài Rằm Tháng Giêng với số lượng người là con số trên 4 ngàn. Lễ Phật Đản và Vu Lan cũng vậy. Lễ Phật Đản năm nay tôi được chứng kiến có lúc đông tưởng chừng đến không còn cả chỗ đứng, với những hàng quán san sát trong chùa từ hàng ăn (tất nhiên là ăn chay) từ cơm chay, các món phở, hủ tiếu, bánh cuốn, chả giò, giò chèo quày, các loại bánh: bánh bao, bánh xu xê, bánh chín tầng mây (bánh da lợn), bánh cốm, bánh dứa, bánh đậu, bánh gai, bánh bột lọc v.v... làm thật khéo. Các hàng chè: chè thập cẩm, chè đậu đỏ, chè sen v.v... thật ngon miệng, đẹp mắt và thơm mùi nước dứa. Ngoài ra là các hàng bán Băng đủ loại: phim, cái lóng, hải kịch, ca nhạc, thiếu nhi v.v... của các diễn viên tên tuổi. Các quày bán những đồ thờ cúng thật trang nghiêm, đẹp và lạ mắt như: đèn thờ, đèn nến, hình Phật Bà Quan Âm, Phật Tổ Như Lai, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sen tòa hào quang. Ngày lễ Vu Lan nghe nói còn đông hơn thế nữa.

Tôi được Thầy động viên và nâng đỡ với những bài viết đầu tiên cho báo và ngay từ bài đầu tiên ấy tôi đã được đăng trên báo Viên Giác. Thật là một niềm vinh dự và tự hào lớn vì rõ ràng những suy nghĩ trăn trở của mình đã được thể hiện cho nhiều người cùng biết, cùng tìm hiểu và tranh đấu cho quyền lợi của mỗi

con người. Tôi đã đề cập và khai thác đến những khía cạnh gai góc nhất hiện nay và quyết sẽ dùng ngòi bút của mình để lột mặt nạ những kẻ giả nhân giả nghĩa và làm một cái gì đó có ích cho đời.

Và cuối cùng, điều cần thiết nhất là tôi phải tìm hiểu về Đạo Phật từ những cái khái quát nhất, dần dần cho đến những điều chi tiết, sâu sắc hơn... Và tôi đã được Thầy ban tặng cho cuốn "*Phật Giáo Và Con Người*" do chính người viết. Đây có lẽ sẽ là cuốn cẩm nang đầu tiên cho tôi trên con đường đến với Phật Giáo. (Sa100312)

Đề bài nêu trên nói lên một chút khoát. Nữ văn sĩ Pháp, Francois Sagan, thấm thía nỗi buồn cuộc tình đổ vỡ, đã tạ tử với tác phẩm nhan đề: "*Bonjour! Tristesse!*" (Buồn ơi! Chào mi!). Còn chúng ta, những Phật tử đi tìm con đường giải thoát, có nên chào từ giã ái dục, những chướng ngại tinh thần và đạo đức không? Có rất nhiều sự ham muốn nhưng mạnh mẽ và ghê gớm nhất là "Sắc" vì nó mê hoặc, lôi cuốn, xô đẩy chúng ta vào tội lỗi và đau khổ như chiếc xe đổ dốc không có phanh. Có nên dứt khoát với Sắc không như nàng văn sĩ đã dứt khoát với nỗi buồn? Đó là câu hỏi được nêu lên để cùng suy ngẫm.

Một chiếc thuyền máy nhỏ, vượt biển đi tìm tự do, nếu may mắn trời yên, bể lặng, có thể đến bến bờ nhưng khi sóng gió nổi lên, thuyền gặp nguy có chìm đắm xuống lòng đại dương.

Sắc không sóng, không gió, sắc đến nhẹ nhàng, nhưng xin xem chừng! Sắc đã làm chìm đắm biết bao anh hùng!

"Sắc bất ba đào, dị nịch nhân"

Tây phương gọi là "*tiếng sét ái tình*". Sắc là dung nhan, lời nói, dáng người v.v... Sắc làm tìm đập loạn xạ như trống ngũ liên, mặt mày ửng đỏ, cảm giác xao xuyến và cũng phần khích tuyệt độ. Giây phút thần tiên gặp gỡ, Sắc tác động trước tiên, rồi xa nhau mà không muốn rời, rồi nhỏ hình, nhỏ bóng và thờ than như một thi sĩ, nhìn bầu trời mà vắng bóng ai.

*"Hoàng hạc đi mất từ xưa
Ngàn năm, mấy trắng, bây giờ còn đây"
(Thôi Hiệu)*

Hoặc như Huy Cận nhỏ bước chân đi, nhỏ bàn tay, đôi má, nhỏ làn tóc xõa, nhỏ dáng người:

*"Gót ngọc dồn hương, bước tòa hồng
Em đẹp bàn tay, ngón ngón thon,
Em duyên đôi má, nắng hoe tròn
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thối lại phồng anh, cà nui non"*

"ÔI! SẮC, CHÀO MI!"

• THIÊN NGUYÊN

Sắc đưa đến tình yêu. Mãnh lực ái tình ghê gớm có thể đem lại một hạnh phúc tạm bợ nhưng thường làm thân tàn, ma dại và làm tan nát gia đình, xã hội quốc gia nữa. Chắc quý vị cho là cường điệu! Gì mà ghê gớm thế!

Kim Trọng gặp Thúy Kiều, đã cảm ngay vì sắc:

*"Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"
và thốt lời mong ước có chút xót xa:
"Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"*

Câu chuyện "Trưởng Chi, My Nương" cũng nói lên một mối tình uất mà tác động đầu tiên cũng vì sắc. Nàng công chúa yêu Trưởng Chi vì tiếng sáo, nhưng gặp gỡ, ngỡ ngàng thấy Trưởng Chi không như người mơ tưởng, còn chàng Trưởng Chi vừa thấy dung nhan đã đắm ra ngây ngất yêu thương rồi phải thất vọng mà chết, khối u tình mang xuống tuyền đài vẫn chưa tan.

Vua Trụ mê nàng Đắc Kỷ, giết hại nhiều trung thần; U Vương đắm say nàng Bao Tự, cho nổi lửa và đánh trống trên Đài để gạt các chư hầu kéo đến, ngẩn ngơ, mua vui chốc lát cho mỹ nhân; một chúa Trịnh ngây ngất khi gặp cô gái vườn chè Đặng Thị Huệ, đưa về cung phong làm Thủ phi để sau đó trở thành Bà Chúa lũng đoạn triều đình; Hoàng đế Caesar và Antonius mê nàng Kleopatra để cuối cùng đi đến cái chết thảm khốc, kẻ bị ám sát tại La Mã, kẻ phải tự vẫn với nàng tại Alexandria.

Trong cộng đồng ta ở Âu-Mỹ-Úc, biết bao gia đình tan vỡ phần lớn cũng vì "Sắc". Phải chăng "Sắc" là một loại "mê dược", làm lòng người say đắm ngây ngất và có hành động nông nổi, mù quáng, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ?

Trong khóa Giáo lý tại Aschaffenburg tháng 5 vừa qua, các em Gia Đình Phật Tử đã trình diễn một vở kịch vui đầy ý nghĩa:

"Một Thiên sư nuôi dưỡng một đệ tử từ nhỏ đến lớn trong một ngôi chùa nằm trên khu đồi, xa thị thành, làng mạc. Một hôm, thầy sai xuống núi mua lương thực, người đệ tử gặp một thiếu nữ. Về thuật lại với Thiên sư, thầy bảo đó là "Cọp dữ", từ nay về sau phải lánh xa. Nhưng tên đệ tử ngày đêm tưởng nhớ và một ngày kia trình thầy: "Xin phép xuống núi tìm lại "Cọp dữ", vì Cọp cũng dễ thương quá, Thầy ơi!"

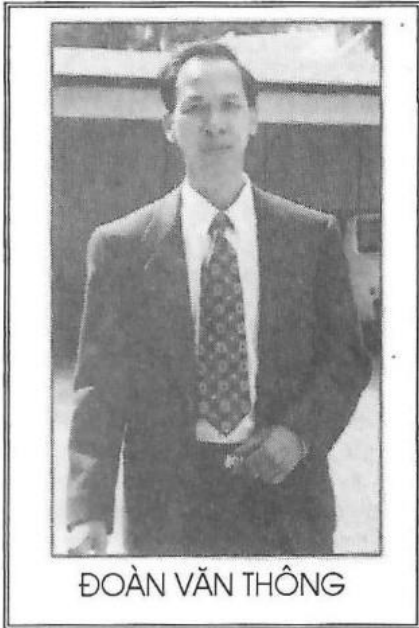
Trong xã hội càng văn minh lại có những "Viện Thẩm Mỹ" phủ trợ đắc lực cho Sắc. Mà

đã làm thân con người, nhất là phụ nữ, ai cũng muốn đẹp cả. Các Mỹ viện lại quảng cáo nhiều phép lạ, biến đổi hẳn dung mạo. Ca sĩ Michael Jaechson đến thu họ nòi như Uất Trì Cung, sau nhiều lần giải phẫu đã thành người da trắng hoàn toàn. Bà Hạnh Phước ở bên xứ Texas xa xôi ngàn dặm, cũng theo đoàn trình diễn ca nhạc, lặn lội đến xứ hẻo lánh Tübingen tháng 5 vừa qua để quảng cáo phép lạ của Mỹ viện bà. Ôi! ở trong một xã hội văn minh, trùng trùng, điệp điệp, vây bủa như thiên la, địa võng bởi ham muốn đủ loại, thật khó thay! Và phàm phu chúng ta có xu hướng chạy theo ái dục có tính cách huyền ảo, tạm bợ của thân xác. Dù đã là một Phật tử, đã đi chùa, đã tụng kinh, đã nghe Thầy giảng giải mãi về "thân tử đại là huyễn-có, ngũ uẩn giai-không" nhưng đạo hạnh chưa sâu dày, quán tưởng còn hời hợt, tâm thức chưa đủ mạnh để kiểm soát và kềm chế thân tâm cho nên gặp một vẻ đẹp duyên dáng, bao nhiêu lời dạy xin trả lại cho Thầy, bao nhiêu chữ nghĩa xin trả lại cho Kinh, dù có 72 phép thần thông của Tề Thiên Đại Thánh cũng mất sức đề kháng, buông tay đầu hàng! Khi chạy theo Sắc, người có lương tâm (nhưng than ôi! yếu xìu quá) cũng có đôi chút trần trờ, bần khoản và tự bào chữa: "Ôi! đó là số phận, đó là nghiệp duyên.

Sống trong cuộc đời tục lụy này, rất khó mà không bị đắm nhiễm về Sắc. Nhưng có tu tập cũng giảm thiểu một vài phần. Đắc quả Tứ-Đà-Hàm, hành giả chỉ khắc phục một phần ái dục, chỉ khi nào đắc quả A-Na-Hàm mới hoàn toàn chế ngự được. Thầy đã dạy ta đi chùa, lễ Phật, tụng kinh, sám hối, nghiên cứu kinh, và hành trì đều đặn, tinh tấn: "Giới, Định, Huệ". Có nên quán chỉ 6 điều kiện sau đây để diệt một phần Sắc không?

1. Nhận thức mối nguy hại của Sắc.
2. Kiên trì quán tưởng sâu về mối nguy hại ấy.
3. Thu thúc lục căn. Hãy nghiên ngẫm câu của Lục Tổ Huệ Năng: "Ứng vô sở trú, nhi sanh kỳ tâm". Mắt có thấy, tai có nghe v.v... nhưng không để ràng buộc và đắm nhiễm theo trần cảnh.
4. Sống đơn giản và ăn uống độ lượng, chừng mực.
5. Tạo giới thân cận tốt.
6. Luận đàm hữu ích để nhắc nhở và khuyên lẫn nhau.

Mạo muội đưa những ý kiến thô thiển để chúng ta cùng suy ngẫm. Sa100322



ĐOÀN VĂN THÔNG

Sinh năm 1943 tại Huế

- Cựu học sinh Quốc Học Huế.
- Tốt nghiệp Cử nhân giáo khoa Lý Hóa Vạn Vật 1967.
- Tốt nghiệp Cao học Sinh Vật Học 1972.
- Trưởng phòng Nghiên cứu Rong Biển tại Viện Nghiên cứu Biển Nha Trang: 1968-1973.
- Giảng viên Đại Học Khoa Học Huế: 1971-1972.
- Giảng viên Đại Học Cộng Đồng Duyên Hải Nha Trang: 1973-1975.
- Chuyên nghiên cứu về kinh dịch (Iching).

CÁC SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN:

Một số sách do tác giả biên soạn đã xuất bản ở Việt Nam và Hoa Kỳ:

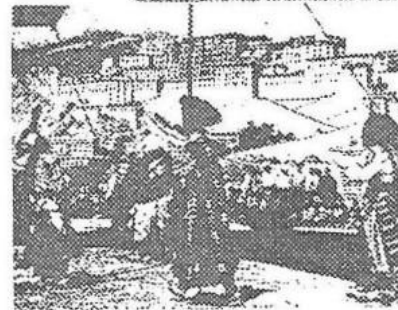
- Vạn Vật học lớp 12 (Alpha) viết chung với nhiều tác giả 1973
- Sinh Vật trắc nghiệm (Sài Gòn 1973)
- Những điều cần biết trong nhà (Khánh Hòa 1986)
- Ngai vàng xương máu (Sông Hương 1988)
- Những điều cần biết của bạn gái (Tiền Giang 1989)
- Những chuyện kỳ lạ trên thế giới (T.G. 1990)
- Những người đàn bà lừng danh (S.H 1990)
- Tâm lý cá tính bạn gái qua gương mặt và bàn tay (B.D 1990)
- Những chuyện tình trong cung cấm (Đại Nam 1990)
- Làm thế nào để biết đời người đàn bà (Hải Ngoại 1991)
- Thế giới huyền bí - Đi vào thế giới huyền bí (Đại Nam 1997)
- Bí ẩn sau cõi chết (Nguồn Sống 1993)
- Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp (Nguồn Sống 1993)
- Dịch Lý nhập môn (Đại Nam 1995)
- Kinh Dịch ứng dụng (Thế Giới Mới 1993)
- Những người đàn bà bốc lửa (Đại Nam 1994)
- Bói toán số mệnh tử vi trọn đời (Nguồn Sống 1994)
- Những cõi giới vô hình và hữu hình (Đại Nam 1994)
- Những người có năng lực siêu phàm (Nguồn Sống 1995)
- Bí Mật cung đình (Đại Nam 1995)
- Đời Vua Chúa (Thế Giới Mới 1995)
- Bí ẩn về Phong Thủy (Thế Giới Mới 1995)
- Phong Thủy về nhà ở và cơ sở thương mại (Thế Giới Mới 1996)
- Bí ẩn về Hào Bóng và Nhập Đồng (Đại Nam 1997)
- Nghệ thuật và kinh nghiệm xem chỉ tay (Đại Nam xuất bản)
- Ma thuật Đen và Ma thuật Trắng (Đại Nam)
- Thế Giới Ma Thuật (Đại Nam 1997)
- Bí ẩn về Xuất Hồn và Nhập Hồn (Đại Nam 1997).

TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
và các siêu cường quốc

Nhìn bề ngoài thì Tây Tạng là một đất nước cổ xưa thuần túy đạo giáo nhưng dưới mắt các siêu cường thì Tây Tạng là nguồn năng lực huyền bí vô song mà những kẻ có mộng làm bá chủ thế giới đều muốn chiếm đoạt cho riêng mình...

Đất nước Tây Tạng được gọi là xứ đỉnh Trời, Tây Tạng nằm trên một độ cao vượt hẳn mọi quốc gia. Chiếm cứ một vùng cao nguyên mà phần lớn là đất khó trồng trọt. Phía Nam và Tây Nam là dãy Hy Mã Lạp Sơn quanh năm tuyết giá, còn phía Bắc là rừng Kunlun. Muốn thông qua từ Tây sang Đông phải vượt qua rừng Karakoram, Bulamagna và các rừng núi cao khác. Tây Tạng có nhiều hồ, nhưng phần lớn nước lại mặn.

Từ thế kỷ thứ 5, Tây Tạng là một vương quốc độc lập tự chủ, sống hoàn toàn biệt lập với thế giới bên ngoài. Nhưng sau năm 1700 Tây Tạng lại bị lệ thuộc bởi quyền lực của các triều đại vua chúa Trung Hoa.



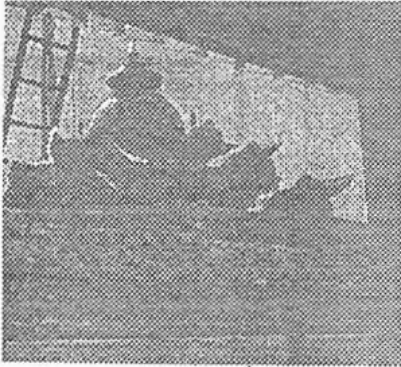
Ảnh chụp thủ đô Lhasa với kinh thành của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong ngày lễ hội của xứ Tây Tạng huyền bí.

Từ năm 1951 quân đội Trung Cộng đã kiểm soát Tây Tạng bằng võ lực. Đức Phật Sống Đạt Lai Lạt Ma phải chạy ra khỏi nước cùng với khoảng 9000 người dân của Ngài để đến Ấn Độ sống lưu vong. Từ đó nhiều cuộc chống đối ngầm ngấm hay lộ diện của dân chúng và các nhà sư đã xảy ra nhưng tất cả đều bị dẹp tắt, hàng ngàn người bị bắt, bị giết. Các tu viện bị đốt phá và nhất là các bảo vật cổ xưa cùng các kinh sách quý giá đã bị quân đội Trung Cộng chuyên chở về Trung Quốc.

Ngày nay Đức Đạt Lai Lạt Ma sống lưu vong ở xứ người cùng với hàng vạn dân của Ngài. Những

người dân Tây Tạng này sống hòa hợp gắn bó với nhau rất chặt chẽ do mãnh lực của Tôn Giáo và nhất là sống cạnh vị Phật sống của họ. Hàng ngàn người Mỹ đã đến tìm gặp và chiêm ngưỡng Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhiều người đã trở thành tín đồ ngoan đạo của Ngài. Trong năm 1996, tại Bắc Mỹ, một ngôi đền vĩ đại đã được hình thành, đó là một Lhasa thứ 2 trên thế giới, định vị tại một đất nước văn minh tiên tiến lẫn xô bồ hỗn tạp. Người Tây Tạng vui mừng cảm động đến phát khóc khi thấy công trình to lớn vĩ đại ấy đã hoàn tất sau một thời gian dài xây dựng với biết bao hy sinh cố gắng của đủ mọi người, mọi sắc tộc sống ở Hoa Kỳ.

Mặc dầu dân số Tây Tạng rất ít ỏi và số người tỵ nạn ở Hoa Kỳ không nhiều nhưng nhờ tinh thần sống hòa trong Đạo và được dẫn dắt bởi vị Phật sống là Đức Đạt Lai Lạt Ma nên người Tây Tạng sống lưu vong rất đoàn kết. Phần lớn công việc của họ trong đời là thực hành vị Đạo và vì Tổ Quốc hơn là cho bản thân mình vì Kinh Phật Giáo mà họ học được từ các vị Lạt Ma chỉ dạy là cuộc đời vô thường, có đó và mất



(a) Những điện, đền của người Tây Tạng đang mọc lên trên đất Mỹ. Một Lhasa thứ 2 đang hình thành ...
(b) Ngòi đền với hàng nghìn loại hoa hồng từ các quốc gia trên thế giới hội tụ.

gần kề với thế kỷ thứ 21, khi ngưỡng cửa của năm 2000 mở ra là thời điểm mà con người phải được truyền bá giảng dạy một số kiến thức huyền bí thâm sâu vì điều nào đó vì loài người chắc chắn sẽ gặp nhiều thử thách vào giai đoạn thời gian sắp tới?

Từ lâu nhiều câu hỏi được nêu ra có liên quan về xứ Tây Tạng Huyền Bí trong đó có câu hỏi khá phổ biến, đó là:

Nguyên nhân nào, bằng mọi giá, Trung Quốc phải khống chế, chiếm lấy Tây Tạng mặc dù xứ này chỉ là một thềm đất nhỏ nhoi không quan trọng bên một Trung Quốc vĩ đại.

Thật ra, đối với Trung Quốc, Tây Tạng là một mảnh xương nhỏ nhưng khó nuốt và khi nuốt vào cổ dễ bị hóc nặng. Xâm chiếm Tây Tạng, một xứ Phật hiền hòa sống im lặng là cả một thất sách, một điều sai lầm đại dột vì thế giới sẽ lên án nặng nề về hành động của kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu - hơn nữa kẻ yếu này lại là các nhà tu, các vị Lạt Ma tu hành. Tuy nhiên vì nhiều lý do quan trọng mà với bất cứ giá nào, Trung Cộng phải xâm chiếm ngay Tây Tạng ngay cả bằng vũ lực cũng không từ nan. Có một lý do lạ lùng kỳ bí nhất mà một số báo chí vừa qua bật mí cho độc giả biết là lý do thuộc về vấn đề Huyền Bí siêu nhiên mà ngoài Tây Tạng ra không có quốc gia nào có được.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TÂY PHƯƠNG ĐẦU TIÊN ĐỘT NHẬP XỨ CỔNG TRỜI

đó. Không có gì vĩnh viễn hay trường cửu cả. Vật chất chỉ là của tạm. Tinh thần, linh hồn mới là cái đáng quan tâm. Ngoài ra những gì ta làm hôm nay không những để cho ngày mai mà ngày mai đó còn phải hiểu là cả ngàn sau - hay nói sâu xa hơn là Đồi sau - Kiếp sau.

Ngày nay người dân Tây Tạng hòa vào cuộc sống của thế giới, không còn khép kín như ngày xưa nên nền văn hóa của Tây Tạng bắt đầu lan tỏa khắp thế giới. Tại Hoa Kỳ, xưa kia sách viết về Tây Tạng vô cùng hiếm hoi nhưng ngày nay đủ loại sách về Tây Tạng tràn ngập các tiệm sách Mỹ và đặc biệt là phát triển nhiều về những gì gọi là sâu xa huyền bí nhất mà ngày xưa người Tây Tạng đã hết sức bảo mật không cho truyền bá ra khỏi các Tu Viện. Phải chăng nhân loại khi



Đất nước Tây Tạng được xem là nóc nhà hay mái nhà của thế giới, nơi mà các nhà phong thủy thu thập được những dữ kiện lạ lùng...

Thật vậy, từ lâu các nhà nghiên cứu huyền thuật ở nước Nga từ thời Đại Nga Sa Hoàng đều thèm muốn học những cái siêu nhiên huyền bí của Tây Tạng qua các vị Lạt Ma hay qua các Kinh sách lưu trữ trong các Tu Viện, Thiền Viện, Đạo Viện. Một số lớn các sách bí truyền không để ở Lhasa mà chôn giấu, bảo quản hết sức bí mật trong các động đá, hay các hầm sâu kín trong rặng tuyết sơn.

Thời xưa cổ Tây Tạng hoàn toàn bế quan tỏa cảng, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Bất cứ kẻ nào ở nước ngoài bén mảng đến xứ của Cổng Trời đều bị bắt và xử trảm (chém đầu) ngay. Nhiều nhà báo, nhiều nhà thám hiểm đã liều chết đột nhập Tây Tạng nhưng phần lớn khó trở về. Các tài liệu liên quan sự kiện này cho hay là vào năm 1914, có một nữ ký giả người Tây Phương, bà Alexandra David Neel đã đón



Bà Alexandra David Neel

thân độc mã, mạo hiểm vào tận trung tâm xứ Phật huyền bí này bằng một mẹo vặt là giả dạng làm người hành khất lạc loài trong rừng sâu núi thẳm lần mò vào một ngôi chùa trong hốc núi. Tại đây, may mắn bà được vị sư già trong chùa giúp đỡ, cho sống sau chùa học kinh. Về sau bà xin quy y và rất được vị sư già quý mến. Nhờ sự bảo bọc đó mà bà không bị nguy hiểm. Dân trong vùng cũng quý mến bà nên bà tha hồ đi lại thu thập các sự kiện lạ lùng bí hiểm ở xứ này và viết nên nhiều cuốn sách về Tây Tạng mà cho đến nay vẫn hấp dẫn nhiều người trên thế giới.

Trở lại trường hợp Nga Xô, người Nga rất chú trọng đến lãnh vực khoa học huyền bí, những sự kiện mà họ thường đưa vào một số danh từ để gọi như Trường Sinh Học, Thần Giao Cách Cảm, Năng lượng Tinh Thần... Nga Xô là quốc gia quy tụ các quốc gia (Soviet union) nên có nhiều người có khả năng kỳ lạ và có năng lực siêu phàm vượt tầm khảo sát của Khoa Học thông thường. Chính những người này là vũ khí quý báu, lợi hại cho nước Nga trong tương lai nhất là về mặt quân sự. Nếu bắt gặp và kết hợp với những gì mà các vị Lạt Ma cũng như các sách vở tài liệu của Tây Tạng vốn có thì sẽ khuếch trương, phát triển xa hơn những năng lực siêu phàm mà người thường không thể có được. Trung Quốc biết rõ điều đó, nhưng lúc đầu họ không vội khai thác vì nghĩ rằng "cây nhà lá vườn" những khi các tài liệu mật họ có được về phía Nga Xô trong vấn đề vũ khí bí mật liên quan đến hiện tượng siêu hình mà Tây Tạng là mục tiêu nhắm tới thì Trung Quốc mới giật mình bàng hoàng vội vã, vì sợ e quá muộn nếu không chiếm lấy Tây Tạng. Đó là một trong những lý do quan trọng mà Trung Quốc bất chấp mọi phản đối bất cứ từ đâu tới, ngay cả vấn đề tối huệ quốc vẫn quyết tâm ra tay đàn áp và xâm chiếm Tây Tạng.

Các tài liệu báo chí thế giới cho hay là các đền đài, chùa chiền, các thiền viện, lăng mộ đều bị quân đội Trung Quốc lục soát từng ly từng tí vì họ muốn thu tóm những kinh hay những sách cổ bí truyền nhất là về mặt Huyền Thuật của Tây Tạng. Nga Xô nhờ học được một số bí truyền về võ thuật nên họ đã áp dụng võ Tây Tạng cổ vào các thế võ của họ. Nga cũng áp dụng các phép bí truyền vào lãnh vực Thể Thao nên đạt nhiều

thành tích lớn về mặt này. Trung Quốc đã gấp rút thực hiện những gì mà người Nga mong ước từ Tây Tạng. Điều thấy trước mắt là hiện nay tại Hoa Kỳ hàng ngàn cuốn sách quý giá viết về Tây Tạng và nhất là những sách dịch thuật từ các tư liệu cổ xưa trong các Thiền viện.

Những sách mà trước đây khó mà có được một trang hay một dòng nào lọt ra khỏi xứ của Cổng Trời.

Đĩ nhiên đã và sẽ có những tư liệu quý giá khác được bảo mật không thể phổ biến trong dân chúng.

Những người quan tâm tới sự tồn vong của nhân loại và hành tinh này đã chia ra 2 phái với 2 nhận định khác nhau. Một cho rằng sự kiện và trình bày trên hoàn toàn không có lợi cho nhân loại vì một khi những gì thuộc lãnh vực siêu linh huyền bí lọt vào tay con người mà con người thì luôn luôn tự cao tự đại, chúa đù Tham, Sân, Si thì khó mà xử dụng đúng đắn những gì mà con người học được cái Huyền vi của Vũ Trụ.



Quan niệm khác thì cho rằng Đã đến lúc Nhân Loại bước vào kỷ nguyên của Tứ Tượng, từ năm 2000 trở đi sẽ có nhiều biến chuyển lớn trên hành tinh này và con người cũng sẽ phải thay đổi theo.

Những trang Kinh, Sách, những bộ sách Tối Cổ nơi xứ Tây Tạng Huyền Bí không phải tự nhiên mà mở ra mà thật sự đã có một quy định đặt để nào từ trước do một năng lực huyền vi kỳ bí nào đó hoạch định để rời vào giai đoạn thời nào đó (mà những năm gần đến năm 2000) phải được phổ biến hay lộ dạng ở một nơi nào đó. Dù các vị Lạt Ma có muốn bảo vệ bí mật đến tối đa như ngày xưa họ đã làm thì một khi thời điểm đến thì hoặc bằng cách này hay bằng cách khác khó mà cưỡng lại được.

Tại sao Trung Quốc tràn chiếm Tây Tạng? Tại sao vị Đạt Lai Lạt Ma phải lưu vong? Đó là thời điểm của sự kiện phải xảy ra, đó là chu kỳ của sự kiện. Phải có sự kiện đó, cái Nhân đó mới tạo ra cái Quả, cái Điều Kiện cho các phép tắc Huyền vi thâm diệu có cơ bung ra và phát tán. Loài người chỉ cầu nguyện sao cho những tư liệu mà phần lớn là Huyền Thuật đó lọt vào tay của những nhà Thông Thái nhưng có tâm hồn Đạo Đức, vì có học vấn mà không có đạo đức thì dễ thành kẻ ác.

Nhân vật nổi tiếng dự đoán tương lai (người Nga) là M. Levin đã có lần hé mở trên báo "Tám Góc" về sự kiện nổ bùng tư tưởng thâm sâu của Tây Tạng lan khắp thế giới vào thập niên cuối của thế kỷ thứ 20.



M. Levin, chiêm tinh gia nổi tiếng Liên Xô

Lời suy đoán của nhà Chiêm tinh Nga M. Levin quả thật không sai. Nếu chúng ta theo dõi tin tức báo chí sẽ thấy có nhiều sự kiện trùng hợp với những gì mà M. Levin đã suy đoán: đó là vấn đề từ ngàn xưa người Tây Tạng tin rằng có sự luân hồi nghĩa là con người khi chết đi sẽ không mất hẳn mà chỉ trở thành người khác, hay sinh vật khác qua hiện tượng gọi là đầu thai. Mọi vật trên cõi thế gian này luôn luôn biến đổi vô thường, sinh rồi diệt, chết rồi lại sinh cứ thế mà theo cái vòng luân hồi nghiệp báo quay mãi không ngừng. Cái vòng luân hồi ấy tác động ảnh hưởng lên tất cả mọi người vì đã là con người thì có sinh phải có diệt. Riêng các vị Lạt Ma đức độ cao dày, những vị này khi qua đời

thường có ý nguyện là được tái sinh trở lại để có thể cứu độ chúng sanh một cách trực tiếp hơn. Từ năm 1419 Tây Tạng có truyền thống về sự Hóa Thân khi vị Đại Sư Tsong Khapa qua đời. Vị này đã chỉ định sự Gedun Truppa thay thế mình. Theo Đại Sư Gedun Truppa thì khi đầu thai trở lại, ông sẽ đầu thai qua các vị Đạt Lai Lạt Ma. Để giúp các đệ tử đoán biết được phần nào mình sẽ hóa thân vào ai, Đại sư đã chỉ rõ một vài thủ đồ dùng hằng ngày của mình và viết một bài kệ đặc biệt để khi cần kiểm tra lại...

Khi Đại sư Gedun Truppa viên tịch được 2 năm, các đệ tử liền đổ xô đi thăm dò tìm kiếm người kế vị, và cuối cùng họ đã tìm được một cháu bé có những cử chỉ dạng thể giống Đại sư ở vùng ngoại ô Tây Tạng. Về sau trở thành Đại sư Sonaw Gyatso tài năng xuất chúng, thông suốt mọi kinh điển, lý do - theo lời các vị Lạt Ma là do qua nhiều lần tái sinh, học hỏi thì lần tái sinh sau sẽ được tích tụ tăng cường thêm về kiến thức.



Vị Lạt Ma Tây Tạng Ling Rinpoche qua đời ngày 25.12.1984 và vị này cho biết sẽ tái sinh trở lại (Ảnh tài liệu của Jeffrey Iverson trong cuốn In Search of The Dead. Harper Collins xuất bản - 1992 - USA)

Cậu bé 5 tuổi này ở Tây Tạng tự biểu lộ những đặc điểm lạ lùng về cử chỉ, lời nói và việc làm giống hoàn toàn Lạt Ma Ling Rinpoche trước đó. Chính cậu bé này cũng tự nhận mình là Hóa Thân của vị Lạt Ma này.

Năm 1588 Đại sư mất, người kế vị theo các Hóa Thân là Yonsten Gyatso là vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 4. Khi Ngài qua đời thì vị Đạt Lai Lạt Ma kế vị là Lobsang Gyatso... Vị Đạt Lai Lạt Ma hiện nay đang sống lưu vong là vị Phật sống thứ 14 của Tây Tạng. Vào năm 1959, vị Phật sống đã phải trốn khỏi điện Potala trong đêm khuya vượt biên giới lánh nạn tại Ấn Độ. Tuy nhiên trước đây lúc đất nước Tây Tạng còn thanh bình yên ổn không bị ngoại xâm thì các vị Lạt Ma tái sinh thường chỉ xuất hiện trong lãnh thổ Tây Tạng. Nhưng khi Trung Quốc xâm chiếm đất nước này thì bỗng nhiên có hiện tượng lạ về sự xuất hiện của những vị Hóa Thân ở những nước khác chỗ không chỉ giới hạn trong nước Tây Tạng. Mỗi đây nhiều vị sư Tây Tạng đã phát hiện được những vị Hóa Thân ở Tây Ban Nha và cả ở ngay Hoa Kỳ nữa. Điều kỳ diệu lạ lùng là theo lời của một nhà tiên tri người Mỹ thì chính vị Hóa Thân đang còn bé xuất hiện ở Tây Ban Nha trong tương lai sẽ là một nhân vật lừng danh - Một lãnh tụ nổi tiếng thế giới. (Sa 1001/1)

NHỮNG LỜI ĐỒN ĐOÁN VỀ SAO CHỖI HALE-BOPP

☐ Chưa bao giờ quả đất lại chứng kiến 3 sự kiện xảy ra đồng thời trong vũ trụ: Sao chổi xuất hiện, hiện tượng nguyệt thực và sự thay đổi vị trí của sao Mars (Hỏa Tinh)

☐ Sự kiện về nhóm người tự sát ở San Diego đã gợi ý thêm cho các nhà khoa học nghiên cứu về sự sống ngoài quả đất và sự vận chuyển của các đĩa bay ?

☐ Những nhà Thiên văn nói gì về Sao Chổi Hale-Bopp ?

☐ Phải chăng các đĩa bay của người hành tinh từ lâu đã tận dụng tốc độ của Sao Chổi để di chuyển và nhờ đó mà tới được các hành tinh khác ?

☐ Phải chăng người hành tinh đã từng sống lẫn lộn với chúng ta trên quả đất này ?

Trong khi sao chổi có tên là Hale-Bopp xuất hiện trên bầu trời Bắc Mỹ thì thế giới lại một phen tràn ngập niềm hân hoan mà phần lớn là những suy diễn không mấy tốt lành. Nguyên nhân là theo kinh nghiệm dân gian thì mỗi khi sao chổi xuất hiện thường xảy ra sau đó những tai ương khủng khiếp nhất là những vùng trời nào mà nó lướt qua. Người Á Châu cho sao chổi xuất hiện là điềm báo trước những thiên tai địch họa lớn lao như hạn hán, lũ lụt, sóng thần, động đất, núi lửa, dịch bệnh, chiến tranh...

Tổng quát về sao chổi là một vật thể sáng như ngôi sao và di động trong vũ trụ không gian. Sao chổi di chuyển với vận tốc rất nhanh như sao chổi Hale-Bopp mỗi giây đồng hồ bay hơn một trăm cây số. Khi di chuyển với vận tốc nhanh như vậy, các sao chổi đã kéo theo nó những chất hơi và những bụi vũ trụ tạo thành cái đuôi có khi dài khủng khiếp như sao chổi xuất hiện năm 1843 có đuôi dài đến 205.000.000 dặm. Cái đuôi chứa đầy hơi và bụi này rất nguy hiểm khi chúng quét vào quả đất.

Đầu của sao chổi có thể là khối sắt hay đá có khi đường kính rất vĩ đại như sao chổi Hale-Bopp đang xuất hiện có đường kính hơn 40 cây số.

Cách đây khoảng 300 năm, nhà khoa học Anh Edmund Halley đã nghiên cứu kỹ khoảng 24 sao chổi lớn nhỏ và cho biết các sao chổi thường xuất hiện theo mỗi chu kỳ riêng biệt.

Quỹ đạo của sao chổi lớn hơn quỹ đạo quả đất rất xa. Nhiều sao chổi phải mất 100 năm mới đi hết một vòng chu kỳ của nó. Sao chổi có tuổi thọ rất lớn như sao chổi hiện nay nhân loại đang chứng kiến (Hale-Bopp) là 4 tỷ năm. Sao chổi này sẽ đi qua hành tinh chúng ta theo một chu kỳ là 4000 năm và 4000 năm sau hậu thế lại thấy nó lần nữa.

Năm vừa qua (1996) nhân loại thấy một sao chổi xuất hiện, đó là sao chổi Hyakutake. Chưa kịp hoàn hồn thì năm nay lại xuất hiện thêm một sao chổi - sao chổi Hale-Bopp - Đây là một sao chổi vĩ đại về cả mặt chu kỳ thời gian, sự to lớn và cái đuôi xòe ra trên bầu trời. Sao chổi này to hơn sao chổi Halley gấp bốn lần hơn. Sao chổi này đang bay cách hành tinh chúng ta độ 300 triệu cây số nhưng nó đã xích lại gần hơn và có lẽ sẽ rất gần khiến chúng ta sẽ thấy nó to lớn vĩ đại vô cùng.

Câu hỏi từ ngàn xưa cho đến ngày nay của nhân loại là sao chổi xuất hiện đem lại điềm lành hay tai họa? Mặc dầu từ lâu, mỗi khi sao chổi xuất hiện trên vùng không gian của quả đất thì thiên tai bão lụt hay chiến tranh, dịch bệnh lại phát sinh, nhưng loài người vẫn không nghĩ rằng sao chổi là nguyên nhân. Các nhà khoa học đã cố gắng nghiên cứu tìm hiểu về sự kiện này. Trong một tài liệu về thiên văn tại Đại Học Hoa Kỳ có ghi nhận rằng: Các hơi và bụi vũ trụ cuốn theo chuyển động của sao chổi có thể rơi vào những hành tinh mà nó đi qua. Do đó khi sao chổi bay ngang quả đất chúng ta một số chất hơi hay bụi vũ trụ sẽ có cơ tung vãi vào bầu khí quyển (đĩ nhiên một phần sẽ bị lớp không khí bao quanh quả đất tiêu hủy do sức ma sát nhưng những tàn dư của nó vẫn còn và từ đó sẽ ảnh hưởng lên quả đất). Do đó chúng ta không lạ gì từ lâu còn có thuyết cho rằng sao chổi đã đem mầm sống trong vũ trụ rải vào quả đất khi quả đất còn sơ khai. Nhưng dù nói gì, loài người vẫn thấy rõ qua các tài liệu ghi chép lại của cổ nhân trước đây đến mấy thiên niên kỷ về

sự trùng hợp lạ lùng của các thảm họa trên quả đất với sao chổi.. Gần đây nhất khí hậu thế giới thay đổi một cách lạ lùng, năm vừa qua 1996, khi sao chổi Hyakutake xuất hiện thì Âu Châu bỗng nhiên lạnh chưa từng thấy. Có nơi sông hồ đều đông đá, mọi lưu thông bị ngưng trệ. Tại Hoa Kỳ nhiều nơi ngập đầy tuyết và sau đó xảy ra lũ lụt khắp nơi gây tàn phá chết chóc tổn hại rất lớn lao. Năm nay, khi sao chổi Hale-Bopp xuất hiện trên bầu trời Bắc Mỹ thì nhiều nơi trên nước Mỹ tự nhiên có sự sụt giảm nhiệt độ lạ lùng, mặc dầu đã vào tháng tư. Ngày 1 tháng 4 năm 1997 cư dân sống ở Cali cảm thấy rất lạnh. Trong khi đó tại nhiều tiểu bang khác tuyết giá đổ xuống ngập đường sá, cầu cống, xa lộ. Tại tiểu bang Massachusetts trời đổ tuyết làm phủ ngập cả phi trường. Báo chí Mỹ đồng loạt chạy những tit lớn xoay quanh vấn đề Sao Chổi và thiên tai. Báo SUN ngày 8 tháng 4 năm 1997 với hàng tit lớn đầu trang: Về những trận lụt lớn đe dọa nhiều vùng và tiên đoán sẽ có những trận mưa lớn không dứt suốt cả tháng trời ở nhiều vùng, nhiều nơi tuyết giá phủ ngập lên cao, nước triều dâng cao tràn ngập ruộng đồng, đường sá gây lũ lụt dữ dội, nhiều con sông chính biến thành biển nội địa (ít nhất 20 con sông), nhiều cơn bão khủng khiếp nổi lên làm tàn phá bờ biển nhất là vùng Đại Tây Dương, sẽ có những trận sét đánh dữ dội từ bầu trời làm cho hàng trăm căn nhà hay rừng cây bốc cháy. Cũng theo tit liệu này thì vào ngày 29 tháng 4 sao chổi Hale-Bopp sẽ hiện ra rõ hơn trên bầu trời và sau đó lại thêm một loạt thiên tai khác.

Theo các nhà Chiêm Tinh thì sao chổi Hale-Bopp xuất hiện là điềm báo trước không những thiên tai mà còn có những bất ổn lớn lao sẽ xảy ra cho các nước như Nga, Trung Quốc, Hoa Kỳ và vùng Trung Đông. Riêng tại Trung Quốc, quốc gia khổng lồ này sẽ có đại biến gây nên cuộc nội chiến lớn lao làm hàng triệu người chết. Việt Nam tuy không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sao chổi Hale-Bopp nhưng lại bị ảnh hưởng vô cùng lớn lao bởi tình hình thế giới nhất là tình hình xảy ra tại Trung Quốc. Đối với nhà Chiêm Tinh lừng lẫy Nostradamus sống cách đây mấy trăm năm thì ông là người rất lo lắng khi nói đến sự xuất hiện của sao chổi (cũng như nhà tiên tri nổi danh của thế kỷ thứ 12 là Malachi (một tu sĩ), Nostradamus cho rằng khi sao chổi Halley (thời đại ông) xuất hiện, ông đã tiên đoán rằng khoảng năm 1986 thế giới sẽ xảy ra trận chiến tại Trung Đông. Lời tiên đoán này đã hoàn toàn ứng nghiệm. Điều lạ lùng là năm 1997, sao chổi Hale-Bopp xuất hiện thì tình hình Trung Đông lại bắt đầu sôi sục.

Sự kiện xảy ra vào giai đoạn sao chổi gần quả đất nhất

Về những đồn đoán, suy diễn xoay quanh sao chổi khi nó xuất hiện thì luôn luôn xảy ra. Khi sao chổi Hale-Bopp xuất hiện một thời gian, nhân loại đang hồi hộp lo sợ thì vào ngày thứ hai (24 tháng 3 năm 1997) tại một ngôi nhà khang trang rộng lớn với ngôi đồ và cây xanh có 39 người cả đàn ông và đàn bà nằm chết ngay ngắn trên giường. Cuộc điều tra cho biết những người này là thành viên của một giáo phái. Các tài liệu do họ để lại cho biết rằng những người này đã tin là sao chổi Hale-Bopp xuất hiện có nghĩa là thời điểm đã đến vì theo sau đuôi của sao chổi họ tin là có một phi thuyền của người hành tinh lái. Họ phải kịp thời hành trang lên đường cho kịp. Do đó những người này đã ăn mặc đồng phục (số mi đen không cổ, quần đen, tóc cắt ngắn gọn gàng), mỗi người còn có cả hành trang túi xách riêng và sau đó lần lượt tự sát. Họ tin rằng linh hồn họ sẽ kịp đến phi thuyền của người hành tinh đang chờ đợi họ (có điều kỳ diệu là ngày họ tử giả cõi thế chính lại trùng vào thời điểm mà các nhà thiên văn tính toán là sao chổi Hale-Bopp xấp lại gần quả đất nhất). Sự kiện xảy ra quả thật lạ lùng mặc dầu trên nước Mỹ trước đây đã có những vụ tự sát tập thể nhưng chưa bao giờ có tính cách vừa khoa học vừa kỳ bí như lần này. Sự kiện đặc biệt đến độ Cơ quan Không Gian NASA Hoa Kỳ đã không xem đó là điều mê tín bậy bạ, trái lại đã tận dụng kịp thời các thiết bị thiên văn hiện đại hướng vào sao chổi Hale-Bopp để mong phát hiện đĩa bay hay phi thuyền nếu có. Có thể đây là dịp thuận lợi để bắt gặp những gì từ lâu còn bí ẩn mờ mờ. Từ lâu, các nhà khoa học, nhất là các nhà thiên văn quan sát phần đuôi sao chổi, họ thấy phần đuôi này như đã mô tả trên chính là các chất hơi hay bụi vũ trụ

bị lôi cuốn theo khi sao chổi di chuyển giống như chiếc xe hơi chạy qua cuốn theo khối bụi mù. Cách đây khoảng 45 năm các nhà thiên văn Anh đã ngạc nhiên khi thấy chen lẫn trong lớp bụi, hơi của một sao chổi có một vài vật lạ sáng màu xanh kim loại. Phải chăng điều ghi nhận này đã ghi vào hồ sơ Thiên Văn là vật lạ ngoài trái đất như phi thuyền không gian, đĩa bay của sinh vật sống ở hành tinh nào đó. Phải chăng sự di chuyển của các phi thuyền này đã lợi dụng từ sự chuyển động của sao chổi? Và phải chăng các đĩa bay đã nhờ đó mà đến được các hành tinh khác ít bị hao hụt nhiên liệu?

Theo các nhà khoa học thì chúng ta trong thời đại ngày nay không còn ở giai đoạn chỉ chịu chấp nhận những gì mà đôi mắt mình đã thấy tưởng tượng nữa, vì khoa học càng tiến thì những sự kiện vượt ra ngoài tầm nhìn cũng như cái suy nghĩ thông thường theo lối khoa học thực nghiệm sẽ không còn bị các nhà khoa học gạt qua một bên như trước đây. Sự kiện Đĩa Bay, người hành tinh là một trong những thứ mà giới khoa học lẫn quân sự tại các cường quốc từ lâu đang quan tâm. Sự kiện nhóm giáo phái tự sát vì có dính dấp tới những gì như vừa nói đã tạo nên những suy tư diễn đạt khác nhau từ mỗi người về thế giới khác, về linh hồn, về sự chết. Không riêng giới bình dân mà còn cả các nhà khoa học cũng để tâm nghiên cứu. Dĩ nhiên không phải như vậy là mọi người công nhận hay cổ xúy cho sự tự sát, một hành động mà các tôn giáo lớn xưa nay trên thế giới không chấp nhận.

THƠ TRINH CHUNG

*Kính tặng anh chị Hoàng văn Khoa,
Đào Gia Trang - Montréal 18.05.97*

Vịnh hoa anh đào

Hàm tiếu Anh Đào trước ánh dương
Hồng hồng phớt nhẹ dáng tỏ vương
Mây lành phản chiếu hoa sinh sắc
Lá nõn lay cành lóng lánh sáng
Mơn trớn gió vờn hồng sắc ngọc
Lung linh nắng cột dát kim cương
Đào nguyên lạc lối du trường mộng
Xao xuyên tâm hồn trí mãi vương

Rừng bạch đào

Đào trắng trông càng thấy dễ thương
Hoa vừa chớm nở đọng hơi sương
Lá non phớt nhẹ theo chiều gió
Cánh mỏng thân gầy ánh nắng vương
Thanh sắc tinh anh đan bạch ngọc
Băng trinh trong suốt dáng đài gương
Câu thần gợi ý thi nhân cảm
Trái áng thơ đề tặng mấy chương



Một Trăm

(Gửi về Mẹ nhân báo Viên Giác số 100)

vài năm nữa mẹ sẽ tròn trăm tuổi
trăm mối lo mẹ cũng chẳng chối từ
lòng của mẹ tựa trăm sông ngàn suối
vẫn tràn đầy cho mãi đến thiên thu.

trăm con nước cũng dồn về đại lục
vạn tình thương mẹ dành hẳn cho con
con khôn lớn, hẳn từ trong ý thức
mẹ thành thời thấy hạnh phúc vuông tròn!

trên đất mới, con vẫn là lữ khách
lê gót giày chưa nhặt lớp phong sương
tìm tự tại, lắng trong chiều tinh mịch!
tìm an nhiên, thêm trăm nhớ ngàn thương!

con ngủ muộn trong thời kinh sám nguyện
trang kinh rời từ trăm mối sầu tu
theo hướng khói lòng con ngây ngất niệm
A-di-đà cho sạch kiếp trăm mê!

có cũng được mà sao không cũng được
chẳng thấy cần mà cũng chẳng bận tâm
con nhẫn chịu như bao nhiêu lần trước
có gì đâu, trăm dầu đổ đầu tầm!

gửi về mẹ, mùa an cư kiết hạ
một đóa hồng cho năm tháng từ ly
xin mẹ hiểu, vì trả vay nghiệp quả
cũng cam đành với trăm mối thị phi!

Tùy anh
(Siebenbergen, 25.6.97)





LÂM NHƯ TẠNG

Sinh năm 1943

- Sinh tại Quảng Ngãi, Việt Nam.
- 1968 Đậu Tú Tài 2 và tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học tại Phật Học Viện Huệ Nghiêm, Sài Gòn.
- 1968-1969 Sinh viên Đại học Luật khoa Sài Gòn và Phật khoa tại Đại học Vạn Hạnh.
- 1969 (tháng 12) Du học

sang Nhật Bản.

- 1970-1975 Tổng Thư Ký Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật Bản.
- 1983 Tốt nghiệp Tiến sĩ Chính trị học tại Đại học Meiji, Tokyo (chuyên về Hiến Pháp).
- 1982-1983 Nghiên cứu về Hiến Pháp tại Đại học Tokyo.
- 1986 Sang Úc định cư.
- 1986-1987 Nghiên cứu Hiến Pháp và Chính trị Úc tại Đại học Sydney.
- 1988 Tất cả các bằng cấp tốt nghiệp tại Nhật, kể cả các học vị Tiến sĩ được Chính phủ Úc công nhận tương đương với bằng cấp tại Úc.
- 1990 Đậu hai bằng thông dịch: Việt-Anh, Anh-Việt và Nhật-Anh, Anh-Nhật.

Việc làm:

- * Giảng sư mời giảng về Hiến Pháp tại Đại học NSW
- * Nhân viên thường trực chính thức của Bộ Tư Pháp tiểu bang NSW

TÁC PHẨM:

- * Đã viết và xuất bản được 12 tác phẩm.
- * Những tác phẩm tiêu biểu như:
 - "Nghiên cứu điều chín Hiến Pháp Nhật Bản"
 - "Những đặc điểm trong phương pháp quản lý xí nghiệp tại Nhật Bản" (tác giả tự dịch sang tiếng Anh)
 - "Trọn vẹn một tình yêu" (tuyển tập thơ)
 - "Con đường Cảm thông" (truyện thơ)
 - Sẽ xuất bản "So sánh luật hôn nhân và gia đình của Việt Nam và Úc Đại Lợi".

thức thứ TÂM

T HỨC THỨ TÂM là gì?

Theo như trong luận Đại THỪA TRẦM PHÁP của ngài Thiên Thân (Vasubandhu) Bồ Tát có hai bài kệ đầu như sau:

"Như Thế Tôn ngôn: "Nhứt thể pháp Vô Ngã". Hà đẳng nhứt thể pháp. Văn hà vi vô ngã". (Như lời Đức Thế Tôn nói "Tất cả pháp Vô Ngã". Vậy cái gì là "Tất cả pháp". Và sao gọi là "Vô Ngã"?).

Bài kệ thứ hai:

"Nhứt thể pháp giả, Lược hữu ngũ chủng: Nhứt giả Tâm Pháp, nhị giả Tâm Sở Hữu Pháp, tam giả Sắc Pháp, tứ giả Tâm Bất Tướng Ứng Hành Pháp, ngũ giả Vô Vi Pháp". (Nói tất cả pháp có năm món: 1/ Tâm Pháp (có 8 món). 2/ Tâm Sở Hữu Pháp (có 51 món). 3/ Sắc Pháp (có 11 món). 4/ Tâm Bất Tướng Ứng Hành (có 24 món). 5/ Vô Vi Pháp (có 6 món). Tổng cộng tất cả là 100 pháp. (1)

Theo định nghĩa cổ điển về chữ PHÁP (nhậm trì tự tánh qui sanh vật giải) là tất cả những gì có đặc tính riêng và có khuôn khổ riêng của nó để có thể làm phát sinh trong tâm thức ta một khái niệm phân biệt hiểu biết về nó. (2)

Thế nào gọi là VÔ NGÃ ?

Khi nói VÔ NGÃ gồm có hai món đó là NHÓN VÔ NGÃ và PHÁP VÔ NGÃ.

Người đời thường cho rằng thân, tâm này thật là MINH, là TA, như thế là NHÓN NGÃ, tất cả những vật quanh ta như núi, sông, đất, nước v.v... là thật có như thế là PHÁP NGÃ. Thế nhưng theo định luật vô thường chi phối là kể cả NHÓN và PHÁP đều có đó nhưng sẽ băng hoại, không trường tồn vĩnh viễn nên trong Duy Thức Học nói "Tất cả Pháp Vô Ngã" tức là Nhón Vô Ngã và Pháp Vô Ngã .

Ở đây xin liệt kê tám món Tâm Vương hay còn gọi là Tâm Pháp (Citta, Mind):

1/ Nhãn Thức (Consciousness dependent upon Sight). 2/ Nhĩ Thức (Consciousness dependent upon Sound). 3/ Tỷ Thức (Consciousness dependent upon Smell). 4/ Thiệt Thức (Consciousness dependent upon Taste). 5/ Thân Thức (Consciousness dependent upon Touch). 6/ Ý Thức (Consciousness dependent upon mentation). 7/ Mạt Na Thức (Klista-mano vijñana) (Soiled mind consciousness) . 8/ A Lại Gia Thức (Alya vijñana) (Repository consciousness). (3)

Theo sự trích dẫn ghi trên THỨC THỦ TÂM còn gọi là A Lại Gia Thức trong Tám Món Tâm Vương.

Tùy theo tính chất và công năng rất phức tạp của thức này nên nó có rất nhiều tên. Sau đây xin lược kê một số tên của THỨC THỦ TÂM này:

II NHỮNG TÊN GỌI VÀ CÔNG NĂNG CỦA THỨC THỦ TÂM

1/ TÂM: Trong Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ: "Nhược nhơn dục liễu tri. Tam thế nhứt thể Phật. Ứng quán pháp giới tánh. Nhứt thiết duy tâm tạo".

Nhiều chỗ trong kinh luận còn nói: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức", cũng không ngoài ý nghĩa của bài kệ trên. Và như thế thức thủ tâm này có nghĩa là TÂM vì công năng của nó là chứa đựng tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian.

Tử phạm phu, Nhị thừa, đến Bồ Tát và Phật đều có cái TÂM này.

Ngoài ra chữ tâm còn có những nghĩa như :

- a/ Chứa nhóm các tập khí chủng tử, và sau đó cho các chủng tử phát khởi ra hiện hành .
- b/ Nhận xét đối tượng và khởi lên sự phán đoán phân biệt.
- c/ Những chủng tử tập khí sanh diệt tương tục nhưng không gián đoạn.

Ngoài ra TÂM cũng có thể ví như mảnh đất gieo trồng những hạt giống:

"Tâm là đất gieo hạt. Mọi hạt giống chứa đầy. Tâm địa cũng chính là, Toàn thể hạt giống ấy" (hạt giống nghĩa là tập khí và chủng tử) (Thích Nhất Hạnh) .

Trong phần đầu của kinh Địa Tạng cũng nói đến TÂM như là mảnh đất (Địa là bền chắc, Tạng chứa đủ) gieo trồng tất cả những hạt giống.

2/ A LẠI GIA THỨC

Trong tác phẩm THE VINAPTIMĀTRATĀSIDDHI-TRIMSĪKĀ của Vasubandhu tức là DUY THỨC TAM THẬP TỤNG của ngài Thế Thân Bồ Tát có đoạn như sau:

"Trước là A Lại Gia, (cũng gọi là) Dị thức, Nhứt thể chủng. Không thể biết hết sự giữ gìn và thâm nhận của nó(chấp thọ), kể cả thế giới (xú), và

sự phân biệt (liễu). Tương ứng với năm món biết hành tám sở đó là Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, và Tư. Trong năm món Thọ (là Khổ thọ, Lạc thọ, Ưu thọ, Hỷ thọ, Xả thọ) thì Thức Thủ Tám chỉ tương ứng với Xả thọ. Thức này và các món tám sở kể trên đều có tánh vô phú và vô ký. (Các chủng tử trong thức này) luôn luôn biến chuyển như thác nước. Đến địa vị A La Hán mới xả bỏ (cái tướng hay còn gọi là cái tên của thức này, nhưng cái thể của thức này về phần tịnh sẽ chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí)". (4)

Bản tính của thức này trong suốt như tấm gương không bị các món phiền não như tham, sân, si... che lấp nên gọi là tính vô phú (không bị che lấp hay làm dơ bẩn), đồng thời khi có người đến trước miếng gương thì ảnh người ấy liền hiện lên nhưng khi người ấy đi nơi khác thì miếng gương cũng không ghi lại hình ảnh gì đó là hình ảnh có thể ví dụ cho bản tính "vô ký" trong suốt của thức này.

Alaya là nguyên gốc chữ Sanskrit ngài Huyền Trang dịch là Tàng Thức. Về tự tướng của Tàng Thức có ba nghĩa:

- a/ Thức này có công năng chứa đựng các hạt giống thiện ác, cũng như cái kho có công năng chứa lúa.
- b/ Thức này chính là cái kho, chỗ chứa đựng tất cả các hạt giống.
- c/ Thức này được thức thủ bày luôn luôn có mặt bên cạnh để canh giữ. Thức thủ bày xem thức này như là một người chủ khá ái không bao giờ muốn rời xa.

3/ DỊ THỰC THỨC

Trong đoạn văn trên có từ Dị Thực. Vậy Dị Thực là gì? Dị là khác thời gian, còn Thực có nghĩa là chín.

Đứng về Quả Tướng nghĩa là khi thọ quả các nghiệp lành, nghiệp ác và không lành không ác mà nói thì chữ Dị Thực có ba nghĩa:

- a/ Khác thời mỗi chín: ví dụ quả ổi từ khi sinh ra đến khi chín phải cần một thời gian.
- b/ Biến đổi bản chất mỗi chín: Ví dụ quả ổi khi xanh thì chát, khi chín thì ngọt, tức là bản chất của nó đã biến đổi. Như vậy cũng cùng là ổi nhưng loại ổi xanh chát đã biến đổi thành loại ổi chín ngọt.
- c/ Biến đổi hình thái khi chín: cũng cùng một ví dụ ổi nói trên, khi còn non thì ổi nhỏ có màu xanh đậm, đến khi chín thì trái ổi lớn hơn mà màu lại trắng ứng hồng. Hay như trái xoài khi còn non thì màu xanh, đến khi chín màu của nó biến đổi thành vàng chẳng hạn.

Ba trạng thái nói trên để chỉ cho các loại hạt giống trong Tạng thức khi khởi ra hiện hành phải trải qua những giai đoạn biến đổi tất yếu của nó. Đó là sự phối hợp tất cả các nghiệp nhân đã tạo ra trong quá khứ của chúng ta để thọ thân hiện tại. Jean Paul Sartre (1905-1980) cũng có nói rằng con người là tổng thể của các hành động của mình. Câu này rất trùng hợp với trường hợp đã nêu trên của Duy Thức Học.

Khi chúng đến quá vị Phật thì xả bỏ thức này (Kim Cang đạo hậu Dị thực không).

4/ NHỨT THẾ CHỨNG THỨC

Trong đoạn văn trích dẫn trong Duy Thức Tam Thập Tụng nêu trên còn có từ NHỨT THẾ CHỨNG. Nghĩa là Nhứt Thế Chứng Thức. Vì thức thủ tám này có công năng chứa đựng tất cả các hạt giống hữu lậu, vô lậu của thế gian và xuất thế gian...

Trong Nhiếp Đại Thừa luận của ngài Vô Trước có phân tích 6 loại hạt giống như sau:

a/ Sát Na Diệt: Có những hạt giống sanh rồi diệt đi rất nhanh từng giây phút. Ví dụ trong tâm ta có lúc niềm vui sinh khởi nhưng lại biến mất liền sau đó...

b/ Quả cấu hữu: Trong khi quả sinh ra cái nhân vẫn còn hiện diện đó. Ví dụ đứa con tôi vừa làm bể cái bình trà thật quý nên tôi liền buồn bực trong lòng...

c/ Hằng tùy chuyển: Các hạt giống trong thức thủ tám luôn luôn biến chuyển như một thác nước.

d/ Tánh quyết định: Tánh thiện hay ác của hạt giống nó quyết định sự khởi ra hiện hành cũng thiện hay ác. Ví dụ người có chủng tử thiện tụng kinh niệm Phật thì lúc nào cũng thích tìm đến chùa hoặc tìm nơi

yên tịnh để tịnh tu... Còn người đã có chủng tử nghiệp thuộc phàm thì lúc nào cũng tìm đến nơi hút xách bất tịnh...

e/ Đãi chúng duyên: Hạt giống phải đợi điều kiện thuận tiện mới khởi ra hiện hành. Ví dụ ta có hạt giống thiện muốn lập chùa nhưng phải đợi đến khi vận động đủ một số tiền tối thiểu mới có thể thuê công ty xây cất được...

f/ Dẫn Tự Quả: Đem lại cái kết quả của chính hạt giống đó. Ví dụ hạt đậu chỉ sinh ra cây đậu, hạt ổi chỉ sinh ra cây ổi...

Trong Thành Duy Thức Luận ngài Huyền Trang dùng từ Nhứt Thế Chứng Thức để chỉ cái "Nhơn Tướng" của thức A Lại Gia. Khi chúng đến quá vị Phật có thể gọi là: "Nhứt Thế Vô Lậu Chứng Thức".

5/ SỞ TRI Y: Tên này xuất phát từ Nhiếp Đại Thừa Luận của ngài Vô Trước. Vì thức này là nơi y chỉ của các Pháp nhiệm và tịnh bị nhận thức (sở tri) hay còn gọi là đối tượng phân biệt. Nghĩa của nó rất rộng kể cả phàm phu và Thánh nhân đều có Thức này. Các pháp "sở tri" chính là chỉ cho ba tánh: Biến kế sở chấp tánh, Y tha khởi tánh và Viên thành thật tánh trong Duy Thức Học (sẽ giải thích các từ này ở các bài viết kế tiếp).

6/ SỞ NĂNG BIẾN THỨC: Trong bài tụng đầu của Duy Thức Tam Thập Tụng có nói đến thức năng biến thủ nhứt này. Thức này chứa các chủng tử của các pháp rồi biến hiện ra tướng phần là căn thân và thế giới. Vì sợ chúng phàm phu và hàng Nhị Thừa không hiểu chấp là có thật ngã và thật pháp nên luận sư nói: "Các Ngã và Pháp đều giả, vì chỉ do Thức biến hiện ra mà thôi". Thức năng biến đó có ba loại. Thức Thủ Tám đứng đầu nên gọi là Sở Năng Biến Thức. (Thức năng biến thủ hai là Thức Thủ Bảy (tức Mặt Na thức), Thức năng biến thủ ba là sáu thức còn lại (Tức là Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức).

7/ VÔ CẤU THỨC: Còn gọi là Bạch Tịnh Thức hay Yêm Ma La Thức nghĩa là thức thanh tịnh không cấu nhiễm. Vì Thức này chứa giữ các pháp hoàn toàn vô lậu thanh tịnh. Thức này chỉ Phật mới có, từ Bồ Tát trở xuống không có thức này. Vì Bồ Tát còn có vô minh hiện hành và các chủng tử tạp nhiễm nên không thể có Vô Cấu Thức.

8/ CĂN BẢN THỨC: các pháp nhiệm tịnh và bày thức trước đều nương nơi thức này mà phát khởi hiện hành và tác dụng. Do đó nên thức này còn được gọi là căn bản thức. Cả phàm lẫn thánh đều có thức này.

9/ NHƯ LAI TẠNG: Tên này hàm chứa ý nghĩa là tất cả chúng hữu tình đều sẵn có "Trí huệ đức tướng, pháp thân thanh tịnh Như Lai". Nhưng vì bị vô minh tạp nhiễm che lấp (chỉ cho chữ Tạng là bao phủ ngăn che). Như vậy ghép hai cụm từ "Như Lai thanh tịnh pháp thân" (lấy chữ Như Lai) ghép với "vô minh tạp nhiễm" (tức là Tạng) thành tên Như Lai Tạng.

10/ A ĐÀ NA THỨC: Trong kinh Giải Thâm Mật có bài kệ: "Thức A Đà Na rất thâm sâu và tế nhị. Các tập khí chủng tử của nó sanh diệt tương tục như thác nước. Ta (đức Phật) đối với chúng phàm phu và Nhị Thừa không giảng nói thức này; vì sợ chúng phân biệt chấp làm Ngã".

Trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Thức A Đà Na rất là vi tế. Các tập khí chủng tử biến chuyển như thác nước. Vì sợ chúng phàm phu và Nhị thừa chấp Thức này là "Chơn" hoặc "Phi Chơn", nên Ta (đức Phật) chẳng hề giảng nói thức này".

Thức này là thức căn bản của chơn và vọng nên nó là thức căn bản của phàm phu cũng như của hàng nhị thừa. Do đó Duy Thức Tôn rất chú trọng đến thức này. Trong hai bài kệ trên đại ý nói là thức này rất thâm sâu và tế nhị. Nó gồm chứa các tập khí chủng tử từ vô thời đến nay. Nó là chủ nhân ông giữ gìn bảo thân (tức là thân thể hiện tại) của chúng hữu tình. Nó hằng còn mãi nên xem chúng như chơn nhưng không phải chơn vì nó hư vọng sanh diệt rất là vi tế. Cũng như thác nước khi đứng xa trông thấy giống như một dải lụa trắng đứng yên nhưng khi đến gần mới

thấy nó gồm vô số những giọt nước từ trên cao rơi xuống rất mạnh và liên tục. Hoặc có thể ví như dòng sông chảy mạnh không bao giờ đứng yên một chỗ.

Do đó Đức Phật không giảng nói thức này vì sợ chúng phàm phu chấp làm "chơn ngã" mà rơi vào chỗ vọng chấp sẽ đọa lạc mãi trong vòng sanh tử luân hồi. Còn hàng nhị thừa nếu chấp thức này không phải chơn cũng không được vì như thế sẽ mãi mê tìm cầu cái "thật ngã" ngoài thức này mà sẽ bị rơi vào những mê chấp cũng không thể chứng quả cao hơn được. Như thế là chấp thức này là chơn cũng không được mà chấp thức này không phải chơn cũng không xong. Do đó Đức Phật không giảng nói là có nghĩa như vậy.

Trong Du Già Sư Địa Luận (của ngài Di Lặc Bồ Tát truyền cho ngài Vô Trước) hoàn toàn căn cứ vào kinh Giải Thâm Mật mà giải nói thức này. Trong Nhiếp Đại Thừa Luận của ngài Vô Trước cũng như trong Thành Duy Thức luận của ngài Huyền Trang cũng giải thích nhiều về thức này.

A Đà Na là tiếng Phạn ngài Huyền Trang dịch là "TRÌ" (tức là giữ gìn).

Trong Thành Duy Thức luận của ngài Huyền Trang ở quyển ba có bài kệ như sau: "Thức này có ba công năng nên gọi là A Đà Na. Ba công năng đó là:

- (1) Giữ gìn (chấp trì) chủng tử của các pháp
- (2) Giữ chịu (chấp thọ) căn thân và thể giới
- (3) Giữ lấy (chấp thủ) việc nối tiếp đời sau

Xin lược giải từng điểm ghi trên:

(1) GIỮ GÌN (chấp trì) CHỦNG TỬ CỦA CÁC PHÁP:

Khi nói các pháp tức là chỉ cho hai loại: "Hữu lậu hữu vi" là các pháp tạp nhiễm của tất cả hàng phàm phu kể cả các loài động vật, và "Vô lậu hữu vi" là các pháp thanh tịnh của bậc thánh hiền.

Chủng Tử tức là hạt giống đã nói ở phần trên, đây xin thêm, hạt giống có thể thiện, ác, hoặc không thiện không ác. Hạt giống do đời trước đã tạo ra hoặc do đời này mới tạo, hoặc là do công phu tu tập đã tạo ra các hạt giống vô lậu v.v... Hạt giống có thể thường còn hoặc có thể bị hạt giống đối lập triệt tiêu làm mất đi. Ví dụ hạt giống ác trộm cắp chẳng hạn nếu người này được giáo dục lại và có công ăn việc làm tốt họ trở thành người tốt không trộm cắp nữa. Như vậy tức là hạt giống ác đã bị hạt giống thiện triệt tiêu. Thế nhưng ngược lại cũng có những trường hợp hạt giống ác làm triệt tiêu hạt giống thiện.

Thức này có công năng giữ gìn tất cả hạt giống và khi có những điều kiện thuận lợi các hạt giống đó sẽ phát khởi ra hiện hành. Có thể ví dụ Thức này như mảnh đất gieo trồng các hạt giống. Các hạt giống nằm trong đất cũng giống như chủng tử nằm trong THỨC này. Khi các chủng tử khởi ra hiện hành cũng giống như các hạt giống này nằm thành cây con mọc lên khỏi mặt đất...

Tóm lại giữ gìn chủng tử của các pháp nghĩa là thức này có công năng giữ gìn tất cả các loại hạt giống do hàng phàm phu và các bậc thánh đã tạo ra.

(2) GIỮ CHỊU (chấp thọ) CĂN THÂN và THỂ GIỚI:

Thức này có công năng giữ gìn thân thể của con người và kể cả loài động vật trong thời gian sinh vật ấy còn sống khiến cho họ biết cảm giác và nhận thức sự vật chung quanh. Có những người vì bệnh tật hoặc tai nạn v.v... bị chết đi trong một thời gian ngắn, thời gian này thân thể còn đó bộ não vẫn còn đó nhưng không biết cảm giác và nhận thức gì những hiện tượng chung quanh vì thức này đã rời khỏi thân xác. Đến khi người này sống trở lại nghĩa là Thức này đã trở lại với thân thể họ, họ có thể kể lại những gì đã xảy ra cho họ trong thời gian chết hụt đó. Điều đó có thể nói lên được sự hiện diện của thức này. Vì nếu nó lìa khỏi thể xác thì con người sẽ chết và xác thân này sẽ tan rã. Vì lẽ đó nên nói Thức này có công năng duy trì thân thể của ta.

Ngoài ra Thức này còn có công năng biến hiện ra cảnh vật, thế giới quanh ta theo nguyên tắc TỰ BIẾN và CỘNG BIẾN và nó có công năng

duy trì thế giới này nữa. Ví dụ có một thầy muốn thành lập một ngôi chùa chẳng hạn việc đó bắt nguồn từ tâm thức của vị sư ấy. Vị sư tưởng tượng ra kế hoạch thành lập ngôi chùa và thảo luận kế hoạch ấy với nhiều người khác để thành lập ra đồ án, vận động tài chánh, muốn công ty xây cất... Trải qua nhiều năm góp ý kiến, góp công và của của nhiều người cuối cùng trên miếng đất trống khi trước đã có một ngôi chùa khang trang. Qua việc xây chùa đó đã nói lên sự TỰ BIẾN (ý kiến riêng và công sức của vị sư muốn biến miếng đất trống thành một ngôi chùa) và CỘNG BIẾN (tức là những ý kiến và công sức của những người khác đã đóng góp vào công trình xây cất đó) mà thành. Từ thí dụ đơn giản này ta có thể hiểu rằng tất cả cảnh vật và thế giới quanh ta đều do sự TỰ BIẾN và CỘNG BIẾN của thức mà thành. Chẳng những thức biến hiện ra thế giới mà còn giữ gìn sự hiện hữu của thế giới.

Do những lý do kể trên nên chúng ta có thể hiểu là Thức này có công năng duy trì thân thể (căn thân) và thế giới là nghĩa như vậy.

Những điều khó hiểu trên đây sẽ dùng phương pháp khoa học để dẫn chứng và chứng minh ở những phần sau.

(3) GIỮ LẤY (chấp thủ) VIỆC KẾT NỐI ĐỜI SAU:

Thức này có công năng duy trì và tiếp nối từ đời này với đời sau của con người và mãi mãi như thế không đoạn diệt trong kiếp sinh tử luân hồi. Sở dĩ có sự sinh tử luân hồi đời nọ nối tiếp đời với đời sau là vì do phiền não (ví dụ tham lam, sân giận, si mê...) tạo ra các nghiệp chướng, do các nghiệp lực đã tạo ra nó sẽ là động lực chính dắt dẫn con người đến đời sau để chấp nhận những gì đã tạo ra từ đời trước.

Từ đời này đến đời sau con người phải trải qua bốn giai đoạn đó là: thân hiện sống, thân đang chết, trạng thái sau khi chết, đến thân đời sau, phải có cái gì duy trì tất cả các hạt giống từ nhiều kiếp trước. Cái đó chính là Thức này vậy.

Những vấn đề khó tin đối với nhiều người và cần phải tranh luận đó là có thật có tiền kiếp và hậu kiếp không

Về tiền kiếp xin dẫn chứng trường hợp Edgar Cayce để chứng minh. E. Cayce sinh tại Christian Country, Kentucky Hoa Kỳ vào năm 1877, anh bị bệnh mất hẳn tiếng nói, các bác sĩ đã chịu thua không chữa trị được. Thế nhưng sau khi ông tự "thôi miên truy hồn" chỉ cách trị liệu cho thân nhân giúp ông đã bình phục, nói lại được như xưa. Sở dĩ có sự thành công đó là nhờ ông tự tìm về bệnh tiền kiếp của mình và tìm ra được nguyên do để chữa trị thành công nói trên. Sau đó E. Cayce đã dùng "thuật thôi miên truy hồn" để tìm ra những căn bệnh kiếp trước của nhiều người và đã chữa lành bệnh cho họ, những trường hợp chữa bệnh của ông còn rất nhiều hồ sơ lưu lại tại Hoa Kỳ. (5)

Rất nhiều tác giả đã viết sách nghiên cứu về cách chữa trị của ông. Gần đây có Mary E. Carter và Dr. William A. Mcgarey nghiên cứu E. Cayce trong tác phẩm "Edgar Cayce On Healing". (6)

Về hậu kiếp chúng ta có thể xem là hiển nhiên khi đọc những sách nói về sự tái sinh của các vị Lạt Ma Tây Tạng. Nhất là các vị Lạt Ma lãnh đạo Tây Tạng trước khi mất ngài dặn dò mọi người xung quanh nơi chốn mà ngài sẽ tái sanh và các chi tiết khác một cách rõ ràng để đến khi cậu bé được năm hay sáu tuổi những người có trách nhiệm tìm vị lãnh đạo có thể đi tìm ngài một cách dễ dàng để đưa ngài về tiếp tục công cuộc lãnh đạo quốc gia.

Như trường hợp vị Lạt Ma Tây Tạng Ling Rinpoche qua đời ngày 25-12-1984 và ngài đã nói là sẽ tái sinh trở lại. Sau đó năm năm theo sự chỉ dẫn của ngài trước khi mất người ta đã tìm một cậu bé và trải nghiệm biết đó là hậu thân của ngài. (7)

Theo hai ví dụ về tiền kiếp và hậu kiếp đã dẫn là sự hiển nhiên như vậy phải có cái gì nối tiếp giữ gìn các hạt giống của nhiều đời. Đó là công năng của thức này vậy.

(Còn tiếp kỳ sau, các ghi chú sẽ ghi ở phần cuối của bài viết này trong Viên Giác kế tiếp) (tham 100 doc)

☐ TS. LÂM NHƯ TẠNG

AUF DEUTSCH

BUDDHISMUS DES LAUTEREN LANDES - DIALOG MIT ALTEN MEISTERN -

(Übersetzt und mit
Anmerkungen versehen
von Meister Thich Thien
Tam; Copyright der
deutschen Übersetzung
Tu Xung Roland Berthold)

Zweifel und Fragen zum
Lauteren Land

(Ching-f'u Huo-wen; T. 47; No.
1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

(Fortsetzung)

Frage 26

Ich wollte immer auf solche Weise kultivieren, daß nämlich ohne Unterbrechung Gedanke auf Gedanke folgt. Dennoch habe ich die Einspitzigkeit des Geistes leider noch nicht erlangt. Ich vermag nicht einmal, den ersten Gedanken zu zügeln. Deshalb ist die vorhergehende Wahrnehmung schwer aufzugeben, und befleckte Gedanken entstehen. Ich kann meine Gedanken nicht davor bewahren, durch Umstände und Bedingungen gestört zu werden. Mein Geist und meine Gefühle sind verwirrt und können nicht beruhigt werden. Jedesmal, wenn ich mich niedersetze, um den Rosenkranz einen Augenblick lang zu benutzen, sind meine Gedanken in alle Richtungen auseinandergelaufen und ohne mein Wissen und ohne mein Bewußtsein Millionen Meilen gewandert. Manchmal, wenn ich mit irgendeinem Problem befaßt bin, bewege ich es unablässig viele Tage und sogar Monate in meinem Geist. Es ist dann unmöglich, mich von solchen verwirrten Gedanken zu befreien,

geschweige denn Unterbrechungen bei der Rezitation zu vermeiden. Ich bekenne dies nicht nur in aller Demut und Scham, sondern auch mit allem Kummer! Gibt es irgendeinen Weg, solche Vorkommnisse zu unterdrücken? Könnt Ihr mir bitte helfen?

Antwort

Dies ist leider die allgemeine Krankheit fast aller Übenden. Wenn du dich nicht ernsthaft beherrschst, wird es unter solchen Umständen schwierig sein, in der Praxis der ausschließlichen und ununterbrochenen Kultivierung Fortschritte zu machen. Ich habe gehört, daß sich die Alten aus drei Gründen, die ich dir zur Erbauung erläutern werde, bittere Vorwürfe gemacht hätten. Du solltest sie im Geiste behalten.

1. Unsere Verpflichtungen erfüllen

Die Übenden haben viele wichtige Verpflichtungen. Dabei wollen wir die Verpflichtung gegenüber den Buddhas und unseren Lehrern zunächst übergehen. Denkst du, ein Mönch, nicht, daß du eine tiefe und schwere Dankesschuld gegenüber deinen Eltern hast, die dir das Leben geschenkt und dich aufgezogen haben? Weil du das Haus und alle weltlichen Obliegenheiten aufgegeben und den Dharma viele Jahre lang fern von deinem Elternhaus studiert hast, warst du dir der Mühen und Leiden deiner Eltern nicht bewußt. Du wußtest nichts von ihrem Alter und ihren Krankheiten, und deshalb hast du sie nicht auf die rechte Weise versorgt. Als sie starben, wußtest du das entweder nicht, oder wenn du es wußtest, bist du wahrscheinlich zu spät nach Hause zurückgekehrt. Als du jung warst, haben deine Eltern, um dich zu unterhalten und aus Sorge um dein Wohlergehen, zahllose Verfehlungen begangen. Nach dem Tode, als sie dann auf den leidvollen Weg gefallen sind, haben sie gehofft, daß du zu ihrer Rettung herbeieilst würdest, so wie jemand sich nach einem Glas Wasser sehnen mag, um

seinen Durst zu stillen, oder auf das Ende des Regens.

Wenn deine Kultivierung ziellos ist, wird dein Lauteres-Land-Karma keine Ergebnisse bringen. Dann kannst du weder dich, noch gar deine Eltern retten! In einem solche Falle hast du nicht nur die Gelegenheit versäumt, sich um ihre irdischen Bedürfnisse zu kümmern, sondern du bist jetzt auch noch nachlässig in deinen Verpflichtungen gegenüber ihren Seelen. Du bist wirklich ein äußerst pflichtvergessener Sohn! Das Sûtra sagt : "Pflichtvergessenheit (gegenüber den Eltern) führt in die Hölle!" So ist der Geist der Unterbrechung, des Versäumnisses, fleißig zu kultivieren, wahrhaftig das Karma der Hölle.

Weiter : Du webst nicht, dennoch trägst du Kleidung. Du pflügst nicht, dennoch ißt du dich satt. Unterkunft, Bettzeug, Nahrung, Kleidung, Medizin, usw.: alles wird von den Laienanhängern gespendet. Die alten Meister haben wiederholt gemahnt : "Aus Ehrerbietung und Verehrung gegenüber den Drei Kostbarkeiten geben Buddhisten einen Teil ihres geringen Familien-Nahrungsvorrates als Spende den Mönchen und Nonnen. Wenn diese nicht untadelig in ihrer Kultivierung sind, muß jeder Zoll Stoff und jedes Reiskorn in künftigen Leben zurückgezahlt werden. Um die Gunstbezeugungen eurer Schüler zu vergelten, solltet ihr dem Pfad des Lauteren Landes mit Eifer folgen, um euch selbst und andere zu erretten. Wenn ihr auch nur einen einzigen störenden Gedanken entstehen laßt und nicht durchhaltet, seid ihr vom Samsâra umgarnt worden -- endlos 'leihend' und 'zurückzahlend'. Dieser sehr zudringliche Gedanke ist niedriges oder tierisches Karma."

2. Der feste Entschluß

Der Übende muß entschlossen sein, wenn er Ergebnisse erlangen will. Du hast ein Leben lang Ch'an praktiziert, bist aber dennoch nicht zu seiner Bedeutung erwacht. Auch hast du die Feinheiten des Tripitaka nicht gemeistert, als du die Sûtras zu studieren begannst. Selbst heute ist dein Geist noch nicht leer und beruhigt. Deine Gedanken sind noch in Gärung. Manchmal möchtest du Gedichte schreiben, ein anderes Mal möchtest du Kommentare verfassen. Manchmal möchtest du den Dharma erklären, ein anderes Mal möchtest du dich Ch'an-Gesprächen hingeben. Deine Gedanken sind über drei oder

vier Gebiete verstreut. Die Alten haben gesagt :

"Ein Geist, der noch ergreift, ist das Karma von Geburt und Tod. Wenn Gefühle und Gedanken (Anhaften) entstehen, seid ihr Zehntausende von Kalpas lang gefesselt."

Der Grund, warum du das rechte Denken noch nicht erlangt hast, ist, daß deine Gefühle und Gedanken noch unkonzentriert sind, und solche verwirrten Gefühle und Gedanken resultieren aus Mangel an Entschlossenheit. Mit unentschlossenem Geist zu kultivieren, ist der Beginn der Wiedergeburt in der Dreiwelt.

Wenn es einem Übenden außerdem an einem entschlossenen Geist mangelt, kann er nicht Herr seiner Sinne werden. Aufgrund dieses unkonzentrierten Geistes kann er Körper und Geist nicht beherrschen. Wie es in den Sûtras heißt: "Lieber will ich flüssiges Metall in meinen Mund schütten, als diesem Mund zu erlauben, die Sittenregeln zu brechen und dennoch Nahrung und Trank von den Gläubigen anzunehmen. Lieber hülle ich meinen Leib in rotglühendes Metall, als diesem Körper zu erlauben, die Sittenregeln zu brechen und dennoch die Kleidung zu tragen, die mir von den Schülern gespendet wurde."

Muß ich erwähnen, daß der Geist noch unruhiger wird, wenn man die Sittenregeln nicht einhält, und daß ernsthafte Kultivierung durch diese Unruhe unterbrochen wird? Deshalb ist ein einziger Gedanke der Unterbrechung der Buddha-Rezitation viel mehr als bloß die karmische Ursache rotglühender Netze und flüssigen Metalls!

Wenn die Entschlossenheit des Übenden nicht stark ist, kann er außerdem auch nicht vollständig erkennen, daß alle weltlichen Dharmas illusorisch sind. Deshalb jagt er leicht traumgleichem, leerem Ruhm und Glück nach. Wenn Ruhm und Glück auf seiner Seite sind, wird er verblendet und haftet an. Wenn solcher Ruhm und solches Glück anderen zugehörig sind, entwickelt er Haß und Neid.

Die Alten haben gesagt :

"Im Streben nach Ruhm und Glück versunken zu sein, bedeutet, nach den Bereichen der Tiere und der Pretas zu streben. Sich den täuschenden Gedanken von Begehren und Haß hinzugeben, bedeutet, zu Feuerpfuhl und brodelndem Kessel verdammt zu sein. So ist ein Gedanke der Unterbrechung der Kultivierung das Karma der Pretas und der Höllenwelten."

3. Streben nach einer Glückverheißenden Antwort

Die Anhänger des Lauteren Landes sollten ernsthaft nach einer Antwort streben. Das Leben der Lebewesen ist vergänglich und leicht zu unterbrechen. Der Geist der Unbeständigkeit wartet auf niemanden. Dein Haar hat schon weiße Strähnen. Dein Gesicht ist faltig geworden. Die Kennzeichen des Verfalls und des Alters sind sehr deutlich. Und der Tod ist nicht mehr weit entfernt. Deshalb solltest du danach streben, ernsthaft zu kultivieren, um sicher zu sein, daß einige glückverheißende und zuverlässige Zeichen der Wiedergeburt erscheinen. So hat im alten China der Großmeister Hui-yüan vom Lu-shan geschaut, wie der Buddha seinen Scheitel dreimal berührt hat. Ein anderer Großmeister rezitierte den Namen des Buddha ernsthaft und sah unvermittelt, wie der Buddha Amitâbha Lichtstrahlen aussandte und glückverheißende



Merkmale zeigte. Bei einem anderen Meister sah die Große Gemeinde jedesmal, wenn er den Buddha Name aussprach, einen Buddha aus seinem Mund heraustreten. Dies traf auch auf Hunderttausende von Rezitationen zu. Hunderttausende von Buddha traten, einer nach dem anderen, aus seinem Mund hervor entsprechend den gleichvielen Rosenkranz-Perlen. (101)

Solche Antworten sind zahllos. Wenn du den Namen des Buddha Amitâbha ernsthaft und ohne Unterbrechung rezitierst, ist es sehr leicht, Ihn zu schauen. Im anderen Falle ist es sehr schwierig. Wenn du den Buddha nicht schaust, hast du keine Affinität zu

ihm. Ohne Affinität ist es gewiß sehr schwierig, die Wiedergeburt zu erlangen. Wenn du nicht im Lauteren Land wiedergeboren wirst, wirst du früher oder später in die üblen Bereiche hinabsteigen. So ist ein einziger Gedanke der Unterbrechung der Rezitation das Karma der Wiedergeburt auf den Drei Üblen Pfaden. Dies solltest du im Geist bewahren und sorgfältig erwägen!

Der Übende des Lauteren Landes sollte diese drei Ermahnungen im Geist bewahren und sie reflektieren. Er sollte sich mit solcher Ernsthaftigkeit beherrschen, daß sein Geist vom Buddha untrennbar wird, daß der Buddha untrennbar von seinem Geist wird - Buddha und Geist einander ungehindert durchdringen - so daß er den Buddha Amitâbha schon in diesem Leben schaut. Den Buddha des Westlichen Lauteren Landes zu schauen, heißt, alle Buddhas der zehn Richtungen zu schauen. Alle Buddhas der zehn Richtungen zu schauen, heißt, den Buddha der Selbst-Natur zu schauen. Wenn der Übende den Buddha der Selbst-Natur geschaut hat, werden sich große Fähigkeiten und die Kraft der geschickten Mittel auf natürliche Weise entfalten. Dann kann er in Übereinstimmung mit seinen barmherzigen Gelübden alle Lebewesen erretten.

Dies wird Lauteres Land-Ch'an oder Ch'an-Lauteres Land genannt. Jetzt wird die wahre Bedeutung der folgenden Ausführungen des Patriarchen Yung-ming deutlich :

"Ch'an und Lauteres Land gemeinsam zu praktizieren, gleicht einem Tiger mit Hörnern. In diesem Leben ist der Übende ein Führer der Menschen. Im nächsten Leben wird er ein Buddha oder ein Patriarch sein."

Du solltest deine Anstrengungen verdoppeln und durchhalten!

Der besuchende Ch'an-Meister, der dieser Lehre gelauscht hatte, war ergriffen und voller Freude. Eine Zeitlang verweilte er schweigend, als ob er soeben einen kostbaren Gegenstand, der er verloren hatte, wiedergefunden hatte. Der Großmeister T'ien-ju fügte hinzu : "Ch'an und Lauteres Land sind immer Nicht-Zwei (102) gewesen. Wenn du dies wirklich verstehst, verstehst du beide wirklich. Wenn du es nicht verstehst, verstehst du beides nicht -- denn es gibt keine Dharmas außerhalb des Geistes, keinen Geist außerhalb der Dharmas. Dies darfst du nicht mißverstehen!"

Der Ch'an-Gast brachte sogleich seine Verehrung dar und sagte : "Ich

bin sehr glücklich, von Euch, Meister, Belehrung empfangen zu haben. Ich kenne jetzt den Weg zurück zu meiner Selbst-Natur, den Weg nach Hause." Langsam nahm er dann Abschied und schritt von dannen.

Ergänzende Anmerkungen

"Ch'an und Lauteres Land sind immer Nicht-Zwei gewesen. Wenn du dies wirklich verstehst, verstehst du beide wirklich. Wenn du es nicht verstehst, verstehst du beides nicht -- denn es gibt keine Dharmas außerhalb des Geistes, keinen Geist außerhalb der Dharmas. Dies darfst du nicht mißverstehen!"

Diese Worte des Großmeisters T'ien-ju fassen wirklich alles zusammen. Der Wahre Geist umfaßt unzählige Dharmas, unzählige Länder. Im Ch'an wird er 'Ursprüngliches Antlitz', vom Lauteren Land 'Amitäbha der Selbst-Natur' genannt." Das Surangama-Sûtra sagt : "(Selbst) der leere Raum der zehn Richtungen, in deinem Geist geboren, ist nichts anderes als eine Anzahl von Wolken in der Mitte des weiten blauen Himmels - nicht zu erwähnen die zahllosen Welten in jenem wirklich leeren Raum!"

Die Alten haben in gleicher Weise gesagt : "Diese zahllosen Dharmas sind der Bodhi-Weg. Warum glaubt ihr, daß die Bodhi (Erleuchtung) so weit entfernt sei?"

Wenn der Ch'an-Übende Ch'an bloß durch die weltliche Vorstellung von Leere (d.h. nichts existiert) versteht und die Existenz des Westlichen Lauteren Landes und das Streben nach Wiedergeburt dort zurückweist, hat er Ch'an noch nicht wirklich verstanden, da der Wahre Geist zehntausend Merkmale und Formen umfaßt. Meister T'ien-ju hat diesen Punkt immer wieder sorgfältig erläutert, um dieses "Anhaften an der Leere" zu zerstören.

Von Blickwinkel des Noumenon ist der Wahre Geist allerleuchtend und umfaßt zahllose Welten -- dies wird als Ch'an-Lauteres Land bezeichnet. Zahllose Welten spiegeln sich im Wahren Geist, alles ist leer, still, illusorisch und traumgleich -- dies wird als Lauteres Land-Ch'an bezeichnet. (103)

Vom Blickwinkel der Anwendung der geschickten Mittel und Fähigkeiten : wenn der Übende zur Ursprünglichen Natur erwacht ist und das barmherzige Gelübde abgelegt hat, Praktiken auszuüben, welche die

Buddha-Länder schmücken und die Lebewesen erretten -- wird dies Ch'an-Lauteres Land genannt. Wenn er andererseits alle Wesen belehrt, sie verwandelt und durch die Praxis des Lauteren Landes zu ihrer Wahren Natur zurückführt -- wird dies Lauteres Land-Ch'an genannt. Zusammenfassend : Ch'an ist Lauteres Land. Lauteres Land ist Ch'an. Das Lautere Land zurückzuweisen, heißt, Ch'an nicht wirklich zu verstehen. Auf der anderen Seite Ch'an zurückzuweisen, heißt, das Lautere Land nicht gründlich zu verstehen. "Wenn du dies wirklich verstehst, verstehst du beide wirklich. Wenn du es nicht verstehst, verstehst du beides nicht..." (104)

(Ende des Textes von Großmeister T'ien-ju)

"Die Schule des Lauteren Land akzeptierte die Zen-Perspektive (der Erleuchtung) als im Prinzip gültig. Aber sie fragte, wieviele Menschen denn durch die Zen-Methoden Ergebnisse erlangen könnten... Die Methode der Buddha-Namen-Rezitation des Lauteren Landes wurde als einfachere Methode angeboten, mit welcher durchschnittliche Menschen Fortschritte in Richtung auf die Erleuchtung machen können..."

(J.C. Cleary, Pure Land, Pure Mind, p.18)

(Fortsetzung folgt)

Anmerkungen :

101. Dieses Bild von Buddhas, die aus dem Mund großer Meister heraustreten, erscheint häufig auf japanischen Gemälden vom Lauteren Land, besonders in der Darstellung des Patriarchen Shan-cao (siehe Joji Okazaki, Pure Land Buddhist Painting, p.173)

102. Nicht-Zwei.

"Dies ist gleichbedeutend mit Wirklichkeit, Lehre, usw. Dennoch muß man daran erinnern, daß Nicht-Zweiheit nicht notwendigerweise Einheit bedeutet, daß Einheit nur eines in dem Paar Einheit - Nicht-Zweiheit ist. Deshalb impliziert Nicht-Zweiheit ebenso auch Nicht-Einheit." (Robert Thurman, The Holy Teaching of Vimalakirti, p.163)

103. "Nach den überlieferten Ausprüchen des Ch'an Spiegels ist der Selbst-Geist alldurchdringend, und wenn du einen Buddha schaut, bedeutet das, daß du deinen eigenen

Buddha sehen kannst.' Jenes, was 'Grundlegend Ungeboren' ist, existiert, aber seine Existenz ändert nichts an der Tatsache, daß es 'Grundlegend Ungeboren' ist. Deshalb kann man von Ch'an sagen, daß es das Ch'an des Lauteren Landes ist. Und vom Lauteren Land kann man in gleicher Weise sagen, daß es Lautere Land des Ch'an ist. Aus diesem Blickwinkel sind Dhyâna (Ch'an) und Namensrezitation mit dem jeweils anderen gleich." (Hsu Heng Chi / P.H. Wi, What's Buddhism? Theory and Practice, p.59)

Der Begriff "Ch'an des Lauteren Landes, Lauteres Land des Ch'an" zeigt, daß die verschiedenen, scheinbar unterschiedlichen, buddhistischen Wege letztlich zum selben Ziel führen : der Läuterung des Geistes. Wie das Sprichwort sagt : "Viele Wege führen nach Rom."

104. Nach dem Mahâsamghata-Sûtra :

"Den heiligen Namen des Buddha Amitäbha zu rezitieren, ist von gleichem Wert, wie das tiefgründige und erhabene Ch'an zu kultivieren." (zit. in Hsu Heng Chi, What's Buddhism?, p. 22)

Dazu auch Dumoulin zur Ch'an/Lauteres Land-Verbindung : "In Zen-Klöstern wurde die Anrufung Amitäbhas in Verbindung mit dem Sitzen in Meditation praktiziert. Darüberhinaus sehen wir in der Ming-Periode eine vollkommene Fusion aller chinesischen buddhistischen Schulen und Sekten." (Zen Buddhism : A History, p. 286)

Tuxing 19



Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der
Bundesrepublik Deutschland
Verlag
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519
Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
Herausgeber : Ven. Thich Nhu Dien
Redaktion :
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : alles zwei Monate
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nach druck nur mit schriftlicher
Genehmigung der Redaktion erlaubt.



WEG OHNE GRENZEN

• THICH NHU DIEN

(Fortsetzung)

Das Vesak-Fest (1981-2525) fand feierlich in der neuen Pagode, Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover statt, unter Anwesenheit vieler Hochehrwürdigen, Ehrwürdigen, Bikkhu und Bikkhuni aus Frankreich und aus Deutschland, die nach Hannover kamen, um an der Festbezeugung teilzunehmen. Es war auch Anlaß der Einweihungszeremonie der Sakya-Muni-Statue, die ein Heiligtum der Congregation ist. Die Congregation hat sie vor 1970 nach Japan geschickt und im Jahre 1980 haben wir sie wieder nach Deutschland gebracht. Im Jahre 1981 hatten wir die Möglichkeit, die Einweihungszeremonie für diese Buddhastatue in dieser kalten Heimat zu feiern.

Früher hatte sich die Congregation darüber keine Gedanken gemacht. Denn das Leben ist vergänglich und außerdem hatten die Schicksalsfügungen des Lebens (Küste und Maulbeerfeld) diese Vergänglichkeit ganz deutlich schon früher bewiesen. Damals hatte die Congregation uns auch ins Ausland geschickt, damit wir später nach Beendigung des Studiums der Congregation in der Heimat dienen. Das ist die Pflicht eines Menschen, der Reis vom Almosengeber und Spender bekommt. Er sollte wieder den Lebewesen dienen, um seinen Dank dem Meister, den Eltern, usw. auszusprechen. Aber die Umstände ändern sich, die Dinge wandeln sich und die Sterne wandern weiter und wir schweifen umher, bis hierher, nicht als Müßiggänger, der Tag für Tag zwei Mahlzeiten hungrig oder satt einnimmt, sondern wir kommen hierher, wegen eines unabwendbaren Schicksals des Buddha-Dharma, um uns zu beugen. Dann eines Tages müssen wir uns wieder trennen. Aus Sutren gibt es:

*Was immer entsteht, hat ein Ende und erneuert sich,
Ohne Geburt gibt es weder Tod noch ein neues Dasein.*

Hierherkommen und wieder Gehen, die Begegnung ist das normale Geschehen der Menschheit und dieses Leben läuft so wie *Nguyen Du*, größter Dichter Vietnams,

Verfasser des Versromans „*Kim Van Kieu*“ 1765-1820, schon gesagt hat :

*Jeder ist Träger seines Karmas,
Und lastet nicht dem Himmel dieses an,
Der Quell guter Taten ruht ins uns selbst,
Dreimal mehr wert als überragendes Talent
ist wahre Menschlichkeit.*

Wir treffen uns wieder wegen eines unabwendbaren Schicksals. Deswegen gibt es Treffen und Trennung. Das ist so und das muß so sein. Die Brahmajala-Sutra lehrte uns: „*Alle Männer sind unsere Väter und alle Frauen sind unsere Mütter...*“ Weil wir im Gesetz der Wiedergeburt Leben und Tod in mehreren Existenzen stehen, können wir alles nicht ganz klar begreifen. Aber die Buddhas und die zahlreichen Weisen harren über die Kraft unseres Karmas seit zahlreichen Dasein. Deswegen sollten wir die Liebe zueinander pflegen, und niemals Rache untereinander säen, sodaß wir uns immer gegenseitig rächen und die Buddha-Landschaft uns nie zu Gesicht kommt.

Die Haupthalle der VIEN GIAC Pagode im Moment hat die Länge von 25m und die Breite von 10m. Die Fläche beträgt 250qm. Am Tag des Einzugs sahen wir, daß die Pagode riesengroß aussah. Dann hatten wir die Halle in zwei Räume geteilt: ein Raum zum Gästempfang und als Aufenthaltsraum und ein Raum als Haupthalle zum Buddhaaltar. Aber es läuft wieder ganz anders als wie es uns vorgestellt hatten. Jedesmal ist es voll bei großen Feierlichkeiten, die Buddhisten drängen sich zusammen. Unsere Haupthalle bietet Raum für 400-500 Personen, und sie ist ziemlich groß im Verhältnis zu den anderen Pagoden im Ausland. Aber wir können dieses Problem nicht lösen, jedesmal wenn die Zeit der Vesak und Ullambana wiederkehrt.

Während des Ullambana-Festes 1981 fand wieder eine Einweihungszeremonie für zwei Statuen beider Bodhisattvas statt : Avalokiteshvara und Mahasthamaprapta. Die Statuen sind 1,30 m groß und wurden aus Taiwan hertransportiert. Die Avalokiteshvara hält einen Weidenzweig in einer Hand und in der anderen Hand eine Vase mit Elixir, um die Lebewesen von Leiden zu befreien. Dadurch verkörpert die Bodhisattva Avalokiteshvara die Barmherzigkeit des Buddhismus. Die Mahasthamaprapta hält eine Lotusblüte in der Hand, er symbolisiert die überweltliche Weisheit. Beide Bodhisattva begleiten den Amitabha im westlichen Reich der Glückseligkeit.

Ein Besuch der Pagode bedeutet zugleich den „Mittelweg“ zu gehen; zu Buddha zu kommen bedeutet, daß man sich mit Barmherzigkeit und Weisheit identifiziert. Deshalb hatten die Buddhisten bei Buddha oder bei den Bodhisattvas das Überweltliche gelernt, sie sollten nicht das vom Weltlichen betrübte Herz hierherbringen, um das Tor der Zen-Pagode zu beflecken. Jemand, der mit unreinem Herzen dem Dharma dienen will, der steht an der falschen Stelle. Das ist kein wahrer Buddhist.

Im Jahr 1981 fand das Vesak-Fest vom 15. bis 17.05.81 feierlich statt und die Ullambana-Feier vom 14. bis 16.08.81. Außerdem gab es zwei große buddhistische Treffen, die sich mit dem Buddhismus beschäftigten, woran viele deutsche und

vietnamesische Buddhisten teilgenommen hatten.

Erstmalig wurde für Deutsche und Vietnamesen eine buddhistische Feier im großen Rahmen veranstaltet, um die buddhistischen Traditionen und die Kultur des Volkes Vietnams zu zeigen. Auch in diesem Jahr hatte der Ministerpräsident von Niedersachsen Dr. Albrecht uns unterstützt, sodaß wir eine große Halle auf dem Messegelände für das Vesak-Fest gemietet hatten. Weil das Wetter während dieser Tage sehr schlecht war, konnten wir nur dort die Zeremonie veranstalten und wenig Leute blieben. Es wurde nicht so, wie es vorher geplant war.

Es gab einen besonderen Punkt, den wir hier erwähnen möchten : Jedes Jahr regnet es während des Vesak-Festes und der Ullambana-Festes, obwohl wir versuchten, diese eine oder zwei Wochen früher als das Jahr zuvor zu veranstalten. Aber es regnete trotzdem. Viele hatten gesagt, daß es ein gutes Vorzeichen war. „Blumenregen als Opferdarbringung an Buddha“. Und das war auch ein Phänomen, das zeigte, daß die Pagode auf dem Weg zur Erweiterung stand. Ob dies richtig oder falsch war, kann jeder einzelne Buddhist für sich beurteilen. Aber wir freuen uns nicht so sehr, wenn wir sehen, daß der Himmel trüb ist.

Die Tage und Monate fließen viel zu schnell, sowie das Wasser unter der Brücke fließt, das Mondlicht durch das Fenster strahlt. Wenn wir die Zeit zum Führen eines tugendhaften Wandels oder Almosengeben nicht richtig ausnutzen, haben wir viele wertvolle Gelegenheiten verpaßt. Weil die Zeit vergeht und nie wieder zurückkehrt, dürfen wir das Sprichwort nicht vergessen :

*Versprich nicht, erst im hohen Alter
mit dem Dharma anzufangen,
In unbekanntem Grabstätten liegen so
viele junge Menschen.*

Am 15.11.81 waren wir Mönche und Nonnen, die in der BRD leben, in der Pagode VIEN GIAC Eichelkampstrasse 35a, 3000 Hannover 81 zusammengekommen, zu einer Versammlung der vietnamesischen Sangha über die künftige Dharma-Arbeit. Die Satzung der Abteilung in Deutschland von der Congregation wurde von uns, Mitgliedern der Sangha Vietnams, verfaßt. Es waren die Mönche *Nhu Dien, Tri Hoa, Minh Phu* sowie die Nonnen *Dieu An, Dieu Hanh, Minh Loan, Dieu Chuong* anwesend. Die Satzung war das Fundament für die weiteren Amtszeiten und wurde vom Amtsgericht Hannover anerkannt, unter der Nummer 4826 am 23.12.81.

Nach der gerichtlichen Anerkennung gingen wir noch einen Schritt weiter, daß unsere Abteilung in Deutschland e.V. vom Finanzamt Hannover anerkannt wurde, als gemeinnützig zum Zweck der religiösen, kulturellen und karitativen Arbeiten für die Flüchtlinge. Das Finanzamt Hannover hatte uns am 13.01.82 unter der Nummer 2.5. 206/28507/227 anerkannt. Das waren alle notwendigen Dinge im Verwaltungsbereich, die einem Verein nicht fehlen dürften und wir hatten es fertiggebracht.

Und jetzt sind die beiden Organisationen fest verankert, die Vereinigung der Buddhisten 1979 gegründet und die Abteilung in Deutschland 1981. Wir arbeiten parallel im Sinne der Bewahrung und Erweiterung der buddhistischen Kultur sowie der Kultur des Volkes konkret und harmonisch miteinander.

Die Pagode wurde gerade errichtet und niemand kümmerte sich darum. Im Jahre 1981 kam der Mönch *Minh Phu* für fast ein Jahr in die Pagode, um mit uns zusammenzuarbeiten. Die Buddhistin *Dieu Nien Huynh Thi Dau* aus Braunschweig besuchte die Pagode anlässlich des Gedenktags des Bodhisattva Avalokiteshvara auch in diesem Jahr und danach blieb sie bis heute in der Pagode, um die religiöse Wirkung zu erwerben. Der Buddhist *Thi Chanh Truong Tan Loc* hatte auch viel Mühe und Unbequemlichkeit am Anfang mit mir auf sich genommen.

Früher und heute noch sagen viele Buddhisten heimlich über mich, daß ich sehr schwierig bin und die anderen Mönche viel gefälliger sind. Vielleicht bin ich wirklich schwierig. Ich bin nicht schwierig was das Essen, Leben usw. betrifft, aber sehr beim Leben und Führen eines tugendhaften Wandels. Mit den Personen, die faul sind oder lieber spielen als lernen, stimme ich nicht überein. Ich bin aber bereit, meinen Schülern Moral zu lehren, damit sie den Weg in die Hauslosigkeit nicht vernachlässigen. Nicht nur meine Schüler, sondern auch die Novizen von anderen Meistern, sind meiner Strenge überdrüssig. Manche sagten auch zum Spaß: "weil ich früher arm war, behandle ich meine Schüler heute sehr schlecht, um mich zu entschuldigen". Ob diese Worte richtig waren, kann ich nicht beurteilen. Aber eins muß ich zugeben, daß ich nie nachgibtig mit den faulen unordentlichen Personen bin. Ordnung muß sein!

Eine hat gesagt: "warum sind die Mönche, die Nonnen, die Priester usw. sehr schwierig und streng?, niemand von ihnen ist wirklich angenehm". Ich habe geantwortet: "Darum existieren sie heute noch. Und wenn sie gegen sich selbst und den Mitmenschen nachgibtig sind, dann werden sie von der Strömung des Lebens fortgeschwemmt."

Im Leben haben die Eltern mit den Kindern auch Kummer und so haben die Meister mit den Schülern im klösterlichen Leben auch Kummer miteinander. Die Eltern wünschen, daß ihre Kinder Persönlichkeiten werden. Deswegen raten sie ihnen Güte und Verstand zu gebrauchen. Der Meister wünscht, daß sein Schüler vollständig den Weg in die Hauslosigkeit verfolgt. Er hat die Sittlichkeitsregeln dem Schüler beigebracht. Aber manchmal kommen aus der vielen Unterweisung viele Erbitterungen. Das kommt von den Personen, die nicht viel über das Leben verstehen und das Dharma kaum verstehen. Aber die, die alle Dinge verstanden haben, müssen dem Meister dankbar sein.

Normalerweise wünschen sich die Menschen immer Freiheit. Aber die Freiheit hat auch ihre Grenze und Richtschnur. Aber wenn die Freiheit Faulheit und Ungenauigkeit bedeutet, dann ist diese Freiheit bedeutungslos.

Später gab es einige buddhistische Studenten, die in der Pagode für eine Zeit provisorisch wohnten, damit sie studieren konnten. Nachdem sie eine Arbeit oder eine Wohnung gefunden hatten, gingen sie wieder in das normale Leben. Ich machte ihnen keine Vorwürfe, weil diese Personen ihre Gelübde abgelegt hatten, in der Pagode für eine Zeit zu verweilen, sagte ich mehrmals: in der Pagode sah es so wie bei einer Theatervorstellung aus. Wenn der Vorhang auf der Bühne heruntergelassen wurde, begann für die Schauspieler wieder der Alltag. Nur der Regisseur und die Zuschauer waren die Kritiker, um das Theaterstück und die Rollen zu beurteilen.

Es gab in der BRD bis zum Jahre 82-83 noch keine weitere Andachtsstätte oder Pagode außer der VIEN GIAC Pagode in Hannover, obwohl fast 10 Mönche und Nonnen in Deutschland lebten. In dieser Zeit waren sie dabei, deutsch zu lernen, einige Mönche wünschten auch, nach Amerika auszuwandern. Dadurch war unsicher, wie sich das religiöse Leben in Deutschland weiterentwickeln würde. Ich sage sehr oft zu meinen Schülern und den Buddhisten, daß sie die Menschen mit der gelben Kutte respektieren sollten, obwohl "die Kutte nicht den Mönch macht". Denn wenn wir selbst unser Leben nicht hingeben können, dann sollten wir diesen Menschen hochschätzen und auch das, was wir noch nicht gemacht haben oder nicht machen können, müssen wir respektieren. Aber die Buddhisten sind manchmal schwieriger als die Mönche. Während sie überhaupt keinen tugendhaften Wandel führen, verlangen sie, daß die Mönche so sein müssen. Das ist aber ein hoher Anspruch!

Wenn wir die Ausbildung nicht abschließen, aber trotzdem Personen mit vielen Zeugnissen lehren, ist dies vom Anfang an schon ein grundlegender Fehler. Eine Person, die selbst keine Tugend und kein Betragen beweist, unterweist die Ethik und Sittengesetze den Personen, die gerade Moral erlernt und ein gutes Benehmen heben. Das ist schon ein Irrtum. Nur allein ist die Ichheit, selbstsüchtig, mal anhaftend mal nicht anhaftend, alles stagniert immer noch im Innern dieser Menschen, die dadurch die Angelegenheit der Mitmenschen anschauen können, aber nicht ihre Probleme der Familie selbst.

In den Jahren 1982-1983 hatte unsere Pagode die großen Feste wie Vesak, Ullambana sehr würdig organisiert. Das Vesak-Fest fand im Theater am Aegi, in der VIEN GIAC Pagode und im Jugendzentrum statt. Im Theater am Aegi gab es einen Kulturabend mit modernem Volkstheater, Tänzen, Gedichtrezitation, Musik usw. Die berühmten Sänger aus Frankreich waren dabei wie: *Chi Tam, Huong Lan, Quoc Anh, Cao Thai, Minh Tam, Tai Luong* und die Schauspieler und Schauspielerinnen von dem modernen Volkstheater, die Volksgesang-Nationalmusik-Gruppe *Phuong Ca* usw. Alle hatten zusammen mit den buddhistischen Musikgruppen aus Berlin, Hannover, Hamburg sowie der Musikgruppe der buddhistischen Jugendfamilie *Quang Duc* von der Pagode *Khanh Anh* in Paris, beigetragen. Das Theater am Aegi bietet

Raum für 1300 Sitzplätze und war jedesmal voll.

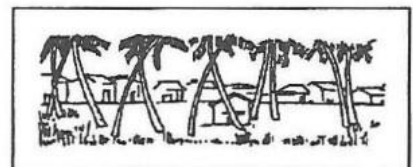
Das Jugendzentrum war der Ort, wo die Küchenmannschaft ihr Hauptquartier hatte. Dort fand auch die musikalische Veranstaltung für das Ullambana-Fest statt. Niemand konnte so gut kochen wie *Frau Hanh* aus Braunschweig, zusammen mit ihren Familien-Mitgliedern und allen Buddhisten aus Hannover. Bei jedem Fest kamen ungefähr tausend Menschen nach Hannover und blieben dort von Freitag abends bis Sonntag nachmittags. Das ist wirklich kein kleines Problem für den Organisationsausschuß sowie die Verpflegungsgruppe und die anderen Arbeitsgruppen. Eine Lokomotive, obwohl sie sehr stark ist und so viel PS hat, kann die alten und verfaulten Wagen nicht mehr ziehen. Aber hier arbeiten Lokomotive und Wagen sehr harmonisch zusammen. Es gibt keine lauten Worte oder keine Klagen. Denn hier arbeiten alle im Sinne der Freiwilligkeit und des Selbstbewußtseins.

Nach jeder Veranstaltung tagt der Organisationsausschuß, um das Ergebnis zu besprechen. Alle Buddhisten und Buddhistinnen waren erschöpft und abgekämpft, aber das Lächeln lag immer auf den Lippen. Dann wußten wir, daß das Fest erfolgreich war. Und ich selbst, konnte kein Wort herausbringen und wußte auch nicht, mit welchen Worten ich ihnen danken sollte. Es waren *Herr Hung, Herr Diep, Herr Tram, Herr Tuan, Herr Nghia, Herr Chau, Herr Duc, Frau Hanh, Frau Dieu Hang, Frau Dieu Nien, Minh Ton, Thanh Hoa, Dieu Nhi, Dieu Thai, Dieu Hien, Vien Tuyet, Familie Quang, Familie Bac Sau* usw. Hier konnte ich nicht alle Namen aufzählen, denn ich hatte die Einzelheiten in dem Buch "Das geistige Leben der vietnamesisch-buddhistischen Flüchtlinge im Ausland" im Jahre 1986 geschrieben.

Die Pagode wird immer größer und stärker. In den ersten Jahren kamen ungefähr 100-200 Personen in die Pagode und das war schon viel. Heute kommen tausende Menschen nach Hannover. Dies Ereignis bringt dem Organisationsausschuß eine große Freude. Es war sehr anstrengend, aber mit der Zeit verging alles sehr schnell.

Nach der Statistik des Bundesinnenministeriums gibt es bis heute in der BRD über 30.000 Vietnamesen. Man hat auch keine genaue Anzahl der Buddhisten, Katholiken oder Anhänger des Ahnenkultes. Aber wir können fest vermuten, daß die Anzahl der Buddhisten nicht unter 20.000 liegt, weil jedes Jahr anlässlich des Vesak-, Ullambana- und Tet-Festes ungefähr 8.000 Menschen aus den verschiedenen Städten der BRD in die Pagode kommen. Das ist schon eine Rekordzahl in diesem Land.

(Fortsetzung folgt)





TRỜI THƠ BAO LA

Vườn Thơ Viên Giác được vỡ đất, bón phân, gieo những hạt mầm, vun quén những khóm hoa muôn màu muôn sắc từ bốn phương được khởi đầu từ Viên Giác số 38 tháng 4.1987; tính đến nay cũng đã mười năm hơn.

Vườn Thơ Viên Giác là nơi hợp xướng của thi nhân, nơi phát hiện những tài hoa mới, nơi gặp gỡ của tao nhân mặc khách.

Vườn Thơ Viên Giác là mảnh đất văn hóa để chúng ta gieo trồng, chăm chút những vần thơ, là nơi gởi gắm tấm lòng thiết tha của người vong lữ hướng vọng về tổ quốc, chia sẻ niềm xót xa cùng với dân tộc.

Vườn Thơ Viên Giác nơi chung nhịp tim hòa cùng nhịp thơ, nơi hòa điệu thơ cùng với điệu thơ, nơi "Đạo đi vào Đời" bởi vì tình cảm của Phật Giáo là tình cảm của Việt Nam, hay là tình cảm của Việt Nam đều nhuộm màu sắc Phật Giáo. Do đó sự thịnh suy của Phật Giáo gắn liền với sự hưng vong của đất nước và sự thăng trầm của dân tộc.

Hiện nay, dù qua rất nhiều biến chuyển của tình hình chính trị thế giới, nhất là sự sụp đổ của các chế độ cộng sản Đông Âu, nhưng quê hương Việt Nam vẫn còn đọa đày dưới sự cai trị thô bạo vô nhân của tập đoàn lãnh đạo cộng sản, dân tộc ta chịu biết bao điều linh thống khổ. Tôn giáo bị đàn áp, Phật Giáo bị lâm nguy. Quê hương gặp "Quốc Nạn", Phật Giáo lâm "Pháp Nạn" bởi vì "Quê Hương thế nào, Phật Giáo thế này!".

Chính vì vậy, từ mười năm qua Vườn Thơ Viên Giác được sự đón nhận nồng nhiệt của bạn đọc và được sự hưởng ứng của thi nhân khắp nơi gởi hương hoa, hạt mầm, tiếng thơ, tiếng lòng của những người ly xứ; gởi gắm những nỗi khắc khoải khôn nguôi về thân phận của người tỵ nạn trên miền đất tạm dung để vẫn mãi hoài niệm về mảnh đời đã mất trên quê hương; hay là giải bày tấm lòng sắc son với tinh thần bất khuất đấu tranh với chủ thuyết ngoại lai phi nhân của cộng sản để ước vọng một ngày trở về quê hương...

Kỷ niệm Viên Giác số 100, kỷ niệm Vườn Thơ Viên Giác tròn 10 tuổi, người phụ trách trân trọng giới thiệu đến bạn đọc những sắc thái của khung trời thơ bao la với nhiều khuynh hướng của những thi nhân đã thường xuyên cộng tác với Viên Giác và hưởng ứng lời kêu gọi cho số báo này.



Một chiều mưa vào giữa tháng 6.97, tôi lái xe đến chỗ hẹn với nhà thơ Phương Hà, nhà biên khảo Minh Huy Nguyễn Đình Tuyến và nhà thơ Nguyễn Huyền Không. Tự nhiên tôi nhớ đến âm điệu ray rứt buồn của bản nhạc, hình như có tên là "tháng sáu trời mưa". Tôi với anh có dễ nhận ra nhau không? Liên lạc thư từ với nhau, tuy không đều nhưng không đứt đoạn đã hơn 10 năm, thế mà chưa gặp nhau lần nào!

Anh ở Bỉ, tôi ở Đức. Anh ở Bruxelles, tôi ở Hamburg. Không gian gần mà sao không có cơ hội tương kiến? Ngày anh theo phái đoàn hành hương đến chùa Báo Quang Hamburg, thì tôi phải lên đường tham dự buổi họp để chuẩn bị thành lập Gia Đình Phật Tử tại Chùa Viên Giác Hannover. Khi tôi tháp tùng chuyến hành

hương đi Bắc Âu của phái đoàn Trung Cao Niên tại Bỉ, thì giờ cuối anh bỏ đoàn đi Berlin! Sự tương kiến giữa anh Phương Hà và tôi có những trở trêu như vậy!



Phương Hà

Anh như một cánh chim, sau thời gian bị nhốt trong lồng vì sinh kế, đã thường nương theo mây trời để giang hồ đó đây. Thư tôi viết cho anh, không thấy hồi âm. Sách tôi gởi cho anh, biệt vô âm tín! Những người quen cho biết, từ hồi trả xong nợ áo cơm, anh thường khăn gói lang bạt kỳ hồ. Sống không!

Thế nhưng, cũng rất tình cò, không chờ đợi, không mong ngóng tôi lại nhận được thư anh với hơn 20 bài thơ sao lục trong bản thảo "Đoạn Đường Nước Máu". Tôi tưởng những rung cảm, những cảm xúc về thơ anh, một thời cách đây khá lâu đã phai nhạt theo thời gian, không ngờ khi đọc lại vẫn còn đậm đà những dư vang cũ. Những rung động, những hồi tưởng, những

xót xa, những ý chí đấu tranh, những mong ước đổi thay cho quê hương dân tộc...

Thơ anh, những bài thơ viết trên chặng đường lưu vong, từ những tháng ngày trên trại tỵ nạn Tanjung Pinang cho đến bây giờ trên mảnh đất tạm dung. Thơ anh, "đoạn đường nước mắt", mà "mỗi bài thơ là một bước chân gập ghềnh của đoạn đường nước mắt, là mỗi vết thương xát muối, chú chẳng phải là thơ...". Không, thơ anh hồi đó cho đến bây giờ vẫn là những giàn trọng pháo nã vào trán quân thù. Thơ anh hừng hực những chuyển biến thời sự, những ưu tu của thời thế nhưng lại rất giàu tính nhân bản. Thơ anh rất thật, rất tự nhiên, không kiêu sa chải chuốt, những nỗi anh chất thơ đã mang chớ hết nỗi nhớ niềm đau về thân phận người, thân phận quê hương, dân tộc đang quần quai đau thương vì chế độ bạo tàn.

Do đó, nơi nào anh cũng làm thơ được: bên bức tường Bá Linh, nơi sông Meuse, ở Athens... bởi từ những thống khổ của dân tộc mình anh cảm nhiệm được nỗi điều linh của dân tộc khác...

Nhà thơ Phương Hà Nguyễn Thanh Bích, sinh năm 1929 tại Quảng Nam, trốn giặc lưu vong từ năm 1979, định cư tại Vương Quốc Bỉ. Gặp anh lần này tôi sẽ hỏi anh, tại sao trong "lý lịch trích ngang" (danh từ đáng ghét, đáng ghê, đáng hận trong các trại tù cải tạo) anh lại viết cho tôi: "vô tổ quốc, vô gia đình, vô nghề nghiệp, vô gia cư, vô sản, bất tài, chỉ biết làm thơ chút chút đủ để thờ", và sẽ nói chuyện về "Đoạn Đường Nước Mắt" khi anh đã phải đánh đoạn "Vượt Biển" rồi bỏ quê hương ra đi tìm tự do, tìm cơ hội chiến đấu:

...
Nước mắt cay hay là khói sóng?
Hải phận đây rồi.
Hun hút nẻo trùng dương...!

Và anh đã hứa với người bạn cải tạo, "Người Tù Sĩ Quan Cũ", nếu ra được nước ngoài anh sẽ nói lên thay cho người bạn tù:

...
Những điều thắc mắc của anh
Vì sao chấm dứt chiến tranh
Mà thân anh tù tội?

...
Hôm nay nằm đây
Cuối hải trình, vượt tuyến gian lao
Dặm ngàn xa tổ quốc,
Tôi nhìn sóng đuối lao xao
Dưới chân rặng dừa
Một nơi nào hải đảo.
Tôi nhớ anh: ánh mắt, tay run, vôi bước
chân lão đảo

Tôi nhớ anh với vùng ngục tù dưới sỏi trên
sao
Tôi thương anh thuở cuộc chiến bốc cao
không chết
Nay hoà bình lại chết mòn "cải tạo" trong
lao!

...
Trong một thư gởi về cho "người em gái nhỏ hậu phương" đang ở nông trường hay đang công trường thủy lợi, anh đã kể cho em nghe lần gặp "Peri" - cô gái tóc vàng mắt xanh trong một quán Cafétéria nhầy nhựa nhạc Jazz với những bản nhạc blue buồn nhức nhối... Thư em viết trả lời cho anh hồn giổ:

Đọc lên thơ anh trên bờ suối
Dầu anh nhỏ thương ray rứt buồn tủi
Em vẫn ghen
Với Peri mắt xanh màu thiên thanh
Mà vòm trời nơi đây cũng có
Nhưng không tóc vàng
Không Cafétéria
Không nghệ sĩ da đen già với bài blue thiết
tha buồn thảm
Quê hương anh giờ đây núi sông buồn ảm
đạm

Nghiêng nghiêng đầu xót triệu hình hài
Bạn bè anh rừng xanh chôn hồn mái mái
Tiên Lãn, Cheo Reo, Bù Đốp...
Cha mẹ anh công lũng cũng chỉ sẵn khoai
Còn em anh?
Dép râu đầu súng giặc
Máu đổ hay chưa
Sống hay chết Swayriêng, Kongponthom,
Mimốt ?
Tranh đồn đắp lũy cho Duẩn Đồng Chính
Tuổi máu đốt xương buộc tôn vinh giai cấp
mới

Chú bác anh đôi tay mang công số 8
Made in U.S.A.
Sâu sâu về quê hương La Ngà
Máu phun đỏ lá rừng già cao nguyên!
...
Vây mà chiều nay
Bên bờ đại dương đầu đó
Tà tà Cafétéria
Với cô bạn nhỏ tóc vàng như nắng Florida
Và mắt em xanh như màu khí quyển thiên
thanh
Và nhắm từ từ từng note saxo, từng bản
Jazz nức nở
Vạn lý sầu chôn trong đó phải không anh,
Trong khi triệu bạn bè đang ngộp thở
Ngá gục lằn trên núi thẳm rừng xanh?

Hãy nghe em: đập vỗ ly
Bye Bye Peri cô bạn Mỹ
Bảo anh da đen nghệ sĩ đứng chơi những
bài blue ủy mị
Tấu giùm đi khúc nhạc quân hành!
Và em biết,
Anh sẽ vươn vai đứng dậy
Nghiến răng giẫm lấy súng gươm
Trần về núi cha sông mẹ
Chặt gông cùm cho dân tộc hồi sinh...
...

Ồi những lời trách cứ của em, không sai. Như em đã hay chút tình lãng mạn nhưng chẳng nơi nào là bến đậu, chẳng nơi nào lưu giữ những luyến thương cho bằng hình ảnh của sông núi quê hương. Thế cho nên, cũng từ "Sông Meuse" nhà thơ nhỏ về sông Cửu, sông Hồng, sông Tiền, sông Hậu...:

...
Nhỏ quá sông Meuse
Chao ôi là nhỏ!
Ngày anh về hoa nở rộ công viên
Đến với em một lần luyến thương muôn
thuở
Chiều lưu vong ngun ngút hận vô biên!

...
Bồi thương anh thân ở đậu ẩn nhờ
Em ủ anh khi đồng về tuyết phủ
Rồi thì thăm em nhắc từng tên những sông
nguồn quê cũ
Sông lao xao vùng dậy mỗi duyên thơ!
Sống một đời bên Tiền Hậu Giang nước lũ

Niềm thủy chung không đủ dập đam mê
Tóc muối tiêu tuổi xế bóng đã cận kề
Anh vẫn nói với em những lời tình tự
Bởi vì anh không hề lười biệt xứ
Nhỏ quê hương hùng cứ một phương
Đông

Bát ngát bao la sông Cửu, sông Hồng
Đã mất rồi tất cả, em biết không?
Tướng tư qua em sông Cửu, sông Hồng
Nói sóng đợt trùng trùng vạn đợt
Nhìn lại bên này
Thì em ôi!
em chỉ là em thơ dại.
Mà nơi đây em nung lại nỗi nhớ thương
Rứt ruột gan từ dạo lên đường
Lưu đày biệt...!

...
Thế rồi, mười năm. Trong "Đêm Văn Nghệ Nguyệt Ánh" 3.8.85 tại Bruxelles đã làm sống dậy hào khí ngút ngàn của tinh thần đấu tranh chống cộng. Anh muốn nói với "Nguyệt Ánh" rằng:

...
Ướt áo em
Nước mắt đêm mưa
Của Sài Gòn nức nở
Thêu áo em
Những vuông nắng vàng rực rỡ
Ứng màu cờ muôn thuở thân thương
Em mang về đây tất cả quê hương
Biểu tượng niềm thương nỗi nhớ
Em khời lại đây
Những ấn nắn, đại khổ, làm lờ
Những cuộc đời đời tan vỡ bởi buông tay!

Đêm nay
Rượu chưa nhấp đã say
Đàn lên giấy chưa dạo
Mà trắng về lão đảo tưởng đêm sâu...
Hát đi em
Hát cho buốt bỏ nỗi sầu
Mười năm lây lất.
Thấy không em ?
Bên ngoài mưa lất phất
Cái đồng hàn quanh quất chẳng buông
tha

Những đứa như bọn qua
Mất nước tan nhà
Bằng giá sẽ bao vây trọn kiếp.

...
Ồi kia, có phải em say
Với tiếng ca cao vút
Thả cảm thù ngàn ngục
Chiều thế kỷ lung lay
Nhón loại qua em thấy tay quý đỏ
Nhầy nhựa máu tanh
Múa mô
Khua nanh
Nhón danh chi để siết họng dân lành!

Ồi, sao mắt em long lanh
Hực lửa?
Rồi trống lạng
Đàn ngưng
Âm thanh không còn gờo nữa
Chỉ còn nghe lửa trong tim lửa đốt dậy sôi
Ngàn cánh tay cao vút để rồi
Thét cao thề diệt giặc!

...
Nơi nào còn "búa liềm" là nơi đó còn khổ ải,
nơi nào còn bóng ma cộng sản là nơi đó còn

Nhỏ mày đổ rượu vào thơ
 Thơ say suốt một chiều mưa bặt ngàn
 Rung chỉ những sợi dây oan
 Năm cung sắt máu cho đàn mất vui
 Thơ tao sông núi ngậm ngùi
 Vốn mảy tãi đạo vào đời điều ngoa
 Trên từng ngọn lóc sương hoa
 Có bao đêm trắng mực pha máu bầm

Bao phen yêu vội tin lầm
 Bấy nhiêu vết sẹo trên thân hao gầy
 Ngã đau lại nhỏ đến mảy
 Mũi tên tẩm độc ngũ say giặc hèn

Mặc thầy bọn chúng bon chen
 Đùng làm ô nhiễm hơi men tửu phần
 Có trong ly rượu tẩy trần
 Chút mảy ấm lạnh trong vầng điệu tao
 (HHC - Đổ Rượu Vào Thơ)

Ngoài thơ Tình Yêu, thơ Tình Nước, anh Hà Huyền Chi còn có thêm bút hiệu Mậu Bình (không có lính) trong tập Thơ Đen (1991) với hơn 300 bài thơ chơi Bác và Đảng sát ván; dự lục còn được tiếp nối qua Thơ Kẽm Gai (1994).

Năm 1989, khi thực hiện cuốn Tuyển Tập Thơ Viên Giác, tôi chọn đăng hai bài thơ rất ngắn của một tác giả rất lạ: Đan Hà. Sau khi in xong, tôi kiểm tra địa chỉ chùa để gửi sách biếu và mời đến tham dự buổi ra mắt sách trong một dịp Đại Lễ Vu Lan hay Phật Đản gì đó giờ tôi không còn nhớ rõ. Nhà thơ Hoài Việt đến từ Paris / Pháp để giới thiệu tập thơ, nhà thơ Huyền Thanh Lữ đến từ Dorsten / Đức để phát biểu cảm tưởng. Ngoài ra còn có nhà thơ Hoài Khê đến từ Hamburg, Đan Hà và nhà văn Vũ Nam đến từ Reutlingen / Đức và An Lai Thôn Nữ đến từ Pháp. Riêng tôi đảm nhận phần điều hành.

Buổi sinh hoạt tưởng đối thành công về phần tổ chức chu đáo, trang trọng nhưng vẫn không mất tinh văn nghệ. Thầy Chủ Nhiệm, chủ tọa, đã ngâm một bài thơ của Huyền Không. Giọng ngâm của Thầy không ngộ cũng ngọt lắm. Hơn 100 Phật Tử tham dự. Sách lại phát hành với chữ ký của các tác giả hiện diện khoảng 20 cuốn.

Dần dà trong những năm sau này, số Phật Tử tham dự lễ chùa ngày càng đông. Các buổi sinh hoạt văn hóa và ra mắt tác phẩm cũng được rất đông đảo người tham dự, nhưng số sách phát hành ngày càng ít đi. Không phải giá sách quá cao, vì những cuốn sách do Chùa Viên Giác in đều bán với giá tượng trưng; cũng không phải vì tác giả không có tiếng tăm, vì sách của vài nhà văn nổi tiếng cũng trở thành hàng nằm, chỉ bán lại vài năm này qua năm nọ. Có một người anh em mến mộ văn nghệ kể với tôi, anh có vài người bạn cùng đi dự vài buổi ra mắt sách, có đệm phần ngâm thơ và ca hát, nhưng mấy người bạn của anh ta không mua sách mà chỉ mua vài chực nem... nhậu chơi! Đúng là "văn chương hạ giới" thời buổi này còn tệ hơn nem chả nữa!

Cũng trong dịp đó, tôi biết Đan Hà. Thật ra thì cũng xa lạ gì, vì Đan Hà chính là Trần Văn Huyền đang ở trong Chi Hội Phật Tử tại Reutlingen. Tôi gặp Đan Hà trước đây vài lần

hoặc tại chùa Viên Giác trong các buổi lễ Vu Lan hay Phật Đản qua sự giới thiệu của Vũ Nam, hay tôi cũng gặp tại địa phương nơi anh ở khi tôi xuống thăm Vũ Ngọc Long ở Reutlingen. Sau này khi đã có những liên hệ mật thiết, tình như anh em, chúng tôi mới góp ý nhau để tìm một hướng tiến.



Đan Hà

Đan Hà sinh năm 1945 tại Cam Lộ, Quảng Trị là hội viên của Trung Tâm Âu Châu thuộc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại từ tháng 4.1992, và Biên Tập Viên của báo Viên Giác từ năm 1995. Đã xuất bản các Thi tập: *Nỗi Nhớ* (cùng viết chung với Huy Giang, Nhóm Khởi Hành, 1994) và *Tìm Trong Yêu Dấu* (Viên Giác, 1997).

Tôi đã viết lời giới thiệu cho cả hai thi tập này và tôi thấy thơ Đan Hà mang chỏ hoài niệm: hoài niệm xót nhỏ về quê hương đã mất, hoài niệm lãng mạn về đầu ái, thao thức về thân thể lạc loài. Vì chỉ là hoài niệm, nên niềm đau trong thơ Đan Hà chỉ phớt qua mà chưa thấm cay đắng, chưa nào nề thống khổ; nỗi buồn về những cuộc tình tuổi ngọc chỉ là nỗi nhỏ nhẹ nhàng trong kỷ niệm chứ không quặn thắt ruột gan:

Xa tất cả nên lòng chưa hết nhớ
 Khi thu về màu tím của mây bay
 Như kỷ niệm chờ đầy trang sách cũ
 Gói trong hồn từ thuở gió xa mây

Lời yêu dấu hình như xưa đã mất
 Mỗi tham lam ghi xiết nụ hôn đầu
 Khi mới biết lời thề như rót mật
 Biết đâu tìm giữa ngày tháng xa nhau

Khi mới lớn tình vui như nắng lụa
 Tóc bay chiều theo làn gió em qua
 Hương nồng đượm phủ đầy trên vai của
 Tà áo bay xanh lộng dưới giang hà
 Như chim chóc về cùng chung tiếng hát
 Nơi sân trường lá rú bóng nghiêng che
 Anh từng đợi những buổi chiều nắng rớt
 Xuống trên đầu óng ánh giọt vàng hoe

Nắng hết rụng bao giờ anh chẳng biết
 Vì trong hồn còn tưởng nắng chưa rơi

Khi quay lại chợt nghe lòng tha thiết
 Uống một đời thua thiệt giữa đôi nơi

Mùa thu ấy không còn gì để lại
 Nắng đã vàng, em cũng bỏ tình đi
 Hoa còn nở những anh đầu đám hái
 Vì ngại rằng không biết để làm chi

Ngày mai nếu thu chưa vàng lá mỏng
 Anh xin đem kỷ niệm dấu trong rừng
 Nhờ lá gió che từng khung tuổi mộng
 Dấu mai này yêu dấu vẫn quay lưng!
 (Như Giọt Nắng Thu)

Thơ anh viết từng nhịp nhẹ nhàng khoan thai
 kể lể, ngôn từ bình dị như ta thường trò chuyện
 hàng ngày, nhưng khi anh đem sử dụng lại làm
 cho chùm thơ có nhiều ý vị:

Lá thư mấy năm về trước
 Tinh cở anh mở ra xem
 Viết trên giấy xanh mờ ước
 Nét chữ học trò của em

Tâm sự nằm trên trang giấy
 Nỗi buồn dấu kín trong thư
 Em kể đơn sơ có vậy
 Nhưng anh nhớ mãi đến giờ

...
 Nhớ mẹ tháng ngày buồn tủi
 Thương em tuổi hãy còn thơ

Từ ngày anh đi không biết
 Quê nhà còn vẫn như xưa
 Vì sau bức thư em viết
 Cho anh ngày ấy đến giờ...!
 (Lá Thư Ngày Trước)

Hoặc:

...
 Khi nghĩ lại đường về xa xôi quá
 Biết làm sao để tìm lại mền thương
 Nói hiện tại nhìn quanh đều xa lạ
 Kể từ ngày còn ngăn cách cố hương

Tháng vẫn rộng năm dài nên đời đã
 Chảy theo chiều có biết bến bờ đâu
 Khi dừng lại thấy cõi lòng băng giá
 Đường cô đơn như thuở mỗi bắt đầu
 ...

(Lời Chiều)

Hoặc:

Đường xưa em về trong nắng
 Ngại ngừng áo tím đong đưa
 Gió lên bên cầu thấp thoáng
 Bâng khuâng như lúc giao mùa

...
 Khuất xa áo em màu tím
 Khi chiều nắng đã vàng phai
 Cho thương nhớ về đan kín
 Dáng em còn nét trang đài

...
 Bay giờ tìm đâu hình bóng
 Của người áo tím năm xưa
 Em về còn ai trông ngóng
 Nhớ thương anh nói sao vừa!
 (Chiều Xưa Áo Tím)

Đan Hà trong bài *Chiều Cũ*, một vài đoạn với lời thơ và ngôn từ cũng trao cho chúng ta

những phút băng khuôn nhỏ về những vạt nắng yêu thương ngày xưa cũ:

Bếp khói nhà ai bay lên không
Chứa tan đi vội, thế nên lòng
Còn thương một chút gì xa vắng
Đậu mãi trong hồn ta mệnh mỏng
...
Mây cũng bay theo ngọn gió chiều
Trái dài như bóng nắng vàng thêu
Ngày dài nên biết còn nhung nhớ
Đọng lại trong hồn thuở mới yêu
...
Nhỏ khói lam chiều nóc nhà tranh
Vẩn từng sợi ẩm tuổi xuân xanh
Tiếng ru còn vắng trên môi mẹ
Đầy tuổi thơ hồng lớn thêm nhanh.
(Chiều Cũ)

Cách đây khá lâu, khoảng năm năm trước, trong một dịp cùng bạn xuống miền Trung Nam Đức, có người biết tôi phụ trách phần Văn Nghệ cho tờ Viên Giác, anh ta ngó ý không hài lòng về thơ và văn của một người, cho là vẫn viết còn non và còn quá nhiều lỗi chính tả. Tôi ghi tên người viết, không giải thích vì bản về văn học nghệ thuật không thể ở trong bàn nhậu của mấy ông hủ nhũ chìm.

Tôi về lục lại mấy số báo cũ tìm được cái tên xa lạ: Huy Giang Trần Ngọc Nam ở Schramberg. Thơ không có gì nổi bật, văn cũng không đến nỗi tệ. Lỗi chính tả, nếu có thì tòa soạn đã sửa rồi. Gà ghét nhau tiếng gáy là chuyện thường! Vì ông kia hình như cùng ở chung một vùng với Huy Giang thì phải! Thế nhưng từ đó tôi để ý đến tên tác giả này và thấy anh cũng viết cho tờ Măng Non, tờ báo tuổi thơ ở Dortmund. Viết cho trẻ con, những văn của anh tuy chưa già cộm nhưng nghe đã... dày dầy!



Huy Giang

Một hôm anh gửi bài về cho báo Viên Giác, tôi cảm thấy "được lắm". Cái "được lắm" do trái tim tôi cảm xúc. Sẵn có địa chỉ trên bì thư, tôi viết cho Huy Giang lá thư ngợi khen. Dù tôi không cố ý làm kẻ cả để khuyến khích các cây bút trẻ, nhưng tôi biết những việc cần làm, hành xử sao cho có tính cách văn nghệ. Từ đó, qua liên lạc tôi có thêm "người em văn nghệ"-đúng ra điều này tôi không dám lạm nhận, vì tôi biết nhiệm vụ của một người anh không phải để!

Huy Giang sinh năm 1949 tại Rạch Giá. Xong Trung Học anh nhập ngũ, ngành Thủy Quân Lục Chiến, đến Đức sớm, từ 1976, cộng tác với nhiều báo ở Đức, Pháp... Hội viên Trung Tâm Âu Châu thuộc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại từ 1994, Biên Tập Viên báo Viên Giác từ 1995. Sách đã xuất bản: *Những Nụ Hoa Bần* (tập truyện tuổi thơ, Viên Giác, 1994), *Nỗi Nhớ* (thi tập, viết chung với Đan Hà, Nhóm Khởi Hành, 1995), *Những Nụ Hồng* (thi tập, Viên Giác, 1996).

Hầu như cùng một lúc, đồng một thời với Đan Hà, những bước tiến của Huy Giang vẫn chưa nhanh, mặc dù kể về sức sáng tác thì Huy Giang có phần trội hơn, nhưng kể về chất lượng thì Huy Giang không bằng ngay cả vấn đề cú pháp cũng vậy. Tôi có thảo luận vài lần với Huy Giang về hướng sáng tác để khỏi phải quần quanh trong cái trùng điệp chung chung.

Tôi rất mừng vì nhận thấy từ ngày liên lạc được với Nữ sĩ Vân Nương, Huy Giang đã có mấy bước tiến bộ, biết giữ niêm luật, bớt vẻ kiêu kỳ làm dáng trong thơ, bỏ được những từ vô nghĩa... Chắc tiếng nói của Nữ sĩ có hiệu lực hơn tiếng nói của "ông anh văn nghệ"! Huy Giang cũng tập sáng tác thơ Đường, thất ngôn bát cú, nhưng chắc cũng cần có nhiều thời gian trau chuốt. Ngoài ra Huy Giang đang có khuynh hướng làm thơ Thiền hay Đạo Ca vì tôi đọc vài bài thơ có nhắc đến những từ về Phật Giáo. Điểm này đáng được khuyến khích, nhưng thiết nghĩ chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu sâu xa cho mùi đạo vị thấm vào xương tủy thì thơ Thiền mới ngộ được.

Một số bài tiêu biểu của Huy Giang đánh dấu bước chuyển mình để có cơ hội góp mặt với nền văn học hải ngoại. Năm tháng dần qua, nhưng kỷ niệm của cuộc tình thuở còn cắp sách vẫn là dấu hằn thương đau còn trong tâm khảm. Thời buổi chiến chinh, anh lên đường nhập ngũ, em ở nhà... nào ngờ:

Tháng năm vội vã qua song cửa
Sao vẫn còn đây kỷ niệm xưa
Thấp sáng lung linh từng nỗi nhớ
Sưởi hồn giá lạnh cuối đêm mưa

Em tôi ngày trước ngoan hiền lắm
Nhà ở kề bên cách luống hoa
Hai đứa mếu nhau từ lên tám
Nguyện thề rằng sẽ chẳng chia xa

...
Tôi vào lính giữa năm mười chín
Mực tìm học trò lưu dấu đẫm say
Giã tử em, trường quen, bạn hữu...
Ngày về... hẹn nắng đẹp tương lai

Những oan nghiệt tui thành cơn bão
Gào thét vang mưa đạn ngập trời
Pháo kích!
tang thương và lệ máu
Nổ hoai lười đạn chẳng hề với...
...
Em tan vào cõi lạnh buồn tênh!...

Thời gian vội vã qua song cửa
Bỏ lại riêng tôi những nỗi niềm
Ái yêu phong kín từ lâu lắm
Cứ mỗi mùa trăng sao xuyên thêm
...
(Long Lanh Niềm Nhớ)

Thế rồi anh mất người yêu, mất quê hương từ ngày giặc chiếm. Cuộc đời anh, thân viễn xứ hầu như vẫn mãi cứu mang:

Niềm đau thức tình rạn vỡ
Đếm canh hạt rụng tới bởi sương đêm
Đèn chao ngọn thấp nỗi niềm
Vỡ hai bóng nguyệt xuống thềm yêu
thương

Xa xôi gót mỗi dặm trường
Tứ mùa hạ chớm quê hương uất hờn
Bão vậy nhịp sóng từng cơn
Cho thổi mái rạ khói mơn man chiều
Đất cần thửa mạ buồn hiu
Vườn cam trổ rể, cô liêu phượng hồng
Ngẩn ngơ chờ nặng dòng sông
Trầm tử biển nhỏ vào lòng quần quanh
Xám mây bủa ngọn cuối gành
Mở trong lòng mắt long lanh lệ nhòa
Gió lay lá những âu lo
Rơi vàng đáy huyết hận hò năm xưa
Xót xa phận bạc trời mưa...
(Qua Đêm)

Tình yêu ngỡ đã chết, chợt một ngày sống dậy, khi anh gặp được một người. Anh thăm hỏi, em e thẹn cúi đầu không nói:

Ta có hỏi những em không nói
Vẫn cúi đầu, cần nhẹ làn môi
Hoa e thẹn ửng hồng đôi má
Tóc ngại ngừng xo lệch đường ngoi.

Đó là đoạn nhỏ mở đầu cho bài thơ "tò tinh" gửi em sau lần gặp gỡ và xin em chớ hững hờ:

Để gió trao duyên khắp đất trời
Để mây hồng sắc rạn trang đài
Để cho lộng lẫy ngàn tia nắng
Rụng xuống tình hoa giọt lá lời

Để bướm nghiêng nghiêng lượn cánh bay
Để hoa xanh ngát lộc trang đài
Để chim oanh vũ ru tình tứ
Trong vắt ngân lên tiếng hót dài

...
Để mỗi mòn thời phút đợi mong
Cổ đón khắc khoải ở trong lòng
Thôi hồn thời khắc trôi qua chậm
Tuyệt diệu nào bằng phút nhỏ mong

Em ái yêu ơi, đây áng thơ
Lòng anh gói ghém ý tình thơ
Thâu đêm ngồi chép lời tâm sự
Em nhận nha em...chớ hững hờ!
(Trắng Áo Em Dài)

Tôi liên lạc với chị Vân Nương LNC trước đây gần một năm, qua thơ văn. Chị gửi tặng tôi, ngoài những bài thơ thường, còn có vài bài Đường Thi. Về Đường Thi, một loại thơ có tính cách thủ tục, tôi rất ít làm. Tuy nhiên tôi cũng họa lại gửi cho chị mấy bài để tưởng lăm. Từ đó, tôi được chị nhận làm thi đệ thủ sáu, trong đó hình như một vị còn ở Việt Nam.

Chị Vân Nường cộng tác với Viên Giác từ lâu, nhưng gửi bài không đều. Là người phụ trách Vườn Thơ Viên Giác, tôi mới có cơ hội thư từ thăm hỏi chị và nhờ chị đóng góp thơ văn. Từ đó chị gửi bài rất đều, rất nhiều.

Ngoài ra chị còn viết cho các tờ báo khác như Làng Văn (Canada), Văn Hóa (Paris), Thân Hữu (Paris), Pháp Âm (Na Uy), Quốc Gia (Canada).



Vân Nường

Chị Vân Nường, khuê danh là Trần Văn Chung, sinh trưởng tại Thanh Hóa. Phu quân là Luật Sư Lê Ngọc Chấn (mất năm 1986 tại Saigon sau khi học tập cải tạo trở về). Năm 1946 bắt đầu làm thơ, năm 1962 đã cùng với các bạn thành lập Thi Đoàn Quỳnh Giao tại Saigon, hội viên toàn nữ giới. Đã xuất bản: *Tơ Sương* (1965), *Con Đường Lý Tưởng* (1990), *Mây Viễn Phố* (1996), *Nhớ Một Người Đi* (1997).

Tôi xin phép nhà thơ Hà Thượng Nhân trích trong "Lời Bạt" của thi tập "*Mây Viễn Phố*" để có thể giới thiệu một phần đôi riêng tư của chị Vân Nường: "...ngươi ta chỉ biết bà là vợ của một vị nguyên Bộ Trưởng, nguyên Đại Sử, ít ai biết người đàn bà tài hoa trang nhã ấy đã từng có những buổi trưa nắng gắt, lội cả một sân thóc rộng, buổi chiều quét cái ngõ róm dài hun hút đến rã cả tay, khom cả lưng. ít ai biết người thơ Vân Nường có lúc đánh bó tay, đau đớn nhìn đứa con gái chết vì thiếu thuốc vào thời gian về tá túc nơi quê chồng.

Những năm theo chồng ra Hà Nội, suốt ngày tong tã đạp xe mua hàng, giao hàng để nuôi đàn con nhỏ dại, để chồng yên tâm làm chính trị. - Đó là một người đàn bà Việt Nam thuần túy, con cháu bà Tú Xương của thời đại mới.

Chính cái cuộc sống tấp bập ấy, chính sự đau khổ không nói ra lời đã nuôi dưỡng nguồn thơ...":

...
Chiều nay nhớ lại những chiều qua
Mái ấm hình như ẩn bóng tà
Phảng phất vầng trăng soi đi vắng
Chập chờn vườn cũ dậy mùa hoa
...

Lắng tiếng chim rừng vỗ cánh bay
Gọi nhau về tổ ấm sum vầy
Riêng mình soi bóng chiều ngơ ngác
Trời đất như chìm trong giấc say.
(Vân Nường - *Tùng Lốp Mây Chiều*)

Cảnh ngộ, tai biến trong suốt chiều dài cuộc đời của chị, chính là những nguồn thi hứng để chị ghi những ngôn ngữ tâm sự:

...
Âm thầm đếm giọt mưa mau
Như bao nốt nhạc thấm sâu vào hồn
Ai về bến cũ cô thôn
Cho tôi gửi những giọt buồn đêm nay.
(Vân Nường - *Đêm Mưa*)

Chị đã không gửi những giọt buồn, mà chị đã gửi giọt vẫn chường trong những giọt Kinh Hoa Nghiêm qua tác phẩm "*Con Đường Lý Tưởng*". Chị đã tìm về với đạo pháp, để nhận thức rằng:

...
Nhân sinh thế sự vô thường
Mỏi hay vũ trụ quay cuồng bể dẫu
Trục xoay xoay tít địa cầu
Ngàn xưa tiếp nối, ngàn sau luân hồi.
(Vân Nường - *Hoa Đào Mất Dấu*)

Sau cùng, tôi xin ghi lại mấy bài thơ chị mới gửi cho tôi để đóng góp cho Viên Giác số 100. Lời thơ nhẹ nhàng đắm thắm, nhưng vẫn chất chứa nhiều nỗi bi hoài xót xa về người, về mình và về quê hương. Dù với một số ít bài, nhưng tôi hy vọng rằng, độc giả vẫn có thể thấm lượng giá trị về thơ của một nữ sĩ tử trong cuộc sống vốn đã có nhiều biến động:

Tiếng Vọng Người Xưa

Tôi nghe lời nói bút là gươm
Tờ Hịch ra quân dậy chiến trường
Lạc Việt ngồi lên trang sử gấm
Đời Trần công đức Hùng Đạo Vương

Tôi nghe lời nói mực là máu
Nhiệt huyết bùng sôi vấy đẫm tờ
Nguyễn Trãi thù cha nung chí cả
Bình Ngô Đại Cáo mực chưa khô

Tôi nghe lời nói dưng là chuyền
Ngẩng mặt coi khinh lũ bạo quyền
Chinh chiến sá gì câu thặng bại
Máu cờ sắc áo giữ trung kiên

Tôi nghe lời nói tâm là chính
Giữ vững niềm tin trước bạo tàn
Giống trúc vốn nòi quân tử ấy
Bảo bưng, thẳng tắp đứng hiên ngang

Tôi nghe lời nói của ông cha
Suốt bốn ngàn năm dựng nước nhà
Những chữ sắt son ghi tạc mãi
Để người sau theo dấu người xưa!

Những Dòng Kinh

Nhỏ một buổi ngọn sóng dồn đưa đẩy
Chợt thấy mình quanh quẩn xứ người ta
Xa lữ người cầm thù luôn trở dậy
Mang tội đồ dày xéo nát quê cha

Tôi tự hỏi sao đã từ vạn kỷ
Kẻ tà tâm luôn thắng khách hiền lương
Trong kinh Phật dẫu hàng hàng triết lý
Vấn mệnh mang sướng khổ cõi vô thường

Ồi còn đâu mái nhà xưa tổ ấm
Tháng năm dài thanh thản nhẹ nhàng trôi
Tiếng nói xôn xao, nụ cười đắm thắm
Cuộc sống yên lành dưới nắng reo vui
Rồi thoảng chốc tâm tư chìm lắng xuống
Lắng chìm theo cơn gió bụi phồn hoa
Dòng kinh Phật bồi hồi trong tâm tưởng
Kiếp phù sinh như hạt cát phủ sa

Xin một cõi đi về mộng thắm trang giấy
Trời đất bao la mộng mãi không vừa
Ngơ ngác dỗi tìm quê hương chẳng thấy
Những dòng kinh khóa lấp lối xa xưa.

Cối Trầm Mê

Tôi đứng đón con thuyền vào buổi ấy
Một con thuyền vũ trụ đập dềnh trôi
Trong biển gió mệnh mông tràn sóng dậy
Người nổi người, chuyen chở mãi không trôi

Qua mỗi bến lại có người đáp xuống
Có người lên thay chỗ, vẫn không ngừng
Người xuống bến vật vô trông tám hướng
Người lên thuyền dáo dác cõi mông lung

Chao huyền bí! Kia hai vầng nhật nguyệt
Suốt đêm ngày quay tít chiếc luân xa
Hết sớm lại chiều - hết tròn lại khuyết
Vòng luân hồi lảng đặng lướt phong ba

Hành khách lên hoài, tranh nhau dành chỗ
Tham, Sân, Si vốn dĩ nghiệp con người
Đâu chịu lắng những hồi chuông chiếu mộ
Những hồi chuông thánh thót giữa trùng khơi

Thuyền lênh đênh, tôi quay cuồng chóng mặt
Mong mỏi tìm nơi bến cũ quay về
- Ồi lạy Phật! Tâm hồn con vắng vất
Xin cho con vượt thoát cõi trầm mê!

Những Cơn Mưa Lũ

Tháng mười với những trận mưa
Những đêm thao thức, những trưa lặng buồn

Ồ hay! Nước chảy về nguồn
Mà sao còn những cánh buồm ra khơi?
Những cơn mưa lũ lạnh người
Mấy phương mờ mịt, mấy trời lênh đênh?
Những cơn sóng nổi đầu ghềnh
Thương con thuyền nhỏ nổi nênh theo dòng

Kìa ai nép dưới cuồng phong
Thương thân bé mọn chìm trong gió ngàn
Những cơn mưa lũ ngập tràn
Trong vườn tôi cũng miên man chảy về
Nghe buồn hiu hắt tình quê
Mưa đan những sợi lè thê não nùng
Nghe như những phím tổ rung
Như muốn nốt nhạc hòa chung khúc sầu.

Nhờ chuẩn bị số báo đặc biệt Viên Giác 100, tôi mới liên lạc được với Nữ sĩ Tuệ Nga. Thật ra tôi cũng có vài cơ hội tương kiến với chị qua các kỳ Đại Hội Văn Bút, nhưng tôi không tham dự được. Cảm ơn chị đã gửi tặng thi tập thứ sáu Hoa Đài Dâng Hương. Trong phạm vi bài này, tôi chưa có thể điểm được tập thơ này, vì tôi chưa có nhiều thì giờ để chiêm nghiệm hết ý thơ mang chở triết lý thâm sâu và nhiệm màu của đạo Phật, chưa đủ tinh tâm để hồn mình lắng đọng chạy xuyên suốt được mạch thơ của chị.

Tôi chỉ giới thiệu những nét đan thanh trong những bài thơ của chị gửi kèm qua yêu cầu cho Viên Giác số 100, và cũng giống như trước đây chị thường gửi cho Viên Giác những bài thơ Thiền. Tôi biết rằng ngoài thơ Thiền, chị còn sáng tác theo nhiều khuynh hướng khác, như thơ xướng họa, thơ hoài niệm về quê hương, thơ khắc khoải về thân phận lưu vong, thơ cảm hoài thân thể... Nhưng cho dù trong thể loại nào, chị cũng lồng vào một phần triết lý Phật Giáo. Điều này cũng dễ hiểu vì chị là một Phật Tử thấm nhuần giáo lý Phật Giáo.



Tuệ Nga

Chị Tuệ Nga Trần Thị Nga, sinh năm 1936 tại Phú Tử Sơn, Bắc Ninh, Phật Tử Gia Đình Minh Tâm Chùa Quán Sứ Hà Nội; làm thơ từ hồi 17 tuổi, hội viên trẻ nhất trong Thi Đoàn Quỳnh Giao, Sài Gòn cùng với các nữ sĩ Đào Văn Khanh, Mộng Tuyết, Chung Anh; Đinh Thục Oanh, Trưng Quang, Hương Khuê, Đinh Việt Liên, Quỳ Hương, Văn Nương, Thu Nga, Uyên Hương...; được giải Văn Học Nghệ Thuật qua tác phẩm "Suối" đầu tay vào năm 1974 tại Sài Gòn.

Các tác phẩm đã xuất bản: Suối (1974); Suối Trầm Tử (1982); Mây Hương (thơ Đạo - 1987); Chiều Phố Mây (1991); Hoa Sương (1994); Hoa Đài Dâng Hương (1995), Nửa Viên Trăng (1997) và sẽ xuất bản: Suối Hoa.

Đã cộng tác với các báo: Quê Mẹ, Đất Mới, Hồn Việt, Văn, Làng Văn, Ngày Nay, Thời Tập, Hoa Mỏ, Nguồn Sống, Pháp Duyên, Hoa Sen, Viên Giác...

Ngoài bài thơ "Vu Lan Mùa Nhỏ" dành cho chủ đề Vu Lan đăng trong cùng số báo này, những bài thơ mang mối cảm hoài thân thể và khắc khoải về thân phận lưu vong với những xót xa nỗi nhỏ về quê hương, những nỗi buồn đong đầy qua ngày tháng trên đất khách. Hoài niệm không lạ, cảm hoài không mới, nhưng ngôn từ và nghệ thuật trong thơ của Tuệ Nga tạo nên những âm hưởng với vợi trong lòng, đánh động vào trái tim làm cho ta xót nhỏ, nhưng không mê quên; bởi thơ của chị được lồng vào niềm tin đạo giáo để ta đủ nghị lực phấn đấu trong cuộc đời ô trược, phiền não, ưu phiền. Thế nên thơ của Tuệ Nga như là những đóa "Hoa Tiên":

Trời đất trích
Mây viễn phượng
Sông chia nhánh...
Vấn nhỏ nguồn nước ơi!
Chiều nay
thả nhỏ về trời
Hỏi ai?
Ai biết! Lẽ đời ra sao
Hỏi Trời
Trời ở quá cao!
Hỏi Đất, Đất nín
Trăng sao ở hồ
Đành thôi
ta hỏi nàng Thơ
Lời nàng tử ái
xanh tỏ hoa tiên
Hỏi Tiên sáng chữ
Kính Hiền
Tâm như minh kính
ưu phiền lắng xa
Trở về
ta lại gặp ta
Bên hồ thanh tịnh
Ngát Hoa Chiên Đàn.

Chị bảo hãy tìm về "ta lại gặp ta", tức là tìm về bản ngã để thấy mình là ta. Thế nhưng ta vẫn là ta với những nỗi buồn, bởi nhớ thương ngày cũ, bởi mỗi giấc phủ trầm, bởi quê hương vẫn còn chấp chùng khói sóng giữa "Đôi Bờ Hư Ảo":

Sợ buồn trên trán đong đưa
Mà thương ngày cũ nghe mưa đầy hồn
Hoàng hôn, ai đợi hoàng hôn
Sông chia mấy nhánh nước nguồn băng
khuang
Người đi mọi giấc phủ trầm
Tôi về tình lặng thả vần thơ quên
...
Thuyền tử tách bến ra khơi
Quê hương khói sóng, nước trời chênh
vênh
Đàn đầu vắng khúc phù sinh
Nửa cung tài mệnh, bằng bênh mây qua
Tiếng trầm trầm...lạnh âm ba
Thơ tôi viết nửa vần hoa ngại ngỡ
Vần gieo núi đợi sóng chờ
Vần gieo tịch mạch, gió bờ như nhiên
Nửa khuya vắng tiếng Kính Hiền
Đôi bờ hư ảo trắng triền lan hoa.

Bên triền hoa lan có tiếng Kính Hiền nửa khuya, trên "Đôi Cô Mùa Xuân" có nỗi buồn trong bước chân âm thầm, trong đêm dài mệnh mang tiếng kệ. Thế cho nên dù thuyền xuôi

ngược giang đầu, đời có ba chìm bảy nổi thì xin một lần hãy lắng nghe tiếng chim hót gọi mùa xuân, nghe tiếng chuông chùa ngân vang trong cõi tịnh để ta quên hết nỗi muộn phiền:

Nỗi buồn ai dấu kín
Trong bước đi âm thầm
Thơ không tuôn thành lệ
Sao lòng ngân gai đâm

Buồn vui là như thế
Mưa hay trời tuôn lệ
Bằng khuôn mặt kiếp người
Đêm mênh mang... tiếng kệ

Thuyền ngược xuôi giang đầu
Đời mấy khúc bể đầu
Như một chiều sông nổi
Thơ chôn đáy mộ sâu

...
Thời Không như ngừng lại
Chim hót mùa xuân sang
Trắng thanh treo đầu núi
Cỏ xanh muối gió ngàn

Cõi tịnh thanh gió hát
Quên nỗi buồn nhân gian
Đời cỏ xanh êm ả
Tiếng chuông chùa ngân vang

...
Những tưởng tiếng kinh, tiếng kệ, tiếng chuông chùa đã làm cho ta quên hết nỗi buồn nhân thế, nhưng chúng ta đã là những kẻ lẩn thân vào chốn phong vân, bước chân vẫn bôn ba lưu lạc xứ người, lòng vẫn luôn hướng vọng về tổ quốc, thì trong ta luôn nặng trĩu niềm thương nỗi nhớ. Mỗi người trong chúng ta có những kỷ niệm để nhớ. Tuệ Nga, từ "Ngõ Trúc Ngày Xưa" nhớ về quê cũ, nhà thơ đã hỏi:

Chị ở bên nhà có nhớ em
Mùa xuân lại đến nhắc em thèm
Em thèm mũi quạt tử xuân ấy
Chị bảo: Này em thử nếm xem

Mũi quạt màu cam óng ánh đường
Vị xuân đậm ấm ngọt ngào hương
Năm nay lại Tết quê người lạ
Em nhớ vô cùng! Chị mến thương

Em, chị xa vơi một đại dương
Tuổi đời chông chất tóc pha sương
Ngược dòng dĩ vãng, mai, đào thắm
Ngõ trúc ngày xưa... đẹp áo hương

Xuân đến cho lòng em nhỏ nhưng
Chị thương, em nhớ chị vô cùng
Hẹn mùa xuân tới vui đoàn tụ
Đất Mẹ thanh bình xuân phục hưng.

Từ lòng hoài niệm về quê hương qua những ảnh hay sinh hoạt ngày xưa để gợi nhớ, nhà thơ đã thán thờ hỏi ai ước "Mau Hoa Nhỏ". Thế cho nên chị quyết đem màu hoa nhỏ đó tặng người, tặng đời, tặng duyên thơ:

Em về đan áo mùa xuân
Thà trên đầu sóng mấy vần thơ say
Nhỏ từ buổi ấy chia tay
Ai ước Hoa Nhỏ, cho ngày vàng thu
Đất trời một thoáng phủ du

Đêm đêm mắt dõi thỏ chờ sao mai
 Đường như tiếng gió thổi dài
 Hoa mai nụ cuối nở ngoài vườn mưa
 Ai về đốt nến làm thơ
 Chập chồn đủ ảnh dòng mờ nửa vời
 Có Màu Hoa Nhỏ tặng người
 Có Màu Hoa Nhỏ tặng đời, Duyên Thơ
 Suối Mỏ ai dệt vần mờ
 Ý đời như huyền, Vòng Thơ Vòng Đời.

Đời vô thường, già tạm, sắc sắc không không.
 Vòng Thơ, Vòng Đời, Vòng Luân Hồi biến
 chuyển không ngừng. Tuệ Nga bắt đầu đưa
 chúng ta vào cõi tịnh không với "Thời Kính
 Nhật Tung" để bắt đầu vào đạo ca.
 Tôi nghĩ, thơ của chị Tuệ Nga là Thơ Thiền
 chủ chứa phải là Thơ Đạo. Lời thơ của chị
 nghiêm cẩn, trang trọng với "bến thực bờ mê", "
 giải ảnh Chân Như", hay "Sát Na, chợt Ngộ",
 hay với "Hồ tịnh thủy" hay trong những bài
 khác nữa... Tuệ Nga là một Phật Tử thuần
 thành, hiểu đạo thâm nghiêm, nên thơ của chị
 nhuốm màu Thiền và chị chú tâm đến tính "giải
 thoát", muốn bày giải lẽ "Sắc-Không" của mọi
 sự vật; nhưng thiếu tính "cảnh tình" con người
 đối diện với cuộc sống, với cuộc đời. Thơ Tuệ
 Nga dù mang ít tình văn chương nhưng không
 có tính tình lãng mạn. Thơ Đạo vừa "giải thoát"
 vừa "cảnh tình" nên vẫn chuộng và lãng mạn
 hơn:

Kinh Vô Ngôn, Gió Chiền Đàn
 Bước chân lưu lạc hoang mang nẻo về
 Lênh đênh bến thực bờ mê
 Đường đi vô tận, lối về hoang vu
 Trắng rừng giải ảnh Chân Như
 Sát na chợt ngộ đèn từ hưởng dương
 Tạ ơn chú Phật mười phương
 Sen hồ tịnh thủy ngát vườn nhân sinh
 Con chim hót sớm bình minh
 Thời kính nhật tung an bình phương hoa
 Êm đềm khúc hát đạo ca
 Trầm hương thành kính dâng tòa Như Lai.

Bởi nhận thức được cuộc đời phù ảo, kiếp
 người mê mù, chị ước nguyện tu học. Thế mà
 chị vẫn thấy mình chưa đủ căn cơ, dù rằng tâm
 thức của chị đã rục rỏ với "mùa xuân mùa bụi
 bay bay" mà chị ngỡ rằng là "Mùa Pháp tràn
 đây hứ không" để mang chị đến cõi "Hương
 Thanh Bình":

...
 Quán đời mê ảo phù trầm
 Xin làm bụi nhỏ theo chân Thiện Tài
 Bồ Đề tình tấn triển khai
 Nhập vào cảnh giới hài hòa Chân Như
 Người bao nhiêu kiếp đã tu
 Con căn cơ mọn mê mờ đến nay
 Mùa xuân mùa bụi bay bay
 Con nghe Mùa Pháp tràn đây hứ không

...
 Trong "Giấc Mơ Bình Minh", con người bắt đầu
 mở "lánh cái vọng, cầu cái chân", "bỏ mê mờ
 tìm cảnh tình", còn chuyện thành bại, thịnh
 suy, tan hợp... đều là lẽ vô thường của cuộc
 đời:

Trên cuộc đời ai đi tìm tuyệt đối
 Giữa ảo chân, giữa mê lộ phù du

Đình trời cao hay đáy thăm mịt mù
 Ta vẫn đó với dòng đời luân chuyển
 Hưng bại, thịnh suy lẽ trời bất biến
 Thuyền nhỏ trôi giữa bão tố trùng khơi
 Đem niềm riêng ta gửi gắm mây trời
 Mây tan, tụ ai thấm lời cô lữ
 Thì đánh vẩy khối sầu riêng mình giữ
 Lại làm thơ, thả tám hướng thơ bay

...
 Tiếng chuông sớm hòa âm cùng tiếng kệ
 Mờ vườn đời tươi sáng nắng bình minh.

Nói đến Thơ Đạo hay gần như thế, tôi nghĩ đến
 Thúy Trúc, cũng đã đến với Viên Giác từ lâu.
 Qua đó, tôi thấy thơ Thúy Trúc lơ lửng chơi với
 giữa Thơ Thiền và Thơ Đạo. Thơ đem đạo vào
 đời để tìm An Lạc. Thơ đem đạo vào đời để
 cảnh tỉnh con người tìm thấy Hạnh Phúc thực
 sự trong cõi thế. Đầu đó trong một tác phẩm
 của Thúy Trúc, tôi còn muốn tượng màu
 Thiền pha chất lãng mạn trong một thi khúc
 hay trong một bài thơ nào đó, có đoạn:

...
 Ngày ngày anh nâng tôi lên tôi đỉnh tuyệt
 với
 Chơi với trong hạnh phúc
 Có hoa nào thơm hơn hoa Tử Bi?
 Có trái nào ngọt bằng trái Nhẫn Nhục?
 Thân nào thẳng như thân trúc?

Hỡi người tình muôn thuở của em
 Ta nắm tay nhau đi bên cạnh cuộc đời

Em đang chơi với- chơi với- chơi với
 trong bể hạnh phúc tuyệt vời

Trong đêm Văn Nghệ Cúng Đường Đại Lễ Vu
 Lan Phật Lịch 2540, cách đây mấy năm, sau lễ
 Hoàn Nguyên của Chùa Viên Giác, tôi thấy
 anh chị xuất hiện trên sân khấu. Anh ngâm bài
 thơ của chị sáng tác để mừng chùa Viên Giác.
 Chị khép nép thành kính chấp tay. Tôi chụp
 tấm hình đó, định sẽ gửi tặng anh chị khi anh
 chị trở về lại Mỹ sau chuyến hành hương.



Thúy Trúc và phu quân

Nhưng rồi với bao nhiêu công việc bề bộn làm
 tôi quên bẵng đi. Cho đến bây giờ, khi lục lại
 những hình ảnh để sử dụng cho báo Viên Giác
 đặc biệt số 100, tôi thấy lại tấm ảnh. Âu cũng
 còn có duyên, thay vì tôi gửi tặng anh chị, tôi in
 hình này lên báo, cho độc giả thấy dung nhan
 của người thơ đã xuất bản những tác phẩm:
 Thơ Thúy Trúc (1990), Thương Thương Nhớ
 Nhớ (1991), Viết Cho Người Tình (1992), Tuổi
 Hồng (1994).

Có lẽ tôi cũng đồng lứa với chị trong thuở học
 trò của thập niên 50 tại Quốc Học-Đông Khánh
 Huế.

Không ngờ những người con xứ Huế lưu lạc tha
 phương đều hướng tâm hồn về với thơ văn.
 Phải chăng vì quê hương xứ Huế với sông
 Hương núi Ngự nên thơ, với thành quách lãng
 tằm cổ kính, với nếp sống khép kín lễ nghi, với
 con người hiền hòa, với tâm hồn trầm mặc và
 lãng mạn ..

Trong các tác phẩm đã xuất bản của chị đều
 dung chứa những thiền vị hòa trong tâm cảnh
 thế tại để hướng thượng, để tìm an lạc, giải
 thoát.

Xin giới thiệu đến bạn đọc hai bài thơ tiêu biểu
 để chúng ta chiêm nghiệm:

Linh Mục Thiền Môn

Nhìn xa tựa vọng ru đời
 Đến nơi thì cả bầu trời thoát bay
 Nắng vàng trúc biếc nơi đây
 Thoáng đầu thân Pháp của Thầy năm xưa
 Sông Hương vắng vặc bóng dừa
 Cô liêu thuyền mộng vẫn chưa tôi bỏ
 Trắng mây xanh một trời thơ
 Người về chùa đạt giác mở trăng tròn
 Kia con chim quốc đầu non
 Ngậm ngùi phận nước vẫn còn điều linh
 Bao giờ xử sở bình minh
 Hỡi chuông Thiên Mục mang tình tự quê?!

Trăng Thiền

Trăng mười sáu soi mình bóng nước
 Hôi mây trôi man mác về đâu
 Non bao nhiêu tuổi bạc đầu
 Vui chi chim hót mấy câu tâm tình

Cảnh thanh trúc lung linh trước gió
 Gọi én về hay nhớ mùa xuân
 Hương thơ dệt lại mấy vần
 Lá hoa thơm ngát trước sân cỏ vàng

Trăng Bồ Tát phản quang bình đẳng
 Như mặt trời rải nắng rừng xưa
 Chỗ nên úp chụm mà thừa
 Sao trăng không chiếu lại chùa nơi đây

Tham-Sân-Si đầy đầy ách nạn
 Bệnh-Lão-Sanh đại họa trần gian
 Luân hồi nghiệp khổ oán than
 Riêng trăng thiền tọa trên ngàn thông

dong!

Tại Việt Bình thôn trang ở ngoại ô Paris là nơi ẩn dật của nhà thơ Hoài Việt. Vào khoảng tháng 4.1990, trong lần đến thăm gia đình anh Hoài Việt và chị Huyền Châu, chúng tôi ngồi uống trà bên thềm nhà xem hoa anh đào đang nở rộ, màu hồng phấn sáng loáng trong nắng. Những cánh đào rụng bay nhẹ trong gió, trôi theo dòng nước trước hiên nhà.

Với khung cảnh thơ mộng như vậy, nên anh Hoài Việt có nhiều thi hứng và anh làm thơ rất nhiều, rất nhanh. Anh có biệt tài sáng tác thơ bất cứ lúc nào, nơi nào. Tôi đọc trong bếp nhà anh bài thơ đang dở khi anh đang pha trà...

Sau lưng nhà, một khu vườn nhỏ, một bụi trúc được anh chị chăm sóc cẩn thận- bởi trúc không những mang bản sắc của người quân tử, của kẻ sĩ "trúc dấu cháy, tiết ngay vẫn thẳng" mà trúc còn mang màu sắc của quê hương.

Anh viết cho Viên Giác từ năm 1989 và khá liên tục cho đến bây giờ.



Hoài Việt

Nhà thơ Hoài Việt Nguyễn Văn Hưởng là một nhà khoa học, sinh năm 1930 tại Ngọc Anh, Thừa Thiên, Tiến sĩ khoa học, khảo cứu và giảng dạy tại Viện Pasteur Paris, Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và Văn Bút Pháp; đã cùng một nhóm thân hữu lập thành Nhóm Bạn Văn để giới thiệu và phát hành sách của các bạn trẻ.

Nhà thơ Hoài Việt vừa đại diện Văn Bút Pháp tham dự Đại Hội Thơ Địa Trung Hải kỳ thứ V tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ ngày 22 đến 26.5.1997 (xem bài phỏng vấn của Từ Nguyên cùng đăng trong số báo này).

Từ 1950 đến 1955 có thơ đăng trên các tạp chí ở Saigon. Từ năm 1960 du học ở Pháp, có thơ và truyện ngắn đăng trên các vài tờ báo ở Pháp, Hoa Kỳ, Canada. Năm 1989 Chủ nhiệm tờ Nội San của Hội Y Giới Tự Do tại Pháp và Chủ nhiệm Đặc San Làng Xưa Phố Cũ I, II, III. Đã xuất bản; "Hồng" bằng tiếng Pháp, dịch từ bản tiếng Việt của Thầy Thích Nhất Hạnh và các tập thơ: *Tình Em Nho Nhỏ* (1962), *Tôi Yêu*

(1962), *Ngày Mẹ Về* (1978), *Quê Người* (1987), *Mots d'Amour* (1994), *Amour et Liberté* (1995). Anh Hoài Việt sáng tác thơ đủ thể loại, từ tình yêu người cho đến tình yêu quê hương, từ thơ đấu tranh cho đến thơ kêu gọi hòa bình, từ thơ Thiên cho đến... thơ Tếu.

Đáp ứng lời kêu gọi đồng góp cho Vườn Thơ Viên Giác số 100, anh gửi thơ và thư cho tôi, trong thư anh viết: "... *Chắc chắn là nhiều người đã gửi thơ loại khác, nên xin được phép gửi mấy bài thơ tếu cho vui...!*". Thực ra thơ anh là...thơ Chua thì đúng hơn:

Chó Sống Hơn Người

"Kiếp sau xin chớ làm người
Làm con chó nhỏ suốt đời ẩm no!"

Tạo hóa bày chi cuộc mếu cười
Đôi khi làm chó sống hơn người
Bên ni khuyến cầu chệ thị đồ
Bên nỏ bà con đói kêu trời
Chắc đã vụng tu muôn kiếp trước
Nên nay bị bắt phải làm người
Từ nay tu học, trời ban phúc
Làm chó ăn no sống một đời!
(HV, Phục Sinh 1993)

Nhân Danh Tinh Nhân Đạo

Không ai thương dân tôi
Hơn là người mại bán
Họ đem sang đồ hộp
Tàng trữ đã lâu rồi
Bảo là ẩn để tiêu
Họ bán thuốc quá hạn
Nói rằng thuốc để lâu
Vẫn hay mà ít đắng
Thế mà vẫn có người
Đi mua về bán lại
Ai sống chết mặc ai
Miễn là mình có lợi!

Xin ngừng lại đi thôi
Đừng ăn tiền nhuộm máu
Đừng mang tinh nhân đạo
Giết hại đồng bào tôi!
(HV, Thu buồn, 1994)

Kẻ To Mồm

Cả trăm người làm việc
Năm ba kẻ ngồi không
Lại to mồm mắng nhiếc
Đòi đánh đập lung tung!

Nhỏ lại thẳng con nít
Chê bạn bè um sùm
Ăn ở không sạch sẽ
Quên là mình đói dầm!

Tự do đã mất rồi
Vui chi trò múa rối?!
Viết mười dòng thơ tếu
Lòng dở khóc, dở cười!
(HV, tháng 10.1994)

Tự Trào III

Tôi có bằng tấn sĩ
Mà lại ngu như bò!
Không biết "lo", biết "nghe"
Nên lỗ hết hện hò!
Vì không theo ai hết
Nên chẳng được ai thương
Thành già rồi sắp chết
Phải sống cảnh tha phương!

Lại còn khùng hơn nữa
Vẫn tiếp tục đấu tranh
Cho đồng bào no ấm
Cho đất nước an lành!

Những lạy Trời, lạy Phật
Cho ngu mãi suốt đời
Để ngày xa trần thế
Lung vui miệng mỉm cười!
(HV, Ngày về hưu 2.1996)

Tôi xin tạm chấm dứt Vườn Thơ Viên Giác kỳ này với lời cảm ơn chân thành nhất gửi đến những văn thi hữu đã hưởng ứng lời kêu gọi góp phần hưởng trang điểm cho báo Viên Giác đặc biệt số 100. Cũng không quên cảm ơn những nhà thơ đã và đang cộng tác với báo Viên Giác từ thuở ban sơ cho đến bây giờ, đã từng mang hương hoa tô điểm cho Vườn Thơ Viên Giác trở thành "Một Trời Thơ Bao La" ...
(Tháng 7.97)

THƯ TÍN :

- Anh Nguyễn Thùy (Trévoux - France):
Theo đề nghị của anh, tôi dành những bài thơ tứ tượng của anh cho Vườn Thơ Viên Giác của các số báo tới. (vtg100a)





HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên phụ trách

Thời gian đi qua, các em càng lớn thì tóc mẹ lại bạc nhiều, sức hơi dần mòn mỏi nhưng tâm tư mẹ luôn luôn cầu mong cho con mình được hạnh phúc trong cuộc đời và nhớ rằng mình là người Việt Nam bằng tóc đen, da vàng, mũi tẹt... Ở một quê hương hùng vĩ có nhiều núi đồi, sông rạch... ngạo nghễ nằm dọc theo bờ Thái Bình Dương xanh mát ngàn đời.

Nhân mùa Vu Lan Hoa Phượng nhắc em nào mẹ đang còn hiện tiền thì hãy cung dâng cho mẹ một đóa hoa hồng tươi để tỏ niềm sung sướng mình đang có mẹ. Còn nếu em nào không may mẹ đã mất đi thì hãy đeo vào mình một cành hoa trắng để tỏ nỗi tiếc thương, tưởng nhớ đến mẹ mình và cầu nguyện cho mẹ mình sớm vắng sanh cực lạc.

Thân mến cùng các em,
Hoa Phượng

Viên Giác số 100 - Mùa Vu Lan báo hiếu

Tiểu sử :

Họ và tên NGUYỄN THỊ HỒNG NHIÊN

Pháp danh Thiện Tạo

Sanh năm 1941 tại Mỹ Tho, Tiền Giang Việt Nam

Nghề nghiệp :

Cựu giáo viên trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Hiện là Nữ công nhân hãng Đức.

- Định cư tại thành phố Lingen tháng 10/79

- Tham gia Phật sự cho chùa Viên Giác Hannover từ năm 1986. Phần hành : Phát cơm, phát hành kinh, sách trong các ngày Đại Lễ Phật.

- Biên tập viên trong BBT báo Viên Giác từ năm 1986 (viết chuyện vui, chuyện cổ tích cho các em thiếu nhi).

- Năm 1993 cùng với nhà thơ Huy Giang phụ trách Trang Hoa Phượng.

Bài vở :

Ngoài những phần việc trên, còn có những tác phẩm văn nghệ đã đăng : Ngôi trường xưa, Vườn trầu của mẹ, Phần hành, Duyên phận, Nguyễn thị Hồng Mai, Ngũ gia ngũ quý, Ngũ long công chúa, Con chó nhà tôi, Đón giao thừa, Chuyện chùa, Tôi đi Kur, Con trâu chàng v.v...

Nhiệm vụ :

Hiện tại vẫn giữ tiếp tục nhiệm vụ trên.



Các em thân mến,
"Lá rụng về cội" - Một câu nói thường tình nhưng chứa đầy ý nghĩa. Bởi khi một chiếc lá héo khô hay úa vàng và rơi rụng cũng nằm không xa gốc cây, chỉ trừ trường hợp bị gió mạnh cuốn đi. Do đó đối với con người cũng thế, dù phải sống tha phương hay lãng bạt giang hồ đi chăng nữa, rồi cũng có lúc tâm hồn chìm xuống thà về dĩ vãng để ôn lại những thân thương của mình.

Mùa Vu Lan lại về, trong ý nghĩa là mùa báo hiếu, báo ân, mùa vong nhân được xá tội. Bởi con người sanh ra ai cũng có cha, có mẹ. Cha mẹ hiện tiền hay cha mẹ đã mất. Công ơn sanh thành và dưỡng dục cho con từ thuở ấu thơ đến trưởng thành, bắt buộc phận làm con không được phép lãng quên.

ĐỂ KỶ NIỆM BÁO VIÊN GIÁC SỐ 100, TÔI - NGƯỜI PHỤ TRÁCH TRANG HOA PHƯỢNG XIN TƯỜNG TRÌNH GỒI ĐẾN QUÝ VỊ PHẬT TỬ VÀ ĐỘC GIẢ XA GẦN.

Kính thưa quý vị, quý vị phụ huynh và các em thân mến,

Trước đây ba tháng, tôi được thư của anh Chủ Bút đề nghị mỗi người trong ban Biên Tập báo Viên Giác viết bài tường trình, cũng như kể về tiểu sử của mình kèm theo ảnh để đưa lên báo Viên Giác số 100 làm kỷ niệm.

Quý vị cũng biết nhiều về các nhà thơ, nhà văn đã có tiếng tăm từ bên quê nhà nhưng lúc sang đây công việc chánh là làm việc ở công sở, tú sở để lo đời sống cho bản thân và gia đình nơi xứ người, còn nghề viết lách chỉ là nghề tay trái. Riêng tôi, việc đó không phải nghề tay trái mà cũng chẳng phải là nghề tay phải mà thỉnh thoảng chỉ viết văn nghệ. Sở dĩ những hồi ký, bút ký có mặt trên báo Viên Giác là do sự khích lệ của anh Thiện Căn. Vào giữa năm 1986, anh đang viết hồi ký đăng trong 6 số báo Viên Giác. Lúc đầu khi anh đang viết thì tôi quá rảnh rỗi. Anh bảo "Thôi thì bà viết cho vui, chủ lúc tôi viết mà bà đi qua đi lại rộn ràng quá làm sao tôi viết được."

Thế là từ đó, tôi bắt đầu viết những chuyện vui, chuyện đời xưa (vào thời đó không có sách để sưu tầm) và những chuyện cổ tích. Tất cả bài tôi gởi về cho Trang Thiếu Nhi đều được đăng trên báo Viên Giác. Đó là những khích lệ lớn lao cho thuở ban đầu. Sau đó, tôi viết hồi ký, ký sự cũng được nhiều độc giả, người quen cùng bạn bè mến mộ.

Chỉ có vậy thôi, nên tôi xin phép Thầy Chủ Nhiệm, Anh Chủ Bút và quý vị độc giả cho tôi ghi sơ lược (ngắn, gọn) về tiến trình của Trang Hoa Phượng.

Báo Viên Giác bộ mới phát hành vào cuối tháng 2/1981, lúc đó chưa có Trang Thiếu Nhi. Đến giữa năm 1985, Viên Giác số 27, Trang Thiếu Nhi có mặt và chiếm một phần đất khiêm nhường do anh Nguyễn Tử Văn phụ trách. Thời bấy giờ, anh Tử Văn (nhà văn Vũ Nam) viết rất hăng say, ngoài lời tựa anh còn viết một chuyện ngắn, chuyện lịch sử, chuyện vui, câu đố, ca dao tục ngữ v.v... Ngoài ra, Trang Thiếu Nhi còn được sự đóng góp bài vở của quý độc giả, phụ huynh cũng như các em mỗi ngày một thêm tươi sắc.

Đến tháng 8/1987, Viên Giác số 40 có mở giải "Sáng tác văn thơ, hội họa và hoạt họa" cho các độc giả của Trang Thiếu Nhi tuổi từ 6 đến 17 tuổi. Chia làm 3 cấp : Cấp 1 từ 6 tuổi đến 9 tuổi. Cấp 2 từ 10 tuổi đến 13 tuổi. Cấp 3 từ 14 tuổi đến 17 tuổi. Gồm có :

1) Sáng tác văn thơ với chủ đề "Niềm tin của bé",
2) Hoạt họa với chủ đề "Những chuyện thần thoại và cổ tích Việt Nam",

3) Dịch ra tiếng Đức những chuyện thần thoại và cổ tích Việt Nam.

Giải thưởng gồm có 3 hạng cho mỗi cấp tuổi dự thi. Được biết các phần thưởng trên nhờ vào việc phát hành quyển "Sau Ngày Tang" của Vũ Nam.

Sở dĩ Viên Giác mở cuộc thi trên là mong muốn các em đóng góp bài vở để dự thi và chân thành nhắn nhủ với các bậc phụ huynh nên khuyến khích con em mình trong việc học nói tiếng Việt và trau dồi văn hóa nước mình.

Anh Tử Văn viết : "Vi không có gì buồn là một người Việt lại không nói được tiếng Việt, không biết văn hóa cũng như nguồn gốc Việt. Hãy trở về với mạch nguồn của dân tộc! Vì chỉ có quê hương sắc tính chúng ta mới sống động, vươn lên".

Anh còn viết, một bà mẹ Đức trong một tổ chức từ thiện giúp đỡ chúng ta, khi nhắc nhở với các thiếu nhi Việt Nam : "là người Việt Nam chân chính, yêu nước Việt Nam, quê hương Việt Nam, nói giống Việt Nam, các em hãy yêu tiếng Việt, học nói tiếng Việt thật chăm, thật ngoan mặc dù đang ở trên đất nước người".

Tuy số bài các em gửi về dự thi rất khiêm nhường, nhưng cũng nói lên được sự khuyến khích của các bậc phụ huynh đối với con em mình (xin xem lại các bài dự thi trên Viên Giác số 42 tháng 12/1987, Trang Thiếu Nhi).

Đến tháng 10 năm 1988 (Viên Giác 47) anh Tử Văn bận việc học nên xin với Thầy chủ nhiệm cho anh tạm nghỉ một thời gian.

Chị Tâm Bạch - Trần Nguyễn Huyền Đan thay thế anh Tử Văn kể từ Viên Giác số 48.

Từ Viên Giác số 52, Trang Thiếu Nhi đổi thành Trang Sen (tháng 8/1989). Và một lần nữa, trong kỳ họp báo, Thầy chủ nhiệm cũng như các anh chị trong ban Biên tập đều đồng ý đổi Trang Sen thành Trang Hoa Phượng (Viên Giác số 61).

Riêng về nội dung của Trang Hoa Phượng sẽ do các em trong Gia Đình Phật Tử luân phiên viết, cũng như tường trình về những sinh hoạt của mình, của mỗi Gia Đình Phật Tử.

Lịch sử bằng tranh của Cụ Bùi văn Bảo đã đóng góp rất lớn lao cho tờ báo Viên Giác cũng như giúp cho các em ở hải ngoại hiểu biết thêm về lịch sử nước nhà.

Ngoài ra, các vị lớn tuổi như Bác Thiện Nghĩa, Bà Diệu Huệ, Bà Thanh Bình, Bác Năm v.v... các bạn Thiện Hạnh, Minh Hiếu v.v... cũng thường xuyên đóng góp bài vở cho Trang Hoa Phượng.

Đầu năm 1993 (Viên Giác 73), tôi chính thức phụ trách Trang Hoa Phượng thay thế chị Tâm Bạch. Trong thời gian này, tôi thường sưu tầm những chuyện cổ tích, thính thoại mới có bài Hồi ký hoặc Ký sự cho Trang Hoa Phượng hoặc bên phần văn nghệ.

Phần lớn của Trang Hoa Phượng vẫn là lịch sử bằng tranh, bài của các phụ huynh cũng như của các em gửi về. Trong thời gian gần đây, có hai em Trần thị Ngọc Lan và Trần thị Ngọc Mai (15, 16 tuổi), được sự khuyến khích của thân sinh nên hai em đã viết Hồi ký, Ký sự và làm thơ. Ngoài ra còn có em Ngọc Tuyết viết lối văn tự thuật "Tâm sự chiếc lá bồ đề", Nhật ký "Ngày xưa áo trắng" kỷ niệm của thời học sinh. Văn em rất tự nhiên và dễ thương... Tôi cũng mong ở các phụ huynh khác khuyến khích con em mình viết về chuyện của các em ở học đường, ở quê nhà; những nỗi vui buồn trong lòng các em để chúng ta cùng cảm thông, cùng gần gũi với nhau hơn.

Còn một vị nữa đã cộng tác thường xuyên cho tờ Viên Giác, từ thơ đến văn, từ phần văn nghệ đến phần Trang Hoa Phượng, thế mà tôi quên nhắc tới, đó là sự thiếu sót rất lớn lao.

Nhà Thơ Huy Giang còn có bút hiệu là "Bé Ngọc".

Người ta thường nói "hai người sẽ là bạn thân, thì lần diện kiến đầu tiên đã thấy thân rồi". Trường hợp Huy Giang và tôi rất là đặc biệt. Trước đây khoảng ba năm, anh về chùa Viên Giác, tôi vẫn phụng phát hành sách để nhờ Ban Kỹ Thuật in tập thơ "Những Nụ Hoa Bần". Lúc ấy có mặt tôi ở đó, anh H. Sanh giới thiệu :

- Đây là nhà thơ Huy Giang.

- Đây là chị Hồng Nhiên, phụ trách Trang Hoa Phượng.

Tôi còn đang hoang mang nhắm tính trong đầu : Huy Giang nghe quen quen, không biết tôi đã đọc bài của anh ở đâu?

Thay vì câu chào, xã giao thông lệ của hai người khi có người thứ ba giới thiệu, đang này Huy Giang muốn "gây cuộc chiến" với tôi :

- Trời ơi! tôi gửi bài cho Trang Hoa Phượng sao chị không đăng? Rồi chưa hết bực tức anh tiếp lời :

- Đây này (anh vừa nói vừa mò một xấp bài còn nằm trong cái phong bì lớn) bộ chị nói tôi không thích viết bài cho Hoa Phượng hả, này, này...

Như trên trời rơi xuống, tôi hết sức ngạc nhiên vì...

Nhưng anh Sanh đưa mắt "láy" tôi, nên tôi đành giữ sự im lặng, không một lời đính chánh.

Sau chuyện "hiếu lăm" đó, chúng tôi bắt tay làm huê và cuối năm đó, trong lần họp ban Biên tập, anh chính thức cùng tôi phụ trách Trang Hoa Phượng.

Kính thưa quý vị, trong phần trình bày những tiến trình của Trang Hoa Phượng cũng như phần giới thiệu các tác giả đã viết bài còn rất nhiều thiếu sót. Kính mong quý vị vui lòng hi xá cho.

Sau đây, người viết "lạm dụng thời cơ" để tâm tình với quý độc giả xa gần cũng như với các anh chị, bạn bè thân quen. Vì bình thường phần đất nhỏ bé này vừa đủ chỗ cho bài vở, đôi khi muốn trả lời thơ hoặc biện bạch một vài lời cũng không có chỗ.

Ngoài ra, Hoa Phượng thỉnh thoảng còn nhận được thư của độc giả phê bình, khuyến khích cũng như khen ngợi từ hình thức đến nội dung.

Tôi xin chân thành cảm tạ lòng quý mến và chiều cố của quý vị độc giả, của các bạn xa gần. Số là trước đây hai năm, tôi có nhận được thư của một nữ độc giả viết hơn tám trang giấy viết tay, chữ thật nhỏ. Em kể lể về hoàn cảnh gia đình, khổ sở về cuộc sống hiện tại. Em tâm sự cùng tôi để mong được sự chỉ dẫn, giúp đỡ cho em trong bước đường cùng. Tôi rất xúc động nhưng cũng rất là nan giải vì đây là việc riêng, là trường hợp ngoại lệ không nằm trong phần việc của tôi. "Đèn nhà ai nấy sáng", tôi mong rằng nếu em N.P.T.V. có đọc bài này mong em thông cảm cho tôi.

Cũng có vài người bạn thân ở nước ngoài, khi gặp lại chúng tôi, câu đầu đã nói :

- Mặc dù không gặp anh chị, nhưng tôi biết anh chị vẫn còn khỏe mạnh.

Tôi ngạc nhiên, chưa hỏi thì anh tiếp lời :

- Là hai tháng chúng tôi gặp anh chị một lần trên báo Viên Giác, còn khỏe mới cầm viết được chữ!

Có bạn muốn "ăn chè" đổi tên vì đọc những bài viết của tôi đúng như sự thật nên nói đùa :

- Tôi thấy chị nên đổi tên Hồng Nhiên là Hồn Nhiên thì hay hơn.

Hoặc :

- Thôi thì "Em Lingen" cho rồi (Lingen/Ems là thành phố nơi tôi đang cư ngụ).

Thấy tôi than dài vì không được khỏe mạnh như lúc xưa, một chị bạn nói :

- Thôi nhen, mỗi lần đọc báo Viên Giác trước hết tôi đọc bài của Trang Hoa Phượng, sau đó kể lại cho các cháu nghe. Trang Hoa Phượng rất hữu ích cho thanh thiếu niên ở hải ngoại. Chị đừng bỏ các cháu nghe.

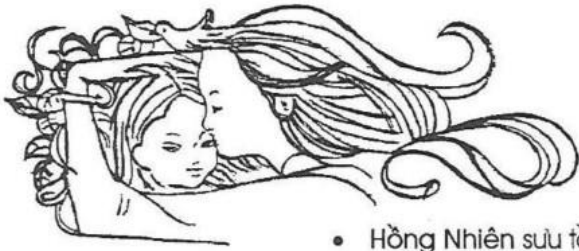
Nhưng có ai tránh được thời gian. Thời gian càng đi thì tuổi đời thêm chóng chắt. Người ta thường ví câu: "Có một thì chợ cũng đông. Không một thì chợ cũng không bữa nào".

Hoặc rồi đây "Tre tàn măng mọc". Hy vọng thay!

Hồng Nhiên

Lingen/Ems, tháng 7.1997 (nga10021)

Đoản khúc TÌNH MẸ



• Hồng Nhiên sưu tầm

Bé là đứa con gái độc nhất của đôi vợ chồng. Cha mẹ rất mực cưng yêu chiều chuộng bé. Khi bé lên mười thì cha mất sớm, vì thế nên bao nhiêu tình thương của mẹ đều dành tất cả cho bé, nhưng tánh bé quen sự nuông chiều nên rất ương ngạnh. Mỗi khi làm điều gì lầm lỗi thì mẹ hết lời dạy khuyên; bé không biết nhận lỗi mà còn cố chấp lại, vô lễ đối với bà, đôi khi bé còn giận dỗi bỏ đi.

Mẹ bé đi tìm khắp nơi, không hy vọng bà trở về nhà mong chờ bé hồi tâm. Rồi vì quá nhỏ con, đau buồn nên bà lâm trọng bệnh, nằm liệt giường không ai chăm sóc. Bé hay tin nên chạy về quỳ dưới chân bà ăn năn hối cải. Mẹ cầm tay bé mỉm cười và tha thứ tất cả tội lỗi của con. Nhưng đã muộn màng, bà ra đi dưới đôi mắt mờ lệ của bé.

Từ đây, một thân một mình bé cảm thấy bơ vơ trên bước đường đầy chông gai sỏi đá. Còn ai để bé vui vịnh? Còn ai lo cho bé từ manh quần tấm áo? Còn ai an ủi vỗ về khi bị đám bạn bè hiếp đáp? Khi bé ốm đau ai đã moi mòn ngồi bên cạnh bé suốt cả đêm không hề chớp mắt? Ai đã sắc từng chén thuốc cho bé uống? Lột từ mùi cam cho bé ăn để sớm lành bệnh? Còn ai? Chỉ có người mẹ hiền mới chịu được sự nhọc nhằn chăm sóc cho con từ thuở mới lọt lòng cho đến khi khôn lớn.

Giờ bé hiểu được thì đã muộn màng. Đột nhiên bé nhớ mẹ, bé hối hận trong lòng thì mẹ đã ra người thiên cổ. Bé nghĩ giá bây giờ có mẹ bên cạnh thì bé sẽ sa vào lòng mẹ mà nũng nịu với giọng thân thương triu mến.

- Mẹ yêu quý ơi! Con thương mẹ lắm, mẹ là dòng sữa ngọt, là đường mía lao, lá bóng mát để con núp bóng mẫu tử.

Khi đó mẹ sẽ mỉm cười và âu yếm vuốt tóc con khe bảo :

- Con tôi ngoan quá!

Nhưng mẹ còn đâu? Mẹ đã mất rồi, khi con thèm gọi mẹ thì mẹ đã sang bên kia thế giới, bỏ con hiu quạnh bơ vơ. Bất giác đôi dòng lệ chảy dài trên má. Con khóc đấy vì lòng tự hối, xin mẹ tha thứ cho con và mẹ hãy an giấc ngàn thu.

Mẹ đã đi rồi, con ở đây

Ngày đêm mòn mỏi suốt canh chầy

Mẹ đi, đi mãi trong sương gió

Bỏ lại con thơ lè bóng sầu

Xin chúc ai kia còn có mẹ

Thương hoài, thương mãi mẹ mình thơ.

(Thơ trong quyển Nhân Quả)

Thương tặng các em có điểm phúc còn mẹ

(Mùa Vu Lan 97)

CHUYỆN KỂ :

Cha mẹ nuôi con bề hồ lai láng

Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày

Xưa, có hai vợ chồng nhà nọ làm ăn chỉ thủ. Họ sinh được ba người con, đều là con trai. Hai vợ chồng nuôi con rất chăm chút. Từ lâu, tay họ

làm ra rất nhiều tiền của, ruộng vườn, nhưng có miếng gì cũng ăn nhịn để dành, những mong gây dựng cho mỗi con một cơ nghiệp riêng. Cho đến ngày cuối vợ đứa thứ ba xong, chồng bảo vợ :

- Chúng ta nhờ trời "con có của nên". Nay chúng ta đã đến kỳ rã ràng long tóc bạc mà con thì đã khôn lớn cả. Vậy cũng nên chia tài sản cho chúng nó làm ăn, đứa nào lo phận nấy, để khỏi có sự tranh giành sau này. Có vậy mới yên hưởng tuổi già được!

Thấy vợ đồng ý, ông bèn cho mỗi họ hàng làng nước lại lập chúc thư. Ông chỉ để lại cho mình và vợ một phần nhỏ tài sản để dưỡng lão, còn bao nhiêu của chim của nổi đều chia hết cho các con.

Tuy đã ngoài sáu mươi tuổi, nhưng ông già vẫn còn khỏe mạnh và chưa chịu để tắt chí kinh doanh. Vì thế, sau khi phân chia tài sản cho các con xong, hai vợ chồng lại lao vào công việc làm ăn. Với phần của dưỡng lão, họ lại đưa ra buôn bán. Không ngờ thần tài còn vượng, lãi mẹ đẻ lãi con, tiền bạc tuôn về như nước chảy. Không đầy bảy tám năm sau, họ lại trở nên giàu có như trước. Trong khi đó thì ba đứa con của ông phần thì thiếu kinh nghiệm, phần thì siêng ăn biếng làm, nên cơ nghiệp mới nhen lên chưa được bao lâu đã trở nên sa sút.

Một hôm, cả ba đứa con đều tìm đến gặp bố mẹ rồi nói :

- Bây giờ bố mẹ ngày một yếu. Theo ý chúng con, bố mẹ chỉ nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng cho khỏe, để phần tài sản lại cho chúng con quản lý, chúng con sẽ xin phụng dưỡng bố mẹ đến mãn đời.

Ông già trả lời :

- Bố mẹ cũng muốn như vậy lắm. Nhưng ngặt vì xưa nay cha mẹ nuôi con thì được, còn con nuôi cha mẹ có phải dễ đâu!

- Bố mẹ đừng lo gì cả, người ta không có của cha mẹ để lại cũng nuôi được cha mẹ thay, huống hồ phần tài sản của bố mẹ như thế thì lo gì mà không nuôi được.

Ông già nghĩ ngợi hồi lâu rồi hẹn ba tháng nữa sẽ trả lời.

Xung quanh nhà ông bà là một vườn cây ăn quả. Ở đây có rất nhiều tổ chim. Một hôm, ông bảo trẻ con lối xóm trèo lên cây tìm cho mình một tổ chim. Đứa trẻ trèo lên một chốc bắt xuống cho ông một tổ trong có bốn con : một cặp vợ chồng chào mào và hai con chim con. Ông già thả bố mẹ nó ra, rồi làm một cái lồng đẹp, bỏ hai con chim non vào đó. Đoạn treo lồng lên cây. Và ông thấy hàng ngày chim cha và chim mẹ riu rít mang mồi về bằm vào lồng, thò cổ vào đút cho con. Ông già ngẫm nghĩ : "Loài chim rất thương con, dù con có bị bắt cũng không chịu bỏ.

Khi hai con chim con đã khôn, ông già lại sai bọn trẻ tìm cách bắt cho được hai con chim cha và chim mẹ lại. Bắt được rồi, ông bỏ chúng vào lồng mà thả hai con chim kia ra. Nhưng một khi được giải phóng, hai con chim con bay mất hút, không hề trở lại. Việc đó làm cho ông suy nghĩ nhiều :

- Đờ bội bạc! Chẳng có con nào nhỏ tới bố mẹ của nó cả, chưa nói tới chuyện đút mồi nữa.

Và sau ông già kết luận :

- Con người cũng vậy thôi. Chỉ có trả nợ xuống mà không trả nợ lên!

Ba tháng trôi qua, ba đứa con của ông già lại đến giục bố mẹ trả lời. Ông già kể cho họ nghe chuyện chim chào mào vừa qua, nói lên những nhận xét của mình rồi tiếp :

- Bố mẹ chẳng phải muốn giữ lại của làm gì đâu! Khi hai tay buông xuôi rồi, có mang được tí gì xuống âm phủ đâu mà giữ. Nhưng bố mẹ nghĩ rằng những đứa con thường chăm chút cho con mình hơn là lo cho bố mẹ.. Và chẳng, khi đang có ăn thì còn có tình có nghĩa, khi đã túng thiếu rồi thì nào biết bố mẹ là gì nữa. Vì vậy, bố mẹ muốn ở riêng ra như thế này cho đến khi nhắm mắt tắt hơi, làm được gì ăn nấy, không phải làm phiền đến các con.

Nghe nói thế ba đứa con hết lời thề thốt.

Đứa thứ nhất thề rằng dù các em có bỏ bố mẹ chẳng nữa thì nó cũng sẽ chăm lo cho bố mẹ đầy đủ. Đứa thứ hai thề rằng nó sẽ không để cho bố mẹ phiền hà lấy một câu. Đứa thứ ba thề dù nó có nghèo khổ đến đâu, thì cũng đi xin ăn về nuôi bố mẹ. Bà vợ ông bảo :

- Con nó đã thề thốt như thế, ông nên nghĩ lại, chim khác, người khác, ông ạ!

Cuối cùng thấy vợ con nói đi nói lại mãi, ông già dần dần xiêu lòng, bèn lại mời họ mời làng một lần nữa chia phát tất cả tài sản còn lại cho ba đứa con mà không dành lại cho mình một tí gì.

Trong những năm đầu, ba anh em phụng dưỡng bố mẹ rất tử tế. Miếng ngon vật lạ hề nghe đâu có bán là cố tìm mua cho bố mẹ ăn. Nhưng từ năm thứ ba trở đi, việc hầu hạ có phần chệnh mảng. Thêm vào đó, công việc làm ăn của họ lại không khấm khá gì. Cả ba đứa con của ông cụ đều là những tay "phá gia chi tử" không kém cạnh gì nhau, nên số tài sản của bố mẹ chia không mấy chốc lại tiêu đi mất cả. Sự khó khăn ngày một in sâu trên nét mặt họ, và sự chăm sóc bố mẹ lại càng chệnh mảng. Hơn nữa ba anh em họ, nhất là ba chị em dâu thường ganh tị nhau từng đồng tiền bát gạo. Trước kia cả ba hàng năm góp tiền lại cho một người để nuôi bố mẹ. Dần dần sự đóng góp không được đầy đủ như trước. Thấy kẻ này thiếu một vài quan, người nọ cũng nhất định giữ lại chũng ấy không chịu đưa. Về sau, họ bàn nhau mỗi người luân phiên nuôi bố mẹ một năm. Nhưng người anh cả lại sợ rằng lỡ ra bố mẹ chết sớm thì người chưa nuôi có lợi, mà người đã nuôi sẽ bị thiệt thòi, nên rút xuống nửa năm, rồi lại xuống còn ba tháng. Cuối cùng họ đồng ý mỗi người nuôi một tháng, nhưng không theo thứ tự mà bằng cách rút thăm. Càng già gân cốt càng suy, đi lại không được, do đó càng đòi hỏi phải chăm chút nhiều hơn. Thế mà trái lại, mỗi ngày sự nuôi nấng cha mẹ mỗi tẻ, thậm chí con chỉ mong mau đến kỳ hạn để tống bố mẹ đi.

Cứ như vậy chưa đầy ba năm, bố mẹ vì không chịu được đói và rét, lần lượt qua đời. Do chuyện này mà có câu :

Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể

Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày

hay là :

Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng

Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày

thơ QUỐC NGŨ CA

• Phan Quang Đán



Tiếng Việt linh hồn Tổ Quốc ta,
Cổ kim kho báu nước non nhà.
Tang thương biến đổi càng tươi
thắm,

Thế cuộc vùn xoay vẫn đậm đà.
Chung sức điểm tô cho tráng lệ,
Góp công kiến thiết rõ nguy nga.
Tiếng giàu dân mạnh là căn bản,
Tha thiết đối vãn quốc ngữ ca.

TIẾNG MẸ ĐÈ

Tiếng mẹ đẻ người đều tha thiết,
Nằm trong nôi đã biết lắng nghe.
Thân yêu có mẹ ngồi kề,
Dịu dàng ru hát để mê giấc nồng.
Đi chập chững ngập ngừng bập bẹ,
Giọng chim non muốn về thơ ngây.
Má ba thò thè suốt ngày,
Liu lo học nói vui vầy thanh tao.
Bốn năm tuổi bước vào mẫu giáo,
Đưa bạn bè dạo dạo múa ca.

Về nhà kể chuyện sa đà,
Lẳng xăng quất quýt mẹ cha nói hoài.
Lên sáu bảy theo dõi đèn sách,
Cặp đeo lưng xóc xách đến trường.
Chuyên cần lui tới học đường,
Trí tri thấu thái, văn chương giữa mài.
Tiếng quốc ngữ trả bài nộp quyển,
Mẹo tinh vi uyển chuyển thạo dần.
Miệt mài thơ truyện quốc văn,
Tâm tình thêm hậu, tinh thần thêm cao.
Tuổi thơ ấu biết bao kỷ niệm,
Lẳng chìm sâu trong tiếng quê hương.
Lớn lên tư tưởng yêu đương,
Vui buồn mơ ước ghét thương trông chờ,
Đời tình cảm ngày giờ sống khổ,
Thầy đều ghi qua chữ quốc âm.
Nào nùng xúc động nhân tâm,
Gi hơn tiếng mẹ bồng trầm diệu ru.
Tiếng ngoại ngữ cho dù phong phú,
Để tài nào hứng thú được bằng.
Cao lương mỹ vị quán hàng,
Thua mùi thuần hức quê làng đã quen.



□ Thanh Bình

T huở xưa, có đôi vợ chồng nghèo cứ ngụ dưới một túp lều tranh, cô vợ thật là xinh đẹp, vừa duyên dáng mỹ miều. Tuy không giàu, nhưng họ rất thương yêu nhau : đó là hạnh phúc vậy!

Có một con ác quỷ ngự trị nơi khu rừng bên cạnh túp lều, nó hằng khao khát vẻ đẹp của nàng thiếu phụ trẻ. Một hôm, trong lúc người chồng đi vắng, quỷ giả dạng người chồng và đến nhà nàng.

"Hôm nay, ta không sản được gì cả, và đành về sớm" quỷ tuyên bố với thiếu phụ.

"Minh làm như vậy rất đúng. Anh hãy đi thay đồ, trong khi em dọn cơm". Cô nàng bảo thế, vì cô không nghi ngờ gì cả.

Nhưng khi nhìn ra cửa, nàng suýt chết vì sợ hãi : chồng nàng đang đứng đấy! Hai người đàn ông, một đang đứng ở cửa và một đang ngồi trên manh chiếu đều giống nhau như hai giọt nước!

"Minh hãy đến bên anh!" người đứng ở cửa bảo thế.

"Đừng nghe hắn, hãy đến bên ta!" Người kia cũng bảo vậy với một giọng nói giống hệt nhau, đến nỗi người vợ không phân biệt được ai là ai.

"Ôi, thật là vô phúc cho tôi! Tôi không thể phân biệt được ai trong hai người này là chồng tôi!" Người thiếu phụ rên rỉ, trong lòng bối rối. Nàng tiếp lời :

"Nhưng khi mà tôi chưa phân biệt được ai là chồng tôi, tôi không vội nghe ai cả!" Nói xong, nàng vô phòng đóng cửa lại.

Chồng nàng thất vọng đã đành, nhưng con quỷ thì cũng không hài lòng chút nào trước tình thế ấy. Nó liền đề nghị rằng :

"Chúng ta hãy rời nơi này và đi hỏi kẻ đầu tiên mà ta gặp, nhờ hắn phân xử. Nếu ai thắng sẽ trở về nhà, kẻ thua cuộc sẽ vĩnh viễn ra đi!"

Người chồng đành miễn cưỡng chấp nhận và cùng nhau ra đi. Một lát sau, họ chợt thấy một chú thỏ đang nhảy nhót ở giữa đường.

"Ê, này thỏ, hãy lại đây!" Con quý la lên.

"Chúng ta muốn nhờ người xử giùm một việc quan trọng. Mà vẫn biết chắc là tao và vợ tạo sống chung đã nhiều năm rồi. Vậy mà bây giờ có thằng bá vợ này muốn tự nhận là tao."

"Thỏ ơi, bạn đừng vội tin lời nó nói." Người chồng rên rỉ. "Chính tôi là người đã sống nói này trong yêu đường hạnh phúc!"

"Có sự gì khó hiểu đã xảy ra, và chắc chắn là một trong hai bạn là kẻ..." Thỏ đang nói, chợt im và trong trí nó đã nảy ra một kế, nó tuyên bố:

"Nếu muốn ta giải quyết sự tranh chấp của các người, trước tiên chúng ta hãy cùng về nhà".

Trên đường đi về, người chồng có nhiều ý nghĩ đen tối trong đầu, trái lại con quý nở nụ cười đắc ý. Nó tin chắc là sẽ thắng cuộc: rồi đây người đẹp sẽ thuộc về nó!

"Hãy đem cho ta một cái hũ!" Thỏ ra lệnh, khi tất cả vừa về đến nhà. Người chồng vội đi vô phòng. Con quý ngỡ rằng Thỏ muốn tìm hiểu xem ai là người biết rõ mọi sự vật trong nhà, lật đật đi theo người chồng. Nó giật cái hũ trên tay người chồng và đem tới cho Thỏ.

"Và bây giờ, hãy nghe cho kỹ!" Thỏ tuyên bố một cách đồng dục như thể đang đứng trước một phiên tòa thật sự.

"Kẻ nào trong hai người có thể thu nhỏ người lại để chui vô cái hũ này, tao tin rằng hẳn thật là người chồng của thiếu phụ này!"

Chàng thanh niên cúi đầu, ríu rít: "Không khi nào tôi có thể thực hành việc này được!" anh thốt thức.

Con quý đắc ý reo lên: "Đối với tôi, đó là một trò chơi trẻ con!"

"Thật vậy à?" Thỏ gặng hỏi "Nói thì dễ, nhưng liệu có làm được không?"

"Sao không?" Con quý cười ngạo, tự phụ với quyền lực của mình. Nó tự thu mình lại, càng lúc càng nhỏ đến khi, quá nhiên, nó chui tọt vào trong hũ. Lập tức, con thỏ không để mắt một giây, đẩy nút hũ lại.

"Đồ ngốc!" Thỏ quát thét "Mày có thấy một thường nhân nào có thể biến dạng được chăng? Chỉ có loài quỷ chúng bây mới có thể làm như thế. Và mày đã tự nhốt mình vào trong ngục vì sự giả mạo của mày!"

Nói xong, con thỏ trao cái hũ cho người chồng đang ngạc nhiên sùng sốt và Thỏ lại nhảy nhót ra về, trong tâm vui vẻ. (07.07.1997)



Cách xa thật rồi phải không mấy bở? Mùa hè này sắp hết, những khóa thi cũng qua đi mang theo bao ước mộng của chúng mình. Bạn bè ngày mai, người sẽ chọn cuộc sống tha hương, người vào các phân khoa tiếp tục việc học hành, cũng có người phiêu bạt, phó mặc hai chữ định mệnh cho đời.

Còn lại gì cho T.? Tập lưu bút ngày xưa một lần quyết định sang "đầu quân" trường khác, đã được gửi đến mấy bở mong ghi dấu kỷ niệm học trò. Một năm lưu lạc ở VL, thời gian ấy quá đủ để T. thấy mình không thể dễ dàng quên trường cũ với các thầy cô, bạn bè của suốt năm niên học dài từ Đệ thất lên Đệ tam...

Như con chim nhỏ lạc bầy tìm về tổ ấm, trở lại LBT vào buổi sáng êm đềm trong ngày khai giảng, bước chân T. đã ngỡ ngàng trên từng lối đi quen thuộc nào. Vẫn yên lặng hiền từ dãy nhà cư xá Trường Tấn Bửu, vẫn bóng mát êm đềm những hàng cây trũng cá nở hoa trắng nhỏ dịu dàng. Thấy không T. chẳng bao giờ nhặt nhòa yêu đường cùng dĩ vãng đâu!

Những niên học cuối cùng của bậc trung học quá nhiều vội vã, gò bó và dè dặt bên cạnh các nam sinh. Không còn ai để nghịch ngợm vui đùa... Căn phòng tối tận cùng góc cầu thang. Những giờ học Sử Địa thầy Phong hay Công Dân thầy Luân vắng vẻ. Sân trường hiu hắt lạ giữa trời trưa nắng gắt. Cây phượng chậm nở bông nên mấy lớp chuẩn bị thi Tú Tài cũng hơi sợ điềm chẳng lành, số thí sinh sẽ đổ ít hoặc là điểm thấp v.v... Tất cả tưởng vừa xảy ra hôm nay, vậy mà chỉ là kỷ niệm thôi đó! Và... dòng lưu bút còn đây, nhắc nhở T. nhớ hoài đến thời kỳ có thể gọi là "vàng son" của chúng mình.

Ngày cuối niên học, mình được dịp ngắm những cánh phượng đỏ thắm buồn buồn lung lay theo gió, cùng những tầng lầu bên kia đầy dãy học sinh áo trắng. Họ cũng nhìn hoa phượng, cũng nghĩ đến sang năm, đến sự chia tay như hai đứa bây giờ.

Khi sắp xa nhau và thật sự xa nhau rồi thì biết bao kỷ niệm xưa chợt hiện lên trong óc và vẫn vô trước mắt. Nào những buổi học tè nhạt vì mình giận nhau. Nào những giờ ra chơi, mình ngồi lại trong lớp cùng hí hóm xem trang Tuổi Ngọc. Những buổi trưa nóng bức mình bên nhau cặm cụi hí hoáy cho xong một tờ bích báo mà cứ tự khen rằng đẹp (nhưng không may... nên đã chẳng trúng giải, dù chỉ là giải khuyến khích của nhà trường!).

Không còn gì đẹp và hay bằng ngày cứu trợ. Một ngày chúng mình toàn những nữ sinh áo trắng "ra tay nghĩa hiệp" tình nguyện đi quỳn tiền hăng say đến nỗi mỗi cá chân khan cả cổ. Nhưng sau đó chúng mình đã quên hết mọi mệt nhọc, chỉ cảm thấy sung sướng, hãnh diện vì sẽ mang lại phần nào an ủi, gọi là chút tinh tướng thân tướng trợ giúp đến đồng bào bất hạnh, lâm nạn bão lụt miền Trung.

Xin trở về một thuở tung hoành bên khu vực nữ sinh. Những giờ Quốc Văn thầy Sự vẫn bắt chúng mình phải "tự giác" lỗi lầm. Những giờ Vạn Vật của thầy Lâm Giang vui nhộn. Những giờ sinh ngữ chính Anh Văn trong một năm học nhiều lận đận, phải thay đổi giáo sư 2, 3 lần. Những giờ Vật Lý lúc sắp ngày Tết Nguyên Đán, thầy Hán đã bực dọc mắng lớp chúng mình. Ai đòi nữ sinh lại đem pháo đốt ngay trong phòng học sau khi "cận chiến, ấu đá" cùng ông giám thị hành lang gầy ròm chú!

T. cũng cười và khóc rưng rưng khi đọc tới những dòng chữ dĩ dóm thân yêu của Bích Ngọc: "Ôi, còn đâu những buổi học bọn mình năm đứa "ngũ cô nương" ăn vụng từng đốt me, chia nhau từng viên kẹo chanh? Còn đâu những lúc "bà nó" cặp bồ mí "thằng cha" Diên đi bỏ thư ở cây xăng bị té rách áo, ai may vá cho bà, bà còn nhớ không? Hay... dừng thật lâu chỗ HTH với hàng chữ bướm bay là lướt, mà sau Tam A1 đã bay sang trường khác: "Thế là mình sẽ không còn được diu nhau "xướng núi", không còn ai để chia nhau bánh quà, không còn nhìn những ly nước ngọt bị pha hai màu vàng, đỏ. Nhất là... không còn bắt gặp những "tia nhìn tha thiết" nữa!".

Lật đến trang giấy của NTL và bài thơ không tựa đề được trang điểm thêm bằng 2 cánh phượng hồng mà bây giờ đã khô héo ngả màu:

Hai cánh phượng hồng
Trên trang giấy trắng
Phượng hồng vô tư
Giấy trắng vô tình
Nào có biết mình
Sắp phải xa nhau...

Thu Thùy tâm sự: "Th. chỉ ghét hoa phượng ở trường mình. Mỗi lần chúng xuất hiện là mình sắp sửa chia ly. Th. biết sang năm sẽ không còn gặp đầy đủ những khuôn mặt quen thân của niên học này. Bạn bè càng ngày càng xa ló xa lác. Người xa trường, xa lớp, khác chỗ ngồi. Người từ giả học đường, ra đời bon chen để giúp đỡ gia đình. Nếu gặp nhau tình cờ chỉ còn những câu hỏi dè dặt...".

Niên học mới vẫn áo trắng học trò hồn nhiên tung bay như cánh bướm nhòn nhò. Nhưng có kẻ vẫn thấy mình lạc lõng, cô đơn vì thiếu vắng người bạn của mùa hè năm cũ. T. buồn lằng lằng khi dở tới những trang PMD viết. Cô bé ấy đã bỏ trường sớm nhất, vượt qua mọi bạn bè của Tú A9 xưa "... giờ đây không còn học chung lớp nữa, D. nhớ mãi những buổi sáng thứ hai T. ra kéo cò với LH. Khi vào lớp đi đằng sau thầy Việt Văn, T. hay lắc lắc cái đầu như vừa mới làm xong một chuyện gì "ghê" lắm vậy đó! Lớp mình được cái danh dự kéo cò cho toàn trường, le quá phải không? T. có nhớ lần kéo cò bị rối dây nửa chừng, lúc gỡ được rồi xong thì bài quốc ca cũng vừa chấm dứt, nghĩ lại vừa giận vừa buồn cười!"

"Quên sao được khi cả ba D, D, T đứng trên lầu nhìn khắp nơi, phê bình thiên hạ. Cây phượng giữa sân nở đầy hoa đỏ. Lá cò bay bay trong gió. Chiếc cầu thang chật ba đứa đi không vừa. Cái phòng học xa xưa. Lúc T. khóc vì không biết ghi tên ai lên bảng, làm thầy Tâm cũng bối rối và không dám nhờ T. đứng kiểm soát nữa! Tất cả D. vẫn còn nhỏ và nhỏ mãi mỗi lần đi ngang qua ngôi trường LBT, mà không có can đảm ghé vào thăm vì sợ???"

Những kỷ niệm của thời học trò... T. muốn ví tất cả như chùm bong bóng nhiều màu đã thoát bay vụt khỏi tầm tay ngăn ngừa của chúng mình. Dù giờ đây mỗi người một hướng đi T. vẫn mong sau này có dịp nào gặp lại, mình sẽ kể nhau nghe những ngày áo trắng vô cùng hồn nhiên dưới mái trường thân yêu thuở nào. Bởi kỷ niệm "chúng mình với nhau" thì luôn dễ thương, đáng nhớ và mình sẽ cố gắng để nhớ đến hoài, các bạn nhé!



man mác trời thu

• NGUYỄN VINH THẢO

Mùa thu đang tới, lễ Vu Lan đang về, nhắc nhở mọi người nhớ tới công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ.

Hàng năm tôi cùng bạn bè đã về đây để thấy được hương vị quê hương Việt Nam, chẳng gì cũng gần chục năm chúng tôi xa cách gia đình... Càng xa bao nhiêu, tôi càng nhớ quê hương, càng hiểu về Đạo và ý kiến sâu sắc của ngày lễ này. Ngày lễ mang tính Tử Bi cao cả, ai còn Mẹ thì chia sẻ với những người không còn mẹ, những bông hoa tươi đẹp cài trên ngực là biểu tượng cho sự chia sẻ cao quý đó!

Cũng nhân ngày này, nhiều lần tôi cùng các bạn được nghe những giờ Thầy Thích Như Điển giảng dạy về Đạo, về lẽ sống trong cuộc đời, thật cảm động chúng tôi như được sống lại những ngày ấu thơ, cảm nhận tình thương bao la của Thầy...

Xưởng vẫn phòng được các bác, các cô chỉ dạy hướng dẫn chu đáo làm cho những cảm giác ngỡ ngàng xa lạ không còn nữa, thay vào đó là tình cảm như của người thân khi đón những người từ xa về thăm!

Vui nhất là qua bếp được nhìn các cô cùng các bác, anh em giúp chùa làm bánh, thật vất vả mới có được tấm bánh cho hàng nghìn người tôi chùa thường thức. Công sức thật nhiều. Nghĩ tới đó tôi thấy mình thật là ích kỷ vì ít lo tới mọi người khác.

Ở đây tôi cũng như mọi người đã được gặp những người thân, những người bạn có khi xa cách cả hơn chục năm thậm chí có cả bạn từ thuở ấu thơ. Thật đúng với những dòng chữ lớn treo trên cao với nội dung:

"Mái chùa che chở hồn dân tộc.

Nếp sống muôn đời của Tổ Tông".

Cũng trong khung cảnh của ngày lễ vào mùa thu đó, tôi thấy nhỏ và thương cho bạn bè và các đứa em ở nhà. Mùa thu trong tổ lịch của Cộng Sản Việt Nam kỷ niệm ngày Cách Mạng Tháng 8, ngày mà toàn dân Việt Nam được khai sinh độc lập, nhưng thực ra không có độc lập bởi một bè lũ lãnh đạo độc tài và tôn thờ chủ nghĩa Mác, thủ chủ nghĩa vô thần. Cũng vì theo chủ nghĩa này mà ông cha tôi đã suốt đời hy sinh cho một thứ ảo tưởng, để bây giờ được gì khi tuổi đời đã cao với đồng lương hưu không đủ sống, gia đình nghèo con cái phải bỏ học. Mặc dù người đọc ra bản Tuyên Ngôn ngày 2.9.45 đã chết, song bè lũ cận thần còn lấy hình tượng đó, súng bái, lửa bịp người dân Việt Nam để dễ bề bóc lột và làm giàu, chúng liên kết với nhau đúng nghĩa là một băng đảng Mafia từ tham nhũng đến buôn bán á phiện, bạch phiến. Tương lai của dân tộc đi về đâu?

Tôi thăm chùa, yêu quê hương, chúng tôi thấy rằng phải sống có ý nghĩa hơn. Sống vì mọi người và làm những việc công ích nhiều hơn như lời Thầy trụ trì dạy bảo: "... là con người rất nhiều tính "Tự" như tự cao, tự đại, tự ti, tự hào song khó nhất là phải biết Tự Tin". Tự tin nơi chính bản thân mình, mỗi một dịp lễ tôi đến chùa và khi chia tay ra về lòng tôi càng thấm nhuần câu nói ấy.

(Würzburg)



GIẤC MỘNG KHỦNG KHIẾP

• Diệu Lễ

Thuở xưa ở xứ Đại Hàn có một ngôi chùa cổ rất danh tiếng. Chùa sở dĩ được thập phương chiêm bái, sùng kính là nhờ ở đức độ cao siêu của vị Hòa Thượng trụ trì và đạo hạnh của một vài tu sĩ cao niên ở đây.

Một hôm, trước ngày lễ cuối của tiểu thơ Thiên Kim, quan tướng quốc cùng phu nhân đến chùa để nhờ vị trụ trì cầu Phật ban phúc lành cho tiểu thơ. Hòa Thượng hoan hỷ cho ngày để đem tiểu thơ đến lễ bái.

Tất cả chú tăng cùng các chú tiểu đều gia công dọn dẹp nhà chùa.

Có một vị sư cao lớn mập mạp ở chung phòng với chú Rôxin (Sa di). Sáng nọ hai người đang quét lá khô ngoài sân, vị sư vỗ vai Rô-Xin mà nói rằng:

- Rôxin, chú có bao giờ thấy cô tiểu thơ Thiên Kim không? rồi sư tiếp: Ô! đẹp lắm, đẹp như cái hoa kia (vừa nói vừa trò tay chỉ đóa hoa hồng đang hé nở ở cạnh vườn chùa).

Nghe thế, Rôxin cũng tò mò, muốn biết sắc đẹp của cô tiểu thơ đến bực nào. Liền lúc ấy có tin báo cho biết gia đình quan tướng quốc sắp đến. Các chú tăng đều ra tận cổng đứng thành hai hàng hai bên để nghinh đón thượng khách.

Lúc nom thấy Hòa Thượng từ trong chánh điện bước ra thì tất cả các chú tăng, sa di đều quay đầu về phía ngài, chỉ một mình chú Rôxin lại đăm đăm nhìn cô tiểu thơ, nên bị Hòa Thượng, lúc đi ngang, chính ngay đầu chú một cái "cốc" làm chú giật mình quay lại như mọi người.

Chợt nom thấy nhan sắc kiều diễm của cô tiểu thơ tự nhiên lòng Rôxin bị chấn động, người như có xác không hồn, rồi suốt ngày hôm đó hình ảnh cô tiểu thơ đã áp đảo Rôxin.

Thường ngày, cứ tối đến Hòa Thượng ghé vào phòng để Rôxin tắm giặt cho ngài. Trong lúc ấy ngài hỏi chuyện:

- À! chú Rôxin, chú vào chùa được bao lâu rồi nhỉ?

- Thưa Hòa Thượng, được 10 năm rồi ạ!

-Ồ! nhanh thế à? Phật tu có 6 năm giác ngộ, vậy chú tu lâu hơn Phật rồi đó!".

Câu nói đùa của Hòa Thượng làm cho Rôxin cảm thấy xoắn xang, vì tự biết mình đang vướng bận nghiệp trần, rồi thì đầu óc cứ nghĩ bâng quơ.

Đến giờ, Hòa Thượng cảm ơn và ngài bảo Rôxin đi mặc áo để lên tham thiền.

Tối hôm nay, khác hơn mọi kỳ, Rôxin không thể nào tập trung tư tưởng thiền định. Chú không thể nào trấn áp được cái ý nghĩ mạnh mẽ về cô tiểu thư.

Màn đêm phủ dần, mọi người đều đi ngủ. Rôxin lên lên chánh điện, quỳ mọp xuống trước tượng Đức Phật, cung kính vừa van vái, vừa khóc sụt mướt:

- "Bạch Như Lai, con biết chỉ có Như Lai mới cứu được con. Ngài hãy cứu vớt cái tâm hồn yếu đuối cuồng dại của con đây". Nói xong, chú ta dập đầu xuống đất mong vua đuổi cái ý nghĩ điên rồ của mình. Rôxin rủ rợi, mệt đuối người và ngã lảo đảo đi không hay.

Bên kia vòm trời, pháo bông tung lên, lóa ra hằng hà sa số tia sáng vô cùng lộng lẫy vì ấy là gần ngày đám cưới của cô tiểu thư. Công chúng tập nập đi xem đông hơn ngày hội. Trong đó, Rôxin cũng chen vào đám người ấy và từ xa chú đã nom thấy tướng mạo phi thường của tên hiệp sĩ Mòrê, vị hôn phu của cô tiểu thư. Anh chàng này đang biểu diễn lán kiếm cho công chúng xem tại vườn hoa của quan tướng quốc. Mọi người say đắm, hôn hờ vỗ tay không ngừng. Quan tướng quốc trầm trở ngồi khen người rể quý báu khôi ngô. Trong lúc ai nấy đều reo hò tán thưởng vị hiệp sĩ Mòrê đang trở những miếng võ tuyệt xảo thì một tiếng sét long trời làm mọi người giột mình kinh hãi. Tiếp theo đó một trận cuồng phong nổi lên và mây đen ùn ùn kéo tới. Một cơn mưa xối xả đổ xuống khiến mọi người đều chạy tìm nơi trú ẩn.

Chàng Rôxin nhân lúc rối loạn đã đi lạc vào phủ quan tướng quốc và đến trước căn phòng của Thiên Kim tiểu thư. Căn phòng cực kỳ lộng lẫy, cô tiểu thư đang ngồi trước tấm gương, nhẹ nhàng chải mó tóc huyền mớ; cô lấy làm hãnh diện cho cuộc đời mình đầy hạnh phúc; vừa đẹp đẽ vừa con nhà quyền quý, lại sắp gặp vị hôn phu, đúng là trai tài gái sắc. Cô cất tiếng hát:

"Cuộc đời đẹp như đóa hoa hé nở
Cuộc đời đẹp như chim hót trên cành
Cuộc đời đẹp như ánh trăng rằm
Cuộc đời đẹp như ánh mặt trời ban mai
..."

Có lẽ vì một cái nghiệp duyên nào đó, bỗng nhiên một cơn gió bão rít lên tứ phương, cánh cửa phòng tung ra và đèn đuốc đều bị tắt, tối om. Rôxin thừa cơ, không còn suy nghĩ gì nữa, nhay đại vào ôm chầm lấy cô tiểu thư. Trong giây phút ngỡ ngàng bất thần ấy, cô Thiên Kim định ninh là Mòrê, vị hôn phu của mình, nên không một phản ứng chống cự. Cơn mưa ngoài trời chứa tạnh, cuộc mây mưa thấm thoát, lúc đó tiểu thư mới thỏ thẻ hỏi:

- Cha thiếp đã đồng ý gả thiếp cho chàng, có sao chàng lại vội vã như vậy mà không đợi đến ngày thành hôn?

Rôxin quỳ mọp xuống dập đầu thật rành:

- Thưa tiểu thư, tôi không phải là vị hiệp sĩ hôn phu của tiểu thư; tôi vốn là một sa di, sau lần gặp gỡ tiểu thư tại chùa đã đem lòng thầm thương trộm nhớ tiểu thư. Hôm nay, trong một phút bùng nổ nhứt thời đã lỡ xúc phạm tiểu thư. Nay nếu tiểu thư kêu lên thì tôi đành nhận chịu mọi hình phạt, nhưng nếu vậy thì danh tiết của tiểu thư cũng bị hoen ố. Còn nếu tiểu thư có thương tình thì tôi nguyện suốt đời không dám phụ bạc.

Những tiếng sét long trời ló đất bên ngoài cũng không làm rung động tiểu thư bằng những lời thú nhận của Rôxin. Nàng chết lặng người không thốt lên một lời.

Chàng Rôxin nói tiếp:

- Nhân cơn mưa bão, xin tiểu thư hãy cùng tôi trốn ra khỏi thành. Chúng ta hãy đi đến một nơi xa xôi mà xây tổ ấm.

Tiểu thư không còn chút tự chủ nào cả... Thế rồi hai người thu xếp vội vã vàng bạc châu báu và tẩu thoát giữa đêm gió táp mưa sa...

Họ đi mãi, đi thật xa, đến một làng họ thấy dân chúng rất là hiền hòa, dễ thương, họ bèn định cư đó. Họ thuê nhà ở và sống rất hạnh phúc. Sau mấy tháng có dựng lên một cái sạp vải. Làm ăn phát đạt, hai vợ chồng tưởng đời thoải mái và cô tiểu thư sanh hạ được hai đứa con, một gái và một trai rất kháu khỉnh xinh xắn.

Một tối nọ, cũng lại một đêm mưa tầm tã, trong lúc vợ chồng con cái đang quây quần bên mâm cơm, bên cạnh lò sưởi ấm cúng, bỗng nhiên nghe vắng vắng từ xa trong cơn mưa có tiếng tụng kinh nhịp mõ đều đều. Rôxin mở tủ lấy tiền sẵn. Tiếng tụng kinh tiếng mõ đã lại gần nhà. Cô Thiên Kim nhìn qua khe cửa đã thấy bóng người đi lại. Rôxin liền mở cửa ra để cung kính cúng dường vị sư trong chiếc áo tời bằng lá. Chiếc nón lá che cả mặt và chỉ nghe có mấy tiếng: "Ai Di Đà Phật - Cảm ơn". Nghe vậy, Rôxin đã có linh cảm nên nhận ngay giọng nói của sư huynh thuở nào, liền thốt to:

- Sư huynh đó à?

-Ừ! mà sao chú lại ở đây?

- Mà tại sao sư huynh lang thang nơi này?

-Ồ! Chú Rôxin, câu chuyện còn dài lắm, nếu có thể chú cho tôi tá túc một đêm mưa lạnh này, tôi sẽ kể đầu đuôi cho chú nghe.

Rôxin mừng vô cùng và hai vợ chồng đón tiếp vị sư rất nồng hậu. Vừa ăn uống, vị sư lai rai kể chuyện:

"Chú biết không? Khi chú bỏ chùa ra đi thì một năm sau sư phụ mất. Tôi thì chú đã biết phải cái tật uống rượu. Các sư tống cổ tôi ra khỏi chùa. Từ đó, tôi phải hóa duyên đi tụng kinh để độ nhứt. Chưa hết, còn chuyện cô tiểu thư nữa đây. Sau khi 2 người bỏ dinh ra đi biệt tích thì quan tướng quốc rất độ cảm hôn đã treo cái đầu chú bằng một cái đầu bằng vàng với một cái áo quan - đó là giải thưởng cho ai tìm nã được chú và tiểu thư".

Nghe qua Rôxin đổi ngay sắc mặt, sợ hãi vô cùng lại sợ sắp mất hạnh phúc, càng lo thân mạng bị đe dọa nặng nề lại buồn vì tin sư phụ đã mất.

Đêm dài thao thức, buồn lo và sợ đã làm cho Rôxin quẩn trí. Sáng ngày thay vì ra mò của hàng thì Rôxin lại bị ma rượu lôi kéo, la liệt hết quán nọ đến quán kia.

Còn vị sư ở nhà cũng chẳng nên nề. Thấy cô tiểu thư xinh đẹp, lại yếu hèn sa ngã, bèn nói:

- Nè cô Thiên Kim, không phải chỉ một mình Rôxin nguổng mộ cái nhan sắc của cô mà tôi đây cũng mến mộ cô lắm. Vừa nói y bước gần và nắm lấy tay cô Thiên Kim. Cô này cực lực phản đối kháng cự. Thì liền lúc ấy cánh cửa lón mở ra và chú Rôxin nửa tỉnh nửa say bước vào.

Sư huynh, lên tiếng, nhưng lắp bắp không nên câu:

- Không có gì hết., tôi chỉ xem hộ chỉ tay thôi! Hai người sống rất là hạnh phúc v.v... Nói xong, bỏ vào phòng nằm.

Chú Rôxin không nói một lời, đi một mạch ra sau bếp, lấy con dao giấu vào cánh tay áo bước vào phòng sư huynh, đứng trừng trừng mặt đỏ gay, chưa kịp nói gì thì vị sư đã lên tiếng:

- Nè! Chú Rôxin, chú liệu hồn, tôi đã từ tế với chú lắm rồi, nếu tôi không thủy chung thì tôi đã tính về lãnh cái đầu bằng vàng, đời tôi sẽ sung sướng chỗ đâu có còn lang thang cực khổ như thế này.

Đang trong cơn giận dữ, lời đe dọa kia lại càng cho chú ta cái ý nghĩ bào thù sinh mạng, nên chú rút ngay con dao và phóng ra một phát vào ngực vị sư huynh. Lưỡi dao oan nghiệt đã phăng phùng trái tim và vị sư ngã gục chết ngay.

Cả nhà sợ hãi trước cái chết rùng rợn quá! Đêm khuya, mưa như trút nước, Rôxin phải vội kéo cái xác to tướng kia đi đến một vũng sinh ở ven rừng mà đào lỗ lấp xác để phi tang án mạng. Bộ quần áo đầm máu kia lúc về nhà chú cũng lo thú tiêu luân.

Rồi ngày qua ngày... Rôxin cứ bị ám ảnh, lại cứ lo sợ cho tánh mạng mình luôn bị đe dọa, vợ chồng đã kém vui, công việc làm ăn chảnh mảng. Không khí gia đình thêm nặng nề, tinh thần thoi thóp đi và sắc khí cũng tàn rụi dần. Một hôm Thiên Kim đi chợ, chợt thấy họ đổ xô vào đám người bên trong, cô ta tò mò, vệt đám người, len lỏi vào bên trong để

xem. Thoạt trông thấy dáng một người vạm vỡ oai nghi, một tay hiệp sĩ đang đứng giữa một đám du côn trong làng. Cô ta biết ngay đó là Môrê, lập tức cô quay lưng, vệt ra khỏi đám người và đi một mạch về nhà, vừa chạy vừa thở hổn hển. Anh chàng hiệp sĩ Môrê, con mắt cũng tinh anh, thấy và biết ngay cô tiểu thư trước đây nhưng vì cô ta bé nhỏ đã lén nhanh như chớp, nên Môrê không thể nào bắt gặp được.

Về đến nhà, Thiên Kim đẩy mạnh cửa bước vào, quý xuống trước mặt chồng mà rằng:

- Nguy rồi anh ơi! Môrê nó đã tìm đến làng này rồi, khó mà thoát khỏi tay hiệp sĩ này!

Giờ đây, sự lo sợ đã làm mất hết tinh thần, Rôxin đề nghị:

- Thôi! em hãy lấy tất cả vàng bạc còn lại để trở về sống với Môrê, anh sẽ tìm một nơi để sống với hai con. Như vậy thì may ra cứu được mạng em mà thân anh cũng yên, chớ không....

Chưa dứt câu, Thiên Kim đã ngắt lời:

- Đâu có được, em đã là vợ của anh rồi, con cái mình đây rồi, dù gì chúng ta hãy cùng trốn đi một nơi khác.

Thế là vợ chồng con cái đành bỏ nhà cửa, sạp vài đồ ra đi. Mang được một ít vàng bạc và tiền theo mình. Đi vất vưởng mấy ngày đường mới gặp một con suối để tạm nghỉ chân, uống nước. Nhưng, chưa kịp ăn uống gì thì một bóng người trên lưng ngựa đã hiện ra rồi đã sấp mặt. Rôxin chỉ còn cách quý mọp xuống và chịu tội dưới chân chàng hiệp sĩ. Anh này tuốt thanh kiếm ra, xẹt như chớp bay luôn mó tóc của Rôxin, xong xoay qua dang tay cho Thiên Kim đang khép nép run sợ bên hai đứa con. Giây phút nặng nề: một bên là người chồng mình với hai đứa con; một bên đáng lẽ là vị hôn phu của mình thuở nào, Thiên Kim im lặng. Trái lại Rôxin, thấy thanh kiếm còn dưới đất lẹ tay nắm lấy và liền phăng một nhát lên đầu Môrê. Anh chàng này thật bất ngờ, ngã quý xuống, mặt mũi đầm máu. Hai vợ chồng Rôxin hoảng hốt ôm hai đứa con bỏ chạy. Lúc này chỉ cốt mạng sống, áo quần, bạc vàng cũng bỏ hết không dám quay đầu lại chỗ ấy.

Hai vợ chồng cùng hai đứa con lẩn trốn trong khu rừng gần đó đội sáng hôm sau mới ra đi tìm một nơi khác ẩn trú. Chuyến này thì nghèo khổ vô cùng vì đã mất hết rồi. Anh chồng thì đi cày ruộng cho người ta, chị vợ đi cắt cỏ để sinh nhai. Gặp lúc hạn hán mất mùa, vợ chồng vất vả cả ngày may ra kiếm được vài lon gạo. Tối về chị ta chỉ nấu một nồi cháo nhỏ rồi vợ chồng con cái xúm lại húp cho đỡ dạ thôi. Đứa con trai đã húp xong bát cháo của nó, chưa thấm thìa gì nên cứ liếc bát cháo của mẹ nó. Người mẹ thì lúc nào cũng đủ can đảm chịu đựng, chị ta đẩy nhẹ chén cháo của mình đến đứa con. Thằng nhỏ vội bung lên húp thì ông cha nổi giận tát cho mấy tát: Đồ khốn! mày muốn cho mẹ mày chết đói sao? Cháo văng tứ tung, hai mẹ con ôm nhau khóc.

Đêm hôm ấy, thằng nhỏ đói quá, trốn lên sang nhà bên cạnh vào bếp ăn cắp một củ khoai sống để ăn. Nghe có tiếng động, chủ nhà liền núp sau cánh cửa đi ra. Thằng bé vừa chạy qua là ông ta khệnh ngay một hèo, nó ngã ra bất tỉnh, máu me linh láng. Họ liền thấp đèn lên và qua gọi cha nó qua lân con về. Đêm khuya ở nhà quê, tiền bạc không có, thuốc men cũng chẳng ai cho. Vợ chồng chỉ ôm con trong lòng, khóc nức nở cho đến lúc thằng bé tắt thở! Một cảnh tượng vô cùng thảm. Hai vợ chồng đâu có tiền để lo mai táng, đành đem xác con lên ven núi mong cho bầy chó sói đến ăn đó thôi.

Hai vợ chồng không còn can đảm ở lại đây nữa vì hàng xóm khinh khi quá mức. Thế rồi họ lại phải ra đi, đi mãi, đứa con mệt lả, phải ngồi dưới bóng cây. Rôxin ngồi nghĩ lại thời xưa: Trời ơi! phải mình an phận ở chùa, sáng ra quét lá cây cả ngày phụ cơm nước với các tăng, rồi học, rồi ngồi thiền bên cạnh sư phụ của mình v.v... Bỗng dưng, bởi tính ích kỷ nên đâm ra đổ thừa quy tội về chị vợ. Tự nhiên quát to: Cũng tại mày! Cũng tại cái nhan sắc của mày. Anh ta hàm hồ vừa nói vừa tát cho chị vợ mấy cái ngã lẩn. Chị vợ khóc òa lên. Đứa con gái chạy lại ôm cha nó thì bị anh ta hất té luôn. Một quá rồi, anh ngồi yên một chập lâu. Hồi hận, lại xin lỗi vợ. Cô tiểu thư đã hết nước mắt rồi, xưa kia cô đi kiệu, đi ngựa nào ngờ ngày nay hoàn cảnh oái oăm đến thế này! Người chồng làm trong ngày được chút ít thì đã cũng vào ma rượu hết rồi. Chị vợ làm không đủ nuôi cả chồng và con, trong cảnh đói khổ này chị vợ phải bán

thân để nuôi con qua ngày. Sáng ra chị ta cũng ngồi chải lại mó tóc đã rụng đi nhiều. Chị còn nhớ mấy câu hát thuở xưa:

"Cuộc đời đẹp như đóa hoa hé nở

.... .v.v....

Nay thì, mới cất tiếng:

Cuộc đời... nghẹn ngào, và bề bàng đắng cay!

Quả là:

Cuộc đời như ánh trăng ba mươi

Cuộc đời như mặt trời giữa trưa

Cuộc đời như quạ kêu đầu cành

Cuộc đời như đóa hoa tàn trước gió.

Thật là một thảm cảnh, họa vô đôn chí, một hôm chị ta phát giác mình lại mắc phải chứng bệnh nan y: bệnh cùi. Nhìn thấy anh chồng nằm say mềm, nước bọt phèo phèo, chị ta đành viết lại mấy chữ tử biệt anh chồng vì phải cái bệnh nan y, không thể chung sống. Rồi nhẹ nhàng ôm quần áo ra đi với đứa con gái. Nhìn lại một lần cuối người chồng say sưa, thật vừa thương hại vừa chán chường và kinh khủng!

Mặt trời vừa ló dạng, đứa con vô tư nhay tung tăng: Minh đi đâu hở mẹ? Chị ta quay mặt đi để che hàng lệ trên mi. Quái thật! bầu trời bao la vô tận nhúng lại chật vì không có một con đường cho mình đi! Chị ta chân cứ bước mà lòng đau như thắt vì không biết đi đâu...

Người chồng thức giấc, bắt gặp mấy chữ của vợ, cũng biết bùi ngùi đau xót, cảnh vợ chồng con cái ly tán. Thế là mất hết rồi, nay ta chỉ còn đây cái thân tàn tạ. Rồi anh lại lùi thui ra đi, với ý định dò hỏi đến cái làng cùi. Trên đường đi cứ bị lũ trẻ con trêu ghẹo và ném đá vì chúng xem anh ta như một người khùng điên. Thế mà anh vẫn lặn mò được đến cái làng cùi vào một mùa đông giá lạnh. Hỏi thăm thì có người cho biết quả thật có người tên ấy ở đây được mấy tháng, rồi lâm bệnh chết. Anh ta liền hỏi còn đứa con gái đâu. Họ cho biết, sau khi mẹ nó chết, nó bỏ đi đâu mất không ai hay biết gì. Buồn quá, anh đành dùng thuốc lang thang, che một mái lều con, lối xóm động lòng thương cảnh ngộ giúp cho một ít dụng cụ để anh khắc tượng gỗ bán cho qua ngày. Anh ta thường khắc hình người đàn bà với 2 đứa con, nhớ lại dĩ vãng hạnh phúc của mình ngày xưa.

Một hôm trong đêm lạnh anh bỗng nghe có tiếng chó sủa, rồi tiếp đó tiếng chân bước xào xạt trên nền tuyết. Anh có cảm giác đây là địch thủ ngày xưa, người mà lâu nay anh phải lo sợ trốn tránh. Nay thì anh mạnh dạn, can đảm, tự nghĩ rằng: Người mình gặp đây lại là vị cứu tinh cứu mình. Anh liền đốt lồng đèn, mở tung cửa sẵn sàng đón khách. Quả thật anh chàng Môrê trông có vẻ phong sương vũ dũng, mà Rôxin cũng nhìn rõ vết sẹo dài trên mặt của y.

Rôxin liền mở lời:

- Tôi chờ anh lâu rồi. Anh hãy giết tôi đi (Rôxin bây giờ muốn chết dưới lưỡi kiếm của Môrê để chuộc tội mình năm xưa đã gây một cái nhân vô cùng hung ác là phá vỡ hạnh phúc người ta).

Nhưng Môrê không giết Rôxin làm gì, nghĩ rằng: Tên này xưa kia là phải án tử hình mới đáng, trái lại hôm nay ghê ghai để cho nó sống mới được. Kẻ địch này không đáng cho ta xuống tay:

- Ta không giết mi đâu. Vừa nói Môrê vừa vung kiếm nghe một tiếng "xoạt" ngang đầu Rôxin và mái tóc bay tạt tới trong sương gió.

Rôxin thất vọng vô cùng, hôm nay mà y được chết là một cái phúc. Suy nghĩ cả mấy đêm, anh ta muốn kết thúc bằng ý nghĩ trở về ngôi chùa xưa. Vào một đêm hè nóng bức sau khi anh ta đi rã cá đôi chân, và nay đã tìm lại được ngôi chùa vào giữa đêm. Mọi người đang yên giấc. Rôxin nhẹ nhàng đẩy cổng bước vào. Nhìn trên chánh điện vẫn có hai cây bạch lạp lung linh, vẫn còn tượng Phật oai nghi, hiền hòa, đôi mắt ngài vẫn nhìn xuống như để xoa dịu nỗi khổ đau của chúng sinh bạc phước si mê. Rôxin hết sức xúc động, nước mắt cứ tuôn ra, y bèn quý xuống chấp tay khẩn vái:

- Bạch Như Lai, chung cuộc con đã về đây, con đã sa vào con đường tội lỗi, con xin ngài cho con sám hối, ngài hãy cứu độ con.

Rồi anh ta, sau bao nhiêu năm tháng quá mệt mỏi nên ngã ra thiếp đi một giấc. Sáng ngày ánh sáng xuyên qua khe cửa rọi vào mắt, anh ta bị chói nên cố nhắm mắt ra, vẫn còn ngái ngủ, anh ta nghe tiếng xì

xào, tiếng ai đang quét lá cây ngoài sân. Anh giụi mắt, tay chạm vào mặt, lạ thật, sao mặt mũi nhăn nhui như thế này, rờ lên đầu, quái lạ, cái đầu trơn lóc. Ngạc nhiên hơn nữa là không còn trên mình bộ đồ rách nát tả tơi mà lại là bộ áo cà sa? Anh ta đẩy cánh cửa bước ra. Thì sư huynh xưa kia đã vừa quét xong cái sân, mà rằng:

- Mãi đến giờ này mới dậy à?

Rôxin hết hồn, cúi xuống lượm cây chổi quét tiếp. Lại có tiếng báo động, gia đình quan tuồng quốc sắp đến. Mà lạ thật, lần này Rôxin cúi thán nhiên, y đã biết sợ cái nhan sắc "cũng tại mây" đó rồi!

Tay đang cầm chổi đứng vênh vang thì Hòa Thượng đi ngang khệch cho cái "cốc" trên đầu, Rôxin giụi mình: Ô! hóa ra mình mộng!!

Giờ đây, Rôxin đã tỉnh cơn mơ và đang bàng hoàng suy nghĩ: À! hóa ra Đức Phật đã cứu độ mình bằng một giấc mộng ly kỳ khủng khiếp.

(Kể lại dựa theo một câu chuyện đạo do quý Thầy giảng trong khóa học Phật Pháp tại Montréal)



Bên dòng sông Meuse con mở mắt thấy mẹ
Mẹ mỉm cười sao mắt mẹ không vui
Mười mấy năm con mê một ngủ vui
Ôi! tưởng như đã chết bên dòng sông lặng lẽ

Mẹ ơi! con không hề van xin gì cả
Chỉ cho con linh hồn của trẻ sơ sinh
Con biết điều con xin là phi lý
Khi mẹ buồn mà con chỉ biết lặng thinh

Từ dạo ấy con lìa xa quê mẹ
Mẹ u buồn vì vắng bóng con yêu
Mẹ biết con sung sướng đủ mọi điều
Nhưng rất thiếu thiếu tình yêu của mẹ

Cây không cội làm sao cây sống
Nước không nguồn đâu chảy thành sông
Con biết được hôm qua điều ấy
Khi chiều về lúc xế bóng hoàng hôn

(Trích trong Tập "Dòng Sông Xanh Biếc")



KỶ NIỆM
KHÔNG
BAO GIỜ QUÊN

• Trần thị Ngọc Lan

Những năm tháng trôi qua gia đình tôi sống ở xứ người, nơi chung thì cuộc đời và cách sống nó đã đổi khác nhiều hơn ở Việt Nam. Hiện tại gia đình tôi đang sống trong một cái làng nhỏ có tên gọi là Köfering. Tôi rất yêu làng đó, vì ở đó những người hàng xóm họ rất vui vẻ, hiền hòa và hoạt bát nhất là có một điểm nó tựa tựa giống ở Việt Nam mình. Họ rất mến gia đình tôi và ngược lại gia đình tôi cũng như vậy.

Tôi xin kể về gia đình tôi một chút, gia đình tôi gồm có 5 người, ba mẹ và ba chị em tôi. Tôi là người chị cả, cho nên mọi việc nặng nề hoặc là lắp ráp tủ, bàn ghế gì đó tôi đều phụ giúp một tay trong gia đình, nhưng đối với tôi về nghề sửa điện là thời khỏi nói đó là nghề mà tôi cảm thấy thích hơn những nghề khác, tôi không hiểu tại sao, chắc hồi đó ông trời ổng đã cho tôi đầu thai lộn làm kiếp con gái, đáng lẽ tôi phải là con trai mới đúng, ba mẹ tôi thường nói như vậy. Nhưng không có trái tim nào không biết yêu, thường dù là trai hay gái.

Hôm nay là ngày cuối tuần, ngày mà tôi hằng mong đợi nhiều hơn các ngày khác, vì tất cả các ngày khác từ thứ hai cho đến thứ sáu chị em tôi đều đi học cả. Cho nên không có nhiều thời gian rảnh rỗi cho lắm, vì tôi còn phải ôn tập và học bài để cho những kỳ thi bài tới.

Thiệt là "Gott sein Dank" tôi được ngủ lâu hơn tí xíu. Nhưng bữa nay tôi thức dậy lúc 9:00 giờ sáng, ăn điểm tâm cái gì đó cho no nê xong rồi, tôi đi vào phòng đóng chặt cửa lại và ngồi trên cửa sổ nhìn xuống đường. Hôm nay tôi thấy ngoài trời đẹp làm sao, ánh nắng buổi trưa chiếu vào căn phòng nhỏ của tôi. Cái ánh nắng chói chang nóng hổi sau những ngày tháng mùa Đông lạnh buốt, trên trời mây đen mù tịt và dày cộm đã che đầy mặt trời, mãi cho đến hôm nay tôi mới thấy được gương mặt ổng lộ ra khỏi lũ mây tàn bạo kia và đem xuống trần gian những tia nắng ấm áp của đầu mùa Xuân. Từ những tia nắng ở bên ngoài cửa sổ đã áp vào mặt tôi, làm cho gương mặt tôi rất bóng đi bởi những làn da khô trên mặt. Bỗng tôi cảm thấy nhỏ tôi Việt Nam, nhỏ những ánh nắng như lửa muốn đốt cháy phồng da người của đầu tháng Giêng, nhỏ đến quê nội, nhất là có một lần gia đình tôi đi về thăm bà, ngày đó là ngày đám giỗ của ông nội tôi, cho nên tất cả bà con, cô bác họ hàng đều kéo nhau về ăn giỗ.

Còn một chuyện nữa mà tôi không hề quên. Hồi đó hình như tôi mới lên sáu hay bảy tuổi gì đó, tôi không nhớ rõ cho lắm, một mình tôi đi ra sau hè của nhà nội, tôi thấy ở đó có một cái giếng nhưng lúc đó tôi không biết nó là cái gì, tôi liền đi gần lại coi thì thấy toàn nước và sâu thăm thẳm, tôi sợ quá và xem một chút nữa là nhảy tòm xuống giếng. Ba tôi lúc đó vừa bước ra ngoài hè, chưa kịp xỏ được chân vào đôi dép thì lật đật chạy lại và ôm tôi trong lòng, ba nói:

- Trời ơi, Thanh ơi, tại sao con đi ra ngoài này một mình vậy, cái giếng nó nguy hiểm lắm, con có biết không!

Tôi chả hiểu gì cả và hỏi lại ba:

- Ba ơi, tại sao cái giếng nó nguy hiểm?

Ba tôi cười và nói:

- Mai mốt lớn rồi con biết, bây giờ thì con không được phép đi ra ngoài sau hè nữa nghe chưa!

Tôi dạ một tiếng và nhảy tót khỏi tay ba, tung tăng chạy lại chơi với mấy bạn trong xóm quê ở Tây Ninh. Đến bây giờ khi tôi lớn lên và nghĩ lại tôi vẫn còn sợ và rùng mình bởi cái giếng sâu kia đã có lần tôi xem chết hụt. Tôi cảm ơn ông Trời vì ổng vẫn còn thương mình nên không cho mình chết "non".

Từ nay tôi giờ ở một mình trong căn phòng vắng, tôi cảm thấy chán quá, tôi liền xin phép mẹ đi ra đường dạo chơi một chút cho khuấy khuấy tâm hồn. Phong cảnh hôm nay thật đẹp nó giống y hệt dưới quê Gò Công ở Việt Nam, tất cả im tịt như tờ, gió thổi hiu hiu thật là mát, dưới cầu nước chảy róc rách và có tiếng chim hót vang trên bầu trời quang đãng. Tôi thấy nỗi buồn nó cứ vầy quanh, tôi chợt nhớ đến bạn bè thân yêu, nhớ đến tuổi của thời thơ ấu đã đi qua. Chắc có lẽ ai trong chúng ta cũng đã từng qua thời con nít, ứa nghịch ngợm, ứa phá phách, ứa chạy nhảy và nhất là con gái như chúng tôi không thể nào tránh nổi hai chữ "la hét" nghe muốn điếc tai (khi nhìn thấy một con chuột hoặc là con sâu chẳng hạn). Bây giờ đối với tôi tất cả là quá khứ, nhưng tôi không bao giờ quên được những kỷ niệm đẹp để đó, dù bây giờ mình sống cho hiện tại, cho tương lai nhưng lúc nào tôi cũng muốn giữ nó vào một góc riêng của tâm hồn, nơi đó lúc nào nó cũng thuộc vĩnh viễn về của ta. Bởi vậy người ta thường nói: "Kỷ niệm là gì? khi lòng ta muốn nhớ. Kỷ niệm không là gì? khi lòng ta muốn quên."

Tôi chưa thấy ngày nào mà tôi buồn nhất như hôm nay, tôi chợt thầm nghĩ rằng : "Trên trái đất này dù mình có đi đến đâu chẳng nữa, thì mình cũng tìm được bạn bè, tuy không cùng chung một quốc gia, chung một màu tóc, chung một ngôn ngữ và chung một màu da, nhưng không bao giờ tôi tìm thấy bạn bè như ở quê hương mình được. Nó hiền hòa, thùy mị, chất phát, ngoan ngoãn luôn nghe lời cha mẹ, không giống như ở Âu Mỹ. Chẳng hạn tôi sống bên Đức, tôi đi học cùng chung các đứa bạn khác cùng lứa tuổi. Tôi thấy có nhiều bạn 15, 16 tuổi như tôi mà nó sống bất cần cha mẹ, nó muốn làm gì nó làm nhất là nó đã mất hẳn luôn cả tuổi thơ vô tư của nó. Rồi tôi lại tự hỏi mình : "Tại sao nó không biết quý trọng những gì mà nó đang có bây giờ?"

Suy đi nghĩ lại cho cùng thì tôi cũng cảm thấy vui khi sống ở nước người vì ba mẹ và hai đứa em gái nhỏ của tôi vẫn còn đó. Họ lúc nào cũng ở bên cạnh tôi. Không có sự so sánh nào bằng tình thương của ba mẹ. Họ là những người đã nuôi tôi và dạy dỗ tôi đến tuổi trưởng thành. Ôn đó dù cho suốt cuộc đời tôi không bao giờ trả được. Nhưng sau lưng đó nó vẫn còn có quê hương Việt Nam yêu dấu của tôi. Nơi mà đã đem lại cho tôi biết bao nhiêu buồn vui trong cuộc đời. Lẫn cả trong tình bạn, tôi không bao giờ quên được chúng, nó cũng đem lại cho tôi những giây phút vô tư thoải mái, những trò chơi : banh đĩa, thầy gạch, nhảy dây và chơi bịt mắt bắt dê v.v. và v.v... Mà bây giờ tôi có muốn nhìn thấy nó lại một lần nữa cũng đã muộn rồi vì không thể nào níu kéo nó lại với mình thêm một lần thứ hai.

Tôi còn nhớ rất rõ trong những cuốn tập lưu bút mà các bạn tôi đã tặng cho tôi làm kỷ niệm khi tôi không còn ở Việt Nam nữa. Trong cuốn tập đó có nhiều bài thơ rất là hay mà tôi không biết từ đâu mấy tựa nó có và của nhà thi sĩ nào? Sau đây tôi xin viết lại những bài thơ mà tôi vẫn còn nhớ.

*Chơi hoa tôi chọn hoa hồng
Chơi bạn tôi chọn tấm lòng thủy chung
Chơi hoa đừng để hoa tàn
Chơi bạn đừng để bạn tàn như hoa
hoặc
Có thêm một người bạn là có thêm một niềm vui
Còn mất một người bạn là thêm một nỗi buồn
hoặc
Tuổi học trò như chim Hải Yến
Sống giữa mái trường lưu luyến ngàn năm
Tuổi học trò hồn nhiên xao động
Tuổi học trò rung động khó quên
Tuổi thanh niên là chiếc thuyền không bến
Tuổi học trò là quyển sách không tên*

*Kỷ niệm là những gì không trọn vẹn
Mà mùa Hè cuối cùng gọi tên nhau
Nước mắt chia tay ướt nhòa khung cửa lớp
Để mỗi khi buồn nhớ lại bạn ơi!*

Ồi tôi cảm ơn những bài thơ của các bạn đã đem lại cho tôi nhiều nỗi nhớ và niềm vui khi sống ở xứ lạ quê người này. Tôi mơ sẽ về thăm lại các bạn và quê hương sau nhiều năm xa cách!!!



HỘI NGHI!

BÌNH THAN DIÊN HỒNG

(1282 - 1284)

• Bé Ngọc

Lửa mai sáng ngời thanh kiếm thép
Thời gian nung rạng chí người trai
Hãy đến với nhau thành cơn bão
Cờ vàng theo gió lộng tung bay.

(trích Thơ Huy Giang)

Buổi xế chiều, ánh nắng như vẫn còn chói chang nằm trên tầng những lá mạn xanh non ngoài cửa sổ phòng khách, thỉnh thoảng đám lá lại lao xao chuyển động rung rinh khi cơn gió nhẹ về ngang; gió cũng len qua mấy cánh cửa sổ đang mở hé hé, tràn vô phòng đầy không khí mới tinh nguyên của mùa hè trong lành, mát rượi. Bên ghế dài, bà nội đang ngồi chăm chú theo từng mũi kim đan trên manh áo chưa được tượng hình hoàn toàn cho bé Cẩm; đôi bàn tay gầy trơ xương của bà đưa tới, đưa lui không chậm lắm, mà cũng lẹ lắm; bà đan nhịp nhàng, đều đặn. Có khi bà lại ngưng tay đan áo, nâng cao hờn chiếc kính lão cho gần mắt, rồi lại tiếp tục công việc; cù chỉ bà vô cùng thoải mái và dịu dàng. Thằng Toàn thì mê mải đọc sách bên chiếc bàn đối diện đặt xeo xeo gần nơi góc phòng, nó cũng rất ý tứ khi muốn lật qua trang sách làm sao cho khỏi gây ra tiếng động lớn vang lên, khiến cho loãng đi thời gian quý giá lúc bà nội đang chú tâm một lúc cùng đôi ba việc ở buổi xế chiều êm ả này.

Thanh âm tụng niệm từ chiếc máy thu băng trầm trầm khi trưa đến giờ vẫn nho nhò phát ra những bài Kinh, Chú: Ma-Ha Bát-Nhã Ba-La Mật-Đa Tâm-Kinh, Đại Chú Bi, Thập Chú, Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú, Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn... trong quyển Bạch Y Thần Chú, với phần cuối cùng Chú Giải Linh Ứng của những: Chú Như Ý Bảo Luân Vương Đà-La-Ni, Tiểu Tai Cát Tường Thần Chú, Công Đức Bảo Sơn Thần Chú, Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn... Riêng Chú Đại Bi được dẫn giải như sau: "Chú Đại Bi này ở trong kinh Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế-Âm Bồ-Tát quảng đại viên mãn vô-ngại Đại Bi tâm đà-la-ni. Hồi đời quá khứ vô lượng ức kiếp, có Đức Phật Thiên quang Vương Tịnh Trụ ra đời vì Ngài Quán Thế Âm mà nói ra Chú Đại Bi này. Lúc đó Ngài mới trụ bực sơ địa, mà sau khi nghe Chú này rồi, thì siêu chúng lên bực Bát địa liền, Ngài thấy cái hiệu nghiệm như vậy, thì phát lời đại nguyện rằng: Nếu qua đời vị lai có thể đem Chú này ra mà làm lợi ích cho chúng sanh, thì cho thân Ngài sanh ra ngàn cánh tay và ngàn con mắt v.v... Ngài nguyện vừa rồi thì quả nhiên tay mất đều cụt tất cả, và lại Chú Phật phóng quang soi đến thân Ngài và soi khắp vô biên thế giới. Khi ấy Ngài phát nguyện nữa rằng: Nếu người nào trì tụng Chú này mỗi đêm 5 biến, thì đặng tiêu hết những tội nặng sanh tử trong trăm ngàn vạn ức kiếp, đến lúc mạng chung thì có thập phương Chú Phật hiện thân tiếp dẫn về cõi Tịnh độ, bằng chứng như người nào trì tụng Chú này mà sau còn đọa vào ba đường ác đạo và chẳng đặng sanh về cõi Phật, hay chẳng đặng những pháp tam muội biện tài, và khổ sở cầu không tọa chí, nếu có mấy sự ấy, thì Chú này không được xưng là Đại-Bi tâm đà-la-ni. Chỉ trừ những người tâm không thiện, chí không thành và lòng hay nghi, thì không thấy hiệu nghiệm được liền mà thôi".

Bong... Bong... Bong... Ba hồi chuông dài ngân vang thanh thoát báo hiệu cuộn băng Đại Bi Thập Chú chấm dứt, bà nội ngưng tay đan áo, ngước mặt lên, quay về hướng thằng Toàn đang ngồi, nói:

- Toàn, tắt máy phát thanh đi cháu.

- Dạ.

Thằng Toàn vừa trả lời bà, vừa với tay lấy mảnh giấy nhỏ để gần đó kẹp giữa hai trang sách đang coi làm dấu; xếp quyển sách lại, nó đứng lên đi về phía để giàn máy Cassette bên cạnh máy truyền hình. Cùng lúc, bé Cẩm mở cửa phòng khách bước vô, mà con nhỏ nói tía lia cái miệng:

- Anh Hai à... Anh đã học Việt sử bài chép về thời vua Trần Nhân Tông rồi. Vậy anh còn nhớ địa phương Bình Than ở đâu không?

Thằng Toàn đứng chân, xoay người lại hỏi bé Cẩm trong nỗi ngạc nhiên:

- Ủa, khi không em hỏi địa phương Bình Than chỉ vậy? Bộ em đang học bài Sử ký nào có liên quan tới địa phương Bình Than hả?

- Dạ, bữa nay em phải học thuộc bài Hội nghị: Bình Than và Diên Hồng. Để ngày mai vô lớp Việt ngữ đọc lại cho cô giáo với cả lớp nghe, đó anh Hai.

Tắt máy Cassette, thằng Toàn quay trở lại ghế ngồi đọc sách lúc nãy; bé Cẩm thì tới bên bà nội, đưa tay mân mê manh áo len đan còn dở dang, cô bé mỉm cười hỏi bà như reo vui:

- Đẹp quá hà nội? Áo màu kem mà nội đan theo mẫu này, thì... thiệt là đẹp vậy đó.

Bà nội cũng cười theo, trả lời:

- Ủa, áo của cháu gái út bà nội mà màu không đẹp, mẫu đan không ứng mắt, cháu gái út bà nội đâu chịu bận lên người. Phải đẹp để và vừa vặn với thân hình cháu gái út chớ.

- Ủ... ừ... ừ... Ôm lấy cánh tay bà lay lay nhẹ, bé Cẩm nũng nịu nói không thành tiếng.

Thằng Toàn sau phút giây ngắn ngủi nghĩ suy, nó nói:

- Bình Than, là một địa phương nằm cạnh sông Bình Than, tỉnh Bắc Ninh, miền Bắc Việt (chỗ sông Đường nối với sông Thái Bình). Mà hồi trưa tối giờ em ở lì trong phòng học bài, vậy có thuộc hay chưa vậy, bé Cẩm?

Bé Cẩm hãnh diện trả lời anh:

- Gần... Gần như thuộc hết rồi đó anh Hai. Em mà dò lại chỉ 2 lần nữa thôi, thì kể như bài học nằm hết trong đầu em. Mai em sẽ trả bài cho cô giáo, khỏi cần lên lên cầm tập lên coi lại đi.

- Giỏi lắm, cháu gái út của bà thì giỏi nhất nhà rồi còn gì nữa. Ủa, mà cháu có thể đọc lại bài vừa học cho bà nghe? Coi có thật sự cháu thuộc không nè.

- Đúng rồi đó, bé Cẩm đọc để bà với anh nghe thử đúng như lời em nói hay không, đọc đi bé Cẩm. Thằng Toàn nói tiếp sau lời bà nội.

- Dạ... Nhưng, bà nội chờ một chút xíu, cháu chạy vô phòng lấy cuốn tập đem ra. Vì bài Việt sử này dài lắm, cháu sợ như rùi cháu mà không thuộc lâu lâu, thì cháu coi lại tập đoạn quên... Nha bà nội?

- Khoan đã, em khỏi cần đi; anh vô phòng lấy tập đem cho. Nói rồi thằng Toàn đứng lên đi lẹ vô phòng dành riêng cho anh em nó; không bao lâu thời gian nó trở ra, với trên tay cầm theo cuốn tập. Nó nói với bé Cẩm:

- Đây, tập học Việt sử của lớp Việt ngữ em đây. Em đọc bài Hội nghị: Bình Than và Diên Hồng để bà nội với anh nghe liền đi. Nhưng trước tiên là cấm em lật tập ra, trừ khi nào... bí quá, nghe chưa bé Cẩm?

Bé Cẩm nhận cuốn tập từ trên tay anh trao lại; cô bé không trả lời anh mà sửa lại tư thế ngồi cho thêm ngay ngắn hơn, đưa mắt nhìn sang bà, anh Hai; rồi mới hắng giọng đọc:

- "Từ khi Sài Xuân (sách Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim phiên âm là Sài Thung) bị thương ở gần Nam Quan chạy về Tàu, thái độ của triều vua Trần mỗi ngày thêm cứng rắn khiến cho Nguyên chủ hết sức giận dữ. Việc mượn đường và giúp lương thực đi đánh Chiêm Thành lại bị khước từ khéo léo đã quyết định cuộc xâm lăng thứ hai của quân Mông Cổ với nước Việt Nam ta.

Tháng 8 năm Nhâm Ngọ 1282 niên hiệu Thiệu Bảo thứ tư đời vua Trần Nhân Tông; biên thần giữ Lạng Sơn là Lương Uất sai ruồi ngựa trạm về báo: Nguyên chủ sai con là Thoát Hoan phong làm Trấn Nam vương cùng Hữu thừa Toa Đô, Tả thừa Lưu Thâm, Tham chính A Lý và Ô Mã

Nhi mượn cỏ bằng việc đi đánh Chiêm Thành, đòi ta cho mượn đường, góp quân lính, cùng lương thảo.

Tháng 10 năm Nhâm Ngọ. Trần triều trước tình thế cấp bách và nghiêm trọng, triệu tập các vương hầu với bá quan văn võ bên sông Bình Than. Nội họp có tính cách bí mật vì cần tránh tai mắt của bọn gián điệp đối phương. Hội nghị này là để thăm dò ý kiến của các vương hầu, tướng lĩnh.

Các quan có người bàn không nên nghịch ý Mông Cổ, nghĩa là cho mượn đường và giúp lương thảo. Có người bàn nên mang quý vật sang cống để cầu hoãn binh. Duy chỉ có Trần Quốc Tuấn và Trần Khánh Dư thề quyết chiến với quân Mông Cổ, và xin đem quân giữ các nơi hiểm yếu. Xin nhắc lại Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư là một tướng tài trước đây, đã được khen thưởng trong cuộc kháng Nguyên năm Đinh Tỵ 1257, sau vì phạm tội bị lột chức ra làm nghề bán than ở Chí Linh, Hải Dương. Lúc này ông lại được mời ra dự bàn, và giữ chức phó Đô tướng quân.

Một chuyện đáng chú ý trong cuộc Hội nghị ở Bình Than, là Hoài Văn hầu Trần Quốc Tuấn cũng dự vào số người theo hầu vua, nhưng vì ít tuổi nên không được dự bàn. Trần Quốc Tuấn lấy làm bực tức tay đang cầm quả cam bóp nát lúc nào không hay. Cuộc chiến đấu chống quân Mông Cổ đã quyết định vào tháng 10 năm Quý Mùi 1283. Vua Trần Nhân Tông thân chinh đốc xuất các vương hầu huy động toàn thể quân đội thủy-lục được tất cả 20 vạn mở cuộc tập trận. Trần Quốc Tuấn được tấn phong làm Quốc Công Tiết Chế thống lĩnh lực lượng toàn quốc, tung ra lời Hịch đầu tiên kêu gọi tinh thần ái quốc và kỷ luật của các tướng sĩ vào tháng 8 năm Giáp Thân 1284. Sau đó, cuộc duyệt binh vĩ đại đã khai diễn tại Đông hồ Đầu, tức là bến Đông Tân, trên sông Cái - nay gọi là Hồng Hà-, thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông. Rồi chia quân đội chia đóng các nơi cố hòng, then chốt của các miền biên giới như: Vạn Kiếp, Lạng Sơn, Thanh Nghệ v.v... Trần Bình Trọng đóng trên sông Bình Than, Trần Khánh Dư giữ mặt Văn Đồn (Quảng Yên), Trần Hưng Đạo đóng đại quân ở Vạn Kiếp (Hải Dương), để tiếp sức cho cả hai mặt thủy-bộ đi khắp nơi. Dù rằng việc binh bị đang tiến triển rất mạnh, nhưng việc ngoại giao vẫn tiếp tục để hòa hoãn tình thế và nghiên cứu thái độ của địch. Sử gia của ta là Trần Phú lên đường tới *Hành Sơn* Kinh Hồ bên Mông Cổ hồi tháng chạp, tháng giêng năm Giáp Thân 1284 xin được hoãn binh. Nhưng không kết quả.

Cuộc xâm lăng thứ hai của quân Mông Cổ vào ngày 21 tháng chạp năm Giáp Thân 1284, tức là ngày quân Mông Cổ thực sự xuất quân toàn bộ sang nước ta, với một lực lượng 50 vạn quân binh hùng hậu. Đúng ra, quân Mông Cổ quyết định tấn công nước Nam ta vào năm Nhâm Ngọ 1282, sau khi Sài Xuân (Sài Thung) bị bắn mù một mắt chạy về Tàu. Quân Mông Cổ chậm động binh là vì Trần triều khéo léo trong việc trì hoãn bằng việc ngoại giao, để có đủ thời gian lo liệu mọi vấn đề quân sự. Và cũng có thể quân Mông Cổ phải tích cực chuẩn bị vì họ biết dân Việt ta là một dân tộc có quá khứ vô cùng oanh liệt và anh dũng. Khi hay tin quân Mông Cổ bàn nhau họp tại Hồ Quảng sắp kéo sang, vua Trần Nhân Tông vì lòng nhân tử, nên đã cố gắng điều đình thêm lần cuối cùng; nhưng cũng rất tiếc là thất bại!

Tháng chạp năm Giáp Thân 1284 Thượng Hoàng (vua Trần Thánh Tông), cho triệu các bô lão đến điện Diên Hồng để trưng cầu dân ý kiến xem nên hòa hay nên chiến, cùng hỏi về mưu chước chống quân Nguyên. Các bô lão đều đồng thanh xin đánh quân xâm lăng. Thượng Hoàng nhận thấy nhân gian cùng một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng cự. Thế là qua hai lần Hội nghị ở Bình Than tháng 10 năm Nhâm Ngọ 1282, và Diên Hồng tháng chạp năm Giáp Thân, toàn quốc đã đồng tâm nhất trí kháng quân Mông Cổ.

Khi quân bản bộ của Thoát Hoan tiến đến cửa Nam Quan thì dừng lại. Thoát Hoan bèn phái Tham chính A Lý mang thư qua dâng cho Trần triều với nội dung: *Bản sớ chỉ nhờ đường Nam Quốc qua chinh phạt Chiêm Thành, chớ không có ý định gì đâu mà ngại! Nên mở cửa thành cho bản sớ đi, và quân đến đâu chỉ nhờ giúp ít nhiều lương thảo. Khi phá xong Chiêm Thành sẽ có trọng tạ. Nhược bằng kháng cự thiên binh; bản sớ không dong tinh, bở cõi sẽ tan hoang. Lúc đó có hối hận cũng đã muộn.*

Hùng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nổi giận đuổi sứ Nguyên là Tham chính A Lý về, rồi phân binh ra giữ ài Khả Li với Lộc Châu (thuộc Lạng Sơn), và ngài thân chinh dẫn đại quân đóng giữ núi Kúu Cấp (Kì Cấp, Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim).

Như vậy là cuộc quyết chiến giữa dân quân Việt Nam với giặc ngoại xâm Mông Cổ kéo dài hơn 6 năm ròng rã (từ tháng 8 năm Nhâm Ngọ 1282, đến tháng 10 năm Mậu Tý 1288). Đã chứng tỏ dân quân Việt Nam vì tự vệ mà chiến đấu chỗ không khiêu chiến. Nhưng đã oanh liệt phá tan đại quân hung tợn Mông Cổ trong thời gian kỷ lục. Một đại quân "Nơi nào ngựa Mông Cổ đi qua, cỏ cây cũng hết sống" (chúa Attila, đã tuyên cáo từ bảy thế kỷ trước của dòng Mông Cổ - Pháp gọi là Les Huns) có những thành tích ghê tởm nhất trong lịch sử loài người, kể từ năm 1206 do Thiết Mộc Chân, tự hiệu Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan) đã từng gây khiếp đảm từ Á Châu sang lần đến Hung Gia Lợi, Hồi Quốc, Nga Sô... Hãm dọa vùng Âu Châu nếu không có sự cầu hoà của Giáo Hoàng Innocent IV, và vua thánh Louis nước Pháp.

Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, nhận thấy giang san Việt Nam ta sau ngày giông tố. Nay trở lại đời sống an hòa thịnh vượng, Thượng Hoàng có sáng tác hai câu thơ bất hủ như sau:

Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn-hà thiên cổ điện Kim âu.

Dịch nôm:

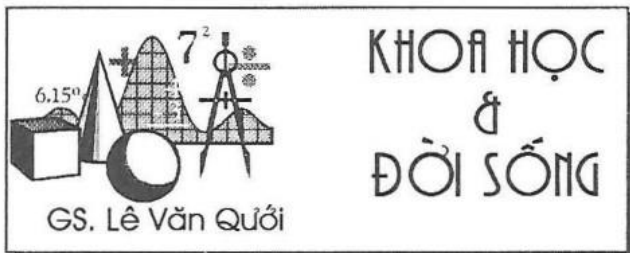
Xã-tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông thiên cổ vững âu vàng. (*)*

Trích trong:

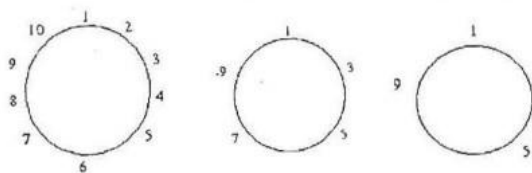
* Việt Nam Lược Sử - Trần Trọng Kim

* Việt Nam Toàn Thư - Phạm Văn Sơn



Giải Đáp bài toán trong báo VG 99 trang 86 mục Đố Vui Để Học

Phương pháp 1 : Giả thiết rằng trên vòng tròn có đúng 10 người :



Ta thấy sau cùng người số 5 sống sót, ký hiệu $J_{(10)} = 5$: Ý muốn nói nếu có 10 người thì Flavius Josevius phải chọn chỗ đứng số 5. Các bạn có thể kiểm chứng : $J_{(2)} = 1$; $J_{(3)} = 3$ v.v...

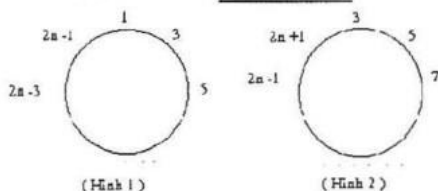
Một cách tổng quát :

* Nếu số người là số chẵn, gọi là $2n$, sau vòng thứ nhất ta còn lại trên vòng tròn n người (hình 1) và vòng thứ 2 cũng xảy ra tương tự như trên vòng tròn n người chỉ khác chỗ thứ tự của mỗi người được nhân 2 rồi trừ 1 :

- Số thứ tự của người thứ hai là : $2 \times 2 - 1 = 3$.

- Số thứ tự của người thứ ba là : $3 \times 2 - 1 = 5 \dots$

Một cách tổng quát : $J_{(2n)} = 2J_{(n)} - 1$



(Hình 1)

(Hình 2)

* Nếu số người là số lẻ, gọi là $2n + 1$, sau vòng thứ nhất ta còn lại trên vòng tròn n người (hình 2) và vòng thứ 2 cũng xảy ra tương tự như trên vòng tròn n người chỉ khác ở chỗ số thứ tự của mỗi người được nhân 2 rồi cộng 1 :

Một cách tổng quát : $J_{(2n+1)} = 2J_{(n)} + 1$

Như vậy :

$$J_{(14)} = 2J_{(7)} - 1; J_{(7)} = 2J_{(3)} + 1$$

$$J_{(3)} = 3 \Rightarrow J_{(7)} = 2 \cdot 3 + 1 = 7$$

$$\Rightarrow J_{(14)} = 2 \cdot 7 - 1 = 13$$

Phương pháp 2 : Ta viết số người dưới dạng lũy thừa của số 2. Thí dụ số người là $n = 14$.

Ta có : $2^3 = 8$ và $2^4 = 16$.

vi 14 ở trong khoảng 8 và 16 nên ta viết :

$$14 = 2^3 + r \Rightarrow r = 14 - 2^3 = 14 - 8 = 6$$

Một cách tổng quát :

$$n = 2^m + r \Rightarrow r = n - 2^m$$

Để tính $J(n)$ ta có công thức $J_{(n)} = 2r + 1$

$$J_{(14)} = 2(6) + 1 = 13$$

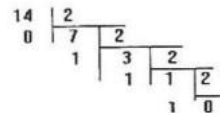
Phương pháp 3 (Tịnh tiến vòng) : Số mà ta dùng hằng ngày là số thập phân (có số là 10) thí dụ :

$$1975 = 1 \cdot 10^3 + 9 \cdot 10^2 + 7 \cdot 10^1 + 5 \cdot 10^0$$

Máy móc thì hoạt động với hệ nhị phân (có số là 2) bởi vì máy móc chỉ có khả năng on/off tương ứng với 1 và 0. Số 1101 trong hệ nhị phân đổi ra hệ thập phân thành :

$$(1101)_2 = 1 \cdot 2^3 + 1 \cdot 2^2 + 0 \cdot 2^1 + 1 \cdot 2^0 = 8 + 4 + 0 + 1 = 13$$

Muốn đổi một số trong hệ thập phân sang hệ nhị phân ta chia liên tiếp cho 2.



Số 14 đổi sang hệ nhị phân thành 1110 (lấy số dư từ dưới lên trên). Ký hiệu : $14 = (1110)_2$ một cách tổng quát $n = (abc\dots klm)_2$

Để tìm $J(n)$ ta có công thức :

$$J_{(n)} = (bc \dots klm)_2$$

Nghĩa là dời a đứng trước ra phía sau ! Ta có $14 = (1110)_2$

Suy ra : $J_{(14)} = (1110)_2 = 1 \cdot 2^3 + 1 \cdot 2^2 + 0 \cdot 2^1 + 1 \cdot 2^0 = 8 + 4 + 0 + 1 = 13$

Để có khái niệm về phép tịnh tiến vòng bạn hãy nhìn mặt đồng hồ, nếu ta quay bàn số thế nào số 12 đến vị trí của số 1 ta sẽ thấy các số tiến lên một bước !

Vi báo Viên Giác không phải là quyển sách toán do vậy các công thức trên không thể chứng minh ở đây.

Thời Josevius chưa có hệ nhị phân, nhưng với hai phương pháp đầu nhà toán học cũng đạt được ý muốn của mình.

BÀI TOÁN ĐỐ KỲ NÀY :

Giả thiết rằng chúng ta dùng 10 thước luới chì và 3 cây cọc để rào một bãi cỏ hình tam giác để nuôi thỏ. Nếu muốn cho việc nuôi thỏ có kết quả tốt nhất chúng ta phải có diện tích cỏ cực đại. Chúng ta chứng minh rằng diện tích cỏ qua một trị số cực đại và tính trị số cực đại đó.

Mọi phản ảnh xin gửi về : *Le Van Quoi, Departement of Physics, Lorentzweg 1, Delft University.*



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

PHẠM HỒNG SÁU

Pháp danh Thiện Căn, sanh năm 1940 tại Quảng Nam - Việt Nam.

Nghề nghiệp: Cựu Sĩ quan Hải quân cấp Ủy trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Hiện tại là Công nhân viên của hãng Đức.

- Đến Đức cuối năm 1978, định cư tại thành phố Lingen tháng 4.1979.

- Đã sinh hoạt trong GDPT Chơn An tại Hội An và tham gia các công tác Phật sự tại Đà Nẵng.

- Tham gia Phật sự cho chùa Viên Giác Hannover từ năm 1980.

- Từ tháng 5.1987 sinh hoạt trong BHT/TU/GDPTVN tại Đức với cấp "Tập" để hướng dẫn và thành lập các GDPTVN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

- Thứ ký Ban Chấp Hành Hội Phật Tử VN Tỵ Nạn tại CHLB Đức - Biên Tập Viên trong BBT báo Viên Giác - Đảm trách mục Gia Đình Phật Tử trong Trang Hoa Phụng.

Bài vở: Ngoài việc tường trình cho báo Viên Giác trong mỗi kỳ xuất bản về Sinh Hoạt, Lễ Lạc, Trại Mạc, Họa Bạn, Tin Tức v.v... liên quan đến GDPT tại Đức Quốc, còn có những tác phẩm văn nghệ đã đăng như: *Chuyện Một Dòng Sông - Một Chuyến Đi - Ngày Qua Đời Tôi - Biển Mặn - Xuân Đầu Kỳ Niệm - Đường Huyền Trang Tam Tạng - Xuân Về Quê Ngoại - Đại Lộ Hoa Vàng - Làng Thiên Đàng - Lá Rơi - Hai Hướng Đường Về* v.v...

Nhiệm vụ: Hiện tại vẫn tiếp tục nhiệm vụ trên - Huỳnh Trường truyền thống thuộc BHD/GDPTVN/Đức Quốc.

KỶ NIỆM 10 NĂM GDPT VIỆT NAM TẠI ĐỨC QUỐC VÀ BÁO VIÊN GIÁC SỐ 100

Cứ mỗi năm phát hành 6 số báo Viên Giác. Tính đến hôm nay đã mang đến số thứ 100. Mặc dù trước đó báo cũng đã có rồi nhưng chưa hoàn chỉnh về hình thức lẫn nội dung. Một chuỗi ngày dài đi qua, dĩ nhiên trong đó đã phải có những thăng trầm của nó, nhưng Viên Giác luôn được cải tiến và xuất bản đều đặn để phát hành đến tay quý độc giả và Phật tử.

Đánh dấu sự tồn tại liên tục này và nối tiếp cho những ngày sau. Vị Chủ Nhiệm và Chủ Bút đã có ý dành cho báo Viên Giác số 100 nhân mùa Vu Lan 2541 và lễ Tự tử ra Hạ (15.7 âm lịch tức 17.8.1997) của quý vị Tăng, Ni tại chùa, số xuất bản đặc biệt để kỷ niệm, đồng thời ôn lại những diễn trình cùng thành quả của báo trong các mục, qua các Biên Tập Viên đảm trách, nói lên lời cảm ơn những cây bút của quý Văn nhân, Thi sĩ... quý vị cầm tinh viên thường xuyên đóng góp bài vở của mình cho tờ báo luôn được khởi sắc và tồn tại trong thời gian qua. Đây cũng là sự ghi công đức cho quý anh chị em trong Ban Kỹ Thuật và Ấn Loát đã cố gắng không ngừng trong việc in ấn.

Thời gian trước đây còn Đông, Tây Bá Linh (Berlin) và khi bức tường ngăn chia nước Đức chưa sụp đổ. Đồng bào tỵ nạn Việt Nam và Phật Tử Việt Nam định cư tại Tây Đức cũng như tại các quốc gia khác chưa biết nhiều về tờ báo Viên Giác, do đó số lượng phát hành cũng diễn biến theo hoàn cảnh lẫn thời gian, có nghĩa là còn ít ỏi. Nhưng sau ngày bức tường ngăn chia đã sụp đổ (tháng 11.1989), nước Đức thống nhất cho đến hôm nay, báo đã nâng lên một số lượng cung cầu cho đồng hương cùng đọc giả khắp nước Đức và các quốc gia khác trên thế giới một số lượng khá lớn (trên 4.500).

Trong diễn trình của báo Viên Giác kỷ niệm số 100 nhân mùa Đại Lễ Vu Lan này. Lòng trong khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 9, từ ngày 31 tháng 7 đến 09.8.1997 tại Pfaffenhofen / München, quý anh chị Huỳnh Trường (HT) trong Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam (BHD/GDPTVN), HT và Đoàn Sinh (ĐS) thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc đã tập họp về đây để tổ chức một Đại Lễ Kỷ Niệm 10 Năm Thành

Lập GDPTVN/Đức Quốc, khai mạc vào ngày thứ bảy 02.8.1997. Trình bày tất cả những diễn trình, bài vở, hình ảnh sinh hoạt v.v... của Tổ Chức mình đúng 10 năm kể từ ngày thành lập cho đến nay và BHD cũng đã xuất bản một tập "Kỷ Yếu" để nói rõ ràng hơn những chi tiết cho việc khởi đầu, sự diễn tiến trong cơ cấu Tổ Chức, ngày tháng được thành lập từ Ban Huỳnh Trường Trung Ương (BHT/TU) đến tất cả các GDPT địa phương tại khắp nước Đức. Nói lên tinh thần tuổi trẻ Việt Nam tại quê người vì Đạo Pháp, Dân Tộc và Quê Hương. Trong bối cảnh nơi xã hội đầy xa lạ mà người bản xứ đa số chẳng biết đạo Phật hoặc GDPT là gì và với mục đích gì mà có nó? - Ngay cả người Việt Nam của mình cũng có người không hiểu đạo Phật hoặc từ trước đến nay chưa đến chùa lần nào cũng đón giã nghĩ rằng GDPT chỉ là những người theo đạo Phật rồi họp lại thành một Gia Đình. Chưa hình dung hay hiểu được ý nghĩa của nó, là một tập thể rộng lớn, có tổ chức dành cho Thanh, Thiếu niên, Đồng niên... tập họp lại sống chung với nhau trong tinh thần Bi, Trí Dũng để thăng tiến trên đường Đạo, đồng thời duy trì tập tục quê hương và tinh yêu Tổ Quốc.

Hơn nữa sự định cư của đồng bào ta rải rác khắp đó đây bởi sự phân phối của Chính phủ nước tiếp nhận nên sự gặp gỡ, thông tin, liên lạc chặt chẽ với nhau lúc ban đầu còn mỗi mè không được dễ dàng và chúng ta cũng chưa có một cơ sở của riêng nào khả dĩ để có thể dung chứa được nhiều người, hầu tổ chức những cuộc họp vui hoặc sống vui tương kính cùng nhau trong một thời gian ngắn ngủi bằng tình quê hương, tập quán hay tinh đồng đạo để với bất nỗi xót xa thân phận lưu vong hoặc nỗi nhớ nhà khi Xuân về Tết đến vọng về quê hương ở nghìn trùng xa cách với nhiều luyến thương và tiếc nuối.

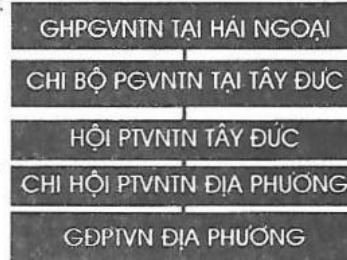
Rồi sau đó có Chùa Viên Giác, trước đó ở đường Kestnerstr.37 trong trung tâm thành phố Hannover. Nhưng nơi đó chỉ là một chung cư (Wohnung) nhỏ, rất chật chội, chứa không quá 30 người, xây cất đã lâu năm nên mùa đông rất lạnh và mùa hè cũng lạnh luôn, do Thượng Tọa Thích Như Điển lúc bấy giờ còn là Đại Đức, mỗi từ Nhật qua Đức được vài năm làm Trụ Trì.

Đến năm 1980 được Chính phủ Liên Bang Đức trợ giúp cho việc thuê nhà để làm nơi cho người Việt tỵ nạn lui tới lễ bái theo nghi thức Tôn Giáo hoặc có nơi gặp gỡ v.v... nên Đại Đức mới thuê được cái hăng cũ, có dung diện như một cái kho chứa đồ, rồi trang trí lại để làm Chùa, ở đường Eichelkampstr.35A, gần Messagelaende của Hannover, làm nơi cho đồng bào Phật tử và đồng hương đến đó lễ Phật, tụng kinh hay gặp gỡ v.v... và Bộ cũng giúp cho máy in để in báo Viên Giác.

Báo Viên Giác số 1 xuất bản vào tháng 2 năm 1981. Kể từ đó qua báo này, đồng hương và Phật tử mới biết đến chùa Viên Giác nhiều cũng như các hoạt động từ thiện xã hội khác của chùa. Mỗi năm Chùa tổ chức 3 kỳ lễ chánh: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán, còn Rằm Tháng Giêng và các ngày vía Phật hoặc ngày lễ khác thì phụ. Mỗi lần có lễ chánh như vậy, số người về tham dự khoảng 300 đến 500 người. Đó cũng là con số rất cao đối với lúc bấy giờ, khi đồng bào ta chưa có nhiều phương tiện di chuyển. Và trong những ngày thường có những khóa tu học Phật pháp hoặc kinh kệ do Đại Đức trụ trì hướng dẫn.

Một tân Ban Chấp Hành Hội Phật Tử (BCH/HPT) được bầu vào ngày 20.8.1982 thay thế cho danh xưng "Hội Sinh Viên & Kiêu Bào PTVN tại Tây Đức e.V." với chức Hội Trưởng là Đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp - Và trong dịp Đại Lễ Vu Lan tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover từ ngày 22 đến 24.8.1986. Ban Chấp Hành cũ đã tuyên bố chấm dứt nhiệm kỳ, thay thế vào đó một Ban Chấp Hành mới cho nhiệm kỳ kế tiếp. Đạo hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát được đề cử giữ chức vụ Hội Trưởng và đổi danh xưng là Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Ngoài thành phần BCH, còn có những Ủy viên của Hội.

Cơ cấu tổ chức thuộc Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Tây Đức lúc đó:



Ngày 26.6.1987 do sự yêu cầu (bằng thư) của ĐĐ Trụ trì chùa Viên Giác. Hai cựu Huynh Trưởng Thiện Căn Phạm Hồng Sáu và Huynh Trưởng Thị Lộc Võ Văn Mai đến chùa vào ngày 07.8.1987 để thuyết trình đề tài về GDPT, đồng thời trình bày về cơ cấu tổ chức nhân khóa học Giáo lý 3 do chùa VG tổ chức.

Vì việc bảo tồn Dân tộc và Phật giáo là nhiệm vụ chung của mỗi người Phật tử VN, cho nên việc thành lập các GDPT là một điều cần thiết.

Trong Đại Lễ Vu Lan, Phật lịch 2531 tại Chùa Viên Giác Hannover từ ngày 04 - 06.9.1987. Hai GDPT Minh Hải (Norddeich) và Tâm Minh (Hannover & VPC) đã làm lễ ra mắt dưới sự chứng minh của chư Đại Đức, Tăng, Ni trong Chi Bộ PGVNTN/Tây Đức và với sự tham dự của quý vị trong BCH/HPTVNTN/TĐ cùng quan khách về chùa dự lễ.

- GDPT Minh Hải được thành lập trước lễ ra mắt 3 tháng với một Ban HT tạm thời. Sau lễ Vu Lan và Ra Mắt này đã bầu lại một BHT chánh thức. Gia Trưởng kiêm Liên Đoàn Trưởng (LĐT) là HT Thị Lộc Võ Văn Mai và gồm có 2 Đoàn: - Đoàn Thiếu Nam và Đoàn Thiếu Nữ - Chưa có ngành Thanh và ngành Oanh Vũ - Thiếu Nam có 2 Đội và Thiếu Nữ có 2 Chủng.

- GDPT Tâm Minh được thành lập vào ngày 16.8.1987 qua sự khuyến khích và giúp đỡ của Thầy trụ trì của Viên Giác, Bác Hội Trưởng HPTVNTN và Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo (TTVHPG) Việt Nam tại Tây Đức.

Thành phần BHT gồm:

- Bác Gia Trưởng là Đạo hữu Quảng Ngộ Hồ Chuyên.

- Liên Đoàn Trưởng: HT Thị Chánh Trưởng Tấn Lộc.

Có 3 Đoàn: Đoàn Nam, Đoàn Nữ và Đoàn Oanh Vũ (Oanh Vũ Nam và Oanh Vũ Nữ) - Tổng cộng 45 Đoàn sinh.

Hai GDPT trên mỗi Đoàn đều có HT Liên Đoàn Phó hoặc Đoàn Trưởng của mỗi ngành phụ trách điều hành đoàn.

Ngày 12.4.1988 thừa lệnh Chi Bộ Trưởng (Thầy Trụ Trì) và Hội Trưởng HPTVNTN, Trung Tâm Trưởng (TTT) TTVHXHPG tại CHLB Đức Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp với thư mời một phiên họp khẩn cấp vào ngày 01.5.1988 giữa các Chi Hội PTVN địa phương và Hội PTVNTN/TĐ cùng với một số anh chị cựu HT GDPT ở Việt Nam để bàn thảo về kế hoạch và cách thức tổ chức GDPTVN tại Tây Đức, thành lập một Ban HT Hướng Dẫn Trung Ương (BHT/HDTU/GDPTVNTN/TĐ, đồng thời giao phó cho Đạo hữu Thị Chôn Trưởng TTVHXHPG/TĐ sưu tầm các tài liệu và sách vở thuộc về GDPT để tham khảo mà căn cứ vào đó để soạn thảo một tập CẨM NANG với sự bố trí ý kiến của các anh chị cựu HT để làm nền móng căn bản hướng dẫn Đoàn viên GDPTVN tại CHLB Đức.

Sau phiên họp đó thì một Ban HT được thành lập với danh xưng: Ban Huynh Trưởng GDPT VNTN tại CHLB Đức.

Thành phần:

Trưởng Ban: HT Nhật Định Nguyễn Kim Sơn ở Jülich.

Phó Trưởng Ban: HT Tâm Cù Trưởng Tôn Châu ở Gießen.

Thư Ký: HT Chúc Phước Trần Hữu Đức ở Nürnberg.

Thủ Quỹ: HT Tâm

Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan ở Berlin.

Ủy viên phối kiểm: HT Thị Lộc Võ Văn Mai ở Norddeich.

Ủy viên Tu thư: HT Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp ở Hannover.

Ủy viên Văn-Mỹ-Nghệ và Báo Chí: HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu ở Lingen.

Sau khi BHT/HDTU được thành lập và sinh hoạt thì có thêm những GDPT tại các địa phương thành lập và ra mắt:

- Ngày 9.4.1988 GDPT Chánh Dũng tại Nürnberg.

- Tháng 8.1988 GDPT Chánh Niệm tại Berlin.

- Tháng 9.1988 GDPT Quán Thế Âm tại Aachen.

Kế tiếp trong những năm sau thì có:

- Ngày 25.8.1990 GDPT Pháp Quang tại Hamburg.

- Tháng 9.1990 GDPT Phật Bảo tại Bamtrup.

- Ngày 31.7.1992 GDPT Chánh Định tại Saarland.

- Ngày 16.7.1995 GDPT Chánh Giác tại Bremen

Các trại hè, Họa bạn, Huấn luyện cũng được mở ra để nói rộng vòng dây thân ái và đào tạo Cán bộ cho GDPTVN tại Đức Quốc.

Năm 1988:

- Mùa hè năm 1988, Trại Họa bạn đầu tiên Liên Hoa I được tổ chức tại Birkensee, Hannover.

- Từ ngày 21 đến 23.10.88 trại Huấn luyện Đệ Nhất, Chúng Trưởng "Thiện Minh" tổ chức tại Berlin. Tham dự trên 100 trại sinh. Chánh thức đào tạo được 70 Đệ Nhất, Chúng Trưởng.

Năm 1989:

- Từ ngày 20 đến 22.01.89 trại Huấn luyện Huynh Trưởng (HLHT) Sơ Cấp Lộc Uyển giai đoạn I tại chùa Viên Giác, Hannover.

- Từ ngày 28.4 đến 01.5.89 trại HLHT Sơ Cấp Lộc Uyển giai đoạn II tại Nürnberg. Đào tạo được 22 HT chính thức trúng tuyển.

- Từ ngày 03 đến 05.11.89 trại HL Đệ Nhất, Chúng Trưởng "Thiện Hòa" tổ chức tại Mönchengladbach - Chánh thức đào tạo được 62 Đệ Nhất, Chúng Trưởng.

Năm 1990:

- Từ ngày 14 đến 19.8.90 trại hè Họa bạn Liên Hoa II được tổ chức tại bờ biển Norddeich.

- Qua việc xin từ chức và ngưng sinh hoạt trong BHT vì lý do gia cảnh của 2 HT Nhật Định và Chúc Phước. Một phiên họp bất thường của BHT/TU vào ngày 24 đến 25.02.90 tại chùa Viên Giác, Hannover, để bổ sung HT thay thế và đảm trách việc điều hành BHT/TU cho đến Đại Lễ Vu Lan (tháng 8.90) như sau:

Trưởng Ban: HT Thị Lộc.

Phó Trưởng Ban: HT Tâm Cù, kiêm UV Ngoại Vụ (kiểm soát và tổ chức các GDPT).

Thư Ký & Thủ Quỹ: HT Tâm Bạch, kiêm UV ngành Nữ và ngành Oanh Vũ

Ủy viên Văn-Mỹ-Nghệ: HT Thiện Căn, kiêm UV ngành Thiếu.

Ủy viên Nội Vụ: HT Thị Chôn (Điều hành Nghiên huấn và Tu Thư) kiêm UV ngành Thanh.

Đến Đại Hội HT kỳ I từ ngày 21 đến 23.12.90 tại chùa Viên Giác, Hannover. Bầu lại thành phần BHT/TU thì HT Tâm Cù được bầu làm Trưởng Ban để điều hành, thay thế HT Thị Lộc.

Năm 1991:

- Từ ngày 12 đến 18.4.91 Đại Hội Tăng Già Phật Giáo Thế Giới họp tại chùa Viên Giác Hannover. Quý tụ quý vị Tôn đức của Phật Giáo từ 24 quốc gia trên thế giới. HT và DS các GDPTVN tại Đức đã tập họp về đây để cung nghinh, đón rước và phụ giúp với Hội Phật Tử trong Ban Tổ Chức của chùa các việc Phật sự suốt thời gian có Đại Hội.

- Từ ngày 24 đến 30.7.91 Đại Lễ Khánh Thành chùa Viên Giác. Trong suốt thời gian đó có Trại Họa bạn kính mừng Đại Lễ tổ chức tại

Camping Birkensee Hannover. Cách chùa VG 14 km.

- Từ ngày 15 đến 17.11.91 Liên trại Huấn luyện HT Sơ Cấp Lộc Uyển và A Dục cấp I được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover. Quý tụ 81 trại sinh khóa Lộc Uyển và 19 trại sinh khóa A Dục.

Năm 1992:

- Từ ngày 25 đến 26.01.92 Đại Hội HT/GDPTVN/ĐQ kỳ II được triệu tập tại chùa Viên Giác Hannover với sự tham dự của các HT đại diện cho



Trại sinh Lộc Uyển I đang thực tập chuyên môn & dưới sự hướng dẫn của H.Tr. Cấp Tập Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

9 đơn vị GDPTVN địa phương. Bầu HT Tâm Cừ tiếp tục đảm nhận chức vụ Trưởng Ban để điều hành cho nhiệm kỳ kế tiếp và đổi danh xưng BHT/TU/GDPTVNTN/ĐQ thành Ban Hướng Dẫn GDPTVN/ĐQ hầu điều chỉnh cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân sự để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt Phật sự trong tương lai.

Ban Điều Hành lâm thời GDPTVN Âu Châu được thành lập vào ngày 30.7.91 nhân lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác và chánh thức danh xưng BHD/TU/GDPTVN/ÁC vào ngày 17.11.91 trong khóa huấn luyện HT Sơ Cấp Lộc Uyển giai đoạn I và cấp I A Dục cũng tại chùa Viên Giác Hannover. BHD/TU/GDPTVN/ĐQ vào ngày 23.5.92 đổi danh xưng lại là Ban Hướng Dẫn GDPTVN/ĐQ.

- Từ ngày 18 đến 20.4.92 trại huấn luyện HT Sơ Cấp Lộc Uyển tại Troyes, Pháp quốc, do BHD/TU/GDPTVN/ÁC tổ chức (tham dự có 99 trại sinh và 12 trại sinh thuộc GDPTVN/ĐQ).

- Từ ngày 29.7 đến 01.8.92 Liên trại Huấn luyện HT Sơ Cấp Lộc Uyển (giai đoạn thực hành cho Lộc Uyển) và A Dục cấp I được tổ chức tại Falli-Holli (Thụy Sĩ).

Năm 1993:

- Từ ngày 08 đến 11.01.93 Đại hội HT/GDPTVN/ĐQ tại chùa Viên Giác Hannover. Bầu lại thành phần Ban Điều Hành của BHD mới. HT Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc được bầu làm Trưởng Ban thay thế cho HT Tâm Cừ đã hết nhiệm kỳ. Đồng thời làm lễ kỷ niệm 5 năm thành lập GDPTVN/ĐQ.

- Từ ngày 09 đến 12.4.93. Khóa thảo luận Văn Chương và Báo Chí được tổ chức tại Nạiệm Phật Đường Linh Thủ (Berlin) dành cho các HT thuộc GDPTVN/ĐQ.

- Từ ngày 26.7 đến 04.8.93 lồng trong khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 5. Trại Hạp Bạn và Đại Hội GDPTVN/ÁC tại thành phố Amiens, Pháp quốc.

Năm 1994:

- Từ ngày 01 đến 04.4.94 Trại "Viên Lạc" huấn luyện Đệ, Chúng Trưởng được tổ chức tại thành phố Nürnberg (tham dự 25 trại sinh thuộc GDPTVN/ĐQ và 2 trại sinh từ Áo quốc).

- Từ ngày 23 đến 31.7.94. Lồng trong khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 6. Khóa huấn luyện HT A Dục cấp I tại Velem, Sint Truden, Bỉ quốc. Do BHD/TU/GDPTVN/ÁC tổ chức (tham dự 70 HT. GDPTVN toàn châu).

- Từ ngày 23 đến 25.12.94 Đại Hội HT GDPTVN/ĐQ kỳ IV tại chùa Viên Giác Hannover. Bầu lại thành phần Điều hành BHD cho nhiệm kỳ 95-97. HT Thị Hiện được tái bầu ở chức vụ Trưởng Ban.

Năm 1995:

- Từ ngày 14 đến 16.4.95 Trại Tu Dưỡng HT và Hội Thảo ngành Oanh được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover.

- Từ ngày 22 đến 30.7.95. Khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 7 tại thành phố Hornslyd, Đan Mạch (tham dự một số HT và ĐS thuộc GDPTVN/ĐQ).

- Từ hạ tuần tháng 12.95. Trại huấn luyện HT cấp I A Dục do BHD/TU/GDPTVN/ÁC tổ chức tại thủ đô Oslo, Na Uy. (07 HT trại sinh thuộc GDPTVN/ĐQ đã trúng cách A Dục).

- Ngày 18.6.95 Đức Đạt Lai Lạt Ma viếng thăm chùa Viên Giác Hannover. Toàn thể HT và ĐS thuộc GDPTVN/ĐQ đã tề tựu về chùa Viên Giác để cung nghinh, rước lễ. Phối hợp với Cảnh sát và Công an chìm của người Đức lo vấn đề an ninh trật tự trước và trong khi Ngài hiện diện tại chùa, đồng thời phụ việc tiếp tân cho quan khách.

- Từ ngày 14 đến 17.7.95. Trại hè Hạp Bạn Liên Hoa III do BHD/GDPTVN/ĐQ với sự hỗ trợ của Chi Hội PT Bremen được tổ chức tại Landesbetriebsport Verband Bremen (tham dự 120 trại sinh ĐQ và 4 trại sinh GDPT tại Ai Nhĩ Lan (Ireland) và lễ ra mắt GDPT Chánh Giác.

- Từ ngày 22 đến 24.9.95. Đại Hội Chư Tăng, Ni Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại, hiện diện gồm 8' vị Hòa Thượng, 30 vị Thượng Tọa và 60 vị Đại Đức. Kể từ 20 năm qua, Phật Giáo Việt Nam ở Hải Ngoại mỗi có cơ hội hội nhập và ổn định cơ sở để tìm phương thức duy trì và phát triển PGVN ở hải ngoại đối với thế hệ mai sau cũng như ảnh hưởng của Phật Giáo đối với người Tây phương, đồng thời kiện toàn sự hòa hợp trong Tăng đoàn, thực thi giáo lý, hoằng dương đạo pháp, tăng trưởng tinh thần vô ngã để có thể đối kháng với các thế lực tà nghịch và đáp ứng với tình hình trong nước. Toàn thể các HT và ĐS thuộc GDPTVN/ĐQ đã được

triệu tập về chùa Viên Giác để đảm trách công tác Phật sự cho Đại Hội và trình diễn văn nghệ cúng dường cho quý Tăng, Ni.

Năm 1996:

- Từ ngày 21 đến 29.7.96. Khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 8 tại Helvoirt Hòa Lan. Lồng trong khóa có Trại Hạp Bạn mang tên "Thiện Minh" do BHD/TU/GDPTVN/ÁC tổ chức. Đã qui tụ một số đồng HT thuộc các BHD, HT và ĐS thuộc các GDPTVN tại Âu Châu tham dự. Đặc biệt GDPT Chánh Dũng tại Nürnberg Đức quốc đã chiếm giải nhất về Huy Hiệu trại và có lớp Oanh Vũ dành cho các em nhỏ từ 8 trở lên, mà khóa gọi nôm na là "Đại Học Oanh Vũ" ...

- Từ ngày 20 đến 22.12.96. Đại Hội HT GDPTVN/ĐQ kỳ V được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover. Tổng kết sinh hoạt trong năm và đặt chương trình sinh hoạt cho năm tới, như mọi năm.

Năm 1997:

- Từ ngày 28 đến 31.3.97. Một khóa tu học Giáo Lý dành cho các HT và ĐS thuộc các GDPTVN/ĐQ. Mục đích để bồi dưỡng tinh thần, trau dồi thêm kiến thức Phật học đã do 2 GDPT Chánh Niệm (Berlin) và Chánh Dũng (Nürnberg) tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover, cùng với sự cộng tác giảng huấn của vị Thượng Tọa Thích Thiện Huệ (Pháp) và Đại Đức Thích An Chí (Na Uy).

- Từ ngày 31.7 đến 09.8.97. Khóa Giáo Lý Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 được tổ chức tại Pfaffenhofen, München, Đức Quốc. Lồng trong khóa học, vào ngày 02.8.97 có Lễ Kỷ Niệm Đệ Thập chu niên thành lập GDPTVN/ĐQ do BHD/GDPTVN /ĐQ tổ chức. Trình bày tất cả những diễn trình sinh hoạt từ ngày được thành lập cho đến nay.

Sinh hoạt của GDPTVN/ĐQ trong năm 1997 còn đang tiếp tục...

Nói chung, trừ những cựu HT và HT đã có Cấp lúc ban đầu mới thành lập, đến nay GDPTVN/ĐQ đã có thêm 10 HT có cấp "Tập", nhiều HT và ĐS đã trúng cách qua các khóa huấn luyện HT Lộc Uyển và A Dục.

Mười năm qua cũng đã có những thay đổi ở cấp Trưởng Ban và HT điều hành trong BHD, hoặc được đề cử bổ sung cho đủ số HT Ủy viên điều động ở các ngành, hoặc có một vài HT đã xin từ nhiệm tạm ngưng sinh hoạt vì lý do gia cảnh hay sức khỏe.

Hệ thống trực thuộc. Ngoài sự trực thuộc Đặc Ủy Thanh Niên GDPT Vụ Âu Châu và BHD/TU/GDPTVN/ÁC. Ban Hướng Dẫn GDPTVN/ĐQ trực thuộc và đặt dưới hệ thống tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức Quốc và Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn Đức Quốc. Nhiệm kỳ của BHD/GDPTVN/ĐQ y theo nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành Hội Phật Tử VNTN Đức Quốc là 2 năm.

Và ngoài những Trại Huấn Luyện, Trại Hè, Hạp Bạn, Đại Hội HT GDPTVN toàn quốc Đức hàng năm, còn có những phiên họp bất thường, những cuộc Hội thảo Văn Chương, Báo Chí thuộc các ngành, phụ giúp cho Hội Phật Tử đảm trách việc cung nghinh, rước lễ, trình diễn văn nghệ cúng dường trong các kỳ Đại Lễ Phật hàng năm, giữ trật tự, vệ sinh v.v... tại chùa Viên Giác Hannover. HT và ĐS thuộc GDPTVN/ĐQ cũng đi tham dự các trại Huấn luyện hay Hạp bạn tại các nước như Na Uy, Đan Mạch, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ... do các BHD/GDPTVN của các nước đó hoặc do BHD/TU/GDPTVN/ÁC tổ chức, hoặc tham gia các công tác xã hội do các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương đề xuất. Tham dự các cuộc "Met tinh", biểu tình, hội thảo đó đây với mục đích để Giải Trữ Pháp Nạn, đòi hỏi nhân quyền, tự do Tôn giáo, thả tù nhân chính trị tại Việt Nam v.v... trước Sứ Quán CSVN tại Bonn (Đức), cơ quan quốc tế nhân quyền tại Genève (Thụy Sĩ) hay Quốc Hội Âu Châu tại thành phố Straßbourg (Pháp) hoặc các nơi khác trong những nước thuộc Khối Âu Châu do GHPGVNTN/ÁC, Chi Bộ PGVNTN Đức quốc, Hội Phật Tử VNTN Đức quốc hoặc các Cơ quan, Đoàn thể, Hội đoàn người Việt tỵ nạn tổ chức.

Xét việc Phật sự và công tác chung rất đa đoan, trách nhiệm của người Phật Tử tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đối với Đạo Pháp, Dân Tộc và Quê Hương rất nặng nề. Nhưng nhờ tập thể có tổ chức, có cương lĩnh rõ ràng và trật tự, hơn nữa tinh thần tự giác lẫn trách nhiệm của các HT và ĐS đã gắn bó với nhau, sống vui, giữ Lục Hòa trong màu áo Lam, mong được trở thành những Phật Tử chơn chánh hiểu đạo, hiểu đời để phục vụ cho lý tưởng và giúp đỡ tha nhân, cho nên GDPTVN tại Đức đã ngay từ đầu có cương kỳ vững mạnh đồng thời đang duy trì tinh thần đó, sinh hoạt đều đặn đến hôm nay và tiếp tục cho tương lai.

•THIỆN CĂN

Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh

và
Gia Đình Phật Tử Tâm Minh



C húng con kính tri ân Thượng
Tọa Thích Như Điển, Thầy Cố
Vấn Giáo Hạnh của GDPT Tâm
Minh - Hannover

"... Thầy là bóng cây che mát chúng
con.

Thầy là ánh sáng dắt dìu lòng son.

*Thầy là con thuyền thanh lương đưa
chúng con đến bờ thơm hương ... "*

Ồi thật trang nghiêm và xúc động thay
mỗi khi bài hát 'Kính Mến Thầy' được bắt lên
để cung nghinh quý Thầy Cô quang lâm
chánh điện. Lời ca chậm rãi, âm điệu nhẹ
nhàng của bài hát do nhạc sĩ Dương Xuân
Dưỡng sáng tác làm tăng thêm lòng thành
kính nói ngời Tam Bảo của những người con
Phật. Những lời hay tiếng đẹp đã diễn tả tâm
trạng của người con Phật, ví như người đi
trong nắng gặp được bóng cây che mát, như
người đi trong bóng tối gặp được ánh sáng
soi đường dẫn lối hoặc ví như người đi đến
một dòng sông lớn có con thuyền làm
phương tiện đưa qua bên kia bờ sông.

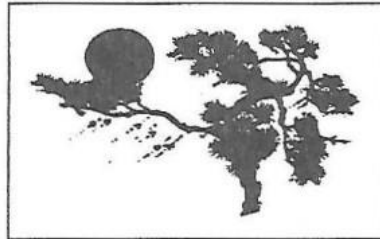
Năm nay nhân dịp lễ Đệ Thập Chu Niên,
mừng sinh nhật Gia Đình Phật Tử Tâm Minh
tại ngôi Chùa Viên Giác và cũng như đánh
dấu sự trưởng thành của tờ báo Viên Giác số
100, Đức Thọ xin mạn phép viết lên đôi hàng
tâm sự đến với các bạn Lam và GDPT Tâm
Minh và Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì
Viên Giác Tự và là Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh
cho Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tại
Hannover - Đức Quốc.

Cách đây 10 năm, vào ngày 16 tháng 8
năm 1987, khi các nhân duyên đã được kết
hợp đầy đủ thì GDPT Tâm Minh đã được ra đời
dưới mái Chùa Viên Giác qua sự khuyến khích
điều động của Thầy Trụ Trì và một số Phụ
Huynh Phật tử có đồng con em. Vì nhu cầu
cần thiết để giới trẻ đến Chùa sinh hoạt, học
hỏi Phật Pháp, trau dồi tiếng Việt và bảo tồn
văn hóa, nên Thầy Trụ Trì đã xúc tiến việc
thành lập GDPT. Thầy đặt tên cho GDPT là
TÂM MINH. "Tâm Minh" là Pháp danh của Bác
sĩ Lê Đình Thám, vị cư sĩ có công đầu tiên
trong việc tổ chức cũng như xây dựng Gia Đình
Phật Tử Việt Nam tại quê nhà cách đây 50
năm về trước. Lúc bấy giờ có một số Phụ
Huynh và vài Anh Chị đã gia nhập GDPT để
hướng dẫn các em ngành Thiếu và Oanh Vũ
sinh hoạt. Thầy Cố Vấn Giáo Hạnh đã cấp tốc
mở một khóa hướng dẫn về Phật Pháp và về

hệ thống tổ chức của GDPT vào mỗi buổi tối
tại Chùa. Ban Liên Đoàn đầu tiên của GDPT
Tâm Minh gồm có Bác Gia Trưởng Quảng Ngộ,
anh LĐT Thị Chánh, anh LDP Nam Quảng
Niệm, Chị LDP Nữ Thiện Hạnh, Anh Thư Ký
Như Thân và Chị Thủ Quỹ Thiện Duyên. Thành
phần Ban Huynh Trưởng đảm trách về văn,
thể, mỹ gồm có các anh Thị Chơn, Nhật Cảnh,
Thiện Nguyên, Thiện Pháp, Thị Nhơn và các
chị Diệu Cần, Diệu Hiền, Diệu Chiếu, Nguyễn
Quế, Tịnh Thông. Tổng số Huynh Trưởng và
đoàn sinh của GDPT Tâm Minh lúc vừa thành
lập là 60 người: 15 Huynh Trưởng, 10 thanh
thiếu nam, 13 thanh thiếu nữ, 13 Oanh Vũ nam
và 9 Oanh Vũ nữ.

Thời gian 10 năm thấm thoát trôi qua,
hạt sen của xứ nóng được gieo vào xứ lạnh
mỗi ngày nào đó, bây giờ đã đâm chồi nảy
lộc, hương thơm bay tỏa khắp mọi nơi. Là
đứa con tinh thần của Viên Giác Tự, GDPT
Tâm Minh được sinh ra và lớn lên dưới sự
che chở đùm bọc của quý Thầy Cô và quý
Phật Tử tại địa phương Hannover và các
vùng phụ cận. Dưới sự chỉ dạy của Thượng
Tọa Cố Vấn Giáo Hạnh và sự hướng dẫn của
Bác Gia Trưởng, các anh chị Huynh Trưởng,
đứa con tinh thần ấy càng ngày càng khôn
lớn trưởng thành. Ngày nay GDPT Tâm Minh
đang đứng vững tại hải ngoại để hòa nhập
với các GDPT bạn trên toàn thế giới.

Với nguyện vọng của Thầy và Bác Gia
Trưởng cũng như các anh chị Huynh Trưởng
muốn đào tạo con em GDPT trở thành những
con người hữu ích cho Đời và Đạo, GDPT Tâm



Minh ngày nay đã đáp lại nguyện vọng đó.
Trong quá trình mười năm qua, GDPT Tâm
Minh đã đóng góp rất nhiều về hai lãnh vực Đời
và Đạo. Để góp phần bảo trì và phát huy văn
hóa Việt, GDPT Tâm Minh đã nhiều lần đến
với các hội đoàn và tổ chức bạn. Đặc biệt đoàn
lân và đội vũ Tâm Minh đã đóng góp rất tích
cực qua các buổi trình diễn cho các cộng đồng
người Việt và Đức. Về Phật sự, GDPT Tâm
Minh luôn luôn có mặt chung sức cùng với các
GDPT bạn để làm các công tác Phật sự vào
những ngày Đại Lễ hằng năm như Phật Đản và
Vu Lan tại Chùa Viên Giác. Ngoài ra GDPT
Tâm Minh còn đảm nhận lo về chương trình
văn nghệ đón Tết Giao Thừa mỗi năm tại Chùa
và cộng tác với Chi hội Phật Tử Hannover tổ
chức Tết Trung Thu cho các em nhi đồng.

Từ ngày thành lập đến nay GDPT Tâm
Minh vẫn giữ sinh hoạt đều đặn mỗi tháng hai
lần vào ngày Chủ nhật tuần thứ nhất và tuần
thứ ba, cùng ngày với Chi hội Phật Tử
Hannover. Chương trình sinh hoạt định kỳ được
bắt đầu từ lúc 9:00 giờ sáng và kết thúc vào
lúc 15:00 giờ chiều, gồm có nhiều tiết mục: lễ
Phật, chào cờ đoàn, câu chuyện dưới cờ, giáo
lý, lịch sử, văn chương, Việt ngữ, thể thao, văn
nghệ, sinh hoạt vòng tròn, thủ công v.v... Để
thay đổi bầu không khí, ngoài các buổi sinh

hoạt định kỳ ra Ban Liên Đoàn còn tổ chức các
buổi cắm trại, pic-nic, du ngoạn, bơi lội, thi đua
thể thao cũng như những buổi họp mặt thân
mật tại các tú gia của các anh chị em trong
GDPT.

Mười năm trôi qua GDPT Tâm Minh đã
phải chia tay với một số anh chị Huynh Trưởng
và đoàn sinh ra đi vì hoàn cảnh cá nhân liên
quan đến tương lai, nghề nghiệp và học vấn.
Nhưng thay vào đó GDPT Tâm Minh đã an ủi
đón nhận nhiều khuôn mặt mới đến sinh hoạt
với GD. Tổng số Huynh Trưởng và đoàn sinh
của GDPT Tâm Minh hiện nay gồm có 40. Qua
các trại huấn luyện A Dục, Lộc Uyển, các trại
hợp ban, các cuộc hội thảo và các khoá học
Phật Pháp Âu Châu, GDPT Tâm Minh đều có
cử đoàn sinh đi tham dự, học hỏi được nhiều
điều hay lạ để đem về áp dụng tại địa phương
minh. Hiện nay GDPT Tâm Minh đang có được
12 Huynh Trưởng đã trúng cách qua các trại
huấn luyện A Dục và Lộc Uyển. Thành phần
Huynh Trưởng và đoàn sinh GDPT Tâm Minh
đều còn trẻ dưới 30 tuổi. Ngành Thanh của
Tâm Minh, đội Kiền Trắc và Lâm Tỷ Ni, chiếm
con số đông nhất trong GD.

GDPT Tâm Minh có được ngày hôm nay là
nhờ vào ân đức của Thượng Tọa Cố Vấn Giáo
Hạnh. Trong suốt 10 năm qua Thầy luôn luôn
có mặt bên cạnh, quan sát và hướng dẫn cho
GDPT Tâm Minh về mặt tâm linh, hỗ trợ về
phương diện vật chất, cổ động và khuyến
khích trong những lúc thăng trầm. Thầy rất hài
lòng và hãnh diện với những thành tích đạt
được của GDPT Tâm Minh, đứa con tinh thần
Thầy sinh ra và nuôi nấng từ nhỏ. So với các
GDPT bạn trên nước Đức, GDPT Tâm Minh
được phúc duyên hơn, có nơi sinh hoạt rộng
rãi và đầy đủ tiện nghi. Nhưng bù vào đó
GDPT Tâm Minh cũng phải đảm nhận nhiều
công tác Phật sự tại địa phương Hannover, nơi
có ngôi Chùa Việt Nam lớn nhất tại Âu Châu
và mỗi năm có cả hàng ngàn Phật Tử từ khắp
5 châu về thăm viếng lễ Phật. Với vai trò quan
trọng có tầm vóc quốc tế của Viên Giác Tự,
GDPT Tâm Minh cũng phải theo đà phát triển
của Thầy Tổ để chuẩn bị bước vào thế kỷ thứ
21.

Trong suốt thời gian sinh hoạt tại Chùa
Viên Giác vừa qua đa số các Huynh Trưởng và
đoàn sinh GDPT Tâm Minh đã được Thầy cho
quy y và dẫn dắt vào Đạo. Nhờ lại thời gian
vừa mới thành lập GDPT, khi chưa có các khóa
học giáo lý Âu Châu hoặc Bắc Âu, Thầy Viên
Giác đã thường tổ chức các khóa học Phật
Pháp và các buổi lễ thọ Bát Quan Trai tại Chùa
vào những tháng hè và cũng là mùa An cư Kiết
hạ để Phật Tử xa và gần về tham dự. Hồi đó
anh em trong ngành Thiếu GDPT Tâm Minh rất
thích lên Chùa để gặp gỡ nói chuyện, học hỏi
giáo lý và ngủ lại kể chuyện ma cho nhau
nghe. Nhưng chỉ có một điều mà ai cũng ngán
ngảm: đó là vì Thầy Trụ Trì bắt học Kinh Kệ và
trả bài trước mặt quần chúng. Ban đầu Thầy
cho Phật Tử học các bài Kệ, các bài Sám Hối
ngắn, các bài Chú Đại Bi, Bát Nhã rồi lần lần
đến các bài Sám dài và còn khuyến khích học
cả Kinh Lăng Nghiêm nữa. Anh em nhiều lúc
thức suốt cả đêm để học bài vì sợ Thầy sẽ cho
quy hương hoặc "thọ kỳ" nếu không thuộc bài.
Ai ai cũng cầm cuốn Kinh trên tay, đi tới đi lui
hoặc lựa một góc yên tĩnh, miệng lầm bầm đọc
"... Sắc tức thị không, không tức thị sắc... Ề

Ngoài phần học giáo lý căn bản và Kinh Kệ ra Thầy còn hướng dẫn thêm về phương thức nghi lễ Phật Giáo, tập cho các Phật Tử làm chủ lễ và đánh chuông mõ. Nhờ vào sự bắt buộc nghiêm khắc đó mà bây giờ đa số các Phật Tử Chùa Viên Giác có được một số vốn căn bản về Phật Pháp và Kinh Kệ. Mấy năm gần đây vì các khóa học giáo lý được tổ chức chung cho toàn thể Phật Tử tại Âu Châu và vì quá bận rộn trong các công tác Phật sự nên Thầy Viên Giác đã có phần dễ dãi hơn nhiều.

Trong thời gian 10 năm vừa qua Đức Thụ có phước duyên và được Thầy dẫn dắt vào Đạo và học hỏi nhiều nơi Thầy. Nếu các bạn có dịp ở gần Thầy thì sẽ thấy Thầy rất giản dị và tự nhiên như bao người khác. Dĩ nhiên là với cương vị của một vị xuất gia và lãnh đạo tinh thần của hàng ngàn Phật Tử Thầy không thể hoàn toàn hành động củ chỉ giống như người tại gia được. Nhưng nói chung Thầy cũng vui cười, nói chuyện và hòa nhập với mọi người khác.

Thời giờ làm việc của Thầy có thể nói là giống như một máy vi tính. Bất cứ việc lớn hay việc nhỏ Thầy đều chủ động và sắp đặt kỹ lưỡng, đầu vào đó đúng gần hết 95%. Nếu bạn nào đã có dịp làm việc với Thầy thì sẽ mau chóng khám phá ra được cách làm việc của Thầy. Các công việc cần thiết không phải ai Thầy cũng giao trách nhiệm. Ngược lại, những người được Thầy giao trách nhiệm là những người có khả năng và được Thầy tin tưởng. Đôi lúc tôi cảm thấy một công việc nào đó có thể nói là quá đại sự lớn lao đối với khả năng mình nhưng Thầy cũng khuyến khích và chỉ dạy thêm để yên tâm đảm nhận. Dĩ nhiên là trong lúc làm việc thường có một vài sai sót làm cho Thầy cũng giận và lớn tiếng. Nhưng các bạn hãy yên tâm! Thầy chỉ là lúc đó rời xong Thầy cũng bỏ qua và hoan hỷ trở lại. Thịnh thoảng có nhiều người bạn học gheo tôi nói rằng: "Bạn ở gần mặt trời chắc nóng lắm hả?" Đối với các bạn nhìn vào thì cho là nóng nhưng tôi thì rất cần gần được sự ấm áp này. Điều mong ước của tôi là được gần thầy lành bạn tốt, học hỏi được nhiều điều hay tính đẹp để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày của mình.

Được phước duyên ở gần Thầy nên tôi đã học được của Thầy nhiều cái hay. Tôi phục nhất là cách sắp xếp thời gian làm việc của Thầy. Nếu các bạn có dịp nhìn trộm vào cuốn lịch "Termin" của Thầy thì sẽ thấy chẳng chịt những ghi chú. Ngoài những cuối tuần trong ba tháng an cư kiết hạ, thời gian mà Thầy cố gắng có mặt ở Chùa để hướng dẫn Phật tử Thọ Bát Quan Trai ra, Thầy hầu như vắng mặt tại chùa vào những tháng khác. Nỗi khổ của Thầy là nơi đâu Phật Tử cũng muốn cung thỉnh Thầy đích thân đến tham dự và làm chủ lễ. Đôi lúc vì trùng Termin nên Thầy gọi các Đệ tử đi thay thế; nhưng rất tiếc có một số Phật tử không thông cảm cho điều này.

Tuy công việc của Thầy dồn dập, nào lễ này lễ nọ, đám này đám kia, đi đây đi đó v.v... nhưng Thầy cũng không quên chọn ra một vài ngày rảnh để nghỉ dưỡng sức. Theo thông lệ mỗi năm, vào các ngày nghỉ lễ học sinh, để đền đáp lại công ơn của quý Bác trong Ban Hộ Trì và quý Phật tử xa gần đã đến Chùa làm công quả, không những chỉ trong các ngày Đại Lễ mà còn vào các ngày cuối tuần, Thầy

thường tổ chức các buổi du ngoạn, pic-nic ngoài trời cho quý vị đó và còn kéo theo nguyên cái "rờ mờ" GDPT Tâm Minh nữa. Mỗi lần lễ lớn, GDPT Tâm Minh được Thầy đãi cho một chiều kem sau khi đã hoàn tất xong nhiệm vụ tổng dọn vệ sinh để trả lại vị trí của ngôi Chùa như lúc ban đầu trước khi vào lễ. Năm này vào dịp nghỉ lễ Thăng Thiên, Thầy đã tổ chức cho GDPT Tâm Minh đi thăm Công Viên Chim Walsrode. Công viên nuôi chim này rất lớn, có cả hàng ngàn con chim lớn nhỏ, đủ sắc đủ màu. Có nhiều loại chim và kết có được hình dạng và bộ lông rất đẹp, nhưng cũng có vài loại chim hình dạng trông rất khôi hài, thí dụ như chim có sừng và còn cả sừng đôi nữa. Đến giờ trưa cả Thầy lẫn trò kiếm những chỗ bóng mát để dùng cơm trưa và nghỉ giải lao; các thức ăn mang theo như xôi, cơm, bánh mì ... được bày ra để dùng chung.

Tháng sáu vừa qua, vào ngày 28.06.97, nhân dịp lễ Thọ Bát Quan, GDPT Tâm Minh đã phối hợp cùng với quý Thầy Cô tại Chùa Viên Giác và quý Bác trong Chi Hội Phật Tử Hannover tổ chức sinh nhật lần thứ 49 của Thầy Trụ Trì. Buổi lễ đã được cử hành vào lúc 11:00 giờ trước khi quý Thầy Cô dùng Ngọ Trai. Tuy buổi lễ diễn ra thật đơn giản nhưng đã chứa đầy hương vị tình nghĩa Thầy trò đạo bạn. Sau phần thỉnh bạch và chúc thọ của Thầy Hạnh Bảo là đến phần chúc thọ của GDPT Tâm Minh. Kế tiếp là phần ngâm thơ do Cô Diệu Hiền đảm nhận. Giọng ngâm trầm ấm đã làm cho mọi người có mặt hôm ấy thật cảm động. Được biết bài thơ đầy ý nghĩa đó do Bác Quang Kính và quý Phật Tử Chùa Viên Giác đóng góp sáng tác để dâng tặng Thầy. Sau phần ngâm thơ là đến phần dâng quà và phần cắt bánh sinh nhật. Trong lúc Thầy cắt bánh thì GDPT đã cử lên bài hát "Happy Birthday". Vào buổi tối, sau khi lạy xong 300 lạy Kinh Niết Bàn "nhứt tự nhứt bái" còn có phần văn nghệ bỏ túi với sự đóng góp của các Bác và anh chị em GDPT. Sau phần văn nghệ là phần phóng đàng: 49 ngọn nến đã được thắp sáng lên và từ từ được thả trôi trong hồ sen Quan Âm trước Chùa Viên Giác. Trong dịp lễ thọ Bát Quan Trai nhằm đúng ngày sinh nhật của Thầy năm này đã có đến 100 người tham dự, trong đó có đến 40 người Đức.

Nhân dịp lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, con xin thay mặt Bác Gia Trưởng, các anh chị Huỳnh Trưởng cùng tất cả đoàn sinh GDPT Tâm Minh kính tri ân và kính chúc Thượng Tọa Cố Vấn Giáo Hạnh, quý Thầy, quý Cô thân tâm thường an lạc để dẫn dắt chúng con trên con đường tu học. GDPT Tâm Minh cũng xin chân thành cảm tạ sự hỗ trợ đóng góp của quý Bác, quý Phụ Huỳnh cùng tất cả quý Phật Tử trong Chi Hội Phật Tử Hannover và các vùng phụ cận để GDPT Tâm Minh được tồn tại và phát triển đến ngày hôm nay. Kính chúc quý Bác trong Chi Hội, quý Phụ Huỳnh, quý Anh Chị Huỳnh Trưởng cùng toàn thể các bạn Lam được chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ đạo tâm kiên cố để tiếp tục phụng sự cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Đức Thụ / 3

TM. BLD GDPT Tâm Minh

LĐT Đức Thụ - Hồ Lộc

THƠ NGUYỄN THỤY

bức thư tình sở cổ nhất



*Anh nhìn về Em
Tim vì sao trong mắt
Tim ánh hồng trên môi
Tim hương nồng da tóc
Ru tình anh
Từng nhịp thơ
Lên ngôi.*

*Ôi Em, hỡi Em
Yêu nhiều thêm chút nữa
Đốt tình anh
Bằng chất lửa tim Em
Để từng đêm
Anh tìm
Một vì sao nháy múa
Xóa tan màu
Thế dạ
Nhân sinh!*

*Ôi Em, hỡi Em
Yêu nhiều thêm chút nữa
Để tình Em
Thêm màu nhiệm thiêng liêng
Đưa anh vào
Từng xứ mộng
Vô biên
Để trong anh
Cạn tất
Uu phiền!*

*Ôi Em, hỡi Em
Anh nâng bàn tay Em
Vuốt vào trang lịch sử
Chấp tình ta
Bay vào vũ trụ
Viết nên lời
Thơ nhạc không tên
Tự ngàn xưa khỏi thủy
Ru con người
Vào vòng nhạc thiên tiên.*

*Chúng ta đi tìm
Những ý tình xưa đã lạc
Những nhạc thơ xưa đã mất
Chép lại bài ca
Sở cổ nhất
Thuở cõi Trời
Cõi Đất
Với cõi Người
Quần quít
Bên nhau!*

VIẾT VỀ BÁO VIÊN GIÁC SỐ



100

Tôi không nhớ rõ là mình bắt đầu biết viết bài đăng báo và biết đánh máy cũng như làm báo tự thuở nào thì nay không còn nhớ rõ ngày tháng năm; nhưng chắc chắn một điều là, cũng gần một phần tư thế kỷ rồi thì phải. Nếu nói con số 25 năm nghe nó đón thuận quá, mà nói một phần tư thế kỷ có vẻ như là lâu hơn, có phải vậy không quý vị?

Ngày xưa khi vào chùa đi xuất gia, tôi cũng không nghĩ là mình phải đi học. Rồi cũng không nghĩ là phải đi thi để được đi ngoại quốc. Khi ở ngoại quốc rồi, cũng chẳng nghĩ là phải học cho xong Đại Học. Sau đó đi đến nước Đức này cũng chẳng nghĩ là mình phải ở lại nơi đây. Thế mà đã hơn 20 năm trôi qua tại xứ băng giá này rồi. Đến đây rồi cũng không nghĩ là phải làm chùa to, thờ Phật lớn, làm báo, viết sách. Thế nhưng tất cả những việc trên đều có thật. Không lẽ tôi không làm chủ được cuộc đời của tôi sao? Không phải vậy, mà tất cả đều do nhân duyên có sẵn, dẫn dắt tôi vào những lối đi đã định trước, nhiều lúc có muốn cưỡng lại cũng không được; nhưng lạ Phật, cho đến ngày nay hầu hết là những duyên lành, chủ không phải duyên xấu ác, cho nên tôi chấp nhận việc này một cách đón giản với hai chữ "vậy sao" rồi tiếp tục lao vào công việc.

Khi ở Nhật, từ năm 1972 khi quý Thầy Việt Nam du học tại đó đồng đảo, trong Chi Bộ lúc bấy giờ muốn thực hiện một tờ báo, lấy tên là Khuông Việt. Ban Biên Tập gồm có quý Thầy trong Chi Bộ, mấy số đầu tôi được chỉ định lo phần bài vở cả hai thứ tiếng Việt và Nhật. Do vậy tôi đọc sách, nghiên cứu và thu góp bài vở. Ban đầu phải in bằng loại quay máy cầm tay trên bảng giấy in mực tím tại chùa Bốn Lập (Honyuji) ở Hachioji, Tokyo. Máy chạy không đều, nên mực chỗ rõ chỗ không. Thế mà tôi cũng đã rất vui về khi tác phẩm đầu tay ấy được ra đời. Rồi sau đó cho đánh máy, tôi cũng tập gõ có vẻ hai ngón và mãi cho đến bây giờ cũng vậy. Vì chưa đi học một khóa đánh máy nào cả; nhưng phải làm nhiệm vụ này. Phần tiếng Nhật ban đầu nhờ Yamada, người bạn trai học cùng phân khoa giáo dục với tôi tại Đại Học Teikyo viết lên giấy Stencil, sau đó đem in; nhưng sau này giao cho nhà in ở gần chùa, họ đánh máy đẹp hơn. Phần tiếng Việt do quý Thầy trình bày, còn phần tiếng Nhật do người Nhật đánh máy, sau khi lay out chung vào, đem đi bỏ in. Số lượng lúc bấy giờ rất khiêm nhường, chừng 300 số. Lúc bấy giờ có Thượng Tọa Chón Thành, Thượng Tọa Nguyên Đạt, Thượng Tọa Minh Tuyên, Thượng Tọa Báo Lạc, Đại Đức An Thiên, Đại Đức Minh Tuấn, tôi và một số Phật Tử đóng góp bài vở cũng như giúp việc văn phòng như gởi đi, dán tem và địa chỉ v.v... Báo ra đến năm 1977 vẫn còn, khi tôi đi sang Đức thì Thầy Báo Lạc và Thầy Minh Tuyên đảm nhiệm. Hình như báo ra gần 50 số thì đình bản từ năm 80, 81 thì phải? Vì lẽ quý Thầy du học tại Nhật không còn ai nữa, mà đồng bào Việt Nam tại đó lại ít, nên tài chánh không đủ, do đó phải ngưng việc xuất bản. Rất lấy làm tiếc; nhưng đó cũng là nguyên nhân và cơ hội để tôi biết được, muốn làm một tờ báo phải cần cái gì. Dầu sao đi nữa tôi cũng phải cảm ơn nước Nhật, đặc biệt nhất là

ngôi chùa Honryuji, nơi đó tôi đã nương náu nhiều năm tháng và ơn ấy chắc suốt đời tôi chẳng bao giờ quên được.

Năm 1977 khi đặt chân đến xứ Đức này, tôi đã chẳng nghĩ rằng phải ở lại Đức cho tới ngày nay, mà đúng là nhân duyên đã đưa đẩy, nên rồi phải ở lại đây vậy. Năm đầu tôi ở tại Cư xá Sinh Viên với Trâm ở Kiel. Sau gần một năm học tiếng Đức tại Đại Học Kiel, tôi đã dời về Hannover. Vì nơi đây đã có chỗ học tại Đại Học giáo dục, qua sự giới thiệu của anh Lâm Đăng Châu. Tôi nhớ, năm 1977, 1978 là những năm mà các anh em Sinh Viên ra đi trước 1975 từ Miền Nam Việt Nam, hiện du học tại Đức như: anh Châu, anh Trường, Hùng, Minh, Diệp, Trâm, Đức v.v... của 3 vùng Berlin, Hannover và Kiel thường hay tổ chức những khóa Hội Tháo về tình hình đất nước và Giáo Hội Phật Giáo tại Việt Nam, do đó Thầy Minh Tâm từ Pháp được mời qua, và tôi cũng đã đi dự những buổi lễ cầu nguyện ấy. Trong các anh em Sinh Viên lúc bấy giờ có những người Phật Tử thuần thành như anh Tuấn, chị Cúc, Diệp, Bình, Hoàng, anh Cát, chị Giang, anh chị Phụng v.v... từ đó tôi có thêm một số người liên hệ chặt chẽ về Đạo. Vì vậy ý tưởng thành lập Niệm Phật Đường cũng nảy sinh ra, sau gần một năm tôi quyết định ở lại Đức và không còn về lại Nhật Bản nữa.

Niệm Phật Đường Viên Giác thành lập vào ngày 2 tháng 4 năm 1978 trong hoàn cảnh rất đốn số, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và chừng 20 Phật Tử và Sinh Viên tham dự. Lúc ấy Diệp đã về lo cho Niệm Phật Đường mọi việc từ trên chánh điện, xuống đến nhà bếp. Đây là một người Phật Tử phải nói rằng đa dạng, chuyện gì cũng có thể làm được một cách dễ dàng. Tôi quen Diệp từ đó và lúc ấy là cánh tay mặt của tôi và Vu Lan năm 1978 ấy tôi đã làm lễ quy y đầu tiên trong đời làm tu sĩ và Ngô Ngọc Diệp tôi cho pháp danh là Thị Chón.

Đến tháng 12 năm 1978 chuyển tàu Hải Hồng đầu tiên đến Đức, bao nhiêu anh em Sinh Viên nghỉ làm, nghỉ học để đi giúp đỡ thông dịch cho họ và tôi là một trong những người ấy. Đây cũng là cơ hội mình giới thiệu Phật Giáo với người địa phương qua các công tác từ thiện xã hội. Qua những công việc làm ấy Chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức mới có những tài trợ về sau này như nhà máy in, giúp in ấn báo chí, sách vở, tiền thuê chùa, lễ lộc, điện nước v.v... Quý vị nào muốn biết thêm chi tiết về vấn đề này, xin xem quyển "Chùa Viên Giác" xuất bản năm 1994 thì sẽ rõ ngôn ngành.

Thầy trò chúng tôi mỗi bàn nhau phải ra một tờ báo thì bà con Phật Tử mới biết được những sinh hoạt định kỳ và bất thường của mình trong tháng cũng như trong năm. Do vậy tôi lãnh phần lo bài vở và đánh máy và Diệp trang trí. Số đầu ra vào ngày 1 tháng 1 năm 1979 khổ A5 gồm 40 trang. Nội dung rất ư là đốn số và bìa hình màu vàng, photocopy một màu đen trắng tại tiệm. Số lượng đầu chừng 200 thì phải. Cứ như vậy lần lượt cho đến tháng 12 năm 1980 chúng tôi ra được 6 số. Đến số 6 này có anh Mai Vi Phúc, em ruột Ni Sư Diệu Ân, cộng tác; nên tờ báo có phần khởi sắc, nhất là sau khi có đăng bài "Ngọn Bắc Xoay Chiều" của anh.

Số 6 đã tăng lên 80 trang và vẫn giữ khổ A5 và lúc bấy giờ đã mua được một máy in nhỏ nhỏ cũng như máy làm bảng kẽm của Bộ Nội Vụ Đức giúp đỡ và qua sự cố vấn của hãng Orma tại Langenhagen, tôi trở thành người thợ in bất đắc dĩ. Diệp văn trang trí cho báo này và tờ báo vẫn mang tên là báo Viên Giác.

Ngoài ra chúng tôi cũng cho in 2 tờ báo tiếng Đức khổ A5 năm 1980 lấy tên là Information der Vietnamesischen Buddhistischen Aktivitaeten in Deutschland. Như vậy tổng cả trong 2 năm trường chúng tôi đã ra được 8 số khổ A5 gồm 6 số tiếng Việt và 2 số tiếng Đức.

Đầu năm 1981 chùa Viên Giác, qua sự giúp đỡ của Bộ Nội Vụ Đức, đã dời về đường Eichelkampstr. và nơi đây có phòng ốc rộng, nên chúng tôi đã cho thiết trí một nhà máy in đang hoàng có đầy đủ máy cắt, máy photocopy, máy làm phim, máy làm hình v.v... tôi vẫn là người đứng máy in và làm phim cho đến năm 1983.

Anh Mai Văn Phúc đã có kinh nghiệm làm báo tại Việt Nam và đã đề nghị với chúng tôi nên đổi báo Viên Giác ra bộ mới, khổ A4, bìa in giấy láng và nên mời nhiều cây bút khác cộng tác để được khởi sắc hơn. Thế là tờ Viên Giác bộ mới số 1 được ra đời vào tháng 2 năm 1981 khổ A4, kể cả trang bìa là 40 trang. Số lượng đầu chũng 500 thì phải. Hầu hết tiền ấn loát và tem thư lúc bấy giờ đều do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức tài trợ. Thuở ấy có nhiều cây bút quen thuộc với anh Phúc cộng tác và phần tôi liên hệ với Giáo sư Nguyễn Khắc Kham nguyên là giáo sư trưởng Đại Học Sư Phạm và Văn Khoa tại Việt Nam, sau đó qua làm giáo sư dạy ngoại ngữ tại Đại Học Đông Kinh, Tokyo. Tôi đã nhờ Giáo sư cung cấp bài vở cho những số báo này. Những năm sau đó Giáo sư qua Pháp và cuối cùng định cư ở Oklahoma, Hoa Kỳ. Giáo sư là một nhà học giả rất nổi tiếng về ngôn ngữ học của Việt Nam.

Mỗi lần ra báo, ngoài việc in ấn, đọc bài, đánh máy ra, còn phải viết Thư Tòa Soạn nữa. Thư Tòa Soạn đa phần là do Chủ Nhiệm viết, nên đến nay 100 số bộ mới và 8 số bộ cũ hơn 19 năm qua là 108 Lá Thư của tôi đã viết, gửi đến quý độc giả xa gần. Chũng vài năm nữa, có thể tập trung lại để in thành một quyển sách cũng nên. Mỗi lần nhờ các anh em khác thay thế tôi viết Thư Tòa Soạn thì ai cũng thối thác. Vì ngại rằng khó. Họ bảo viết dài thì dễ; nhưng viết cô đọng một trang rất khó; nên việc này tôi lại mãi đeo đeo cho đến nay.

Năm 1981 có một thời gian Ni Sư Diệu Ân khi về ở chùa Viên Giác, có giúp tôi đánh máy một số bài vở cho báo Viên Giác. Phần trang trí vẫn do Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đảm nhiệm, mặc dù Thị Chơn lúc bấy giờ rất bận rộn cho công việc gia đình cũng như hăng xướng, nhưng cứ hai tháng một lần giúp trình bày báo cho đến năm 1992 thì thôi không còn cộng tác trực tiếp nữa và sau đó anh Như Thân tiếp tục trang trí cho đến nay. Cũng có một thời gian khi anh Nguyễn Đồng và chị Nguyễn Thị Hợp là hai họa sĩ còn ở Đức trước khi sang Hoa Kỳ, cũng đã trình bày cho mấy lần báo Viên Giác cũng như mấy quyển sách của tôi. Số báo mỗi ngày mỗi tăng. Từ năm 1981 mỗi lần ra chỉ 500 số và bây giờ, năm 1997, mỗi lần ra 4.500 số và mỗi số 100 trang, đó là chưa kể số Xuân đặc biệt mỗi năm thường là 200 trang.

Những năm 81, 82, 83, sau khi đánh máy xong Thị Chánh Trưởng Tấn Lộc dò bài lại dùm tôi và những năm sau đó có Hùng và cho tới bây giờ là anh Dũng. Lỗi chính tả rất quan trọng. Nếu ta không rà soát kỹ trước khi lên khuôn, để in thành một tờ báo, cũng giống như khi chúng ta sinh ra một đứa con mà nui thay nó bị tật nguyền. Tôi là người giữ nhiệm vụ xem lại sau cùng ấy, không phải về lỗi chính tả nữa, mà về ý tứ của bài viết. Nếu bài nào không ổn, có thể cắt bỏ từng đoạn văn, hoặc giả đôi khi bỏ cả bài viết ấy, để cho tờ báo đi đúng lập trường và ý nghĩa trong sáng hơn.

Năm 1983 hoặc 84 gì đó gia đình Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát về định cư gần chùa và Bác là thân sinh của Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, nên đã giúp đỡ chùa và tôi từ ấy cho đến nay trong nhiều công việc như in ấn báo chí, giao dịch và sau này Bác đã đảm nhận nhiều nhiệm kỳ khác nhau với chức vụ Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Bác đứng máy in thì tôi đỡ đi một phần, vì lúc bấy giờ việc chùa cũng khá bề bộn rồi. Sau khi in, lại phải sắp báo thành quyển

và đóng, cắt. Lúc ấy có Giang, Phấn, cô Hạnh Niệm, anh Quang, chị Hồng, anh Phát và một số anh chị em Phật Tử tại Hannover đến giúp việc để hoàn thành một tờ báo, gửi đi đến quý độc giả xa gần.

Khoảng 1983 trở đi có chị Nga đến làm công quả tại chùa, sau đó lên giúp việc văn phòng và tôi bàn giao lại việc đánh máy báo Viên Giác cho chị từ ấy đến nay. Sau này có thêm chú Sanh, phu quân của chị Nga, lo việc đánh máy báo Viên Giác cho đến số 100 này. Tôi càng ngày càng rảnh việc nhà máy in và việc đánh máy, do đó có nhiều thì giờ để đi đây đi đó thuyết giảng cho Phật Tử và học hỏi thêm kinh nghiệm. Ban đầu khi tôi còn đứng nhà máy in, nếu ai đó vụng tay đụng vào máy là tôi la ó và không tin tưởng để cho ai đứng in cả. Thế nhưng điều ấy tôi đã làm. Sau này những người như Bác Thị Tâm, rồi đến Hùng, Tú, Hữu, Tiến và các anh em sau này như Liêm, Tùng, Bình v.v... khi đứng máy in, thì đẹp hơn tôi thuê ban đầu từ 10 đến 100 lần. Từ đó tôi suy ra việc chùa hay việc gì cũng vậy cả, nên để cho người khác thay thế mình khi thấy đã đến lúc cần thiết, không nên bo bo giữ mãi như vậy. Vì những thế hệ đi sau bao giờ cũng có nhiều thay đổi hơn. Nếu đẹp hơn, mình sẽ cho đi tiếp. Nếu xấu hơn mình sẽ nhảy vào làm tiếp và cố vấn thêm những vấn đề quan trọng cho công việc. Nếu một bụi cây, một nhánh hồng, có đốn, tia cành lá, bón phân thì hoa mỗi năm sẽ khác đi. Nếu để nguyên cây hồng đó, thì năm sau sẽ không có hoa hồng đẹp đâu mà ngắm. Đây là một nguyên tắc mà tôi đã chấp nhận ngay từ những năm đầu tiên khi làm việc đạo tại xứ này; nên chùa Viên Giác trong tương lai cũng dựa trên cơ sở ấy mà làm việc.

Năm 1984 đến 1992 là những năm tháng mà tờ báo Viên Giác đã bắt đầu vững vàng, có nhiều độc giả và đặc biệt là có nhiều cây bút gạo cội của làng báo Việt Nam tại Hải ngoại lúc bấy giờ cộng tác viết bài như các vị sau đây:

Canada: Đạo Hữu Phạm Thắng, Nguyễn Văn Ba, ông Bảo Văn, Lê Thị Bạch Nga, Ngân Uyển, Vũ Thị Dạ Thảo, Nguyễn Minh Khánh ...

Mỹ: Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Bs. Phan Quang Đán, Đoàn Văn Thông, ông Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Kim Khánh, Nguyễn Tấn Hùng, Hồng Lan, Thiện Hỷ, Tuệ Nga, Thầy Thích Hạnh Tuấn, Lê Doãn Kim, Tâm Trạng Ngô Trọng Anh, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Thúy Trúc, Nguyễn Việt Nữ, Trần Kim Vy, PT Diệu Thái v.v...

Pháp: Ts. Hương Giang Thái Văn Kiếm, Hồ Trường An, Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang, Phạm Hoàng Thái, Dr. Trần Đại Sỹ, Văn Nương LNC, Nguyễn Thủy, Nguyễn Phú Thứ, Mạnh Bích, Tô Vũ, Hoài Việt, Huyền Châu, Văn Tấn Phước v.v...

Thụy Sĩ: Bác Thanh Bình, Trần Thị Nhật Hùng v.v...

Hòa Lan: Gs. Lê Văn Quối, Nguyễn Đình Hùng.

Bỉ: Gs. Vũ Kỳ, ông Nguyễn Ang Ca, Phương Hà, Hoàng Ngọc Quỳnh Giao v.v...

Đan Mạch: Gs. Đặng Văn Nhâm.

Nga: Thiện Mẫn, Thiện Xuân.

Úc: Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn, Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa, Ts. Lâm Như Tạng, An Sơn v.v...

Ấn Độ: Thầy Thích Hạnh Tấn, Vô Thúc, Thầy Thích Hạnh Nguyễn.

Đức: Phù Vân, Vũ Ngọc Long, Bác Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu, Diệu Huê, Bác Quang Kính, Nhà thơ Huyền Thanh Lữ, Hoài Khê, Bác B. Ph, Bs. Phan Ngọc Minh, anh Đan Hà, Vũ Nam, Huy Giang, Bé Ngọc, Tùy Anh, Phạm Hồng Sáu, chị Hồng Nhiên, KTS. Trần Phong Lưu, chị Quỳnh Hoa, ông Phan Hùng Nhơn, Sư Huynh Hà Đậu Đồng, Người Giám

Biên, Giang Phúc Đông Sơn, Trần Văn Tích, Dr. Tôn Thất Hứa, Thiện Hữu Trần Hữu Lộc v.v...

Nếu kể từ từ cộng tác thường xuyên đến không thường xuyên, chắc Viên Giác có khoảng hơn 100 vị đã, đang và sẽ cộng tác. Nếu tôi nhắc tên tuổi quý vị cộng tác viên có phần thiếu sót, thì xin quý vị cảm thông cho. Vì trí nhớ có giới hạn, chứ không phải không lưu tâm đến quý vị. Xin vô vàn tạ lỗi vậy.

Cũng vì muốn cho tờ báo Viên Giác được phát triển mạnh ở mọi phương diện, nên từ năm 1988 quý anh chị em trong Ban Biên Tập đề nghị là mỗi năm nên họp lại một lần để kiểm điểm những việc quan trọng về nội dung lẫn hình thức mà một tờ báo cần phải có. Có không biết bao nhiêu ý kiến hay được góp vào; nhưng đồng thời cũng đã gặp không biết bao nhiêu khó khăn khi chạm vào tự ái cá nhân của mỗi người trong Ban Biên Tập. Vì vậy vui buồn nghề nghiệp của nhà báo là thế đó. Tất cả chỉ vì cho Đạo và cho cộng đồng, chứ không vì cá nhân của ai cả, nên cuối cùng rồi đầu cũng vào đó và mọi việc lại đề huề sau những bữa dùng cơm chay thân hữu với nhau.

Kể từ những năm sau này, quý anh chị em trong Ban Biên Tập Viên Giác chia ra một số mục chính và cử một hoặc hai người có trách nhiệm về mục chính đó đảm nhiệm. Không phải mục nào cũng giao về cho Chủ Nhiệm hoặc Chủ Bút như trước đây nữa. Đó là lý do xác đáng trong vấn đề phân công phân nhiệm cho công việc của mình. Mấy năm đầu Thị Chơn giữ phần Chủ Bút, tôi giữ phần Chủ Nhiệm; nhưng từ năm 1992 khi Thị Chơn nghỉ rồi thì Chủ Bút để trống một thời gian và đến năm 1996 thì bầu anh Nguyễn Trí - Phú Văn làm Chủ Bút, kiêm lo luôn mục Vườn Thơ Viên Giác và chọn đăng các bài vở trước khi đánh máy. Tôi lo vấn đề Tôn Giáo. Bác Thị Tâm lo vấn đề Thể Thao và Quản Lý Tòa Soạn. Chú Sanh, chị Nga, anh Như Thân, anh Dũng lo phần đánh máy, trang trí kỹ thuật cũng như lỗi chính tả của tờ báo. Trang Hoa Phượng và Gia Đình Phật Tử do chị Hồng Nhiên, anh Huy Giang và anh Thiện Căn lo. Trang y học do chị Quỳnh Hoa lo. Trang Thời Sự chính trị do anh Phan Ngọc Minh lo. Trang quảng cáo do anh Như Thân lo. Đó là những phần chính của tờ báo. Đa số nằm trong phần văn nghệ, nên trước đây anh Phú Văn và anh Vũ Nam rất cực cho vấn đề chăm sóc bài vở này. Phần điểm sách do anh Đan Hà lo. Khi bài vở gửi về chùa, chùa phải có bốn phận gửi bài đến những vị có trách nhiệm. Sau khi những vị ấy dò soát xong, lại gửi về chùa. Khâu đánh máy bắt đầu làm việc, sau đó đến khâu dò lỗi chính tả. Sau khi xong đem xuống trang trí, tôi sẽ dò lại lần cuối cùng trước khi đem đi làm phim và làm bảng kẽm để in. Ngày xưa in chỉ 3 ngày cuối tuần là xong báo. Bây giờ in 10 ngày, mỗi ngày 8 tiếng mà báo vẫn không xong. Nếu máy trục trục thì không còn tính ngày nữa, cứ chờ thợ đến, sửa xong, sau đó mới in tiếp. Bây giờ Tùng và Bình hai người in thay đổi nhau; nhưng cũng mệt mỏi. Sau khi in xong là cả một đội ngũ sắp báo, dán tem, đóng dấu địa chỉ, gấp thành quyển, cắt, bỏ vào bì, gói đi độ chừng 15 đến 20 người nữa. Ngày xưa khi chưa có các anh em Đông Âu sang giúp việc, tôi thường hay động viên quý cô quý chú trong chùa phụ phần này. Hoặc đôi khi nhờ quý vị ở Hannover đến phụ giúp như Bác Sáu, Bác Tám, Bác Phong, Nghĩa, ĐH Thiện Lượng, anh chị Quảng Ngô, anh Quảng Niệm, cô Quảng Thái v.v... Nếu nói công của một tờ báo không biết bao nhiêu mà kể cho hết. Nếu nhận được những lời khen thì ai cũng vui; nhưng nhận được lời chê thì ai cũng lo và buồn, nhất là khi tờ báo chưa được cải tiến về nội dung cũng như hình thức ở những năm đầu. Ví dụ báo lúc bấy giờ đóng gáy, nhiều khi không kỹ bị sút gáy khi đọc, hoặc lưa không kỹ, khiến bị giấy trắng một hai trang v.v... thế là có nhiều thư gửi về chùa trách móc. Đôi khi báo ra chậm, độc giả nôn nóng quá gửi thư về chùa báo rằng: Thầy quên con rồi. Sao con có ủng hộ mà không thấy báo? Hoặc giả bài của tôi gói sao không được đăng mà đăng bài của người khác nhiều lần thế? Chắc Thầy vị nể họ chăng? Rồi thì chữ nhỏ quá, nhỏ hơn con kiến nữa làm sao mà đọc? v.v... và v.v... đại loại là những đóng góp ý kiến và trách móc như thế; nhưng đa phần là được khen, chứ không bị chê thậm tệ như trước nữa. Trước những diễn biến của cuộc đời, trước sự khen chê của nhân thế, tôi phải tập cho mình một quan niệm để sống, một chỗ đứng ổn định

của tâm linh, nên thường tôi chỉ nói: *thế sao!* trong bất cứ hoàn cảnh nào. Được cũng như mất, hớn cũng như thua, buồn cũng như vui để luyện tâm của tôi, nên cố đứng trụ vào một nơi nào hết.

Tôi cũng chưa biết là mình phải làm Chủ Nhiệm tờ báo Viên Giác này cho đến bao giờ đây; nhưng nay 108 Lỗi Tòa Soạn đã viết xong trong 19 năm qua cũng để báo cho tôi và mọi người biết rằng 108 Anh Hùng Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử đã thể hiện được 108 pháp tu của Đức Phật rồi và họ đã trở thành những vị A La Hán để cho thế nhân phụng thờ. Còn tôi, phải làm gì đây sau 108 kinh công đã hoạt náo suốt một đoạn đường dài ấy? Nay thì đã đến số 100 rồi. Tuổi thọ 100 đối với người đời thì hiếm lắm. Tờ báo cũng thế, ở ngoại quốc một tờ báo ra đến số 100 và trải qua 19 năm không biết còn được mấy tờ. Vậy thì nhân bài viết này, con xin đội ơn Tam Bảo đã giao phó cho con một trách nhiệm vô hình mà suốt 19 năm qua con đã hiện diện với báo Viên Giác và do ơn đức của Tam Bảo mà con đã làm xong một nhiệm vụ nhỏ nhỏ của mình. Đối với quý vị cộng sự viên, gần cũng như xa, đệ tử cũng như không đệ tử, người Đạo Phật cũng như không phải tín đồ của Đạo Phật, xin thông cảm cho ông Thầy khó tính này. Đó là tôi - chỉ vì việc chung mà đôi khi khó khăn với quý vị, cũng mong quý vị hiểu cho và thông cảm cho những sơ sót của một người lãnh đạo khi gặp phải. Sau đó là những độc giả xa gần của Viên Giác. Nếu phải vì sự chủ quan mà có những sai lầm nhất định trên báo, đầu không cố ý đi chẳng nữa, cũng kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho về những sự kiện thiếu sót vụng về này. Nếu quý vị hoan hỷ được việc đó, chắc chắn Ban Biên Tập sẽ vui. Dĩ nhiên tờ báo viết ra gửi đến là để cho quý vị tham khảo. Do đó chúng tôi muốn rằng như người xưa đã muốn là: *"luôn luôn bán những gì mà người ta thích mua, chứ không bán những gì mà người bán thích bán"* cho được. Đây cũng là ý chính của chúng tôi khi phục vụ quý vị. Dĩ nhiên tờ báo Viên Giác đã không là tờ báo thương mại rồi; nhưng nếu không có sự hỗ trợ tiền bạc của quý vị và chính phủ chắc rằng Viên Giác không còn tiếp tục đến ngày nay và mãi mãi về sau nữa. Ôn này đầu thiên thu, chúng tôi không bao giờ quên ơn của quý vị cả.

Nhìn lên kệ sách trong Thư Viện, những quyển báo và những quyển sách đã đóng thành tập đẹp đẽ, từng 2 năm một và để san sát bên nhau, đã làm cho riêng cá nhân tôi có một cái gì đó vui vui, ví tí ra sau này nếu có ai đó giới thiệu những trang báo này của bao nhiêu năm tháng về trước, họ cũng có thể tìm lại được một chút gì hữu ích trong đó. Vì người xưa thường nói: *Thư trung hữu ngọc*. Nghĩa là trong sách có chứa nhiều của quý. Đây không phải là vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, mà là những lời hay ý đẹp để mang Đạo vào Đời và chính những ngày tháng năm này người Việt Nam ở tại xứ Đức này, đã có lần hay chưa có lần đến chùa Viên Giác hoặc đọc báo Viên Giác; nhưng biết đâu ở một thời điểm nào đó, họ sẽ có cơ duyên đọc được và Viên Giác ở đâu cũng mong mọi người và mọi loài chúng thành quả vị tròn đầy giác ngộ như tâm nguyện mà chùa, tờ báo đã mang đến quý vị bấy lâu nay.

Một lần nữa xin cảm ơn tất cả quý vị cộng sự xa gần; những sự giúp đỡ của quý độc giả đầu hữu danh hay ẩn danh hay bất cứ một hình thức nào đó, những việc này là sự động viên rất thiết thực cho việc xuất bản của tờ báo.

Cuối cùng, một lần nữa xin tự nhận những khuyết điểm về mình trên mọi bình diện trong bài viết này, nếu có thiếu sót điều gì, cũng mong quý vị hiểu cho rằng đó không phải là điều cố ý.

Xin đếm cho 100 hay 108 hồi thờ, xin niệm cho 100 hay 108 câu niệm Phật để Viên Giác vẫn trường cửu với mọi người.

Viết xong vào ngày 28.6.1997 kỷ niệm ngày sinh nhật thứ 49 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc

Sa 10027 /2





(Nhân Báo Viên Giác số 100)

Khi tôi còn điều hành tờ báo của cộng đồng người Việt tại Hamburg từ năm 1983, thì Thầy Thích Như Điển trong một buổi lễ Phật định kỳ hai tháng một lần cho đồng bào Phật Tử tại địa phương, đã ngỡ ý kêu gọi tôi cộng tác với tờ báo Viên Giác, cơ quan ngôn luận của Kiều bào và Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại CHLB Đức.

Trong thời gian đó tôi còn phải lo sinh kế, tuy không đến nỗi "cày sâu cuốc bẫm, tay lấm chân bùn" ngày 8 tiếng, nhưng cũng vất vả chạy theo giờ giấc và khí hậu buổi giá nhiều hơn ấm áp. Ngoài ra tôi cũng còn bận bịu với tờ báo địa phương, mặc dù chúng tôi có đến bốn tên "tử đại nhân ban" hay tiểu ngạo mà nói là "Ba chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" (Les trois musquetaires - Drei Musketeiere) Vũ Ngọc Long, Nguyễn Hữu Huấn, Vi Tiểu Bào và Tôi tự do múa... bút một phượng, mà trong đó anh chàng họ Vũ thường nổi cơn thịnh nộ suốt buổi kiểm sát phạt nặng nề bạo quyền Việt Cộng và những tên "ăn cơm Quốc Gia, thờ ma Cộng Sản".

Tôi có hứa với Thầy sẽ cộng tác bất thường và đề nghị Vũ Ngọc Long gọi thơ văn và những bài tham luận chính trị, tin tức thời sự thế giới cho báo Viên Giác.

Long cũng như tôi cũng viết cho tờ Lửa Việt ở Canada, ngoài ra còn cộng tác với các tạp chí ở Đức, Pháp, Hòa Lan, Bỉ. Sau này khi ngưng cộng tác với Viên Giác, Long viết cho tờ Dân Chủ Mới ở Mỹ... Những bài viết về văn nghệ dưới bút hiệu là Hạ Long hay những bài bình luận thời sự hay tham luận chính trị với cái tên Vũ Ngọc Long như là những mũi tên tấn công vào thành trì ngoan cố chuyên quyền của chế độ CSVN; như là những vết chém nhức nhối đối với thành phần lãnh đạo già nua, u mê, thối nát của Trung Ương Đảng.

Chẳng hiểu vì nhân duyên gì mà ngay khi Vũ Ngọc Long đến định cư tại Đức vào tháng 3.1983 đã liên lạc với tôi, đề nghị cộng tác với tờ báo do tôi phụ trách. Thế mà mãi đến Giáng Sinh năm 1984 chúng tôi mới gặp nhau tại Hamburg.

Tôi là loại "ký...già", Vũ Ngọc Long mỗi đúng là thủ thiệt, xuất thân từ Ban Báo Chí Viện Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn, Ban Cao Học Chính Trị Xã Hội Viện Đại Học Đà Lạt. Trước năm 1975 họ Vũ là phóng viên của tuần báo Đời của cố nhà văn Chu Tử và tờ Quạt Khôi của nhóm Dân Biểu trẻ tại Sài Gòn. Vũ Ngọc Long cũng là phóng viên và Biên Tập Viên nhật báo Sóng Thần tại Sài Gòn.

Tiếc thay, con người tài hoa đoán mệnh! Bạn tôi đã một sớm thành người thiên cổ trong một tai nạn trên đoạn đường Stuttgart-Reutlingen vào ngày 11.12.95! Chỉ còn để lại số tác phẩm: xuất bản trước năm 1975 tại Sài Gòn; Tuổi Trẻ Và Sinh Hoạt Đảng Phái (1963-1973) (tham luận

chính trị viết chung với Tống N.Hùng), Khảo Luận: Làm Thế Nào Để Một Nhật Báo Có Nhiều Độc Giả. Đã xuất bản tại hải ngoại; Tùy bút: Nỗi Buồn Viễn Xứ Ai Buồn Hơn Ai (1987), Tham Luận Chính Trị: Tim Nèo Đường Về (1992); Thi tập: Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó (1997).

Vũ Ngọc Long và tôi gia nhập làng báo Viên Giác vào giữa năm 1984 để tiếp sức với nhóm các anh Hồ Trường An, Mai Vi Phúc, chị Huyền Châu...

Anh Hồ Trường An tên thật là Nguyễn Viết Quang, sinh năm 1938 tại Vĩnh Long (em ruột của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ). Bút hiệu khác: Đinh Xuân Thu, Đào Huy Đán, Người Sóng Tiền, Nguyễn Thị Cỏ May, Đặng Thị Thanh Nguyệt. Học dở dang Đại Học Dược Khoa, nhập ngũ khóa 26 Thủ Đức. Năm 1968 phục vụ tại Ban Thông Tin Báo Chí Quân Đoàn III cho tới tháng 4.75. Cộng tác với các báo Bách Khoa, Văn Học, Tin Sách, Tin Văn, Minh Tinh. Rời nước năm 1977, định cư tại Troyes, Pháp; làm Tổng Thư Ký cho Tạp chí Quê Mẹ tại Paris cho đến năm 1981. Cộng tác với các báo Làng Văn, Văn, Văn Học, Việt Nam Tự Do, Bút Lửa, Đất Mới, Viên Giác, Việt Chiến, Hồn Nước, Nhân Bản, Hành Động...

Hồ Trường An, nhà văn miệt vườn nổi tiếng với cái mỹ danh "Bà Già Trầu" bập bập nhai nhai bài viết kéo dài tưởng mãi không dứt. Anh là người có trí nhớ dai, sáng tác mạnh, đã viết cho báo Viên Giác những loạt bài "Những Ngày Đi Đảng Kỳ", ký sự về đời sống của những văn nghệ sĩ tại Việt Nam trước cuộc đổi đời; đăng từ VG số 7 tháng 2.82 đến VG số 18 tháng 12.83. Đã xuất bản rất nhiều tác phẩm có giá trị về văn chương miệt vườn tại quốc nội và ở hải ngoại. Tiêu biểu là *Lớp Sóng Phế Hùng* (1985), *Phấn Bướm* (1986), *Hợp Lưu* (1987), *Nửa Chợ Nửa Quê* (1987), *Lúa Tiều Ruộng Biền* (1989)...

Vào dịp Đại Lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác năm 1990, anh Hồ Trường An làm lễ quy y Tam Bảo, có Pháp danh là Thiện Tịnh, Thầy Bổn Sư là Thượng Tọa Thích Như Điển. Tôi dự tính gặp anh sau buổi sinh hoạt văn hóa, khi ra mắt cuốn *Thông Điệp Hồng*, *Lúa Tiều Ruộng Biền* của Hồ Trường An và cuốn *Tiền Tệ Việt Nam* của Phạm Thăng, nhưng anh Hồ Trường An được đọc giá mướn mộ bao quanh để xin chữ ký tặng sách, nên chúng tôi cũng chưa có dịp tương kiến. Cho mãi đến 1994, cũng tại hội trường này trong buổi ra mắt chung các tác phẩm. Hồ Trường An giới thiệu cuốn *Chuông Gióng Thành Thanh* (Viên Giác xb. 1993), Trần Thị Nhật Hùng giới thiệu tập truyện *Giấc Mơ Xưa* của chị (Viên Giác xb.1993) và tôi giới thiệu *Đặc San Văn Bút Âu Châu số 2* (Viên Giác xb.1994) trong ngày Đại Lễ Phật Đản 4.6.1994. Từ đó chúng tôi mới có sự liên lạc mật thiết.

Riêng chị Huyền Châu, nhà văn nữ, sinh năm 1922 tại Bình Định, hiện định cư tại Paris, Pháp. Viết cho Viên Giác từ số 19 tháng 2.84 với truyện ngắn "*Ông Già Lượm*". Tôi gặp chị lần đầu trong kỳ Đại Hội Luồng Niên của Trung Tâm Âu Châu / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vào tháng 4.1994 tại Strasbourg. Vốn là cố vấn của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu, tinh tình trầm lặng và chủ trương "dĩ hòa vi quý". Tác phẩm đã xuất bản: Tuyển tập: *Mùa Xuân Chim Sơn Ca* và *Gành Ráng* (do Thanh Niên Hành Động xb. 86, 87), *Rừng Núi Về Đêm* (Nam Á, Paris xb. 1987), *Ngôi Nhà Bà Giáo* (Bình Minh, Houston xb. 199).

Còn anh Mai Vi Phúc, nhà thơ, tôi lại có dịp hội ngộ với anh trong "Đêm Thu Thơ '94" do Trung Tâm ViDi tổ chức buổi ra mắt nhiều tác phẩm ngày 19.11.1994 tại Dortmund nhân dịp đón phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sau khi đi dự Đại Hội Văn Bút Quốc tế tổ chức từ ngày 07 đến 11.11.1994 tại Praha, thủ đô Tiệp Khắc trở về. Anh Mai Vi Phúc ra mắt thi tập *Viết Từ Đông Phương* (Imn, 1994), lúc đó in chưa xong, còn tôi giới thiệu tập thơ *Ngoài Xa Dấu Chân Mây* (Viên Giác xb.1994). Trước đó chúng tôi cũng đã gặp nhau một vài lần trong các buổi lễ Phật tại Chùa Phật Bảo tại Bamtrup (Đức Quốc), nhưng chưa có nhiều duyên văn nghệ với nhau.

Trong thời gian tôi làm ... báo hại, báo đời một cách tài tử "ăn cơm nhà vác gà voi", cho một hội đoàn địa phương thi tình cờ trong năm 1985 nhận được thư của một nhà báo, một ký giả thủ thiệt lừng danh mời cộng tác cho tờ báo của ông sắp phát hành. Đó là ký giả lão thành Nguyễn Ang Ca. Trường hợp này cũng xảy ra tương tự khi anh Nguyễn Văn Sâm ở Texas Hoa Kỳ tìm tôi khi tôi cộng tác với tờ báo Độc Lập tại Đức.

Nguyễn Ang Ca viết hằng say cho hầu hết các báo Việt Ngữ ở hải ngoại với các bút hiệu mới như Quách Tú Sinh, Việt Hưng Quốc, Hoàng Bích Vân, Hoàng Ngọc Giao ngay sau khi gia đình anh đến định cư tại Bruxelles, Vương Quốc Bỉ vào tháng 2.1979.

Nguyễn Ang Ca tên thật là Nguyễn Kim Cang, sinh năm 1927 tại Bạc Liêu. Bút hiệu khác hồi còn ở Việt Nam như: Nhu Thắng Cang, Ngọc Kỳ Lân. Vào nghề làm báo năm 1949, cộng tác với nhiều tờ báo tại Saigon như: Tiếng Chuông, Tiếng Dội, Saigon Mới, Lê Sống, Dân Quyền, Dân Ta... Chủ trương hai tờ báo Duy Tân và Tầm Nguyên từ năm 1957 và làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo Tin Sớm năm 1964.



Cổ Kỳ Già Nguyễn Ang Ca (phải) và Phù Vân

Nguyễn Ang Ca nổi danh trong các mục phóng sự thể thao, kịch trường, màn ảnh; một trong những ký giả tham dự 4 lần Thế Vận Hội. Năm 1968, đoạt huy chương vàng Thế Vận Hội Báo Chí về bình luận. Năm 1969, huy chương vàng về phóng sự thể thao tại Mexico...

Anh Nguyễn Ang Ca rất tích cực trong các hoạt động văn hóa xã hội, tánh tình hòa ái, chân tình với bạn hữu, khuyến khích anh em. Chúng tôi có đến thăm gia đình anh và chị Huyền Nhi tại Bruxelles vào mùa hè năm 1989 và năm sau cùng tháp tùng với phái đoàn người Việt Trung Cao Niên do Linh Mục Joan Nguyễn Hùng Lân làm Phó Chủ Tịch và anh Nguyễn Ang Ca làm Tổng Thư Ký hướng dẫn đi du lịch hành hương Bắc Âu. Không ngờ đây là lần hội ngộ cuối cùng với anh. Anh Nguyễn Ang Ca mất ngày 26.3.1991 tại Bruxelles, hưởng thọ 65 tuổi. Ước vọng cuối cùng của anh là trở về Việt Nam tự do, nhưng anh đành gởi xác ở xứ người.

Với một đóng góp lớn lao cho nền văn hóa Việt Nam như vậy mà anh chưa hề để lại một tác phẩm nào, hay đúng hơn anh chưa thấy được đứa con tinh thần của anh trước khi mất là "Giá Tự Do" (Lê Trần Biển Đông) mà anh đã giao cho nhà xuất bản Đại Nam in trong chuyến đi Mỹ cuối cùng. Sau đó tôi tuyển chọn bài của anh đã viết để thực hiện cuốn "Tuyển Tập Nguyễn Ang Ca" (Viên Giác xb.1993) gọi là nền tâm hướng cầu nguyện hướng hồn của con người tài hoa mệnh bạc, là món quà tinh thần gởi đến chị Huyền Nhi và gia đình trong ngày giỗ đại tường của ký giả Nguyễn Ang Ca.

Nhỏ lại lần đầu tiên khi tôi dẫn phái đoàn Phật Tử Hamburg xuống tham dự đại lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác cũ (đối diện với Chùa mới bây giờ). Chúng tôi đến Chùa cũng đã sắp đến giờ hành lễ. Bà con đang chen nhau vào chánh điện, bởi trước chánh điện là một gian phòng nhỏ

vừa làm phòng tổ, vừa kê hai dãy bàn để phát hành phiếu ấn, ghi danh người tham dự. Chưa kể cái máy in báo công kèn cũ kỹ từ đời Hít Le để lại thì phải và thêm một dãy bàn và kệ sách báo cho bà con ngồi đọc...giải sầu, cũng đủ choán hết chỗ!

Bạn bè lâu ngày gặp nhau chán chi điều để nói, chán chi chuyện để hàn huyên nên không thể tránh được ồn ào, dù ai cũng muốn điều chỉnh âm thanh cho người đối diện vừa đủ nghe. Tôi bỗng giật mình vì nghe tiếng còi thét lên. Tôi khều người Phật Tử địa phương hỏi bác mặc áo dài màu nâu thối còi ấy là ai? Anh ta cười bảo tôi, đó là bác Quang Kính làm trật tự. Thảo nào mà bà dám thối còi inh ỏi cả lên! Tiếng còi làm bà con sùng sốt, mỗi thót giật mình nghĩ lại tại sao mình lại làm ồn ào ở một nơi tôn nghiêm như vậy!

Tôi biết bác Quang Kính từ đó. Sau này làm quen mới biết thêm bác là người có nhiều đạo tâm, đã tham gia công quả cùng với bao nhiêu Phật Tử thuần thành khác trong tiến trình hình thành và xây dựng ngôi đại tự hôm nay. Bác đặc trách về trật tự trong các kỳ đại lễ. Sau này tôi không thấy bác dùng... còi trọng tài bóng đá nữa, mặc dù cho đến nay cái thói quen ồn ào ở chỗ đông người của bà con Việt Nam mình vẫn chưa từ bỏ! Tôi thấy bác thường vận chiếc áo dài màu khói hương, tay kẹp nón lá, tay cầm giấy bút... đi ghi danh những thí chủ phát tâm cúng dường trai tăng, đóng góp chương trình này, hưởng ứng công tác nọ... Bác là người tháo vát, tích cực, nhanh nhẹn, giải quyết khôn khéo và tế nhị nhiều sự việc.

Nhưng tôi chỉ muốn giới thiệu đến quý vị lão thi hữu Quang Kính. Bác làm thơ đáng ở báo Viên Giác trước đây cũng như ở báo Nhân Quyền trong tổ chức tranh đấu nhân quyền ở Hannover. Tuy nhiên tôi thấy bác nổi bật nhất là thơ vận động, vận động kêu gọi đóng góp, vận động đấu tranh. Đây là loại thơ rất khó làm vì tứ thơ phải phát xuất từ tinh thần, khác với thơ nghệ thuật phát xuất từ tâm ý. Bác Quang Kính đã có nhiều bài thơ xuất sắc trong công cuộc vận động xây Chùa Viên Giác qua nhiều tiến trình xây dựng. Bác cũng có một số bài thơ vận động đấu tranh yểm trợ cho công cuộc đấu tranh của Giáo Hội PGVNTN tại quê nhà.

Vào năm 1989 tôi thực hiện cuốn *Tuyển Tập Thơ Viên Giác*, vì tôi chỉ đặt trọng tâm là thơ nghệ thuật, nên đã không chọn một số bài thơ của bác Quang Kính. Tôi biết bác là người khoan hòa, hoan hỷ, nhưng tôi vẫn nhận là một khiếm khuyết. Đáng tội sám hối!

Sau này, trong việc phân chia nhiệm vụ, tôi nhờ bác làm Bà Táo Quán chùa Viên Giác đặc trách về Sở Táo Quán cho mỗi kỳ báo Tết. Bác hoan hỷ nhận lời. Năm vừa qua, bác yêu cầu tôi, vì tuổi già, cho bác được... về hưu vui thú điền viên. Trà áo xiêm Táo Quán lại cho tôi. Tội nghiệp thân tôi, gần ngày ra báo Tết Con Trâu tôi phải bôn ba mang hia đội mào đi tìm một ông Táo khác để điền khuyết!

Cũng trong thời gian này tôi cũng có dịp lần la làm quen được với đạo hữu Thị Chón Ngô Ngọc Diệp và xin kể hầu quý vị một giai thoại làm quà. Số là khi tôi được Thầy và Ban Biên Tập giao cho trọng trách coi về phần Văn Nghệ và Trà Lối Thư Tin, thì ở Canada hay ở Hoa Kỳ gì đó, có một ông viết thư hỏi thăm Thị Chón Ngô Ngọc Diệp còn là "cô" hay đã là... "bà" rồi! Chắc cũng tính mềng chuyện... đường dài chi đây?



Thị Chón Ngô Ngọc Diệp (bên phải) đối diện là Đan Hà và Trần Phong Lưu trong bữa cơm thân mật với Ban Biên Tập Viên Giác

Ngọc Diệp vốn là mỹ danh của một khuê nữ, hướng chỉ cái Pháp danh của Thầy ban cho là Thị Chón. Nội chữ "Thị" đó là "điều kiện ắt có và đủ (theo toán học) để chứng minh hùng hồn rằng Ngô Ngọc Diệp là nữ giới! Tôi hỏi đạo hữu Thị Chón nên trả lời ra sao cho xuôi. Thị Chón, người có nụ cười để lộ chiếc răng khểnh dễ thương, hóm hình bảo tôi: Tùy anh! "Tùy Anh" thì đúng ngay chóc là tên tôi rồi còn gì phải hỏi! Do đó tôi phải xoay qua hỏi Thầy, tại sao Thầy đặt cho các đệ tử Pháp danh mở đầu bằng chữ "Thị" nghe dễ hiểu làm quá! (Sau này Thầy thấy nhiều đệ tử của mình bị "oan Thị Kính" nên Thầy mới biến chữ "Thị" thành chữ "Thiện"). Thầy cho biết, Pháp danh và Pháp tự được đặt tên theo "Dòng Kế Minh Hải Chúc Thánh" như sau: Về Pháp danh thì:

Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường
Về Pháp tự thì:
Đắc Chánh Luật Vi Tuyên
Tảo Đạo Giải Hạnh Thông
Giác Hoa Bồ Đề Thọ
Sung Mãn Nhơn Thiên Trung

Thượng Tọa Thích Như Điển thuộc đời thứ 41. Sư phụ khởi đầu bằng chữ "Nhu" thì đệ tử phải có Pháp danh khởi đầu bằng chữ "Thị" chứ còn khiếu nại điều gì nữa! Từ đó những đệ tử của Thầy khi xuất gia thì có Pháp tự là "Hạnh", như Thầy Hạnh Tấn, Hạnh Bảo chẳng hạn.

Một vài dòng tôi không thể nói lên được những nét đặc thù và những thành quả mà anh Thị Chón đã đóng góp cho công tác Phật sự tại CHLB Đức, cho Chùa Viên Viên Giác, cho tờ báo Viên Giác. Đa năng, đa hiệu về nhiều phương diện nhất là về phần thông thạo Đức ngữ là ưu điểm của anh để có thể liên lạc với chính quyền sở tại, giải quyết nhanh chóng nhiều vấn đề.

Thị Chón tốt nghiệp Kỹ Sư tại Đức, Thông dịch viên hữu thể, đệ tử thứ nhất của Thầy Như Điển, tức là vị Đại Sư huynh nói theo các môn phái như phái Thiếu Lâm chẳng hạn, được Thầy giao nhiều trọng trách như Trưởng Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội PGVNTN tại Đức Quốc, nhiệm vụ chính là trang trí vừa là Chủ bút tờ báo một thời gian khá lâu.

Tay ngang làm báo, nên anh đã dày công cắt xén, dán chỗ này trám chỗ nọ như là một ông "thợ mả" chánh hiệu. Anh là người có chí, nhận thấy công việc làm báo về lâu về dài, nên anh đã đi học một khóa làm báo và cách *lay out*. Kỹ thuật của Đức thì cao, nhưng trong tay mình chỉ có những máy đánh chữ đã cũ, máy in đã quá thời kỳ về hưu, nên "thợ mả" vẫn hoàn là "thợ mả", anh vẫn cắt dán đều tay. Cho đến khi computer ra đời và Chùa đã sắm được hệ thống máy điện toán sử dụng cho tờ báo. Đạo hữu Thị Chón đã bảo quản giữ gìn bộ computer này kỹ càng lắm đến nỗi tại tôi có ý nghĩ như là điều "tối mật", nghe qua cũng đủ "tối mật" tức là tối tăm mặt mũi!

Một lần lên Hamburg, có Thị Chón tháp tùng, Thầy dặn tôi: "Nhỏ đi ngủ sớm, đừng nói chuyện nhiều với Thị Chón. Với thuốc lá, cà phê T.C sẽ nói chuyện sáng đêm. T.C nói quá mà không mập được!". Tôi không dám cười, và đêm đó dù nhỏ lời Thầy dặn mà cũng không thoát được... tay tú thần! Tôi là chủ, Thị Chón là khách. Khách muốn... nói chuyện, thì chủ phải... chịu trận! Báo hại là trong thời kinh sáng hôm sau, tôi bị cơn buồn ngủ hành hạ quá chừng, còn Thị Chón thì... tỉnh queo như sáo sậu. Tái thật!

Về cái thói quen hay quen thói nói dài, nói dai- không hẳn là khi mặt đối mặt, mà ngay cả qua điện thoại viễn liên, Thị Chón cũng hết chuyện này đến chuyện kia, hết chuyện bài vở báo chí, lại đến chuyện đấu

tranh, kéo dài số số thường hơn cả tiếng đồng hồ. Mỗi lần nhận được điện thoại của anh (chủ thú thật ít khi tôi dám can đảm gọi điện thoại cho anh, bởi lẽ tôi không có tài như anh, kiểm thêm "dớp" phụ để trả tiền điện thoại!), tôi thường bảo anh đợi tôi đi lấy bao thuốc, gạt tàn (hồi đó tôi còn đan dúi đậm đà với Nàng Khôi) và chiếc gối, rồi tìm một chỗ sạch sẽ ở nền nhà để... nằm tiếp chuyện với anh. Lâu lắm thấy tôi yên lặng, anh thường hỏi:

"- Ngài còn nghe tôi nói chuyện hay không?".

Tôi thấy cái ống liên hợp (ống nghe) đã nóng lên, mắt nhắm lên hết nỗi nhưng cũng vẫn kèm nhèm trả lời:

"- Còn, còn nghe!".

Tình huống này không phải chỉ mình tôi... chịu trận, mà cả Vũ Ngọc Long, Phong Hùng Lưu Nhớn Nghĩa cũng đồng chung... cảnh ngộ như tôi. Thật ra Thị Chón quý mến tại tôi lắm, anh mới bỏ nhiều thì giờ và tiền bạc để liên lạc với anh em.

Tôi rất quý mến anh, dù cách đây vài năm vì lý do riêng, hoàn cảnh đặc biệt và vì sinh kế anh đã ngưng đảm trách tờ Viên Giác.

Mỗi người có một lý do riêng khi chọn bút hiệu. Anh Lưu Nhớn Nghĩa cũng đã đến với báo Viên Giác từ số 22 tháng 8.84 với bài "Giếng Nước Ngọc Trai". Anh đã lấy chữ Phong Hùng là tên của cửa tiệm của ông già để làm bút hiệu. Anh là dân Sư Phạm, hình như là Giáo Sư Anh Văn, du học ở Neuseeland và kẹt lại khi Việt Cộng chiếm miền Nam Việt Nam. Chị là dân tỵ nạn ở Đức. Chẳng hiểu tiếng sét ái tình nổ ra ở đâu mà con người phong sương giang hồ lãng tử như anh lại qua lập tổ uyên ương ở Pforzheim / Đức.



Phong Hùng Lưu Nhớn Nghĩa và con trai đầu lòng trong cuộc biểu tình đòi tự do trước sứ quán CSVN tại Bonn.

Có lần tôi đã đến nhà anh nghỉ lại vài ngày, được anh cho nghe cuốn băng cassette của đứa con trai của anh. Hồi đó, cháu bé khoảng 4, 5 tuổi. Giọng thơ ngây hết sức dễ thương, cháu bé kể lại bằng tiếng Việt câu chuyện cổ tích ngắn do anh đã dạy, lâu lâu phụ thêm tiếng Đức để cho cháu bé hiểu được ý nghĩa của tiếng Việt. Ví dụ khi cháu nói con bò, con bò là die Kuh. Anh quan tâm đến tuổi trẻ, vì anh sợ đến một ngày rất gần trong tương lai con cháu chúng ta sẽ không còn đọc và hiểu được tiếng Việt nữa! Buồn thay!

Phong Hùng Lưu Nhớn Nghĩa viết những mẩu chuyện về đời sống, tâm tình của số người

Việt gốc Miền sống ở các Buồng, Sóc ở Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên... Nền những nhà văn viết về nông thôn Nam Việt Nam thì được gọi là nhà văn miệt... Sóc! Thật tình không hẳn chỉ riêng tôi mà rất nhiều độc giả của Viên Giác cũng thích đọc bài viết của anh vì có nhiều nét đặc dị của câu chuyện.

Anh đã theo gia đình qua Úc, chắc hẳn là đất lành để anh dung thân, trở lại nghề *godautre* (1). Anh có thú, cho tôi biết là cũng gặp khó khăn ban đầu khi đi dạy học. Tuy vậy vẫn còn an nhàn hơn so với thời kỳ ở Đức ngày tám tiếng anh phải lao động cật lực trong nhà máy cửa gỗ. Thế mà qua Úc anh lại xin Thầy, mỗi năm chỉ viết cho Viên Giác vào số báo Xuân mà thôi. Hồi còn vất vả ở Đức sao anh lại viết đều tay! Thế nà thế nào?

Trong thời gian này tôi cũng gặp Vũ Nam. Vũ Nam đến đầu quân với Viên Giác chắc cũng đồng thời với bọn tôi. Truyện ngắn "Sau Ngày Tang" trong Viên Giác tháng 2.85 chắc là chuyện đầu tiên của anh. Anh phụ trách "Trang Thiếu Nhi" dưới bút hiệu Nguyễn Tử Văn. Một thời gian sau, vì phải theo học nghề chuyên môn, nên anh không còn đảm nhận Trang Thiếu Nhi nữa. Sau này, có lẽ đã học xong, anh cùng với tôi phụ trách Phần Văn Nghệ cho tờ báo.

Vũ Nam sinh năm 1954 tại Phước Tuy. Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Không Quân, nhập ngũ cuối năm 1972. Năm 1976 học lại Trường Sư

Phạm Sài Gòn hai năm, sau đó làm Giáo Viên cấp 2 tại Bà Rịa. Cùng với gia đình vượt biên đến Tây Đức năm 1981 và bắt đầu viết văn từ đó. Có truyện đăng trên Viên Giác, Độc Lập, Việt Luận, Văn, Làng Văn, Nhân bản, Quê Mẹ, Măng Non...

Vũ Nam là người đầu tiên trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác ấn hành tác phẩm "Sau Ngày Tang" vào năm 1987 trong thời kỳ Tòa Soạn chỉ có máy đánh chữ của Đức, phải bỏ đầu bằng tay. Sau Ngày Tang là đứa con đầu lòng được in bằng máy in cũ, cồng kềnh như một con trâu già cố rống sức kéo cày. Nhưng đó là đường cây đầu tiên để sau này như lời cụ Tú Xương viết là: "vợ quen dạ đẻ cách năm đôi!", nên Vũ Nam cũng sẵn trớn cho in thêm những tác phẩm khác như: *Bên Dòng Sông Donau* (tập truyện), Viên Giác 1990; *Bên Này Bức Tường Bá Linh* (tập truyện), Miệt Vườn 1993; *Nơi Cuối Dòng Sông* (truyện dài), Viên Giác 1994.

Vũ Nam là người hiền hậu, có nụ cười dễ thương, nói năng dịu dàng, không muốn làm mất lòng ai. Vì vậy anh đã "gồng" đến mấy nhiệm kỳ của Hội Người Việt Tỵ nạn tại Reutlingen thì phải và cũng ở trong Ban Chấp Hành của Chi Hội Phật Tử tại địa phương này.

Để chia sẻ công việc, tôi đề nghị với Thầy dành phần thờ cho nhà thờ Hoài Khê phụ trách mà hình như vào cuối năm 1986 tôi giới thiệu anh đến với tờ báo Viên Giác. *Hoài Khê Tử Ngọc Phong* còn có bút hiệu khác là

Người Làm Vườn để đảm trách *Vườn Thơ Viên Giác*, khởi đầu từ Viên Giác số 38 tháng 4.87 cho đến số 67 tháng 2.92 thì anh ngưng cộng tác với Viên Giác vì sinh kế. Từ đó Vườn Thơ Viên Giác "bỏ hoang" mấy kỳ.

Mục Thơ trong Phần Văn Nghệ được hoàn lại cho... khổ chủ! Tôi phải gánh tiếp và phụ trách luôn Vườn Thơ Viên Giác từ số 72 tháng 12.92 cho đến bây giờ. Ròng rã cũng đã năm năm xuất hiện đều đều!

Cùng trong nhóm tuổi sồn sồn còn có anh *Tử Hùng Trần Phong Lưu*. Anh Trần Phong Lưu, sinh 1942 tại Điều Hòa, Mỹ Tho; có Văn Bằng Kiến Trúc Sư (1970), Chứng chỉ hậu Đại Học "Quy hoạch và phát triển các Viện Đại Học mới" (Campus planning) Loch Haven state University (U.S.A, 1974), Giảng Sư Đại Học Kiến Trúc Saigon, Tu nghiệp hành nghề Kiến trúc tại Hannover (Đức).

Trước năm 1975, anh Trần Phong Lưu phụ trách xuất bản các sách nghiên cứu Đồ Án Kiến Trúc, cộng tác với Tuần báo Bình Minh (Chủ nhiệm: Võ văn Ứng, Chủ bút: Lý Quý Chung), đã ấn hành về các sách nghiên cứu Đồ Án Kiến Trúc 1968, 1969, 1970 do Đại Học Kiến Trúc Saigon xb. 1971. Sẽ xuất bản Kiến Trúc Phật Giáo.

Từ năm 1980 ra hải ngoại, viết cho báo Văn Nghệ Tiền Phong, Độc Lập, Viên Giác. Anh Trần Phong Lưu đến với Chùa Viên Giác trước khi đến với tờ báo Viên Giác. Bài về "Dự án xây cất Chùa Viên Giác" của anh cũng đã xuất hiện trên báo Viên Giác từ số 17 tháng 10.1983. Tên tuổi anh gắn liền với ngôi Chùa Viên Giác.

Trong phạm vi bài này tôi không đề cập đến những công quả của anh đã đóng góp cho việc xây dựng ngôi Chùa Viên Giác. Quý vị nào muốn biết rõ hơn về công trình của Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu và sự hình thành của ngôi chùa, xin quý vị hãy "thình" ngay cuốn sách "*Chùa Viên Giác*" của Thượng Tọa Thích Như Điển do Chùa Viên Giác xb. 1994. Nhanh tay thì có, chậm tay thì may ra vẫn còn! Sau đó quý vị nên để ý để "thình" thêm bộ phim Video "Chùa Viên Giác" do các anh Phạm Cường và Lưu Chính đã thực hiện xong phần quay phim và ráp nối, chỉ còn chờ phần thuyết minh và... tài chánh để phát hành dự trù 4000 cuốn. Chi phí không phải là ít. Xin quý vị sẵn sàng ủng hộ hay yểm trợ khi chương trình phát động. Chắc cũng không muộn lắm đâu!

Anh Trần Phong Lưu và tôi cũng gặp gỡ nhau trên tờ báo Độc Lập, nhưng mãi đến khi họp mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác lần đầu, tụi tôi mới chính thức làm quen và sau đó cùng "bị" bầu vào Ban Chấp Hành của Trung Tâm Âu Châu / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Anh viết những

loạt bài về kiến trúc rất có giá trị, những bài ký sự "Đường Sang Thiên Trúc" về chuyến hành hương Ấn Độ rất di dóm, hay "Tân... Thủy Hử" châm chích bởi bác chế độ bằng cách dò lại chồng hồ sơ các vụ án dưới thời Vem.

Khi anh Trần Phong Lưu quyết định chấm dứt cuộc sống... độc thân, thì anh cũng kéo thêm chị *Quỳnh Hoa* vào tăng cường nhân lực cho Ban Biên Tập Viên Giác từ mấy năm nay làm vị "lang ta" để đảm trách mục *Y Học Thường Thức*... "thuốc Nam, cho toa thuốc Bắc" để "bắt mạch và bốc thuốc" cho độc giả mạnh thêm uống bổ gân, sáng mắt để đọc báo

Viên Giác! Lỡ có bị cận thị hay mắt đã lão thì đã có mấy vị bác sĩ nhãn khoa lo cho cặp mắt kiến chính hiệu "Brille Fielmann" thường hay quảng cáo trên đài truyền hình. (Nói nhỏ cho quý độc giả nghe, cũng nhờ quý vị than thở báo Viên Giác mỏi mắt quá, nên Thầy Chủ nhiệm đã bắt đầu cho in chữ lớn hơn một tí rồi đó nha!).

Riêng phần chăm lo sức khỏe cho quý đạo hữu xa gần thì đã có hai vị "lang tây" thủ thiết có bằng cấp chánh hiệu con nai vàng hẳn hoi. Người khám bệnh là *Bác sĩ Trương Ngọc Thanh* và người bán thuốc là *Dược sĩ Trương Thị Mỹ Hà*. Cả hai đều ở Minden / Đức, nhưng tôi chưa có dịp gặp.

Vị cao niên nhất trong Ban Biên Tập là bác *Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu*, 78 tuổi, ở Karlsruhe.

Bác Thiện Nghĩa nguyên là Dược Sĩ học tại Pháp, sau khi ty nạn tại Đức bác học lấy lại bằng tương đương. Nói về việc học thì không ai bằng bác và bác gái là *Diệu Huệ*, cũng đã gần 70. Cả hai theo học đều đặn các khóa Giáo Lý Âu Châu từ bậc sơ cấp cho đến hết bậc cao cấp. Nhờ thừa hưởng sự uyên bác của cụ ông là nhà học giả *Đào Trọng Đù* và nhờ tu học được triết lý uyên thâm của đạo Phật, bác Thiện Nghĩa đã viết những bài suy luận, đối chiếu giữa triết luận tôn giáo và khoa học, vận dụng triết lý Phật Giáo để soi rọi những vấn đề nội tại hay tâm linh...

Có lần xuống nhà thăm hai bác, bác Diệu Huệ - cũng thường viết những bài về vấn đề tu học và tu thân cho Viên Giác, đặt vấn đề có nhiều chuyện đời, chuyện tình trên tờ báo đạo. Báo Viên Giác là tờ báo cả đạo lẫn đời. Nếu chỉ thuần túy là tờ báo đạo của một cố quan truyền giáo, thì chắc hẳn Viên Giác cũng khó lỏi cuốn và được sự mến mộ của độc giả về nội dung lẫn hình thức! Giờ chắc bác cảm thông tại sao cần có sự cân bằng giữa đạo và đời bởi độc giả là người trần tục, là cư sĩ chứ không phải là tu sĩ, và số báo Viên Giác đã lên đến con số 4500 số mỗi kỳ!

Vị lớn tuổi thứ nhì là chú Năm tức là *Thị Tâm Ngô Văn Phát*, cựu



Thị Tâm Ngô Văn Phát

Trung Tá Quân Lực VNCH. Ngay từ khi đến định cư tại Hannover, Đức Quốc vào năm 1983, nơi tọa lạc của ngôi chùa Viên Giác, chú Năm đã đem hết khả năng hành chánh của mình để điều hành văn phòng của chùa. Nhìn bên ngoài, thấy công việc chẳng có gì, nhưng thực tế vẫn muôn ngàn việc. Nếu không có tinh thần làm việc theo lối "đa năng, đa hiệu" của Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt mà chú Năm đã thụ huấn hay hành xử đúng theo khẩu hiệu "Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm" của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mà chỉ quan niệm "làm việc chùa" làm thiện nguyện hay làm công quả tối thiểu thì thôi, mà sau này lại có thêm từ mới là "làm tà tà theo lối Xã Hội Chủ Nghĩa", thì e rằng công việc chùa cũng trì trệ nhiều.

Với khả năng, tinh thần trách nhiệm và nhất là có nhiều đạo tâm, chú Năm được bầu làm Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại CHLB Đức liên tiếp từ mấy nhiệm kỳ từ năm 1986 cho đến bây giờ.

Chú đến với tờ báo Viên Giác trong loạt bài hồi ký "Tôi Đi Học Tập Cải Tạo" dưới bút hiệu *Tích Cốc* từ Viên Giác số 27 tháng 6.85 cho đến Viên Giác số 50 tháng 4.89. Loạt bài này cũng gây xúc động cho nhiều độc giả- nhất là những người từ trước đến nay chưa biết hay chưa tin vào những việc làm tàn bạo vô nhân của chế độ cộng sản Việt Nam! Ngoài ra chú Năm còn đặc trách mục Thể Thao với bút hiệu khác là *Người Giám Biên* và khi viết một số tin tức thể giới thì lấy tên là *Người Quan Sát*. Hiện nay chú Năm được cử làm Quản Lý Tòa Soạn. Công việc của chú lại bề bộn thêm.

Nhân nói về đạo tâm, dĩ nhiên đa số Phật Tử ai cũng sẵn lòng phát Bồ Đề tâm, nhưng tôi muốn nhắc đến anh **Thiện Căn Phạm Hồng Sáu** và chị **Hồng Nhiên**. Cùng lứa tuổi với tôi, có thể ở xa chùa hơn tôi, cả hai cùng bận rộn sinh kế, nhưng trong các kỳ Đại lễ Phật Đản, Vu Lan hay cả Tết Nguyên Đán anh chị cũng lấy những ngày nghỉ hè (Urlaub) để đến làm công quả. Cũng đã hơn mười mấy năm trước đây, tôi vẫn thường gặp anh nhể nhại mồ hôi trong "khâu" nhà bếp, chị làm không hở tay trong "khâu" phát hành thức ăn. Có lẽ chỉ có lúc khi tôi đi nhận thức ăn, chúng tôi mới có dịp chào nhau "A Di Đà Phật", rồi phải đi chuyển ngay theo lối "XHCN - xếp hàng cả ngày" để cho các đạo hữu khác nhận thức ăn. Không ai có quyền "đắp mồ" gây trở ngại lưu thông trong các buổi "ngọ trai" hay cơm chiều!

Tôi còn gặp anh Thiện Căn PHS trong những buổi họp bất thường cách đây đã hơn mười mấy năm tại Chùa Viên Giác để chuẩn bị thành lập Gia Đình Phật Tử. Anh là một cựu Huynh Trưởng, còn tôi là Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử Hamburg.



Trần Thị Nhật Hưng (đứng giữa) trong buổi sinh hoạt văn hóa ngày 1.6.1996

Theo nội dung của loạt bài hồi ký "*Một Chuyến Đi*" đăng trên Viên Giác, anh là cựu Đại Ủy Hải Quân, lái tàu chiến tử Quảng Nam, vì "cấp bến tàu" ở Mỹ Tho, nên anh cũng "cấp bến tình" nơi đây cho đỡ cô đơn cuộc đời lênh đênh hồ hải "lắc lư con tàu đi"!

Anh Thiện Căn PHS và chị Hồng Nhiên đến với tờ báo Viên Giác cũng đã lâu, cũng được gọi là kỳ cựu. Là một Huynh Trưởng, anh giữ **Trang Gia Đình Phật Tử** là đúng tần số rồi. Còn chị Hồng Nhiên giữ **Trang Hoa Phượng** là đúng với năng khiếu của người mẹ chăm lo đàn trẻ.

Trang Hoa Phượng trước đây là Trang Thiếu Nhi, khởi đầu do Nguyễn Tử Vân tức là nhà văn Vũ Nam phụ trách, sau đó chuyển qua cho chị Tâm Bạch Trần Huyền Đan, cũng là một Huynh Trưởng GDPT. Bây giờ do chị Hồng Nhiên phụ trách với sự tăng cường của Bé Ngọc (Huy Giang) và bác Thanh Bình ở Genève, Thụy Sĩ. Từ đó Trang Hoa Phượng khởi sắc, phát triển thật mạnh và có nhiều mầm non đóng góp.

Về **Huy Giang** cũng như một số nhà thơ khác như Đan Hà (Đức), Hoài Việt, Vân Nường LNC (Pháp), Hà Huyền Chi, Tuệ Mai (Hoa Kỳ), Phượng Hà (Vương Quốc Bỉ) sẽ được đề cập trong mục Vườn Thơ Viên Giác cũng trong số báo này.



Lâm Thị Yến Nga

Bác **Thanh Bình** cũng là một nhà thơ đã xuất hiện khá đều trên Viên Giác từ mười năm nay. Thơ của bác thường viết về tinh tú dân tộc và về những ưu tú khắc khoải của người tha hương. Từ hồi liên lạc với bác bằng thư tử, tôi biết được sự quan tâm của bác về sự tồn vong của nền văn hóa Việt Nam đối với tuổi trẻ trưởng thành hay được sinh trưởng ở hải ngoại. Được sự đồng ý của Thầy Chủ nhiệm, tôi đề nghị chị Hồng Nhiên tiếp xúc và mời bác cộng tác với Trang Hoa Phượng.

Tôi biết bác là người Phật Tử thuần thành, có nhiều đạo tâm, tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn thường kính kệ tu học. Bác là người khiêm tốn và khiêm nhượng như theo lối bác viết trong thư, bác không muốn tiết lộ danh tánh. Xin tuân ý bác và xin bạn đọc thông cảm.

Những vấn hữu ở xa tạt Canada, có thể coi như đã cộng tác với báo Viên Giác trường kỳ là nhà văn **Lê Thị Bạch Nga**, Dược Sĩ, với loạt bài *Lá Thư Bắc Mỹ* từ Viên Giác số 31 tháng 2.86, mà đúng hơn là chị đem những điều đã tu học để áp dụng vào đời sống thường nhật cốt mang lại cuộc sống an nhiên tự tại và hạnh phúc bất diệt cho con người.

Chị viết thư khen Phật Tử ở Đức chuyên cần giới giang tu học nhờ được gần quý Thầy, quý Cô. Lời khen của chị làm tôi nhột quá, bởi chẳng ai biết mình bằng mình! Tôi cũng muốn viết thư xin chị là "*ai can dư*" thư tử thì thăm hỏi nhau về sức khỏe là đủ rồi, xin chị đừng khen. Có thể tôi tự trấn an là mình cũng xem xêm như người khác, "mình không giỏi bằng ai, nhưng cũng không ai dở bằng mình là ngon cơm rồi"! Chị đã viết hai tác phẩm: *Đạo Và Đời*, Viên Giác xb.1990 và *Nắng Mới* tái bản năm 1994; *Chiếc Lá Của Rừng Cây* tức là *Đạo Và Đời II*, Viên Giác xb.1994.

Trong lời tựa của cuốn I khi được tái bản, chị viết:

"*Sáng hôm nay hồn tôi như lụa trắng*"... *Đời người một trăm năm có dài hơn 24 giờ thật. Nhưng sự chuyển đổi có khác gì nhau đâu? Cũng từ sinh qua diệt, từ sạch qua dơ...*

Mỗi người trong chúng ta đều có một mảnh lụa.

Mỗi người trong chúng ta đều có một dòng sông trong mát cận kề đầu đay.

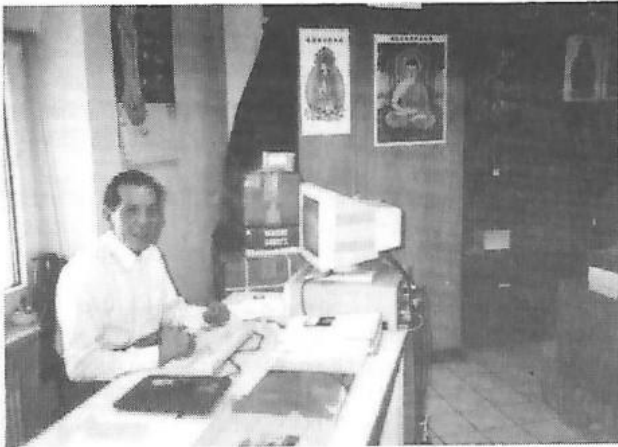
Lần này tôi mời bạn đem lụa đi ngâm dòng nước mát. Bạn sẽ thấy rằng giặt lụa là giặt lụa cũng như sống là sống, ăn là ăn, thở là thở từng phút từng giờ. Còn sạch dơ, sinh diệt là ý niệm, giống như là ý niệm xấu đẹp, cao thấp, vui khổ, địa ngục thiên đàng, phiền não niết bàn.

Ý niệm thì rất mơ hồ, khó nắm bắt, nhưng bạn hãy nhìn xem dòng sông đời trước mặt, hiện thực và đẹp làm sao với giặt lụa tâm hồn đang trải mình trên sóng nước.

Và như vậy đời sống qua nhiệm màu".

Cảm ơn chị Bạch Nga, những số báo tôi sẽ đọc bài của chị kỹ hơn để có thể cảm nhận rằng mình đang được tắm trong dòng sông đời trên giải lụa hạnh phúc.

Cũng ở Canada còn có anh **Phạm Thăng**, nhà văn-nhà báo-họa sĩ kỳ cựu thuộc nhóm ký giả báo Tiếng Chuông tại Sài Gòn trước năm 1975. Anh phụ trách mục Xóm Cũ trên báo Làng Văn tại Canada dù vậy anh cũng dành nhiều thì giờ đến với Viên Giác bằng những họa phẩm và bài viết. Bài "Ám Vang Trên Dòng Sông Cửu Long" của anh đăng trên Viên Giác số 46 để kính nhớ về mẹ hiền trong dịp Lễ Vu Lan tháng 8.1988 đã gây cho những xúc động về những kỷ niệm của tôi ở vùng Hậu Giang



Lương Hiền Sanh

trong những tháng ngày tôi lênh đênh sông nước trong những kỳ đi tập sự để thực hiện cái luận án về rừng tràm, rừng đước Hậu Giang vào những năm 1962, 1963.

Lần đầu tiên gặp anh Phạm Thăng trong dịp Lễ Phật Đản năm 1990. Khi anh chị từ Canada sang hành hương và giới thiệu cuốn "Tiền Tệ Việt Nam" của anh do Viên Giác xb.1990. Cuốn sách này phát hành nhanh nhất, vì chỉ vài tháng sau tôi quay quắt tìm mãi không ra, đành "thình" luôn cuốn sách mẫu tại Bảo Quang Ni Tự Hamburg để gởi cho ông anh văn nghệ Thái Văn Kiểm tại Paris, vì ngay nhà xuất bản Viên Giác cũng đã hết trội!

Trong căn lều cạnh chùa, tôi có trình bày với anh về chuyện Thầy chủ nhiệm giao cho tôi thực hiện cuốn Tuyển Tập Thơ Viên Giác. Tôi đã chuẩn bị xong, chỉ còn tẩm bìa và dè dặt ngó ý nhờ anh vẽ giúp. Tôi không ngờ anh lại rất hoan hỷ nhận lời và hỏi tôi muốn vẽ gì. Tôi gợi ý nhờ anh vẽ bông hồng (vì sẽ phát hành trong dịp lễ Vu Lan tháng 8.90), bánh xe pháp luân hay bát chánh đạo (biểu tượng của Phật Giáo), chim bồ câu (biểu tượng của hòa bình). Một tháng, sau khi anh chị trở lại Canada, anh gởi sang tẩm hình bìa đầy đủ ý nghĩa như tôi đã yêu cầu. Ngoài ra anh còn trình bày bìa cho cuốn sách Bên Dòng Sông Donau của Vũ Nam, Đạo và Đời của Lê Thị Bạch Nga và Viên Giác còn in tác phẩm Cô Sáu Tân Qui của anh.

Cùng nghề nghiệp cũ của tôi, ở Canada còn có nhà văn **Nguyễn Văn Ba** cũng đã đến rất đều và từ lâu với tờ báo Viên Giác. Nguyễn Văn Ba tên thật là Thái Minh Kiệt, bút hiệu khác là Một Sách, Phù Sa... sinh năm 1947 tại Sa Đéc.

Trước năm 1975: Nhân viên Giảng huấn tại Viện Đại Học Cần Thơ
Sau năm 1975: Chuyên viên Canh Nông, công tác tại Đại Học Saskatchewan, Canada.

Cộng tác với hầu hết các báo chí Việt ngữ ở Canada, Mỹ, Úc và Âu Châu.

Tác phẩm đã xuất bản: *Làm Mai, Lãnh Nợ, Gác Cũ, Cầm Châu* (Phù Sa, 1988); *Phận Đàn Bà* (Bình Minh, 1990); *Thành Đô Gió Bụi* (Bình Minh, 1991); *Cây Trái Quê Minh* (Bình Minh, 1992); *Tự Truyện* (Đại Nam, 1995).

Cách đây mấy năm, trong lần đi Âu Châu, vừa du lịch vừa thăm bạn hữu và ra mắt sách, anh đến Đức ở Reutlingen, thăm Thầy, viếng Chùa Viên Giác và điện thoại cho tôi không thể đến Hamburg như đã hẹn. Tôi không ngạc nhiên, vì trước đây nhà thơ Hà Huyền Chi cũng bị kẹt chân ở Dortmund mà không lên chơi Hamburg như đã báo trước. Hamburg là thành phố cảng, chỉ để đón người đến, tiễn người đi chứ không thể giữ người ở lại. Từ Hannover anh Nguyễn Văn Ba đổi hướng đi Berlin để viếng thăm mảnh nhỏ di tích lịch sử cũ của bức tường ô nhục ngăn chia hai miền Đông-Tây Đức trước đây và cuối cùng anh bay tuốt về Canada vì đã hết thời giờ nghỉ hè.

Sau đó nghe tin anh bị trọng bệnh nằm liệt giường, theo thư của anh, tưởng đã bán thân bất toại. Nhưng anh là người có ý chí, nên anh đã cố tập đi chuyển. Thú anh viết cho tôi hoặc vài ba dòng khổ khăn bằng tay trái hoặc viết bằng máy điện toán. Thú không dài nhưng tình cảm chan chứa.

Ngoài ra, tại Canada còn có anh **Nguyễn Minh Khánh** viết truyện ngắn rất đều tay đăng liên tiếp trong mấy số báo mỗi nhất của Viên Giác.

Tại Hoa Kỳ, người mà tôi thường liên lạc là nhà văn **Nguyễn Tấn Hưng** - là một người tài hoa về văn-thơ-nhạc, tôi gọi anh là "Ông Một" bởi tên của những tác phẩm của anh đều được khởi đầu bằng chữ "Một"; ví dụ như về văn: *Một đời để học; Một thuở làm Trùm, Một chuyến ra khơi, Một cảnh hai quê, Một kỷ niệm đẹp; Một lần xuống núi...*; về thơ: *Một thoáng trong thơ; Một thoáng trong mơ; Một thoáng hồng hờ.*

"Ông Một" sinh năm 1945 tại quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Cựu học sinh trường Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho. Sĩ Quan Hải Quân khóa 17 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang. Vượt biên qua Mỹ học trở lại vì "Một đời để học" lấy cái bằng Master ở North Carolina A & T State.

Cách đây vài năm, "Ông Một" có kéo cái remorque là chị **Hồng Lan** sang Paris, có "hú" tôi sang chơi, nhưng vì bề bộn công việc nên không sang thăm được. Nghe đâu anh chị em bạn trẻ tụ họp ở nhà Bình Phương đàn ca xuống hát vui nhộn làm sao. Tiếc thật. Biết bao giờ gặp nhau đây?

"Ông Một" Nguyễn Tấn Hưng viết cho báo Viên Giác cũng đã vài năm nay, rất đều, nhất là vào lúc cuối mỗi năm, báo Viên Giác chạy số báo Xuân thì tôi lại có thú thúc giục, bằng không sợ anh quên mất!

Chị **Hồng Lan** cũng là một nhà thơ nữa đó nha. Trước đây chị viết văn lai rai, không ngờ anh chị lại gởi cho tôi một phần bản thảo tập thơ của chị với tựa đề: "Thơ Hồng Lan" cùng với "Ông Một": *Một Thoáng Trong Thơ và Một Thoáng Hồng Hờ*. Viên Giác số tới sẽ giới thiệu với độc giả trên Vườn Thơ Viên Giác.



Như Thân Hà Phước Nhuận

Ngoài ra còn có nhiều nhà thơ, nhà văn, khảo cứu viết đều cho Viên Giác mà rất tiếc tôi chưa có duyên gặp gỡ hay trao đổi thư từ, ví dụ như: **Giáo sư Đoàn Văn Thông, Bác sĩ Phan Quang Đán, Tâm Trạng Ngô Trọng Anh, Thầy Thích hạnh Tuấn, Lê Doãn Kim, Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, Nhà thơ Thái Tú Hạp, Nguyễn Việt Nữ, Phật Tử Diệu Thái...**

Trở về Pháp, vị đàn anh trên văn đoàn đã nhận tôi làm "tiểu đệ" là **Hương Giang Thái Văn Kiểm**, những năm sau này cũng viết bài rất đều cho báo Viên Giác mặc dù tôi biết ông anh đang bận rộn nhiều về những công trình nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Để giữ tính trung thực, tôi xin phép trích phần giới thiệu của Giáo Sư Nguyễn Châu đăng trong TTTD Magazine số 604 ngày 23.2.97 tại San José, Hoa Kỳ khi giới thiệu hai tác phẩm mới nhất: "Hương Giang Thái Văn Kiểm, người góp phần đưa ngành Việt học lên tầm vóc Quốc tế" với phần mở đầu:



Thiện Như Nguyễn Việt Bình đang lên bản kẽm của những trang báo Viên Giác

"Rất nhiều người Việt Nam biết ông Thái Văn Kiểm là một nhà nghiên cứu văn hóa dân tộc, một học giả có thẩm quyền trong lãnh vực khảo luận văn học hơn là một vị Đốc sự Hành Chánh tài năng, một Giám Đốc Nha Thông Tin Trung Phần, hay một ông Tỉnh Trưởng tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận trong thập niên 1950.

Thật vậy, sự nghiệp văn hóa của Hương Giang Thái Văn Kiểm đã lớn đến nỗi làm lu mờ sự nghiệp Hành Chánh mà ông từng là một viên chức ưu tú. Sự nghiệp văn hóa của ông đã khá rạng rỡ trên thủ đô ánh sáng của Pháp quốc. Người Pháp đã thừa nhận một cách trang trọng và đánh giá ông Thái Văn Kiểm rất cao. Năm 1977 tại Montréal, Canada, ông đã đoạt giải Cosmos hạng nhất với cuốn "Au Pays du Nénuphar" (Quê hương của loài hoa súng) và năm 1982 tại thủ đô Paris, ông Thái Văn Kiểm đã vinh dự nhận huy chương Hàn Lâm Viện Pháp Quốc vì các công trình nghiên cứu, biên khảo và hai luận án Tiến sĩ về Việt Nam và Đông Phương "...

Tại Paris cũng phải nhắc đến **Bác Sĩ Trần Đại Sỹ**, tức là nhà văn, nhà biên khảo Yên Tử Cú Sĩ. Anh viết những bộ truyện trường thiên dã sử có tiếng tăm đã được giới thiệu trên báo Viên Giác số 97 tháng 2.97.

Tôi gặp anh lần đầu trong kỳ Đại Hội Văn Bút Âu Châu tháng 2.1992 và lần sau trong kỳ Đại Hội tháng 4.1994, anh bảo tôi bị hạn tam tai. Tôi cười, không tin. Những sự việc lại xảy ra y như anh đã đoán. Phục thật!

Gửi bài cho báo Viên Giác, anh không quên viết thư cho tôi. Thư mới nhất có đoạn: "... Dù gì chăng nữa, tôi cũng xin chúc mừng anh, vì đã trả được món nợ nó đã đeo đẳng anh từ bao nhiêu kiếp. Kể từ mùa xuân này là tạm hết. Còn lời, thì chín năm nữa mới phải trả. Và lại anh cũng có nhiều tội lắm. Dường như trong kinh Phật có nói: Hòn người là một cái tội. Cái tội thứ nhất của anh là làm thơ mùi, được nhiều đấng má đào hâm mộ. Chủ viết tiểu thuyết đâm chém nhau như tôi thì không có người đẹp nào hâm mộ, nên quý A-tu-la ít chiếu cố. Cái tội thứ nhì của anh là làm việc cho nhà chùa. Trong chùa, Thầy đi tu rồi, thì ma quý hết đời nợ, hết kiếm chuyện, vì vậy ma quý phải hỏi thăm sức khỏe của anh..."

Tôi thích cái lối văn trần tục của Yên Tử Cú Sĩ, nhưng nó lại không hợp với tờ báo đạo, nên đành nhờ anh giới cho những bài khảo cứu. Những bài này lại cần thiết cho tờ báo.

Dù mới viết cho Viên Giác cách đây không lâu những bài truyện ký và biên khảo, nhưng tôi cũng cần nhắc đến nhà văn Mạnh Bích. **Mạnh**

Bích Nguyễn Mạnh Yên sinh năm 1929 tại Thừa Thiên, Cử Nhân Giáo Khoa Văn Chương Pháp, Cao Học Văn Minh Pháp.

Anh đã soạn xong nhiều tác phẩm và vừa rồi anh điện thoại cho biết, anh đang đi liên lạc với các nhà in để có thể sẽ lần lượt cho xuất bản, bằng Việt ngữ như: *Lá Rụng, Dòng Sông Trầm Lặng, Viết Cho Con* (tạp luận về đạo lý - dịch thuật), *Những Tâm Hồn Nổi Loạn* (tạp luận giáo dục) và bằng Pháp ngữ như: *Comment tuer un Président* (dịch thuật), *La rivière tranquille, Dictionnaire des expressions usuelles française*.

Tôi gặp anh Mạnh Bích qua giới thiệu của anh Hoài Việt trong một buổi sinh hoạt văn hóa tại vùng Villebon Sur Yvette vào đầu tháng 8 năm 1995. Có lẽ cùng là người đồng hương, thêm với tính tình trầm lặng, bản chất hiền hòa nên chúng tôi dễ cảm thông và gần gũi nhau hơn.

Xa Paris khoảng 400 cây số, ở Trévoux là nơi định cư của anh **Nguyễn Thùy**- nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng. Tôi liên lạc được với anh qua sự giới thiệu của Giáo Sư Vũ Kỳ (Giáo Sư Vũ Kỳ là thầy cũ của Bùi Giáng, Tạ Kỳ và Nguyễn Thùy, nhưng ông chỉ nhận mình là người anh lớn mà thôi) vào đầu năm 1994 khi tôi chuẩn bị in tập thơ *Ngoài Xa Dấu Chân Mây*. Tôi gửi bản thảo để nhờ anh viết cho bài Bạt. Do nhân duyên này chúng tôi thư từ liên lạc với nhau và anh cũng dành thì giờ viết cho báo Viên Giác từ đó.

Anh **Nguyễn Thùy** xuất thân từ Quận Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, là con của một nhà nho cách mạng vốn đồng hương với nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, nên thơ văn của anh đều mang chở tâm lòng trung trinh với quê hương dân tộc và lễ Đạo.

Thơ của anh, lời nghe rất tình, nhưng ý thơ hàm chứa nhiều tư tưởng. Thơ của anh, ngôn từ nghe rất lãng mạn, cũng những "Anh và Em", nhưng "Anh và Em" đó là quê hương, dân tộc, đạo giáo được nhân cách hóa. Thơ của anh còn dễ cảm nhận khi ta biết luôn tâm tư tình cảm của mình vào chốn sâu thẳm của tâm hồn người thơ. Từ đó ta có thể bắt gặp được nguồn khởi của tư duy, của những ý tưởng siêu việt hóa.

Ngược lại, phần lớn những tác phẩm của riêng anh, hay cùng viết chung với Trần Minh Xuân hay với Huy Phong chứa đựng nhiều triết lý cao siêu, mới lạ, khác người nên rất kén độc giả. Điều đó chính anh cũng biết, nhưng anh quan niệm khi đã "lập thuyết" thì phải phổ biến, phải viết - không phải viết cho hôm nay mà viết cho mai hậu...



Thiện Lai Lê Thanh Tùng đang "vật lộn" với cái máy in cũ

Tôi tưởng cuối năm vừa qua, anh xin được về hữu sớm để có thì giờ thăm anh em bạn hữu một vòng và sau đó dồn nỗ lực viết hai tác phẩm lớn về tư tưởng. Anh cho biết đó là: "Tôi hiểu Chúa, Tôi hiểu Phật" mà anh nói rằng: "... Chẳng qua hai ông Phật, Chúa "xúi dại" tôi tự đẩy đọa vào việc viết lách, vào "lập thuyết" chứ tôi chẳng bao giờ dám điên rồ làm một công việc quá sức mình. Tuy nhiên cũng cảm tạ Chúa, Phật đã soi sáng cho tôi, nhưng đôi lúc lúng túng trong việc viết lách (vì hiểu biết của tôi rất giới hạn) nên cũng hờn mát hai Ngài chút đỉnh. Thật ra tôi là một kẻ thất học mà hai Ngài cứ bắt tôi trầm tư về lời của hai Ngài, về ý nghĩa cuộc sống, cuộc đời nên cứ viết mãi mà không hết chuyện viết..."

Những tác phẩm của Nguyễn Thùy đã xuất bản: *Ngụ Ngôn và Trùng Ngôn, Mây Rồng, Bình Minh Không Trong Tượng Số*.

Viết chung với Trần Minh Xuân: *Nhân Loại Mới I, II; Tinh Thần Việt Nam; Việt Nam và Thế Giới; Đoạn Trường Tân Thanh Tiếng Vui Trong Lời Buồn.*

Viết chung với Huy Phong: *Giảng Luận Ca Dao- Dân Ca; Cánh Chim Huyền Thoại; Thơ Gởi Thượng Đế và Đời Người; Sao Mát; Thơ Gởi Người Em Không Tên.*

Ngoài ra tại Pháp còn có Cử si Đông Phương Mai Lý Cang đã cộng tác rất lâu với Viên Giác. Lão thi hữu An Lai Thôn Nữ nay trở thành một tu sĩ. Năm 1991, chùa Viên Giác cũng đã in cho An Lai Thôn Nữ và Châu Khuê tập thơ "Giọt Nước Sông Hương". Đạo Hữu Pháp Nguyên Nguyễn Đức Hoàn thường làm thơ Đường Luật gởi đều đều cho mỗi kỳ báo dù bài anh có được đăng hay không cũng vậy.

Tại Bruxelles, thủ phủ của Vương Quốc Bỉ là nơi Giáo Sư Vũ Kỳ tạm nương thân trong khi tấm lòng vẫn luôn khắc khoải về vận mệnh của đất nước, về nền văn hóa dân tộc, bởi Giáo Sư Vũ Kỳ vừa là nhà văn, nhà báo, vừa là nhà cách mạng đã nhiều lần vào tù ra khám dưới nhiều chế độ.

Trước năm 1975, giới sinh viên học sinh, giới văn nghệ sĩ trí thức, ít nhiều đều có nghe đến tên tuổi hay đọc các tác phẩm văn học của Giáo Sư Vũ Kỳ.

tôi đảm trách phần Văn Nghệ của tờ Viên Giác, nên tôi phải lo "chạy" bài - nhất là số báo Tết. Ấu cũng là nhân duyên cả!

Nơi đây còn có "Người Thợ Áo Trắng" là Bác Sĩ Hoàng Ngọc Quỳnh Giao. Người Nữ Y Sĩ dù hằng ngày bận rộn với bệnh nhân nhưng vẫn dành thì giờ cho những vần thơ viễn mộng. Thơ của Hoàng Ngọc Quỳnh Giao đã nhiều lần xuất hiện trên Viên Giác và trong mục Vườn Thơ Viên Giác, chưa kể chị cũng viết những tiểu luận văn học có giá trị.

Tại Hòa Lan có Giáo Sư Lê Văn Quới phụ trách Trang Khoa Học.

Tại Đan Mạch có Giáo Sư Đặng Văn Nhâm cũng viết bài cho báo Viên Giác khoảng từ năm 1990 cho đến năm 1994. Chùa Viên Giác cũng in và tái bản cuốn Tự Điển Đan Việt (1990, 1994) và cuốn *Nữ Nhân Ngụ*, dịch từ 13 truyện ngắn của đại văn hào H.C. Anderson (1992).

Trong chuyến hành hương Bắc Âu năm 1990 của phái đoàn Trung Cao Niên tại Bỉ, qua anh Nguyễn Ang Ca, tôi và Giáo Sư Đặng Văn Nhâm quen biết nhau. Từ đó mỗi lần Giáo Sư Nhâm đi Âu Châu đều ghé qua tôi thủ tục nghỉ ngơi, hoặc vài lần đi Bắc Âu tôi cũng ghé thăm gia đình Giáo Sư Nhâm. Giao tình như chén nước đầy, cho mãi đến sau khi họp Đại Hội Văn Bút Âu Châu tháng 4. 94 tại Strasbourg thì đổ vỡ...

Có những chuyện đay đũa, những mối duyên văn nghệ tình cờ đến



Thiện Lai Lê Thanh Tùng đang đóng báo



Các Anh chị em làm "công quả" đang kiểm và xếp báo

Sau năm 1975, định cư tại Vương Quốc Bỉ, Giáo Sư Vũ Kỳ vẫn tiếp tục đấu tranh với chế cộng sản, vẫn tiếp tục sáng tác, vẫn tiếp tục viết cho hầu hết báo chí Việt Ngữ ở hải ngoại. Giới trí thức ngoại quốc Bỉ, Pháp, Anh cũng đã biết đến tên tuổi của ông qua những buổi thuyết trình hay những bài báo song ngữ, hay qua những hoạt động văn hóa của ông.

Ông Vũ Kỳ là Giáo Sư Giám Khảo Viện Tú Tài Quốc Tế ở Londres và Genève, Hội Viên Hội các nhà văn ở Vương Quốc Bỉ, Hội Viên Học Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á (Viện Đại Học Yale Hoa Kỳ).

Các tác phẩm tiêu biểu: *Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn; Ấn Tượng Một Thời (1991); Truyện Ký (1994); Luận Cường Về Văn Hóa Việt Nam I và II (1995, 1996).*

Lần ra mắt và giới thiệu các tác phẩm của ông Vũ Kỳ vào tháng 6.97 vừa qua tại Hoa Kỳ rất thành công và được nhiều giới văn nghệ sĩ ủng hộ và báo giới nhiệt liệt tán tụng.

Giáo Sư là một tín hữu Thiên Chúa Giáo, nhưng lại có giao tình với Thượng Tọa Thích Như Điển, nên ông viết rất đều và rất nhiều cho báo Viên Giác.

Đến nay tôi không còn nhớ là lần đầu tiên và lúc nào tôi đã liên lạc với Giáo Sư Vũ Kỳ. Tôi cũng chẳng biết do nhân duyên nào? Qua sự giới thiệu của cố kỹ giả Nguyễn Ang Ca, hay của Linh Mục Joan Nguyễn Hùng Lân hay của Thượng Tọa Thích Như Điển, bởi trong những năm trước đây

với tôi. Tôi chấp nhận một cách tự nhiên. Như ban đầu tôi đâu nghĩ mình viết báo; rồi cuối cùng cũng lẫn thân vào làng báo. Trước năm 1975 có ai ngờ mình phải sống cuộc đời tha hương; thế mà thế cuộc đời thay đổi mình trở thành trôi nổi. Tôi lấy cái bút hiệu Phú Văn cũng từ trong những nỗi niềm lang bạt như mây mà ra. Vui buồn, xấu tốt, đúng sai rồi cũng theo thời gian trôi qua, theo dòng đời đi vào quên lãng. Tôi cũng cố tập như vậy không để tâm trí mình vướng bận ở một nơi nào, một việc gì cho thêm bận lòng!

Tại Thụy Sĩ có Trần Thị Nhật Hưng, tác giả tập truyện *Giấc Mơ Xưa* (Viên Giác xb.1993). Khoảng năm 1993, khi tôi chuẩn bị thực hiện cuốn Đặc San Văn Bút Âu Châu số 2, Vũ Nam cho tôi địa chỉ của chị Nhật Hưng để liên lạc. Sau đó chúng tôi thường gặp nhau trong các kỳ Đại Lễ Phật Đán hay Vu Lan tại Chùa Viên Giác, hay trong các buổi giới thiệu các tác phẩm mới xuất bản hay ra mắt sách. Chị ấy nói lưu loát và cặp kiếng cận làm tăng thêm nét duyên dáng của chị.

Một buổi chiều rất tình cờ, tôi nhận được điện thoại của chị. Chị cho biết đang ở nhà ga xe lửa Hamburg, muốn đến thăm gia đình tôi trong thời gian anh chị chờ chuyến xe lửa trở về Thụy Sĩ sau khi "mãn" khóa Giáo Lý Âu Châu tại Đan Mạch. Tôi ra đón anh chị về nhà chơi và sau đó cho anh chị "cỡi ngựa xem hoa" thành phố cảng Hamburg trong vài tiếng đồng hồ phủ du. Tuy nhiên anh chị cũng được dịp thưởng thức "Nước Nhảy Đầm" (Wassertanz) theo những điệu nhạc cổ điển của nhiều quốc gia tại vườn hoa "Planten und Bloemen" mỗi tối từ 10 giờ đến 10

30 vào mùa hạ. Những vôi nước muôn màu phun lên, thẳng lên trời hay chia theo hình cánh cung, ngắn dài, cao thấp tùy theo cường độ âm thanh. Trông rất đẹp mắt.

Khi nghe kêu gọi đóng góp bài cho Viên Giác số 100 với vài nét giới thiệu về tác giả. Chị viết thư sang nói rằng "em có thành tích, công trạng chi đâu mà kê khai?". Chao ôi, vậy những công tác văn nghệ cho cộng đồng người Việt tại Thụy Sĩ, những sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử địa phương, hướng dẫn các em "Oanh Vũ" không đủ để kê khai hay sao. Và lại trong thư chị còn viết là chị "mê" theo học các khóa Giáo Lý và rù tôi theo học đạo, "vui lắm"!

Tại Thụy Sĩ còn có nhà thơ **Đồ Cao** và **Thanh Nguyên** cũng đã viết cho Viên Giác từ hơn 10 năm nay. Nhưng trong thời gian vừa qua chẳng còn nghe tin tức gì của hai lão thi hữu nữa.

Xa xôi nhất là Úc Châu. Có lẽ vì quá xa như vậy, nên đến bây giờ Thượng Tọa Chủ Nhiệm vẫn mong ngóng bài vở từ Úc của những cây bút quen thuộc với độc giả Viên Giác trong những loạt bài nghiên cứu Phật Giáo như **Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyên**, hay về thơ văn như **TS. Lâm Như Tạng**. Và ngay cả ông bạn phong sương của tôi là **Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa** cũng chưa gửi bài.

Cuối cùng là Đức Quốc, trụ xứ của những người phải chịu trận với buổi giá mùa đông. Trước tiên xin giới thiệu **Sứ Huynh Hà Đâu Đồng**, hiện làm việc tại bệnh viện tâm thần Alexianer Krankenhaus Muenster. Sứ Huynh cộng tác thơ văn với báo Viên Giác gần như từ lúc ban đầu. Điều đó chẳng có gì lạ, bởi vì Sứ Huynh trước đây du học ở Nhật Bản cùng thời với cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Viện Trưởng Viện Đại Học Đông Phương Los Angeles, Cali, Hoa Kỳ. Sứ huynh là người đã bắt nhịp cầu thông cảm giữa các tôn giáo, gieo tình huynh đệ giữa cộng đồng sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản và là người tâm giao với Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác.

Từ những thiện duyên đó, phái đoàn Linh Mục và Nữ Tu Việt Nam tại CHLB Đức lần đầu tiên đã đến thăm thân hữu chùa Viên Giác ngày 13.11.1982, gồm có: Sứ Huynh Hà Đâu Đồng, Linh Mục Huỳnh Văn Lộ, LM. Nguyễn Trung Điểm, LM. Nguyễn Đình Tuyển, LM. Nguyễn Thế Hiến, LM. Hồ Ngọc Thịnh và các Nữ Tu Hiền, Nữ Tu Phượng, Nữ Tu Tuyển, Nữ Tu Uyên.

Có lẽ tôi quen với Sứ Huynh Hà Đâu Đồng trong một dịp sinh hoạt văn hóa nào đó bởi Sứ Huynh thường cùng với Thượng Tọa Chủ Nhiệm thuyết trình về các đề tài tôn giáo hay văn học. Tôi cũng đã có dịp xuống thăm Sứ Huynh tại phòng riêng nằm trong bệnh viện, thăm nơi làm việc, phòng nghe nhạc êm dịu tình tự Việt Nam, phòng uống trà tinh tâm để tưởng nhớ về quê hương dân tộc.

Cũng tại Muenster còn có **B.Ph.** tức là Ông **Phạm Đức Bảo**, Giáo Sư Trường Quốc Học Huế, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Ngô Quyền Biên Hòa trong thập niên 60, là thầy cũ của tôi và của Dr. Tôn Thất Hứa. B.Ph là một tín hữu của Thiên Chúa Giáo cũng đã hoan hỷ cộng tác với báo Viên Giác và giữ mục chính trị, thời sự thế giới khoảng hơn một năm từ năm 1993, nhưng sau đó vì mất yếu, phải mổ, nên bác sĩ cấm đọc sách và viết lách.

Ngài ra, nói này còn có ông **Phan Hưng Nhơn** đã viết liên tục cho báo Viên Giác từ hơn mấy năm nay với những loạt bài biên khảo về quê hương, lịch sử và về những thắng tích, do đó độc giả ai cũng nghĩ rằng chắc hẳn ông Phan Hưng Nhơn trước đây làm việc trong Viện Bảo Tàng, nên mới có đủ những tài liệu hay dữ kiện để sưu khảo.

Nhưng mỗi đây khi ông viết thư trả lời cho tôi, tôi mới biết, trước đây ông là Giáo Sư Trung Học Đệ Nhất Cấp, thành viên Hội Khuyến Học. Trong thư có đoạn:

"... Năm tôi 15 tuổi, nhân một hôm ngồi học bài sử Việt về đoạn "Đế Minh cháu ba đời của Viêm Đế Thần Nông" thì ông nội tôi (nguyên trước đó là ngự y kiêm ngự sử của triều đại Thành Thái) ngồi nghe tôi học, than rằng: "Thực dân Pháp khi phổ biến sách sử thì nói tổ tiên ta là người

Gaulois, sách sử dựa theo Tàu thì nói dân ta là con cháu Thần Nông, kiểu này thì dân mình sẽ mồ cha không khóc mà đi khóc trước một đăm đất mới".

Câu đó ám ảnh tôi mãi, cho nên từ lúc trưởng thành tôi đã cố gắng tìm đọc các thư liệu trong cũng như ngoài nước, tìm đọc các báo cáo của Trường Bác Cổ Viễn Đông Hà Nội hoặc nhờ thầy dạy giới thiệu với các nhà khám quật để học hỏi. Nên gần 30 năm sau tôi mới hiểu câu nói của ông tôi. Việc đó giải thích vì sao tôi viết các bài nghiên cứu chuyên về đề tài sử học".

Tại vùng Thiên Sơn ở Dorsten là nơi ẩn dật của nhà thơ **Huyền Thanh Lữ**, cũng là nơi âm ỉ những ngọn lửa đấu tranh tự do dân chủ nhân quyền cho Việt Nam. Nhiều lần tôi xuống đó hay anh về thành phố cảng để tâm tình, lắm lúc thức gần trắng đêm. Anh là một nhà giáo mang nhiều tâm huyết với quê hương, nhiều quan tâm với nền văn hóa dân tộc. Dù thất thời lỡ vận theo mệnh nước nổi trôi, anh vẫn giữ được sĩ khí của một nhà nho, của một kẻ sĩ. Anh dành nhiều thì giờ cho tổ chức của anh, cho tờ báo của cơ quan mà anh làm chủ bút và cho việc soạn tuyển tập Đường Thi hay sách tự học Hán Văn... nên anh đến với Viên Giác cũng khá lâu hình như cũng bảy tám năm rồi, nhưng anh gửi bài bất thường, tuy nhiên số báo Xuân nào hầu như cũng phải có những nét chữ Hán bay bướm của anh để trang điểm cho tờ báo.

Xa hơn chút nữa tại thành phố Wuerzburg là chốn an cư của bạn tôi, "mệ" **Tôn Thất Hứa**, Bác sĩ hành nghề trong bệnh viện. Hồi năm sáu năm trước đây "mệ" gửi bản thảo cho tôi nhờ hiệu đính bài khảo cứu về Tôn Thất Thuyết- là "òn cổ, òn sò" gì đó của "mệ" nhằm minh oan cho "òn". Từ đó tôi bắt "mệ" viết cho Viên Giác luôn. "Mệ" than trời như bọng vì không có thì giờ, nhưng rồi cũng gửi bài lai rai. Có khi tôi quên nhắc nhở "thằng em" (tiếng của "mệ" xưng hô với tôi) thì "mệ" cũng già bộ phớt lờ!

Đến Reutligen, có anh **Phan Ngọc**, tức là Bác sĩ Phan Ngọc Minh, tín hữu Thiên Chúa Giáo, hiện phục vụ trong Viện Dưỡng Lão tại địa phương, phụ trách mục Tin Tức, Thời Sự Thế Giới cũng đã mấy năm rồi. Anh viết cũng nhuần nhuyễn, đầy đủ những tin sốt dẻo và lâu còn có vài bài tham luận chính trị tương đối cũng sắc bén.

Rồi quay về Frankfurt với **Giang Phúc Đông Sơn**. Xin nhờ các bạn thơ địa ở đó chỉ giúp tôi, có ngọn núi nào ở phía đông thành phố phi trường quốc tế này hay không, mà tên bạn

"ấm ở hội tề" của tôi lại dám lấy làm bút hiệu cho loạt bài "Tân Liêu Trai". Giang Phúc có phải là Frankfurt không? Biết đâu nay mai thành phố này lại mang tên Việt là Giang Phúc, như thành phố Hollywood có tên tiếng Việt là Hồ Ly Vọng, có ai cãi đâu. Tôi chỉ lấy một thí dụ thôi, vì ngay trong cái tên Việt của thành phố này đã có chữ "hồ ly" - một loại chồn tu luyện lâu năm thành tinh, ban đêm hóa thành người đẹp để đến bầu bạn an ủi các thư sinh. Trước đây bạn tôi cũng viết một tờ báo, nhiều thể loại với vài bút hiệu, nhưng không mấy thành công. Tinh cò tôi gặp lại, sau một thời gian khá lâu ngưng viết (tôi cứ tưởng là bạn tôi đã... gác bút giống như các hiệp sĩ chán chuyện giang hồ, gác kiếm để lui về ẩn dật). Nhắc lại chuyện cũ, tôi đề nghị anh thử viết những bài "Tân Liêu Trai" như ngày trước đã viết để bồi bác Bác và Đảng, nhưng giờ phải dựa trên triết thuyết Phật Giáo, lẽ huyền vi của đạo giáo để xây dựng cốt truyện. Sau đó anh viết bài gửi cho tôi đọc thử. Xem bản thảo bài đầu tiên, tôi thấy cũng "có lý" lắm, nhưng phải khuyến cáo và nhắc nhở bạn tôi là đang viết cho tờ báo đạo, đừng có "bựa ngôn" về những màn ái dục, vì không thể thoát được lưới dao kiếm duyệt sắc bén của Thầy Chủ Nhiệm.

Tại Stuttgart còn có **Huynh Trường Gia Đình Phật Tử** là **Thiện Hữu Trần Hữu Lộc**, có văn bằng kỹ sư, phiên dịch và thông dịch viên hữu thế, chuyên về tỵ nạn, di trú, nhập tịch, nên anh viết cho Viên Giác



Thiện Như Nguyễn Việt Bình đang cắt báo

"Những điều cần biết về ty nạn" dành riêng cho anh chị em tử Đông Âu.

Ngoài ra còn có Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, cũng như nữ tu sĩ Thị Nguyễn Wallstaeter, bây giờ là Thanh Hải Vô Thượng Sư cũng đã cộng tác rất nhiều bài thơ về đạo rất có giá trị trong những năm đầu của tờ Viên Giác. Tôi không dám giới thiệu nhiều, vì đối với các bậc tu sĩ, khi đã nung thân vào của Thiền thì đã gạt bỏ hết mọi chuyện đời, chỉ còn là "sắc sắc, không không". Thêm nữa là Tôn Nữ Chung Anh, Thụy Kim, Minh Trang, Trà Giang Nguyễn Phổ Đức cộng tác trong những năm đầu của báo Viên Giác.

Còn một vị nữa mà tôi không thể hay không muốn giới thiệu. Và nếu có giới thiệu cũng bằng thừa vì lắm lúc quý vị còn biết rành rẽ hơn tôi vì tên tuổi của người gắn liền với ngôi đại tự, với hệ thống tổ chức chặt chẽ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại CHLB Đức, với những đệ tử chân truyền có khả năng và đức độ đang làm rạng danh nền văn hóa Phật Giáo ở xứ người. Thêm một lý do nữa mà tôi không muốn giới thiệu vì vị đó là ... ông Thầy Chủ Nhiệm của tờ báo!



Sách báo sẽ không hình thành, không đến tay bạn đọc được nếu không có những thành viên quan trọng khác, nhưng lại đóng góp âm thầm công sức trong việc duy trì hay phát huy văn hóa Việt Nam, văn hóa Phật Giáo.

Dịp này tôi xin trân trọng giới thiệu với độc giả những gương mặt thân thiết của Ban Kỹ Thuật và Ấn Loát của Tòa Soạn báo Viên Giác.

Ngoài chú Năm như đã trình nói trên, tôi muốn nhắc đến một người phục vụ cho chùa Viên Giác thủy chung nhất, bền bỉ nhất: đó là chị Nga. Chị là người có trình độ, ít ra chị cũng giỏi tiếng Pháp nhưng chị là người kín đáo và khiêm nhường nên rất ít người biết đến khả năng của chị. Phật Tử, Đạo hữu đến chùa cứ gọi chị Nga; ít ai biết họ của chị. Thế nên có lần chị ngạc nhiên khi tôi biết chị là Lâm Yến Nga.

Khoảng từ năm 1983 chị đến làm công nhân cho chùa, mặc dù chị là người "có Đạo", sau đó chị đảm trách công việc văn phòng, đánh máy các văn kiện hành chánh, tài chánh... và đánh máy nguyên cả tờ báo Viên Giác. Chẳng hiểu chị có bằng đánh máy chữ hay không mà chị đánh máy thật nhanh.

Sau này có anh Lương Hiền

Sanh, chồng chị Nga đỡ đầu cho chị một tay. Đó là điều dĩ nhiên. Tuy nhiên anh chỉ gánh phần công việc "nhẹ hều" là đánh máy tờ báo Viên Giác. Mỗi số báo 100 trang (chưa kể số báo Xuân đến 200 trang) chữ li ti nhỏ hơn con kiến và các sách do chùa xuất bản. Vừa dứt số báo này là phải lai rai đánh máy cho số báo kế tiếp. Cứ vậy mà ngày qua ngày, anh tu luyện "gỗ công" computer đến mức thượng thừa, nhanh và hầu như không thiếu sót.

Được biết anh Lương Hiền Sanh, gốc Long Mỹ, Rạch Giá. Từ năm 1952 đến 1975 là Sĩ Quan QLVNCH, ngành Tổng Quản Trị, phục vụ tại các Bộ Tư Lệnh Đệ Nhất Quân Khu, Quân Khu Thủ Đức và Biệt Khu Thủ Đức (Phòng Tổng Quản Trị). Từ năm 1975 đến 1979, đi tù cải tạo. Tháng 5.1980 vượt biển và được tàu Cap Anamur vớt. Tháng 10.1980 định cư tại CHLB Đức. Tháng 10.1991 đến giúp việc văn phòng tại chùa Viên Giác.

Phần trang trí, lay out sách báo từ mấy năm nay do Đạo hữu Như Thân, tức là anh Hà Phước Nhuận, gốc Đà Nẵng đảm trách. Dĩ nhiên, có computer anh không làm nghề "thợ mả" cắt dán như trong quá khứ nữa. Anh được người đi trước hướng dẫn những điều cơ bản, sau đó anh tự xoay xở, sáng tạo.

Anh là người từ nhiều năm trước đã ôm máy quay phim Video quay "chùa", tức là quay các buổi lễ, các buổi văn nghệ, quay tiến trình xây

cất chùa. Nhờ vậy các chuyên viên Phạm Cường, Lưu Chính mới có dữ kiện thực hiện cuốn phim Chùa Viên Giác. Dựa vào chút đam mê kỹ thuật, thêm một chút mỹ thuật, với sự góp ý của anh chị em trong Ban Biên Tập, và lại anh cũng có tinh thần cầu tiến chịu khó học hỏi thêm về máy điện toán, nên anh trang trí tờ báo ngày càng nhuần nhuyễn sáng sủa hơn từ trang bìa cho đến trang cuối.

Tờ báo được độc giả quý mến khen ngợi, ngoài phần nội dung, đánh máy trình bày của Ban Kỹ Thuật, còn phải kể đến công lao của Ban Ấn Loát nữa. Thành phần nhân sự của Ban này trong những năm trước đây rất đa đoan hay thay đổi, vì chỉ đến công qua tại chùa một thời gian cho đến khi có công việc làm thì giao lại cho người khác. Công việc cơ bản là: chụp phim, in lại bản kẽm, in, xếp báo, cắt xén, vô phong bì, đi gởi bưu điện... Chẳng ai là thợ cả, chẳng ai có học về chạy máy in. Tất cả đều là tay ngang. Vừa mới có chút hiểu biết, chú không dám nói là kinh nghiệm về in báo thì lại kiếm được việc làm. Thế cho nên Thầy chủ nhiệm cũng chạy máy, chú Năm cũng chạy máy, rồi biết bao nhiêu đệ tử vì thường Thầy cũng đến chạy máy. Thế nhưng cái máy in đã quá... lâu, sản xuất từ năm 1945 nên nó thường đau ốm bệnh hoạn liên miên. Tiền chạy chữa coi bộ cũng khấm, mà máy vẫn cứ chững nào tật nấy! Nay hư cái này, mất hư cái nọ. Thấy Thầy lo báo ra không đúng kỳ hạn, các đệ tử cũng sốt vó. Nhưng được cái may là khi máy sửa xong thì tất cả các bác, các anh chị em tập trung làm việc bất kể ngày đêm nên Viên Giác chẳng có số nào ra quá trễ, cũng chẳng thiếu số nào vì Ban Biên Tập hay Kỹ Thuật Ấn Loát chẳng hề đi... nghỉ hè! Cứ mỗi năm đều chỉ là sáu số!

Vừa rồi nghe Thầy báo tin nhờ ơn chú Phật gia hộ và nhờ quý Phật Tử ủng hộ một phần, nên chùa đã mua được cái máy in mới... từ đời 1987, có nghĩa cũng đã 10 năm rồi, với trị giá 45.000 Đức Mã. Chắc số VG 100 được in bằng cái máy này để lưu dấu kỷ niệm.

Cho đến một ngày, anh chị em lao động hợp đồng tử Đông Âu đến xin ty nạn tại Đức. Chùa là nơi tá túc ban đầu và là nơi được quý bác, anh chị hướng dẫn thủ tục xin ty nạn. Cũng từ nhân duyên đó, anh chị em đến với đạo Phật, đến làm công quả tại chùa. Tôi không kể đến những đóng góp Phật sự khác của rất nhiều anh chị em Đông Âu, mà chỉ đề cập đến một số người hiện đang đảm trách những phần vụ quan trọng có liên quan đến tờ báo Viên Giác.

Đảm trách công tác ấn loát sách báo tại Chùa tự trung chỉ còn hai người thường xuyên (chưa kể những công việc có tính cách công quả từng vụ, từng thời của Phật sự). Đó là các anh Nguyễn Việt Bình và Lê Thanh Tùng. Vài anh em khác "công quả" bất thường xuyên để phụ giúp những công việc khác trong khâu ấn loát.

Anh Nguyễn Việt Bình, Pháp danh Thiện Như, sinh năm 1958 tại Phan Thiết- Bình Thuận, sau khi xong bậc Trung Học ở Trường Trung Học Phan Bội Châu ở thị xã Phan Thiết, anh học Trường Trung Học Cơ Khí I Vĩnh Phú từ 1976. Sau khi tốt nghiệp, anh làm việc tại Ty Công Nghiệp (từ năm 1980) và Xí Nghiệp Sửa Chữa Ô-tô Tỉnh Thuận Hải (từ năm 1985). Cho đến năm 1988, anh sang Tiếp làm việc và đến năm 1991, anh quyết tâm trốn sang CHLB Đức để tìm tự do. Anh đã nộp hồ sơ xin ty nạn và chờ được cứu xét.

Lần đầu tiên vào năm 1992, anh về Chùa Viên Giác dự lễ xá tang cho mẹ của một người bạn. Sợ không rành đường và không biết phương tiện lưu thông, nên anh đến trước một buổi, dù nơi anh ở chỉ cách chùa mấy chục cây số, để xin tá túc qua đêm. Lòng ái ngại không biết có được hay không. Chẳng ngờ quý bác và anh chị em trong chùa hết sức ân cần. Cô Diệu Niên (Cô Hạnh Niệm) đã hết lòng hướng dẫn cho anh những lễ nghi và cách xưng hô cần thiết khi gặp và chào hỏi quý Thầy quý Cô. Sáng hôm sau, anh lại được Thầy trụ trì hướng dẫn đi xem



Thầy Chủ Nhiệm cũng bận rộn với tờ báo cùng hai đệ tử là Thiện Như, Thiện Lai

quang cảnh chùa mỗi, giới thiệu công việc và các anh em đang làm công quả trong chùa.

Đó là cái nhân duyên ban đầu, hạt mầm Bồ Đề gieo vào tâm hạnh lành để mùa hè năm sau, 1993, anh đã trở lại chùa và xin Thầy trụ trì cho anh được làm công quả. Sau đó, từ tháng 8.1995 anh thực sự được giao phó trọng trách trong "nhà máy in" của chùa Viên Giác.

Sau khi nhận bản mẫu từ khâu kỹ thuật, công việc của các anh em trong khâu ấn loát, đại để như: - thống kê lại số trang, - Photo lại bằng phim, - Trình bày phim đã được photo theo thứ tự số trang, - Dùng phim photo lên trên bản kẽm, - Tủ bản kẽm đưa vô máy để in. Công suất của máy in hiện tại của chùa, mỗi phút in được khoảng từ 55 đến 60 tờ. Với số lượng 4500 tờ mỗi kỳ in báo, máy phải làm việc liên tục từ 10 đến 12 ngày.

Sau khi in xong, phải mang ra hội trường để xếp trang, chúng tôi thường gọi nôm na là "chạy báo"- vì phải chạy đi gọi nhiều người đến tiếp tay, - xếp đôi cuốn báo, - đóng đinh, - cắt (trên, dưới và ngang). Khâu này mất từ 2 ngày đến hai ngày rưỡi.

Tiếp đến là đóng dấu nơi gửi, dấu Büchersendung, dán địa chỉ người nhận, dán tem, bỏ vỏ phong bì và gởi bưu điện.

Công việc nghe đơn giản, nhưng với số lượng 4500 lần cho mỗi phần việc, có việc phải làm đến 4500 x 2 lần như vậy (như dán tem chẳng hạn) cũng phải cần một thời gian mấy ngày.

Tóm lại, cứ mỗi kỳ báo thì nhà in rộn ràng công việc khoảng chừng nửa tháng mới xong với sự đóng góp của nhiều người.

Ngoài anh Nguyễn Việt Bình ra còn có các anh Thiện Lai Lê Thanh Tùng và Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền.

Nguyễn Minh Hiền, sinh năm 1960 tại Sài Gòn, tốt nghiệp Đại Học Văn Hóa Hà Nội năm 1982, làm việc ở Sở Văn Hóa từ 1982 đến 1988. Sau đó đi lao động và trốn sang xin tỵ nạn tại CHLB Đức.

Từ năm 1993 anh đến chùa làm công quả như lát gạch ở sân chùa, xây hôn non bộ, xây tượng... Phụ giúp công việc nhà bếp, phụ làm bánh trái... Phụ ban phát hành thức ăn trong các ngày đại lễ tại chùa... Phụ giúp cho nhà in, xếp báo...

Ngoài ra, anh còn viết báo nhằm tố cáo chế độ vô nhân của CSVN, tham gia các cuộc biểu tình tuyệt thực đòi tự-do dân-chủ nhân quyền cho Việt Nam.

Nói chung, những anh chị em Đông Âu, trong thời gian chờ chờ xét tình trạng xin tỵ nạn, đến công quả tại chùa, ngoài những công việc được Thầy trụ trì tín nhiệm giao phó, các anh còn làm nhiều công việc Phật sự khác: phụ việc xây cất, phụ nhà bếp trong các kỳ đại lễ, phụ ban trai soạn... bởi việc chùa là việc chung, mỗi người hiện diện phải góp tay chung sức vào. Nơi này phải có tinh thần tự nguyện, tự giác.

Nói riêng mỗi người còn tùy trình độ, kiến thức, lòng nhiệt thành với quê hương dân tộc để có thể tham gia vào các tổ chức đấu tranh. Từ 26.01.1997, Tiểu Ban Giải Trừ Phạt Nạn tại Hannover và Vùng Phụ Cận được chính thức ra mắt tại Chùa Viên Giác dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ PG/ VNTN tại Đức và sự hiện diện của nhiều đoàn thể khác tham dự. Trong thành phần của Ban Chấp Hành có các anh em đang công tác tại chùa như: Thiện Như Nguyễn Việt Bình, Trưởng Ban; Thiện Lai Lê Thanh Tùng, Phó Ban Nội Vụ; Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền, Phó Ban Ngoại Vụ... nhằm hòa nhập với các phong trào đấu tranh cho một nền dân chủ, đa nguyên về chính trị, tự do cho tôn giáo tại Việt Nam.

Với những nỗ lực nêu trên trong lãnh vực văn hóa, xã hội, tôn giáo và chính trị nhằm đấu tranh cho tự do dân chủ tại Việt Nam, chúng tôi hy vọng rằng chính quyền Đức sớm cứu xét rộng rãi cho các anh Bình, Tùng, Hiền... được hưởng quy chế tỵ nạn tại đây. Ngưỡng trông Đức Phật từ bi gia hộ!



Tôi xin chấm dứt bài bút ký văn học này, mặc dù tôi đã cố vận dụng trí nhớ để có thể chu toàn nhiệm vụ giới thiệu những khuôn mặt đã và đang viết hay cộng tác thường xuyên với tờ báo Viên Giác, nhưng chắc chắn rằng còn nhiều thiếu sót hoặc vì tôi không nắm vững đủ kiến thức đã 19 năm, hoặc vì tôi chưa có duyên gặp gỡ. Xin quý vị thông cảm, hoan hỷ và lượng thứ cho.

Ngoài ra, nếu trong phần viết liên quan đến vài vấn đề thi hữu có điều gì bất ổn, cũng xin quý vị "niệm tình văn nghệ" đại hỷ, đại xả cho.

Cuối cùng xin bạn đọc thông cảm cho vì trong bài viết không thể không nhắc đến "cái tôi" (cái tôi đáng ghét) vì những liên hệ cần thiết.

(Hamburg, tháng 7.97) đoc

đôi lời

mừng nhau

Nhân dịp báo Viên Giác ra số 100

Phan Quang Đán



Báo Viên Giác ra tròn trăm số,
Sánh buổi đầu tiên bộ ai ngờ.
Thoạt tiên phương tiện thô sơ,
Máy đánh lọc cọc, giấy tờ đếm trang.
Nhị nguyệt san bài đăng chẳng mấy,
Phổ biến ra chỉ thấy quanh chùa.
Nhưng mầm giác ngộ nở hoa,
Thiện tâm phật tử vui hòa góp công.
Báo Viên Giác vũng lòng phát triển,
Dạ chân thành nức tiếng gần xa.
Cửa thiền mở rộng thêm ra,
Việt kiều Tây Đức ấy là cội căn.
Chùa Viên Giác vũng vàng cơ sở,
Đạo Thích Ca rực rỡ quang hào.
Khi nên Trời chẳng phụ nào,
Đông Tây Đức quốc họp vào với nhau.
Ảnh hưởng chùa rễ sâu Tây Đức,
Lại bỗng nhiên thêm rực phương Đông.
Tự do tín ngưỡng thành công,
Cơ duyên đã thấy rạng đồng chân trời.
Chuông thanh bình nơi nơi sẵn đón,
Lòng dân càng ngóng ngóng chờ mong.
Cùng nhau nguyện một chữ đồng,
Tự do tòa rạng, non sông phục hồi.



Manh Bích

nỗi niềm gửi

MẸ

Văn hữu Duy Lam, nhân danh Nhà xuất bản Văn Hóa Ngày Nay vừa gửi đến tôi tác phẩm "Hồi Ký về Gia Đình Nguyễn Tường - Nhất Linh - Hoàng Đạo, Thạch Lam", tác giả là Nguyễn thị Thế, thân mẫu của văn hữu.

Tuy mùa báo hiệu Vu Lan còn xa - 15.08.97, Rằm tháng Bảy Phật lịch 2541, là ngày lễ chính - nhưng văn hữu đã nghĩ đến việc tái bản tác phẩm này lần thứ Ba, trước gần cả một năm. Dụng ý này của một người con trai trưởng đối với Mẹ già làm cho tôi cảm động vô cùng. Tôi vội vàng đọc lại tập hồi ký thật kỹ hầu chia sẻ niềm hạnh phúc vô vàn của một người bạn văn nghệ đồng tuế bên kia Đại Tây Dương.

Tập hồi ký vừa gập lại, quá khứ trĩu nặng kỷ niệm tràn trề : những buổi giảng luận văn chương về Tự Lực Văn Đoàn còn nhiều vướng mắc, nổi bần hoang khó phai mờ trước cái chết của Nhất Linh, số phận vài người bạn trong gia đình Nguyễn Tường giữa cơn lốc của thời cuộc... Nhiều vũng tối được rọi sáng, tâm tưởng dường như nguôi ngoai. Tôi thích thú được nắm vững hơn sự cấu tạo, phần giá trị của cái "hiện tượng văn học" đã làm cho nhiều thế hệ suy nghĩ và hành động.

Tôi như vừa được nghe một Người Mẹ kể chuyện nhà, cho con cháu nghe. Giọng Bà một thoáng trầm buồn, nuối tiếc. Vì Bà kể lại chuyện của một Đồi Người, tuy là của riêng Bà nhưng gần là chuyện chung vì đây có thể là, nên là của những người Mẹ, người Vợ Việt Nam cổ truyền : chuyện một người đàn bà thay chồng nuôi 6 con trai đến lúc "thành thân, thành nhân" hơn là chuyện của những danh nhân văn học.

Qua hai phần của tập hồi ký - phần I dày 148 trang, phần II dày 99 trang - "huyền thoại" Tự Lực Văn Đoàn được bình thản, bình dị trải bày. Rất chân thật, không một chút màu mè. Rất sáng gọn, làm như tác giả muốn viết cho chính mình. Cho nên, nhẹ cho chúng ta rất nhiều trong cái công việc truy nguyên thường rất phức tạp và khỏi phải đắn đo cân nhắc giá trị các chứng tích hầu tránh khỏi những luận thuyết hàm hồ và các xác quyết mong manh. Nhờ lối tự thuật hồn nhiên - vì người kể luôn giữ được an nhiên - chúng ta chỉ còn có ráp ghép lại những mảnh đời của từng thành phần của gia đình Nguyễn Tường là có thể nắm được cái toàn thể rộng lớn, phức tạp của "tổ chức" Tự Lực Văn Đoàn. Một gia đình trung lưu An Nam chọn chỗ đứng trong cái xã hội Việt Nam do Pháp thống trị đang cựa mình đổi thay : chính quyền xét lại chính sách thuộc địa, tìm phương thức đường đầu với phong trào duy tân; giới trí thức người Việt tìm phương hướng cho những cuộc cách mạng vì đã ý thức được những chuyển mình của Á Đông, nghĩa là chung chung, đầu đầu, ai ai cũng đặt lại rất nhiều vấn đề.

Và trong gia đình Nguyễn Tường nói riêng có những thanh niên nặng óc cấp tiến, sớm có tinh thần cách mạng. Rồi họ sẽ thành công trên nhiều lãnh vực : tài chánh với sự thành công của tờ Phong Hóa, tờ Ngày Nay (mà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam mở ước được vì với Paris Match của Pháp) văn chương với chỗ đứng của Tự Lực Văn Đoàn, xã hội với loại Nhà Ánh Sáng, lẫn chính trị với sự dẫn thân của Nhất Linh, Hoàng Đạo và những gian truân của anh em Nguyễn Tường dưới chế độ Việt Minh. Tất nhiên có nhiều vấp vấp, rất nhiều. Tự nhiên có nhiều lần thất bại, rất thể thảm. Nhưng hào quang của sự Thành Đạt vẫn sáng ngời, làm

hừng chí, tạo khâm phục, gây ước vọng cho cả một thế hệ. Có thể cho nhiều thế hệ nữa.

Nhờ đâu? Nhờ gia tài kếch sù của bên họ nội? Không phải. "... Hồi-xưa ông nội làm tri huyện tại đây nên ai thấy bà nội về *buôn bán* cũng mừng rỡ ghé vào chơi *mua dăm ba bánh thuốc láo...*". Vậy thì nhờ vốn liếng to lớn của bên ngoại? Cũng không có gì hơn. "Nhà bà ngoại thật là mát... trong vườn bà trồng đủ các thứ rau đậu... Xong buổi trà, tôi theo bà ra vườn. Những luống cải xanh non bên cạnh những giàn đậu hòa lan hoa vàng lấm tấm, *bà cắt từng lá cải tươi xếp lại thành bó cho người nhà gánh ra chợ bán*". Vậy chắc là nhờ chức phận và uy thế trong xã hội của người cha? Cũng không nốt. "*Ông phải sang làm thông ngôn tận Sầm Nứa, bên Lào và chết ở đất người, lúc tác giả mới mười tuổi*". Vậy, chúng ta có thể xác định là gia đình Nguyễn Tường không thuộc hàng cự phú "rộng cỏ bay thẳng cánh" hay đại phú gia có "nhà ngang dãy dọc, hăng xướng lớn rộng" để gây dựng cho "anh em Nguyễn Tường". Nhưng anh em Nguyễn Tường đã Thành Đạt, nhóm Tự Lực đã đến được Vinh Quang. Tất cả cái hơn người ấy được kiến tạo, kết tinh nhờ chí tự cường vững như thành đồng của một Nguyễn Tường Tam, nhờ sức tự lực chắc như núi đá của hai anh em Nhất Linh, Hoàng Đạo, nhờ tinh gia đình sâu sắc của cả sáu người con trai. Bị phản bội nhiều lần, bị tù đầy liên miên nhưng không bao giờ lỏng tôn thờ lý tưởng xã hội, bác ái, dân tộc của "Họ" bị nao núng.

Tuy nhiên những "tiết lộ" ấy nằm rải rác qua có 148 trang kỷ niệm mà thôi. Cho nên, những tiết lộ ấy chỉ có giá trị của một "nguồn tin đáng tin cậy" - như người ta thường nói - vì chúng nhân là người trong cuộc. Ngoài ra, còn thiếu nhiều chi tiết về động cơ, về thời gian, về không gian để giải thích thỏa đáng sự Thành Đạt của "Họ". Những ngày trọ học ở Hà Nội, những thiếu thốn thuở "hàn vi", những lần đổi tên để thi cử, lần du học bên Pháp, cuộc trốn tránh ở Côn Minh v.v. , tất cả những sự kiện ấy được nhắc đến trong phần I (Hồi ký) chỉ là những kỷ niệm buồn được gọi lại rất nhanh, trái với câu tục ngữ :

Miếng ngon nhớ lâu

Lời đau nhớ đời.

Tại sao? Vì, xuyên qua phần hồi ký ngắn ngủi của phần I, trước hết, tác giả tự đặt mình vào vị thế của một người Con nhỏ đến công lao của Mẹ - và cũng là một người Mẹ muốn "viết" cho các con. Cho nên, dù lớn hay nhỏ, dù vui hay buồn, những biến cố được nêu lên đều ít đậm nét và chiếm một chỗ rất khiêm tốn bên cạnh những kỷ niệm rất đẹp về lối sống, cách nhìn của Mẹ tác giả. Nói trực tiếp hơn : trong tâm tưởng của tác giả, lúc nào hình ảnh của Mẹ cũng không phai mờ. Không thể phai mờ.

Thật vậy, phần *Hồi ký* không phải dành để nói nhiều đến Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, những khuôn mặt lớn của Tự Lực Văn Đoàn, nhưng là dịp để nói đến gia phong Nguyễn Tường, trong ấy Mẹ của tác giả chiếm một chỗ đứng rất quan trọng đối với đời sống của nhà chồng. Trở thành vị vọng nhân lúc tuổi còn xuân - chồng chết lúc 37 tuổi - Bà tự nhủ phải quên mình để đảm nhận vai trò "phụ chánh" với quyết tâm không để cho giòng Nguyễn Tường bị sa sút, suy vong và kiên gan lo cho bầy con ăn học thành tài. Những chặng đường qua Tân Đệ, xứng Hà Nội, về Cẩm Giàng, trước khi xuống tóc tịnh tu ở chùa Bối Khê đều được đánh dấu bởi những biến cố đặc biệt. Mỗi khi Bà phải đành lòng thay chỗ định cư - dù đã an cư nhưng Bà thấy chưa lạc nghiệp - thì đấy cũng do chủ tâm tạo điều kiện thành đạt cho các con trai. Không việc gì khó nhọc mà Bà từ nan. Không nỗi gian truân nào làm Bà chán nản. Buôn ngược bán xuôi, đóng lúa bán gạo, cho nuôi heo rẻ, dựng lò gạch, vay mượn bạn bè, nhận chịu xỉ vả, buộc lòng tranh cãi, Bà làm việc không lúc nào ngừng vì thấy mỗi ước nguyện chưa được nguôi. Bà thấy phải làm hơn những hiền phụ ngày xưa chỉ bằng lòng với giấc mộng lành "chàng đọc sách ngâm thơ, thiếp quay tơ dệt lụa". Hoàn cảnh của riêng Bà quá đặc biệt, thời đại của Bà cũng khác biệt, cho nên Bà đã sửa sai vai trò nội tướng của mình: đối với Bà, không còn là lúc "quan nhàn buôn bán ở mom sông, nuôi nấng năm con với một chồng" của Bà Tú Xương nữa. Phận của Bà cũng nặng ưu tư hơn cả người chinh phụ vì chí hướng của Bà không chỉ là "thay chồng nuôi cha mẹ già" mà là "tạo dựng sự nghiệp, thành đạt cho các con ... trai". Nguồn hạnh phúc của đời Bà, mỗi ước nguyện duy nhất làm cho cuộc đời góa phụ của Bà có ý nghĩa là làm sao cho các con "công thành danh toại".

Muốn đạt được ước nguyện ấy, Bà phải vạch sẵn một chương trình gây dựng cho các con trai, trong khuôn khổ nho phong cổ truyền: tiên thành nhân, hậu thành nhân. Bà không quản lao tâm khổ trí, xoay sở đủ cách để có tiền cho các con ăn học. Con đường công danh của những người con "biết yêu Mẹ" đã trở thành tham tá, kỹ sư canh nông, đồ cử nhân khoa học, cử nhân luật, bác sĩ được lót bằng không biết bao nhiêu là ưu tú, ân cần, được đáp vói tất cả nhẫn nhục, thiết tha của một người Mẹ hy sinh *Tất Cả* cho con. Cho đến cuộc đời hạnh phúc, an lành của "Họ" bên cạnh vợ đẹp con khôn, nếu thành tựu được cũng phải nhờ đến những nợ nần mà Bà phải trả trong nhiều năm làm ăn khó nhọc tiếp theo!

Bà đã dành trọn cuộc đời của mình cho việc giáo huấn con cái, giúp cho "Họ" tiệm nhiêm chí tự cường, lòng kiên nhẫn, đức hy sinh, tình yêu đồng loại. Và những đức hạnh ấy

được biểu hiện qua những công tác xã hội như xây nhà Ánh Sáng, lập quỹ tương trợ, chủ trương khuynh đảo tinh thần phong kiến, hủ bại và cổ xúy nho phong cũng như đề cao tinh thần cách mạng bằng nhóm Tự Lực và những hoạt động chính trị của anh em Nguyễn Tường. Và cũng nên nhận thức rằng những đức hạnh ấy - làm khuôn phép cho giá trị cổ truyền của người hiền phụ hiền mẫu Việt Nam - Bà đã tiếp nhận được của... Mẹ chồng. Trong công việc buồn tảo bán tần thường khi tử đức của người phụ nữ bị "nao núng", Bà không lúc nào quên lời căn dặn của Cụ Nội: "... *mua chín bán mười là được; đừng làm thiếu nói thừa, tội chết! ...*". Và lúc nào Bà cũng nhớ nằm lòng nguyên tắc liêm chính "bần nhi vô xiêm, phú nhi vô kiêu" của nho phong trong gia đình Nguyễn Tường, để lại nhắc nhủ các con: "... *nghèo thì khổ cực, nhưng có nghèo mới cầu tiến chăm học nên người*" và "... *ông cha ngày xưa nổi tiếng thanh liêm, làm quan thì thường dân như con nên để đức lại cho con bây giờ*".



"Để đức lại" là một nguyên tắc đạo lý, một phương châm xử thế được dùng làm nền tảng cho công cuộc giữ gìn khuôn phép tử đức tam tông của Bà và tam cương ngũ thường cho các con trai. Không lúc nào Bà quên lãng để không bị suy đồi xuống hàng "thương giả mặt dả", hoặc xa rời trong những quãng đời tối tăm, điều linh cuối đời Bà. Cuối đời của Bà cũng là những ngày cuối của cuộc đời tương đối thanh bình của người dân Việt và của cuộc đấu tranh cho dân tộc của Nhất Linh - linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, niềm hãnh diện của thế hệ thanh niên Việt Nam tiền bán thế kỷ 20. Bà đành qui y của Phật giữa lúc chiến tranh bùng nổ và cam chịu trở thành chứng nhân đau khổ của cuộc điêu linh của các ông Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, trong lòng cuộc nổi

dậy của Việt Minh. Rồi cái chết của người con trai thứ nhì (kỹ sư Nguyễn Tường Cầm), sau cái chết của Thạch Lam, Hoàng Đạo và cuộc di cư vĩ đại năm 1954 đã làm khô cạn hẳn giòng suối cam lồ trong lòng người Mẹ đã tận tụy suốt đời hy sinh cho sự Thành Đạt của con cái.

Vẻ đẹp đáng tôn quý của Người Mẹ Việt Nam vào hàng "tiết hạnh khả phong" ấy không lúc nào được ai biết đến, và dưới ngòi bút của Con Gái, cũng chỉ được nhắc nhở đến như một lẽ thường tình, một chuyện đương nhiên phải đến, phải có trong một gia đình còn giữ được phong thái Việt Nam cổ truyền.

Có lẽ đấy cũng là vẻ đẹp của lời văn không chải chuốt màu mè của tác giả. Và là nét cao quý của những ý tình đôn hậu, tự nhiên của tác giả.

Phần "*Phụ lục*" - dày 99 trang - được văn hữu Duy Lam cho in kèm vào tập *Hồi ký*. Để tác giả có dịp nói đến những gian khổ khi đến lượt mình thủ vai làm Mẹ. Và, phải chăng, cũng để văn hữu tỏ lòng cảm quý Mẹ hiền.

Trong phần 2 này, tác giả "kể" cho chúng ta nghe những thời kỳ *tập huấn bên cạnh Mẹ*. Trong "*thời loạn lý*", giữa lúc "*gia đình bị khủng bố*", qua những "*chuyện về quê nội ở Hội An, về quê ngoại ở Huế*", Bà (xin hiểu bây giờ là tác giả, mẹ của Duy Lam) thực hành những đức hạnh đã học được của Mẹ. Cá tính của Bà, đôn thuần là tính cách của Người Mẹ Việt Nam, được phơi bày không một chút dè dặt, không một thoáng tự kiêu.

Trong phần 2 này, qua gần 40 trang giấy, Bà đã gọi lại cuộc "*đời người đàn bà*", một cuộc đời đẹp ngời đạo lý, thơm ngát tình yêu và lung linh thi vị:

- Trong gia đình Nguyễn Tường, Bà là người con gái độc nhất nên không được học nhiều như các anh em trai. Theo khuôn phép ngày xưa, lúc "tại gia", tuy Bà không phải "tòng phụ" nhưng được Mẹ dạy cho đức ôn nhu thuận thực, hạnh cần kiệm, khiêm cung. Mọi việc trong nhà, từ sổ sách buôn bán đến giặt giũ chạp, từ miếng ăn thức uống đến "xem mặt" các chị em dâu, tất cả đều do Bà quán xuyến, như một phụ tá đắc lực với Mẹ "để làm quen với vai nội tướng sau này".

- Đến lúc "xuất giá", sự "tòng phụ" của Bà là được thể hiện bằng lý thực tiễn: "*giữ thể diện cho chồng*", đối với gia đình của mình. Vì trong bất cứ cuộc hôn nhân nào, tất nhiên cũng có lúc xảy ra chuyện đau lòng; như lúc "*chồng (tôi) mé cờ bạc*" thì Bà tự nhủ lòng rằng:

*Vợ chồng khi này khi khác
Chồng bất còn có khi xô*

Cho nên, không có gì thực tế bằng phép dùng tình yêu, mượn đức hạnh để "răn chồng", chứ không "học thói nhà ma, con cà con kê kễ

lẽ" vì... "xấu chàng hổ ai", vì "ngu si cũng thế chồng ta, khôn khéo cũng ra chồng người".

- Và lại, Bà là con gái dòng Nguyễn Tường nên, trong con người rất thực tế ấy, còn có một tâm hồn lãng mạn để giúp cho Bà tìm đến với vẻ Đẹp màu nhiệm của thiên nhiên bên cạnh hồ có cảnh liễu rủ, với vợ ánh trắng, mỗi khi chuyện đời trở thành quá đắng cay, gay gắt.

Đến lượt Bà, phần thưởng của Bà là sự Thành Đạt trong công trình *Làm Mẹ*, làm một Người Mẹ không bao giờ quên những giá trị cổ truyền đã đào tạo người Hiền Mẫu Việt Nam. Những giá trị cổ truyền ấy đã giúp Bà nâng dần bản thân Bà và cả gia đình qua cơn sóng dữ của những ngày bão tố, đen tối điều linh của thời cuộc.

Và phần thưởng của Bà cũng là đã đem đặt vào cuộc đời một Duy Lam biết dẫn thân trong bất cứ cuộc đấu tranh nào, và cũng giống Bà, bị lôi cuốn bởi cái Đẹp của hội họa, biết yêu văn chương, biết si mê Nàng Thơ.

Tôi không dám đặt vấn đề giá trị văn chương của quyển "*Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*". Vì chắc hẳn tác giả không muốn nghĩ đến. Theo cảm xúc của tôi, tôi nghĩ là tác giả muốn nói đến ước nguyện của Mẹ tác giả : làm tròn bốn phận của một người Mẹ, khi không có chồng để nương tựa, để được hướng dẫn trong nhiệm vụ bảo tồn gia phong.

Về phần văn hữu Duy Lam, có lẽ ý nguyện của người con trai trưởng là dùng tập "*Hồi ký*" ấy để nói lên "*Nỗi niềm của Mẹ*". Để cảm ơn Mẹ.

Để Duy Lam nói lên niềm hạnh phúc vẫn được sống bên cạnh Mẹ. Niềm hạnh phúc của một người con, chan chứa trong mấy câu thơ sau đây mà tôi xin gửi đến văn hữu :

Ta belle ombre qui passe à travers mes jours
Lorsque je vais tomber, me relève toujours.
Et j'aimerais te rendre aussi l'enfant vermeil
Te suivant au jardin sous l'ombre et le soleil.

Bóng giáng Mẹ, qua ngày thán
cuộc đời
Nâng đỡ con khi sa ngã, hăm hiu.
Con ao ước đem đặt vào lòng Mẹ
Đứa trẻ thơ, bao nắng sớm mưa chiều
Theo gót Mẹ dạo vườn xanh thuở bé.

Mai - 97 (Nga10015)

THƠ

Bảo Vân

KHÓC VỢ TRƯỚC...

Em thường nói: "Ngày xưa Yên Đổ,
Phan Sào Nam, Tú Mỡ, Tú Xương,
Chẳng may đứt gánh giữa đường
Làm thơ khóc vợ, sầu thương nào nề.
Các cụ bà đã về Tiên giới
Liệu có còn biết tối hay không?
Có ai sùi sụt, cảm thông
Nỗi lòng của những ông chồng sầu
bí?"

Nên em muốn, trong khi còn sống,
Được xem anh xúc động ra sao?
Làm thơ khóc vợ thế nào?
Khi em vĩnh viễn đi vào thiên thu".

Chiều ý em, nên dù hay, dở,
Cũng làm thơ khóc vợ như sau:
Thái bình, tử thuở quen nhau
Thì đây là mối "Tình đầu" khó quên!
Khi Hà Nội, khi lên Phú Thọ,
Lúc núi Gôi, lúc ở Ninh Bình,
Suối non Dục Thủy lừng danh
Đã từng ghi đậm mối tình nên thơ.
Rồi Nam Định, những giờ diễm tuyệt,
Cũng ngấm trắng, khi khuyết, khi tròn,
Đến khi làm lễ thành hôn,
Thị thành tạm biệt để còn về quê...
Gia đình mỗi, trăm bề vất vả.
Thân học trò cũng chả kêu ca!
Đan len, làm bánh, bán quà.
Con thơ quẩn quít, mẹ già đợi mong.
Hồi cứ tối Hải Phòng, Hà Nội,
Gặp chồng con ngóng đợi đã lâu.
Nhưng rồi chỉ bốn năm sau
Lại di cư, lại lên tàu, vào Nam.
Cùng hai mẹ với đàn con dại
Cố chất chịu đựng lại cơ đồ.
Bột không mà gột nên hồ,
Cũng vì phúc ếm, ơn nhờ Tổ tiên.
Rồi thế cuộc đảo điên, điên đảo,
Lại một phen ào nã, sầu thương,
Bỏ cố nghiệp, vượt trùng dương
Đến vùng Bắc Mỹ, tìm đường Tự do.
Lại đóng sách, lại lo gấp giấy,
Nghề thủ công làm lấy luôn tay.
Vì chồng con, phải hăng say,
Quần chi vất vả suốt ngày, thâu
đêm!

Khi thông dong, chẳng quên hai mẹ,
Ngồi xe lẩn cho để kêu nài,
Việc xin đoàn tụ kéo dài
Tối năm Bảy chín, gặp hai mẹ già.
Lại có dịp vào, ra, hầu hạ.
Được thần hôn, hả dạ đầu con.
Bốn năm phụng dưỡng lo tròn
Treo giường hiếu hạnh, lòng son
chẳng nhòa.

Rồi đến lúc về già lại được
Theo chồng sang nhiều nước Á, Âu.
Hơn người, ở bất kỳ đâu,
Cũng nhiều bè bạn, đón tàu, đưa xe.
Cuối Nhâm Thân lại về Hà Nội
Qua Thái Bình rồi tới Hạ Long.
Họ hàng, bè bạn hết lòng
Đón đưa, săn sóc, thật không thiếu
gì!

Vào Sài Gòn rồi đi Đà Lạt.
Gặp các em, họp mặt, cầm tay
Tuồng đầu rằng lại có ngày
Đoàn viên, hội ngộ thế này nữa ư?
Chịu khổ cực, kể từ lúc trẻ,
Tuồng khi già vui về dài lâu,
Tuồng còn hưởng thụ cùng nhau
Ngân, kim, ngọc-khánh, bạc đầu
trường xuân!

Sao em vội mãn phần quá sớm?
Anh xót xa, đau đớn vô cùng!
Từ nay, ai sánh bước chung?
Trên đường Hạnh phúc, ai cùng đi
đấy?

Ai săn sóc những ngày tuyết bão
Ai chăm từng bát cháo, chén cơm?
Ai bàn tính chuyện thiết hờn?
Ai nằm đọc chuyện giải buồn cho
nghe?

Ai tưới nước, mùa Hè trồng tía?
Ai cấy nhờ giàng nghĩa thơ văn?
Ai nâng đỡ lúc khó khăn?
Ai là cảm hứng, khi cần so thơ?
Ai thường thúc bài thơ mới viết?
Ai thuộc lòng cho biết số phôn
Của bè bạn, của cháu con?
Nhớ từng con số, hỏi còn ai hơn?

Em mà chết, anh buồn vô hạn
Dù sống thêm cũng chán lắm rồi!
Chỉ là sớm muộn mà thôi,
Cõi thiên thu sẽ có hồi gặp nhau!





ĐÀO TRỌNG HIẾU

Vài dòng tiểu sử:

Thiện Nghĩa, hiện nay 78 tuổi, là Bút hiệu đồng thời Pháp-danh của Dược sĩ Đào Trọng Hiếu. Lúc trẻ đỗ Dược tại Paris, đến ngoài 60 tuổi qua Đức mới theo học lại vài tháng ở Đại học Dược Freiburg và Tübingen rồi thi ra trường tại Stuttgart năm 1982.

Học Giáo lý tại Chùa Viên Giác ngay từ khóa đầu, năm 1985, và cũng từ đó viết bài đăng báo Viên Giác. Trước đó, năm 83 cũng có đăng một bài chỉ ký tên là một Phật Tử tại Karlsruhe. Bài viết về Lịch Sử (Vua Quang Trung), và thường thì về những suy luận, cảm tưởng về Đạo và về Đời. Về Đạo thì bao giờ cũng dựa trên căn bản Giáo lý nhà Phật, còn về Đời thì đôi khi đi dóm (như "Sắc Đẹp và Phái Yếu", chứng minh Phái Đẹp chính là Nam giới, còn Phái Mạnh thì là Nữ giới, làm nhiều bạn trẻ thích thú).

Bà vợ là Diệu Huê cũng từng viết cho báo Viên Giác về những chuyện cổ tích, những bài dịch thuật và ký sự.

Cụ thân sinh là Học giả Đào Trọng Đù, mới mất năm 1995, thọ 99 tuổi, đã làm cuốn Hán-Tự Ngữ-Âm Tự Điển 16.000 chữ viết tay, mới xuất bản cuối năm 1996.



TỰ CHẤT VẤN THÂM TÂM

Đề tài có lẽ không xa lạ gì đối với quý vị độc giả.

Tất cả chúng ta, không nhiều thì ít (mà có lẽ nhiều hơn là ít) đã thông thường tự trách, sau một lời nói, hay một hành động hấp tấp, vội vàng, thiếu suy nghĩ. Họa hoặc có người đã suốt đời ân hận - nhưng trường hợp này, may thay, rất hiếm.

Với đề tài trên, người viết xin cùng bạn đọc phân tách sự thể, thử tìm một kết luận khá quan, bổ ích cho cá nhân, để cho sự suy ngẫm đạt được mục tiêu thiết thực.

Một nhận xét đầu tiên : Mỗi chúng ta đã nhiều lần tự chất vấn thâm tâm, nhưng hình như làm công việc này cho lấy lệ, hỏi hột, rồi bỏ qua: chỉ cốt tìm một cớ để tự dối mình, thâm tâm khỏi cắn rứt. Sau một thời gian, cái thói quen, tật xấu đầu lại vào đấy...

Nếu chúng ta suy luận thẳng thắn, để lòng tự ái ra ngoài, thì lúc đó, dự tính tự chất vấn thâm tâm đôi hỏi nhiều thì giờ, rất nhiều thì giờ, cả tháng, cả năm. Có nhà hiền triết, về già, đã viết: "Chính tôi đây còn không hiểu biết được mặt thật của "cái thẳng tôi" ra sao, vậy mà, một cách ngây thơ, tôi mong mọi mọi người phải hiểu biết tôi, hình như tự cho mình có quyền đòi hỏi vậy".

Trước hết, chúng ta đặt câu hỏi: "Thâm tâm là gì?"

Đã gọi là "thâm", nghĩa là "sâu" giấu kín. Vậy chúng ta có phương pháp nào để đem ra ánh sáng?

Rồi đến chữ "tâm". Trong đoạn đầu bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Chương I, Mục I: "'Gạn hỏi cái tâm":

Đức Phật hỏi ông A-Nan: "Tâm ở đâu?"

Ông A-Nam đã trả lời bảy lần, mà không lần nào đúng!

Chúng ta không thể giỏi hơn ông A-Nam được. Tuy vậy, tất cả chúng ta đều chấp nhận tâm là những gì tượng trưng cho chính chúng ta. Xin trích đoạn sau đây, cuối trang 42, bộ Kinh kể trên:

"Chúng ta hàng ngày sinh sống, cảm giác, nhận biết, suy nghĩ, ghi nhớ, toàn là do cái tâm, tưởng chừng không còn biết việc gì rõ hơn là biết cái tâm, nhưng đến khi suy cho cùng, xét cho chín, thì phải giữ mình tự thú nhận không biết cái tâm là thể nào cả? Tại sao như vậy? Tâm như thể nào? Đó là những câu hỏi cần được giải đáp cụ thể. Hiện tiền chúng ta không phải vô tri vô giác như cây như đá, nhất định có tâm, và thực tế, ngoài cái tâm ra, cũng không còn biết lấy gì gọi là chúng ta nữa; nhưng chúng ta cần phải suy xét nhiều, bỏ hết thành kiến, theo lời Phật dạy, đi sâu vào tâm tính, thì mới khỏi mờ hồ đối với cái tâm hiện đang làm cho chúng ta sống".

Một sự thật tế nhị: Tâm của chúng ta không có ở một chỗ nào rõ rệt trong thân thể chúng ta, "tâm vô an trụ" kia mà! Vậy mà tâm chính lại là chúng ta. Thêm nữa, tâm lại luôn luôn đổi chỗ, không khi nào đứng "yên định", cho nên mới có câu "vọng tâm như ngựa chạy, hoặc như vườn chuyền cảnh".

Nghĩ cho cùng, điều quan trọng không phải là tâm ở đâu. Điều quan trọng là: "Liệu chúng ta có làm chủ được tâm không?"

Đặt lên câu hỏi mà giữ mình, vì lẽ, muốn làm chủ được tâm, chúng ta cần phải biết tâm là gì hẵng. Chúng ta còn chưa làm chủ được phần thể xác của chúng ta, với bao nhiêu nhu cầu vật chất và tinh thần, bao nhiêu ước mong, ham muốn... Họa chẳng, chúng ta làm chủ được chúng ta trong một vài phạm vi thôi. Thí dụ, làm chủ trong nếp sống hàng ngày, trong cách thức ăn uống, làm việc v.v... Thân thể chúng ta thuộc vật chất và chúng ta hiểu biết khá rõ, tỉ mỉ, vậy mà chúng ta còn khó làm chủ, huống chi cái tâm của chúng ta, thuộc về tinh thần, không hình thức. Điều chúng ta biết về tinh thần chúng ta, đó là các đức tính, như tính nóng nảy, khoe khoang, lừa dối biếng v.v... Còn cái tâm, rất tế nhị, thì chúng ta chưa biết gì, như đã ghi rõ trong đoạn cuối trang 42 Kinh Thủ Lăng Nghiêm kể trên. Chúng ta cần phải biết tâm là gì rồi mới làm chủ được tâm. Có lẽ chỉ khi nào chúng ta giác ngộ, mới đạt được mục đích này!

Còn hiện giờ, chúng ta chưa điều khiển được tâm, thì chúng ta phải khẩn cầu Tha-lực của Đức Phật:

Trước bàn thờ Phật, với lòng thành kính, chúng ta đọc Kinh, Sám Hối, tự nhó lại các tội lỗi và tự hối cải. Ngoài ra, chúng ta nên thường xuyên "vắt tay lên trán" tự kiểm điểm những hành động, cách đối xử với mọi người, chỗ nào đúng, chỗ nào sai, thành thật với chúng ta, bỏ lòng tự ái. Thế là "tự chất vấn thâm tâm" dần dần thành một thói quen, một nếp sống chân thật.

•Thiện Nghĩa (Karlsruhe, ngày 12.6.1997)

CUỐI CUỘC ĐỜI : ĐI XUỐNG HAY ĐI LÊN ?

Diệu Huê

Cuối cuộc đời đây là tuổi già, từ tuổi chính thức về hưu, là 65 tuổi và có thể kéo dài 5, 10 năm, có người được thêm 20 năm hay hơn nữa. Thì cũng là chặng cuối cuộc đời.

Chắc chắn là phải "đi xuống" rồi! Thân thể đầu còn sức vóc của thời thành niên. Da bắt đầu nhăn, tóc bắt đầu bạc, đi đứng chậm chạp, nghe không rõ, trông không tuồng. Sức khỏe yếu kém dần, dễ nhức đầu số mũ, đau lưng, đau xương cốt. Chưa kể những bệnh nan y thường xuyên xảy ra vào tuổi già vì sức chịu đựng kém, kháng thể không còn nữa. Có người phải nằm liệt, đau đớn rên siết.

Vì thế Thái tử Tất-Đạt-Đa khi ra một cửa thành, thấy một cụ già mỏi gối chùn chân, đứng không vững, đã là cảnh phiến não rồi. Lại còn cảnh bệnh hoạn, chết chóc nữa, chúng tỏ đúng đời là bẽ khổ. Đến khi gặp một đạo-sĩ an nhiên tự tại thì Ngài quyết tâm chọn con đường đó để đi tìm Giải thoát cho bản thân và cho tất cả chúng sinh.

Vậy cuối cuộc đời "đi xuống" là đúng rồi! Nhưng không lẽ những người già đều phải bi quan, tuyệt vọng cả sao!?

Không đâu, tuổi già cũng có ưu điểm của nó. Trước hết là được nghỉ ngơi, khỏi phải đi làm trói buộc, có thì giờ nhàn hạ để làm những gì mình thích. Nhất là thích cái gì đẹp và cao thượng. Như thi hào Samuel Ullman đã nói (Thiện Nghĩa dịch trong bài "Làm Sao Được Trẻ Mãi"):

"Con người già đi không phải chỉ vì đã có tuổi. Người ta già đi khi đã bỏ rời lý tưởng. Thời gian qua tạo vết nhăn trên mặt, nhưng mắt cả hằng say làm cho tâm hồn cần cỗi... Minh còn trẻ khi còn tin tưởng và đã già khi đã nghi kỵ. Bao giờ con tim của ta còn nhận được các thông điệp về sự vui, đẹp, cao cả, hùng mạnh của con người và vũ trụ thì ta vẫn còn trẻ. Chỉ khi nào các liên lạc đều cắt đứt, khi bị quan và phủ phàng bao phủ tim ta như tuyết và băng giá, lúc đó, đáng thương thay, ta đã già thật sự".

Cần nhất là mình phải có cái thích làm mình vươn lên được, sẽ không thấy già nua. Thật sự bề ngoài có thể già, nhưng tâm hồn không già. Thêm nữa cần phải chùng mực, điều độ tập một ít thể dục nhẹ làm giãn gân cốt và thêm được dẻo dăng.

Tôi có hai tấm gương trước mắt:

Một là ông cụ Bố chồng tôi mất năm 99 tuổi. Suốt đời cụ nghiên cứu về cách tra chữ Hán, và cụ ưa làm thơ nữa. Cụ sống điều độ, và thường xuyên tự xoa nắn các huyết ở đầu, mặt, thân mình và tử chi, làm động tác cho từng đốt ngón tay, đốt ngón chân. Cụ bận rộn và luôn vui vẻ, được tinh tưởng đến lúc gần mất.

Hai là ông anh họ tôi năm nay 86 tuổi. Vốn là một bác sĩ mổ xẻ, lúc về hưu ông học vẽ, mà rồi vẽ những bức tranh có giá trị được trưng bày ở các phòng triển lãm. Tới bây giờ ông vẫn xách giá đi vẽ và ông dạy vẽ nữa. Ông tập thể dục có phương pháp, làm cử động mỗi khớp xương mỗi buổi sáng. Ông vẫn mạnh khỏe và thường đi du lịch.

Tôi xin lỗi quý vị đọc giả là đã nêu thí dụ hai người thân của tôi, nhưng đó là trường hợp đặc biệt mà tôi được biết rõ.

Chúng ta ai cũng có thể có những ham thích, thường thời cũng được những có ý nghĩa như một ánh lửa thiêng nhóm lên để ta thấy dù già mà

tâm hồn ta biết hưởng thượng, không đến nỗi cần cỗi. Như chúng ta ham học, học bất cứ cái gì hay và có ích, học thêm ngoại ngữ, học lại sử ký, địa dư, học cách trang trí, cả học làm bếp nữa, nếu ta muốn. Ta cũng có thể ham đọc sách, hay viết lách, kể cả viết thư cho bà con, bạn bè. Hoặc ham làm vườn tược, trồng hoa, trồng rau, ham du ngoạn. Có người giàu lòng bác ái chỉ muốn giúp đỡ kẻ khác.

Bà Inge Meysel, một tài tử màn ảnh nổi tiếng, bây giờ cũng nhiều tuổi, tuyên bố là mỗi ngày phải học một đoạn trong báo chí để luyện trí nhớ, khỏi lâm vào tình trạng đãng trí, chống già lẫn (khác với bệnh Alzheimer- tên nhà bác học thần kinh người Đức tìm ra- là bệnh teo óc não, làm bệnh nhân mất dần hẳn trí nhớ). Phật tử chúng ta có kinh-kệ để học mỗi ngày một ít là quý rồi.

Chỉ trừ khi chúng ta chẳng may bị trọng bệnh không còn thiết làm gì. Nhưng chúng ta không cay đắng oán trách số phận, vì ta tin vào luật Nhân-Quả nhà Phật: chắc là trước kia, có thể là trong một tiền kiếp nào đó, ta đã gây tội, nên bây giờ mới chịu nghiệp báo, thì chỉ còn cách là ta phải chịu như để trả nghiệp, dần tội sẽ nhẹ đi và hết hẳn về sau, hay ở kiếp sau. Phải nói đó là niềm an ủi lớn cho ta nếu ta hiểu được như vậy.

Cốt nhất là chúng ta cố giữ tâm được thanh tịnh, niệm Phật đến lúc chót, thì chắc chắn được Phật Di-Đà sẽ đón ta lên cõi Tịnh Độ Cực Lạc, là đi lên đến tột đỉnh.

Tóm lại, tuổi già có đi xuống về thể chất, nhưng vẫn có thể đi lên về tinh thần nếu ta biết chuẩn bị.

Nhân dịp này tôi muốn nói lên nguyện vọng của phần đông người già Việt Nam sống tại Đức: Làm sao có được một Viện Dưỡng Lão riêng cho đồng hương như nước Anh hay vài nơi trong nước Mỹ, cho người già cô-độc có chỗ dựa ngay giữa "dân tộc", nếu ở gần chùa thì càng tốt (người Thiên Chúa Giáo thì ở chỗ nào cũng gần Nhà Thờ cả), coi như thế là ở ngay "quê hương" rồi. Nếu thực hiện được, thì quý biết bao!

Ngày 12.6.1997 (Sa10019/1)



NHỚ MẸ

* ĐẶNG QUỐC VIỆT

Thuở thơ mẹ nói, con cãi lại,
Mẹ thì hết lòng chăm chút yêu thương.
Con hư đốn, nghĩ còn ân hận mãi!
Nay xa xôi, có cãi với bức tường!

Tại sao ngày nhỏ hay cãi mẹ?!

Mẹ đang mỗi mòn mong nhớ đứa con xa!
Con mất nét, nghĩ mà đau lòng mãi!
Nay xa xôi, có cãi với kèo nhà!

Xin tha thứ tuổi thơ chưa biết nghĩ!
Dù lớn rồi chưa chắc biết hay không!
Công dưỡng dục đáp đền chưa một tý.
Con nguyện nên người như mẹ vẫn hằng mong!

(Gnarrenburg 1997)



NHÀ VĂN PHẠM THĂNG

Tác giả và tác phẩm:

Đã xuất bản:

- *Việt Nam Mến Yêu* - 1973, Khai Trí, Sài Gòn;
- *Tiền Tệ Việt Nam* - 1989, Viên Giác, Tây Đức;
- *Xuôi Dòng Cửu Long* - 1990, Làng Văn, Canada;
- *Vui buồn nghề nghiệp* - 1992, Làng Văn, Canada;
- *Xóm cũ* - 1992, Làng Văn, Canada
- *Lịch Sử Đại Cường nước Việt Nam* - 1993, Tác giả xuất bản;
- *Địa Lý Đại Cường nước Việt Nam* - 1993, Tác giả xuất bản;
- *Gợi nhớ quê hương* - 1995, Đại Nam, Hoa Kỳ.

Sắp Xuất Bản

- *Hình ảnh quê hương trên tem thư Việt Nam*
- *Huy Chương và kim bài của Việt Nam*
- *Tiền tệ Việt Nam (tập 2)*
- *Những dòng sông quê hương*



CÁCH MỘT ĐẠI DƯƠNG

(Vài kỷ niệm với báo Viên Giác)

Sau ngày 1975 Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam, nhóm ký giả cũng như các giới bị gán tiếng là "ngụy quân, ngụy quyền" đều tan hàng. Kê đi vùng kinh tế mới, kê nằm im vào bóng tối. Nhứt là giới làm văn hóa càng bị chìm sâu vì báo chí lúc bấy giờ chỉ sử dụng một số người tin cậy của họ.

Với bàn tay cầm viết và khối óc không biết làm thương mại, chỉ nghĩ đến văn nghệ, giờ đây lại nằm im thì làm sao chịu nổi, thế nên lâu lâu lại được bạn bè báo tin: bạn này vừa vượt biên được, bạn kia đã đến bến bờ tự do v.v. Nhóm ký giả báo Tiếng Chuông chúng tôi, và riêng bộ môn thể thao đã có vài người ra khỏi nước. Khi nghe tin số bạn bè may mắn nhờ thân nhân quốc tịch Pháp như bạn Lê Quang Ngà, ký giả thể thao kiêm chủ báo Thao Trường được bảo lãnh cũng như anh Thiệu Võ được con ở Canada đón sang, chúng tôi nôn nao lắm, và một hôm được nghe tin anh Nguyễn Ang Ca vượt đến được Bỉ rồi, chúng tôi mừng cho anh chị Ang Ca và Huyền Nhi, thế là đám con tôi cũng vượt theo để cuối năm 84 tôi qua đến Canada.

Được định cư ở nơi vùng mà mỗi năm tuyết phủ trắng xóa 6 tháng, không có nhiều người Việt như Cali, Toronto, và nhờ bạn bè các nơi, tôi viết thư đến bạn bè mà người đầu tiên là anh Nguyễn Ang Ca. Nghe tôi than: "thèm đọc báo quá!" anh Ang Ca bèn gởi cho tập báo Viên Giác (loại cũ mà tôi nhớ là số 18) Anh hết lời giới thiệu: "Em à (anh gọi tôi thân mật như vậy từ mấy năm rồi) Thầy Thích Như Điển quý trọng báo giới lắm, tập san Viên Giác là báo có uy tín ở Âu Châu, đây là tập san về Phật giáo, văn hóa, chánh trị, em nên viết và trình bày giúp cái báo nghe em" v.v...

Được liên lạc với bạn, lại có tờ báo giá trị trong tay, và đang nhớ về quê hương mà là một Phật tử, tôi xung phong liền. Lúc này được báo Làng Văn đăng loạt bài biên khảo về Tiền Tệ Việt Nam, tôi bèn gởi sang báo Viên Giác hình ảnh phong cảnh và tôi trình bày bìa lại khác hơn loại cũ cùng với một bài "Hình ảnh Cổ đô Huế trên giấy bạc Việt Nam".

Thật là một vui mừng lớn lao vì sau đó tôi nhận được thư của Thượng tọa Thích Như Điển viết sang khuyến khích và đề nghị cố gắng trình bày bìa cho mỗi số báo sau.

Còn gì vui hơn khi được thư Thầy! Thế là liền mấy số sau đó tôi đều có hình cho bìa báo. Cũng may là lúc đó tôi cộng tác với tạp chí Làng Văn ở Toronto, phụ trách mục Xóm Cũ nên đang viết về quê hương, thành ra những bài nào tôi ưng ý đều có gởi qua "tạp báo nhà" là Viên

Giác, như những bài Âm vang trên dòng Cửu Long, Tâm sự Tiếng Chuông Chùa, Bầy cá rồng rồng...

Thế là dù ở xa cách cả một đại dương, tôi vẫn được gần gũi Thầy và bạn bè văn nghệ bên đó qua những loạt bài về quê nhà ngày trước và cũng may lúc đó tôi được mời trình bày hình ảnh quê hương tại vài hội đoàn nên tôi đem tinh thần vẽ lại cảnh sông nước, cây cau, cây dừa... lên vài bằng sơn dầu. Đó là cái may vì sau khi hoàn thành một tranh vữa ý, tôi liền chụp ảnh gởi qua báo Viên Giác để làm bìa. Vì là hình màu mà Thượng Tọa chủ nhiệm cũng chịu đổi mới tờ báo nên bộ mới của báo Viên Giác mấy năm sau đó đều in bìa bốn màu.

Cái sung sướng tinh thần của người "ăn cơm nhứt trĩnh" là được thấy bài của mình được ra đều đều trên mặt báo. Tôi cũng ở tâm trạng đó. Không bài nào gởi sang bị gác lại. Nhưng không phải vui vì chuyện đó mà vì tôi là một Phật tử ở xa xôi vẫn nhận được thư Thầy, Thượng Tọa Thích Như Điển, tự tay viết sang thăm hỏi, nhắc nhở việc tu hành và nỗi mừng vui lớn nhất là cuốn Tiền tệ Việt Nam của tôi được Thầy nhận in do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Hannover, xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Nội Vụ, đặc trách Tôn giáo và Văn hóa.

Năm 1989, Thầy vừa thành lập ban kỹ thuật và in ấn. Ban đánh máy computer có mấy mọt tinh xảo được đạo hữu Thị Chơn và số anh em yêu nghề làm việc hăng say trong lúc nhà chùa cũng vừa mua được cái máy in cũ nhưng với lòng nhiệt tình học hỏi của mấy bạn trẻ Phật tử tại chùa, cuốn Tiền tệ Việt Nam được in xong tháng 12, 1989. Cuốn Tiền tệ Việt Nam ấn bản lần thứ nhất 1000 cuốn gồm hai thứ tiếng Việt và Đức ngũ do đạo hữu Nguyễn Ngọc Tuấn đảm trách. Phần đánh máy và nội dung tiếng Việt do tác giả thực hiện và đánh máy tiếng Đức do đạo hữu Nguyễn Thị Thu Cúc phụ trách. Toàn bộ được Thầy duyệt lại chu đáo. Đã mong ơn Thầy và với lòng mộ đạo, tôi xin cúng hết số sách để cúng dường vào việc xây chùa Viên Giác đang xúc tiến. Thầy hoan hỉ nhận lời nên cuốn này được nhân duyên ra mắt đúng vào dịp Lễ Phật Đản năm thứ 2534 (1990).

Phải có thuận duyên mới được lễ Phật, bài Tãng, nghe Pháp và gặp bạn. Tôi may mắn hội đủ duyên lành đó nên Thầy gởi vé máy bay để qua Tây Đức ký tên tặng sách đọc giả với bạn văn Hồ Trường An. Dịp này tôi và vợ quyết tâm đến chùa Viên Giác làm công quá 1 tháng nên dù Thầy có dành riêng một nơi trú ngụ suốt thời gian Phật Đản cùng với Hồ Trường An, tôi và vợ cũng xin được ngụ trong chùa để tròn nguyện vọng. Nhờ dịp công quả cho tập báo nên tôi mới thấy lòng nhiệt tình của các bạn nêu trên. Nói ở lại chùa 30 ngày nhưng chỉ ở hơn 10 ngày của mùa Phật Đản, sau đó theo chân Thầy sang Lyon (Pháp) để dự lễ Đại Giới Đản do Thầy và các vị Tôn Túc tại đó chủ trì Giới đàn.

Mặc dù chỉ ở Hannover hơn 10 ngày nhưng là những ngày đáng ghi nhớ của một người đệ tử về với mái chùa xưa, tôi được Thầy hướng dẫn đi xem ngôi chùa Viên Giác đang xây dựng, Thầy đã chỉ dạy rất nhiều, tôi được gặp bạn già Ngô Văn Phát, bạn Phù Vân, bạn văn trẻ Vũ Nam...

và anh Nguyễn Ang Ca. Anh đã phải đi nhờ xe từ Bỉ quốc qua thăm vợ chồng tôi để chỉ xúc động nói: "Nghe tin hai em qua đây, anh rán qua để gặp mặt." Tôi không ngờ đó là câu nói cuối cùng của người anh văn nghệ, người bạn văn đã giới thiệu tôi vào "gia đình Viên Giác", người bạn mà độc giả của nhiều báo chí, trong nước cũng như hải ngoại, đều biết và có cảm tình.



Cuộc đời vô thường, có buồn, có vui, nên khi gặp anh tôi nào biết là lần cuối, tôi chỉ biết cùng Hồ Trường An kể cho anh nghe buổi Ra mắt sách của chúng tôi tại chùa Viên Giác. Chúng tôi thuật cho anh Nguyễn Ang Ca biết việc giúp đỡ của Thầy cũng như quý Thượng Tọa, Đại Đức đến tham dự, vậy mà khi thấy chúng tôi ký tên vào sách không kịp vì độc giả phật tử ái mộ quá đông, quý Tôn túc đã đứng lên tiếp tay mở sẵn trang sách để chúng tôi kịp viết vài dòng lưu niệm và ký vào để quý vị nhận sách trao lại độc giả. Tiền bán cuốn Tiền Tệ Việt Nam của tôi, Lúa Tiều Ruộng Biền và Thông Điệp Hồng của Hồ Trường An được độc giả ủng hộ vào thùng phúc sướng.

Tập san Viên Giác, tập báo giá trị và được độc giả Âu Châu cũng như Canada, Mỹ, Úc mến mộ đón đọc thắm thoát theo thời gian hơn 18 năm. Riêng tôi từ số 27 đã cộng tác đến ngày nay, lúc sau viết bài có ít hơn lúc ban đầu và vì mấy năm sau này cần theo sát Thời sự và Phật sự được ban Biên Tập chăm sóc cho kịp đưa tin, được trình bày sáng sủa, nên tôi cũng bớt sáng tác bìa (mà vì có tuổi nên lự nghề). Hôm nay nhân dịp báo Viên Giác dự định ra số đặc biệt thứ 100, được Ban Biên tập mời viết lại kỷ niệm với báo Viên Giác làm tôi nhớ quá. Nhờ vị Thượng Tọa Viện Chủ chùa Viên Giác, mà tôi xin được xung tưng trang trong là Thầy, vị Thầy có hào tướng, có đức độ mà nhà văn Hồ Trường An đã xin được quý y trong Đại lễ Phật Đản đó.

Còn gì vui mừng và hữu duyên cho bằng nhà văn Hồ Trường An khi được chấp tay trả lời: "Dạ được" khi Thầy đọc cho các Giới tử biết Ngũ giới và hỏi "Giữ được không?".

Sau lần ra mắt sách đó, tôi trình bày bìa Tuyến Tập Thơ Viên Giác và tôi được Viên Giác in thêm một cuốn Cô Sáu Tân Qui, chuyện ngắn về quê hương. Những cuốn sách ban đầu này được ban Kỹ thuật của Viên Giác chăm sóc đẹp, cộng với uy tín của nhà xuất bản Viên Giác cũng như được sự mến mộ của độc giả nên sau đó nhiều nhà văn hợp tác, như Vũ Nam với cuốn Bên dòng sông Donau v.v...

Từ 1990 đến nay tôi xa chùa Viên Giác nhưng các hình bóng kể trên cũng như quang cảnh máy in chạy đều, các nữ phật tử có tuổi xung phong dán bìa báo (lúc đó báo còn đóng gáy vuông), cũng như cảnh chùa ngày Lễ Phật Đản có trên 2500 phật tử các nơi về lễ Phật đã in sâu vào lòng và khêu dậy nhiều kỷ niệm mỗi hai tháng, khi tôi nhận được tập san Viên Giác từ Đức gửi qua một đại đường để đến Canada này!

Hi vọng tôi sẽ có thiện duyên được qua Đức lần nữa để đánh lễ Phật tại chùa Viên Giác, vấn an Thầy và bạn hữu biên tập cũng như thăm lại thành phố Hannover, nơi có các nghệ sĩ giang hồ đàn ca và vẽ hình bằng phấn màu lên via hè, giúp vui du khách mà tôi đã mô tả trong bài Màu sắc cho đời. Hôm nay để nhỏ tuổi đầu hợp tác và cũng nhân ngày Lễ Vu Lan, tôi xin gửi bạn đọc bài viết đầu tiên của tôi với báo Viên Giác, cách đây 10 năm, bài: Chiếc tàu thủy trên dòng Cửu Long.

(Canada tháng 5-1997) CMDD

Chiếc tàu thủy trên dòng cửu long

PHẠM THĂNG

Hồng Ngự là một quận của tỉnh Châu Đốc (hiện nay thuộc Đồng Tháp) nằm sát biên giới Cao Miên.

Chợ Hồng Ngự cũng như bao nhiêu chợ quận, tỉnh khác nằm trên bờ Tiền Giang, nơi ngã ba giáp nước của con sông nhỏ tên Sở Hạ. Chợ coi nghèo nàn, nhà lồng chợ tuy được xây dựng cao ráo nhưng không to lớn. Con đường chánh chạy dọc theo bờ sông trước chợ ban

ngày còn bụi mù, ban đêm được rọi sáng do một dãy đèn mờ mờ, rất thuận lợi cho đám người buôn lậu từ biên giới Miên vượt qua.

Những ngọn đèn đường lúc đó là đèn đốt bằng dầu lửa, để trong lồng kiếng cho khỏi bị gió làm tắt. Cứ mỗi chiều chạng vạng, một công nhân của sở kiều lộ vác thang tre, tay xách cái đèn bão, đi từ cột đèn này đến cột đèn kia để châm dầu và đốt cháy tim đèn. Cả chợ chỉ có một hàng cột đèn theo bờ sông, mà tôi còn nhớ rõ chỉ có 16 ngọn, đêm đêm cũng tạo sinh khí cho ngôi chợ nhỏ. Và lại dù chúng soi ánh sáng khiêm nhường yếu ớt cho con đường và in bóng lung linh xuống dòng sông thì cũng có ích cho những người đi ghe tàu trên sông biết đây là chợ Hồng Ngự để ghé lại nghỉ qua đêm, và đám người buôn lậu, mua bán những sản phẩm từ Miên chờ qua tránh trạm kiểm soát quan thuế, biết điểm nào tối tăm mà ghé vào, xuống hàng.

Tôi học trường nam Tiểu học, ngôi trường bé xinh xắn chỉ có 5 lớp, mặt hướng ra con sông cuộn sóng, phía sau là cảnh đồng bao la, thật nên thơ như bài học thuộc lòng mà tôi quên tên tác giả:

*Trường học làng tôi ở cạnh đình,
Một trường ba lớp, vẻ xinh xinh.
Trước trường có một vài cây lớn
Trường quyền lòng tôi những cảm tình.*

*Trường tôi mặt trước ngó ra sông,
Còn mặt đằng sau ngắm quãng đồng
Nơi ấy thầy tôi thường hỏi hướng,
Tôi vòng tay đáp: Dạ, phương Đông.*

Trước kia, từ trường ra bờ sông phải qua một sân chơi rộng và con đường đá đỏ. Nhưng dòng Tiền Giang đã xoi mòn phía bờ sông trước trường nên đất bị lờ lờ.

Mỗi năm vào tháng mưa, sông Cửu Long từ thượng nguồn bên Tây Tạng mang lưu lượng dưng mãnh chảy qua Luang Prabang, Vạn Tượng, Paksé về đến Nam Vang, thủ đô Cao Miên. Đến đây gặp sông Tonlé Sap, lưu lượng nó bị phân tán, chảy vào Biển Hồ xứ Chùa Tháp, giúp cho xứ này có chỗ để tôm cá sanh sản, vừa có nơi chứa lượng nước khỏi bị tràn vào đồng ruộng. Đến tháng bảy, tháng tám, sau khi chứa đầy Biển Hồ, nước sông Cửu Long lại dồn trở ra để xuôi xuống miền Nam, đổ ra biển cả.

Dòng nước lúc này thật đáng sợ. Vừa thoát khỏi sự lưu giữ của hồ, và sau khi được các Vua xứ Chùa Tháp tổ chức buổi lễ "Tặng Tóc" (lễ đũa nước), sông Cửu Long hùng hổ chảy về Việt Nam như...nước đổ. Người dân miền này đã gọi thành tên từ bao thế kỷ: Mùa nước đổ.

Theo sông Cửu Long, cá tôm từ biển hồ Tonlé Sap nuôi dưỡng đã tràn về đồng ruộng miền Tây, đi sâu vào ngọn kinh rạch để sanh sôi nẩy nở. Mọi người đều nhìn nhận là vùng miền Tây, giáp ranh Cao Miên là vùng có nhiều tôm cá nhất.

Một địa danh mà giới buôn bán cá từ miền Tây lên Sài Gòn đều biết là rạch Cá Cái. Không biết danh xưng này là do rạch có nhiều cá, ông bà ta mới đặt tên, hay phiên âm của

tên Miên? Chỉ biết nơi đây là trung tâm xuất phát những ghe cá chở về Sài Gòn tiêu thụ.

Sông Cửu Long ưu đãi vùng này, nên vào mùa nước đổ, cá sống như cá lóc, cá bông, cá vồ, cá bông lau...tràn vào cánh đồng lúa sạ ở đây, để đến tháng chạp, tháng giêng, tháng hai, nước rút cạn dần, cây lúa trở bông chín vàng ngã rạp xuống, cá tôm theo luật sanh tồn, tìm những nơi còn nước để ở. Người dân bên đảo ao cạn, vùng này gọi là đìa, cho cá xuống ở. Một số cá lớn lội ra rạch, sông. Dân chúng chỉ cần tát cạn đìa, cũng như chung nhau đập đập chặn ngang rạch để bắt cá. Cá đồng, nhứt là cá lóc, cá bông lớn cỡ bắp chân người lớn nhiều vô kể. Tát một đìa thu hoạch hơn 1000 kí lô, chở được nửa khoang ghe lườn. Người dân làm nghề cá từ các vùng khác đến đây mua cá để chở về thủ đô Sài Gòn.

Họ không cần tranh dành nhau mua, vì cá tôm nhiều quá. Dân địa phương chỉ lựa bán những loại cá lớn có giá trị như cá lóc, cá bông lau, cá trê, cá vồ...những loại khác như cá he, cá sặt rằn, họ vừa bán vừa cho. Loại cá nhỏ như cá linh, cá chốt, họ đóng bằng thùng thiếc để bán cho dân trồng rẫy nấu làm phân bón cây, hoặc lấy dầu. Dầu cá đốt đèn cũng tạm xài được. Người dân nghèo đổ dầu cá vào chén có một cọng vải làm tim, cũng tạo ánh sáng cho căn nhà lá xa thành thị. Chỉ tiếc là đèn rất nhiều khói. Phân cá bón cây thuốc lá hoặc dưa gang, dưa hấu rất tốt. Cá bán không hết, họ xẻ cá phơi khô hoặc làm mắm. Các thôn nữ vùng này rất giỏi. Từ lúc chín, mười tuổi đã biết giúp cha mẹ làm cá, làm mắm.

Vào độ tháng hai, có dịp đến rạch Cá Cái để thấy ghe thương hồ mang nhiều bảng hiệu của các tỉnh khác nhau đậu san sát phía ngoài rạch. Rạch đã được ngăn ra nhiều đập. Trên cánh đồng lúa đã gặt xong, còn trổ những gốc rạ cao, dân chúng nhộn nhịp, quần áo sạm màu. Đó là người dân địa phương và giới mua bán cá mang máy bơm nước từ Sài Gòn đến. Họ mua mảo ao đìa của dân địa phương để tự tát cạn. Dĩ nhiên họ mua với giá rẻ vì họ ra công sức và máy móc, nhưng người dân ở đây dễ dãi chịu liền. Họ có mất gì đâu. Cá tôm là "cua" Trời cho hằng năm mà. Họ có nhớ ở sông Cửu Long không? Chắc có, vì họ không bao giờ quên cúng kiếng tạ ơn Trời Phật và Thần sông Hà Bá (làm nghề hạ bạc, họ rất sùng bái) rất linh đình sau mỗi mùa.

Người dân khá giả có ruộng, đìa, thì hi họ đem tiền bỏ vào tù hoặc cho con cháu mua thêm máy đuôi tôm để chạy xuống ghe, hoặc mua máy hát vận giấy thiều để nghe tiếng ca ngọt ngào của cô Tú Sạng, nghệ sĩ Năm Nghĩa, Năm Phôi, Út Trà Ôn...Thời bấy giờ chưa có radio (máy thu thanh) máy hát mới vừa phát minh là nguồn vui của cá xóm.

Vào những đêm làm cá, bài vọng cổ giúp đám phụ nữ làm dẻo tay hơn, nên các lái cá từ Sài Gòn đã mua để bán lại những bộ đĩa hát có nội dung truyền cảm, làm thốn thục những trái tim quê mùa chỉ biết có nướng khoai, ruộng lúa. Các cô đã ngâm ngùi lau thềm nước mắt khi nghe Út Trà Ôn hát bài Anh Bán Chiếu Bông, kể chuyện anh bán chiếu thềm yêu cô

thôn nữ đặt mua chiếu. Mấy tháng sau, anh đem chiếu đến, cô gái đã theo chồng...

Tôi vác đôi chiếu bông mà cõi lòng tan nát,

bước chân đi như thể xác không hồn...

Nước mắt tuôn rơi theo lá rụng bên đường,

Gió đông vút vù thổi mạnh,

Lạnh đất trời, lạnh cả tâm can...

Người ta đã có đôi rồi,

Chiếu chân đầu ấm bằng người tình chung...

Người dân nghèo ít ruộng, không ao đìa, không có nhà ngói vách ván bồ kho, không có sân lát gạch tàu để đến mùa cá, đốt đèn măng sông sáng choang cho phụ nữ tụ lại cất đầu, mổ bụng cá, như nhà giàu nhúng họ cũng có cá chục lu, khạp trong nhà để làm mắm vừa ăn, vừa bán. Mùa này họ đến làm cá muốn cho



người giàu. Nếu không muốn lấy tiền, họ có thể chọn mả cá nhỏ bỏ vào công của họ làm mấy đêm, đem về xẻ khô hoặc nhận mắm. Không kể những đầu cá bông và những thùng trứng cá lóc vàng óng, họ muốn lấy bao nhiêu cũng được. Cá sặt rằn quá nhiều, không có thì giở để đánh vảy, chặt đầu, họ khoán cho đám trẻ nhỏ mổ ruột, làm khô. Loại cá sặt phơi khô ở đây vào mùa này không quý, nhưng khi mang đến địa phương khác, nó là món ăn hấp dẫn với cơm nguội, hoặc xẻ nhỏ trộn chung với giấm, dưa leo, vài lát xoài sống... Chao ôi, món ăn rẻ tiền hấp dẫn của các tầng lớp dân, nhứt là giới nhậu rượu đế. Ăn miếng khô cá sặt với me hoặc xoài sống, ực ực rượu đế cái "trót", khả một tiếng! Còn gì ngon hơn? Giới rượu đế kêu đồ nhậu là "bối", nên cá sặt rằn này được kêu là cá sặt bối đó chẳng?

Dòng Cửu Long nuôi sống dân nơi đây no ấm, nhưng giới được nhiều tiền là giới bán cá. Giới này có loại ghe lớn, không lớn bằng ghe chài chở lúa, nhưng là loại ghe thương hồ, ăn ngủ, đi đứng trong khoang dễ dàng, mũi và lái ghe đóng bít, trét dầu chai thật kỹ để chứa không khí tạo thành hai phao cho ghe nổi trên mặt nước, vì dưới lòng ghe họ chỉ đóng lưới

bao quanh để chở cá. Cá sống lội đầy nghẹt trong khoang ghe, nước sống chảy ra vô dễ dàng, nên dù đi xa cả nửa tháng, cá vẫn sống như trong sông rạch.

Giới thương hồ mua bán cá chỉ vất vả trong những ngày tát đìa, bắt cá. Sau đó, khi ghe đã đầy, họ chèo ghe đến ngã ba Tiền Giang chờ đón tàu kéo, muốn kéo ghe về Thủ đô.

Lúc này, các bạn ghe, chủ ghe rảnh rỗi không lo gì nữa. Chiếc ghe được cột một sợi dây dài nối với chiếc ghe trước, và sau họ, một chiếc ghe khác được nối vào. Có chiếc là ghe chở cá, có chiếc là ghe lúa, ghe nôi, cà ràng bằng đất nung, có ghe khoai, thơm, khóm, cũng có nhiều chiếc ghe nhỏ cặp vào tạo thành một dãy ghe dài. Trẻ nhỏ trên bờ đứng trông theo đoàn ghe, la ó ới: "Tàu dòng ghe kia tụi bây ơi..."

Sông Cửu Long rõ ràng là huyết mạch của miền Tây. Người dân sống trên đôi bờ no ấm, và người dân thương hồ sống thoải mái trên thân của nó. Có sống trên ghe đang rẽ nước sau chiếc tàu máy xi xít, mới thấy đời sống bấp bênh trên sông nước Cửu Long là thú vị.

Từ Hồng Ngự đến Sài Gòn, tùy theo mùa nước đổ và tùy theo tàu kéo ghe nhiều hay ít, phải mất đi từ bốn đến bảy ngày. Nhưng nếu tàu chạy ngược dòng từ Mỹ Tho đến biên giới Việt Miên phải mất đến mười hoặc mười hai ngày.

Sống lẩn quẩn trên chiếc ghe mấy thước vuông trong khoang và trên mũi, nhưng họ không thấy chán. Họ nhìn ngắm bình minh, ánh nắng hồng loang loáng trên sông. Hai bên bờ nhiều mái nhà tranh ẩn hiện dưới tán cây vượn vài tia khói nấu cơm buổi sớm. Những tàu lá dừa là ngọn in bóng rập rờn trên mặt sông đang bị sóng chiếc tàu xô tung đợt, tung đợt vào bờ. Vài bà mẹ già và các cô thôn nữ đang giặt giũ bên sông hết hoàng nấp chặt chiếc xuồng đang nhay sóng nhấp nhô. Nhìn khói lam, dân trên ghe nhỏ đến buổi cơm sáng. Và tự động không cần nhắc nhở nhau, trên dãy ghe dài lác đác đốt lửa nấu cơm phía sau lái. Khói quện tỏa lan trên sông. Đứng trên bờ nhìn xuống, đoàn ghe như con rắn dài màu xám bốc khói đang trườn trên nước.

Tôi sống ở Hồng Ngự gần ba năm của tuổi thơ, đã nhìn dòng sông với lòng triu mến, đã nghe âm thanh quen thuộc của ghe xuồng khua lụp cụp mỗi buổi sáng khi nhóm chợ, nhìn ghe xuồng mang sản phẩm quê mùa như xoài chuối, bầu ướp ra chợ bán, những hình ảnh và âm thanh tôi nhớ mãi là tiếng còi súp lè của chiếc tàu chở khách của xứ chùa Tháp (Cao Miên).

Dòng Cửu Long dù chảy trên đất Việt, nhưng theo hiệp ước, Cao Miên được quyền sử dụng nó làm đường thông thương ra biển (lúc bấy giờ Cao Miên chưa có hải cảng Kongpong Som) nên chánh phủ và tư bản xứ này (cũng là người Hoa Kiều) lập công ty tàu thủy chở khách và hàng hóa đến Sài Gòn hoặc xuất cảng.

Chiếc tàu rất lớn, mang tên vị Quốc vương xưa: Norodom I (Norodom đệ nhứt). So với những chiếc tàu thủy Việt Nam chạy tuyến

đường Châu Đốc, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sài Gòn v.v...thì chiếc tàu này rất bề thế, xúng xính là chiếc tàu của dòng Tiền Giang hùng tráng. Tàu này có phần hùn của công ty Messagerie Maritime nên được đóng rất...Tây.

Tàu hai tầng sơn trắng, dài hơn 70 thước. Tầng trên phía trước, sau chỗ ngồi lái của tài công là một dãy buồng, cửa sơn vec ni. Lan can tàu sơn trắng có nhiều tay vịn cầu thang lên xuống bằng đồng sáng chói, trên mũi có lồng cu, dây đèn chẳng chịt. Đặc biệt là phía sau tầng trên, nơi gọi là phòng lái, là một sàn gỗ lớn có lan can gỗ dựa êm ái, trải chiếu bông. Nơi đây chỉ dành riêng cho quý vị sử sãi đi tàu. Không ai được lên ngồi trên sàn này dù là quan quyền. Họ có buồng lái dành riêng cho khách hạng nhứt phía trước. Áo vàng của sử sãi nổi bật phía trên phòng lái cho thấy người Miên rất sùng kính các tầng.

Khách du lịch hoặc dân buôn bán có chỗ ngồi trên boong trên (tầng trên) hoặc tầng dưới. Có ghế bố xếp hoặc võng cho khách muốn. Phần đông ai cũng muốn ghé bờ để ngồi nhìn phong cảnh ven bờ và để nằm ngủ suốt tuyến đường.

Khách đi tàu lúc nào cũng đông. Vì hai quốc gia nằm cạnh nhau, dân hai nước lại có số đông nói được hai thứ tiếng, và Nam Vang có lời đồn là nơi dễ làm ăn sinh sống, người Miên hiền lành, không bon chen nên dân Việt lên đó làm ăn, mặc cho câu ca dao:

*Nam Vang đi dễ, khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con..."*

Dân buôn thường thích muốn võng mắc tòn teng, đong đưa ở tầng dưới. Tầng này ồn ào, đông người buôn bán nhưng tiện lợi, vì họ nằm võng phía trên, dễ trông chừng những giỏ cần xé gà vịt, trái cây của họ.

Dân chúng ở dọc theo tuyến đường đều có thể đón tàu thủy này để đi Sài Gòn, hoặc ngược lại. Nhưng chỉ trừ vài thị trấn lớn như Vĩnh Long, Mỹ Tho, có cầu tàu để tàu ghé lại xuống hàng và đưa đón khách, những thị trấn nhỏ như Hồng Ngự, Tân Châu, Cao Lãnh...tàu chỉ bắt tốc lực, chạy chậm lại chờ ghé đò chờ khách tử trong bờ kịp chèo ra, cặp vào hông tàu cho hành khách lên xuống.

Cứ hai ngày, chiếc Norodom I chạy ngang qua Hồng Ngự khoảng 5 giờ chiều, và hôm sau có chiếc thứ hai từ Sài Gòn trở về. Gần đến thị xã nào, chiếc tàu kéo còi để báo tin cho thiên hạ biết.

Tiếng súp lê vang từ xa nhắc nhở khách biết tàu sắp đến, và nó đã ăn sâu vào hồn tôi từ thuở nhỏ. Có lẽ âm vang của còi tàu cũng như bóng dáng nó nhẹ nhàng lướt sóng Cửu Long về hướng xa xa...(lúc đó tôi nào biết Sài Gòn là đâu?) đã gieo vào lòng tôi mầm thích phiêu lưu.

Chiều nào cũng vậy, ăn cơm xong, tôi thường ra đứng dựa lan can chiếc cầu tàu bằng gỗ trước chợ. Gọi là cầu tàu vì nó là loại cầu phao lớn có mặt ván, vuông mỗi cạnh bốn thước, nổi trên mặt nước, để ghe máy, xuồng đò đến đậu cho khách dễ dàng lên xuống. Từ

bờ xuống phao nổi là cây cầu ván, bề ngang gần hai thước, có lan can sắt.

Tôi đứng dựa lan can mà nhớ đến ba ở Hà Tiên, nhớ đến má tôi và các chị em ở tận Vĩnh Long dịu vợi. Tiếng súp lê vắng vắng từ xa: "tút, tut, tú u.u...", tôi quần đầu, túi thân mình bé bỏng ở xa gia đình, dù là đang ở với chị.

Có bữa quá buồn, nước mắt tôi chảy ướt gò má hồi nào không hay. Tôi chợt nhớ câu hát đùa em mà má tôi thường hát:

*Tàu súp lê một, còn trông còn đợi...
Tàu súp lê hai, còn đợi, còn chờ...
Tàu súp lê ba, tàu ra biển Bắc,
Hai tay tôi vịn song sắt.... nước mắt chảy ròng ròng...
Miệng kêu bỏ chú tài công
Khoan khoan, chậm chậm... vợ chồng tôi xa ngàn dặm, cách phân...*

Tôi đâu phải người vợ đang tiễn chồng, hay người chồng bị quân Pháp bắt đi đánh Đức, đang nắm chặt lan can tàu mà kêu gọi ông tài công...Tôi chỉ đứng ở đây trông về phía Vĩnh Long thương nhớ, nơi đó cũng có cái cầu tàu trước dinh ông Tỉnh trưởng Pháp. Nơi cây cầu đó, tôi đã đôi lần theo má tôi ngồi chờ tiếng súp lê, chờ tàu để đi Châu Đốc thăm ba tôi trước đây.

Má tôi bỗng em bé, tôi đứng xấn bần bên cạnh. Má con tôi cũng như các bà nhà quê khác đang chờ tàu từ hướng Mỹ Tho chạy tới. Các bà trái manh chiếu nhỏ hoặc tờ báo để ngồi tạm, chờ... chờ... Còn lâu mới tới giờ, các bà ôm con thơ, mắt trông chừng va ly, giỏ xách đựng chuối khô, bánh tét cho chồng... Má tôi lại phải coi chừng đứa con trai bảy tuổi đang ngồi ngủ gà, ngủ gật dưới trời sương.

Chao ôi, thương biết bao nhiêu những bà vợ quê đi thăm chồng làm việc xa nhà! Vài tháng đi thăm một lần, mà từ quê xa phải tay xách, nách mang xuống đò dọc từ sớm, rồi ngồi chờ ở cầu tàu dưới tầng cây dầu râm mát (may mà có vài cây dầu ở đây) lấy lát ăn qua loa đón bánh tét đem theo, trong khi cần thận mở hai ba lần cây kim băng túi áo đựng số tiền dành dụm chắt chiu để mua cho thằng con trai cái bánh mì dài ngoằng khó cứng. Các bà chịu đựng cả ngày đến khuya mới tới giờ tàu đến.

Thành phố đã ngủ yên mới thấy chiếc tàu lù lù phía xa, với hai bóng đèn xanh đỏ trên mũi. Má con tôi vội vàng thu dọn và lại chờ đến...nửa giờ sau tàu mới cặp bến. Đây là loại tàu thủy chạy tuyến quốc nội nên nhỏ bé so với chiếc Norodom. Cũng hai tầng nhưng không lớn và dài, cũng lan can sơn xám xịt, có treo nhiều phao nhôm tròn, cũng cái ống khói đen đang phun phi phi những tàn lửa nhỏ bay như đom đóm. Cái gì cũng nhỏ và lượm lượm, nhưng nó là phương tiện duy nhứt của mẹ con tôi, từ Vĩnh Long lên Châu Đốc.

Thời bấy giờ cũng có xe đò, nhưng ít lắm, và để gì một bà với hai trẻ cộng thêm túi xách quần áo, mấy buồng chuối già hướng, vài xâu dừa tươi...mà tụi ló xe đò cho lên ngồi thoải mái. Dù có chỗ thì số tiền của ba mẹ con sẽ

tốn kém. Thời đi đi tàu thủy có lâu, có chờ mệt vẫn tiết kiệm cho ba mẹ con hơn.

Tiếng huyền não của người khuôn vác, tiếng la ói oi của các con buôn, tiếng rao hàng, tiếng khóc của trẻ con sợ lạc cha mẹ thật ồn ào. Ánh sáng của ngọn đèn cầu tàu không đủ soi, các bà mẹ quê lại phải khéo léo diu dắt con nhỏ, vừa hấp tấp đem đồ đạc xuống tàu, sợ trễ vì tàu đã súp lê lần một. Xuống được xong còn phải kiếm chỗ ngồi cho yên. Lại trái manh chiếu nhỏ chỗ đầu dầm muốn ghé bờ xếp như các khách trẻ tuổi phong lưu. Các bà không một tiếng than, an phận với nỗi cực của mình để tiết kiệm tiền.

Sau khi hành khách xuống hết, tàu súp lê lần hai, rồi mở dây từ từ tách bến với tiếng súp lê ba già từ.

Tôi còn nhỏ, đeo niết theo má tôi, không dám rời chỗ ngồi nhưng mắt vẫn nhìn mặt sông tối thui đang đón nhận những tàn lửa bay tới tấp. Tôi muốn ra lan can đứng nhìn về cầu tàu có cây dầu râm mát che nắng cho chúng tôi cả ngày nay, nhưng không dám. Tôi muốn nói với cây cầu tàu là chỉ tạm già từ thôi, tháng sau tôi lại trở về, nhưng nhìn thấy sóng nước bắt đầu xao động, tôi sợ bị té xuống...

Chiếc tàu hướng về phía trước, vài chiếc xuồng bán thức ăn đêm vẫn còn cột dây đeo theo tàu để cố bán thêm chè cháo.

Trên bờ sông, đèn điện của chợ Vĩnh Long sáng vui như ngày hội cũng dần dần cách xa...

Tôi rời xa Vĩnh Long mà không buồn vì có má bên cạnh, và đang đi thăm ba, nhưng giờ đây đứng dựa lan can cầu tàu Hồng Ngự nhìn theo bóng chiếc tàu trắng phẳng phẳng rẽ nước hướng về Vĩnh Long, tôi nhớ quá, nhớ từng ánh đèn vàng vọt của cầu tàu, nhớ bốn trụ sắt tròn để tàu cột dây, nhớ cái bánh mì bột gạo cứng ngắt, nhớ cây dầu lá reo trong gió, có trái như chong chóng bay xòe trên đầu anh em tôi. Tôi thêm được lên chiếc tàu to lớn kia mở hết tốc lực để về chợ Văng (Vĩnh Long). Tôi thương mến chiếc tàu, thương mến dòng sông trong mùa nước đổ. Tôi đứng đó cho đến khi bác công nhân thấp sáng các ngọn đèn mới trở về nhà.

Có bữa chị tôi ra kêu về, rầy la. Thâm tâm chị biết tôi nhớ nhà nên đầu rầy rã cũng để tôi mỗi ngày đến cầu tàu nhìn dòng nước.

Nhưng một hôm, vừa đi học về, tôi mừng rỡ khi thấy má tôi ngồi trong nhà. Còn nỗi vui nào hơn! Tôi hỏi má tôi đủ thứ chuyện nào là chuyện cây xoài, cây cam ở bờ sông có còn sống? nào là bầy gà vịt bảy giờ được bao nhiêu con...?

Má tôi cười mắng yêu:

- Mồ tồ mầy! Con lên đây mấy năm thì nó phải đổi thay chỗ... Có nhớ má, nhớ em không, sao hồng thấy hỏi, chỉ lo hỏi bầy gà vịt...

Tôi cười xen lên. Chị tôi đổ lời:

- Nó nhớ má, nhớ nhà lắm, má ơi. Chiều nào cũng ra bờ sông nhìn về phía xa, nói có Vĩnh Long, quê mình đó.

Má tôi nghe, cảm động nghẹn ngào, đôi mắt đỏ hoe. Bà sụt sịt nói:

- Thi má cũng nhớ nó quá nên hôm nay mới rán lên đây để thăm, chỗ ruộng vườn còn mẹ me...

Chị tôi hỏi tiếp:

- Ủa, đang mùa lúa, sao má lại đi? Mà má đi bằng gì vậy má?

- Đó ă. Nhằm mùa lúa, má đâu có rành rồi, nhưng sẵn dịp vợ chồng chú bảy Thọ chèo ghe lên Châu Đốc mua cá về làm mắm nên má xin quá giang lên thăm mấy con, cho đỡ tiền tàu, tiền xe.

Lúc này tôi mới nhìn kỹ má tôi để thấy nước da bà bị nắng, đen thui. Tôi hỏi nhỏ:

- Bộ ghe chú bảy Thọ không có mui sao mà má bị nắng "ăn" dữ vậy?

Má tôi cười:

- Có mui chớ. Nhưng tại đứng dang nắng để chèo ghe... nên da bị nắng ăn...

- Ai biểu má dang nắng, chèo ghe làm chi...

Má tôi vuốt đầu tôi nói:

- Thằng nói niết. Minh quá giang ghe người ta thì phải giúp họ chèo ghe, hay nấu cơm chớ. Không ai biểu nhưng ai ai cũng phải biết chuyện giúp qua, giúp lại này, con ă. Những lúc thím bảy chèo mệt thì má ra chèo thay thế vậy mà...

Tôi vuốt hai bàn tay nhăn nheo cục khổ của má mà lòng quận thắt. Tôi hỏi:

- Rồi chừng nào má về?

- Chắc khoảng năm ngày, vợ chồng chú bảy đi mua cá trong rạch Cá Cái xong sẽ quay lại đây rước má.

Chị tôi vụt nói:

- Úy trời! Rồi má lại quá giang ă...chèo ghe nữa sao? Thời đừng cục khổ vậy. Con mua vé tàu thủy Norodom để má về cho khỏe.

Má tôi cảm động lắm. Bà nói nhỏ nhẹ:

- Má cảm ăn các con. Nhưng làm vậy sẽ uống tiền. Để dành tiền mua vài may áo hay mua gạo con ăi. Và lại quá giang ghe này đâu có mệt. Minh đã đi với bà con lướt đi mà lướt về bỏ họ sao? Lướt về này ghe chớ cá nhiều chắc vợ chồng chú bảy muốn tàu để kéo ghe. Lúc đó minh khoẻ ru hê...Chỉ có lúc về đến sông Long Hồ thì tàu hết kéo ngá đó, má với vợ chồng chú bảy mới phải chèo thôi.

Rồi như để an ủi chúng tôi, bà nói:

- Coi vậy mà... chèo ghe khoẻ ru hê. Có gió sông thổi lồng lộng. Còn chừng nào mệt bị đổ mồ hôi thì má ngồi xuống bệ ghe khoát nước sông lên rửa mặt, mát lắm, các con ă.

Năn nỉ gì má tôi cũng nhứt quyết tiết kiệm tiền, thà chịu cục, nên năm hôm sau tôi khóc hết nước mắt để nhìn theo bóng dáng mảnh mai của má trên chiếc ghe chớ đầy cá của chú Bảy. Tôi buồn vì xa má, lại thương cho người mẹ già tiện tận nên phải giải đầu mùa nắng thêm mấy ngày đêm trên dòng Cửu Long mênh mông.

Tôi đứng trông theo bóng chiếc ghe nhỏ dần. Vừa lúc đó chiếc tàu Norodom lù lù hiện ra rồi lướt về hướng Vĩnh Long, cùng hướng với chiếc ghe có má tôi. Chắc chắn nó sẽ rẽ sóng qua mặt chiếc ghe đầy cá. Tôi thấy nhói lòng khi tưởng tượng cảnh mẹ tôi chèo ghe mệt, khoát nước sông lên rửa mặt cho mát... Tôi nhủ thầm: "Được rồi, kỳ sau tôi về Vĩnh Long trên chiếc tàu này và sẽ đưa má tôi trở lại Hồng Ngự cũng bằng chiếc Norodom lộng lẫy

để má tôi sẽ ngồi trên ghế bố ở boong tàu, khoẻ khoắn đón gió sông Cửu Long".

Nhưng má tôi không bao giờ bước chun lên chiếc tàu thủy to lớn này vì bà đã mất trong thời khói lửa! Khi lớn lên, nên người, tôi không còn dịp báo hiếu ăn ăn.

Những lúc tôi nghe bài hát "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào" tôi không thấy xúc động lắm. Bởi vì từ lúc còn bé thơ, tôi đã

thấy lòng má tôi bao la rồi! Lòng bà thương con không cần bao la như biển cá, chỉ như con sông Long Hồ, con sông Cửu Long mà má tôi đã bao nhiêu lần khoát nước rửa mặt để cho giọt mồ hôi của bà hòa vào dòng nước ngọt này!

Calgary, Mùa Vu Lan báo hiếu ph_thang



Hồng Lan

Nhớ Mùa Hội Họa

Đêm dài trần trở khó yên

Lòng đầy chua xót xa miền cổ hương

Trăng non một mảnh tỏ vương

Chị Hằng ủ rừ, chán chường thế nhân

Canh trường thao thức lằng lằng

Lệ rơi nào biết gối buồn ướt cầm

Vắng nghe tiếng gió gọi thầm

Hãy về thôn cũ có rằm Trung Nguyên

Phổ Đức một kiếng chùa son

Đuối xô, ly tán chẳng còn mây may

Đời người như áng mây bay

Lũng lờ vất vưởng trải dài không gian

Vinh Tràng tam bảo riêng mang

Kỳ công xây cất huy hoàng cổ xưa

Phật Ân viên tự Đại thừa

Ngọc Tường tịnh xá, Tiểu thừa quang minh

Quan Âm cứu độ chúng sinh

Đòng Xanh, Vòng Nhỏ lộ trình đến nơi

Mỹ Tho thuở ấy một thời

Những ngày via lớn rủ mời cùng nhau

Thập phương, bá tánh xôn xao

Quy hương niệm Phật lòng giàu từ bi

Chuông ngân vang dội những gì ...

Thành tâm kính cẩn còn chi cho bằng

(trong tập "Thơ Hồng Lan")



Thơ

Quang Kính



Viên Giác Một Trăm

Nhận được thư của Phù Vân
Kỳ sau Viên Giác đủ trăm số rồi
Làm bài đóng góp Bác ơi!
Trong Ban biên tập cũ rồi Bác quên
Phù Vân ghi rõ từng tên
Bác Quang Kính, Sở Táo Quân lâu rồi
Năm nay bác nghỉ xả hơi
Ráng làm vài bài cho số một trăm
Hạn, cùng Tổng Thống Clinton
Ổng thì gãy cẳng mà chân tôi què
Hai tháng bó bột chán ghê
Biết viết cái gì đây hả Phù Vân?

Báo Viên Giác mười tám năm
Tháng tám là đúng một trăm số tròn
Cùng bao nhiêu chuyện vui buồn
Lúc thì hư máy lúc mòn chữ in
Kêu gọi Phật Tử góp tiền
Nhu cầu đáp ứng không còn lo chi
Thượng Tọa chủ nhiệm chủ trì
Khó khăn mấy, Thầy thì lo xong
Phật Tử góp của góp công
Vườn thơ Viên Giác đơm bông nảy chồi
Thêm Phù Vân cố vun bồi
Cùng các thi hữu các nơi góp vào
Bài vở thi tử dồi dào
Năm châu đồng bào có báo để xem

Năm tám hai rồi Việt Nam
Hăm hai tháng chạp Noel gần kề
Chung quanh đồi núi chán phè
Tuyết rơi trắng xóa lạnh ghê cả người
Trong cửa sổ ngó nhìn trời
Nhỏ thương đất nước lệ rơi lưng tròng
Có mấy người Việt ở cùng
Hỏi, có báo Việt coi không bà già?



Rồi anh về lấy đem qua
Báo chùa Viên Giác đây mà bác ơi!
Nhìn thấy tờ báo đen thui
Nhưng là tiếng Việt mượn coi đỡ buồn
Thấm thoát mười tám năm tròn
Cuốn Viên Giác cũ hãy còn giữ đây!

So báo xưa với báo nay
Một trời một vực mỗi ngày tiến hơn
Hình bia bóng loáng như gương
Lại thêm màu sắc thường thường đổi thay
Bài vở tin tức đủ đầy
Ấn loát mỗi ngày báo lại tăng thêm
Mỗi kỳ ra hơn bốn nghìn
Thế mà đọc giả tăng thêm đều đều
Bác chi biết có bấy nhiêu
Còn tiêu sử bác có điều gì đầu
Tuổi cao bạc trắng mái đầu
Hai con mắt tích tử lâu nên buồn!
Vần xuôi đọc đỡ nhớ con -
Mười hai năm trước báo còn thô sơ
Bác gửi đọi vài vần thơ -
Đọc giả Viên Giác đọc cho đỡ buồn
Tự nhiên thành thơ ... thần luôn
Vận động đóng góp thập phương xây chùa
Gia đình thuộc đất cúng vô
Tượng Phật, tử thờ Phật Tử năm châu
Xong chùa Thầy bạc mái đầu
Chuyện vui chuyện rầu cũng chẳng thiếu chi
Nhờ ơn chư Phật độ trì
Hoàn mãn Viên Giác tối khi khánh thành
Tiếng báo Viên Giác lan nhanh
Văn nhân thi sĩ cũng dành ưu tiên
Thơ bài gửi đến liền liền
Nên báo Viên Giác ngày thêm dồi dào
Đòi hỏi đọc giả càng cao
Ban Biên Tập gắng làm sao vừa lòng
Đọc giả Phật Tử cũng mong
Tôn chỉ Viên Giác nội dung báo chùa
Giáo Lý nên cho vài tờ
Phật Tử được đọc để mà hiểu thêm
Thấy rằng điều đó cũng nên
Mong Ban Biên Tập đệ lên trình Thầy

Vu Lan cũng sắp tối ngày
Đúng rằm tháng Bảy thật hay quá chừng
Chùa Viên Giác lại tung bùng
Vừa qua Phật Đản đồng không thể ngờ
Thử năm, thử tư trời mưa
Thử sáu nắng đẹp y như mùa hè
Phật Tử khắp chốn tựu về
Xe đậu choán lề bị phạt liên miên
Chánh điện ngồi khít như nêm
Phật Tử Đức Việt hai bên đông đầy
Xin được ngưng bút nơi đây
Chúc Báo Viên Giác mỗi ngày tiến thêm!

Tháng 6-1997 (Ngà10014)

lá thư Bác Mỹ



•LÊ THỊ BẠCH NGÀ

Khoa học Phật Pháp cuối cùng mà tôi được tham dự kết thúc vào cuối năm 1996. Sau khi Thầy Như Điển đã trở về Đức Quốc. Thầy Nhất Chơn còn ở lại thêm mấy tuần để dạy phần Phát Bồ Đề Tâm và tôi lại được thêm một thiện duyên là được chị Thanh Trà ở chùa Quan Âm hoan hỷ biếu cho gần 20 cuộn băng quay ghi lại trọn khóa học của Thầy Nhất Chơn giảng dạy, do đó dù làm biếng, tôi cũng cố nghe lại các băng giảng của Thầy một lần nữa, mắt cả tháng mới xong, nghe xong thì phát tâm sám hối, thay vì phát tâm bồ đề!!! Vì sao có hiện tượng ngựa về ngược như vậy?? Chuyện này hạ hồi phân giải vì có nhiều điều khó nói ra nhưng mà có một điều chắc chắn, rõ ràng, là tôi thấy tôi, khi ngồi lẳng lặng mà quán chiếu về tự thân, khi nhìn lại quãng đường học Phật dài lê thê vừa qua, tôi bỗng tìm ra rằng tôi là người thiếu đạo tâm, không có lòng tin kiên cố vào Phật Pháp. Đã không có tâm đạo thì lấy đâu ra mà phát tâm?? Tôi nghĩ rằng chắc quý vị Phật Tử cũng nhiều người như tôi. Học thì có học, chơi vẫn cứ chơi rồi đổ thừa là bận quá, bận quá, không có thì giờ, chùa đâu có chân mà chạy trốn Phật Tử vậy mà Phật Tử cứ nhắm mắt chạy quanh và hô lên là không gặp chùa, không gặp Thầy...

Vì thế tôi xin sám hối, sám hối xong thì phát nguyện là không như vậy nữa. Nghĩa là,

từ cuối năm 1996 trở đi tôi có cố gắng thu xếp thì giờ, công việc để mỗi tháng về chùa một lần vào một ngày chủ nhật, để tạo thiện duyên, nuôi dưỡng bồ đề tâm.

Rồi nhà lúc 10 giờ sáng, đến chùa 10 giờ 30 kịp chào hỏi các bác, các anh chị và lên chánh điện dự lễ cầu an, cầu siêu. Buổi lễ kết thúc, tôi đi một vòng vào nhà thờ tổ phía sau bàn thờ. Ở đây ngoài bàn thờ tổ Đạt Ma, còn có hai dãy bàn trưng các bài vị người quá cố. Tôi cúi đầu trước bàn thờ, thấp hương và tưởng niệm đến các bà con và thân hữu, người quen biết của tôi đã có mặt nơi đây. Đây là bài vị Cụ Sáu, đây là bài vị Bác Chúc, Bác Đạt, Ông Hiền... Chị Hoa... con chị Liên... nhiều, nhiều quá, nhiều lắm rồi, gần chạt hết bàn thờ rồi... Chà! đến phiên mình được để bài vị lên đây chắc hết chỗ... chắc phải lên tận nóc chùa... nhưng thôi, Thầy chủ lễ và quý Phật Tử gia chủ cúng vong đã vào đến nơi, mình phải nhường chỗ cho họ chứ. Tiếng kinh kệ lại vang lên, tôi lặng lẽ lui ra cầu thang để về thư viện bên dưới.

Đang loay hoay với mấy quyển kinh, tôi vội ngừng đầu lên, giặt mình vì một câu chào hoan hỷ.

- Ô chị Nga, lâu quá mới lại gặp chị, độ này chị viết cho báo nào??

Câu hỏi bất ngờ làm cho tôi chưng hửng. Thật tình tôi có viết báo, một vài bài thỉnh thoảng những đâu có phải là nhà báo chuyên nghiệp mà đầu quân cho báo này báo nọ??

À, mà phải rồi, con người sinh ra ở đời ai cũng có gia đình nội ngoại, tôi viết những lá thư

của tôi rồi đó nghen, có gì đáng hồi tiếc chẳng?? Phật cũng đã nhiều lần dạy cho chúng ta biết là chúng sanh bao nhiêu đời trước và có thể bao nhiêu đời sau nữa đều là bà con quyến thuộc với nhau. Quý vị không tin, xin cứ thỉnh Thầy Nhất Chân ra mà hỏi xem có phải không và Thầy Trí Hải của tôi (Sư Cô Thích Nữ Trí Hải) cũng dạy cho Phật Tử chúng ta rằng thấy Thầy như thấy Phật, lạ Thầy như lạ Phật; còn đối xử với nhau, người lớn hơn ta như cha mẹ ta, người nhỏ hơn ta như anh chị em ta, con cháu ta... Tôi cứ nhớ mãi câu nói của Sư Cô : Thầy nào đối với Sư Cô cũng là một vị Phật Sống cả..., nghe thật là cảm động và thấy đạo tâm dâng đầy!

Đó là nói chuyện báo đạo VG ở rồi Tây. Tuy xa mà gần! Vậy còn báo bên ngoài thì sao?? Thì đó là những "Báo Đồi" (nghĩa đen và nghĩa bóng đều đúng cả). Báo đồi thuộc loại báo nghề nghiệp, báo thương mại, đặc san, nội san, báo hội đoàn... báo "đu thú" trên đường đồi... trên báo đồi này, tôi viết lai rai đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, góp mặt cho vui tuy nhiên có điều vui vui là những bài tôi nói về chuyện đạo, chuyện thiền, chuyện tu thì lại được bạn đọc hỏi đến, chú ý đến... thì ra thế nhân rất tò mò, tu hành thì ngần ngại, hèn tởi hèn lui nhưng nghe chuyện người khác tu thì thích lắm, muốn tìm hiểu lắm. Tìm hiểu xong để đó... tính sau... Chẳng vậy mà tại chùa Quan Âm này các bộ phim Video nói về các thiền viện hoặc chùa chiền được các Phật Tử tranh nhau mượn xem... cho đến nỗi bây giờ tôi vẫn chưa mượn được bộ Video của chùa Viên



Lê Thị Bạch Nga và Nguyễn Gia Lê Thị (thủ nữ Quyên Quyên)

Giác về nhà xem thử chùa to và đẹp đến mức nào mà bác Tâm Giảng cho hay là chùa đẹp nhất Âu Châu, thấy là phát tâm xuất gia liền!

Ngoài Video, Cassette, băng giảng... thư viện chùa Quan Âm còn có rất nhiều sách và kinh. Mỗi lần về chùa, xem thư mục đều thấy có sách mới, thật là thích!!

Vừa mới đưa ra nhận xét trên, thì bác Năm cho hay là thư viện chùa Huyền Không cũng đồ sộ lắm, mấy ngàn cuốn là ít... Nếu như mà tôi nghe lời bác, bỗng nổi lòng tham

Bác Mỹ này gọi qua báo Viên Giác kể chuyện đời chuyện đạo cho quý vị nghe chơi là tôi viết cho báo bên nội vì tôi xem quý Thầy cũng như cha tôi. Báo VG là báo bên nội của tôi đó. Quý vị nhắm xem tôi trả lời như vậy có ổn không, có phải lẽ không? và quý vị có cho phép không?? Sở dĩ tôi phải hỏi ý kiến quý bạn đọc của tôi ở báo VG là nếu được như vậy thì vô hình chung quý bác, quý anh chị, đã mặc nhiên nhận làm thân thuộc gia quyến đời này

cầu, mơ ước thì rồi tôi cũng như bác lê lét hết chùa này đến chùa khác! để làm gì?? Thì để đi vòng vòng ngắm nghĩa mấy cái từ sách Phật Pháp đồ sộ... mê mẩn theo với những cuốn kinh gáy mạ vàng, dày như quyển tự điển, đọc hoài không hết, đọc có hết cũng không hiểu, hiểu một nghĩa thì còn nhiều nghĩa khác, thậm thâm, ám tàng... chắc học Phật kiểu này thì hết đời học mãi chưa xong, báo hại kiếp sau

phải làm con một sách trong các thư viện của chùa...

Nói về các tín hữu, Phật tử lui tới chùa, tôi thiết nghĩ có lẽ chùa ở Canada chắc cũng không khác với các chùa ở Đức hoặc các nơi trên thế giới. Theo ý riêng tôi, Phật Tử đi chùa có thể chia làm 3 thành phần :

1/ Thành phần căn bản tức là ban trị sự và các quý vị trong ban hộ trì chùa gồm có các tiểu ban như sau: Ban nghi lễ, Ban ẩm thực, Ban trật tự, vệ sinh, thư viện, Gia Đình Phật Tử. Thành phần này độ 50 người. 8:00 giờ sáng chủ nhật họ đã có mặt tại chùa, người nào công việc nấy, lặng lẽ lễ Phật xong là bắt tay vào phần việc của mình, những vị có công năng tu hành thâm hậu càng cao, càng lâu dài thì càng ít nói. Họ làm việc chí thành, mặt mũi nhẹ nhàng vui tươi chủ không đả buôi đơn đả nói cười như quý vị vừa phát tâm làm việc chùa.

2/ Thành phần cốt cán.

Tôi gọi là cốt cán vì không có họ là không được, thiếu họ là tình hình tài chánh của chùa suy sụp liền. Quý vị có đoán ra không?? Họ là ai?? Họ là gia đình những người quá vắng đến chùa xin cúng sao, cúng vong, cầu siêu cho thân nhân. Họ có thể là Phật Tử hay không phải là Phật Tử, họ có thể tin Phật Pháp hay không... nhưng họ đã một lần hay nhiều lần đến chùa, dự lễ, ăn bữa cơm chùa, gặp Thầy trụ trì, gặp bạn đạo bạn đời, và ra về tho thối hân hoan...

Mới nghe qua quý vị cười, cho là tôi nói bậy bạ khi xếp họ vào thành phần cốt cán của nhà chùa!! Nhất là mấy bà bạn trẻ của tôi chắc là sẽ mắng.

- Cốt cán gì mà gọi là cốt cán! Cốt cán vì đồng tiền cho chùa phải không?? Thì ra bà xem tiền to như cái chùa!! không kể đến tình hiếu thảo, tình gia đình của tang gia bối rối gì trốn!... Mắng vậy thật là oan uống cho tấm chân tình của tôi đó nghe quý vị...

Mỗi quý vị nhìn vào chánh điện của một ngày chủ nhật, giữa một buổi lễ. Ngay trước bàn thờ Phật là các gia đình tang chủ đang quý, người mặc áo tang, kẻ bịt khăn chế, đầu đội sớ... lắng nghe Thầy tụng kinh hành lễ... bỗng đâu có một cô gái, mặt đẹp như hoa, hót hơ hót hải chạy vào quý nhập bọn, cái jupe mini đen gây khó khăn cho cô không ít, cô vội vàng nhận lấy tờ sớ đặt lên đầu rồi cúi lạy Phật... buổi lễ tiếp tục như không có gì xảy ra, chỉ là một thân nhân đi trễ đó mà! nhưng tôi nhìn ra ngay cô bé này là bạn của con gái tôi hồi học ở Đại Học cách đây 6 năm. Cô ta cùng với mẹ và anh trai vượt biên năm 1980 đến định cư tại Montréal, bà mẹ tận tụy nuôi hai con ăn học nên người. Sau nói chuyện với cô ta, tôi mới được biết thêm là cậu anh đã qua Mỹ làm việc mà mới đây 3 tuần, mẹ cô chết sau một thời gian bệnh hoạn. Thương mẹ, cô đến chùa xin Thầy làm lễ cầu siêu cho đủ 7

tuần và anh thì ở xa, cô thay anh làm trưởng nam đội sớ cúng mẹ. Không gia đình, không thân thích, cô chỉ còn một mình giữa xứ người.

Quý vị có thấy cảm động chút nào không?? Nếu không có chùa, nếu không có Thầy, nếu không có bàn thờ vong, am an lạc thì cô bé mặc mini jupe màu đen, giò này, mẹ đã chết, dù có thương mẹ đến bao nhiêu... cũng đang... giờ này, một ngày chủ nhật... cũng đang cuộn mình trong chăn ấm nệm êm hoặc đang phát phở giữa centre d'achat hay supper market cho qua ngày...

Rồi thì biết đâu, như một hạt nhỏ nảy mầm trong a lại da thức, giữa khung cảnh khói hương mờ ảo, giữa một chủ nhật của 49 ngày cầu siêu cho mẹ, trong niềm thương nhớ mẹ hiền... bỗng một câu kinh Thầy đang tụng lọt vào tai cô bé, đánh động tâm linh cô làm cho tự tánh Bồ đề phát triển, và như vậy duyên Phật Pháp đi vào đời sống tâm linh của người trẻ tuổi...

Và biết đâu, thêm 10 năm nữa, nhân một ngày đẹp trời về chùa mỗi chủ nhật hàng tháng trong thông lệ của tôi, tôi sẽ gặp lại cô bé mini jupe hôm nay, dẫu chồng, dẫu con về chùa giỗ mẹ... ừ, biết đâu đó, có thể là, có thể nữa, cô bé đã trở thành một phụ nữ xinh đẹp đang lắng xăng dọn dẹp, tôi lui giúp ban trị sự trong chùa làm "việc chùa"... Vì vậy, vậy xin đừng nói là thành phần cốt cán của chùa không phải là các cậu hippy lên chùa giỗ bà nội, các cô mini jupe lên chùa đội sớ cúng mẹ bây giờ và tại đây...

Họ sẽ là thành phần cốt cán của nhà chùa mai này đó, quý vị ạ.



3/ Thành phần tham quan.

Tôi ngồi dùng cơm chay cạnh bác Bảy. Đây là lần đầu tiên tôi hầu chuyện với Bác, nhưng Bác rất vui vẻ, cởi mở. Trước lạ sau quen, Bác rủ tôi tuần sau đi chùa Linh Sơn, nghe Bác nói, tôi mới hay là Montréal vừa có thêm một ngôi chùa mới, có một vị Sư mới đến Montréal lập chùa, hoàng pháp, trụ trì...

Như vậy hiện nay Montréal có cả thảy 7 ngôi chùa đã được dựng xây, đang sống hùng sống mạnh vì Phật Tử ở Montréal ít nhất là 10.000 người. Bảy ngôi chùa cho 10.000 người đâu phải là nhiều. Nếu tất cả các Phật Tử đồng

lòng mỗi sáng chủ nhật là thu xếp về chùa, đánh lễ Phật, dự bữa cơm chay, lui tới thư viện chùa tìm sách báo, kính kệ về đọc và để gặp bạn đi chùa... thì thật là quý hóa... như chúng ta đang ở trong thời Phật Pháp trùng hưng... như ở trong mơ...

Bác Bảy năm nay 71 tuổi nhưng còn rất khỏe. Tuy không nói tiếng Tây rành rẽ như "tụi trẻ", Bác lại rành rẽ đường đi nước bước tại Montréal vô cùng. Sống hơn 10 năm tại đây, đường xe Bus nào, trạm Metro nào, dẫn về chùa nào là Bác kể rành mạch, tôi cũng chịu thua luôn. Niềm vui của Bác là chủ nhật đi chùa, đến chùa lạy Phật, nghe kinh, nghe thuyết pháp và ăn tiệc chay! Bác nói :

- Chùa nào cũng đẹp, cũng to lớn, Thầy nào cũng tốt, cũng giỏi cả, cho nên chùa nào Bác cũng đi, và lại, chùa nào cũng có bàn thờ vong có bạn bè bà con của Bác, đi thăm họ luôn thể.

Mỗi tuần Bác đi một chùa, đi giáp vòng thì về lại chùa cũ, Bác sống hồn nhiên, đầy đủ đức tin vào Phật Pháp và thành thật. Bác dạy tôi :

- Chớ dùng áy náy, cứ bỏ vào thùng phước sướng 5-10\$ là yên tâm xuống ăn bữa cơm chay...

Tôi phì cười nhớ đến Thầy và các anh chị ở chùa Viên Giác đang điều hành Phật sự bên đó đã phải đi đến quyết định bán phiếu ăn và mời Phật Tử ăn cơm đĩa (Buffet)... có lẽ rồi đây với tình hình số Phật Tử tham quan tăng gia mau chóng... các chùa Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới cũng phải theo chân chùa Viên Giác mà bán phiếu ăn, hết cảnh "ăn chùa", ít nhất là trong dịp các lễ lớn để tránh lộn xộn và thối mả của Phật Tử.

Còn một, hai thành phần đi chùa khác nữa mà tôi chưa biết sẽ xếp đặt vào loại thành phần nào... Ví dụ như tôi đây, có dịp, có việc là tìm về chùa, như tìm về nhà cha mẹ... ví dụ như chị Hoa, mê tin dị đoan một cách rất yêu kiều, dễ thương.

Mỗi chủ nhật, chị đến chùa dâng hoa hướng bánh trái đầy đủ, thành kính dự lễ, đánh Phật và xin xăm! Ôi! những lá xăm xanh đỏ tím vàng có mấy câu thơ đó nói gì không biết mà mỗi tuần chị không rút được một lá thăm để theo đó mà sống thì chị ăn ngủ không yên!

Từ ngày chùa Quan Âm dời thư viện xuống lâu, nhường chỗ cho bàn thờ xin xăm... thì hình như phía đó bây giờ luôn luôn nghi ngút khói hương thơm lừng lựng và áo đỏ áo xanh thướt tha tấp nập ra vào thêm vui cảnh chùa...

Thủ đã dài mà việc đi chùa báo cáo chùa xong. Và lại thư trước báo cáo về chuyện phát bồ đề tâm trên cầu Phật đạo dưới độ quần sanh lại càng không thể nào xong được.

Thời tôi xin sám hối, lỗi tội tôi mọi đảng. Chỉ xin tạm dừng bút nơi đây và kính lời thăm quý Thầy và gia đình bên nội.

Kính bút.

Lê Thị Bạch Nga



Giang Phúc Đông Sơn

Tên thật **Nguyễn Tiến Cường**, sinh năm 1950.

- Cựu Trung úy Không quân. Đơn vị cuối cùng Sư Đoàn 1 Không quân, Đà Nẵng.
- 1975-1977 học tập cải tạo tại Hiệp Đức thuộc tỉnh Quảng Ngãi.
- Sang Đức tháng 12.1982 theo chương trình Đoàn Tụ Gia Đình.
- Cộng tác với báo Việt-Hamb. từ số 6 năm 1984.
- Lập gia đình năm 1986, hiện ngụ tại Frankfurt/M.

Kim Thoa

Đất Quảng Xuyên có một cái hồ khá lớn, nước trong, về đêm ở hướng Tây thường có ánh sáng vàng rực hắt lên từ dưới mặt nước phía cuối hồ. Dân trong vùng lấy làm ngạc nhiên, nhiều người tò mò muốn tìm hiểu vì sao nên bởi thuyền đến gần coi, nhưng lạ lùng thay vùng ánh sáng đó đứng ở xa độ một hai dặm thì nhìn thấy mà hề càng lại gần thì càng mờ đi rồi tắt hẳn. Vào những đêm sáng trăng vài người bạo dạn bởi thuyền tới thật gần rồi lặn xuống tận đáy quan sát nhưng cũng chẳng thấy gì ngoài lớp bùn đen nhào nhệt. Người dân trong vùng vì vậy đặt tên là hồ Hóa Quang.

Một ngày kia có một khách thương giàu có đi với một đứa con trai trạc 11, 12 tuổi đến Quảng Xuyên mua bán hàng hóa. Trong lúc người này đang trao đổi, mặc cả giá bán buôn với bạn hàng tại khu đất dùng để họp chợ nằm bên cạnh hồ Hóa Quang thì cậu con trai chạy chơi quanh quán gần đó. Thấy một đám đông trẻ con đang bu quanh một gian hàng bán đồ chơi gồm những hình nhân nặn bằng đất sét hay các cỗ xe được đeo gọt bằng gỗ, sơn màu sắc sặc sỡ, cậu bé cũng chạy lại chen vào nhìn

ngắm. Những thứ này không lạ gì đối với cậu nhưng tính trẻ con thích cái mới, cậu muốn xem có gì khác hơn mấy thứ cậu đã có hay không? Thấy chẳng có gì đặc biệt, cậu bé định quay ra thì chợt nghe tiếng Quap! Quap! phát ra ở chiếc giỏ đan bằng tre hình giống như vò rượu, có quai xách đặt bên chân người bán hàng. Ngạc nhiên cậu đưa tay chỉ cái giỏ hỏi:

- Ông có gì trong đó vậy ?

Người bán hàng nhìn cậu bé rồi nhìn xuống cái giỏ :

- Á ! mấy con thềm thủ (1) mới bắt được hồi sáng, ta định đem về nấu cháo cho mẹ ta ăn. Mẫu thân ta rất thích ăn Thềm thủ nhục chúc.

- Ông cho cháu xem chút được không ? Cậu bé tò mò hỏi.

Người bán hàng hỏi ngạc nhiên chen lẫn bực mình, anh ta vừa đưa mắt trông chừng mấy đứa trẻ khác vì sợ chúng chen lấn nhau làm bể những hình nhân nặn bằng đất vừa hỏi ngược lại có vẻ gắt gỏng:

- Cậu có định mua gì không mà hỏi làm thế? Thềm thủ thì có gì lạ mà xem? Bộ chưa thấy bao giờ à?

- Thưa thưa! cháu từ bé đến giờ ở tỉnh thành, chỉ thấy qua hình vẽ. Cậu lễ phép trả lời.

Thấy cậu bé khuôn mặt có vẻ thông minh đĩnh ngộ, cử chỉ lại khoan hòa, lễ độ, người bán hàng cầm chiếc giỏ lên trao cho cậu bé để dịu giọng:

- Vậy ư? đây cậu xem đi! nhưng coi chừng chúng nó nhảy ra ngoài đó!

Cậu bé đón lấy cái giỏ tre, cẩn thận mở hé cái nắp ra đưa mắt nhìn vào bên trong. Cái giỏ tối om vì tre đan thật kín, hơi nghiêng giỏ đi cho chút ánh sáng từ bên ngoài chiếu vào cậu thấy lò mò năm sáu con thềm thủ khá lớn đang nằm chen nhau. Suy nghĩ một chút cậu hỏi:

- Ông bán cho cháu mấy con thềm thủ này được không?

Người bán hàng tròn mắt kinh ngạc:

- Cậu mua để làm gì? Lốp bị của nó độc lắm đấy! Không chơi được đâu! Mua đồ chơi khác đi.

- Không! cháu mua dùng vào việc khác, không phải để chơi. Ông bán cho cháu chứ ?

Người bán hàng ngần ngừ rồi nói:

- Thôi được! Nhưng cậu có đủ tiền không?

- Ông định bán bao nhiêu ?

- Hai đồng tiền vàng!

Cậu bé ngỡ người ra :

- Sao ông bán đắt vậy?

Người bán hàng cười :

- Đáng lẽ ta đem về nấu cháo cho mẫu thân ta ăn. Nhưng thấy cậu thích thì ta bán, bán có được giá ta mới có tiền mua thức ăn khác cho mẹ ta chứ.

Cậu bé gật gật cái đầu như có vẻ hiểu:

- Á ! thì ra vậy! Không sao! để tôi kêu gia gia tôi lại. Gia gia tôi có đủ tiền, ông đừng bán cho ai nhé!

Nói xong cậu bé lách ra khỏi đám trẻ chạy đi kiếm phụ thân. Một lúc sau cậu trở lại với người khách thương. Thấy cậu bé quay lại với một người đàn ông quần áo sang trọng, người bán hàng nhìn cậu lắc đầu cười:

- Cậu nhất định mua cho được mấy con thềm thủ này đây à?

Cậu bé không trả lời, ra hiệu cho cha cúi xuống rồi thì thầm vào tai ông những gì không rõ. Người khách thương nhìn con rồi quay lên:

- Ông định bán mấy con thềm thủ giá đó thật ư? Sao lại đắt dữ vậy ?

Người bán hàng nhìn hai cha con người khách thương cười tinh quái:

- Bán cho người nghèo thì giá khác mà bán cho người giàu có hay giới chức quan lại hoặc trẻ con thì giá đương nhiên phải đắt hơn bội phần.

Người khách thương có vẻ hơi ngạc nhiên trước sự lý luận kỳ quái của người bán hàng nhưng cũng chẳng nói gì, chỉ lẳng lặng lấy ra hai đồng tiền vàng trao cho anh ta. Người bán đồ chơi kinh ngạc trước tấm lòng thương con của người khách thương, mấy con thềm thủ chẳng đáng giá bao nhiêu, anh ta chỉ nói chơi giá bán cho thật đắt để cậu bé nản mà bỏ đi, đâu ngờ cậu lại xin cha bỏ bấy nhiêu tiền ra mua cho mình, rồi lại thấy người khách thương đáng vẻ sang trọng anh ta muốn đùa giỡn

thêm để thử tình phụ tử, thấy người này thật thường và chiều con nên anh ta vội vã xua tay:

- Không! Không! Tôi nói đùa thôi! Mấy con thiềm thử này có đáng giá là bao, tôn ông cho năm hào bạc là được rồi.

Người khách thường chột hiểu, ông ta cười trao liền cho người bán hàng rồi đón lấy cái giỏ dưa cho con. Cậu bé cầm lấy cái giỏ từ tay cha, mặt đỏ ửng về hôn hờ, họ dắt tay nhau đi về chỗ người khách thường đang thưởng lượng giá cả hàng hóa.

Mua bán xong, trong khi người khách thường đang lo chất hàng lên một chiếc xe song mã thì cậu bé lũng thúng cầm chiếc giỏ đựng mấy con thiềm thử đi đến sát bờ hồ. Đến một chỗ hơi dốc đây có, nước sâm sấp, cậu đứng lại nhìn xuống mặt nước như có vẻ suy nghĩ một lúc, đoạn ngồi xuống mở nắp chiếc giỏ, lật ngược nó lại. Từ trong giỏ rơi ra mấy con thiềm thử khá lớn, chúng kêu lên Quap! Quap! mấy tiếng rồi nhanh nhẹn phóng mình vào những bụi cỏ mát mẻ. Cậu bé chỉ kịp trông thấy một con trên lớp da sần sùi ở lưng có một chấm sáng vàng rực.



Mười bốn năm sau, ở Kinh đô đang sắp có một cuộc thi Đình tuyển chọn người tài đức phục vụ quốc gia. Tú sĩ từ khắp nơi kéo về nhộn nhịp, dù mọi lứa tuổi, có người ăn mặc sang trọng có tiểu đồng theo hầu, có người thì trang phục đơn sơ, một mình thui thủi gồng gánh hành lý, nhưng tựu trung ai cũng có cốt cách trang nhã. Phạn điểm, nhà trọ mở ra tấp nập, ồn ào, sinh hoạt vì thế sống động hơn thường nhật. Đây là một cuộc thi quan trọng, ba năm mới tổ chức một lần. Hai lần trước đã bị hủy bỏ, một phần vì giặc giã ở biên cương, phần vì Hoàng đế lâm trọng bệnh, việc triều chính lơ là, người dân ở Kinh thành tưởng chừng như không còn nhớ đến những kỳ thi muôn vàn khó khăn này nữa. Nay Hoàng đế đã khỏi bệnh, việc chinh chiến cũng đã qua, nên ngài thân hành giám sát cuộc thi sau gần chín năm bị gián đoạn.

Ở phía Tây Bắc ngoại thành có một quán bán trà, nước và bút nghiên mới mở do một bà lão và một thiếu nữ trẻ đẹp, trạc độ trắng tròn tên là Ngọc Bích coi sóc. Quán có vẻ đạm bạc với mấy cái bàn và hơn chục chiếc ghế tre, có một cái quầy bày đủ các loại nghiên mực, giấy hoa tiên... nhưng từ lúc nào cũng tấp nập trong quán. Họ vào quán để mua bút nghiên thì ít mà để uống trà, ngấm thơ, vịnh phú ngâm khoe tài văn học hay trêu cợt giai nhân thì nhiều. Ai cũng muốn lọt vào mắt xanh của người đẹp, nhưng Ngọc Bích xem chừng còn trẻ mà cung cách có vẻ lịch lãm, thái độ, cử chỉ lúc nào cũng duyên dáng, vui vẻ pha lẫn chút lẳng lơ, nhưng lại không hề tỏ vẻ đặc biệt chú ý đến ai khiến nhiều chàng mê mệt, say đắm, quên hẳn ngày thi sắp tới.

Một hôm có chàng trẻ tuổi độ hai mươi ngoài, mặt mày thanh tú vào quán của Ngọc Bích, thấy quán có vẻ đông đúc chàng ngần ngừ định quay ra thì Ngọc Bích, lúc đó đang mang trà cho khách trông thấy liền đón đả mối:

- Khách quan! Trong góc còn bàn trống. Xin mời khách quan!

Chàng trẻ tuổi gật nhẹ đầu chào, lịch sự:

- Đa tạ cô nương! Tiểu sinh là Vương Tú Anh.

Vừa nói chàng vừa theo hướng chỉ của Ngọc Bích đi lại chiếc bàn nằm trong góc quán. Thấy chàng có vẻ trang nhã khác hẳn mấy tay tử sĩ khác, Ngọc Bích bước theo, chờ cho Vương tú Anh vừa an tọa, nàng vừa cúi đầu chào vừa nhìn Tú Anh ra chiều tình tứ:

- Tiệm nữ là Ngọc Bích! Dám hỏi Vương tiên sinh dùng trà hay rượu?

Wương tú Anh cảm thấy xao xuyến vì ánh mắt của Ngọc Bích, nhưng vội trấn tĩnh hỏi:

- Quán bán cả rượu nữa ư?

Ngọc Bích gật đầu, cặp mắt sắc như dao vẫn không rời mắt Tú Anh:

- Dạ! nhưng không bán thức nhắm!

Thấy Vương tú Anh đưa mắt dò hỏi, Ngọc Bích cười giải thích:

- Lúc quán mở mở tiệm nữ không bán rượu, nhưng sau nhiều người vào quán không uống trà mà chỉ hỏi rượu nên tiệm nữ phải mua rượu bán thêm để chiều khách. Tú Anh thấy không tiện hỏi thêm nên chỉ liếc mắt nhìn quanh nơi:

- Vây phiền cô nương cho tiểu sinh một ấm trà Quan Thái Ấm!

Ngọc Bích dạ nhỏ một tiếng quay người đi, tà áo xanh phất phơ mùi hương khiến Tú Anh ngày ngật nhìn theo.

Bất chợt ngoài cửa có tiếng người nói oang oang khiến Tú Anh giật mình quay ra nhìn. Ba tên lính tuần mặt mày bặm trợn, mắt soi mói như cú vọ, kiếm tuốt cầm tay bước vào quán, ngang qua từng bàn, nhìn chăm chú vào từng người như muốn tìm bắt ai. Đám tử sĩ đang ồn ào bình thi, vịnh phú chợt im thin thít, không ai dám nhúc nhích tỏ thái độ gì.

Đến chỗ quầy hàng nơi Ngọc Bích đang pha trà, ba tên lính tuần đứng lại, một tên chắc là trưởng toán rút trong người ra một tờ giấy mỗi chiều độ một thước rưỡi (Thuốc ta) trải xuống quầy hất hàm hỏi nàng:

- Tiểu nữ! có thấy người nào như trong hình này đến đây không?

Ngọc Bích có vẻ sợ hãi, nhìn vào tấm hình vẽ nguyệt ngọc trên tờ giấy, lắc đầu:

- Bẩm quan không!

Tên trưởng toán cầm tờ giấy đưa cao lên cho mọi người thấy rồi nói gần từng tiếng:

- Đêm qua ngoại thành phía Đông có người bị giết, vài người ở gần đó cho hay nạn nhân trước khi bị giết chết có đi chung với người trong hình này vào lúc chạng vạng tối ở hướng Đông thành nên quan quân đang ra sức truy nã người trong hình này để điều tra vụ án. Ai thấy ở đâu phải trình báo ngay.

Wương tú Anh ngồi gần quầy, nghe đến đó cũng đưa mắt nhìn tấm hình trong lệnh truy nã. Chàng giật mình, nhủ thầm suy nghĩ. Khuôn mặt trong hình dường như chàng vừa gặp ở đâu đây, mà nhất thời chàng chưa nghĩ ra, mà cũng lạ thật, nhìn vào hình vẽ chàng không nhận ra được kẻ bị truy nã là đàn ông hay đàn bà.

Thấy không ai nói gì, tên trưởng toán cuộn tờ giấy lại, vẩy tay ra lệnh cùng hai tên đàn em

ra khỏi quán. Ba tên đó vừa đi khỏi, quán đột nhiên ồn ào trở lại, mọi người xôn xao bàn tán về cái án mạng và kẻ đang bị nghi ngờ là thủ phạm. Vốn là người kín đáo, Tú Anh chỉ yên lặng ngồi nghe không góp chuyện và nhận ra ngay một điều là ai cũng thấy như chàng, không biết người trong hình là đàn ông hay đàn bà, duy có điều là còn rất trẻ.

Một người ngồi cạnh bàn Tú Anh, nãy giờ vẫn yên lặng, chợt nhìn chàng gật đầu chào rồi hỏi nhỏ:

Wương huynh có biết người bị giết là ai không?

Tú Anh ngạc nhiên khi thấy người đó biết tên mình, nhưng sức nhỏ ra lúc bước vào quán chàng có giới thiệu tên với Ngọc Bích, có thể người đó đã nghe nên lắc đầu:

- Không! Chẳng hay tôn huynh có cao kiến gì?

Người lạ tự nhiên đứng lên bước qua bàn Tú Anh, không đợi mời kéo ghế ngồi xuống cạnh chàng:

Tiểu đệ là Trương Dật Thanh, đậu Cử nhân Phó bảng năm Ất Dậu, bạn bè thường gọi là Cử Trường, chưa được bổ nhiệm, nhưng khoa này nếu không có tên trên bảng vàng thì sẽ về đi buôn chứ không học nữa. Tiểu đệ nhờ giao dịch nhiều với giới quan lại nên có được vài nguồn tin thông thạo. Tú Anh vốn người hào phóng, ít câu nệ tiểu tiết, không chấp nhất thái độ có vẻ khoe khoang, trích thượng của Cử Trường nên cười nhẹ:

- Trường huynh kiến văn hơn người, lại nhiều bạn hữu chắc rành rẽ tin tức hơn tiểu đệ rồi. Chẳng hay huynh dùng rượu hay trà?

Cử Trường cười khanh khách khi được xứng tụng, nhưng cũng làm bộ màu mè:

- Tiểu đệ thích uống trà, nhưng nếu được cùng Vương huynh đối ẩm thì đệ lại thích rượu hơn. Về vụ án mạng thật ra cũng do tình cờ tiểu đệ được biết mà thôi. Tú Anh kêu Ngọc Bích lại dọn mang ra cho chàng một bình Đào Hoa Tầu hâm nóng rồi hỏi Trương Thanh:

- Chẳng hay kẻ bị giết chết đêm qua ở ngoại thành phía Đông là ai vậy? Cử Trường nhìn quanh một vòng rồi ghé tai Tú Anh nói nhỏ:

Hồng Kiến Hoa! Tay công tử ăn chơi khét tiếng ngoại thành! Nhưng y không phải là kẻ bị giết đầu tiên ở đó. Còn hai người nữa thuộc giới tử sĩ, con của mấy gia đình danh gia, vọng tộc giàu có cũng bị giết sạch tiền bạc, của cải. Nhưng triều đình và quan chức sở tại sợ tiết lộ ra sẽ gây hoang mang trong dân chúng nên tìm cách bưng bít, giấu nhẹm đi, nhưng đồng thời cũng tung rất nhiều thám tử đi điều tra. Vừa lúc đó Ngọc Bích mang rượu ra, Cử Trường im bật không nói nữa, chờ Ngọc Bích đi khỏi hẳn chợt hỏi một câu khiến Tú Anh ngỡ ngác:

- Vương huynh thấy cô bé này thế nào?

- Thế nào là thế nào? Tú Anh vừa rót rượu ra chén vừa ngạc nhiên hỏi.

Cử Trường không nói, lấy một ngón tay chấm vào chén rượu viết nguyệt ngọc mấy chữ lên bàn. Tú Anh tròn mắt nhìn hẳn hỏi nghi ngờ:

- Thật ư?

Củ Trường quả quyết:

- Nếu huynh không tin cứ đưa cho tiểu đệ 3 đồng tiền vàng là đêm nay tha hồ du dương bên cạnh người đẹp.

Thái độ và lời nói của họ Trường khiến Tú Anh hoang mang đưa mắt nhìn Ngọc Bích, vừa lúc đó Ngọc Bích cũng quay lại nhìn chàng, cặp mắt đen uốt, long lanh tinh tú làm cho Tú Anh choáng váng, thấy tim mình đập mạnh hơn. Đây không phải là lần đầu tiên Tú Anh thấy đàn bà đẹp, nhưng không hiểu sao mỗi lần nhìn Ngọc Bích chàng lại thấy người xao xuyến, rạo rực. Cố trấn tĩnh nhìn qua Củ Trường Tú Anh hỏi nhỏ:

- Tối nay có được không?

Củ Trường có vẻ mừng rỡ:

- Được chứ ! Nhưng huynh có đủ tiền không đã?

Tú Anh không trả lời, chỉ lặng lẽ lần trong người lấy ra một cái túi nhỏ có dây cột, lắc nhẹ mấy cái rồi mở ra cho Củ Trường coi. Hắn nhìn thấy mấy đồng tiền vàng chẳng nói tiếng nào định đưa tay cầm lấy nhưng Tú Anh đã nhét lại vào trong áo khiến hắn khựng lại. Tú Anh vội nói:

- Tối nay gặp nhau tiểu đệ sẽ giao đủ cho Trường huynh.

- Vậy cũng được! Tối nay giờ Tuất, Vương huynh đến đây đệ sẽ dẫn người đẹp ra cho huynh tha hồ tâm sự.

Nói xong hắn đứng dậy cầm chén rượu lên uống cạn rồi bước ra ngoài. Tú Anh ngồi lại ngắm nhìn Ngọc Bích thốt tha qua lại thêm một lúc rồi cũng trả tiền đi ra.

Đến gần giờ Tuất, Tú Anh y phục chỉnh tề đi đến chỗ hẹn, mới đến gần quán chàng đã thấy thấp thoáng bóng dáng Trường Dật Thanh. Thấy Tú Anh, Củ Trường mừng rỡ hỏi ngay:

- Vương huynh có mang theo đủ tiền chứ?

Tú Anh hỏi bực mình khi thấy Củ Trường hỏi vậy nhưng cũng chẳng nói gì, chỉ lẳng lặng lấy tiền ra đưa cho hắn. Củ Trường chụp ngay lấy nhét vội vào người :

- Vương huynh theo đệ!

Vừa nói hắn vừa hấp tấp quay đi, Tú Anh cũng bước vội theo hắn. Hai người đi loanh quanh một lúc đến một góc phố hơi lạ Tú Anh không nhận ra là đâu thì Củ Trường đứng lại thì thầm vào tai chàng:

- Vương huynh đứng chờ ở đây nhé! Đệ sẽ dẫn Ngọc Bích ra cho huynh.

Tú Anh chưa kịp hỏi gì thêm thì hắn đã lui vô một ngõ hẹp ở gần đó khiến chàng hơi hoang mang nghĩ đến số tiền đã trao cho hắn. Tuy nhiên chỉ thoáng chốc đã thấy hắn trở ra, rồi thấp thoáng một tà áo xanh thêu sau. Bấy giờ đã là giờ Tuất nhưng giữa mùa hè nên trời còn khá sáng Tú Anh thấy Ngọc Bích cười tinh tú nhìn chàng khiến chàng rạo rực, thích thú. Không để ý đến Củ Trường, Tú Anh cúi chào đi đến gần Ngọc Bích định lên tiếng nhưng nàng đã đưa một ngón tay lên miệng ra dấu cho chàng đừng nói rồi quay gót bước thật nhanh, tà áo xanh phất phới, thoang thoang một mùi hương quyến rũ khiến Tú Anh mê mẩn tâm thần vội vã đuổi theo. Nhưng thật lạ lùng, dù Tú Anh đã đi rất nhanh mà vẫn không sao theo kịp bước chân Ngọc Bích, giữa hai người vẫn

có khoảng cách độ hơn hai trượng. Ngọc Bích dẫn chàng đi một lúc thì Tú Anh bắt đầu cảm thấy mất kiên nhẫn lên tiếng gọi nhỏ:

- Bích nương!

Ngọc Bích không trả lời tiếp tục rảo bước, dường như càng lúc càng nhanh hơn khiến Tú Anh không thể dừng chân. Cho đến một lúc quá mệt không thể chịu nổi nữa Tú Anh dừng lại gọi qua hơi thở dồn dập, hổ hển:

- Bích nương tú ! Xin dừng lại cho tiểu sinh ngó đôi lời.

Đến lúc đó Ngọc Bích mới dừng lại. Không hiểu từ bao giờ trên tay nàng đã có một ngọn đèn lồng lớn và Tú Anh chợt giật mình khi nhận ra trời đã tối sẫm, chung quanh cũng không còn nhà cửa, hàng quán gì nữa. Nơi chàng đang đứng dường như là một cánh rừng, Tú



Anh kinh hãi kêu lớn:

Nương tú! Đây là đâu?

Ngọc Bích cười khúc khích từ từ quay lại, khuôn mặt xinh đẹp trắng xanh dưới ánh đèn lồng mờ ảo:

Wương huynh không nhận ra là đâu à?

Tú Anh lắc đầu:

- Không! dường như nương tú dẫn tiểu sinh đi lạc rồi thì phải.

Nói xong chàng định bước tới gần Ngọc Bích nhưng chợt cảm thấy đau buốt nơi hai cánh tay và mặt. Tú Anh đưa tay lên sờ mặt, một vài giọt máu chảy ra thấm lên mấy ngón tay chàng, Tú Anh ngạc nhiên nhìn xuống hai tay áo đang bị rách toạc mà nhất thời chàng chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra. Ngọc Bích chợt cười lớn, tiếng cười nghe ròn rợn, ma quái:

- Vương huynh đi lạc thì đúng rồi !

Tú Anh cảm thấy lạnh mình, gai ốc nổi đầy người khi thấy khuôn mặt Ngọc Bích chợt mờ hẳn đi và thay vào đó là khuôn mặt bán nam bán nữ chàng thấy trên tờ giấy truy nã của quan quân lúc ngồi trong quán của Ngọc Bích. Tú Anh chợt hiểu hết mọi việc, chàng hoảng sợ xoay người, tung mình bỏ chạy không để ý đến phương hướng, gai góc, cây cối vướng víu quào đập vào mặt, vào người. Tiếng cười ghê rợn của Ngọc Bích lạnh lạnh đuổi theo.

Chạy một lúc quá mệt Tú Anh dừng lại để thở, bấy giờ chàng mới thấy cả người đau rát, quần áo rách tả tơi. Nhờ ánh trăng thượng tuần vừa lên ở chân trời chàng nhận ra nơi mình đang đứng là một rừng mây dày đặc Tú Anh chết điếng cả người. Thế này thì làm sao mà ra

khỏi nơi đây? Tú Anh thầm nghĩ, chàng cố gắng điều hòa lại hơi thở. Thấy trước mặt có một khoảng trống nhỏ có thể lách qua được, Tú Anh xé vạt áo chỗ tay bị rách cẩn thận quấn vào tay để tước những gai mây chung quanh rồi tìm cách lách qua. Nhưng ra khỏi bụi mây rồi Tú Anh lại thấy thêm sợ hãi, bởi rồi khi trước mặt chàng hiện ra những bụi mây khác rậm và dày đặc hơn. Loay hoay một lúc không tìm được lối ra Tú Anh mệt mỏi ngồi xuống, cảm giác khó chịu và đau buốt do gai mây đâm vào trong người khiến chàng như muốn điên lên. Nghĩ đến ngày thi kè cận rồi cha già ở nhà đang mong đợi tin vui, chàng thầm giận mình quá bồng bột, háo sác để lâm vào cảnh ngộ nguy hiểm này, hai giọt nước mắt ân hận tú tú lăn trên má chàng. Thôi đành phải chờ đến sáng may ra mới tìm được lối thoát. Tú Anh nhủ thầm thở dài ngã lưng xuống đất, cố quên đi cảm giác đau buốt, xoắn xang đang làm tê liệt mọi suy nghĩ.

- Quạp! Quạp!

Bất chợt có tiếng cóc kêu thật lớn bên tai khiến Tú Anh giật mình ngồi dậy nhìn quanh, dường như có bóng người mặc áo màu vàng sáng rực trong đêm đi thấp thoáng trước mặt, Tú Anh hấp tấp chỗi dậy đuổi theo. Bóng người đằng trước hình như có ý chờ nên mỗi khi chàng dừng lại để thở thì người đó cũng đứng lại. Lạ lùng một điều là chàng không còn bị cây cối hay mây rừng chặn lối nữa. Một lúc sau Tú Anh nhận ra chàng đang đứng trước cửa nhà trọ của mình, bóng người áo vàng cũng đã biến mất. Chàng biết rằng đã có người cứu mình ra khỏi cánh rừng mây quái ác.

Về đến phòng Tú Anh thắp đèn, thay quần áo, lấy hết gai mây ra khỏi người rồi mệt mỏi lên giường nằm ngủ thiếp đi. Trong lúc mơ màng chàng thấy dường như có tiếng người gõ cửa kêu nhỏ:

- Vương Sinh!

Tú Anh ngạc nhiên:

- Ai đó?

Giọng một người con gái trong trẻo nhỏ nhẹ:

- Tiệp thiếp là Kim Thoa, người vừa đưa tiền sinh ra khỏi rừng mây Ngọc Bích.

Nghe đến đó Tú Anh vội choàng dậy ra mở cửa. Trước mặt chàng là một thiếu nữ khuôn mặt khá ái, trạc độ hai mươi điệu dàng trong chiếc áo lụa màu vàng. Tú Anh vội vã vòng tay:

- Tiểu sinh Vương Tú Anh xin đa tạ Kim Nương! Xin mời Nương tú vào trong.

Thiếu nữ tên Kim Thoa lách người sang một bên tránh cái vãi chào của chàng cười nhẹ:

- Vương tiên sinh đứng làm thế! Tiệp nữ sẽ tổn thọ. Người cần phải tạ ơn chính là tiệp thiếp chứ không phải Vương tiên sinh đâu.

Hai người ngồi xuống nơi chiếc bàn nhỏ kê trong phòng. Tú Anh có vẻ thắc mắc:

- Kim Nương nói sao? Tiểu sinh không hiểu.

Kim Thoa mỉm cười, nàng chợt thay đổi cách xưng hô:

- Vương huynh quên mất câu chuyện ở hồ Hóa Quang cách đây 14 năm rồi ư? Ngày đó chàng đã cứu thiếp thoát chết trong tay gã bán đồ chơi trẻ con.

Tú Anh nhíu mày suy nghĩ. Những hình ảnh xa xưa chìm sâu trong ký ức bất ngờ trở lại thật rõ ràng, chàng chợt đoán ra. Con cóc có chấm vàng trên lưng và thiếu nữ xinh đẹp mặc áo vàng ngồi trước mặt mình phải chăng là một? Tú Anh ngáp ngừng hỏi:

- Phải chăng nàng là... con thiềm thừ có cái chấm vàng trên lưng?

Kim Thoa gật đầu có vẻ e lệ:

- Phải! Nguyên thiếp là một cung nữ của Long Quân, vì phạm lỗi nên bị đày làm thân cóc. Chấm sáng trên lưng thiếp là nguyên nhân làm cho hồ Hóa Quang sáng về đêm. Chẳng may ngày đó lỡ đấng bị gã bán đồ chơi bắt được, không có chàng chắc giờ này thiếp không có hạnh hạnh ngồi đây hầu chuyện cùng chàng.

Tú Anh có vẻ rung động vì nét đẹp dịu dàng của Kim Thoa, Chàng cầm lấy tay nàng hỏi thêm:

- Nhưng sao nàng biết tiểu sinh bị lạc trong rừng mây mà đến cứu?

Kim Thoa để yên tay nàng trong tay Tú Anh:

- Ngọc Bích nguyên là một con nhện độc tu luyện lâu năm mà thành người, nhưng tính tình ranh, tai ác, làm nhiều điều sai quấy. Nó chính là thủ phạm của những vụ án mạng vừa xảy ra, Long Quân đã ra lệnh truy nã. Tuy nhiên nếu nạn nhân không phải là chàng thì thiếp cũng chưa nhúng tay vào. Vừa rồi vì lo cứu chàng nên thiếp chưa bắt được nó đem về cho Long quân trị tội.

- Thế còn Cú Trường? Tú Anh hỏi thêm.

- Gã chỉ là một kẻ bắt tài, háo danh háo lợi mà thôi, không nguy hiểm vì ngay chính gã cũng không rõ tông tích Ngọc Bích nên không đáng trách.

- Còn Vương huynh thì Kim muội tính sao?

Tú Anh vừa nói vừa kéo Kim Thoa ôm vào lòng. Kim Thoa không chống cự để yên cho chàng ôm ấp, vuốt ve, mùi hương từ người nàng toát ra khiến Tú Anh rạo rức, mê mẩn. Lát sau hai người rời nhau ra, Kim Thoa vừa chào lại tóc vừa nói:

- Thật ra giữa chàng và thiếp đã có mối duyên. Vì vậy hôm nay thiếp mới có mặt ở đây cùng chàng bầu bạn. Khoa thi này chàng không có tên trên bảng vàng đầu nên ngày mai chàng nên trở lại ngay quê nhà. Thân phụ chàng hiện đang bị bệnh nặng, có thể sẽ không qua khỏi nếu không được điều trị kịp thời.

Nghe đến đó Tú Anh hốt hoảng kêu lên:

- Sao bây giờ nàng mới cho ta hay chuyện đó?

Kim Thoa dịu dàng:

- Nay giờ chàng có cho thiếp thì giờ để nói chuyện nhiều đâu? Nhưng không sao chàng đừng quá lo nghĩ. Ngày mai trên đường về nhà, qua vùng Tinh Môn có một loại cỏ tên là Long Đàm Thảo tức là cỏ nhốt rỗng chàng hãy cắt cho thật nhiều đem về sắc thuốc, cứ một cân thì ba chén nước, sắc cho cạn còn một chén, uống ngày ba lần, ba ngày thì hết bệnh.

- Những phụ thân ta bị bệnh gì? Người có bị đau đốn lắm không? Tú Anh nóng lòng nắm lấy tay Kim Thoa lắc mạnh hỏi. Kim Thoa cười âu yếm đưa tay vuốt nhẹ lên má chàng:

- Không có gì nguy hiểm lắm đâu, chàng cứ làm theo lời thiếp là đủ. Sau đó nếu chàng còn muốn gặp lại thiếp thì hãy trở lại hồ Hóa Quang, chờ đến đêm, khi thấy ánh sáng hắt lên ở phía cuối hồ thì bơi thuyền tới, gặp thiếp thì làm như sau...

Nàng kể mãi lên tai Tú Anh thì thầm. Tú Anh gật đầu định đưa tay ôm lấy nàng nhưng Kim Thoa đã lách người đi nhanh ra cửa nói tiếp:

- Thôi bây giờ thiếp phải từ biệt chàng. Nếu còn lòng tưởng nhớ đến thiếp thì hãy làm đúng theo lời thiếp dặn, đôi ta sẽ còn dịp gặp nhau.

Tú Anh định chạy ra theo những nghĩ sao chàng lại đứng yên chờ cho Kim Thoa khuất sau cửa mới quay lại sắp sửa hành trang trở về.



Về đến nhà vừa trông thấy phụ thân nằm trên giường xanh xao tiêu tụy, Tú Anh cảm lòng không đau, kêu lên thất thạnh:

- Gia gia!

Phụ thân chàng cũng có vẻ ngạc nhiên và thất vọng khi thấy chàng trở về bất ngờ sớm như vậy nhưng không ngồi dậy được, mà chỉ ra dấu hỏi han, có lẽ ông tưởng chàng vì lý do gì đó bị trục xuất khỏi trường thi. Tú Anh vội sai gia nhân đi lấy Long Đàm Thảo sắc thuốc cho ông uống. Trong lúc chờ đợi chàng kể lại cho ông nghe hết mọi chuyện, nghe xong ông chỉ im lặng trầm ngâm suy nghĩ. Một lúc sau gia nhân mang thuốc lên, Tú Anh vội vàng đỡ ông dậy cho uống. Chừng độ một khắc sau phụ thân Tú Anh ngồi dậy húng hắng ho rồi khạc ra một cục đờm nâu lớn. Ho xong ông trở nên tinh táo hơn. Vẫn nằm trên giường ông vẫy chàng đến bên cạnh nói, giọng hơi yếu:

- Những việc con kể vừa rồi làm ta suy nghĩ thật nhiều. Mẹ con mất sớm, ta đã không tái giá ở vậy nuôi con ăn học với ước mong sau này con sẽ đỗ đạt hơn người làm rạng danh gia đình ta. Khi này vừa thấy con về sớm ta tưởng đã có việc gì xảy ra khiến con bị đuổi khỏi trường thi, lòng ta buồn vô hạn. Nhưng những việc con vừa kể đã cho ta nghiệm được một điều mà người xưa thường nói rằng *Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định*, không phải mình cứ muốn là được. Bất cứ một sự việc gì xảy ra cũng đều có căn nguyên của nó, nên giờ đây ta thấy là không cứ phải có chức tước quan lại hay bằng cấp khoa bảng hoặc địa vị trong xã hội mới có thể làm được việc giúp ích cho người, cho xã hội. Điều quan trọng là phải có lòng nhân, có tư cách, đừng ham mê tước sắc, giữ cho lòng mình lúc nào cũng chính trực... thì chẳng sợ gì người khác không coi trọng mình. Ta nói ít chắc con hiểu nhiều chứ?

Tú Anh cầm lấy tay cha gật nhẹ đầu. Ông nhìn chàng thật lâu đoạn tiếp:

- Việc của con và Kim Thoa ta tùy con quyết định. Nếu con thật lòng với Kim Thoa thì hãy làm theo lời nó dặn, chỉ có vậy thôi.

Ông ra dấu cho chàng đứng lên rồi quay mặt vào trong nhắm mắt lại. Tú Anh hiểu ý lui ra ngoài căn dặn gia nhân sắc thuốc đúng liều

lượng cho ông uống rồi cũng lui về phòng nằm nghỉ.

Ít ngày sau thấy thân phụ tướng đối đã bình phục, Tú Anh lòng mừng vô hạn, vội xin phép ông khẩn gói lên đường đến hồ Hóa Quang. Tới nơi chàng đi thuê ngay một người thợ lặn thật giỏi chèo thuyền cùng chàng chờ đến tối khi vừa thấy ánh sáng hắt lên, hai người liền bơi thuyền đến. Nhưng lúc thuyền gần đến nơi, mặt hồ đang yên lặng chợt sủi bọt lên rồi bắt đầu nổi sóng ầm ầm không có một dấu hiệu báo trước, một điều tử trước đến nay chưa từng xảy ra tại hồ Hóa Quang khiến người thợ lặn thất kinh cố gắng chèo chống, giữ cho chiếc thuyền tránh bị lật úp lại trong khi Tú Anh chẳng còn hồn vía chỉ lo ôm chặt lấy mạn thuyền cho khỏi bị rớt xuống nước. Tuy nhiên biến động chỉ xảy ra trong vài phút ngắn ngủi rồi tất cả lại trở nên yên tĩnh lại như cũ. Tú Anh và người thợ lặn quần áo ướt sũng, chưa kịp hoàn hồn thì lại thấy một luồng ánh sáng xanh biếc từ dưới mặt nước bay vụt lên rồi đúng vào lòng thuyền đánh ầm một phát khiến thuyền chao đi. Hai người kinh hãi khi thấy giữa lòng thuyền là một con nhện xanh biếc to bằng bàn tay bị thương nặng đang cố gắng lết đi từng bước thật chậm. Tú Anh còn đang nhíu mày suy nghĩ chưa biết phản ứng ra sao vì chợt nhớ đến Ngọc Bích thì đã nghe tiếng Kim Thoa thỏ thẻ:

- Vương huynh chưa biết sợ, vẫn còn lưu luyện người đẹp ư?

Tú Anh nhìn lên thì thấy nàng đã đứng ở mũi thuyền tự bao giờ. Nhỏ lời dặn chàng vội lấy sợi chỉ ngũ sắc trong người ra quăng về phía Kim Thoa. Chỉ nghe thấy nàng kêu lên một tiếng đau đớn rồi ngã vật ra. Sự việc xảy ra trong chớp mắt khiến người thợ lặn đang giữ mái chèo không hiểu chuyện gì chỉ há hốc mồm nhìn. Tú Anh vội bước tới đỡ Kim Thoa ngồi dậy rồi lấy trong túi hành lý ra hai hoàn thuốc nhét vào miệng nàng. Lát sau đã thấy Kim Thoa rùng mình vài cái rồi mở mắt ra. Thấy Tú Anh nàng ôm chầm lấy chàng kêu lên như nhỏ:

- Vương huynh hãy lập tức giết ngay con nhện độc đi, chỗ đó nó sống di hại về sau. Nó chính là Ngọc Bích đó. Vì cấm hận thiếp đã cứu chàng nên nó tìm đến đây sinh chuyện, nên vừa rồi thiếp đã cùng nó giao tranh. Nó bị thương nặng định chạy trốn nhưng không ngờ lại rơi vào thuyền chàng. Ấu cũng là cái số nó phải chết để đền tội.

Tú Anh nghe thế vội lấy gót chân dè mạnh lên con nhện, dí dí mấy cái làm cho con nhện chết bẹp chẳng còn ra hình thế gì nữa. Lúc đó mới thấy Kim Thoa tươi cười chỉ xuống chân chàng. Nhìn xuống Tú Anh thấy một đồng da cóc lớn nằm ở cạnh chân chàng, Tú Anh hiểu ý nàng lấy chân hất lớp da cóc rơi xuống nước rồi quay lại nói với người thợ lặn vẫn đang ngẩn ngơ nhìn hai người không hiểu chuyện gì quay thuyền trở về. Từ đó người dân quanh hồ Hóa Quang không còn thấy ánh sáng vàng hắt lên phía cuối hồ về đêm nữa. (Kimthoa)

(1) Thiềm thừ : Con cóc.



Hương Giang Thái Văn Kiểm đang thuyết trình tại Tu Viện Troyes về chiến lược Đông Tây dưới quyền chủ tọa của Đại Tướng Guy Simon, Tổng Thanh Tra quân đội đồng minh.

Thái văn Kiểm

Bút hiệu : Tân-Việt-Điểu, Bao-La Cú-Sĩ, Hương-Giang Tứ-Mã; sinh ngày 14 tháng Giêng năm Nhâm Tuất, giờ Dần (10.02.1922) tại phường Trung Hậu, hồ Tịnh Tâm, Huế; quê quán: làng Bao La, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, Việt Nam.

Học vấn :

- Tiến sĩ Đông Phương Học, Paris, 1981
- Tiến sĩ Quốc Gia Văn Chương

Hoạt động tại quốc nội :

- Đốc Sự Hành Chánh
- Sáng lập đài phát thanh Huế
- Giám Đốc Thông tin Trung Việt (1952)
- Tỉnh Trưởng Khánh Hòa và Ninh Thuận (1953-1954)
- Phó Giám Đốc Văn Hóa Bộ Giáo Dục (1955-1962)
- Giám Đốc đài phát thanh Sài Gòn (1963)
- Chủ bút *Văn Hóa nguyệt san*; Chủ biên *Văn Hóa Tùng Thư* (1955-1962)
- Cộng tác các báo: *Văn Hóa*, *Luận Đám*, *Đại Học Huế*, *Bách Khoa*, *Sáng Dội Miền Nam*, *Đời Mới*, *Liên Lạc Á Châu*, *France-Asie*, *Sud-Est Asie*, *Bulletin Société Etudes Indochinoises*, *Asian Culture*, v.v...
- Tác giả thiên phóng sự *Thám hiểm động Phong-Nha*, giải nhất, Hà Nội 1942.
- **Tác giả các quyển :** *Cổ-đô Huế* (1960), *Đất Việt Trời Nam* (1961), *Việt Nam nhân vật chí vịnh biên* (cùng Hồ Đắc Đàm), *Việt Nam*, *d'Hier et d'Aujourd'hui* (1957), *Việt Nam: Past and Present* (1958), *Réalités Vietnamiennes* (1969).

Hoạt động tại hải ngoại:

- **Cộng tác với các báo :** *Tự Do*, *Việt Nam hải ngoại*, *Làng Văn*, *Viên Giác*, *Độc Lập*, *Diễn Đàn Thanh Niên*, *Hành Trình*, *Cao Niên*, *Quê Mẹ*, *Ái Hữu*, *Ấu Du*, v.v...
- Tác giả tập *Au Pays du Nénuphar*, giải nhất Cosmos (1977, Montréal, Canada)
- Huy chương Hàn Lâm Viện Pháp Quốc (1982)
- Đồng Chủ Tịch Trung Tâm Quốc Tế Việt Học (Pháp Bì)
- Tác giả *Việt Nam Gấm Hoa* (Làng Văn - 1996).

Ô-lâu tinh sử

■ Hương Giang THÁI VĂN KIỂM

Ô - Lâu là tên một con sông chảy ngang qua phía Bắc tỉnh Thừa Thiên, làm thành biên giới thiên nhiên giữa hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Tuy nhiên vẫn có nhiều làng ở phía Bắc sông Ô-Lâu mà vẫn thuộc địa phận Thừa Thiên. Ô-Lâu là một di tích ngôn ngữ hiếm hoi của châu Ô thuộc Chiêm Thành ngày xưa.

Con sông này tiêu biểu cho *châu Ô*, gồm phần nửa tỉnh Quảng Trị, và gắn liền với *châu Ri* ở phía Nam, gồm phần lớn tỉnh Thừa Thiên cho tới đèo Hải Vân. Chúng ta biết rằng hai châu Ô Ri (phiên âm thành Ô Lý, vì trong ngôn ngữ Hán-Việt không có vần R), đã được vua Chiêm Thành *Chế Mân* (Jaya Simhavarman III) dâng cho vua nước Đại Việt là Trần Anh Tông, làm sinh lễ xin cưới Công Chúa *Huyền Trân* vào đầu tháng 6 năm Bính Ngọ 1306. Một khi được rước về Chiêm Quốc thì Công chúa Huyền Trân được phong tước Hoàng Hậu Paramesvari.

Theo Khâm Định Việt Sử của Triều Nguyễn thì *châu Ô đổi thành châu Thuận*, *châu Lý đổi thành châu Hóa*. Châu Ô gồm phần đất từ sông Thạch Hãn chạy tới sông Hương (tức là một nửa Quảng Trị cộng với một nửa Thừa Thiên), còn châu Ri gồm phần đất phía nam Sông Hương, vượt qua đèo Hải Vân cho tới hai huyện Diên Phước, Hòa Vang, thuộc tỉnh Quảng Nam sau này. Tuy nhiên, sử gia Georges Maspero, tác giả *"Le Royaume de Champa"*, Editions G. Van Oest, Paris Bruxelles 1928, không tin rằng châu Ri vượt khỏi đèo Hải Vân.

Trở lại châu Ô thì xưa kia dân gian hiểu theo một cách rộng lớn hơn, nghĩa là *bao gồm cả tỉnh Quảng Bình* (tức là Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh), như ta nhận thấy trong ca dao sau đây:

*Ba Đồn là đất châu Ô,
Một đoàn vợ lính trảy vô thăm chồng,
Gặp trở mưa giông,
Đàng trờ gánh nặng,
Mặt trời đã lặn,
Đèo Ngang chưa trèo,
Khớp hòn đá cheo leo,
Chân trèo chân trượt,
Gặp o gánh ló,
Chộ chú chấn tâu,
Ba Đồn quan lính ở đâu?*

Trong bài dân ca này, chúng ta nhận thấy nhiều cổ ngữ như: *trảy* là chạy, *khớp* là khiếp (khiếp sợ), *o* là cô, *ló* là lúa, *chộ* là thấy, *tâu* là trâu, mà chúng ta sẽ lại tìm thấy trong hai câu hát đối sau đây:

*- Trâu ăn giữa vạc ló lổ,
Ai mà nỏ chộ, đã nguy chưa tề!
(Trâu ăn giữa vạc lúa trổ,
Ai mà chẳng thấy, đã lậ lũng chưa kia!)*

*- Một lè củi sáng, chẻ ra vãn vố (vãng vò)
Bỏ vô lủa đồ, than lại thành than (g)!)*

Chúng ta nhận thấy trong câu phía trên có đủ bốn nước: *Trâu* là nước của Mạnh Tử, *Lỗ* là nước của Khổng Tử, thêm hai nước *Ngụy* và *Tề* nữa!

Còn câu phía dưới thì kê đủ bốn đời vua thời đại Xuân Thu, Chiến Quốc: *Vấn, Võ, Thành, Thang*.



Những cổ ngữ kể trên là thành tích của ngôn ngữ *Mường-Việt* đặc biệt có những phụ âm ghép (kép: double consonne) như *tl, bl, ks, tr*, và những chữ rất xa xưa như *chộ* (trông thấy), *khóp* là sợ, v.v..., khiến chúng ta có thể khẳng định rằng *miền Bình Trị Thiên, ngày nay là nơi ẩn cư di trú cực Nam và cuối cùng của địa bàn ngôn ngữ Mường-Việt*. Ví dụ như dân quê vùng Bình Trị Thiên còn nói *cá* thay vì *gá* gáy, dân Mường nói *Ksong Pờ* thay vì *Sông Bờ*, tức là sông Đà ngày nay. Chữ *Bờ* này, chúng ta còn tìm thấy trong ca dao:

*Trời mưa: ướt bụi ướt bờ,
Ướt cây ướt lá, ai ngờ ướt em!*

hay là trong câu:

*Gió đưa cái con buồn ngủ lên bờ,
Mùng ai có rộng cho ngủ nhờ một đêm!*

Câu hỏi mà chúng ta có thể đặt ra là *sắc tộc Mường-Việt đã có văn tự chưa?* Theo tôi thiên nghĩ thì xưa kia chúng ta đã có văn tự mà người Mường còn lưu trữ và sử dụng. Thủ chữ này còn được ghi lại trong quyển "*Thanh Hóa Quan Phong*" của Cụ Vương Duy Trinh, biên soạn khi còn làm Tổng đốc Thanh Hóa, năm 1903. Thủ văn tự này gồm có 35 chữ cái, viết theo lối "*Khoa đầu vần*" (chữ đầu nòng nọc), là một thủ chữ tương tự chữ Thái và Ấn Độ.

Sở dĩ thủ chữ này không được người Việt lưu dụng là vì cuộc đô hộ Tàu trên một ngàn năm đã áp đặt chữ Hán trong mọi lãnh vực, khiến cho chữ Mường-Việt phải lùi sâu vào trong rừng núi miền Thượng Du, không có cơ hội và môi trường để phát triển.

Luận cứ như trên, *tôi vẫn giữ lập trường là thời xưa dân Mường-Việt đã có văn tự*, trong khi một số học giả Tây Phương vũ đoán rằng dân ta chưa bao giờ có thủ chữ riêng biệt và dân ta phải nhờ hai cuộc đô hộ mới có chữ mà dùng: đô hộ Tàu đã đem lại chữ Hán, đô hộ Tây đã đem lại chữ Quốc Ngữ!

Nói tới *Ô-Lâu Tinh Sử*, chúng ta đương nhiên phải nói về *Ô Châu Tinh và Sử*, và tất nhiên phải nhắc tới quyển sách căn bản là *Ô Châu Cận Lục* của Dương Văn An, đã xuất hiện vào năm 1554, cách đây hơn bốn thế kỷ. *Ô Châu Cận Lục* có nghĩa là "Ghi chép về châu Ô thời gian gần đây".

Tác giả *Dương Văn An*, trong sách này, đã nói chung về cả hai châu *Ô Lý* từ đèo Ngang (Hoành Sơn) cho tới đèo Hải Vân, gồm cả ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, ngày nay được gom lại thành một tỉnh lớn gọi là Bình-Trị-Thiên. Chúng ta nên biết qua về thân thế và sự nghiệp của tác giả.

Dương Văn An, tự là *Tĩnh Phú*, người làng *Tuy Lộc*, xã *Lộc Thủy*, huyện *Lệ Ninh*, tỉnh *Quảng Bình*. Làng này nằm bên bờ phải sông *Kiên Giang* (sau này gọi là *Nhật Lệ*), giữa một vùng đồng quê mớ tả tinh tường trong sách *Ô Châu Cận Lục*:

"Ngọn Lỗi Sơn chót vót ngàn trùng, sông Linh Giang mệnh mang van nhánh".

"Khí núi Hải Vân tóc mây trải biếc, hơi non Hương Uyển khói ngát vây xanh".

"Sông rộng sóng trào kín đất, biển cả nước ôm bầu trời".

"Trắng dải chòi thành vệ trấn, tiếng còi đồn nghiêm nhật trong sương, mây giăng trường học phủ đường, hồi mõ lớp bay dài theo gió".

Cả một vùng châu Ô sản xuất biết bao hoa trái trần cam, trai tài gái sắc, liệt nữ anh hùng:

"Lá trầu thơm phúc, buồng cau xanh tươi".

"Mơ chua là vị nấu canh, dưa ngọt là đồ thết khách".

"Lúa nếp mọc ở ruộng núi, hương vị thơm tho",

"Củ mài mọc ở sườn non, chất vị bình đạm".

"Lụa xã Cao Đồi óng ả, trông như tuyết trắng phủ đầy đường,

Lúa làng Đông Dã thơm tho, coi tựa mây vàng che kín lối".

(Bản dịch của Lương An)

Thậm chí các loài vật chim muông cũng tham gia cuộc sống đời người trong cảnh thanh bình hòa lạc:

"Xóm hoa yên tĩnh, chó mặc sức an nhàn, nội biếc bao la, trâu tha hồ béo tốt".

Hàng hàng tập trận, nhận biết thu giã, lớp lớp ngậm bùn, én mừng xuân sớm".

"Nhà có tin mừng, khách kêu báo trước,

Nhà mới kiến dựng, sẽ đến vui chung".

(Ô Châu Cận Lục)

Làng *Tuy Lộc* còn có cái tên bình dân là *Kẻ Tuy*, giáp giới với làng *Kẻ Đợi*, tức là làng *Đại Phúc Lộ* (sau này đổi ra *Đại Phong*), và làng *Kẻ Tiểu*, tức là làng *Tiểu Phúc Lộ* (sau này đổi là *Thượng Phong*). Ba làng này ngày xưa danh tiếng nhờ sản xuất *chiếu hoa* (*Kẻ Đợi*), *rượu lễ* (*Kẻ Tuy*) và *giấy dó*. Sản xuất được giấy dó là nhờ *Dương Văn An*, lúc ra làm quan ở ngoài Bắc, nơi huyện *Tử Liêm*, đã học được nghề làm giấy, đem về *Tuy Lộc* truyền dạy cho con cháu, cho nên trong làng còn có một xóm gọi là *Xóm Giấy*.

Trải qua nhiều thế kỷ, *Xóm Giấy Kẻ Tuy* đã cung cấp cho triều đình và dân gian rất nhiều loại giấy để giao dịch, thi cử, biên chép thơ văn, án lệnh, hợp đồng, văn tự, sử sách, niên lịch, sắc bằng, hịch dụ của nhà Vua.

Trong lãnh vực tinh cảm, giấy dó cũng rất cần thiết cho công việc trao đổi tâm tình, phơi bày tâm sự, bỏ thường sượng nặng, như chúng ta nhận thấy trong rất nhiều ca dao, thành ngữ:

*Em làm một bức thư trao qua con chim, con cá,
Con cá trao lại cho con chim nhàn,
Con chim nhàn mắc nợ khôn bay,
Con cá kia mắc câu khôn lội ba thu này vắng tin!*

*Làm một bức thư thương ai không biết,
Lông em thương tiếc, dạ nhớ mênh mông,
Hai hàng nước mắt nhỏ xuống sân đồng,
Thương người bạn cũ, người không thấy người!*

*Dưới gờn thơ lên, trên gờn thơ xuống,
Đôi ta đang ăn đang uống,
Bỏ đôi dưa xuống, ngồi lại xem thơ,
Xem rồi giấy ướt nửa tờ,
Duyên chàng nợ thiếp ai ngờ mà xa!*

Thiếp trao trâm qua mà chàng không chí quyết,
Thiếp đây liền viết lấy bốn câu thơ:
Câu thường, câu nhỏ, câu đối, câu chờ,
Đấu không thành đường duyên nợ, cũng đưa bốn câu thơ cho chàng.

Buổi xuân xanh anh không ra xoắn vỏ,
Để em có chỒNG rồi mà đốn ngò trao thơ,
Trao thơ em nỏ dám cầm,
Hai hàng châu luy ướt đầm đìa lá thơ!

Dân Việt vốn rất giàu tình cảm, ưa gởi gắm tâm tình trong thi ca hò hát, từ sáng sớm tối chiều hôm, quên hết mọi mệt nhọc nhàn và sẵn sàng tha thứ người tình không chung thủy, như được ghi lại trong bài hò rất tình tứ phát xuất lâu đời từ con sông Ô-Lâu, nơi Cây Đa Bến Cộ:

Trăm năm vì lối hẹn hò,
Cây Đa Bến Cộ con đò khác đũa,
Cây Đa Bến Cộ còn lũa,
Con đò đã thác năm xưa tê rồ!

Như trên kia đã nói, sông Ô-Lâu bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, cũng như sông Bồ ở phía Nam, đều chảy về *Phá Tam Giang* rộng lớn:

Chèo đò qua *Phá Tam Giang*
Gặp cơn giông tố, thiếp với chàng bơ vơ!
Cách *Phá Tam Giang* có chiếc đò ngang, thường ngày qua lại
Sực nhớ mối tình đạo ngãi tở vương,
Ai ơi mô chịu nổi đoạn trường,
Bất tri hà xử khủ, vắng mặt người thương cũng buồn!

Chiếc đò ngang thường ngày qua lại nói trên là để chở khách miền biển qua lại *Phá Tam Giang*, nơi bến đò *Ca Cút*, là bến đò xa ngái nhất nước, phải gọi đò tới ba lần để tiếp hơi cho dài, thì phía bên kia bờ *Phá*, người lái đò mới nghe được mà chèo qua đón khách.

Từ các sông ngòi, hời rạch, đầm phá, ao hồ của toàn cõi châu Ô, vọng lên biết bao lời ca tình tứ đậm đà, vấn vương thương nhớ, mong đợi chờ trông:

Gánh mít chợ Cù, gánh dưa chợ Bạ,
Chung một chuyến đò qua bán về buôn,
Gặp nhau đây gói muối đùm cơm,
Thương nhau vì bởi quê hương một nhà,

Đò từ Đông Ba đò qua Đập Đá,
Đò về Vỹ Dạ thẳng ngã Ba Sinh,
Lò đờ bóng ngã trắng chành,
Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non.

Chèo đò bè bấp bên sông,
Bấp chừa có trái, bè bóng chèo về!

Sông Mỹ Chánh bủa bao ngang dọc,
Đèo Hải Vân chóc lóc, cheo leo,
Giang sơn tình thế hiểm nghèo,
Rủ nhau cho rập mái chèo non sông!

Khi anh ra đi thi biển hồ lai láng,
Chữ anh trở lại, màng rặng biển lại thành gò?
Rừng dâu thay thế bến đò,
Sự tình trắc trở con đò khác đũa!

Khắp miền Ô Ri, điện đài, đèn miếu mọc lên từ thôn dã cho tới thị thành, kiến trúc tân kỳ, uy linh hiển hách, nhằm ghi nhớ công ơn tiền bối:

"Trăm trứng hóa thành, yết hầu Thổ rị, một đèn La Chủ, cơ sở Hà Công,
Mảnh đất sạch trong Hiến Phủ, Thế Lại nhờ ơn, ngôi đền Trung Nghĩa Đặng-Công Thế-Vinh nhờ tiết".

(Ô Châu Cận Lục)

Như rúa là họ Hà, họ Đặng được vinh danh muôn đời. Hà Công là tiên tổ họ Hà Thúc ngày nay, còn Đặng Công là *Đặng Tất*, thành hoàng làng Thế Vinh (xã Phú Mậu), mà bài vị còn ghi: Bình Chương Trọng Sự, Khuông Quốc Đại Vương, Báo An Chính Trực, Hộu Thiện Đôn Ngưng, Dục Bảo Trung Hưng, Trác Vĩ Thượng Đẳng Thần. Con trai là *Đặng Dung*, lưu danh với bài thơ "Thuật Hoải", mà sử sách còn ghi:

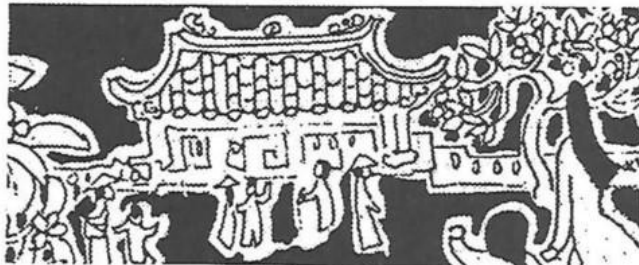
Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điều thành công dị,
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài phủ địa trực,
Tây binh vô lộ vấn thiên hà.
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyên đãi nguyệt ma.

Bài thơ nguyên tác này đã được sử gia Trần Trọng Kim dịch thơ Đường luật như sau:

Việc đời bối rối tuổi già vay,
Trời đất vô cùng một cuộc say.
Bàn tiện gặp thời lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay!
Vai khiêng trái đất mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.
Thù trả chúa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày!

Danh sĩ Lý Tự Tấn (1378-1457) phê bình bài thơ nguyên tác trên kia như sau: "Không phải người hào kiệt, không thể làm được". Cả hai cha con *Đặng Tất* và *Đặng Dung* đều là anh hùng hào kiệt đã tận trung báo quốc, kháng chiến chống quân Minh xâm lăng.

Đọc theo sông Ô Lâu và sông Bồ là nơi vua Lý Thái Tông đã đàn quân năm Giáp Thân 1044, vượt sông, đánh đuổi quân Chiêm, bắt được 5000 người và 80 thớt voi, nêu cao uy thế của nước Đại Việt dưới trời Nam, chúng ta sẽ tìm thấy khá nhiều danh nhân, người ở ẩn như Ngô Thế Lân, kẻ ra làm quan phò vua giúp nước, dưới thời Lê-Trịnh như Nguyễn Cự Trinh, dưới triều Tây Sơn như Trần Văn Kỳ và Nguyễn Hữu Thận, dưới triều Nguyễn như Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Phạm Tuấn.



Nguyễn Cự Trinh (1716-1767) vốn dòng họ Nguyễn Đăng, quê quán An Hòa, ngoại thành Huế. Nơi nhà thờ họ xây đời *Thiệu Trị*, 1846, chúng ta còn thấy treo hai câu đối:

"Sinh vu Hoan châu, thiên vu Ô châu, bồi thực tự tam bách niên y thừa,
Tịch vi Trịnh tánh, kim vi Nguyễn tánh, kế thừa kinh thập tứ thế hữu dư".

(Sinh ở châu Hoan, dời đến châu Ô, gây dựng từ ba trăm năm như cũ,

Xưa là họ Trịnh, nay là họ Nguyễn, kể thừa trái 14 thế kỷ, có dư).

Năm Giáp Tý 1744, Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, vì e ngại một câu sấm "Bát thế hoàn Trung đô" (Tám đời thì nhập với Trung đô Bắc Hà), muốn xây dựng một quốc gia riêng biệt tại miền Nam, bèn sai Nguyễn Cư Trinh soạn thảo các chiếu chỉ xưng Vương hiệu và thay đổi y phục dân Nam cho khác biệt với dân Bắc.

Nguyễn Cư Trinh đã nhiều phen thi thố tài năng văn võ trên các chiến trận Trung Nam, từ chiến dịch bình định mọi Ba-Tó Đá-Vách (Quảng Ngãi) cho tới việc dập tắt những cuộc nổi loạn của dân Thổ miền Bến-Nghé, Hậu-Giang, mà vẫn còn đủ thời giờ để xuống họa với Mạc Thiên Tích trong *Hà Tiên Thập Vịnh* và biên soạn từng tích *Sãi Vãi*, nhằm đả kích những kẻ trùm chẵn và kêu gọi nhân tài ra phò dân giúp nước.

Nguyễn Cư Trinh trải bày tâm sự trong hai câu thơ:

*Quan tái thế phong xuy quận mã,
Trường An phiến nguyệt dữ cô thân.*

(Tái thượng ngẫm)

tạm dịch là:

*Nơi cửa ai gió lạnh thổi vào đấm ngựa một mồi,
Mảnh trăng chốn kinh kỳ vẫn rọi theo kẻ cô thân.*

(Hứa Thụy dịch)

Cùng một thời đại ấy, có nhân sĩ *Ngô Thế Lân*, sinh vào khoảng 1720 ở làng Vu Lai (sau đổi là Phong Lai), thuộc tổng Phù Lễ, huyện Quảng Điền, xứ Thuận Hóa. Ngô Thế Lân nguyên là một dật sĩ, không chịu ra giúp Lê Trịnh, nhưng về sau thì có dâng lên chúa Nguyễn Phúc Thuận, vào năm 1770, một bài biểu luận về tiền tệ và nhiều nhận xét về chấn hưng kinh tế Trung Nam. Ông can đảm tố giác những tệ hại của quan lại và cường hào:

*Núi sâu có beo cạp,
Đầm lớn có kinh ngạc,
Trên đời có giáo mác,
Thân này biết tựa vào đâu?
Nơi nhộn khổ vì nhiều rười,
Nơi tĩnh khổ vì nhiều muỗi.
Cớ sao hai giống côn trùng nhỏ nhoi ấy
Cử tìm cắn người ta mãi?*

Theo Lê Quý Đôn (1726-1784) viết trong *Phủ Biên Tạp Lục* thì Ngô Thế Lân có viết trong bài tựa *Thi-tập* của mình, một đoạn như sau: "*Trúc nhờ gió mà có tiếng, gió nhờ trúc mà thành vết. Cho nên gió đến thì trúc kêu, gió qua thì trúc lặng, gió to thì kêu to, gió nhỏ thì kêu nhỏ. Thế là kêu tại gió, chứ không phải tại trúc*". Xem đó, ta thấy Ngô Thế Lân là một triết gia biết suy luận tinh vi; đi từ cái nhân đến cái quả, không bị chi phối bởi ảo ảnh. Lối suy diễn độc đáo đó khiến ông không chịu xếp hàng gò bó theo ai cả.

Chúng ta vẫn cứ theo con sông Ô Lâu mà tiến về phía Vân Trình, Đại Lộc, Kế Môn, Chí Long... biết bao nhân tài đã sinh trưởng nơi miền đất tâm tình và chí khí này. Chúng ta sẽ tìm thấy những di tích lịch sử liên hệ Trung-Thứ Trần Văn Kỳ (?-1801). Quân sư của vua Quang Trung; quê quán làng Vân Trình, thuộc huyện Phong Điền, chuyên soạn thảo kế hoạch, chiếu chỉ cho nhà Vua, mãi tới khi Thái sư Bùi Đắc Tuyên lộng quyền dưới thời Cảnh Thịnh, mới bị biếm, giải chức, đưa về Mỹ Xuyên làm lính trạm, bên dòng sông Ô Lâu, vào năm 1794.

May thay! vào mùa đông năm ấy thì vua Cảnh Thịnh cử Đại Tư Khấu *Võ Văn Dững* ra coi bốn Trấn ở Bắc Thành. Trên đường ra Bắc, Võ Văn Dững đã ghé trạm Mỹ Xuyên, bí mật gặp Trần Văn Kỳ và nghỉ lại một đêm ở đây. Hai vị công thần thân tín đã bàn mưu kế suốt đêm thâu. Đến sáng sớm thì Võ Văn Dững đem quân trở về lại Phú Xuân, lũng bắt cha con Bùi Đắc Tuyên, rồi cho người ra Bắc Thành bắt Ngô Văn Sở, giải về Kinh, tất cả bè lũ đều bị dìm xuống sông mà chết!

Ngày nay, nơi làng Vân Trình còn ngôi nhà thờ nhỏ mà con cháu mới dựng lại gần đây để thờ phụng Trung-Thứ Trần Văn Kỳ. Ngôi nhà thờ này xây trên bờ sông Ô Lâu, có dãy *cây cửa soi bóng* và ghe thuyền đậu

lại để hóng mát. Chính là hàng cửa này được dân làng trồng từ thời xa xưa, do lệnh của Trung-Thứ Trần Văn Kỳ. Giống cây này cũng được nhắc lại trong một bài dân ca:

*Sự bất đắc dĩ, sự bất đắc dĩ,
Khi mô thầy mẹ nói rằng bán gà em cho anh,
Nay chủ thầy mẹ bán gà em cho ai?
Chiều chiều anh ra đứng cây sanh, cây cửa,
Hai hàng nước mắt nhỏ xuống như mưa,
Ba khăn lau không ráo,
Bốn chèo áo anh chặm không khô,
Tiếc công anh để xuống ao hồ,
Qui thừa vãng dạ, khổ từ xưa đến chùi!*

Bên kia sông Ô Lâu, ở làng Đại Hòa, thuộc tổng An Dã, huyện Hải Lăng, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có nhà thờ ông *Nguyễn Hữu Thân* (1757-1831), tục gọi là Cự Thượng Đại Hòa, là một bậc đại Nho, tinh thông toán học và lịch số. Cự sinh vào tháng ba, năm Đinh Sửu 1757, đời chúa Võ Vương. Lớn lên, học thành tài, ông đã ra phò vua giúp nước, trước hợp tác với Tây Sơn, sau được vời ra giúp nhà Nguyễn. Ông rất giỏi về toán pháp và chuyên làm lịch số cho Triều đình. Ông đã được cử đi sứ Trung Quốc năm 1809. Tại đây, ông đã viếng Khâm Thiên Giám Bắc Kinh và mua nhiều sách Toán lịch, Thiên văn, trong đó có bộ "*Lịch Tượng Khảo Thành*" và những sách toán số, thiên văn của các Giáo sĩ Tây Phương dịch ra Hán Văn.

Tại quê nhà, dân gian còn lưu truyền hai *bài toán dân ca* của ông để lại như sau:

*Anh đi thi quê chưa tròn,
Anh về quê đã dâm bông trăm ngàn.
Một ngành mười tám bông xanh,
Ba bông bốn trụ, đổ anh mấy tiền?*

*Mai anh đi chợ,
Gởi một quan tiền,
Mua lấy thanh yên,
Vừa cam vừa quít,
Cam ba đồng một,
Quít một đồng năm,
Thanh yên một trái năm đồng,
Chẳng nhiều chẳng ít,
Một trăm chẳng chời.*

Chúng ta cố gắng tìm hiểu bài thơ thú nhất như sau:

- Trụ là đồng tiền, có giá trị 6 văn, thường gọi là đồng tiền ăn sáu (hay là hai đồng ăn ba đồng tiền kẽm)
- Một tiền có mười trụ, tức 60 văn, toán chữ Hán gọi là mạch. Giải đáp: $100 \times 18 = 1800$ bông xanh,
 $(4 \times 1800) : 3 = 2400$ trụ = 240 tiền

Rồi ta hãy cố gắng giải đáp bài toán số hai:

- Một quan tiền là mười tiền, là 600 văn, là 100 đồng (trụ),
- Làm mấy bài toán, ta sẽ tìm ra đáp số:
20 cam, 3 thanh yên, 75 quít.

Nói về ông Nguyễn Hữu Thân, Đại Nam Liệt Truyện và Đại Nam Thực Lục chép rằng: "Năm Ất Hợi 1815, trong khi luận về Thiên tượng, vua Gia Long quyết định ngày mồng một nào có nhật thực thì bãi lễ triều hạ và yến hưởng, để tỏ ý lo sợ mà tu tỉnh. Ông đã báo cáo trước: hai năm nữa, tháng 4 và tháng 10 đều sẽ có nhật thực. Ông đã tính đúng. Ngày 1 tháng 1 năm Đinh Sửu (16.5.1817): nhật thực đã xảy ra. Lúc này ông đang ở Bắc Thành, phụ trách Hộ Tào. Nhà vua và triều thần nhân đó, nhận xét về ông: "*phép tính lịch rất tinh vi, chỉ có Nguyễn Hữu Thân*

mỗi đũa học thuật để biết được". Liệt Truyện cũng cho ông là "một nhà thiên văn không có ai sánh kịp". (Theo Lương An).

Tới vùng này, nơi giáp giới hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị, chúng ta không quên sách đầu tay thời Tiền Chiến "Quê Mẹ" của nhà văn Thanh Tịnh, sinh ngày 12.12.1911 ở xã Dương Nỗ, Phú Vang, Thừa Thiên, mất ngày 17.7.1988 tại Hà Nội, thọ 78 tuổi. Quê Mẹ của Thanh Tịnh là làng Mỹ Lý, huyện Phong Điền, là nơi quê hương thật sự mà nhà văn đã mô tả trong 18 truyện ngắn của tuyển tập mang tên "Quê Mẹ", trong đó có ghi lại mấy bài hò thật là duyên dáng:

*Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt đến cùng,
Chiều đã về trời đất mông lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ nỡ nùng tiếng sừng*

*Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông,
Thân em là gái chửa chồng,
Tở duyên có chắc như dòng nước không?*

*Tình về Đại Lược,
Duyên ngược Kim Long,
Đến đây chỗ rẽ đôi dòng (của lòng)
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào?*

Chiếc đò dọc không mấy chốc đã đưa ta về đến Kế-Môn Đại Lược để tìm thấy những di tích của danh nhân Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895), hiệu Kỳ Am, quê quán Kế Môn, huyện Phong Điền, Thừa Thiên. Ông là con rể của đại thần Phụ Chính Trần Tiễn Thành. Ông đã dâng vua Tự Đức nhiều bản Điều Trần canh tân xứ sở, lúc đó ông mới có 25 tuổi (1877). Những bản điều trần này mang tên "Thời Vụ Sách", sau đổi là Quy Úu Lục, có nghĩa là sao lục những điều lo lắng về cây Quỳ, một thứ rau trồng trong vườn để ăn. Ý ông muốn nhắc lại chuyện cũ: "Trong truyện Liệt Nữ (Trung Quốc) có chép rằng ở ấp Tất Thất nước Lỗ, có người con gái chửa chồng dựa cột than thò, lo cho vua nước Lỗ đã già mà Thái Tử thì còn nhỏ. Người đàn bà hàng xóm đến báo: "Đó là việc của tôi quan, can chi đến mình". Người con gái trả lời: "Không phải là không can đến mình. Năm trước có con ngựa của người khách chạy đưa vào vườn ta, dẫm nát rau Quỳ của ta, khiến ta cả năm không có rau Quỳ mà ăn. Vậy nếu như vua tôi nước Lỗ bị nhục thì bọn phụ nữ ta tránh đâu cho khỏi điều nhục ấy?". Lời suy xét của thiếu nữ Tất Thất thật là chí lý, do đó ông Nguyễn Lộ Trạch đã tự ví mình với người thiếu nữ nước Lỗ vậy.



Trở lại nguồn Bồ, chúng ta tìm thấy làng Bồ Điền, thuộc huyện Phong, là quê hương của Cụ Nguyễn Đình Huy (sinh năm 1793), thân sinh của Cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ (1.7.1822) tại quê mẹ ở làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Cụ mất ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý (3.7.1888) tại làng An Đức, Bến Tre, cách Ba Trĩ 2 cây số. Từ năm 1833. Chiểu đã được cha đưa ra Huế học tập cho đến năm 1840 thì trở về Nam, chờ tới năm 1843 thì đỗ Tú Tài trường Gia Định. Năm 1846 Chiểu trở ra Huế

học tập, chờ khoa thi Kỷ Dậu (1849). Năm 1848 mẹ Chiểu mất (10.12.1848), Chiểu bỏ thi, cùng với em là Tựu lên đường về Nam cư tang. Năm 1849, đọc đường đau nặng, được một danh y săn sóc, nhưng vì khóc quá nhiều mà sinh ra mù lòa. Tuy nhiên, Chiểu đã học được nghề thuốc, nhằm phục vụ nhân dân miền Nam.

Trong thi phẩm Lục vân tiên, Cụ Đồ Chiểu đã nhiều lần nhắc tới địa danh Hà Khê (nơi có chùa Thiên Mục), là nơi mà Cụ đã lưu trú hai phen, để học tập và để chờ ngày thi Hương ở Kinh đô Huế:

*Đoạn này đến thủ Nguyệt Nga
Hà Khê phủ ấy theo cha học hành.*

*Kim Liên! ơi hỡi Kim Liên!
Đấy xe cho chị qua miền Hà Khê.*

*Thưa rằng: tôi Kiều Nguyệt Nga,
Người này tỳ tất tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm Tri-phủ ở miền Hà-Khê.*

*Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đến ăn cho chàng.*

Từ Hà-Khê Sông Hương, ta tiến ra sông Bồ, qua cầu Hiền Sĩ, rồi tìm về Phú Lễ, Hạ Lang, Ô Sa, Chợ Sịa, Phố Lại, Xuân Tuy, Bao La, Cao Xá, Bác Vọng, Khuông Phò, làng nào xã nấy, vui sống đồng quê, thắm mùa lúa chín:

*Rộng vườn quýt ngọt cam thanh,
Dang tay em hái trái, động nhánh con ve than!*

*Hồ Tịnh Tâm giàu sen bích diệp,
Đất Hương Càn ngọt quýt thơm cam.
Ai về cầu ngói Thanh Toàn,
Chờ em về với một đoàn cho vui.*

Về tới Bác Vọng, chúng ta tưởng nhớ hai nhân vật lịch sử: chúa Nguyễn Phúc Chu (Minh Vương: 1691-1725) đã một thời dời đô Phú Xuân về nơi đây (1712), nhưng không lâu, rồi cũng trở lại Phú Xuân. Và Tiền quân Nguyễn Văn Thành (đời vua Gia Long) tác giả bài Văn tế Trần Vong Tướng Sĩ, một tuyệt phẩm văn chương, một thiên anh-hùng-ca, một "Ngọn còi rúc nguyệt, nơi tề nơi vui, nhịp trống dồn hoa, chốn tước chốn ú. Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt, cái sinh là không, cái tử cũng là không!".



Trở lại sông Ô Lâu, chúng ta về tới làng Chí Long, quê quán đại công thần Nguyễn Tri Phương (1800-1873), sinh ngày 21 tháng 7 năm Canh Thìn 1800 tại làng Đường Long, tổng Chánh Lộc, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Về sau, làng Đường Long đổi tên là Chí Long. Ông là một Đại Tướng Quân đã chỉ huy nhiều mặt trận kháng Pháp, khắp các chiến trường từ Nam ra Bắc, uy danh vang lừng, ai ai cũng biết,

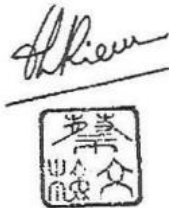
không cần. kể lại dòng dài, nay xin cúi đầu van vái anh linh của tiền nhân, một bậc Thượng Tướng tận trung báo quốc như Nhạc Phi, Hoàng Diệu ngày xưa, cùng lưu danh nơi sử sách với con trai là Phò Mã Nguyễn Lâm, cũng được thờ phụng hương khói trong miếu điện quốc gia:

*Ngó lên non thấy cặp công đang múa,
Ngó xuống biển thấy cặp cá đang đua,
Anh về lập miếu thờ vua,
Xây lăng thờ mẹ, dựng chùa thờ cha.
Sực nhìn biển bốn trời ba,
Buồm giăng hai cánh, cửa nhà đôi nơi.
Buồm giăng thẳng cánh ra khơi,
Lênh đênh biển cả tìm nơi vẫy vùng!*

Phát xuất từ:

*"Hai châu Ô Lý vương nghìn dặm,
Một gái Huyền Trân của mấy mươi".
(Hoàng Thái Xuyên)*

Bài dân ca trên kia mang nặng tính chất hào hùng của dân tộc. Dân ca phong phú thất chặt tình nghĩa đồng bào, vượt không gian và thời gian, nối liền các thế hệ qua những thăng trầm của lịch sử. Dân ca tình tứ với sữa mẹ hiền hòa nuôi dưỡng Dân Tộc trưởng tồn với sông núi, xứng đáng với Tổ Tiên, hãnh diện với năm châu và hòa hợp với Ô Lâu Tinh Sứ. (Sa 1007 / 1)



Hương Giang
THÁI VĂN KIỂM

GIỚI THIỆU SÁCH

Viên Giác vừa nhận được quyền :

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM 50 NĂM XÂY DỰNG

Do ban Điều Hợp Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam - Hải Ngoại xuất bản. Sách in khổ A4, bìa cứng, chữ mạ vàng, dày 540 trang, in trên giấy láng, trình bày rất công phu và rất đẹp. Nội dung sách là một bộ sưu tập tài liệu về lịch sử Gia Đình Phật Tử Việt Nam từ lúc mới hình thành cho đến ngày nay, gồm nhiều hình ảnh, bài vở trích từ những sách báo xa xưa, đánh dấu sự trưởng thành của tổ chức qua từng giai đoạn:

- Số sanh từ địa phương (1943-1947)
- Đoàn ngũ hóa (1947-1953)
- Thống nhất và phát triển (1953-1963)
- Dẫn thân và ổn định (1963-1975)
- GĐPTVN tại hải ngoại (1975-1996)
- GĐPT trong nước từ sau 1975

Ban sưu tập là những Huỳnh Trưởng lão thành, không những chỉ là những chứng nhân mà còn là những người dẫn thân liên tục với tổ chức từ lúc ban sơ cho đến ngày nay, nên những bài viết đều phản ảnh trung thực với đường lối và mục đích của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Đặc biệt là khi đọc xong tập biên khảo này chúng ta cảm nhận được TÌNH ÁO LAM thật là keo sơn, gắn bó, khó có một tổ chức nào có được.

Giá sách là Ba Mười Lăm Mỹ Kim, chưa kể cước phí.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu quyển sách quý giá này với: Anh chị em Lam Viên, với quý Đạo Hữu và Đồng Hương bốn phương.

Xin liên lạc với:

Anh VÕ VĂN MAI, Union Str. 8 - 10551 Berlin - GERMANY
Tel & Fax: 030 - 396-83-07

Thơ

Minh Trang

SẼ VỀ

Mỗi thư nhà - mỗi lần nhẩn nhủ
Gắng đưa nhậu một chuyến về thăm
Bà con đã tuổi trời chồng chất
Rủi mai này - chẳng gặp nhau chẳng!
Thư bạn viết - người về lữ lượt
Không thấy mây trở lại quê hương
Nhìn được nhau hẳn mừng lẫn tủi
Biết bao lời với nỗi nhớ thương
Người về thăm - ngày càng đông đảo
Góp đủ mặt tất cả thành phần
Từ võ ngục kể công tranh đấu
Cùng Nghệ nhân - Lao động tay chân
Đến Trí thức - lẫn nhà Giáo dục
Dạy thanh niên yêu nước thương non
Kéo nhau về nhân danh "đổi mới"
Chuồn lại ra - "nước đã để coi"!!
Có ít nhất trong năm dăm bận
Chộp mắt là hiện cảnh thảng Tư
Của năm đó - Bảy Lăm - đen tối
Mấy mươi năm mà vẫn thật nhu!
Thấy người người ngác ngơ - há hốc
Chạy lảng xăng - chẳng biết về đâu
Phi trường - Bến tàu - thật hỗn loạn
Không một lời kịp giã biệt nhau!
Bồi thực chứng thiên đường Lê - Mác
Khiến muôn loài ngán ngảm - thì thăm
Trong đêm tối diu nhau lánh nạn
Cà trụ đèn - giá nó có chán!
Nhờ ơn trên - xử người lưu trú
Sau bao lần gian khổ vượt biên
Đưa tay đón chỗ che tỵ nạn
Đầy tấm lòng với trọn con tim
Chúng là lũ gian nhân - ác đảng
Là tay sai chủ nghĩa giết người
Vi bọn đó - đành xa Tổ Quốc
Sao bây giờ giúp chúng máu tươi
Có thật phải đã quên giây phút
Mếu máo xin được bước xuống tàu
Nên bây giờ - van ông chiếu khán
Hòng về thăm - áo gấm khoe nhau?!
Có người về Mạnh Quỳnh - Lý Tống
Trần văn Bá rồi Phùng Tấn Hiệp
Cùng với bao Dũng sĩ kiên cường
Những hậu thân Tiên nhân lẫm liệt!
Tấm gương sáng rạng ngời khí tiết
Sao không noi - học thói gạt lừa?
Nhiều mặt nạ đeo hoài không chán
Đội đến ngày lộ diện - ai ưa?!
Không muối mặt đến cầu chúng nó
Bọn cộng nô - chiếu khán - đặng về
Chúng - thủ phạm - hại mình vượt trốn
Nhắm mắt về làm kẻ u mê?!!
Quê hương đó - ai người không nhớ!
Nên sẽ về - dù chỉ viếng thăm
Khi chấm dứt độc tôn - độc đảng
Khi bá đạo hết đất lộng hành!





HỒ TRƯỜNG AN

Sinh năm 1938, tại Vĩnh Long (Miền Nam Việt Nam).

Tốt nghiệp khóa 26 trường Võ Bị Thủ Đức.

Cộng tác các báo trong nước: Tin Sách, Tin Văn, Bách Khoa, Tiền Phong, Tranh Thủ, Tiền Tuyến, Minh Tinh, An Lạc...

Cộng tác các báo hải ngoại:

Quê Mẹ, Lạc Hồng, Hồn Nước, Viên Giác, Hành Động, Làng Văn, Văn, Văn Học Nghệ Thuật, Thế Kỷ 21, Văn Học, Việt Nam Tự Do, Phụ Nữ Diễn Đàn, Chiêu Dương, Sóng, Đẹp, Năng Mới, Tự Do (Texas, Hoa Kỳ), Tự Do (Toronto, Gia Nã Đại), Xây Dựng, v.v...

Tác phẩm:

Truyện dài: Lốp Sóng Phế Hưng, Nửa Chợ Nửa Quê, Đêm Chong Đèn, Hộp Lưu, Phấn Buồm, Ngát Hương Mật Ong, Lúa Tiêu Ruộng Biền, Lối Buồm Đường Hương, Trang Trại Thần Tiên, Vùng Thôn Trang Diễm Áo, Còn Tuôn Mạch Đồi, Ngát Thơm Hoa Bưởi Bông Trà, Tình Trong Nhung Lụa, Tình Đẹp Đất Long Hồ, Thuở Sen Hồng Phụng Thắm, Chân Trời Mộng Đẹp, Bãi Gió Cồn Trăng, Bóng Đèn Tà Nguyệt.

Tập truyện: Chuyện Quê Nam, Tập Chùng, Chuyện Miệt Vườn, Hội Rẫy Vườn Sóng Rạch, Gã Thiếp Về Vườn, Đờng Không Mông Quạnh, Đêm Xanh Huyền Hoặc.

Ký sự Văn Học Nghệ Thuật: Cối Kỳ Úc Trắng Xanh, Giai Thoại Hồng, Thông Điệp Hồng, Chân Trời Lam Ngọc I, Chân Trời Lam Ngọc II, Sàn Gỗ Màn Nhung.

Hồ Trường An cùng với Duyên Anh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn và Xuân Vũ là 5 cây bút sáng tác phong phú nhất trên văn đàn hải ngoại.

Tạp bút cho mùa hè 97

Thiện Tĩnh HỒ TRƯỜNG AN

Từ đầu năm ngoái cho tới bây giờ (03.7.97) có lẽ tôi ít viết lách. Một lẽ dễ hiểu là tôi đau dạ dày, bác sĩ khuyên càng viết lách ít càng tốt, càng đi bộ nhiều cũng càng tốt luôn.

Gần áp Tết năm Bính Tý (1996), anh bạn họa sĩ Vũ Thái Hòa cho tôi một chậu quỳnh trở hoa đỏ để tôi đón xuân Đinh Sửu (1997). Bông quỳnh có màu hồng ngọc, tức là màu đỏ như ửng ánh lửa chói sáng. Tôi trân trọng đặt nó lên đầu kệ sách, sau đó đốt cây nhang bạch đàn để cảm tạ Đông Hoa Đế Quân, chủ Mộc thần. Ngày ngày, tôi ngắm say sưa những bông hoa hình loa kèn trở rực rỡ từ đầu phiến lá.

Ít hôm, từng phiến lá mang hai bông hoa rụng dần. Và các tầng lá kết hợp cũng rú nhau mà rụng mà rơi, cho đến hôm mừng một Tết, chồi lá cuối cùng cũng rụng nốt. Tôi biết là điềm giờ.

Trung tuần tháng 3, bên quê nhà cho tôi hay, má tôi đã tạ thế, sau 26 ngày nằm trên giường bệnh.

Và từ đó tới nay, tôi viết lách kém hẳn, chất đã không còn bao nhiêu, mà lượng cũng không mấy dồi dào.

Vậy mà bạn hiền Tùy Anh của tôi cứ giục tôi viết một bài đặc biệt cho số đặc biệt của tạp chí Viên Giác. Đó là số thứ 100 đánh dấu cuộc hành trình dài từ năm 1981 cho tới nay.

Tôi toan nín thinh, giả đờ như không nhận thư của Tùy Anh. Nhưng làm thế coi không ổn chút nào. Và tôi lại bật đèn, đốt nén chiên đàn hương và cầm bút. Bên ngoài là bóng trăng tròn đang nguy nga treo trên cây ngô đồng, cây soan đào và khóm bạch dương ở phía xa.

Tôi cộng tác với Viên Giác qua một anh bạn. Anh ta sau đó rời tờ tạp san này, nhưng tôi vẫn ở lại với Viên Giác, với Viện chủ chùa Viên Giác cho tới nay. Sự cộng tác của tôi lúc đầu dờ dáo lắm, tích cực lắm, sau đó thưa dần, rồi im bật một thời gian dài. Sau đó, tôi lại viết cho nó dù dăm ba tháng một bài, nhưng tôi vẫn không ly khai nó.

Thầy Viện chủ có tặng cho tôi khi tôi mới cộng tác báo Viên Giác. Đó là quyển "*Niệm Phật Thập Yếu*" của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm và quyển "*Thiền Đốn Ngộ*" của Hòa Thượng Thích Thanh Từ. Tôi bắt đầu hành trì Pháp môn Tịnh Độ bằng cách niệm hồng danh Đức A-Di-Đà Phật mỗi ngày, kể từ năm 1985 tới nay. Dù khi niệm có lúc tán loạn, có lúc hôn trầm, nhưng tôi vẫn niệm hằng ngày Lục Tự Di Đà (Nam Mô A-Di-Đà Phật).

Tôi không bỏ pháp môn Tịnh Độ mà tôi cảm thấy khế hợp với căn cơ tôi cũng như tôi không bỏ tạp san Viên Giác. Và từ 1991, tôi qui y Tam Bảo, được thầy Viện chủ ban cho cái pháp danh Thiện Tĩnh. Thầy Viện chủ đã trở thành sư phụ tôi, các cây bút cộng tác tích cực cho tạp san Viên Giác như Trần Phong Lưu, Tùy Anh, Đan Hà, Huy Giang, Vũ Nam chẳng những là văn hữu của tôi mà còn là đạo hữu của tôi. Dưới bóng thầy chúng tôi, chúng tôi gắn chặt vào văn chương, đạo pháp. Dù ít lui tới, ít thư từ với nhau, nhưng tôi quý mến tất cả. Trần Phong Lưu trắng trẻo, phì mỹ vốn là bạn đồng hương (cùng tỉnh Mỹ Tho) với tôi. Gặp anh, tôi có dịp kể những địa danh, những di tích thuộc tỉnh ấy như làng Long An, làng Đạo Hạnh, làng Đạo Ngạn, Ngã Ba Trung Lương, xóm Vòng Lớn, xóm Vòng Nhỏ, chùa Vĩnh Tràng, chợ cũ Mỹ Tho, Cầu Quay, rạp hát Thầy Năm Tú. Mỹ Tho cũng là quê hương các ngôi sao trong địa hạt ca kịch cải lương như Năm Châu, Tám Mèo, Năm Phi, Phùng Há, Bảy Nam, Mười Truyền. Và Mỹ Tho cũng là quê hương của học giả Phạm Công Thiện. Anh Thiện cải đạo (từ bỏ đạo Gia Tô để qui y Tam Bảo Phật Giáo). Đó là anh làm theo nhu cầu tâm linh; đạo nào cũng dạy con người làm lành lánh dữ, nhưng có lẽ đạo Phật khế hợp với căn cơ anh Thiện hơn.

Trần Phong Lưu kết hôn với chị Quỳnh Hoa, cũng là cây bút chủ lực của tạp san Viên Giác, thường giữ mục **Y Học Thường Thức**. Hè năm 1995 tôi có gặp anh chị Lưu & Quỳnh Hoa tại Việt Bình Thôn Trang của anh Hoài Việt tại Villebon-sur-Yvette, một thành phố phụ cận của Kinh Đô Ánh Sáng Paris. Chị nhỏ nhắn, xinh đẹp, hơi nhút nhát, sáng mắt trong bộ âu phục màu kem và màu bạch nguyệt. Tôi nói đùa với anh Trần Phong Lưu:

- Nhờ anh ra công kiến trúc Chùa Viên Giác nên Thập phương chú Phật li-xi cho anh một cô vợ vừa đẹp vừa hiền.

Hồi ra, chị Quỳnh Hoa khi còn ở Việt Nam đã từng cứ ngụ tại Phú Nhuận, và tôi cũng đã ở Phú Nhuận một thời gian dài.



Có lẽ trong các văn hữu cộng tác với Viên Giác, tôi thân với Vũ Nam nhất. Năm 1991, tôi đi hành hương qua Hannover, thì chùa tân Viên Giác chưa hoàn thành. Tại đây tôi gặp anh chị Phạm Thăng. Anh Thăng ra mắt quyển "*Tiền Tệ Việt Nam*", còn tôi ra mắt quyển truyện dài "*Lúa Tiều Ruộng Biền*" và quyển kỹ sự văn học "*Thông Điệp Hồng*". Hôm ra mắt sách thì có một anh chàng tuổi trạc 30, mặt hiền lành, nụ cười ể ắp phôi bầy hàm răng ngọc trai khít khao và đều đặn. Chàng ta ngập ngừng báo tôi:

- Anh Hồ Trường An, tôi là Vũ Nam đây! Tôi từ tỉnh Gomarigen đến đây hành hương không dè gặp anh.

Tôi mừng rỡ giới thiệu Nam cho anh Phạm Thăng. Cả ba coi nhau như là cố nhân. Nam ngó ý tôi giúp đỡ Nam trong việc giao du trong văn giới. Tôi biết giúp gì hơn là cho Nam vài cái địa chỉ của các nhà văn gốc người Nam như Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Tấn Hưng, Huỳnh Hữu Cửu... Tên tuổi Nam chói rạng từ 1993 cho tới nay. Ít lâu Nam có nhiều văn hữu ở khắp bốn phương trời hải ngoại, đó là không kể các văn hữu gốc Bắc, gốc Trung.

Vũ Nam nhỏ nhẹ, dịu mềm. Vũ Ngọc Long thì nồng nhiệt, hoạt động, cương trực nhưng dễ nổi nóng trong lúc mạn đàm. Vậy mà cả hai lại thân nhau.

Sau đó, tôi được quen thêm Huy Giang, Đan Hà và Phù Vân. Huy Giang ở nói tình miền núi mà anh ban cho nó cái tên *Phố Nhỏ* thật mộng thật thơ. Nếp nhà của anh tuy nhỏ nhưng bày biện trang nhã. Đó là do bàn tay cần mẫn khéo léo của vợ anh. Huy Giang cười rộng miệng, mỗi khi anh cười, vẻ hào sảng thấm nhuần khuôn mặt anh. Vóc vạc anh mảnh khảnh gợi nên cây tre cây cau trên đất quê hương chúng ta, mảnh khảnh nhưng chứa chan một tiềm lực dồi dào, vẻ hùng tráng bền bỉ. Thơ văn của Huy Giang sôi nổi thiết tha, mạch sáng tác của anh thật phong phú.

Lần đầu gặp Đan Hà, tôi thấy anh giống ai đó mà tôi nghĩ không ra. Sau đó, khi đặt bút viết quyển "*Sân Gõ Mòn Nhung*" (lịch sử ngành sân khấu cải lương Việt Nam), tôi lúc viết về nam nghệ sĩ Tử Anh, tôi bỗng "à" một tiếng thống khoái. Đan Hà giống Tử Anh chủ giống ai? Với dài trán băng sương, với vẻ mặt khôi vĩ, với nụ cười tươi tắn và diêm đạm, với mái tóc quấn đôn sóng một cách rất thơ, với vóc dáng tầm thước, Tử Anh là kếp chánh trên các sân khấu Việt Kịch Năm Châu và Phụng Hào. Tử Anh thủ các vai chánh trong các vở tuồng phóng tác theo các quyển tiểu thuyết trong Tự Lực Văn Đoàn. Đó là vai Dũng trong vở "*Đoạn Tuyệt*" (phóng tác theo quyển truyện dài cùng tựa của Nhất Linh). Đó là vai Ngọc trong "*Hồm Bướm Mơ Tiên*", vai Lộc trong "*Nửa Chừng Xuân*" (phóng tác theo hai quyển truyện dài cùng tựa của Khải Hưng). Đó là vai Minh trong vở "*Gánh Hàng Hoa*" (phóng tác theo quyển truyện dài cùng tựa của Khải Hưng và Nhất Linh).

Đan Hà ngoài cái khuôn mặt giống Tử Anh còn có giọng Huế dễ nghe, dù anh là dân Quảng Trị. Anh có vóc dáng tầm thước, màu da sáng hồng, củ chi khoan thai theo kiểu *dã hạc nhân vân* (hạc ngoài đồng nội, mây bay thông dong). Mẩu người anh có vẻ nhà giáo hơn là mẩu nhà văn. Ấy vậy thơ anh man mác như một ngọn kim phong thổi trên ngọn cây ngô đồng báo hiệu bước mùa thu tiêu sơ vừa đến. Đan Hà viết những bài tùy bút về quê hương của anh rất mặn tình người, rất nồng nàn hương vị thổ ngoại.

Tùy Anh (Phù Vân) là dân Huế chính cống. Anh nghiêm trang, dè dặt, thu kín. Ấy vậy mà khi gặp tôi vào mùa hè 1995, anh vẫn cười hào sảng với tôi, cời mớ và vui một cách phóng khoáng. Anh có vóc vạc thanh cảnh, màu da nâu hồng rực rỡ như màu ngọc hồng mã não, da tuy ngăm đen mà hồng hào nồng mặn. Tùy Anh điểm thơ rất ưu ái rộng

lượng không hề chệch bai theo kiểu thầy dạy học trò. Tôi thích anh viết bài hoài niệm cho nhà văn Vũ Ngọc Long, văn anh mềm mại như bánh bèo núi Ngự Bình, thắm thập mặn nồng tình người như cá bống thệ kho tiêu. Ấy vậy mà giọng Huế của anh ngọt như trái thanh trà, như quít Hương Cần, như nhãn Hương Giang, như mía Mỹ Lợi, những thổ sản nổi tiếng của đất Thừa Thiên. Giọng anh tuy ngọt, nhưng thơ anh lại đắng đót, ngậm ngùi khó tả. Thơ anh đẹp, ngôn ngữ thi ca của anh rất điêu luyện, mạch thơ thấm nhuần thần trí sáng tạo sung mãn.

Vũ Nam, Tùy Anh, Huy Giang, Đan Hà là bốn dải nước trong khu vườn văn chương của Viên Giác. Vũ Nam là biểu tượng mảnh ao trời gương phẳng lặng in bóng trăng rằm sáng lồng lộng nguy nga. Tùy Anh là mặt đầm nước trong suốt và lạnh lẽo, rọi bóng những cây cổ thụ huyền bí. Huy Giang tượng trưng cho dòng rạch chảy thao thao, reo tiếng thánh thót giữa hàng cây dừa gai, đám lau sậy, khóm bình bát rườm rà xanh tốt. Đan Hà gọi lên dòng sông hiền lành, trôi chảy mở màng êm á dưới vòm trời lam ngọc bát ngát. Đó là 4 kiện tướng văn chương của tạp san Viên Giác vậy, mỗi người một vẻ, còn mười phần vẹn mười hay không thì tùy sự thưởng thức của độc giả.



Tạp san Viên Giác nào thiếu các bậc quân thoa hương phấn đâu. Đó là không kể các bậc lão tiên như An Lai Thôn Nữ, các nữ sĩ Chung Anh, Vân Nương, Tuệ Nga hễ phóng bút là có các bài thất ngôn bát cú đẹp như gấm thêu hoa. Tôi dù chưa quen các chị Thủy Trúc, Lê Thị Bạch Nga, Trúc Giang, Hồng Nhiên, nhưng tôi vẫn đọc văn thơ của họ trên tạp san Viên Giác. Thơ Thủy Trúc phảng phất Thiên vị, Thiên phong. Lê Thị Bạch Nga thường viết những giai thoại các Phật tử trong cộng đồng kiều bào ở Gia Nã Đại, văn khôi cần trau chuốt mà tình ý rất sâu sắc, mạch văn lôi cuốn. Hồng Nhiên giữ *Trang Hoa Phụng* với những bài vở xôn xao của thời mới lớn và thơ mộng của tuổi học trò.

Đặc sắc là cô Trần Thị Nhật Hưng. Tôi quen cô thuở cả hai cùng cộng tác cho tạp san Lạc Hồng (Thụy Sĩ). Trong cuộc trình diễn văn nghệ tại Saint Gallen (Thụy Sĩ) vào năm 1986 để gây ngân khoản giúp con tàu Cap Anamur, tôi có soạn tuồng cải lương "*Quan Âm Thị Kính*", và tôi chọn cô Nhật Hưng thủ vai Thị Mầu. Cô thành công rực rỡ ở vai này, quá sức tưởng tượng của tôi. Cô lẳng lơ tuyệt xảo, dí dỏm mặn nồng, khi bước ra sân khấu đã gắn chặt vào vai tuồng của mình, gây từng tràng cười thống khoái cho khán giả. Cô mềm dẻo như nhánh thùy dương, tha thướt như nhánh lệ liễu và rực rỡ như bông thược dược. Ở ngoài đời cô đoan trang bao nhiêu, nhưng khi lên sân khấu cô quẩy nhộn bầy nhiễu, tung tăng như con chim én nhào lộn giữa trời, vẫy vùng như con lý ngư trong hồ nước rộng. Cô rất ấn ánh đèn sân khấu. Chiếc áo tó lụa màu hoàng mai của cô khi gặp ánh đèn rọi trở thành màu hoàng yến rực rỡ chói sáng hẳn lên. Mối cô tô son màu hồng hạnh, mặt gòai phấn hồng đào rất hài hòa với bông hồng quế mà cô cài trên tóc. Tiếng cô hơi mỏng và yếu nhưng có gòai gấm để giọng ngọt hơn.

Văn của Trần Thị Nhật Hưng hoạt bát, dí dỏm. Trước khi cộng tác với Viên Giác, cô đã từng cộng tác Lạc Hồng (Thụy Sĩ), Việt Nam Tự Do, Phụ Nữ Diễn Đàn (Hoa Kỳ). Sau đó Viên Giác xuất bản cho cô quyển tập truyện "*Giấc Mơ Xưa*".



Viên Giác có nhiều tay kiện tướng ở các lãnh vực khác cộng tác. Về Phật Pháp có các pháp sư Thích Trí Chơn, Thích Như Điển, Thích Hạnh Tuấn, Thích Tín Nghĩa, Thích Hạnh Tấn, Vô Thức, Thích Hạnh Nguyễn, Giáo sư Ngô Trọng Anh... Về Văn Hóa có Giáo sư Vũ Kỳ, Gs. Thái Văn Kiểm, Nguyễn Thùy... Về Chính Trị có Bác sĩ Phan Quang Đán, Vũ Ngọc Long, Phan Ngọc Minh. Về Văn Chương ngoài các nhà văn mà tôi vừa kể còn có anh An Khê, Nguyễn Ang Ca, Phạm Thăng, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Văn Ba, chị Hồng Lan và thằng cháu Sĩ Liêm của tôi. Vũ Kỳ viết về văn hóa thật dồi dào thật sâu sắc, Nguyễn Thùy viết về các

giai thoại lẫn văn chương của Bùi Giáng rất lôi cuốn, rất ý nhị. An Khê, Nguyễn Ang Ca kể lại cuộc đời làm báo viết văn của họ đọc mà mê luôn. Ngoài ra, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Tấn Hưng và Hồng Lan viết chuyện đồng quê rất đạt.

Quên, tôi lại bỏ sót hai thi họa gia Huyền Thanh Lữ và Vũ Hối sao đành? Huyền Thanh Lữ làm thơ chữ Hán, tự dịch ra thơ Việt. Thơ chữ Hán được anh viết bằng lối chữ chân phương vuông kính, hùng tráng như nhánh cây thanh tùng, sắc sảo như lá lục trúc, lá phong lan. Còn Vũ Hối sáng tác thơ Việt, viết chữ đẹp thao túng như phụng múa rồng bay. Thơ ông nào cũng se sắt nổi quan hoài cả.



Theo sự hiểu biết của tôi, những người chăm sóc tạp san Viên Giác như đánh máy sắp chữ, trình bày bìa lẫn ruột, ấn loát thì trước hết phải kể Kỹ sư Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp, sau đó tôi biết thêm hai anh Lương Hiền Sanh, Như Thân, chị Nga. Sự hiểu biết của tôi chỉ có vậy, đúng hay sai, vừa đủ hay thiếu sót xin quý vị đóng góp phần kỹ thuật cùng đọc giả lượng thứ cho.

Anh Thị Chôn đã trình bày bìa và ruột 2 quyển sách "*Lúa Tiêu Ruộng Biển*" và "*Thông Điệp Hồng*" rất vừa ý tôi. Lần gặp anh vào mùa Phật Đản 1991, tôi thấy anh trẻ trung, vóc mảnh dẻ, da nóng mận có lẽ vừa phơi vài củ nắng ở ngoài bãi biển về. Anh Lương Hiền Sanh hiền hậu, hòa nhã, giọng nói êm như nhung và nhẹ như bông, lời nói mộc mạc như trái bắp củ khoai để làm người hầu chuyện có nhiều cảm tình. Anh Như Thân có nụ cười bất ngát bao dung như nụ cười Đức Bồ Tát Di Lặc trong các pho tượng bằng sành bằng sứ bán trong các tiệm Tàu. Chị Nga trắng trẻo, nhỏ nhắn, hiền như bột sắn bột khoai, lo chuyện Phật sự giỏi cỡ hai ba đấng mây râu nhập lại. Ngoài ra còn Đạo hữu Thị Tâm nữa chi. Con người hùng tráng ấy đã từng thao túng hào hùng trong quân ngũ, giờ đây lo Phật sự rất chăm, ban rải sự niềm nở với mọi người. Đến Tòa Soạn báo Viên Giác, được đàm đạo với các anh ấy và với Sư cô Hạnh Niệm và chị Nga là những giây phút thoải mái và hào hứng đối với tôi, cũng như lúc tôi đọc bài vở của chị Lê Thị Bạch Nga và Đạo hữu Phạm Hồng Sáu (giữ mục Gia Đình Phật Tử).

Người ta bảo rằng: Viên Giác là một trong các ngôi phạm vũ vĩ đại và tráng lệ nhất ở hải ngoại, tổ tạp san Viên Giác sống dai nhất và ra đều đặn nhất, Thầy Thích Như Điển là một trong các pháp sư viết sách phong phú nhất (chỉ thua Thiền sư Nhất Hạnh mà thôi).

Tạp san Viên Giác chào đời vào năm 1981 với phương tiện thô sơ, cách trình bày ấn loát thiếu kinh nghiệm. Dần dà Thầy Chủ nhiệm và anh Thị Chôn cố gắng nâng cao trình độ kỹ thuật ấn loát lên. Từ năm 1985, rất nhiều học giả, văn nhân cộng tác với tạp san để thương nầy khi kỹ thuật ấn loát và nghệ thuật trình bày cải tiến hoàn bị đủ mọi mặt với một nỗ lực đáng làm kinh ngạc đọc giả. Cụ thể, hai tháng một kỳ các đọc giả kiêu bào có một tờ báo đẹp trong tay và có thể đọc nhiều bài vở phong phú. Nhiều người bị mê hoặc bởi "*Luận về ĐỜI TIẾP NÓI ĐỜI*" của Dr. Raymond A. Moody, Jr. do Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch và bởi "*Bí Ẩn TIỀN KIẾP và HẬU KIẾP*" do Đoàn Văn Thông sưu tầm. Ngoài ra chuyện "*Tân Liêu Trai*" của Giang Phúc Đông Sơn há không lý thú hay sao? Gần đây còn có bài vở viết về anh hùng dân tộc của Yên Tử Cư Sĩ. Đó là những bài dày công sưu tầm. Càng đọc các bài đó, ta càng cảm khái cho hồn thiêng sông núi đã sản sinh những bậc vĩ nhân làm rường cột để từng chống đỡ cho mái nhà dân tộc bao phen nghiêng ngửa được tồn tại đời đời.

Và tôi tin rằng, dưới mái Chùa Viên Giác, Ban Trị Sự, Ban Kỹ Thuật Ấn Loát đã nỗ lực làm cột đá rường đồng chống đỡ biết bao nghịch cảnh để mái chùa mãi mãi che chở hồn dân tộc, để cho tạp san vẫn ra đều đều hai tháng một kỳ, để làm phong phú công việc hoàng pháp của người chủ trương.

Và tôi biết lắm, ngoài việc chăm lo Phật sự, chăm lo việc hoàng pháp, thầy Viện chủ chùa Viên Giác kiêm thầy Chủ Nhiệm của tạp san

Viên Giác vẫn rì rả âm thầm cầm bút viết sách trong các chuyến vân du, trong các chuyến hành hương, dưới các mái chùa mà thầy đã ghé qua và nhất là trong căn phòng riêng dưới mái chùa Viên Giác. :

Cổ Nguyệt Đường ngày 03.07.97 (Sa 100432)



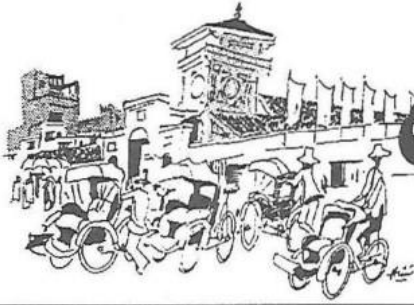
"Cảm ơn
viên giác...
vườn thơ
ngọt ngào!"

Nhân Báo Viên Giác số 100

□ Kim Lan

Yêu thơ tử thuở còn thơ
Làm thơ tử thuở mộng mơ vào đời!
Thơ là đôi cánh chim trời,
Một luồng gió mát, vờ vờ trắng thanh...
Là niềm hy vọng mong manh,
Buồn, vui, nước mắt... Hợp thành thơ ca!
Tình yêu dịu ngọt đậm đà,
Đắng, cay, đau khổ, Thơ là nắng, mưa!
Yêu thơ biết mấy cho vừa,
Dòng sông, bến nước, đò đưa, tiếng hò...
Thơ là: Tất cả! Nào ngờ,
Trong cơn quẩn trí... Ta vô xé đi!
Thơ ơi! Thơ thể còn gì?
Tan thành mây khói... Biệt ly thơ rồi!
"Nhủ mình: Nhất định: Thơ! Thơ!
Chẳng thơ, chẳng thần, kệ đời... Thơ kia!"
Tưởng rằng thời đã lìa chia
Bút nghiên xếp xó, thoát kia: Mười năm!
Vậy mà thơ đến, gọi thầm:
"Viết đi, hãy viết, lần khần, tội mình!"
Giật mình, búng tỉnh mộng tình,
"Thơ sao đến lạ... Rập rình quanh ta?"
"Dẫu dù đời có xót xa,
Thơ đâu có lỗi để mà bỏ bê?"
Đoạn trường, thôi hết cơn mê,
"Đã yêu"... Dẫu lấm tái tê... "Cũng đành!"
Vĩ đời thơ phải đấu tranh,
Thơ yêu, thơ khóc, thơ giành: Tự Do!
Cho thơ về lại bến bờ:
"Cảm ơn viên giác... vườn thơ ngọt ngào!"

Hannover 27.6.1997



Bài Chép Phạt

• VŨ THỊ DẠ THẢO

Dũng xách chiếc cặp Samsonite ra đứng dưới mái hiên khách sạn ngõ dáo dác. Túc thì một đám tài xế taxi, xe ôm, xích-lô máy nhào tới bên chiếc va-li của chàng. Họ chen lấn, xô đẩy nhau để giành khách:

- Thầy Hai đi xe này, tôi lấy giá rẻ thôi!

Dũng không để ý đến họ. Chàng đưa mắt nhìn quanh để tìm kiếm bóng dáng chiếc xe xích-lô đạp của một ông cụ gầy ốm, mái tóc bạc phơ, đeo kính trắng. Có lẽ biết phận mình không tranh mới được với bọn đàn ông trẻ sùng xỏ nên chiếc xe ông cụ vẫn đậu ở ngoài hè vắng kia.

Dũng nghếch cổ, gió tay vẫy ông cụ lại. Cả bọn tài xế bu quanh chàng đều ngạc nhiên quay lại nhìn chiếc xe xích-lô đạp ịch tiến vào hiên khách sạn. Một gã bật cười nói lớn:

- Thầy để ông già này chờ thì sáng mai cũng chưa tới nơi đâu. Đi xe tui thầy còn tiết kiệm được nhiều thì giờ.

Có tiếng nói khác xen vào:

- Việt kiều mà đi xe xích-lô đạp thì mất hết cả oai phong thầy Hai ơi!

Dũng mỉm cười:

- Mấy hôm nay tôi đi xe các anh rồi. Tôi thấy ông cụ này mấy hôm không có khách gì cả, để tôi giúp ông cụ một chuyến.

Chiếc xích-lô đạp cũ kỹ đứng lại. Dũng leo lên. Một gã xích-lô máy tay xăm chàng chịt võ nhệ vai ông cụ:

- Nè, ráng dòm đường mà chạy nghe ông già, đừng đau tim bắt tử, ừi vô xe tài thì tội nghiệp lắm nghe!

Cả bọn cười ò. Ông cụ già không đếm xỉa gì đến lời chọc ghẹo vô duyên của gã xích-lô máy, nướn người lấy đà đạp ra ngoài đường.

Chiếc xe xích-lô đạp chạy êm êm trên đường phố Sài Gòn. Dũng dựa lưng vào nệm xe nhìn lại người xưa, cảnh cũ của Sài Gòn hai mươi năm về trước. Chuyến vượt biển hải hùng lần đó đã đưa đẩy chàng lưu lạc khắp nơi và dừng chân tại nước Mỹ. Hai mươi năm trước ra đi trong thẳm lén, sợ hãi với hai bàn tay trắng. Bây giờ chàng lại quay trở về đây với vinh hiển, giàu sang trong vai trò Kỹ sư trưởng, nhân viên cao cấp của một Công ty sản xuất máy móc nông nghiệp tại Hoa Kỳ, sang đây để khởi sự thực hiện dự án xây dựng xưởng máy.

- Thưa thầy Hai, thầy muốn đi đâu bây giờ?

Tiếng nói khàn khàn như bị cám của người phu xe làm Dũng sực nhớ mình quên chưa nói địa chỉ cho ông cụ. Chàng đưa tay lên xem đồng hồ, rồi nghiêng mặt nói:

- Bây giờ tôi muốn đến nhà một người quen ở chợ Tân Định, nhưng lâu quá không còn nhớ số nhà nữa. Cụ cứ lên đó đi, rồi tôi tìm nhà sau cũng được. Từ đây lên đó hơi xa, cụ có đạp nổi hay không?

- Dạ, cảm ơn thầy Hai đã thương mà gọi tôi. Thầy muốn đi đâu tôi cũng cố gắng đưa thầy đi được mà.

Tiếng nói dứt quãng xen với hơi thở mệt nhọc của ông cụ vang lên sau lưng khiến Dũng cảm thấy ái ngại. Một người trẻ ngồi cho ông lão đạp xe như thế này Dũng cũng thấy hơi kỳ, nhưng chẳng còn cách nào khác giúp ông cụ ngoài cách đi chiếc xe này.

Dũng dựa đầu vào chiếc nệm xe êm ái, mắt lim dim với cảm giác lâng lâng thích thú nhỏ lại ngày xưa còn bé mỗi lần được bà nội đưa đi chơi, bằng xe xích-lô.

Mỗi đặt chân tới Sài Gòn một tuần lễ nay, mãi bận bịu sắp xếp công việc nên Dũng chưa có thì giờ đi dạo phố hay thăm ai. Dũng có ý định dành luôn mấy ngày nghỉ để ghé thăm hết những thầy cô, bạn bè năm xưa. Hình ảnh mái trường thân yêu thời trung học chợt hiện về trong trí khiến tim Dũng bỗng se thắt khi nhớ tới một vị thầy khà kính của mình, thầy Quan, dạy Toán Lý Hóa, ông thầy nổi tiếng là nghiêm khắc và lạnh lùng với học trò. Trong giờ học, thầy đã áp dụng kỷ luật của quân đội đối với bọn con trai, nhưng đối với con gái, thầy lại dễ dãi. Bọn con trai than phiền, tị nạnh, thầy thân nhiên giải thích:

- Con gái không quan trọng, bởi họ sẽ đi lấy chồng lo công việc nội trợ. Còn các anh là nam nhi, là rường cột của quốc gia xã hội sau này. Các anh sẽ là chủ gia đình, có thể là những người sẽ giữ trọng trách của đất nước như Nguyên thủ quốc gia, Bộ trưởng, Tướng lãnh, Kỹ sư, Bác sĩ, và Giám đốc này, nọ. Các anh cần phải có trình độ học vấn và kiến thức hơn người. Kiến thức ấy là do sự học. Đối với tôi, nếu đã đến trường, các anh phải học cho đến nơi đến chốn để khỏi phí phạm đồng tiền mồ hôi nước mắt của cha mẹ đã dành dụm cho các anh ăn học. Các anh phải nghĩ đến tương lai của mình sau này.

Hầu hết lũ con trai trong trường, không đứa nào thoát khỏi bị thầy chiếu cố gọi lên bảng

làm bài, rầy la trước mặt con gái, nên hầu như đứa con trai nào cũng ghét thầy. Có đứa còn nghĩ thầy không dám la lối tụi con gái bởi có thể thầy vốn tính sợ vợ.

Kỷ luật của thầy thoát nghe rất có vẻ nhẹ nhàng, nhưng bị phạt rồi thì mới thấy thật là toát mồ hôi hột, đó là "chép phạt".

Hôm đó cũng vì trong tuần mãi hẹn hò với người yêu, nên khi bị thầy Quan gọi lên bảng làm bài, Dũng đã làm sai bét hết. Thầy Quan nghiêm mặt nhìn Dũng, ra lệnh:

- Anh phải chép cho tôi hai trăm lần những công thức có trong bài toán vật lý này.

Dũng ngượng chín người trước những ánh mắt chế nhạo của đám con gái ngồi bên dưới. Tự ái của tên học trò lười biếng nổi lên, gã nuốt nước bọt chống chế:

- Thưa thầy, em chỉ làm sai có hai công thức thôi, sao thầy lại bắt em chép phạt hết tất cả các công thức đã học. Như vậy là bất công!

Thầy Quan ngán người khi thấy lần đầu tiên trong đời dạy học, một tên học trò dám ướm ngành lý luận tay đôi với ông. Cả lớp im thin thít trong bầu không khí thật căng thẳng. Thầy Quan đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi quay sang Dũng, giọng cứng rắn hơn:

- Anh không biết phục thiện, tôi tăng lên hai ngàn lần chép phạt. Tuần sau anh phải nộp cho tôi, nếu không làm xong thì đừng vào lớp gặp tôi nữa.

Cuối tuần đó Dũng phải chôn chân ở nhà không dám đi chơi để chép xong bài phạt, lỡ cả buổi hẹn hò với người yêu, và sự vắng mặt hôm ấy đã gây ra một hậu quả tai hại là người yêu của Dũng giận hờn, và một anh chàng khác có sự nghiệp tương lai hơn Dũng đã nhảy vô chinh phục nàng và cướp nàng đi.

Dũng hận người yêu và trút mọi tội lỗi trên đầu thầy Quan. Từ đó chiếc xe gắn máy của thầy thường gặp trục trặc, khi thì bị đâm lủng bánh, khi thì bị bỏ cát vào bình xăng. Thầy Quan biết thù phạm không ngoài đám học trò con trai ghét mình, nhưng không biết rõ đích xác tên nào, và thầy vẫn duy trì kỷ luật sắt của mình ở trong lớp.

Những lần nhìn thầy Quan đờ mờ hỏi hột kỳ cách để sửa xe hay dắt bộ đến chỗ và bán xa cá cây số, Dũng cảm thấy hà dạ vì trả được mỗi thù bị mất mặt với các nữ sinh.

Sự hận thù ấy theo thời gian cũng tan dần trong lòng Dũng khi chàng thi đậu hai kỳ thi Tú Tài và vượt qua kỳ thi tuyển vào Đại Học Phú Thọ với số điểm toán, lý hóa khá cao.

Dũng theo học ngành cơ khí. Suốt bốn năm miệt mài đèn sách, những công thức toán, vật lý của hai ngàn lần chép phạt đã ăn sâu trong trí chàng, Dũng luôn luôn đứng nhất lớp. Sau cùng chàng đã tốt nghiệp ưu hạng. Ngày lãnh bằng, trước bao tiếng vỗ tay reo hò khen thưởng của phụ huynh và thân nhân các sinh viên tốt nghiệp, Dũng cảm thấy niềm hãnh diện khi nghĩ đến công lao của người thầy khà kính và hổ thẹn về những hành vi vô ý thức của chàng ngày xưa.

Mấy hôm sau, chàng mua một món quà đắt giá tìm về trường xưa để mong gặp thầy Quan mà tạ tội, nhưng gia đình thầy đã dọn đi miền Trung.

Dũng buồn bã trở về nhà, định bụng sẽ ra Trung để thăm thầy nếu có dịp thuận tiện, nhưng đất nước mất, gia đình chàng đã vượt biên và may mắn được định cư ở Hoa Kỳ. Dũng lại tiếp tục đi học thêm bậc Cao Học về ngành cơ khí và được vào làm trong một Công ty sản xuất máy móc cho nông nghiệp và được phái về Việt Nam để làm việc.

Chiếc xích-lô xóc mạnh vào một cái ổ gà khiến Dũng trở về thực tại. Con đường bây giờ đang đi lên một con dốc cao. Tiếng thở của người phu xích-lô mỗi lúc một dồn dập. Chiếc xích-lô leo lên nửa dốc thì ngừng lại. Ông cụ già nhảy xuống xe, gò lưng đẩy. Dũng vội ra hiệu ngừng lại, rồi chàng bước xuống xe hỏi ông cụ

- Cụ mệt lắm không? Sao lại lựa cái dốc cao leo làm chi cho khổ.

Người phu xe già nua, gió tay quạt văng trán nhăn nheo ướm đầm mồ hôi, giọng gao nói:

- Muốn đến Tân Định thì phải đi đường này. Mọi khi tôi vẫn đạp lên cái dốc này đó chủ, nhưng mấy hôm nay trong người bị đau nên hơi yếu sức một chút... thầy Hai thông cảm.

Dũng khoát tay:

- Cụ đừng ngại. Bây giờ để tôi trả tiền cho cụ nhé.

Nụ cười chợt tắt trên gương mặt già nua:

- Thầy Hai không đi nữa sao?

Dũng móc ví ra lấy tiền:

- Đây cũng sắp tới rồi. Tôi muốn xuống đây đi bộ vòng quanh một lát, nhân tiện vào mấy cái cửa hàng mua ít quà. Cụ cầm lấy tiền đi.

Ông cụ run run gió tay cầm tờ giấy bạc, rồi ngước mắt nhìn Dũng buồn bã nói:

- Thầy Hai đưa một trăm đô tôi làm sao có tiền thôi?

Dũng mỉm cười:

- Tôi biểu cụ đó, cứ cầm cả đi. Tôi thấy cụ có vẻ mệt mỏi lắm rồi, hãy về nhà nghỉ một bữa cho khỏe.

Ánh mắt cụ già rưng rưng, hai giọt lệ chợt lăn xuống dưới gọng kính lão. Cụ nghẹn ngào cảm động mãi mới thốt được nên lời:

- Xin cảm ơn thầy Hai!

Dũng mỉm cười vỗ nhẹ vai ông cụ, rồi bước đi. Qua một khu phố buôn bán, chàng ghé vào một cửa hàng mua mấy món quà. Xong xuôi, Dũng đi rào rào tìm số nhà của Khang, người bạn cùng lớp hồi còn học trung học.

Đến nơi, Dũng gõ cửa, một đứa bé trai chừng bảy tuổi, mở cửa thò đầu ra ngoài. Dũng hỏi nó:

- Đây có phải nhà ông Khang không hả cháu?

Thằng bé nhanh nhẩu gạt đầu, rồi mở to cánh cửa cho Dũng vào căn nhà nghèo nàn, xập xệ. Vừa lúc, Khang cũng từ nhà sau đi ra. Hai người bạn thân nhìn sưng nhau một lúc, rồi ôm chầm lấy nhau. Sau phút mừng mừng tủi tủi, Khang nhìn bạn từ đầu xuống chân rồi buột miệng:

- Trông mày sang trọng và oai vệ quá, tao nhận không ra.

- Còn mày cũng khác xưa nhiều quá!

- Nghèo túng và bệ rạc quá phải không?

- Không, tao không có ý nghĩ ấy, ý tao muốn nói trông mày gầy gò quá, chẳng bù ngày xưa mày mập mạp, tốt tướng.

Khang rót một ly nước cho Dũng:

- Việc làm thất thường, cơm lo từng bữa một sao không gầy ốm được. Mày về đây một mình hay đi với bà xã?

Dũng mỉm cười:

- Bà xã ở đâu mà có. Cũng tại lo làm ăn nên còn độc thân.

Rồi Dũng để hộp quà lên bàn:

- Có chút quà biếu mày. Lúc tìm nhà, tao cứ sợ mày dọn đi đâu rồi chứ.



- Cũng nhờ vợ tao có cái sạp nhỏ trong chợ nên sống lây lất qua ngày, cố bám lấy thành phố.

- Bạn bè mình lúc này ra sao?

Khang buông tiếng thở dài:

- Cuộc sống khó khăn nên tàn nát mỗi người một phương, số ở lại Sài Gòn còn rất ít.

- Còn thầy, cô của mình tình trạng thế nào?

Đôi mắt Khang đăm chiêu:

- Thầy Phà, cô Gương, thầy Quỳnh đã qua đời. Những người còn sống thì cũng đã già lắm rồi.

Đời sống có khả quan lắm không?

- Giáo chức trẻ tuổi của nhà nước đào tạo còn đói và thất nghiệp nữa, hưởng chi những người thuộc thế hệ cũ, lại có tuổi như thầy cô của mình. Mày còn nhỏ cô Hoa dạy thể dục, giáo sư trẻ nhất của tụi mình không, bây giờ xách cái ấm đi rào rào chợ Sài Gòn để bán nước trà đá. Tội ghê. Mỗi lần có dịp đi chợ Sài Gòn mua hàng, tao cứ phải tránh mặt cô Hoa để cô không ngượng ngùng.

Dũng nghe lòng chua xót, hình ảnh người nữ giáo sư trẻ trung, khỏe mạnh, vui tươi, nhanh nhẹn ngày nào còn in sâu trong tâm khảm chàng. Cũng mang một số mạng giáo dục như nhau, sao những người bên trời Âu Mỹ lại có một cuộc sống thanh nhàn, toại nguyện, được mọi người trọng dụng thì ở đây giá trị của trí thức bị chà đạp dưới đất đen.

Dũng nghe cổ họng mình nghẹn lại, chàng bung ly nước trà lên uống một ngụm, rồi hỏi tiếp:

- Mày có nghe tin tức gì của thầy Quan không?

- Thầy Quan dạy Toán Lý Hóa phải không?

Dũng gạt đầu:

- Lần đó thầy đã bắt tao chép phạt hai ngàn lần công thức toán vật lý đó, mày nhớ không?

Khang bật cười:

- Chắc mày còn hận thầy ghê lắm hả?

Dũng chớp mau đôi mắt, lắc đầu:

- Tao vẫn muốn có ngày tìm lại thầy để tạ lỗi. Nếu không có hai ngàn lần chép phạt đó thì cuộc đời tao không được vinh hiển như ngày hôm nay. Tao đã có lỗi với thầy nhiều lắm, nhưng không biết thầy bây giờ ở đâu để đến mà tạ tội. Chắc gia đình thầy còn ở miền Trung phải không?

- Thầy Quan đã dời về Sài Gòn ở lâu rồi.

Dũng mờ mắt mừng rỡ:

- Vậy hả? Bây giờ thầy ở đâu? Mày có thể dẫn tao đến thăm thầy được không?

- Được chứ! Nhưng phải đợi tối thì thầy mới có nhà

- Gia đình thầy bây giờ ra sao?

Gương mặt Khang lộ vẻ buồn:

- Tội nghiệp thầy lắm. Gia đình thầy tan nát, các con thầy đều chết trên đường vượt biển, vợ thầy cũng đã qua đời vì bệnh ung thư không thuốc men chữa chạy. Thầy về đây sống nương dựa với một cô cháu gái cũng mồ côi cha mẹ, coi cô ấy như con nuôi.

Dũng nghe cổ họng mình nghẹn lại, chàng hỏi tiếp:

- Cuộc sống của thầy hiện nay có khả quan không?

Khang trầm ngâm, im lặng một lúc rồi thờ dài:

- Tao không thể nói được bởi thầy muốn giấu. Mày cũng thừa hiểu tình tình của con người biết tự trọng như thầy Quan. Thầy muốn sống yên một mình không muốn ai động lòng trắc ẩn hay tội nghiệp thầy. Tao biết thầy muốn lánh mặt mọi người, sống cho xong một kiếp người kém may mắn.

Khang ngừng lại một phút để dè nén nỗi xúc động đang trào dâng trong lòng, rồi nói tiếp:

- Số thầy kém may mắn thiệt. Lúc trẻ đi dạy thì bị học trò thù ghét, lúc mất nước thì không được nhà nước trọng dụng tài năng, cuộc sống thì không yên với phường khóm bởi tính ngay thẳng, và khi lớn tuổi lại ở trong hoàn

cánh buồn bã, cô đơn. Mày có gặp lại thầy thì cũng không nhận ra ông nữa đâu.

Dũng ngồi im, nghe tâm tư buồn bã. Những hồi hận từ lâu thường cắn rứt lương tâm chàng, nay lại được dịp trở về làm buốt giá con tim. Phải một lúc sau, Dũng mới lấy lại được bình tĩnh:

- Khang, kỳ này Công ty cử tao về đây để thực hiện dự án lập một nhà máy sản xuất máy cày và nông cụ. Mày có thể giúp tao lập một danh sách bạn bè xem đứa nào cần việc làm tao sẽ đưa vào Công ty ngay. Tối nay, tao muốn mày đưa tôi thăm thầy Quan, xem tình hình của thầy thế nào, rồi tùy có mà giúp thầy.

Khang gật gù:

- Thế thì tốt cho thầy lắm. Tao thương thầy, nhưng hoàn cảnh tao cũng chỉ đủ ăn ngày hai bữa. Lâu lâu có đến biếu ông chút quà thì ông lại gạt đi bảo để dành cho mấy đứa con tao, vì chúng nó là tương lai của đất nước cần được chăm sóc tối đa trong hoàn cảnh đen tối này.

- Mày nói thế làm tao lại chạnh nhớ tới lời thầy dạy bọn con trai chúng mình ngày xưa. Bây giờ tao mới hiểu được những ý tưởng cao xa ấy. Tao nhất định phải gặp thầy để đền ơn thầy.

- Phải đấy, mày có thể tìm cho thầy một việc làm nào đó hợp với tuổi tác và khả năng của thầy.

Dũng xoa tay:

- Tao không muốn thầy làm việc gì cả. Người Á Đông chúng mình trọng thầy cô chẳng khác gì cha mẹ mình. Thầy Quan bây giờ chẳng còn con cái, tao sẽ thay mặt những người con của thầy đã chết để phụng dưỡng thầy. Tao sẽ mở cho thầy một trường mục, mỗi tháng bỏ vào đấy mấy trăm đô cho thầy xài. Còn cô Hoa nữa, nếu cô còn sức khỏe để buôn bán, khả năng tao có thể giúp cô mở một cái quán nước đường hoàng.

Khang mỉm cười sung sướng, vỗ mạnh vai bạn:

- Thay mặt cho mọi người cảm ơn lòng tốt của mày. Người ta nói "một người làm quan, cả họ được nhờ", còn trong trường hợp này thì "một đứa học trò tốt, cả trường được nở mặt".

Hai người bạn cùng cười to, vui vẻ.

Buổi tối Khang chở Dũng bằng Honda lên Hạnh Thông Tây tìm nhà thầy Quan. Hai người đi lên lối qua những khu nhà cửa lụp xụp, tối tăm, ngõ hẻm lầy lội. Hôm nay bị cúp điện nên khu xóm tối tăm. Nhìn những ánh đèn le lói hắt ra từ những khung cửa sổ, lòng Dũng man mác buồn. Ở trong khu xóm nghèo như thế này chắc chắn là cuộc sống của thầy Quan sẽ chật vật lắm. Xa thầy mấy chục năm rồi không biết bây giờ thầy già như thế nào nhỉ. Thầy ơi, chắc thầy sẽ mừng lắm khi thấy đứa học trò bị thầy bắt chép phạt năm xưa đã nên danh phận. Con có thể hình dung ra được ánh mắt vui mừng của thầy khi nghe con kể về những thành công của con ở hải ngoại đều bắt đầu bằng những

công thức toán học mà ngày xưa thầy đã bắt con chép đến hai ngàn lần. Con sẽ thủ nhận cái tội ngày xưa đã xúi giục bọn học trò tình quái đâm thủng bánh xe và bỏ cát vào bình xăng xe của thầy để xin thầy tha tội, có như thế lòng con mới không còn bị lương tâm cắn rứt giày vò.

Chạy lòng vòng một hồi. Xe ngừng trước một căn nhà "tôn" vách vôi lụp xụp, nghèo nàn. Cửa nẻo đóng kín mít, và bên trong không có ánh đèn. Khang xuống xe, giơ tay gõ cửa năm sáu lần mà không thấy ai ra. Một bà hàng xóm, căn nhà bên cạnh nghe thấy tiếng ồn ào, bèn đi ra sân nhìn sang, rồi lên tiếng:

- Không có ai ở nhà đâu. Cô Duyên đưa bồ cô ấy vào nhà thương Sài Gòn rồi!

Khang giật mình hỏi lại:

- Thầy Quan bị sao vậy bà?

Người đàn bà nói lớn:

- Hình như ông ấy đập xe nhiều quá nên mệt và lên cơn đau tim.

Người đàn bà nói xong trở vào nhà bỏ Dũng và Khang đứng ngơ ngác trước mái hiên. Dũng nghe tim mình thót lại, chàng hỏi Khang:

- Chắc thầy chạy xe đập đi làm xa nên mệt phải không?

Khang đáp gọn:

- Thầy đập xích-lô!

Dũng chợt giật mình hỏi lại:

- Thầy còn đủ sức để đập xích-lô hay sao?

Khang buồn bã trả lời:

- Không đập xích-lô thì lấy gì mà sống?

- Thế thì còn cháu của thầy?

- Duyên cũng từng làm giáo viên tiểu học, nhưng đã bị nhà nước sa thải lâu rồi, phải sống bằng nghề xách quần áo chạy rong các khu chợ trời để bán. Nghề này có kiếm được bao nhiêu tiền đâu.

Lời Khang nói khiến Dũng thêm hoang mang, chàng ngập ngừng nói:

- Hồi chiều tao cũng có gọi một chiếc xích-lô đập của một ông cụ già. Mày có thể tả hình dáng của thầy Quan bây giờ cho tao biết không?

- Nếu ông cụ đó tóc bạc trắng, đeo kính lão và luôn bị người ta chèn ép giành mồi thì đó chính là thầy Quan.

Dũng cảm thấy như sét đánh ngang tai, chàng kêu lên:

- Trời ơi! Không lẽ tao lại phạm thêm một lỗi lầm tày trời nữa sao.

Hai người vội vã chạy xe quay trở lại bệnh viện Sài Gòn. Mặt Dũng nóng bừng lên, hình ảnh tội nghiệp của người phu xe cùng hơi thở mệt nhọc của ông còn đang ám ảnh chàng. Lay trí đứng cho thầy Quan là ông già đập xe cho con hồi chiều.

Hai người vào bệnh viện hỏi thăm. Người y tá chỉ chỗ cho Khang. Hai người len lỏi qua dãy hành lang chật chội, la liệt những bệnh nhân không có giường bệnh phải nằm đổ trên ghế bố hay những chiếc chiếu của người nhà mang vào. Những chiếc giường bên trong cũng chẳng khá hơn. Cứ hai người nằm chung xoay đầu lại.

Dũng kinh ngạc trước cảnh tượng này. Chàng trầm nghĩ với tình trạng thiếu thốn này thì làm sao các căn bệnh khẩn cấp có thể đủ phương tiện để cứu chữa kịp thời.

Hai người đến của phòng cấp cứu, những bệnh nhân trong tình trạng khẩn cấp vì tai nạn xe cộ, hoặc bị các chứng bệnh khác cần cấp cứu cũng nằm chờ kẹt cứng ngoài hành lang. Tiếng nói chuyện, tiếng than khóc, tiếng dặn dò ồn ào như một cái chợ. Mùi hơi người, mùi thuốc men và trăm thứ mùi khác nhau nồng nặc trong khoảng không gian nhỏ bé.

Dũng chạnh lòng liên tưởng đến những cuốn phim nói về hai cuộc thế chiến với cảnh những trạm y tế tạm thời trong những nhà kho đổ nát vì bom đạn.

Khang ngó dáo dác trong rừng người, rồi kéo tay Dũng:

- Chỗ thầy nằm kia kia!

Dũng nhìn theo hướng nhìn của Khang, nơi một băng ghế dài tuốt góc xa đằng kia, ông cụ già tóc bạc đang nằm đó. Bên cạnh là một người con gái đang loay hoay lấy khăn mặt ướt lau trán cho ông.

Hai người len lỏi đám đông tiến tới gần. Lòng Dũng se thắt lại khi nhận diện được ông cụ chính là người phu xe xích-lô đã đưa chàng đi lúc sáng. Trời ơi, Thầy Quan của tôi đây sao.

Đôi mắt ông cụ nhắm lại, gương mặt tái ngắt. Dũng đứng lặng im như trời trồng, ánh mắt rưng rưng lệ.

Giọng Khang hỏi người con gái vắng vắng bên tai:

- Duyên, thầy bị làm sao vậy?

- Ba em đập xe rồi ngã xỉu dọc đường. Người ta mới cứu tình tạm thời cho nằm đổ nơi đây để theo dõi. Ba em vẫn chưa nói năng gì được, em lo quá anh Khang ơi. Chỉ sợ rùi bị đứt gân máu bị liệt thì...

Duyên xúc động ngừng nói, rồi òa lên khóc. Dũng nghe tim mình như bị ai bóp nát. Chàng quỳ xuống bên cạnh ghế cầm lấy bàn tay nhăn nheo, xương xẩu của thầy Quan. Nước mắt chàng lăn dài trên đôi má. Chàng ghé gần tai ông nghẹn ngào:

- Thầy ơi, con là Dũng từ Mỹ trở về thăm thầy đây! Thầy ơi, thầy có nghe con nói không?

Thầy Quan vẫn nằm im. Dũng gục đầu vào ngực thầy. Nước mắt chàng thấm ướt tấm vải giường trắng đắp hồ trên ngực ông. Hình ảnh của ngôi trường trung học năm xưa trở về trong tâm trí chàng. Vách tường vôi loang lổ, những tấm bảng đen cũ kỹ, bạc màu không thấy rõ nét phấn viết, hình ảnh của ông thầy toán lý hóa nghiêm nghị sang sảng giảng bài cho học trò, những lời khuyên chân thật, những bài chép phạt, những công thức toán lập đi lập lại hai nghìn lần, những giây phút vinh quang của đứa học trò cầm trong tay mảnh bằng tốt nghiệp, và hình ảnh vị giáo sư khà kính phải dắt bộ chiếc xe Vespa bánh xẹp lép dưới trời nắng chang chang tìm chỗ vá... Tất cả như

đang muốn phá vỡ tan lồng ngực Dững. Chàng mặc cho nước mắt chan oà. Thầy ơi, người ta nói công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy. Bây giờ con đã hiểu thế nào là giá trị của sự giáo huấn nghiêm minh mà ngày xưa thầy đã chăm sóc chúng con. Ngay trong lúc thầy giúp con học thuộc lòng những công thức toán khó nhớ thì con lại trả ơn thầy bằng những hành động thiếu tử cách của một đứa học trò ngỗ nghịch. Mỗi lần nhìn lại mảnh bằng tốt nghiệp, nhìn lại sự nghiệp thành công của đời mình, con lại cảm thấy một niềm xấu hổ, xen lẫn hối hận dâng tràn trong lòng con. Bao năm qua con cố tìm thầy để nói lời tạ tội, nhưng không được gặp. Bây giờ con đã trở về quê hương nhưng trời đã xui khiến cho thầy trò mình gặp lại nhau trong hoàn cảnh trở trêu, ngõ ngang. Con đã ngồi chễm chệ gác chân trên chiếc xích-lô cho thầy phải gò lưng đập để được số tiền 100 đô do lòng thương hại tử tay con.. Thầy ơi, con ân hận quá! Thầy đừng bỏ con mà đi để cho con còn dịp báo đáp ơn thầy.

Dững nắc to lên, khiến những người quanh đây đều quay lại nhìn. Khang vỗ nhẹ vai Dững:

- Đùng u sầu nữa Dững, bây giờ chỉ còn cách cầu nguyện cho thầy được tai qua, nạn khỏi.

Dững gạt nước mắt đứng lên, giọng quả quyết:

- Dù phải tốn kém cách mấy, tao nhất định cũng phải cứu cho bằng được thầy Quan.



Ba tháng sau, tại con đường Trần Quý Cáp, có bốn lớp học khang trang, rộng rãi vừa được hoàn thành. Hai người đàn ông đang chỉ huy đám nhân công treo tấm bảng hiệu do tướng có kẻ những hàng chữ lớn:

Trường Chuyên Nghiệp

Luyện thi toán, lý, hóa

Hiệu Trưởng: Phan Thanh Quan

Hai người đàn ông chính là Dững và Khang. Dững hân hoan nhìn tấm bảng rồi quay sang bạn mình:

- Mày thấy công trình của tụi mình ra sao?

- Đáng đồng tiền bát gạo.

- Chỉ mong sao thầy hài lòng là đủ.

Khang mỉm cười vỗ vai Dững:

- Việc thích hợp với thầy làm sao thầy không vui cho được. Chuyện này tạm ổn, công chuyện quan trọng kể của mày đã xúc tiến đến đâu rồi?

- Tao có đề nghị thầy áp dụng kỷ luật chép phạt ngày xưa với bọn học trò mới này, nhưng thầy lại bác đi và nói rằng thi cử ngày nay không chú trọng đến giá trị của thông minh và tài năng của đứa học trò nữa, tất cả tùy thuộc vào... gia thế, quyền lực của phụ huynh.

Khang xoa tay:

- Vấn đề đó mày khỏi cần giải thích, ở đây ai làm nghề giáo dục cũng đều rành sáu câu. Công chuyện tao muốn hỏi là vụ đám cưới của mày với Duyên có mà?

Dững bật cười:

- Chuyện đó thì... bí mật quân sự, đương nhiên là tiến triển tốt đẹp. Khi nào in thiệp xong, tao sẽ gửi mày trước tiên.

Rồi sực nhớ ra chuyện gì, Dững hỏi Khang:

- À này, còn phòng tập thể dục của cô Hoa thì sao? Mấy hôm nay tao bận việc Công ty, nên chưa có thì giờ ghé lại đó.

- Khả quan lắm. Thanh niên, thiếu nữ ghi tên làm hội viên rất đông. Cô Hoa cứ khen mày thông minh, có đầu óc thương mại.

Dững cười:

- Thông minh cái khi gì, chẳng qua tao bắt chước lối làm ăn bên Mỹ mà thôi. Cô Hoa đã từng dạy thể dục thì giúp đỡ cô mở một cái phòng tập thể dục là hợp với khả năng của cô rồi còn gì.

Khang nắm lấy tay bạn:

- Tao phục mày sát đất, vừa có tài, lại vừa

có nhiều tiền để mở trường học cho thầy Quan lại mở cả phòng tập thể dục cho cô Hoa nữa.

Dững cười khiêm nhượng:

- Thực tình tao cũng đâu phải là triệu phú gì, tất cả là nhờ những cái thè mua chịu của tao đấy chứ. Chúc vụ tao lớn, lương cao thì tao được mua chịu nhiều. Mà chúc vụ lớn là do tài năng của mình, mà tài năng tao có được là do...

- Hai ngàn lần chép phạt!


Câu nói khôi hài ngắt ngang của Khang khiến cả hai cùng bật cười vang.

Nắng chan hòa trên đường phố, những đám mây trắng đang trôi lững lờ trên bầu trời trong xanh. Cảnh vật tươi đẹp như cùng chia sẻ niềm vui đang rào rạt trong lòng hai người học trò biết nghĩ tới ơn sâu nghĩa nặng của thầy. (Sa 994012)

VU LAN

mùa nhỏ

□ Tuệ Nga



Nhớ xưa rằm Lễ Vu Lan
Em tôi theo Mẹ áo vàng lễ dâng
Phật đài nhang khói tỏa lừng
Tôn nghiêm hình Phật vô cùng Tử Bi
Em cùng với Mẹ lạy quì
Bao năm hình ảnh còn ghi nhớ hoài
Thời gian chông chất tuổi đời

Năm nay mùa lễ đến rồi Vu Lan
Trắng trời mây trắng lang thang
Đôi bờ cách nẻo áo vàng đã xa
Rưng rưng lòng nhỏ thiết tha
Mãi trong tâm tưởng Tử Bi Phật Ngài
Qua bao dâu biển đổi dời
Chùa xưa giờ có còn vui Lễ nào?
Nhớ Em niềm nhỏ dạt dào
Áo vàng bên Mẹ thuở nào tráp bưng
Nghe lòng xao xuyến mộng lung
Trời như hoài cảm, Mây ngừng không bay
Ngân nga chuông vọng đời Tây
Nguyện cầu ý gửi tràn đầy hư không...



Cử Sĩ Đông Phướng MAI LÝ CANG

Sanh ngày 10.5.1942 tại Tha La (Tây Ninh).

Hội viên Hội Phật Học Nam Việt Chùa Xá Lợi, Sài Gòn. Nguyên là ký giả của tờ Thân Dân và cộng tác với nhiều nhật báo lớn khác như Chính Luận, Dân Ta v.v...

Sang Hoa Kỳ năm 1975. Định cư tại Pháp kể từ đầu năm 1976 và có dịp sinh hoạt văn hóa, xã hội trong Cộng đồng người Việt. Ông là thành viên của Ban Vận Động thành lập Trường Phật Học Lý-Trần và là Giảng sư Viện Tư Tưởng Việt-Phật Danville, Hoa Kỳ; Cựu Giám đốc Tạp chí Đông Sen Âu Châu tại Pháp. Các báo chí đã cộng tác: Hoàng Pháp, Thông Luận, Ái Hữu, Vùng Dậy, Về Nguồn (Pháp). Người Việt, Đông Sen, Phụ Nữ Diễn Đàn, Giao Điểm, Thời Luận (Hoa Kỳ). Sống (Canada). Viên Giác (Đức).



DUYÊN CÔNG ĐỨC

Trong truyện cổ dân gian ta từ ngàn xưa để lại thường có những điển hay tích lạ thấm nhuần triết lý, học thuật, tư tưởng cũng như cá tính giống nòi. Và người ta thường dùng nó làm như tấm gương xử thế để cho thiên hạ nhìn vào lấy đó mà suy nghĩ về hình ảnh giá trị thực tế qua cuộc sống.

Tuy nhiên, mặc dù dân ta có đạo dòng là gốc Phật với ảnh hưởng thâm thúy của Thích Ca đã từng có dịp đi sâu vào tâm thức người Việt từ thời kỳ nền văn hóa dân tộc còn phôi thai cho đến khi xán lạn. Nhưng không phải vì thế mà lại không có những trường hợp luân lý xã hội dị biệt trái với ứng nghiệm "quả báo nhân tiền" và kết quả hoàn toàn đi ngược lại vòng nhân quả tự nhiên theo đúng như truyền thống căn bản đạo đức và triết học tôn giáo tổ tiên. Đó là tiền đề làm phước cứu người, người trả oán thù mà mọi việc xảy ra đều xoay quanh vào những nhân vật có bản chất tương trưng cho thái độ, hành động của kẻ ác, người hiền, kẻ gian tà, người lương thiện.

Thực vậy, ra ngoài phạm vi xã hội dân tộc để nhìn vào thế giới Đông Tây kim cổ từ Pharaons, César, Tần Thủy Hoàng, Thành Cát Tư Hãn v.v... vốn tiêu biểu cho những thời kỳ đại đế uy quyền cho đến nhiều thời đại có kẻ cùng đing, bụi đời của bao sắc tộc. Vô tình đến đâu thì người

ta cũng có thể nhìn thấy được tính chất của tinh thần chiến đấu để tự tồn của từng bản thể cá nhân trước mọi nguy cơ đối tác bên ngoài cùng nhau tranh giành ảnh hưởng. Và lịch sử kéo dài, xã hội nào cũng có điều nghiệt ngã; khi thì ân nghĩa quá nhiều, lúc thì oán hận kể sao cho xiết. Chuyện manh tâm, bố thí, phúc lợi, trả vay, ung oan, thuận nghịch v.v... đúng là mọi thực tế trên bước giang hồ hầy còn bao chúng tích đã khắc ghi. Trong các câu chuyện thần tiên của Tây Phương, thần thoại "1001 đêm" của Ả Rập, Liêu Trai của Trung Quốc người ta thường hay bắt gặp những trường hợp giả dụ điển hình mà người lương mắc nạn. Và thực tế nhan nhân đã có xảy ra đây ngoài xã hội dân gian ở những vùng đất khác nhau suốt chiều dài hoàn cảnh xã hội, lịch sử của con người. Giai thoại Tô Đông Pha vì nhuận sắc câu thơ Vương An Thạch để rồi phải mang họa vào thân há không phải là một tấm gương làm ón mắc oán? Một kiệt tác "Người Mẹ Ấn Độ" thể hiện được tinh thần đại hùng, đại lực, đại từ bi đã tỏ ra can đảm khi đau khổ phải quyết định giương súng giết con ruột của mình để cứu lấy danh dự của một người trinh nữ xóm làng chẳng từng đã được nhà lãnh đạo Nerhu đánh giá đề cao khen ngợi như một tấm gương đã làm hãnh diện giá trị đạo đức tinh thần của người dân Ấn Độ từ bốn thập niên qua. Bao nhiêu chuyện phóng sanh người như thả hổ về rừng để rồi một mai kia ân nhân lại trở thành nạn nhân của kẻ phản bội. Việc làm đó nếu cho rằng đủ trái với sách lược của mục tiêu chính trị thì lắm khi lại phù hợp với đạo đức của tinh thần thượng võ vẫn còn được loài người tiến bộ, những chôn nhơn quân tử dám chấp nhận mọi chuyện đáng tiếc rủi ro có thể xảy đến cho mình mà một lần chúng cụ thể nào bằng trường hợp giữa Ngô Phù Sai và Câu Tiễn?

Dĩ nhiên, những dấu ấn điển hình trên đây đều được gọi là hãn hữu và nghịch lý mà người Phật tử thuần thành của chúng ta không nên lấy nó coi như là tiêu biểu để rồi từ đó phát sinh ra những mối hoài nghi về giá trị ý nghĩa của cuộc sống ở đời. Ngược lại, nếu có được một ý thức đúng đắn hơn thì chúng ta không những cho các sự kiện ấy là một sự sống phảng phất món nợ trả vay nhân quả luân hồi tử tiền kiếp mà còn phải đánh giá thêm lại nó như là một tai nạn của một sự rủi ro không sao tránh khỏi đôi mắt chúng nhân trần tục! Và lại, nếu người ta cố ý nói rằng sự xuất hiện của tôn giáo vốn không phải là một hiện tượng bắt đầu cho sự chuyển hóa tâm linh, tiến bộ của con người theo nhu cầu khoa học thì trái lại người ta đã không thể phủ nhận được giá trị tinh thần của tôn giáo đối với đã phát triển văn minh. Trong quan niệm đó, đạo Phật nói riêng đã đóng góp rất nhiều cho nhân loại và đã đem đến cho con người một cuộc sống hài hòa, hạnh phúc, quân bình giữa tinh thần và vật chất trong mọi trường hợp nhờ người Phật tử biết tạo dịp gầy duyên công đức, cứu nạn cho người với tất cả tấm lòng vô ngã vị tha.

Thuở ấu thời, ai mà không còn giữ được nhiều kỷ niệm theo cha mẹ lên chùa lễ Phật. Qua sự theo dõi mọi hình ảnh lễ nghi cung cách của cha mẹ trong những giây phút trang nghiêm nơi chánh điện thì lòng mình tự nhiên nhìn thấy được ngọn đuốc Từ Bi bật thấp sáng của Thiên. Nhưng với tuổi hồn nhiên thực-tình không hiểu được nhiều về ý nghĩa và mục đích gầy duyên công đức của cha mẹ ngay cả mỗi khi làm phước bố thí kẻ nghèo, an ủi, trợ giúp người bơ vơ bất hạnh cũng như mọi việc làm của ông bà khi dâng hoa dâng lễ, cúng dường chư Phật, tạo có hội, giúp nhà chùa có được phương tiện hoàng dương chánh pháp. Hầu hết những công đức của nhiều hàng Phật tử đó góp lại thành một mối đầu tư lớn của thế gian về lượng Từ Bi làm nảy sanh ra lợi lạc cho bá tánh mà mọi sự suy nghĩ bình thường sẽ không bao giờ nhìn thấy được một cách rõ ràng. Do vậy, để cụ thể hóa hơn về việc gầy duyên công đức đó thì người Phật tử tưởng không có cách gì khác hơn là phải năng cúng dường và đến chùa tìm việc làm công quả dù khía cạnh này có những yếu tố tâm lý phức tạp vì lý do thì giờ và bận việc mưu sinh. Nhưng trường hợp nào đi nữa thì mục đích cao đẹp của một người Phật tử tại gia cũng vẫn có thể làm được qua mọi hành động làm phước cứu nạn và gieo duyên làm nghĩa của mình. Và sự kiện đó chẳng khác nào như một việc làm đem tiền bỏ ống để dành, mở sổ trường mục tiết kiệm để phòng khi hữu sự.

Một người Phật tử tốt là người Phật tử đó biết tạo duyên công đức để trợ lực cho một hoàn cảnh cần có thêm yếu tố chín mùi hầu mong đạt

được điều kiện duyên lành phúc lợi. Và vì lẽ đó người ta có thể nói rằng một trong những lý do của chúng sinh sống ở trên đời có thể hoá cái được mọi nghiệp lực của mình là nhờ biết tu niệm, gầy dựng duyên công đức. Ngoài ra, người ta cũng còn có thể nói thêm về nghiệp gầy duyên công đức này chính là hình thức trợ duyên nhằm đưa đến hậu quả của một sự việc hơn là kết quả lúc khởi đầu.

Thực vậy, với đặc tính hiền hòa ngay từ trong cơ bản của giáo lý, lại được bảo vệ bằng tuyến phòng thủ bởi một hệ thống triết lý, tư tưởng có giá trị khoa học. Sự trợ duyên đó vì thế từ lâu được coi như là một biểu tượng bằng hành động công phu trong hàng ngũ tín đồ đi vào lịch sử của con đường tu niệm. Xét về mặt khách quan, công đức trợ duyên được ví như là một phương tiện có phẩm chất cao dùng để nắm vai trò chủ động thực hành thay vì phải chịu ảnh hưởng chi phối của sự kiện phát sinh từ trong các môi trường đời khi thụ động và tiêu cực. Công đức trợ duyên do vậy tuy có tính cách độc lập, tuy là phần phụ thuộc nhưng không phải không cần thiết. Đào sâu thêm ý nghĩa về công đức trợ duyên, người ta nhận thấy rằng dù có tâm đạo hay không, khi một người có ý nguyện phát tâm tất nhiên phải hiện tượng ra ngoài mà muốn làm nên bất cứ việc nào thì cũng phải tốn hao nhiều công của. Thế mà không có lực thì phải chờ thời, nếu không thể chờ thời thì phải tạo dịp. Trừ ít thành nhiều, góp gió thành bão và vẫn có thể đưa tới sự thành công tốt đẹp. Công đức trợ duyên được định nghĩa đại khái ở cuộc đời là như vậy. Đó là một nghệ thuật tinh thần, một kinh nghiệm phải tập tành mới có thể nhìn thấy được hiệu quả. Lại trong ý nghĩa khác, người ta nói đến những trường hợp có khả năng tương ngộ của công đức trợ duyên của người Phật tử có căn tu, nghiệp lực tốt nên dễ dàng thỏa mãn mọi điều ước nguyện gieo duyên sau những lời cầu khẩn của mình. Từ xưa đến nay, các vị thánh tử đạo nhà Chúa của chúng ta há chẳng phải là những người từng xả thân, tạo nghiệp gầy duyên công đức, chọn đúng lúc hiển thân mình để cảnh tỉnh bạo lực cường quyền, để bảo vệ danh dự và sự tồn tại cho nền tảng Phật Giáo nước nhà được mãi mãi hiện diện theo suốt quãng chiều dài lịch sử?

Tóm lại, công đức trợ duyên là ý nghĩa của một hình ảnh đẹp, một hình thức phổ thông đại chúng, kích thích tấm lòng bác ái bao la của con người trước cuộc sống bần nhơ xã hội đầy phiền não. Và công đức ấy đôi khi cũng lại còn là một phần thưởng sinh lợi được hoàn trả cho chính cá nhân để thụ hưởng sau này.

Trở lại ý nghĩa của mọi sự gầy dựng công đức đối với bản tính hiền hòa của người Phật tử một khi đã liễu ngộ Sắc Không trước cuộc đời vô tướng thì hành động đó chẳng khác nào là như công việc mức nước tưới cây, dẫn thủy nhập điền của người dân ruộng vườn để tạo thêm mọi điều kiện tốt cho năng xuất thu hoạch. Nghiệp lực tạo duyên phúc lợi cho người do vậy mà bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng được coi như là khâu "nối" quan trọng không thể không có để dùng làm chất men xúc tác tạo môi trường thuận tiện, kết hợp gây nên một sự thành hình. Chính vì thế mà hễ khi nghe người ta nói đến chuyện gầy dựng công đức thì có nghĩa là thêm một nhịp cầu được bắc trên sông để rút ngắn đoạn đường dài đau khổ của người đời.

Phật Giáo của chúng ta nổi bật đặc biệt nhờ có tinh thần tự do, khai phóng, có truyền thống dân chủ, ôn hòa và ý thức trách nhiệm xã hội ở nơi mỗi cá nhân. Vậy chúng ta có thể nhân danh là Phật tử để đứng ra làm mọi việc thiện nguyện với tâm hồn trong sạch, với tinh thần vô vị lợi của con người theo tôn chỉ của nhà Chúa. Song song với trách nhiệm đó, người Phật tử còn có sứ mạng phải trung thành thực hiện đúng theo những lời di huấn của giáo tông, của lịch đại tổ sư truyền thừa để bảo vệ nếp sinh hoạt cố hữu của tôn giáo luôn luôn lúc nào cũng còn giữ được ý nghĩa giá trị chân truyền, không bị hoen ỉa vì thời tiết cay nghiệt bốn mùa phong ba bão táp. Để hễ mỗi sau khi bóng tối đi qua thì chỉ còn lưu lại dấu vết của những hiện tượng thú thách giương cao màu sắc ánh đạo vàng dưới cơn lúa dữ. Và chính vì vậy mà người ta không ngạc nhiên khi nhìn thấy hình dáng của một ngôi Chùa có thể bị chôn vùi theo đổ nát, hoang tàn nhưng hào quang của Đạo Phật thì lúc nào cũng lại là màu nhiệm chiếu sáng lung linh, trường tồn, bất diệt.

Trong tinh thần đó, ý nghĩa của hành động gầy dựng công đức của một người Phật tử sẽ mang một hình ảnh có giá trị cao hơn về chiều sâu đóng góp, vượt khỏi giới hạn địa lý, dân tộc để đi vào mục đích phụng sự xã hội, giải thoát con người là đi theo con đường Phật dạy. Về các Phật tử xa gần đang âm thầm hành đạo lâu nay không nên còn chần chừ nhiều thêm nữa. Chúng ta hãy nắm lấy tay nhau trong tinh thần hòa ái, khiêm cung, đẩy mạnh phong trào tạo dịp làm phúc cho đời, cấy vào tư tưởng chấp mê những liều thuốc giải để cùng nhau sám hối, tu thân. Một cử chỉ nhỏ nhặt đóng góp, một tấm lòng tha thiết yêu đạo đều là những điểm tựa bằng vàng dùng để xeo hòn đá tảng khổ đau lấp che ánh sáng cứu rỗi của Đức Thế Tôn rọi vào cho tất cả mọi người.

... Hãy thức dậy đúng giờ khai kinh tụng niệm để chúng ta không trễ hẹn với những nguyện vọng viên mãn hôm mai. Và cũng để nhìn thấy mọi vật thể nhanh chóng đổi thay mà chạnh lòng giác ngộ hầu tích cực giúp đạo cứu đời, hăng hái tham gia tạo dịp gầy dựng công đức. (Sa 1002/1)

TÁC PHẨM GIÁ TRỊ
MỌI GIA ĐÌNH VIỆT NAM NÊN CÓ TRONG TỦ SÁCH

LUẬN CƯƠNG **VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM** (trong và ngoài nước)

Giáo sư Vũ Kỳ
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam tại Bỉ xuất bản
1996. Tái bản tại Hoa Kỳ 1997

Luận :

- Về nền văn hóa truyền thống Việt Nam với các học thuyết Á Đông và Việt Nam.
- Về nền văn hóa Mác-xít và thực trạng xã hội Việt Nam
- Về nền văn hóa đối kháng Cộng Sản, về nền văn hóa lưu vong
- Tập hợp các luận thuyết mới về nguồn nền văn hóa Việt Nam
- Bác bỏ luận điệu xuyên tạc phi văn hóa, phàn dân tộc của các soạn giả thân Cộng và Việt Cộng đầu độc công luận thế giới và các thể hệ Việt Nam (sẽ có bản dịch ra Anh, Pháp ngữ)
- Đề nghị một thái độ văn hóa thời hậu Cộng Sản

Sách dày 650 trang
Sách in đẹp. Bìa và thú họa của Vũ Hồi
Giá 30 Mỹ Kim (trọn bộ luôn cước phí bưu điện từ Bỉ quốc)

Muốn mua xin liên lạc :

Cô Vũ Tường Vân
1237 Culpepper Drive - San Jose - Ca 95121 - USA
Tel & Fax . (408) 286 - 2569
hay Bà Nguyễn Thị Hạnh
Av. Leopola Lambin 2 Bte 1
1160 Bruxelles - Belgium
hay Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Bruxelles
56 rue Vantier 1040 Bruxelles Belgium



VŨ HỐI

Bút hiệu :
 Hồng Khởi
 Sinh ngày
 22.11.1932
 tại Tam Kỳ,
 Quảng Nam



- Hội viên
 Văn Bút 1960
- Hội Nhà Văn
 Việt Nam 1961
- Hội viên Văn Bút
 1960
- Hội Nhà Văn Việt
 Nam 1961

- Có tên trong Tự Điển Văn Học trước 1975
- Giải Khởi Nguyên Hội Họa Quốc Tế 1963
- Giải Danh dự về Calligraphy (I.C.C.)
- Sáng lập Trường Phái "Painting in Motion" và Thư Họa
- Có tên trong "The Pride of Vietnamese Edition II" (Về Vang Dân Việt II)
- Viện A.B.I. Hoa Kỳ liệt kê trong danh sách Những Danh Nhân Thế Giới 1944 về Sáng Tạo Thế Kỳ
- International Biographical Centre Anh Quốc vinh danh là "International Man of The Year in Art 1994-1995"
- Nghệ sĩ Á Châu duy nhất được vinh danh trước Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới (I.F.O.A.) ở Atlanta ngày 5.11.94
- Tổng Thống Tiệp Vacla Havel tiếp kiến và nhận tranh "The Dream of Peace" tại Tổng Thống Phủ - Praha 5.09.95

thơ

Có một chiều, mình tôi ra biển
 Ngắm nhìn trời, nhìn biển mênh mông
 Biển đông người,
 Sao tôi thấy quá lạ loài
 Cả vùng trời hiu quạnh ở trong tôi
 Năm ngón tay gầy, tôi viết bài thơ trên cát
 Sóng ập vào, thơ cũng lặn trôi theo
 Luật vô thường

VÒNG

HÒA

BIỂN

MẸ

Có một chiều, mình tôi ra biển
 Bãi cát vàng, sóng ồ ạt, nối đuôi nhau
 Tôi lặng vẽ, vòng hoa trên cát
 Khóc người thương, vui thầy Biển Mẹ
 Chỉ vì giá đất của Tự Do

Có một chiều, mình tôi ra biển
 Ngụp mặt vào biển mặn
 Và cúi đầu, khề lạy những người thương
 Than ôi! độ ấy ra đi thành vĩnh biệt
 Thôi, một lạy này
 Xin kính cẩn dâng Người...
 Nước mắt tôi rửa rạn hòa biển mặn
 Ôi! đại dương hồi
 Có linh thiêng xin gởi
 Lệ cho Người
 Lệ đổ khóc quê hương!...

(Trích trong : Chiêm Bao Trở Giác)

VŨ HỐI

mừng sinh nhật

Thầy Trụ Trì Viên Giác



Hôm nay sinh nhật của Thầy
 Báo Viên Giác cũng vừa đầy một trăm
 Sinh nhật bốn chín, của Thầy
 Chúng con xin chúc ngày ngày an vui
 Hoàng dương Phật Pháp khắp nơi
 Bốn châu Phật tử thỉnh mời đón đưa

Ca-na-da - Mỹ - Nga xô
 Hòa Lan, Thụy Điển, Na Uy mời Thầy
 Người Đức họ cũng đến đày
 Học Thiền, học đạo, mỗi ngày một đồng

Thứ hai, thứ tư, thứ năm
 Sinh viên đến học, viếng thăm ngôi chùa
 Xin Thầy dạy giáo lý cho
 Ngồi nghe Thầy giảng, bớt lo sự đời

Giáo lý họ đã thấm rồi
 Rủ nhau người người, cùng đến quy y
 Giữ gìn ngũ giới tam quy
 Vu Lan, Phật Đản, tụng về cũng đồng

Chùa Viên Giác đầy cảm thông
 Quý Thầy các nước ghé thăm rất nhiều
 Công phu sớm, kinh kệ chiều
 Thấm lĩnh đạo vị, lưu truyền ngàn năm

Chúng con Phật tử cầu mong
 Thầy vững như đồng, không chuyển không lay
 Thầy đi Nam - Bắc - Đông - Tây
 Vững như cổ thụ, ở ngay giữa rừng
 Chúng con Phật tử đều mừng
 Bồ Đề xin hứa không ngừng phát tâm.

Phật Tử Chùa Viên Giác (Nga10029)



TRẦN ĐẠI SỸ

Lấy tên làm bút hiệu. Sinh giờ Thìn, ngày 1 tháng 9 năm Kỷ Mão (1939). Được ông ngoại là một đại khoa bảng triều Nguyễn, giảng dạy rất sâu sắc về Nho học, lầu thông kinh, sử, tử, tập, Bách gia, Chú tử, Cửu lưu, Tam giáo. Lại học đạo với các Thiền sư thuộc dòng Yên Tử, vì vậy ghi thêm bốn chữ "Yên Tử Cư Sĩ" để tỏ lòng nhớ lại cội nguồn. Song thân đặt tên với ước vọng sau này tác giả thành một thầy thuốc, đeo túi đi khắp nơi thuyết pháp, trị bệnh, chuộc tội cho bầy kiếp phụ mẫu (Đại là cái túi, Sĩ là đứng chò). Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Paris (Cochin Port-Royal) và Thượng Hải. Để thực hành ước vọng của ông, cha, tác giả dành hầu hết thì giờ từ năm 1968 đến nay, thuật những thiên anh hùng ca của dân tộc Việt. Từ năm 1976, làm việc cho sở nghiên cứu, tổng hợp y học Đông Tây, vì vậy có phương tiện rộng rãi, cùng nhiều dịp đi Trung Quốc, Mông Cổ, Tây Tạng, Thái Lan, Trung Đông hầu tìm lại vết tích tộc Việt. Đã biên tập hơn hai mươi tác phẩm về y học do ARMA, và Institut Franco-Asiatique xuất bản. Về lịch sử tiểu thuyết, đã sáng tác 9 tác phẩm, tổng cộng trên 11.000 trang. Do các nhà xuất bản Nam Á (Paris), Xuân Thu và Đại Nam (Hoa Kỳ) ấn hành.

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

- 1. Anh Hùng Lĩnh Nam. Trọn bộ 4 quyển, 1318 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1987.
2. Động Đình Hồ Ngoại Sử. Trọn bộ 3 quyển, 886 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1989.
3. Cấm Khê Di Hận. Trọn bộ 4 quyển, 1305 trang. Nhà xuất bản Nam Á, Paris, 1990.
4. Anh Hùng Tiêu Sơn. Trọn bộ 3 quyển, 907 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1990.
5. Thuận Thiên Dị Sử. Trọn bộ 3 quyển, 909 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1991.
6. Anh Hùng Bắc Cựơng. Trọn bộ 4 quyển, 1254 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1992.

7. Anh Linh Thần Võ Tộc Việt. Trọn bộ 4 quyển, 1334 trang. Nhà xuất bản Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1992

8. Nam Quốc Sơn Hà. Trọn bộ 5 quyển, 2232 trang. Nhà xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ, 1996.

9. Cốt Tủy Tử Vi Tuổi Tý, 350 trang. Nhà xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ, 1994.

SÁCH SẮP XUẤT BẢN

- Anh Hùng Đông A
- Động Cờ Đông A

Y PHỤC THỜI LĨNH NAM

(Triều đại vua Trưng)

Trích phụ lục Động Đình Hồ Ngoại Sử

• Yên tử cư sĩ TRẦN ĐẠI SỸ

T trong khi khởi thảo viết bộ Anh Hùng Lĩnh Nam, vào ngày 10 tháng ba Mậu Thân (1968) một trong những vấn đề làm thuật giả bận tâm là y phục hồi ấy ra sao? Điều này đưa đến việc cần tìm hiểu văn minh của người Việt trong buổi bình minh lịch sử. Đọc trong kho tàng văn hóa Việt Nam, không thấy thư tịch nào nói đến. Hỏi thăm những bậc thức giả, mười vị thì đủ mười đều lắc đầu. Thảng hoặc có vị cho vài lời khuyên.

Một vị khuyên rằng:

- Nên theo y phục những năm trước đây, người ta cho các thiếu nữ trung học Trưng Vương, Gia Long Sài Gòn đóng vai hai Bà Trưng, vào ngày phụ nữ hay ngày giỗ vua Trưng.

Một vị khuyên:

- Cứ cho mặc áo dài, khăn đóng vành vàng, khoác ngoài lớp sa mỏng trắng, quần trắng, đi hài là được.

Đem ý kiến ấy hỏi một vị khác, lập tức vị này bác bỏ:

- Không được. Như vậy là đầu gà dit vịt, chẳng ra thể thống gì. Bởi chiếc áo dài đó phỏng theo áo "Le Mur" mới chế ra vào thập niên 1930, rồi biến hóa đi. Khi áo "Le Mur" vào đến Huế, lại có màn "tân cổ giao duyên" thêm chiếc khăn với cái áo choàng ngoài. Y phục ấy

đâu phải y phục thời Trưng Vương. Quần đó là quần "tân thời" không phải quần của người Việt xưa.

Một vị khác khuyên:

- Bà Trưng quê ở Bắc Ninh, Sơn Tây, "chắc" hồi ấy mặc quần đen, áo búi que, đầu đội khăn vuông mỏ quạ như con gái Bắc Ninh đầu thế kỷ này.

Lập tức vị khác nhăn mặt:

- Bậy! Phụ nữ Việt Nam mặc quần chỉ mới có từ thời Nguyễn. Trước kia các cụ bà mặc váy. Trong văn chương bình dân chẳng từng có câu:

Tháng tám có chiếu vua ra,
Cắm quần không đậy, người ta hãi hùng.
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì ăn cướp quần chông sao đang.

Như vậy từ triều Nguyễn về trước đàn ông mặc quần, đàn bà mặc váy. Loại váy này cho đến năm 1947-1948 ở nông thôn vẫn còn tồn tại. Còn áo dài ư? Từ triều Nguyễn về trước phụ nữ Việt Nam mặc áo tú thân, thắt khăn vòng qua bụng, nút ở ngang hông. Gái chưa chồng thì nút ở bên phải. Gái có chồng thì nút ở bên trái.

Đại loại, những ý kiến như thế được đưa ra. Nhưng không có ý kiến nào có luận cứ vững chắc. Có vị khuyên:

- Anh viết tiểu thuyết, thì giống như vẽ ma, vẽ quỷ, muốn tả y phục thời ấy thế nào mà chẳng được.

Ý kiến này thì gia-nghiêm gạt thẳng:

- Lịch đại văn học Việt Nam chưa có vị nào chịu bỏ thời giờ, chịu bỏ cả đời ra viết lịch sử tiểu thuyết trường thiên. Nay con là người đầu tiên viết. Con viết vì muốn làm sáng tỏ hào khí anh hùng dân tộc. Con viết vì muốn trả nợ tổ tiên. Ông kỳ vọng vào con. Bỏ kỳ vọng vào con. Con phải học hỏi những gì của người đi trước. Tại sao bộ "Tam Quốc Chí" của La Quán-Trung lại thành công hơn các bộ Phong Thần, Đông Chu Liệt Quốc, Tây Hán, Đông Hán, Thuyết Đường, Chinh Đông, Chinh Tây? Một là văn La "diệu" hơn văn các vị kia. Hai là đi sát lịch sử, sát với sự thực, nên được tin tưởng hơn. Gần đây, Kim Dung thủ thái cổ nhân, thêm vào nghệ thuật Tây phương mà thành công. Kim Dung chỉ đặt tác phẩm vào hoàn cảnh lịch sử, mà không viết lịch sử tiểu thuyết. Con đi sau tất cả bằng người ấy. Con có cái kiến thức Trung Quốc ngang với họ, con lại có kiến thức Tây phương sâu xa. Con hơn họ ở điểm con được luyện võ tử nhỏ, nay đến trình độ đáng kể. Con hơn hẳn họ ở điểm con học tới trình độ cao nhất của y học Đông lẫn Tây... Con cần viết sao cho tác phẩm không đi vào chỗ quá đáng như ma trâu, đầu rắn. Con nhớ rằng, một lời con viết là Trưng Vương nói, là Hưng Đạo Vương nói. Tuyệt đối không nên, không thể bịa đặt quá đáng. Không tìm ra y phục thời vua Trưng chắc chắn, thì tìm lấy một nét có thể bấu víu được, là quần áo các bà hầu

bóng ngái. Hay hãy tìm trong y phục cổ Việt Nam, lấy một loại quần áo cổ điển nhất, rồi "phong" cho làm y phục thời vua Trưng là được rồi, việc gì phải quá cầu nệ.

1. Tìm dấu vết y phục thời vua Trưng

Thói quen của thuật giả khi gặp vấn đề nan giải là tắm rửa sạch sẽ, đến trước Bảo-điện đọc kinh Bát-Nhã, rồi nhập Thiền. Sau khi Thiền, nhắm mắt tưởng tượng. Trong tưởng tượng đó, thấy gì hiện ra, tùy nghi giải quyết. Bởi vậy, đối với việc tìm tòi về y phục thời Lĩnh Nam thuật giả nhập thiền ba lần, đều thấy vua Trưng mặc một thứ y phục rất khác lạ với y phục Trung Quốc và Việt Nam nhưng lại rất quen thuộc.

Trong dịp giỗ vua Trưng năm 1969, thuật giả chở mẫu thân đi phụ giúp bà bạn hầu bóng hay nói nôm na là *lên đồng* vua Trưng. Khi bà mặc quần áo, về đồng uy nghi mà đẹp vô cùng, thuật giả mới búng tỉnh: "*Minh đang chết thực, thì ra tử nhỏ, minh thấy hình bóng, y phục vua Trưng qua các bà đồng, cho nên trong lúc nhập thiền, y phục đó hiện lên*".

Kỷ niệm về thời thơ ấu sống lại mãnh liệt. Đền thờ Hai Bà bao giờ cũng có tượng, trong tư thế ngồi, mặc quần áo, đầu đội khăn. Tượng đặt phía sau màn. Chi quan khách đặc biệt, mới được phép mở màn chiêm ngưỡng tượng Hai Bà. Hai bên bệ thờ, còn có tượng của mười hai nữ đại công thần, cũng mặc quần áo, đầu đội khăn.

Hồi ấy, cứ đến ngày mừng sáu tháng hai âm lịch, tại các đền thờ vua Trưng, Ban Trị Sự đền tổ chức lễ tắm tượng, để chuẩn bị cho ngày "*Thánh hóa*". Lễ tắm tượng được tổ chức theo nghi lễ cổ truyền như sau:

Công việc tắm tượng được trao cho một cụ bà, đạo cao đức trọng. Trước ngày tắm tượng, bà phải trai giới ba ngày, tắm rửa sạch sẽ. Sáng mùng sáu tháng hai, bà mặc áo dài đỏ, cùng với ba đồng nam, ba thiếu nữ búng nước ngũ vị hương, dùng lụa mới tắm tượng. Năm mười một tuổi, thuật giả cũng hưởng ôn huệ búng nước ngũ vị hương tắm tượng vua Trưng cùng mười hai nữ đại công thần. Vì vậy được giống hệt y phục của các ngài. Y phục đó giống hệt y phục các bà lên đồng mặc, khi vào giá vua Trưng.

Đặt vấn đề, ai đã may quần áo mặc vào tượng vua Trưng cùng mười hai đại công thần? Người may cần củ vào đầu, để may loại y phục như vậy? Một lần thuật giả đem vấn đề đó đặt ra với các vị trưởng thượng. Các vị đó đều cho ý kiến. Nhưng ý kiến của Giáo sư Nguyễn Đăng Thực có tính chất trung dung, thuật giả xin ghi lại:

"*Sau khi Bà Trưng nhày xuống sông Hát Giang tự tử, mười hai nữ đại công thần. vị quốc*

vong thân. Người đương thời đã lập đền, tác tượng thờ. Dĩ nhiên họ phải may quần áo giống như hồi sinh tiền các ngài đã mặc. Đền thờ sau này tuy có trùng tu, xây mới, nhưng không ai có can đảm may loại y phục khác với y phục trên tượng các ngài. Vì vậy, y phục trên tượng các ngài là y phục thời Lĩnh Nam. Còn các bà đồng, khi các bà hầu bóng, bao giờ cũng may y phục giống như y phục mặc trên tượng. Kết lại y phục trên tượng Bà Trưng với mười hai nữ đại công thần được coi là đúng nhất với y phục phụ nữ hồi đầu thế kỷ thứ nhất".

Thế là thuật giả căn cứ vào y phục trên tượng vua Trưng cùng mười hai nữ đại công thần mà tả y phục phụ nữ thời Lĩnh Nam. Nhưng chỉ tuân theo loại quần áo mà không tuân theo màu sắc. Về màu sắc, thì lại theo sử, hoặc theo các cuốn phổ lưu truyền. Như y phục của bà Hoàng Thiều Hoa, thường màu vàng. Y phục phục của Hồ Đề thì theo người Mường, màu tím. Y phục của bà Phùng Vĩnh Hoa thường màu trắng, v.v...



Về cờ của Lĩnh Nam với Hán, thời bấy giờ mang màu gì? Tìm màu sắc cờ Hán, phải trở lại bộ sử ký của Tư Mã Thiên. Trong đoạn Lưu Bang luận bàn với Trương Lương nên dùng màu gì. Trương Lương đưa ý kiến nên dùng màu đỏ. Lưu Bang kính ngạc hỏi rằng Hán ở phương tây thuộc Kim. Màu đỏ thuộc Hỏa. Hỏa khắc Kim, nếu dùng màu đỏ thì chẳng hóa ra mình khắc hại mình ư? Trương Lương giải thích rằng: "*Hán ở phương tây thuộc Kim. Kim cần Hỏa mới luyện thành khí. Kim không Hỏa thì không thành. Vì vậy ta mới dùng cờ màu đỏ*". Khi vua Quang-Vũ nhà Hán phất cờ trung hưng, nối tiếp sự nghiệp tổ tiên, vẫn dùng cờ đỏ.

Còn cờ Lĩnh Nam? Không một bộ sách nào ghi lại. Chúng tôi tạm theo cờ của đền vua Trưng, nền màu vàng, viền ngoài đỏ, và tua màu xanh. Theo cuốn phổ ở đền Giao Long Nữ thuộc Hồ Môn, Quảng Đông, tà trận Lăng Bạc "*Thủy quân Hán bại, bỏ chạy, từ xa, hề thấy thuyền nào kéo cờ vàng là vứt vũ khí trốn chạy*". Vì vậy trong toàn cuộc khởi nghĩa của vua Trưng, chúng tôi tả cờ Lĩnh Nam màu vàng.

Từ đây, thuật giả cặm cụi viết, và vấn đề y phục thời Lĩnh Nam không nhắc đến nữa. Bằng đi hai mươi năm, không đem ra bản cái. Cho đến cuối năm 1986, khi trao bản thảo bộ "*Anh Hùng Lĩnh Nam*" cho nhà xuất bản Nam Á. Vấn đề y phục của vua Trưng lại được đặt ra. Anh Mai-Trung, giám đốc nhà xuất bản Nam Á muốn chọn một trong các bức danh họa đã có sẵn về vua Bà, làm bìa. Thuật giả nghiên cứu trong hơn bốn mươi bức tranh vẽ cũng như sơn mài làm trước 1975, sau 1975. Trong hơn bốn mươi bức đó, y phục Hai Bà Trưng chia làm ba loại khác nhau:

- Loại thứ nhất, phỏng theo y phục các thiếu nữ mặc, khi đóng vai Hai Bà Trưng trong Ngày Phụ Nữ, vào khoảng 1956-1963. Trong đó có bức tranh của họa sĩ Phạm Hoàng, đã được chọn để làm bìa cho bộ "*Anh Hùng Lĩnh Nam*".

- Loại thứ nhì, quần trắng, áo dài "*Le mur*" màu vàng, không thắt lưng, choàng ngoài một lớp "sa" mỏng, màu trắng, chân đi hài, đầu đội khăn vành.

- Loại thứ ba, đầu chít khăn màu, quần ngoài một giải khăn, để xổ xuống lưng. Áo dài hơi giống áo tử thân, cổ choàng khăn phủ xuống đến vai. Ngang lưng thắt khăn, nút sang một bên hông. Vua Trưng thì nút ở bên trái, bà Trưng Nhị thì nút ở bên phải, quần hơi giống quần phụ nữ thời nay. Chân đi giày, lưng đeo kiếm.

Sở dĩ chúng tôi chọn tranh của Phạm Hoàng làm bìa, vì biết chắc rằng, hồi quyết định y phục cho các thiếu nữ trường Trưng Vương, Gia Long đóng vai Hai Bà, Ban Tổ Chức có tham khảo ý kiến của Ban Trị Sự Hội tôn kinh Trưng Vương. Trong hội này, có rất nhiều "lính" hay "ghế" của Hai Bà. Sau khi bàn đi tính lại, dung hòa ý kiến, Ban Tổ Chức đưa ra y phục trên, hơi giống y phục của tượng Hai Bà, sau đó canh tân đôi chút. Một lý do khác nữa khiến chúng tôi chọn tranh ấy, vì trước mắt dân chúng Việt Nam, dù muốn, dù không, loại y phục đó đã thành quen rồi. Tiểu thuyết, khác với kịch sử. Sử cần đúng, cần thực chính xác. Tiểu thuyết cần quen với quần chúng. Khi loại y phục đó quen với quần chúng, thì tự nó đã thành tiểu thuyết rồi.

Có thân hữu nêu ý kiến, nên cho người về Việt Nam chụp hình đền thờ vua Trưng ở Đồng Nhân, Hà Nội, hoặc chụp hình tượng Hai Bà trong đền để làm hình bìa. Điều này không ổn. Dĩ nhiên khi nhỏ, phải nhờ Việt kiều về thăm Hà Nội chụp. Lỡ ra bị lộ ra ngoài rằng về để chụp hình cho nhà xuất bản Nam Á, thì người chụp hình khó tránh khỏi bản án tử hình với cái mũ CIA, hay Việt-gian. Vì vậy dự tính này không thực hiện.

Đến đầu năm 1988, giữa anh Mai-Trung với thuật giả thảo luận về việc chia cuộc khởi

nghĩa của vua Trưng làm ba giai đoạn. Giai đoạn một vẫn để nguyên tên là *Anh Hùng Lĩnh Nam* từ quyển một đến quyển bốn. Giai đoạn hai từ quyển năm đến quyển bảy, đặt tên là *Động Đình Hồ Ngoại Sử*. Giai đoạn ba, từ quyển tám đến quyển mười, đặt tên là *Cấm Khê Di Hận*. Khi quyết định như vậy, đường nhiên hình bia phải thay đổi. Hình bia bộ *Động Đình Hồ Ngoại Sử* nhờ họa sĩ Phạm Đình Tín vẽ. Khi họa sĩ vẽ xong, thuật giả xem y phục bà Phật-Nguyệt đứng trên chiến hạm, thật giống hoàn toàn y phục của các bà mặc khi hầu bóng vua Trưng. Thuật giả có hỏi họa sĩ Tín về lý do nào ông lại vẽ y phục như vậy? Ông nháy mắt, rồi cười tùm tùm trả lời:

- À, thì tôi đã thấy nhiều lần rồi.

Thuật giả hiểu, trong cuộc đời gần bảy mươi năm của ông. Ông đã từng được xem lên đồng, các giá về vua Trưng, Hoàng Thiệu-Hoa, Trần Quốc, cho nên ông vẽ giống như y phục ấy.



2. Tìm di tích trong bảo tàng viện

Ngày 20 tháng 12 năm 1989, thuật giả có công tác y học, phải đi Văn Nam. Khác với những lần trước, muốn đi Văn Nam, phải đến Bắc Kinh, rồi đổi máy bay đi Côn Minh. Lần này, có đường bay mới từ Vọng Các đi thẳng Văn Nam. Thuật giả tới Vọng Các, rồi đổi máy bay đi Côn Minh. Vừa đi, vừa về giảm đường dài được mười hai nghìn cây số, thành ra thời gian công tác đủ năm ngày. Các bạn đồng hành lập tức trở về Vọng Các tắm hơi, hoặc vào nhà hàng *No hands* để được các cô Thái xinh đẹp đút cơm, mớm thức ăn cho. Thuật giả thì lợi dụng thời gian đó sang Ngô Châu, Liễu Châu thuộc Quảng Tây và Quảng Châu thuộc Quảng Đông. Tại các bảo tàng viện di tích văn hóa cổ ở đây, thuật giả tìm được nhiều ảnh sáng về y phục thời vua Trưng.

Trong bốn viện bảo tàng Côn Minh, Liễu Châu, Ngô Châu và Quảng Châu, các công trình khai quật những ngôi mộ cổ, cũng như tranh khắc ở các thạch động, trống đồng, vào thế kỷ thứ nhất, cung cấp cho thuật giả nhiều chi tiết quan trọng về y phục thế kỷ thứ nhất.

Dưới đây, thuật giả trình bày các ảnh chụp y phục của các vùng vào thời vua Trưng và thời Đông Hán:

- Lạc Dương, kinh đô nhà Đông Hán.
- Liễu Đông, vùng phía đông Trung Quốc.
- Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, lãnh thổ Lĩnh Nam.

Qua các hình, cho chúng ta thấy, y phục ba tỉnh thuộc lãnh thổ Lĩnh Nam hoàn toàn khác biệt với y phục thuộc lãnh thổ Hán. Khác biệt đến độ gần như trăm phần trăm. Mà y phục đó giống như y phục trên tượng vua Trưng cũng như của các bà lên đồng mặc khi hầu "giá" các anh hùng thời Lĩnh Nam.

3. Kết luận

Thuật giả không chép sử, không thể và không bao giờ có ảo vọng viết sử. Thuật giả chỉ viết lịch sử tiểu thuyết. Tiểu thuyết tha hồ phóng túng. Dưới ngòi bút La-Quán-Trung, *Nguy-vô-đế* Tào Tháo đang là anh hùng, đang là một thi sĩ đáng yêu, trở thành một thứ gian hùng. Quan-Công là một tên võ phu thô lỗ, trở thành một đại anh hùng trung nghĩa thiên thu. Thuật giả không bao giờ viết theo lối đó. Ngược lại theo sát lịch sử. Tuy y phục thời Lĩnh Nam không phải là yếu tố quan trọng, nhưng khi tả y phục các ngài cũng không thể cho các ngài mặc quần đen, đội khăn vuông mỏ quạ như vậy thì chẳng khác gì cho các ngài mặc jean, nhảy disco. Tuy nhiên nếu muốn cho vua Trưng mặc váy, áo búi que, đầu chít khăn vuông mỏ quạ như các cô gái Bắc Ninh hồi trước 1945, trong giai đoạn đầu cuộc khởi nghĩa thì cũng có thể còn cãi

được rằng: khi Bà Trưng mới khởi nghĩa, bà mặc quần áo giống như thôn nữ, để hòa đồng với mọi người thì cũng được. Mấy năm trước đây, một "phong trào" tranh đấu ở hải ngoại, đã cho cô của quân Tây Sơn màu vàng. Vua Quang Trung thì mặc giáp trụ giống như giáp trụ của Tôn Sĩ-Nghị. Rồi phong trào ra nghiêm lệnh cấm dùng bất cứ cờ nào khác. Hôm làm lễ ra mắt phong trào, có mấy đứa trẻ con hơn mười tuổi tham dự, chúng cãi rằng cô của vua Quang Trung màu "đào" và ngài mặc quần áo nậu sồng như trai thôn quê, vì căn cứ vào bài *Ai tư văn* của Công chúa Ngọc Hân sau được phong Hoàng Hậu, khóc ngài:

*Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước, biết bao công trình*

Thay vì người ta giải thích cho chúng, thì lại xua đuổi chúng ra, bảo chúng là Việt-cộng con. Buồn thực.

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

(TRÍCH TRONG NAM QUỐC
SƠN HÀ, 5 QUYỂN 2232
TRANG)

• Yên Tử cư sĩ Trần Đại Sỹ

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát tiếng Phạn là Avalokitevara, tiếng Tây Tạng gọi là Tchenréjigs, tiếng Trung Quốc phiên âm là Kouan Yin, tiếng Nhật Bản là Kouan Non. Theo kinh Phật, ngài còn có nhiều danh hiệu khác nhau như Quán Tự Tại, Từ Tâm Bất Sát (Lokevara), Đức Chúa Ba. Quán Thế Âm có nghĩa là nghe, xét các âm thanh của chúng sinh trong pháp giới hầu hiện sức thần thông mà cứu vớt họ.

Bồ Tát Quán Âm thường ứng hiện ra ba mươi hai thân khác nhau, thị hiện vào quốc độ mà cứu chúng sinh (1):

1. Phật thân,
2. Độc Giác thân,
3. Duyên Giác thân,
4. Thanh Văn thân,
5. Phạm Vương thân,
6. Đế Thích thân,
7. Tự Tại thiên thân,
8. Đại Tự Tại thiên thân,
9. Thiên Đại Tướng Quân thân,
10. Tứ Thiên Vương thân,
11. Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử thân
12. Nhân Vương thân,
13. Trưởng Giả thân,
14. Cư Sĩ thân,
15. Tế Quan thân,
16. Bà La Môn thân,
17. Ty Kheo thân,
18. Ty Kheo Ni thân,
19. Ưu Bà Tắc thân,
20. Ưu Bà Di thân,
21. Nữ chúa, quốc phu nhân, mệnh phụ tại gia thân,
22. Đồng nam thân,
23. Đồng nữ thân,
24. Thiên thân,
25. Long thân,
26. Dược Xoa thân,
27. Càn Thát Bà thân,
28. A Tu La thân,
29. Khẩn Na Na thân,
30. Ma Hô La Già thân,
31. Nhân thân,
32. Phi Nhân thân.

Ngài có dự nghe đức Thích Ca giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trọn phẩm Phổ Môn kinh Diệu Pháp Liên Hoa xứng tụng công đức, lòng từ bi cứu thế của Ngài. Có một lúc Ngài từ thế

giới Cục Lạc, phụng lệnh Phật A Di Đà sang cõi Ta Bà khen Đức Phật Thích Ca và luận đạo pháp với Đức Thích Ca. Trong kinh Địa Tạng, phẩm 12, Đức Thích Ca khen Ngài Quan Âm rằng :

"... Ở thế giới Ta Bà này, nhà người có nhân duyên lớn; hoặc thiên, hoặc long, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc thần, hoặc quỷ, cho đến chúng sinh tội lỗi trong sáu nẻo, hãy nghe danh người, thấy hình người, luyến mộ người, tán thán người, thì những chúng sinh ấy đều chẳng thối chuyển đối với quả Bồ Đề, thường sinh cõi trời, cõi người, hưởng phúc vui màu nhiệm, và chúng quả..." (2)

Trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Tâm Đà Na Ni chép:

"... Lực thần oai của Quán Thế Âm Bồ Tát không thể suy xét, bàn luận cho hết. Hồi vô lượng kiếp, Ngài đã thành Phật. Vì nguyện lực đại bi, muốn giúp chúng sinh an lạc, nên Ngài hiện thân làm Bồ Tát..." (3)

Chính vì vậy, mà tùy theo những nơi Ngài thị hiện, Phật Tử thờ Ngài theo nhiều hình tượng khác nhau.

Tại Tây Tạng, tôn trọng Ngài theo hình nam, cho rằng Ngài linh hộ trợ cho xứ này. Họ tin rằng Ngài chuyển hóa thân vào Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ngài có mười một cái mặt, ngàn tay, ngàn mắt, 108 hồng danh. Ngài ngự trong đền Bồ Đà ở Lạc Ca Sơn (Lhassa), xứ Tây Tạng.

Tại các nước Viễn Đông, tôn thờ Ngài theo hình nữ là bắt nguồn từ những lần Ngài thị hiện ra cứu độ chúng sinh, mà đến nay kinh điển, lịch sử còn ghi chép.

Đầu tiên Ngài phân thân, chuyển hóa thành công chúa con Trang Vương, nước Hùng Nhân, rồi tu đắc đạo ở chùa Hương Tích Việt Nam, sự tích chép trong kinh đức Chúa Ba :

*Chân Như đạo Phật rất màu,
Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân.
Hiếu là độ được đấng thân,
Nhân là thoát khỏi trầm luân mọi loài.
Thần thông nghìn mắt, nghìn tay,
Cùng trong một điểm linh đài hóa ra.
Này trong bể nước Nam ta,
Phà Môn có đức Phật Bà Quan Âm.
Niệm Người thì niệm tại tâm,
Này xem sự tích ca ngâm cho tường.*

Nhưng cho đến nay, không ai biết rõ Ngài đến chùa Hương Tích tu vào thời nào? Hiện di tích còn một hang thiên nhiên, trong hang có tượng Ngài là hình bà. Phật Tử có thể hành hương để cầu phúc, cầu cứu khổ cứu nạn, và được chiêm ngưỡng chùa Hương Tích ở tỉnh Hà Đông.

Trong huyền sử Hoa Việt nói rằng vào thời 12 sứ quân, dân Việt khổ đến nỗi sống không nổi, mà chết cũng không xong, nên các đại đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni đều phân thân giáng sinh làm người Việt để lập lại nước cho tộc Việt. Ngài A Di Đà giáng sinh làm Bồ Đại Hòa Thượng, Ngài Ma Ha Ca Diếp giáng sinh làm Ngài Minh Không (đời Lý có hai Ngài

Minh Không, đều là Ngài Ma Ha Ca Diếp cả); Ngài Tu Bồ Đề giáng sinh lần thứ nhất là Ngài Sùng Phạm, lần thứ nhì là Ngài Đạo Hạnh, lần thứ ba là vua Lý Thần Tông v.v... Còn Ngài Quán Thế Âm phân thân giáng thế ba lần :

- Cuộc hóa thân thứ nhất thành công chúa Hồng Châu, em gái vua Lý Thái Tổ được gả cho lạc hầu Thân Thiệu Anh. Vì công chúa say mùi đạo, muốn giải thoát, nên trong khi lên đường về Lạng Châu, Ngài đã nhờ một cung nữ giả thân Ngài, làm vợ Thân Thiệu Anh, còn Ngài đi tu ở Hương Tích sơn, sau đắc quả. Cuộc đời Ngài hơi giống sự tích Phật Bà chùa Hương.

- Cuộc hóa thân thứ nhì thành quận chúa Lý Mỹ Linh, con gái trưởng của Khai Thiên vương Lý Đức Chính, sinh năm 1010. Sau Khai Thiên vương lên ngôi vua tức Lý Thái Tông,



quận chúa Mỹ Linh được phong công chúa Bình Dương. Công chúa được gả cho lạc hầu Thân Thiệu Thái. Trong suốt cuộc đời, công chúa cùng phò mã dùng đức tử bi hỷ xả của đức Thế Tôn cai trị dân chúng vùng biên giới Hoa Việt, được cả dân Hoa lẫn Việt ca tụng là Quán Âm phân thân xuống thế cứu độ cho họ. Trong thời gian (1028-1078) trấn thủ biên cương phía Bắc Đại Việt, tuy là Quán Âm, nhưng ba lần công chúa đem quân vượt biên giải phóng các bộ tộc ít người (khê động) bị các quan lại Tống cai trị hà khắc. Không rõ công chúa xuất hiện lần cuối trong trận đánh Tống ở bến đò Phú Lương (tháng giêng năm Đinh Tỵ, DL. 1077).

- Cuộc hóa thân thứ ba thành một thiếu nữ thôn dã tên Lê thị Yến Loan ở làng Thổ Nội (Siêu Loại) nay là xã Phú Thị huyện Gia Lâm, Hà Nội. Sau Lê thị Yến Loan, trở thành Ý Lan thần phi, vợ của vua Lý Thánh Tông, sinh ra vua Lý Nhân Tông. Khi vua Lý Nhân Tông lên ngôi, tôn mẫu thân làm Linh Nhân hoàng thái hậu. Suốt thời gian làm thần phi, làm thái hậu, ngài đã giúp hai vua dùng đức tử bi hỷ xả của

Phật cai trị, khiến dân chúng sống hạnh phúc như đời sống mô tả trong thế giới Tịnh Độ. Chính ngài chỉ đạo cuộc Bắc phạt đánh các châu Khâm, Liêm, Dung, Nghi, Bạch, Ung của Tống (1075), rồi cũng chính ngài lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống xâm lăng (1076-1077).

Những hình và tượng mà chư vị độc giả thấy ở khắp các chùa Viễn Đông, Ngài Quán Âm mặc y phục trắng, tay cầm cành dương, tay cầm tịnh bình bắt nguồn từ đâu? Ai đã họa hình Ngài? (4).

Hình đó họa khi Ngài thị hiện ở đảo Phố Đà. Phố Đà là một đảo nhỏ, hiện nằm ngoài khơi thành phố Thượng Hải. Là một Phật Tử, cho nên trong thời gian theo học tại đại học y khoa Thượng Hải, ở vào thời kỳ mà Trung Quốc đang bài xích tôn giáo, nhưng tôi vẫn đáp tâu ra hành hương trước sau mười tám lần. Trên đảo có đến mấy trăm chùa, đền, miếu thờ đức Quán Thế Âm tại những điểm Ngài thị hiện; lại cũng thờ chư tăng, ni, cùng cư sĩ đã đến tu tại đây rồi đắc quả. Tôi để tâm nghiên cứu về sự thần diệu, linh ứng, ghi chú cả huyền thoại nữa.

Năm 1986, tôi tường thuật tất cả những điều nghiên cứu ở Phố Đà với cố đại lão Hòa Thượng Chân Thường trị sự trường Quán Âm Tự, Champigny (Pháp). Ngài muốn tôi tổ chức một chuyến hành hương cho chư Phật Tử Quán Âm Tự. Tôi vắng dạ, rồi bỏ đấy. Đạo hữu Nguyễn Tri Thuận (5), văn hữu Phan Thế Nghiệp hỏi tại sao tôi tổ chức cho nhiều nơi, mà lại không tổ chức cho chùa Quán Âm, tôi đã trình bày :

"... Trong cuộc nghiên cứu của tôi, tôi thấy rằng các vị chân tu, các Phật tử thuần thành của những chùa mang tên Quán Âm, khi đã đi vào tuổi cổ lai hy (70), dù là người Hoa, dù là người Nhật, dù là người Cao Ly, dù là người Việt... mà thành tâm hành hương đảo Phố Đà thì sẽ được đức Quán Thế Âm độ cho theo Ngài Luôn. Tôi ghi được tên tuổi tôi bảy mươi hai vị đã viên tịch ngay trong khi thăm đảo. Điều kỳ diệu là tất cả các vị đó đều viên tịch trong lúc nhập thiền. Còn lại hầu hết các vị khác, vì công việc Phật sự tại chùa của mình, việc nhà mình chưa trọn, thì sau đó sẽ viên tịch khi xong việc. Nhưng không vị nào bị ở lại thế giới Ta Bà này quá năm năm khi hạnh nguyện viên mãn. Nay Thầy của chúng mình đã 77 tuổi, ngộ đạo từ thuở thanh xuân, mà đũa Ngài hành hương Phố Đà, thì e Ngài được đức Quán Thế Âm đón đi, trong khi đó thì chùa chùa xây xong, tượng đức Quán Thế Âm cũng chùa đức xong..."

Đúng là duyên khởi, nhân định, nhưng không thể chống lại phép đức Quán Âm, Hòa Thượng lại nhờ một cư sĩ khác tổ chức chuyến đi vào năm 1988. Cũng may, bấy giờ Ngài có thiện nguyện xây chùa, đức tượng đức Quán Âm, nên không viên tịch trên linh đảo Phố Đà.

Năm Canh Thân (1992) nhà tổ, tăng phòng, tượng đức Quán Âm đã xây xong. Nội trong năm Quý Dậu (1993) thì bảo điện sẽ được trùng tu, như vậy hạnh nguyện của Hòa Thượng đã tròn. Lại nữa, từ năm 1988 đến năm 1993 là năm năm. Cái thời của Hòa Thượng được đức Quán Thế Âm đón đi đã tới, vì thế trong đêm giao thừa tết Quý Dậu, tôi nói riêng với Sư Cô Diệu Minh cũng như một số đạo hữu trong ban chấp hành chùa Quán Âm rằng :

"... Nội trong năm nay, khi khánh thành bảo điện xong, thì Thầy sẽ viên tịch. Xin Sư Cô cùng chư vị hãy chuẩn bị sẵn, để khỏi bị bỏ lỡ..."

Sư Cô Diệu Minh tin ngay. Một vài vị không tin, còn bài bác, cau có với tôi như quý A Tu La nữa là khác. Cuối năm qua (1993), đúng như tôi nghiên cứu, Ngài đã viên tịch. Ngài viên tịch về thể xác, viên mãn về tâm nguyện đức tượng, dựng chùa.

Trong chuyến hành hương đảo Phố Đà, Hòa Thượng có mang về tập sách nhỏ "Nam Hải Phố Đà Sơn truyền kỳ dị văn lục" của Pháp Sư Chủ Vân. Như tên mang, tập sách chép lại một số linh ứng của đức Quán Thế Âm trên đảo Phố Đà. Hòa Thượng giao cho đệ tử dịch, rồi Ngài nhuận sắc. Nhưng chưa kịp in, thì Ngài viên tịch. Nhân lễ tiểu tưởng của Hòa Thượng, Sư Cô Diệu Minh trị sự trưởng chùa Quán Âm đem in để kính biểu các viện, chùa, niệm phật đường, cùng chư phật tử để biết uy lực đức Quán Thế Âm trên đảo Phố Đà. Sư Cô nhờ tôi viết mấy lời giới thiệu.

Tôi đã trân trọng viết những giòng này, trao tận tay cho Sư Cô. Mấy hôm sau, một đạo hữu mà khả năng tiếng Việt đọc câu "Việt Nam có nhiều thú đạo, đạo Phật, đạo Lão, đạo Cao Đài" thành "Việt Nam có nhiều thú dao, dao phát, dao lao, dao cạo dùi" đã gọi điện thoại cho tôi, bảo phải sửa lại bài này, cắt đi một số trang. Dĩ nhiên tôi từ chối, vì vậy bài này không thấy ở bài tựa tập sách trên. Nay nhân bộ Nam Quốc Sơn Hà này, thuật công nghiệp của công chúa Bình Dương, của Linh Nhân hoàng thái hậu, tôi xin in vào phụ lục quyển bốn, để đọc giả có cái nhìn tổng quát về đức từ bi cứu khổ, cứu nạn của đức Quán Thế Âm.

Pontault Combault tiết lập Xuân, năm Ất Hợi (1995)

(1) Chép trong kinh Thủ Lăng Nghiêm
 (2) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
 (3) Thiên thủ thiên nhãn tâm đà na ni
 (4) Tượng Ngài Quán Thế Âm như ta thấy hiện nay ở các chùa Á Đông là họa lại lúc Ngài thị hiện trên Phố Đà. Năm 1988, thầy của tôi là Hòa Thượng giáo chủ Huyền Vi muốn đắp tượng Quán Âm tại Đại Tùng Lâm ở Limoges. Một Phật Tử đề nghị với Ngài rằng phải dùng một điệu khắc gia, rồi giới thiệu cụ ăn tàn. Hòa Thượng cũng đồng ý, nhưng muốn cụ đắp một tượng mẫu nhỏ trước để Ngài xem. Nhân đó

Hòa Thượng có hỏi ý kiến tôi. Tôi kính cẩn bạch với Ngài : "Mụ già này là một thủ quái vật Ma Đãng Già phân thân đầu thai, tuổi bẩy mươi mà không nên nét. Con sợ nó sẽ đắp tượng quái vật nào đó, rồi bảo là tượng Ngài". Quả nhiên ít lâu sau mụ cong cớn ra về ta là người Việt, thì phải đắp tượng Quán Âm Việt. Mụ lấy hình của vợ Nguyễn văn Trỗi (bà Trỗi đã tái giá, và có nhiều con với chồng mới) tạo một tượng nhỏ mặc áo búi que, vắn khăn mỏ quạ, tay chỉ về trước như đang xung phong, rồi đòi 300.000 quan Pháp (60.000 \$USD, thời giá 1988 số tiền này thực không nhỏ). Dĩ nhiên Hòa Thượng mỉm cười như Phật Di Lặc, rồi

Ngài đem tượng từ Việt Nam qua. Nặng tượng Quán Thế Âm mặc áo búi que, khăn mỏ quạ, có khác gì tạc tượng Khổng Tử mặc quần jean, tay dắt chó, tay chống ba-toong, miệng ngậm ống điếu, lưng đeo súng? Hay tạc tượng Chúa Cứu Thế mặc khăn đóng áo dài, da vàng, mũi tẹt, tóc đen. Rồi thực là đồ dâm qui Ma Đãng Già!

(5) Nay là ông giám đốc khách sạn Majesty, 205 Av. d'Ivry, quận 13, Paris. (Sa10046 rs)

鳥鳴澗
 人間桂花落
 夜靜春山空
 月出驚山鳥
 時鳴春澗中



Điêu Minh Giản

Nhân nhàn, quế hoa lạc
 Dạ tĩnh xuân sơn không
 Nguyệt xuất, kinh sơn điệu
 Thời minh xuân giản trung

Wướng Trung

Tiếng chim trong núi thẳm

thanh nhàn ngắm quế hoa rơi
 núi non tĩnh tịch vắng người đêm xuân
 chim rừng thoáng hiện bóng trắng
 giạt minh kêu - động ánh vàng dưới khe

qua rừng nhàn ngắm cánh quế rơi
 núi thẳm đêm xuân vắng bóng người
 trắng hiện giạt minh chim vút cánh
 tiếng kêu khua động giữa lưng trời

Ái Cầm



PHAN HÙNG NHƠN

Sinh ngày 15.7.1927 tại Đà Nẵng Quảng Nam.

- Học Ban Tiểu Học ở Đà Nẵng; Ban Trung Học đệ I và đệ II cấp ở Huế. Năm 1944 ra Hà Nội học được ít lâu thì các trường sơ Cao Học bị Toàn quyền Decoux ra lệnh đóng cửa (mượn cớ để phòng oanh tạc của phi cơ đồng minh, nhưng sự thật thì e ngại phong trào tranh đấu của sinh viên). Trở về Đà Nẵng tự học, tham gia phong trào Truyền bá chữ Quốc Ngữ.

Từ 1948-1952, Giáo viên Trung học đệ nhất cấp; thành viên Hội Khuyến Học.

- Từ 1952-1956 động viên theo khóa 3 Sĩ Quan Trữ Bị Thủ Đức.

- Từ 1956-1975 chủ nhà xuất bản và nhà sách Lam Sơn, Đà Nẵng.

Được tiếp nhận định cư ở Đức vào cuối 1980. Tại hải ngoại thỉnh thoảng có làm vài cuộc triển lãm văn hóa để giới thiệu Văn hóa Việt Nam với người bản xứ (đã được báo chí Đức, Việt bình phẩm thuận lợi). Viết về biên khảo cho các báo Viên Giác, Độc Lập (Đức); Diễn Đàn và Văn Nghệ Tiền Phong (Hoa Kỳ).

Sách sẽ xuất bản :

- Tìm hiểu về thời buổi bình minh của lịch sử dân tộc VN.
- Khái niệm về kiến thức cổ truyền Việt Nam.
- Tiếng nói và chữ viết của người Việt Nam qua các thời đại (sắp được lần lượt ấn hành ở Hoa Kỳ từ cuối tháng 6.1997).

☐ Suy luận về

MỘT VÀI NGHI VẤN THỜI TIỀN SỬ

Được sinh trưởng trên một lãnh thổ "rừng vàng biển bạc" của địa cầu, dân tộc Việt Nam ta trong quá khứ đã nhiều lần bị ngoại thuộc. Nhưng đầu yếu kém và mặc bao nhiêu hoàn cảnh khó khăn, dân tộc này vào bất cứ thời khoảng nào cũng có những người nam hay nữ anh dũng kiên cường đứng lên lãnh đạo quốc dân để chống ngoại xâm. Vì vậy mỗi khi đánh chiếm được lãnh thổ Việt Nam, bạo quyền đô hộ thường tìm mọi cách để hủy diệt nền văn hóa đặc thù của dân tộc Việt Nam để áp đặt thay thế bằng văn hóa của nước chiếm đóng. Mọi di tích, vết tích về Tổ Tiên hay nguồn gốc chính xác của dân tộc Việt Nam đều bị hủy diệt để con cháu người Việt các đời sau lầm tưởng họ cũng cùng nguồn gốc chung với dân nước đô hộ mình. Cho nên dưới gàn trăm năm bị Pháp đô hộ, thực dân Pháp luôn luôn cố nhồi nhện vào đầu óc thanh thiếu niên Việt qua các đời tư tưởng *nos ancêtres, les Gaulois* (Tổ tiên chúng ta: người Gaulois), hoặc dưới gàn ngàn năm Bắc thuộc, bạo quyền Tần, Hán, Tống, Minh đều áp dụng chính sách nô dịch văn hóa, áp đặt Hán nho vào đầu óc giới khoa bảng Việt để những người này tin tưởng rằng nguồn gốc dân tộc là ở bên dòng sông Dương Tử hoặc Tổ tiên người Việt thuộc nhóm Bách Việt và nếu người Trung Hoa ngày nay là hậu duệ của Hoàng Đế thì người Việt cũng là con cháu Thần Nông cùng thuộc thời đại TAM HOÀNG cả. Vì vậy tiền sử Việt đã bị các sử gia chịu nặng ảnh hưởng của Hán nho vụng về uốn nắn lại cho hợp với chiều hướng đó nên sử liệu về tiền sử Việt đã chứa đựng biết bao mâu thuẫn, nghi vấn mà chính các sử gia cũng không thể làm sáng tỏ được nên đành nói đó là huyền thoại.

Ngày nay những phương tiện của các ngành khoa học mới đã giúp cho người Việt nhận định rõ ràng rằng nguồn gốc của dân tộc Việt Nam cũng không phải bên dòng sông Seine hay sông Loire mà cũng không phải ở lưu vực sông Hoàng hay sông Dương Tử. Mọi tư liệu từ ngôn ngữ học đến dân tộc học, từ lối suy tầm huyết tộc cho đến những phát hiện mới của ngành khảo cổ đều chứng minh người Việt Nam có nguồn gốc lâu đời trên đất Bắc phần Việt Nam. Những tài liệu khảo cổ mới phát hiện này rất phù hợp với các truyền thuyết lưu lại trong dân gian từ thời tiền sử. Vì vậy cũng nên có những suy luận mới về các nghi vấn trong sử liệu về thời kỳ này:

1. VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC VĂN LANG GIÁP ĐỘNG ĐÌNH HỒ

Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư dựa theo sách Lĩnh Nam Chích Quái cho biết biên giới phía Bắc của nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình. Nhiều sử liệu Việt cũng như Trung Hoa đều cho biết: *Nước Văn Lang sau trở thành Âu Lạc rồi bị Triệu Đà thôn tính vào nước Nam Việt. Về sau khi nhà Hán chiếm được Nam Việt liền chia thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.* Như vậy lãnh thổ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân chính là lãnh thổ nước Văn Lang xưa. Kiểm soát danh sách 15 Bộ do sử liệu cho biết đã hình thành nước Văn Lang thì thấy 15 Bộ này đều nằm trong vùng lãnh thổ các quận Giao Chỉ và Cửu Chân và trên một phần nhỏ lãnh thổ phía Nam của các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Các sách xưa như Địa Dư Chí của Nguyễn Trãi, Việt Sử Tiêu Ẩn của Ngô Thì Sĩ, Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú hay Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục đều bác bỏ không chấp nhận việc biên giới phía Bắc nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình. Các sách Địa Lý đều cho biết diện tích từ biên giới Việt Nam tới dòng sông Dương Tử là 3.265.000 km² (Diện tích toàn nước Trung Hoa là 9.560.980 km²). Diện tích của lãnh thổ Bắc phần Việt Nam là 115.000 km². Như thế theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, diện tích của nước Văn Lang sẽ là 115.000 km² + 3.150.000 km² = 3.265.000 km² đấy là chưa kể phần đất Thanh Nghệ phía Nam. Diện tích của toàn nước Việt Nam ngày nay từ ài Nam Quan đến mũi Cà Mau là 326.556 km². Có lẽ nào diện tích nước Văn Lang ngày xưa lại có thể gần 10 lần lớn hơn diện tích nước Việt Nam, trong khi sử liệu dân số nước Văn Lang thời đó chưa quá tám trăm ngàn người? Thêm vào đó cũng nên suy nghĩ về khả năng giới lãnh đạo thời đó có đủ sức để quản lý một lãnh thổ quá sức rộng lớn, núi rừng hiểm trở, giao thông khó khăn. Động Đình Hồ lại cách Phong Châu hàng ngàn cây số?

2. QUÂN ĐỘI CỦA HAI BÀ TRÚNG TRONG MỘT THÁNG ĐÁNH CHIẾM ĐƯỢC 65 THÀNH TRỊ VÀ CHIẾN TRƯỜNG CỦA HAI BÀ ĐẾN TẬN TRƯỜNG SA VÀ HỒ ĐỘNG ĐÌNH

Thần thánh hóa các nhân vật anh hùng vốn là sở thích của con người muôn thuở. Tuy nhiên cũng đừng quên trình độ tiến hóa của dân tộc. Nếu đến ngày nay mà vẫn thiếu suy luận tiếp tục dựa vào những thần tích mơ hồ, tam sao thất bản, để tăng bốc một cách lố lăng, vô tình làm giảm mất niềm tin của lớp hậu duệ cùng phương hại đến sự trang nghiêm kính trọng cần phải có đối với tiền nhân anh hùng. Ví dụ như nói Hai Bà Trưng nguyên là Công chúa ở thiên đình lố làm bể chén ngọc bị Ngọc Hoàng Thượng Đế đày xuống trần gian. Nào là tướng Phật-Nguyệt của Hai Bà có tài bạt núi lấp sông, hoặc quân của Hai Bà chứa đầy một tháng đã đánh chiếm 65 thành trì ở khắp nước, hay là nói Hai Bà đã phải cầm quân chiến đấu trên một chiến trường rộng lớn từ quận Nhật-Nam ở phía Nam của nước Văn Lang đến tận hồ Động Đình, nghĩa là trên một diện tích rộng hàng mấy triệu km², trong khi diện tích nước Việt Nam ngày nay là 326.556 km².



Ngày nay nếu chịu khó suy luận mỗi người đều có thể tự hỏi, nếu tướng Phật-Nguyệt có tài như thế sao không bảo vệ nổi Hai Bà? Còn nói chuyện quân đội của Hai Bà chiếm được 65 thành trì là điều rất khó có thể tin được. Thứ nhất: Hai Bà không có đủ quân số để thực hiện việc đó. Quân của Hai Bà phần đông là nữ và dân của hai huyện Mê Linh và huyện Chu Diên cùng của một số thành ấp lân cận. Đã thế không thể trong non một tháng và trên một chiến trường quá rộng như thế, với đường giao thông sơ sài, thì việc chiếm được 65 thành trì là việc không thể thực hiện được. Còn nói quân của chính Hai Bà đã chiếm được 65 thành trì đó thì làm sao sau này, như sử liệu cho biết, Mã Viện có thể dụ dỗ ban lãnh đạo các thành trì đó án binh bất động đứng giúp Hai Bà?

Sự thật công trạng lớn của Hai Bà là biết được kế hoạch của Tô Định phải trải quân ra khắp nơi để phòng thủ, Hai Bà đã mạo hiểm tiến quân đánh úp vào Luy Lâu, thủ phủ của bạo quyền Đông Hán ở Giao Chỉ, khiến bọn quan lại Đông Hán hoảng sợ phải bỏ chạy, Tô Định phải lên trốn về Nam Hải. Quân Đông Hán như rắn mất đầu. Được tin thắng lợi của Hai Bà, quân dân các huyện khác đều vùng lên đánh quân thù, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà.

Hai Bà Trưng khởi nghĩa vào tháng Ba năm 40. Đến tháng Tư năm 42 đã bị Mã Viện đem quân sang đánh. Trong thời gian ngắn ngủi, khoảng 25 tháng này, làm sao Hai Bà vừa khởi nghĩa thắng được giặc xong còn lo tổ chức cơ cấu chính quyền khắp nước để thay thế bạo quyền đô hộ, củng cố quân lực để đề phòng phản công của địch, thì làm sao có thể đem quân sang sâu vào lãnh thổ Trung Hoa để đánh những trận Trường Sa hay Động Đình Hồ là những nơi cách hậu cần cần Hát Môn hàng mấy ngàn cây số? Và lại sử liệu có kể những trận đó, nhưng lại không nói đã xảy ra vào thời khoảng nào. Hướng chi từ biên giới cực Nam của quận Nhật-Nam ở phía Nam đến hồ Động Đình ở phương Bắc là một lãnh thổ rộng bao la gấp gần chục lần diện tích nước Việt Nam

ngày nay với một trận tuyến rộng lớn như vậy, một triệu quân rải ra cũng chưa đủ nói gì khi sử liệu đã cho biết quân số của Hai Bà còn xa dưới con số hai vạn quân của Mã Viện.

3. BÁCH VIỆT KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ TRĂM TỘC VIỆT, MÀ CHỈ CÓ NGHĨA LÀ NHIỀU TỘC VIỆT. LẠC VIỆT KHÔNG THÂN THUỘC GÌ VỚI BÁCH VIỆT

Ngày xưa giới trí thức nhà Chu quan niệm rằng lưu vực sông Hoàng Hà là trung tâm của văn minh, còn những dân cư ở xung quanh đều là lạc hậu mà họ gọi chung là tú di, gồm: Đông Di, Tây Nhung, Bắc Dịch và Nam Man. Đối với những bộ lạc sống ở cực Nam vùng Nam Man mà họ không biết mấy và cho rằng có lối sống hỗn độn, người nhà Chu dùng từ "Việt" (có nghĩa là vượt) để gọi lớp người này mà họ cho rằng "có lối sống vượt ra ngoài vòng lễ nghĩa của nhà Chu". Đến đời Xuân Thu, người Xuân Thu lại dùng từ Việt để chỉ nước của Câu Tiễn nằm trong vùng này. Đến khi Tư Mã Thiên viết sử, ông chú ý đến đám dân Nam Man có nếp sống khác hẳn dân Hồ, Hán ở phương Bắc nhưng lại có nhiều nét giống lối sống dân của Câu Tiễn, nên Tư Mã Thiên đã biến từ Việt, một danh từ riêng để chỉ đến nước của Câu Tiễn thành một danh từ chung để gọi chung đám người sống ở cực Nam vùng Nam Man này. Tư Mã Thiên gọi chung họ là Bách Việt. Bách Việt chỉ có nghĩa là NHIỀU tộc Việt. Sở dĩ Tư Mã Thiên gọi như vậy là vì số dân này gồm nhiều tộc bộ không cùng trình độ văn hóa hay huyết tộc với nhau. (Sách Hậu Hán Thư có ghi rằng Bách Việt gồm nhiều tộc Việt ngôn ngữ không giống nhau). Không có thư liệu nào của Trung Hoa nói rằng Bách Việt là một Trăm tộc Việt hoặc kê rõ ra đủ trăm danh xưng của những tộc này. Trái lại theo sách Lộ Sử của La Bí đời Tống, nhóm Bách Việt chỉ gồm khoảng trên dưới HAI MƯƠI Tộc.

Sau đó từ Việt dùng để phân biệt những dân Hồ Hán ở phương Bắc với những dân ở phương Nam rời lẩn về sau dân Hán dùng từ Việt để gọi bất cứ dân nào ở phía Nam nước họ. Từ đó có những danh xưng như Điền thi Điền-Việt, U thi U-Việt, Mân thi Mân-Việt, Âu thi Âu-Việt... hoặc sau đó có dịp tiến xuống phương Nam biết được Tổ Tiên chúng ta với lối làm ruộng nước đặc thù, họ gọi Tổ Tiên ta là dân Lạc Việt nghĩa là *dân ở phương Nam chuyên làm ruộng lúa nước*. Định nghĩa này đã được các sách Trung Hoa như Giao Châu Ngoại Vực Ký, Thủy Kinh Chú, Tự Trị Thông Giám, Quảng Châu Ký hay An-Nam Chí đồng xác nhận. Lạc Việt không dính dáng gì với nhóm Bách Việt cả. Từ Việt lúc sau này chỉ còn có nghĩa dân ở miền Nam. Cũng như chúng ta ngày nay thường hay gọi những người Sô Đăng, Mọi, Mán, Thổ, Nùng, Thái... là người Thượng ở miền núi để phân biệt với người Kinh chúng ta ở đồng bằng, chỗ những người Thượng được kể trên đâu có bà con hay cùng huyết tộc với nhau?

4. NGHI VẤN VỀ LAI LỊCH CỦA THỰC PHÁN

Sách sử xưa như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên có nói về An Dương Vương là họ *Thục*, tên húy là *Phán*, người nước *Ba Thục*. (Tứ Xuyên, Trung Hoa). Sử liệu này đã không được các sử gia triều Nguyễn tác giả sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục chấp nhận, vì cho rằng nước Thục từ năm thứ 8 đời Thần Tĩnh Vương nhà Chu (316 tr. Tây lịch) đã bị nước Tần diệt rồi. Hướng chi từ nước Thục đến nước Văn Lang cách xa hai ba ngàn dặm và phải đi qua nhiều nước khác thì lẽ nào Thục Phán có thể kéo quân qua nhiều lần để đánh Văn Lang?

Vừa rồi trên một số tạp chí Việt ấn hành ở Hoa Kỳ cũng có một số nhà viết sử đã đưa vấn đề lai lịch Thục Phán ra tranh luận. Có vị căn cứ vào sử liệu Trung Hoa, có vị dựa vào sách Đại Việt Sử Ký của Ngô Sĩ Liên, có vị đã căn cứ vào cả sách Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam của tiểu thuyết gia Bình Nguyên Lộc. Phần đông đi đến kết luận rằng *Thục Phán là con vua nước Ba Thục. Nước Ba Thục bị nước Tần chiếm. Thục Phán chạy thoát sang ở nhờ nước Tây-Âu rồi mộ quân nước Tây-Âu kéo xuống đánh chiếm nước Văn Lang*.

Làm sao có thể chấp nhận một lập luận như thế được. Chẳng khác nào ngày nay ví dụ chúng ta nói: *vua Lào bị mất nước, con vua Lào chạy sang Thái Lan, mộ được dân ở đó lập được một đội quân hùng hậu rồi, thay vì đem đội quân đó về Lào để giải phóng đất nước Lào, lại kéo quân đi xa hàng ngàn dặm băng qua các nước Thái, Mã Lai để đánh Tân Gia Ba* thì có ai nghe mà chấp nhận được?

Nhưng nếu sử liệu không cho biết rõ lai lịch của Thục Phán thì trái lại truyền thuyết dân gian còn lưu lại có thể cho người đời nay biết nhiều hơn về Thục Phán:

Truyền thuyết dân gian cho biết Thục Phán là thủ lĩnh tộc bộ Tây ở vùng núi nằm từ tả ngạn thượng lưu sông Hồng để về phía đông tới sông Cà Lồ.

Truyền thuyết từng cho biết dân Việt Nam là con Rồng cháu Tiên. Tiên là người ở trên núi. Rồng là tượng trưng cho lớp người ở biển. Khảo cổ học cũng từng xác nhận dân tộc Việt Nam được hình thành do sự hợp chủng của lớp người từ núi rừng thảo nguyên tiến xuống và lớp người từ vùng biển tiến lên.. Lớp người vùng gần biển thường được gọi là dân DOAN. Lớp người ở vùng núi thường được các dân tộc các nước lân bang gọi là dân KEO. Những người Tày, Hán lại gọi những người ở vùng núi ở Bắc Phần cũng như ở Nam Trung Hoa là dân ẤU. Những danh xưng Ấu Cốt, Lạc Long, Văn Lang, Phong Châu là những danh xưng hoặc do người Tày, Hán hoặc những sử gia Việt chịu nặng ảnh hưởng Hán nho các đời sau đã đặt ra... Trong danh xưng Ấu Cốt, Ấu có nghĩa là tộc ẤU, CỐ có nghĩa là vợ vua hay nữ hoàng hay nói đúng hơn thủ lĩnh của dân ẤU. Hôn nhân các nhà lãnh đạo Ấu Cốt và Lạc Long đã kéo theo những hôn nhân của đám thuộc hạ, và sự hợp chủng đã tuần tự tiến triển theo một thời gian khá dài từ Lạc Long Ấu Cốt, qua các đời vua Hùng cho đến thời kỳ Ấu Lạc.

Truyền thuyết dân gian cũng nói rằng Thục Phán nguyên là một phụ đạo tại vùng núi của vua Hùng, có thời tranh giành với Tân Viên để cố lấy Mỹ Nường con gái vua Hùng, nhưng vua Hùng lại gả Mỹ Nường cho Tân Viên nên Thục Phán rất hận. Đến khi nghe tin vua Hùng sắp nhường ngôi cho Tân Viên, Thục Phán bèn kéo quân về hướng Bộ Văn Lang để đánh Tân Viên. Bộ Văn Lang là một trong mười lăm Bộ đã hình thành NƯỚC Văn Lang. Năm thế kỷ sau, sử gia Trung Hoa khi viết sử đã ghi lầm là Thục Phán đánh NƯỚC Văn Lang.

Truyền thuyết cho biết địa điểm chiến trường và đường tiến quân của quân Thục Phán là vùng lưu vực sông Hồng, sông Đà và sông Đáy tức là vùng Tây, Tây Bắc đồng bằng Bắc Việt và đích tiến quân là Phong Châu nghĩa là chiến trận thường xảy ra ở vùng nằm giữa vùng đất phía Tây giáp Hòa Bình, phía Nam chưa tới Ninh Bình, phía Đông tới núi Sóc Sơn và phía Bắc chưa tới Hà Giang, tức là Trong Nội Địa nước Văn Lang. Truyền thuyết không hề nói đến một trận chiến nào ở biên giới để chứng tỏ là Thục Phán là người nước ngoài đưa quân đến đánh nước Văn Lang.

Truyền thuyết cho biết từ năm 221 (tr. Tây lịch), nhà Tần đã phát quân xâm lược phương Nam và đã bắt đầu chiếm được một lãnh thổ khá rộng ở phía Nam sông Trường. Trước viễn ảnh nước Văn Lang có thể sa vào vòng đô hộ của nhà Tần, theo lời khuyên của con rể là Tân Viên, vua Hùng lúc ấy đã già yếu, đã nhường ngôi cho Thục Phán. Thục Phán đã cam kết với vua Hùng sẽ hết lòng bảo vệ cơ đồ của nước Văn Lang. Vì thế mà về sau chính An Dương Vương đã cho xây đền thờ các vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh để tỏ lòng tôn kính Tiên nhân đã có công lập quốc. Truyền thuyết này đã bác bỏ luận điệu của sử liệu Trung Hoa nói rằng Thục Phán là người nước Ba Thục đã đem quân đánh chiếm nước Văn Lang, vua Hùng phải nhảy xuống giếng tự tử, vì nếu quả thật như thế thì làm gì có vấn đề An Dương Vương cho xây đền thờ phụng các vua Hùng. An Dương Vương đã từng được dân Việt xưa xem là Hùng gia chi phái, cho nên hàng năm mỗi lần có tế lễ ở đền Hùng thì tại đền An Dương Vương cũng có như vậy.

Truyền thuyết từng cho biết con gái An Dương Vương có tên là Mỹ Châu. Việc đặt tên con gái với từ Mỹ là lối đặt tên đặc thù của dân Văn Lang (Mỹ Nường). Truyền thuyết cũng kể rằng An Dương Vương từng đeo con gái ở sau lưng để cỗ ngựa chạy trốn và Mỹ Châu đã bứt lông ở

áo lông ngỗng mình rãi xuống đường để lại dấu vết cho Trọng Thủy, mà áo lông chim là loại áo đặc thù của dân tộc Việt thời xưa.

Như thế dù rõ Thục Phán không thể là dân nước Ba Thục mà quả là một thủ lĩnh bộ lạc Tây thuộc tộc bộ Ấu xưa của Ấu Cốt. Cuộc chiến tranh Thục với bộ Văn Lang hay nói đúng ra giữa Thục Phán và Tân Viên chỉ là một cuộc **xung đột nội bộ** thường có trong tiến trình hợp chủng của những bộ tộc thuộc dân ẤU (miền núi của Ấu Cốt) với những tộc bộ dân Lạc (từ vùng biển của Lạc Long). Tên nước Ấu Lạc là phản ánh của sự kết hợp của hai yếu tố ẤU và Lạc đó chỗ không thể nói rằng danh xưng Ấu Lạc là kết quả của một cuộc chiến tranh xâm lược để có nghĩa như một số người đời nay đã lầm lẫn nghĩ rằng Ấu Lạc là nước ẤU của người Lạc Việt hoặc nước Lạc do dân ẤU lãnh đạo, vì nghiên cứu kỹ sử liệu xưa về thời kỳ này không hề thấy dấu vết của một cuộc sát nhập đất đai hay sự trình một cuộc chiến tranh chinh phục nào cả.



Nói chung sử liệu về thời tiền sử Việt Nam tràn đầy nghi vấn mà người đời sau trong khi tìm hiểu cần phải có nhiều suy luận vô tư, không bị ảnh hưởng của những lập luận sai lầm của các thư liệu xưa. Sử gia Việt xưa khi bắt đầu viết sử tuy đã có ý thức về độc lập lãnh thổ nhưng sau gần ngàn năm Bắc thuộc, họ còn rất mờ hồ trong ý thức độc lập văn hóa. Là quan lại của triều đình họ thường phải viết sử cho phù hợp với triều đại mà họ phục vụ nên lắm khi sách sử của họ tràn đầy nghi vấn. Khi tham khảo sách sử xưa cũng nên chấp nhận sử xưa có đoạn đúng nhưng cũng không thiếu những đoạn sai lầm. Thư tịch Trung Hoa từ đời Hán, trải qua các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh đến nay nhiều bộ sách sử đã phải được nghiên cứu chỉnh lý và chú giải lại. Như sách Thủy Kinh Chú từng được một loạt học giả đời Tống, đời Minh, đời Thanh nghiên cứu khảo đính thế mà ngày nay nhiều sử gia còn thấy lắm chỗ đáng ngờ. Sách Sử Ký của Tư Mã Thiên từng được Từ Quang đời Tấn, Tư Mã Trinh và Trương Thủ Tiết đời Đường, Bùi Ấn đời Tống, toàn là những học giả danh tiếng khảo đi khảo lại, thế mà ngày nay vẫn còn nhiều điểm rất mâu thuẫn. Cũng đừng quên rằng các sử gia Việt xưa chịu ảnh hưởng của Tư Mã Thiên rất nhiều mà Tư Mã Thiên là phản ánh tư tưởng bành trướng lãnh thổ của Hán Vũ Đế. Trong việc suy luận để tìm hiểu những nghi vấn thời xưa cũng đừng quên giá trị của những truyền thuyết. Truyền thuyết tuy thường biến đổi theo không gian và thời gian nhưng nội dung ban đầu vẫn không mai một. Có thể nói đó cũng là một lối ghi sử của người xưa. Trong việc suy luận cũng nên tận dụng các tư liệu của các ngành khoa học mới nhất là khảo cổ học, vì môn này có thể giúp người đời nay tìm tòi được những hiện vật của những nền văn hóa cũ chôn vùi trong lòng đất có khả năng phục hồi lại bộ mặt quá khứ của xã hội của thời mà loài người chưa biết ghi lại lịch sử của mình. (Sa 1008/1)



TRẦN PHONG LƯU

Pháp danh Từ Hùng

Sinh ngày 27.02.1942 tại Mỹ Tho - Việt Nam

- **Văn bằng:** Kiến Trúc Sư (1970 - ĐHKT Sài Gòn)
Cao học về Phát triển và quy hoạch Đại Học (L.H.S.U. Mỹ)
- Tu nghiệp Auto CAD,3D Studio, HOAI, VOB (IAP-Uni Hannover)
- **Nghề nghiệp VN:** Giảng sư Đại Học Kiến Trúc Sài Gòn
- **Hiện tại:** Kiến Trúc Sư A.K.R.P.
- **Viết báo :** từ năm 1966 ở Việt Nam, hiện cộng tác với các báo ở Đức, Pháp và Hoa Kỳ; đã xuất bản quyển Đồ Án Kiến Trúc 69-72 tại Sài Gòn. Hội viên Văn Bút VNNH.

Tiêu chuẩn ĐỨC và thước LỖ BAN

Chuyện hội nhập, thích nghi thường gặp lắm điều bất ý. Muốn nói ra, lại thấy có vẻ nhỏ nhoi. Mà ôm hoài theo mình, thì ngày thêm nặng. Đường như lúc nào cũng cứ phải lượn theo khúc mà nhập giang.

Từ chốn học đường quen theo hệ thống đo lường Pháp, phải ngỡ ngàng bước qua lãnh vực thiết kế theo chuẩn thức bộ Anh, phân Anh khi qua Mỹ tu nghiệp. Rồi vượt biên tới Đức, lại trở về vẽ đo theo thước tấc, nhưng phải chính xác tới từng li. Khuôn vàng thước ngọc đã quen thuộc bên này, bỗng trở nên trật niền, sai khớp lúc ráp vào ước tính hình thể, khối lượng phía bên kia. Kích thước đo đạc trong xây dựng của nước ta lâu nay vẫn theo Tây, nên chỉ tính tới phân, kể gọn thành từng mười, hai mươi, ba mươi... Cửa thì rộng 7 tấc, 8 tấc, một thước... Còn nhà ở, công trình xây dựng cũng đo chẵn mười, mười lăm, vài ba chục hoặc hai ba trăm thước, có thể tính thêm năm bảy tấc và vài ba phân. Người Mỹ cũng không thích dùng số lẻ, cửa nẻo đo đúng 2 feet, 2 bộ rưỡi, ba bốn bộ... Riêng người Đức thực dụng hơn, họ sản xuất gạch cho vừa tay người thợ nắm, để tay kia cầm bai trét hồ, hay dùng đủ sức cả hai tay để búng viên gạch lớn hơn, đặt lên tường xây. Rồi họ tính chỉ li từng hàng gạch, cộng với từng mạch hồ, có thể ghép thành hai ba lớp và tính cả lớp hồ tô trong, tô ngoài. Nên tường mười của Tây hay ta đã được đo chính xác thành

11,5 cm, tường hai mươi thành 24 cm và ba mươi thành 36,5 cm! Phần cửa nẻo thì cứ nhón đúng bội số của các hàng gạch, các mạch hồ mà chừa, để thợ hồ khỏi mất công khè gạch, xây tới cửa khỏi tốn công cắt gạch hay phải cố trét thêm hồ. Thành ra kích thước của Đức ít khi được chẵn: Cửa 6 tấc 3 phân 5 li, 88 phân rưỡi, hay 1 thước lẻ 1, một thước 1 tấc 3 phân 5 li... Đến kích thước phòng ốc cũng phải chịu lẽ như vậy, cứ phải tính thêm 1 phân lẻ hay chịu hụt mất 11 phân rưỡi. Do bên ngoài số lẻ cũng khác với bên trong. Định xây ngôi nhà dài 10 thước, phải vẽ ghi đúng 9,99. Gần tới 15 thước, phải chịu hụt còn 14,865. Nên lúc mới vào tập sự trong một văn phòng kiến trúc sư Đức tôi cứ phải vất vả mò tính, tẩy đi vẽ lại. Sau cùng phải mượn bản tính sẵn của bạn đồng nghiệp Đức đem làm phóng ảnh cả ba cột, cột đo lường ngoài, cột chừa cửa nẻo cùng kích thước phòng trong và cột tính đoạn vách kể từ góc tường. Rồi mỗi lần vẽ, cứ phải dò tìm trong bản, như thời trung học làm toán phải dò theo bản lượng giác! Nhưng dần dà rồi cũng quen, cũng thuộc. Mà càng quen thuộc càng vẽ đo được nhanh, càng thấy hay, thấy tiện lợi. Nhút là lúc cộng trừ, tính gộp, thêm bớt nhiều đoạn vào một công trình dài khoảng 80 thước như họa đồ chùa Viên Giác, luôn luôn chính xác tới từng li từng tí. Không vẽ đo theo Tây, theo ta cứ phải cộng đi trừ lại, kiểm soát tới lui hai ba bận mà nhiều khi vẫn còn sai sót.

Lúc gặp cố duyên xây chùa bên Đức, Hòa Thượng cố vấn Giáo Hội Âu Châu và Sư Bà bên Pháp đều nhắc nhở tôi về thước Lỗ Ban, cây thước xây dựng cổ truyền mà tôi đã có dịp tìm hiểu qua loa khi còn hành nghề bên nhà. Thật ra hồi còn nhỏ tôi đã nghe người láng giềng vừa phát giàu, xây rạp hát ở Tân Hiệp, Mỹ Tho, bị ông thợ mộc oán, ếm bùa nặng trên đòn dông, nhờ tay lỗ-mở lên gỗ bị tẻ học máu, phải tạm đóng cửa chờ, vì Thầy nào cũng chạy. Sau cùng phải tốn thật nhiều tiền, đi năm lễ, đón sáu bần mới rước được ông Thầy cao tay ấn đến cúng kiếng làm phép giải bùa, rồi mới dám khai trương. Đến khi học môn lịch sử kiến trúc, được nghe giảng về nhà miền Trung,

các thợ mộc cũng thường dùng thước Lỗ Ban để đo chiều cao các cây cột. Nhưng lỗ đốn cây về chiều dài rơi vào cung xấu, phải cửa bắt đi cho đúng cung tốt, hay tán cột cho cao lên, để cộng cả số lẻ vào số chẵn cho hợp các số tài, lợi, phú, quý... Biết tôi đó rồi thôi, vì những tiến bộ của kỹ thuật xây dựng, những đường nét mới của kiến trúc hiện đại lôi cuốn đầu óc non trẻ của chúng tôi hơn mấy điều tin tưởng trong dân gian, còn bị phê bình là dị đoan. Mãi đến lúc đi tu nghiệp, trong buổi nói chuyện về kiến trúc cổ truyền Việt Nam ở Đại học Ohio, Mỹ, tôi lỗ đề cập vài nét cơ bản về địa lý trong thành nội Huế và niềm tin khi dựng cột trong các ngôi nhà xưa miền Trung. Không ngờ các Giáo sư, rồi ông Giám đốc Đông Nam Á học vụ và cả ông Khoa trưởng Bang giao quốc tế, nhứt định đòi tôi khi trở về Việt Nam phải khảo cứu lại những bí ẩn phía sau cây thước Lỗ Ban, làm sao nó có thể tạo ra họa phúc cho gia chủ, kể đến thuật phong thủy, bố trí xây dựng cung điện thế nào để một triều đại có thể trường tồn qua mấy trăm năm! Rồi làm phúc trình gởi qua cho họ phổ biến trên báo chí đại học.

Cho nên vào một sáng cuối hè 74, tôi lái xe rề rề trên quốc lộ 4, giữa khoảng Tân Hiệp - Tân Hương, lần mò theo lời chỉ dẫn của nhiều người quen biết, tìm công nhà Thầy Bốn, một ông thầy bùa cao tay, nổi tiếng về những trận ếm đối trừ tà, chỉ hướng cất nhà, xây bếp, sửa lại kích thước của nẻo sao cho tiệm buôn mua bán phát đạt, người sinh sống trong nhà thoát khỏi bệnh tật, tai họa... Những lời đồn đại, những huyền thoại còn nhiều. Từ hồi còn trẻ, ông đã trở tài bằng cách phá thiên hạ: Ông chỉ cần buộc một gút dây, thầy xuống lối đi trong nhà trại bày tiệc cưới, thì bất luận người nào, dù nam phụ lão ấu gì khi bước qua cũng đều cảm thấy nôn nao, rồi tự nhiên mất tiêu, phải mau mau đi kiếm nhà cầu!

Cổng vào chỉ là hai trụ đúc tròn, quét vôi xanh lục nhạt trên đội hai nụ sen búp màu hồng, có thể nhận dạng từ xa. Hai hàng kiếng mai chiếu thủy, cất tia rất công phu đủ các thế Song long, Mầu tử tú tam và Huynh đệ đồng hao, dẫn vào một vương sân rộng lát gạch tàu, phía trước ngôi nhà ngôi ba gian hai chái khá khang trang, quay đầu hồi ra phía quốc lộ. Bậc tam cấp dẫn tiếp lên hàng ba có mái che, trước khi bước vào gian giữa. Mà lạ quá cũng như ngoài cổng, mặt tiền ngôi nhà mở toang hoác suốt cả ba gian, chẳng thấy lấp cửa nẻo gì hết. Tôi nêu ngay thắc mắc khi được ông thầy mời ngồi xuống trường kỷ. Vừa rót trà, ông vừa thông thả trả lời như đã trả lời nhiều lần với những người mới đến làm khách nhà ông lần đầu:

"Trộm cấp xử này đều biết tôi quá mà. Người ta mắt của ở đâu còn đến nhờ tôi kiếm giúp. Hướng hồ tôi có giữ của cái gì đâu? Mấy kệ thước chú em thấy dùng sát vách quanh mấy gian này đây, chỉ để chữa bệnh cho người ta làm phúc vậy mà".

Rồi ông bật cười to khi biết rõ ý định của tôi, ông tiếp:

"Chú em là người tân học, mà còn tìm đến nghiên cứu cái nghề thất đức này. Tôi cũng tưởng mình đã tuyệt tự như mấy anh em đồng môn của tôi rồi chớ. May nhờ tình ngộ kịp thời, lo tu nhơn tích đức, cứu người làm phúc cả chục năm trời, tôi quá tuổi trung niên mới sinh được một mụn con gái!".

Tôi đã hơi hoảng, liền vội phân bua:

"Tự tôi thực tình đâu dám học hỏi chi môn cao siêu huyền bí này. Chính các bậc thầy về khoa học, về kiến trúc bên Tây, bên Mỹ muốn tìm hiểu các bí ẩn bên trong cây thuốc cổ truyền của mình, muốn giúp tôi đưa ra ánh sáng những điều lợi lộc phía sau những niềm tin tưởng của dân mình trong xây dựng. Rồi nếu có thể, đem những kinh nghiệm đó ra áp dụng cho việc kiến tạo thời nay. Như vậy cũng là cách góp phần vào việc cứu nhơn độ thế".

Có lẽ nghe cũng thuận ý phần nào, ông thầy đứng dậy đưa tôi ra sân sau, đi vào trại mộc, để tôi đứng đó, rồi đến nói chuyện hay chỉ bảo mấy ông thợ già, mình trần trụi trực, đang cưa cây, bảo vắn đóng hòm, như một cách gián tiếp giới thiệu vài việc làm hàng ngày của ông. Xong ông dẫn tiếp tôi ra vườn, mặc cho mấy người thợ đang tò mò nhìn theo, vừa đi ông vừa kể sơ cho tôi nghe chuyện đời ông:

"Ông vào cửa Lỗ Ban rất sớm, mới mười lăm, mười sáu tuổi còn ham chơi và hay phá phách. Sư phụ ông đã ở vào tuổi thất thập cổ lai hi. Các sư huynh cũng đều cao niên, trên dưới năm sáu mươi tuổi, theo thầy học nghề đã lâu. Người nào cũng đã theo hầu hạ thầy, tiếp thu sự chỉ dạy của thầy hai ba chục năm trời. Vậy mà sư phụ đã dành biệt nhân cho cậu học trò út mới vào thợ giáo. Dường như tới cuối đời, ông thầy già đã đem các tuyệt nghệ ra truyền cho chàng thiếu niên còn ham vui hơn ham học. Lúc sắp tạ thế, sư phụ còn trao cho ông những đồ nghề quý báu, trong đó có cây thuốc Lỗ Ban tổ truyền, trước sự ganh tị của các sư huynh đã theo hầu hạ thầy từ mấy chục năm..."

Chuyện kể đến đó, hai người cũng đã dạo bước tới cuối vườn. Ông hỏi khúm núm chui vào một miếu nhỏ, dựng lụp xụp ở một góc, hai tay bưng ra một khúc cây vuông dài mốc thich, bám đầy bụi bặm, mà nếu đánh rớt ngoài đường chắc chẳng ai thèm ngó ngang tới, đoạn trịnh trọng nói:

"Đây là thuốc báu tổ truyền của thầy tôi để lại".

Nhìn kỹ mới thấy được cây thuốc gỗ vuông, dài khoảng một khuỷu tay. Bụi đất đã lấp đầy những khắc khắc đều phân các cung tốt xấu, thỉnh thoảng cũng nhận ra hai vạch chéo khắc trên mấy khắc đặc biệt, chắc để giới hạn những ước số riêng của cây thuốc. Những mốc trắng, mốc xanh cũng che mờ các Hán tự khắc trên thuốc, mà sự hiểu biết nông cạn của tôi chưa kịp nhận dạng ra chữ gì. Tôi hỏi:

- Thưa, thầy xử dụng thuốc này như thế nào?

- Cây thuốc thiêng này để thờ, không được tự tiện lấy đo chỗ này chỗ kia làm ô uế đi. Nhà nghề chúng tôi quen dùng một đoạn nhỏ, lấy rập từ cây thuốc này. Rồi mỗi đêm đi đo của nhà thiên hạ. Bấy giờ thì quen thuộc lắm rồi, chỉ cần ngó qua, lấy gang tay, bấm đốt ngón tay, tôi cũng biết của nẻo tốt xấu thế nào. Chừng cần đo chính xác để sửa của cho hợp với ý nguyện của gia chủ, tôi mới đem đoạn nhỏ ra xài.

- Thưa, tôi có thể thỉnh một cây thuốc rập y mẫu như thuốc thờ được không?

Ông thầy không trả lời, cắt cây thuốc quí vào trong miếu thờ, lẳng lặng đưa tôi trở lại trại mộc, vào nói mấy lời với các ông thợ, rồi cúi xuống đồng cây vắn lựa ra một thanh gỗ cắm lại, gió ra phía tôi, vui vẻ nói:

- Tuần sau chú em trở lại đây, tôi sẽ giao cây thuốc làm y như cây thuốc thờ ngoài miếu, bằng tấm cây quí này.

Sau khi cảm ơn đi cảm ơn lại, tôi còn ngời nán lại để hỏi han ông về mấy thế kiếng ngoài sân. Hơn ba tuần sau, trở lại thêm hai lần nữa, tôi mới thỉnh được cây thuốc cắm lại dày hơn một phân, rộng ba phân và dài đúng một khuỷu tay nắm của tôi, đã được bào láng, lên nước bóng, làm nổi những vân gỗ nâu rất đẹp, với những nét khắc phân độ và Hán tự rất rõ. Chỉ tiếc cây thuốc trau chuốt công phu này đã bị thất lạc trên đường vượt biên cùng với tập hồ sơ về Đỉnh Việt Nam!

Hiện giờ, ở trước mặt tôi chỉ còn cây thuốc gỗ thao lao, sơn dầu vàng sậm, khắc chữ Việt không được tinh xảo, do bên nhà mới gói qua sau này. Thuốc đo được 41 phân 6 li, dài hơn 1 foot (chỉ có 30 cm 48), khắc chia ra 16 cung, mỗi cung rộng 2 phân 6 li (đơn vị inch chỉ có 2 cm 54). Các cung ở hai đầu và hai cung ở giữa thuốc đều là cung tốt. Còn lại 5 cung xấu xen vào hai chỗ, hai bên hai cung giữa.

16 cung phân theo thứ tự từ trái qua phải:

Sanh - Trường - Quối - Phú - Cỏ - Quả - Tài - Bào - Khố - Bàn - Tử - Hiếu - Lợi - Thạnh - Tường - Đàng.

Dùng ngay cây thuốc này đem đo lại các của nẻo, mà tôi đã vẽ trong các đồ án Đức từ mấy năm nay, hầu hết đều đúng vào cung tốt. Đem kinh nghiệm đó áp dụng lúc thiết kế Chùa Viên Giác chẳng những đã gặp mọi sự dễ dàng lúc xin giấy phép ở Sở Xây Dựng thành phố Hannover, mà bà con mình ra vào, xử dụng cũng được thoải mái. Như cửa giữa Cổng Tam Quan, nếu quen lệ bên Tây, bên ta cửa chắn 4 thuốc sẽ rơi ngay vào cung Bàn (mà bàn cùng thì đâu có khá). Chỉ cần xây ngang viên gạch, chừa thêm mấy số lẻ là bước vào cung Tường. Từ đó theo tiêu chuẩn Đức còn qua 8 cung tốt nữa (4 th 135: Tường; 4 th 26: Quối-Phú; 4 th 385: Bào; 4 th 51: Lợi; 4 th 635: Tường; 4 th 76: Tài; 4 th 885: Hiếu; 5 th 01: Đàng). Và tôi chọn cung Quối-Phú (Phú-Quối) cho Trung Quan chùa Viên Giác, chừa đúng 4

thuốc 26 phân. Khi Thầy trụ trì chùa Khánh Anh gửi qua cho quyển Catalogue 96 về các của nẻo Pháp, tôi cũng nhận thấy các kích thước của Tây không hợp cung tốt nhiều bằng của Đức. Đoí chiếu từ đầu bảng đã gặp ngay sự chênh lệch:

Cửa Pháp		Cửa Đức	
70 cm	Tử	76 cm	Thạnh
80 cm	Tường	88,5 cm	Trường
90 cm	Quối	101 cm	Tài
100 cm	Tài	113,5 cm	Hiếu
105 cm	Khố	126 cm	Sanh
120 cm	Tường	138,5 cm	Cỏ
140 cm	Quả		

Cho đến nay tôi vẫn chưa đọc được một tác phẩm nào kể rõ tiểu sử cũng như mô tả các công trình của Thần Lỗ Ban, ngoại trừ quyển "Chân Lạp Phong Thổ Ký" của ông Châu Đạt Quan do dịch giả Lê Hương chuyển ngữ từ tập ký ức tiếng Đức của Tiến sĩ Otto Karow, Giáo sư viện Đại Học Goethe ở Frankfurt. Trong chương 1 - Thành quách, tác giả có thuật lại rằng Thần Lỗ Ban (Lou-Pan), vị kiến trúc sư theo huyền thoại Trung Hoa, đã xây cất ngôi tháp đá Phnom Bakheng ở ngoài cửa Nam thành nửa dặm chỉ trong một đêm. Ngôi lăng mộ của Thần Lỗ Ban, gồm hàng trăm căn nhà bằng đá chạm trổ rất công phu, cũng ở ngoài cửa Nam, nhưng cách thành một dặm, chính là ngôi đền Angkor Wat nổi tiếng. Có thể ông Chu Đạt Quan đã đồng hóa thiên tài xây dựng các công trình vượt quá khả năng của con người, ở xứ Chân Lạp này với vị thần xây dựng của đất nước mình, hay chính ông đã tin vị thần Kiến trúc sư Vievakarman, theo huyền thoại Cao Miên, đã xây cất các ngôi đền bằng đá khắp vùng Angkor, lại là một hóa thân khác của Thần Lỗ Ban.

Còn các kích thước thực dụng của cửa nẻo hay phòng ốc trong kiến trúc Đức đã trùng hợp vào các cung tốt của thuốc Lỗ Ban như một tình cờ, hoặc biết đâu xưa kia ông Thần Lỗ Ban cũng đã căn cứ theo cách đo đạc của dân gian như lòng tay, ngón tay, gang tay và khuỷu tay để chế ra cây thuốc đo. Như một khuỷu tay đo được 16 lòng tay, cây thuốc Lỗ Ban cũng khắc chia ra 16 khoảng đều nhau. Có điều phân thành những cung tốt xấu, nếu không đo kinh nghiệm trải qua nhiều đời, dõi theo những người sinh sống trong nhà, những người sinh hoạt qua lại các khung cửa, hay những khách hàng ra vào nơi làm ăn buôn bán, thì chắc đã dựa vào các quyền lực siêu nhiên thần thánh nào đó, mà người phạm làm sao biết được.

See 10060 / 3





DUYÊN

HẠNH NGỘ

■ Trần Thị Nhật Hưng

Đạo Phật giải thích mọi sự khởi đầu bằng nhân duyên. Từ cái này sinh ra cái kia rồi mới ra quả. Cũng vậy, từ khi biết, quen để ngày hôm nay, tôi đã là một độc giả trung thành của Viên Giác, một Phật Tử của Viên Giác thêm vào đó còn là một cây bút của Viên Giác nữa.

Tôi còn nhớ rõ lắm, nguyên do nào tôi đến với Viên Giác. Bắt đầu bằng chính báo Viên Giác do một người bạn đưa cho. Đọc rồi cũng để qua nhưng hai chữ "Viên Giác" tự lúc nào không biết đã in sâu vào tâm khảm tôi. Cho đến một ngày (năm 1989) nhân lễ kỷ niệm 10 năm tỵ nạn tại Thụy Sĩ do người Thụy Sĩ tổ chức. Ngày thứ bảy giới thiệu văn hóa mỗi nước thể hiện qua các màn vũ, hát, đám cưới... Ngày chủ nhật dành cho sinh hoạt, giới thiệu các tôn giáo.

Ngồi ở hàng ghế xa xa, hội trường có sức chứa hai ngàn người, một anh bạn nói với tôi :

- Vị Thầy khuôn mặt tròn tròn ngồi giữa hai Thầy ốm ốm là Thầy Như Điển đó.

Tôi đưa mắt nhìn theo rồi tìm một phong bì nhỏ, đặt một số tịnh tài kèm tên và địa chỉ của tôi đích thân đến trao cho Thầy. Đó là lần đầu tiên tôi ra mắt cùng Thầy. Và cũng sau lần đó, tôi nhận báo dài dài. Đọc không chưa đủ, tôi gửi những bài viết, tuy chỉ lai rai nhưng cũng đủ cho tôi dần dà với thời gian thắt chặt tinh thần cùng Viên Giác qua các anh : Phú Văn, Vũ Nam, Đan Hà... những cây bút kỳ cựu vừa là Phật Tử của chùa Viên Giác, và Anh Như Thân, Bác Ngô Văn Phát, Bác Hiền Sanh, Cô Nga... những khuôn mặt quen thuộc suốt sáng phụng sự chùa.

Nhưng tôi chỉ đến với Viên Giác qua văn chương, chưa phải qua Đạo Pháp.

Lần thứ hai tôi gặp lại Thầy nhân dịp lễ Phật Đản tổ chức tại Bern (thủ đô Thụy Sĩ). Bài thuyết giảng của Thầy hôm đó như trăm ngàn các bài thuyết giảng của các vị Thầy khác nhưng chính tiểu tiết rất nhỏ vừa thuyết giảng thỉnh thoảng Thầy liếc mắt nhìn đồng hồ canh giờ, đến và đi chính xác, không chậm trễ phút nào đã khiến tôi chú ý. Tôi như thềm : "Đây là vị Thầy làm việc rất nguyên tắc" mà tôi thì luôn tôn trọng những gì có nguyên tắc, nhất là nguyên tắc đó đặt đúng vị trí của nó.

Điều tôi suy đoán quả không sai. Thầy Như Điển chẳng những là người rất nguyên tắc mà còn có óc tổ chức, làm việc có kế hoạch có phương pháp rõ ràng. Điều đó thể hiện trong buổi lễ Phật Đản lần đầu tiên tôi có dịp tham dự nhân lúc Thầy triệu tập những cây bút có tác phẩm ra mắt do chùa Viên Giác xuất bản (trong đó có tác phẩm "Giác Mơ Xưa" của tôi) ngay tại chùa Viên Giác.

Hôm đó, với một chương trình san sát liên tiếp ba ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật Thầy không để sơ sót, chậm trễ một tiết mục nào suốt từ 6 giờ sáng đến 24 giờ khuya. Đó là tôi chưa nói đến còn lòng thêm một chương trình văn nghệ cổ truyền thật đặc sắc, thật công phu huy động từ toàn thể các anh chị em Gia Đình Phật Tử trên nước Đức. Tinh thần làm việc vừa hăng say vừa trách nhiệm như vậy đã nổi lên được khả năng điều động tài tình của người lãnh đạo tài ba, biết phối hợp nguyên tắc tổ chức của Tây phương để giới thiệu cái hay, nét đẹp của văn hóa Đông phương, còn gì tuyệt bằng. Từ đó tôi bị lôi cuốn theo sinh hoạt của chùa Viên Giác, mon men tìm hiểu sinh hoạt của chùa Viên Giác. Chỉ tiếc là, Thụy Sĩ, nơi tôi ở xa chùa quá (phải mất 12 tiếng xe hơi) nên họa hoàn lắm một năm tôi thăm chùa một lần, thường vào dịp Phật Đản và một lần trong dịp khóa tu học Âu Châu. Nhưng mỗi lần về chùa là mỗi lần tôi thêm bạn mới, gặp lại bạn cũ, có khi bạn hàng xóm từ thuở ấu thơ nói quê nhà mà bao lâu tôi mất liên lạc. Đến đây, lòng tôi như nở hoa. Bàn với anh này một chút văn chương, góp với chị nọ một tí văn nghệ. Rồi tôi nghe thuyết giảng, học đạo và tôi còn thưởng thức món ăn chay nữa v.v... Cũng ở đây tôi khám phá thêm lực lượng thanh thiếu niên hùng hậu của anh em Gia Đình Phật Tử, một trong những cánh tay đắc lực của chùa làm việc rất hăng say, nề nếp, qui củ. Tinh thần đó, tận tâm tâm tôi vô cùng cảm mến. Rồi nhân duyên đây đưa, bây giờ tôi cũng trở

thành Phật Tử.

Một lần, trò chuyện với Minh, một huynh trưởng trong Gia Đình Phật Tử tại Hannover, tôi tâm đắc :

- Anh em có nhiều cơ may sống gần Thầy, gần chùa. Thích quá nhỉ, tha hồ làm chuyện Phật sự.

Minh tròn mắt và rùng mình :

- Gần "mặt trời" "nóng" lắm chị ơi!

Tôi cười :

- Mặt trời nóng nhưng mặt trời cho ánh sáng.

Minh gật gù :

- Đúng vậy. Rồi Minh thú thật.

- Gần Thầy, học hỏi được rất nhiều.

Nhưng Thầy khó, nghiêm khắc lắm chị ơi. Làm việc không đàng hoàng Thầy phạt bắt qui hướng, bắt kể lớn, nhỏ.

Tôi cười, an ủi :

- Thầy khó thì trở mới nên. Đi học, tôi vẫn thích Thầy khó.

Hôm nay, nhân ấn hành báo Viên Giác số 100, tôi ghi lại một vài kỷ niệm vụn vặt đánh dấu "Duyên Hạnh Ngộ" tôi đến với chùa. Và qua báo Viên Giác, tôi có dịp trải lòng mình, nói lên những suy nghĩ gửi đến các bạn Văn, Thi hữu, độc giả xa gần cũng như tình đồng đạo với các anh em Gia Đình Phật Tử như một món ăn tinh thần sưởi ấm tấm lòng... lạnh lẽo quanh năm bốn mùa của tôi trên đất khách.

Nga1009



TRẦN THỊ NHẬT HƯNG

Sinh năm 1953 tại Nam Định. Theo học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Vượt biên và định cư tại Thụy Sĩ năm 1982. Hiện đảm trách Gia Đình Phật Tử Thụy Sĩ và sinh hoạt cộng đồng cho thiếu nhi Việt Nam tại địa phương. Cộng tác thường xuyên với báo Viên Giác và một số báo chí khác.
Đã xuất bản : Giác Mơ Xưa (Tập truyện, Viên Giác, 1993)



NGUYỄN TẤN HƯNG

Sinh năm 1945 tại Bình Phục Nhứt, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.
 Cựu học sinh Trường Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Khóa 17 Sĩ quan
 Hải quân Nha Trang. Sĩ quan Tinh báo Hải quân đến 1975.
 Định cư tại Mỹ, theo học điện tử ở Đại học Nebraska/Omaha và học
 Cao học ở North Carolina A&T.

Đã xuất bản:

- **Một Đời Để Học**, truyện dài, Làng Văn xuất bản, 1988;
- **Một Thuở Làm "Trùm"**, truyện dài, Văn Nghệ xuất bản, 1989;
- **Một Chuyến Ra Khỏi**, truyện ngắn, Làng Văn xuất bản, 1990;
- **Một Kỷ Niệm Đẹp**, xếp chữ Việt, Đại Nam xuất bản, 1991;
- **Một Dòng Ca Dao, Câu Hò, Câu Đố Miền Nam**, sưu tầm chung
 với Hồng Lan, Miệt Vườn xuất bản, 1991;
- **One Life Of Learning**, truyện dài, tức Một Đời Để Học bản Anh
 ngữ, Orchard Publisher xuất bản, 1991;
- **One Time As An Intelligence Officer**, truyện dài, tức Một Thuở
 Làm "Trùm" bản Anh ngữ, Orchard Publisher xuất bản, 1992;
- **Một Thoáng Trong Mơ**, Thơ, Nhạc, Miệt Vườn xuất bản, 1992;
- **Một Nơi Buồn Riêng**, truyện ngắn, Đại Nam xuất bản, 1992;
- **Một Lần Xướng Núi**, ký sự văn học, Viên Giác xuất bản, 1992;
- **Một Cảnh Hai Quê**, truyện ngắn, Thế Giới xuất bản, 1993;
- **Một Trời Một Biển**, truyện dài, Văn Nghệ Tiền Phong xuất bản,
 1994;
- **Một Lần Đi**, Anh Yêu, tuyển tập nhạc;
- **Tình Muộn**, băng nhạc;
- **Chỉ Một Lần Trao**, băng nhạc
 H L Productions xuất bản và phát hành, 1995;
- **Một Đời Mỏi Mòn Trông**, tuyển tập nhạc;
- **Việt Nam, Quê Hương Tôi**, băng nhạc;
- **Một Ngày Vui**, băng nhạc,
 H L Productions xuất bản và phát hành, 1996.



lính thú đời nay

Trời đã vào cuối thu. Nhưng ở đây, miền Nam, không có cảnh lá
 vàng tả tơi rơi theo gió. Ngay cả trong những vườn cây ăn trái
 cũng vậy. Song, lá úa hay chồi non vẫn thay đổi không ngừng
 với tháng năm, theo mùa riêng cho từng loại. Khi thì me ra tọt, khi thì
 xoài dóm bông, khi thì mận trở nụ. Mặc dầu có thay đổi màu sắc, đậm
 lợt, úa vàng đỏ nhưng ít khi nào thấy toàn cây trụi lá. Ngoại trừ trường
 hợp do chủ nó đích thân ra công tuốt, như tuốt lá mai vào những ngày
 gần cuối năm âm lịch, chẳng hạn.

Tuy nhiên, bây giờ ruộng đồng lại đổi màu từ xanh tươi qua vàng rộ.
 Nhiều chỗ, những gié lúa đầy hạt nặng trĩu đã ngã rạp xuống mặt ruộng
 nằm đè lên nhau, tạo thành những lỗ hổng lớn trên cánh đồng mênh
 mông. Mùa này chuột bọ, chim chóc no đủ. Không sợ những hình nộm
 làm bằng rơm, không sợ những tiếng kêu... loong coong phát ra từ những
 chiếc lon rỗng cột dính chùm vào nhau thỉnh thoảng được chủ nhà chạy
 ra giật dây lia lịa. Cường nhồng, cu đất, cu cuòm, và nhất là mấy bầy
 chim se se vẫn hay đáp xuống ruộng mớ lúa liên hồi, rồi bay lên các
 rặng trâm bầu đứng rìa lóng thoái mái. Những loài chim ăn cá tép như
 quạ điều, cò vạc cũng vậy, tập trung tại những vũng nước đọng để thong
 thả đớp từ từ bầy cá mắc cạn. Trước khi đám trẻ có cơ hội vạch lúa, mon
 men tìm tới bắt hoi.

Cái nóng ban trưa của buổi giao mùa cũng không còn gay gắt nữa.
 Mà trở nên hazy hazy, dễ chịu qua từng cơn gió hiu hiu, thoáng thoáng
 hướng lúa sắp chín. Không còn bao lâu nữa sẽ thấy những chiếc cộ đầy
 đồng, rải rác khắp đó đây, và đám công cấy sẽ trở thành công gặt với
 những chiếc lưỡi liềm sắc bén trên tay. Cho dù mùa lúa trong năm có
 trúng hay thất cũng chẳng ai màng để ý tới, mọi người đều vui vẻ với
 công việc không mấy nặng nhọc so với những ngày đầu khởi công cấy
 lúa, gieo mạ. Ngay cả bọn trẻ đi mót lúa cũng vậy, vừa làm vừa chơi.
 Nếp sống hòa mình với thiên nhiên ở nơi thôn dã bao giờ cũng êm đềm,
 thanh thản. Không mấy bon chen, giành giật như ở chốn thị thành.

Hiếu cảm thấy an toàn, thoái mái khi được đổi về đây. Chi khu Chợ
 Gạo dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Nguyễn Văn Thứ, thuộc Tiểu Khu
 Định Tường dưới quyền chỉ huy của Đại tá Lâm Minh Đạo. Quê hương
 của Cẩm Vân, bạn cùng lớp với Kim Yến, và của Phát, thằng bạn thân
 lính tàu của chàng. Rất tiếc là thằng bạn mình hình như không có cái
 số... an cư, nên chưa bao giờ lạc nghiệp. Năm qua tháng lại cứ mãi giang
 hồ, bèngh bồng khắp bờ duyên hải miền Trung mà không một lần được
 đổi về gần nguyên quán. Mặc dầu ngay tại thành phố Mỹ Tho có luôn cả
 một Tổng hành dinh của Liên Giang Đoàn 21 và 33 Xung Phong, trại
 Chuông Dương kỷ cựu còn gọi là thành Hải Quân, do hải quân Pháp xây
 cất từ lâu đời, vào thời thế chiến thứ nhất. Thành thủ, gần nhà bạn mà
 chẳng bao giờ gặp bạn để dặt nhau vào quán cóc bên đường nhằm nhĩ ly
 rượu nhạt, tán gẫu chuyện trên trời dưới biển.

Nhớ lại ngày tốt nghiệp ra trường, kể cũng hèn cho Hiếu, tại vì Sư
 Đoàn 7 và Tiểu Khu Định Tường đang cần bổ sung rất nhiều sĩ quan.
 Chẳng biết là nhằm bành trướng lực lượng hay là vì sĩ quan cấp úy chết
 trận nhiều quá? Nhưng, mặc cho bạn bè cùng khóa, nhất là đám trẻ,
 không tiếc lời chê bai, dè bĩu hầu hết những tên có gia đình như chàng
 đều chọn Địa Phương Quân mà không là Chủ Lực Quân, Sư Đoàn, Pháo
 Binh, Thiết Giáp, Biệt Động... Rồi trong các Chi Khu Cái Bè, Cai Lậy,
 Bến Tranh, Chợ Gạo... của Tiểu Khu Định Tường, thì Chợ Gạo lại có nhu
 cầu, đang cần sĩ quan mới ra trường. Bỗng đứng *chó ngáp phải ruid*, vì
 từ nhiệm sở quay trở về nhà thăm vợ con đâu có bao xa. Chỉ tròm tròm
 mười một, mười hai cây số thôi. Muốn vọt lúc nào cũng được. Và lại,
 vùng Chợ Gạo, Hòa Đồng cũng ít sôi động vì không tiếp giáp với chiến
 khu Đồng Tháp Mười như Cái Bè, Cai Lậy hay là kề cận một mặt khu
 nào của Việt Cộng hết.

Đến khi trình diện Thiếu tá Chi Khu Trưởng thì ông không thêm giữ
 Hiếu tại quận lỵ để học hỏi mà lại "xi" chàng đi đóng đồn mới khổ! Rồi,
 không biết là bị ghét bỏ, hận thù từ muôn kiếp trước hay là vô tình muốn
 dè bẹp, nhận chìm một tài năng mới đây? Hừm, thùng thẳng hăng hay,
 từ từ cái đã, chàng nhủ thầm! Chưa có cơ hội qua lại và hiểu biết nhau
 nhiều thì làm sao mà trở thành vây cánh, bộ hạ của xếp lớn được? Và lẽ
 dĩ nhiên chỉ có đám vây cánh, bộ hạ mới được ở gần, lẩn quẩn làm việc
 trong Ban Tham Mưu với Chi Khu Trưởng, chàng đã thừa biết điều đó!

Lúc xuống bàn giao nhận đồn từ Thiếu úy Tiên, Phan Mỹ Tiên, Hiếu
 rất ngạc nhiên. Vì chàng chưa từng thấy trong cõi đời này một cái đồn
 nào giống như vậy, đồn Hòa Bình. Hay nói đúng hơn, bót Hòa Bình, như

dân chúng trong vùng thường gọi. Đó là một cái đồn cấp trung đội nằm chơì vơi giữa đồng trống mênh mông, tọa lạc ngay tại ngã ba liên tỉnh lộ 24 nối liền Mỹ Tho - Gò Công và con lộ đá đỏ mệnh danh là lộ Hòa Bình chạy thẳng vào miệt Bình Ninh, Cầu Ngang, An Thạnh Thủy nằm dọc theo sông Cái, cái tên địa phương của dòng của Tiểu, một nhánh của sông Tiền Giang.

Theo như Hiếu được biết, sở dĩ Chi Khu cho lập cái đồn này là nhằm ẩn nấp, ngăn chặn các cuộc chuyển quân của Việt Cộng từ vùng đồng khởi Kiến Hòa, qua Long An, rồi thẳng đến vùng tiếp cận thủ đô và ngược lại. Con đường xâm nhập huyết mạch có thể xuất phát từ vùng Thới Lai, Cỏ Đò băng qua sông của Đại, vượt cù lao Tân Thới, băng qua sông của Tiểu, để tới miệt Bình Ninh, An Thạnh Thủy, vượt tỉnh lộ 24 khoảng ngã tư Hòa Bình đến mạn ngã tư Giáp Nước, Bình Phục Nhứt rồi băng qua kinh Chợ Gạo vọt về vùng Cần Giuộc, Quơn Long, Tầm Vu... Nhìn chung, bọn chúng lợi dụng sự kiểm soát có phần nào lỏng lẻo ở vùng ranh giới giữa hai tỉnh Mỹ Tho và Gò Công để dễ dàng thực hiện các cuộc vận chuyển vũ khí và đưa bộ đội về gần Sài Gòn.

Để bảo vệ cho các cuộc chuyển quân này, những toán du kích địa phương thường phải tổ chức các cuộc phục kích chặn đầu, cầm chân các đơn vị tuần tiểu, thám sát của Chi Khu Chợ Gạo hoạt động trên trục liên tỉnh lộ. Và lịch sử đã ghi nhận là nhiều cuộc đụng độ nảy lửa, chớp nhoáng đã xảy ra ở các ngã ba, ngã tư của những con lộ đá đỏ dẫn ra đường cái, như ngã ba Bình Phục Nhứt, ngã tư lộ Đinh - Hòa Bình, ngã ba "bò lộ me ông chủ Hoàng" nối liền với miệt Xóm Bến, Cầu Xây. Những con lộ dẫn vào các nơi còn đầy đặn tàn tích của thời phong kiến với nhiều có ngôi đồ sộ, tòa cao lẫm lẫm của những ông Cả, ông Chủ, ông Hội đồng đã nổi danh một thời là cường hào, ác bá. Những cuộc đụng độ có tính cách thiêu thân tự tử đó, vì không một tên du kích nào có thể chạy thoát được giữa đồng trống trước họng súng máy liên thanh, đôi lúc cũng làm cho các đơn vị bạn tổn thất nặng nề. Bởi vì chỉ cần một trái mìn thời, nếu xui xẻo nổ nhầm ngay chiếc GMC chở quân tiếp viện thì cũng dễ dàng gây ra cảnh hàng chục binh sĩ ta vừa chết vừa bị thương.

Ở thời buổi này, thật ra cái đồn Hòa Bình của Hiếu tuy có đó mà cũng như không. Vì mỗi đêm một hai tiểu đội bung ra đi kích, nằm đường thì có nhằm nhò gì đối với một khoảng đường dài bốn năm cây số? Không kể đến giờ giấc, chỉ cần nhích lên hoặc nhích xuống điểm "vượt cạn" thì địch cũng xuyên qua, trót lọt ngay. Nội chuyện ngăn ngừa hoặc đi giải tỏa các vụ đào đường, đắp mố lè tè trong vùng trách nhiệm thôi là chàng cũng đủ mệt, chàng tự nhủ.

Ngẫm nghĩ lại, nếu địch có ý định nhổ cái gai trước mắt, cố tình muốn dẹp cái đồn của Hiếu thì có lẽ chúng đã làm từ lâu rồi. Mà chắc chắn cũng chẳng khó khăn gì cho lắm với chiến thuật biến người. Chỉ cần dẫn đến một hai đại đội hay một tiểu đoàn thì đồn của chàng sẽ bị tràn ngập liền trong phút chốc. Cho dù mình có chống trả mãnh liệt, pháo binh có yểm trợ tối đa đi nữa thì cuối cùng rồi mình cũng bị bọn chúng lấy thịt đè người. Nhưng tội tình gì mà bọn chúng phải làm như vậy? Vì hẳn nhiên bọn chúng cũng đã kinh nghiệm có thừa là dẹp đi một đồn nhỏ thì một đồn lớn sẽ được mọc lên. Thời thì tránh né được lúc nào thì cứ tránh né thêm lúc nấy, vẫn hay hơn. Lâu lâu lợi dụng tình thế kiểm soát ló là của quan quân ta, làm một màn công đồn đá viện vẫn sống chán. Chẳng biết đến bao giờ thì màn công đồn đá viện sẽ xảy ra cho chàng đây, Hiếu tự hỏi?

Đi đóng đồn thì quả nhiên buồn tẻ, nản chí anh hùng thiệt nhưng được một điểm là vào những đêm trăng trời trong gió mát, Hiếu cảm thấy quang cảnh thanh vắng xung quanh đồn đôi khi thật đẹp. Nhất là khi chàng đứng trên chòi canh, chót vọt trên cao. Dưới ánh trăng lung linh mờ ảo, cảnh bao la ruộng đồng chìm đắm trong sương mờ, càng làm tâm hồn con người trở nên lắng đọng, vào thiền. Không còn muốn bon chen, chẳng màng đến danh lợi, chẳng buồn tới đánh đấm.

Một màu vàng ủa thên thang, long lanh phản chiếu ánh sao trời, được cắt ngang cắt dọc bởi những bờ đê, những rặng tràm bầu, toàn cảnh trông như những viên gạch lát đường dẫn đến thiên thai. Từ khắp mọi nơi, bốn phương tám hướng, của cõi ta bà này để rồi tập trung vào chốn... Hòa Bình thẳm lặng của chàng. Sau khi vượt qua mấy lớp rào kẽm gai, bãi mìn claymore, cái giao thông hào ngập nước, và con đê vòng thành phòng thủ. Nơi đó, thỉnh thoảng vang lên những tiếng ườn ườn oang của ãnh ướng ếch nhái, những tiếng tí tề ni non ai oán của muôn

loại côn trùng, hoặc những tiếng cá rô, cá lóc trời lên ăn mống, đớp vơi mảnh trăng khuya.

Phải chăng cái "hòa bình thẳm lặng" đó như một thỏa thuận ngầm giữa địch và ta, Hiếu thẳm kết luận suông! Minh không đụng đến nó thì nó cũng chẳng đụng tới mình. Minh để yên cho nó thì nó cũng để yên cho mình. Tuy rằng vẫn phải trở bộ, vồn tới vồn lui như lưỡng long tranh châu, mạng của ai người nấy cứ lo và hồn của ai người nấy cứ giữ, miễn đừng để lộ liễu quá thì thôi. Vì ở buổi giao thời này, hai bên đã hoàn tất việc trao trả tù binh, không mấy ai muốn mình làm con chốt thí hay con vật tế thần.

Là một trong những tên thầy giáo bị động viên, lết đệt đi sau trên đường bình nghiệp, Hiếu tự biết mình không còn cơ hội để trưởng thành trong chiến tranh. Những trận đánh lớn như cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, chiến dịch Hạ Lào, mùa hè Đò Lửa, thời sôi động khắp bốn quân khu như thực sự đã trôi qua, giờ chỉ còn lại từng điểm nóng. Với sự cắt giảm viện trợ của đồng minh, mọi người đều e ngại không biết miền Nam này còn đứng vững được bao lâu.

Trong giai đoạn ngưng chiến sau Hiệp định Ba Lê, lẽ đương nhiên chuyện lấn đất giành dân là quan trọng, nhưng không mấy quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu mà chỉ quan trọng ở vùng rừng núi, cao nguyên. Những nơi tiếp giáp với các mật khu, trạm hậu cần, căn cứ địa để địch có thể làm bàn đạp tấn công ta mà không sợ bị cắt đường tiếp vận súng đạn cũng như lương thực. Sau trận Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, và bây giờ lại đến An Lộc, Bình Long, cuộc tử thủ của Đại tá Tiểu Khu Trưởng Lê Văn Hùng, mà báo chí vẫn đăng những tit lớn hàng ngày. Cũng như mọi người, Hiếu nóng lòng theo dõi tin tức để xem kết quả ngã ngũ ra sao. Ai thắng ai bại, bên phòng thủ, phía tấn công. Hay có lẽ cả hai, kẻ gậy gong, người sắt cang...

Ồ ó o, o..., bỗng dưng có tiếng gà gáy lạnh lốt từ phía khu gia đình binh sĩ vọng đến, báo hiệu trời đã hùng đông. Thì ra, từ lâu, Hiếu nằm mơ mơ màng màng, nửa thức nửa ngủ. Ngoài kia, màn sương bao phủ khắp ruộng đồng cũng như mặt nhựa đường rồi sẽ tan dần. Không mấy chốc nữa những chiếc xe sớm từ Gò Công sẽ lục tục kéo lên, những chuyến nhứt của các hãng Tam Hùng, Đông Thành, Thuận Lợi... Rồi, một đêm an lành không nghe tiếng súng nổ đã êm đềm lặng lẽ trôi qua, chàng mừng thầm. Vì thường khi Việt Cộng chỉ tấn công, đánh đồn vào ban đêm, nửa khuya về sáng chớ ít quấy phá vào lúc ban ngày ban mặt. Cho dù bản sẽ lè tè đi nữa. Bởi vậy, mỗi khi nghe tiếng con gà trống điều của Trung sĩ nhứt Bung đập cánh gáy hiệp đầu là chàng cảm thấy nhẹ nhõm. Để rồi nếu không phối hợp hành quân theo lệnh Chi Khu thì mấy thầy trò cũng có thể chia nhau đi ăn sáng, cà phê hủ tiếu, trên chợ quận hay xóm Cầu Sắt. Chàng cũng không mong gì hơn nếu tất cả mọi thứ đều diễn ra một cách thân tình, âu yếm như những câu đồng dao đang truyền khẩu:

*Hòa bình, Chợ gạo chẳng xa
Cách một cái quán với ba quãng đồng
Chẳng tin đứng lại mà trông
Bên tây có miếu, bên đông có chùa
Ở trong xéo xéo lại có đình thờ
Em đừng kèn chơn, đợi chờ uống công...*

Kể ra, cách ba quãng đồng thì quả không sai. Vì từ xã Hòa Bình chạy ra ngã ba, chỗ Hiếu đang đóng đồn và tuy rằng không có xóm nhà dân đi nữa, là một. Từ ngã ba này chạy lên Cầu Sắt là hai. Và từ Cầu Sắt lên chợ quận là ba. Còn chỉ một cái quán thì có lẽ là cái quán bán cà phê, hủ tiếu của chú Tú ở đầu Cầu Sắt trên, đối diện với bót Cầu Sắt và nhà máy xay lúa của ông Sáu Quay. Nghe đồn rằng thuở sinh tiền chú Tú cũng sinh làm thợ và hay mời các tài tử, danh ca vọng cổ về diễn tuồng trên bộ ván gỗ nhà sau. Bên tây có miếu là miếu Thổ Thần nằm trên đất ông hội đồng Lương, bên đông có chùa là chùa Bà Tư. Xéo xéo lại có đình thờ thì rất đúng đối với vị trí đóng đồn của chàng. Vì không xa lắm, khuất lấp trong vườn cây ăn trái nằm dọc theo bờ sông Tham Thu, cạnh bên sân banh và cánh rừng Cây Diệp, là đình làng Bình Phan.

Tướng truyền rằng đình làng Bình Phan ngày xưa rất đẹp đẽ, sung túc. Bên ngoài vách bờ kho sạn đá, lợp ngói đỏ au và bên trong cột cầm xe đen bóng, võng lọng binh khí sơn son thếp vàng. Hằng năm, ngày trong sân đình, đã là nơi trình diễn của biết bao nhiêu gánh hát bội nổi danh. Cách đình vài công đất còn có một cái ao thật lớn để chứa nước ngọt cho dân chúng quanh vùng tiêu xài trong mùa nước mặn, một hình

thức dự trữ không khác gì hai cái giếng nước thật lớn ở ngay tinh lý Mỹ Tho. Vào mùa khô, chiều chiều có nước xong, đàn bà con gái trong vùng tập nấp kéo nhau về đây gánh nước. Tiếng cười đùa ả lả, tiếng chuyện trò véo von, văng vẳng bay trong gió đủ nói lên cảnh hờn nhiên, vô tư, hòa nhịp cùng đất trời của đám dân lành.

Cho đến một ngày kia đình làng được xây cất lại. Theo dự trù, hiển nhiên là phải to lớn đĩnh dĩnh hơn đình cũ. Nhưng chẳng biết tại vì lòng tham lam của một vài viên hương chức hội tề hay là tại vì đến thời kỳ "thập nhị tận tuyệt trần ếm" của ông thợ cá có búa lỗ ban, ông chín Són, mà đã gây ra nhiều cố sự hết sức phiền hà. Số là khi làm lễ khánh thành bàn giao đình, lúc ban hưởng chức hội tề ký nhận thì đành rành đầu vào đấy, y chang như dự án đề ra, số đồ đã soạn thảo. Coi như không có gì trục trặc hết. Nhưng, chỉ một ngày trước một ngày sau thì cột kèo, đòn dông, đòn tay, rui mè gì gì cũng đều thu nhỏ lại đến gần phân nửa. Thì ra nguyên cả ban hưởng chức hội tề đều bị lừa một phát đầu điên.

Cầm tức ông thợ mộc phù thủy đã "mà mắt" tất cả mọi người, ông Cà Tỳ bèn lên tận núi Tà Lớn trên vùng Thất Sơn thỉnh về một ông thầy bùa lỗ ban khác, cao tay ấn hơn. Để làm màn "trệt buộc" bảo đảm vô phương cứu chữa, gõ gặt. Quả nhiên, ông Đạo Ốm khoán bùa yêu tinh, tà ma, quỷ quái gì gì chẳng biết mà ông chín Són chủ chốt trong việc cất đình đang ở tuổi bên Quơn Long bỗng phát điên điên, khùng khùng. Đến nỗi người nhà không làm gì được, phải nhốt ông trần trướng vào một cái chuồng cu làm bằng cây để khuất trong một góc bếp. Đứng là ác lai ác báo, làm ác thì phải gặp ác, vì độ năm ba tháng sau thì ông ngum củ tỏi luôn.

Song, điều đáng nói là với tài ba quảng bá khắp thiên hạ, với đầy đủ nham độn thần thông, mà ông Đạo Ốm cũng không cách gì làm cho kèo cột, đòn dông, đòn tay, rui mè của cái đình thật sự lớn lên như kích thước, phương hướng đã ấn định được. Cho nên, kể từ đó, đình làng cũng như dân chúng trong vùng bắt đầu suy sụp rồi dần dần trở nên nghèo khó. Hòa ra, ngay cả mấy ngài Thành Hoàng có sắc chỉ chiếu phong của vua kia mà còn không dám vật mấy tên phá rối trị an, ám hại dân lành thì còn nói gì non với nước? Và thử hỏi làm sao mà Thành Hoàng có thể phò trợ cho cuộc đất đặt dưới quyền cai quản của mình được hưng thịnh, thịnh vượng chỗ?

Trong thời gian ông Đạo Ốm còn lưu lại tại làng, ông Cà Tỳ cũng có đưa ông ra sông lớn nhỏ sửa lại thể đất, giúp đỡ dân làng. Vì gần chỗ chiếc xáng chìm, ngay khúc queo thật gắt xéo xéo trước sân nhà ông hướng trưởng Ban, dòng nước cứ xoi mòn, lấn sâu vào bờ, làm đất ruộng của ông cũng như mấy gia đình liền kề kể bên từ từ sụt xuống lòng sông hằng năm bảy sào. Nghe nói ông Đạo Ốm vót ba mũi tên tre thiết nhọn rồi dọi đến giờ linh vào lúc đêm khuya thanh vắng, bơi xuống đi ngang qua và dùng hai ngón tay trỏ, tay cái búng ba mũi tên cắm phập vào đất liền. Bắt đầu từ đó, nước sông chảy đến đây phải khựng lại, chuyển thể đập, quạt ngược qua phía bờ bên kia. Cho đến nay, chỗ cua queo này đã từ cong trở thành gần như ngay và lúc nước ròng hai bên bờ đều lòi chỗ không còn một bên cạn, một bên sâu oằn như trước.

Đó là chuyện xưa tích cũ mà Hiếu đã thu thập được sau những lần tra dư tửu hậu với các bậc tiền bối trong thôn xóm nằm gần gần đồn, dọc theo bờ sông um tùm cây trái. Cũng giống như quê hương Bến Chứa, Đạo Thạnh của mình, chàng dự biết đây là những vùng xôi đậu, ban ngày quốc gia, ban đêm cộng sản, nhưng ngẫm nghĩ cũng nên tiếp xúc thăm dò, biết địch biết ta. Và, biết đâu, nhờ ở tánh tình bài buôi, vui vẻ, bộc trực của dân miền Nam, theo kiểu đi đâu gặp vịt cũng lùa, gặp gian cũng giết gặp chùa cũng tu mà chàng chẳng được các bậc trưởng thượng trong làng cũng như ông bà cô bác ở đầu trên xóm dưới đều thường tình mà che chở, bảo bọc cho!

Nhưng nói gì thì nói, câu cuối cùng của bài đồng dao vẫn làm Hiếu thích thú hơn hết. *Em đừng kén chọn, đợi chờ uống công...* Không phải người được đợi chờ, kén chọn là quan trọng mà đầu dây mối nhợ và câu hỏi trước tiên phải nói... em đây là em nào? Rồi, ôi quả đúng quá như lời thiên hạ đàm tiếu xưa nay, *đàn ông năm bảy lá gan, lá ở cùng vợ lá toan cùng người*, vì chàng là một trong những vị đàn ông rất là đàn ông đó. Mà không toan cùng người cũng không được vì... em dễ thương và đẹp để quá, em có biết?

Nếu bắt phải diễn tả bằng lời nói suông thì cũng chỉ là dáng dấp mảnh mai, thân hình yếu điệu với khuôn mặt trái soan, sáng sủa, dễ nhìn. Đôi má hồng mịn và da mỏng như tờ giấy, ngó kỹ thấy có chạy chỉ

máu. Sóng mũi dọc dừa, tuy không nhọn và cao lắm. Cho dù có một mí, nhưng cặp mắt to, long lanh hai hạt nhãn đen huyền, nằm dưới hai hàng chân mày rậm, vừa cong vừa dài là hết chỗ chê. Đôi môi thắm đỏ như hai trái ớt chín, tuồng tuồng lúc cắn vào chắc phải hít hà, bá thờ. Đặc biệt lúc nhòe miệng cười để lộ hàm răng đều và trắng như hàng bắp non. Mái tóc thề đen nhánh buông dài đến thắt lưng, luôn luôn là cái bình phong rất thích hợp cho cái cổ thon dài, nổi bật hẳn lên nhờ nước da trắng mát như củ hủ dừa. Làn xuống cánh tay có lông măng mượt mà, không màng che đậy khi nàng mặc mấy chiếc áo xắm ngắn tay màu xanh da trời hay màu hồng nhạt, thắt nút vải một hàng dài trước ngực. Thêm đôi bàn tay nắm ngón búp lá tre đều đặn, dong dài... Nhưng, lời nói suông kia đâu làm sao diễn tả, lột trần hết cái hay, cái đẹp mà mắt Hiếu nhìn thấy? Và hình như cần phải có cái tâm cảm đi kèm thì cái hay, cái đẹp kia mới thêm phần trọn vẹn!

Nói cho ngay, thì cũng bắt nguồn từ chỗ... cách một cái quán trong bài đồng dao đó thôi! Bởi qua bao năm vật đổi sao dời, quán tạp hóa của chú Tùng đã biến thành quán cà phê, hủ tiếu của chú Tiều. Mặc dầu quang cảnh phía mặt tiền của quán càng ngày càng rộng rãi vì không được thường xuyên tu bổ, cà phê cũng chỉ là cà phê vó, nhưng sáng sáng rất là đông khách tụ họp nơi đây. Dường như có rất nhiều chàng trai trẻ trong vùng cũng có một cách nhìn, một ý nghĩ như chàng, Hiếu suy luận.

Hiển nhiên chú Tiều hay chú Tùng thì cũng vậy thôi, tam thiên tự chắc phải thuộc nằm lòng. Bởi thế cho nên tên người đẹp, cháu chú Tiều chú quán, mới nghe qua cũng rất ư là vẫn vẻ, màu mè: Lãm Thúy! Lãm là coi, Thúy là màu xanh chim cánh chạ, tức chim bói cá hay chim thẳng chài, màu xanh lục có một không hai. Cái tên đôi này cứ làm Hiếu nhỏ đến mấy câu Kiều, đoạn Kim Trọng đi tìm thuê phòng trọ học ở gần nhà hai cô Thúy:

Có cây có đá sẵn sàng

Có hiên lãm thúy, nét vàng chửa phai

Mùng thăm chốn ấy chữ bài

Ba sinh úc hẳn duyên trời chi đây ...

Muốn được trọ học mà có cả cái "hiên lãm thúy" nữa thì sướng thật, hết sảy! Nhưng, hiên lãm thúy nơi đây cũng chỉ là một cái mái che để ngắm cây cỏ hoa lá xanh tươi vậy thôi, một *evergreen-view* nếu muốn nói theo dân Lê Quý Đôn, hội Việt Mỹ, thì cũng đâu làm sao mà so sánh được với "người lãm thúy" của Hiếu chỗ? Một trời một vực, vì một đảng là cảnh chết và một đảng là cảnh sống! Song, mặc dầu chỉ là một câu hỏi chưa có lời giải đáp, nhưng chàng vẫn những mong có sự trùng hợp ở tương lai, nhằm vào chuyện "ba sinh hướng lửa" như câu kết đã ám chỉ!

Rồi dòng dõi của chú Tiều này chắc là con cháu bảy mươi đời của Ngô Phù Sai, cho nên Lãm Thúy mới có họ và chữ lót đi đôi là... Ngô Bích. Lại cũng vẫn vẻ, màu mè. Bích là màu tím, màu của muôn thuở buồn thương, nhưng nhỏ. Còn Ngô là người Ngô, như lão Ngô Việt thường gia gia, không nói làm chi. Tuy nhiên, cái họ và chữ lót Ngô Bích này cũng cứ làm Hiếu nhỏ đến mấy câu Kiều, đoạn Thúy Kiều bị nhốt ở lầu Ngưng Bích:

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân

Vẻ non xa, tím trắng gần ở chung

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia ...

Xem ra phong cảnh đẹp thì có đẹp, vì có núi, có trăng, có bụi, có cát, nhưng vui làm sao được khi tuổi xuân của mình bị chôn chặt, giam hãm nơi đây? Để rồi suốt ngày Kiều chẳng biết làm gì, cứ mãi nhìn xa nhìn gần mà xót thương cho thân phận. Cũng như Lãm Thúy của Hiếu, cứ phải đóng khung cuộc đời trong cái quán này thì tội nghiệp quá. Đã vậy trước mắt mình cũng chẳng có "non xa trắng gần, cồn nọ dặm kia" mà chỉ thấy hỗn độn, xô bồ một bày đầu trâu mặt ngựa. Đầu óc non nớt, yếu mềm đó cũng dễ bị ảnh hưởng, ô nhiễm lắm!

Qua những lần trò chuyện thân mật, Hiếu biết thêm là hiện giờ ba má của Lãm Thúy vẫn còn tá túc ở Gò Công, đoạn giữa của con đường từ thị xã chạy ra bãi biển Tân Thành. Vì gia đình đông con, và tuy nàng không nói ra nhưng chàng cũng đoán biết là nghèo khó, nên Lãm Thúy mới chạy lên Cầu Sắt ở giúp việc cho ông chú, chú Tiều. Rồi chẳng biết chú Tiều có nên được tiếng Tiều hay không, nhưng riêng nàng thì... bù trất. Cà tiếng Tiều lẫn tiếng Tàu, đủ mọi thể loại Quảng Đông, Phúc

Kiến, Quan-Thoại. Có lẽ đã bị đồng hóa từ trong trứng nước, cho nên tiếng Việt của nàng không còn pha giọng, rất lưu loát, mạch lạc.

Được biết người Tiều thường sống bằng nghề làm rẫy, trồng rau cải, vì vậy Hiếu cứ hay vẽ đi vẽ lại trong đầu mình "cố ngơi" của ba má Lâm Thúy. Ở đâu đó, ven vệ đường có một mái nhà tranh xác xơ bên cạnh những luống đất trồng cải tàu-xại, hành, he. Với mực nước ngọt thấp kém ở vùng gần biển, rau cải cũng vàng vọt không được sung túc, xanh tươi gì cho lắm. Chắc phải trồng thêm một mô sê-ri, măng cầu vì hai loại này thích hợp với đất cát. Nhưng cũng le hoe, còi cọc. Một con heo đốm ăn đang ùn ùn trong chuồng và một vài con gà giò trín đít đang bươi đất trên sân. Ngoài trời, nắng chói chang đổ lửa làm mọi người thêm khát khô, cằn cõi...

Với mô tuổi "trắng tròn hay trắng tròn lè" đó, hằng ngày, lễ ra Lâm Thúy phải được cấp sách đến trường, rong chơi cùng bè bạn. Vậy mà, nghĩ cũng đáng thương, phải quán xuyến trong ngoài cho cả một cửa tiệm. Và hơn thế nữa, chú Tiều cũng biết rõ điều này, là không ai thay thế nàng được. Vì nếu thiếu đi cái bóng dáng mềm mại, uyển chuyển, khả ái kia thì chuyện sạp tiệm đường nhiên không chóng thì chầy sẽ phải đến. Ngay cả Hiếu, tuy không đến nỗi trồng cây si, nhưng mấy lúc rảnh rỗi chàng thường hay ghé tạt qua thăm nàng, nhằm nhai tách cà phê nóng cùng điếu thuốc lá đưa hơi, lựa lời gọi chuyện và lắng nghe nàng bộc bạch tâm sự. Cho dù mãi cho đến bây giờ, chàng cũng chẳng hy vọng gì được lọt vào mắt xanh hay mong đợi ở nàng một mây may tình ý!

Chuyện năm anh hai mươi em mới sinh ra đời, năm anh bốn mươi em cũng vừa đôi mươi mà vẫn yêu thương nhau được, đối với Hiếu, là chuyện có thể xảy ra như lời ca đã chứng minh. Vì vậy, với mô tuổi "ba mươi một bước qua, ba mươi ba bước lại" của chàng, xem như xấp xỉ gấp đôi tuổi nàng thôi, thì lại càng dễ dàng hơn một bước. Và nào có khác gì trường hợp của cụ Dương Khuê ngày trước:

Hồng Hồng, Tuyết Tuyết

Mới ngày nào còn chưa biết cái chi chi

Mười lăm năm thấm thoát có ra gì

Chợt ngoảnh lại đến kỳ tờ liễu ...

Ừ chà, thì ra cũng đúng y chang, mười lăm năm thấm thoát. Tức là ngày nào Hiếu mười lăm tuổi thì nàng vẫn còn nằm ngửa, ngo ngoe, động đậy chân tay. Tuy nhiên, so với cụ Dương Khuê thì chàng vẫn còn phong độ hơn nhiều. Chưa đến mức *ngã lăng du thời quân thượng thiếu, quân kim húa giá ngã thành ông*, tức là lúc tôi lăng du đời thì em còn nhỏ nhít và lúc em ở tuổi cặp kê lấy chồng thì tôi đã thành ông. Vì nhìn đi nhìn lại, hề, chàng vẫn vốn tuổi trẻ anh hùng hào kiệt ở nơi phương trời xa lạ này. Và rồi cũng rất khác với tình cảnh của cụ Dương Khuê:

Cười cười nói nói then thùng

Bạch phát hồng nhan chùng ái ngại

Riêng một thói Thanh Sơn đi lại

Khéo ngày ngày đại đại với tình

Đàn ai một tiếng dương tranh...

Vì giữa Lâm Thúy và Hiếu không có vụ then thùng. Vẫn nói cười vui vẻ như pháo nổ, như bắp rang. Cũng không có vụ đi lại chốn lầu xanh để nghe hát nghe đàn từ mấy cô hát á đào mà chỉ ghé uống cà phê để nghe người đẹp tí tề, thỏ thẻ. Chỉ có ý nghĩa của câu xếp, *khéo ngày ngày đại đại với tình*, là thích hợp với tâm trạng của chàng mà thôi... Tiếng gà gáy chập ba vang vọng từ khu gia binh đã kéo Hiếu về với thực tại. Trời bên ngoài chắc đã sáng trắng rồi. Không muốn nằm nướng nữa, chàng vội nhòm dậy, vươn vai cho dãn gân dãn cốt. Với tay lấy cái khăn lông, chàng mon men đi vào phòng tắm rửa mặt, đánh răng. Để rồi còn chuẩn bị rù nhau đi uống cà phê, ăn hủ tíu, và gặp người đẹp châu chú Tiều, Ngô Bích Lâm Thúy, nửa chớ!

Kể ra "lĩnh thú đời nay" cũng có nhiều cái hay cái lạ, Hiếu bỗng vui sướng nở nụ cười thắm. Nhứt là chuyện tình cảm lâm li bị dạt, ướm át trong lòng. Chắc chàng phải sửa lại mấy vần thơ "lĩnh thú đời xưa" cho nó hợp với thời trang hiện đại:

Mang thân trần thủ lưu đồn

Ngày thì thôn xóm, tối đồn điểm canh

Chẳng tre chẳng gỗ vậy quanh

Hữu thân hữu khổ cùng anh giải bày

Chẳng ăn măng trúc măng mai

Chẳng giang chẳng nữa quân ai đến cùng

Chốn đồng không con cá vẩy vùng...

VG100



NGUYỄN ĐỨC HOÀN

Sinh 15.6.1948 tại làng Đàm Lộc huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương .
Pháp danh Minh Hóa

THƠ



Pháp

Nguyên

Kỷ niệm báo Viên Giác ra số 100

*Thấm thoát một trăm số báo rồi!
Bao nhiêu công sức khắp nơi nơi!
Vườn hoa Viên Giác cùng vun xới,
Phương tiện tùy duyên góp công bồi.
Nhân trồng, quả kết bao vi diệu!
Tình thúc mau mau hẳn tuyệt vời!!
Người người cùng nhau thành tâm nguyện,
Chánh pháp mong sao rạng ngời ngời!!*

Nhân Trồng, Quả Kết

*Chung công, góp sức đã bao ngày!
Nhân trồng, quả kết thật lành thay!
Mong sao bền vững duyên tri ngộ,
Trước sau, sau trước chẳng phai bay!
Luôn luôn tinh tấn không nhàm mỏi,
Tu tập noi theo bậc Tổ, Thầy.
Bao nhiêu Kinh, Luận còn lưu lại,
Kho tàng vô giá tự xưa nay!!*

Dòng Suối Tâm Linh

*Chúng ta
Mỗi người đều có
Dòng suối tâm linh
Kỳ diệu!
Tuyệt vời!
Bất tuyệt!
Nhưng nào có biết!!
Thường tự mình
Vô minh!
Che lấp!
Cản ngăn!
Phật pháp
Với nhiều pháp môn vi diệu
Giúp khai thông
Dòng suối sẽ tuôn trào
Tươi mát
Kỳ diệu biết bao!*





NGUYỄN VĂN BA (1992)

Tên thật : Thái Minh Kiệt

Bút hiệu khác : Một Sách, Phù Sa, Nguyễn Kim Long...

Sinh năm 1947 tại Sa Đéc

Học lực : Cao học Canh Nông (M.Sc. in Agriculture)

Trước 1975 : Nhân viên giảng huấn tại Viện Đại Học Cần Thơ

Sau 1975 : Chuyên viên canh nông, công tác tại Đại Học Saskatchewan, Canada. Phó Chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do nhiệm kỳ 1993-1996.

Tác phẩm :

- Nhiều công trình nghiên cứu đã công bố bằng Anh ngữ trên các tạp san khoa học như Weed Science, Canadian Journal of Botany...

- Chủ biên các Tuyển Tập Những Cây Viết Miền Nam (hai tập, Phù Sa 1990), Truyện Hay Hải Ngoại (hai tập, Phù Sa 1991 và Bình Minh 1993), với sự góp mặt của nhiều văn nghệ sĩ hải ngoại.

- **Góp mặt trong các tuyển tập nhiều tác giả :** Toward Freedom (Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Trung Tâm Quebec 1989), Thấp Sáng Quê Hương (Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do - Sống Việt 1991), Làng Xưa Phố Cũ III (Hoài Việt 1992), Tuyển Tập 20 Người Viết tại Canada (Nắng Mới 1995), Phong Lan (Tủ Sách Áo Trắng 1995), Quê Hương Ngàn Dặm 2 (Người Việt Lưu Vong 1995), Once Upon A Dream : The Vietnamese - American Experience (Andrews and McMeel 1995), Trông Vội Quê Cũ (Làng Văn 1996), Việt Nam 20 Năm 1975-1995 (Đông Tiến 1996), Những Mảnh Đời Việt Nam (Thanh Phương 1996)...

- Lâm Mai, Lãnh Nợ, Gác Cu, Cầm Châu (Phù Sa 1988, 1989, Bình Minh 1992)

- Phạm Đan Bà (viết chung với Nguyễn Bạch Mai Phù Sa 1990, Bình Minh 1992)

- Thành Đô Gió Bụi (Bình Minh 1991)
- Cây Trái Quê Minh (viết chung với Huỳnh Hữu Cửu - Bình Minh 1992, 1993)
- Tự Truyện (Đại Nam 1995)
- Từ Miền Đất Lạnh (Viên Giác 1997)

Bản thảo đã hoàn tất :

- Khổ Qua Đắng, Khổ Qua Đeo
- Chút Tình Với Quê Hương
- Thập Nữ Viết Vô.

Có sáng tác đăng trên các tạp chí : Làng Văn, Tự Do, Nắng Mới, Liên Hội, Quốc Gia, Di Tỏi, Sống, Điện Ảnh, Ngày Mới, Hòa Đạo, Thuyền Tôn, Thời Báo, Thời Sự, Bạn Việt, Việt Nam Thời Báo, Gia Vàng, Lửa Việt, Việt Báo, Thị Trường... (Canada); Phụ Nữ Diễn Đàn, Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Thế Kỷ 21, Người Việt, Mai, Canh Tân, Kháng Chiến, Luột Sóng, Non Nước, Sài Gòn Nhỏ, Dân Việt, Chính Ngôn, Bão Lửa, Sài Gòn Thứ Bảy, Y Tế Phổ Thông, Y Học Thường Thức, Xây Dựng, Đẹp, Năng, Chàng, Hương Quê, Đoàn Kết, Dân Quyền, Phố Nhỏ, Diễn Đàn Tự Do, Sao Trắng, Rạng Đông, Ngày Mới, Người Việt Boston... (Hoa Kỳ); Ái Hữu (Pháp); Độc Lập, Viên Giác, Tin Điện (Đức); Pháp Âm (Na Uy); Việt Nam Nguyệt San (Hỏa Lan); Chiêu Dương, Việt Luận, Saigon News, Chuông Sài Gòn, Dân Việt, Tiếng Nói Người Việt (Úc)...



BÁNH PHỒNG TÔM SA GIANG



*Ta đưa em về quê Sa Đéc
Chèo ghe, ghé lại rạch Nha Môn
Ở môi chín những màu thương nhớ
Ta đợi nhiều đêm cạnh gốc bần...*

•Thơ Phương Triều

Sa Đéc là một tỉnh trú phủ của miền Tiền Giang trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đối với dân chúng ở các địa phương khác của nước ta, Sa Đéc được biết đến qua một số mặt hàng thủ công nghệ, cụ thể như bánh phồng tôm, chiếu lác và gạch ngói.

Năm tôi khoảng chín, mười tuổi, có lần được ba tôi dẫn đi thăm gia đình bác giáo Thuật ở dãy phố công chức cuối đường Phan Thanh Giản, đối diện sông Sa Giang, thành phố Sa Đéc.

Dãy phố này khá dài, được xây từ thời Pháp Thuộc với tường gạch quét vôi, mái lợp ngói âm dương, sàn lót gạch tàu đỏ thẫm, là nơi cư ngụ của nhiều công chức làm việc tại tỉnh lỵ.

Khi ra về, gần tới đầu phố, tôi thấy có nhiều cái nia lớn đựng một loại vật liệu màu trắng đục bày dọc theo vỉa hè và ngay cả trên nóc mấy căn phố. Nia là đồ dùng đan bằng tre rộng về bề mặt nhưng không có chiều sâu thường dùng để phơi ngũ cốc, trái cây, cá khô...

Vật liệu màu trắng trong nia là những lát mỏng hình tròn, đường kính chừng 4-5 cm, mỗi trông qua tôi tưởng là khoai mì, khoai lang hay một loại "bánh" nào đó. Cùng lúc tôi thấy có một chú mèo đang say mê đớp hít "bánh" trong nia và ngay sau đó, một cô bé tú trong dãy phố bước ra, tay cầm cây xua đuổi con mèo. Thái độ thường thức quá háng say của chú mèo làm tôi nghĩ ngay đến câu "mèo thấy mỡ" và đâm ra nghi ngờ món "bánh" trong nia là một loại "bánh mặn", nghĩa là không chỉ đơn thuần làm bằng đường, bột mà có cả thịt, cá.

Tôi kêu giết ba tôi lại để hỏi lý lịch món "bánh" màu trắng trong nia. Ba giải thích đó là bánh phồng tôm với phần chủ yếu là bột và tôm, món ăn mà mấy ngày trước trong khi ba cùng với mấy ông bạn nhậu đang lai rai với rượu lave thì tôi nũng nịu phá mồi. Từ đó tôi có chút khái niệm về bánh phồng tôm trước khi được cho vào chảo dầu nóng bỏng.

Biết và ăn bánh phồng tôm, nhưng mãi mấy năm về sau tôi mới tận mắt chứng kiến việc làm bánh phồng tôm.

Số là hôm ấy tôi đến thăm bác giáo Nờ, nhà ở dọc liên tỉnh lộ 8 nối liền Sa Đéc - Vĩnh Long, trên chợ Nha Môn một đối chùng hai, ba trăm thước. Bác giáo Nờ nguyên là Thầy dạy tôi lớp nhất kiêm hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Nhuận Đông. Nhà bác Nờ là một biệt thự bao quanh bởi vườn cây ăn trái. Nơi đây tôi gặp và làm quen với người láng giềng sát bên nhà bác Nờ, bác giáo Dụng.

Bác Dụng ở Sa Đéc. Ngày cuối tuần gia đình bác Dụng thường rời thành phố về đây để hưởng không khí trong lành và vui thú điền viên. Chuyện trò qua lại, được biết chỉ có bác trai dạy học, còn bác gái ở nhà làm bánh phồng tôm.

Thêm một lúc chuyện vãn, biết ra bác Dụng cũng là bạn của ba tôi, nhà bác Dụng lại

tọa lạc tại đầu dãy phố công chức, cách nhà bác giáo Thuật chỉ mấy căn, day mặt ra sông Sa Đéc, như đã nói trên. Bác Dụng vui vẻ mời tôi hôm nào ghé nhà bác chơi, luôn tiện quan sát công việc làm bánh phồng tôm của bác.

Bác giáo Dụng làm bánh phồng tôm tại tư gia, theo kiểu thủ công, có muốn người phụ giúp. Mùa tôm nhiều và rẻ, dân chúng địa phương gọi là mùa tôm xố, nhằm tháng 9, tháng 10 âm lịch, lúc nước sông giụt xuống sau mùa nước nổi, bác gia tăng sản lượng, muốn thêm nhân công.

Tôm tươi sống lột vỏ, cắt đầu, rửa sạch, cho vào cối đá xanh xay nhuyễn. Sau đó trộn thêm bột khoai mì, gia vị, lòng trắng trứng vịt và thuốc tiêu mặn rồi bỏ chung trong chậu đá hoa để quết. Việc quết bánh phồng tôm không quá cực nhọc so với bánh phồng nếp hay chà lưa bởi thịt tôm rất mềm, tuy nhiên cũng cần quết cho thật đều. Hỗn hợp được gói bằng vải thành những cây bánh hình trụ tròn như lòn chuối, hấp cách thủy trong khoảng một tiếng đồng hồ. Hấp xong, lột vải, để trên vỉ qua đêm cho ráo nước, hôm sau xắt cây bánh thành lát mỏng đem phơi chừng hai nắng, nhằm chừng khi trọng lượng không còn thay đổi nhiều là có thể vô bao bán được. Bác Dụng cho biết muốn làm được một kí lô bánh khô phải cần trung bình hai kí lô tôm tươi sống.

Tham quan xưởng làm bánh phồng tôm của bác giáo Dụng xong, tôi còn được bác biếu mấy gói bánh phồng tôm mang nhãn hiệu Mai Hường để dùng thử. Trên đường về tôi nghiệm ra mấy người làm bánh phồng tôm ăn trông đó hệt vịt một nghị vì mỗi ngày công việc thái ra vài ba chục tròn đồ là thường. Về các loại gia vị, bí quyết riêng mà ít ai chịu nói ra, nhưng tựu chung chắc vẫn là đường, muối, tiêu sọ, hành, tỏi, nước mắm... Hồi ấy tôi không nghĩ đến, ít lâu sau 1975 tôi mới biết bánh phồng tôm có nhiều bột ngọt, khi một bà chủ hãng vào tù về tội "đầu có tích trữ" bột ngọt, món nhu yếu phẩm quản lý bởi nhà nước cộng sản.

Mấy năm sau tôi có dịp trở lại thăm bác giáo Dụng, công việc làm ăn phát đạt, bác đã trang bị máy xay tôm, máy sấy bánh...

Mai Hường không phải là hãng làm bánh phồng tôm duy nhất hay lớn nhất trong tỉnh. Sa Đéc có chừng hai mươi nhà sản xuất bánh phồng tôm, phổ biến có Thành Tâm của bà Hai Khe, Sa Đéc của bà Năm Cầm, Phước Thành của bà Tư Hón, Phước Hưng của bà Út Chơi... Trong số này, qui mô nhất là hãng Sa Giang của ông bà Lê Minh Triết, với mức độ hiện đại hóa tối đa bằng các loại máy móc và phòng lạnh để giữ tôm, ướp tôm. Tính về thị trường tiêu thụ, bánh phồng tôm đi xa nhất so với các mặt hàng thủ công khác của tỉnh Sa Đéc, chẳng những trong nước Việt Nam mà còn ra ngoại quốc. Người Việt đi tới đâu, bánh phồng tôm Sa Giang theo tới đó. Từ lâu, nhiều nhà hàng Việt Nam ở Pháp đã bày bán bánh phồng tôm cho thực khách, Việt kiều ở Pháp và các quốc gia Âu Châu, Bắc Phi Châu... mua bánh

phồng tôm làm quà cho người địa phương trong các dịp đầu năm, lễ lộc và rất được họ ưa thích. Cho tới năm 1975, bánh phồng tôm Sa Giang đã xâm nhập thị trường của nhiều quốc gia trên thế giới, tuy chưa thể sánh bằng mì Nhật Bản, kim chi Đại Hàn, trái cây đóng hộp Mã Lai... nhưng rõ ràng đã có bằng chứng khích lệ về sự tiêu thụ đáng kể. Sau 1975, bánh phồng tôm Sa Giang xâm nhập thị trường miền Bắc Việt Nam và được nồng nhiệt chào đón. Chúng được bày bán trong các nhà hàng, quán nhậu... và nhất là quán bia ôm về sau này. Để cạnh tranh, một số thương nhân và công kỹ nghệ gia miền Bắc đã cho ra đời một loại bánh phồng tôm khác mang tên bim bim, nhưng về phẩm chất chỉ tương đương với loại bánh phồng tôm của người Hoa ở Chợ Lớn.

Về cách ăn bánh phồng tôm, sau khi được chiên trong mỡ hay dầu, bánh này được dùng làm một loại "đồ ăn chơi" của người lớn lẫn trẻ con, tương tự như potato chip của Âu Mỹ hay shrimp chip của Hồng Kông, Đài Loan... Dân nhậu coi đây là một món nhắm nhẹ, có sẵn trên thị trường, không phải mất nhiều thì giờ chuẩn bị. Uống beer lạnh, rượu mạnh pha soda hay các loại nước ngọt cùng với bánh phồng tôm thích hợp hơn rượu mạnh nguyên chất bởi bánh làm khát nước. Trong các tiệc tùng, nhà hàng hay đãi thực khách món bánh phồng tôm khai vị, đi chung với thịt nguội, thịt bát bửu, ba té gan... hoặc vẽ duyên kèm trong các đĩa gà quay, vịt quay... để thay đổi cho bớt ngán. Nhiều quán nhậu chuyên nghiệp dùng bánh phồng tôm thay bánh trắng nướng làm muỗng xúc dùi éch bằm nhỏ xào sà ớt, rắn, chuột đồng bằm xào hành, gói tôm thịt...

Năm học đệ ngũ trường Trung học công lập Sa Đéc tôi có người bạn tên Lục, vài ba lần theo anh về nhà chơi và quan sát việc làm chiếu lác ở xã Tân Hưng

Anh Lục ốm cao, trắng trẻo, chững chạc và hiền lành nên được bạn bè cùng lớp tin nhiệm vào vai trò trưởng lớp, chẳng những trong năm ấy và nhiều năm trước và sau đó, nên anh được mệnh danh là trưởng lớp muốn năm.

Tân Hưng là một xã sát cạnh tỉnh lỵ Sa Đéc, ven bờ sông Tiền Giang. Hầu hết dân cư trong xã lấy nghề làm chiếu lác để mưu sinh, cha truyền con nối, từ đời này sang đời khác. Qua những năm chiến tranh loạn lạc, nhiều lần sóng nước Tiền Giang làm đất sụp lỏ, đồng bào phải dời chỗ đến những vùng tiếp cận, đa số dân chúng trong làng vẫn tiếp tục nghề cũ. Nói về Tân Hưng và nghề làm chiếu lác, nhà thơ Đỗ Cẩm Tú viết :

*Đất lờ Tân Hưng chiếu dệt khét tiếng đồn
Chấp trăn quanh năm vui mùa chẻ lác...*

Thật ra khi nói đến chiếu lác, nổi tiếng nhất phải kể chiếu của xã Tân Duyệt thuộc quận Đầm Chim tỉnh Cà Mau. Chiếu Tân Duyệt đã đoạt bằng danh dự về nghề này trong phiên chợ đấu xảo toàn quốc tổ chức tại vườn Tao

Đàn (xưa là vườn Ông Thượng) Sài Gòn khoảng năm 1927 với chiếc chiếu dệt nổi hai chữ Sài Gòn và Việt Nam cực kỳ sắc sảo. Chiếu này còn được khắp nơi biết đến qua bản vọng cổ "Tình Anh Bán Chiếu" do nghệ sĩ Út Trà Ôn trình bày với phần mở đầu câu thủ nhứt : "Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên bờ kinh Ngà Bày, sao cô gái năm xưa chẳng thấy ra chào..."

Những năm sau đó, do tình hình chiến tranh ngày một lan rộng, việc sản xuất chiếu ở Cà Mau bị hạn chế nên không đủ cung ứng cho thị trường toàn quốc. Chiếu lác Tân Hưng từ vị trí thủ hai tiến lên địa vị hàng đầu, chất lượng cao hơn chiếu Cái Dầu tỉnh An Giang và chiếu Bến Lức tỉnh Long An mấy bực.

Đại cương, muốn hoàn thành một chiếc chiếu, người ta phải qua các giai đoạn sau đây : chuẩn bị lác, chấp trăn và dệt chiếu.

Lác ở Tân Hưng được trồng trên đất phủ sa mới bồi đắp. Đây là ruộng khoảng đất cồn rộng rãi tọa lạc giữa sông hay những bãi bùn dựa mé sông, những vũng, đầm, ao cạn... quanh năm đều có nước nên không được dùng để trồng lúa. Gốc lác giống được cấy xuống một lần, rồi thì không phải bón phân, tưới nước gì cả. Cây lác (miền Bắc gọi là cói) tự sinh sôi, nảy nở, cứ đến mùa dân chúng lại đến nơi thu hoạch về dệt chiếu.

Thời gian trồng lác tối khi thu hoạch đợt đầu là từ sáu tới chín tháng. Năm nào nắng hạn thì lác thấp và thưa, còn mùa thuận gió hòa thì lác dày và cao. Mùa làm lác ở Tân Hưng đúng vào tháng hai âm lịch. Có thể dùng luối hái, nhưng phổ biến nhất là dùng phàng để phát lác. Một công lác trồng thường cần đến bảy người : hai người phát gọi là hai phàng, bốn người giữ và một người bó. Giữ lác là công việc khéo léo và có tế chức. Người thủ nhất nắm bó lác giữ và chỉ giữ lại lác cao khoảng 1,60m. Người thủ hai tiếp tục công việc, giữ lại lác 1,50m. Người thủ ba giữ lại lác 1,40m. Người cuối cùng giữ lại lác 1,30m. Sau bốn lần giữ, số còn lại gọi là lác manh, con nít trong làng đến nơi lượm mót về phơi, chế biến, làm dây cột bàn, dệt chiếu manh...

Giữ lác là sắp hạng lác theo kích thước dài ngắn, xong bó lại mang về nhà. Ở Tân Hưng nhiều người dùng đòn sóc hai đầu nhọn để gánh lác giống kiểu gánh mạ.

Chẻ lác thành những cọng nhỏ, đều đặn là công việc khó khăn nhất trong phần chuẩn bị nên cần người nhiều kinh nghiệm. Tôi có chẻ thử, nhưng lác bị đứt từng đoạn ngắn hoặc lấy đi khiến cọng lác không đều, chỗ dày chỗ mỏng. Người chẻ lác chuyên nghiệp sử dụng mác vót thiết bén, chẻ cọng lác từ đầu đến cuối đi một mạch thật đều. Một cọng lác thường chẻ làm bốn rồi vượt bó ruột. Phần vượt bó ruột lác khá quan trọng, giúp lác khô co lại nhỏ và đều.

Công việc tiếp theo là phơi lác. Người phơi lác đặt đầu bó lác xuống đất rồi nhanh nhẹn hạ thấp ngọn lác, xòe ra thành góc 90 độ. Công

việc này có mục đích làm cho những cọng lác khô đều hơn và đẹp mắt. Mùa mưa phải "trang" bó lác theo hình cánh quạt, bó này chồng lên bó kia để lác khô đều phần gốc cũng như ngọn. Dân chúng làm lác ở Tân Hưng có truyền thống đoàn kết, mỗi khi trời mưa họ kêu nhau ơi ới, rồi mọi người trong nhà đổ xô ra, già trẻ bé lớn, xúm nhau gom lác và đập lại, không phân biệt của riêng ai, xong việc tất cả mọi người mới cùng nhau về nhà. Nhờ đoàn kết như vậy họ mới đối phó kịp thời với những cơn mưa nhiệt đới đến bất chợt.

Khâu kế tiếp là nhuộm lác. Chiếc Tân Hưng thường có ba màu : xanh, vàng và đỏ. Chiếc trắng thì ở hai đầu chạy một ít màu xanh hay đỏ. Chiếc lấy chữ hoặc chiếu con cò thường chỉ dùng một màu đỏ. Chiếc manh không màu.

Màu xanh dùng phẩm xanh. Màu vàng nhuộm nghệ. Đặc biệt màu đỏ nhuộm cây vang. Cây vang khi mới vặt có màu vàng, nhưng khi ngâm trong nước thì cho màu đỏ tươi không phai lợt. Chiếc đỏ nhuộm vang không có thuốc nhuộm nào tốt hơn, vừa rẻ tiền, dễ nấu lại lâu phai.

Ngoài lác, công việc dệt chiếu cần một vật liệu khác gọi là dây trần. Dây trần là dây bố bán từng lọn ở tiệm tạp hóa. Người dệt chiếu mua dây bố về xé nhỏ ra rồi xi xe nối với nhau thành một cuộn dây dài như xe nhợ câu để đưa vô khung dệt thành những đường lượn trong chiếc chiếu về sau. Công việc này gọi là chắp trần. Chiếc chiếu chịu đựng lâu dài hay không một phần do dây trần.

Khâu chuẩn bị lác và dây trần đã xong. Bây giờ đến phần dệt chiếu. Người dệt chiếu không cần có sẵn cái khung cũ cố định như người dệt vải, dệt lụa. Khoảng trống ở hiên nhà hoặc một mái che nhỏ nhỏ là có thể làm nơi dệt chiếu vào bất cứ thời điểm nào cũng được. Người ta lấy hai cây đòn tay buộc ngang cây cột để làm khung dệt chiếu. Hai cây đòn tay ấy cột ở hai đầu rồi luồn dây trần vào theo chiều dọc khung dệt. Chiếc lớn luồn dây trần khổ rộng, chiếc nhỏ thì bó hẹp lại.

Người dệt chiếu, thường là phụ nữ, điều động việc dệt chiếu với sự phụ giúp của một em bé ngồi ngoài hông khung. Em bé lớn từng cọng lác theo chiều ngang khung dệt vào kẻ dây trần, công việc này gọi là chuỗi lác. Cọng lác chuỗi qua hàng trần xong thì người phụ nữ ngồi trên khung dệt đập lác lại cho khít, rồi bẻ hai đầu sợi lác lại để nó không sút ra.

Với chiếc trắng việc chuỗi lác rất đơn giản. Chiếc màu (chiếu bông, chiếu cổ, chiếu con cò, một mẹ hai con...) mất nhiều thì giờ hơn vì phải chọn màu lác để chuỗi. Chiếc màu có chữ, có hình nổi, hồ văn chung quanh... phức tạp nhất và đương nhiên mất nhiều thì giờ nhất.

Bên cạnh những câu ca dao trữ tình của cả nước có liên lạc ít nhiều đến chiếu như :

*Sáng trắng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ*

Từ nghề làm chiếu lác lâu năm, xã Tân Hưng nói riêng, Sa Đéc nói chung, cũng đã nảy sinh ra những câu ca dao địa phương.

Nói về các loại chiếu và duyên kiếp bẽ bàng của người con gái, ca dao Tân Hưng có câu :

Chiếu bông, chiếu trắng, chiếu ngắn, chiếu dài

*Tự em trải chiếu cho em ngồi
Gá duyên khôngặng bồi hồi lá gan*

Làm vợ bé của người đàn ông đã có gia đình khác nào như chiếu bông mà không được trải ở ngựa giữa, cam phận hẩm hiu ở một góc nền nhà, lại còn lo sợ phập phồng, một ngày đó sẽ bị vứt đi:

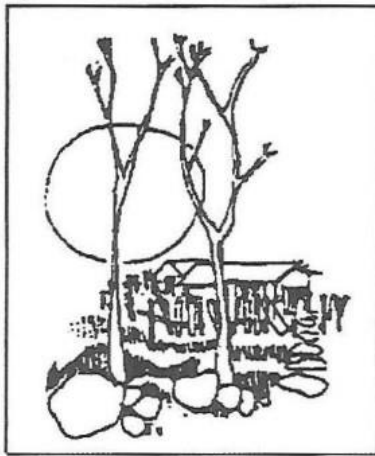
*Chiếu bông mà trải góc nền
Muốn vô làm bé biết bên hay không*

Có người con trai tự ví mình như manh chiếu rách, còn người chàng yêu là hoa cúc ở vị thế cao sang. Tình yêu chàng dành cho nàng chắc sẽ không đạt được vì sự cách biệt :

*Thân em như bông cúc trên trang
Thân anh như manh chiếu rách bạn hàng bỏ quên*

Dù vậy chàng luôn nuôi hy vọng, một ngày nào đó, khoảng cách giữa chàng và nàng sẽ không còn nữa :

*Vái trời cho gió thổi đứt dây trang
Cho bông cúc rớt xuống, cho manh chiếu bay lan lên đầu*



Chiếu manh làm bằng lác vụn, lác bỏ đi, là chiếu hạng bét trong các loại chiếu trên thương trường, khác nào mấy đứa bé mồ côi trong đời sống bình thường của vô số những trẻ con đầy đủ tình thương cha mẹ :

*Nước chảy ra thương cha nhớ mẹ
Nước chảy vào thương kẻ mồ côi
Mồ côi ba thủ mồ côi
Thủ ăn bát sứt, thủ ngồi chiếu manh*

Nghề làm chiếu lác thăng trầm theo thời gian. Khoảng trước năm 1958 chiếu lác tiêu thụ mạnh không những trong nước mà ngay cả trên đất Miên, Lào... nên sản xuất có lúc "không đủ bán".

Sau đó chiếu nylon chiếm thị trường, đẹp, rẻ, nhẹ và bền hơn, chiếu lác bị thất sủng, nghề làm chiếu lác có lúc tưởng chừng phá

sản. Cả dây lác vụn cũng bị dây thun thay thế, cạnh tranh ráo riết. Mấy năm gần đây, với khuyến hướng khuyến khích bảo vệ môi sinh và tái sử dụng nguyên liệu, nghề làm chiếu lác có nhiều cơ may phục hồi, tiếc là nghề này sử dụng quá nhiều sức lao động nên không có giá trị kinh tế. Dù sao, nhiều người Việt Nam và Á Châu ngày nay vẫn ưa thích chiếu lác, bởi chiếu lác giúp nằm, ngồi lâu dưới điều kiện thời tiết nhiệt đới nóng nực mà vẫn thấy mát, rút mồ hôi, và chiếu lác Tân Hưng vì lẽ đó luôn được nhắc nhở.

Sa Đéc có nhiều lò gạch sản xuất gạch ngói. Những lò này phần lớn nằm dọc theo các trục giao thông chính trong tỉnh, đặc biệt là liên tỉnh lộ 8 nối liền Sa Đéc - Vĩnh Long - Long Xuyên và sông Sa Giang.

Trên con đường dài khoảng bảy cây số của liên tỉnh lộ 8 từ Nha Môn đến Sa Đéc, hàng ngày đạp xe đi học, tôi nhớ có ít nhất năm cái lò gạch. Đoạn thứ nhất từ Nha Môn đến rạch Tân Xuân có ba lò, lò thứ ba tên Thành Sự. Đoạn thứ hai từ rạch Tân Xuân đến rạch Bà Vạch tương đối ngắn và không có lò nào. Đoạn thứ ba từ rạch Bà Vạch tới rạch Xẻo Vạc có hai lò, lò thứ nhất tên Nam Lợi. Đoạn chót từ rạch Bà Vạch đến châu thành Sa Đéc không có lò gạch.

Tôi nhớ hai lò gạch Thành Sự và Nam Lợi khá rõ vì có bạn ở đây. Anh Chí là cháu của ông chủ lò gạch Thành Sự.

Anh Tổng không có họ hàng với chủ nhân lò gạch Nam Lợi nhưng gia đình anh mở một cái quán chạp phở nhỏ ven đường liên tỉnh ngay bên cạnh cổng vào lò gạch. Quán ấy có mặt nơi đây trong một thời gian khá dài.

Trước tiên xin nói qua về gia đình anh Tổng, gồm có ba má anh và hai đứa em gái.

Ba anh Tổng người cục mịch, chón chất và ít nói hơn má anh. Quán ông có bán một loại thuốc lá hiệu Ara bao đỏ, hơi dài với hình con két trắng, mỏ quạp. Thuốc lá bán lẻ, nên thỉnh thoảng gói còn một hai điếu, ông xé gói lấy mấy điếu thuốc cuối cùng hút chơi. Tình cờ, một hôm ông đọc thấy mặt trong một gói thuốc lá Ara có đề chữ trúng số một dàn máy may hiệu Sinco. Ông đi Sài Gòn lãnh giải và chụp hình bên cạnh dàn máy may mới toanh. Tấm hình ấy được trang trọng treo giữa nhà. Đó là hình ảnh đập vào mắt tôi trước tiên khi bước vào quán.

Anh Tổng có hai người em gái, nhan sắc đều thuộc loại hoa nhường nguyệt thẹn. Cô lớn tên Tư, cô nhỏ tên Năm. Bọn học trò con trai chúng tôi từ Nha Môn lên Sa Đéc học bằng xe đạp thường đi khá sớm, tới cầu Bà Vạch thì ngừng lại, chờ đến khi thấy bóng hai nàng rời quán mới tiếp tục lên đường, đuổi theo, để tìm cách trò chuyện hoặc tán tỉnh. Mỗi ngày hai bạn đi về như vậy, thét rồi bóng hai nàng trên chiếc xe đạp sườn nhôm với tà áo dài trắng phồng lên trong gió, lậm vào tầm khám bọn con trai chúng tôi lúc nào không hay. Có một

anh bạn si mê cô Năm đến độ hôm nào không gặp mặt hay không nói được mấy câu vu vơ với cô là hôm ấy anh thần thờ như người bị mộng du. Về sau cô Năm đi xe Vélo Solex, báo hại anh bạn ấy với chiếc xe đạp cũ kỹ, hết đường theo kịp.

Tôi quen anh Tống vào những năm đầu thập niên 1960. Anh hội đủ những điều kiện "con nhà khá giả, đẹp trai, học giỏi" nên rất quen nữ giới. Anh lại có thêm hai điều kiện đặc biệt khác : ăn nói nhỏ nhẹ và luôn rùng rình tiền trong lưng nên nhiều cô mê anh như điên đổ. Tôi biết chuyện anh luôn có tiền trong túi vì một hôm ghé quán, anh rủ tôi vào khu lò gạch chơi, trước khi đi anh tự nhiên mở tủ bán hàng lấy một xấp tiền mang theo.

Nhưng chuyện trai gái hại anh Tống, tưởng đâu đã tan nát "đôi con trai". Số là anh "thà dẽ" vào phía trong liên tỉnh lộ và tình cờ quen một cô nữ giao liên trẻ của Việt Cộng mà anh không ngờ. Về sau cô ấy bị bắt với mấy bó truyền đơn trong người, bị điều tra, cô khai hoăng là có quen với anh và anh Thọ, một người bạn thường đi chơi chung với anh. Phòng nhì Chi Khu Châu Thành điệu hai anh Tống, Thọ về Chi Khu thẩm vấn. Lúc ấy Thiếu Tá Xinh, Chi Khu Trưởng, có đích thân vào trường Trung học công lập Sa Đéc để điều tra và xác minh lý lịch của hai anh Tống và Thọ. Về lại Chi Khu, Thiếu Tá Xinh ra lệnh trả tự do cho hai anh vô điều kiện.

Trở lại lò gạch Nam Lợi, nhờ anh Tống giới thiệu với những công nhân làm việc trong lò, từ tài phú đến thợ in gạch, tôi biết được gần như toàn bộ sinh hoạt của lò gạch này.

Lò gạch Nam Lợi, cũng như những lò gạch khác trong vùng, mặt tiền đối diện liên tỉnh lộ 8 để thuận tiện cho việc chuyên chở bằng đường bộ. Mặt hậu nằm trên bờ sông Sa Giang giúp việc vận chuyển bằng đường thủy được dễ dàng.

Phía trong liên tỉnh lộ 8 là khu vực lấy đất để làm gạch cung cấp cho lò. Đất ruộng được chia ra thành nhiều lô nhỏ, khai thác theo thứ tự từ lô ngoài vào trong. Lô nào lấy đất xong thì xả nước sông vào, đồng thời nuôi lục bình để phủ sa bồi đắp lần hồi chỗ đất bị lấy mất. Chừng ba mươi năm có thể khai đất trở lại ở lô cũ.

Đất nơi đây là loại đất sét mỡ gà, màu nâu vàng, nói nôm na là đất nặng, thích hợp cho việc làm gạch ngói. Trong khi đất sét vùng Lái Thiêu, Biên Hòa... là loại đất sét trắng, thích hợp với việc làm đồ gốm, nắn tượng... hơn. Vì vậy so với Đồng Nai, gạch ngói Sa Đéc được ưa chuộng hơn.

Lò gạch Nam Lợi sản xuất bốn loại gạch ngói chánh : gạch tàu, ngói âm dương, gạch tiểu hay gạch thẻ và gạch ống.

Gạch tàu dùng lót nền, mất nhiều công sức chuẩn bị nhất. Đất sét lấy từ ruộng lên, đem nhồi với nước thật dẻo rồi nén chặt vào khuôn đúc, mỗi khuôn chỉ một viên gạch, nén xong lại phải chà mặt trên cho láng.

Ngói dùng lợp nóc, chồng chất lên nhau thành hàng dọc. Một hàng ở vị thế úp hay dương nối tiếp một hàng ngửa hay âm. Ngói cũng làm bằng tay và cho vào khuôn, nhưng không mất nhiều công như gạch tàu.

Gạch tiểu hay gạch thẻ dùng xây nền, tường, cột... Gạch ống kích thước thường gấp đôi gạch tiểu về chiều dài, điểm khác nữa là gạch này bọng ruột. Phần bọng ở giữa viên gạch, gồm bốn hình trụ đáy vuông. Do bọng nên nhẹ, gạch ống chủ yếu được dùng xây tường.

Tôi có làm thủ cả bốn loại gạch ngói tại lò Nam Lợi và thích thú nhất với việc làm gạch ống. Chỗ làm gạch ống là một căn nhà nhỏ gần cầu Bà Vạch, dọc liên tỉnh lộ, bên trong hàng rào. Cần ít nhất sáu công nhân để sử dụng máy làm gạch ống chạy đầu cặn. Bốn người nhồi đất sét và thay phiên cho đất vào máy một cách liên tục, một người đập đất xuống bộ phận làm ra gạch. Từ đó, gạch chạy ra khỏi máy như một ống dài. Người cuối cùng dùng một dụng cụ bằng dây kim khí cắt ống gạch thành nhiều viên ngắn chiều dài bằng nhau. Các loại gạch được phơi khô rồi chất thành đống chờ ngày đủ số lượng để đưa vào lò nung (hầm). Mỗi lò gạch có khoảng năm lò nung hình bán cầu (dome) mái khum lên xây bằng gạch tiểu.

Một lò nung ở lò gạch Nam Lợi chứa khoảng bốn chục thiên gạch ngói đủ loại khi được sắp vào. Gạch sắp ở dưới, ngói bên trên. Xong đốt lò liên tục trong một tuần rồi tắt lửa để gạch ngói nguội và khô dần trong ba ngày trước khi lấy ra. Đưa vô lò nung bốn chục thiên nhưng chỉ lấy ra khoảng hai mươi lăm thiên sắp ở giữa và phía trong đã thiệt chín và cứng đúng mức. Mười lăm thiên còn lại nằm ở vòng ngoài tuy cũng khô cứng nhưng chưa đúng mức, được di chuyển vào giữa lò để nung trong đợt kế tiếp với gạch ngói mới đưa vô, gối đầu và nối tiếp như vậy mãi. Mỗi tháng một lò nung hai lần, sản xuất năm mươi thiên gạch ngói.

Những năm đầu, lò gạch Nam Lợi sử dụng củi để nung gạch. Thường là củi tràm và được từ Đồng Tháp Mười, U Minh, Cà Mau... Ngày thứ nhất đốt nóng vừa phải, dùng khoảng ba thuốc củi. Từ ngày thứ hai đến thứ bảy, lò nóng tối đa, phải sử dụng tới năm thuốc củi mỗi ngày. Những năm về sau do tình hình chiến tranh lan rộng, nguồn cung cấp củi không được đều đặn như ý, giá cả gia tăng nhanh chóng và đợt ngớt. Chủ lò phải thay than củi bằng trấu thải ra từ các nhà máy xay lúa trong vùng. Khi tôi thăm lò gạch Nam Lợi lần cuối cùng thì hai trong năm lò nung ở đây dùng dầu ma-dút (dầu hôi đỏ - mazout) thay củi trong việc hầm gạch.

Gạch ngói sản xuất được tiêu thụ một phần nhỏ bởi dân chúng địa phương và lân cận. Phần lớn còn lại được phân phối đi xa bằng xe, và nhất là bằng ghe chài.

Chỉ có gạch ngói đủ tiêu chuẩn phẩm chất được bán trực tiếp. Gạch hủ, ngói vụn... thì đập nhỏ ra để lót đường, làm bit-ton... Các khu vực

lò gạch thường trải đường với gạch ngói hủ vụn trên nên không bị sinh lầy, dơ bẩn về mùa mưa.

Nhiều lần tiếp chuyện với công nhân lò gạch, tôi được biết đời sống của họ rất cực nhọc và túng quẫn. Nhiều người than phiền chủ nhân giàu nứt đố đổ vách nhưng trả lương nhân công thấp để thủ lợi. Hỏi rằng : tại sao họ biết chủ giàu? Họ nhún vai trả lời : đất đào lên đem bán mà không giàu sao được!

Tôi còn nhớ một lò gạch khác tên Tân Thành ở một bên đốc cầu Cái Cam, phía bên kia là chợ Trường An, vì chủ lò là ba anh Ngân, bạn học với tôi.

Chỉ có lò gạch Tân Thành là gia đình người chủ cư ngụ tại khu vực lò, có lẽ do gần tỉnh lộ Vĩnh Long, điều kiện an ninh bảo đảm.

Các chủ lò gạch khác thỉnh thoảng mới thăm lò một lần, mọi việc giao cho tài phú.

Trong một lần về thăm lò, ông Nam Lợi bị Việt Cộng phục kích bắt giữ về tội không đóng thuế nhiều năm liền. Theo dư luận, ông này có một người con làm Tiểu đoàn trưởng thuộc Sư đoàn 9. Việt Cộng mang ông Nam Lợi vào sâu phía trong đường liên tỉnh lộ, xiềng chân tay và nhốt dưới hầm sâu để đòi một số tiền chuộc rất lớn. Mấy tuần sau, người con ông mang quân đội vào giải thoát, nhưng ông đã bị sát hại không lâu trước đó. Loạn lạc mỗi ngày một gia tăng, Việt Cộng đắp mô và phục kích thường xuyên trên liên tỉnh lộ 8. Lò gạch Nam Lợi tạm thời ngưng hoạt động, gia đình anh Tống dọn nhà xuống chợ Nha Môn sinh sống. Cùng thời gian ấy, tôn và fibro xi măng tràn ngập thị trường. Tuy nhiên công nghiệp gạch ngói ở Sa Đéc chỉ tạm thời đình hoãn, bởi nhu cầu xây dựng, kiến thiết ở khắp nơi ngày một gia tăng và một căn nhà nền đúc, tường gạch, nóc lợp ngói đồ lúc nào cũng là mơ ước của đại đa số dân chúng bởi những lý do : mát mẻ, đẹp mắt và bền bỉ.

Ngoài bánh phồng tôm, chiếu lác và gạch ngói, Sa Đéc còn nổi tiếng với những sản phẩm thủ công khác. Bột mỳ các xã An Tịnh, Tân Phú Trung, Hòa Long... được Hoa Kiều Chợ Lớn mua để xuất cảng sang các nước láng giềng.

Bánh tráng hủ tiểu ở đốc cầu Nhà Thờ, bến đò Cò Chòi... tiêu thụ mạnh tại thị trường thủ đô Sài Gòn. Sản phẩm kim hoàn Sa Đéc tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi, từng được giải thưởng tại các hội chợ đấu xảo, triển lãm ở Paris 1878, 1885 ở Anvers Bỉ quốc, 1922 ở Marseille Pháp quốc...

Đền sập đám cuối, chôn dung nổi trên lỵ Thủy Tiên, hoa kiếng Tân Qui Đông... là những đóng góp đáng ghi nhận khác của người dân Sa Đéc.

NGUYỄN VĂN BA
Saskatchewan, Canada
5/97 (Ngà 10010)



TÔN THẮT HỨA

Sinh ngày 15 tháng 7 năm 1942 tại Huế.

- Năm 1967 tốt nghiệp Đại Học Y Khoa.
- Năm 1970 giảng viên Trường Đại Học Y Khoa Huế.
- Năm 1973 tu nghiệp giải phẫu lồng ngực tại Đại Học Würzburg.
- Hiện làm việc tại Würzburg.

Hơn một thế kỷ kể từ ngày Tôn Thất Thuyết phát lệnh tấn công Pháp vào ngày 05 tháng 7 năm 1885 (tức tối 22 rạng ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu) ở Huế, chẳng may vận nước chưa gặp thời hơn nữa lũ Việt gian bán nước đã cấu kết với bọn Pháp tạo nhiều điều kiện bất thuận lợi cho phong trào đòi chủ quyền dân tộc. Cuộc tấn công vào đoàn quân viễn chinh thực dân Pháp do Roussel De Courcy chỉ huy nói lên được cái liêm sỉ của nhóm người chủ chiến trước áp lực nặng nề của lũ ngoại bang, thái độ thù nghịch của tên Đại Toàn Quyền của nước Pháp Roussel De Courcy, nguy cơ một cuộc tấn công cấp kỳ, tránh cánh đất nước bị chiếm đoạt điều linh, không để bọn thực dân làm nhục quốc thể.

Hơn một trăm năm đã để lại khá nhiều ý kiến khen chê ông Tôn Thất Thuyết mà quãng đường lưu vong của nước sau ngày thất thủ kinh đô đã bị nhiều người đương thời và cả hậu thế chúng ta ngày hôm nay cứ mãi chê trách ông không hề có một tiếng khen, họa hoàn mới có đôi lời biện hộ yếu ớt cho chặng đường lữ bước của ông. Nhận định về Tôn Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông, trước hết chúng ta không thể không lau sạch những lớp bụi đã phủ lên khuôn mặt lịch sử đó.

Trong chiều hướng nghiên cứu làm rõ hơn cái tâm cũng như những nỗ lực tột cùng của Tôn Thất Thuyết với các chiến hữu của ông trên dặm đường phiêu bạt nơi đất khách quê người; bài viết không có tham vọng gì hơn ngoài sự tìm hiểu việc củng cố lực lượng, nguyên nhân biến cố kinh thành 1885 và sự mong muốn được góp phần làm thay đổi những định kiến nghiệt ngã nhất là quãng đường sau

biến cố ất dậu 05.7.1885 con đường cứu nước của **TÔN THẮT THUYẾT** (29.3.1839 - 22.8.1913)

ngày thất thủ kinh đô luôn luôn ám ảnh trong tâm trí cho những ai khi nghĩ về con người được liệt vào linh hồn của nhóm chủ chiến, Tôn Thất Thuyết.

I. CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ CHỐNG PHÁP CỦA TÔN THẮT THUYẾT

Tôn Thất Thuyết về kinh làm Thượng Thư Bộ Binh giữa lúc thực dân Pháp đang tăng cường các hoạt động nhằm thôn tính Bắc Kỳ. Cuộc chiến đấu chống Pháp của các sĩ phu và nhân dân kết hợp với quân triều đình chống giữ Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định đang trở nên sôi động. Từ đây ý đồ chuẩn bị cho công cuộc chống Pháp lâu dài của phe chủ chiến và Tôn Thất Thuyết bước đầu được thực hiện song ánh hưởng của vua Tự Đức và phe chủ hòa còn mạnh cho nên việc chuẩn bị chưa diễn ra công khai và toàn diện. Phái đối lập vua Tự Đức mất, Tôn Thất Thuyết trở thành Phụ chính đại thần liên kết với Nguyễn Văn Tường thực sự nắm giữ cương vị quan trọng của triều Nguyễn công cuộc chuẩn bị chống Pháp của ông mới được tiến hành khẩn trương, quyết liệt diễn ra trên các mặt chính trị, quân sự và ngoại giao.

I. 1. CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG CHỦ CHIẾN, PHÁT ĐỘNG LÒNG TRUNG NGHĨA TRONG QUÂN SĨ VÀ NHÂN DÂN

Kiến Phúc lên ngôi, mở đầu một thời kỳ mới với nhiều chính sách tích cực nhằm chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần cho một cuộc chống Pháp lâu dài. Có thể nói đây là một bước ngoặt trong chính sách kháng Pháp của triều đình Huế. Cầm đầu nhóm chủ chiến là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Phạm Thân Duật đã nắm ba Bộ then chốt: Bộ Binh, Bộ Lại và Bộ Hộ. Khi vua Kiến Phúc băng hà vì bạo bệnh, cả ba đã trở thành quan Phụ chánh cho Tân vương Hàm Nghi. (Xin tham khảo thêm bài Quan Sự Quyền Tôn Thất Thuyết và vai dữ kiện về Nguyễn Văn Tường đã đăng tải trên báo Viên Giác).

Trong thời kỳ Kiến Phúc và Hàm Nghi những chính sách tích cực đã được thi hành:

1. Triều đình cho về quê lính già yếu, nâng cao tiêu chuẩn luyện tập bắn súng, cấp tuất cho quan quân thất lạc hoặc tử trận ở Bắc Kỳ, Thuận An trước đây để động viên lòng trung nghĩa, Tôn Thất Thuyết cho Bộ Binh lập danh

sách 256 người lính tử trận tại Thuận An từ Hiệp Quân, suất Đội trở xuống được tăng hàm, cấp Tuất, khai ấm tử nhiều ấm để khuyến khích binh sĩ, truy tặng những tướng sĩ tử trận các cửa biển, chiếu theo hàm tước mà cấp tiền tuất và khai ấm cho con cháu, cấp thêm lúa, sai các tỉnh tế lễ một lượt, liệt thờ vào đền trung nghĩa. Hoàng Diệu được liệt thờ vào đền trung nghĩa và nêu cao sĩ khí, có ảnh hưởng cổ động tinh thần chống giặc trong sĩ phu và nhân dân⁽¹⁾ Cho tạo súng máy kiểu Hoa Kỳ và Đức. Nguyễn Hanh và Hồ Hiến được phân công nắm giữ quân đội. Quân phần nghĩa mới thành lập được giao cho Trần Xuân Soạn chỉ huy.

2. Hệ thống sơn phòng được củng cố, mở rộng và xây dựng thêm. Mở thông đường thượng đạo từ kinh đô Huế với các sơn phòng phía Nam và phía Bắc. Xây dựng căn cứ Tân Sở và mở rộng sơn phòng Dương Yên (Quảng Nam) để làm hai trung tâm điều hành công cuộc kháng Pháp một khi vua phải rời kinh thành Huế để bắt đầu cuộc kháng chiến. Lương thực, khí giới, tiền và vàng bạc được chuyển từ Huế ra Tân Sở vào Dương Yên.

3. Triều đình chọn lựa để bổ dụng các chánh sứ sơn phòng, chuẩn bị khung nhân sự cho bộ máy Cần Vương. Ban hành nhiều chính sách khích lệ các dân tộc miền núi. Mộ quân sơn cước để làm lực lượng kháng chiến.

4. Đối với sĩ phu, văn thân, triều đình mở các ân khoa Hương và Hội. Đặc biệt là triều đình đã động viên nhân lực qua các việc "triệu dụng các Tiến sĩ, Phó bảng và Ấn quan tại quán" (Dụ được ban hành đầu năm Giáp Thân - 1884). Chính Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu... đã được giao nhiệm vụ trong thời gian này.

5. Tinh giản bộ máy hành chính trung ương từ 539 còn 291 vị để tăng hiệu lực quản lý đồng thời có điều kiện tăng lương bổng.

6. Các phần tử thân Pháp bị kết án, bị an trí hoặc bị giáng chức như: Tuy Lý, Hồng Hưu, Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn... Nguyễn Hữu Độ bị khiển trách vì lộng quyền ở Bắc Kỳ.

Tất cả công việc đó đều bị các Giáo sĩ Tây phương theo dõi, Puginin ở Bắc Kỳ và Camelbeck ở Qui Nhơn tường trình rất chi tiết cho Pháp.

Từ năm 1882-1883 dưới ảnh hưởng của Tôn Thất Thuyết, người phụ trách Bộ Binh lúc bấy giờ, một số võ quan từng chiến đấu với Tôn Thất Thuyết ở Bắc Kỳ như Ông Ich Khiêm, Trần Xuân Soạn, Trương Văn Đệ⁽²⁾ được rút về kinh thành nên lực lượng chủ chiến có quyết tâm chống Pháp cao. Khi Tự Đức mất phe chủ chiến tuy chỉ là số ít song nhờ nắm được binh lực liên kết với Nguyễn Văn Tường, vị Phụ chính nắm giữ nguồn tài chính của triều Nguyễn, phe chủ chiến thực sự đã nắm và chi phối mạnh quyền lực của triều đình.

Cùng với việc xây dựng thực lực ở trung ương, Tôn Thất Thuyết bí mật liên kết với các quan văn võ ở các tỉnh phía Bắc. Phan Đình Phùng tuy bị cách chức về quê năm 1883 vì phản đối việc phế bỏ Dục Đức, năm 1884 được Tôn Thất Thuyết bí mật cử làm Tham Biện sơn phòng Hà Tĩnh lo việc chuẩn bị căn cứ chống Pháp⁽³⁾. Nguyễn Xuân Ôn, người có lý tưởng chủ chiến đã từ chức về quê năm 1883, được bí mật cử làm An tỉnh Hiệp Đốc quân vụ đại thần, lo thống lĩnh nghĩa quân Nghệ Tĩnh⁽⁴⁾. Lực lượng chủ chiến ngày càng mở rộng, vươn đến các tỉnh Bắc và phát triển vùng Bình-Trị-Thiên.

1.2. XÂY DỰNG VÀ Củng cố Hệ thống Sơn phòng; Lập căn cứ Tân Sở và mở đường thượng đạo ra Bắc

Kinh thành Huế ở vị trí không xa biển, thành Trấn Hải là căn cứ quan trọng phòng thủ Thuận An, cửa ngõ yết hầu dẫn vào Huế đã nhiều lần bị Pháp dòm ngó. Tôn Thất Thuyết với kinh nghiệm của một võ tướng đã từng cầm quân 8 năm ở vùng Thuận du Bắc Việt hẳn đã nghĩ đến việc phải chuẩn bị căn cứ kháng chiến lâu dài ở vùng núi. Từ năm 1882 ông đã cho củng cố một số sơn phòng, đặt thêm nha sơn phòng mới ở Hà Tĩnh và tăng cường phòng ngự địch tại vùng đất tiếp giáp Nam Kỳ thuộc Pháp (Bình Thuận)⁽⁵⁾. Năm 1883 Tôn Thất Thuyết cho tu sửa sơn phòng Quảng Nam, Hà Tĩnh, mở đường nối liền sơn phòng Quảng Bình - Nghệ An⁽⁶⁾ đồng thời lựa chọn những người trong phe chủ chiến giao cho họ nhiệm vụ và xây dựng một số sơn phòng và lập các kho dự trữ lương thực. Lấy danh nghĩa triều đình chiêu dân lập ấp, ông ta ra lệnh cho các quan tỉnh và các sơn phòng sứ "Xét kỹ các hạt miền Thượng du, tùy chỗ để lập đồn, phát lính mộ tới đó tùy thế khai khẩn, tập hợp dân thổ, dân mọi (?) thành lập ấp"⁽⁷⁾ hình thành dọc Trường Sơn một hệ thống sơn phòng kéo dài từ Quảng Trị đến Ninh Bình, từ Quảng Nam đến Bình Thuận. Đồng thời phái Hoàng Tá Viêm cho quân dọn đường "thượng đạo" từ núi rừng Thanh Hóa và vùng Thượng du Hưng Hóa liên lạc với quân nhà Thanh ở Vân Nam.

Kiên cố nhất là trong các sơn phòng là căn cứ báng sơn được bí mật lập ra từ cuối năm 1883. Lúc này Tôn Thất Lệ, em ruột Tôn Thất Thuyết, đang giữ trọng trách sơn phòng sứ Quảng Trị, vùng núi đồi quan trọng tiếp cận với kinh thành. Lấy cớ mở rộng nha phòng Quảng Trị⁽⁸⁾ và Phủ Lý sở phủ Triệu Phong. Triều

đình mà thực chất đã do Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chi phối giao trách nhiệm cho vị quan đáng tin cậy kia đứng ra xây dựng nha sơn phòng Quảng Trị thành căn cứ Tân Sở, một "nơi mới", "kinh đô mới" dự phòng nếu tấn công Pháp thất bại, triều đình sẽ rút ra đây.

Tân Sở là một vị trí hiểm trở, nằm giữa thung lũng Cửa cách huyện lỵ Cam Lộ cũ khoảng 15 cây số về hướng Nam, xung quanh đồi núi bao bọc, thác ghềnh hiểm trở. Đứng trên những đỉnh núi cao Ba Hô, Bến Trị có thể quan sát được một vùng rộng lớn đồng bằng Cam Lộ và dọc đường Mai Lĩnh - Lao Bảo, nay là quốc lộ số 9⁽⁹⁾. Thành hình chữ nhật chiều dài 548 thước, chiều ngang 418 thước, quách thành có 3 hàng lũy tre bao bọc. Hàng ngàn dân phu đã nỗ lực đào hào, đắp lũy trong 2 năm. Thành trong dài 165 thước chiều ngang



Tôn Thất Thuyết

100 thước có mấy ngôi nhà tranh làm hành cung mà thực tế là nơi làm việc của nha sơn phòng, dinh trại quân sĩ, kho lương có chợ và giếng nước, nhiều kho nhỏ được đào ngầm dưới đất, trên lát ván để chứa đạn và thuốc súng. Đường đến Tân Sở chỉ là lối mòn hiểm trở khó nhận rõ, những đường chính cách đó 2 cây số lại dẫn về hướng khác. Tân Sở lại có nhiều đường thông với các tỉnh ở Bắc Kỳ, rải rác trên đường có những kho lúa kín đáo do những quan binh thân tín canh giữ. Lúa này từ các tỉnh Bắc Kỳ, nhất là Nam Định chở vào Cửa Việt, đến Cam Lộ rồi đưa ra Tân Sở phát đi các nơi.

Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1885, súng đại bác, đạn và tiền bạc được đưa đến Cam Lộ. Một phần lớn kho vàng của triều đình được dời về căn cứ này⁽¹⁰⁾.

Việc tổ chức hậu cứ Tân Sở, hệ thống sơn phòng và mở đường thượng đạo được tiến hành khẩn trương chu đáo thể hiện rõ ý đồ chuẩn bị lâu dài và tư tưởng tấn công địch quyết liệt của Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến.

II. NGUYỄN NHÂN CUỘC BINH BIẾN KINH THÀNH NĂM 1885

Hiệp Hòa vị vua muốn hòa với Pháp bằng mọi giá và đã thông mưu với Khâm sứ De Champeaux để loại bỏ các vị Phụ chính

Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đã bị triều đình phế bỏ. Hòa Ước 1885 được ký kết sau khi Thuận An thất thủ (1883), lúc này phe chủ chiến chưa có ưu thế, nhưng nội dung Hòa Ước do Pháp áp đặt bắt triều đình Huế ở vào cái thế phải chấp thuận. Song Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến đã không ngừng ngầm ngầm chống lại Hiệp Ước qua những lần truất phế Dục Đức, Hiệp Hòa và lập Ứng Lịch lên ngôi bất chấp phản ứng của Pháp muốn lập Gia Hưng Quận Vương, một hoàng thân phụ chính chủ hòa thường nâng lui tới với viên cựu Khâm sứ Rheinnart. Sau lễ tấn phong vua Hàm Nghi, Gia Hưng quận vương bị bắt nhưng nhờ Le Maire can thiệp nên được tha, nhưng sau đó Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cho là việc nội bộ của triều đình, Pháp không có quyền xen vào cho nên bắt trở lại⁽¹¹⁾ và bị đày đi Lao Bảo nhưng trên đường đi an trí thì bị giết. Những hành động quyết liệt của Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến đã trấn áp được xu hướng chủ hòa vốn phổ biến trong Hoàng tộc và triều đình đồng thời chặn đứng được những hoạt động nổi giáo cho giặc của "lực lượng nội công cho Pháp" tạo niềm tin cho lực lượng chủ chiến đẩy mạnh các hoạt động.

Sau Hiệp Ước 1884, triều đình Huế phải nhượng cho Pháp một khoảng đất ở Trấn Bình Đài để xây dựng làm cơ quan⁽¹²⁾. Rheinnart cho làm doanh trại, phe chủ chiến hết sức ngăn trở với lý do "Hòa Ước chưa được phê chuẩn và trao đổi, quân Pháp đóng trong thành sẽ làm thương tổn triều nghi và kinh khủng nhân tâm"⁽¹³⁾.

Khi vua Hàm Nghi lên ngôi (02.8.1884) Pháp phản đối quyết liệt việc triều đình tự quyết người kế vị và đòi hỏi phải có sự ưng thuận của Pháp. Tháng 10.1884 Rheinnart điện về Paris xin mệnh lệnh. Thủ Tướng Ferry ra lệnh cho một liên đội do tên Đại tá Guernier chỉ huy vào chiếm kinh thành và làm lễ phong vương cho vua mới⁽¹⁴⁾. Nguyễn Văn Tường phải nhân danh triều đình làm văn thư gởi sang Tòa Khâm nhưng vẫn cương quyết tôn Hàm Nghi.

Khi phái đoàn Guernier, Khâm sứ Rheinnart và Đại tá Wallarme (Thuyền trưởng tàu Tam) vào tấn phong vua Hàm Nghi gồm có 25 sĩ quan và 160 lính vào dự. Thuyết chỉ cho 3 tên dẫn đầu đi giữa cửa Ngọ Môn, không đeo gươm 60 lính và 16 sĩ quan vào cửa bên, còn bao nhiêu đều ở ngoài. Vua Hàm Nghi ngồi trên ngai vàng mà tiếp Sứ chủ không bước xuống theo đòi hỏi của viên Khâm sứ Pháp. Sau lễ tấn phong, Tôn Thất Thuyết cho quân hầu đưa phái đoàn ra biển, bọn thực dân Pháp rất tức tối, song kinh thành và cả nước hoan nghênh Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi về hành động giữ thể diện quốc gia đó⁽¹⁵⁾.

Tháng 5 năm 1885, Khâm sứ Le Maire (sang thay Rheinnart ngày 12.9.1884) thông báo cho có quan mật viện Pháp sẽ lập hai đại đội xạ thủ người Việt, Tôn Thất Thuyết đã trả lời với ý tứ đầy trách móc: "Ý định ngài Tổng tư lệnh là thế nào và ý nghĩa hai chữ bảo hộ là thế nào về việc dùng các toán xạ thủ, điều đó trái ngược với các điều khoản của Hiệp định". Bức thư này được giao đến Tổng Đốc các tỉnh

Bắc Kỳ và chỉ thị không được nghe theo mệnh lệnh của người Pháp⁽¹⁶⁾.

Tuy từ lâu, thực dân Pháp thấy rõ kẻ thù đáng sợ của chúng là các lực lượng nhân dân không ngừng chống lại họ chủ không phải quân đội triều đình, nhưng sự có mặt của phe chủ chiến ở tại triều (nhất là Tôn Thất Thuyết từ khi về triều giữ chức Thượng Thư Bộ Binh năm 1881 và có những hành động ra mặt chống đối) vẫn là một mối nguy cho Pháp. Vì rằng sự tồn tại của phe chủ chiến đã cản trở không ít việc triều đình Huế thành công cụ tay sai để bình định và tổ chức cai trị theo ý muốn của họ, đồng thời họ nghĩ rằng chính sự tồn tại của nhóm chủ chiến ở triều đình Huế là chỗ dựa cho các lực lượng chiến đấu ở các tỉnh hoạt động, thúc đẩy phong trào kháng chiến cho nên việc loại trừ phe chủ chiến mà đứng đầu là Tôn Thất Thuyết đã trở thành yêu cầu cấp thiết của thực dân Pháp.

Sau khi nội các Ferry đổ vì vụ Lạng Sơn, Hạ Nghị Viện Pháp thông qua ngân sách xâm lược Việt Nam với số tiền 500 triệu Francs, nội các mới thành lập từ 6.1885 vẫn tiếp tục đường lối xâm lược và gửi sang Việt Nam thêm 6.000 viện binh. Ngày 31.5.1885, Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp Freycinet đã điện cho Tổng trú sứ Le Maire chỉ thị: "Không thể không trừng phạt hành vi của viên Thượng Thư Bộ Binh nước Nam. Ông cho triều đình ấy biết rằng, chúng ta không chịu để ông Thuyết ở chức vụ Phụ chính lâu hơn và ông phải đòi cho người ta bãi chức ông ấy và đẩy đi xa"⁽¹⁷⁾.

Đầu tháng 6.1885, Tướng De Courcy đến Bắc Kỳ, y đòi Khâm sứ Le Maire ra báo cáo tình hình và tử Vịnh Hạ Long De Courcy ngạo mạn tuyên bố "Cái nút của vấn đề Việt Nam là ở Huế". Từ Hà Nội vào ngày 26.6.1885 với tư cách là Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ De Courcy đánh điện về cho Bộ Trưởng Chiến Tranh ở Paris "Tôi rất cảm giận hai quan Phụ chính triều đình Huế và sẽ hành động thận trọng nhưng kiên quyết. Xin đánh điện qua Huế nếu Bộ không tán thành dự định dùng võ lực của tôi"⁽¹⁸⁾ và cử De Champeaux đến Huế làm Khâm sứ thay cho Le Maire.

Ngày 02.7.1885, De Courcy đưa binh lính và đoàn tùy tùng gồm có 16 sĩ quan và 1024 lính Pháp và Ả Rập đến của Thuận An để thực hiện ý đồ đó. Những yêu sách "không thể chấp nhận được", thái độ hống hách của Roussel De Courcy không phải do tính tình nóng nảy của y như nhiều người biện giải, đây là một thái độ và hành động có chủ tâm. Triều đình Huế cử hai đại thần cùng đi với De Champeaux đến của Thuận An đón tiếp, hướng dẫn lên Tòa Khâm với nghị thức đón tiếp trọng thể⁽¹⁹⁾. Roussel De Courcy đòi Hội đồng Phụ chính phải hội kiến với y ở Tòa Khâm để bàn bạc nghị lễ yết kiến vua Hàm Nghi, Hòa Ước 1884 vừa được Quốc Hội phê chuẩn, ông ta đòi cho được Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường sang họp và mưu mô nhân đó bắt cóc Tôn Thất Thuyết làm cho triều đình Huế rối ren vì bất thần mất người lãnh đạo, sau đó dễ dàng đánh chiếm kinh thành Huế bằng võ lực, nhằm buộc triều đình Huế chấp nhận ách đô hộ vô điều kiện.

Biết được âm mưu của De Courcy⁽²⁰⁾ Tôn Thất Thuyết cáo bệnh không đến chỉ có Nguyễn Văn Tường và Phan Thận Duật sang dự cùng với các Hoàng thân. Vừa nhập tiệc De Courcy nâng cốc chúc mừng hai nước được thịnh vượng và lão xược tuyên bố: "Nếu quý quốc muốn được yên ổn thì trong vòng ba ngày phải nộp cho chúng tôi 20.000 thoi vàng, 20.000 thoi bạc và 20.000 quan tiền đồng... chúng tôi vui mừng thấy các ngài đến đông đủ nhưng sao người đến nhà để bắt"⁽²¹⁾ Sau đó De Courcy cho người đến nhà để bắt Tôn Thất Thuyết lại vắng mặt! hay là quan Phụ chính ở nhà để sửa soạn đánh chúng tôi"⁽²¹⁾.

Một quan đại thần tìm cách nói đỡ: "Quan Phụ chính của chúng tôi bị bệnh nên không đến được"⁽²²⁾ De Courcy lên giọng trịch thượng: "Nếu bị bệnh cũng vẫn đến, thế nào tôi cũng cho người đến nhà để bắt"⁽²³⁾ Sau đó De Courcy cho Bác sĩ Mangin sang dinh Tôn Thất Thuyết dò la với cố là sang để chữa bệnh, song Tôn Thất Thuyết không tiếp và cho người trả lời là "Quan Tướng không dùng thuốc tây".



Vua Hàm Nghi

De Courcy còn đòi tất cả phái đoàn của Pháp từ quan đến lính trốn phải được đi vào đại nội bằng cửa chính Ngọ Môn, trong khi cửa này chỉ dành riêng cho Đại Nam Hoàng Đế; đòi vua Hàm Nghi phải bước xuống ngai vàng ra đón, buộc Hàm Nghi phải cử hành nghi lễ y như tiếp Sứ nhà Thanh⁽²⁴⁾. Các quan ta không chấp nhận và đề nghị cho Pháp vào chầu vua không đeo gươm, đi đến cột thủ hai bên phải thì quan Tổng tư lệnh phải dừng lại, trao Quốc Thư cho một đại thần dâng lên vua và các binh sĩ theo hầu De Courcy phải đi cửa hai bên⁽²⁵⁾.

Để làm dịu tình hình, triều đình Huế đề nghị De Courcy thảo luận thêm viện cơ mật và Bà Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dụ gửi quà tặng De Courcy. Dĩ nhiên với ý làm nhục và khiêu khích triều đình, De Courcy gạt bỏ cả hai hành động thiện chí và đến trưa ngày 04.7.1885 ông ta tuyên bố đón phương cật dứt cuộc thương thuyết và những nghi lễ triều kiến với lý do đời

Phụ chính Tôn Thất Thuyết khỏi bệnh sẽ bàn tiếp. Cũng trong ngày này, De Courcy đã gửi tới hậu thư hẹn một ngày phải trả lời nếu không ông ta sẽ hành động. Chính sách của chúng là gây sức ép và nếu cần tạo điều kiện để nổ ra cuộc xung đột quân sự không cho nhóm chủ chiến hoàn tất quá trình chuẩn bị. Chính Bác sĩ A. Mangin trong bức thư gửi cho bạn đề ngày 15.7.1885 đã phải viết: "De Courcy là một phần tử điên cuồng theo chủ nghĩa thôn tính".

Trước tình thế đó để tránh xung đột, Tôn Thất Thuyết đề nghị một giải pháp khá nhún nhường: Viết thư cho De Courcy biết Tôn Thất Thuyết sẽ từ chức Thượng Thư Bộ Binh, triều đình sẽ cử người thay thế và vị tân Thượng Thư sẽ cùng Nguyễn Văn Tường sang Tòa Khâm phó hội⁽²⁶⁾. Sự kiện rất quan trọng đã xảy ra vào chiều ngày 04.7.1885 (22 tháng 5 năm Ất Dậu) nhưng không được các tác giả đề cập đến khi viết về biến cố kinh thành Huế thất thủ. Nội dung bức thư được Nguyễn Văn Tường tóm tắt trong bức thư gửi cho Thống Đốc Tahiti và cũng được nhắc đến trong hai tư liệu Đại loạn Ất Dậu và đậu tuất niên gian phong hóa ký sự⁽²⁷⁾.

*Tôn gửi qua xin lỗi một tờ
Toàn trả lại không thêm ba chữ
(Đại Loạn năm Ất Dậu)
Thuyết e sinh sự chẳng yên
Gửi thư tạ lỗi, Toàn quyền không coi
(Đậu Tuất niên gian phong hóa ký sự)*

Trước thái độ bức bách của Roussel De Courcy, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật, Trần Xuân Soạn đã phải chọn giải pháp tấn công quân Pháp, rồi phải rước vua Hàm Nghi rời kinh thành và ra lệnh cho Phong trào Cần Vương khởi động. Nguyễn Văn Tường ngay sau sự kiện De Courcy trả lại thư của Tôn Thất Thuyết vẫn chủ trương thương thuyết với Pháp và vì vậy đã không được thông báo về kế hoạch tấn công Mang Cá và Tòa Khâm vào lúc nửa đêm. Tiếng súng lệnh mở đầu cuộc tấn công quân Pháp đã nổ ra lúc nửa đêm để trả lời sự ngang ngược của thực dân Pháp.

III. SỬA SOẠN CUỘC TẤN CÔNG

Suốt ngày 04 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết đích thân đốc thúc quân lính đặt súng chĩa về Tòa Khâm và Mang Cá, cho đào hầm hố, xử dụng những chướng ngại vật có thể huy động tức thời, mỗi góc thành đều có bố trí thêm các pháo đội. Dọc tuyến đường từ đồn Mang Cá đến Lục Bộ hai bên đường đều đào hào, chất đầy những trái mìn u và trái bòng, lính các trại đều mang gươm súng sẵn sàng, trước các trại lính chất đầy cột chuối để phòng ngự⁽²⁸⁾.

Tuy việc chuẩn bị diễn ra bên ngoài khẩn trương, song ý đồ tấn công quân địch được bảo đảm bí mật khá tốt. Gần tới giờ Đê đốc Trần Xuân Soạn cỡi ngựa đi đầu một đội quân lần lượt đóng hết các cửa thành. Binh lính được phát sẵn cơm nắm để đề phòng việc khẩn cấp và ngay từ trước Tôn Thất Thuyết đã cho phân

phối đạn và lưỡng thực lấy cổ để chuẩn bị cho cuộc quân lâu ngày trong tình, mãi đến lúc gần tấn công mọi người mới biết dự tính của vị chỉ huy (29).

Về lực lượng tiến công (30) có ít nhất 1.100 khẩu thần công và các vũ khí cá nhân như súng điều thương cũ, súng máy mới, hỏa pháo, gươm giáo... kể cả quân phần nghĩa và các đơn vị quân đội khác ước chừng khoảng 20.000 người và 1.400 phạm nhân được thả ra khuyến khích tham gia chiến đấu đã được Tôn Thất Thuyết chia quân thành 2 đạo:

- Một đạo do chính em ruột Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Lệ, Tham biện sơn phòng Quảng Trị vừa được điều về Kinh, có nhiệm vụ vượt sông Hương để cùng với quân của các Đề đốc và Hiệp Lý thủy sư đánh vào Tòa Khâm nơi đặt bàn doanh của De Courcy. Chính đạo quân này đã bí mật đưa được đại bác qua sông Hương để tấn công Pháp rạng ngày 05.7.1885.

- Một đạo do Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn chỉ huy đánh vào Mang Cá.

Ngoài ra còn có một toán quân được bố trí ở cầu Thanh Long để mai phục tiêu diệt các sĩ quan Pháp khi số ấy rút đi về Tòa Khâm về.

IV. DIỄN BIẾN CUỘC TẤN CÔNG CỦA TÔN THẤT THUYẾT ĐÊM 4 RẠNG NGÀY 5.7.1885

(Tối 22 qua rạng ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu)

Đêm 4 tháng 7 năm 1885, Roussel De Courcy tổ chức dạ tiệc ở Tòa Khâm, cuộc vui đã làm cho các sĩ quan Pháp không chú ý đến việc rộn rịp khác thường của kinh thành Huế. Khoảng 10 giờ đêm, chung quanh Tòa Khâm rộn rịp ghe thuyền đi lại trên sông. Sĩ quan canh phòng trông thấy vào báo cáo De Courcy. Đang vui mà bị quấy rầy, De Courcy cáu giận không tin. Buổi tiệc vẫn tiếp tục vui vẻ. Đến 11 giờ đêm tiệc tan. Các sĩ quan ở Mang Cá ra về, rất tiếc theo Marcel Gaultier họ lên chiếc tam bản xuôi không theo kênh Đông Ba mà theo ngã sông Hương chạy dọc Cồn Hến gần bên Vĩ Dạ cho nên không gặp toán quân phục kích của Tôn Thất Thuyết bố trí ở cầu Thanh Long chặn đường (31) trong đó có Trung tá Pernet.

Tiếng đại bác bắt đầu nổ lúc trăng lên tới 1 giờ sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885, Tòa Khâm và Mang Cá đang chìm trong giấc ngủ, bỗng nhiên đại bác nổ vang, tiếng hò vang dậy, súng nổ rền trời. Đạo quân do Trần Xuân Soạn chỉ huy được tăng cường nhóm tù nhân mới được thả ra, mang đại đao mã tấu đi tiên phong đánh vào khu nhượng địa và Mang Cá liền nhau. Một nhóm khác nhờ mấy khẩu đại pháo phá được cửa Tây xông vào đồn. Quân Pháp đang ngủ bị tấn công bất ngờ đâm ra hoảng hốt rối loạn. Quân ta xông vào chỉ trong chớp mắt một biển người tràn ngập thẳng tay chém giết địch. Hai bên xáp nhau trực tiếp bằng lưỡi lê, mã tấu, gươm... một số quân Pháp bị chết cháy và bị thương. Trong lúc đó đại bác của ta ở phía kinh thành liên tục bắn sang.

Súng bắt đầu ở Mang Cá thì Tòa Khâm cũng bị đạo quân do Tôn Thất Lệ chỉ huy đánh

vào có súng thần công nhà đạn trở chiến. De Courcy khi ấy đang ở Tòa Khâm. Các trại lính cũ phía sau và các trại lính mới dựng chung quanh Tòa Khâm bị quân Tôn Thất Lệ đánh chiếm. Những cỗ đại bác vừa mới bí mật chuyển bằng thuyền từ kinh thành qua sông Hương và đặt xung quanh Tòa Khâm đều nhất loạt nhà đạn. Quân Pháp trong cơn ngủ say nghe tiếng súng nổ giết mình tỉnh dậy, thấy khói lửa ngập trời, hốt hoảng bỏ chạy tán loạn để thoát thân. Tòa Khâm bị trúng đạn sập nhiều nơi. Từ các cửa sổ quân Pháp bắn loạn xạ ra các đám cháy và bắn vào quân Tôn Thất Lệ. Các trại lính chung quanh Tòa Khâm bị bốc cháy dữ dội nhưng chính vì hàng rào lửa ấy mà quân Tôn Thất Lệ không xông thẳng vào để công phá, tiêu diệt địch được.

Sau phút hoảng hốt, các sĩ quan Pháp đã tập hợp được lính ngăn chặn được các đợt tấn công của quân ta, cố gắng cầm cự. Từ 2 giờ sáng thấy đồn Mang Cá có vẻ im lặng, Trần Xuân Soạn ngỡ quân địch đã bị tiêu diệt nên chuyển hướng đại bác từ kinh thành bắn sang Tòa Khâm, Tôn Thất Thuyết lại cho đặt thêm hai khẩu đại bác trên thành gần của Thượng Tú để bắn sang. Tuy sức công phá của đại bác ta yếu chỉ có hiệu lực trong khoảng cách ngắn nhưng De Courcy chỉ dám ra lệnh cho quân cố thủ chờ sáng, cốt giữ kho đạn, nhà bưu điện cho khỏi cháy đồng thời điện ra Hải Phòng gọi quân cứu viện.



Mai Xuân Thưởng

V. CUỘC PHẢN CÔNG CỦA QUÂN PHÁP

Tại Mang Cá sau phút hốt hoảng các sĩ quan Pháp đã trấn tĩnh được tinh thần binh sĩ, tập hợp lại và ra khỏi tầm đạn của quân ta để bố trí phòng thủ. Khi các khẩu pháo của ta đặt gần Mang Cá lần lượt bị Pháp vô hiệu hóa, Pháp bắn trả lại và đẩy lui quân của Tôn Thất Thuyết ra xa. Tuy chiếm được các vị trí chiến đấu, quân Pháp phải cố giữ nguyên phòng tuyến vì không biết rõ đường đi, khó vào thành giữa lúc đêm khuya. Quân Pháp đạn được nhiều nhưng bắn rất ít làm cho Tôn Thất Thuyết tưởng rằng mình đã thắng. Thấy đại

bác của ta chuyển hướng qua Tòa Khâm, Pháp bắt đầu tổ chức tấn công.

Từ 3 giờ 30 sáng, quân Pháp ở Mang Cá và Tòa Khâm đã liên lạc với nhau bằng ca-nô. Quân ở Mang Cá bắt đầu phản công lúc rạng sáng bằng 3 toán quân do Pernet chỉ huy.

1. Toán thứ nhất tiến vào thành theo hướng tấn công của Ké Trại, triển khai lên cầu Thanh Long. Tại đây toán quân này chia thành hai mũi:

- Một tiến đến góc Đông Nam của kinh thành Huế, đối diện với Tòa Khâm Sứ bên kia sông.

- Một phá cổng Thanh Long vượt sông Ngự Hà vào kinh thành, tiến về Lục bộ và tấn công của Hiến Nhơn. Trên đường đi chúng phải giáp chiến quyết liệt mỗi đâu lui được quân ta.

2. Toán quân thứ hai vượt cầu kho tấn công quân triều đình đang ở trong vườn Ngự Uyển và theo đường này lên của Hiến Nhơn tiếp viện cho toán quân thủ nhất đang tập trung tại đây; nhưng của Hiến Nhơn vẫn đứng vững không phá đổ được, quân Pháp phải tìm lối khác.

3. Toán quân thứ ba tiến về phía Tây, tấn công vào của hữu. Quân triều đình sau mấy đợt chống trả không giữ nổi phải bỏ chạy. Từ cửa hậu quân Pháp vượt sông Ngự Hà tiến về Hoàng thành. Phần lớn của toán quân thứ ba này làm thành một mũi đi dọc theo các tuyến phòng thủ, tấn công và lần lượt chiếm của An Hòa, chính Tây (32).

Ở Tòa Khâm đến gần sáng đại bác ta bắn thưa dần vì gần hết đạn, một đội quân Pháp kéo sang của An Hòa (33).

Dọc đường tiến quân chúng bắn phá và đốt cháy các Bộ, Viện, doanh trại, nhà cửa, giết bất kỳ già trẻ, gái trai mà chúng gặp. Tiếng than khóc kêu la xen lẫn với tiếng đạn reo, khói lửa nghi ngút làm nao động cả kinh thành. Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn đốc quân chống trả ráo riết. Các vọng lâu của phòng thành đã biến thành pháo đài, từ điểm cao bắn xuống liên tục chặn được bước tiến của địch, còn ở các tuyến giao tranh quân ta vừa dùng súng vừa dùng mã tấu, đoản đao chặn đánh địch. Trận đánh cố thủ kho vũ khí trước của Ké Trại kéo dài ác liệt. Quân Pháp từ pháo đài và các nhà ở dốc Bao Vinh liên tục bắn xuống mới chiếm được vị trí, trước khi rút lui quân ta đã phóng lửa đốt cầu gỗ để cản bước tiến của địch.

Ở trại quân gần cổng Thanh Long binh triều đã ra sức bảo vệ, quân Pháp vấp phải sự chống cự gan dạ nên phải vất vả mới chiếm được.

Ở cửa Hiến Nhơn, quân ta bị dồn vào phòng tuyến cuối cùng đã đem hết lực lượng tử chiến, tiếng la hét trong những trận xung phong bất ngờ làm mất tinh thần một số lính Á Rập và Pháp. Cuộc chiến đấu đã không ngang tầm vũ khí đã gây thiệt hại lớn cho binh lính Việt Nam. Tinh thể thắng bại đã rõ, quân ta cả trong thành lẫn phía ngoài Tòa Khâm bắt đầu rút lui. Sức kháng cự của ta không còn, nhưng quân Pháp chưa biết những gì sẽ đến với họ. Vòng đai bao quanh vòng Hoàng cung với những tuyến phòng thủ, các hầm hào do Tôn Thất

Thuyết cho đào ra mấy hôm trước đây vẫn sừng sững đe dọa. Phải đến 8 giờ đoàn quân Pháp không vào được của Hiến Nhơn mới tìm ra lối dọc theo cửa ngõ, tiến đến trước Kỳ đài và Ngọ Môn.

Một hình ảnh mỉa mai nhất là, một lính Ả Rập đã biểu dương chiến thắng bằng cách cho lấy giải thất lúng màu xanh của lính Ả Rập chấp vôi những mảnh vải trắng và đỏ làm cờ Tam Tài (34) tượng trưng cho quốc kỳ của một xứ sở tự nhận là "Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái" mở đầu cho thời kỳ thỏa hiệp mới giữa thực dân với triều đình nhà Nguyễn. Đến trưa quân Pháp chiếm thành trì và cung vua rồi cho cướp bóc thả đàn (35).

VI. THẮT THỦ KINH ĐÔ

Trong lúc quân ta chống trả kịch liệt bước tiến của giặc thì Hữu quân Đô thống Hồ Văn Hiến và Nguyễn Văn Tường rước vua Hàm Nghi và tam cung (36) ra khỏi thành. Khi quân Pháp vào được nội cung thì ở đây đã trở thành vó chèo.

Chiếm được kinh thành Huế, quân Pháp được De Courcy cho "tự do hành động" trong vòng 48 tiếng đồng hồ nên mặc sức cướp phá của cải trong Hoàng cung, vàng bạc tơ lụa của nhà quan, nhà dân, đốt cháy chợ Đông Ba và những tòa nhà của Quốc Tử Quán, Bộ Binh, Bộ Lại nơi Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường làm việc. Lửa cháy suốt hai ngày đêm. "Giặc Pháp gặp ai giết nấy, đốt cái gì có thể đốt được, cướp cái gì có thể cướp được, hiếp ai có thể hiếp được" (37). Bức điện ngày 24 tháng 7 năm 1885 của De Courcy về Paris đã nói "... trị giá phỏng chừng các quý vật bằng vàng hay bạc giấu kỹ trong các hòm kín là 9 triệu quan. Đã khám phá thêm nhiều ấn tín và kim thư đáng giá bạc triệu. Xúc tiến rất khó khăn việc tập trung các kho tàng mỹ thuật, cần cử sang đây một chiếc tàu cùng với nhân viên thành thạo để mang về mọi thứ cùng với kho tàng" (38). Phái viên của hãng thông tấn Havas dự xem việc tịch thu vàng bạc ở Duyệch Thị Đường kể lại rằng "... Trong 5 ngày, tôi thấy 50 người chuyên việc sắp chõng những thoi vàng lại. Vàng bạc ấy sẽ gởi về Pháp. Côn kho đồ vật bảo tàng, giá trị không thể tưởng được, nó cũng sẽ được gởi về Pháp. Tôi không thể nói rõ giá trị của các của cải ấy vì tôi sẽ không nói đến sự thật được" (39).

VII. VÀI NÉT VỀ CỤ TÔN THẮT THUYẾT

Cụ Tôn Thất Thuyết sinh 29 tháng 3 năm 1839, tức là năm Kỷ Hợi Minh Mạng thứ 20 tại làng Văn Khê, tổng An Cựu, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Xuất thân trong một gia đình Hoàng thân thuộc chi ba, phòng Quốc Oai Công, hệ năm của dòng họ Nguyễn Phúc. Cháu 7 đời của Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tần tục gọi là Chúa Hiền hay Hiền Vương; Tiên tổ là Quận công Nguyễn Phúc Hiệp, con thứ tư của Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần, từng giữ chức Tiết chế Thống lĩnh quân Đàng Trong chống trả cuộc tấn công năm

1672 của Trịnh Tạc (40) Thủ nam của cụ Đê đốc Thừa Thiên Tôn Thất Đình và bà Văn Thị Cù. Cụ Tôn Thất Đình là một võ quan có tham gia đánh Pháp ở Nam Kỳ dưới triều vua Tự Đức. Các em của Tôn Thất Thuyết thì giữ những chức vụ binh thường ngay cả lúc ông đang nắm giữ những chức vụ quan trọng của triều đình (41). Tôn Thất Thuyết sở dĩ bước nhanh trên đường làm quan chủ yếu là do khả năng của ông. Theo lời kể của các quan lại cùng thời cụ Tôn Thất Thuyết người vạm vỡ, mặt đầy đặn, da ngăm đen, khỏe mạnh, giỏi võ nghệ, tóc cắt ngắn, không ưa lối trang sức bề ngoài, tính nóng nảy, ít nói, cương quyết, ham hoạt động (42).

Đường thời Tôn Thất Thuyết thường được gọi là "Quan Tuồng" để phân biệt với Nguyễn Văn Tường là "Quan Quận" nên có người lầm tưởng ông xuất thân là võ quan (43). Thật ra Tôn Thất Thuyết nguyên là quan Văn chuyển sang làm tướng Võ. Năm Tự Đức thứ 27 (1863) khi dụng binh giết phản tặc ngoài Bắc, Tôn Thất Thuyết có dâng tặng hai câu đối ngày nay còn treo nơi đền Cổ Loa:

Tặc đảo Loa Thành tùy diệt một

Điện vô quy nó đủ oai linh.

Nghĩa là:

Giặc đến thành Cổ Loa liền bị tiêu diệt ngay

Điện không có nó nữa mà lại càng oai linh.



Nguyễn Thiện Thuật

Năm 1869, Tôn Thất Thuyết được cử làm An Sát Hải Dương (30 tuổi). Đến tháng 7 năm 1870 được sung làm Biên lý Bộ Hộ, rồi sau đó (tháng 11.1870) được sung chức Tán Tướng (là một chức quan văn giúp thêm về quân sự ở các tỉnh, các quân thủ). Năm 1870 khi tình hình biên giới phía Bắc rối ren sau trận Tô Quốc Hán đánh úp Lạng Sơn, giết Tổng thống quân vụ đại thần ở Bắc Kỳ là Đoàn Thọ, quan Tổng đốc Hà Ninh kiêm Khâm sai đại thần quân thủ Tuyên Thái Lạng là Võ Trọng Đình thoát chạy, Tự Đức và đình thần bàn cử Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc An Tĩnh sung chức. Thống đốc quân vụ đại thần Lạng Bằng Ninh Thái cùng với Tôn Thất Thuyết, Biên lý Bộ Hộ sung chức tán tướng đi đánh dẹp. Sau chiến dịch

này, Tôn Thất Thuyết được thăng thụ "Quang Lộc Tự Khanh".

Từ đây Tôn Thất Thuyết bắt đầu nổi tiếng qua các trận đánh đàn áp những vụ biến động ở phía Bắc như tấn công đốt phá sào huyệt của nhóm Đặng Chí Hùng ở Thái Nguyên (1870), giết được Hoàng Tê ở Hải Dương (1872), đánh thắng đoàn quân giặc khách ở Quảng Yên (1872).

Đối với thực dân Pháp mặc dù xa kinh đô, Tôn Thất Thuyết là một đại thần thường lưu tâm đến việc phòng chống Pháp. Năm 1873, thấy rõ âm mưu đen tối của thực dân Pháp đang lăm le kéo quân ra đánh chiếm miền Bắc, ông đã chủ động làm số tàu bày bốn việc gởi vua Tự Đức, Tôn Thất Thuyết đã đề nghị: "Hà Nội là một trấn lớn ở Bắc Kỳ, rất là trọng yếu, xin chuẩn cho quan Khâm mạng Nguyễn Tri Phương về trấn trí cho nơi căn bản được vững" (44). Khi thành Hà Nội thất thủ (20.11.1873) rồi các tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương bị mất, Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết đem binh đến Từ Liêm cho quân Lưu Vĩnh Phúc khiêu chiến và phục binh đánh tan quân giặc và giết được Francis Gamier ngày 21.12.1873 tại Cầu Giấy. Tự Đức khiếp nhược sợ Pháp phản ứng ảnh hưởng đến việc xin trả thành nên sai Trần Đình Túc báo cho Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết phải rút quân (!) Viêm - Thuyết trả lời "... Tướng ở ngoài chỉ biết lo việc đánh giặc..." Nguyễn Trọng Hợp, Trưởng Gia Hội phải đến quân thủ bàn bạc Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết mới thuận nghe, đóng binh bất động (45). Đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ Tĩnh (1874). Nơi đây một sự kiện cần được làm sáng tỏ là theo sử triều Nguyễn năm 1874 khi nghe tin Văn Thân và nhân dân Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Trần Tấn và Đặng Như Mai sôi nổi đứng dậy "chống lại cả Triều lẫn Tây", Tôn Thất Thuyết đã tức tốc đưa quân từ Bắc vào đàn áp, được Tự Đức khen là "có lòng với vua" (46) nhưng căn cứ vào một số tài liệu của các Giáo sĩ Pháp được chứng kiến trực tiếp cuộc khởi nghĩa tại Nghệ Tĩnh thì dư luận chung là ông ta (chỉ Tôn Thất Thuyết) sẽ đứng về phía những người nổi loạn ở Nghệ An và mở đường cho nghĩa quân tiến ra Bắc (47). Cùng các tài liệu đó, kết quả điều tra thực địa trong nhân dân vùng Thanh Chương (Nghệ Tĩnh) cũng xác nhận ý kiến như trên, cho rằng "Tôn Thất Thuyết vào Nghệ An với danh nghĩa là đàn áp, nhưng cốt để tiếp xúc và trực tiếp giúp đỡ nghĩa quân" (48). Một chuyên gia Nhật Bản là ông Y. Tsuboi cũng đã nhận xét "lúc bấy giờ Tôn Thất Thuyết tỏ ra thiện cảm với phe nổi dậy và kêu gọi toàn thể quan lại, nhân sĩ, thân hào hầy cùng nhân dân Bắc Hà nổi dậy chống Pháp" (49). Rõ ràng ngay từ 1874 Tôn Thất Thuyết đã có tư tưởng chống Pháp và do đó khẩu hiệu "Bình Tây Sát Tả" của cuộc khởi nghĩa đã được ông đồng tình ủng hộ. Trong năm 1875 đã bức ép nhóm Đặng Đình Tín phải đầu thú ở Thái Nguyên, cũng trong năm 1875 tại Thái Nguyên bắt sống được giặc Cờ Vàng là Hoàng Anh. Nhờ công lao liên tiếp đạt được Tôn Thất Thuyết được thăng chức rất nhanh: Vào năm 1870 còn là Tán tướng rồi Tán lý

quân thủ Thái Nguyên dưới quyền Hoàng Tá Viêm; Năm 1872 là Bộ chính Hải Dương; Năm 1873 là Tham tán đại thần, thự hàm Tham tri Bộ Binh, rồi Hữu Tham tri Bộ Binh, tước vệ Chinh nam, vẫn sung làm Tham tán; Năm 1874 Tuần vũ Sơn Tây kiêm Tham tán; Năm 1875 là Tổng đốc Ninh Thái kiêm Thống đốc các việc quân Ninh Thái Lạng Bằng (Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng) sau đó đổi bổ làm Hiệp ước Quân vụ đại thần gần ngang hàng với Hoàng Tá Viêm⁽⁵⁰⁾.

Trong tám năm (1870-1880) làm việc quân ở phía Bắc, mặc dù nhiều lần bị vua Tự Đức trách phạt vì chậm trễ trừ các nhóm nổi dậy, Tôn Thất Thuyết vẫn được vua Tự Đức nhiều lần khen thưởng, được đánh giá là người "chuyên đánh dẹp, kiêm giữ việc trông suy nghĩ chu đáo", "là Tướng có uy vũ, ra trận bắt chém giặc, đến đâu được đấy", "tài khí đáng khen" không phải cường dũng, ít học, từng được quan cùng thời khen là biết lễ⁽⁵¹⁾. Thời gian tám năm ở phía Bắc cũng là dịp để Tôn Thất Thuyết rèn luyện về tài chỉ huy quân sự, có điều kiện làm việc với một số võ tướng và quan lại như Ông Ích Khiêm, Trần Xuân Soạn, Trương Văn Đẻ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Thiện Thuật, Phạm Thiện Duật, Nguyễn Quang Bích, Lưu Vĩnh Phúc và với một số quan tướng nhà Thanh, những người về sau đã cùng với Tôn Thất Thuyết hình thành nhóm chủ chiến ở triều đình Huế khi ông làm Phụ chính hoặc nổi dậy hưởng ứng hịch Cần Vương khi vua Hàm Nghi xuất bôn, hoặc hỗ trợ, giúp đỡ khi Tôn Thất Thuyết qua Trung Quốc cầu viện.

Từ năm 1876, Tôn Thất Thuyết bị bệnh phải về Bắc Ninh chữa trị nhưng vẫn phải trông nom việc quân ở Ninh Thái Lạng Bằng, có lúc phải đem theo y chính lên Thái Nguyên để vừa chữa trị vừa làm việc, song nhiều lần bị vua Tự Đức trách phạt cho là "kiêu mạn đùn đẩy", Tôn Thất Thuyết phải dâng sớ tâu "nay bệnh tật trầm trọng không thể một mình đứng nổi việc biên cương. Xin chuẩn cho Hoàng Tá Viêm cai quản cả biên giới Bắc Kỳ, tỉnh suất đại cục" và tỏ ý muốn đi tu⁽⁵²⁾. Tự Đức không thuận nghe. Mãi đến năm 1878 ông mới được phép về Thanh Hóa chữa bệnh, lúc chữa khỏi về Kinh. Trong thời gian dưỡng bệnh ở Thanh Hóa, Tôn Thất Thuyết đã liên lạc với các sĩ phu yêu nước trong tỉnh và bàn định kế hoạch xây dựng cơ sở kháng chiến. Năm 1879 ông tìm gặp Tống Duy Tân và đặc cách bổ dụng làm Đốc học, rồi Chánh sứ sơn phòng ở Quảng Hóa (Vĩnh Lộc) để lo việc tuyển quân, tích trữ lương thực. Đầu năm 1881 ông vào triều xin bãi vua, Tự Đức cho Tôn Thất Thuyết cố ý thác bệnh để tránh, chưa chịu cảm ngộ cho nên không cho gặp mặt, ông phải trần tình xin tha tội. Tự Đức có thăm hỏi bệnh nhưng vẫn chê là người kiêu căng, hẹp hòi hay nghi ngờ người khác. Tôn Thất Thuyết xin nghỉ một năm. Tự Đức dặn ông cần phải điều dưỡng nhiều và học hỏi thêm mới có thể nên người được⁽⁵³⁾. Song chỉ tám tháng sau Tự Đức lại đòi Tôn Thất Thuyết vào triều bổ làm Thượng Thư Bộ Binh, phụ trách việc quân của triều Nguyễn. Trong dịp ban ân cho cha mẹ các quan, chỉ riêng cha mẹ Tôn Thất Thuyết được Tự Đức thưởng thêm

sâm, quế⁽⁵⁴⁾. Đầu năm 1882 Tôn Thất Thuyết lại kiêm thêm chức Hải Phòng Sứ tại kinh đô. Tháng 6.1883 (44 tuổi) được cử vào cơ mật viện và được Tự Đức chọn làm Đệ tam Phụ chính đại thần sau Trần Tiến Thành (70 tuổi) và Nguyễn Văn Tường (59 tuổi)⁽⁵⁵⁾ từ đây ông bắt đầu nắm giữ cương vị hết sức quan trọng của triều Nguyễn.

Là một trong ba Phụ chính đại thần, lại nắm giữ Bộ Binh, được toàn quyền hành động về quân sự, ông ra sức củng cố thể lực của phe chủ chiến, kiên quyết trấn áp phe chủ hòa thân Pháp, gấp rút xây dựng lực lượng và chuẩn bị hành động chống trả Pháp ngay cả trong phạm vi gia đình sự việc Tôn Thất Bá kẻ đã bỏ thành trốn lúc Pháp tấn công Hà Nội vào năm 1882, về kinh lại tung tin làm nản lòng người "sức Pháp 10 phần ta chỉ có 2 phần" đến tai Tôn Thất Thuyết, chỉ cách mấy giờ sau Tôn Thất Bá bị bắt trời và giam tại ngục Phủ Thừa. Từ ngày Tự Đức mất (ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi tức 19.7.1883), trước âm mưu và thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp (đánh phá của biển Thuận An, bắt ép ký Hiệp ước Bào hộ 1883, gây rối ở Bắc Kỳ, ký Hiệp ước Patenôtre



Tống Duy Tân

1884...) Tôn Thất Thuyết liên kết với Nguyễn Văn Tường liên tục phế lập các vị vua có xu hướng thân Pháp, tiến hành thanh trừng những phần tử quan lại có thái độ hàng phục Pháp, gấp rút củng cố hệ thống sơn phòng, lập căn cứ Tân Sở, mở đường "thượng đạo" ra Bắc, lập các kho dự trữ lương thực, vũ khí, đạn dược, củng cố lại quân đội, thành lập các đạo quân đặc biệt "Đoàn Kiệt" và "Phấn Nghĩa", tìm cách liên kết khích động cuộc chống Pháp ở Campuchia, đối phó giằng co với Pháp từng bước một để bảo vệ chủ quyền nội trị và quân sự, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để tấn công Pháp.

Tháng 7.1885 tình hình trở nên hết sức căng thẳng do thái độ hống hách và hành động ngang ngược của tướng Roussel De Courcy, Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp. Tôn Thất Thuyết lãnh đạo phe chủ chiến quyết định mở cuộc tấn công đánh một đoàn quyết liệt vào sào huyệt giặc ở Tòa Khâm Sứ và đồn Mang Cá đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885

(tối 22 rạng ngày 23 tháng 5 Ất Dậu). Cuộc nổi dậy thất bại. Kinh thành thất thủ.

VIII. CON ĐƯỜNG LƯU VONG CỦA TÔN THẤT THUYẾT

Trưa 23 tháng 4 năm Ất Dậu, Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi để đi theo con đường chiến dã vạch sẵn vô cùng cam go, thiếu thốn. Nguyễn Văn Tường ngầm theo lệnh bà Từ Dụ ở lại giảng hòa với Pháp để lấy lại tôn miếu, thành trì. Pháp đòi vua Hàm Nghi về, bắt được Tôn Thất Thuyết mới trả lại thành trì. Hầu hết đình thần cùng Nguyễn Văn Tường đã về kinh thành làm việc như cũ chỉ còn một nhóm nhỏ chừng 100 người kể cả nhóm đầu não Tôn Thất Thuyết, Phạm Thiện Duật, Hồ Văn Hiến, Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lê nhất đình cùng vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở bước đầu chặng đường gian nan của Tôn Thất Thuyết. Ngày 9 tháng 7 Tôn Thất Thuyết cùng vua Hàm Nghi và các quan chủ chiến rút lên Tân Sở mở đầu một cuộc chiến đấu mới để lại ở hành cung Quảng Trị tam cung và một số quan lại, hoàng thân giao động, chủ hòa.

A. NHỮNG CÁI NHÌN NGHIỆT NGÀ

Đánh giá về việc cầu viện nhà Thanh, Đại úy Gosselin⁽⁵⁶⁾ đứng về phía đối nghịch đã không ngần ngại gọi ông là "tên đào ngũ", hoặc như nhà sử học Việt Nam, ông Trần Trọng Kim, thì hết sức mỉa mai khi viết: "Tôn Thất Thuyết thấy không chống nổi quân Pháp, bèn bỏ vua Hàm Nghi... rồi cùng với Đệ đốc Trần Xuân Soạn đi đường thượng đạo, nói rằng sang cầu cứu bên Tàu..."⁽⁵⁷⁾ Cuộc hành trình sang Trung Hoa của Tôn Thất Thuyết được Trần Trọng Kim miêu tả như là ông muốn tìm một chỗ ẩn nấp để bảo trì mạng sống của mình: "Tôn Thất Thuyết đi đường thượng đạo ra vùng Hưng Hóa theo thượng du sông Đà lên Lai Châu nương tựa vào họ Diêu (Diêu Văn Trí) ... không riêng gì Trần Trọng Kim, ngay cả những người làm công việc khảo cứu các gương anh hùng dân tộc như Đào Trinh Nhất, cũng cho đó là hành động trốn tránh hèn nhát. "Tôn Thất Thuyết bỏ nửa đoạn đường, tách mình sang Tàu, nói là đi cầu viện. Sang Tàu rồi, chẳng biết rằng Thuyết đã nói chuyện cầu viện gì được với quan quyền Mãn Thanh chưa, hay là lão biết tình thế nguy hiểm vô cùng rồi, nên kiếm chuyện tìm đường trốn tránh lấy thân vậy thôi. Nhiều người Pháp, trong đó có Đại úy Gosselin là một, chê Thuyết hèn nhát vì cái cử chỉ bỏ vua giữa đường tách mình đào mạng thế"⁽⁵⁸⁾.

Ngoài những lời chê đay ác ý hoặc do ngộ nhận, cộng thêm vào những kẻ đố kỵ, bọn tay sai thực dân Pháp vì miếng cơm manh áo đã làm bản bước tiến anh hùng của lịch sử. Sự thay chủ đối ngôi sau biến cố kinh thành 1885 lại tạo thêm một lớp người Việt Nam mới, loại người chỉ biết phục vụ cho bờ sũa, phớt-lớt a dua với chế độ thực dân cùng lúc tìm cách bôi nhọ dữ kiện oai hùng để kiếm điểm với quan thầy ngoại xâm, các phong trào nổi dậy đòi chủ quyền quốc gia và tự do dân tộc. Tệ hại

hơn nữa là những trí thức hoặc vì quyền lợi cá nhân hay vì miếng cơm manh áo đã đành lòng bẻ cong ngòi bút phi nhõ vào tiền nhân. Cộng vào đó một số trí thức khoa bảng có lòng với dân tộc muốn đứng lên lại diễn tiến trung thực của lịch sử, muốn ra ánh sáng những hy sinh cao cả các anh hùng dân tộc nhưng vì thiếu các tài liệu chính xác cho nên đã có những phê phán không được trung thực.

Giai đoạn giao thời của chủ nghĩa thực dân, có người đã đánh bốn nhân vật đương thời như sau:

Việt Nam có bốn anh hùng

*Tường gian, Viêm láo, Khiêm khùng,
Thuyết ngu*

Lại thêm hai đứa vũ phu

Đề Đức, Đề Soạn cong khu chịu đòn.

Quả thật là đáng tiếc cho con đường lưu vong của Tôn Thất Thuyết, nhưng cũng hết sức đáng tiếc cho chúng ta vì chưa đủ cứ liệu để hình dung hết những ý đồ chiến lược của ông trong chuyến đi này. Trong khi qui hết mọi xấu xa cho Tôn Thất Thuyết, có một điều ít mọi người biết đến, đó là sự đóng góp đối với phong trào kháng chiến chống Pháp tại Việt Nam vẫn liên tục, thường xuyên trên bước đường lưu vong của ông.

B. THỰC TẾ VÀ UẨN KHỨC

Những cố gắng của lực lượng yêu nước của kinh thành Huế ngày 4.7.1885 đã không thành, buộc Tôn Thất Thuyết cùng với một bộ phận quan quân rời kinh thành ra Quảng Trị. Vào thời gian này, Tôn Thất Thuyết trở thành người tổ chức, người lãnh đạo một phong trào cứu nước rộng lớn: *Phong trào Cần Vương*. Từ Tân Sở Tôn Thất Thuyết với cương vị một vị Phụ chánh đại thần, thống lĩnh binh triều là người đứng đầu phe chủ chiến đang phò vua xuất bôn, ông thực sự trở thành người tổ chức lãnh đạo công cuộc chống Pháp.

Trong năm 1885, Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã hai lần ra chiếu Cần Vương:

- **Lần thứ nhất tại sơn phòng Quảng Trị vào ngày 13.7.1885:** "Kẻ sĩ hiển mưu, người dũng hiển sức, kẻ giàu bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trách chẳng gian hiểm... ngò hầu chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành yên, thu lại bờ cõi" (59) xuống Dụ khai phục nguyên hàm và thăng chức cho các văn thân võ tướng ở các tỉnh về phía Bắc đang chống Pháp tổ chức một mạng lưới chính quyền dưới danh nghĩa triều đình, động viên kịp thời khi thế chiến đấu của sĩ phu và nhân dân, đồng thời ủy Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Quang Bích cầm Quốc Thự sang nhà Thanh cầu viện (60).

Kể từ đây cuộc chiến đấu của nhân dân ta bước vào một giai đoạn mới dưới ngọn cờ Cần Vương của vua Hàm Nghi và các văn thân sĩ phu yêu nước chống lại thực dân Pháp và tay sai bù nhìn của chúng. Hưởng ứng lệnh Cần Vương khắp nơi trong nước sĩ dân lần lượt nổi lên, lấy nghĩa giúp vua cứu nước để tổ chức chống Pháp. Địa bàn Tân Sở đất hẹp, dân ít lại thêm bị sự phản bội của Tuần vũ Quảng Trị

Trương Quang Đản thông đồng với Nguyễn Văn Tường âm mưu bắt đưa vua Hàm Nghi về lại Huế. Tôn Thất Thuyết đã phải nghĩ đến một trung tâm cho cuộc kháng chiến lâu dài tốt hơn, ông quyết định phò vua Hàm Nghi ra Nghệ Tĩnh, nơi phong trào Cần Vương đang lên mạnh.

Trước sự truy lùng vây ráp của quân Pháp và quân của Tuần vũ Quảng Trị, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi vượt đèo Mai Lĩnh lên Lao Bảo (27.8.1885) xuyên rừng vượt suối qua các vùng dân tộc thiểu số bên kia dãy Trường Sơn như Bản Kiên, Hàm Thao, Mường Mã, Hasay tới đất Cửu Chân (61) (tên một làng thuộc địa phận Savanakhet của Lào vào ngày 02.8.1885).

Khi Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi lên Mai Lĩnh qua động Voi Mẹp được đồng bào Vân Kiều, Tà Ôi đưa đường, bảo vệ, khiêng vác hành lý và cung cấp lương thực cho quan quân Cần Vương có ông già làng Ariây cha của



Đinh Công Tráng

Côn-Púa. Vua Hàm Nghi đã trao cho cha của Côn-Púa một báu vật của vua là chiếc áo bào thêu hình rồng năm móng; về sau Côn-Púa còn giữ được áo ấy (62).

Trên đường chông gai, trắc trở vua Hàm Nghi đã được sự giúp đỡ tận tình của các dân tộc thiểu số ở biên giới Lào-Việt ở các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và cả nhân dân Lào, cho đến cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1885 lực lượng Tôn Thất Thuyết đã đi lại trong các vùng rừng núi tiếp giáp hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh với tỉnh Khâm Muộn (Lào) sau đó ra đến sơn phòng Hà Tĩnh, **xuống chiếu Cần Vương lần thứ hai tại Ấu Sơn (Hà Tĩnh) vào ngày 19.9.1885.**

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhiều sĩ phu đứng ra tổ chức các cuộc chiến đấu chống Pháp. Cả hai phía Nam Bắc kinh thành Huế đầu cũng có phong trào Cần Vương, trong giai đoạn này người ta thường nói: "Đồng Khánh ở giữa, Hàm Nghi hai đầu".

Ở Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Định có Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Phạm Toàn.

Ở Quảng Ngãi và Quảng Nam có Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm.

Ở Quảng Trị, Quảng Bình và Thừa Thiên có Nguyễn Phạm Tuấn, Lê Trực, Nguyễn Tú Nhự, Trương Đình Hội, Đặng Hữu Phổ, Hoàng Văn Phúc.

Ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa có Lê Ninh, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Phan Cát Xu, Nguyễn Đôn Tiết, Nguyễn Hanh, Đinh Nhạ Hành, Nguyễn Phương, Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Trần Xuân Soạn, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Cao Điền.

Ở Thái Bình, Nam Định có Tạ Hiền, Lã Xuân Oai, Đỗ Huy Hiệu, Vũ Hữu Lợi, Nguyễn Đức Huy.

Ở Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương có Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao

Ở Phú Thọ có Nguyễn Huy Giáp

Ở miền Tây Bắc có Nguyễn Quang Bích.

Tôn Thất Thuyết đã phát động và tổ chức phong trào Cần Vương có một số đặc điểm rõ nét:

* Bùng nổ trên qui mô toàn quốc. Phong trào không chỉ lan rộng các địa phương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ mà ở Nam Kỳ đầu năm 1885 cũng đã có cuộc khởi dậy lấy danh nghĩa Cần Vương. Đó là cuộc khởi nghĩa của Quân Hồn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu, tuy rằng lúc ấy Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết chưa khởi sự.

* Phong trào diễn ra trong một thời gian dài, từ năm 1885 cho đến hết thế kỷ XIX. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (01.11.1888), phong trào Cần Vương vẫn kéo dài cho đến hết thế kỷ XIX. Thực dân Pháp phải rất gian truân, chịu nhiều thiệt hại mới có thể đàn áp được phong trào, từ việc truy nã Hàm Nghi đến cuộc đàn áp các cuộc nổi dậy ở các tỉnh.

Vấn đề thứ hai cần làm sáng tỏ là việc Tôn Thất Thuyết rời vua Hàm Nghi để ra Bắc rồi sang Trung Quốc. Đây là chuyến đi để tiếp tục công cuộc chống Pháp chứ không phải là "một hành động đào ngũ"

Sau trận quân Pháp đánh căn cứ Cửa Khe ở vùng thượng nguồn sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình vào cuối tháng 1.1886, vua Hàm Nghi phải tiếp tục cuộc chạy trốn. Tôn Thất Thuyết thấy rằng khó có thể thay đổi tình thế nếu không tạo nên được một sức mạnh quân sự nào khác, do vậy ông nghĩ đến việc phải đích thân trực tiếp ra Bắc để tìm cách khuấy động phong trào kháng chiến, nghĩ đến con đường liên minh với người Trung Hoa như triều đình Huế trước đó vẫn thường làm. Ý đã quyết, ông bèn cùng Trần Xuân Soạn vượt ngàn Hà Tĩnh ra Nghệ An và đến Thanh Hóa vào tháng 3 năm 1886.

Tại vùng Cẩm Thủy, Tôn Thất Thuyết triệu tập một cuộc họp để bàn bạc kế hoạch chống Pháp cùng với em ruột là Tôn Thất Hàm, vốn là Tri huyện Nông Cống và nhiều lãnh tụ Cần Vương khác. Sự hưởng ứng rầm rộ của sĩ phu và dân chúng ở Thanh Hóa làm nức lòng Tôn Thất Thuyết, nên ông không ngần ngại khi quyết định để viên tùy tùng thân cận nhất là Trần Xuân Soạn ở lại lo việc điều hành lực lượng kháng chiến vùng Thanh Hóa và khu vực phía Bắc.

Sau khi đã thảo luận và vạch kế hoạch khởi nghĩa chung cho toàn tỉnh, Tôn Thất Thuyết đến tổng Trịnh Vạn thuộc châu Thường Xuân hội kiến với Cầm Bá Thước là một Tộc trưởng người Thái để bàn việc đánh Pháp. Rồi ngày 22.4.1886, Tôn Thất Thuyết đi ngược lên thượng du sông Mã tìm gặp Tù trưởng người Mường là Hà Văn Mạo ở Điền Lú thuộc châu Quan Hóa. Những gặp gỡ của Tôn Thất Thuyết đều nhằm chủ đích vận động cho công cuộc đánh Pháp ủng hộ vua Hàm Nghi và đều thu được kết quả tốt đẹp, nơi nơi tung bừng khởi nghĩa hưởng ứng lời kêu gọi của ông (63).

Tôn Thất Thuyết ở lại nhiều ngày với Hà Văn Mạo, rồi sau đó tiếp tục ra Bắc ngược lên sông Đà, đến vùng Lai Châu tìm Tù trưởng Điều Văn Trì vào tháng 6 năm 1886. Là một Tù trưởng người Thái Điều Văn Trì đã tập hợp lực lượng và lập căn cứ ở núi rừng Tây Bắc để chống lại người Pháp. Tôn Thất Thuyết đến đây nhằm mục đích kích động sự ủng hộ của người Thái đối với vua Hàm Nghi và bàn kế hoạch phối hợp trên cả hai vùng Trung Bắc rồi sau đó sang biên giới để tiến hành công việc cầu viện Mãn Thanh tại đây ông Thuyết mắc bệnh khá nặng phải lưu lại tại vùng này một thời gian khá lâu dài để dưỡng bệnh.

Tại Lai Châu, Tôn Thất Thuyết nhận được một thông cáo của vua Đồng Khánh đề ngày 02.7.1886 kể tội "Thuyết và Soạn" với nội dung như sau:

"Tội của các người nhất định là rất nặng, những lòng quảng đại của Trẫm rất lớn nên Trẫm có thể cho các người trở về và tha chết cùng những kẻ mà các người lôi kéo vào con đường sai lầm."

Trẫm sẽ cho lưu đày các người tại nguyên quán và nếu sau này các người biết ăn năn hối quá, Trẫm sẽ xét lại và cho phục hồi danh vị. Còn nếu ngoan cố, Trẫm sẽ trừng phạt các người về những việc làm ác, làm cực khổ trẫm họ. Đầu người và dư đảng sẽ bị treo thưởng..."

Đến ngày 12.7 năm Bình Tuất (11.8.1886) Đồng Khánh lại ra một đạo Dụ khác tuyên bố sẽ tha tội cho Tôn Thất Thuyết những việc làm đã qua nếu ông chịu trở về với triều đình (64). Tôn Thất Thuyết không hề lung lạc tinh thần mà vẫn quyết tâm đeo đuổi sự nghiệp chống Pháp.

Cũng trong thời gian Tôn Thất Thuyết ở Lai Châu với Điều Văn Trì, quân Pháp tiến hành nhiều cuộc hành binh càn quét khu căn cứ của họ Điều ở Sơn La và Lai Châu những nghĩa quân đã ngăn chống có hiệu quả và bảo toàn được lực lượng. Đến đầu năm 1887, khi bệnh

tinh của Tôn Thất Thuyết thuyên giảm, Điều Văn Trì mới cùng với 20 thủ hạ bí mật đưa ông theo ngả Bình Lư lên Mạn Hào và đến được tỉnh Vân Nam của Trung Hoa.

Có thể nói trước khi chính thức đặt vấn đề yêu cầu ngoại viện với nhà Thanh, Tôn Thất Thuyết đã không quản khó khăn gian khổ để huy động các lực lượng nội tại mà "triều đình Hàm Nghi" nắm được nhằm tiếp tục phát triển phong trào kháng chiến dưới ngọn cờ Cần Vương do ông phát động. Công tác tổ chức, điều phối lực lượng kháng chiến cũng được Tôn Thất Thuyết sắp xếp chu đáo bằng việc cử Tôn Thất Đàm lo việc điều khiển các thủ lĩnh quân sự từ Hà Tĩnh trở vào phía Nam và cử cánh tay phải của mình là Trần Xuân Soạn chịu trách nhiệm phát triển lực lượng kháng chiến ở phía Bắc (65). Những điều đó chứng tỏ Tôn Thất Thuyết không hề y lại hoàn toàn vào sự giúp đỡ của người láng giềng Trung Hoa, ông ta cũng đã xem trọng vai trò cốt yếu của lực lượng kháng chiến trong nước.



Cao Thắng

Một vấn đề cần làm sáng tỏ ra đây là Tôn Thất Thuyết có ý định quay về Việt Nam Tiếp tục chiến đấu không, và nếu muốn thì tại sao ông vẫn ở lại Trung Hoa cho đến chết.

Trước hết chúng ta có thể khẳng định rằng Tôn Thất Thuyết nhất định quay về bởi vì lý tưởng của ông là giết giặc cứu nước và chí căm thù vẫn nung nấu trong lòng ông cho đến phút cuối cùng của cuộc đời. Việc ông cắt cù hai con Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp trực tiếp bảo vệ vua Hàm Nghi duy trì triều đình kháng chiến, gửi con trai út Tôn Thất Trọng cho lãnh tụ Cần Vương Quảng Bình là Nguyễn Phạm Tuấn, để Trần Xuân Soạn ở lại điều hành phong trào chống Pháp tỉnh Thanh Hóa và phía Bắc, vượt núi băng rừng di vận động các thủ lĩnh dân tộc thiểu số như Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao, Điều Văn Trì ủng hộ vua Hàm Nghi... chứng tỏ ông hết lòng vì sự nghiệp chống Pháp, không hề có ý định từ bỏ cuộc chiến đấu.

Dự tính sang cầu viện rồi trở về dưới Pháp thành công cũng được khắc họa rõ rệt trong bài thơ Tôn Thất Thuyết gởi cho Cầm Bá Thước từ hải ngoại:

*"...
Bách tính Cần Vương nhan tự chán,
Nhất ngu báo quốc khách do hành
Thủ du nhược đắc thiên tâm trợ,
Quy khứ nam xa triệt hào trình"
Tam dịch:
Trăm họ giúp vua đang cố gắng,
Một thân vì nước vẫn long đồng.
Phen này vì được lòng trời đỡ,
Trở bước về Nam lối hản thông.*

Hay trong bài thơ "Tự Thuật Chí Minh", Tôn Thất Thuyết thể hiện tấm lòng vì nước rất cảm động:

*"...
Y hy Bắc địa du hồng, nhận,
Phảng phất Nam phong trợ mã, ngu.
Báo quốc đan tâm hà nhạc tại,
Gian nan tương kiến mãn sương thu".
Tam dịch:*

*Lẻ loi đất Bắc chim hồng, nhận,
Phảng phất gió Nam vó ngựa trâu.
Vi nước lòng son sông núi tạc,
Gội bao sương tuyết bạc phơi đầu.*

Thế nhưng dự tính tốt đẹp đó không thực hiện được, Tôn Thất Thuyết buộc phải ở lại Trung Hoa cho đến mãn đời và phải chịu nhiều tiếng oan nghiệt.

Trên thực tế thì Tôn Thất Thuyết đến tỉnh Vân Nam vào tháng 1.1887, được viên Phó Tổng Đốc Sầm Công Báo tiếp đãi trọng hậu và nồng nhiệt. Tuy vậy chính quyền Vân Nam từ chối yêu cầu của Tôn Thất Thuyết và đưa ông sang tỉnh Quảng Đông vào tháng 2.1887 để gặp Tổng đốc Lương Quảng. Tại Quảng Đông, hành tung của Tôn Thất Thuyết nhanh chóng bại lộ, và vào ngày 10.3.1887, gián điệp của Pháp đã biết ông ngụ tại phố của Nam trong thành Quảng Đông. Tin tức này lập tức được báo về phủ Toàn Quyền Đông Dương thông qua Lãnh sự Pháp ở Quảng Đông. Sau đó viên Lãnh sự Pháp ở Quảng Đông đưa ra lời kháng nghị và liền đó Sứ quán Pháp ở Bắc Kinh lên tiếng phản đối nên chính quyền Mãn Thanh đã quản thúc Tôn Thất Thuyết.

Việc giam giữ Tôn Thất Thuyết được trình bày cận kê trong công điện của Tổng đốc Lương Quảng Trưởng Chi Long gởi cho Sứ quán Pháp, nội dung như sau:

"Gần đây một vị Thượng quan An Nam tên là Nguyễn Phúc Thuyết cùng với 10 kẻ phụ tá có đệ lên triều đình chúng tôi một văn kiện than phiền sự ngược đãi của người Pháp trên đất An Nam để tâu lên Hoàng Đế. Nhưng bàn chức đã... ra lệnh phát cho họ hàng tháng một số tiền là 57 lượng bạc 36 xu ủy cho viên Đại tá Quân Vụ Thị Trấn Quảng Đông giam họ.

Những việc giam giữ họ giữa thành phố này cũng có nhiều trở ngại nên bàn chức đưa họ về Long Châu để các nhà chức trách dân-quân-chính tỉnh này trông coi... bàn chức cho

họ biết không được tăng thêm số người tòng vong dù cỡ nào. Họ không được tính toán việc gì từ nay và cấm không được bước ra khỏi thành phố..." (66).



Phan Đình Phùng

Mặc dù bị khước từ yêu cầu cứu viện, rồi bị quản thúc nhưng Tôn Thất Thuyết vẫn tìm cách để hỗ trợ cuộc kháng chiến tại quê nhà. Trần Xuân Soạn sau thất bại của cử điểm Ba Đình - Mã Cao vào đầu tháng 2.1887 đã lên đường sang Trung Hoa và gặp Tôn Thất Thuyết tại Quảng Đông. Hai ông tích cực vận động những quan lại Mãn Thanh có tinh thần chống Pháp, tranh thủ sự giúp của cựu tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc và khai thác những số hờ trong việc tranh chấp đường biên giới giữa nhà Thanh và Pháp để phục vụ cho mục đích mình.

Tôn Thất Thuyết đã tổ chức đường dây liên lạc với các cuộc khởi nghĩa bên trong nước, quyên góp chiếu mộ binh dưng, tiếp tục nhận trâu bò, lúa gạo, tiền bạc từ trong nước gởi sang để mua sắm, vận chuyển vũ khí đạn dược về lại cho nghĩa quân. "Tôn Thất Thuyết đã tiếp tế được ngày càng nhiều vũ khí cho nghĩa quân bên trong, súng đạn không những về đến đồng bằng Bắc Kỳ mà còn tới tận Thanh Hóa (67). Hoạt động của Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn ở Quảng Đông rầm rộ đến nỗi quan lại Việt Nam thuộc tỉnh Lạng Sơn hay biết. Trong tháng 9.1888 tỉnh Lạng Sơn báo cáo về triều đình Đờng Khánh rằng: "Lê Thuyết (tức Tôn Thất Thuyết) và Trần Xuân Soạn lên đến một dải liên thành, Bằng Tường nước Thanh nhập bọn với Lương Tuấn Tú và bọn Hoàng Văn Tường thuộc khách tỉnh ấy, cùng nhau tụ họp". Lê Thuyết ở nước Trung Hoa, giả làm quan nước Thanh, chiêu mộ binh dưng..." (68).

Có thể nói "Các tướng lĩnh ở các vùng đều có sự liên lạc với Tôn Thất Thuyết (69) đều xem ông là người chỉ huy tối cao của phong trào chống Pháp tại Việt Nam. Năm 1888 sau khi từ Thanh Hóa sang Quảng Đông được vài tháng, Tống Duy Tân lại được Tôn Thất Thuyết cử về xây dựng căn cứ chống Pháp ở Hùng Lĩnh.

Đến giữa năm 1889, khi nhận được tin Hàm Nghi bị bắt, Tôn Thất Thuyết thấy rằng cần phải một người đứng ra đảm nhận việc điều hành chung để tiếp tục công cuộc chống Pháp, và ông lại đã nghĩ đến Phan Đình Phùng. Tôn Thất Thuyết liền viết thư và sai một gia nhân thân tín là Trần Thế trở về Việt Nam, tìm đến núi Vụ Quang ở Hà Tĩnh để gặp cụ Phan trao mệnh lệnh. Bức thư của Tôn Thất Thuyết nói rõ: "Hiện nay trong nước như không có trào đình, không có vua chúa, vậy thì nơi tướng quân khởi nghĩa có thể coi như nơi trung khu của nhà nước, tướng quân cứ tùy tiện làm việc, chọn người mà dùng, cốt giữ vững lấy đức liêm chính công bình mà đồ việc lớn..." và Tôn Thất Thuyết lấy tư cách là vị Phụ chánh duy nhất của triều đình kháng chiến để phong cho cụ Phan Đình Phùng làm Bình Trung Tướng Quân, phụ trách việc chỉ huy phong trào chống Pháp khắp cả Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Từ năm 1890, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Việt Nam bị dập tắt gần hết, liên lạc giữa Tôn Thất Thuyết với các khu vực nội địa trở nên khó khăn, song Tôn Thất Thuyết vẫn cùng cha vợ là Nguyễn Thiện Thuật tiếp tục hoạt động và cộng tác chặt chẽ với các nghĩa quân Lưu Kỳ ở vùng Đông Triều - Móng Cái trong những năm 1891-1892. Thông qua Lưu Kỳ, Tôn Thất Thuyết còn nối ảnh hưởng và cung cấp vũ khí cho các nhóm nghĩa quân ở Yên Thế, hoặc cho Đốc Tít.

Dựa vào sự giúp đỡ của Lưu Vĩnh Phúc và một số quan lại Mãn Thanh, Tôn Thất Thuyết cũng xây dựng nhiều toán quân vũ trang, mà đa số là người Hoa và dân tộc thiểu số để tiến hành đánh Pháp. Vào tháng 6.1892, Tôn Thất Thuyết lại cho đội quân do Vũ Thái Hà cầm đầu với khoảng 1000 người tiến vào Bình Hồ thuộc Móng Cái tấn công quân Pháp. Cảnh quân này hiệp sức với lực lượng của các toán do Tiên Đức, Vũ Ôn Bảo, Lương Phúc chỉ huy kiểm soát khắp lưu vực sông Tiên Yên từ Hoàn Mô xuống tận vùng ven biển. Cho đến đầu năm 1893, quân Pháp vẫn không thể nào đẩy lui lực lượng nghĩa quân ra khỏi Móng Cái. Biết nghĩa quân luôn được tiếp nhận thêm người và vũ khí từ bên kia biên giới, quân Pháp liền lập thêm nhiều đồn ải để đóng chặt con đường bị nghi ngờ là của ngõ tiếp tế bí mật của nghĩa quân, sử dụng lính đồng, lính cơ và bọn tề rồi cấp mỗi làng 10 khẩu súng trường để kiểm soát biên giới (70).

Năm 1894, chiến tranh Trung-Nhật xảy ra, Thanh triều lâm vào cuộc chiến với Nhật Bản ở vùng Đông Bắc nên không muốn dung dưỡng nghĩa quân Việt Nam dọc theo vùng biên giới Việt-Trung sợ quân Pháp mượn cớ gây hấn sẽ lâm vào thế 2 đầu bị đánh, quân Thanh khóa chặt biên giới và bắt giết một số lính tự nghĩa quân người Việt chạy sang nướng nấu trên đất Trung Hoa. Lúc này Tôn Thất Thuyết cùng với Lưu Vĩnh Phúc và Đề đốc Phong (tướng nhà Thanh) đang xúc tiến việc thành lập lực lượng đánh Pháp ở vùng biên giới giáp tỉnh Cao Bằng. Tháng 3.1895, Tôn Thất Thuyết cho một đạo quân tiến đánh chiếm vùng Lục Khu ở Cao Bằng, nhưng sau đó liền bị quân Pháp đánh bại. Thấy rằng để Tôn Thất Thuyết ở gần Lưu

Vĩnh Phúc thì còn sinh nhiều chuyện bất lợi, Toàn quyền Đông Dương đề nghị Đại-sứ Pháp ở Bắc Kinh yêu cầu nhà cầm quyền Trung Hoa đưa ông Thuyết đi an trí thật xa và cho người theo dõi cô lập Lưu Vĩnh Phúc.

Từ năm 1896, với sự quản thúc khắt khe của quân Mãn Thanh, Tôn Thất Thuyết bị cấm túc không được rời khỏi khuôn viên lưu trú, phần chí tuyệt vọng trước tình hình, ông dùng thuốc phiện để khuấy khỏa. Nhưng ông không phải là một con nghiện tầm thường như bao kẻ lao đầu vào việc hút xách, bởi mỗi hận vong quốc luôn là nỗi ám ảnh lớn trong tiềm thức ông. Bài thơ "Chùa Thuốc Phiện" của Tôn Thất Thuyết thể hiện đậm nét tấm lòng ái quốc:

Chỉ nhật quốc thù kỳ khả phục,
Kính thu thân bệnh thả tiên trừ
Ký ngữ giang sơn đồng chí khách
Lão phu tuy quỵện vị vong sơ"
Tạm dịch:
Thù nước hện ngày thờ trà sạch,
Thân già nhiều bệnh quyết lo chữa
Lời gởi non sông bao đồng chí,
Già này dẫu mệt dăm đầu ngợ.



Tôn Thất Đạm

"Tôi Tây có muốn bắt ta thì hãy tìm ma ta ở trong rừng"

Quyết tâm chống Pháp và nỗi lòng buồn mất nước củ đeo đẳng Tôn Thất Thuyết trong những ngày tháng tàn bất lực, khiến ông trở nên điên dại và thường mua gióm chém chan chát vào những tảng đá trong khu an trí để thỏa lòng căm phẫn. Cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, Tôn Thất Thuyết vẫn vô cùng ghét Pháp và từ chối mọi cuộc tiếp xúc với họ. "Một vị Cổ đạo ở Quảng Đông đã theo dõi hành vi của Tôn Thất Thuyết, đã nhiều lần xin được gặp để phỏng vấn. Tôn Thất Thuyết nhận lời, nhưng chỉ gặp vị Cổ đạo đó vào ngày mà Tôn Thất Thuyết chết (71).

Mặc dù định ra đi cầu cứu rồi lại trở về lãnh đạo phong trào chống Pháp, nhưng chuyến đi đã khiến Tôn Thất Thuyết phải vĩnh

viễn lưu vong nơi hải ngoại một cách bất đắc dĩ. "Nước Tàu không cứu ta và Tôn Thất Thuyết gần như bị giữ lại ở bên Tàu, không về được nữa, dù có ý muốn về" (72). Chính Sogny - viên cựu Giám đốc Mật Thám Đông Dương - cũng phát biểu: "Tôn Thất Thuyết là một võ tướng rất giỏi, đáng sợ lắm... Tôn Thất Thuyết sang Tàu mộ quân. Nhưng vì Tàu và Pháp thông đồng với nhau, Tôn Thất Thuyết không về được" (73)

Việc sang Trung Hoa cầu viện là hạn chế khó tránh khỏi của Tôn Thất Thuyết bởi mối dây liên hệ truyền đời giữa tập đoàn phong kiến Việt Nam với tập đoàn phong kiến Trung Hoa luôn chi phối, nhưng một thực tế cần được khẳng định là hoạt động của Tôn Thất Thuyết và các đồng chí của ông từ 1886 - 1895 vẫn hết sức thiết thực và có ý nghĩa lớn đối với công cuộc chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

Từ năm 1896 cho đến khi chết dù không còn đóng góp gì cho đất nước dân tộc, song tấm lòng vì nước và nỗi hờn vong quốc vẫn cháy rục trong người ông. Người Trung Hoa rất mến mộ tinh thần ái quốc của ông Tôn Thất Thuyết. Khi chết các nhân sĩ Trung Hoa đã có lời ca ngợi:

Thù nhưng bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu tượng quận,

Hộ giá biệt tâm tĩnh địa, bách niên tàn cốt ký long châu"

Tạm dịch:

Thù Tây không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi đất Việt,

Giúp vua riêng tìm cõi thác, trăm năm cốt rọi long châu"

Còn một bản dịch khác do ông Nguyễn Thượng Khôi, bào đệ cụ Nguyễn Thượng Hiền kể ông Thuyết phổ biến:

"Quý bất khả ngôn, Thiên cổ trung hồn lai tượng quận

Tôn vô nhị thượng, bách niên tàn cốt ký long châu"

Tạm dịch:

Đáng quý không lời kể xiết, hồn trung ngàn năm về đất Việt,

Trên đời để có hai tôn, xương cốt trăm năm gọi long châu.

Hơn một trăm năm trôi qua, ngày nay nhìn lại có nơi có lúc cũng đã không thấy hết sự phức tạp của tình hình, đã làm dẫn vật mấy thế hệ sĩ phu Việt Nam.

4000 năm văn hiến nước nhà, trên lịch trình dài lâu ấy cộng với biết bao nhiêu khó khăn giữ nước và cứu nước của tiền nhân, sự đóng góp vô cùng lớn lao của Tôn Thất Thuyết cùng với cha, mẹ, cha vợ, vợ, 2 em và 4 con và rể, tất cả 10 người đã hiến thân cho đại cuộc. Thế mà có những tên phản bội không hiểu chút gì về lịch sử thời cuộc đã phê phán nặng nề, và lại có những con người xu thời đã cố tình bôi nhọ những hành động anh hùng và chặn đứng những bước tiến thành thang của lịch sử.

Lịch sử đã trôi qua chỉ còn đọng lại là tắc lòng yêu nước son sắt, của những con người chân chính, của Tôn Thất Thuyết.

Dù công luận bất đồng, hậu thế và lịch sử quyết không bao giờ quên được sự nghiệp cứu quốc và phẩm chất cao đẹp của một con người yêu nước chân chính và tích cực - Tôn Thất Thuyết.

GHI CHÚ:

- (1) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, Sđd, trang 339, 405 và 409.
- (2) Ông Ích Khiêm đang ở nhà dưỡng bệnh được điều về Kinh làm Tá Lý Bộ Hộ tháng 4.1882. Trần Xuân Soạn và Trương Văn Đệ được rút về Kinh tháng 7.1883. Đại Nam Thực Lục, Sđd, trang 210.
- (3) Đào Trinh Nhất, Sđd, trang 72.
- (4) Thơ Nguyễn Xuân Ôn, Hà Nội, Văn Học 1977, trang 16.
- (5) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, Sđd, trang 398 và 399.
- (6) Đại Nam Thực Lục, Sđd Tập 36, trang 176, 184 và 185.
- (7) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, Sđd, trang 398 và 399.
- (8) Đại Nam Thực Lục, Sđd, trang 176, 184 và 185.
- (9) Khóa Luận năm học 1979-1980 của Phạm Văn Sinh, Sinh viên lớp Sử, khóa 1, Trường Đại Học Tổng Hợp Huế.
- (10) Theo lời Nguyễn Văn Tường khai với Champeaux sau này thì từ tháng 6.1885, triều đình đã mật đưa ra Tân Sở một số bạc nén và vàng lá hơn 300.000 lượng, trước khi nổ ra cuộc tấn công Pháp mấy ngày. Tôn Thất Thuyết muốn đưa số còn lại trong kho nội vụ chừng 700.000 lượng nhưng Nguyễn Văn Tường không chịu (Dẫn theo Phan Khoang, Sđd, trang 351).
- (11) Gia Hưng Vương bị khép tội "Nhân tứ phế công, tiết quốc công trọng sự" (Vi riêng mà bỏ công, tiết lộ những việc quân sự lớn lao), Đại Nam Thực Lục, Sđd Tập 36, trang 176.
- (12) Điều 5 Hiệp Ước quy định Khâm Sứ Pháp được đóng trong Kinh thành Huế với một số lính.
- (13) Phan Khoang - Việt Nam Pháp Thuộc Sử, Sài Gòn 1971, trang 337.
- (14) Phan Khoang - Việt Nam Pháp Thuộc Sử, Sđd, trang 336.
- (15) Gaultier trong Le Roi Proscrit đã nhận định "Như thế vua Hàm Nghi đã giữ được tính chất thiêng liêng đối với thần dân mình. Vô tình vị vua trẻ đã làm một việc có ảnh hưởng vang dội trong nước: Với ý chí cương quyết độc lập và dù Pháp có đóng quân tại Huế, triều đình Việt Nam vẫn biểu dương một thái độ không hèn, thái độ ấy do Hội Đồng Phụ Chính bày vẽ thôi. Hội Đồng Phụ Chính rất có lý mà tin chắc rằng quần chúng nhân dân nhìn vào thái độ ấy như một mệnh lệnh không nói ra bằng lời, để nhân dân kháng cự với kẻ mới đến". Dẫn theo tài liệu của Phạm Văn Sơn, Việt

Nam Cách Mạng Cận Sử, quyển V Tập Trung, Sài Gòn 1973, trang 17.

- (16) A Delvaux, La prise de Hué par les français, Bulletin des Amis du Vieux Hué, tháng 4-6.1920, trang 7.
- (17) A Delvaux, La prise de Hué par les français, Bulletin des Amis du Vieux Hué, tháng 4-6.1920, trang 7, Bản dịch Lê Chương.
- (18) Phạm Văn Sơn, Sđd, trang 25.
- (19) De Courcy muốn phô trương lực lượng để tỏ uy quyền của mình và cũng để đe dọa hai vị Phụ Chánh cho nên ra lệnh cho Khâm Sứ De Champeaux báo cho triều đình biết để đón tiếp trọng thể. Khi De Courcy đến Huế, các cửa thành đều treo cờ, đại bác ở Mang Cá bắn 21 phát và pháo binh Việt Nam bắn chào 19 phát.
- (20) Theo Phan Khoang "Việt Nam Pháp Thuộc Sử" thì ý định bắt Tôn Thất Thuyết bị tiết lộ bởi một sĩ quan tùy tùng Pháp. Theo gia phả Tôn Thất Thuyết thì nhờ một người Việt Nam làm bếp ở Tòa Khâm tiết lộ - Dẫn theo Trương Thị Cúc, Khóa Luận tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp Huế (1977-1981).
- (21) Dụng theo về "Thất Thủ Kinh Đô" do Đinh Xuân Lâm và Triều Dương sưu tầm, nhà xuất bản Văn-Sử-Địa, trang 71.
- (22) Dẫn theo Trần Thị Hiếu
- (23) Dẫn theo Trần Thị Hiếu.
- (24) De Champeaux lúu ý triều đình Huế rằng: "Pháp quốc đã thế vị Trung Hoa, do đó nghi lễ dành cho Tổng Tư Lệnh đại diện Pháp quốc phải giống nghi lễ đại diện Trung Hoa". Dẫn theo Trần Thị Hiếu, trang 29.
- (25) Général..., L'Annam du 5 Juillet... Dẫn theo A Delveaux, tháng 4/6 - 1920, bản dịch Lê Chương.
- (26) Nguyễn Văn Mại, Lô Giang Tiểu Sử, Nguyễn văn chủ Hán bản dịch của Nguyễn Huy Xước, in Ronéo. Tài liệu gia đình họ Nguyễn.
- (27) Đại loạn năm Ất Dậu và Dậu Tuất Niên Gian Phong Hòa Ký Sự được in trong Lam Giang - Võ Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn. Tinh Hoa Công Giáo Ái Quốc Việt Nam, Tác giả xb, Sài Gòn 1970. - Đại Loạn Ất Dậu, gồm có 420 câu. Dậu Tuất Niên Gian Phong Hòa Ký Sự, gồm 860 câu, là một bài thơ trường thiên do một trí thức Công Giáo soạn vào thập kỷ 80 Thế kỷ thứ XIX.
- (28) Nguyễn Văn Mại, Lô Giang Tiểu Sử, bản dịch đánh máy của Nguyễn Huy Xước, trang 15.
- (29) Trần Thị Hiếu, Sđd, trang 50.
- (30) Ước chừng 18.000 người (Trần Thị Hiếu, Sđd, trang 50).
- (31) Trần Thị Hiếu, Sđd, trang 54.
- (32) Trần Thị Hiếu, Sđd, trang 63-66 - Bàn đồ tiến quân của Pháp vào kinh thành Huế, BAVH số 1-2, tháng 1-6 năm 1933, trang 25.
- (33) Phan Khoang, Sđd, trang 347.
- (34) Theo tài liệu của Trần Thị Hiếu.
- (35) Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.

- (36) Tam Cung: Từ Dụ là Mẹ vua Tự Đức; Trang Ý là vợ vua Tự Đức, Mẹ nuôi vua Dục Đức; Học Phi là vợ vua Tự Đức, Mẹ nuôi Kiến Phúc.
- (37) Trần Văn Giàu, Phong trào Cần Vương, Sđd, trang 67.
- (38) Memoires et documents Asie, tập 47 trang 121, Dẫn theo tập san Sử Địa số 14-15, 1969, trang 16.
- (39) Trích dịch bài tường thuật của Phái viên hãng Havas đăng trong Le Tonkin de 1872 của Jean Dupuis. Dẫn theo Phan Khoang, trang 349.
- (40) Nguyễn Phúc Hiệp còn tên là Thuần. Đại Nam Thực Lục và gia phả đều chép là con thứ tư. Lịch Triều Tạp Ký chép là con thứ hai. Năm 1673 sau trận đánh quân Trịnh trở về, Nguyễn Phúc Hiệp mộ đạo Phật thôi không làm tướng, từ bỏ vợ con về dựng am ở một mình, ăn chay niệm Phật đóng cửa không tiếp khách. Năm 1675 bị chết vì bệnh đậu mùa, thọ 23 tuổi. (Theo gia phả, Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, quyển 2; Lịch Triều Tạp Ký, tập 1).
- (41) Theo gia phả Tôn Thất Thuyết là con thứ hai, có 6 anh em trai và 5 em gái. Trong số anh em trai ngoại trừ Tôn Thất Mão là anh đầu và Tôn Thất Chiếu là người thứ năm chết từ nhỏ, các em còn lại là Tôn Thất Hàm chỉ giữ chức Tri huyện, Tôn Thất Lệ làm Tham Biện sơn phòng, Tôn Thất Chí còn nhỏ. Tài liệu của Trần Thị Hiếu (việc Pháp chiếm thành Huế) và Phan Khoang Việt Nam Pháp Thuộc Sử chép Tôn Thất Lệ thành Tôn Thất Liệt.
- (42) Thuật theo Trần Trọng Kim, Sđd, trang 550; Trần Văn Giàu, Phong trào Cần Vương.
- (43) Trần Văn Giàu, Hệ Thức Phong Kiến... Sđd 61 & Trần Thị Hiếu, Sđd, trang 30.
- (44) Đại Nam Thực Lục; sđd, tập 32, trang 295, 349, 351, 354.
- (45) Đại Nam Thực Lục tập 32, trang 351, 354.
- (46) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập 33, trang 70.
- (47) Niên Giám Hội Truyền-Giáo, số 47.
- (48) Theo lời kể của cụ Phan Bá Tĩnh ở Mặt Trận Tổ Quốc huyện Thanh Chương (Nghệ An).
- (49) Y. Tsuboi. Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, Hội Sử Học Việt Nam xb, Hà Nội, 1993, trang 295.
- (50) Hoàng Tá Viêm là Tổng đốc phụ trách việc quân tại Tam Tuyên. Tôn Thất Thuyết là Phụ Tổng đốc, phụ trách việc quân ở Ninh-Thái-Lạng-Băng.
- (51) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập 33, Hà Nội, KHXH, 1975, trang 1700, 230 và 358.
- (52) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập 33, trang 358.
- (53) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập 35, trang 23.
- (54) Đại Nam Thực Lục, sđd, tập 35, trang 85.
- (55) Đại Nam Thực Lục, sđd, tập 35, trang 198.
- (56) Ch. Gosselin - L'Empire d'Annam, Paris, Perrin et Cie, 1904.

- (57) Trần Trọng Kim - Việt Nam Sử Lược, quyển II, Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu/ Bộ Giáo Dục xb, 1971.
- (58) Đào Trinh Nhất - Phan Đình Phùng. Sài Gòn, Tân Việt, 1957, trang 94.
- (59) Trích Dụ Cần Vương.
- (60) Thực tế sau này Hoàng Tá Viêm về lại triều đình theo Đồng Khánh, chỉ một mình Nguyễn Quang Bích sang Trung Quốc. Gosselin, "L'empire d'Annam, Paris, Perrin et Cie, 1904, trang 207.
- (61) Bùi Đình Phan "Liên minh chiến đấu Việt-Lào" trong phong trào Cần Vương ở Thanh Nghệ Tĩnh cuối thế kỷ XIX.
- (62) Danh nhân Bình Trị Thiên, tập I NXB Thuận Hóa 1986, trang 28.
- (63) Tôn Thất Hàm cầm đầu lực lượng khởi nghĩa ở Nông Cống, Cẩm Bá Thuộc nổi dậy ở châu Thường Xuân, Hà Văn Mao chỉ huy lực lượng khởi nghĩa ở căn cứ Mã Cao, Trần Xuân Soạn đóng quân tại căn cứ Quảng Hóa để nối liền hệ thống cứ điểm Ba Đình - Mã Cao.
- (64) Phạm Văn Sơn - Việt Nam Cách Mạng Cận Sử. Sài Gòn, Khai Trí, 1963, trang 113
- (65) Phạm Văn Sơn - Việt Nam Cách Mạng Cận Sử. Sài Gòn, Khai Trí, 1963, trang 113.
- (66) Dẫn theo Phạm Văn Sơn, sđd, trang 114-115.
- (67) Trần Văn Giàu - Chống Xâm Lăng, quyển 3 - Phong trào Cần Vương. Hà Nội, Xây dựng, 1957, trang 134, 167.
- (68) Quốc Sử Quán Triều Nguyễn - Đại Nam Thực Lục, tập 38, Hà Nội, KHXH, 1978, trang 126.
- (69) Phạm Văn Sơn, sđd, trang 305-306.
- (70) Phạm Văn Sơn, sđd, trang 305-306.
- (71) Nguyễn Thiện Lâu - Quốc Sử Tạp Lục - Sài Gòn, Khai Trí, 1970, trang 645.
- (72) Như trên, trang 270.
- (73) Như trên, trang 305-306.
- (74)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu và sách bằng Việt ngữ:

- Hình thành, chủ trương và hoạt động của nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Tôn Thất Thuyết - Trần Việt Ngạc.
- Vài nhận định về Tôn Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông - Trần Việt Ngạc.
- Một vài nhận định về Tôn Thất Thuyết - Trương Thị Cúc và Nguyễn Xuân Hoa.
- Cuộc binh biến tại kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu - Trần Thị Hiếu.
- Tôn Thất Thuyết, Anh Hào Lẫm Nổi Nhiêu Khê - Nguyễn Quang Trung Tiến.
- Nhận diện chặng đường lưu vong của Tôn Thất Thuyết - Nguyễn Quang Trung Tiến.
- Đất Việt Trời Nam, Nguồn Sống, Sài Gòn 1960 của Thái Văn Kiểm.
- Nước Loạn Canh Tàn Bể Dầu của Thái Văn Kiểm.
- Việt Nam Tranh Đấu Sử.
- Việt Nam Tân Biên của Sử gia Phạm Văn Báo.
- Vua Hàm Nghi của Phan Trần Chúc.

- Việt Nam Tự Điển của Lê Ngọc Trụ.
- Danh Nhân Tự Điển của Trịnh Văn Thanh.
- Việt Nam Pháp Thuộc Sử của Phan Khoang.
- Tôi Thân Oan Cho Tôn Thất Thuyết - Tạp Chí Phổ Thông số 24.
- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.
- Việt Nam Phóng Sự của Nguyễn Văn Mại.
- Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm.
- Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn.
- Tài Liệu của Hội Nghị Khoa Học Lịch Sử 1991.
- Tôn Thất Thuyết - Danh nhân Bình Trị Thiên. Nhà xuất bản Thuận Hóa 1986, Huế, trang 276.
- Nhìn lại việc phế lập ở Huế năm Quý Mùi - Trần Thị Thanh Thanh.
- Cuộc đời Tôn Thất Thuyết và Sự nghiệp cứu nước - Nguyễn Văn Khánh.
- Cuộc phản công của phe chủ chiến triều đình Huế năm 1885. Thủ bản về nguyên nhân và hậu quả của nó - Lê Văn Anh & Đặng Văn Hò.

B. Tài liệu và sách xuất bản bằng tiếng Pháp:

- Christianisme et Colonialisme au Vietnam 1857-1914 Cao Huy Thuần.
- Le Vietnam, Histoire et Civilisation, Paris, Minuit Lê Thành Khôi.
- Le Roi Proscrit, Marcel Gaultier.
- Souvenir d'Annam, Baile.
- Le Lao et le protectorat français, Gosselin.
- L'Empire d'Annam, Capitaine Ch. Gosselin.
- Abrégé d'Histoire d'Annam, Saigon 1906, Schreiner.
- Histoire de la Cochinchine Française, des origines à 1883, Challamel 1910.
- La colonisation française en Indochine, Paris, Alcan 1895 de Lanessan. (Sa100483)





THÚY
TRÚC

Mênh Mông

Đất lành, một ngày vui...
Anh Phúc,

Hay nhỉ, ai đặt cho anh tên Phúc? Diễm Phúc. Hạnh Phúc. Trước và trên hết là anh đem Phúc Lành cho em.

Anh xem, người đưa thư nhìn em mỉm cười, có lẽ ông ta đọc được niềm hồn hồ trong mắt em. Không, còn hoa, còn lá, còn chim trên cành, còn trời xanh mây trắng bay. Ai cũng trở mắt nhìn vào bì thư dày cộm anh gởi cho em. Phải, dày chữ, dày tình! Một mình trước hành lang, dưới giàn hoa tím, em tìm thấy những lời thân thương từ người yêu muôn thuở. Ở đời, mấy ai cho mà không mong nhận? Thánh nhân chăng? Ấy, người yêu của em thế đấy.

Anh Phúc,
Anh thường nói:
"Tình yêu trong trái tim
Hòa bình trên trái đất
Xa cố đồ nhớ cố nhân
Trái tim nặng trĩu hai lần nhớ thương"
V.D.

"Đêm nay có con thuyền băng ra khơi, ngược dòng về Bắc Hải Đạo giá buốt. Nhưng thuyền ta về đâu tình nướng?"

"Con thuyền đi mãi, tìm đại dương, tìm cuộc đời, tìm người yêu trong ánh mắt, tìm người yêu trong vũ trụ vô cùng".

"Nhìn tấm hình trời nước mênh mông em gởi, ước gì mình có những ngày lênh đênh trên mặt biển. Dù chỉ là mơ anh vẫn thấy lòng nao nức và càng mong biết bao những ngày diễm ảo".

"Em hãy tu ngay trong cõi tình chứ đừng dứt tình để đi tu.." (!), (!), (!).

"Những bài thơ, những đoạn văn của em, lời cũng như ý thật nhẹ, êm, thoảng, chắc "con nít" thích lắm. Người ta khen nhiều về thơ em. Với anh, anh cho hay, rất hay, hay hơn thơ "Mụ Đột!" Trời ơi, vì sợ già, em không dám giận nên anh tha hồ!

"Nhứt tiếu nhứt thiếu, nhứt nộ nhứt lão"

"Mỗi lần cười là mỗi lần trẻ, mỗi lần giận là mỗi lần già"

Khen chê như gió thoảng, cho anh mệnh mông chê, em vẫn làm tinh. Trong tâm hồn, tâm khảm chúng ta có mối tương giao nào đó phải không anh? Giáo sư quốc văn thường dạy em: Làm thơ đừng có bắt chước, đừng có chạy theo, đừng có rập khuôn tiền nhân, đừng làm lủi đi trên con đường mòn của họ...

Thơ ngắn dài sao cũng được. Ngắn mà hay còn hơn dài mà luộm thuộm. Viết về đất nước, viết về dân tộc, đừng chỉ riêng về cái tôi bé bỏng. Đất nước? Đất nước Việt Nam như có gì gắn bó với quê hương, nó đánh thức trong tâm em mãi không thôi. Thơ phải tự mình vào vũ trụ rồi từ vô cùng của vũ trụ vào thơ. Đem đạo vào thơ nhưng đừng phóng bút để làm sai lẽ đạo... Giáo sư quốc văn cứ thân nhiên nói, người nghe thực hành hay không là một chuyện khác, cũng như mặt trời có bao giờ kể lể: "Tôi làm cho hoa nở". Và hoa chẳng hề hỏi: "Ai làm cho tôi thơm?"

Anh Phúc,

Bữa cơm chiều nay, em chưa dùng mà thấy no no, mãi trò chuyện với anh trong niềm vui, cảnh vật chung quanh nhận thấy điều đó, chỉ có chim hót, tiếng gió thì thầm trên ngọn cây, còn lại như lặng yên. Sự yên lặng phủ cả đất trời và tâm hồn em lúc này.

Hãy nắm tay nhau đi vào VƯỜN TÌNH YÊU

Em khoe người hàng xóm
Có khu vườn tình yêu
Mỗi bạn lúc khuya sớm
Quảng giầy phút đắm chiều
Cùng ngồi nghe chim hót
Xem hoa nở sáng chiều

Chập chờn đôi bướm trắng
Đuổi nhau dưới nắng vàng
Trúc xanh chuồn chuồn đậu
Thoảng thoảng hương cành lan

Trắng núp trong kẽ lá
Sao lặn dưới đáy hồ
Gió hiu hiu mơn trớn
Lăn tăn sóng nhấp nhô

Tiếng đế xa xa vọng
Ai thấp thoáng bên thềm
Giọng ngân nga khe hát
Mênh mông khúc nhạc đêm

Dưới tàng cây tự tại
Xao huyền chép văn thơ
Vườn tình yêu muôn thuở
Lãng lãng bầu trời mở

và cả NGÔI NHÀ LÀM BẰNG THƠ

Nhà mình làm bằng thơ
Mái bằng thơ
Tường bằng thơ



Tường bằng thơ
Những cánh hoa xanh vàng trắng tím cũng bằng thơ
Thơ TÌNH
Thơ Đạo
Đêm đêm thơ đi dạo với trăng sao

Cổng ra vào
Hương thơ ngào ngọt
Bình minh dậy
Chào nắng sớm
Thơ vui, thơ cười, thơ hát

Từng loài chim
Bạch hạc
Chích chòe
Oanh, yến...
Đến tử đầu
Đậu trên ngôi nhà xây đắp bằng thơ

Xuân về
Cỏ mọc
Mọc những bài thơ lú nhú
Long lanh như sương mai
Kết thành vương miện
Mẹ cài trên mái tóc con thơ

Bao giờ nhĩ
Bài thơ chín trên ngọn dừa Xiêm
Lá buông dài như lá tử bì
Đọt cây cao như cây nhần nhục
Lắc lư cười theo gió đong đưa

Bên song cửa
Lá trúc vờn mây
Kêu chị hằng nhuộm màu chiếc gối
Nửa đêm thức dậy
Giường thơ la lối
Cho em yên nào
Để dệt gấm thêu hoa
Trang hoàng ngôi nhà tình ái
Thành những bài thơ
Thất ngôn tứ tuyệt
Lục bát, Đường thi,...
Bài thơ thanh thân như mặt nước hồ thu

Ngày đoàn tụ
Hoàng Long Nhật Trí
Phi Hà Uyên Quang
Vân Tập làm bài thơ huy hoàng
Tặng em
Tấm lòng ân ái
Mai đây nhé
Những người bạn đến thăm
Ra về lòng lảng lảng
Giữ bài thơ trong túi
Thơ làm bằng gạch ngói
Và những đóa tình thương

Anh Phúc,

Phải rồi, có gì em không tâm sự

với anh. Chuyện đời, chuyện đạo, chuyện nắng hạ mưa đông, chuyện thả diều ngày xưa trên cánh đồng lúa chín, chuyện chùa, chuyện ruộng mía nướng rau, vườn hoa nở rộ muôn màu... Chung quy nhiều hơn hết vẫn là chuyện ngày vui bên nhau. Anh xem kia, cây cau thẳng tắp hạnh phúc đứng nhìn trời mây, chẳng cần biết hệ lụy cuộc đời. Lá gian dài, chim muốn nghỉ chân cứ đậu, kiến thích dự trữ thức ăn, tự nhiên làm tổ. Mưa ơi, cứ rơi trên cành, ánh nắng cứ làm cho lá xanh um. Việc đời, tự nhiên đến, tự nhiên đi trên dòng nước chảy qua cầu.

Hầu hết thì giờ bề bộn sách vở viết lách, khi bồn ba việc nước, việc nhà làm anh ngăn cách với an bình. Hồi Năng Nhân, xin cho anh thoái mái trong tâm.

Tiếng dương cầm lọt qua khe cửa, "Mộng chiều xuân" bài em hay hát (không phải hát hay) đưa em về thực tại. Anh biết không, em mở màng thấy anh ngồi bên, ầu yếm vuốt tóc, ngấm vào tai câu thơ của em mà anh cho đỡ nhất, giọng tựa chim ca làm tim em hồi hộp. Em ôm hạnh phúc ngồi trên cỏ nhìn trời. Vài con bướm vũ điệu nhịp nhàng. Trái tim nho nhỏ của chúng cũng ngập tràn niềm vui.

Anh ơi, hạnh phúc vờn trên má, trên mi mắt và ở ở nụ cười trên môi. Anh ơi, chim hân hoan dạo nhạc, cây thông hiền cũng như trầm tư với niềm vui trong em. Anh ơi, ánh nắng nhảy múa trên cây, lá nhẹ nhàng cúi xuống hôn yêu. Em quên tất cả, sống giờ phút yên lành cùng vũ trụ muôn đời màu nhiệm. Vũ trụ ôm em vào lòng với vô lượng bao dung. Giấc mơ gần, giấc mơ xa cứ dần dần hiển hiện. Xa hơn nữa là ngày về thăm đất nước.

Tiếng vọng quê hương: "Quê Hương Với Tình Yêu Là Một", chẳng phải thế sao anh? Này nhé, mai mốt mình đi ghe thuyền dọc bờ sông An Cựu, nơi in bóng chúng mình suốt thời mộng mơ. Người ta thường bảo tình yêu dành cho tuổi trẻ. Ngược lại, thi nhân nói tình yêu thích hợp cho mọi người, mọi lứa tuổi, bất cứ ai có trái tim biết rung động trước đối tượng, nhất là anh, người có tâm đẹp như hoa, ngày nào đó em sẽ kết thành râu chuỗi mang vào tim yêu.

Những đêm trăng lộng lẫy mênh mông. Con người với hũ vô cùng một nhịp thở. Anh nhớ không, chúng mình uống trà dưới trăng. Ừ nhỉ, trăng lọt vào tách trà khi nào em chẳng hay. Anh xem, mây cũng bay trong tách trà nữa. Em không dám uống, không dám động, để cho nước trong tách lộng yên. Chợt mấy câu thơ của Thầy hiện về:

"Trong làn trăng Bồ Tát
Đạo khắp chín tầng không
Hề tâm ai thanh tịnh
Bồ Đề liền chiếu thông"

Thôi, em không viết nữa, những đóa hoa vô danh trong hàng giậu nhìn em mỉm cười.

Chúc anh tươi mãi

Em,

Thúy Trúc

[Sa 1003P





Tu Nguyễn

- Paris -

Phỏng vấn
Nhà Thơ
HOÀI VIỆT
Về Đại Hội Thơ
Địa Trung Hải kỳ
Thứ Năm

tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ 22-26.5.97

Nhà thơ Hoài Việt, Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đồng thời là Hội viên của Văn Bút Pháp Quốc vừa đại diện Văn Bút Pháp tham dự Đại hội Thơ kỳ thứ Năm của các Nhà Thơ tại miền Địa Trung Hải quy tụ một số các nhà thơ từ 10 nước trong vùng.

Vài tuần sau khi trở lại Paris, Tu Nguyễn đã gặp và phỏng vấn Nhà Thơ Hoài Việt. Nguyên văn bài phỏng vấn như sau:

Tu Nguyễn: Trước hết, xin Anh cho biết các chi tiết về Đại hội Thơ mà anh vừa thay mặt Trung Tâm Pháp Quốc tham dự.

Nhà Thơ Hoài Việt: Đây là Đại hội lần thứ năm của các nhà thơ miền Địa Trung Hải (5è Festival des Poètes méditerranéens). Hội thơ được cử hành từ 22 đến 26 tháng 5 tại Bergama, Thổ Nhĩ Kỳ, với đề tài chính là *Hòa Bình và Văn Chương* (Peace and Literature). Vì là Đại hội thơ của vùng Địa Trung Hải cho nên lần này cũng như các lần trước, chỉ có đại diện của trên dưới 10 nước tham dự.

Đại Diện Văn Bút Pháp

Hỏi: Tại sao Văn Bút Pháp cử anh đại diện?

Đáp: Tại sao? Thú thật với anh, tôi cũng không biết rõ ràng là tại sao nữa. Nghĩ lại, tôi thấy có thể vì những lý do sau đây: Nói xin lỗi độc giả, cũng có thể là... (cười) "*Không có chó bắt mèo...*", nghĩa là, không có một ông Tây nào *thêm* đi cả nên Văn Bút Pháp phải đưa một... *thằng Mít* đi làm đại diện cho mình! Cũng có thể là những bài thơ bằng tiếng Pháp của tôi cũng không thua thơ của các nhà thơ Pháp trong Văn Bút Pháp và cũng có thể là cũ... một *thằng Tiến sĩ* khoa học, dù là *mít* đi nữa, cũng không làm hổ danh Văn Bút Pháp lang-sa.

Hỏi: Anh muốn tôi ghi nguyên văn những điều anh vừa nói lên báo?

Đáp: Vâng, xin anh cứ viết rõ như thế. Tại sao chúng ta lại phải ngại ngùng?

Như ăn, như thở

Hỏi: Vâng! Tại sao anh làm thơ bằng tiếng Pháp?

Đáp: Tôi bắt đầu làm thơ bằng tiếng Pháp độ vài năm sau khi đặt chân lên đất Pháp năm 1956. Tôi cũng không hiểu tại sao nữa. Có lẽ vì tôi làm thơ rất tự nhiên như tôi ăn, tôi thở nên khi một bài thơ đến bằng tiếng Pháp tôi thấy mình không thể đổi ra thành một bài thơ Việt. Nếu làm như thế đó thì là một bản dịch không hồn chứ không phải là một bài thơ nữa. Cũng may là tôi làm mười bài thơ tiếng Việt mới làm một bài thơ tiếng Pháp. Những bài thơ tiếng Pháp của tôi nằm yên trong học tủ cho đến cách đây hai năm, các bạn tôi trong đó có anh Mạnh Bích, "*xúi dạn*" tôi cho in thành sách một số thơ của tôi là thơ tranh đấu cho quê hương, cho tự do, cho tình người nên các anh chị bạn nghĩ rằng nên cho người ngoại quốc hay là chúng ta vẫn chưa quên quê cũ và vẫn tiếp tục đấu tranh. Và cũng để tiếp tục phụng sự lý tưởng của mình nên tôi xin vào Văn Bút Pháp để tiếng nói của mình được người ngoại quốc để ý đến nhiều hơn.

Hỏi: Sinh hoạt của Đại Hội như thế nào?

Đáp: Đề tài chính của Đại Hội kỳ 5 này là Hòa Bình và Văn Chương, đề tài rất hấp dẫn đối với tôi và theo tôi nghĩ rất quan trọng đối với anh em chúng ta cũng như đối với đồng bào hải ngoại. Anh đồng ý chứ?

Chương trình làm việc có thể chia làm ba mục:

- Diễn văn của các nhà thơ và thảo luận, sau đó,

- Các nhà thơ đọc thơ của mình (bằng nhiều thứ tiếng) các bài thơ đã gửi cho Ban Tổ Chức và đã được dịch ra tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Nhờ vậy, sau bài thơ nguyên văn do chính tác giả trình bày, một thi sĩ người Thổ lên đọc bản dịch.

- Thảo luận về các vấn đề quan trọng và có liên quan đến thơ và nhà thơ.

Năm nay, Đại hội thảo luận nhiều về đề tài thơ và hòa bình, dân chủ, tự do trên thế giới và nhấn mạnh đến bốn phận của các nhà thi sĩ đối với các vấn đề liên hệ đến sự kỳ thị chủng tộc, ô nhiễm môi sinh, v.v...

Tiếp Đãi Khách Thơ

Hỏi: Ban Tổ Chức tiếp đãi khách thơ như thế nào?

Đáp: Sự tiếp đãi của Ban Tổ Chức Đại hội Thơ này dành cho tôi khác hẳn những lần tôi đi dự các hội nghị văn chương hay khoa học vì có vài chi tiết khá buồn cười. Cách đây mười mấy năm, tôi đi dự hội nghị cùng phái đoàn của Institut Pasteur. Cũng tại phi trường Izmir, một nhóm đồng nghiệp người Thổ Nhĩ Kỳ và các cựu học sinh của Institut Pasteur đến đón chúng tôi rất thân mật và vui vẻ. Tất cả mọi người đều nói tiếng Pháp.

Lần này, sau khi qua khỏi phòng thông hành đưa mắt nhìn quanh tôi mới thấy một người trẻ cầm trên tay một tờ giấy trắng trên đó có người đã viết vội tên tôi nên viết sai. Đặc biệt hơn nữa là người bạn trẻ không nói được một tiếng Pháp nào và chỉ bập bẹ tiếng Anh. Cũng khác hẳn lần trước, tôi không được đưa ngay về ở một trong những khách sạn lớn nhất ở Izmir mà phải đợi hơn hai giờ đồng hồ ở phi trường vì có hai người khác đến sau. Sau đó, phải đi xe hơi hơn hai giờ trên đường bụi bặm nhiều xe cộ và trời rất nóng mà xe không có máy lạnh như lần trước, mới đến một khách sạn xoàng xĩnh.

Nhưng lạ lùng là lần này tôi thấy lòng vui hơn những lần trước nhiều. Phải chăng là vì sau hơn 40 năm sống ở một nước phồn thịnh và trong "nhung lụa", tôi vẫn là một đứa con của xứ Huế nghèo nàn?

Những Người Bạn Mối

Hỏi: Không khí chung chung ở đây như thế nào? Anh cảm thấy bơ vơ, lạc lõng hay trái lại, thoải mái, phấn khởi?

Đáp: Một khía cạnh tốt khác của Đại hội Thơ ở Bergama 1997 là mọi người đều ở chung một khách sạn xa thành phố nên dễ gặp nhau hơn. Nhờ vậy, tôi đã có dịp trò chuyện rất lâu với một số nhà thơ đã có những bài thơ tôi thấy hay hoặc đưa ra những ý kiến làm tôi khâm phục họ. Tôi chỉ rất tiếc là tiếng Anh dở quá nên đã không đào sâu được đề tài và hiểu rõ được những tiểu dị trong các ý kiến. Dù sao tôi cũng cảm thấy rất thoải mái vì có bạn mới và nhất là đã học hỏi được nhiều. Tôi rất mừng thấy sự khác biệt có khi đến cả 30 tuổi không ngăn chúng tôi hiểu nhau và trở thành bạn thân tình.

Một anh bạn người Catalan đã đồng ý cùng tôi viết một chuyện ngắn dựa trên bài thơ "Les Fiancés de Sarajevo". Tôi sẽ viết bằng tiếng Việt và tiếng Pháp và anh ta sẽ viết lại bằng tiếng Catalan và tiếng Anh.

Tôi cũng rất cảm động thấy sự hiện diện của một thi sĩ xứ Palestine và một nhà thơ Do Thái. Hai người này ngồi gần nhau và nói chuyện với nhau rất thân mật.

Chuyên Việt Nam

Hỏi: Anh là người Việt độc nhất trong Đại hội. Họ có hỏi anh nhiều về vấn đề Việt Nam?

Đáp: Trước khi bắt đầu chương trình Đại Hội, ông Chủ Tịch Văn Bút Thổ Nhĩ Kỳ yêu cầu mọi người tự giới thiệu và lẽ dĩ nhiên tôi cho họ biết rằng tôi là người Việt Nam.

Có lẽ vì vậy mà các tham dự viên đã nói nhiều đến Việt Nam khi bàn về vấn đề ô nhiễm môi sinh và tự do tín ngưỡng. Một nhà thơ người Thổ nhiều lần đến nói chuyện riêng với tôi, và một hôm, lúc đang ăn sáng, ông đến vỗ vai tôi rất thân mật và nói: "*Vào khoảng 45-46 khi đồng bào ông kháng chiến chống thực dân, tôi có làm một bài thơ về Việt Nam.*"

Hiện nay, qua báo chí, tôi thấy sự thực khác hẳn điều tôi mơ ước, và tôi thấy có bốn phận làm một bài thơ khác về quê hương ông".

Hỏi: Anh đã đóng góp gì vào Đại Hội này?

Đáp: Cũng như đại diện các Văn Bút khác, tôi đã gởi đến ba bài thơ bằng tiếng Pháp (rất tiếc, không phải là bằng tiếng Việt) vì là đại diện của Văn Bút Pháp để Ban Tổ Chức dịch ra tiếng Thổ. Tôi đã đọc những bài thơ ấy đêm đầu giữa các nhà thơ và đêm sau trước dân chúng thành phố Bergama. Tôi đã góp ý sau khi nghe các bài diễn văn như những tham dự viên khác. Tôi tích cực ủng hộ vụ tổ chức Ngày Quốc Tế về Thơ (A Poetry's Day) do một thi sĩ người Thổ đưa ra.

Với Đại Hội Luông Niên ở Bỉ

Hỏi: Anh đã từng dự Hội Nghị Luông Niên về Thơ tại Liège, Vương Quốc Bỉ cùng với các nhà Văn, thi hữu khác. Xin anh thử so sánh hai Đại Hội này.

Đáp: Đại Hội các nhà thơ miền Địa Trung Hải khác với Đại Hội Luông Niên Quốc Tế về Thơ ở Liège rất nhiều. Ở Bergama chỉ có độ 30 người đến dự trong khi ở Liège, con số lên tới hai hay ba trăm. Ngoài ra, tôi đoán chắc ít khi có mặt các ông Bộ Trưởng, các đại diện cho các cơ quan quốc tế lớn hay những người đã được các phần thưởng văn chương nổi tiếng trên thế giới. Chính vì vậy mà ở Liège phải là nhà văn, nhà thơ đã thành danh rồi hay ít nhất cũng là tiến sĩ, giáo sư đại học... mỗi dám nói chuyện với người khác. Và chắc cũng vì vậy mà số người trẻ đến tham dự thật quá ít, đó là một điều rất đáng tiếc.

Đúng thế, không khí ở Liège cầu nệ, lễ nghi, theo tôi, thật rất xa cuộc sống hồn nhiên của một nhà thơ chân chính.

Làm Nhiều Nghề

Hỏi: Thế giới coi trọng thơ trong khi nước mình không được như thế. Nhà thơ ngoại quốc có thể sống bằng tác phẩm của mình, nếu tôi không nhầm. Xin anh cho ý kiến về điểm này.

Đáp: Năm năm sau này tôi có đi dự một số đại hội thơ ở Pháp và ngoại quốc. Qua danh sách những tham dự viên cũng như qua những lần trò chuyện trong và ngoài đại hội tôi thấy tất cả các thi sĩ đều làm một nghề khác. Họ làm việc cho các cơ quan hành chính hay có một nghề tự do. Ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng như ở các nước khác, phần đông các nhà thơ là giáo sư văn chương hay thông dịch viên; những người này sống nhờ văn chương chủ nghĩa nhưng không phải nhờ làm thơ.

Theo tôi thì viết truyện, nếu có tài, được đọc giả ưa thích thì có thể sống được, thứ thả nữa là khác khi truyện được đưa ra làm phim, nhưng làm thơ thì dù có tài cũng phải làm nghề khác để sống và để tiếp tục làm thơ.

Ở Bergama, sau đêm các tác giả đọc thơ cho quần chúng nghe, tôi có cảm giác như người Thổ Nhĩ Kỳ trọng thơ hơn người Pháp vì họ giữ im lặng. Sau khi nghe xong, họ vỗ tay rất lâu nhất là khi bài thơ hay và của đồng bào của họ sáng tác có thể vì họ hiểu nguyên văn hơn. Anh cũng đã thấy rằng trong các sách báo Pháp ít khi có đăng thơ, trái lại, hầu hết các báo Việt đều có đăng thơ; một trong những lý do chính có thể là vì mọi người Việt Nam, nhất là người Huế, đều là thi sĩ.

Hơn Bốn Mươi Năm

Hỏi: Trở lại một vấn đề cá nhân: Thơ tiếng Việt, thơ tiếng Pháp, thơ nào đem tới cho anh mức độ rung cảm nhiều hơn?

Đáp: Trước khi trả lời câu hỏi này, tôi xin phép được nhắc lại là tôi rời quê hương hơn 40 năm rồi và tôi cũng không có cái may mắn được mài đũa quần trên một đại học văn chương nào nên những gì tôi sẽ nói không theo đúng sách vở cho lắm, mong anh và độc giả thông cảm.

Tôi thích đọc thơ những ngoài tiếng Việt tôi chỉ biết tiếng Pháp và tiếng Anh nên tôi chỉ đọc được thơ viết bằng ba thứ tiếng trên. Nếu đọc và viết một thứ tiếng đã khác nhau thì biết nghe thơ cùng một thứ tiếng cũng khác hơn và riêng đối với tôi còn khó hơn nữa. Cho đến bây giờ kém tiếng Anh nên với ngoại văn này, tôi chỉ có thể làm việc khoa học. Lý do chính là ngoài ý ra, tôi chưa thấy được cái hay của thi tiết thơ Anh, âm điệu của thơ Anh mà theo tôi thì nhạc của bài thơ quan trọng còn hơn từ thơ nữa.

Tôi khá tiếng Pháp hơn nên có lẽ vì thế mà lòng tôi dễ rung cảm khi đọc những câu như thơ của Lamartine, Verlaine, Victor Hugo hay Prévert chẳng hạn. Tóm lại, tôi thích nghe thơ Việt Nam vì hiểu biết nhiều tiếng

mẹ đẻ vì tôi thấy rõ những hình ảnh thi nhân dùng để diễn tả ý của mình; tôi bị quyến rũ bởi nhạc điệu của những câu thơ; tôi có cảm giác tim tôi đập cùng nhịp và tôi đang sống phút giây thần tiên khi nhà thơ thấy hứng khởi và cầm bút viết bài thơ "tự nhiên thành".

Tôi trích ở tập "Amour et Liberté" ba bài thơ sau: "Une prière"; "L'Amour sans frontière" và "J'aime bien semer". Đêm đầu khi tôi đọc, các nhà thơ có mặt thích bài "L'amour sans frontière" hơn các bài khác. Hôm sau thì quần chúng Thổ Nhĩ Kỳ vỗ tay rất nhiều khi nghe bài "Une Prière" và anh bạn người Thổ ngồi cạnh cho hay là họ thích đoạn cuối như sau:

J'ai connue la misère

J'ai connue la guerre

C'est pour cette raison que j'écris cette prière

Donnons-nous la main

Acceptons nos différences

C'est le seul moyen pour éviter la guerre

C'est le seul moyen pour supprimer la misère

Pour vivre heureux ensemble sur cette terre. (1)

Nhưng điều làm tôi cảm động nhất là khi anh bạn người Catalan biết tiếng Pháp cho tôi hay là anh thích nhất bài "La terrible meurtrissure" (Vết thương khủng khiếp), bài thơ tôi viết khi về thăm Huế sau gần 40 năm xa cách.

Hỏi: Do từ những lần tham dự đại hội quốc tế, anh nghĩ thế nào về những sinh hoạt văn học của chúng ta lâu nay?

Đáp: Theo tôi, những buổi ra mắt sách hoặc trình diễn văn nghệ với sự tham dự của quần chúng ít giúp cho người viết tiến lên. Trái lại, qua kinh nghiệm của cuộc tham dự đại hội vừa rồi, tôi thấy nếu có thể tổ chức những buổi họp giữa những người cầm bút để mọi người có dịp bàn cãi sâu rộng về những vấn đề liên hệ đến văn chương thì ta có điều kiện để học hỏi thêm. Ngoài ra, đó cũng là dịp để làm quen nhau, tìm hiểu nhau, chấp nhận nhau: điều kiện rất cần thiết để cùng làm những việc có ích lợi cho văn hóa và cho quê hương.

Đóng góp Cu thể

Tôi nghĩ là Trung Tâm Âu Châu VBVNHN có thể đứng ra tổ chức với sự hỗ trợ của các hội đoàn khác. Cuộc họp bạn văn chương này không phải chỉ dành riêng cho các hội viên Văn Bút mà cho tất cả những người cầm bút có thiện chí, nhất là cho các bạn trẻ.

Theo tôi thì văn thi sĩ hải ngoại có những điều kiện thuận tiện mà các đồng nghiệp ở nhà không có, nhờ vậy, họ có thể đóng góp cho văn hóa quê hương một phần không nhỏ. Và sự đóng góp đó sẽ hữu hiệu hơn, tốt đẹp hơn nếu những người cầm bút có dịp gặp nhau để tìm ra một lối đi. Và vì thế hệ trẻ là tương lai mà những người sinh ra ở hải ngoại phần đông dùng tiếng nói nơi mình sinh sống để sáng tác nên tôi nghĩ là chúng ta phải dành một phần chương trình cho những áng văn, thơ bằng ngoại ngữ. Hơn thế nữa, phần này chúng ta nên để cho những người trẻ tự tổ chức lấy. Họ sẽ thấy phần khởi hơn, thích thú hơn. Ngoài ra, cách làm việc của họ cũng như các tác phẩm của họ có thể giúp những người lớn tuổi hơn tìm thấy được những tia nắng mới có thể làm đẹp hơn các tác phẩm của họ.

Tôi cũng nghĩ là chúng ta nên mời các hội bạn người ngoại quốc đến dự phần văn hóa này; tôi thấy có hai cái lợi: thứ nhất là người ngoại quốc sẽ biết đến hoạt động văn hóa của người Việt Nam ở hải ngoại nhiều hơn và thứ nhì là tác giả của những tác phẩm bằng ngoại văn cũng được hài lòng hơn.

Để chấm dứt mục này, tôi thấy mỗi lần họp nên có một vài đề tài chính và sau đó, những đóng góp nên cho in ra để làm tài liệu tham khảo. Tiện đây, tôi xin mạn phép đề nghị hai đề tài sau: "Thơ tự do", "Ảnh hưởng của văn hóa bình dân trên sự sáng tác của văn, thi sĩ hải ngoại".

Tiếng Nói của Con Tim

Hỏi: Cảm nghĩ của thân hữu đối với tập thơ "Amour et Liberté" như thế nào?

Đáp: Về tập "Amour et Liberté" thì khi cho in ra mục đích không phải là để đoạt giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp (cuối). Tôi học chương trình Việt nên biết rõ là mình không có là một nền tảng vững về tiếng Pháp và rất dốt văn chương Pháp. Nhưng cũng như trong toàn dân vùng lên kháng chiến giành độc lập đã dùng tầm vông vót nhọn chống lại xe tăng, đại bác, tôi đã không ngại dùng những bài thơ có thể sai văn phạm, có thể không có giá trị văn chương nhưng đó là tiếng nói của con tim tôi, và chắc cũng của con tim anh hay con tim của những người con dân đất Việt, bắt đầu dĩ phải sống xa quê hướng nhưng luôn luôn hướng về quê cũ để tiếp tục đấu tranh cho tự do của đất nước.

Tôi muốn người ngoại quốc biết như vậy (cũng như qua bốn tập thơ tiếng Việt tôi muốn đồng bào biết) và mong họ giúp chúng ta thành công.

Tôi rất mừng thấy có một số bạn người ngoại quốc cho hay là họ rất cảm động khi đọc thơ tôi và họ cho biết là họ đã nhìn quê hương chúng ta khác hơn là trước khi đọc tập "Amour et Liberté".

Bầu Trời Tự Do

Hỏi: Xin anh một lời kết luận.

Đáp: Xin cảm ơn anh đã ban cho tôi có dịp nói lên những gì khiến tôi làm thơ và tiếp tục dùng văn hóa để đấu tranh cho tình người nở hoa trên quê Mẹ và để cho dân chim Việt tha hương có thể tung cánh bay về trên bầu trời tự do của Đất Nước.

Xin cho tôi có đôi lời về Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại mà cuộc tam gọi là "khùng hoảng" đang làm cho đồng bào hải ngoại xôn xao. Có người nói rằng bày đặt VBVNHN ra làm chi, vô ích, rồi giờ đây để nhờ người ngoại quốc can thiệp: thiệt là xấu hổ. Những người này, theo tôi nghĩ, thì hoặc họ không biết gì về Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hoặc họ có hậu ý xấu nào đó. Vì VBVNHN có độ 300 hội viên mà chỉ có vài người dựa hơi ngoại quốc để lũng đoạn VBVNHN thì chỉ là "con sâu làm rầu nồi canh" thôi.

Chúng ta hãy tích cực phản đối sự phản bội của những người này những xin đừng "vô đũa cả nắm". Còn việc VBVNHN có làm gì ích lợi hay không, tôi tin là anh có thể trả lời rõ ràng hơn tôi nhiều. Nhưng tôi thấy cũng nên nhắc vài ba việc. Trước hết VBVNHN đã đóng góp không ít trong những cuộc vận động cho văn nghệ sĩ bị nạn ở bên nhà, mới đây thôi, tranh đấu cho Nguyễn Chí Thiện, cho Đoàn Viết Hoạt, v.v... VBVNHN đã tổ chức những Ngày Văn Hóa, giới thiệu sách... Nếu ai còn để tâm đến cuộc sống văn hóa sẽ thấy, như ở Âu Châu, Trung Tâm Âu Châu đã tổ chức hay là góp mặt trong hầu hết các hoạt động văn hóa ở Pháp, ở Đức, ở Bỉ v.v...

Tôi dám thách đố người nào có thể nói ngược lại. Riêng tôi, tôi cảm thấy mang nợ với những người đã lập nên VBVNHN rất nhiều...

Hỏi: Anh nói thế chứ...

Đáp: Tôi kể anh nghe một ví dụ. Cách đây độ 5, 6 năm gì đó, trên chuyến tàu tốc hành RER-B, tôi gặp một anh bạn sang đây cũng lâu như tôi, cũng là Tiến sĩ khoa học và làm lớn ở CNRS. Gặp anh, tôi mừng rỡ, hỏi thăm bằng tiếng Việt, anh trả lời bằng tiếng Pháp. Tôi tiếp tục nói bằng tiếng Việt, anh vẫn "ngoan cố" trả lời bằng tiếng "mẫu quốc Pháp lang-sa". Sau câu thứ ba, tôi bỏ đi nơi khác và tới hôm ấy, tôi làm một bài thơ nhan đề là "Loài hoa mất gốc" đăng trên một vài tờ báo ở đây, không biết anh có đọc không?

Và đó là không phải trường hợp độc nhất. Vì vậy, nếu tôi không may mắn được gặp Thầy Nhất Hạnh, chị Cao Ngọc Phượng hay không được anh mời vào Trung Tâm Âu Châu thì không chắc giờ này, tôi có thể trả lời song suốt những câu hỏi của anh bằng tiếng Mẹ để chớ dùng nói tới chuyện xuất bản "Quê Người", "Ngày Mẹ Về", "Tình Em Nho Nhỏ" hay các tập "Làng Xưa Phố Cũ"... Vậy thì nhờ VBVNHN mà tôi đã trở về với tiếng Mẹ và nhờ đó mà tôi đã trở về với Quê Hương.

Từ Nguyễn: Xin cảm ơn Nhà Thơ Hoài Việt.

(1) Tạm dịch:

Lời cầu nguyện này tôi viết/ Vì tôi đã sống trong đời khổ/ Vì tôi biết thế nào là chiến tranh/ Nên tôi xin Chị, xin Anh/ Hãy nắm lấy tay nhau/ Để tránh chiến tranh/ Để xây dựng hòa bình/ Để làm lùi nghèo đói/ Và để có thể chung sống an vui/ Trên trái đất này. Sa 10047.13



MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ CON NGƯỜI HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

•Nguyễn Chí Thành

•Trần Huy Hoàng

Hồ Chí Minh có thật sự là một thánh nhân, đạo cao đức cả, hết lòng yêu nước thương dân như những huyền thoại mà ông và bộ máy tuyên truyền của chế độ Cộng Sản đã dựng lên? Hay cũng giống như lãnh tụ ở các nước cộng sản Đông Âu, ông sẽ bị nhân dân vạch mặt là tội phạm phản dân hại nước một khi chế độ do ông và các đồng chí dựng lên sụp đổ. Có quá nhiều sự thật về con người HCM bị che giấu và xuyên tạc. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một vài sự thật hiển nhiên mà thôi.

Cuộc chiến Pháp-Việt năm 46-54 và sau đó là cuộc chiến Mỹ-Việt

Hoàn toàn có khả năng hiện thực để tránh được hai cuộc chiến vô nghĩa này vì cùng thời gian đó dưới sức ép của Mỹ và cộng đồng quốc tế các nước thực dân như Anh, Pháp, Hòa Lan... đã buộc phải trao trả độc lập cho các nước thuộc địa để đổi lấy viện trợ phát triển. Hàng loạt các nước có điều kiện hoàn cảnh tương tự như ta đã giành được độc lập mà không hề tổn một giọt máu nào như: Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba v.v... Trong bối cảnh đó ông Hồ, với tư cách người lãnh đạo tối cao của cách mạng, hoàn toàn có khả năng để lèo lái đưa đất nước tránh được hai cuộc chiến vô cùng đẫm máu nhưng cũng hết sức vô nghĩa đồng thời tận dụng được những cơ hội vô cùng lớn lao để phát triển đất nước nếu ông thực sự có tâm huyết vì dân vì nước. Nhưng hỏi ôi! mục tiêu của ông và các đồng chí đầu phải là dân giàu nước mạnh. Mục tiêu của ông là nhuộm đỏ Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, tự biến mình thành tay sai cho quốc tế cộng sản và các quan thầy Liên Xô, Trung Cộng hòng nhận được sự trợ giúp để nắm và giữ vững chính quyền, dùng chính quyền đó bắt dân phục vụ cho quyền lợi của Đảng.

Cải Cách Ruộng Đất

Là một sự kiện bi thương hãi hùng với hàng vạn người vô tội bị đấu tố, bị hành hình mà sau này Đảng phải thừa nhận sai lầm, kết quả Tổng Bí Thư Trường Chinh và một vài lãnh đạo cao cấp mất chức vì lý do đã chỉ đạo sai. Vậy lúc đó ông Hồ đang ở đâu? đang làm gì? Hay đó là một việc nhỏ mà "Bác" thì đang bận trăm công nghìn việc lớn nên không biết!

Cải Cách Ruộng Đất là một sự việc điển hình cho thấy lời nói và việc làm của con người cộng sản HCM và các đồng chí luôn trái ngược nhau: lúc chưa nắm được chính quyền thì hô hào đoàn kết mọi tầng lớp người dân kể cả các nhân sĩ, trí thức, các đảng phái, các lực lượng tôn giáo tập hợp trong một Mặt Trận Việt Minh để đánh đuổi đế quốc, phong kiến với những hứa hẹn "Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc" ... cho tất cả mọi người. Nhưng khi đã nắm được chính quyền trong tay thì chính những người góp xương máu đó lại trở thành đối tượng để đấu tố, cải tạo qua khẩu hiệu "Trí, phú, địa, hào... đào tận gốc tróc tận rễ".

Sự việc đó một lần nữa lặp lại với cải tạo công thương nghiệp và hợp tác hóa ở miền Nam chứng tỏ-đấu tố, cải tạo trong Cải Cách Ruộng Đất không hề là sai lầm chỉ đạo nhất thời mà là một chủ trương nhất quán của ông Hồ và các đồng chí. Có điều chủ trương đó quá thất nhân tâm nên phải lấp liếm đi hòng giữ thể diện cho lãnh tụ mà thôi.

Nhân Văn Giai Phẩm

Khi còn bôn ba ở nước ngoài với bí danh Nguyễn Ái Quốc, ông Hồ đã gửi đến Hội nghị Versailles một bản Yêu sách đòi quyền tự quyết cho đất nước, tự do dân chủ cho dân. Vậy mà khi đã nắm được chính quyền

trong tay thì những quyền tự do dân chủ đó không hề được đếm xỉa đến. Hàng loạt nhà văn nhà thơ trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm đã bị đàn áp tới bởi, chỉ vì họ đã nêu lên một vài hiện thực xã hội, một vài quan điểm không vừa lòng Đảng, "Bác" cho thấy tự do dân chủ là điều cấm kỵ quối chế độ cộng sản. Có điều khi chưa giành được chính quyền thì tự do dân chủ được ông Hồ và các đồng chí sử dụng như một vũ khí để tranh đấu đồng thời để mị dân mà thôi.

Vụ ông Kim Ngọc, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú

Ông Hồ và các đảng viên CS luôn tự nhận là "đầy tớ" của dân, nhưng sau khi Hợp tác hóa nông nghiệp, đồng ruộng xóm làng tiêu điều xơ xác do kết quả của lối làm ăn tập thể "cha chung không ai khóc" ông có biết tới không? Thời gian đó ông Kim Ngọc, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú đã nhận ra vấn đề, thí điểm cho dân trong tỉnh nhận khoán ruộng đất mà kết quả là sản xuất và đời sống của dân được cải thiện rõ rệt. Trước thực tế hiển nhiên như vậy, ông Hồ và các lãnh đạo cao cấp khác đã kết tội Bí thư Kim Ngọc là làm sai chủ trương của Đảng. Như vậy ông và các đồng chí thà để dân đói khổ còn hơn là không trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin và với quan thầy Liên Xô, Trung Quốc. Ngày nay, sau hàng chục năm, khoán ruộng đất đường nhiên được coi như một sự lãnh đạo vận dụng tài tình của Đảng, vụ Kim Ngọc hoàn toàn bị im đi.

Vụ tác giả Trần Dân Tiên

Trong 5 điều dạy thanh thiếu niên ông Hồ nêu cao đức tính khiêm tốn thật thà. Nhưng bản thân ông có thật thà khiêm tốn hay không khi tự viết sách ca ngợi mình. Đó là cuốn sách "Vừa Đi Vừa Kể Chuyện" ("Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch") gồm những mẩu chuyện về cuộc đời HCM của tác giả Trần Dân Tiên và Trần Dân Tiên chỉ là một biệt danh của ông Hồ mà thôi. Trong lời mở đầu cuốn sách, tác giả có viết đại ý Hồ Chủ Tịch bận trăm công ngàn việc hơn nửa Người hết sức khiêm tốn, không thích nói và viết về bản thân nên việc viết tiểu sử của Người là điều hết sức khó khăn... Thật là một trường hợp mà lịch sử Đông Tây kim cổ chưa hề xảy ra.

Như vậy ông Hồ quả là một nhà chính trị hết sức xuất chúng về phương diện thủ đoạn và lừa mị dân; nhưng ở đời người ta chỉ có thể lừa dối trong một thời điểm hay giai đoạn nhất thời mà thôi. Lời nói và việc làm không đi đôi với nhau thì dù có hay ho đến đâu cũng chẳng thuyết phục được ai.

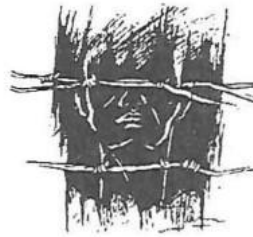
Ngày nay Đảng giương cao cái gọi là "Tứ tưởng HCM". Điều đó phản ánh một thực tại là trong bối cảnh phe Xã Hội Chủ Nghĩa đã sụp đổ tan tành, học thuyết Mác-Lênin chẳng còn hấp dẫn được ai, Đảng lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về tư tưởng, về đường lối nên đành phải đánh bóng mạ kền lại một hình tượng đã quá cũ kỹ mục nát HCM may ra tiếp tục lừa dối được người chẳng! Nhưng đó là một hy vọng hết sức ảo tưởng cũng giống như cái thiên đường cộng sản do ông Hồ và đồng chí của ông dựng lên hoàn toàn chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của họ mà thôi (Halle, 08.6.1997).

GIỚI THIỆU

- Vì lý do hoàn cảnh cần sang gấp :
- Nhà hàng giữa Trung Tâm Thành Phố
- Có nhiều chỗ đậu xe
- Với giá phải chăng

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về :

**SỐ ĐIỆN THOẠI : 02365 / 16 995
HOẶC 02365 / 59 747**



**màu ĐỎ
cuối mùa**

• N.T. Long Thanh

... Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
Chỉ thấy mùa sa trên màu cờ đỏ...
(Thơ Trần Dần)

Hơn ba mươi năm trước đây tôi được sinh ra trên miền Bắc Việt Nam mà theo như mô tả của nhà thơ, thì hình ảnh xã hội lúc bấy giờ là như thế đấy. Tôi đã lớn lên giữa màu đỏ hùng hực của bao la cờ xí, huy hiệu, biểu ngữ, khăn quàng giữa những quyền lực đỏ căng cứng vây quanh. Những ai chấp nhận, xu hướng theo màu đỏ thì được sống, bằng như có suy nghĩ khác đi, ngược lại, ắt bị cô lập, đập vùi. Không một ai có điều kiện để so sánh, cho nên tôi không thể biết được cái xã hội màu đỏ nhúc nhát mà tôi đang sống - vốn rập khuôn ngoại nhập từ những quốc gia xa xôi, từ những chủng tộc khác biệt - có thật là một xã hội ưu việt tiến bộ trong nhân loại hay không? Tôi chỉ biết là tôi phải hít thở phục tùng triệt để cái đảng cộng sản đỏ ấy, thì may ra tôi mới được sống còn. Nếu có hoài nghi thắc mắc chẳng nữa, tôi vẫn tự buộc phải giữ kín trong lòng mình những thắc mắc hoài nghi đó.

Cứ phải sống như thế cho đến khi tôi chấp chững trưởng thành thì quyền lực đỏ miền Bắc đầu tôm được trọn vẹn miền Nam, phần lớn nhờ ở vũ khí và chi viện của các nước đỏ đàn anh, bắt chấp những gì đã thỏa thuận ký kết trên bình diện quốc tế, cũng chẳng kể chi đến thế diện Dân Tộc, Quốc Gia. Sự kiện xe tăng tấn công vào dinh Độc Lập của miền Nam được đảng đỏ giải thích như là cứu cánh tất thắng để biện minh cho mọi tráo trở, tham lam, hung hãn, hồ đồ. Những cá tính hạ cấp ấy, theo lời các bộ lão tiền bối kín đáo tiết lộ, thì không phải là cá tính cố hữu của dân tộc Việt Nam. Thuở ấy tôi chưa biết suy nghĩ sâu xa, và cũng như mọi người miền Bắc đỏ khác, tôi say sưa hướng mũi chiến thắng, tham gia chiếm đóng miền Nam, qua danh từ nguy trang "giải phóng".

Nhưng khi tôi đã trưởng thành, trực diện với miền Nam bại trận, tôi mới thật sự ngỡ ngàng: xã hội và sự phồn thịnh của miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào không giống như tôi đã được nghe được biết qua các cơ sở tuyên truyền đối trá bấy lâu trên đất Bắc. Thế rồi đảng đỏ đập đập miền Nam, hạ mức sống miền Nam xuống ngang hàng miền Bắc, gây ra không biết bao nhiêu tan nát khổ đau cho đồng bào miền Nam bại trận. Kế chiến thắng hoàn toàn làm chủ đất nước, mặt tình tác oai tác quái, đưa hàng triệu cán bộ cộng sản và hàng triệu di dân vào kèm cặp dân Nam, công khai kiểm kê chiếm đoạt tài sản của người thất thế sa cơ, bỏ tù hàng chục ngàn người trong các trại tập trung cải tạo, đẩy hàng triệu người khác ra đi tỵ nạn nước ngoài...

Trong bối cảnh lịch sử kể từ năm 1975 trở về sau đó, tôi được đảng đỏ lựa chọn cho xuất ngoại qua Tiệp Khắc lao động gọi là công tác chủ nghĩa xã hội, mà thật sự là đem cơ bắp ra phục vụ nước bạn, để vừa trả nợ chi viện ngày nào, vừa kiếm lương tiền xây dựng cuộc sống bản thân. Nói cho đúng, đầu cho lương lao động của tôi tại Tiệp Khắc bị đảng và nhà nước cần đầu trừ đuôi đủ thứ, nhưng vẫn còn khá hơn là lương công nhân trong nước rất nhiều. Lại nữa, tôi thấy sinh hoạt xã hội và cuộc sống ở Tiệp cao gấp bội so với Việt Nam, hy vọng đảng đỏ rồi ra cũng sẽ đưa quê hương tôi lên ngang bằng như thế. Do đó, tôi đỡ mở hời nhiều nhưng không thắc mắc.

Cho đến khoảng cuối năm 1989, nhân bức tường Bá Linh sụp đổ, một số bạn bè đồng nghiệp của tôi rời bỏ xí nghiệp Tiệp, trốn qua Tây Đức xin tỵ nạn chính trị. Đọc thư của họ gửi về mô tả cuộc sống tại các nước không cộng sản, tôi nao nức muốn làm một chuyến phiêu lưu như họ. Thật tình lúc ấy tôi chẳng có lý do nào rõ rệt để trốn chạy khỏi nước Tiệp Khắc, nơi mà tôi cho đã là thiên đường so với Việt Nam cộng sản của tôi.

Thế nhưng, lòng ưa mạo hiểm và óc tò mò của tôi đã thắng, một ngày đẹp trời của năm 1990 tôi đặt chân vào một trại tỵ nạn tại Tây Đức. Tôi được đón nhận cho tạm dung dễ dàng, theo luật pháp và lương tâm của Chính phủ và nhân dân Tây Đức. Từ đó tôi hòa mình vào một trong những xã hội tư bản tiên tiến nhất của Tây phương. Tôi đã gần như có đủ

điều kiện để dòng tai mở mắt nghe nhìn nhân loại sinh sống khắp nơi trên quả đất này. Tôi cũng đã có cơ hội để so sánh "ta" với người, chấm tọa độ, đo lường vị trí, nghiền ngẫm ưu khuyết điểm của từng mỗi dân tộc, mỗi quốc gia trên thực tại. Tôi đã vô cùng sùng sốt trước nếp sống văn minh nhân đạo với đầy đủ Dân chủ, Tự do, Công bằng, Tiến bộ... mà lâu nay đảng dỏ nước tôi đã nhồi sọ nhân dân miền Bắc chúng tôi, bắt chúng tôi gọi các nước Tây phương này là "đế quốc tư bản đang giấy chết", trong khi đời sống của dân họ lại rất cao, cao gấp bội so với các nước dẫn đầu phong trào cộng sản.

Trong thời gian chờ đợi duyệt xét đơn xin tỵ nạn, sẵn phương tiện truyền thông tuyệt đối tự do của thế giới, tôi ngày ngày xem báo chí, nghe phát thanh, xem truyền hình, được mục kích thời sự cập nhật liên quan đến đồng bào đất nước quê hương tôi, chẳng những không có điều gì để ngáng đầu lên hành diện, trái lại, lắm lúc phải xấu hổ cúi đầu, hoặc phải lúng ta lúng túng do mặt trước những cái nhìn soi mói hoài nghi của người ngoại quốc. Tôi xin đơn dẫn ra đây một số điểm nóng thời sự phổ biến qua các hệ đại chúng truyền thông, mà bất cứ dân tộc nào, bất cứ ngôn ngữ nào, đều dễ dàng mục kích:

Cách đây mấy năm, người Việt hải ngoại cũng như dư luận nước ngoài đều chối tai trước những lời lẽ hằn học của Bộ trưởng Y tế Hà Nội Nguyễn Trọng Nhân phát ngôn trước Hội nghị Y tế tại Hòa Lan rằng người Việt tỵ nạn cộng sản "chưa bị đảng (CSVN) treo cổ mổ họng là may, lại còn trốn chạy ra nước ngoài chống đối, phản động...". Hồi ơi, một người tốt nghiệp bác sĩ, hành nghề nhân đạo, đại diện một quốc gia tham dự một Hội nghị Quốc tế bàn về việc cứu nhân độ thế, mà lại dùng những lời lẽ biểu tượng hành động dã man của những tên đao phủ chuyên nghiệp thời trung cổ xa xưa, thì thử hỏi những người cộng sản khác còn cộc cằn hung bạo đến chừng nào?

Lại cũng cách đây không lâu, khắp thế giới đều tròn mắt kinh ngạc về vụ "đưa dai" của một vị trưởng nhiệm sở ngoại giao đại diện đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, đã đi cuỗm lậu người sò trên bờ biển vắng, cảnh sát Mỹ bắt được vói tang chứng trên tay... Đánh rằng đây kể như là vụ cấp vật, nhưng điều đáng nói là đảng dỏ đã không biết mắc cỡ, mà lại còn lên chức cho ông này làm Đại sứ đầu tiên tại Hoa Kỳ vào đầu năm 1997. Như thế bảo sao con em họ không bắt chước chớm chia ít nhiều trong những cửa hàng thương mại ở phương Tây?

Chưa hết. Hồi năm 1996, Hà Nội cử một phái đoàn cán bộ cao cấp qua Đức để trao đổi điều kiện hồi hương một số công nhân từ các miền Đông chạy qua không được hưởng quyền tỵ nạn chính trị tại Đức. Sau khi chủ khách đã bắt tay chào hỏi xã giao, Ngoại trưởng Đức, ông Kinkel, chia tay mỗi quan khách an tọa. Bất ngờ trưởng đoàn Nguyễn Duy Niên tiến tới chụp bắt lấy bàn tay ông này mà "bò sữa", mà lặc lia lặc lị. Báo hại, tối hôm ấy và luôn mấy ngày sau, những ai ngồi trước máy truyền hình đều có dịp được... cuối một nghi. Chỉ tội, là người Việt Nam mới cảm thấy đau!

Chí như các đoàn đại biểu, các nhân vật lãnh đạo hàng đầu, mỗi khi công du nước ngoài, bất cứ ở đâu, khi đến có thể còn được đón vào cổng trước, nhưng lúc xong việc ra về bao giờ cũng thoát bằng cửa hậu, cổng sau. Ngay như Tổng Bí Thứ Đỗ Mười cũng phải làm như vậy khi công du tại Úc. Còn như phái đoàn hùng hậu do Chủ tịch nước Lê Đức Anh cầm đầu qua dự phiên nhóm Liên Hiệp Quốc ở Nữu Ước, chẳng những bị Tổng Thống Mỹ từ chối không tiếp, mà luôn cả đại tiệc khoản đãi tất cả phái đoàn thành viên Liên Hiệp Quốc, vẫn vắng bóng phái bộ Việt Nam. Người ta sợ "ta", hay "ta" bị kính thượng hạ nhục? Tại sao Chủ tịch nước phải hạ mình đến đó?

Tứ cách của giới lãnh đạo đảng dỏ Việt Nam là như thế đấy. Nhưng kể xuống đến hàng Đại sứ, nhân viên ngoại giao tùy tùng, thì ít có người Việt nào khỏi bịt mũi, chửi thề. Chúng bóc lột, khai thác tận tình những đồng bào nào có việc cần đến sứ quán. Ở đâu thì tôi không được rõ, nhưng ở Đức, mọi mỗi thủ giấy tờ đều phải trả thêm một loại tiền không biên lai và mắc rề là tùy đối tượng, người phe ta hay là phe tỵ nạn, rất rõ ràng. Năm trước đây, một vị thẩm quyền trong tổ chức tàu Cap Anamur, đã thốt ra trong một cuộc họp báo, rằng là chưa thấy ai ham tiền hơn các sứ quán Việt Nam. Ngoài ra, nhiều người cho rằng các nhiệm sở ngoại giao này đã yểm trợ cho các tổ chức buôn lậu, cướp của, giết người... gây thiệt hại tài sản sinh mệnh và làm tổn thương nếp sống vốn từ lâu chăm chỉ hiền hòa của người Việt Nam hải ngoại!

Nói đến buôn lậu ở nước ngoài, thì gần đây các tổ chức do người Việt Nam cầm đầu đã tạo ra những tiếng vang xấu không nhỏ. Nói bật nhất là một tàu biển lên lút đổ bộ một số lượng lớn chất ma túy vào ven

bờ biển Vancouver của Gia Nã Đại, bị cảnh sát nước này tóm được, bắt nhốt trên trăm người Việt tại đây. Kế đến, Sở Quan thuế Pháp phát hiện một số lượng gạo quan trọng được nhập cảng lậu vào nước họ, qua một cơ quan kinh tài thương mại do Sứ quán Việt Nam tại Paris chỉ đạo. Những cái tát này làm choáng váng giới Việt kiều tại Đức, là đường dây Mafia-Cigarettes từ Hà Nội, qua Mạc Tú Khoa đến Đức quốc, do chính người Việt Nam cầm đầu mà mới đây, ngày 05.5.97 lúc 21 giờ, đài ARD-1 của Đức, chương trình FAKT đưa tên tù nhân trẻ tuổi Nguyễn Văn Thiện ra trình diện thính khán giả truyền hình trên khắp năm châu. Nguyễn Văn Thiện xác nhận y là một trong số những tên cầm đầu một trong những tổ chức đường dây quốc tế luôn lậu thuốc lá, có hành động độc ác bạo tàn, tự nhận là Mafia. Thiện từng ở tù tại Nga, Đức và y có giọng phát âm vùng Nghệ Tĩnh. Điều khiến mọi người suy nghĩ, là nếu không phải con cháu đảng viên cốt cán, nếu không được đảng dỏ tổ chức vói sự yểm trợ của cơ quan chính phủ cộng sản trong và ngoài nước, thì làm sao các tổ chức Mafia-Cigarettes và buôn lậu tạo nên được những hoạt động danh chấn giang hồ?

Các tổ chức Mafia trên thế giới trước đây, cũng giống như các đảng cộng sản thành công trong các vụ cướp chính quyền, đều đã tận dụng bạo lực để trấn áp tiêu diệt đối phương, giết chết những ai không nghe theo họ. Vì thế, từ sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, mở đầu phong trào tỵ nạn cộng sản chạy vào Tây Đức, kể đến hôm nay đã có đến 92 người Việt Nam bị giết chết, mà nhiều nạn nhân trong số đó bị sát hại bởi chính người Việt Nam trong tổ chức Mafia. Ai là người có trách nhiệm trước tội ác gớm giếc này?

Tôi là một người Việt Nam bình thường, nhưng mang trong người ít nhiều truyền thống tốt đẹp bất khuất của Tổ Tiên, thử hỏi làm sao tôi lại có thể điềm nhiên tọa thị trước sự lộng hành tác hại quá sức của tập đoàn đảng dỏ Việt Nam đã, đang và vẫn ngang nhiên hạ nhục dân tộc, phá nát quê hương tôi? Sa 10025/2



CHỨC MỪNG

✿ Bao nhiêu năm lưu vong là bấy nhiêu năm liên tục, miệt mài và bền bỉ đấu tranh cho nền Tự Do Dân Chủ tại Việt Nam, trong lúc đó các cháu đều thành đạt trên bước đường học vấn.

Nay nhân dịp tiểu và đại Đẳng Khoa của Trường Nữ, chúng tôi chân thành chúc mừng và chung vui cùng Anh Chị LÊ THANH TÙNG (Mũ nâu), thành phố Dorsten, Đức Quốc. Đồng thời thân chúc hai cháu THANH TRÚC & MICHAEL ba vạn sáu ngàn ngày Hạnh Phúc.

- Gđ: Nguyễn Thiện Tường (Mũ đen), Florida, Hoa Kỳ.

- Gđ: Nguyễn Việt Hùng (Mũ đỏ), Bruxelles, Bỉ Quốc.

✿ Nhận được hồng thiệp của Anh Chị Trưởng xuân Sao, báo tin lễ thành hôn cho Trưởng Nam:

Cậu Trưởng Nguyễn Xuân Vũ đẹp duyên cùng

Cô Hồ Thị Đoàn Trang

Hôn lễ sẽ được cử hành vào lúc 15 giờ Thứ Bảy, ngày 02.8.1997 tại Thánh Đường St. Marien - Mainzer Str.23 - 65462 GINSHEIM.

Thượng chúc hai cháu Xuân Vũ & Đoàn Trang hạnh phúc suốt đời.

Chúc mừng hai họ TRƯỜNG & HỒ được Dâu Hiền Rẻ Thảo.

- Ông Bà Bùi Như Sơn (Krefeld)

- Ông Bà Nguyễn Văn Thịnh (Essen)

✿ Nhận được hồng thiệp của Anh Chị Trần Trinh Hiếu, cư ngụ tại Salzburg, Áo Quốc, làm lễ Vu Quy cho Trưởng Nữ:

Cô Trần Trinh Mai Châu đẹp duyên cùng

Cậu Dương Minh Khai

Lễ Thành Hôn & Vu Quy được cử hành ngày 28.6.1997, nhằm ngày 24 tháng 5 âm lịch năm Đinh Sửu, tại Salzburg, Áo Quốc.

Chúng tôi xin chúc mừng hai họ TRẦN & DƯƠNG và thân ái chúc hai cháu hạnh phúc suốt đời.

- Các bạn bè thân hữu đồng hương tại Salzburg, Áo Quốc.

VỚI TRÊN 300 NGƯỜI THAM DỰ BUỔI RA MẮT BỘ BIÊN
KHẢO

"LUẬN CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM" :

**Giáo sư học giả VŨ KÝ : Tiếng Việt là hơi thở của
Mẹ Việt Nam, xin đừng để Mẹ tắt thở & nền văn hóa
dân tộc đánh bại chính sách mao hóa của Cộng
sản Việt Nam.**

*(Tường thuật Buổi ra mắt bộ "Luận Cương Về Văn Hóa Việt
Nam" của Giáo sư Vũ Kỳ tại San Jose (Hoa Kỳ) ngày 08.6.97 do Kỳ
già Cao Sơn của Nhật báo Thời Báo số 2038 và 2042. San Jose)*



Từ Vương quốc Bỉ, thủ đô Bruxelles, Giáo sư Vũ Kỳ đến
Thung lũng Hoa Vàng, San Jose, để ra mắt bộ Luận Cương Về
Văn Hóa Việt Nam" do ông biên soạn tại học khu Franklin Mc
Kinles số 645 Wool Creek Dr. vào ngày 08 tháng 6 năm 1997.

Theo nhiều khán giả và giới truyền thông cho biết thì đây là buổi ra
mắt sách có đông đảo người tham dự nhất từ trước đến nay vì có trên
300 người và được 60 Hội Đoàn, Tổ Chức, giới Văn Hóa, Văn Nghệ và
Truyền thông, Báo chí bảo trợ.

Trước tiên mở đầu là lời phát biểu của ông Chủ tịch Trung Tâm Văn
Bút Bắc California rồi đến phần giới thiệu tác giả của Nhà Thơ Song Nhị,
Trưởng điều hành cơ sở Thi văn Cội Nguồn. Cuối cùng Nhà văn Dương
Diên Nghị giới thiệu tác phẩm: "**Luận Cương Về Văn Hóa Việt Nam**"
của Giáo sư Vũ Kỳ.

Hơn 650 trang của Tập I và Tập II bộ "**Luận Cương Về Văn Hóa
Việt Nam**", theo nhà văn Diên Nghị gồm 6 phần chương, kèm phụ lục
được hệ thống hóa, xây dựng thành một giáo trình mà Giáo sư học giả
đã nghiên cứu giảng dạy và khảo thí về Văn Hóa Việt Nam tại Viện Tú
Tài Quốc Tế Genève và Luân Đôn.

Bảng công trình thâm cứu, bút pháp sinh động, và nội dung phong
phú, chứa đựng nhiều luận điểm, nhiều chứng tích, viện dẫn luận cứ,
tham khảo nhiều người, khách quan, trung thực, tác giả Vũ Kỳ ngoài
chức năng nhà giáo, là học giả, nhà văn, chiến sĩ Cách Mạng đấu tranh
quyết liệt với Cộng sản, cả với cường quyền, bất công nên tác phẩm
"**Luận Cương Về Văn Hóa Việt Nam**" còn mang tiếng lòng chân thành
đầy tính thuyết phục. Nhiều vấn nạn được đặt ra. Nhiều giải đáp được đề
xuất. Khi gợi mở, kích thích tình yêu quê hương, khi vẫy gọi thiết tha thế
hệ trẻ kế thừa cả trong lẫn ngoài nước về sứ mạng tương lai.

Đến lượt tác giả phát biểu cảm nghĩ của mình trước cử tọa đông đảo
và chọn lọc của San Jose, thành phố của tình thương và của văn hóa
miền Bắc Cali.

Tác giả xin cử tọa dành một phút tưởng niệm cho hương hồn vị cố
Linh mục triết gia của chúng ta, Giáo sư Lương Kim Định vừa thất lạc 3
tháng qua tại địa phương này...

Sau khi trình bày sơ lược nội dung tác phẩm "**Luận Cương về Văn
Hóa**" và chủ ý biên soạn của tác giả, Giáo sư Vũ Kỳ nói tiếp: Để vô hiệu
hóa và đối kháng với các nền văn hóa thực dân Tàu, Pháp, ông cha
chúng ta trên dòng văn hóa sử đã là những y sĩ và dược sĩ văn hóa đại
tài, chống xâm lược và chống đồng hóa và đã bao phen thành công dựng
con bệnh Việt Nam đứng dậy trở thành Thiên Vương Phù Đổng thì bây
giờ noi gương tiền nhân, chúng ta quyết triệt tiêu nền văn hóa phi nhân
bản, phân dân tộc của Cộng Sản Việt Nam tác họa trầm trọng đến
những giá trị cổ truyền ở trong nước; còn ở ngoài nước, chúng ta lại phải
đối phó vô cùng khó khăn với một suy thoái đạo đức rất khủng bố do một
chủ nghĩa thực dụng vật chất và một tinh thần tự do cá nhân quá trớn
làm suy đồi bản chất tinh hoa truyền thống của dân tộc.

Một nhà văn hóa Anh quốc - Giáo sư Vũ Kỳ nói tiếp - đã long trọng
cảnh giác: Người ta thường nói đến khủng hoảng chính trị, khủng hoảng
kinh tế làm yếu kém các quốc gia trên thế giới nhưng lại quên mất một
hình tượng trầm trọng hơn đang gặm nhấm các nước tiên tiến hiện nay
đó là: "cuộc khủng hoảng lý lịch quốc gia trong hầu hết các nước trên thế
giới".

Thưa quý vị, Chúng tôi nghĩ lời nói trên của nhà văn hóa quả là một
chân lý thực đau buồn cho đất nước chúng ta, ở trong cũng như ngoài
nước. Chúng ta cần phát động khẩn cấp một cuộc trở về nguồn tận gốc
cho tất cả con cháu chúng ta ở hải ngoại, hòng lúc nào hết, trong hoàn
cảnh ly hương hiện tại.

Cuộc đời của chúng ta - Giáo sư Vũ Kỳ nói tiếp - bay vèo như hành
trình của ánh sáng. Nhưng mỗi người chúng ta đi qua để lại một dấu
chân... Dấu chân văn hóa... Dấu chân chúng ta đi rồi sẽ trở thành đường
cho hậu thế tiếp nối hành trình dẫn đến thắng lợi và vinh quang.

Lời phát biểu của tác giả bộ sách văn hóa ngắn, gọn, có giá trị như
một thông điệp và một lời nguyện cầu chỉ thành về sự bảo tồn và phát
huy văn hóa Việt ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Chương trình được diễn ra trong phần phụ diễn văn nghệ của ca
nhạc sĩ Hà Trọng Đoàn, Ca sĩ Thúy Mẫn, Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Tân và
giọng ngâm của nhà thơ Hà Ly Mạc. Sau phần phát biểu ngắn gọn của
tác giả. Phu nhân nhà thơ Song Nhị thay mặt Ban Tổ Chức và Thiếu nhi
Nguyễn Cao Việt Hà, xinh xắn trong áo dài tứ thân và khăn mỏ quạ, đại
diện cho thế hệ sinh ra và trưởng thành tại hải ngoại đã trao đến tác giả
những bó hoa tươi thắm. Kế đến, cụ Trần Hữu Phước Hiệp Hội
CVVHTTVN, Cụ Trưởng Đình Sứ Hội Cao Niên Vũng Vịnh và Ông Lại
Đức Hùng LHNVQGBC lần lượt trao đến nhà văn huy hiệu của Liên Hội,
một lá quốc kỳ để bàn và một lá Quốc Kỳ lớn. Sau đó, tác giả trao tặng
quà lưu niệm cho các ân nhân bảo trợ gồm có khoảng 60 Hội Đoàn, cá
nhân và cơ sở thương mại. Quà lưu niệm là một bộ sách Luận Cương Về
Văn Hóa Việt Nam được cột băng đỏ, gắn một bông hoa rất trang trọng.

Đến phần phát biểu của thân hữu, Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, cụ
Thủ Trưởng Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa "tò lòng kính phục tác giả,
là một học giả uyên thâm, một nhà văn hóa sâu sắc và cầu chúc tác
phẩm Luận Cương Về Văn Hóa trở thành ngọn đuốc sáng soi đường cho
hậu thế".

Còn Giáo sư Hà Mai Hương, giảng viên Đại Học Stanford, chuyển lời
cáo lỗi của Giáo sư lão thành Nguyễn Khắc Kham mà nay niên kỷ đã
gần cuối thập, vì lý do sức khỏe không thể tới dự cuộc họp mặt này. Giáo
sư Phương cũng thay mặt Chuyên San Dòng Việt do Tiến sĩ Nguyễn
Đình Hòa, Lê Văn và Nguyễn Khắc Hoạch chủ trương, chuyển tặng Giáo
sư Vũ Kỳ toàn bộ Chuyên San này mà Giáo sư Kỳ cũng là bình bút của
Chuyên San. ... Các thế hệ trẻ cần học hỏi những kinh nghiệm quý báu
của tiền nhân và lớp người đi trước vì "phi cổ bất thành kim" và "ôn cố tri
tân" rất là cần thiết cho các thế hệ mai sau và Giáo sư Phương cầu
mong tác phẩm văn hóa của học giả Vũ Kỳ được sớm chuyển ngữ để lớp
trẻ thu nhận được nhiều kiến thức văn hóa về Đất Nước một cách hữu
hiện hơn vì đa số không còn đọc và hiểu được Việt ngữ nữa.

Riêng thi sĩ lão thành Hà Thượng Nhân, phát biểu ngắn gọn, tỏ ý vô
cùng khâm phục tinh thần, ý chí và đức độ của Giáo sư Vũ Kỳ. Thi sĩ
"người làng Hà Thượng" nói điều đáng ngạc nhiên làm chúng ta tôn kính
ở Giáo sư Vũ Kỳ là sau một thời kỳ hoạt động cho cách mạng quyết liệt,
ông dành hoạt động cách mạng dưới hình thức văn hóa, thế mà cũng liên
tục bị tù dưới mọi chế độ. Thi sĩ Hà Thượng Nhân khẳng định: "Giáo sư
Vũ Kỳ là người có thực danh, thực tài và nhất là có lập trường rõ ràng
không lay hoay, bon chen giống như một vài người "bất tài vô tướng, múa
rối vô tích sự". Ông thật là khiêm nhường, tư cách đáng kính vậy".

Hơn 300 người tham dự cùng trên 60 Hội Đoàn, Tổ Chức bảo trợ đều
nhận định buổi ra mắt bộ "**Luận Cương Về Văn Hóa**" của Giáo sư Vũ Kỳ
được xem là một thành công lớn dành cho chính tác giả cũng như của
Ban Tổ Chức.

Trong một lá thư gửi đến tác giả sau buổi ra mắt, Giáo sư Hà Như
Chi viết: "Cuộc ra mắt sách của anh ngày hôm qua là một thành công
lớn. Xin mừng cho Anh".

Ông Nguyễn Như Hoàng, Đài Việt Nam FM.96.1 cũng công nhận lần
đầu tiên một buổi ra mắt sách tạo được nhiều biệt lệ chưa nhìn thấy bao
giờ ở miền Thung Lũng Hoa Vàng:

- Một buổi ra mắt sách có được sự bảo trợ của trên 60 Hội Đoàn, Tổ Chức và Truyền Thông Báo Chí quả là điều rất hiếm có.

- Có sự hiện diện của những khuôn mặt, được xem là ít khi xuất hiện như Luật sư Nguyễn Hữu Thông, Giáo sư Trần Công Thiện, Nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh...

- Quy tụ đa số những cơ quan Truyền thông Báo chí trong vùng.

- Tuy giá tiền bộ sách khá cao Năm Mười Mỹ Kim, nhưng số sách ngoài 70 bộ do chính tác giả tặng các nhà bảo trợ và thân hữu, cũng bán được 70 bộ.

Riêng nhà báo, nhà thơ Thái Tú Hạp của Tuần báo Sài Gòn Times Inc ở Los Angeles, sau khi nghe bạn bè tường thuật buổi ra mắt sách, đã viết thư chúc mừng tác giả: "Kính chúc Thầy nhiều sức khỏe để tiếp tục sáng tạo dòng văn học đầy nhân bản và dân tộc ở hải ngoại. Chúng tôi vô cùng hãnh diện có một nhà chí sĩ, nhà văn hóa Đất Quảng đầy khiêm nhượng, đáng quý trọng như Thầy".

Buổi ra mắt sách **Luận Cường Về Văn Hóa Việt Nam** của Giáo sư Vũ Kỳ do Trung Tâm Văn Bút Bắc Cali mà nhà văn Nhật Thịnh làm Chủ Tịch và Cơ sở Thi Văn Cội Nguồn do nhà thơ Song Nhị điều hành cùng với Giáo sư học giả Vũ Kỳ phối hợp tổ chức quả là một kỳ tích, một dấu ấn tốt đẹp và một đóng góp to lớn cho vườn hoa văn hóa văn học nghệ thuật vùng Thung Lũng Hoa Vàng ở California đó vậy.

Trích Phóng sự của Kỳ giả Cao Sơn trên Nhật báo Thời Báo - San Jose ngày 10.6 và 14.6.1997. Sa 10051/3

VIỆT NAM LÂM TỖ NI PHẬT QUỐC TỰ

P.O. Box 4 Siddhartha Nagar Lumbini Zone - Nepal
Phật Lịch 2541, ngày 10.7.1997

Nam Mô A Di Đà Phật
Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Di Lặc Tiên Quang Phật
Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát

Kính gửi:

- Chư vị Tôn Đức, Chư vị Trụ Trì các Tự Viện các Tông phái, Giáo hội

- Quý Ban Trị Sự các Hội đoàn Phật giáo
- Quý thân hữu, quý bà con Phật Tử
- Quý anh chị em học trò đệ tử.

Kính bạch quý Ngài, kính thưa chư liệt vị.

Việc bảo vệ và phát triển Lâm Tỳ Ni nơi Phật Thích Ca giáng trần là một vấn đề tế nhị từ bao nhiêu thế kỷ qua!

Trải qua nhiều giai đoạn cực kỳ khó khăn, Việt Nam Phật Quốc Tự đã tiên phong thành tựu trong việc xây cất ngôi chùa quốc tế đầu tiên nơi Phật giáng trần. Anh chị em giáo sư Âu-Mỹ tại các trường Đại Học các nước cũng như những vị làm việc trong các cơ quan thẩm quyền quốc tế đã tích cực liên tục vận động trùng tu thánh địa này. Sau sự thành lập VNPQT Lumbini thành tựu, lần lượt các nước: Nhật Bản, Đại Hàn, Nepal, Miến Điện, Tích Lan, Trung Quốc... đã khởi công xây cất trung tâm văn hóa và-chùa xứ họ tại thánh địa Lâm Tỳ Ni. Công việc kiến tạo thánh địa của các nước đang tiến triển một cách khả quan thì rất buồn thay và rất lấy làm tiếc một cuộc giết người vô cùng bạo động đã xảy ra tại thánh địa Phật Giáo, làm cho mọi người yêu chuộng hòa bình, yêu chuộng tử bi và công lý trên thế giới phải xúc động và bàng hoàng.

Vào lúc 10 giờ 30 tối ngày 3 tháng 7 năm 1997, trong lúc mọi sự vật đều yên tĩnh nơi thánh địa, sáu người đeo mặt nạ và găng tay đã ngang nhiên tràn vào chùa Nhật Bản, đang xây ngôi Tháp hòa bình. Sáu người đã dùng súng bắn Ngài Yunataka Nawatane chết ngay tại chỗ và đâm một người phụ giúp chùa bị thương khi kêu cầu cứu. Những kẻ bạo hành thì hành xong việc giết người, họ đã lạnh lùng ra đi một cách tự nhiên mà không có lấy một mơn gi trong chùa Nhật Bản cả.

Tôi kính thông báo tin buồn này và xin quý Ngài cùng chư liệt vị hoan hỷ tổ chức lễ cầu siêu cho giác linh thầy Yunataka Nawatane và

cầu nguyện Ngài lại tái sinh nơi trần gian này để tiếp tục hạnh nguyện làm tốt đẹp cho thánh địa và nhân loại.

Từ khi đạo Phật có mặt trên trái đất này tới nay, lịch sử nhân loại đã cho thấy rằng đạo Phật chưa bao giờ làm tổn thương hay làm rơi bất cứ giọt máu nào của nhân loại. Nhưng rất lấy làm tiếc thay, đạo Phật thường là nạn nhân của các thế lực vô minh! Dù hoàn cảnh ra sao, chúng ta nên theo lời Phật dạy: Hận thù không trừ được hận thù, chỉ có tử bi mới xóa bỏ hận thù.

Trước thực tế đầy phũ phàng, chua xót và một tương lai đầy gian nan thử thách hơn trước. Tôi và các học trò đệ tử quyết tiếp tục việc làm hòa bình cho thánh địa này, tôi tin tưởng các nước Phật giáo đã hiện diện cũng sẽ tiếp tục công việc xây dựng mạnh và mau hơn lúc trước.

Đức Thích Ca trước khi thành đạo dưới cội bồ đề, Ngài cũng phải trải qua cuộc chiến đấu với Ma Vương, chúng ta cũng phải nằm trong định luật đó.

Chúng tôi xin quý Ngài và chư liệt vị tiếp tục cầu nguyện và ủng hộ cho Lâm Tỳ Ni được bảo vệ và phát triển, và cũng là biểu tượng cho an lạc, cho hòa bình thế giới. Trong thế kỷ 21 sắp tới; Lâm Tỳ Ni nên là nơi hội nghị, gặp gỡ các nước trên thế giới để thảo luận cùng nhau tìm kiếm những giải pháp thích hợp giải quyết những vấn đề đau khổ của con người. Lumbini cũng nên là nơi hội nghị, gặp gỡ của các vị lãnh đạo các nước, cũng như lãnh tụ tôn giáo.

Nếu Việt Nam Phật Quốc Tự Lâm Tỳ Ni và thánh địa này được phát triển, bảo vệ như ý, thì công đức của quý Ngài và chư liệt vị thật vô lượng vô biên và thầy trò chúng tôi đời đời tri ơn ghi nhớ.

Thầy trò chúng tôi rất mong mỗi sớm được đón tiếp chư liệt vị nơi thánh địa Lâm Tỳ Ni, một trong bốn thánh địa quan trọng nhất của Phật Giáo mà Đức Thích Ca đã khuyên các đệ tử Ngài nên viếng thăm, chiêm bái ít nhất một lần trong cuộc đời. Sa 10052/3

Kính bái và thành kính chư liệt vị
T.M. Hội Đồng Điều Hành
Chủ Tịch: Huyền Diệu

- Xin chư liệt vị cho đăng tải, thông tin để mọi người được tri tường. Thành kính tri ơn.

THÔNG BÁO

Xin Quý Văn Thi Hữu lưu ý :

Viên Giác số 101 (tháng 10 / 97) : chủ đề
Quê Hương - Dân Tộc.

Gửi bài đến trễ nhất là vào 20.9.1997.

Viên Giác số 102 (tháng 12 / 97) : chủ đề
Xuân Mậu Dần

Gửi bài đến trễ nhất là vào ngày 20.11.97.

Riêng các thi hữu muốn có bài trong mục Vườn Thơ Viên Giác, xin nhờ gửi một lượt 5, 6 bài thơ hay thi tập đã xuất bản để người phụ trách dễ giới thiệu. (PV)

GIỚI THIỆU

Một xe kéo bán hàng với đầy đủ dụng cụ hành nghề.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Điện thoại số : 0521 / 32 46 63

THẨM MỸ VIỆN KIM CỬA NỮ CA SĨ KIM LOAN

MEROWINGER STR.151 - ERFSTADT 18

SỐ ĐIỆN THOẠI MỜI : 02235 - 461368



Huyền Thanh Lữ

I. Tiểu sử :

Tính danh : **Lê Hòa**
 Tự : Nghĩa Chi
 Hiệu : Huyền Thanh Lữ
 Sinh năm 1937 Hà Đông
 Cử nhân Giáo Khoa Văn Chương Việt Hán

II. Tác phẩm : (đã soạn xong, chứa xuất bản)

- A) - Phan Bội Châu Thi Tuyển
- Cao Bá Quát Thi Tuyển
- Nguyễn Du Thi Tuyển
- Thơ Đồi Trần
- Đỗ Phủ Thi Tuyển
- Lý Bạch Thi Tuyển
- Vương Duy Thi Tuyển
- Cổ Thi Tuyển Dịch
- Xuân Thu Thi Tuyển
- Tự Học Chữ Hán (Tập I)

B) - Huyền Thanh Lữ Thi Tập


(200 bài Quốc Văn, 100 bài Chữ Hán)

- C) - Tự Học Chữ Hán (Tập II) : đang soạn
- Tùng Cúc Trúc Mai Thi Tuyển : đang soạn

III. Quá trình :

A) - Đã cộng tác với : Độc Lập, Tự Do, Chiến Hữu, Lửa Việt, Tập san Thi Ca, Viên Giác, Đuốc Tử Bi, Tiếng Dân,...

B) - Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Trung Tâm Âu Châu
 - Chủ bút Nguyệt San Dân Văn

無題
 人生何短短 世事悠悠
 受蒙爽苦愁 飲千秋包容
 守幸福是真 如竟覺其運在變
 通得且舒
 親父小祥丁丑音初七
 玄清旅


trúc

 Trúc.
 Lâm tri,
 Tự ngọc.
 Ấp lộ tinh,
 Hòa yên lục.
 Bảo tiết ninh cài,
 Trính tâm tự thúc.
 Vị khúc biến chủng đa,
 Vương gia khán bất túc.
 Tiên trượng chính kinh long hóa,
 Mỹ thật đường tùy phong tục.
 Duy sàu xuy tác biệt ly thanh,
 Hồi thủ giá tham vũ trận tốc.

• Vi Thức

vô đề

Nhân sinh hà đoàn đoàn!
 Thế sự ngạn du du.
 Nhất khắc thụ hào sảng,
 Khổ sàu ảm thiên thu.
 Bao dung tâm khả thụ,
 Hạnh phúc thị Chân Như.
 Cánh giác kỳ qui tại,
 Biến thông đặc thả thứ.

Thân phụ tiểu tướng :
 Đinh Sầu, chính nguyệt, số thất

cây trúc

Trúc.
 Bên ao,
 Như ngọc.
 Thấm móc yên,
 Hòa khói lục.
 Giữ tiết thà thay,
 Vững lòng tự buộc.
 Vị khúc trồng nhiều nơi,
 Nhà lớn nhìn thả sức.
 Gậy tiên ngay rỗng hóa kinh,
 Đẹp thật tùy theo phong tục.
 Duy buồn thổi khúc giọng biệt ly,
 Ngoảnh đầu xe ngựa quay như lốc.

không tên

Đời người ngắn ngủi làm sao!
 Thế gian lấm việc biết bao mịt mờ.
 Hưởng may thích thú một giờ,
 Khổ sàu muôn thuở lại vớ lấy liền.
 Tấm lòng rộng mở giữ bền,
 Con đường hạnh phúc ấy miền Chân Như.
 Hiểu xong về ở cũng tử,
 Dễ dàng thay đổi được thứ thái lòng.

Giỗ đầu Thân phụ : mùng 7 tháng giêng Đinh Sầu

Huyền Thanh Lữ

吹仙改竹
 作杖真監
 別離正心
 聲驚自池
 回龍未似
 首化玉哀
 駕美曲露
 驂實多靜
 舞當隨和
 陣隨王烟
 速隨家綠
 幸式 舞陣速 隨風熟唯愁 抱節寧

• Huyền Thanh Lữ

Nga1006

TRẦM, NGẠI VÀ EM



Nguyễn Thùy

Đôi ý nghĩ về tập thơ "Trầm Ngại thiết tha" của Tùy Anh.

Tùy Anh vừa gửi tặng tôi tập "Trầm Ngại thiết tha", tập thơ thứ hai sau tập "Ngoại xa dấu chân mây" của anh. Thơ của một người còn lạ mặt nhưng hầu như đã quen thân nhưng còn lạ mặt vì tập thơ ôm trọn mọi tâm tình của con người giàu yêu thương nhưng luôn luôn ray rứt, băn khoăn, rất giàu "đạo tâm" nhưng luôn luôn khắc khoải, hoang mang. Có thể đây là tâm thức chung của mọi người Việt Nam được diễn đạt qua thơ, nhất là người đang lưu vong nơi xứ người.

Nói đây không làm công việc phê bình, nhận xét, người viết chỉ muốn đề cập đến những gì mà tập thơ gợi lên nơi người viết.

Trước tiên Nhan đề tập thơ.

"Có phải em là trầm ngại nên đời thêm thiết tha", câu cuối của hai trang đầu được xem như "lời ngỏ, lời nói đầu, lời vào hay lời phi lộ" hầu như đã tóm tắt hết tâm tình tác giả qua 63 bài thơ trong tập và có thể không chỉ riêng trong tập này.

"Trầm", thủ hướng lấy từ một thứ gỗ quý, có mùi hương đặc biệt, không khiến ta si mê đắm đuối, không lôi cuốn ta vào những cảm giác nhục thân; ngược lại mang chở thần trí ta lâng lâng, nhẹ nhàng, thanh khiết, nâng ta ra khỏi sắc màu tục lụy, xa hết mọi lụy phiền, diu ta mơn man trong một vùng trời an lạc, thanh tân, trong một trạng thái an bình, tự tại.

Khôi trầm bên giấc mơ tiên

Bâng khuâng trắng giãi qua miền tịch liêu

Hồ Dzếnh

... Hương trầm diu dặt cung đàn

Vong em rời khỏi trần gian lụy phiền

Tùy Anh

Ngại, ngược lại -không rõ có hương mùi gì không- một khi thấm nhập vào ta, có sức "thối miên" kỳ bí, khiến ta mê man, si dại, lôi kéo ta miên man theo đuổi một đối tượng nào đó theo ý đồ kẻ đã "bỏ ngải" cho ta hay do ta "ăn nhầm" phải ngải. Ngải được xem như một thứ "bùa" chi phối hết thần trí ta nhưng có thủ ngải này trấn áp thủ ngải khác. Đời thầy bùa, thầy pháp đã dùng ngải để "giải ngải". Có thủ "ngải độc" và thủ "ngải không độc". Ngải mà Tùy Anh dùng trong tập thơ là thủ ngải không độc nhưng cũng cuốn hút vào si mê để phải lụy phiền.

Nhìn chung, Ngải là thủ "bùa mê", Trầm là thủ hướng giải thoát. Mượn ý nhà Phật, theo lối loại suy (judgement par analogie), ta có thể báo -qua tập thơ này- "Ngải là Nghiệp, là oan khiên, Trầm là giải thoát, thăng hoa, là ý Đạo. Ngải và Trầm quyện vào Tùy Anh cùng lúc để thấy nơi mình :

... Ở trong tôi là đạo, là đời đời ngải
là oan gia nghiệp chướng trùng trùng
là bể khổ trầm luân, là luân hồi nhân quả
là ăn năn sám hối, là hỷ xả bao dung...

T.A. (Ở Trong Tôi Là Quê Hương)

... Dáng em trầm mặc trong mơ
chứng nghe phiêu lãng ở hồ hương đêm
xót xa từng giọt oan khiên
trời người với những nghiệp duyên không
rời...

T.A. (Trầm Ngại Thiết Tha)

Trầm hương này,
cõi niệm từ
dấu xưa này
cõi chân như xa vời...

T.A.

"Có phải em là trầm ngại nên đời thêm thiết tha"

Em vừa là trầm, em vừa là ngại. Do em "đời thêm thiết tha. Đời thiết tha với người và người thiết tha với đời.

Từ "em" nơi đây không giới hạn nơi người yêu, người tình mà là "tình yêu, tình thương" bao gồm tất cả mọi tình cảm đối với người yêu, đối với mẹ, với cha, với bạn bè, với gia đình, Tổ quốc, đất nước, quê hương, đối với người, với đời, cả tình yêu đối với Lê Đạo huyền vi. Tất cả gần gũi, thiết thân với ta, cùng ta đồng thời cũng gây cho ta bao nhức nhối, thường đau đẳng đặc. Tất cả của và là Ngải, vừa là Trầm. Khổ lụy vì những tình cảm đó, ai cũng biết rồi nhưng giải thoát những khổ lụy đó bằng cách nào? Tùy Anh đã nói qua thơ.

Từ "Em" bao hàm tất cả mọi thể hiện kể trên. Từ "Em" trong ngôn ngữ Việt Nam mang chở một âm vang kỳ lạ, vừa thỏ mòng, thân thương, vừa ẩn chứa những tình ý ngọt ngào, rộng rãi, cao xa. Ngoài ông bà, cha mẹ, những bậc lớn tuổi ra, còn thì mọi thứ dù vô tình hay hữu tình, dù hiện thực hay siêu hình đều có thể được "nhân hóa" qua từ "Em" được hình dung qua hình ảnh một cô gái, một nhan sắc mặn mà, quyến rũ để ta với bắt dù có phải lắm quản quai, xót xa. Đất nước, quê hương, ngôi nhà,

dòng sông, ngọn núi, trăng sao, lịch sử, khoa học, nghệ thuật, ..., cả Lê Đạo cũng được "nhân cách hóa" qua từ "Em" duyên dáng, triu mến dù đang trong trần trờ, tái tê. (Xin không đồng dài và khỏi trích thủ bao tác giả, hẹn một lần nào bàn đến ngôn ngữ thi ca).

... Bởi em là tinh tú

Đày đọa xuống hồng trần

Thành hương trầm phấn nụy

Để trả nợ tiền thân...

T.A. (Xong Nợ Tiền Thân)

... đem em về giữa phố phường

cho thêm mê muội phấn hương dậy thi...

T.A. (Môi Hay Oan Trái Chàng Với Chút Nào)

... Cảm ơn em

Sắc không huyền nhiệm

mà ngàn xưa còn biên biệt trùng khơi...

T.A. (Cảm Ơn Em, Mùa Xuân)

Từ cái "Ngại yêu thương" đó, Tùy Anh đã gửi trọn tâm tình tha thiết về Mẹ mình, những bà Mẹ Huế, nói chung người Mẹ Việt Nam muôn đời tận tụy vì chồng. vì con, vì Dân, vì Nước. Luôn nhớ Mẹ và luôn mong trở về với Mẹ, đây là nỗi lòng Việt Nam không đánh mất Nguồn cội, không như những thế hệ "vấn minh" dần dần lạt lẻo với Tinh Mẹ, Nghĩa Cha, với truyền thống, với suối nguồn tinh thể uyên nguyên. "Mẹ", tiếng gọi thân thương, suốt đời chất chiu, bao bọc đàn con -*Từng tuổi đời là từng tuổi mẹ lo* (T.A.)- tiếng gọi đó đã được Lão Tử từ xưa dùng để chỉ khởi nguyên của vũ trụ : "Hữu danh vạn vật chi mẫu" (Đạo Đức Kinh). Đây là Cội nguồn của gắn bó yêu thương giữa người với người, giữa người với vạn vật, với cuộc sống, cuộc đời.

Thơ về Mẹ con viết lúc vào Xuân

Lòng non nao thương tự nhủ một lần

Về thăm mẹ như lá bay về cội

Xin mẹ hiểu, mẹ ơi, lời nhắn nhủ

Con ghi lòng tạc dạ lúc chia ly

Hẹn ngày về gắn bó với ngày đi

Mẹ vẫn trẻ trong lòng con thương mẹ...

T.A. (Thơ Con, Mùa Xuân)

Nói tha phương, tiếng mẹ, lời mẹ, ân tình của mẹ luôn luôn ray rứt tâm tử nhà thơ và ước vọng trở về với mẹ trở thành thôi thúc khiến Tùy Anh trong ngậm ngùi ngăn cách luôn nuôi niềm tin và ý chí trở về để hưởng lại tuổi thơ trong vòng tay mẹ :

Một mai đất nước thanh bình

Con về uống bát chè xanh ngọt ngào

Tháng ngày bên mẹ tiêu dao

Mẹ ơi, con vẫn ngày nào trẻ thơ

T.A. (Bát Nước Chè Xanh)

Tình mẹ gắn liền với tình Tổ quốc, Quê hương. Trở về với Mẹ là trở về với đất nước, trở về với nguồn cội. Cái không gian, thời gian gần gũi từ khu vườn, mảnh ruộng, ngọn núi, dòng sông, ngôi nhà ta ở, con đường ta đi, đồng hương ta tiếp xúc, ... qua bao ngày tháng đón nhận niềm vui, tình buồn, giọng cười, tiếng khóc, nước mắt, mồ hôi, đem đến cho ta bao khổ lụy, nhọc nhằn nhưng lại bù đắp cho ta bao tuổi mát, ấm êm. Tất cả, nói chung là Lịch sử -Lịch sử riêng ta và lịch sử dân tộc- đã gây cho ta bao bất trắc truân chuyên nhưng đồng

thời đem lại và nuôi dưỡng nói ta niềm phấn khởi tự hào qua bao trang trắng lệt, huy hoàng. "Mẹ và Quê hương", hai thủ "Ngài yêu" chất chồng lên ta bao tình thương và nghĩa vụ. Mẹ giờ đang héo hắt, già nua, quê hương giờ đang tàn phai, héo úa, người con xa xứ nặng tình, nặng nghĩa không lúc nào không khắc khoải ngậm ngùi và cái "Ngài yêu thương" lại buộc ta phải trở về, trở về để mẹ được vui, để quê hương được sáng và để mình được trẻ lại, trẻ ra bằng tất cả hành trang thu thập trong những tháng ngày sương gió long đong nói miền khách địa.

Cố hương ơi

Ta tha thiết trở về

(Con Đường Nối Liên Dĩ Vãng)

*Xin ước hẹn một ngày về mở hội
Trên quê hương mùa lúa chín thanh bình
Nghe tiếng hò huyền diệu dưới trăng thanh
Mời thăm thía tình yêu lòng đất cũ*

(Em Là Ngọc Nữ)

Và "em", cái ngài yêu thương "bùa phép" nhất.

Niềm vui này

gởi cho em

còn anh đông hết

ừ phiền thế gian

(Giữa Mưa Nhỏ Người)

Không rõ, trước đây Tuy Anh có "người yêu nào lỗi hẹn", có "cuộc tình nào không trọn" hay không. Qua nhiều bài thơ, từ "em" không chỉ riêng người "bạn gái yêu đương" mà chỉ là hình ảnh, một hình tượng quán quít nhà thơ đêm ngày. Em là hiện thân của đau khổ, của muộn phiền anh mang, của ngang trái cuộc đời, của nghiệp duyên cuộc sống nhưng cũng là nguồn hạnh phúc ấm êm, là ý nghĩa cuộc sống, là cứu cánh cuộc đời. Trong em anh đau khổ nhưng cũng trong em anh hoan lạc tuyệt vời.

Anh vẫn biết

Tình em là biển rộng

là sông dài

ân ái tựa non cao

là đêm xuân

huyền mộng nét trăng sao

là cơn gió vẫn xôn xao trước ngõ

(Cho Tròn Duyên Số)

"Tình em", em cất giấu, "Tình em", anh đi tìm. Bài "Giấu Tim" vẽ ra chân dung người tình trong mộng, một ám ảnh, một hình bóng lung linh, một hình ảnh của lý tưởng luôn luôn được gọi về để "giải hoặc" cuộc sống phù du, để cõi "vô thường" trở thành "diệu hữu". Anh dưới đất nơi cõi trần dâu biển, em nơi tầng trời, nơi một cõi "phi phi tưởng xứ" nhưng anh vẫn đi tìm, vẫn phải đi tìm vì "không em", cuộc sống, cuộc đời vô nghĩa và chính em cũng muốn, cũng đòi hỏi, bắt buộc anh đi tìm.

... Mát em dấu ở ngân sao

Anh tìm dưới đất kiếp nào mời ra

....

Tim em giấu nẻo vô sinh

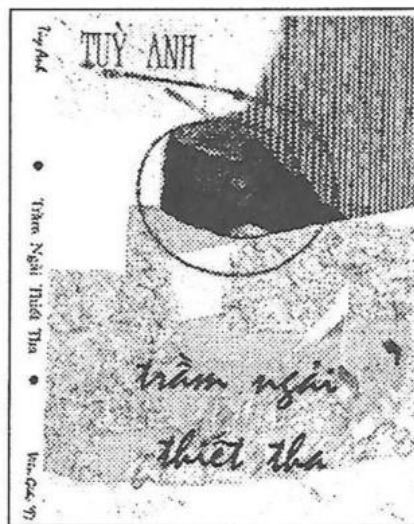
Anh tìm ở chốn hữu hình, đành thôi

Hồn em giấu ở cung trời

Anh tìm đến tận ngàn khơi, gọi về!

(Giấu, Tim)

Lời thơ bay vút khỏi người thơ. Từ "người yêu bình thường" trong cõi thế đến "người yêu thánh thiện" trong tâm như, ý tinh tác giả mặc nhiên thoát ra khỏi cái không gian mặt phẳng, cái thời gian mặt bằng để bay vào một không thời gian vô số "thứ nguyên" (espace à N dimensions) hoặc không còn thủ nguyên tức cõi Vô biên xứ, cõi Vô trụ xứ, cõi Phi phi tưởng xứ nói theo từ ngữ nhà Phật. Từ hiện thực đi vào siêu thực để đưa siêu thực vào hiện thực, Tuy Anh đã rất nhiều "rung cảm siêu hình" (frissons métaphysiques) mà có thể anh không ngờ.



"Trở về với Mẹ, trở về với Quê hương, trở về với cái tâm như nơi mình, tìm đến cõi miền "Vô sở tông lai diệt vô sở khứ", tìm em nơi Vô trụ xứ để đưa em về cùng tại thế với anh, với cuộc đời", tất cả là "Ngài yêu" nhưng cũng là "Trăm giải thoát". Thơ Tuy Anh, dù nói về gì vẫn luôn luôn phiêu diểu giữa Đời và Đạo. Đời là khổ lụy nhưng cũng là nguồn hạnh phúc; Đời là Ngài nhưng cũng là Trăm; Đời là "thiên cổ lụy" nhưng cũng là "thiên cổ lạc". Biển Ngài thành Trăm, biển khổ lụy thành hạnh phúc, biển "thiên cổ lụy" thành "thiên cổ lạc" không hẳn do đời mà do ta, do ta có trọn nghĩa yêu thương, có tròn niềm chung thủy, có biết hướng về cái Tâm như thanh khiết hay không.

... Đời hư ảo

Khí chạm vào hư ảo

Chợt bàng hoàng

Thấy võ dánh chiêm bao

...

Ta trở lại

Khởi nhánh trăm lư niệm

Xin vì em

Thấp đỏ nét tà dương

Theo hương khói

Đời chấp chùng dâu biển

Đời thảng trầm

Vẫn trọn vẹn yêu thương...

(Khởi Nhánh Trăm Lư Niệm)

... Có em tình này thương yêu

Có em đời cũng thêm nhiều thiết tha

(Trăm Ngài Thiết Tha)

Và Tuy Anh đã tìm ra "giải thoát" bằng cách "Về lại cuộc đời" trong tình yêu Tổ quốc, trong tình yêu Mẹ, trong tình yêu em, nghĩa là "tỏ thăm lại cuộc đời". Cuộc đời gay gắt với ta

nhưng lại buộc ta yêu nó và yêu nó thì nó sẽ đưa ta tiến đến một chung cục tươi vui. Đây là Lê Đạo ứng vào cho cuộc sống, cuộc đời của tất cả mọi chúng sinh.

Em ơi, về lại cuộc đời

Về dung nhan với những lời thủy chung

(Về Lại Cuộc Đời)

Bài thơ cuối "Về lại cuộc đời" được xem như là "Lời Bạt" (épilogue) của tập thơ để mở rộng và xác định thêm phần "phi lộ" nói hai trang đầu :

"Em có trong ta những khổ đau trời buộc, những giọt lệ âm thầm, những xót xa trầm lặng, những hạnh phúc ngậm ngùi, những nụ cười vô vụn thương yêu.

Có phải em đã cùng ta chung mặt đắng trên cuộc đời vong lữ, vượt qua bờ nhân ngã, xóa nẻo trầm luân hầu thấp lại ngọn lửa mùa đông, nắng hồng mùa hạ...

Có phải em là trầm ngài nên đời thêm thiết tha!

Một "gợi ý" khác mà tập thơ đem lại cho người viết là "Hướng vọng về Nguồn". Cũng như trong tập "Ngoài xa dấu chân mây", Tuy Anh luôn luôn nuôi dưỡng nơi mình và nhắc nhở mọi người một "Trở về với Nguồn Cội". Dĩ nhiên, có thể hiểu ngay "Trở về Nguồn Cội" là "trở về với Quê Cha, Đất Tổ, với Quê hương, Đất nước, trở về với cái tinh thần Dân tộc" đang bị xéo dầy bởi tập đoàn cầm quyền Cộng sản hiện nay tại quốc nội và đang bị tan loãng, biến chất nơi số đông người Việt lưu vong nơi hải ngoại. Đúng thôi nhưng nếu chỉ hiểu như thế thì sự "Trở về Nguồn Cội" chỉ mới là một hoài vọng của kẻ tha phương. Trong thơ Tuy Anh, cái "Nguồn Cội" đó vừa gần gũi (Đất nước, Quê hương, Dân tộc) lại vừa cao xa, nhiệm mầu. Cái Nguồn Cội mà Tuy Anh nói đến khiến ta liên tưởng đến dòng vận hành của Lê Đạo ứng vào nhân sinh để thấy rằng sự "Trở về Nguồn Cội" không chỉ là một tình cảm, một tâm trạng của kẻ xa quê luôn vọng về non nước cũ mà còn là một "qui luật", một "tất yếu" cho diễn tiến tiến hóa của nhân sinh (và của vũ trụ), không riêng cho người Việt lưu vong mà cho chung toàn thể mọi người trên thế giới dù có phải lưu lạc nơi xứ người hay còn cứ lưu ngay tại quê nhà mình. Trong ý nghĩ đó, thơ Tuy Anh luôn luôn nhuộm màu "Đạo pháp", không phải thủ Đạo pháp giới hạn nơi vòng "Sắc không, Không Sắc" như thường hiểu lâu nay mà là thủ Đạo pháp hướng về "Cứu cánh của Đạo pháp". Sự hướng về Cứu cánh của Đạo pháp là sự "trở về với Nguồn Cội". Cứu cánh của Đạo pháp là gì và "Nguồn Cội" là gì?

Tôi nhớ một lời thơ của Thụy Khanh trong tập "Buồn xưa bây giờ" :

Ta vào đời cùng nỗi nhớ mang theo.

Lời thơ mang chở một "trời tư tưởng" mà có thể chính Thụy Khanh không ngờ. Xin đừng giới hạn "nỗi nhớ" nơi đây là "nhớ người tình, nhớ cuộc tình hoặc nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ Quê hương, Dân tộc". Vâng, thì tất cả những "nỗi nhớ" đó nhưng không chỉ chừng ấy. Cũng đừng hiểu "vào đời" nơi đây là "đến tuổi thành niên tự chịu trách nhiệm về cuộc sống mình". "Vào đời" nơi đây nên hiểu là "sinh ra trong cuộc đời, hiện hữu với cuộc đời". Một khi đã "chào đời" là đã mang theo "nỗi nhớ"; "nỗi nhớ" cùng ta "đồng sinh". Lời thơ, có thể do từ một cảm xúc

về thân phận đối với một cuộc tình dang dở đã vượt quá thần trí tác giả, đưa cảm xúc lên cao đến muốn trùng điệp vội để lời thơ mang tính chất tú tưởng. "Nỗi nhớ" nói đây, theo triết học ngày nay, chính là "Nỗi hoài hương hằng thế" (La Nostalgie de l'Être) mà Thụy Khanh, dù là tín đồ tôn giáo thuần thành (Tin Lành) chưa hề để ý. Nỗi "Hoài hương hằng thế" chính là hướng vọng về Nguồn, về "Cội nguồn nguyên thủy" của con người, của vũ trụ nói chung. Tất cả mọi Tôn giáo lớn, tất cả mọi nguồn tú tưởng lớn đều nói về điều này. Tất cả mọi môn học, đạo cũng đều hướng về truy tìm ra cái "Nguồn cội ban sơ" của vũ trụ, của sự sống. Khoa học ngày nay nhất là khoa "Thiên thể vật lý học" lại càng "dấn thân" vào con đường đó. Và thơ ca - nhất là thơ ca Việt Nam- từ xưa, dù bình dân hay bác học, luôn đề cập đến mà ít người để ý.

... Thơ viết từ vô lượng

Lời từ khúc vô ngôn

Người rời cơn mộng tưởng

Đem thơ về cội nguồn...

T.A. (Trời Thơ Tiêu Dao)

Người (thi nhân) đem thơ vào Cội nguồn hay thật ra Thơ đem người vào Cội nguồn? Tùy Anh là tín đồ Phật giáo nhưng lúc nào cũng bản khoăn về Lê Đạo. Tùy Anh cũng hiểu Đạo qua Kinh sách và lời giảng (thuyết pháp) của Tăng Ni nhưng Tùy Anh luôn luôn mang chớ nói mình bao trăn trở trước cảnh thế phù trầm, trước dòng hiện hữu đa đoan, bất trắc của mình, của người, của cuộc đời nói chung. Những trăn trở, thao thức đó không cho phép Tùy Anh đi vào Đạo một cách hồn nhiên, giản dị và thanh thản mà ngược lại, Lê Đạo ẩn chứa những gì kỳ bí khiến con người càng đi vào Đạo càng ray rứt, xuyên xao. Nỗi niềm đó được Tùy Anh diễn tả qua thơ, thể hiện qua cái "Hướng vọng về Nguồn". Nhưng "Cội nguồn" là cái gì? Hiểu giản dị, thì "Cội nguồn" là cái mặt bằng vật lý, cái địa bàn thổ những cùng cái thuở ban sơ ta lọt lòng sinh ra, cú ngụ, lớn lên, sinh sống với thiên nhiên quen thuộc, với bao kẻ thân thương đã từng nuôi dưỡng, ấp ủ, đùm bọc ta. Đây là gia đình, thôn xóm, đất nước, dân tộc mà ta đã từng chia sẻ ngọt bùi, sướng khổ, đau thương, rộng hơn nữa, đây là lịch sử của giống nòi. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì, "Cội nguồn" chỉ mang chớ tình cảm ta thôi và một khi, ta không phải cảnh tha phương vì lẽ này hay lẽ nọ thì ta không còn nghĩ gì đến Cội nguồn nữa sao? Vậy cái "Cội nguồn" theo nghĩa triết học, đạo học và trong thi ca không giản dị như thế mà mang một ý nghĩa nào đó cao hơn. Cái "Cội nguồn" (Origine) nguyên thủy chính là cái Đạo thể, cái Tính thể nguyên sơ mà Tôn giáo và Triết học gọi qua nhiều danh xưng : Thế chân như (Phật giáo), cái Tính hay Mệnh Trời hay Thái cực (Nho giáo), cái Vô (Lão giáo), cái Hữu thể căn nguyên nền tảng (l'Être theo Parménide), cái Thân thể hay Ý niệm tuyệt đối (Esprit, Pensée absolue theo Hegel), Ngôi Lời (theo Tin Lành St. Jean Le Verbe) hoặc thông thường là Thượng Đế hay Trời được mệnh danh là Yhavé, Jéhovah, Allah, Phạm Thế, Phạm Thiên hay Đấng Tối Linh. Cái Nguồn Cội uyên nguyên đó, khởi thủy ở trạng thái "Hữu Tự Hữu" (Être en soi) rồi do một lý do nhiệm mạt nào đó (theo Kant là do cái "nguyên nhân bởi Tự do" (Cause par Liberté) tự "đổi tượng hóa" mình chuyển sang trạng thái "Hữu

Hiện Hữu" (Être pour soi hay Être Existence) từ đó tạo nên Vũ trụ hiện tượng tức Cõi Thế gian qua những dạng tồn tại sơ khởi (những khí chất như Đất, Nước, Gió, Lửa hay Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ hoặc những chất liệu như vi tử, nguyên tử, ...) rồi những dạng tồn tại sơ khởi này tác động qua lại, dần dần kết hợp nên những dạng tồn tại khác từ vô cơ sang hữu cơ. Aurobindo, khi giải thích "Áo Nghĩa Thư" (Upanishad) đã viết : "Đấng Tối Linh tự sắc tướng hóa thành vô số hiện thể, mỗi hiện thể là ngôi nhà cho Đấng Tối Linh trú ngụ". Cội nguồn hay cái Nhất thể khởi nguyên (Đạo thể) sau khi tự "sắc tướng hóa" để tạo nên cõi hiện tượng, đã lưu lại cùng thế gian, cú ngụ nơi mỗi hiện thể, nơi mỗi chúng sinh, qua cái mà ta thường gọi là "Tính thể, Bản chất" hay cái "Tâm", cái Linh hồn. Cái Tính thể, cái Tự tánh hay cái Tâm này hiện diện nơi mỗi chúng sinh là một hiện diện khuất lấp (Présence - Absence) vì bị che giấu bởi cái Tự ngã cấu trúc tức cái Phạm ngã của hiện thể và một phần cũng do "tự Nó che giấu, tự Nó rút lui" (elle se cache, elle se retire - M. Heidegger) để mỗi hiện thể cũng như vạn hữu luôn luôn với bắt qua diễn trình lịch sử sinh hóa của mình cho đến thời điểm viên dung được Nguồn Cội tức cái Thế Tính nguyên sơ, do đó mà có "tiến hóa". Xin không dài dòng vì phải quá nhiều dẫn chứng Tôn giáo, Triết học, Đạo học và Khoa học. Tùy Anh là tín đồ Phật giáo nên xin nói trong phạm vi Phật giáo. Theo Phật giáo, cái sơ thủy, cái khởi nguyên tức Cội Nguồn là cái "Tính thể chân như" (hoặc Phật tính, Như Lai tạng tính) đã tự "sắc tướng hóa" nên cõi hiện tượng (cõi Tục đế, cõi sa bà) rồi cú lưu nơi mỗi chúng sinh qua cái "Tâm" (Phật tâm, Đạo tâm, Tự tánh của từng hiện thể) để qua diễn trình tiến hóa trong cõi hiện hữu, đưa tất cả về trạng thái "Chân như Niết bàn". Sự "Tự Sắc tướng hóa" của Thế Chân Như thành vũ trụ hiện tượng để chuyển dịch theo diễn tiến sinh hóa của vạn hữu chính là "lịch trình hiện tượng hóa" của Thế Chân Như trong dòng hiện hữu hữu "hồi phục" lại mình ở dạng cao hơn. Cõi Hiện tượng hay cõi thế gian bao gồm tất cả mọi dạng tồn tại (tất cả mọi chúng sinh, tất cả mọi pháp). Các dạng tồn tại tương tác với nhau tạo nên cuộc đời, vì thế Cuộc đời là trường tương tác thường trực và miên viễn của vạn pháp. Sự tương tác của mỗi hiện thể với tự thân mình và với cuộc đời (tương tác với mọi dạng tồn tại khác đồng loại và khác loại) tạo nên cuộc sống của từng hiện thể. Dòng chuyển dịch của Đạo thể (Nguồn Cội) trong diễn trình sinh hóa của vạn hữu để đưa vạn hữu về lại với Nó là "dòng vận hành của Lê Đạo" mà triết học Tây phương gọi là Logos. Trong tác phẩm "Nhân loại mới : Từ Nhất thể khởi nguyên đến Nhất thể hồi phục" và nhiều sách khác, người viết gọi chung là "Lê Đạo" bao gồm : Nhất thể khởi nguyên (tức Đạo thể hay Nguồn cội hoặc Tính thể Chân như theo Phật giáo), Đạo (con đường tức dòng vận hành của Đạo thể trong hiện tượng giới) và Nhất thể hồi phục (Nhất thể khởi nguyên hay Nguồn cội được phục hồi sau lịch trình hiện hữu). Lê Đạo đó được M.Heidegger diễn tả qua ẩn dụ : Quê hương (hay Tổ quốc - Patrie), Kiềm địa (hay Khách địa - Colonie) và Cổ quận (Sol natal). Ứng dụng vào giáo lý Phật giáo, ta có thể bảo : "Quê hương" (hay Tổ quốc) chính là cõi Chân Đế (trạng thái sơ thủy

của Nguồn Cội tức Đạo thể hay Thế Chân Như); "Kiềm địa" là cõi Tục Đế (cõi Sắc giới và Dục giới với dòng diễn biến sinh hóa vô thường của vạn hữu tạo nên cuộc đời do từ Đạo thể hay Tính thể Chân như tự sắc tướng hóa tạo nên cõi hiện hữu tức vũ trụ hiện tượng) và "Cổ quận" là cõi Chân Như Niết Bàn hay cõi Non Nước chúng hương (tức trạng thái Thế tính chân như được hồi phục sau dọc dài đắm mình vào hiện tượng giới). Hiểu như thế thì "Hướng về Nguồn Cội" là hướng về thiết lập lại Quê hương, Tổ quốc nơi chính mình và nơi vạn hữu để thoát ra vòng tục luy tức cuộc đời phiền não, khổ đau. Hành trình từ Chân đế (Quê hương nguồn cội tức trạng thái Thế tính chân như) sang Tục đế (Kiềm địa, cõi hiện hữu trong hiện tượng hay cuộc đời) để trở về trạng thái Chân như Niết bàn (Cổ quận tức Tính thể Chân như được hồi phục ở dạng cao hơn trước) là Lê Đạo chi phối và điều hướng diễn biến sinh hóa của thế gian, vì thế "Lê Đạo" chính là nguyên lý của tiến hóa. Nói một cách thơ mộng : "Từ Tổ quốc" (Nguồn cội) ra đi, phiêu lưu nơi Kiềm địa (cõi hiện hữu cuộc đời) để trở về lại với Nguồn cội (Tổ quốc được hồi phục) ở dạng cao hơn, do dòng vận hành đó của Lê Đạo nên mỗi người -mỗi hiện thể- luôn mang trong tâm thức hướng vọng "Quy hồi cổ quận" (Retour au sol natal) nhưng trở về với Cội nguồn hay "Quy hồi cổ quận" không là đi giật lùi về quá khứ để chỉ hoài niệm, tiếc nuối mà chính là để sửa soạn cho tướng lai ngay từ hiện tại nghĩa là ngay từ từng phút giây hiện hữu trong cuộc đời, vì Cội nguồn luôn dịch chuyển về tướng lai để hồi phục lại mình. Do đó, Trở về cũng là Hướng đến vì làm sao trở về với chân trời dĩ vãng nên "Trở về Nguồn cội" hay "Quy hồi cổ quận" là hành động tái tạo lại Nguồn Cội ở cuối trời mờ mà mỗi phút giây hiện tại là một hành động để sự trở về kia sớm đến. Hiểu như thế, ta mới rõ lời Phật Thích Ca : "Hồi đầu thì ngạn" (Quay đầu thấy bến) M.Heidegger cũng bảo : "Cái ngày xưa của bình minh trong cái sẽ tới của tướng lai" (Le jadis de l'aurore dans le futur de l'avenir - trích dẫn bởi Françoise d'Astur trong Heidegger et la question du temps, PUF, Paris 1990, trang 116). Cái Cội nguồn luôn dịch chuyển về tướng lai để hồi phục lại mình thông qua từng "hiện tại" của dòng hiện hữu của vạn pháp vì thời gian tự nó là sự hợp nhất của "ba cống hiến từ xa" của "cái đã có bởi tướng lai" và của "cái tướng lai bởi cái đã có" mà cả hai trong tương giao qua lại tạo nên hiện tại. (Le temps lui même est donc l'unité de cette triple donation a distance de l'avoir été par l'avenir et de l'avenir par l'avoir été qui dans leur rapport réciproque produisent le présent -M. Heidegger, trích dẫn bởi Françoise d'Astur, sđd).

Vậy cái "Nỗi nhớ mang theo" từ khi "vào đời" nói lời thơ Thụy Khanh và sự "Hướng về Nguồn cội" nói thơ Tùy Anh chính là "Nỗi hoài hương hằng thế" có nghĩa là, đối với từng cá thể, đối với mỗi người là "trở về với nguyên sơ chính mình" (Le Soi même), tức cái Phật Tính, Phật tâm, cái Tính thể Chân như cú lưu nơi mình hoặc nói nôm na là cái Bản chất, cái bốn lai diện mục của mình; đối với chúng loại là phục hồi lại được Nguồn cội (Tổ quốc), cái Quê hương ban đầu ở dạng cao hơn (Nước Đức Chúa Trời, cảnh giới Thiên đàng hay cõi Chân như Niết bàn) bằng cách xây dựng cõi hiện hữu

(cuộc sống, cuộc đời) tuổi vui, êm đẹp, hạnh phúc tròn đầy, viên dung được bản chất mình trong cái Bản lai đồng của vạn hữu. Hiểu Nguồn cội như thế, ta thấy "Trở về Nguồn cội" là thuận hành cùng Lê Đạo và cuộc sống, cuộc đời -nói chung là cuộc tiến hóa của vạn hữu- mới có ý nghĩa, mục đích, cứu cánh, nếu không, tất cả sẽ thành vô nghĩa. Ấn dụ "Quê hương - Kiều địa - Cổ quận" mang đủ tính chất Tôn giáo, Đạo học, Triết lý, Thẩm mỹ, Khoa học và Lịch sử. Ấn dụ đó phần nào diễn tả đúng tâm trạng người Việt đang lưu vong nơi xứ người hiện nay.

Trở về với Mẹ, với Đất nước, Quê hương là những tình tự cùng yêu cầu của cái tâm thức "Hương về Nguồn cội", cái tâm thức "Hoài hương hằng thế" âm thầm, da diết nơi Tùy Anh, nơi bao kẻ đang dậm dãi lũ thú nơi từng miền "kiều địa", quê người.

... sao vùi dập bên kia bờ quên lãng
 Ánh tà dương trong tâm thức Quê hương
 Trắng vô lượng trong sương mù lãng đãng
 Cũng lạc loài theo nỗi nhớ niềm thương...

T.A. (Những Lời Thơ Tự Tại)

Tùy Anh đi vào Đạo với tất cả con tim xao xuyến và khối óc hoang mang. Trong "Ngoại xa dấu chân mây" Tùy Anh đã nói rồi (xin khôi trích lại nơi đây) và trong "Trầm Ngái Thiết Tha", tâm trạng đó vẫn khiến anh ray rứt. Cuộc đời, cuộc sống tức côi hiện hữu thế gian này quá là miền "kiều địa" giam ta trong thân phận "lưu đày" giữa bao vô thường già hoặc :

... Trăm năm là mộng tưởng
 ngàn năm là mơ hoang
 thời gian là phấn bụi
 phủ trên đời trầm hoang...

T.A. (Có Không Đời Vẫn Thế)

Tuy nhiên, dù hoang mang đến mấy, Tùy Anh vẫn cảm thấy Lê Đạo huyền nhiệm trở trêu đó thôi thúc Tùy Anh luôn hướng mình vào niềm tin và vào phấn đấu : tin nơi Lê Đạo, tin nơi hương trầm giải thoát, tin vào cái "Ngái yêu thương" sẽ là động lực cho hành động tái tạo lại Quê hương nguồn cội nơi mình và nói mọi kẻ. Có thờ than, bi lụy, có đau thương, sầu buồn nhưng Tùy Anh không để mình "chết" đi trong bóng đen mà luôn tự mình thấp lên ngọn nến giữa đêm đen đây :

... Hãy nương theo ánh nến
 soi lòng mình an nhiên
 không vương mang tạp niệm
 trong giấc ngủ bình yên

Trong lung linh ánh nến
 ta mang đôi mắt Người
 là mang lòng triu mến
 đi trang trải cho đời

T.A. (Thấp Nền Giữa Đêm)

để :

Oan trái đã lùi dần vào quá khứ
 Đời vô thường mất dấu vết thương xưa
 Như chiếc lá xa nguồn thương cội cũ
 Như nắng vàng còn nhớ độ thu mưa

Trong vọng động viết lời thơ tự tại
 Trao tặng người theo mạch sống triều dâng

Từng con nước theo ngày qua tháng lại
 Biến đầu thương thành những nụ ân cần

Tâm an trú giữa hồng trần nghiệt ngã
 Mà hiển vinh là bảo ảnh phù du
 Nền ngôn hạnh trong như dòng bát nhã
 Thấm vào đời nghe với vợ hương nhu
 T.A. (Những Lời Thơ Tự Tại)

"Trở về Nguồn cội" không chỉ là một tình cảm mà còn là bốn phận, nghĩa vụ vì đây là ý nghĩa, cứu cánh cuộc sống, cuộc đời, ý nghĩa của tiến hóa. "Trở về Nguồn cội", nói theo từ ngữ nhà Phật là trở về với cái "bốn lai diện mục" của mình trong cái "bốn lai đồng" của vạn hữu :

Rời nước mắt cũng quay về suối cũ
 Lá lìa ngàn cũng trở lại nguồn xưa
 Ta trần trở giữa lưu đày tâm thức
 Nghĩa ân chung xin sống núi sang mùa

Trái tim nhỏ lại nặng lòng cứu độ
 Mà khổ đau như biển rộng sông sâu
 Em đơn độc kẻ vai nâng Thánh giá
 Đi vào đời mong cứu rỗi niềm đau

Trăng vô lượng cũng trầm tư mặc tưởng
 Đời bon chen cũng vất vưởng phù vân
 Ai chấp ngã cũng trở thành độ lượng
 Người sân si cũng trở lại bao dung...

T.A. (Ngọt Bùi Trao, Lời Đỗ Giác Xuân Nồng)



Tùy Anh đi vào Đạo với tất cả nỗ lực cuộc sống, cuộc đời nhưng đã tự tìm ra được giải thoát. Bao thú "Ngái yêu" ru anh và ngậm ngùi đã trở thành "Trầm giải thoát", đứa anh luôn nuôi dưỡng nơi mình một "hồi hướng, hồi tâm" :

... Chợt nghe từ cõi vô minh
 Tiếng chuông hồi hướng...

để :

... Vai trĩu nặng
 thân thú sinh gây guộc
 tình hoài hương
 đeo đẳng mãi trong hồn
 thêm lửa hạ
 khơi thảng trầm thế cuộc
 lửa trong tim
 nung cháy mãi nguồn cơn

Cảm ơn nhè
 tiếng chuông chùa đồng vọng
 tựa khói sương
 còn chan chứa hồn quê
 tựa những con đường
 vẫn nối liền dĩ vãng
 Cổ hương ơi

ta tha thiết trở về!

"Trở về", trở về để xây dựng lại mái nhà Quê hương êm đẹp tuổi vui, xây dựng "Ngôi nhà hằng thế" cho chung mọi người.

Thơ Tùy Anh luôn mang chỗ niềm tin, niềm vui và không khó hiểu khi ta "đọc" ra cái "ray rứt trong yêu thương, cái khắc khoải trong tâm đạo" nơi anh. Lê Đạo và tinh tú Quê hương, Đất nước cùng Tình Mẹ, Ý Cha đã đến với anh đêm ngày qua hai tâm trạng đó. "Trầm" và "Ngái" quán quit nơi anh, không buông rời anh để càng lúc anh càng thêm thiết tha với cuộc đời dù trong cảnh ngộ nào. Và "Em", người em tổ quốc quê hương, người em của tình mẹ ý cha, người em của Lê Đạo nơi miền Vô trụ xứ luôn luôn được "thực tại hóa" nơi anh để nơi anh và nơi nhân gian luôn luôn là những nụ hồng tươi mát yêu thương :

Còn chăng chút nghĩa cũ càng
 Trong ta vô lượng, trong nàng vô biên

Phải chăng ở giữa cung trời
 Là Em với vợ tiếng cười thình không
 Là ta với những nụ hồng
 Là yêu thương nở trong lòng nhân gian

T.A. (Là Ta Với Những Nụ Hồng)

vì "Em là trầm ngái nên đời thêm thiết tha".

Nhan đề "Trầm Ngái Thiết Tha" gói trọn cả tâm thức Tùy Anh để lúc nào Tùy Anh cũng "đắm mình" vào bao thú yêu thương rồi quận siết đau sầu nhưng cũng để tim trong đó niềm hoan lạc, niềm vui tin và nghị lực phấn đấu.

Người viết nghĩ rằng "dòng vận hành của Lê Đạo" qua ấn dụ "Quê hương Kiều địa Cổ quận" đem lại tin tưởng và ý hướng cùng ý chí phấn đấu cho tất cả mọi người Việt Nam ở hải ngoại cũng như ở quốc nội biết "hồi hướng hồi tâm" để sớm "trở về với Nguồn Cội" cho mỗi người và cho dân tộc. Giữa tan nát, muộn phiền, giữa tàn phai, héo úa, cái tâm thức "Hoài hương hằng thế", cái ước vọng "Quy hồi cổ quận" sẽ nung nấu thần trí ta như người lính thủy những ngày lênh đênh trên biển khơi tìm mọi cách đáp về bến bờ non nước quê hương để xây dựng lại cái "Quê hương tình mộng ban đầu" (Cội nguồn) trong cái quê hương thực tại của dòng hiện hữu là Đất nước, Dân tộc và Gia đình. Và thơ ca sẽ trở lặc, đắm chìm trong cái ý hướng và ý chí đó trên bao điều tàn đau biến của cuộc sống, cuộc đời :

... Không giấy mực
 Thơ âm thầm tiềm phục
 Chờ cát bồi, đất lở để đơm hương

T.A. (Con Đường Nối Liên DT Vãng)

để cùng đưa về một "khung trời tướng ngộ" bát ngát yêu thương :

... Mai tàn cuộc anh trở về quê cũ
 dù hiện sương cũng thành chốn thần tiên
 em xao xuyến giữa bến đời tương ngộ
 đời bờ thương ôm kín một nỗi niềm.

T.A. (Khung Trời Tướng Ngộ)

Tôi tin rằng thơ Tùy Anh sẽ còn trong sáng hơn, tươi mát hơn, thanh thoát, lung linh hơn, tráng lệ và mạnh hùng hơn nữa qua hai hình tượng nghệ thuật "Trầm Ngái" và "Trở về Nguồn Cội" đó.

Trévoux-France 25.06.97
 (Nga 10025+ SA 10047)

CON CHÓ PHẢN ĐỘNG

Nguyễn Minh Khánh

Không hiểu con chó Ba Tô nhà tôi vốn tiền kiếp của nó là gì mà kiếp này đầu thai làm chó, nó thù ghét công an và bộ đội vô cùng. Ấy là con chó đực, trông rất tốt tướng, vôi bộ lông xù màu vàng đậm, khuôn mặt đen xi và cái mõm thật to nhưng ngắn. Đặc biệt mõ lông quanh cổ nó có vẻ mọc dày hơn, lúc nào cũng dựng đứng như bờm sư tử, ngực nở, bốn chân rất to và cứng cáp. Nhờ khuôn mặt đen, gầy, cộng thêm chiếc bờm quanh cổ, và tướng tá lực lưỡng, khi ở tư thế ngồi, trông nó hơi giống con gấu. Tướng đã tốt, lại thêm có được làn hơi "thiên phủ", giọng sủa của con Ba Tô lớn gấp rưỡi giọng của các con chó khác cùng xóm. Ban đêm khi có người lai vãng, "ban đồng ca" trong xóm đồng loạt xuống lên cùng một lúc. Thôi thì đủ giọng hết, có anh tuy đã lớn tuổi nhưng giọng sủa vẫn ăng ăng như giọng chó con. Có chị đẻ mới có hai ba lứa mà giọng nghe như người mắc bệnh suyễn nói chuyện, lúc nào cũng có vẻ như sắp hết hơi đến nơi. Có những anh chó phốc, sủa theo giọng phốc, âm sắc nghe nheo nheo và liến thoắng. Có anh sủa theo kiểu sùng đại liên bản nhất gừng, giọng danh chất, củ hai ba tiếng lại ngừng. Cũng có anh vừa sủa vừa... tru. Trong những đám âm thanh hỗn loạn ấy, bao giờ giọng sủa của con Ba Tô nhà tôi cũng nổi bật hơn hết, tựa như những viên pháo nổ trong hàng loạt các viên pháo thường đang nổ. Nghe con Tô nhà tôi sủa thì "đã" lắm. Giọng của nó trầm nhưng âm vực rất lớn, nghe rền cả lồng ngực, người yếu bóng vía đứng bên ngoài cổng cũng phải phát hoảng. Kỹ thuật "sủa" của nó là tiếng nào chắc tiếng nấy và cứ đều đều, thỉnh thoảng "volume" lại rộ lên tới đa và dồn dập, lúc ấy tôi biết có người lạ đang di chuyển đến gần cổng nhà tôi.

Tôi thích con Ba Tô phần lớn là do giọng sủa của nó: nghe rất "male", rất đống dạc. Nó không có cái tật "sủa luyến luyến" như những con chó khác, làm giảm mất tính oai phong của chó đực đi. Ngoài ra, tôi còn yêu nó bởi nó có tướng oai, to con như con gấu và "đẹp trai" nữa. Tính tình của Ba Tô thì dễ thương vô cùng: rất ngoan ngoãn và hiền lành. Ngoan ngoãn thì dễ hiểu rồi, còn hiền lành là nó chẳng bao giờ đi hù dọa, rượt cắn con nít hoặc người đi đường. Cái tướng bề ngoài coi hùng hổ, dữ dằn ghê gớm lắm, nhưng cái tâm thì hiền khô.

Nhưng một trong những đặc điểm nổi bật nhất của con Tô, khiến cả nhà tôi ai cũng thương nó, ấy là nó rất ghét... công an và bộ đội. Bố mẹ tôi rất tâm đầu ý hợp với con Tô ở điểm này, nhưng tất nhiên không bao giờ dám

thổ lộ cho hàng xóm hay. Mỗi khi có khách lạ đến nhà, con Tô bao giờ cũng sủa lớn tiếng để báo cho nhà biết, nhưng không bao giờ có thái độ hằn học hoặc căm thù. Chỉ đặc biệt khi bộ đội hoặc công an đến nhà thì con Tô sủa rất dữ dằn. Nó lồng lộn lên như đang trực diện với kẻ thù, khiến tôi phải thường xuyên quát tháo, trấn áp, nó mới chịu yên, nhưng vẫn len lén đi theo vị "khách quý" vào tận phòng khách, thu mình nằm dưới gầm ghế xa-lông, giường đôi mắt dò dõng nhìn vào người "bạn dân" ấy.

Có một lần, tôi còn nhớ, lúc ấy là buổi chiều năm 1977. Tôi và mẹ tôi đang ngồi ngoài sân thái những củ khoai mì thành từng lát mỏng để đem phơi khô trộn với cơm ăn độn. Bỗng con Ba Tô phóng vụt đến cánh cổng sủa thật lớn, vừa sủa bốn chân nó vừa cào lia lia xuống sàn xi-măng. Tôi nhìn ra cổng thì thấy đó là ông Trần Minh, khóm trưởng khóm Đồng Dừa. Ông Minh đi cùng với thằng Cu Em là ủy viên an ninh của khóm. Ông Minh đứng ngoài cổng đánh tiếng:

- Bà Dần có nhà không? ... Chà, coi giùm con chó chút, sao nó sủa dữ quá!

Mẹ tôi vừa la con chó vừa mở cổng:

- Tô, ra sau nhà. À, ... bác Minh... vào chơi...

Bất chấp mệnh lệnh của mẹ tôi, con Tô vẫn đứng sọc cẳng sủa dữ dội, càng lúc càng tăng thêm cường độ như muốn lao vào tấn công ông khóm trưởng và thằng du kích. Ông Minh vẫn chưa dám bước vào nhà. Ông đứng lấp ló ngoài cổng, la bai bai:

- Chà chà, con chó này dữ nghen. Cái mặt đen thùi, tướng này là dữ lắm đây. Kia, chú em, la rầy nó giùm tui chút đi...

Lần này buộc lòng tôi phải dậm chân, cầm cây chổi dọa đánh con Tô, nó mới chịu rút lui vào phía sau nhà. Ông Minh bước vào sân cười già là:

- Chà, lo tăng gia sản xuất dữ hen... Xắt mì lát để phơi khô ăn độn phải không? ... Ở được, đúng với chủ trương đường lối của nhà nước ... Ồ, loại mì này là loại mì trắng Ấn Độ, ăn nhiều bột ngon lắm.

Mẹ tôi rót ly trà với mời ông Minh:

- Dạ, bác Minh ngồi chơi. Chắc tối nay họp Tổ dân phố phải không bác?

Ông Minh ngồi trên chiếc ghế đầu, phà phà điếu thuốc rêu:

- Họp gì đâu. Tui tối nhắc bà cái vụ thằng Sinh nhà bà kỳ này nó được vinh dự trúng tuyển nghĩa vụ quân sự đó nghen. Tên nó đã được ghi trên bảng vàng treo phía trước phường mình đó. Đây nè, tui gởi bà hai cái giấy mời. Một cái mời thằng Sinh con bà, đúng 8 giờ, ngày... tháng... năm 1977, phải đến

phường để dự buổi liên hoan chia tay, đồng thời làm lễ giao quân lên thành đội. Còn cái giấy này là mời bà tới dự lễ cho vui, cho con bà được phấn khởi lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc!

Mẹ tôi cầm hai cái giấy mời, trong bụng không vui, nhưng vẫn làm bộ trân trọng:

- Dạ, cảm ơn bác. Thằng Sinh nhà tôi vừa rồi mới thi đậu vào đại học tài chính, làm sao nó đi nghĩa vụ quân sự được?

Ông Minh cười hi hi, sốt sắng giải thích:

- Bà nói với nó là không có lo gì hết. Cái giấy đậu đại học cứ đem theo cất kỹ đi. Thi hành nghĩa vụ quân sự bốn năm xong, về lại đi học, có sao đâu! ... Nhà nước mình công minh lắm. Với lại Bác Hồ cũng đã nói: "Đầu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên", phải không bà?

Nói xong, ông Minh dón dác nhìn vào trong nhà tôi và hỏi:

- À, mà thằng Sinh còn ở nhà đó chỗ?

Mẹ tôi cười giương:

- Dạ, cháu đang nấu ăn dưới bếp đó bác.

Ông Minh cười hi hi, rồi một cách rất tự nhiên, ông đứng dậy bước vào phòng khách, đi thẳng xuống dưới bếp, thấy thằng Sinh em tôi đang khom lưng dùng ống thổi lửa thổi vào bếp, khói tỏa mù mù. Ông Minh hỏn hờ nôi:

- Sinh đó hả. Biết nấu cơm giỏi quá hen.

Nhỏ có mặt tại phường theo giấy mời nghen.

Nói xong ông Minh móc trong túi quần ra một gói thuốc Điện Biên, rút ra một điếu trao cho thằng Sinh:

- Quả của nhân dân ngoài Bắc đấy. Thuốc này là thuốc loại A, còn thơm hơn cả thuốc lá Mỹ nữa. Cố gắng phấn đấu cho tốt để làm về vang phường khóm mình. Đừng có... bỏ trốn nghe máy!

Lần này thì con chó Tô nhất định không chịu nhượng bộ nữa. Ông Minh đã dám cả gan đi vào phòng khách, rồi còn dám đi xuống nhà bếp là quá quắt lắm, không thể tha thứ được. Đối với loài chó, tối kỵ là đang bữa ăn mà có khách đến. Chúng sủa ầm ĩ và xua đuổi khách một cách thậm tệ. Hình như chúng sợ khách đến sẽ chia bớt phần ăn của chúng! Kể đến là chúng rất ghét khách đến nhà chơi mà xuống bếp, có thể làm hao hụt bớt lương thực trong nhà, và chúng sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Bởi thế nên con Tô đã thỉnh linh xông tới sát ông Minh và sủa tới tấp. Theo phản xạ tự nhiên, ông Minh thổi lui và la lớn:

- Chó, chó... Dữ quá mày... Xớ rớ, tao bắt bỏ bao bố, làm chĩa chia, rựa mận bây giờ!

Dường như con chó Tô hiểu được câu hăm dọa của ông Minh, và cảm thấy bị xúc phạm nặng nề đến "cấu quyền", nó lồng lộn lên, sủa ầm ĩ đến muốn vỡ cả nhà. Tôi vội đứng ra cản và vội dắt ông Minh lên nhà trên, ra sân. Ông Minh vừa đi vừa bình luận:

- Nhất mực, nhì vàng, tam khoáng, tứ đốm. Con chó này coi tướng tá mập mập dữ chỗ. Chắc cũng phải 15, 16 ký thịt chó không ít!

Tiếp đến ông chào mẹ tôi ra về:

- Thôi, dzay nghe bà Dần. Tui về... Thằng Cu Em, mày đi sau lo canh chừng con chó giùm tao, chó sao mày lo dợt trước vậy?

Vừa lúc ấy, con Tô từ bên hông nhà, men theo đồng cũi, bất thình lình phóng tới tấp vào bắp chân ông Minh. Sự việc quá bất ngờ, khiến không ai trở tay kịp, chỉ nghe ông Minh la đánh "oái" lên một tiếng, và sau đó thì thấy nôi bắp chân ông, máu tuôn ra ròng ròng.

Sau vụ đó, mẹ tôi phải dắt con Tô đi khám thú y, và bồi thường cho ông Minh một khoản tiền gần một chỉ vàng để ông đi chích ngừa. Ông Minh rất tức giận, đòi làm thịt con Tô. Mẹ tôi phải vừa năn nỉ vừa hối lộ, cuối cùng ông mới bỏ qua.

Sau vụ con Tô cắn ông Minh, nghiêm nhiên nó trở thành đối tượng của chính quyền phường khóm, nơi địa phương tôi đang cư ngụ. Thằng Tấn công an khu vực củ gằm ghè đe dọa:

- Con chó nhà bà Dần dữ lắm. Nó dám cắn ông Ba Minh. Bữa nào tôi phải xin nó tí huyết về đánh tiết canh mới được!

Mỗi khi có việc đến nhà tôi, thằng Tấn thường thù thế, tay nó vồ vồ vào khẩu K 54 đeo bên cạnh sườn, chỉ vào mặt con Tô nói:

- Tao đây chó không phải ông già Minh đâu nghe máy. Xó rõ là tao bắn bẻ sọ!

Rồi Tấn trâng tráo nói với mẹ tôi:

- Hay là bà Dần bán cho tôi con chó này đi. Năm đồng được không? Làm thịt quách cho rồi. Tuồng này còn trai tở, thịt thơm ngọt lắm. Đánh tiết canh thì hết xáy...

Mẹ tôi cố bệnh vực:

- Dạ, dạo này nó ốm nhiều rồi, cậu Tấn. Không dám cắn bậy nữa đâu. Tôi có mỗi một cái là tôi chỉ có một con để giữ nhà. Đêm hôm khuya khoắt, có nó cũng đỡ lắm...

Thằng Tấn vẫn đứng chống nạnh, chỉ vào con Tô đang thu mình nằm dưới gầm giường, trừng trừng đôi mắt nhìn nó:

- Đồ gì đâu mà ốm. Nó sủa tôi quá trời mà. Nó làm như tôi là kẻ thù của nó không bằng. Máy con chó khác đâu có như vậy...

Tấn vẫn nhìn con Tô bằng cặp mắt thêm thường, rồi nó tiếp tục gạ gẫm:

- Tôi nói thiệt, bà bán nó cho tôi đi. Nếu không bán thì đổi gạo cũng được. Tôi chịu đổi cho bà 10 ký gạo đỏ, chịu không? Tiêu chuẩn của tôi một tháng có 13 ký gạo, mà dám đổi cho bà 10 ký lấy con chó là chịu chơi lắm rồi. Tôi sẽ xin cho bà con chó khác ngon lành hơn. Cái đồ chó mặt đen là xài không được. Chó phân chủ đó! Bà mà cứ tiếp tục nuôi nó, có ngày sẽ mang họa cho mà coi!

Đường như con Tô hiểu được những lời thằng Tấn nói. Nó vô cùng uất ức, sủa lớn mấy tiếng để phản đối, đồng thời nó len lén đi ra ngoài sân, nằm chỗ đồng cũi, mắt vẫn hướng về phía thằng Tấn. Mẹ tôi rót ly nước trao cho Tấn:

- Mời cậu dùng trà. Dạo này công tác có nhiều không cậu?

Tấn nghênh mặt đáp một cách hãnh diện:

- Ở phường mình chỉ có tôi là bận việc nhất thôi. Mấy ông chủ tịch, bí thư mang tiếng là lãnh đạo chỗ chỉ có đi họp và ký giấy tờ. Còn tôi là phải trực tiếp quản lý 7000 dân trong địa bàn phường, rất là phức tạp, phải đi sâu đi sát trên một ngàn hộ để nắm vững tình hình,

rất là phức tạp, làm ngày không đủ, phải tranh thủ làm đêm nữa đó...

Như để chứng minh mình là nhân vật quan trọng, Tấn lôi trong xác-cốt màu đen ra một xấp giấy tờ:

- À, kỳ này nhà bà có tên trong danh sách đi kinh tế mới đó nghen...

Mẹ tôi hơi hốt hoảng:

- Ủa nhà tôi là hộ công nhân viên mà cậu Tấn?

Tấn thò tay bốc một củ khoai mì trong chiếc rổ để trên bàn, vừa nhai vừa giải thích:

- Bà chưa rõ đường lối chính sách của đảng và nhà nước. Hộ nhà bà có mười người, trừ hai thằng con trai đi nghĩa vụ là còn tám. Anh Minh con trai lớn của bà đi làm cho công ty cầu đường, là công nhân viên nhà nước thì được. Còn hai đứa con gái bán nước mía với hai thằng con rể đạp xe ba gác là thành phần phi sản xuất. Ông nhà bà mới có 55 tuổi là sĩ quan nguy, đạp xích-lô, cũng là thành phần phi sản xuất. Bà năm nay mới có 50 tuổi, cũng phi sản xuất. Đứa con gái út nhà bà năm nay học lớp 11, cũng phi sản xuất... Do đó, gia đình bà phải đi kinh tế mới... Tôi hỏi bà trong nước mà ai cũng phi sản xuất như bà thì lấy đâu ra của cải vật chất để dựng xây chủ nghĩa xã hội? Đó, bà hiểu chưa?

Mẹ tôi vẫn còn ngần ngại:

- Nói để cậu thông cảm. Tôi còn cháu gái út đang đi học. Nếu phải đi kinh tế mới thì tội nghiệp cho cháu quá. Ở trên đó đâu có trường cấp ba? Còn tôi tuy mới có 50 nhưng bị viêm thần kinh tọa, đầu có lao động nặng được?

Tấn vẫn nhai khoai mì một cách ngon lành:

- Thì ai đi củ đi, ai ở củ ở. Nhưng mà thôi, tốt hơn hết bà nên nộp đơn lên ủy ban phường xin giải quyết. Thôi, tôi đi đây.

Tấn uống vội ly trà rồi quay gót đi. Vừa lúc ấy, con Tô từ trong đồng cũi phóng ra, nghiêng đầu tấp vào bắp chân thằng Tấn. Nhưng thật may, lúc ấy hắn còn cầm cái xác-cốt buồng lũng thũng ngang ống quyển, nên hàm răng con Tô chỉ ngoạm trúng cái xác-cốt và miếng vải quần. Thằng Tấn mặt đỏ gay, giận dữ:

- Tôi đã nói rồi mà bà không nghe. Con chó mặt đen nhà bà là cái thủ chó quý chó mà gì đâu máu. May mà nó tấp huyệt chó làm tôi đỡ máu là tôi bắn bẻ sọ liền! Bây giờ bà có đồng ý cho tôi làm thịt nó không? Nếu không thì bà đừng có nuôi nó nữa nghen. Tôi mà thấy nó chạy ngoài đường là tôi bắn chết ráng chịu!

Lại thêm một lần nữa mẹ tôi khổ vì con Tô. Lại phải mua biểu thằng Tấn mấy hộp sữa và mấy gói thuốc "cán", nó mới chịu bỏ qua. Hàng xóm bắt đầu bàn tán về con chó Tô:

- Con chó nhà bà Dần dữ thiệt. Lần trước nó dám cắn ông Minh khóm trưởng, bây giờ lại tởi thằng Tấn công an khu vực.

- Tôi biết con chó này mà. Nó có cái kỳ lắm. Hễ nó thấy ai mặc đồ bộ đội, đội nón cối, đi dép râu là nó sủa dữ dằn lắm. Nó cứ theo sát đi mà sủa, bà Dần có la mấy cũng không được...

- Ồ đúng. Như tui đây nè. Thường ngày tui hay qua chơi với anh Minh, nó không có sủa. Vậy mà hôm trước tui bận cái áo bộ đội qua

chơi mà nó sủa quá chùng, thiếu điều muốn cắn tui luôn!

- Chắc tại bộ đội với công an hay ăn thịt chó nên nó ghét.

Thế rồi gia đình tôi phải đi kinh tế mới. Mẹ tôi phải làm đơn xin mới được xét cho ở lại thị xã với tôi là công nhân viên nhà nước, và đứa em gái út còn đi học. Còn bố tôi cùng hai người chị gái, hai anh rể và mấy đứa cháu phải đi kinh tế mới. Đặc biệt lần này trong giấy báo gọi đến nhà, có kèm theo một mảnh giấy nhỏ do bà Út Tâm, ủy viên thư ký phường, kèm phó ban kinh tế mới ký. Nội dung như sau:

Yêu cầu ông Sang, chủ hộ kinh tế mới phải đem luôn con chó Ba Tô đi. Nếu để nó ở nhà, sau này có gì ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm!

Thế là vào mùa mưa năm 1978, gia đình tôi bị tách đôi, một nửa phải theo cha lên vùng kinh tế mới, cách thị xã Nha Trang 50 cây số, trong đó có cả con chó Ba Tô yêu dấu của tôi!

Gia đình tôi chỉ còn lại có ba người ở thị xã: mẹ tôi già yếu bệnh tật, đứa em gái út đi học, và tôi đi làm công nhân cầu đường, nhờ lao động nặng nên một tháng được 21 ký gạo. Có lẽ từ thuở lập quốc đến sau 1975, chưa bao giờ người dân nước ta lại lâm vào hoàn cảnh nghèo đói, cùng cực đến như vậy. Các tấm bảng lớn bằng cả căn nhà dựng ở những nơi công cộng trong thành phố luôn tô vẽ những hình ảnh hết sức lạc quan và tốt đẹp về chủ nghĩa xã hội, nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Tôi còn nhớ tấm bảng dựng ở khu phố chính đường Độc Lập ghi câu khẩu hiệu trích trong nghị quyết đại hội đảng toàn quốc: "**Năm 1978, phấn đấu cả nước đạt 23 triệu tấn lương thực**". Bên cạnh là hình vẽ hai anh công nhân và nông dân trông rất to khỏe, mập mạp. Anh công nhân mặc quần áo có yếm màu xanh, tay cầm chiếc búa tạ, khuôn mặt chầu điền, đẹp trai và rất hồ hởi, phấn khởi. Anh nông dân tay cầm chiếc liềm, hai cánh tay phò ra những bắp thối nổi cuồn cuộn, không thua gì tài tử Mỹ Sylvester Stallone trong vai Rambo. Nếu đem từng anh đặt lên bàn cân thì tôi chắc rằng không có anh nào dưới 70 ký.

Nhưng hồi ơi, có nằm trong chăn mới biết chăn có rận. Chính tôi "được hân hạnh" đứng vào hàng ngũ giai cấp tiên phong của cách mạng, nhưng chưa bao giờ tôi cân nặng quá 45 ký. Do bị suy dinh dưỡng triền miên, mỗi khi cời trần soi gương, tôi thấy đủ 36 cái xương sườn. Cũng không riêng gì tôi mà ngay cả một đội công trình xây dựng 240 người, cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự. Tôi còn nhỏ, có lần cả đội đi khám sức khỏe, sau khi cân đo xong, người được xem như "mập" nhất là anh Lê Văn Chiến, cao 1 mét 75, nặng 62 ký, và người ốm nhất là anh Thang, chỉ có 38 ký! Lương công nhân lãnh ra chỉ đủ xài có 5 ngày trong tháng, còn lại 25 ngày là sống trong đói rách, và thêm khát. Quần áo bảo hộ lao động, nhà nước phát cho một năm hai bộ, mặc chỉ được có ba bốn tháng là đã rách nát tả tơi như tổ đĩa. Ngay đến quần xà lòn cũng rách mà tôi không có đủ tiền để mua quần mới. Khi ở nhà cời trần, mặc có

mỗi cái quần xà lỏn, tôi thường cảm thấy gió mát nơi hiểm nghèo, và biết rằng cái nghèo nó đang đeo sát, tra tấn, dằn vặt mình từng giây, từng phút.

Vào những năm sau 75, ở Nha Trang có này sinh ra một "nghề" mới, đó là nghề "bơm mực vô viết bi". Những cây viết nguyên tử sau khi đã hết mực, người ta không bao giờ dám vứt đi mà phải đem ra phố Độc Lập, thuê người bơm mực vào để xài tiếp! Ở các trường trung học, đại học, đã có nhiều học sinh, sinh viên phải dùng viết chấm mực như những năm thời kháng chiến chống Pháp. Xà bông bột trở thành một thứ xa xỉ phẩm mà chỉ có những "đầy tớ nhân dân" mới có tiêu chuẩn dùng. Còn đại đa số những "người chủ đất nước" phải dùng loại xà bông kem, trông tựa như bùn, giặt không có bọt mà cũng không sạch. Xà bông bột quốc doanh thì hạt lớn như hạt cát, chỉ toàn mùi vôi.

Sống trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, các "khoa học gia" đã phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo ra một loại "xà bông bột" đặc biệt, khỏi phải mất tiền mua. Họ bày cho nhân dân làm như sau: lấy tro trấu bếp, sàng cho hết các sạn than, rồi đổ vào một cái thau hoặc hũ. Sau đó, đổ nước vào, khuấy đều lên, và chờ chừng hai ba ngày sau, khi tro đã hoàn toàn lắng xuống, phía trên mặt hũ sẽ xuất hiện một lớp "nước cốt" màu vàng. Khi muốn giặt, chỉ việc hớt lớp nước đó làm "xà bông", rất ư là "hiện đại" và bảo đảm mau... mực quần áo! Đối với khoai mì và rau muống thì các phó tiến sĩ của báo Khoa Học Phổ Thông đã phân chất và xác nhận là có hàm lượng protein cao hơn thịt bò.

Sống trong hoàn cảnh cùng cực như vậy, tinh thần của tôi ngày càng bi quan, tưởng lại trước mắt chỉ thấy toàn một màu đen tối.

Giữa lúc ấy thì con chó Ba Tô từ vùng kinh tế mới Đất Sét đã trốn về nhà thăm chúng tôi. Tôi vô cùng kinh ngạc vì đoạn đường từ nhà tôi đến vùng kinh tế mới, khoảng 60 cây số, trong đó hết một nửa là đường rừng núi gập ghềnh. Vậy mà không hiểu vì sao nó về nhà được! Lúc ấy đang chàng vạng tối, trời đang mưa tầm tã, bỗng tôi nghe có tiếng cào soàn soạt vào cánh cổng sắt. Khi mở cổng ra thì trời ơi, đúng là con Ba Tô mặt đen đã bỏ trốn vùng kinh tế mới về nhà. Người nó ướt như chuột lột, thấy tôi nó hí lên mừng rỡ, nháy chồm lên cào vào ngực và liếm tay tôi. Đúng là khuyến mãi chí tình. Con chó dù có cách xa bao lâu, nó cũng không bao giờ quên chủ cũ, và cho dù chủ nó có nghèo mạt rệp đi chăng nữa, nó cũng không bao giờ bỏ chủ.

Tôi vội vàng đóng cổng lại, kêu nó vào nhà bếp cho nó sưởi và dọn cho cu cậu một bữa cơm trộn khoai mì thật nê. Sau đó tôi phải giấu con Ba Tô trong nhà, không dám cho nó ra đường, sợ phường khóm thấy thì rắc rối. Mẹ tôi rất vui mừng, xoa đầu con Ba Tô, khen lia lịa: "Tô giỏi quá, không có ai chỉ đường mà biết về thăm má. Tô giỏi và ngoan như vậy thì cho dù thằng Tấn có đòi đổi 10 ký vàng, má cũng không đổi, chỗ đứng nói 10 ký gạo".

Con Tô trốn ở nhà thì được ba ngày thì ông Thủ, bí thư chi bộ phường đến mua tù lạnh.

Ông mặc áo sơ-mi trắng cụt tay, chiếc quần ka-ki bộ đội màu xanh rêu, chân mang đôi dép săng-đan bằng nhựa dẻo màu trắng. Vừa trông thấy ông Thủ, con Tô đã sửa dũ dôi, bất chấp những lời quát nạt của mẹ tôi. Có lẽ nó ngửi thấy mùi "cách mạng" nơi người đàn ông này, nên mới có thái độ hung hăng như thế. Ông Thủ hỏi ngớ ngàng, chỉ vào con Tô, hỏi mẹ tôi:

- Ừa, nghe nói con chó nhà bà đi kinh tế mới rồi, sao còn ở đây?

Mẹ tôi đỡ lời:

- Dạ, nó mới trốn về đó bác. Hồi ông nhà tôi lên đó, tôi đã cho nó đi theo rồi.

Ông Thủ buột miệng khen:

- Giỏi quá heng. Con này vậy là khôn lắm. Nhưng bà phải coi chừng nó giùm tôi. Nó có nhiều thành tích xấu lắm.

Nói xong ông Thủ đứng rờ rẫm, quan sát chiếc tù lạnh mà mẹ tôi muốn bán. Gia đình tôi ngày càng sa sút, đồ đạc trong nhà lần lượt rù nhau ra chợ trời hoặc vào nhà cán bộ. Ông Thủ coi tù lạnh xong, nói:

- Được rồi, tôi đồng ý lấy cái tù này. Lát nữa tôi cho tui nhỏ đến lấy. Còn tiền thì tôi hẹn bà đến cuối tuần tôi gói luôn, bây giờ chưa sẵn...

Mẹ tôi hoan hỉ:

- Dạ, như vậy thì tốt quá. Cảm ơn bác. Mời bác lên phòng khách dùng trà...

Ông Thủ vừa dậm bước lên bậc cấp để vào phòng khách thì con Tô bỗng từ gầm giường phóng vọt ra dộp vào gót chân ông ta. Thật may cho ông Thủ, con Tô dộp hụt nên chỉ trúng cái lai quần. Nó giằng mạnh khiến chiếc lai quần bị rách toạc một đường khoảng 5 phân. Ông Thủ mặt tái mét, thốt ra một câu bực tức:

- Lại con chó mặt đen nhà bà làm bậy rồi!

Thế là cái tù lạnh nhà tôi lần ấy bị biểu không cho ông Thủ để khóa lấp mọi chuyện. Nhưng lần này mẹ tôi không đủ sức để bao che cho con Tô nữa vì nó đã đụng tới nhân vật số một của phường Phước Tân. Ông Thủ ra lệnh cho thằng Tấn công an khu vực phải bắt cho bằng được con chó, đem lên phường để "xử lý". Tôi hiểu ngay "xử lý" đây có nghĩa là biến nó thành các món nhậu như chả chia, rựa mặn, dỗi chó; do đó, ngay lập tức tôi xúi con Ba Tô đi trốn. Tôi xoa đầu nó, nói:

- Mày phải trốn đi ngay, hoặc là trốn lên vùng kinh tế mới đi. Mày dám cản thằng cha già đó là Bí thư chi bộ phường đó. Báo hại kỳ này tao bán cái tù lạnh không được đồng xu nào hết. Tao tính mua một cặp lốp xe đạp mà mày làm như vậy thì hại tao quá. Thôi trốn đi ngay nghe Tô. Thằng Tấn mà bắt được mày là nó cho mày vô nời liền đó...

Con Tô như hiểu được lời của tôi. Nó liếm tay tôi và hí lên một tràng dài như đang nói điều gì đó. Đôi mắt nó long lanh, có vẻ như muốn khóc. Hai tay nó cù cào cào lên đùi tôi, đầu nó gục xuống như đứa con biết ăn năn, hối lỗi. Tôi cảm động quá nhưng thời gian không cho phép nữa. Tôi lấy hai củ khoai lang luộc và đĩa rau muống luộc, thức ăn buổi trưa còn thừa, đem cho con Ba Tô làm "hành trang lên đường". Con Ba Tô ăn xong, tôi mở cổng, nó phóng vọt ra đường, chạy mất.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, thằng Tấn và hai thằng du kích phường hùng hổ đến nhà tôi, mỗi đứa cầm một cây gậy dài có thòng lọng để bắt chó. Thằng Tấn hát hàm hỏi mẹ tôi:

- Con chó mặt đen nhà bà đâu? Yêu cầu đưa nó lên phường để xử lý. Nó dám cả gan cắn luôn cả ông Thủ là hết ngã nói rồi...

Mẹ tôi chưa kịp trả lời thì thằng Tấn đọc luôn "bản cáo trạng":

- Con chó này có nhiều thành tích bất hảo: đầu tiên nó cắn ông Minh khóm trưởng, sau đó nó cắn tôi, rồi bây giờ nó lại cắn luôn ông Thủ, bí thư chi bộ phường... Nó đã bị đưa đi vùng kinh tế mới rồi tại sao bây giờ lại về đây? Ai đã đưa nó về?

Mẹ tôi cố chống chế:

- Khổ quá, cậu Tấn ơi. Tụi nó đi về chỗ có ai đưa nó về đâu...

Tấn cất ngang:

- Thôi khỏi phải dài dòng. Bây giờ nó đâu, bà chỉ cho tôi để bắt nó lên phường. Bà mà bao che cho nó là phải chịu trách nhiệm đó nghe...

Mẹ tôi vờ hỏi tôi:

- Ừa Minh, con Ba Tô mới đây đâu rồi?

Tôi cũng vờ vịt:

- Hình như nó đang ngủ dưới bếp.

Thế là Tấn hùng hổ khoác tay, chỉ huy hai thằng du kích xách gậy xông vào nhà bếp để lùng bắt con chó. Sau năm phút lục soát khắp nhà mà chẳng thấy gì, thằng Tấn rất bực bội, hăm dọa mẹ tôi:

- Đây là lệnh của ủy ban phường đó nghe. Nếu con chó có về nhà, thì bà phải tự giác đem nó lên phường để giao nộp. Còn nếu bà cố tình bao che cho nó, không chấp hành mệnh lệnh của chính quyền, thì tụi tôi sẽ có cách xử lý bà.

Nói xong Tấn hầm hầm bỏ đi.

Con chó Tô trốn biệt dạng được năm ngày thì đến ngày thứ sáu nó lại lên về nhà tôi. Lúc ấy tôi đang ngồi xắt rau heo, bỗng nghe có tiếng cào soàn soạt lên cánh cổng sắt. Lại con Ba Tô rồi chỗ không ai khác. Nó có thói quen mỗi khi muốn vào nhà là đưa tay cào cổng. Tôi vội mở cổng. Quả đúng là nó. Hai thầy trò gặp lại mừng quá sức. Nó chồm lên, đứng thẳng người, rướn cổ, liếm vào cằm tôi. Lần này trông nó gầy ốm hẳn đi, bộ lông xơ xác, có nhiều chỗ lông bị rụng thành một vệt dài, da bị rướm máu. Chắc cu cậu chui hàng rào kẽm gai, bị cào xước cả người đây. Còn lỗ tai bên phải bị sứt hết một miếng thịt, vết thương chưa lành hẳn. Điều này chắc cu cậu xô rỏ ở xóm lạ nào đó, bị các con chó khác cắn rồi. Mẹ tôi bồi dưỡng cho con Tô một nời sắn lát luộc với muối và mấy quả chuối. Có lẽ đã nhịn đói mấy ngày nên cu cậu ăn một cách rất ngon lành, chỉ đánh loáng là sạch lảng chiếc nời. Ăn xong còn thọc một chân vào nời, giữ cho chiếc nời khỏi xê dịch, để gặm cho hết lớp cháy ở đáy nời. Sau bữa ăn, mẹ tôi xoa đầu Ba Tô khuyên nhủ:

- Thôi trốn về vùng kinh tế mới đi con ơi. Ở đây có ngày thằng Tấn nó bắt làm thịt đó. Nó kiếm con mấy lần rồi.

Con Tô hí hí như có vẻ cảm ơn mẹ tôi đã cho nó ăn một bữa no nê. Cả nhà tôi ai cũng rất cảm động vì con chó sống rất có nghĩa, trung thành với chủ.

Vừa lúc ấy con Tô bỗng ngó dáo dác ra phía cổng, rồi nó đứng dậy, chạy ra ngoài sân, ngửa cổ lên, đánh hơi. Mũi nó hơi ướt ướt. Con Tô có biệt tài đánh hơi rất giỏi. Có nhiều lần tôi thấy nó đang nằm ở trong sân, bỗng nhiên nó hí hí nhiều tiếng, rồi chạy ra đầu đường đứng ngóng, thì quả đúng mười lần như chục là bố tôi đạp xe xích-lô về nhà. Bố tôi làm nghề đạp xích-lô, giờ giấc về nhà rất bất thường, có khi 10, 11 giờ đêm mới về nhà. Do đó, mỗi khi tôi thấy nó cất tiếng hí, vẫy đuôi, chạy ra đầu đường đứng ngóng, thì y như rằng khoảng một hai phút sau, bố tôi về tới nhà. Mẹ tôi giải thích rằng lá gan của con chó gắn liền với mặt đất, cho nên mỗi khi có người lạ hoặc quen sắp đến nó đều biết trước.

Lần này nó lại hí, chắc có lẽ thằng Tấn sắp sửa tới nhà truy bắt nó đây. Chủ không lẽ bố tôi ở kinh tế mới về thăm nhà? Thấy vậy, tôi vội mở cổng, con Tô phóng vụt ra ngoài, chạy mất. Quả đúng khoảng hai phút sau, thằng Tấn công an khu vực hấp tấp đến đập cổng nhà tôi dùng dưng:

- Mở cổng, mở cổng...

Vừa gặp tôi Tấn đã hỏi sảng giọng:

- Sao, con chó mặt đen mới về phải không?

Tôi làm bộ ngớ ngác:

- Ủa, về hồi nào, tôi có thấy nó đâu?

Tấn tỏ vẻ không tin tôi:

- Yêu cầu anh dẫn tôi đi khám xét nhà! Có người trong xóm mới thấy nó, họ báo cho tôi hay, anh đừng có cãi!

Nói xong Tấn và thằng du kích xách dây thòng lọng đi lung sục khắp nhà mà cũng không thấy gì. Trước khi ra về, Tấn ném một cái nhìn hăm dọa về phía tôi:

- Nếu anh cố tình bao che cho nó, anh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đừng có qua mặt tôi!

Bảng đi cả tuần lễ sau đó, tôi không thấy con Ba Tô đâu cả. Tôi lo lắng cho nó, không biết "thân trai dậm trường" phiêu bạt nơi đâu? Nó đã về lại vùng kinh tế mới hay đang trốn tránh tại hang cùng ngõ hẻm nào? Chắc cu cậu đói dữ lắm, không biết có bị các con chó khác cắn hội đồng hay không? Thật tội nghiệp quá!

Đã hơn hai tháng tôi chưa lên vùng kinh tế mới. Sản dịp này tôi gom góp một số đồ cần thiết lên tiếp tế cho bố tôi như: trà, thuốc ngừa sốt rét, thuốc đau bụng, thuốc cảm, đèn "pin", diêm quẹt, bột ngọt, thuốc rê v.v..., đồng thời xem thử con Ba Tô có về lại đó chưa. Khi lên đó tôi đã hoàn toàn thất vọng. Bố tôi đã cho hay nó đã bỏ đi mất gần một tháng trời. Tôi nói nó đã về lại thị xã, và kể đầu đuôi câu chuyện cho bố tôi nghe. Bố tôi an ủi:

- Không sao đâu. Chắc thế nào nó cũng về đây được. Giông chó nó tài lắm. Khi đi đầu xa, nó đá đất dọc đường để "làm dấu". Khi về, nó cứ lần theo mùi nước đá mà về.

Tôi ở lại chơi với bố tôi vài ngày. Hai bố con hàn huyên tâm sự thật nhiều chuyện, cuối cùng bố tôi đi đến kết luận:

- Phải vượt biên thôi con a. Nếu tình trạng này cứ kéo dài, gia đình mình sẽ đi đến chỗ lụn bại và tan nát, sống không ra sống, chết không ra chết. Hiện giờ mình đang chết dần mòn, chứ không phải đang thưởng thức cuộc sống...

Khi tôi trở lại thị xã thì một tin sét đánh đã đến với tôi do thằng cu Trí hàng xóm kể lại: Con chó Tô đã bị bắt và bị làm thịt! Tôi bàng hoàng như nghe tin một người thân bị mất. Tôi hỏi thằng Trí dồn dập:

- Nó bị bắt ở đâu? Ai bắt nó? Mày có thấy không?

Thằng Trí tuân tự thuật lại rành mạch:

- Con Tô nó trốn ở chợ Chờm Hổm chỗ đường rầy xe lửa đó. Nó chuyên đi bồi rác và mót các thứ ăn thừa ở quán bún bò của bà Vọng. Không biết có ai báo mà du kích phường tôi dùng cây thòng lọng xiết cổ nó. Lúc đó em đang đi chợ, em thấy rõ ràng... Người ta bu coi đông lắm. Em cũng tò mò đi theo lên phường, thấy thằng Tấn mừng lắm. Nó báo cáo với ông Thủ bí thư phường, ông thưởng cho nó hai gói thuốc Nông Nghiệp. Sau đó, ông nói thằng Tấn đem làm thịt con chó Tô để ăn mừng ngày lễ Quân Đội Nhân Dân 22 tháng 12!

Tôi choáng váng đầu óc như bị trúng gió. Thời thế là hết. Tô ơi thời vĩnh biệt!!!

Vừa lúc ấy có thằng du kích đưa giấy mời mẹ tôi lên phường. Chắc lại chuyện con Ba Tô nữa đây. Mẹ tôi đi vắng, tôi bèn đi thay. Vừa đến phường, tôi thấy thằng Tấn công an khu vực đang ngồi ngất ngưỡng, tay cầm cái điều cày, miệng phì phà khói thuốc mù mịt. Nhác thấy tôi, nó hất hàm, vẻ mặt rất đắc thắng:

- Sao, bà Dần đâu, lên ông Thủ có chuyện cần gặp.

Tôi đáp:

- Mẹ tôi đi chợ chưa về. Tôi lên thay được không?

Tấn ngần ngừ một chút rồi nói:

- Ồ cũng được. Đi theo tôi.

Tấn dẫn tôi vào phòng ông Thủ. Ông ta chỉ ghế mời tôi ngồi:

- Anh là anh Minh con trai lớn của cụ Dần phải không?

- Dạ phải.

Như vậy, để tôi làm việc với anh về cái vụ con chó mặt đen nhà anh. Nó là con chó có nhiều thành tích bất hảo. Đầu tiên nó cắn ông Minh khóm trường. Sau đó nó cắn thẳng Tấn, rồi nó cắn luôn cả tôi... Do đó, ngày hôm qua phường đã bắt được nó và đã xử lý...

Tôi vô cùng căm ghét hai chữ "xử lý" mà bọn cộng sản thường dùng. Hơi một tý là xử lý. Giết thì cứ việc nói là giết đi, đừng có nguy trang bằng hai từ ngữ hoa mỹ. Tôi giả vờ hỏi lại:

- Như vậy chú có thể cho tôi chuộc lại con chó được không?

Ông Thủ chỉ tay xuống nền nhà:

- Đi xuống âm phủ mà chuộc. Tôi đã ra lệnh treo cổ nó rồi! Chưa hết đâu, anh về báo cho bà già anh lên phường nộp phạt!

Tôi rất uất ức, cố cãi:

- Má tôi đã bồi thường tiền thiệt hại cho chú rồi, sao lại còn phải nộp phạt? - Bồi thường là một chuyện mà phạt là một chuyện. Đầu cho ra đó. Đừng có lý sự!

Tôi cảm thấy như bị dồn vào chân tường. Chẳng còn phải e sợ gì nữa, tôi nói lớn tiếng một cách giận dữ:

- Tôi đồng ý nộp phạt nhưng ông không có quyền giết nó. Tôi nghe nói ông đã cho thằng Tấn làm thịt con chó để ăn mừng ngày thành lập Quân Đội Nhân Dân...

Bị chàm nọc, ông Thủ sùng cồ, vồ bần thách đố:

- Ồ rồi sao? Tao ra lệnh làm thịt nó đó, mày có giỏi đi kiện đi. Nó là con chó... phản động, tao có quyền giết!

Tôi lặng lẽ ra về trong niềm uất ức của kẻ cô thế bị hà hiếp. Khi đi ngang văn phòng công an phường, tôi còn nghe tiếng cười nói há hê của đám công an, sau khi đã được đánh chén một bữa thịt chó no nê mà không mất tiền. Giọng một thằng nào đó nói bô bô:

- Ké ra con chó đó dữ thật. Bị trói tùm rùm bốn vó như vậy mà nó còn khoác được thẳng Tấn một nhát vào mu bàn tay đến rướm máu, trước khi bị chọc tiết! Được cái nó là cây tổ, thịt mềm thơm, thật là hết ý! Sa 10057/3

(q2ky.doc)

GIỚI THIỆU

AI MUỐN ĐẦU TƯ ?

Nhượng lại cơ sở làm ăn lợi tức cao, điều kiện dễ dàng tại thành phố Hội Chợ và Triển Lãm Quốc Tế Leipzig. Đây là một trong những thành phố thuộc Châu Âu có tỷ lệ phát triển cao nhất Âu Châu theo một viện nghiên cứu có tiếng. Cơ sở dự tính bán này nằm giữa nhà ga chính (Hauptbahnhof) và khu chợ triển lãm mới (Neue Messe, kiến trúc tân kỳ nhất Âu Châu hiện nay), chỉ cần khoảng 5 phút xe hơi là tới hai địa điểm trên.

Cơ sở bao gồm một căn nhà 4 tầng, tân trang đạt mức hiện đại, diện tích khoảng 1000 thước vuông : Ba tầng trên có thể mở thành khách sạn, hiện cho thuê thu nhập cao. Tầng dưới là nhà hàng ăn Á Châu trên 100 chỗ, có khách và tiếng tốt ở địa phương, chung quanh không có tiệm Á Châu và ngoại quốc nào khác. Điều kiện thương lượng dễ dàng, giá bán tổng cộng 1.980.000 đồng đức mã. (theo thời giá khoảng 3 triệu đến triệu rưỡi) gồm cả trang bị nhà hàng ăn và toàn thể đồ dùng trong nhà cũng như thiết bị cho cả 16 hộ; không phải trả hoa hồng cho hãng địa ốc. Cách trả tiền có thể điều đình. Người bán sẵn sàng giúp người mua vay tiền ngân hàng với lãi suất hạ. Mọi chi tiết điều đình xin liên lạc bằng tiếng hoa, tiếng Việt hay tiếng Đức về :

RA. Dr. Mühen
PSF 1532
04351 Leipzig



HOÀI NIỆM VỀ MỘT CUỘC VIẾNG THĂM CỔ LOA THÀNH (1943) Ở BẮC PHẦN

■ VŨ KỶ

Trăm ngâm trước các đầu bài của bản thảo cuốn "*Luận Cương Về Văn Hóa Việt Nam*", bỗng nhiên từ một quá khứ rất xa, trở dậy trong ký ức của tôi, những hoài niệm xa mờ về một cuộc viếng thăm Thành Cổ Loa ở Bắc Phần cách đây một chiều dài thời gian hơn nửa thế kỷ, do Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương ở Hà Nội lúc bấy giờ tổ chức (A.G.E.I = Association Générale des Étudiants Indochinois).

Cách con đường Quốc Lộ số 2, một cây số rưỡi, nằm trong một vùng hẻo lánh, ít ai đặt chân đến và cách ga Xuân Kiêu của huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, có 1.000 thước là vị trí của một trong vài ba thủ đô cổ kính hơn hết của nước Việt nghìn năm văn hiến chúng ta, tôi toan nói của Đất Nước chúng ta vào thời tiền sử. Tuy thế, có rất ít người Việt đặt chân đến, ngay cả dân Hà Nội cách đó độ 15 cây số thôi cũng ít là trong sự thăm viếng.

Tôi còn nhớ rõ cuộc viếng thăm ấy như mỗi xảy ra gần đây vào các năm trước, lúc còn ở quê nhà... Cho hay những di tích lịch sử, công cuộc xây dựng nguồn gốc, văn hiến của tiền nhân mà ngày nay chúng ta những hậu sinh rất tự hào có một sự truyền cảm thiêng liêng, lạ kỳ gần bó mật thiết mỗi con người Việt với quê hương đau thương chúng ta ngày nay xa vời vợi. Những cổ tích, chứng tích lập quốc kiêu hùng ấy của ông cha chúng ta không biết có còn ở đó, bất diệt với nghìn thu văn hóa Việt hay đã bị tập đoàn vong bản xóa đi mất tích?

Nhỏ lại vào lúc ấy, chúng tôi, một nhóm sinh viên trường Luật Khoa Hà Nội đã làm một cuộc trò về nguồn tập thể, dễ dàng nhất, giữa cao trào hùng khí hừng khởi ái quốc của Viện Đại Học Đông Dương Hà Nội vào các năm 1942, 1943.

Độ hơn 15 người, chúng tôi lên xe ca từ Hà Nội, đến ngôi làng hẻo lánh ấy rồi xuống xe, chậm rãi đi vào cổ thành Cổ Loa... Chúng tôi đi trên một chiếc cầu vòng cong như lưng con bò mộng, kiến trúc rất đơn sơ nhưng đường nét vô cùng nhịp nhàng gây cho chúng tôi những khoái cảm thẩm mỹ kỳ diệu cùng với những xúc động hoài cổ về cách xây dựng kiểu lờ của ông cha chúng ta ở các thời đại xa xưa.

Chiếc cầu bắc ngang một con sông nhỏ, đứng hơn là một con suối lớn, nước đục, rập rập hai bên bờ cỏ lau, bèo bọt dòng nước trầm lặng chảy xuôi làm thành cái hố lớn chạy dài để phòng ngự cả thành trì.

Những di tích về thành Cổ Loa bấy giờ tuy sơ sài nhưng gần như còn nguyên vẹn. Các sử gia và văn nhân tiền bối của ta thường miêu tả đường lên cổ thành như những xoáy tròn đình ốc nhưng có đến nơi mới biết là không đúng, mà làm theo hình bầu dục và thành trì gồm có 3 vòng đai hình tròn đồng tâm điểm dện đất thực chặt cách nhau bởi những hố sâu lớn rất rộng. Các hố ấy vì nhu cầu sinh sống, dân địa

phương đã biến thành ruộng lúa, nướng khoai. Vòng đai có chiều cao đến 8 hoặc 10 thước và rải rác nơi nơi nổi lên những vuông đất cao hơn nữa mà chắc ở đó, trước kia dựng lên những chòi canh phòng vệ, lính gác khí giới chính tề, nghiêm nhặt.

Nên người ta nói thành Cổ Loa xây thành xoáy đình ốc, điều đó làm cho những con người hiện đại, am tường rõ về khoa kỹ hà học như chúng ta phải ngạc nhiên không ít. Thực sự đó là những hình tinh lược, bầu dục như trên đã nói và trông ở xa, các đường vòng cung ấy như tạc hình cái mai một con rùa khổng lồ để có công dụng đầy hiệu lực trong việc phòng thủ Cổ Thành.

Phía Bắc của thành, vòng ngoài các bờ đai, lúc bấy giờ - cách đây hơn 50 năm hồi Đoàn sinh viên chúng tôi đến viếng thăm là những hàng cây vải, cây nhãn thẳng tắp tấp rậm rạp như những tên lính nhà vua đứng canh gác và sẵn sàng lâm chiến nếu có quân thù xông đến...

Chắc nơi đó, trước kia là vườn cây ăn trái của nhà vua... Bấy giờ không còn vết tích gì của lầu Thượng Uyển, của đền Thủy Điện để nuôi cá, thả sen.

Đó đây là những cụm đất lớn vuông vức làm chúng ta tưởng tượng rằng ở đó thời trước là những lầu bát giác, lục giác để tế cúng Trời, để thưởng nhân, ngoạn nguyệt hoặc các thú cầm kỳ thi tửu của nhà vua.

Chính giữa trung tâm vòng thành thứ ba, trên một đồi đất, nổi lên lầu đài của nhà vua Thục, về sau khi họ Thục mất ngôi thì trở thành Đại dinh của An Dương Vương và gia đình.

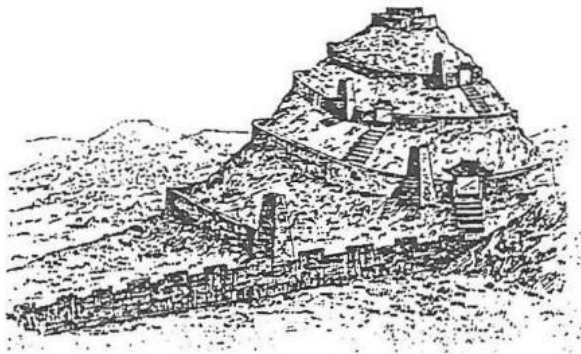
Theo lối kiến trúc của nước Việt hồi ấy, mọi xây cất đều làm bằng gạch đá bằng gỗ là loại vật liệu dễ hư và dễ đổ nát với thời gian. Và mỗi lần sắp tàn rụi như thế thì người ta lo trùng tu lại theo đồ hình cũ.

Đại dinh mà chúng tôi viếng thăm lúc bấy giờ, tôi nhớ rõ có một kiến trúc hoàn toàn Việt Nam : một cái sườn gỗ chắc, to tướng rất thấp trên đó lợp ngói có hình vảy cá rất đẹp, có những cột khổng lồ bằng gỗ lim chống đỡ. Các đồ vật tế tự trên bàn thờ đều trang trí rất đặc biệt, sặc sỡ và tỉ mỉ vì đó là đồ vật dành để cúng tế của nhà vua. Hai dãy dinh thự hai bên chạy dài hình như dùng cất giữ các phẩm vật lưu diễn khi có đại lễ hoặc các nhà ở các vệ sĩ và của các du khách, nếu có đến. Cái cổng vào, hình như mới được xây cất lại gồm có 3 cửa vào và phía trên nóc có một cầu thang gồm 5 hay 6 tam cấp bằng đá đen thui, hai bên bờ vịn có hai con rồng bằng đá lớn, duỗi thẳng thân mình dài thườn thượt vừa uốn khúc, chạy xuống mãi đến dưới chân cầu thang.

Cầu thang và các kệ đá, cái lan can có rồng uốn khúc ấy - các chức sắc trong làng nhắc lại - chính là những vết tích đích thực còn sót lại của Đại Dinh Hoàng Đế. Nếu quả đúng như thế thì chúng ta có thể hãnh diện về nghệ thuật kiến trúc cực kỳ tinh xảo của ông cha chúng ta vào tàn thạch thời đại (6000 - 2500 trước Thiên Chúa). Bởi vì hai con long oai vệ ấy chứng tỏ tài nghệ tuyệt mỹ của những điêu khắc gia Việt Nam thời đó về sự tạc tượng hình trên đá. Chúng tôi đang quan sát các cổ vật ấy thì người dân làng hướng dẫn cho biết các du khách ngoại quốc khi đến viếng thăm Cổ Thành đều tấm tắc khen ngợi 2 con rồng đá ấy. Và chỉ tiếc rằng một trong 2 con đã nứt thành đôi ở thân mình. Dân làng còn truyền lại rằng chính đó là vì vua An Dương Vương khiến trách Thần Phù

Đổng Thiên Vương đến trễ trong một buổi đại lễ nào đó nên Ngài nổi giận huơ kiếm làm chậm đến thân rồng.

Trước cửa hai bên con đường đất, chúng tôi thấy có một ao nước vuông vức, ở giữa có xây một cái ao nhỏ hình tròn. Tương truyền ở đó, Trọng Thủy đã trầm mình cách đây 20 thế kỷ để chứng tỏ lòng trung thành với My Châu. Dân làng còn nói rằng nước trong ao ấy có đặc tính làm lóng lánh rực rỡ các hạt ngọc của các loại ốc sò ở bể Nam Hải. Và huyền thoại về tình sử này còn kể lại rằng nàng My Châu trước khi chết đã có lời nguyện cầu: Nếu tôi có lòng nào làm hại đến Đất Nước tôi thì xin cho tôi hóa thân thành cát bụi và các hạt ngọc kia là sự chuyển hóa của thể xác tôi đó vậy.



Thành Cổ Loa - Hình vẽ trích sách = l'art indochinois - A. de Pouvoirville. Ed. Crès (1894) Paris.

Và chính cũng vì lẽ ấy mà huyền sử kể lại rằng do đặc tính trong ngần màu nhiệm của nước trong ao đó mà các vua Tàu suốt hơn 1.000 năm đã buộc các vua ta mỗi năm triều cống họ, phải có một bình nước đầy, mức nước ở ao huyền sử ấy.

Đến đời Lý, tục lệ này mới bãi bỏ bởi vì triều thần ta tâu rằng nước trong ao mất hết phù phép lạ kỳ của nó rồi vì có một tên nông dân bị chết chìm ở đó.

Phía trái của lâu đài, nổi lên một đồi đất. Ở giữa dựng một lều hình tam giác mà theo chức sắc trong làng thì nơi ấy chính là ngôi mộ của Thục An Dương Vương. Theo sách Việt sử đại toàn kể lại thì sau khi vua Thục giết ái nữ của mình Thần Kim Quy hiện lên ban cho Ngài một sừng tê giác để Ngài trầm mình chết trong bể cả. Vậy thì họ Thục đâu có còn thân xác nữa mà nói rằng đó là ngôi mộ của vua Thục ?

Về phía Bắc Đại Đình, là ngôi mộ của nàng My Châu. Huyền thoại này cũng quá siêu thực vì sử đã kể lại rằng vua An Dương Vương đã vút thì hài của con xuống bể rồi thì đâu còn thân xác My Châu mà đắp mộ? Địa điểm ngôi mộ thấp lè tè, không có vẻ gì trang trọng; một cái đèn nhỏ để tế tự ở giữa thì rất mực tầm thường đơn sơ. Một cây đa cổ thụ vươn lên trời, che khuất ngôi đền, các rễ cây to lớn từ cao buông xuống chằng chịt đến nỗi muốn vào trong đền phải chui giữa các rễ cây. Trong đền nhỏ, có một tảng đá lớn, người ta nói đó là chỗ nằm của My Châu. Một tam cấp nhỏ để leo đến giường nằm, thân giường phía dưới lại cong xuống... Toàn là huyền thoại ảo tưởng...

Gần đó là Đình của làng Xuân Kiều... Các nhà địa lý thời cổ của chúng ta theo phong thủy xưa, phát hiện rằng Đền Cổ Loa nằm trên đầu và mình của một con Đại Long còn đuôi nó nằm ở phía núi Tam Đảo xa xa.

Bên trong cổng chính, chúng tôi thấy trải rộng hai mảnh đất có hình tròn lõm xuống chiều kính phỏng độ 4 thước. Theo nhà địa lý Tàu thì đó chính là cặp long nhãn của Rồng. Cả đoàn sinh viên chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên về sự khác biệt giữa hai phía của hai mảnh đất tròn ấy: bên phải là một hồ đầy nước, bên trái đất khô cằn. Huyền sử thuật rằng chính Cao Biền, một vị Thái Thú Tàu cũng có ít nhiều công trạng với dân ta như Tích Quang Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp... lúc bấy giờ muốn cắt đứt long

mạch của Thành Cổ Loa để Đất Nước ta suy đồi, lụn bại nên làm hồng (đâm chột) mắt một con mắt trong cặp long nhãn Đại Long.

Làm một cuộc hành hương ngắn ngủi vào thuở bấy giờ, là viếng Đền Cổ Loa, đoàn sinh viên trầm ngâm hồi tưởng thời lập quốc huy hoàng mà vô cùng gian khổ của tiền nhân trong Việt sử, chúng ta bồng sông dậy trong tâm can mình một xúc cảm phức hợp, đậm đà: Cảm thấy điều tủi nhục của một con dân đất nước - vì lúc bấy giờ Đất Nước đang bị thống trị bởi thực dân Pháp (1943) mà con cháu là chúng ta chưa làm sao khôi phục lại được nền tự chủ xây dựng từ mấy ngàn năm về trước bởi dòng đối Lạc Hồng đại hùng, đại chí. Bên cạnh nỗi buồn ngùi đau xót ấy, sôi lên khí lực và quyết tâm của đám hậu sinh là tất cả chúng tôi và những người trai Việt khác khắp nước, mỗi người nhận chân trong tiềm thức và ý thức sứ mệnh cứu quốc, kiến quốc của mình để nối chí tiền nhân, qua chứng tích sử liệu còn rõ ràng trước mặt để đấu tranh - bất kỳ mọi hiểm nghèo của quốc vận - hồng giành một chỗ ngồi xứng đáng dưới ánh sáng mặt trời cho Quê Hương yêu quý của chúng ta. Mà một trong những biểu tượng hùng biện nhất về Giữ Nước và Cứu Nước của ông cha chúng ta là Đền Cổ Loa còn sừng sững đó, bất diệt với nghìn thu trên không gian và thời gian Đất Việt. (Sa9816 /1)

(Quý Xuân Đình Sửu)

THỎ Hoàng Ly Giang

Lời Mẹ Ru



Mẹ hiền cất tiếng à ơi
 Con ơi chóng lớn theo lời mẹ ru
 Lớn lên dõng bước sa mù
 Con theo tiếng gọi ngàn thu vọng về
 Rồi đi tận chốn sơn khê
 Mẹ hằng khẩn nguyện ngày về cho con
 Từng ngày sức mỏi hơi mòn
 Còn đầy thương nhớ mẹ còn chờ mong
 Con ơi hãy vững tin lòng
 Ngày mai đời hết long đong kiếp người
 Ngoài đồng hoa gạo còn tươi
 Gió còn reo rắc nụ cười tặng con



một thời đã qua

• Vũ Nam

Được anh Chủ bút báo Viên Giác (VG) báo cho biết nên viết một bài cho số báo đặc biệt này -số 100- trước tiên tôi nghĩ chắc không thể là một truyện ngắn được rồi, cũng không thể là một bài Tạp ghi với những ý nghĩ tản mạn, những sự việc xảy ra ngoài đời được, mà là một bài viết nên liên quan đến báo VG từ những ngày trước, khi mình bắt đầu cộng tác cho đến hôm nay.

Thời gian học ở trường dự bị vô đại học ở Münster, sáu tháng đầu năm 1984, tôi đã nghe anh bạn tên Hùng học ngành Grafik-Design kể về chùa VG, báo VG, khi anh đi dự lễ Phật Đản ở chùa về. Münster nằm ở miền trung nước Đức. Quê tôi ở tận miền Nam -nơi vợ con đang ở- Chùa VG tọa lạc ở Trung Bắc Đức. Nên mỗi tháng khi phải đi xa thường là tôi ngồi xe lửa 'xuôi Nam' để về thăm nhà, chỗ không có một lần 'ngược gió' lên miền Bắc, do đó không có dịp để ghé thăm chùa. Thời gian ở Münster lại bận rộn về việc học, nên tôi không để ý đến báo VG -hình như lúc này còn khổ A 5- chỗ nói gì đến thăm chùa, nhưng từ tâm thức ngay lúc đó tôi nghĩ khi có thời giờ tôi sẽ viếng chùa, viết bài cộng tác với báo VG, như tôi đã từng viết bích báo thời đi học, và dấu sao tôi cũng là một Phật tử, mà thời còn nhỏ rất thường đi chùa với ông già.

Khi đang học dự bị đại học, nghe lời khuyên của một người Đức, thay vì cứ theo học ở Münster, tôi trở về 'quê' gần vợ con và học một khóa đổi nghề chuyên môn hai năm do Sở Lao Động đài thọ. Vì người Đức thực tế nói rằng tôi có gia đình con cái, nên tìm học ngay một nghề cho chắc ăn trước đã. Nhưng song song việc học nghề tôi vẫn tự học và xin dự thi khóa tốt nghiệp dự bị đại học. Nếu tiếp

tục học lên đại học ngay chắc là tôi đã không có duyên may cộng tác với báo VG cho đến hôm nay, vì tôi đã biết những khó khăn và thời giờ sẽ ít ỏi như thế nào khi học đại học ở Đức với một người đã có vợ con như tôi.

Thời gian học nghề, khoảng đầu năm 85, trong những giờ tự học lý thuyết ở hăng, sau khi học thấy 'được được', bạn bè Đức còn đang 'gạo bài' tôi đã bắt đầu lấy giấy viết, ngồi viết truyện ngắn gửi báo VG. Khi ông Meister (thợ cã) đến gần, tôi xếp giấy viết lại và giờ cuốn sách ra để... qua mắt ông. Ông đi tôi lại tiếp tục giờ trang giấy ra để... ngâm viết suy tư! Suốt sáu bìa truyện ngắn đầu tiên gửi báo VG là thời gian tôi đang học nghề. Sau khi gửi truyện ngắn đầu tiên, tôi nhận luôn một lô báo VG cũ -loại A 4- và một bức thư ngỏ lời cảm ơn đã gửi truyện cộng tác báo, mà sau này khi so sánh tường chữ tôi mới biết đó là của bác Thị Tâm Ngô vẫn Phát -lúc nhận tôi chỉ nghĩ đến cô nào sao có tường chữ to lớn như đàn ông vậy, vì bác ký tên bằng Pháp danh Thị Tâm. Hình như nhiều người cũng có cái làm vui vui như tôi vậy- Sau hai năm học nghề xong, ra đi làm tôi viết truyện ngắn thường xuyên cho báo VG, ngoài ra còn cộng tác với một vài tờ ở Bắc Mỹ và Pháp nữa. Đọc những tờ báo VG trước khi cộng tác, tôi để ý nhất là các bài **Đường Không Biên Giới** của Thầy Thích Như Điển, **Những Ngày Đi Đắng Kỳ** của anh Hồ Trường An và những truyện về quê hương, tuổi thơ của Bà Huyền Châu -hai người này xuất hiện rất thường trên báo- Anh Vũ Ngọc Long và anh Tùy Anh cộng tác trước tôi đầu năm ba số thì phải? Anh Vũ Ngọc Long viết về thời sự, chính trị cho mỗi kỳ. Anh Tùy Anh làm thơ, khi viết Tạp ghi thì dùng bút hiệu Phù vân.

Viết cho báo VG một thời gian khá lâu chỗ tôi chưa biết mặt chùa, biết mặt Thầy trụ trì, chỗ nói gì đến biết mặt bác Năm, chị Nga -là

những người hay liên lạc với tôi- và những văn thi hữu cộng tác trên báo. Tôi nhớ rằng số VG đăng bài tôi đầu tiên, số 25, cũng là thời gian mà trước đó vài ba số tôi không còn đọc được bài với bút hiệu Hồ Trường An và Huyền Châu nữa! Mãi sau này anh Hồ Trường An mới cộng tác lại, còn Bà Huyền Châu thì mãi đến nay vẫn còn vắng mặt, dù tôi có 'rủ' bà cứ gửi bài về VG lại, khi gặp bà ở Straßburg vào năm 1991 -như trường hợp thi sĩ Tuệ Nga, cộng tác báo VG từ những ngày đầu, đứt liên lạc, ngưng cộng tác một thời gian, gặp ở Mỹ, tôi làm nhịp cầu nối lại, mấy số VG gần đây bà đã cộng tác lại- Anh Vũ Ngọc Long sau đó còn tăng cường phần văn nghệ với những bài Tạp ghi qua bút hiệu Hạ Long, mà sau này tôi mới biết đó là bút hiệu khác của anh, anh Phạm Hồng Sáu với **Chuyện Một Giòng Sông**, chị Lê Thị Bạch Nga với **Lá Thư Bắc Mỹ** v.v...

Tờ VG lúc đầu rất đón số về hình thức, ít ỏi về nội dung, bìa chỉ hai màu đen trắng. Nhưng từ trong gian khổ đó, từ 'cay đắng' đó, đến ngày hôm nay nhìn tờ VG số 99 -và cả chùa VG nữa- độc giả mới thấy chùa VG, báo VG và Thầy trụ trì chùa đã có rất nhiều thuận duyên trên nước Đức này.

Rất nhiều chuyện để nhớ trong thời gian đọc và cộng tác với báo VG từ ngày bắt đầu tôi nhận được cho đến số 99 vừa qua, nhưng không thể kể lại hết. Nhưng có một truyện vui vui mà tôi nhớ rõ nhất và lấy làm thú vị là khi đọc được bài báo viết về ngày kỷ niệm Chùa VG của anh bác sĩ Văn Công Trâm. Trong đó có đoạn anh viết lúc Thầy trụ trì chùa VG Thích Như Điển vừa từ Nhật đến Đức để tính xin định cư, trong mùa đông Thầy đi xe đạp, trời lạnh, Thầy đã phải dùng hai bao ni-lông dùng đựng đồ khi đi chợ để bao tay thay thế cho đôi găng tay mùa đông ảm áp. Bây giờ thử hỏi Thầy có thể mua được bao nhiêu cặp găng tay 'khi mùa đông đến'? Một câu chuyện nhỏ, nhưng đã cho thấy sự Vô Thường của tạo hóa, cái 'Có Có Không Không', 'Không Không Có Có' quả là nhiệm mầu. Chính trong những bài viết Thầy cũng tự nhận từ ngày nhỏ Thầy là đứa trẻ lao động vất vả, nhờ vào cửa Thiền, theo đời tu sĩ, học Phật Pháp, Thầy mới được có ngày hôm nay. Thầy hay dùng chữ Phép Phật nhiệm mầu, và Thầy cũng thường nói đùa bây giờ Thầy là Phú táng chỗ không phải Bàn táng. Với lời đùa như vậy tôi nghĩ không phải Thầy tự tôn, mà Thầy cho thấy sự Vô Thường của trời đất và cái Nghiệp cho mỗi chúng sinh.

Thời gian báo VG ngõ lời cần người giúp cho Trang Thiếu Nhi, tôi đã xin nhận. Tôi đã tự tìm tôi suy nghĩ, viết truyện thiếu nhi, vẽ hình để đồ các em, kêu gọi người viết phụ... trong một thời gian khá dài. Thâm tâm tôi vẫn nghĩ Trang Thiếu Nhi ngày ấy do tôi phụ trách không hay lắm, nhưng Thầy Chủ Nhiệm thì không 'chê' (hình như cũng có khen?), và anh bạn Vũ Ngọc Long khi gặp nói 'được' nên cứ thế mà tôi 'dám đầu' làm tiếp'. Khi dự định nghĩ đi làm để đi học đại học lại tôi mới làm đơn xin

Thầy cho nghỉ phụ trách trang này. Trong một bức thư viết cho tôi, anh Thị Chón Ngô Ngọc Diệp -lúc ấy anh đang lo cho nội dung và layout cho tờ báo ngay tại chùa- báo cho biết anh nhờ người thay thế tôi là chị Tâm Bạch. Và sau này Trang Thiếu Nhi trở thành Trang Hoa Phượng do chị Hồng Nhiên phụ trách, người mà lúc tôi phụ trách Trang Thiếu Nhi viết giúp cho rất nhiều. Hiện nay do hai người phụ trách là chị Hồng Nhiên và anh Huy Giang. Anh Huy Giang lo những bài về lịch sử, như chị Thiện Hạnh đã lo thời còn Trang Thiếu Nhi. Ngoài ra, thỉnh thoảng tôi thấy cô Bé Ngọc nào đó hay làm thơ gửi đăng trên trang này. Chắc cô bé này phải dễ thương lắm!

Chuyện thứ hai tôi còn nhớ và thấy vui vì là mỗi khi cuối năm họp Ban Biên Tập để tổng kết rút kinh nghiệm về báo VG tại chùa Viên Giác, anh Vũ Ngọc Long là người gần như nói nhiều nhất và đề nghị nhiều nhất -thêm cái này bỏ cái kia- Một trong những đề nghị của anh hay lặp đi lặp lại mà tôi còn nhớ là anh nói nên bớt in lại hình Đức Phật Thích Ca hoặc là những hình về cuộc đời Đức Phật trên trang bìa của tờ báo. Như hình Đức Phật từ già vợ con lên đường tìm Đạo, hình Đức Phật độ chàng Vô não v.v... Anh nói vì thấy trong vài gia đình sau khi báo xem xong họ bỏ đại tờ báo ra nền nhà hay ở một xó xỉnh nào đó nên bỗng chốc hình Đức Phật đang đẹp đẽ, sạch sẽ, trở nên dơ dáy dính đầy dấu vết bụi bặm, bết mực v.v... Anh còn nói riêng với tôi có nhiều em nhỏ vẽ đầy râu trên mặt Phật -Phật còn bị mất nạt! Anh nói nên trang trí bìa báo bằng những hình ảnh khác..., đại khái là không cứ hình Đức Phật kiểu này kiểu khác hoài. Ý kiến anh cũng có lý, nhưng ngày ấy tìm hình trang trí bìa báo rất là khó. Còn Thầy Chủ nhiệm thì nói cố gắng in cho xong những hình nói về cuộc đời Đức Phật, rồi sẽ tìm hình khác thay thế. Sau đó bìa báo cũng được thay bằng những hình với những cảnh hoa khá đẹp. Sau này có thêm anh Phạm Thăng, và những họa sĩ, nhiếp ảnh gia gửi tặng hình cho bìa báo, và gần đây nhất là nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân từ Canada.

Một năm qua, dù viết báo nhiều hay ít, ngắn hay dài, nhưng mỗi khi Thầy Chủ nhiệm mời ai về họp là sau đó Thầy li xi cho tiền 'nhuận bút'. Số tiền không đáng bao nhiêu, nhưng tinh thần mới là quan trọng. Sau đó còn màn được ra nhà hàng ăn cơm 'chùa' hoặc kem 'chùa' do Thầy khoản đãi. Ăn mặn thì không có Thầy, còn ăn kem thì Thầy cũng tham dự. Những người viết thường xuyên, nhiều, Thầy còn gửi tiền mua máy in Fotokopy, mua sách báo để tham khảo.

Tôi đến chùa lần đầu nhằm ngày lễ Phật Đản. Lúc ấy chùa còn bên khu nhà mướn, chưa xây cất lớn lao như bây giờ. Sau giờ lễ Phật, Thầy có giới thiệu tôi và một vài người viết nữa với những Phật tử đang hiện diện trong chánh điện. Sau đó tôi ghé qua nơi lo về kinh sách, báo chí, để gặp những người mà bấy lâu

nay hay liên lạc hoặc nghe nói đến tên chỗ chùa gặp lần nào. Lần đầu tiên ấy rất vui.

Khi viết đến những dòng chữ này bỗng đứng tôi lại nghĩ đến sự viết lách của mình từ trước đến nay. Kể ra thì không có gì nhiều, nhưng với số lượng như vậy cũng không phải là ít so với một người có gia đình và suốt một thời gian ở Đức đây bận rộn. Và viết cũng có lúc, tôi, tự chủ quan thấy hay, cũng có lúc đọc lại những bài được đăng báo thấy rằng mình viết còn dở. Có lẽ tôi viết được là vì một phần đã có 'khiếu' viết từ thời còn đi học, nên vẫn tiếp tục khi lớn khôn. Lúc đi học, ở đệ ngũ, vì vừa ở quê lên tỉnh và vừa thuộc những học sinh nhỏ tuổi nhất trong lớp nên tôi dở những môn sinh ngữ, môn khoa học tự nhiên, nhưng lại viết Số Táo Quân và hình như là bài phát biểu cuối năm trong dịp làm Lễ Tất Niên cho lớp, sau này viết trên bích báo rất thường vào thời kỳ cuối trung học. Điều thứ hai, quan trọng hơn, là lời khuyên của anh vẫn lão thành Mai Thảo. Năm tám mươi chín, sau khi viết văn được bốn năm năm trên những tờ báo chung chung, tôi gửi một thư và truyện ngắn đầu tiên đến tờ "VĂN" chuyên về văn chương do ông chủ trương. Ông đã hồi âm và đại khái khuyên rằng nếu thật lòng yêu văn chương thì cứ sáng tác, đừng nghĩ đến báo sẽ đăng bài mình hay không. Ông còn viết nếu cần gì viết thư ông sẽ giúp đỡ. Sau đó truyện của tôi được ông cho đăng. Sau này lại rai khi gửi bài đến "VĂN" tôi chỉ viết cho ông vài câu thăm hỏi, chỗ cũng chưa bao giờ nhờ ông viết gì, và cũng không còn quan trọng lắm nếu bài được đăng hay không. Mấy bài tôi gửi đến ông hầu như được đăng hết, ngoại trừ ông bỏ bài tôi viết về vài lần gặp gỡ với các văn hữu ở Đức. Khi đến Cali để thăm vài người bạn, tôi cố gắng tìm anh Phạm Quốc Bảo -vì có quen trước- trước là để thăm anh, sau đó là nhờ anh dẫn đến tìm thăm ông Mai Thảo, để cho biết mặt ông và tìm hiểu xem sao tờ "VĂN" bị đình bản. Mới hay ông vừa qua cơn bệnh nặng. Sau một vài câu hỏi qua loa ông cười cười hỏi đùa tôi:

- Bây giờ mày muốn gì?

Tôi nghĩ đến việc ông nghĩ rằng tôi nhờ ông viết vài lời giới thiệu trên sách của mình sắp xuất bản. Tôi trả lời có dịp đến Cali muốn ghé thăm để biết mặt anh thôi, chỗ không có gì. Vậy mà nhờ lời khuyên của ông Mai Thảo nên sau này tôi ít còn quan tâm là truyện ngắn của mình có được đăng hay không mỗi khi gửi đến một tờ báo nào đó. Thí dụ như không qua ai giới thiệu, tôi đã gửi những bài đầu tiên đến báo Làng Văn, và được đăng, sau đó, vì bận rộn tôi không đánh máy mà chỉ gửi một hai bài viết tay, không được đăng, tôi cũng chẳng lấy gì làm buồn. Và tôi cũng không biết vì viết tay, vì không hay, hay vì một nguyên nhân nào đó mà bài không được đăng. Khi gửi đi rồi tôi tìm cách quên ngay, và lo viết những truyện ngắn kế tiếp để gửi cho những tờ báo khác. Do đó tôi viết được 'hơi nhiều' là vậy. Lại nữa, cách thường ngoạn văn chương của từng vị Chủ bút,

chuyện quan hệ bạn bè, chuyện quan điểm lập trường của mỗi tờ báo, chuyện tăng bớt, phe cánh..., dần dà càng tiếp xúc nhiều với báo chí, với văn chương, với những người từng viết báo viết văn lâu năm ở Sài Gòn, tôi càng nhận rõ ra hơn, nên không còn quan tâm việc tờ báo nào đó cứ phải đăng bài mình mỗi khi mình gửi tới. Tôi biết tôi viết bình thường, không hay lắm, không xuất sắc lắm, thì cũng đừng có đòi hỏi cứ viết gì ra là phải được báo đăng. Tài năng cũng phải có giới hạn.

Một phần 'tài năng' tôi có giới hạn bởi vì tôi ít có tưởng tượng ra được nguyên một câu chuyện. Thường truyện viết ra do tôi đã thấy qua, sống qua -thời ở VN trước 75 và sau 75, và hiện nay ở hải ngoại- hoặc nghe ai đó kể một câu chuyện nào đó thấy hay hay rồi về nhà ngồi viết lại với một vài sự thêm thắt về tình tiết, về văn chương. Vậy thôi. Tôi thừa biết người viết văn muốn hay là phải có sức tưởng tượng thật phong phú (nhưng dù sao, dù tưởng tượng, khi đọc, đọc giả cũng phải thấy 'hơi' hợp tình hợp lý một chút, chỗ không sẽ trở thành hoang tưởng). Phần thứ hai, khách quan tự nhìn nhận, tôi thấy tôi không viết được những chuyện nói xấu về người khác, những chuyện có thể chọc cười được người đọc -tôi đã từng thấy những đọc giả cười hà hà khi đọc những chuyện ngắn nói xấu về một nhân vật nào đó trong xã hội- Đành rằng những việc xấu trong xã hội là đáng phê phán, tôi nghĩ vậy, nhưng tôi lại không dùng những việc xấu của thiên hạ để làm đề tài văn chương cho mình, không có tài để khai thác những hiện tượng tiêu cực, xấu xa. Biết bao nhiêu việc xấu chung quanh tôi mà tôi nghe được, thấy được: Nhậu nhẹt đánh lộn trong trại tỵ nạn. Việt kiều già rồi mà còn về Việt nam cưới vợ đáng tuổi con, hoặc có vợ bé. Việt kiều về Việt nam ăn chơi qua kể lại -như tôi nghe, có ông Việt Kiều nói khi về VN ông chi uống bằng nước dừa! Ăn thất nghiệp ở nước này, qua nước khác làm ăn sinh sống, lãnh hai đầu tiên, cứ Sở Lao Động kêu là phải chạy hoặc bay cả ngàn cây số về trình diện. Đang có chồng ở đây còn về Việt Nam tìm lại người tình cũ. Vẫn sống chung mà lại làm giấy ly dị để được quyền lợi cho cả đôi bên. Chuyện về những người bạn Việt Nam từ Đông Âu mới vừa qua Đức xin tỵ nạn trong những năm gần đây v.v... Biết bao nhiêu chuyện buồn cười (hay đáng thương!?). Đáng lẽ đọc giả cần có những chuyện như vậy đọc để cười cho đầu óc bớt căng thẳng vào những ngày cuối tuần, sau một tuần làm việc mệt nhọc. (Như chính tôi, cứ cuối tuần, mỗi khi bà xã mở cái lương Việt Nam ra xem: nào mất mẹ, nào mồ côi, nào bị tình phụ, nào có con hoang, kiếp làm dâu, kiếp làm vợ bé, rồi nước mắt của Lệ Thủy, của Út Bạch Lan... chảy dài trên truyền hình kéo theo là nước mắt của... bà xã; những than thở náo nê của Vũ Linh, của Tài Linh diễn ra đầy trên Tivi làm tôi thấy cũng chóng mặt! Con tôi thì nói : Dzồi, lại coi cái lương nữa! Còn tôi hay trốn 'đi chỗ khác chơi', chỗ cái lương xong tôi mới mở

về mờ mịt màn vui cười của truyền hình Đức ra xem). Nghĩ vậy nhưng lại làm không được! Tôi viết rất ít được chuyện vui, thường là hơi buồn. Bởi vậy sau này, thỉnh thoảng tôi phải viết Tạp ghi, vì có thể kể những chuyện vui vui đã nghe, đã đọc, đã thấy để làm vui lòng độc giả.

Một thời gian tôi ngưng viết khá lâu cho VG, khoảng một năm rưỡi, là lúc tôi theo học đại học ngành Cơ khí. Thời gian này không có thời giờ để đọc sách báo tiếng Việt chỗ nói gì đến ngồi để viết văn. Đi học, đi làm thêm, lo cho gia đình, bao việc đó đã chiếm mất hết thời gian trong suốt cả tuần, cả tháng. Nhưng tôi vẫn luôn mong có thì giờ để đọc lại viết lại tiếng Việt. Sau thời gian đó học không nổi nữa, tôi bỏ học, đi làm, nên mới có thì giờ dành cho 'viết lách' lại.

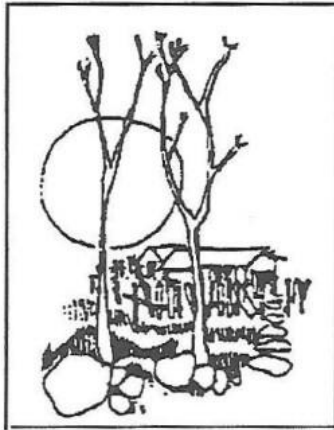
Trở về báo Viên Giác, tôi xin nhấn mạnh là một tờ báo đạo, nên câu nói của một anh bạn cũng trong hàng Phật tử, tôi thấy không phải là không có lý phần nào. Anh nói, viết cho tờ báo đạo mình không dám sống cho hết, cho thật với chính mình; không dám đi sâu vào đời sống thật của con người, vì nơi đó nhân sinh còn trong hoạn lạc, mê mờ, thiếu đạo đức, sa đọa..., mà những sự việc này khi khai thác trên một tờ báo đạo thì không nên. Kết cuộc khi viết bài đăng trên báo đạo cứ ngó trước ngó sau, đọc đi đọc lại xem có gì trục trặc không, trần tục lắm không, trớ trêu lắm không, nên bài viết ra không gây được sự 'chấn động', và cuối cùng vì thế mà người viết cho báo đạo rất khó 'nổi'. Nhưng theo thiên ý của tôi, sự nhận xét ấy cũng đúng ở một mặt nào đó thôi. Xét cho cùng, theo Giáo lý Phật Giáo, thường được đăng trên các báo, tất cả những danh vọng, tiền tài, đều không thật, đều huyền mộng, vậy tại sao người chỉ viết cho báo đạo còn định cầu danh? Nếu muốn cầu danh thì có thể viết lan ra cho báo đời. Ngoài ra, chuyên viết về đạo cũng có rất nhiều người đã rất nổi danh, rất hay, như Thầy Thích Nhất Hạnh, Thầy Thích Mãn Giác, Thầy Chủ nhiệm báo VG, và gần đây là Vĩnh Hào, là những ví dụ.

Về những người cộng tác, tôi nghĩ, có lẽ là qua tôi, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Tấn Hưng, Vũ Thị Dạ Thảo, Trần Kim Vi... đã cộng tác bài với báo VG, y như một số vị văn thi hữu ở Bắc Mỹ, ở Âu Châu đã cộng tác VG là qua Thầy Chủ nhiệm và anh Phù Vân vậy. Tôi còn mời một số bạn văn quen biết viết cho VG, nhưng có lẽ vì không thích, vì bận, nên đến nay họ vẫn không gửi bài cộng tác. Đành chịu! Lượng văn thi hữu cộng tác trên VG đến nay khá đông đảo. Chủ lực ở các mục đã có một số cây viết ở Đức lo liệu. Phần Tôn Giáo đã có các vị Tu sĩ, Cử sĩ có học vấn uyên thâm về Phật Giáo phụ trách. Phần Văn nghệ được các văn thi hữu năm châu đóng góp. Điểm sách thường có Giáo sư Vũ Kỳ, nhà văn Nguyễn Thụy, nhà thơ Huyền Thanh Lữ v.v... Biên khảo có Giáo sư Thái Văn Kiểm. Đánh máy đã có anh Sanh...

Còn rất nhiều tên tuổi quen trên báo VG mà tôi không kể hết ra được.

Về phần trang trí bìa báo, hình thức bên trong v.v... Như tôi đã viết ở trên, những số đầu tiên rất đơn sơ, không đẹp như bây giờ. Công ấy một phần lớn do anh Như Thân Hà Phước Nhuận phụ trách về trang trí. Cứ có đề nghị nào hay hay là anh cố gắng làm theo. Gần đây nhất, chị Ý Nga từ Ý, đã khen chữ Viên Giác và cách trình bày cũng như những hình in trên bìa báo VG đã đẹp rồi. Cũng là niềm an ủi cho người lo về trang trí.

Những cây viết thường xuyên cộng tác trên báo tôi đã gặp hầu hết những anh chị ở Đức, Thụy Sĩ. Tôi quý mến tất cả. Còn ở Pháp và Bắc Mỹ chỉ được vài người. Anh Hồ Trường An và Nguyễn Văn Ba có lẽ là hai người tôi thân nhất từ hai vùng đất xa xôi này. Anh Hồ Trường An đã rủ tôi viết trên Sóng, Nắng Mỏi ở



Canada, như anh đã từng rủ một vài người khác về viết cho báo VG. Anh Nguyễn Văn Ba khi thực hiện tuyển tập *Truyện Hay Hải Ngoại, Những Cây Viết Miền Nam*, đã rủ tôi góp bài dù không một lần thư từ hay quen biết trước. Ở Pháp, không chỉ mình anh Hồ Trường An, mà tôi còn quen thân vài người nữa, nhưng vì họ không có viết (hoặc rất ít) trên VG nên tôi không kể ra được những liên hệ của họ với VG, như anh Từ Nguyên, Hoài Việt, Từ Tri, Mạnh Bích, Sĩ Liêm, Chị Bích Xuân, Bình Phương, Mai Lan, Lệ Hằng v.v...

Thành thật mà nói, có thể, nếu không viết cho báo VG ngay từ những ngày bắt đầu cầm bút ở hải ngoại này, tôi đã không viết văn cho đến ngày hôm nay. Như vậy, gặp báo VG cũng là cái duyên tốt. Xin cảm ơn những người đã chủ trương báo để tôi có cơ duyên mà cộng tác.

Từ lâu tôi vẫn nghĩ tờ VG không bao giờ chết, dù tôi có còn viết hay không, dù có người đến kể đi, dù có hay có dở, vì báo là báo 'Chùa', báo Đạo. Hay hay dở, nhiều người nổi danh viết hay ít người nổi danh viết, Phật tử nói riêng, độc giả nói chung vẫn đặt báo và đóng góp tình tài nuôi dưỡng tờ báo. Có lẽ vì ngoài phần 'văn nghệ văn gừng', họ cần đọc những nguồn tin về đạo về đời trong đó, hơn là vì đi tìm một tờ báo có một đội ngũ người viết thật

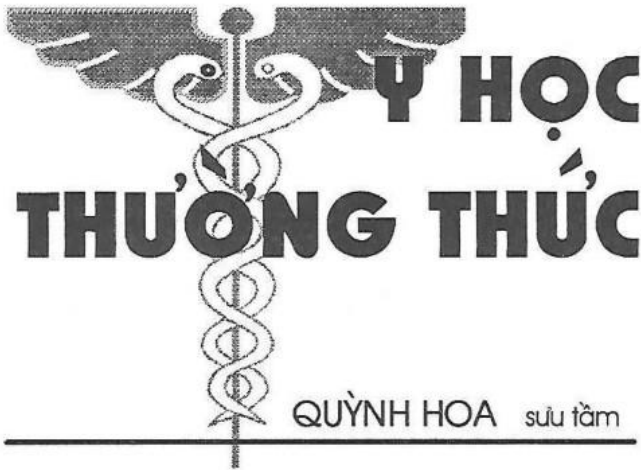
hùng hậu, hoặc nội dung từng kỳ bao giờ cũng hay, cũng hấp dẫn.

Kinh nghiệm từ những ngày bắt đầu viết. Tôi rất ý lại, không để ý những lỗi về chính tả, và viết tay hoặc trình bày bài viết không đẹp! Sau này tôi nghe một người làm báo tưởng đối có kinh nghiệm đã nói: Nhận được một bài báo, chưa đọc đến nội dung, chỉ nhìn cách trình bày, chữ chính tả là Chủ Bút đã muốn đăng hay không rồi. Nghe hết hồn. Câu này được viết ra người viết mong có thể giúp ích cho các bạn trẻ vừa mới bắt đầu viết gì không? Nhất là với báo Viên Giác, vì trong thời gian viết cho VG tôi đã nhận được nhiều bài với những lỗi lầm mà ngày mới bắt đầu viết tôi đã bị!

Qua một thời gian dài cộng tác với báo VG, tiếp xúc với những người chủ trương, Ban Biên Tập, gặp được nhiều điều vui nhưng không phải là không có những nỗi buồn. Nhưng than thở những buồn phiền không đáng gì trên trang báo là không nên, nên cố quên, in tưởng như câu chuyện Thầy Thích Trí Minh ở Na uy hay kể về một vị Thầy công thiếu nữ trên lưng để qua sông, chú học trò cứ chạy theo sau và thắc mắc hoài. Về đến chùa chú đem câu chuyện 'trần tục' ấy ra hỏi thầy, vị Thầy trả lời: Thầy đã bỏ cô gái ấy ở bên sông rồi, sao con còn mang về đây làm gì? Hay như câu chuyện của Giáo sư Nguyễn Thanh Cần kể trong cuốn sách viết về Nho Giáo của ông, đại để như vậy: Một thanh niên bị mất trí, anh không còn nhớ gì những chuyện đã qua. Cha mẹ sợ quá tìm thầy chạy chữa. Hết bệnh, anh nhớ lại tất cả những chuyện trong quá khứ. Việc này làm anh mệt! Anh than với cha mẹ rằng sao không để anh quên luôn những việc đã qua đi, chạy chữa chỉ mà bây giờ anh phải nhớ lại từng chuyện cũ. Nhức đầu quá!

Năm 1989 (?), gặp nhà văn Duyên Anh trong lần anh ra mắt sách ở Stuttgart, trong lúc giải lao nói chuyện chơi anh có nói, một người muốn viết văn phải đọc sách cho nhiều, và đọc đủ loại. Dù không phải là cố làm theo lời anh Duyên Anh nhưng sau này tôi cũng bỏ tiền ra mua sách báo thật nhiều để đọc. Có những tờ báo, thâm tâm tôi không muốn gửi bài cộng tác, nhưng tôi vẫn đặt mua để đọc, vì qua giới thiệu quen biết, vì để tìm những điều hay điều lạ trong đó, hoặc tìm biết những điều mà người khác đã than phiền. Hoặc có thể giúp được chút ít gì về vấn đề tài chánh cho người làm báo không? Anh Duyên Anh mới vừa mất cách đây vài tháng ở Paris.

Lời cuối cùng cho bài viết này, người viết xin lỗi độc giả là đã kể về những liên hệ của mình với báo VG, với văn chương, với các văn thi hữu hơi nhiều. Nhưng, nếu không có số báo Viên Giác đặc biệt kỷ niệm lần thứ 100 ắt hẳn sẽ không bao giờ có bài này. Chuyện mười hai năm qua viết rút còn lại trong vài trang giấy, tránh sao những thiếu sót, lầm lẫn, người viết mong có sự thông cảm từ độc giả.



☐ MAGNESIUM

đối với chứng nhức đầu

Magnesium có nhiều trong các sản phẩm làm bằng bột nguyên hạt, hạt dẻ, trái cây, rau cải... Do sự thay đổi trong phương pháp bón phân làm nghèo lượng Magnesium trong đất đai trồng trọt, vì thế đưa đến lượng Magnesium chứa trong thực phẩm bị giảm đi. Ngoài ra, Magnesium có thể bị mất đi nhiều ra khỏi thực phẩm do sự nấu nướng và bị biến đổi trong nước sôi.

Có thể con người có thể trong khoảng thời gian dài thiếu Magnesium, thêm vào đó lượng Magnesium bị giảm đột ngột bởi sự ra mồ hôi nhiều trong lúc tập thể thao... có thể tạo nên triệu chứng thiếu Magnesium.

Triệu chứng thiếu Magnesium như : đau sau gáy ót, co thắt toàn thể bắp thịt mặt, gáy, vai, cột sống, co thắt tim, rối loạn nhịp tim, co thắt phạm vi vùng bao tử ruột, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, cảm thấy điếc, không nhạy cảm rối loạn cảm giác ở tay, vộp bẻ ở bắp chân, ở bắp đùi trên, ở ngón chân, cảm giác kiến bò ngoài da.

Ở phụ nữ, thiếu Magnesium trầm trọng đưa đến sự co thắt đột ngột vùng đường niệu (tiểu tiện) và tử cung.

Từ lâu người ta đã giải quyết trường hợp thiếu Magnesium này bằng cách dùng Magnesium dưới dạng thuốc viên hay thuốc cốm.

Trong sản phụ khoa, Magnesium được dùng với liều cao để phòng ngừa đau bụng rối loạn trong thời kỳ kinh nguyệt, giảm cơn đau bụng khi sinh đẻ. Trong khoa tim mạch, Magnesium được dùng làm liệu pháp điều trị rối loạn nhịp tim, co thắt tim.

Cuộc khảo cứu mới nhất cho thấy với liều cao Magnesium có tác dụng rõ rệt ngăn ngừa chứng nhức đầu, làm giảm mức độ nhức đầu, cũng như giảm thời gian kéo dài của cơn nhức đầu cấp phát.

Tiến sĩ bác sĩ Andreas Peikert, ở München đã nhấn mạnh rằng việc sử dụng Magnesium làm giảm hoặc mất đi chứng nhức đầu trong thời kỳ tiền kinh nguyệt.

Trẻ con đang trong thời kỳ tăng trưởng, người mẹ cho con bú, người lớn tuổi, người lao lực, những người bị căng thẳng trí óc (Stress), những người dùng nhiều cà phê, rượu, thuốc lá, phụ nữ cũng như đàn ông đang theo chế độ ăn kiêng đều cần dùng Magnesium.

☐ BỆNH thống phong là gì ?

Bệnh thống phong còn gọi là bệnh Gút, bệnh này thường xảy ra ở đàn ông nhiều hơn là ở phụ nữ. Phần lớn bệnh được xác định qua cơn đột phát của bệnh thống phong.

Triệu chứng báo trước là những rối loạn của trạng thái sức khỏe : yếu đuối, đầy bụng khó tiêu dữ dội cơn cấp phát bệnh thống phong đầu tiên vào buổi tối hay vào buổi sáng sớm : ngón chân bị sưng, đỏ gay, cảm thấy nóng và ấn vào rất đau.

Ở phụ nữ thường gặp phải triệu chứng đau trước tiên trong khớp xương ngón tay. Cơn đau của bệnh không những ở khớp mà còn ở gân, nhất là ở gót chân, xương bánh chè ở đầu gối; ít xảy ra ở cổ tay, cổ chân, hiếm khi xảy ra ở khớp vai, khớp cùi chỏ; ngoài ra cũng có thể gặp phải ở cột sống nhất là khớp ở thắt lưng cột sống.

HỘI CHỨNG ĐẦU TIÊN :

Niêu toan (acid uric) tập trung trong cơ cấu bắp thịt, xương mô, nhất là trong bắp chân, bắp đùi trên, gáy ót. Nó gia tăng trong vài ngày và có thể kéo dài từ 2 đến 4 tuần lễ; đột nhiên biến đi.

Trong lúc khó chịu đau đớn nên đến bác sĩ để xác định lượng acid uric xem có phải bị đe dọa bởi bệnh thống phong hay không.

Thình thoảng dấu hiệu của bệnh thống phong có thể được xác định bởi những đốt thống phong ở vành tai, mí mắt với độ lớn bằng từ đầu kim cho đến mắt cá.

Trường hợp cấp tính xảy ra đột ngột trong nháy mắt của bệnh thống phong cấp tính là do chế độ ăn nhiều chất mỡ, uống quá nhiều rượu, thời tiết khí hậu ẩm ướt và lạnh. Cũng có thể xảy ra do : tình trạng quá căng thẳng, lái xe thời gian quá dài chân để ở bàn đạp ga quá lâu, phẫu thuật mổ xẻ mất máu, truyền máu.

Cơn đột phát bệnh có thể dừng lại từ vài ngày đến vài tuần trong tình huống không điều trị dẫn đến sự đau đớn khó chịu.

Khi thấy các triệu chứng sau đây xảy ra nên đến bác sĩ : mỗi buổi sáng ngón chân viêm sưng đỏ gay, đau trong bắp chân (bắp chuối), bắp đùi trên, gáy ót; xuất hiện những nốt ở vành tai, mí mắt, cơn đau kịch phát sưng đỏ ở khớp xương.

Có nhiều loại thuốc dùng trong bệnh thống phong như : Thuốc ức chế sự tổng hợp acid uric tên là Allopurinol, thuốc bài acid uric niệu tên là Antura dùng trong viêm khớp bệnh thống phong... các thuốc này được dùng phối hợp với Colchicine..., chỉ có bác sĩ mới chỉ định được thuốc dùng cho bệnh nhân.

☐ CHỨNG LOÃNG XƯƠNG

Xương của phụ nữ sau tuổi hồi xuân thật sự dễ gãy hơn so với nam giới. 80% phụ nữ trên 50 tuổi gặp phải chứng này. Hiện tượng loãng xương là do sự mất chất Calcium (chất vôi), chất mà xương cần để có sự rắn chắc. Ở lứa tuổi trên 30, bộ xương đạt đến khối lượng lớn có khoảng từ một đến một kg rưỡi Calcium được tập trung tích lũy. Từ số vốn đó, chất xương được có thể tiêu hủy dần cho đến cuối cùng cuộc sống; khoảng từ 40 tuổi trở đi, cứ mỗi năm lại 1% khối lượng xương bị mất đi. Sự mất mát này là bình thường.

Khi mà độ dày của xương bị mỏng đi : đe dọa xương bị gãy!

Có từ 1/4 đến 1/3 phụ nữ trên 60 tuổi sau thời kỳ mãn kinh bị giảm nhiều khối lượng xương. Độ dày xương họ mỏng đi một cách nguy hại và chuẩn bị gãy. Chứng loãng xương này gặp phải ở phụ nữ sau tuổi hồi xuân; chứng loãng xương ở phụ nữ sau tuổi hồi xuân được gọi là chứng loãng xương dạng 1.

Ngoài ra còn có chứng loãng xương (do sự khử chất vôi xương) trầm trọng ở người lớn tuổi (trường hợp này cũng xảy ra đối với nam giới) gọi là chứng loãng xương loại 2.

Chứng loãng xương được phát hiện nhờ chụp quang tuyến X. Trên thế giới có khoảng từ 5 đến 7 triệu người bị 2 chứng loãng xương kể trên.

Phòng ngừa là quan trọng : Dùng Calcium và thường xuyên vận động có thể. Lưu ý lạm dụng thuốc lá và rượu cũng ảnh hưởng đến chứng loãng xương. Chế độ dinh dưỡng giàu Calcium ít Phosphat, ít sản phẩm đã được chế biến (Cola, đồ ngọt), như vậy giúp cho con người giữ

được cuộc sống lâu dài, cơ thể hoạt động giúp cho sự giảm Calcium ít lại.

Để thắng lại sự mất Calcium cũng như sự xuất hiện tác nhân nguy hại có thể đưa đến chứng loãng xương, đối với những người mắc bệnh điều trị bằng Cortison trong thời gian lâu dài, cần phải dùng Calcium và Vitamin D dạng thuốc viên. Phụ nữ sau tuổi hồi xuân có thể chống lại chứng loãng xương bằng cách điều trị phụ thêm bằng Hormon (kích thích tố). Chất do chính cơ thể sản xuất phụ trách chuyển hóa dinh dưỡng tạo Calcium cho xương được tạo thành trong tuyến giáp trạng đó là Calcitonin. Mỗi ngày chất này được điều chế thay thế Calcitonin của cơ thể, dùng thời gian dài dưới dạng phun xịt, đơn giản như thuốc phun xịt mũi vậy.

THƠ Thanh Bình



Thơ gởi Mẹ

*Buồn xa nhà cho cay nước mắt,
Gió mùa thu lạnh ngắt trong tim,
Bâng khuâng thương nhớ mẹ hiền,
Mẹ ơi, có biết cho niềm tâm tư!*

*Đêm Giơ-neo tư bề u tịch,
Một mình con gở lịch đếm ngày,
Bây giờ là mấy giờ đây?
Canh khuya thao thức cho đầy nhớ thương.*

*Càng thương nhớ càng ray rứt bấy,
Càng xót xa càng thấy rã rời...
Muôn trùng xa cách biển khơi,
Con đi với vợ biết nơi nao tìm?*

*Nhìn cao ốc, nhớ ngôi nhà nhỏ,
Ngắm vườn rau, nhớ cội hoa mai,
Nhớ hương dạ lý, hương lái.
Ở đây sao thấy tháng ngày quạnh hiu...*

*Nơi quê cũ, mẹ hiền trông ngóng
Chốn tạm dung, nhớ bóng mẹ già
Bao giờ đất nước an hòa
Con về thăm mẹ, một nhà hân hoan.*

GIA CHÁNH CHAY



CÀ CHUA DỒN ĐẬU HŨ

Vật liệu :

- 8 trái cà chua chín cây
- 3 miếng đậu hũ chiên
- 10 gr. bún tàu
- 15 tai nấm mèo
- 100 gr. củ kiệu tươi (nếu dùng poirée thì lấy phần trắng và dùng số lượng ít hơn)
- 100 gr. nấm rơm búp
- Tiêu, muối, đường, bột ngọt, nước tương, dầu ăn, ngò, chanh, ớt.

Cách làm :

I. Giai đoạn 1 : Chuẩn bị.

- 1/ Cà chua : rửa sạch, cắt lấy ra khoảng 1/3 trái cà kể từ cuống xuống, cắt theo vòng tròn trái cà, dùng làm nắp, gỡ nắp cà ra, móc ruột rửa số lại, để ráo nước, ruột cà băm nhỏ.
- 2/ Đậu hũ chiên : xắt mỏng, băm nhỏ.
- 3/ Bún tàu : ngâm nước cho mềm, băm nhỏ.
- 4/ Nấm mèo : ngâm nước, lật, rửa sạch, băm nhỏ.
- 5/ Củ kiệu tươi (hay poirée) : lấy phần củ, xắt mỏng, băm nhỏ rồi chia làm 3 phần.
- 6/ Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, xắt mỏng, băm nhỏ.

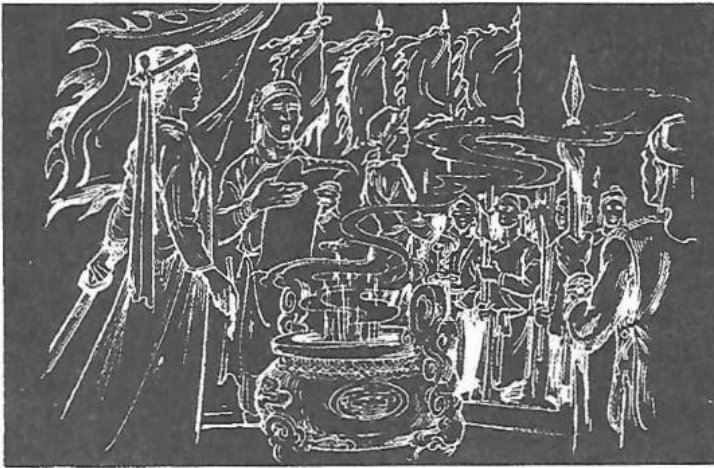
II. Giai đoạn 2 : Dồn nhân vào cà và chiên.

- 1/ Nhân : trộn chung đậu hũ + bún tàu + nấm mèo + củ kiệu tươi (hay poirée) + nấm rơm; nêm tiêu + muối + đường + bột ngọt + nước tương cho nhân được vừa ăn; dồn nhân này vào ruột cà, lấy nắp cà đậy lại, cột chỉ vòng quanh.
- 2/ Bắc chảo dầu sôi, cho củ kiệu tươi (hay poirée) băm nhỏ vào cho thơm, cho ruột cà vào, nêm chút tiêu + nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn, chế thêm chút nước sôi, nhắc xuống.
- 3/ Bắc chảo dầu khác, cho củ kiệu tươi (hay poirée) băm nhỏ phần còn lại vào cho thơm, cho cà vào, chiên cho vàng đều với lửa riu riu, cho ruột cà vào, để lửa nhỏ đến khi cà chín là được, nêm lại cho vừa ăn, nhắc xuống.

III. Giai đoạn 3 : Trình bày.

Cho cà ra đĩa, tháo chỉ, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm. Món này dùng chung với cơm + nước tương, chanh ớt xắt khoanh mỏng.

Số vật liệu ghi trên sửa soạn cho 4 người ăn. (Nga1007)



NGHĨA VỤ NGƯỜI NỮ PHẬT TỬ VIỆT NAM ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC VÀ DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ HIỆN TẠI

○ Kim Anh Nguyễn Việt Nữ

Nghĩa vụ người Phụ Nữ Việt Nam nói chung, người Nữ Phật Tử nói riêng, vô cùng nặng nề; vì ngoài bốn phần sản sóc chồng con, chăm lo cho gia đình và đạo giáo xong, phải yếu Việt Nam còn kè vai cùng phái mạnh gánh vác việc nước!

Là vì suốt chiều dài lịch sử, trừ vài trăm năm ngắn ngủi được Độc Lập, còn lại là gần 2 ngàn năm bị sống dưới ách thống trị của ngoại bang, người đàn ông vì việc binh bị, luôn vắng mặt trong gia đình, thì việc "giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh" đã trở thành một nghĩa vụ thường trực cho phái yếu Việt Nam mà có thể nói, trừ Do Thái, không có người cùng phái của bất cứ nước nào trên thế giới, có được nét đặc thù đó.

Đặc thù là vì, trong suốt ngàn năm nô lệ giặc Tàu, nước ta có hai cuộc Cách Mạng giải phóng dân tộc đầu tiên của lịch sử lại do hai người Phụ Nữ Việt Nam lãnh đạo: Cuộc Cách Mạng Dân Tộc lần thứ nhất vào năm 39 sau Tây lịch, do hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị phất cờ, đánh đuổi quân Hán chạy về nước. Trưng Nữ Vương lên ngôi vua đã chấm dứt 150 năm Bắc thuộc. Rồi sau đó trên 200 năm, cuộc đấu tranh giành Độc Lập lần thứ hai do Triệu Trinh Nương khởi xướng, làm cho binh tướng nhà Đông Ngô của Tàu phải mất vía kinh hồn trong 3 năm dài, đến phải tuyên xưng Vua Bà là "Lệ Hải Bà Vương".

Dưới thời Pháp thuộc cũng thế, tất cả các phong trào kháng Pháp đều có gương tuần tiết của người Phụ Nữ Việt Nam Lê Thị Đàn, cô Tâm, cô Bắc, cô Giang v.v... khiến quan toàn quyền Paul Doumer của Pháp cũng phải từ bỏ thành kiến khinh thường người "An Nam Mít" như một thứ mọi da vàng, mà đã phải viết vào cuốn Hồi Ký của ông ta rằng: "Nếu đem so sánh với các nước láng giềng, thì dù làm lao động hay làm chiến sĩ, dân An Nam quả thật là dân thượng đẳng đối với tất cả các dân tộc ở Á Châu". (Paul Doumer. L'Indochine-Francaise: Souvenirs. Paris).

Nhưng vấn đề cần nhấn mạnh là, không phải chỉ có những người ra biên cương đánh giặc mới được ca tụng, mà còn cả những người ở nhà cũng có một lớp chiến sĩ vô danh nhưng hết sức quan trọng cho sinh hoạt của xã hội Việt Nam.

Chẳng hạn như bà Tú Xương:

"Quanh năm mua bán ở ven sông

"Nuôi đủ năm con với một chồng..."

cho chồng yên tâm lo trau giồi kinh sử để thi đậu, tạo công danh sự nghiệp.

Như cụ bà Phan Bội Châu, trong 20 năm chồng bốn ba hải ngoại lo tìm phương cứu nước, bà ở nhà làm tròn đạo dâu con. Khi chí sĩ Phan Bội Châu bị bán cho Pháp, bị bắt giam trong tù, cụ bà đến thăm mới được gặp chồng lần đầu mà cũng là lần cuối trong cuộc đời 30 năm

chồng vợ, vậy mà cụ bà vẫn khẳng khái khuyên chồng "cố gắng giữ vững lòng yêu nước như xưa!". Nên sau khi vợ chết, chí sĩ Phan Bội Châu nói với con rằng: "Nếu không có mẹ mày thì chí của cha đã chết từ lâu rồi".

Như vậy, có thể nói trong suốt chiều dài lịch sử, hầu hết Phụ Nữ Việt Nam, nếu không vác súng ra tiền tuyến, thì ở hậu phương, các bà đều mang hình ảnh của bà Tú Xương hay cụ bà Phan Bội Châu cả.

Thử xét qua sinh hoạt của xã hội Việt Nam thời nô lệ giặc cộng sản, từ từ năm 1945 đến nay, ta thấy rõ điều đó. Hãy nghe thi sĩ Phùng Quán tả sự hy sinh, cố cực khùng khiếp của người Phụ Nữ miền Bắc dưới thời cộng sản Hồ Chí Minh vào thập niên 1950:

Tôi đã đi giữa Hà Nội

Giữa Hà Nội những đêm mưa lất phất

Đường mùa đông nước nhơn tựa dao găm

Tôi đã gặp

Chị em công nhân đổ thùng

Yếm rách chân trần

Quần xắn quá gối

Run lấy bầy chui vào hầm xia tối

Vác những thùng phân

Ta thuê một vạn một thùng

Có người không dám vác.

Các chị suốt đêm quần quật

Sáng ngày vừa đủ nuôi con.

Một triệu bài thơ không nói hết nhọc nhằn

Của quần chúng anh hùng lao động,

Đang buộc bụng thắt lưng để sống,

Để dựng xây kiến thiết nước nhà,

Để yêu thương nuôi nấng chúng ta...

(Phùng Quán, Chống Tham Ô Lãng Phí, 1956)

Mặc dù người chân yếu tay mềm phải gồng gánh tất cả nghĩa vụ như thế để xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa miền Bắc, nhưng xã hội này chẳng những vẫn đói rách mà còn buồn tênh như cảnh nghĩa trang vì chỉ có phụ nữ và trẻ em ốm đói là sinh hoạt, còn nam giới thì vắng bóng trong gia đình vì phải đi phục vụ chiến tranh theo ác lệnh "sanh Bắc tử Nam" của Hồ Chí Minh.

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện cho ta thấy hình ảnh ấy thật thảm thê:

Đất này chẳng có niềm vui

Ngày quệt mồ hôi, đêm chùi lệ ướt

Trại lính, trại tù người đi không ngớt

Người về thừa thớt dăm ba...

Trẻ con đói xanh như tàu lá

Cày bừa phụ nữ đầm đàng

Chốn thôn trang vắng bóng trai làng

Giấy báo tử rơi đầy mái rạ...

(Nguyễn Chí Thiện, Đất Này, 1965)

Vì với hình ảnh "trai lính, trai tù" này mà khi chiến tranh kéo dài, nhiều người, nhất là đa số Nữ giới vì không ý thức chính trị, muốn Hòa Bình bằng mọi giá, kể cả giá mất miền Nam; nên sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, họ tưởng sẽ hưởng cảnh thái bình, chồng con họ sẽ được ở nhà đắp xây hạnh phúc...; Nào dè thanh niên miền Nam vẫn bị lừa vào trại lính đánh qua Miền, và cũng bị chết như rạ; còn trai tù tập thể để giam quân cán chính miền Nam thì được dựng lên như nấm, khắp nước.

Người Phụ Nữ miền Nam lại cũng phải làm mọi thủ việc để nuôi chồng, con đi lính hay đi tù cộng sản và cũng một mình gồng gánh lấy gia đình, nuôi dạy con cái. Mà lần này thì quả thật cô đơn bội phần hơn dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, vì bạn bè hoặc đã vượt biên ra xứ người, những người còn ở lại thì cũng lâm vào tình trạng như mình, ai cũng lo thủ lấy thân, không ai còn lo giúp người khác được; còn đối với nhà nước XHCN thì mình thuộc thành phần nếu không "phản cách mạng" thì cũng chỉ là công dân hạng bét, muốn hành hạ cách nào và lúc nào cũng được.

Tóm lại, qua ba thời kỳ nô lệ giặc ngoại xâm: Giặc Tàu, giặc Tây rồi đến giặc Cộng Sản, lúc nào người Phụ Nữ Việt Nam cũng làm nghĩa vụ đối với dân tộc một cách oanh liệt.

Rõ rệt nhất là giai đoạn lịch sử sau ngày mất nước năm 1975.

Nếu gia đình nào đi di tản sớm, đầy đủ vợ chồng thì gánh nặng vừa làm việc để phụ vào ngân sách gia đình cho thích ứng với cuộc sống mới nơi xứ người, vừa lo cho chồng con theo nếp sống cũ, cũng đè trên vai người vợ. Còn gia đình bị kẹt lại Việt Nam thì chồng đi tù, con ở nhà bị loại ra khỏi ngưỡng cửa đại học. Một tay người vợ xoay sở, luồn lách mọi cách để nuôi chồng và lo cho con đi học cho bằng được. Khi ông chồng ra khỏi tù, trừ một số ít bị mất vợ, còn đa số vẫn còn người vợ thủy chung đợi chờ; rồi cũng lo thủ tục đi theo diện HO. Đến Mỹ, con của những gia đình này thật dỏ thầy dỏ thợ, còn người chồng thì vì lao tù khổ ải nên không còn đủ sức khỏe làm việc chân tay, hay vì mặc cảm không muốn làm việc "hèn mọn", nên không thiếu gì bà vợ ông Tướng, ông Tá, vợ ông Thẩm phán, ông Giám đốc này nọ đi giữ trẻ, chùi cầu, làm bồi phòng khách sạn v.v... để phụ chồng nuôi con đi học thành tài...

Cử nhìn con số học sinh Việt Nam xuất sắc của các trường nổi tiếng tại hải ngoại, cùng con số người Việt Nam đỗ Kỹ sư, Nha, Y, Dược sĩ... cùng các Cao học, Tiến sĩ các ngành khác tại hải ngoại này ta sẽ thấy rõ sức vươn lên và lòng nhẫn nhục của người đàn bà Việt Nam thay thế chồng lèo lái gia đình sau cuộc đối đời: lúc mà các "ông" chồng biến thành "thằng" tù của CS!

Dĩ nhiên là cũng có trẻ Việt Nam đi bụi đời, cũng có người vợ, người mẹ bất xứng... nhưng đây chỉ là số rất ít. Còn tuyệt đại đa số người phải yếu Việt Nam quả thật đã trở thành rất anh hùng trong suốt nửa thế kỷ sống dưới ách Cộng Sản.

Cho nên từ thế kỷ trước, đã có nhiều sách của các tác giả Pháp viết ca ngợi Phụ Nữ Việt Nam (PNVN): về đối ngoại, khi cần, họ rất cứng rắn, rất can đảm; can đảm trước hiểm nguy và can đảm trước cả cái chết! Nhưng đối với chồng con trong gia đình, người PNVN rất nhẫn nhục, dịu dàng, chịu phần thua thiệt. Họ khen rằng người PNVN không để mất một nguồn lợi nào, dù phải lao lực cực khổ. Các tác giả còn khen PNVN đã "*khéo léo hơn nam giới trong việc phát triển và quản lý tài sản gia đình, cho nên sự nghèo đói khó mà chen vào nhà họ được*".

Vậy mà, đau đớn thay, thưa quý vị!

Hồi thập niên 1950, chỉ có người Phụ Nữ đất Bắc phải run lấy bầy quần quật suốt đêm đông giá rét vác thùng phân để nuôi con; mà gần nửa thế kỷ sau, trọn đất nước Việt Nam gọi là Thống Nhất, lại bị Quốc Tế chính thức liệt vào một trong 12 nước nghèo đói nhất thế giới.

Như vậy, hơn hai mươi năm nay, dân ta như con bệnh hấp hối chờ thuốc cấp cứu gửi về từ hải ngoại; mà hải ngoại chúng ta thì lại cũng đang mang chứng bệnh rất nặng: đó là bệnh thờ ơ.

Vì bệnh thờ ơ với đại cuộc này mà người trong nước ngóng trông dài cổ vẫn không thấy phương thuốc cứu chữa. Dân tộc ta, nhất là người Nữ Phật Tử, trái tim đầy nhân ái, vậy vì lẽ gì mà ta thờ ơ với nỗi khổ đau của đất nước? Chắc hẳn phải có nguyên do. Vậy dù thế, nhưng trẻ còn hơn không, chúng ta cố gắng tìm lý do của bệnh thờ ơ hầu giải thoát chính ta, từ đó mới mong chữa lành vết đau cho dân tộc.

Căn nguyên của bệnh thờ ơ

Hiện giờ ai cũng chê trách nước Xã Hội Chủ Nghĩa đã bất lực để dân chúng đói nghèo ngu dốt. Nhiều người rất sốt sắng trong công tác từ thiện; quyền góp tiền bạc hoặc vật liệu gửi về giúp người trong nước. Làm được như vậy là họ yên tâm với lòng tốt của mình, và tin rằng mình làm phúc sẽ gặp phúc. Họ quên nguyên tắc căn bản là nếu trong vùng dân cư bị nạn đói vì giặc cướp bóc thường trực thì của gửi về giúp, dù có tới được tận tay người thụ hưởng đi nữa, thì có giải trừ được nạn đói tận gốc cho dân đâu? Bởi lẽ giản dị là thấy có của, trộm cướp lại tiếp tục, thì dân cũng nghèo mà mình cũng sẽ kiệt quệ vì làm sao có của gửi về mãi được? Phải chăng biện pháp nhân đạo đúng nghĩa là phải ra tay trừ diệt đảng cướp để dân chúng yên ổn làm ăn, tạo phương tiện cho họ có nghề nghiệp tự lo cho đời họ? Chắc ai cũng thấy phải làm như thế; nhưng nói đến ra tay "trừ bạo" tức là tranh đấu, tức là tranh luận phải trái, hơn thua, dựa trên tham, sân, si v.v...; mà lại đấu tranh với chính quyền, chống Đảng CS, tức là "làm chính trị", nguy hiểm lắm. Để mất nước vì dốt chính trị, mất nước lâu rồi vẫn còn ghét hay sợ làm chính trị?!!

Người Phật Tử có thể không sợ, không thờ ơ với đồng bào đói rách, nhưng nghĩ rằng nói tới chống Cộng là làm chính trị; tức phạm giáo lý của nhà Phật.

Chính vì khai thác điểm này mà CSVN vốn chủ trương tiêu diệt các Tôn giáo, nhưng gần đây lại cho dân chúng đi chùa, đi nhà thờ tự do để cố tạo bộ mặt cho có vẻ tự do Tôn giáo; nhưng các nhà lãnh đạo chính thống của các Tôn giáo thì bị nhà nước quản thúc riêng; như Phật Giáo thì thế vào các Sư Quốc Doanh để kiểm soát và dùng Phật pháp phục vụ Đảng để CS sẽ ngự trị muôn năm trên đất nước ta.

Cho nên cần phải xác định lại Nghĩa Vụ của người Công Dân Phật Tử đối với Dân Tộc trong giai đoạn lịch sử hiện nay: **Người Phật Tử có nên "làm Chính Trị" không ?**

Tại sao ta không ở lại quê hương mà phải liều chết tìm sống nơi xứ người như vậy? Dù vì lý do gì, thì sự lựa chọn đi hay ở này chính là một hành vi chính trị. Vậy mỗi người Việt tỵ nạn hải ngoại đều đã ít nhất một lần "làm chính trị" để định đoạt một việc vô cùng quan trọng cho tương lai mình, gia đình mình.

Như vậy, làm chính trị thật ra không phải là làm việc gì ghê gớm như ta thường tưởng. Mỗi lần ta phát biểu sự ưa ghét của mình về một người hay một triết thuyết, một chế độ nào đó, là ta đã "làm chính trị" rồi đó. Vậy rõ ràng chính trị là việc gần gũi, chi phối đời sống hàng ngày của ta, chứ chẳng cao xa gì cả.

Nếu ta là một tín đồ ngoan đạo, thì nói nôm na là như vậy: Đạo là đường đi. Đạo nào cũng là con đường dẫn đưa tín đồ của mình tìm đến chân hạnh phúc và an lạc.

Mỗi người tự lựa chọn con đường mà mình tin là chánh đạo để đi, là tự mình đã "làm chính trị" cho chính mình, vì tự mình đã làm một sự lựa chọn tại sao mình theo đạo này mà không theo đạo khác? Rồi tích cực hơn, mỗi tín đồ còn truyền bá, thuyết phục cho người khác cùng tin tưởng theo tín ngưỡng của mình, tức là tín đồ ấy đã "làm chính trị" cho Tôn giáo của mình rồi vậy.

Như vậy mỗi tín đồ đã làm chính trị cho bản thân và cả cho đạo giáo của mình, đâu có gì ghê gớm, tội lỗi đâu? Ngược lại, tín đồ ấy còn cảm thấy hãnh diện vì mình trung thành với Tôn giáo mà mình đã chọn.

Đạo nào cũng dạy tín đồ làm lành lánh dữ. Cộng Sản Việt Nam hơn nửa thế kỷ nay đã là con cạp banh xé tan nát tâm hồn và thể xác người dân Việt, thì việc tham gia để chống bầy cạp dữ, việc cùng nhau quang

bá để biết lúc này con cạp Cộng Sản đang đổi màu da sắc áo, đội lốt như con mèo tam thể đẹp đẽ hiền lành, nhưng thực tế chúng vẫn là con cạp dữ, nhưng vì thất thế nên phải vờ ngủ để lấy lại sức, mà cảnh tình với nhau rằng:

"Đừng thấy hùm ngủ mà lại vuốt râu

"Đến khi hùm thức, đầu lâu không còn!"

để người ta tránh xa khỏi bị thiệt thân, chính là chúng ta đi đúng con đường hành đạo của mình.

(Đây cũng là chủ đề của quyển "Yêu và Bị Yêu" tức "Dưỡng Thu Hưởng và Con Hùm Ngủ", sách tái bản để góp phần tài chánh cho Đại Hội Thế Giới Cư Sĩ Phật Tử Việt Nam, tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn, ngày 6, 7 và 8 tháng 9 năm 1996).

Từ đó suy rộng ra, nếu đạo là con đường trong nhiều nẻo đường của đất nước hợp lại mang tên một quốc gia nào đó, như Ba Lan, Việt Nam chẳng hạn; thì tín đồ của tất cả các đạo ấy, ngoài bốn phận một giáo dân, còn có nghĩa vụ công dân của nước ấy.

Chế độ Cộng Sản chủ trương vô thần, hay đúng hơn là chỉ thờ "một thần Mác-Lê" độc tôn, nên họ chủ trương tiêu diệt các Tôn giáo khác; tức CS đã đặt vật cản trên con đường hành đạo của các Tôn giáo này. Vậy thì các tín đồ Tôn giáo phải đứng lên đồng loạt dẹp vật cản ấy để khai thông con đường hành đạo của mình. Đây là hành vi chính trị phải làm. Như nhục không hành động tức là lỗi đạo với tín ngưỡng mà mình tự do chọn lựa.

Hơn nữa, mỗi người dân không nhất thiết phải là một tín đồ Tôn giáo, nhưng tất cả tín đồ Tôn giáo đều phải là công dân của đất nước mình. Mà đã là công dân thì phải quan tâm chọn lựa những nhà cai trị, những chánh sách, chế độ nào đem lại ầm no hạnh phúc cho mình, cho dân tộc mình; không thể bảo rằng vì mình "tu hành" nên bỏ mặc vận nước nổi trôi.

Riêng đối với người Phật Tử, quan niệm yếm thế này trái với giáo lý Phật Giáo. Phật Giáo chân chính là nhập thế để cứu khổ cho nhân loại, chứ Phật không dạy xuất ra khỏi thế gian đau khổ để tụng niệm cầu lợi riêng cho mình. Phật chỉ cho nhân loại hiểu nguồn gốc khổ đau của cuộc đời để mà tránh, chứ Phật không dạy tránh cuộc đời khi đã sanh ra đời; trái lại, chính người Phật Tử lại càng phải xông xáo vào đời để thực hành giáo lý TỬ BI của Phật.

Cho nên, theo thiên ý, nếu hiểu "làm chính trị" là chống chế độ hiện hữu để sau đó mình tham chính, giữ vai trò cai trị nào đó trong chế độ mới, thì giáo lý Phật Giáo quả thật cấm điều đó. Còn "làm chính trị" chỉ là thái độ chọn lựa giữa thiện và ác, giữa chánh và tà, thì người Phật Tử chẳng những không phạm giới gì của Phật Pháp, mà trái lại, như trên đã trình bày, đó còn là một bốn phận phải làm của tín đồ thuộc mọi Tôn giáo, và cũng là một nghĩa vụ không thể chối bỏ của mỗi công dân đối với đất nước của mình.

Theo thống kê gần đây của Cộng Sản thì tại Việt Nam hiện có sáu triệu người Công Giáo so với 71 triệu dân trong nước, tức đại đa số người Việt là Phật Tử. Cộng Sản Việt Nam hiểu rõ sức mạnh lịch sử của Phật Giáo đối với chế độ tàn bạo của họ, nên đã và đang ra sức huấn luyện "Sứ Quốc Doanh" dùng giáo lý của Phật là "đừng sân hận", "đừng thù oán sẽ tạo Nghiệp Nhân Quả", hãy "hòa giải", đừng "cố chấp", hãy "quên quá khứ, hướng về tương lai"... v.v... để chia rẽ, lũng đoạn hàng ngũ Phật Tử.

Thí dụ, các Sứ Quốc Doanh sẽ giảng rằng: còn nói chống Cộng là còn thù oán, tạo nghiệp xấu về sau. Chỉ bằng nên "yêu kẻ thù của ta" để gieo nhân lành. Thưa quý vị, đạo Phật không hề chủ trương phải "yêu kẻ thù" một cách mù quáng để được quả tốt ở kiếp sau. Vì "yêu" có mục đích vụ lợi như vậy là đã gieo nhân xấu ở kiếp này rồi, thì làm sao gặt quả tốt ở đời sau được? Và lại, đã là kẻ thù thì làm sao ta "yêu" chúng được? Ta nên (tử bi) thương xót kẻ thù, chứ không thể yêu chúng, nhất là khi kẻ thù ấy tấn công ta, đè bẹp đạo giáo ta, bóc lột dân tộc ta, làm sao ta yêu chúng, hay hòa giải hòa hợp gì được với chúng được?

Làm sao bảo Hòa Thượng Thích Quảng Độ quên đi quá khứ khi Thầy Tổ và Tăng sĩ kết nghĩa của Ngài, là Hòa Thượng Thích Đức Hải và Thích Đại Hải bị xử tử trong những ngày đầu tiên Cộng Sản nắm quyền lực tại Việt Nam tức năm 1945, 1946; khiến Hòa Thượng phải di cư vào Nam mà gần 40 năm sau, CSVN chẳng những không ngừng bàn tay đẫm máu mà còn ra sức bắt giam và tra tấn chính Hòa Thượng Thích Quảng Độ và những vị lãnh đạo Phật Giáo Thống Nhất khác; rồi ban hành Nghị Quyết (số 297 ngày 11 tháng 11 năm 1977) cho phép nhà nước tịch thu tài sản, các cơ sở Tôn giáo như Chùa Viện, Phật Học Viện, Thánh Thất, Nhà Thờ, Chùa Chiền; đặt Tôn giáo dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Hành động đó là CSVN đã coi toàn dân như kẻ thù của họ.

Tuy Đạo Phật khuyên không nên nghĩ đến Cái Ta. Nhưng thực tế, thì khi bị kẻ thù tiếp tục tấn công, tức nhiên ta phải tự vệ để "yêu" cái thân mạng của ta trước đã, rồi sau đó mới nói tới thương xót hay tha thứ cho kẻ thù. Như vậy cũng không sai lỗi Phật dạy, vì nếu ta mù quáng đem thân xác cho kẻ thù giết chết để được tiếng hy sinh cao cả, để được phước báu về sau thì chính là ta đã làm tổn thương sinh mạng ta và cả của kẻ thù ta nữa; vì ta đã "cầu phước" mà quàng vào cổ kẻ thù ta một án tử ác nghiệp phũ phàng không thể nào thoát khỏi.

Còn nói gì đây là trường hợp CSVN coi cả dân tộc là kẻ thù, thì việc Hòa Thượng Thích Quảng Độ nhắc lại tội ác cũ của CS để cảnh tỉnh kẻ ác phải ngừng tay, nếu không thì chế độ CS sẽ phải cáo chung; đó không phải là chấp ngã, càng không phải là đeo đuổi hận thù, mà là cái DỨNG của đạo TỬ BI.

Phong trào tranh đấu của Phật Giáo do Hòa Thượng Thích Huyền Quang lãnh đạo hiện nay nhằm giải thể chế độ độc tài độc đảng không phải là làm Chính Trị theo nghĩa phạm giới luật; vì chúng ta không xúi giục hận thù, không gây chiến, chúng ta chỉ tự vệ sau nửa thế kỷ nhằn nhục.

Chúng ta quyết tâm "lấy lại đất tổ mà không làm đổ máu dân"

Làm sao được như vậy? Chỉ cần mỗi Phật Tử áp dụng triết để giáo lý của Đức Phật: "TỬ, BI, TRÍ, DỨNG". Thương người như thể thương thân: dù hiện tại ta đang hưởng tự do no ấm tại xứ ngoài, nhưng hãy thấy đau đớn như chính thân ta và con cháu ta ở trong nước đang bị kềm kẹp không ngớt đầu lên nổi, đang chờ cái chết chậm chậm đến, mà quyết tâm thương yêu cứu vớt họ. Đó là Tử và đó là Bi.

Biết phân biệt thiện ác rồi biết cảnh tỉnh mọi người rằng nếu còn CS độc quyền thống trị VN thì đất nước không phát triển được và dân tộc còn nghèo đói thiên thu. Cái biết đó là Trí. Biết rồi còn phải can đảm hành động cho đến khi nào đất nước được dân chủ tự do mới thôi. Đó là DỨNG.

Các nhà lãnh đạo Phật Giáo đấu tranh bất bạo động để giải ách nạn cho quê hương, bắt kẻ CS tra tấn, tù đầy, hay giết chết... là một hành vi chính trị phải làm mà không phạm giới luật vì động lực không là hận thù hay lợi quyền riêng tư, mà là do tình thương vị tha cao cả của con nhà Phật.

Nếu ta lấy lý do chống Cộng làm chính trị, là gây hận thù rồi thờ ơ với chính trị thì ta đã làm mưu của CS. Vì chỉ cần không ai làm gì cả thì CS bắt chiến tự nhiên thành. Như vậy thờ ơ, thụ động để cho tội ác CS tiếp tục bành trướng là ta đồng lõa với tội ác, là phạm đức Tử, Bi, Trí, DỨNG của Phật Pháp.

Xin nhớ rằng trong lịch sử đã từng có vua Trần Nhân Tông vốn là một Thiền Sư; tức coi chiến tranh là gây chết chóc cho binh sĩ của cả hai bên, phạm giới sát sanh của nhà Phật; nhưng vì tiền đò đất nước, Ngài cũng phải phát động cuộc chiến hai lần đánh bại quân Mông Cổ.

Nhờ sự sáng suốt cân phân giữa Đạo và Đời, Thiền Sư đã can đảm và quả quyết đặt quốc gia trên đạo pháp nên đã leo lái đất nước đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ vững nền tự chủ và thịnh trị lâu dài; bởi vì đất nước còn thì đạo pháp mới còn...

Và nếu nhớ rằng hai cuộc Cách Mạng Giải Phóng dân tộc khỏi ách đô hộ Tàu đầu tiên của thời Bắc thuộc lại do sự lãnh đạo của bà Trưng, bà Triệu; thì người Phụ Nữ Việt Nam nên xét lại nghĩa vụ của mình đối với đất nước hiện nay?

Nhất là, khi khởi động cuộc Cách Mạng Giải Phóng dân tộc lần thứ hai, tức năm 248 sau Tây lịch, bà Triệu đã nói: *"Ta muốn cởi cơn gió mạnh, đập làn sóng dữ, chém cá tròng Kinh ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đẫm máu, chớ không thêm bất cứ người đời cúi đầu cong lưng làm tỳ thiếp cho người ta"*.

Đến nay gần ngót hai thập niên, dưới sự cai trị của độc tài CS, người Phụ Nữ Việt Nam, chẳng những không cứu dân ra khỏi cơn đẫm máu mà chính đại đa số dân tộc lại bị rơi vào nơi đẫm máu, trong đó có cả triệu người phái Nữ Việt Nam chẳng những không được làm tỳ thiếp cho một người đàn ông, mà còn phải phục dịch cho mọi người. Chính nhà nước CS xác quyết như thế.

Theo thống kê chính thức của Thông Tấn Xã Việt Nam (TTXVN) thì Việt Nam có hơn 600.000 gái "điểm" (lén lút), 800.000 dân ghìen xì ke ma túy. Việt Nam phá kỷ lục thế giới với con số 300.000 gái mãi dâm (chính phủ cho phép hẳn hoi). Đây là con số của TTXVN năm 1992. Hiện nay, theo đà phát triển của cái gọi là "kinh tế thị trường" con số này càng tăng trên triệu người.

Trong thời tranh đấu chống đô hộ Tàu và Tây, tất cả anh thư Việt Nam đều theo gương hai vị Nữ Vương Trưng, Triệu: khi thấy thế yếu đánh không lại địch thì tự sát để bảo toàn danh tiết, không một ai để sa vào tay giặc; thế mà trong thời bình hiện nay, dưới quyền thống trị của người Việt, mà người Phụ Nữ Việt lại phải công lưng *"bán tròn rồi lại bán cả mồ hôi"* để mong thoát khỏi đói nghèo ngu dốt! Nhất là trong số này, có những em bé gái 11, 12 tuổi cũng bị dụ dỗ đi làm nghề bán tròn. Sự thật đau đớn này do chính cựu đảng viên CS, Nữ Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa phát giác khi người ta đem đến phòng mạch bà để cấp cứu những em gái của mình rách bết máu me đầm đìa, phần đông sợ hãi chẳng em nào dám hé môi... Nhưng cũng có em khai rằng em bị "cha em" bảo chở em đi thăm... "ông nội". Những người "ông nội" này là trợ phủ Đại Hàn hay Ba Tàu... tin tưởng trẻ em dưới 13 tuổi chắc chắn còn trinh để bảo đảm nhất dạ đế vương của họ được tăng tuổi thọ và thêm sung sức... nên ngàn vàng họ cũng bỏ ra để mua chuộc những "người cha" bất lương ấy.

Vậy thì, thưa quý vị, ta có gục mặt chấp nhận tình trạng ấy không? Không! ta nhất định không chấp nhận nước ta tụt tệ như thế. Khi kể lại chuyện này trên báo New York Times, người nữ đảng viên CS (đã trả thẻ đảng) Dương Quỳnh Hoa than thở rằng: "Trước đây tôi đi tranh đấu tưởng vì Dân, nay thấy rõ người làm Cách Mạng chỉ vì Tiền!".

Nay trong thời cởi mở kinh tế thị trường, tư bản càng mang nhiều tiền vào, CSVN càng ra sức củng cố quyền hành và đàn áp bất cứ ai không tùy thuộc chúng, để bảo vệ túi tiền không đáy...

Có người về VN thấy tình cảnh dân nghèo đói, động lòng Từ, Bi, Trí, Dũng muốn ra tay trừ Ác để giúp đời, chớ không thờ ơ ích kỷ như xưa. Họ cố tìm cá nhân hay tổ chức nào đáng tin cậy để hợp tác....

... Thì họ lại lâm vào **Bệnh chia rẽ**:

Nếu bệnh này do Việt Cộng gây ra để lũng đoạn hàng ngũ Quốc Gia -vốn là thủ thuật chính trị sở trường của họ- thì đã đành; nhưng có khi lại do chính người Quốc Gia quá khích, đa nghi tung ra!

Cho nên những nhân vật tranh đấu trong nước bị CS bỏ tù như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế v.v... bị cho là tù giã... Còn các vị Sư đi cứu lỵ bị bắt thì VC bảo là không có, rồi cũng có người tin! Còn các Tăng Ni bị giam vì chống đàn áp Phật Giáo hả? Cũng già luôn, khiến người có lòng với đất nước bán tín bán nghi rồi trở thành hoang mang. Vì thấy báo Mỹ đăng hình chùa, nhà thờ và thánh thất... mở cửa cho mọi người hành lễ tự do, tấp nập, không thấy vẻ gì là có sự đàn áp Tôn giáo cả?

Họ đâu biết rằng, chính Tòa Thánh Cao Đài ở Tây Ninh mà báo Mỹ đăng hình tin đồ đi lễ đông đảo, có sở lộng lẫy uy nghiêm mà VC coi như

kỳ quan cho du khách viếng thăm ấy, hiện giờ đặt hoàn toàn dưới sự quản lý của VC. Còn ban quản trị cũ cũng cùng số phận như các Sư và các Cha Công Giáo được mời về nhà và được bảo vệ an ninh tại gia rất cẩn mật!

Lại có nhóm viết báo cáo buộc Phật Giáo đã làm mất miền Nam vào tay CS. Họ chứng minh bằng hình ảnh các vị lãnh đạo Phật Giáo họp tại Nhật Bản vào năm 1970, trong ấy có Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Thích Minh Tâm v.v... kêu gọi các bên ngưng chiến hãy ngưng bắn, rút quân...

Những người cáo buộc ấy không trái tim Bồ Tát của các bậc chân tu này: chiến tranh kéo dài, trước cảnh máu đổ thịt rơi, các Ngài còn biết làm gì hơn là dùng hình ảnh của mình để kêu gọi Hòa Bình từ cả các phe đang rót bom đạn lên đất nước? Nếu Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ tôn trọng lời cam kết mà ngưng bắn, còn VC phản bội lệnh đình chiến thì đó là tội lửa gạt giết người của chúng.

Có thể lời kêu gọi Hòa Bình lúc ấy là "kém chính trị" vì các nhà tu làm sao đo lường được trước lòng hiếu chiến khát máu của VC? Các chính trị gia còn không lường trước những âm mưu của CS thay? Chính một số người Quốc Gia cố chấp việc này mà nay vì thấy Hòa Thượng Huyền Quang lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nên họ vội kết luận phong trào Phật Giáo tranh đấu trong nước là giả, nên việc Hòa Thượng Huyền Quang và các vị khác bị bắt là giả luôn. Cho nên người ngoài nước cũng phân vân, e dè với công cuộc đấu tranh của Phật Giáo hải ngoại. Nhất là khi nguồn tin là cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, (người trao Ấn Tín Lãnh Đạo Phật Giáo Việt Nam cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang) là VC vì đã đi hội họp với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam hay nhận chức vụ gì đó cho VC trước kia.

Vi vậy họ cho các cuộc đấu tranh của Phật Giáo trong và ngoài nước đều do VC dựng lên cả.

Hãy nhớ lại, sau ngày mất nước, sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là thành phần có nợ máu với CS mà vẫn phải tham dự họp Phường họp Tổ, có khi phải tham gia đoàn thể này nọ với VC; rồi còn đi trình diện "học tập cải tạo", vì tin lời CS hay vì để được an thân, chớ có phải đi họp hay đi học với CS tức là theo chúng đâu?

Vậy thì nếu cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu có theo MTGPMN biết đâu là vì bị VC ép buộc, vì đang ở trong tay chúng, Ngài cứ tạm nhượng bộ những chắc cũng hy vọng nhân dịp đó đem ánh sáng Tủ Bi soi rọi vào vùng tăm tối của bọn CS chẳng?

Cũng như trước biến cố năm 1963, ông Cố vấn Ngô Đình Nhu có bí mật thương thảo với Hà Nội, trong quyển *"Nhìn Về Quá Khứ..."* (In Retrospect) xuất bản năm 1995, cựu Tổng Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Mc Namara có xác nhận việc này), hẳn là ông Nhu cũng có mục đích tìm giải pháp nào có lợi cho VNCH, chớ chẳng lẽ hề liên lạc với CS là làm CS sao? Đường kim là Cố vấn Chính trị cho bào huynh của mình là Tổng Thống Ngô Đình Diệm, mà ông Nhu tự tìm đến CS để thương thảo, còn tin tưởng là có thể thuyết phục được CS Hồ Chí Minh thời đó. Một chiến lược gia của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa mà còn vì bất bình Mỹ là ngoại bang, đi tìm nói chuyện với CSVN; thì trách chi những nhà tu hành, tại Hội Nghị Tôn Giáo và Hòa Bình năm 1970, khi Mỹ leo thang chiến tranh, thả hàng triệu tấn bom và rải chất độc cam vàng xuống đất nước mình, khiến phong trào phản chiến bộc phát mạnh mẽ tại VN và cả Mỹ quốc, nên các nhà lãnh đạo Phật Giáo chỉ vì tình thương bao la của đạo TỬ BI mà kêu gọi hai bên ngưng bắn; rồi cũng như chính phủ Ngô Đình Diệm, thấy rằng sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh bất lợi cho Chính Nghĩa Quốc Gia, nên Hội Nghị kêu gọi Quân Đội Hoa Kỳ nên rút về nước, còn quân Mặt Trận Giải Phóng thì, hẳn cũng như ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, các nhà lãnh đạo Phật Giáo lúc ấy cũng không tin Hoa Kỳ mà tin rằng "đù sao Quân Giải Phóng Miền Nam cũng là người Việt Nam" có nghĩa là còn tin "anh em trong nhà đóng cửa thương thuyết được với nhau" như ông Nhu, chớ nào nói vậy tức nhiên là chống Mỹ mà đầu hàng CS?

Thế mà ngày hôm nay những người Quốc Gia cố chấp, cứ đem lời phát biểu như trên đây của Thượng Tọa Thích Thiện Minh tại hội nghị Tokyo hơn phần tư thế kỷ trước mà buộc tội Phật Giáo làm mất nước vào tay CS. Mặc dù họ biết sau chiến thắng năm 1975, chính Thượng Tọa Thích Thiện Minh bị CS bắt và tra tấn đến chết trong tù VC, mà những người "Quốc Gia" này lại lấy làm hà dạ y như CS; họ mừng rằng: "*Thích Thiện Minh đã đến tội*".

Tôi đây ta thấy thêm lý do CS còn kéo dài quyền thống trị tại VN: là nhờ những người gọi là chống Cộng mà cùng có những "thỏa mãn" chung với CS như trên đây. Từ đó họ sinh ra đố kỵ với tất cả những gì do Phật Giáo khởi xướng, rồi tự họ xé lẻ hàng ngũ chống Cộng, lây bệnh CHIA RẼ sang giới người già, lấy đó làm lý do bào chữa cho bệnh thờ ơ của họ; từ đó làm thế hệ trẻ hoang mang không biết đâu là sự thật nên cứ chịu mang chứng tật thờ ơ với đại cuộc cho đỡ nhức đầu!

Phải nhìn nhận rằng trong thời chiến, ai tranh đấu chống cái xấu của VNCH rồi kêu gọi Hòa Bình đều bị VC khai thác tối đa để làm suy yếu chế độ miền Nam. Nhưng việc làm này không phải chỉ có Phật Giáo??? Mà phản đối những cái sai của VNCH là muốn xây dựng chế độ cho được lòng dân, cho sự cai trị càng thêm vững mạnh. Cùng một mục đích ấy cũng có các Cha Công Giáo như Phan Khắc Tử, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan v.v... Các Linh Mục này cũng xuống đường chống đối, cũng viết lách "vạch tội" VNCH... chắc chắn các vị Linh Mục này đâu phải muốn miền Nam lọt vào tay CS?

Rồi sau năm 1975, các vị này cũng chống lại VC rồi bị bắt. Chẳng lẽ những giáo sĩ Công Giáo này chống già và bị bắt già cả sao?

Cho nên chúng ta cần suy nghĩ chín chắn để đừng chụp mũ nhau, rồi tự ta xé lẻ. Thực tế là, cho tới khi thực sự sống lâu với CS, người ta mới biết CS là gì? Và khi biết chúng là gì rồi, không ai còn tin và muốn theo chúng nữa, kể cả đảng viên CS cũng muốn bỏ đảng. Và người nào đã lầm nghe chúng mà bị thiệt hại nhiều chứng nào thì khi họ chống Cộng, họ còn chống mạnh hơn người khác.

Như vậy, nếu bỏ đi lòng cố chấp hẹp hòi chỉ tổ làm lợi cho CS; thì thì dụ, dù những nhà lãnh đạo Phật Giáo trên đây có làm lỗi "theo VC" vì tưởng VC tốt trong quá khứ; mà nay chính bản thân mình, đạo giáo mình bị hãm hại, thì chỉ cần trí óc bình thường cũng thấy rõ là những nhà lãnh đạo Phật Giáo này phải chống những chống Cộng thật, mà còn theo truyền thống quyết tử để bảo vệ Phật Pháp, phong trào đấu tranh đưa đến giải thể chủ nghĩa CS của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong và ngoài nước hiện nay, quả thật là một lực lượng đã và đang làm rung chuyển ngai vàng của Đế Quốc Đỏ Việt Nam.

Ồ đời ai chẳng có lúc phạm sai lầm, hay hành động quá đáng; có khác chẳng là sau đó, người ta có biết sám hối, chữa bỏ cái sai lầm của mình không? Chính Đức Giáo Hoàng John Paul II, tại La Mã ngày 14 tháng 11 năm 1994, Ngài đã tuyên bố trong một bức thư dài 16.000 chữ rằng: "*Giáo Hội Công Giáo La Mã không thể bước vào ngưỡng cửa của một thiên niên kỷ mới mà không khuyến khích đàn con cái Chúa, qua dọn mình sám hối, tự thanh khiết chính mình để vượt qua những lỗi lầm trong quá khứ...*".

Rằng: "*Một chương đau buồn khác của lịch sử mà những người con cái Chúa không thể không nhìn lại với niềm ăn năn thống hối, đặc biệt là trong vài thế kỷ (Giáo Hội) đã tỏ ra thiếu khoan dung và đôi lúc đã dùng bạo lực để phục vụ chân lý... (đó) là những trang sử đen tối của Giáo Hội. Và gần đây, sự truyền bá phúc âm bằng sức mạnh tại tân thế giới, sự thiếu khoan dung với các Tôn giáo khác...*".

Trong khi đó thì VC hiện giờ cũng chẳng may ăn năn, chỉ cố tạo bề ngoài phồn vinh giả tạo và để bảo vệ kinh tế thị trường, tức bảo vệ túi tiền của mình. VC càng mở rộng nhà tù để giam giữ những người khác chính kiến với chế độ; lưu đày những nhà lãnh đạo Tôn giáo: vì Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt vẫn ngoan cố ngồi đây; điều 4 Hiến Pháp XHCN "Đảng lãnh đạo theo chủ nghĩa Mác-Lê" vẫn còn đó.

Mà theo kinh nghiệm của ta thì:

"Đàng tắt thờ thì đời mới thờ

Đàng còn kia bát phở chỉ là mờ"

Tất cả chúng ta đều biết như vậy, nhưng cái nỗi mẹ là CS Liên Xô đã tan vỡ từ 6 năm nay mà CS con là VN vẫn còn sống mạnh. Chúng tôi nói sống mạnh vì nhóm Đế Quốc Đỏ này là chuyên hàng tí Mỹ kim vào các ngân hàng ngoại quốc. Số tiền khổng lồ đó cho ta thấy như máu của dân Việt bị chúng vắt cạn đi, màm sống không còn chọ đất nước.

Vậy thì ta phải gấp rút hết bỏ bàn tay vắt máu dân của VC, để giải thoát cho 70 triệu đồng bào bị cướp mất quyền sống trong nước. Ai cũng biết và nói như vậy, mà làm thì sao?

Nghĩa vụ người nữ Phật tử

Tức là phải bỏ bệnh thờ ơ và chia rẽ, đồng loạt làm như thi sĩ Phùng Quán:

Tôi muốn đúc thơ thành đạn

Bắn vào tim những kẻ làm càn

Những con người tiêu máu của dân

Như tiêu giấy bạc già

Dĩ nhiên không phải ai cũng biết làm thơ, nhưng chắc chắn ai trong chúng ta cũng biết nói và biết viết. Hãy viết lên, nói lên cái khổ đau của dân tộc; ai không quen viết thì phổ biến rộng rãi bài viết của người khác; như hai tập thơ Hoa Địa Ngục của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, cùng những sách báo có giá trị tranh đấu cho dân chủ tự do của tác giả khác. Hãy coi đó như một hình thức truyền thông mà mỗi người hải ngoại là một cán bộ thông tin không mệt mỏi cho dân mình.

Về điểm này, nếu bỏ được bệnh thờ ơ và được các đảng nam nhi khuyến khích tận tình, người Phụ Nữ Việt Nam, sẽ là những "tay súng" đáng kể để "bắn" vào tim những kẻ làm càn CS.

Theo tài liệu thống kê của Ủy Ban Dân Số Liên Hiệp Quốc, thì lần kiểm tra dân số mới nhất vào năm 1989, Việt Nam có tổng số 64.412.000 người; trong số này có 31.319.000 nam và 33.093.000 nữ. Con số phụ nữ trội gần 2 triệu này cho ta thấy rõ nữ công dân chiếm hơn phân nửa trong cộng đồng dân tộc, mà Phật Tử chiếm hơn 80% dân số.

Vậy nếu mỗi gia đình hải ngoại, các ông chú ý đến vai trò quan trọng của vợ và con gái mình, mà nếu hai vợ chồng cùng đi làm, người chồng nên khuyến khích vợ con cùng hoạt động như mình, bằng cách thu xếp phụ giúp việc nhà cho vợ con có thì giờ theo dõi sách báo tin tức hầu mở mang kiến thức để, chẳng hạn, cùng đọc và phổ biến thơ Nguyễn Chí Thiện như quý ông, rằng:

Trên mảnh đất Đàng gieo mầm tội lỗi

Trong lành cũng phải tanh hôi

Trẻ con chưa nứt mắt đã tù rồi

Bạo lực đi về rất vội!

Chết trận, chết tù, hồi ơi xā hôi!

Biết bao là vợ góa con cô!

Bán tròn rồi lại bán cả mồ hôi

Mà đôi rét vẫn quần cho sớm tối

Mảnh đất chờ trồng và sám hối...

(Nguyễn Chí Thiện - Trên Mảnh Đất, 1964)

Đại Hội Cứ Sĩ Phật Tử Thế giới diễn ra vào mùa Vu Lan, nhân dịp này ta nên thành tâm Sám Hối, tìm nguyên do, tại sao là con cháu Trưng, Triệu, chúng ta cam để chị em Phụ Nữ của ta nửa thế kỷ nay phải nhục nhả sống cảnh "Bán tròn" mà suốt đời vẫn đói rét như thế?

Nếu hiểu được làm chính trị là bài trừ tội ác để gieo trồng mầm thiện thì người Phật Tử sẽ khỏi bệnh thờ ơ và chia rẽ. Trở ngại chánh còn lại để cản ngăn người Nữ Phật Tử không thể đem hết nhiệt tình cho dân tộc, là "không đủ thì giờ". Đây là lý do đầu tiên và hình như là quan trọng nhất của mỗi người Việt hải ngoại cũng như quốc nội, nhất là Nữ giới. Ai cũng nói: tôi yêu nước, yêu dân, tôi biết việc cứu người là bốn phận phải

lâm: nhưng tôi không có thì giờ. Đây là lý lẽ để ve vuốt lương tâm Việt kiều hải ngoại?

Thật vậy, tôi xử người với hai bàn tay trắng, người đàn bà cũng quần quật lo làm để giúp sức với chồng trả nợ tiền nhà, tiền xe, tiền bảo hiểm, tiền ăn học cho con cái v.v... Rồi còn nấu nướng, săn sóc chồng con... Nếu gặp ông chồng thiếu thông cảm, tiếp tục coi việc bếp núc lau nhà là việc riêng của "đàn bà con nít", bỏ mặc cho vợ con nên họ đầu tắt mặt tối, còn giờ đâu lo việc gì khác, thì chẳng nói chi; nhưng có nhiều bà tự coi mình chỉ có bốn phận tề gia nội trợ, không dám hay không nỡ nhờ chồng phụ việc rửa chén, chùi cầu; hay coi người đàn ông xuống bếp sẽ làm hư hao tổn kém mất thì giờ, nên giành độc quyền nấu nướng... vì vậy mà chị em trở thành không thì giờ đọc sách để trao đổi kiến thức. Một vị Thượng Tọa đã lên tiếng phản nãn về thái độ quá "chuyên cần" này của một số Nữ Phật Tử.

Thí dụ khi đi chùa, quý bà thường hay trở tãi làm bếp, trình bày món ăn cho tịnh trọng để cúng Phật, trong khi Phật không hề dạy hay đòi phải được dâng cúng mâm cao cỗ đầy như vậy. Thầy trụ trì mời mấy cũng không chịu ra giảng đường để nghe giảng pháp; vì các bà này coi như mình làm "công quả" như vậy là xong bốn phận, rồi các bà lạy Phật, cầu nguyện van vái... thế là tròn thiên chức của người Nữ Phật Tử? Nhưng Phật ra đời để phục vụ con người chứ không bắt con người phục vụ Phật.

Cho nên vị Thượng Tọa trụ trì khuyên những ngày lễ tại chùa, Phật Tử nên tổ chức ăn uống thật giản dị, để thì giờ nghe Pháp rồi thảo luận và đặt kế hoạch thực hành lời Phật dạy trong đời sống gia đình và xã hội. Rồi kỳ sau tối chùa cùng nhau bàn luận những khó khăn trở ngại gặp phải trong việc thi hành Pháp ấy, để cùng khuyến khích nhau tu tập cho kỳ được lời Phật dạy. Thí dụ ta đang học về TỬ NHIẾP PHÁP mà không dẫn thân thực sự giúp đỡ người đồng hương đang bị giầy xéo bởi giặc CS, dù chỉ bằng cách ký tên trong bản kiến nghị gửi Liên Hiệp Quốc để đòi CS thả các tù nhân lương tâm và thực thi đa nguyên đa đảng, thì không dám đặt bút ký, vì sợ dính dáng đến chính trị; thay vào đó lại đi vấp đầu kính cẩn lạy đủ các bàn thờ trong chùa, về nhà siêng năng tụng kinh gõ mõ suốt đêm lạy Phật cầu an cho bá gia bá tánh để làm phước...! Thầy trụ trì giảng rằng cầu nguyện là cần, nhưng phải hiểu cầu nguyện đây là cầu trợ Phật lực giúp cho mình thêm sức mạnh, dù sáng suốt mà thực hành lời Phật dạy; chủ nếu không thật sự hành động mà chỉ vái lạy suông thì đó chỉ là mê tín dị đoan, trái với Phật Pháp.

Nếu vậy thì có phải người Nữ Phật Tử chúng ta phần đông hành đạo theo lối mê tín này; vì người đi chùa cúng vái phần đông là Nữ giới, mà chen vai gánh vác chuyện xã hội, thì rất thừa thớt, thừa thớt như trong ba ngày Đại Hội Cứ Sĩ Phật Tử Thế Giới này chẳng hạn, chỉ có 4 Nữ trong 36 thuyết trình viên! Người Nữ Phật Tử hình như quên rằng Đức Phật không dành quyền thưởng phạt ai cả, nên cũng chẳng thể ban bố cho người dù đã công lụng vái lạy Ngài. Đức Phật chỉ dạy cho chúng sanh những việc gì phải làm để được có cuộc sống an lạc; thì chỉ có chính người nào làm theo thì người ấy được hưởng công lao của chính việc làm của họ. Đức Phật sẽ rất bất công nếu ban bố theo lời nguyện cầu của người mà nếu tự người ấy không làm gì cả, hay làm ngược lại!

Cho nên nếu là người Nữ Phật Tử thuần thành thì học và hành phải đi chung với nhau, chủ không chỉ xi sụp vái lạy. Khi thấu rõ như vậy, chúng ta tức khắc tìm đủ thì giờ để hành đạo giúp đời.

Như vậy, vì Đạo Phật chủ trương không có cái Ta, nên người Phật Tử HÀNH Đạo không nên coi cái nhà "của ta", xe hơi "của ta", cháu con "của ta" là quan trọng nhất trong đời mình; rồi thực hành môn Pháp "Thiểu dục và TRI TỨC" là ta có thì giờ chu toàn bốn phận trong gia đình đồng thời làm nghĩa vụ với dân tộc. Về gương thực hành Pháp VÔ NGÃ này, ta có gương sáng ngời của Nữ Phật Tử TỶ XÁ KHỮ, là bà mẹ của 10 người con tài trí phi thường của vua Ấn Độ, vậy mà bị vua xử trảm vì nghe lời vu khống của viên Thừa Tướng của triều đình. Khi nghe được hung tin, bà Tỳ Xá Khử ngắt xi.

Khi tỉnh lại, bà muốn chạy ngay về nhà để lo cho thì thế 10 đứa con máu thịt của bà. Nhưng lúc ấy bà đang dâng bát cúng Phật và 1.200 vị Tăng đang khai lễ tại chùa. Nhờ lời Phật dạy: "Vị tha, vô ngã và thế gian VÔ THUỞNG", nên bà giữ được TÂM bất động để tiếp tục dâng cúng cho xong đại lễ rồi mới rời chùa lo việc riêng. Trong nỗi đau đớn vô cùng tận của đời bà, Nữ Phật Tử TỶ XÁ KHỮ giữ được Chính Tâm, Nhứt Niệm, biết đặt Phật sự trước gia đình, (vì có về ngay thì cũng không cứu được 10 người con), là nhờ bà biết viên Hùng Tâm, Hùng Lực của Phật Pháp để vượt qua cái Ta, ở đây là "Con Ta" ... v.v...

Đối với những ai còn "trọng Nam khinh Nữ", hay chính Nữ giới tự coi thường mình, còn đeo đẳng mặc cảm về vai trò, địa vị thấp kém của mình trong xã hội; thì nên nhớ để hãnh diện rằng chính lịch sử. Luật Pháp Việt Nam cũng rất văn minh tiến bộ nhất thế giới về phương diện Nữ Quyền.

Ai cũng biết nước khổng lồ Trung Hoa, nếu 10 đứa con gái Tàu được sanh ra thì cha mẹ chúng coi như họ chưa hề có đứa con nào; khi có chồng thì phải bị cảnh chồng chúa vợ tôi. Đó là cổ tục Đông Phương, đã đành, nhưng có thể nói, trước thế kỷ 18, ngay cả Phụ Nữ Tây Phương cũng bị coi như một thứ nô lệ; Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phải chờ đến năm 1776 có bản Tuyên Ngôn Độc Lập, nước Đại Pháp phải chờ tới năm 1789 có cuộc Cách Mạng Dân Quyền bùng nổ thì giới Phụ Nữ Âu Châu này mới được giải phóng, Nữ Quyền mới được nhìn nhận.

Trong khi nước nhỏ bé Việt Nam, từ thế kỷ 15, người Phụ Nữ được coi trọng và vấn đề Nam Nữ Bình Quyền được ghi hẳn hoi vào Bộ Luật Hồng Đức dưới triều Hậu Lê, tức Bộ Quốc Triều Hình Luật (1428-1788). Quyền lợi người đàn bà Việt Nam được Bộ Cổ Luật này bảo vệ một cách chặt chẽ từ vật chất (tài sản, thân mạng) đến tinh thần (hôn nhân, quan hệ vợ chồng) v.v... Về điểm tinh thần này, bộ Quốc Triều Hình Luật của Việt Nam ta bảo vệ quyền được sống hạnh phúc của Nữ giới một cách còn văn minh hơn cả luật pháp xứ Mỹ hiện nay; đó là Cổ Luật đặc biệt quan tâm bảo vệ người vợ khi họ bị chồng bạc đãi, nên Bộ Luật có nhiều điều khoản cho phép người vợ đi trình quan khi chồng mê say người đàn bà khác rồi rường rẫy, bỏ bê mình. Nếu hội đủ chứng cớ, người chồng ngoại tình bị luật trừng phạt và người vợ được phép lấy chồng khác nếu muốn, chủ không phải suốt đời chịu cảnh "có cũng như không" hay bị bắt buộc phải chia xẻ tình thương như ta thường biết về thân phận của người vợ trong quan niệm "trai năm thế bảy thiệp" vốn du nhập từ thời nô lệ phong kiến Trung Hoa. Vì tinh thần nô lệ này là Luật lệ và thuần phong mỹ tục thuần túy Việt Nam không được thực hiện. Rồi qua nhiều thế kỷ, ta cứ lấy hủ tục của người làm của mình, cha mẹ giáo dục con cái theo luân lý "tam tông, tứ đức" một cách mù quáng, thành thử người Phụ Nữ Việt Nam không có cơ hội sử dụng đúng mức nghĩa vụ và khả năng của mình để xây dựng xã hội. Từ đó đất nước Việt Nam trở thành chậm tiến so với các nước khác và phân nửa nguồn nhân lực của xứ sở bị bắt đồng hóa bởi thành kiến và cũng bởi mặc cảm tự ti của chính người Phụ Nữ.

Chị em phải nên ý thức vai trò quan trọng của mình mà cương quyết song bước cùng phái mạnh để phục vụ cho tha nhân thì không có gì trái với luân thường đạo lý cả. Chỉ khi nào mình nêu "nữ quyền" để thỏa mãn sự đua đòi vị kỷ thì mới sai trái, không nên làm.

Luật đời đã dành sẵn cho chúng ta cơ hội phục vụ, chỉ cần ta biết để tranh đấu đòi quyền thực thi cơ hội ấy. Xin nhớ rằng từ vấn đề lớn như Tự Do, Dân Chủ v.v... cho tới việc nhỏ như cái ăn, cái mặc v.v... không có gì tự nhiên mà có do ai đó ban cho; mà phải do chính sức ta tranh đấu bằng mọi cách. Nói nôm na là: "hễ con không khóc, mẹ không cho bú!". Đó là Luật Đời.

Còn về Luật Đạo, thì chính giáo lý Phật Giáo đã hòa giải tất cả những quan niệm bất bình đẳng Nam Nữ của tư tưởng Khổng Mạnh. Trước hết là Luật Nhân Quả: Ai gieo gió thì gặt bão, bất luận người gieo nhân ấy là Nam hay Nữ. Đức Phật còn dạy rằng: "Đừng thỏa mãn với những gì được trao truyền lại do tập quán hoặc do truyền thuyết, hoặc những gì viết lại trong kinh điển mà phải phân tích, luận giải, kiểm chứng

với những kinh nghiệm và kết quả thật sự có lợi ích đích thực cho chính bản thân mình, cho người rồi hãy tin theo và đem ra thực hành. Những điều dạy nào không mang lại sự thật, có cơ nguy làm hại mình, làm khổ người, vì những hiện nhân phản kháng, thì phải dẹp bỏ, không tin theo". Như vậy tư tưởng "tam tông" của Khổng Giáo (nếu coi đó là thủ luân lý buộc người vợ phải tùng phục ông chồng trong mọi việc dù là việc xấu, coi chồng đương nhiên có quyền đi ngang về tắt, coi nghĩa vụ chung thủy đạo phu thê chỉ có người vợ phải tuân hành v.v... phải được coi là "kinh điển, giáo điều phải dẹp bỏ" theo lời Phật dạy.

Hơn nữa Ngũ Giới của nhà Phật (giới thứ tư: Không nói dối hại người; giới thứ ba: Không tà dâm, (nghĩa là không được thông dâm với người không phải là vợ hay chồng mình), đã chẳng những xóa bỏ giáo điều "trai năm thê bảy thiếp" từ ngàn xưa của tư tưởng Khổng Mạnh, mà còn gìn giữ hạnh phúc gia đình trong giai đoạn mà phải yếu có thể bị nền văn minh vật chất hiện đại quyến rũ mất liệt.

Trên đây là luật đạo đối với Nữ Quyền: còn về trí tuệ và khả năng của người Nữ, nếu hiện nay vì thành kiến xưa, có người còn coi người đàn bà chỉ có khả năng tùy tùng, hay chính người phải yếu mặc cảm tự cho mình chỉ có bốn phận tùy thuộc, không thể làm nổi việc lớn ngoài việc kim chỉ và may, bếp núc... thì chính Đức Phật đã dạy rằng người Nữ cũng có khả năng trí tuệ như Nam giới.

Đó là trường hợp **Thắng Man Công Chúa** (Shranman), người đã hiểu thấu kinh SỰ TỬ HỒNG, là bộ kinh Tối Thượng Thừa, Phật chỉ giảng cho những bậc tu học rất lâu năm, gần thành Phật quả, vì chỉ có những vị này mới hiểu nổi. Thế mà Đức Phật biết được khả năng của Công Chúa và khuyến khích: "Con có đủ sức thành Phật" và Ngài đã giảng kinh này cho Công Chúa Thắng Man dù lúc ấy mới gần 20 tuổi.

Tóm lại, suốt dòng lịch sử của dòng giống Lạc Hồng, hình ảnh người Phụ Nữ luôn luôn giữ vai trò trọng yếu, toàn là những đấng Tiên, Phật. Về đời, ta có Mẹ ẤU CỐ, rồi tới các Nữ Vương Trưng, Triệu cùng chư Liệt Nữ đảng viên Quốc Dân Đảng, các nữ anh hùng trong phong trào Cần Vương, Duy Tân, Quang Phục Hội v.v... Về đạo, ngoài những Nữ Phật Thắng Man, Bồ Tát Tỷ Xá Khư kể trên, ta còn có Long Nữ trong Hội Pháp Hoa, Thiên Nữ trong kinh Duy Ma Cật và phổ biến trong dân gian nhất là Phật Bà Quan Thế Âm, người Mẹ Từ Bi cả đời cứu khổ cứu nạn cho nhân loại...

Phật Giáo Việt Nam đã gắn liền với vận nước thịnh suy từ thời lập quốc, biết bao nhiêu Phật Tử đã rừ áo nâu sòng để tông quân cứu nước: như trước khi vị Cao Tăng Trần Nhân Tông hai lần đánh bại giặc Mông Cổ (năm 1284), hơn 300 năm sau thời Bà Triệu xưng Vương, ta còn có một Phật Tử xưng Đế lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, đó là Lý Bôn (còn gọi là Lý Bi), nguyên là một chú tiểu tu học tại Chùa, nhưng không thể vui kinh kệ ngồi nhìn dân chúng đau khổ dưới ách thống trị của quân Tàu, nên vào năm 541 sau Tây lịch, đã dùng Đại Hùng Đại Lực của Phật Pháp chiêu dụ quân nghĩa đứng nổi lên đánh đuổi giặc ngoại xâm, xưng là Lý Nam Đế.

Riêng về giới Nữ tu, thì có Hoàng Thiểu Hoa, dù đã xuất gia đầu Phật, nhưng không thể ngồi yên nhìn giặc Đông Hán day dọa dân mình nên bà đã hoàn tục, theo Trưng Trắc và Trưng Nhị đánh ngoại xâm, lập nhiều công trận. Ni cô Hoàng Thiểu Hoa là gương sáng chói trong việc hành đạo cứu nước.

Đến đây có thể chúng ta đã thống nhất được tư tưởng là: không thể tách rời chính trị ra khỏi Đạo Pháp. Nhưng có thể còn một vấn nạn cũng rất chính đáng là: "Phật Giáo là vĩnh cửu, chính trị thì nhất thời, sự thăng trầm của chính trị sẽ làm cho Phật Giáo hệ lụy. Chính trị thay đổi trước mọi tình huống, nay bạn, mai thù, nay hòa, mai chiến. Như vậy Phật Giáo sẽ ra sao nếu làm chính trị?"

Theo thiên ý, vĩnh cửu phải gồm những cái "nhất thời", cũng như thời gian làm bằng từng giây từng phút. Nếu không đếm những giây phút nhất thời ấy, ta không có được cái vĩnh cửu gọi là thời gian.

Như vậy, dùng "chính trị là nhất thời", nhưng nếu hiểu làm chính trị là làm bốn phận công dân và giáo dân, thì bốn phận "nhất thời" ấy phải làm tròn thì mới tạo ra được một sự nghiệp vĩnh cửu. Do đó Phật Giáo không thể vì tính vĩnh cửu ấy mà quay lưng chối bỏ trách nhiệm lịch sử của mình. Bởi lịch sử cũng tạo thành bằng những biến cố nhất thời. Mà sống ở thời nào, ta phải có bốn phận một tín đồ, một công dân của thời ấy. Tổ quốc Việt Nam ta hiện đang trải qua một khúc quanh lịch sử ngặt nghèo, trong đó Dân Tộc và Đạo Pháp bị chà đạp... vậy thì bốn phận "nhất thời" vào lúc này là làm sao giúp giải thể chế độ kèm kẹp quyền làm người của dân Việt. Cho nên dù "sự thăng trầm của chính trị sẽ làm cho Phật Giáo hệ lụy" thì cũng không phải vì vậy mà người Phật Tử thiếu cái "Dũng" để chia xẻ điều hệ lụy chung của dân tộc? Trái lại, phổ biến Phật Pháp để cổ động toàn diện cho cuộc đấu tranh bất bạo động chống độc tài gian ác, một hệ lụy chung hiện nay của đất nước, là một hành vi chính trị "nhất thời" phải làm để tạo thành sự nghiệp "vĩnh cửu" của Phật Giáo, xin nhớ rằng đất nước còn thì Đạo Pháp mới còn.

Giờng biết sáng suốt trong khi hành đạo, biết làm nhiệm vụ chính trị "nhất thời" của các Tăng Ni thời Trưng, Triệu, dưới triều "chủ tiểu" Lý Nam Đế rồi Thiên Sư Trần Nhân Tông v.v... đã đem lại nền tự chủ lâu dài cho đất nước và nhờ đó mà Phật Giáo được phát triển mạnh mẽ từ thời nhà Lý trở về sau, là chúng minh hùng hồn về tính "vĩnh cửu" của Phật Giáo trong lịch sử khi người Phật Tử dẫn thân "làm chính trị".

Phụ Nữ Việt Nam chiếm con số hơn nửa phần dân tộc, nếu tất cả Nữ Phật Tử trong và ngoài nước, hiện tại không cần cầm guơm xông trận, chỉ cần cầm vững chánh niệm, nhất tâm xông vào đời, giữ tròn Ngũ Giới, hành Pháp Vị Tha. Ai không tham gia việc nước được vì không có khiếu về lãnh vực ấy, chỉ thích Tu Thân, Tề Gia trước, thì không nên chỉ vãi lay theo lối mê tín dị đoan mà cần thực hành cho được phép tu "Thiểu Dục, Tri Túc" (tham muốn ít và biết đủ), rồi áp dụng triệt để "Tứ Nhiếp Pháp" (Bố Thí Nhiếp, Ái Ngũ, Lợi Hành, Đồng Sự Nhiếp) mà khuyến khích chồng con, bè bạn gánh vác việc lớn, chớ đứng bài bác làm nản lòng người khác và nhất là đừng tham lam đem hết thì giờ vào việc tô son điểm phấn cho thân ta thêm lộng lẫy, cho của cải ta thêm đồ sộ...

Nếu tất cả Nữ Phật Tử Việt Nam đều ý thức nghĩa vụ đối với đất nước trong giai đoạn lịch sử này, liên tục kiên trì đem đạo Từ Bi Trí Dũng mà "bắn" xổ xa vào Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, thì Đảng Cộng Sản đã phải ngưng gieo mầm tội lỗi, trao trả quyền trị nước và tự do tín ngưỡng về cho dân tộc và cúi đầu sám hối từ lâu rồi. Nay nếu ta tiếp tục cầu an, ích kỷ, không làm hay làm theo lối đánh trống bỏ dùi là đắc tội với tổ quốc, chính ta phải khấu đầu sám hối trước Hồn Thiêng Sông Núi và Phật Pháp.

Nhân mùa VU LAN trước ngưỡng cửa bước vào thế kỷ thứ 21, để đền đáp TỬ AN và Đạo PHÁP, toàn thể người Nữ Phật Tử Việt Nam trong và ngoài nước nên túc khắc thống nhất ý chí và tư tưởng, Đoàn kết tu học, hành đạo cứu đời bằng cách làm theo lời Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ "gọi đoàn phụ nữ" như vầy:

*Chị em ơi Bắc Nam là một,
Chị em là rường cột giống nòi
Giờ sử xanh Nam Việt ra coi
Gương Trưng, Triệu còn soi muôn thuở
Chẳng lẽ xưa hay mà nay dờ
Khiếp nhược là cái cố vong gia
Chí anh hùng của khách quần thoa
Đâu có kèm bực tu mi Nam Tử
Sách Thánh hiền truyền lưu mấy chữ
Thất phu còn trách nhiệm với non sông
Cà tiếng kêu bạn gái Má Hồng
Đem son phấn điểm tô Tổ Quốc.*

Mùa VU LAN, tại Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, năm 1996 - Sa9720.12

Kim Anh Nguyễn Việt Nữ

VĂN HÓA NHÂN BẢN PHỤC VỤ DÂN TỘC

Lê Kim Ngân

Làm thầy thuốc mà làm thì chỉ giết hại có một người

Làm chính trị mà làm thì hại một nước

Làm văn hóa mà làm thì sẽ làm hại muôn đời

Lời nhận định bất hủ trên của Lão Tử đã cho ta thấy rõ vai trò tối quan trọng trong công tác văn hóa trong quá trình tiến hóa của con người.

Nhưng thế nào là "làm văn hóa làm" ?

Văn hóa làm có nghĩa là công tác văn hóa không được đặt đúng mục tiêu chính đáng của nó. Thực vậy, mục tiêu tối hậu và chính đáng của văn hóa là con người; con người đây không phải chỉ là con người "cá thể", mà là con người ở trong "cộng đồng", hay nói một cách rộng rãi và xác định hơn, đó là con người được đặt trong tập thể dân tộc, nhân loại của nó. Vậy văn hóa chính đáng là văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc.

Nhưng văn hóa là gì ?

Nội dung của văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc và diễn trình của nó trong lịch sử nhân loại như thế nào?

Và sau hết, nhiệm vụ của người làm văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc phải như thế nào?

Văn hóa là gì ?

Theo tự nguyên, *văn* có nghĩa là đẹp, là đáng vẻ bề ngoài, là phép luật, là chữ; còn *hóa* nghĩa là dạy dỗ, thay đổi, sửa đổi, chuyển đi tính chất, cải lương phong tục cũng gọi là *hóa*.

Từ Hải, một cuốn từ điển nổi tiếng của Trung Hoa, đã định nghĩa "văn hóa" như sau:

"Xã hội nhân loại, đi từ dã man tiến lên văn minh, (đã phải) nỗ lực tạo dựng nên những thành quả biểu hiện của mọi phương diện, bao gồm khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, đạo đức, pháp luật, phong tục, tập quán. Tất cả những cái đó tổng hợp lại thì gọi là văn hóa".

人類社會由野蠻而至
文明,其努力所得之成
績,表現在各方面者為
科學,藝術,宗教,道德,法
律,風俗,習慣等,其總合
體,則謂之文化

(Nhân loại xã hội đi dã man nhi chí văn minh, kỳ nỗ lực sở đắc chi thành tích biểu hiện ở các phương diện giả, vi khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, đạo đức, pháp luật, phong tục, tập quán, đạo đức, kỳ tổng hợp thể vị chi văn hoá).

Về phía Tây phương, văn hóa được biểu thị bằng chữ "culture". Theo tự nguyên, *culture* bắt nguồn từ chữ La-tinh "*cultura*" (*cultura* khởi nguyên có nghĩa là chăm sóc đồng áng và súc vật). Từ thế kỷ thứ XIII, chữ "culture" bắt đầu du nhập vào văn tự Pháp và sau đó, ngoài nghĩa vật thể, nó bao hàm luôn ý nghĩa tinh thần nữa; do đó,, người ta nói "*culture de la terre*" (cây cấy đất đai), những người ta cũng nói "*culture des Arts*" (trau dồi nghệ thuật).

Từ thế kỷ XIX trở đi, chữ "culture" được tổng quát hóa, mang ý nghĩa "văn hóa" như ngày nay. Từ đó, nhiều tác giả Tây phương đã thử định nghĩa một cách chính xác chữ "culture" này, nhưng chưa thành công. Một cách giản dị, có tác giả đã đề nghị định nghĩa: "Văn hóa là tất cả những gì làm đời sống trở thành có giá trị, sinh tồn". (*Culture may even be described simply as that which makes life worth living.* - T.S. Eliot, *Notes Towards The Definition Of Culture*, Faber anh Farber Ltd., 1948, trang 27).

Cuốn từ điển *Petit Larousse*, Librairie Larousse, Paris, 1977, tr.278, định nghĩa "văn hóa" là "Toàn thể những kiến thức thu được, hay là: Toàn thể những cơ cấu xã hội, tôn giáo... những biểu thị trí thức, nghệ thuật..., biểu trưng một xã hội".

("Ensemble des connaissances acquises - Ensemble des structures sociales, religieuses etc... des manifestations intellectuelles, artistiques, etc..., qui caractérisent une société).

Tóm lại, một cách tổng quát, cả Đông lẫn Tây phương đã hiểu chữ "văn hóa" là "toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử của mình". (*Từ điển triết học*, bản dịch từ Nga văn của một số triết gia Nga, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1976, trang 973).

Vậy trong quá trình lịch sử của con người, văn hóa nhân bản đã phục vụ dân tộc như thế nào?

Văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc như thế nào?

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, mục tiêu tối hậu và chính đáng của văn hóa là con người. Văn hóa do con người sáng tạo ra và để phục vụ cho con người, như thế gọi là văn hóa nhân bản. Những con người được phục vụ ở đây không phải là con người "cá thể", nghĩa là mục tiêu của văn hóa không phải được sáng tạo ra để nhằm phục vụ cho một cá nhân, một phe nhóm, một đảng nào, mà phải nhằm phục vụ cho con người trong cộng đồng dân tộc nói riêng và nhân loại nói chung của nó.

Trong quá trình lịch sử của con người, có những thời điểm văn hóa đã được sử dụng đúng mục tiêu chính đáng và đã tạo dựng

được những nền văn minh rực rỡ, đưa hẳn con người từ trạng thái dã man lên trạng thái văn minh, hoặc từ trạng thái văn minh sơ đẳng lên trạng thái văn minh thượng đẳng. Nhưng cũng có những giai đoạn công tác văn hóa đã bị cường quyền cường bách phục vụ cho cá thể, phe nhóm, đảng đoàn. Trong những giai đoạn này, nền văn minh nhân loại đã bị kéo lui lại, hoặc bị ngưng trệ không tiến lên được tùy theo mức độ cường chế của cường quyền đối với nền văn hóa.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh rất rõ nhận định trên. Thực tế, từ khởi thủy, chẳng hạn tại các bộ lạc, thị tộc Trung Hoa, vua Hữu Sào phát minh ra cách lấy gỗ làm nhà ở, vua Toại Nhân tìm thấy phương pháp làm ra lửa, vua Phục Hi sáng chế ra lối dệt dây thành những lưới bắt cá và thú vật, vua Thần Nông nghĩ ra phương pháp cấy cấy đất đai để trồng cây, cấy lúa... Tất cả những vị đó đã làm công tác văn hóa nhân bản vật thể đưa dân tộc Trung Hoa từ trạng thái dã man lên trạng thái văn minh sơ đẳng. Tới thời nhà Thương (1776-1122 trước Tây lịch), nhà Chu (1112-206 trước Tây lịch), dân tộc Trung Hoa đã thoát ra khỏi chế độ bộ lạc, thị tộc và đã bước vào giai đoạn hình thành quốc gia nhờ hậu quả công tác văn hóa chân chính của các vị vua Nghiêu (2359-2259 trước Tây lịch), Thuần (2256-220 trước Tây lịch), Võ, Thành Thang, Chu Văn Vương... Trong thời nhà Chu, các nhà làm văn hóa tinh thần như Lão Tử, Khổng Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, Hàn Phi Tử... đã đóng góp những tư tưởng căn bản làm nền tảng cho hệ thống triết học và văn học xây dựng nên nền văn minh học thuật rực rỡ của Trung Quốc.

Tại Tây phương, vào thời văn minh Hy-La (thế kỷ thứ VIII trước Tây lịch - thế kỷ thứ III sau Tây lịch), những nhà làm công tác văn hóa tinh thần chân chính như Socrate, Hérodote, Pythagore, Platon, Aristote... đã tạo dựng được cả một hệ thống tư tưởng làm nền tảng cho nền triết học và văn học nghệ thuật Tây phương thời Thượng cổ. Tới cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX, sau cuộc cách mạng dân quyền 1789 tại Pháp, chế độ tự do dân chủ hình thành và lớn mạnh, con người bắt đầu được giải thoát khỏi những ràng buộc tôn giáo, khỏi những chế độ độc đoán, khỏi những tư tưởng hủ lậu một chiều... Nhờ đó công tác văn hóa Tây phương mỗi ngày một khởi sắc và nền văn hóa nhân bản chân chính phục vụ dân tộc này đã tạo dựng nên nền văn minh khoa học kỹ thuật tiến bộ khả quan của thế giới tự do ngày nay.

Tuy nhiên, xen vào giữa những thời kỳ văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc, cũng có những thời gian văn hóa phi nhân phục vụ những cá thể. Chẳng hạn, tại Trung Hoa, vào thời nhà Tần (221-206 trước Tây lịch), Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, buộc các nhà làm văn hóa phải hưởng mục tiêu vào việc phục vụ riêng cho triều đại nhà Tần. Tiếp đó, từ thời nhà Hán cho đến hết thời nhà Thanh (1644-1911), các Hoàng đế Trung Quốc đã lấy Khổng Giáo làm quốc giáo, buộc các nhà văn hóa tinh thần phải khuôn định trong khuôn khổ Khổng Giáo, ca tụng chế độ quân chủ nói chung và các vị

vua, quân đường thời nói riêng. Mọi tư tưởng, hành động, sáng tác, phát minh vượt ra ngoài khuôn khổ Nho Giáo và ngược lại với chính sách của các triều đại đường thời đều bị tiêu diệt. Do đấy nước Trung Hoa quân chủ trong suốt thời gian lịch sử dài hơn 2000 năm đã không tiến hóa được đúng mức. Người ta gọi thời kỳ lịch sử này của Trung Hoa là thời kỳ "ao tù Trung Quốc".

Tại Tây phương, vào thời Trung cổ (thế kỷ thứ V đến cuối thế kỷ XV), Thiên Chúa Giáo được độc tôn tại Âu Châu. Nền văn hóa Âu Châu thời này đã trở thành phương tiện phục vụ cho Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và cho chế độ phong kiến của các lãnh chúa đường thời. Do đấy, "đêm dài Trung cổ" đã làm chậm lại sự tiến hóa của các dân tộc Âu Châu trên bước đường khai phóng giá trị tinh thần và vật chất của họ trong gần 1000 năm lịch sử. Và, từ đầu thế kỷ XX cho tới nay, tại các quốc gia được mệnh danh là "xã hội chủ nghĩa", nhà cầm quyền đã xác định rõ ràng rằng văn hóa xã hội chủ nghĩa phải là nền văn hóa phục vụ cho giai cấp vô sản. Chính Staline đã khẳng định rằng: "ở các dân tộc khác nhau đang tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa, thì nền văn hóa vô sản, tức là văn hóa xã hội chủ nghĩa, về nội dung, có những hình thức và phương pháp thể hiện khác nhau, do sự khác nhau về ngôn ngữ và cách sinh hoạt v.v... quyết định. Nội dung thì vô sản, hình thức thì dân tộc, đó là nền văn hóa toàn thế giới mà chủ nghĩa xã hội đang hướng tới". (Staline toàn tập, tập 7, bản tiếng Nga, trang 138. Dẫn theo *Từ điển triết học*, sách đã dẫn ở trên, trang 978).

Bởi thế trong các quốc gia này, tất cả mọi công tác văn hóa, từ vật chất tới tinh thần, đều phải hướng vào việc phục vụ giai cấp vô sản, chứ không phải phục vụ dân tộc. Mà giai cấp vô sản ở đây, trong thực tế, tức là một thiểu số lãnh tụ Cộng Sản cầm quyền. Khi công tác văn hóa đã trở thành phi nhân, nhằm mục tiêu phục vụ cho cá nhân, cho một thiểu số lãnh tụ, cho một chế độ độc đoán, thì đường nhiên đất nước phải lạc hậu, nền văn minh của dân tộc đó phải bị kéo lui lại hàng mấy thế kỷ. Đó là một thực trạng hiển nhiên đã và đang xảy ra tại các nước Cộng Sản, và đó cũng là một hệ luận tất yếu của nền văn hóa phi nhân nô dịch vậy.

Khi đã phân định rõ lợi và hại của nền văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc và nền văn hóa phi nhân nô dịch, nhà làm văn hóa chân chính phải quan niệm nhiệm vụ của mình như thế nào?

Nhiệm vụ của người làm công tác văn hóa nhân bản phục vụ dân tộc phải như thế nào?

Khi đã lãnh trách nhiệm "làm văn hóa", nhà làm văn hóa trước hết phải ý thức vai trò tối quan trọng của văn hóa đối với dân tộc, đối với nhân loại. Nếu "làm văn hóa làm" thì sẽ làm tổn hại muôn đời về sau, như lời Lão Tử đã nói.

Cho nên nhà làm văn hóa phải *khách quan, vô tư*, chỉ có một hướng nhìn là *sự*

thực, chỉ có một hướng dẫn là *lương tâm*, chỉ có một hướng đi là *nhân bản*, chỉ có một hướng đến là *dân tộc, nhân loại*. Trước cường quyền, bạo lực, nhà làm văn hóa phải có thái độ cương cường bất khuất, dù có ở vào hoàn cảnh nghèo hèn cũng không thay lòng đổi dạ để tự biến mình thành văn nô.

*"Bàn tiện bất năng dĩ
Uy vũ bất năng khuất"*

như thái độ của kẻ quân tử Nho Giáo, và

*"Yêu ai củ bèo là yêu
Ghét ai củ bèo là ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét"*

(Lời Mẹ Dạy)

như thái độ cương cường của Phùng Quán, một nhà thơ miền Bắc Việt Nam trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm trước cường quyền Cộng Sản buộc ông phải uốn cong ngòi bút ca tụng chế độ độc tài Cộng Sản và những lãnh tụ của chúng. Cũng như nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cương quyết không chịu sử dụng văn hóa như một phương tiện phục vụ đảng để được hưởng ân huệ đảng ban cho:

*"Đời chề thơ nhiều buồn đau, hờn giận
Không chịu bôi hồng trát phấn
Bán mình cho đảng để nuôi thân
Gắn bó cùng tôi, thơ khổ vô ngần
Chia sẻ bao sầu, bao hận
Thơ chịu âm thầm chung thủy tận khi nao?
- Tận khi nào
Anh nói với thơ lời già dốt"*

(Tôi Lấy Thơ, 1963)

Tuy nhiên, giữ được nhiệm vụ làm công tác văn hóa chân chính không phải là dễ. Tự ái cá nhân, cảm dỗ tinh thần và vật chất dễ lung lạc nhà văn làm văn hóa. Bởi vậy mỗi có một số nhà làm văn hóa hoặc không kim chế được tự ái cá nhân nhất thời, hoặc không nhịn được trước những mồi nhử vinh hoa phú quý phiếm, đã tự biến mình làm nô lệ cho chính mình, làm nô lệ cho cường quyền, bạo lực. Bọn văn hóa nô dịch này nhà thơ Nguyễn Chí Thiện gọi là bọn "bồi bút", hoặc là bọn "văn sĩ có đầu":

*"Các loại bồi đều vô cố bị ô danh
Bồi ông bạn cùng ngành có học
có hành hần hoi là bồi bút
Ông bạn này chỉ biết ăn biết hút
Biết lách chui vào mọi khách sạn no say
và to mồm hồ vạ tuế: Hôm nay
Để lương tâm không bị vô xé gắt gay
Ông cố giựt đeo vào đôi kính đỏ"*

(Bồi Bút)

*"Thôi hỡi đầu
Mặc thầy bạn văn sĩ có đầu
Vuốt râu xoa đầu môn trôn Bác"*

(Hôm Nay 19 tháng 5)

Văn nô nổi tiếng miền Bắc Việt Nam là Tố Hữu. Nhờ công tác văn hóa nô dịch tích cực và hữu hiệu phục vụ cho chế độ bạo tàn Cộng Sản, Tố Hữu đã được cất nhắc lên làm tối chức vụ Phó Thủ Tướng, Ủy viên Trung ương Đảng! Sau đây là vài câu thơ trong rất nhiều câu thơ "đề dõ" của văn nô Tố Hữu thể hiện nguyên hình công tác văn hóa nô dịch của hắn:

"Stalin! Stalin!

*Yêu ông biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin*

.....

*Thường cha thường mẹ thường chồng
Thường mình thường một, thường Ông
thường mười*

....."

Một chế độ độc tài phi nhân như chế độ Cộng Sản, mà chỉ vì bọn văn nô như Tố Hữu bán rẻ lương tâm sử dụng văn chương hoa mỹ hết lời ca tụng, khiến nhiều người lầm tưởng mà tin theo, nên hiểm họa Cộng Sản mới hình thành và trở nên một đại họa cho nhân loại vậy.

Nhưng tự ái cá nhân chỉ là tình cảm sôi nổi nhất thời, bà vinh hoa phú quý chỉ là miếng mồi phù phiếm. Danh tiếng của nhà làm văn hóa chân chính mới là cái danh thực, vĩnh cửu, lưu truyền lại muôn đời sau.

*"Hùm chết để da
Người ta chết để tiếng"*

*"Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ"*

Những câu tục ngữ, ca dao trêu của nhân dân Việt Nam đã khẳng định điều đó.

Kết luận

Tóm lại, trong quá trình tiến triển của nền văn minh nhân loại, nền văn hóa chân chính phải là nền văn hóa nhằm phục vụ con người trong tập thể dân tộc. Nói khác đi, *dân tộc phải là nội dung của nền văn hóa này*, chứ không phải chỉ là hình thức như chủ trương của Staline. Nếu văn hóa không nhằm phục vụ con người trong tập thể dân tộc, nhân loại, mà lại nhằm phục vụ những cá nhân, những phe nhóm, thì đó là nền văn hóa nô dịch. Nền văn hóa nô dịch này không những làm tác hại cho cả dân tộc đó trong thời điểm nó được thực hiện, mà còn có hậu quả tai hại cho cả muôn đời về sau nữa, như lời nhận định của Lão Tử đã nêu trên.

Do đấy, nhiệm vụ của nhà làm văn hóa chân chính Việt Nam hiện nay ở trong cũng như ngoài nước là phải dẹp bỏ tự hiềm cá nhân, thiên kiến phe nhóm, cương cường bất khuất trước bạo lực, đoàn kết thành một chiến tuyến nhất trí, hướng mũi dùi chính vào việc lật đổ bạo quyền Cộng Sản tại đất nước chúng ta. Nếu không, chính sách văn hóa nô dịch do Cộng Sản đang thực hiện tại Việt Nam, càng để lâu, thì càng gây tác hại vô cùng thâm cho cả quá khứ lẫn tương lai của nền văn hiến "bốn nghìn năm lịch sử" của dân tộc Lạc Việt chúng ta vậy.

(Trích Kỷ Yếu VBVNHN 1996)



Thư gửi : TƯỚNG DƯƠNG VĂN MINH

◆ LÍNH GIÀ

Paris, ngày 30 tháng 4 năm 1997

Thưa Trung Tướng,

Trước hết phải xác định lại danh xưng. Sở dĩ người viết dùng chữ Trung Tướng vì nghĩ rằng cấp bậc này xứng đáng với binh nghiệp của Trung Tướng. Chúc vị Đại Tướng do Nguyễn Khánh gán cho hay danh vị Tổng Thống 41 giờ (từ 16 giờ ngày 28.4 đến 11 giờ ngày 30.4.75) chắc chỉ để lại những kỷ niệm chua xót cho Trung Tướng.

Lính Già này viết bài này lúc 9 giờ sáng ngày 30.4 tại Paris, tức 14 giờ tại Việt Nam. Giờ này 22 năm về trước, những hình ảnh như mỗi ngày hôm qua: từng đoàn quân cộng sản kéo vào Sài Gòn, sau lệnh đầu hàng, lời thôi lếch thếch chỉ khá hơn đoàn quân Tàu phủ năm 1945 một tí. Nhìn những bộ đội này, Lính Già mới thấy cái nỗi đau của niềm thua trận: thua vì Mỹ ngu dốt, thua vì đám cầm quyền, tướng lĩnh tham nhũng, hèn nhát đã bỏ chạy. Chỉ còn lại những sĩ quan trẻ, những người lính, như Phan Nhật Nam đã viết, mang trên lưng cả 15 năm chiến đấu nhọc nhằn, chấp nhận ở lại để khỏi phải xấu hổ với lương tâm, với đồng đội.

Thưa Trung Tướng,

Giờ xin trở lại, với buổi nói chuyện của Trung Tướng trên Nhân Bản tháng 4.1997.

Trước hết, Trung Tướng tuyên bố "Trước tiên là tuổi tác của tôi (82 tuổi), tôi muốn sống những ngày cuối cùng trên đất nước với dân tộc của mình...". À, thì ra vậy! Cũng chỉ vì không chịu được cảnh già cô độc nơi xứ người nên Trung Tướng "về với dân tộc của mình". Như vậy, mấy năm trước đây, chắc cộng sản đã ép buộc Trung Tướng, tuổi đã ngoài 70, phải xa đất nước, dân tộc để sang Pháp đoàn tụ với con cái?

Về buổi trưa ngày 30.4.75, Trung Tướng nói Bùi Tín chỉ đến gặp vì tò mò, tư cách rất lịch sự, và cộng sản để yên Trung Tướng cho đến ngày hôm sau Trần Văn Trà mới đến. Điều này hơi bất thường vì kẻ địch đã vào tận nhà mà lại để yên chủ nhà trong vòng 24 giờ trong khi cô biết bao nhiêu điều để khai thác.

Còn theo Bùi Tín thì sau khi nghe Trung Tướng nói "Chúng tôi rất sốt ruột chờ các ông đến để trao quyền hành" đã trả lời một cách kiêu căng: "Các anh không còn quyền hành gì để mà trao cả...". Chỉ một sự kiện này với 2 người mà đã có hai sự thật -? -. Việc "trao quyền hành" đã được diễn tiến như thế nào cho đúng ý nghĩa của nó: bàn giao và ký nhận các

bí mật quốc gia, sổ sách, tài sản, nhân viên... hay cộng sản đương nhiên thâu lượm với tư cách của kẻ chiến thắng, tức là đầu hàng mà không có trao quyền.

Trung Tướng nói "Tôi thấy cựu quốc không được thì phải cứu dân". Đây là hành động cuối cùng mà Trung Tướng bắt buộc phải làm, không có cách nào hơn được, khi thấy mình đã rơi vào bẫy của cộng sản và Pháp ở phút chót. Đầu tháng 4.75, cộng sản tuyên bố chỉ nói chuyện hòa bình, hòa hợp hòa giải khi Nguyễn Văn Thiệu ra đi. 21.4.75, ông Trần Văn Hương lên thay, tuyên bố sẽ chiến đấu đến chết với anh em binh sĩ, cộng sản lại nói chỉ muốn nói chuyện với Dương Văn Minh. Chiều 28.4.75, Trung Tướng lên thay ông Hương, cộng sản lại đặt điều kiện chỉ nói chuyện khi đuổi hết Mỹ. Tối 29.4.75, Mỹ rút hết thì cộng sản trắng trợn tuyên bố "đã quá muộn, chỉ còn nước đầu hàng vô điều kiện".

Trung Tướng cũng như Tổng Thống Pháp lúc đó Giscard d'Estaing đã rơi vào âm mưu của cộng sản Hà Nội, đến ngày cuối cùng vẫn hy vọng hảo huyền vào lực lượng thứ 3, nào trung lập, nào hòa hợp hòa giải, để đến nỗi riêng Đại sứ Pháp Jean Marie Mérillon đã bị Lê Đức Thọ, lúc đó thay mặt Hà Nội tại miền Nam, đuổi về nước trong vòng 24 tiếng, bắt chấp các qui tắc về ngoại giao quốc tế.

Phải xét về quãng thời gian trước tháng 4.75. Cộng sản kêu gọi thành lập chính phủ 3 thành phần, gồm chính quyền Sài Gòn, Việt Cộng và lực lượng thứ 3 trung lập (sợ) nhưng sống trong vùng quốc gia, kêu gọi trung lập, hòa hợp hòa giải. Trung Tướng và một số đàn em không tổ chức, không thực lực, tưởng có thể làm nên chuyện, để đến khi cộng sản vào, tất cả đều tan biến mau chóng như bọt xà bông.

Phải chi Trung Tướng dẫn thân sớm hơn với một lập trường quốc gia dứt khoát, lật đổ chế độ Thiệu thời nát để lấy lại lòng tin của dân miền Nam, tình thế sẽ có thể đổi khác. Hoặc cùng hơn nữa, ngày 30.4.75, tuyên bố bỏ ngỏ thành phố Sài Gòn và lập chính phủ lưu vong, như vậy vừa cứu được dân mà lại không bị mang tiếng là đầu hàng, để ít nhất miền Nam còn có danh nghĩa trên phương diện quốc tế đến ngày hôm nay.

Thưa Trung Tướng,

Trên đây chỉ là vài điểm phụ trong bài nói chuyện của Trung Tướng. Điểm chính yếu là "Về để làm gì?"

"Lúc đó (trước 4.75), tôi là một người chỉ huy quân đội; nếu mà tôi đi nói chuyện với cộng sản thì cũng như là phản tất cả quân nhân đã nằm xuống".

"Bây giờ tôi làm được cái gì để giúp cho dân có thêm được dân chủ và tự do thì làm. Xin các anh đừng xài chữ hợp tác. Tôi không hợp tác, nhưng tôi sẽ đem tiếng nói của tôi để Thuyết phục bên kia tại quê nhà".

Lúc lũ ăn cướp là đám lãnh đạo Hà Nội chưa chiếm được miền Nam thì nói chuyện với cộng sản là phản bội những anh em đã nằm xuống. Bây giờ, sau khi 500.000 quân và dân miền Nam đã hy sinh, hàng triệu thương phế binh, hàng trăm ngàn quân cán chính đã bị tù đầy, không biết bao nhiêu người đã vùi thây ngoài biển cả, 2 triệu người Việt phải bỏ nước ra đi (mà trước đây cộng sản gọi là lưu manh, đi điếm, trộm cắp), khi mà đám ăn cướp đã và đang phè phỡn trên xương máu của 75 triệu dân, thì Trung Tướng lại muốn về, không phải để Hợp tác mà Thuyết phục bên kia -? -

Ồ đây không có vấn đề hận thù mù quáng mà theo như nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, đó chỉ là công lý, lẽ công bằng, kẻ ác phải bị xử, hạnh phúc, tự do của cả một dân tộc phải được tôn trọng chứ không phải đi xin xỏ. Trung Tướng cũng đừng mong dùng một vài danh từ để đánh lừa lương tâm của mình. Trao quyền hay đầu hàng, hợp tác hay thuyết phục chỉ là cách nói, điều quan trọng là ý nghĩa của việc làm.

Đừng nói chi đến những người gốc "Ngụy" như Đại Đức Trí Siêu, Tuệ Sỹ, ông Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt... cũng chỉ vì muốn xây dựng dân chủ mà lãnh án tù từ 12 năm đến chung thân, cùng là đồng chí với mọi nhau mà vì thân Nga, thân Tàu hay đối mới quá đã như Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh... nên cũng đã bị tù đầy. Trung Tướng muốn thuyết phục ai? Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt...? hay muốn vận động quần chúng bằng hợp hợp, viết sách, viết báo, phát truyền đơn...? Điều này chỉ cần hỏi ngay tên công an khu vực.

"Tôi quan tâm đến vấn đề xây dựng có ích cho dân để một ngày nào có một sự thay đổi nhẹ nhàng. Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng một ngày nào đó, người cộng sản cũng sẽ thấy như mình. Họ phải làm cái gì để giữ được yên ổn cho dân. Tôi nghĩ rằng họ biết sửa sai và đã có sửa sai". "Tôi về với tư cách một công dân cũng như tất cả mọi công dân Việt Nam khác đều có quyền về Việt Nam".

Không phải Trung Tướng chỉ mới quan tâm và tin tưởng mãnh liệt vào "một sự thay đổi nhẹ nhàng" mà cộng sản Hà Nội đã thấy và thi hành từ ngày Nga và Đông Âu sụp đổ. Chúng vẫn duy trì một quân đội 1.500.000 người, 500.000 công an, 2.500.000 đảng viên để sẵn sàng đàn áp các đòi hỏi tự do, cơm áo của người dân. Từ năm 1985, con cháu các Ủy viên Bộ Chính Trị, Ủy viên Trung ương đảng... đã được gửi đi các nước Âu, Mỹ để trước hết

chuyến đô-la, sau là du học khi thành tài trở về thay chỗ ông cha. Như vậy cũng có thay đổi nhẹ nhàng mà vẫn duy trì được quyền lợi, địa vị.

Còn về tư cách công dân Việt Nam, không biết Trung Tướng sang Pháp với số thông hành cộng sản hay giấy tỵ nạn đoàn tụ gia đình? Quốc tịch Việt chỉ được cộng sản áp đặt cho người Việt tỵ nạn, mặc dù đã nhập tịch nước ngoài, chỉ khi Hà Nội thấy có thể khai thác được đô-la và kiến thức.

Hiện tại tại hải ngoại có rất nhiều người Việt lớn tuổi hay những người tranh đấu cho tự do, dân chủ, mặc dù còn cha mẹ, anh em, vẫn nhất quyết chỉ trở lại quê hương ngày nào không còn độc tài cộng sản. Chủ còn về để mà khoá lác, ăn chơi phè phỡn thì cộng sản hoan nghênh hết mình vì đem về ngoại tệ.

Thưa Trung Tướng,

Báo chí không phỏng vấn, Cộng Đồng người Việt không chú ý đến việc đi về của một thượng dân, nhưng Trung Tướng đầu sao cũng là Tổng Thống cuối cùng của miền Nam.

Sang Pháp, Trung Tướng chỉ được cái lợi cá nhân là được sống tự do, được gặp con cái. Nhưng Hà Nội được nhiều cái lợi:

- Được tiếng với quốc tế là tự do, cởi mở; cũng như năm 1976, khi mà hàng trăm ngàn "ngụy" bị giam cầm đây ải trong các trại cải tạo, thì câu "Tổng Thống ngụy" được cấp quyền công dân và đi bầu Quốc hội cộng sản dưới ống kính của báo chí nhà nước và quốc tế.

- Hà Nội hy vọng ra nước ngoài, Trung Tướng sẽ lên tiếng hay hoạt động chính trị như một số chính khách xôi thịt khác, như vậy chỉ làm rối loạn hàng ngũ người quốc gia hải ngoại.

- Ra nước ngoài là cộng sản nhỏ được một cái gai như với Nguyễn Chí Thiện, Võ Đại Tôn cũng như Nga với Soljeksywe năm 1974.

Bây giờ về, Trung Tướng lại được cái lợi cá nhân là khỏi phải chịu cảnh cô độc, lạnh lẽo của người già trên xứ lạ. Còn chuyện dám nói để thuyết phục đám lãnh đạo Hà Nội thì kết quả 75 triệu dân Việt Nam đã biết trước. Ông Nguyễn Văn Huyền, Phó Tổng Thống của Trung Tướng, ốm gần chết và mặc dù đã từ chối, cộng sản vẫn để tên vào Mặt Trận Tổ Quốc. Trung Tướng về, Hà Nội vẫn được nhiều cái lợi:

- Trước tiên là gây sự tranh luận trong Cộng Đồng người Việt hải ngoại;

- Tuyên truyền trong người Việt và quốc tế là Việt Nam giờ cởi mở, tự do;

- Cùng lắm, cộng sản sẽ ép Trung Tướng nhận một chân Ủy viên Mặt Trận Tổ Quốc hay Đại biểu Quốc hội để giơ tay, gặt đầu theo lệnh, như vậy chúng càng có lợi to. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê thân cộng mà sau 75 cũng đã phải viết: Cộng sản chỉ cần những người có chút tiếng tăm sống im lặng, lâu lâu viết một bài vô vấn, một năm đi họp 1, 2 lần giơ tay cho báo chí chụp hình là đủ.

Vậy Lính Già này xin có một vài ý kiến để góp với Trung Tướng:

- Hoặc, Trung Tướng ở lại tham gia tích cực vào các hoạt động của người Việt hải ngoại. Tiếng tăm của Trung Tướng sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc chung;

- Hoặc, dùng những ngày còn lại để viết hồi ký, không phải để tự đánh bóng hay bào chữa, mà để nói lên những sự thật của lịch sử;

- Cùng lắm là Trung Tướng tiếp tục sống thảnh thơi an nhàn như hàng chục ngàn các cụ già Việt Nam khác.

Hoặc Trung Tướng về Việt Nam, dùng quãng đời còn lại của mình để dẫn thân đến cùng trong cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ. Đòi người ai cũng chỉ chết một lần, nhất là đã thọ đến tuổi 82. Bằng mọi phương cách, dám đem mạng sống của mình để khơi dậy ngọn lửa đấu tranh vì tự do, dân chủ, hạnh phúc của toàn dân.

Lénine đã nói "chế độ tư bản đang giấy chết, nhiệm vụ của những người cộng sản là thúc đẩy làm cho nó chết mau hơn". Ta có thể áp dụng câu nói này ngược lại với chế độ Hà Nội.

Một danh tướng Pháp cũng đã nói "Người lính già không bao giờ chết".

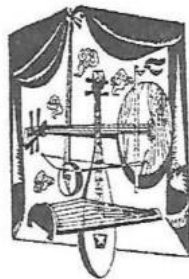
"Hùm chết để da, người ta chết để tiếng". Với chân tình của một người lính đã từng bị hận khi thấy quân đội miền Nam anh dũng bị thua tụt tuổi, đã từng thấy hai chiến sĩ biệt kích, vì là Công Giáo không chấp nhận tự tử nên đã bắn vào nhau sáng ngày 30.4.75 trước dinh Độc Lập, người viết bài này có vài cảm nghĩ để gửi lên Trung Tướng, mong được Trung Tướng chấp nhận.

Trân trọng,

Một cựu lính QLVNCH (Sa10030/2)

lòng là bản chất của chế độ CS HN, họ không bao giờ từ bỏ bản chất độc tài cố hữu của họ. Nếu không có "glasnost" của ông Gorbachev, nếu không có cuộc cách mạng dân chủ, tự do lật đổ các chế độ CS lỗi thời trên thế giới thì không có sự cởi trói về kinh tế hiện nay của chế độ CS HN -hòng kéo dài ngày tận thế.

Ồ Việt Nam một thể chế cộng sản sinh ra hai chế độ cộng sản, chế độ đảng trị (trực tiếp) và chế độ nhà nước trị (gián tiếp của đảng), có cấu của đảng đi song song với cơ cấu nhà nước. Ban ngoại giao (của đảng) có Bộ Ngoại Giao, Ban nội vụ có Bộ Nội Vụ... Chủ tịch tỉnh có Tỉnh ủy, Chủ tịch huyện có Huyện ủy v.v... mấy tầng áp bức ấy đè đầu cuối cổ đồng bào ta, mà tất cả cái gọi là: Ban ngoại giao, Ban nội vụ, Tỉnh ủy, Huyện ủy... chỉ là mạng lưới đầu độc, lừa bịp, bóp méo sự thật qua thông tin tuyên truyền, tư tưởng văn hóa văn nghệ của CS HN từ trung ương đến địa phương. Với chính sách ngu dân qua văn hóa văn nghệ trong quá khứ CS HN đã củng cố được chế độ CS không bị tiêu diệt. Nay thực tình mà nói thì chính sách "đổi mới" của họ chỉ là sự đổi mới mảnh khõe bóc lột, những người có học giàu lên bằng bàn tay cần cù và trí thông minh của mình nay thay bằng bọn người vô học giàu lên do tham nhũng, của quyền, buôn ma túy, sùng đạo, ăn cướp tài nguyên đất nước bán vô tội vạ... Những biệt thự nguy nga hay các công sở làm việc đồ sộ của các Tư bản Đò bên cạnh những túp lều dột nát của đồng bào ta. "Đổi mới" mà cái hay cái tốt của tư bản CS HN không học mà lại học cái cặn bã của tư bản. Cha, anh chúng ta đã ngã xuống vì sự tuyên truyền lừa bịp của cộng sản qua văn hóa, văn nghệ "... chiến đấu đến giọt máu cuối cùng chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ..." thì nay đồng bào ta bị bóc lột thậm tệ hơn, nô lệ tui nhục hơn. Cha, anh chúng ta ngã xuống vì "không để tấc đất vào tay kẻ thù", nhưng biên giới phía bắc Trung Cộng lấn chiếm sâu



VÌ SAO TÔI BIỂU TÌNH CHỐNG VĂN NGHỆ CỘNG SẢN ?

● người tỵ nạn

Tôi viết tâm tình này khi cộng sản Hà Nội lại đưa văn nghệ ra hải ngoại hát cho "Khúc Ruột Ngàn Dặm" nghe, mà "Khúc Ruột Ngàn Dặm" đấy trước kia không lâu CS Hà Nội chà tiếc lời thóa mạ, phi báng là bọn "Việt gian", "Phản động". Có phải CS HN đã "đổi mới" như họ đã rêu rao hơn chục năm nay không? Phải nói tráo trở và lật

vào đất ta hàng chục cây số, đảo Hoàng Sa mái hiên của Tổ Quốc thì bị Trung Cộng ngang nhiên xâm chiếm mà cộng sản HN vẫn làm ngơ. Hơn nửa thế kỷ nay dưới sự cai trị của CS đất nước của chúng ta đi sâu vào vũng lầy tăm tối kinh tế, xã hội sa đọa, nhân phẩm tự do của con người bị chà đạp, uy tín dân tộc bị mất trên trường quốc tế. Tội ác của chế độ CS chông

chất, họ còn đủ tư cách để lãnh đạo hay đại diện cho dân tộc ta nữa không?

Thảm cảnh đất nước như vậy, họ lại "thương nhỏ" đồng bào hải ngoại, Ban Tu tưởng Văn hóa Trung ương đảng CS (Ban chỉ đạo chính sách ngu dân) lại dàn dựng rất công phu rất tốn kém để tung ra lừa mị cộng đồng hải ngoại qua một số tay sai cộng sản thâu mà chính những tên tay sai CS đó lại cũng là "ty nạn cộng sản" do buôn bán mà phát lên, nay lại đứng ra tổ chức hỗ trợ, tiếp tay cho CS, thêm vôi bạch tuộc hút máu đồng bào ta, qua cái gọi là "Đoàn Văn Công". Nếu CS Hà Nội bỏ hệ thống tuyên truyền lừa đảo đó từ trung ương (Ban văn hóa tư tưởng) đến địa phương (Tỉnh ủy, Huyện ủy...) thì số tiền đó đủ nuôi trẻ mồ côi, đủ xây trường học, bệnh viện từ trung ương đến địa phương trong cả nước. Có người cho rằng: họ (người làm văn nghệ) không hát bài ca ngợi Đảng Bác nữa, tức là họ đã "đổi mới". Xin thưa, lừa đảo vốn là (truyền thống) của CS HN lẽ nào đi tuyên truyền lừa bịp đồng bào hải ngoại mà nói có phong trào đòi tự do dân chủ mạnh mẽ như ở Tây Đức này lại hát những bài ca ngợi Đảng Bác, ngày nay lại ca ngợi độc tài ư!, người hát cũng ngượng chủ đừng nói người nghe, hay nay CS HN có cử đoàn tuyên huấn của đảng, đoàn ra nước ngoài thì chắc cũng chỉ vào số thủ phạm phản chủ thời này có ai tiếp.

Phải nói văn hóa văn nghệ CS giữ một vai trò quyết định trong việc cướp quyền, gây chiến tranh cùng cố ngai vàng của chế độ CS HN trong quá khứ. Thời chiến các cô văn công CS chân to như chân voi leo dọc Trường Sơn, từ trạm giao liên này đến trạm giao liên khác làng ló đầu vồng dù hát cho các chú bộ đội đang bị sốt rét (thập tử, nhất sinh) nghe, để các chú đừng cảm xông trận mạc như những con thiêu thân quyết bảo vệ đảng như bảo vệ con người của mắt mình, hay các cô văn nghệ CS ngồi xồm trên mâm pháo hát cho mấy chú cao xạ nghe để các chú (điếc không sợ bom) quyết tâm chiến đấu đến hơi thở cuối cùng cho CS.

Tôi đi biểu tình có kẻ cho rằng: tôi không có văn hóa, ừ không có văn hóa, lẽ nào hôm trước tôi mới đi biểu tình đòi chế độ CS trả tự do cho các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, hôm nay tôi lại đi xem tay sai CS hát (họ lại bảo họ không làm chính trị, nếu họ thành tâm thì họ không phải nói câu đó, họ không phải làm tay sai cho chế độ CS và trở thành cái loa tuyên truyền, tiếp tay cho bạo quyền CS).

Lương tâm nào cho phép tôi xem văn nghệ, văn hóa CS; khi ca sĩ Chế Linh sau "giải phóng" chỉ hát bài *Thành Phố Buồn* theo yêu cầu của đồng bào Cần Thơ, thì CS HN cho đi tù; nhà thơ bất khuất Nguyễn Chí Thiện vì chửi thò yêu nước mà CS HN định giết ông trong tù.

Lương tâm nào cho phép tôi ngồi xem văn nghệ CS, khi CS HN bắt bỏ tù đầy Gs Nguyễn Đình Huy, Gs Đoàn Viết Hoạt, Bs Nguyễn Đan Quế, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Ts Hà Sĩ Phu... là những người làm ra văn hóa, khoa học, nghệ thuật.

Lương tâm nào cho phép tôi đi xem văn nghệ CS, khi dưới chế độ cai trị của CS em tôi không có tiền đến trường học, mẹ tôi đã thất lúng buộc bụng làm việc bằng hai cho thắng lợi của đảng, nay đau ốm không có tiền mua thuốc thang chạy chữa.



Lương tâm nào cho phép tôi nghe văn nghệ CS khi mà cha, anh tôi ngã xuống vì "lý tưởng quang vinh" của đảng (xóa bỏ nô lệ) thì nay chỉ tôi chịu các hình phạt tù nhục làm nô lệ cho các ông chủ Đại Hàn, Đài Loan... với những hình phạt làm mất nhân phẩm người phụ nữ Việt Nam.

Lương tâm nào cho phép tôi đi xem văn nghệ CS, khi những tác phẩm nghệ thuật lịch sử của ông cha để lại: như đình làng, chùa chiền, lăng miếu... bị CS san bằng phá hoại, các nhà tu hành bị hành hạ tù đầy.

Tôi đi biểu tình có kẻ cho rằng: tôi ngồi lên văn hóa, ừ đúng vậy tôi đang ngồi trên văn hóa CS như bần, thú văn hóa mà cả nhân loại đang phỉ nhổ, nhưng tôi nâng trên đầu văn hóa dân tộc, văn hóa 4.000 năm dựng nước và giữ nước của cha ông mà chế độ CS thao túng khai thác tuyên truyền lừa bịp hơn nửa thế kỷ nay khi CS đã cướp được quyền cai trị. Thử hỏi dưới chế độ CS làm sao sinh ra được các nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận... (thời Pháp) hay đầu Phạm Duy với tình ca sầu, đau. Trịnh Công Sơn với lệ tình vương vấn, đau. Lam Phương với (Kiếp Nghèo, Chuyến Đò Vĩ Tuyến) ... ái ân, đau. Ngô Thụy Miên với những tình ca mơ mộng (thời CH Miền Nam).

Tính dân tộc phải chống tính đảng trong văn học nghệ thuật. Văn hóa dân tộc phải chống văn hóa CS.

Có văn hóa không khi còn chế độ CS, khi văn hóa nghệ thuật dân tộc còn bị trôi buộc tù tội.

Có văn hóa không khi các quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận bị cấm đoán.

Có văn hóa không khi đi xem văn hóa CS thủ văn hóa phản động như bản đó đã bị nhân dân các nước trên thế giới khi thoát họa CS đã ném vào đống rác lịch sử, thế vậy chúng ta không thể nguy biện cho văn hóa CS. Đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta bao giờ mới thoát nạn CS, bao giờ văn hóa nghệ thuật được tự do, được làm tròn sứ mệnh của nó là nghệ thuật vì nghệ thuật, nghệ thuật phải tự do không phụ thuộc vào một đảng phái nào, một tư tưởng nào trong xã hội. Văn hóa nghệ thuật phải phục vụ dân tộc. Bao giờ đầu óc văn nghệ được cởi trói để sáng tạo ra những tác phẩm văn học nghệ thuật đặc sắc, văn hóa nghệ thuật thực sự cống hiến cho dân tộc cho nhân loại. Bao giờ chúng ta sống trên đất nước Việt Nam thân yêu được làm NGƯỜI đúng nghĩa của nó.

Lương tâm nào tôi đi xem văn nghệ CS khi Giáo sư, Bác sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà tu hành rên siết trong nhà tù man rợ của CS. Lẽ nào một số thích tầm thường hay tò mò về văn nghệ CS mà tôi đứng về phía tay sai tuyên truyền cho văn nghệ CS, bôi nhọ danh dự của mình đang đấu tranh vì dân chủ tự do cho quê hương!

Đấu tranh chống văn nghệ CS cũng xác định cho mỗi chúng ta một lập trường quan điểm chính trị đúng đắn cùng với độc tài hay chống độc tài.

Đấu tranh chống văn nghệ CS cũng tạo cho đồng bào trong nước một niềm tin vững chắc, một sự hậu thuẫn tin tưởng ở cộng đồng hải ngoại trong cuộc cách mạng vì tự do dân chủ chống chế độ CS bạo tàn.

Đấu tranh chống văn nghệ CS cũng tạo cho chúng ta một uy tín trên trường quốc tế, một thái độ dứt khoát phân biệt giữa văn hóa phi nhân và văn hóa nhân bản và ý thức về văn hóa. Nếu trong cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ, nhân quyền cho quê hương mà còn nguy biện bào chữa cho văn nghệ CS thì trước hết kẻ đó tự chà đạp lên nhân phẩm, lương tâm của mình, chà đạp lên văn hóa dân tộc, mà văn hóa CS đóng một vai trò quan trọng trong chính sách ngu dân, lừa đảo tuyên truyền hiện nay của chế độ CS độc tài.

Chế độ CS chấm dứt sớm hay muộn là phụ thuộc vào nhận thức, vào cuộc cách mạng tự do, dân chủ của chúng ta quyết liệt hay yếu ớt, trong đó mục tiêu hàng đầu là chống văn hóa tư tưởng CS. Tất nhiên ngày tàn của chế độ cộng sản sắp đến - ngày ấy không xa - chúng ta sẽ sống ngay trên quê hương mình bên cạnh cây tre, giếng nước, con sông... để nghe và thưởng thức văn hóa, nghệ thuật dân tộc thì có ý nghĩa biết bao!



DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

SỰ NGỘ NHẬN

Lịch sử thế giới đã bước sang một giai đoạn mới, sự phát triển vượt bậc của ngành Tin học đã kéo theo sự nối tiếp phát triển của ngành kinh tế, tự nhiên hay xã hội. Hệ thống các nước cộng sản Đông Âu sụp đổ đánh dấu một bước tiến quan trọng trên con đường tìm kiếm một mô hình xã hội ổn định phù hợp của nhân loại, phá bỏ cái nhìn phiến diện Đông-Tây cũng như làm sụp đổ chủ nghĩa cộng sản quốc tế, mở ra một xu thế thời đại mới, toàn cầu hòa hợp, hợp tác và phát triển.

Trong một bối cảnh đầy khả quan, nhiều cơ hội và vận may, Việt Nam cũng không thể chối bỏ hay đóng kín cửa làm ngõ giống như một người đói mềm gối trước bàn ăn mà mồm miệng, chân tay bị trói lại. Song song với việc mở cửa có giới hạn nhằm tìm kiếm nhu cầu kinh tế, Việt Nam vẫn rơi vào danh mục 10 quốc gia trên thế giới vi phạm nhân quyền cao nhất mà Liên Hiệp Quốc đã nêu ra.

Mới rồi ngày 18.4.1997 tờ Sài Gòn Giải Phóng (có quan ngôn luận của Đảng bộ đảng CSVN tại Sài Gòn), trên trang nhất đưa tin về một cuộc thi do Liên đoàn Lao động thành phố tổ chức với đề tài "Đảng Cộng Sản Việt Nam đảng của chúng ta", cũng theo tờ Sài Gòn Giải Phóng thì có tới 16.000 bài dự thi. Không biết đây có phải là chỉ thị của vụ Tuyên Huấn thuộc Bộ Văn Hóa hay là ý tưởng của vị nào đó trong Bộ Chính Trị Trung ương Đảng CSVN, với mục đích thăm dò "phẩm chất" hoặc "nắn gân" dân chúng tại Sài Gòn. Và đó chỉ là sự ngộ nhận hay thách thức trước thời đại. Để đáp ứng "chỉ tiêu của trên", thì hình như 16.000 bài viết dự thi được chia đều cho các Quận 1, 8, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh... mỗi nơi từ 1.000 tới 2.000 bài, để có thể là "tiếng nói, tâm tư" của 5 triệu người dân tại Sài Gòn về Đảng CSVN. Đùng hện 04.1997 bài được gửi về làm đẹp lòng và thỏa mãn bản chất cộng sản cuồng tin của các quan chức cao cấp trong Đảng CSVN.

Một cuộc thi hay một chương trình văn nghệ đều là hình thức văn hóa nhằm nâng cao tinh nghệ thuật, tô thêm cái mỹ, cái chân, cái thiện và đem nụ cười đến cho mọi người, cuối cùng là cái đích văn hóa cho xã hội. Điều đáng bàn là trong xu thế và bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, Đảng CSVN không thể ngăn cấm đến mức tuyệt đối những luồng tư tưởng mới, những suy tư về nhân quyền và làn sóng dân chủ từ các nước tiến bộ tràn vào qua hệ thống Internet, qua sự giao lưu văn hóa, qua sự hợp tác khoa học kỹ thuật, buôn bán kinh tế với các nước khác... Vậy mà Thành ủy Sài Gòn (hay đảng sau là Đảng CSVN) tổ chức một cuộc thi "đánh bóng bộ mặt bên ngoài", vẽ hươu vẽ vượn cho thế giới biết rằng tại Việt Nam đảng CSVN vẫn là "đỉnh cao trí tuệ", "được lịch sử giao phó", "trước, sau và mãi mãi về sau là lực lượng duy nhất dẫn dắt dân tộc Việt Nam trên con đường tiến lên chủ nghĩa

THỰC TIỄN VÀ HÀNH ĐỘNG

Trong tình trạng hiện nay, có một hoàn cảnh cụ thể và đặc biệt lưu ý. Cụ thể là vì các hội đoàn, các cá nhân đang chung sức đấu tranh chống chế độ cộng sản Việt Nam. Phong trào đó ngày càng lan rộng và có nhiều người sau khi thăm dò "chín chắn" đã lựa chọn. Từ đó một vấn đề thực tiễn được đặt ra: đấu tranh ra sao, mọi biện pháp cụ thể như thế nào?

Trong thời gian hơn một năm nay, trong mọi hàng ngũ, mọi thành viên vẫn hằng say hoạt động, vẫn đi lại nhiều nơi, tạo một hiện tượng rất lo lắng, bối rối và thiếu tổ chức. Có những người tham gia nhiều hội đoàn, có tên viết bài trên nhiều báo song những vấn đề đó hoàn toàn chưa đánh giá được chất lượng và phẩm chất của bản thân. Điều đó, là lẽ đương nhiên vì chúng ta đều sinh ra phần lớn ở một xã hội lạc hậu và bưng bít về thông tin kiến thức trong nước Việt Nam trước đây.

Cũng không xa lạ gì khi có những người phát biểu nói sai chính tả, ngữ pháp, câu cú tùy tiện; Cũng không ít gì các bài báo số lượng viết sai ngữ pháp và lỗi chính tả trầm trọng, gây cho người đọc bất ngờ... và "buồn cười"!

Vấn đề được đặt ra là phải cùng nhau góp ý, xây dựng để khắc phục những tình trạng đó. Nếu chúng ta không đặt đúng được tầm quan trọng và nguy hiểm khi làm chính trị thì chắc chắn là không thành công. Thành công ở đây là từ các bài viết trên báo, các cuộc hội thảo, các buổi biểu tình. Chất lượng, bản thân nó mới gây niềm tin cho mình và mọi người. Có niềm tin thì mới hy vọng chiến thắng; chiến thắng tất cả các trở ngại và nguy hiểm khi đường đã đi và đích đã vạch. Có lẽ chúng tôi không chủ quan khi nêu ra những vấn đề này bởi vì nhiều buổi họp và hội thảo đã đề cập, một số báo đã cảnh tỉnh nhắc nhở, song người nói không được tiếp thu xây dựng thì lại dậm hoang mang lo lắng. Nhưng nói để cùng nhau tiến bộ thì đó là con đường đúng đắn nhất!

Trong thực tiễn, có nhiều người đã lợi dụng tình trạng này để làm hại những người vì lợi hoặc thực sự không quan tâm - điều đó rất nguy hiểm. Bởi vì khi đã viết báo đăng bài, khi đã lấy cơ sở này để chứng minh cho những hoạt động chính trị trước các cơ quan công

quyền Đức thì tri thức và lập trường của kẻ đứng sau lưng, của người khác không giúp được gì ta cả.

Do vậy, còn lo lắng ngày nào, tháng nào thì những việc làm hành động của ta phải xuất phát và trưởng thành từ ta, suy nghĩ và hành động phải nhất quán. Có vậy khi phỏng vấn ra tòa mới đủ lý lẽ để lý giải nhiều vấn đề nan giải và khó khăn. Thực tế trước Tòa nhiều câu hỏi không dễ gì trả lời nếu như không có tri thức và bản lĩnh. Đón cừ như câu hỏi của Chánh án tại Tòa án Hildesheim trước đương sự: "Ông (Bà) có biết nước Đức cấm hoạt động chính trị không" (Thực ra câu hỏi không phải đón thuận mà thực sự là cái bẫy để kiểm tra tâm lý và trình độ nhận thức của đương sự... v.v...).

Viết những suy nghĩ trên, chúng tôi những Phật tử Việt Nam muốn chia sẻ chút ít kinh nghiệm; Tâm tình những lo lắng ưu tư tới mọi người để khi chúng ta cùng kề vai sát cánh có nghĩa là chúng ta đã có niềm tin. Niềm tin đó có thể mỗi phút thay hình thành. Con đường chúng ta đang đi nhiều gian lao, thử thách nó bắt buộc chúng ta phải biết hy sinh, phải năng động học hỏi và suy nghĩ. Trong kinh điển Phật Giáo có câu: "**Chiến thắng bản thân là chiến công oanh liệt nhất!**".

Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền
Thiện Trí Nguyễn Anh Dũng
Ngày 28.5.1997

THO NÓI VÀ LÀM

*Đảng Cộng Sản sẽ chạy đâu
Nếu chống tham nhũng từ đâu tôi chân?
Hay là đảng lại lừa dân?
Thì vài "con tốt" như mọi lần là xong.*

*Nhân dân biết tông tông tong
Thôi đảng đừng có đánh công khai chiêng.*

*Tham nhũng là tại độc quyền
Muốn chống?*

*Cần trả lại quyền cho dân,
Và cần dân chủ đa nguyên
Tham nhũng sẽ hết, độc quyền cũng toi.*

Thấm Anh Tuấn
38300 Wolfenbüttel

cộng sản..." (Nguyễn Văn Linh - ĐH.7)... và nhất là được người Việt Nam yêu mến, tin tưởng, thì vì lẽ gì mà người Việt Nam lại có thể lên án, phá bỏ, thậm chí phi nhỡ vào Đảng.

Vậy thì 16.000 bài ca ngợi Đảng kia đã làm cho những đầu óc cộng sản bảo thủ kỳ cựu vừa lòng chưa? hay vị lãnh đạo nào đó lậm bản với tùy cấp rằng: cả 100.000 học sinh, sinh viên các trường Trung Học, Cao Đẳng, Đại Học, các Công ty, Xí nghiệp tại Sài Gòn do Đảng quản lý lại chỉ có hơn 16.000 bài viết hay sao? Còn nữa, trong chương trình giáo dục trung học và đào tạo tại các trường Cao đẳng hay Đại học, học sinh, sinh viên bắt buộc phải học về lịch sử Đảng CSVN, triết học Mác-Lê. Và những giờ học này đều vô cùng quan trọng, quyết định tới tương lai của học sinh, sinh viên. Dù muốn, dù không ưa cũng biết, thuộc những gì phải học, kể cả cảm ghét cũng phải học mà thôi, nếu không muốn bị đuổi học, lý lịch xấu và một tương lai đen tối. Vậy thì họ đi đâu cả rồi? Nếu đáng kiểm bài dự thi tại các Xí nghiệp, Công ty, cơ sở lao động thì dễ hơn. Dễ hơn ở chỗ nào? Khi động đến miếng cơm manh áo thì dễ sai khiến hơn, bởi dẫu gì đi nữa thì ít ai muốn mất việc làm, mất chức, bị quy là "phần tử nguy hiểm", "phản động" ... vì chống lại chỉ thị của Đảng. Và suy nghĩ của một ông "cán bộ" nào đó, "làm vừa lòng các quan trên chỉ có lợi mà thôi". Còn cái đề tài "Đảng CSVN đáng của chúng ta" thì chả khó người ta đã viết trên 50 năm nay rồi.

Ngộ nhận và ngộ biện là vũ khí của Đảng CSVN, phải chăng đó là những củ chỉ vung vẩy cuối cùng kéo dài sự sinh tồn trước ngày tận thế của Đảng CSVN. Các ông Nguyễn Hộ, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Minh cần... và còn rất nhiều đảng viên Đảng CSVN từ bỏ đảng vì bế tắc không tìm ra lối thoát trong ý thức hệ. Thi lẽ gì? mà Thành ủy Sài Gòn đặt tên cuộc thi "Đảng CSVN đáng của chúng ta" khi mà đảng không thể tự đại diện cho chính họ, lại có thể là "Đảng của chúng ta" đại diện cho một dân tộc. Thật là nực cười cho cái lối luồn lách trước lịch sử hoặc tự mình (Đảng CSVN) tô lại cái mặt nạ ý thức hệ đã bị cả nhân loại gỡ bỏ rồi.

Lê Thái
(Salzgitter-Bad)

SỰ THẬT ĐẢNG SAU NHỮNG LÁ ĐƠN XIN GIA NHẬP ĐẢNG CỘNG SẢN

Ngày nay người dân Việt Nam đã mất hết lòng tin vào đảng lãnh đạo, noi đến đảng Cộng Sản là người ta liền tưởng ngay đến tham nhũng, kim kẹp, mất tự do. Thế nhưng thực tế những năm gần đây số lượng đảng viên mới gia nhập Đảng Cộng Sản Việt

Nam gia tăng rõ rệt. Theo tài liệu của "Tập chí Đông Nam Á" - một Tập chí chuyên nghiên cứu về các vấn đề Đông Nam Á của chính phủ Đức - thì số lượng đảng viên mới gia nhập đảng Cộng Sản so với năm trước đó như sau: Năm 1992: +3,9%; năm 1993: + 32%; năm 1994: +17%; năm 1995: đạt con số kỷ lục + 46,5%. Chỉ tính riêng sáu tháng đầu năm 1996 đã kết nạp 90.000 đảng viên mới.

Vậy đâu là sự thật của vấn đề? Chúng ta không cần thông minh gì cho lắm cũng có thể nhìn nhận sự kiện này như sau: Mặc dù đã không còn chút niềm tin vào chế độ chính trị hiện nay, thế nhưng thực tế đảng độc quyền tại Việt Nam đã lấp hết mọi con đường tiến thân, đẩy người thanh niên đến con đường cùng: gia nhập đảng Cộng Sản! Đối với tầng lớp trí thức thì đây là tiêu chuẩn hàng đầu để trước khi được đảng giao cho nắm các chức vụ trọng yếu, là nhíp cầu dẫn đến sự giàu sang. Nhất là hiện nay ở cái thời "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" thì "đảng tịch" là thứ cần thiết hơn bao giờ hết. Vì vậy họ thi nhau tìm kiếm bằng cấp và gia nhập đảng Cộng Sản! Một sự thật hàng ngày đập vào mắt họ là những đảng viên Cộng Sản trong thời kinh tế thị trường có thể làm giàu một cách chóng mặt. Báo chí trong nước vẫn thường nhắc đi nhắc lại là cần phải "trẻ hóa và nâng cao chất lượng đảng viên" nhưng thực tế đảng viên Cộng Sản hiện nay đã hoàn toàn mất hết lý tưởng và họ gia nhập đảng Cộng Sản chỉ vì một mục tiêu duy nhất là: làm giàu!

Đại Hội lần thứ VIII đảng Cộng Sản Việt Nam họp vào tháng 6.1996 vừa qua đã không đạt được mục tiêu là trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo. Thế nhưng một ngày nào đó những người cầm đầu chính quyền tại Việt Nam hiện nay có "trẻ hóa" chẳng nữa nhưng vẫn giữ khư khư cái gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và "tư tưởng Hồ Chí Minh" làm kim chỉ nam để phát triển đất nước thì chừng đó nạn tham nhũng còn chưa được dập tắt, điều kiện cần và đủ để phát triển đất nước vẫn còn xa vời, tương lai dân tộc vẫn còn viễn vông, người dân sẽ còn phải chịu cảnh lạc hậu, nghèo đói.

Một thiết chế duy nhất để phát triển Việt Nam một cách toàn diện là xóa bỏ điều 4 Hiến Pháp CHXHCN Việt Nam, thực hiện chế độ dân chủ đa nguyên - có như vậy tương lai Việt Nam mới có ngày tươi sáng, nhân dân Việt Nam mới thực sự được sống trong ấm no hạnh phúc.

Phan Việt Cường
(Bittburg)

TIN TỶ NẠN

Một số người thân ở bên nhà cho biết là đài truyền hình ở Việt Nam đã

cho phát hình những cuộc biểu tình của người Việt hiện đang sống tại Đức.

Theo nhận xét của Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam (NCQCSVN) qua lời xuống ngôn viên của đài thì những cuộc biểu tình này được đánh giá là "Phản Động" như trường cờ vàng ba sọc đỏ (cờ Quốc Gia), xé hoặc đốt cờ Đỏ sao vàng (cờ Cộng Sản), xé hoặc dẫm lên hình "Bác" v.v...

Qua sự nhận xét của nhà cầm quyền CSVN thì những người Việt ở Đức đã và đang đấu tranh đòi Tự Do - Dân Chủ, Tự Do Tôn Giáo và Nhân Quyền cho đất nước đều bị buộc vào điều 82 và 85 của bộ Luật Hình Sự của nhà cầm quyền CSVN.

Trên cơ sở đó, nếu những người này, bị đưa về nước chắc chắn họ sẽ bị mang trên người một bản án "Phản Động", rồi trước sau gì họ cũng sẽ bị tù đầy hoặc bị xếp vào loại công dân hạng 2.

Chúng ta đấu tranh vì sự tồn vong cho trên 70 triệu người dân Việt trong đó có cả những người Cộng Sản. Còn nhà cầm quyền CSVN khủng bố và đàn áp chúng ta vì sự sống còn chỉ riêng cho Đảng Cộng Sản mà thôi.

Chúng tôi kêu gọi Anh, Chị, Em hãy vững tin và tiếp tục dẫn thân đi trên con đường mà chúng ta đã và đang chọn lựa, vì chúng ta có chính nghĩa, đường nhiên lẽ tất thắng sớm hay muộn sẽ về phía chúng ta.

Võ Thị Nga
Hannover

BẦU CỬ, TRÒ HỀ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trong xã hội dân chủ, bầu cử là một việc làm rất quan trọng. Nó phản ánh sự dân chủ trong xã hội, qua việc người dân có đi bầu đông hay không, và thái độ đối với các đảng phái chính trị. Qua bầu cử sẽ tìm ra những người lãnh đạo cho tương lai đất nước, quan hệ trực tiếp đến tương lai và đời sống của người dân. Và cũng qua đó người dân sẽ phải sáng suốt tìm ra đảng phái và người tín nhiệm để thay mặt mình lãnh đạo cho tương lai đất nước.

Trong xã hội độc tài, bầu cử sẽ trở nên một trò hề với nhiều tổn kém, mà các chính phủ độc tài dùng để làm bình phong che mắt thế giới, lèo lái thiên hạ, tạo dựng cho mình một bộ mặt dân chủ (dù chỉ là dân chủ giả tạo), và cũng qua đây, các phe phái trong đảng tiêu diệt tranh giành quyền lợi hưởng thụ với nhau. Chế độ độc tài cộng sản Việt Nam cũng không thoát khỏi trò chơi đó.

Để tạo cho mình một bộ mặt gọi là có dân chủ, đảng cộng sản Việt Nam đã ghi vào Hiến Pháp, quyền bầu cử và ứng cử coi rất là "xôm

tự". Lỡ ghi thì phải làm, sau vài năm chính quyền lại tổ chức bầu cử, với sự quảng cáo "rùm beng" trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Từ lúc cầm quyền đến nay, đảng cộng sản Việt Nam luôn tự coi mình là "Trí tuệ của loài người" và để giữ độc quyền lãnh đạo, chính quyền CS VN đã thẳng tay tiêu diệt các đảng phái đối lập và những người có tư tưởng đối kháng với chính quyền, bóp nghẹt các quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, để cuối cùng mặc nhiên trở thành độc đảng, không đối thủ, làm mưa làm gió một vùng. Với các cuộc bầu cử, chính quyền CSVN chỉ còn mỗi việc là chọn lựa kẻ biết cúi đầu nghe lời (không cần có tài) để đưa vào những chức vụ quan trọng, hồng bảo vệ quyền lợi của đảng, nhằm duy trì sự thống trị lâu dài của mình.

Chính vì giờ những trò chơi không "quản tử" đó, mà chính quyền CS đã đánh mất giá trị của các cuộc bầu cử và làm giảm uy tín của mình, lòng dân chán nản, thờ ơ, thậm chí tẩy chay những cuộc bầu cử. Để lấy lại một chút ít giá trị làm người (mặc dù không đáng làm người) chính quyền CS đã bắt dân chúng đi bầu một cách gượng ép (có lúc phải có thẻ cử tri mới được mua gạo, hay vé xe v.v... để lèo với thế giới, để có thành tích báo cáo, nào là thành công mỹ mãn, nào là có 99% dân chúng đi bầu, và rồi "đồng chí" này trúng cử được dân chúng tín nhiệm cao v.v... và v.v... để rồi cuối cùng như ông Bùi Tín nói là "Đảng chọn, Dân bầu". Kết quả là lớp cầm quyền sau tệ lậu hơn lớp cầm quyền trước, và đất nước lại tiếp tục "tiến nhanh, tiến mạnh" tiến về thời kỳ đồ đá. Đảng cộng sản Việt Nam trở thành kẻ hành khất lớn nhất trên thế giới, theo phương châm "biến thù thành bạn", ai cũng là bạn miễn là có đồ-la.

Hôm 18.4.97, Chủ tịch nước Lê Đức Anh vừa thông qua "Luật Bầu Cử Đại Biểu Quốc Hội" thật ra "kịch hài" được sửa lại đôi chút cho hợp với thời cuộc mà thôi, ngày 20.7.97 chính quyền CS VN mở cuộc bầu cử Quốc Hội, cũng lại bốn cũ soạn lại, khi mà đảng CSVN chưa được xâm nhập vào trong ý nghĩa của toàn dân, khi mà các hệ thống thông tin chính trị bị kiểm soát và phong tỏa, khi Việt Nam vẫn không có tự do báo chí... Chắc hẳn rằng chúng ta cũng đã biết trước được hết quá của nó!

Rồi chúng ta hãy xem, quốc dân lựa chọn "Bố già" dưới hòng súng "Mafia".

Hoàng Anh
Hannover 7.97

**CHÚNG TA SẼ NHÌN
THẤY GÌ QUA CUỘC
BẦU CỬ QUỐC HỘI
TRONG THÁNG NÀY**

Tháng 7 với những ngày giữa mùa hè oi ả, nhất là ở tại các vùng nhiệt đới, Việt Nam giờ đây với biển chỉ trên 37 độ C, không khí nóng bức lại càng thêm ngột ngạt bởi những tấm áp phích, những giải băng đô, cổ đồ giăng đầy đường, họ đang chuẩn bị cho cuộc bầu cử sắp tới.

Người dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên lại có dịp đi bầu lại một Quốc Hội, có quan đại biểu cao nhất của nhân dân.

Tôi nhỏ, đã có một lần tôi được "vinh dự" đi bầu cử, không khí cũng thật là náo nhiệt, có nhạc, có nhiều biểu ngữ, nào là "độc lập", "tự do", nào là "... trung thành với Hiến Pháp nước CHXHCNVN" và tiểu sử, lý lịch của những ứng cử viên, và cũng còn rất là nhiều người, người của "Mặt Trận Tổ Quốc", người của "Hội Đồng Nhân Dân", người của "Chi đoàn Phường" ... Họ đứng đầy nhan nhản bên cạnh thùng phiếu, bên cạnh bàn viết...

Họ thực sự là những ai? mà đang làm "nhiệm vụ hướng dẫn" cho nhân dân lựa chọn và bầu những vị đại biểu cho mình. Họ có phải là những cơ quan chính trị trung lập không? Chắc hẳn rằng toàn bộ chúng ta, những người Việt Nam không một ai lại không biết đó là những cơ quan, chi nhánh, tay chân của Đảng Cộng Sản đang giám sát cuộc bầu cử. Cuộc bầu cử có còn được tự do như biểu ngữ của nó không? Kết quả có mang lại được sự tốt đẹp cho người dân như ý nghĩa của cuộc bầu cử Quốc Hội nữa không? Có một điều đơn giản mà chúng ta đều biết khi mỗi nhà, mỗi gia đình từ trẻ tới già, hễ mà nhà nào còn thiếu ai chưa đi bầu, là có người tới tận nhà gọi đích danh đi bầu cho đúng nghĩa vụ của một người dân, qua đó chúng ta cũng biết là họ giám sát chặt chẽ tới mức độ nào, đó là đối với những người dân thường chú huớng chỉ là những người có chính kiến đối lập như Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Tiến, Hoàng Minh Chính... Một là anh chịu làm một cử tri bất đắc dĩ, hai là bị mất quyền cử tri... "ò trong nhà giam".

Cuộc bầu cử Quốc Hội năm nay có gì mới mẻ hơn không? Khi sự tự do, dân chủ chưa được xâm nhập vào trong ý nghĩa của toàn dân, khi các hệ thống thông tin chính trị bị kiểm soát và phong tỏa, khi Việt Nam vẫn không có tự do báo chí... Chắc hẳn rằng chúng ta cũng đã biết trước được hết quá của nó!

Mai Hồng Khanh
Eppelborn, 10.7.97

NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM, NỖI HOẢNG SỢ!

Thời gian trôi qua thế mà nhanh quá, bảy năm rồi sống ở nước Đức và xa nhà tính ra đã cả chục năm...

Sống với năm tháng đó, trong cảm xúc với cuộc đời tôi luôn cảm thấy cô đơn và lo sợ, nỗi lo sợ không hình bóng. Để đến hôm nay tâm trạng đó đè nặng và thúc đẩy tôi viết bài này, khi mà có thể không lâu nữa tôi và các bạn bị trục xuất về Việt Nam quê hương mình, ấy thế mà tôi rất hoảng sợ vì tôi là người phụ nữ Việt Nam.

Nguyên do thì nhiều lắm, song từ khi đứng trong hàng ngũ với những bạn bè anh em ở Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn (B.B.V.) - Tiểu Ban Giải Trữ Pháp Nạn Hannover và Vùng phụ cận - cùng tham gia hoạt động đấu tranh, tôi càng hiểu rõ bản chất của Đảng Cộng Sản Việt Nam; Một Đảng Cộng Sản độc quyền và vô nhân đạo. Không từ một thủ đoạn hèn hạ nào với những âm mưu thâm độc trong đảng đưa cả dân tộc xuống vực thẳm, Tôn giáo bị chúng tiêu diệt, nhân phẩm con người bị chà đạp, nhất là phụ nữ, một số lượng đông song không có tiếng nói để bảo vệ chính mình trước cường quyền và bạo lực.

Qua nhiều báo chí và tư liệu cho thấy nhiều hãng xưởng của nước ngoài đã vào Việt Nam để kinh doanh sản xuất, dựa vào lực lượng nhân công đông đảo và rẻ mạt chúng bóc lột rất dã man... Thêm vào đó là những hành động đê hèn và coi thường dân tộc Việt, khi mà những tên chủ người Đài Loan, Đại Hàn đã bắt người Việt chịu hình phạt chui qua hàng, hay chúng thẳng tay đánh đập (như một số hãng xưởng sản xuất giày phía Nam). Thường tâm hơn là có trường hợp, người phụ nữ bị chủ hãng Đài Loan cưỡng hiếp v.v... và v.v... Trước hiện tình đó, chính quyền cộng sản chỉ xử phạt nhẹ, với hình thức là còn "giữ quan hệ làm ăn quốc tế" vừa che đậy nhiều hành động bỉ ổi của bọn chủ đầu tư, vừa dung túng cho bọn chúng phi nhân lộng hành, coi thường luật pháp và con người ngày thêm trầm trọng.

Đối với Tôn giáo, đảng CSVN ra lệnh đàn áp, tiêu diệt Gia Đình Phật Tử, một tổ chức có truyền thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Rất nhiều bạn gái cùng trang lứa với tôi đã uất ức nghẹn ngào ghi tên tình nguyện tự thiêu trong số hàng trăm Phật Tử và các Huynh Trưởng nếu đảng CSVN không chịu từ bỏ âm mưu đó.

Nhiều chùa chiền bị chính quyền CS cướp đoạt, các vị Thầy cùng Tăng, Ni, tín đồ buộc phải về địa phương sinh sống, từ già bao năm tháng đã tu học; Biết bao nhiêu nữ đồng tu và các Sư cô sẽ không được hoạt động với lý tưởng Đạo Phật cao đẹp của cuộc đời mà mọi người đã lựa chọn hy sinh (?).

Sống trong một bối cảnh như vậy, tôi thấy người phụ nữ Việt Nam gần như không có lối thoát, muốn được sống làm người công dân tốt và có nếp sống dân chủ lành mạnh như các nước phương Tây thì thực hão huyền và trở thành hoang tưởng.

Ở nước Đức, nhiều người đã về với chùa Viên Giác, ở đây chúng tôi cảm nhận được tấm lòng Từ Bi của Đạo qua vị Thầy trụ trì; Các vị

Tăng, Ni tu sĩ, các cô bác ở văn phòng hay nhiều người tôi làm công quả. Nếu một nơi hành đạo tốt đẹp như vậy mà ở Việt Nam đảng CSVN tiêu diệt thì là điều tôi không hiểu nổi và rất cảm xúc. Sự mù quáng của tập đoàn phản dân hại nước này không gì kể xiết...

Dân Tộc còn thì Đạo Pháp còn, và ngược lại. Tôi chỉ cầu mong được ở lại và nhờ Đạo Phật che chở, còn sống với chế độ Cộng Sản Việt Nam thì không những tôi mà hàng nghìn phụ nữ Việt Nam không ai biết được trước số phận của mình.

Nỗi lo sợ của tôi, tôi chắc rằng không ít thì nhiều, nó cũng có những lý do để tôi mạnh dạn tâm sự với mọi người Việt Nam yêu Dân Tộc và Đạo Pháp.

Trần Thị Thúy
(Bad-Harzburg)

BÀN VỀ CHÍNH LUẬN - MỘT NÉT VĂN HÓA

Chính luận - nếu ở nghĩa rộng có nghĩa là việc tỏ bày những quan điểm chính kiến, của một người, một thực thể, một quốc gia hay một chủ nghĩa trên thế giới. Trong đó phản ánh trung thực về hiện tượng của xã hội hoặc chính trị cấp bách có tính chất hoàn toàn mới mẻ, bức thiết và nóng bỏng. Trong báo chí hiện nay, chính luận thường tồn tại ở nhiều thể loại khác nhau, từ bình luận chính trị, phân tích chính trị, nghị luận, phê bình, ký sự, đến trào phúng, châm biếm hay tiểu sử, sử thi và tùy bút v.v...

Do tính chất rộng lớn, phong phú và đa dạng của chính luận, nên nhiều khi các tác giả của mọi tiểu phẩm trên đều có thể ví thử như một nhà chính trị. Vấn đề ở tầm cỡ nào thì lại hoàn toàn tùy thuộc vào sự hiểu biết, khả năng đánh giá, phân tích và cũng còn tùy thuộc vào tầm vóc của sự việc mà tác giả đưa ra trên tác phẩm của mình.

Vậy thì khi nào chính luận trở nên cao trào và chiếm thế thượng phong trên biểu đồ xã hội? Rõ ràng đó là khi tự thân các tác giả (hay nói rộng hơn là tự thân mỗi người trong xã hội) có nhu cầu mạnh mẽ để phát biểu những chính kiến của mình nhằm tuyên truyền, bênh vực, phê bình hoặc kêu gọi thức tỉnh định hướng của dư luận về những luận điểm, những vấn đề quan trọng có liên quan đến thịnh suy, hưng vong ở tầm vóc quốc gia hoặc quốc tế. Một ví dụ đơn cử là hiện nay có rất nhiều tờ báo của Cộng Đồng Người Việt tại Đức đã ra đời, tất nhiên những tiếng nói cũng vì thế đang trở thành cao trào mạnh mẽ nhằm đáp ứng kịp thời nguyện vọng của dân tộc đang khao khát hướng đến một nền dân chủ, đa nguyên và phồn thịnh cho quê nhà. Ngược lại những phản ứng của báo chí Cộng Sản tại Việt Nam cũng

lớn tiếng la lối không kém. Có điều động cơ của họ hoàn toàn đi ngược lại nguyện vọng trên.

Do những vấn đề thời đại có liên quan trực tiếp tới sự sống còn của chủ nghĩa Cộng Sản đang trở nên nóng bỏng hơn lúc nào hết. Vì vậy nếu đặt câu hỏi tại sao? Thì điều này được lý giải hoàn toàn giản dị khi mà các tờ báo mang thủ ngôn luận của Cộng Sản lại quên hẳn tính công khai, tính trung thực theo nghĩa đích thực để nói đến tương lai, vận mệnh của đất nước hoặc lên tiếng phản đối những nguy cơ dẫn đến đói nghèo, tụt hậu văn hóa, hoặc tác hại của một chủ nghĩa không tưởng mà Cộng Sản đang dùng làm bình phong để che đậy những toan tính bản thủ nhằm vớt vát lột của cải của xã hội. Thực tế, đó là của cải của người dân. Chính sự né tránh này mà báo chí Cộng Sản đã không làm tròn được bổn phận của ý nghĩa chính luận, hay nói khác đi báo chí Cộng Sản đã không đề cập được những hiện tượng mới mẻ nảy sinh từ thực tiễn của cuộc sống, của xã hội, của con người đang cần được lý giải. Nhất là lúc này, khi tình hình xã hội đang bộc lộ những hiện tượng, nguy cơ cần mạnh mẽ lên tiếng bênh vực, tranh luận làm sáng tỏ nhằm cấp báo, cảnh tỉnh cho dư luận đại chúng. Đây chính là điều quan trọng vô cùng bởi nó mang đậm tính chất kịch tính cần được chú trọng, vì có liên quan đến số phận của hàng triệu con người...

Do tầm quan trọng rất to lớn của các vấn đề mà chính luận đề cập trên báo chí, nên sự đòi hỏi bức thiết đối với các tác giả khi viết chính luận cũng trở nên khắt khe vô cùng. Ngoài tính trung thực ra, các tác giả của chính luận còn đồng thời phải là các nhà tư tưởng, có tư duy triết học, chính trị, văn hóa, xã hội, có tầm vóc hiểu biết đời đời, đủ sức lý giải và định hướng dư luận trước mọi vấn đề. Vì thế, trước khi đề cập đến vấn đề gì, sự đòi hỏi những đức tính thận trọng, tinh táo và bản lĩnh tự chủ của một diễn giả công tâm là điều không thể thiếu được. Có như vậy những bài chính luận mới không phạm phải sai lầm thường thấy như ở tờ báo Cộng Sản (chỉ mang nặng hình thức nguy biện để bảo vệ cho quyền lợi của Đảng). Nếu đạt được tầm vóc của trí tuệ với nhiệt huyết hết mình, chắc chắn các diễn giả sẽ thành công trong mọi tác phẩm của mình.

Đọc theo những biến cố của chiều dài lịch sử, dù ở bất cứ triều đại, chủ nghĩa hoặc thể chế chính trị nào. Vấn đề chính luận bao giờ cũng chia làm 2 trường phái chủ yếu:

- Thứ nhất là chính luận mang quan điểm tiến bộ, truyền bá, lý giải những hiện tượng (vấn đề có thể là tốt hay xấu) một cách đúng đắn, sát với chân lý, với sự thật. Giúp đại chúng nhận thức đúng và làm theo những gì tốt đẹp, chống lại cái xấu. Như vậy, có thể nói, trường phái này hoàn toàn tích cực vì đã đạt được công việc đáng kể là vạch trần mọi xấu xa của một chế độ, một chủ nghĩa, một nhóm

người nhân danh lợi dụng công lý, lợi dụng giá trị đích thực của lẽ phải làm những điều sai trái. Tất nhiên cả chính sách ngu dân cũng bị lên án gay gắt ở trường phái này. Vì vậy những vấn đề chống lại bất công, ca ngợi lao động, hòa bình, hữu nghị luôn luôn được trường phái này đề cập. Ở đây chúng ta bắt gặp tất cả các tờ báo của người Việt tại hải ngoại những tư tưởng trên. Do đó dù không phải là các tờ báo chuyên nghiệp, song tất cả những tờ báo đang lưu hành tại hải ngoại cần được hỗ trợ, cổ vũ kịp thời.

- Trường phái thứ hai mà chúng ta thường bắt gặp ở thể chính luận của các tác giả hoặc vì hạn chế trong nhận thức, hoặc vì vụ lợi, ích kỷ cá nhân và có thể do o ép của hoàn cảnh nên đã cổ vũ cho những tư tưởng thoái hóa, lạc hậu, thậm chí phản nhân đạo, như trường hợp mà chúng ta bắt gặp trên các mặt báo của Cộng Sản Đây chính là trường phái bảo thủ. Nếu cần nêu ví dụ, có lẽ chỉ cần thoáng qua một số báo, số ra gần đây nhất. Đó là tờ Nhân Dân số ra ngày 4.2.97 với bài: "Cần phê phán và cảnh giác trước những luận điệu xuyên tạc, gây kích động" của tác giả Trọng Nguyễn đăng trên trang nhất. Cũng tờ báo Nhân Dân số ra ngày 16.2.97 với bài: "Giọng điệu của những kẻ lạc loài" của tác giả Vũ Hoài Linh. Ngoài ra còn báo Văn Hóa (có quan của Bộ Văn Hóa & Thông Tin) cũng đăng bài "Hãy cảnh giác với giọng ngạ quen đường cũ". Bài báo được đăng tải trên trang 3 số ra ngày 23.2.97.

Chẳng cần đi sâu vào nội dung nhiều, chúng ta đã bắt gặp ngay những ý thức phiến diện, cực đoan. Với 3 tựa đề của 3 tiểu phẩm nhỏ, mà trạng từ "cảnh giác" đã phải dùng đến 2 lần. Đến đây có lẽ cũng cần nhắc lại những gì mà ông cha chúng ta trong lịch sử đã nhắc nhở: "Cây ngay không sợ chết đứng" hoặc "Có tật hay giật mình". Do đó nếu tự thân lý tưởng và con người Cộng Sản thực sự tốt đẹp để loài người hướng đến, lẽ đương nhiên sẽ không cần phải "cảnh giác" nhiều đến như vậy.

Khi bắt tay đặt nền móng cho một bài chính luận, các tác giả thường hay dùng nguyên lý của lý lẽ, phác họa cho những quan điểm cần bày tỏ. Đồng thời sử dụng mạch cảm xúc của chính mình dựa trên những sự kiện, tư liệu, nhân vật đã được sắp xếp chọn lọc nhằm khẳng định các luận điểm hoặc cảm xúc của mình định đưa ra. Những ý kiến, lời bình, hay đối thoại, phỏng vấn đều được tác giả huy động tới đa, tất cả đều nhằm khẳng định, hoặc phủ định vấn đề cần phải giải quyết trong tác phẩm. Nhưng chân lý cuối cùng đều phải tuân thủ đó là việc dẫn đến một nhận thức đúng đắn về sự việc đã nêu. Vấn đề còn lại là các diễn giả đã tiếp cận đến mức nào của chân lý để soi sáng hoặc ngược lại làm u ám vấn đề thêm nếu bản thân trình độ là non kém, cái nhìn bị lệch lạc, mù quáng, hay động cơ thiếu lành mạnh.

Hiện nay chúng ta nói riêng và thế giới nói chung đang sống trong thời đại dù đã vẫn

minh, song vẫn tồn tại đây áp các hiện tượng phức tạp. Thiết nghĩ chúng ta cũng cần có thêm những nhận thức mới mẻ, rõ ràng để tạo đà cho những hành động đúng đắn. Qua đó chính bản thân chúng ta mới làm tròn được công cuộc cải thiện cuộc sống, xã hội, con người theo hướng tích cực.

Đỗ Viết Tuấn &
Dương Văn Mạnh

ĐÔI DÒNG TÂM SỰ VỚI NHỮNG NGƯỜI VIỆT ĐANG ĐẤU TRANH VÌ DÂN CHỦ TỰ DO CHO VIỆT NAM

Năm ngàn năm dưng cảm Ông Cha ta đã tri tâm, nhần nhục, bao lớp người đã hy sinh vì đại nghĩa, đồng lao cộng khổ xót thương để gầy dựng nên nước Việt chúng ta. Tổ Tiên đã để lại cho chúng ta mảnh đất này cùng với những gương sáng hiếu trung tiết liệt, bao người đã nằm xuống hy vọng chúng ta gìn giữ được núi sông để xứng với dòng giống Tiên Rồng trăm họ Việt tất thắng. Nhưng trở trêu thay thời gian là sự xoi mòn các định chế của một quốc gia, và sự cần cỗi trong hai thế kỷ nay, khi mà Đại Đế Quang Trung băng hà, những thế hệ kế tiếp không giữ nổi nước Việt Nam, để ngày nay dẫn đến sự băng hoại truyền thống linh thiêng, dưới chế độ ngoại lai không chừa rẽ của Cộng Sản ngày nay tại quê nhà, Đảng Cộng Sản Việt Nam độc chiếm quyền hành vào năm 1975 đã lợi dụng tình thế để du nhập những ý tưởng xảo trá của Mác-Lê tập đoàn đảng trị đã đưa đất nước Việt Nam trở thành một nước nghèo nàn lạc hậu trên thế giới, làm cho huyết thông thanh niên băng hoại kiệt quệ tại quê nhà, đến độ tập đoàn đảng trị CSVN tước ngay cả quyền sống trong sự đoàn kết, ruột thịt trong cùng một Quốc Gia một Dân Tộc của chúng ta, người ở lại sống trong sự đày đọa của một nhà tù vĩ đại của CS, mất hết tư cách và công quyền làm người, có biết bao người đã ra đi phải bỏ mình vùi sâu trong lòng biển cả và bị hải tặc hãm hiếp, và có biết bao người hiện đang sống lưu vong xa lạ trên đất khách quê người. Một dải khăn số điểm nhục đang bao trùm trên một đất nước ngàn đời vẫn hiển con Hồng cháu Lạc của chúng ta.

Hai ngàn năm trăm năm trước, Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng vì chúng sanh, khi đứng trước chánh điện, chân dung của Đức Phật hiện ra của lòng từ bi rộng lớn, hiện thân của ý chí dưng mãnh, Ngài là một bậc đại từ, đại bi, đại dũng và đại trí. Đức Phật ngài có dạy, rằng "có sanh thì có diệt" mọi vật chuyển từ ánh sáng đến đêm tối, từ sống đến chết, từ vô hình

trở thành hữu hình, thành một vòng tròn gồm bốn giai đoạn: sinh, trụ, dị, diệt; cái định luật đó mà Đức Phật đã dạy cho chúng sanh.

Trong hiện tại tập đoàn đảng trị CSVN đã nhìn thấy không ít nhiều qua những nước CS Đông Âu khi mà bức tường Bá Linh sụp đổ là cha đẻ ra chế độ CS tại Nga Xô tan rã. Cho nên tập đoàn đảng trị CSVN họ cần phải tìm góp cho thật nhiều tiền của, vàng bạc, đô-la, chính là nguyên nhân họ mới cho nổi rộng về kinh tế mở cửa đón Tư bản vào áp dụng kiểu kinh tế thị trường tại Việt Nam. Kinh tế hiện nay chỉ có khởi sắc tại những thành phố, sự phát triển quá hỗn tạp vì cơ bản thiếu những luật lệ căn bản về kinh tế, cộng vào tham nhũng, độc tài, sẽ có tai hại cho tương lai đất nước sau này, nói lòng về kinh tế mục đích làm cho sự cấm thủ chế độ CS của nhân dân tại quốc nội với dần xuống, thì ngược lại quyền lợi kinh tài tham nhũng của họ càng tăng lên. Ta hãy hình dung cái cân cai hai đĩa bớt đi một ít bên này thì bên kia tuy chẳng thêm gì mà thành nặng thêm lên.

Tập đoàn đảng trị CSVN tại sao họ không hủy bỏ điều 4 của Hiến Pháp là loại bỏ Đảng CSVN không được độc tôn độc tài quyền lãnh đạo đất nước.

Người CS luôn giữ độc quyền về sự tin tưởng của mình nên đã độc đoán và tàn nhẫn với những người không tin tưởng theo họ, và ai không theo họ, thái độ ấy tạo ra không biết bao nhiêu là tai họa mà kết quả chỉ có thể là một sự thái hóa nếu không phải là một sự diệt vong. Xưa kia có biết bao vì vua chúa đã gây ra không biết bao nhiêu cuộc tàn sát giết chết muôn dân chỉ vì muốn giữ vững chiếc ngai vàng cai trị, thì ngày nay tiếp theo cái họa độc quyền lãnh đạo của tập đoàn đảng trị CSVN. Đảng CSVN có cần phải áp bức độc ác giết chết nhân sinh nhiều hơn nữa để cho mọi người thấy đảng CSVN là một đảng không còn nhân tính nữa phải không? Đảng CSVN dùng những phương pháp tàn bạo bắt người vô căn cứ và xử tù những bậc tu hành cùng với những người đấu tranh cho dân tộc và nhân dân, những việc làm của đảng CSVN buộc mọi người phải tuân theo, nhưng ngược lại càng làm cho mọi người kinh tởm xa lánh hơn nữa, có lẽ đảng CSVN cũng hiểu như thế, nhưng khi họ đã tin tưởng một cách chân thành vào giá trị tuyệt đối của một học thuyết chủ nghĩa Mác-Lê mà ông Hồ Chí Minh hay những người hiện đang cầm quyền tạo Bắc Bộ Phủ họ quý trọng coi đó là kim chỉ nam của đường lối đảng, đảng CSVN độc đoán với những ai không cùng chung một đường lối với họ thì đảng CSVN sẵn sàng ra tay đàn áp vô cùng dã man có lẽ đó là một trạng thái mất bình thường của những tên CS cuồng tín tại Bắc Bộ Phủ.

Nhà Thơ ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện là một nạn nhân của các vi phạm về nhân quyền thời CS lãnh đạo tại Việt Nam, Nhà Thơ đã lên tiếng bảo rằng "phải hàng triệu năm Tổ Tiên mới từ trạng thái Vượn lên Người nhưng chế độ

CSVN chỉ trong vòng mấy năm đã đẩy người Việt Nam lui về trạng thái từ Người làm Vượn", cho đến bao giờ người Việt Nam tại hải ngoại cùng với những người trí thức và đồng bào tại quốc nội phá tan bức tường Bá Linh tại Việt Nam. Đấu tranh chống lại tập đoàn đảng trị CSVN phi nhân đang tàn phá quê hương đất nước chúng ta thử hỏi chúng ta là con dân nước Việt làm sao còn có thể nhìn lên bàn thờ Tổ Tiên, bàn thờ Tổ Quốc trong các ngày quốc lễ, chúng ta có thể đang tâm nhìn đồng bào ruột thịt hai miền Nam Bắc chết dần mòn về tinh thần và thể xác trong một nhà tù vĩ đại ngày nay dưới bạo quyền CS đao phủ thủ dân tộc được chỉ viện bởi ngoại bang.

Ngày hôm nay trong công cuộc đấu tranh của người Việt tự do tại hải ngoại trước Quốc Hội Âu Châu ngày 16.5.97, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã biểu tình và tuyệt thực 24 tiếng đồng hồ để tố cáo và lên án chế độ phi nhân phi dân tộc của nhà bạo quyền CSVN, để cho quốc tế thấy rõ hiện tại trong nước Việt Nam của chúng ta CSVN vẫn còn đàn áp những thành phần đối lập, bắt bỏ các vị lãnh đạo Tôn giáo và vi phạm về nhân quyền thành công của người Việt tự do tại hải ngoại là một bước ngoặt của lịch sử Việt Nam ta, đã trải qua 22 năm, ánh sáng đã rọi cuối đường hầm trước trào lưu tiến bộ của nền dân chủ trên thế giới, chế độ CSVN nên ý thức trước xu thế tất yếu của lịch sử VN, lập tức trao quyền lại cho toàn dân và giải thể đảng CSVN, thực hiện một nền dân chủ đa đảng để có một vận hội mới cho dân tộc Việt Nam trước ngưỡng cửa bước vào thế kỷ 21 trong niềm tin tưởng vào tương lai huy hoàng của đất nước Việt Nam.

Nguyễn Văn Phú
Reutlingen Sa 100201.dot

TÌM NGƯỜI LÀM



Nhà hàng ăn Châu Á tìm một người bếp chính và một người phụ có kinh nghiệm. Điều kiện : Có giấy phép cư ngụ tại Đức hay tại tiểu bang Sachsen và có giấy phép làm việc . Chủ nhân có thể xin giấy phép làm việc.

Xin thư về :

Hộp thư (mục tìm người làm)
PF 1532 - 04351 LEIPZIG

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ
NGÀY 16.6.1997**

20 quốc gia tham dự Hội Nghị Quốc Tế Phật Giáo Hiệp Lực Dẫn thân tại Thái Lan viết thư gửi nhà cầm quyền Hà Nội yêu sách trả tự do cho hàng Giáo phẩm Lãnh đạo GHPGVNTN

Thượng tuần tháng 6.1997, hai mươi quốc gia về tham dự tại Thái Lan Hội nghị Quốc tế Phật giáo Hiệp lực Dẫn thân (International Network of Engaged Buddhists). Tổ chức Phật Giáo này đặt trụ sở tại thủ đô Bangkok, và cũng đã có nhiều chương trình viện trợ từ thiện và giáo dục tại Việt Nam trong mấy năm qua. 20 quốc gia này gồm có: Anh, Ấn Độ, Bangladesh, Campuchia, Đại Hàn, Đức, Hoa Kỳ, Hòa Lan, Indonesia, Lào, Miến Điện, Nepal, Nhật Bản, Pháp, Phi Luật Tân, Sri Lanka, Tây Tạng, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam. Lẽ ra sẽ có đại biểu Phật giáo từ trong nước đến tham dự, nhưng nhà cầm quyền cộng sản không cho đi, nên chỉ còn lại phái đoàn Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam.

Mục đích của hội nghị là trao đổi hoạt động Phật giáo trên các lĩnh vực xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, chính trị, đặc biệt trong vấn đề bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong các xã hội tha hóa vì nạn mại dâm, ma túy và tiêu thụ, để tiến đến một hành động quốc tế cho các tổ chức Phật giáo dẫn thân.

Sau mấy ngày làm việc trên phạm vi phức tạp và lý thuyết, không khí hội nghị đã sôi nổi hẳn lên khi nghe ông Võ Văn Kiệt trình bày cụ thể về việc nhà cầm quyền Hà Nội đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN). Ngoại trừ phái đoàn Nhật Bản, tất cả 19 phái đoàn khác đều chấn động trước sự trạng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, vì họ không hề được ai thông tin.

Hội nghị đã ra hai quyết nghị trên lĩnh vực nhân quyền. Một là thành lập Ủy Ban Nhân Quyền Phật Giáo để đấu tranh cho các nạn nhân Phật tử tại ba nước Miến Điện, Tây Tạng và Việt Nam. Hai là viết một bức thư phản đối đồng gửi đến các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt và Nông Đức Mạnh với 50 chữ ký của các vị Thượng Tọa và Cư sĩ thuộc 20 phái đoàn quốc gia tham dự.

Chúng tôi xin dịch nguyên văn bức thư bằng tiếng Anh dưới đây:

Đồng kính gửi:

- Ông Đỗ Mười, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam

- Ông Võ Văn Kiệt, Thủ Tướng nước CHXHCN Việt Nam

- Ông Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc Hội Việt Nam

Hà Nội - Việt Nam.

Thưa quý Ông,

Chúng tôi ký tên dưới đây, thuộc các phái đoàn của 20 quốc gia về dự Hội nghị lần thứ 8 của Quốc Tế Phật giáo Hiệp lực Dẫn thân (INEB) tại Kanchanaburi ở Thái Lan trong tháng 6 này, biểu tỏ sự quan tâm và bức xúc của chúng tôi trước những vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo đang tiếp diễn đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN). Những vi phạm này là chính sách có kế hoạch nhằm đàn áp những người Phật tử tại miền Bắc kể từ năm 1954 (sau Hiệp định Genève) và tại miền Nam kể từ năm 1975.

Ở Việt Nam ngày nay, GHPGVNTN truyền thống bị triệt tiêu, chùa chiền của Giáo Hội bị tịch thu, các cơ sở giáo dục, xã hội, văn hóa cũng như các học viện đều bị đóng cửa. Nhiều Tăng, Ni, và Cư sĩ bị tra tấn, giam cầm và hăm dọa. Hiện nay, hầu hết hàng giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN bị cầm tù hay quản thúc. Cuộc đàn áp đã lan đến "Gia Đình Phật Tử", khiến cho 200 Huynh trưởng thuộc tổ chức giáo dục trẻ có 300.000 đoàn viên xin ghi danh từ thiện để phản đối.

Cuộc đàn áp những người Phật tử tại Việt Nam vì lý do tín ngưỡng mà họ biểu tỏ một cách bất bạo động đã bị cộng đồng thế giới kết án, đặc biệt gần đây ngày 15.5.97, Quốc Hội Âu Châu đã phải ra Quyết Nghị tố cáo.

Chúng tôi, ký tên dưới đây, kêu gọi nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hãy ngưng ngay chính sách đàn áp GHPGVNTN tại Việt Nam và thực hiện tức khắc các bước sau đây:

1. Tức khắc trả tự do vô điều kiện cho tất cả Tăng, Ni và Cư sĩ bị bắt giam vì lý do tín ngưỡng bất bạo động, đặc biệt các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tựu, Thích Thiện Minh, v.v...;

2. Bảo đảm và phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN để cho Giáo Hội được tự do và sinh hoạt tôn giáo;

3. Chấm dứt chiến dịch đàn áp Gia Đình Phật Tử; và

4. Trả lại mọi tài sản của GHPGVNTN đã bị cưỡng chiếm trước đây.

Làm tại Paris, ngày 16.6.1997

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ
NGÀY 16.6.1997**

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã qua đời
Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã qua đời tại Hà Nội ngày thứ sáu 13.6.1997. Thọ 88 tuổi.

Sinh năm 1909 ở Hà Nội. Thuở nhỏ học Collège Paul Bert và sau đó Lycée Albert Sarraut. Đậu tú tài năm 16 tuổi. Năm 1927 sang Pháp du học ở đại học Montpellier ngành Văn chương và Luật. Năm 1932 đỗ một lúc hai

bằng Tiến sĩ luật và Tiến sĩ Quốc gia Văn chương, lúc này ông 22 tuổi. Đề tài luận án của ông là "Quyền cá thể trong xã hội cổ Việt Nam. Khảo cứu tổng thể về bộ Luật đời Lê". Nhận định về luận án, ông Chánh chủ khảo thời ấy đã nói: "Luận án của ông Nguyễn Mạnh Tường là một kiệt tác luật, hơn thế nữa nó là một kiệt tác luật và văn chương (...). Ông thành công trong hai phân khoa của viện Đại học Montpellier. Tiến sĩ Luật năm 22 tuổi, ông cũng sắp trở thành Tiến sĩ Văn chương, đó thật là một kỳ lục, và ở Pháp chưa ai đậu Tiến sĩ Văn chương năm 22 tuổi (...). Ông làm cho toàn thể trường Luật hãnh diện. Chúng tôi cấp cho ông hạng cao nhất của chúng tôi: "Ưu hạng với lời khen ngợi của Ban Giám Khảo".

Trở về Việt Nam lần thứ nhất năm 1932. Đến năm 1936 thì ông trở về Việt Nam vĩnh viễn. Ông học chữ Hán trước nhiều năm và tham gia việc biên soạn cuốn *Văn Phạm Việt Nam* của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim và cuốn *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức. Năm 1940 xuất bản bốn cuốn sách bằng tiếng Pháp: *Souires et Larmes d'une Jeunesse* (Tuổi thơ cười và khóc), *Pierres de France* (Những tảng nền nước Pháp), *Apprentissage de la Méditerranée* (Học tập nền văn minh Địa Trung Hải), và *Le Voyage et le Sentiment* (Hành du và tình cảm).

Năm 1946 ông theo chính phủ Hồ Chí Minh ra hậu phương kháng Pháp, làm luật sư ở Khu III. Thời gian này, ông là thành viên của Phái đoàn Việt Nam ở 4' Hội nghị: 1946, Hội nghị trù bị họp với Pháp ở Đà Lạt; 1952, họp ở Bắc Kinh; 1955, họp ở Vienne (Áo); 1956, Hội nghị các Luật gia dân chủ họp ở Bruxelles (Bi). Suốt thời gian này ông viết nhiều bài tố cáo thực dân Pháp, ca tụng cuộc kháng chiến giành độc lập, ca tụng Liên Xô và ca tụng hết mình lãnh tụ Hồ Chí Minh và đảng Lao Động (tức đảng Cộng Sản Việt Nam), cũng như kêu gọi trí thức trong "vùng tạm bị chiếm". Các bài viết này được tập họp và in dưới đề mục "Một cuộc hành trình" do nhà Minh Đức Thời Đại xuất bản tại Hà Nội năm 1955. Đây là giai đoạn cực đoan khuynh tả của người trí thức Nguyễn Mạnh Tường.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, và sau Hội Nghị Genève năm 54, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam-Bắc. Chính phủ Hồ Chí Minh về tiếp quản Hà Nội, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đạt tới đỉnh cao danh vọng với các chức tước: Khoa trưởng trường Đại học Luật khoa, Phó Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Thủ lãnh Luật sư đoàn, Phó Khoa trưởng Đại học Sư phạm, thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt Trận Tổ Quốc, của Hội Ái Hữu Việt-Pháp, của Hội Ái Hữu Việt-Xô, của Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình trên thế giới, và sáng lập viên Câu Lạc Bộ Đoàn Kết Trí Thức...

Ngày 30.10.56, theo lời mời của Trường Chinh ông diễn thuyết tại Mặt Trận Tổ Quốc phê bình và chỉ trích những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất. Bài nói danh thép này trở thành bài viết "Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất xây dựng quan điểm lãnh đạo" gây chấn động dư luận trong và ngoài nước thời ấy. Nội dung phê phán kịch liệt chủ nghĩa vô nhân của Đảng trong Cải Cách Ruộng Đất và đòi hỏi một Nhà nước pháp trị và dân chủ. Vì bài này, Luật sư Nguyễn Mạnh

Tuồng bị mất tất cả chức vị, bị khai trừ ra khỏi đảng cấp mỗi tuyệt vời ưu đãi của chế độ. Và bị bỏ rơi trong đói lạnh và bệnh tật suốt 30 năm, từ năm 1958 đến năm 1990.

Ngày 13.5.1991 ông hoàn tất cuốn hồi ký bằng tiếng Pháp mang tên "Un Excommunié - Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel" (*Kẻ Bị Khai Trừ - Hà Nội 1954-1991: Bàn Án Một Người Trí Thức*) gửi sang Paris cho nhà xuất bản Quê Mẹ phát hành năm 1992. Cuốn sách này đã được giới thiệu trên kênh 3 đài truyền hình Pháp, trong chương trình Khó Pháp ngữ. Bản dịch Việt ngữ sẽ được nhà xuất bản Quê Mẹ cho ra mắt vào tháng 7 năm nay, 1997.

Mở đầu cuốn sách "Kẻ Bị Khai Trừ", Luật sư Nguyễn Mạnh Tường ghi: "Tôi đã viết và đánh máy bản thảo này trong vòng cô đơn và lén lút. Vì vậy không tránh khỏi có những chỗ lầm lỗi. Kính xin quý vị nào lưu tâm đến những ý nghĩ và cuốn sách của tôi và muốn đem ấn hành ở Pháp vui lòng tha lỗi cho tôi".

"Kẻ Bị Khai Trừ" gồm 223 trang, chia làm 3 phần. Phần 1 nói về đỉnh danh vọng mà ông đã được hưởng khi trở về Hà Nội sau 9 năm kháng chiến chống Pháp. Phần 2, nói về thái độ của người trí thức trong thế giới cộng sản. Người trí thức này được đại biểu qua cuộc đòi truan chuyên của chính tác giả Nguyễn Mạnh Tường. Ở đây ông tường thuật ba lần ông bị đấu tố sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm: cuộc đấu tố thứ nhất ở Mặt Trận Tổ Quốc, cuộc đấu tố thứ hai ở Viện Đại Học Hà Nội, và cuộc đấu tố thứ ba ở đảng Xã Hội Việt Nam. Phần thứ ba là phần "Hành trình qua sa mạc" của tác giả, ở đây độc giả sẽ tiếp cận với cảnh đời tăm tối của một nhà trí thức lớn, đối diện phải bán từng khăn trải bàn, từng đĩa hát yêu quý thời thanh xuân, cho đến việc đau đớn nhất, là bán những cuốn sách sưu tập yêu quý nhất của người có học, để cuối cùng bộc lộ tham kịch bị khai trừ, bị cô lập, sống trong cô đơn và bệnh hoạn.

Trong chương hành trình qua sa mạc, ông viết: "... từ 1958 cho tới 1990, trong gần bốn mươi năm của đời, tôi khởi đầu bước qua sa mạc. Trên những hạt cát tuyệt vọng, lệ tôi khô ráo, tôi lê lết thân bị tra khảo bởi thiếu thốn. Tim rớm máu nổi buồn thương thống thiết và cay đắng phủ phàng. Không một niềm vui thoáng chớp trong tối tăm địa ngục. Nơi tôi chìm ngập trong cô đơn. Nơi tôi tìm mọi cách trốn thoát, mặc gió mùa giông bão, để có ngày thét lên sự tuấn nạn của mình".

Ở trang cuối cuốn hồi ký "Kẻ Bị Khai Trừ", Luật sư Nguyễn Mạnh Tường chất vấn nhà cầm quyền Hà Nội như sau: "Nhân dân có thể đặt một số câu hỏi với Đảng: Trong khi phong trào dân chủ và tự do dâng lên như sóng cồn, tại sao các ông ngoan cố không chịu nhìn nhận sự thực, và bám vào một cách tuyệt vọng vào một tín điều đã lỗi thời không thể sửa chữa được? Giữa chủ nghĩa của các ông và quyền lợi của nhân dân và tổ quốc, các ông thiên về bên nào? Những bông hoa các ông nhập cảng và cắm vào trong bình, đã héo tàn. Các ông ngoan cố sùng bái cái xác ướp không thể sống lại ấy cho đến bao giờ? Và nhất là các ông hãy cho nhân dân biết những lý do thật sự tại sao các ông thù ghét chế độ đa đảng? (...) Dù luận nhận xét rằng các ông đã đi bước đầu trên con đường "đổi mới". Như vậy các ông đã bắt đầu

thủ nhận các sai lầm. Nhưng các ông, và cả nhân dân nữa, có thể nào bằng lòng với những biện pháp nửa chừng không, khi mà các biện pháp ấy chỉ có thể chữa trị một vài lãnh vực đã được nêu rõ, những bệnh tật đã lan ra khắp toàn thân thể của quốc gia và các cấu trúc của quốc gia? Các ông thích tự hào về những hy sinh to lớn, kể cả mạng sống, để cống hiến cho Đảng. Các ông không đủ anh hùng tính để hy sinh Đảng của các ông cho Tổ quốc và nhân dân hay sao? Nước Việt Nam và lịch sử Việt Nam đang chờ đợi câu trả lời của các ông".

Làm tại Paris, ngày 16.6.1997
Võ Văn Ái

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 27.6.1997

Tổ chức "Đài Quan Sát Quốc Tế về các nhà tù" tố cáo tình trạng bắt bớ trái phép và chế độ nhà tù tàn khốc đối với 1200 tù chính trị tại CHXHCN Việt Nam trong bản Báo Cáo 1997 vừa công bố tại Pháp

Trong khi bà Ngoại trưởng Madeleine K. Albright đến thăm chính thức Việt Nam và cũng để nói lên mối quan tâm của chính phủ Hoa Kỳ đối với tình trạng vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Hà Nội, thì tổ chức "Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù" (Observatoire International des Prisons) tại Pháp tung ra bản Báo Cáo 1997 về tình trạng giam giữ tù nhân trong năm 1996. Năm nay, lần đầu tiên bản Báo Cáo đề cập tới tình trạng khốc liệt tại CHXHCN Việt Nam trong số 42 quốc gia trong thế giới.

Bản Báo Cáo đặc biệt quan tâm tới án tù hình còn hiện hữu ở Việt Nam. Án này không dành riêng cho những kẻ sát nhân, hãm hiếp và buôn bán ma túy, mà còn áp dụng cho những tù nhân kinh tế. 113 án tù hình trong năm 1996. Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù tố cáo: những hành vi tra tấn trong các nhà tù XHCN Việt Nam; giam nhốt vào xà-lim, xiềng còng tay chân để trừng phạt là hình thức ngày càng được hệ thống hóa; lao động cưỡng bức là phương pháp hủy diệt sự lý khai với chính quyền. Bản Báo Cáo nêu những trường hợp bệnh tật, suy yếu hay già cả vẫn bị khùng bỏ, như trường hợp của Đại Đức Thích Hải Tạng (ở trại B.14), hai mươi mốt Trần Hữu Duyên, 81 tuổi, và Nguyễn Châu Đạt, 72 tuổi, ở trại Z30A K1 tỉnh Đồng Nai.

Theo những nguồn tin không chính thức, bản Báo Cáo cho biết hiện có 150 trại Cải Tạo và nhà tù ở Việt Nam. Tùy theo thành phố, mỗi nơi có từ một đến năm trại giam. Mỗi tỉnh có ít nhất một trung tâm tạm giam và một nhà tù, chưa kể những trại cải huấn dành cho những người nghiện ma túy, mại dâm và bị đói, được xem như một thủ nhà tù. Điều kiện giam giữ ở các nơi này rất tàn bạo, phi nhân hay tước đoạt nhân phẩm, không đúng theo tiêu chuẩn quốc tế; thiếu chăm sóc y tế; thực phẩm là cơm chan nước muối (ở các trại Z30A K1, A.20); những lần trại chứa 80 người, ngủ trên bề ngang 7 tấc, không nhà vệ sinh riêng. Trại B.14 còn gọi là trại Thanh Liệt, ở phía tây Hà Nội, với những dây xà-lim hãi hùng; nắm trước vuông cho mỗi tù nhân; nóng bức vào mùa hè,

lạnh buốt suốt mùa đông. Những xà-lim không cửa sổ, không hệ thống thông khí, tối om ngày như đêm, hoặc đèn chiếu sáng liên tục để tù nhân bị xiềng còng không thể ngủ.

Nơi giam giữ không hợp pháp được thể hiện qua trường hợp Hòa Thượng Thích Huyền Quang thuộc Giáo Hội bị đàn áp là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Bị quản thúc từ năm 1982, Hòa Thượng bị bắt ngày 29.12.94, đưa đi giam giữ trong một căn nhà ở xã Nghĩa Bình. Nhà cầm quyền không cho biết lý do bắt bớ, cũng không hề đưa ra xét xử.

Ngoại trừ những khóa học bắt buộc về chủ nghĩa Mác-Lê, tù nhân không được theo dõi các khóa huấn nghệ, trau dồi văn hóa, ngôn ngữ, giải trí, cảm thực hành tôn giáo vì bị xem là "mê tín dị đoan". Ngoài ra, Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù quan ngại tới chủ ý của nhà cầm quyền trong những trường hợp cấm thăm nuôi, và tố cáo việc chuyển trại tù nhân như một hình thức chế tài, để gia đình không biết nơi thăm nuôi, các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan ngoại giao nước ngoài không thể liên hệ với tù nhân. Đây là trường hợp xảy ra vào tháng 5.96 đối với Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Trước đó, Hòa Thượng bị chuyển từ Sài Gòn ra trại Ba Sao ở Nam Hà, rồi từ đây đưa về trại B.14 gần Hà Nội.

Sau màn sương mù của chế độ nhà tù XHCN Việt Nam, ẩn nấp dưới tội danh "xâm phạm an ninh quốc gia", nhà cầm quyền không hề công bố số liệu tù nhân bị giam giữ. Cũng không ai biết nữ tù nhân có được giam riêng hay không? Có thể có một vài phân trại dành riêng cho nữ tù, nhưng bản Báo Cáo báo động trường hợp ở khu K1 nhà tù Phú Sơn, tỉnh Bắc Thái, nam nữ tù nhân bị giam chung.

Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù cũng báo động tình trạng bắt bớ và giam giữ vô căn hay phi luật pháp. Đài trưng dẫn bản báo cáo của Ủy Ban Luật Pháp Quốc Hội Việt Nam, cho biết từ tháng giêng đến tháng 8.1996, chỉ tính riêng trong một tỉnh, đã có 497 trường hợp trên 1158 vụ bắt bớ không có lệnh bắt hoặc bắt bớ trái pháp luật. Chính vì bộ Luật tố tụng hình sự Việt Nam cho phép gia hạn vĩnh viễn thời tạm giam (điều 71), hay cho phép bắt người trong trường hợp khẩn cấp "khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm nghiêm trọng" (điều 63).

Ngoài chế độ tù ngục nói trên, bản Báo Cáo quan tâm tới chính sách đàn áp chính trị và tôn giáo là nguyên nhân dẫn tới việc bắt bớ trái phép và giam giữ phi luật pháp những người bộc lộ quyền chính đáng của họ về tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng. Mấy năm qua, việc đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gia tăng qua sự kiện bắt bớ và giam giữ trái phép các Tăng sĩ Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng, Thích Hải Thịnh, Thích Hải Chánh, Thích Thiện Minh... Ngay cả những đảng viên cộng sản lý khai cũng bị bắt giữ, như các ông Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà.

Con số tù nhân chính trị hiện nay tại Việt Nam ít nhất là 1200 người, theo bản Báo Cáo 97.

Tình trạng giam giữ tàn khốc và mất nhân phẩm trong các trại Cải tạo và nhà tù tại Việt Nam, đã khiến cho tu nhân chính trị ở trại Z30A K1 ở Xuân Lộc biểu tình phản đối và đưa kiến nghị ngày 27.5.96 đòi hỏi cải thiện tình trạng giam giữ tù nhân chính trị. Nhưng cuộc biểu tình đã bị thẳng tay đàn áp, đánh đập, nhiều tù nhân bị xiềng còng đưa vào xà-lim.

Việc ngược đãi và tra tấn của những tên quân giáo trại không hề được trừng trị. Bản Báo Cáo 97 cho biết điều 243 của bộ Luật hình sự Việt Nam chỉ xử một năm "cải tạo" không giam giữ, hoặc tối đa 6 tháng tới 3 năm tù, những người "dùng nhục hình trong hoạt động tư pháp", trong khi đó lại xử tù kẻ phạm tội sát nhân. Không thể không quan tâm đến tình trạng báo động này, mà hậu quả là tù nhân bị bức tử sau các cuộc tra tấn hỏi cung trong các trại cải tạo và nhà tù Việt Nam.

Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù (Observatoire International des Prisons) là một tổ chức phi chính phủ ra đời năm 1990 tại thành phố Lyon (400 cây số về phía nam thủ đô Paris). Mục tiêu của tổ chức là theo dõi và giám thị những điều kiện giam giữ trong các nhà tù trên thế giới để bảo động khi quyền nhân phẩm của người tù bị vi phạm. Tổ chức cũng chống án tử hình. Đài Quan Sát Quốc Tế về các Nhà tù không phục vụ cho một chủ trương chính trị nào, vì chỉ tranh thủ giúp đỡ mọi tù nhân khi họ bị ngược đãi, bất kể là tù hình sự hay tù chính trị.

Từ ngày ra đời, tổ chức đã phát hành được 5 bản Báo Cáo thường niên, nhằm tố cáo và thông tin để dư luận quốc tế can thiệp thay đổi thân phận và đời sống những người tù. Bản Báo Cáo năm 1997 trình bày tình trạng nhà tù trong 42 quốc gia ở châu Phi, châu Mỹ, châu Âu và châu Á. Lần đầu tiên trong năm nay, Trung Quốc và CHXHCN Việt Nam được đưa lên bàn mổ. Cùng lúc tung ra trong dư luận qua một cuộc họp báo trước 100 ký giả quốc tế và các tổ chức đấu tranh cho nhân phẩm người tù, bản Báo Cáo 97 bằng Pháp ngữ, dày 291 trang, được gửi tới các chính phủ thuộc 42 quốc gia liên hệ. Bản Anh ngữ đang được chuẩn bị phát hành trong vài tháng tới.

Làm tại Paris, ngày 27.6.1997

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam

THÔNG BÁO

Vận động xây chùa Trí Thủ - Thụy Sĩ

Tại Thụy Sĩ, thủ đô BERN, từ lâu đã vận động quý Phật tử, phát tâm ủng hộ, xây dựng một cảnh chùa cho bà con và Phật tử xa gần có nơi lui tới tu học. Đến nay cơ duyên thuận lợi tìm được một địa điểm tốt để tạo dựng ở vùng Muntschmier.

Phi tốn lên đến 1.000.000 Fr. Thụy Sĩ; hiện có 600.000 Fr. nên còn thiếu rất nhiều. Trước một Phật sự to lớn vô vàn khó khăn, chúng tôi thiết tha kêu gọi quý vị Phật tử, bà con vì lòng tôn kính đối với Đức Phật, vì Đạo Pháp được trường tồn và hưng thịnh. Phát khởi đạo tâm, quý vị ủng hộ tinh tài xin chuyển vào:

Chùa Trí Thủ - Trường mục Xây Chùa

SBG Langenthal - Schweiz
KL 830 - 904 - 40E

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ PHÁP LÝ VÀ XÃ HỘI

Nhận thấy trong thời gian qua, Chùa Viên Giác, Hội Phật Tử VNTN tại Đức cũng như Tòa Soạn báo Viên Giác đã nhận nhiều thư nhờ giải đáp những thắc mắc liên quan đến vấn đề pháp lý và xã hội trong cuộc sống.

Để gánh vác phần nào những Phật sự của Chùa, Văn phòng Xã Hội của Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Chùa Viên Giác (TTVHXHPG) kể từ nay sẽ trực tiếp giải quyết những việc trên. Văn phòng này sẽ do Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp, Ủy viên Sinh Hoạt Cộng Đồng và Báo Chí (SHCD & BC) của Hội Phật Tử điều hành.

Mọi thắc mắc, nếu có, xin quý đồng hương gửi về địa chỉ của Chùa. Trên bi thư xin ghi "Văn phòng XH Chùa Viên Giác" và kèm theo một phong bì có dán tem và địa chỉ người nhận. Mọi ủng hộ tịnh tài cho việc giải đáp thắc mắc xin tùy hì. Chùa thành thật cảm tạ trước. - Trung Tâm VHXHPG Chùa Viên Giác -

THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Kể từ ngày 01.7.1997 địa chỉ mới của Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại Đức như sau:

- Ngô Văn Phát - Otto Hahn Str. 43

D - 30880 Laatzen - GERMANY

- Tel. 0511 - 824671

hoặc:

- Karlsruhe Str. 6

D - 30519 Hannover - GERMANY

Tel. 0511 - 879630



Đài Loan, 15.3.1997

BỨC TÂM THƯ

Vai hàng xin tự giới thiệu và kính thỉnh cung hợp tác

Kính đệ đến Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và toàn thể Phật tử.

Tôi, Tịnh Hạnh được duyên lành vào tu học tại Phật học đường Ninh Thuận niên khóa 1950-1951; đầu năm 1952 được vào tu học tại Phật học đường Nam Việt (chùa Ấn Quang); sau đó học thêm thế pháp đậu bằng Tú tài 2, Cử nhân; lại được học bổng sang Đài Loan du học và đậu được văn bằng Tiến sĩ Quốc gia Văn học và Triết học Trung Quốc.

Khi còn ở Việt Nam, gặp phải sự kỳ thị đàn áp Phật giáo của gia đình theo đạo Thiên Chúa thuộc Chánh phủ Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963, tôi đảm nhận chức Chủ tịch Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tỉnh Gia Định, đặt trụ sở tại chùa Giác Tâm (ngã tư Phú Nhuận).

Tại Đài Loan, sau khi nhận quốc tịch năm 1981, trong hoàn cảnh không chùa nào cho dung thân, không một Phật tử Việt Nam nào giúp đỡ, tôi tìm cách tạo lập giảng đường và

thành lập Học viện Phật giáo Trung Quốc khai triển sự nghiệp hoàng pháp và đào tạo Tăng tài; rồi dạy học tại trường Quốc lập Cao đẳng Sư phạm Đài Bắc; tiếp theo được thăng ngạch làm Giáo sư chánh ngạch trường Đại học Quốc lập Trung Húng phụ trách giảng dạy về ngành Triết học Trung Quốc cho cấp Cử nhân và Cao học mãi cho đến ngày nay; lại đang phụ trách hướng dẫn một lớp nhiều Giáo sư thuộc nhiều Viện Đại Học nghiên cứu Triết học Phật giáo; và đang giữ chức Ủy viên Thường trực của Hội Phật Giáo Đài Bắc.

Tại Hoa Kỳ, tôi là một trong số sáng lập viên vận động và thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ vào năm 1988, được giữ một trong ba đồng Chủ Tịch, đảm nhiệm về nội vụ.

Đặc biệt, hiện nay tôi đang phụ trách chi phí, tìm nhân tài và phân phối toàn bộ hệ thống phiên dịch kinh điển Phật giáo từ văn Trung Quốc thành văn Việt Nam, đã bắt đầu tiến hành từ đầu năm 1994; trước hết là miền Nam, miền Trung đã và đang đạt được thành tích đáng kể; miền Bắc cuối năm ngoài mỗi liên lạc được, nay đang trên đà cùng cố.

Nhân dịp này, tôi xin yêu cầu Quý vị nào đã dịch được, kể cả trong Đại Tạng hay những kinh sách Phật khác từ Trung văn ra Việt văn, làm ơn gởi cho tôi xin một bản (được in hay đánh máy rõ ràng nhất), có thể sẽ được chọn in vào Đại Tạng kinh Việt văn sắp tới đây; cũng là để tránh khỏi nạn dịch trùng lặp phi. Những vị nào phát tâm tham gia vào Hội đồng dịch kinh cũng xin hoan hỷ cho tôi biết, sẽ được chánh thức mời và phân phối công tác; tiền nhuận bút như đã ghi trong bản kế hoạch (xin nói rõ là "trang" ghi trong bản kế hoạch là trang trong Đại Tạng kinh văn Trung Quốc).

Lúc tôi còn trẻ hằng mơ ước trong tương lai một ngày nào đó được đủ tư cách tham gia vào sự nghiệp dịch Đại Tạng kinh thành chữ Việt. Vì lúc đó tôi thấy chương trình dạy Kinh Luật Luận tại các Phật học đường hầu hết bị lệ thuộc vào Trung văn, có khi cả bản ấn loát Trung văn cũng không được đủ để phát cho học-tăng học. Phật giáo Việt Nam tuyệt đại đa số chịu ảnh hưởng của Phật giáo Bắc truyền đã lâu đời. Nhưng kinh điển Phật giáo Bắc truyền đã dịch ra Việt văn thì quá ít: chỉ tính số bộ Đại Chánh tân tu Đại Tạng kinh Trung văn là 100 tập, dịch ra Việt văn với khổ 18,5cm x 26cm dày 1000 trang thì cũng đã lên tới 500 tập. Đại Tạng kinh Việt Nam nếu được thành hình thì Phật Giáo Việt Nam mới xứng đáng sánh vai với các nước Phật giáo trên thế giới và đối với nền văn hóa Việt Nam sẽ được góp phần cống hiến vô cùng to lớn cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Trên bốn mươi năm tự mình âm thầm bồi dưỡng, tôi từng hy vọng một khi tạm đủ khả năng kiến thức và tài chánh thì thực hiện ngay hoài bão dịch Đại Tạng kinh của mình. Cho nên tôi vừa tự nhận thấy chỉ tạm đủ một phần điều kiện liền không ngần ngại tháo thành kế hoạch và mạnh dạn bắt tay ngay vào việc, e còn vô thường đến thì mọi việc đều sẽ trở thành quá muộn. Với kế hoạch lớn, tôi tự thấy phải cương quyết đứng lên chịu trách nhiệm khởi xướng, vì có bắt đầu thì mới mong có ngày thành công. Cho tôi ngày nay, tôi đã có

gắng rất nhiều, nhưng tự cảm thấy sức mình vẫn còn có hạn mà công việc quá lớn. Mong rằng mỗi Phật tử Việt Nam là một vị Hộ Pháp đều tu đất cho mình có trách nhiệm góp phần xây dựng nên Chánh Pháp cho tòa nhà Phật Giáo Việt Nam.

Đại Tạng kinh của Trung Quốc thành hình phải trải qua hàng ngàn năm, vì thỉnh thoảng mới có một vài vị Sư từ Ấn Độ sang hay một ít Tăng sĩ Trung Quốc sang Ấn Độ học rồi trở về dịch. Nhưng kỳ này chúng ta dịch Đại Tạng kinh thành chữ Việt sẽ được rút ngắn thời gian so với Trung Quốc chỉ cần vào khoảng một phần trăm, cũng có thể ngắn hơn nữa, vì hiện nay kinh bằng Trung văn sẵn có, cử phân phối dịch đường nhiên nhanh hơn họ. Nếu tài chánh được phong phú, tôi sẽ triệt để khai thác nguồn nhân tài Việt Nam; mặt khác, tôi sẽ nhờ đến số nhân tài của Phật Giáo Đài Loan tiếp tay thì công tác dịch sẽ tiến nhanh hơn nhiều.

Mấy năm nay tôi làm việc theo hướng trung lập nên buộc phải cố gắng nhiều, mỗi lần về Việt Nam phải nhờ người mời mới được về để lo sắp xếp nhân sự cho việc dịch kinh được tiến đều. Tôi thường dùng điện thoại liên lạc giữa Đài Loan và Việt Nam để thế vào chỗ trống trong những ngày không có mặt ở Việt Nam.

Xin thỉnh Quý vị tham gia vào hàng ngũ hộ trì Chánh pháp, kể ít người nhiều theo hoàn cảnh của mỗi người. Nếu vị nào tiện thì nên nhờ những tổ chức lớn giúp càng hay.

Có thể mỗi Đạo Tràng là một đơn vị, hay có thể tổ chức thành tổ, hay từng cá nhân, cứ mỗi tháng hoặc hai hay ba tháng gởi tiền một lần. Ngân hàng Hoa Kỳ cho biết cứ mỗi lần nước ngoài gởi tiền về không tính là bao nhiêu đều bị khấu trừ tiền thủ tục là \$7US. Do đó, nên để dồn gởi thì tiện hơn. Sẽ có bản tin tức công bố tình hình dịch kinh: đã dịch được những kinh gì, ai cúng bao nhiêu tiền... chỉ thu rõ ràng.

Cuối thư, rất trông mong sự đóng góp của Quý vị và chúc Quý vị Vô Lượng Cát Tường.

Kính thư,

Tỳ Kheo Thích Tịnh Hạnh
Kế hoạch phiên dịch kinh điển Hán tạng
sang Việt văn

I. Duyên khởi: Gánh vác sự nghiệp Như Lai.

II. Tiến trình và kế hoạch phiên dịch kinh.

III. Phát tâm và hộ trì.

Nguyên tác bằng Hán văn:

Giáo Sư Tiến Sĩ Mã Thiệu Chương

(bí thư của Giáo Sư Tiến Sĩ Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh)

Dịch ra Việt Văn: Thích nữ Diệu Thuận
Thích nữ Hạnh Tâm

PL: 2540 - 1997

Trung Hoa Dân Quốc: 5 - 1 - 1986

I. Duyên khởi: Một vai gánh vác sự nghiệp Như Lai

Hai mươi bảy năm trước (1969), có một vị Tỳ Kheo Việt Nam đã đến Đài Loan với chiếc va-ly hành lý đơn giản.

Vị Tỳ Kheo trẻ ấy chỉ biết nói tiếng Việt Nam, nhưng hạ quyết tâm học hỏi lấy cho kỳ được học vị Tiến sĩ Văn học Trung Quốc, bởi vì khi mỗi xuất gia đã phát hoàng nguyện: "đem dòng pháp như trong Hán tạng lưu truyền khắp quê hương Việt Nam". Với chí nguyện và đạo tâm kiên cố, vị Tỳ Kheo đó bắt đầu luyện tập từng câu đàm thoại của ngũ vấn Trung Quốc và từng bước kiên trì mỗi bữa cơm gạo lứt với muối mè độ nhạt để thực hiện hạnh nguyện hành đạo của mình. Và vị Tỳ Kheo ấy đã đạt được học vị như lòng mong muốn.

Vị ấy là người Việt Nam nhưng lại phát đại nguyện chấn hưng Phật Giáo Trung Quốc (với chín năm nghiên cứu hoàn thành kế hoạch), bởi vì Người đã cảm ơn công đức sâu dày kết được thiện duyên lớn trên mảnh đất Trung Hoa. Bao năm tháng qua đi cho đến ngày nay, vị Tỳ Kheo đó chưa từng dừng nghỉ, giải đãi về những ưu tư ấy.

Thượng Tọa Tịnh Hạnh chính là vị Tỳ Kheo đó. Ngài thật là một pháp khí của Như Lai, thấy bên ngoài là một phàm Tăng không hơn không kém, nhưng lưu lộ từ bên trong thì lòng từ bi như đức Quán Thế Âm Bồ Tát, nguyện lớn như đức Đại Tạng.

Nay tôi muốn thưa với Quý vị, một sự thật là chính Thượng Tọa Tịnh Hạnh đang đảm trách điều hành một sứ mạng của Như Lai: việc dịch kinh sách Phật Giáo từ văn Trung Quốc thành văn Việt Nam.

Mỗi lần đọc tụng kinh Phật quý vị vừa mở trang đầu có để ý đến tên dịch giả tại góc mặt mà bị cảm động không? Nếu không có những nhân tài phiên dịch đó, không có những người phát đại hoàng thế nguyện tổ chức phiên dịch thì những chúng sanh phàm tục như Quý vị và tôi có lẽ phải sống mãi trong căn nhà đen tối. Việc phiên dịch kinh điển như thấp lên ngọn đèn sáng trong căn nhà tối. Trong quá khứ có người vì chúng ta thấp lên ngọn đèn sáng, ngày nay chúng ta cũng muốn vì người khác mà thấp lên ngọn đèn sáng. Sự nghiệp hộ trì phiên dịch kinh điển chính là việc Quý vị dùng đôi tay mình tiếp thêm dầu khởi cho ngọn đèn trí tuệ càng thêm sáng.

Có lẽ Quý vị không biết, nhân dân Việt Nam cũng có văn tự của chính mình đó là chữ Nôm. Nhưng chữ Nôm khó hiểu khó học. Muốn đọc được chữ Nôm phải thông hiểu Hán văn. Do đó Tăng Ni Việt Nam đều có tiếp xúc với chữ Hán qua quá trình học Phật pháp. Nhưng từ khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, người Pháp dùng phiên âm la-tinh để ghi tiếng Việt dần dần tạo thành văn tự Việt Nam ngày nay.

Ngày nay tại Việt Nam còn rất ít người có thể đọc hiểu chữ Hán. Việc phiên dịch kinh điển từ Hán văn sang Việt văn là một nhu cầu hết sức bức thiết. Để truyền tri Phật pháp ở Việt Nam, nhất định phải có những vị Tăng như Ngài Cửu Ma La Thập, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh và các vị Đại sư phát khởi đại nguyện tiếp nối mạng mạch Phật pháp.

Hành trình vạn dặm bắt đầu từ một bước nhỏ, từ năm 1990, Thượng Tọa Tịnh Hạnh đã vào các Viện Đại Học giảng dạy và tích lũy một ít tinh tài của một số Phật tử cúng dường từ lâu dần dần triển khai chí nguyện vĩ đại này. Thượng Tọa đã nhóm họp một số nhân tài phiên dịch kinh điển, những sự nghiệp kinh thiên động địa này, Quý vị và chúng tôi đều có thể tham gia, đều có thể hộ trì. Chúng ta không

thể nhẫn tâm làm một kẻ bàng quan để cho Thượng Tọa một mình gánh vác Phật sự quá nặng nề này; càng không nỡ để cho có bất cứ một chúng sanh nào không biết Phật pháp. Do đó, chúng tôi cần được sự phát tâm hộ trì của Quý vị, trông mong Quý vị cùng chúng tôi hợp lực thấp sáng lên ngọn đèn Chánh pháp soi sáng đến cho người khác cũng là soi sáng cho chính mình.

II. Tiến trình và kế hoạch dịch kinh

Phật pháp rộng sâu, đất nước Trung Quốc qua bao đời cũng đã có những vị Đại Sư minh tâm kiến tánh thực hiện công tác phiên dịch. Lần phiên dịch Hán tạng thành Việt văn này, ngoài Đại chính Đại tạng kinh, (Lưu ý! có chú Văn) Tục tạng kinh, Tịnh độ toàn thư, Thiền tông toàn thư lại có Thái Hư toàn tập, Ấn Thuận đại sư toàn tập và kho tàng văn học Phật giáo Hải triều âm v.v... gần cả 1000 đầu sách (bản in), có thể nói là một công trình phiên dịch vô tiền khoáng hậu, Thượng Tọa Tịnh Hạnh đã làm cho chúng ta cảm nhận được đại hoàng thế nguyện vốn từ trong tự nhiên bình phàm hiển lộ của một vị Cao Tăng.

Với chí nguyện hoàng truyền chánh pháp làm kim chỉ nam, ở Việt Nam Thượng Tọa đã thành lập một Hội Đồng Phiên Dịch gồm các vị Thượng Tọa giỏi đức trí tuệ và ba mươi lăm nhân viên phiên dịch. Năm 1994, Thượng Tọa mở một kỳ thi tuyển, thông qua kỳ thi nghiêm túc đúng yêu cầu chuyên môn, Thượng Tọa đã tuyển chọn được ba mươi bốn vị Tăng Ni sinh chính thức trúng tuyển và sáu mươi Tăng Ni sinh dự thỉnh. Những vị Tăng Ni sinh này được bồi dưỡng năng lực và trình độ phiên dịch trên ba phương diện chính là Việt văn, Trung văn và Phật pháp. Tất cả chi phí đều do Thượng Tọa một mình phụ trách. Đầu năm 1996, thông qua kỳ thi tốt nghiệp đã có bốn mươi hai vị Tăng Ni đạt được trình độ phiên dịch theo nhu cầu đào tạo và đã được tổ chức thực tập phiên dịch.

Để tạo cơ sở vật chất cho công trình phiên dịch tiến hành thuận lợi, lâu bền, Thượng Tọa đang vận động thành lập "Viện Dịch Kinh". Ở Việt Nam Thượng Tọa đã được một vị pháp sư tùy hỷ phát tâm cúng dường trong khuôn viên Đại Tòng Lâm gồm mười một hecta (mẫu), dùng để thành lập Viện Dịch Kinh. Ngoài ra Thượng Tọa dự định thiết lập một tòa lầu chùa kinh tại chùa Pháp Bảo thuộc TP- HCM, dùng để làm nơi lưu trữ kinh điển. Công tác phiên dịch đã tiến triển được một giai đoạn đầy khích lệ. Viện Dịch Kinh một khi đã làm tròn nhiệm vụ, thì chuyển thành "Hàn Lâm Viện" của Phật Giáo Việt Nam để biên định giáo tài cho các cấp Phật học viện, huấn luyện nhân viên giáo dục và hoàng pháp cung ứng toàn cõi Việt Nam, và có thể dùng để mở những cuộc hội nghị có tính cách quốc tế về văn hóa và giáo dục Phật giáo v.v... Thượng Tọa mong muốn Hàn Lâm Viện của Phật Giáo được hình thành và sẽ trở thành trung tâm phát triển, đào tạo và bồi dưỡng Tăng tài cho vườn hoa Phật Giáo Việt Nam.

III. Phát tâm và hộ trì

Ở Trung Quốc cũng như ở nhiều nước khác thời xưa công cuộc phiên dịch kinh điển

là do quốc gia đảm trách, vì công trình phiên dịch đòi hỏi phải tập trung nhân lực, tài lực và vật lực lớn mới có thể dễ dàng thành tựu. Nên chỉ có nhà nước mới đủ khả năng tiến hành công trình phiên dịch. Ngày nay chính sách tôn giáo của quốc gia dần dần thay đổi, và công trình phiên dịch kinh điển đều do Quý vị và chúng tôi cùng nhau hiệp lực hỗ trợ, càng điểm phúc cho chúng ta có điều kiện, năng lực để hỗ trợ Chánh pháp. Để cho sự nghiệp phiên dịch kinh điển được tiến hành thuận lợi, lâu bền, Thượng Tọa đã lập một ngân khoản cần bản cho công trình phiên dịch tại Ngân hàng Hoa Kỳ. Chúng tôi thành khẩn kêu gọi sự ủng hộ của Quý vị. Quý vị có thể tùy theo điều kiện sinh hoạt của cá nhân để tham gia ủng hộ cho công trình phiên dịch dưới hai phương thức sau:

1. Gia nhập hội viên của Ban Bảo Trợ Phiên Dịch.
2. Thường xuyên hoặc tùy hỷ cúng dường ủng hộ.

Beneficiary Bank & Address:
Citibank ' N.A.
52 ' sec.4 Min Sheng E.RD '
Taipei ' Taiwan

Beneficiary: Li Kuang Lien (Thích tỉnh hạnh)

account Number: 51362724
Phone number in taipei: 886-2-3814434
Fax Number in taipei: 886-2-3141049
(Transaction service fee is us\$7.00)

Or:
send check or money order to
The following address:
p.o. box 8-264
taipei ' taiwan
r.o.c.

Kế hoạch phiên dịch kinh điển từ Hán sang Việt ở giai đoạn thứ 1 đến năm 2000.

Kế hoạch được tiến hành trong bốn phần:

1. Thiết lập Viện Dịch Kinh, chứa kinh và dịch Đại Chánh Tạng gồm 88 quyển (12 quyển đồ tượng không dịch)
2. Dịch "Đại Tạng Bồ Đề" 36 quyển
3. Dịch "Tục Tạng" 150 quyển.
4. Dịch "Tập Tạng" hơn 300 quyển.

Tài chánh ở giai đoạn đầu được tính như sau

1. **Dự tính:**
 - phí đánh vi tính và đánh máy: 2USD/trang x 88000 trang = 176.000 USD
 - phiên dịch: 3,5USD/trang x 88000 trang = 308.000USD
 - chứng nghĩa: 2,5USD/trang X 88000 trang = 220.000USD
 - in kinh: 12.5000USD/bộ (2000 quyển) x 452 bộ = 5.650.000USD
 - phí kiến thiết "Tàng Kinh Các": 1.000.000USD
 - phí kiến thiết Viện Dịch Kinh: 2.5000.000USD.

⇒ Tổng cộng: 9.854.000 USD

(phần kinh in nếu thu phí vào một nửa hoặc bán ra một nửa vốn, số tiền có thể giảm được khoảng 2.825.000 US).

2. Các khoản chi phí cho năm tới:

- Năm 1997: 1.597.000USD + 900.000USD = 2.497.000USD
- Năm 1998: 1.597.700USD + 1.000.000USD = 2.597.700USD
- Năm 1999: 1.597.700USD + 1.000.000USD = 2.597.700USD
- Năm 2000: 2.297.700USD = 2.297.700USD

CON SỐ & SỰ KIỆN

1. Đặt vấn đề:

Trong tập tài liệu đã chuyển dịch sang tiếng Đức của Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn (Vùng Hannover & Phụ cận) có in rõ những số liệu cần thiết về các nhân vật chính trị đang bị giam cầm, quản thúc hay biệt giam ở Việt Nam. Tiêu biểu là tám nhân vật đang bị chính quyền CSVN kết án hoặc quản thúc như: Hòa Thượng Thích Huyền Quang; Hòa Thượng Thích Quảng Độ; Ông Nguyễn Hộ; Giáo sư Nguyễn Đình Huy; Giáo sư Đoàn Viết Hoạt; Bác sĩ Nguyễn Đan Quế; ông Hà Sĩ Phu và ông Hoàng Minh Chính. Đọc qua những số liệu này, chúng ta càng hiểu rõ bản chất của một chế độ CS phi nhân và tàn bạo. Với những bản án giam cầm lâu dài, với sự đối xử khắc nghiệt, có lẽ ít người sẽ được thấy tự do nếu chế độ này còn tồn tại. Là những người Việt Nam cùng huyết thống, yêu sự sống và tự do chúng ta không thể không đau lòng trước thảm kịch ấy. Những người con yêu của dân tộc đang phải trả giá quá đắt, đem tính mạng của bản thân và gia đình ra để nói lên khát vọng của đồng loại. Chúng ta đã nghe thấy, ít nhiều cảm nhận thấy những hy sinh mất mát đó thì chúng ta không thể thờ ơ trước nỗi đau của đồng loại để chăm lo cho cuộc sống của riêng mình. Ủng hộ đấu tranh đòi chính quyền CSVN phải trả tự do cho những nhân vật chính trị ở Việt Nam là tiếng nói của lương tâm mỗi người, là trách nhiệm của mỗi công dân Việt Nam trước vấn đề sống còn của Dân Tộc.

2. Nội dung các dữ kiện

Dựa vào năm tháng ngày sinh của những nhân vật kể trên, chúng ta nhận thấy có những người đã quá lớn tuổi với những bản án giam cầm, quản thúc lâu dài của chính quyền CS như:

- Hòa Thượng Thích Huyền Quang, 78 tuổi (sinh năm 1919)
- Hòa Thượng Thích Quảng Độ, 69 tuổi (sinh năm 1928)
- Ông Nguyễn Hộ, 81 tuổi, (sinh năm 1916)
- Giáo sư Nguyễn Đình Huy, 65 tuổi (sinh năm 1932)

Kể tiếp đó là những người tuổi ít hơn:

- Ông Hà Sĩ Phu, 57 tuổi (sinh năm 1940)
- Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, 55 tuổi (đều sinh năm 1942).

Với cuộc sống tự do bình thường ở bên ngoài xã hội thì với những lứa tuổi như trên đã là "gần đất xa trời"; ốm đau bệnh hoạn. Thế mà với dã tâm thù đoạn hèn hạ, chính quyền CS vẫn tiếp tục ngang nhiên giam cầm và hành hạ những người dân Việt Nam yêu nước đó.

Thời gian phải thi hành bản án hay quản thúc, bị tước đoạt hết quyền công dân càng nói rõ lên điều đó. Để có những bản án này chính quyền CSVN không từ một thủ đoạn hèn hạ nào như xử kín, tạo dựng giả tạo tội trạng. Với hiểu biết bình thường nhân dân Việt Nam trong và ngoài nước đều nhận rõ. Mọi tiếng nói cho tự do và dân chủ đều quy về "phản bội Tổ Quốc; Phá hoại an ninh; Liên kết với bọn phản động để lật đổ chính quyền Việt Nam". Cụ thể là những bản án kết tội Giáo sư Đoàn Viết Hoạt ngày 29.3.93 với 20 năm tù giam; Bác sĩ Nguyễn Đan Quế với án tử hình nhưng chính quyền CSVN xử tháng 11.1991; Giáo sư Nguyễn Đình Huy bị kết án 15 năm tù giam ngày 11.8.1995.

Đối với các vị lãnh đạo Tôn Giáo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, chúng dùng thủ đoạn chia rẽ Tăng Ni tín đồ, tạo dựng các tội trạng vô căn cứ để hòng tiêu diệt tận gốc GHPGVNTN. Một tổ chức tồn tại trong lòng dân tộc đã từ lâu; CSVN giam Hòa Thượng Thích Huyền Quang tại một nơi hẻo lánh; Kết án 5 năm tù giam vào năm 1995 đối với Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Đứng trước hiện tình đó. Dư luận quốc tế, các tầng lớp trí thức và quần chúng đã có thái độ rõ ràng để lên án chính quyền CSVN. Tháng 6.1994 Quốc Hội Hoa Kỳ trao tặng Bác sĩ Nguyễn Đan Quế giải thưởng "Nhân Quyền 1994"; Giáo sư Đoàn Viết Hoạt được Hội Văn Bút Châu Âu công nhận là Hội Viên. Ngày 11.11.1995 chính phủ Mỹ trao giải thưởng "Nhân Quyền F. Kennedy" tại thủ đô Washington cho ông.

Từ hạ tuần tháng 3 cho đến hết tháng 4.97 tại Genève, diễn ra khóa họp lần thứ 53 của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc với 2000 đại biểu của 135 chính phủ và 125 tổ chức phi chính phủ. Ông A. Amor, báo cáo viên đặc nhiệm về Tôn giáo của Liên Hiệp Quốc, đã báo cáo về 79 quốc gia vi phạm trầm trọng quyền tự do Tôn giáo tín ngưỡng, trong đó chính quyền CSVN đã giam cầm và khủng bố tù nhân Tôn giáo. Chính quyền CSVN hứa xem xét đề nghị của LHQ muốn đến thăm Việt Nam, nhưng đến nay vẫn chưa có trả lời. Nhân danh Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền. Ông Võ Văn Ái đã lên tiếng tố cáo các vi phạm tự do tín ngưỡng của nhà cầm quyền Hà Nội đối với các tôn giáo: Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Cao Đài.

Tại Chùa Viên Giác, Hannover, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức, được sự trợ giúp của Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì Chùa Viên Giác; Ông Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức đã liên kết với một số hội đoàn chính trị như Liên Minh Việt Nam Tự Do tổ chức nhiều buổi diễn thuyết, tuyệt thực để đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo ở Việt Nam, bảo vệ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đòi chính quyền CSVN thả ngay các vị Thầy lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội, v.v....

Cũng tại đây Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn (BBV) vùng Hannover & Phụ cận được thành lập và hoạt động tích cực đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ ở Việt Nam.

Từ khi được thành lập, B.B.V. đã tham gia nhiều cuộc hội thảo tuyệt thực, biểu tình và thiết lập các bản thông tin công khai tố cáo với

đu luận quần chúng Đức về thực trạng vi phạm nhân quyền và tự do Tôn giáo của bạo quyền CSVN. Với hàng trăm chữ ký của quần chúng Đức ủng hộ GHPGVNTN - Ủy Ban đã gửi về nhà cầm quyền Việt Nam ở Hà Nội, báo động cho họ biết rằng Đạo Pháp còn thì Dân Tộc còn, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sẽ tồn tại mãi mãi trong lòng Dân Tộc. Trước nguy cơ Gia Đình Phật Tử truyền thống của GHPGVNTN bị tiêu diệt; 200 đoàn sinh GDPT ở trong nước đã ghi tên tình nguyện tự thiêu để bảo vệ chân lý đó!

3. Những điều muốn nói:

Là những người Phật Tử Việt Nam yêu Đạo Pháp & Dân Tộc, với tinh thần Đại Hùng, Đại Lực, Đại Tử Bi của Phật Giáo, chúng tôi nguyện đem hết khả năng và tâm sức cùng các Hội đoàn chính trị tại Đức đoàn kết đấu tranh chống bạo quyền CSVN cho tới khi nước Việt Nam được một nền tự do dân chủ thực sự. Con đường đấu tranh còn phải gặp nhiều hy sinh mất mát, song với tâm ý và chí nguyện đó, chúng tôi tin chắc rằng chính quyền CSVN sẽ phải sụp đổ. Những người con thương yêu của dân tộc Việt Nam sẽ về chung một mái nhà của Dân Tộc và Đạo Pháp. Ánh sáng từ bi trí tuệ của Phật Tổ sẽ soi sáng cho những việc làm và hành động của chúng ta.

04.6.1997 - Ban Chấp Hành B.B.V.

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TẠI MÜNCHEN

Vào lúc 17 giờ ngày 12.7.1997 tại Hội trường Caritas số 68 Therese Giehse Allee München. Hội Người Việt tổ chức ngày họp mặt gia đình, đã quy tụ được 40 người lớn và 30 trẻ em. Các bà các cô đã khéo tay làm những món ăn mang đến đóng góp vào buổi chiều thật coi mỡ và vui vẻ. Trong dịp này người bạn của Thi sĩ Phù Vân đã phổ biến Tập thơ "Trầm Ngại Thiết Tha" được anh gửi đến nhờ phổ biến đến các bạn đọc München. Thi phẩm thứ 2 của Phù Vân đã được đón tiếp nhiệt tình, hầu chia sẻ với tác giả có đủ tiền ấn phẩm để phục vụ những người yêu thơ, đóng góp vào nền văn hóa và kho tàng văn học hải ngoại.

Được biết nơi đây là địa điểm lý tưởng cho người Việt tại München trong những dịp cuối tuần, sinh hoạt, gặp gỡ gia đình hầu trao đổi kinh nghiệm đời sống hằng ngày, cũng như nơi quy tụ các tay cờ tướng hán hán, có cơ hội thi thảo tài năng "mã nhứt tượng liền xe liền pháo cách" dù quý vị ở xa cách bao nhiêu km, Hội Cờ Tướng sẵn sàng đón tiếp khi đến München để thăm chơi, sau đó có dịp thi thảo tài năng, Hội Cờ Tướng sẵn sàng lo chỗ trọ và có nhiều giải thưởng. Mọi chi tiết xin liên lạc qua số phone Hr. Phạm 089-706578. Về sinh hoạt của người Việt qua số phone Hr. Lý 089-6373563. Hội Người Việt sẵn sàng tiếp đón các đồng hương người Việt từ xa nếu đến München. Buổi sinh hoạt chấm dứt lúc 21 giờ.

MỘT NGÀY CHO PHAN NHẬT NAM

Sau khi anh Phạm Văn Kiếm liên lạc được với nhà văn quân đội, Phan Nhật Nam, đang sinh hoạt tại Paris, và đã nhận lời mời đến sinh

hoạt với Cộng đồng Người Việt ngày 19.7.1997 tại München cũng như miền Nam Đức. Anh Kiếm đã đại diện cho nhóm Diễn Đàn in thư mời, gửi đến Cộng đồng Người Việt: Chi Hội Phật Tử, Giáo sư Công Giáo Việt Nam...

Anh Lý Văn Xuân đã tranh thủ thời gian đã mượn được Hội trường của Nhà thờ tại Therese Giehse Allee, địa điểm rộng kang trang chứa trên 300 người. Ban nhạc và các ca sĩ cây nhà lá vườn đã chuẩn bị để giúp vui ngày hội ngộ của cựu chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã một thời chiến đấu và tù tội. Mọi người mong gặp lại nhà văn Phan Nhật Nam, như một người bạn cố tri chiến đấu chống Cộng, người cựu quân nhân Việt Nam yêu quý, đã trải qua nhiều năm tù đày vì tội chống Cộng. Những tác phẩm của anh viết trước và sau 75 đã ca ngợi lòng chiến đấu của quân lực VNCH như một tập hồ sơ Quân Sử oai hùng và ngả nghiêng của Mùa Hè Đỏ Lửa... Mọi người đều mong đợi Phan Nhật Nam đến. Như chiến sĩ Võ Đại Tôn hay Nhạc sĩ Phạm Duy đã đến và đi, để lại với mọi người những cảm thông yêu thương trong những năm xa quê hương còn tìm lại những gì chúng ta đã mất khỏi tầm tay... Nhưng những mong đợi đã không đến, trước ngày tổ chức 2 ngày, được biết Phan Nhật Nam bị bệnh đã vào bệnh viện để điều trị. Ban Tổ Chức đã không gặp được anh qua đường dây điện thoại. Nếu anh bị bệnh thật sự, cầu chúc anh sớm bình phục, cầu mong Chúa ban cho anh mọi an bình, để theo con đường mình làm với mọi hình ảnh cao đẹp, và dành cho mọi người tại München cũng như miền Nam Đức những hình ảnh đẹp như thuở ban đầu... Dù anh em trong Ban Tổ Chức đã liên lạc với Cộng đồng người Việt qua điện thoại cho biết hủy bỏ ngày tổ chức này vì lý do đã nêu trên, nhưng vì quá gấp không liên lạc hết, nên vào ngày trên dù cuối tuần thời tiết xấu nhưng đã có trên 200 người đã bỏ thì giờ đến địa điểm tham dự. Ban Tổ Chức thành thật xin quý vị thông cảm và tha thứ cho, mọi việc ngoài ý muốn.

Nguyễn Đại Quý - München - ghi.

MỘT VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI VIỆT : NHẬP TỊCH ĐỨC, LƯƠNG TỊCH, THỜI QUỐC TỊCH

Việc xin nhập tịch Đức từ vài năm nay không còn khó khăn như xưa. Chỉ cần thanh toán vài điều kiện tối thiểu như đã ở Đức liên tục 15 năm, không can án, đủ khả năng tự mưu sinh, không sống nhờ tiền xã hội, đủ trình độ Đức ngữ... là bạn có thể làm đơn xin nhập tịch. Nếu bạn còn trẻ dưới 22 tuổi, thay vì 15 năm họ chỉ đòi hỏi bạn sống hợp pháp ở Đức 8 năm, nhưng trong thời gian đó bạn phải đi học trường Đức ít nhất 6 năm. Đối với những ai lập gia đình với công dân Đức, việc xin nhập tịch còn dễ hơn nữa, chỉ cần ba năm sau ngày kết hôn bạn có thể làm đơn xin nhập tịch.

Số người ngoại quốc mang quốc tịch Đức mỗi ngày một nhiều, trong số đó người Việt chúng ta chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Lý do xin nhập tịch rất đa dạng, khác biệt, nhưng phần lớn đều liên hệ đến công ăn việc làm, giao

thông, di chuyển, về Việt Nam thăm gia đình, họ hàng, nhất là lúc sau này chính phủ Đức đã để ý kiểm soát người cầm thông hành tỵ nạn về thăm quê hương. Không những các cựu sinh viên Việt Nam du học trước kia tại Đức, ngay trong số đồng bào qua sau này dưới dạng "Thuyền Nhân" tỵ nạn, nhiều người cũng đã có thông hành Đức trong tay.

Trong các điều kiện xin nhập tịch, có 2 điểm người Việt cho là khó khăn, đó là trình độ Đức ngữ và việc xin thôi quốc tịch Việt Nam. Trong khi điều kiện tiếng Đức tương đối dễ giải quyết, bạn không cần phải thông thạo Đức ngữ như một sinh viên đại học, mà chỉ cần đủ trình độ giao dịch thường nhật là được, thì điều kiện phải từ bỏ quốc tịch Việt Nam, đối với nhiều người, là một điều rất "hóc búa".

Thế nào là thôi quốc tịch ?

Đứng trước vấn đề thôi quốc tịch, nhiều người rất ngần ngại. Sanh ra, lớn lên, hành diện là người Việt, nay phải từ bỏ quốc tịch, thì đối với nhiều người trong chúng ta là một cái gì chạm tự ái dân tộc. Thôi quốc tịch phải chăng là mình tự chối bỏ mình là người Việt? Không những vậy, trên phương diện hành chánh giấy tờ, người xin nhập tịch bỏ buộc phải nộp đơn xin thôi quốc tịch tại Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Bonn, đại diện cho chế độ Cộng Sản, một chế độ mà họ đã ghét bỏ không muốn liên hệ tới. Tệ hơn nữa còn là chuyện phải khai lý lịch cho nhà nước Cộng Sản biết về đời sống riêng tư của mình. Đây là chưa kể phải đóng tiền lệ phí cả ngàn Đức Mã nuôi nhân viên Tòa Đại Sứ.

Chính quyền Đức không chấp nhận lương tịch, đa tịch

Trong những năm cuối thập niên 1970 chính phủ Đức còn chấp nhận lương tịch. Sau này, một mặt họ tạo vài điều kiện để dãi cho việc nhập tịch, nhưng mặt khác họ lại đòi hỏi người xin nhập tịch phải từ bỏ quốc tịch nguyên thủy. Đây là một điều họ gián tiếp gây khó khăn cho việc nhập tịch, cản trở cả triệu người thợ khách trở thành công dân Đức. Hy Lạp, chẳng hạn, là một quốc gia không bao giờ cho phép công dân nước họ thôi quốc tịch. Đối với trường hợp Việt Nam, chính phủ Đức chẳng để ý đến vấn đề chính trị của người Việt không muốn liên quan đến nhà nước Cộng Sản như đã nêu trên,, nhất là những Việt kiều qua Đức trước năm 1975 chưa hề có một liên hệ hành chánh nào, thì dù như giấy tờ chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, với chính phủ Hà Nội.

2,2 triệu công dân Đức có hai quốc tịch !

Trên lý thuyết, mỗi công dân Đức chỉ được quyền có một quốc tịch, nhưng trong thực tế, hiện có trên 2 triệu người Đức mang 2 hay nhiều quốc tịch. Rất nhiều người Đức sanh ở ngoại quốc, như Hoa Kỳ, đương nhiên có quốc tịch Mỹ. Lúc trở về Đức, họ cầm 2 thông hành Mỹ và Đức mà không bị bắt buộc phải thôi quốc tịch Mỹ. Cũng ở trong hoàn cảnh tương tự là người gốc Đức sinh trưởng từ nhiều thế hệ ở các nước Đông Âu, Nam Phi, Nam Mỹ, Úc Châu... Chính phủ Đức làm ngơ, không làm khó để những người có nguồn gốc chúng tộc Đức có lương tịch, mặc dù nhiều người lúc đến Đức ở trong một tình trạng hệt như một người

ngoại quốc mới đến Đức. Rất nhiều người Đông Âu, có ông bà, cô, kỳ là người Đức, không biết tiếng Đức, phải học Đức ngữ như một người ngoại quốc.

Lưỡng tịch: Lưỡng đảng cầm quyền cãi vã

Hai đảng liên hiệp cầm quyền trong chính phủ Đức CDU và FDP không thống nhất trong vấn đề lưỡng tịch. CDU, mà tiêu biểu nhất là Bộ Trưởng Nội Vụ Manfred Kanther, nhất thiết chống đối không chấp nhận công dân Đức cầm 2 thông hành, vì việc này, theo họ sẽ dẫn đến rất nhiều rắc rối đụng chạm về luật pháp giữa 2 quốc gia. Đảng FDP, ngược lại, cấp tiến hơn, sẵn sàng cho phép người ngoại quốc nhập tịch mà không phải bỏ quốc tịch nguyên thủy. Theo lời bà Cornelia Schmalz-Jacobsen (FDP), nhân viên đặc trách vấn đề ngoại kiều của chính phủ Đức, thực thể hiện có 2 triệu người Đức mang 2 quốc tịch là một bằng chứng cụ thể cho việc lưỡng tịch trên thực tế không gây một vấn đề khó khăn gì cho nhà nước, xã hội Đức cả.

Đảng Xanh: Ai sanh ở Đức đương nhiên có quốc tịch Đức

Đảng Xanh đi xa thêm một bước. Đảng này đề nghị nên rập theo khuôn mẫu Hoa Kỳ: ai sanh ở Đức sẽ tự động là công dân Đức mà không cần phải làm đơn nhập tịch. Đảng này viện lẽ có rất nhiều người ngoại quốc đã sống tới thế hệ thứ 2, thứ 3 tại Đức. Họ sanh trưởng ở Đức, học hành và làm việc ở Đức, không khác gì với người Đức chính gốc. Phần đông họ nói tiếng Đức sôi hơn tiếng nguyên thủy. Vấn đề hội nhập không cần phải đặt ra cho lớp người này, trong đó có người Việt không phải là ít.

Xảo thuật của người Thổ: mang 2 quốc tịch Đức, Thổ!

Người Thổ ở trong một tình trạng rất kẹt. Chẳng hạn, nếu bỏ quốc tịch Thổ, họ sẽ hoàn toàn mất quyền thừa hưởng gia tài. Bởi vậy người Thổ dùng một biện pháp khôn ngoan, mang được cả hai quốc tịch Đức-Thổ mà lại rất hợp pháp. Dĩ nhiên xảo thuật này phải có sự thỏa thuận của nhà nước Thổ. Chính phủ Thổ sẵn sàng cấp phát giấy thời quốc tịch cho người Thổ xin nhập tịch Đức, mặt khác họ lại cũng dễ dãi chấp thuận cho lớp người này hồi tịch mà không bắt phải bỏ quốc tịch Đức.

Hiện nay trong số 2 triệu thợ khách Thổ ở Đức có tới khoảng 25.000 người cầm 2 thông hành Đức-Thổ. Chính phủ Đức bó tay không có biện pháp nào đối với xảo thuật này của người Thổ. Riêng tại Stuttgart, ông Jürgen Beck, phó thị trưởng an ninh công cộng, dự tính sẽ bắt buộc mọi người nộp đơn xin nhập tịch phải ký giấy cam kết sẽ không làm đơn xin hồi tịch.

DƯƠNG SAN (Sa10011/1)

LIÊN ĐOÀN CÔNG GIÁO VIỆT NAM TẠI ĐỨC

Tân Ban Chấp hành Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Đức nhiệm kỳ 97 - 99 như sau :

- Chủ tịch : Ông Nguyễn Văn Sĩ (tái đắc cử chủ tịch nhiệm kỳ thứ 3)

- Phó chủ tịch nội vụ : Ông Đinh Kim Tân

- Phó chủ tịch ngoại vụ : Ông Nguyễn Quang Thái

- Tổng thư ký : Ông Hồ Quý Khanh

- Thủ quỹ : Ông Nguyễn Văn Hòa.

Nhân dịp này thay mặt Hội Phật Tử VNTN tại Đức, chúng tôi xin chào mừng tân Ban Chấp Hành và cầu chúc quý vị gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong nhiệm kỳ được giao phó. Thị Tâm Ngô Văn Phát.

KHÓA HỘI THẢO NGÀNH THANH NAM

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và thống nhất ý chí của ngành Thanh Nam thuộc các GĐPT VN tại Âu Châu, HT Tâm Cù Trưởng Tôn Châu, Ủy viên Ngành đã tổ chức một khóa Hội Thảo cho toàn thể Huynh Trưởng và Đoàn Sinh ngành Thanh Nam theo tinh thần Văn thư số 015/HDTÚ/ÁCTN ngày 05.4.97, tại địa điểm Kienderheim /Grauberg /Reitweg - 67343 Aschaffenburg /Gaibach từ ngày 08 - 11.5.97. Nội dung gồm có:

- Phật Giáo với Tôn Giáo - Phật Giáo với Khoa Học - Phật Giáo với Triết Học - Phật Giáo với Tâm Lý Học (Thượng Tọa Thích Nhất Chơn).

- Đại Thừa và Tiểu Thừa Phật Giáo (Thượng Tọa Thích Như Điển).

- Phương pháp ứng dụng đạo Phật vào đời sống (Thượng Tọa Thích Trí Minh).

- Bốn phận người Thanh niên GĐPT đối với Đạo Pháp và Dân Tộc (HT. Chí Pháp dẫn nhập)

- Lịch sử và hệ thống tổ chức GĐPTVN (HT. Huệ Kha dẫn nhập).

- Kỹ thuật điện toán trong ngành Thông tin diển đàn cho GĐPT (Kỹ sư Điện toán Ngô Mạnh Đức và Trần Hữu Lộc dẫn nhập).

- Vấn đề nghi lễ trong đạo Phật và các lễ lược trong GĐPT (HT. Tâm Cù dẫn nhập)

- Ngày Dũng trong GĐPTVN (HT. Tâm Cù dẫn nhập)

Khóa Hội thảo đã qui tụ trên 80 Huynh Trưởng và Đoàn Sinh trong các GĐPTVN tại Âu Châu về tham dự, với tinh thần hưng khởi tấn tu đạo hạnh và đầy thân ái. -

(Thiện Căn.)

ỦY BAN GTPN HANNOVER & VÙNG PHỤ CẬN

Nhận được thư mời từ trời mưa gió nhưng mọi thành viên của Ủy Ban GTPN Hannover đã không quản ngại rét mướt, vận động và đấu tranh tích cực để góp phần nhỏ bé của mình cho công cuộc đấu tranh chung, đòi tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền tại Việt Nam.

Nhận được thư mời từ trời mưa gió nhưng mọi thành viên của Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover đã tề tựu đông đủ tại chùa Viên Giác ngày 14.6.97 để

tham dự buổi họp đột xuất, nhằm kiểm điểm lại những thành quả và công việc mà UBGPVN Hannover đã làm được hơn nửa năm qua, kể từ khi ra đời đến nay. Song song với việc nhận định và kiểm điểm lại tình hình trên. Ban Chấp Hành cũng hoạch định và định hướng cho hoạt động trong thời gian tới, với mục tiêu nhằm đấu tranh mạnh mẽ và triệt để hơn cho công cuộc đòi tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền tại Việt Nam. Dưới sự cố vấn của bác Hội Trưởng, Ban Chấp Hành cùng toàn thể hội viên của UBGPVN Hannover đã nhất trí và tán thành kế hoạch đấu tranh trong thời gian tới, trong tinh thần Đại Hùng - Đại Lực - Đại Tử Bi của đạo Phật. Để đảm bảo tinh triệt để và nghiêm túc của tổ chức với công tác đấu tranh sắp tới, Ủy Ban GTPN Hannover & VPC phải thường xuyên hoạt động mạnh mẽ hơn trên địa bàn rộng rãi nhưng không được đi rời tinh thần Bi - Trí - Dũng của người Phật Tử.

Với một tinh thần trách nhiệm thật cao để khỏi phụ lòng mong mỏi, sự quan tâm và tin tưởng của GHPGVNTN Chi Bộ Đức Quốc và Hội Phật Tử VNTN tại Đức, mở đầu cho công cuộc đấu tranh mới, ngày 23.6.97 UBGPVN Hannover đã xin phép chính quyền địa phương Braunschweig cho lập một Quầy Thông Tin tuyên truyền tại trung tâm Kohlmarkt, nhằm đánh động cho quần chúng Đức biết về sự đàn áp tôn giáo (nhất là Phật Giáo) Gia Đình Phật Tử và Nhân Quyền ngày càng gia tăng của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội tại Việt Nam.

Song song với việc tuyên truyền, thông báo tin tức tới người dân Đức các thành viên của Ủy Ban GTPN Hannover & VPC đã vận động xin chủ kỳ ủng hộ cho cuộc đấu tranh đòi tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền tại Việt Nam, nhất là nhệ vị lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội PGVNTN là Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ hiện còn bị giam cầm và quản thúc tại Việt Nam.

Mặc dù trời mưa gió nhưng mọi thành viên của Ủy Ban GTPN đã không quản ngại rét mướt, vận động và đấu tranh tích cực để góp phần nhỏ bé của mình cho công cuộc đấu tranh chung, đòi tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền tại Việt Nam.

BCH của UBGPVN Hannover & VPC

Thư ký : Thiện Hội Đoàn Hữu Hải



Cuộc biểu tình ngày 23 6 1997 tại Braunschweig

Ảnh: Nguyễn Thái An



THIỆN HỮU TRẦN HỮU LỘC

ĐỊA CHỈ MỞI:

SCHLEIBHEIMER STRASSE 454,
80935 MÜNCHEN

DIỆN THOẠI: 01728106883 (XIN LIÊN LẠC
SAU 20:00 GIỜ TRONG TUẦN, TRỌN CÁC
NGÀY CUỐI TUẦN VÀ NGÀY LỄ)

LỜI NÓI ĐẦU: *Vi không phải là luật sư hay cố vấn luật pháp nên tôi không được phép giải đáp một số thắc mắc. Xin quý tòa soạn và bạn đọc thông cảm.*

Hỏi (H): Nghe nói là vì Việt Nam và Đức về việc nhận người Việt hồi hương nên người Việt Nam không được phép nhập tịch để xin tỵ nạn nữa. Không biết tin này có đúng không?

Đáp (Đ): Tin này không chính xác. Người Việt vẫn được quyền xin tỵ nạn. Có người từ Việt Nam mới sang Đức trong tháng 01.1997, nhập tịch và đã được công nhận tỵ nạn chính trị. Hiệp định nêu trên chỉ ứng dụng cho việc chấm dứt thời gian cư trú của người Việt Nam "sinh sống bất hợp pháp tại Cộng Hòa Liên Bang Đức" mà thôi.

H: Người Việt Nam được cấp Duldung lâu nay có thể đổi thành Aufenthaltsbefugnis hay không?

Đ: Theo hiệp định để Việt Nam nhận người có quốc tịch hiện "đang cư ngụ bất hợp pháp" tại Đức nên chỉ có một ít người Việt Nam có thể đổi Duldung thành Aufenthaltsbefugnis theo điều 30/32 luật ngoại kiều (Ausländergesetz) chẳng hạn, thí dụ vì lý do sức khỏe...

H: Đổi từ diện Duldung sang Aufenthaltsbefugnis cần điều kiện nào?

Đ: Người thuộc diện cư ngụ hợp pháp tại Đức cầm Duldung hai năm và hội đủ một số

tiêu chuẩn như có công ăn việc làm, có nhà cửa... thì có thể chuyển thành Aufenthaltsbefugnis. Đại đa số người Việt Nam đang có Duldung không được hưởng quyền lợi này vì không được xem thuộc diện cư ngụ hợp pháp tại Đức. Nhưng các người Việt trước đây lao động tại Đông Đức cũ, đã được Aufenthaltsbefugnis trên hộ chiếu Việt Nam, sau đó không hội đủ tiêu chuẩn để được gia hạn nên nhận được Duldung trên hộ chiếu Việt Nam, nay hội đủ tiêu chuẩn thì vẫn đổi từ Duldung sang Aufenthaltsbefugnis trở lại.

Việc đổi từ Duldung sang Aufenthaltsbefugnis cũng tùy thuộc vào quyết định của Sở Ngoại Kiều hay cơ quan hành chính cấp cao hơn chủ không có nghĩa là khi hội đủ tiêu chuẩn thì bắt buộc phải được.

H: Sau khi được chuyển từ Duldung sang Aufenthaltsbefugnis xong thì sau này có bị trục xuất không?

Đ: Tùy trường hợp. Khi một người Việt Nam cầm Aufenthaltsbefugnis theo lối này thì tùy lý do được cấp mà sau này sẽ phải bị trục xuất hay không... Nói chung khi điều kiện để được Aufenthaltsbefugnis không còn nữa, chẳng hạn như người trước đây được cấp Duldung theo diện nhân đạo vì bệnh nay đã được chữa khỏi thì Duldung cũng có thể mất giá trị và phải trở về lại Việt Nam.

Trong trường hợp cầm Aufenthaltsbefugnis đã lâu (sau 3 lần tức 6 năm) thì sẽ được chuyển thành diện cư trú chắc chắn hơn.

H: Trong khi nộp đơn xin Aufenthaltsbefugnis theo lối này thì Sở Ngoại Kiều sẽ không làm thủ tục trục xuất, có phải thế không?

Đ: Thông thường Sở Ngoại Kiều tạm thời chưa bắt cả nhân liên hệ để trục xuất, nhưng không hẳn là như thế. Trong khi xét thủ tục này chưa xong thì đã có vài nơi tiến hành việc trục xuất, dù theo ý luật sư thì Sở Ngoại Kiều không được phép làm như vậy.

H: Sau khi Sở Ngoại Kiều không chấp thuận cho đổi Duldung thành Aufenthaltsbefugnis thì có nên kiện tiếp hay không?

Đ: Quyết định của Sở Ngoại Kiều là quyết định hành chính, cho nên người nộp đơn bị từ chối vẫn được kiện quyết định này tại tòa án liên hệ. Nhưng dù có kiện tiếp hay không kiện tiếp thì cũng có thể bị trục xuất. Tóm lại việc nộp đơn theo lối này không cản trở hoàn toàn được thủ tục trục xuất.

H: Có tin đồn là có luật sư Đức đã giúp người Việt sống tại Đức lâu hơn 5 năm, có việc làm, nhà cửa, không sống nhờ xã hội... biến Duldung thành Aufenthaltserlaubnis. Tin này đúng hay không?

Đ: Có trường hợp đúng. Đó là trường hợp những người đến Đức trước 1.7.1990 và hội đủ

các tiêu chuẩn như trong quyết định trước đây của Hội Đồng Bộ Trưởng Nội Vụ Đức...

Xin nhớ là quyết định này không áp dụng cho những trường hợp khác. Dĩ nhiên nên thử xin vì có một vài nơi Sở Ngoại Kiều thông cảm.

Nhân dịp này tôi cũng lưu ý là trong quyết định của Hội Đồng Bộ Trưởng Nội Vụ Đức nêu trên cho biết rõ là sau này sẽ không có một quyết định tương tự nữa.

Ngoài ra không có luật nào 5 năm như một số tin đồn trong giới người Việt Nam đang sống tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cả.

H: Vợ chồng có bị trục xuất cùng lúc với nhau hay không?

Đ: Luật không cấm cũng như không buộc trục xuất vợ chồng cùng một lúc, nên đa số các cơ quan Đức trục xuất họ cùng lúc. Cho đến nay chỉ có một vài nơi sử dụng quyền trục xuất riêng rẽ từng cá nhân trong hộ dù vợ chồng đã có trình chứng nhận kết hôn tại Việt Nam. Nếu gia đình có con nhỏ thì cho đến nay đứa bé vẫn bị trục xuất cùng lúc với bố mẹ hay tối thiểu cùng lúc với người mẹ "độc thân".

H: Một phụ nữ có mang gần ngày sinh hay vừa sinh con xong có thể bị trục xuất hay không?

Đ: Nếu người này trình được chứng thư (Attest) của bác sĩ khoa sản, tốt nhất là của bác sĩ của cơ quan y tế nhà nước (Gesundheitsamt) để chứng minh không thể di chuyển được (lý do: di chuyển có thể gây nguy hại tính mạng của người mẹ hay thai nhi...) thì sẽ được tạm hoãn trục xuất. Thông thường cơ quan trục xuất để cho người mẹ và đứa con mới sinh được ở lại Đức vài tháng (có nơi hoãn đến 8 hay 10 tháng).

H: Nếu con còn nhỏ mà bệnh nặng thì bố mẹ có được ở lại Đức hay không?

Đ: Một khi đứa bé không di chuyển được hay đứa trẻ đang cần được chữa trị... thì nên nhờ luật sư giúp việc này vì tùy bệnh trạng đứa bé và luật sư có nhiều kinh nghiệm hay không mà thủ tục này dài hay ngắn và có đạt được kết quả mong muốn hay không. Thường thủ lao cho luật sư trong thủ tục này khoảng 600 Đức Mã. Đơn tự làm không qua luật sư phải nộp cho Sở ngoại kiều địa phương chủ không nộp cho Sở Liên Bang Công Nhận Tỵ Nạn vì chỉ xin cư trú theo diện nhân đạo. Nếu đơn nộp bị từ chối thì vẫn có quyền kiện trong vòng hai tuần quyết định bất lợi này.

Vài Sở Ngoại Kiều đặt người xin tạm cư trú vì lý do nhân đạo này trước sự lựa chọn khó khăn là cho biết chỉ cho hoặc người cha hay người mẹ được cư trú tạm trong thời gian con được chữa bệnh tại Cộng Hòa Liên Bang Đức!

Tiện đây tôi cũng có thể nói thêm là người thành niên bị bệnh nan y thì cũng có thể xin cư trú theo diện nhân đạo này. Nếu người mẹ hay

người cha được cư trú nhân đạo này thì các con vị thành niên thường cũng được "ăn theo".

H: Tôi mới sinh con được khoảng hai tháng nay thì có thể bị trục xuất không?

Đ: Trong trường hợp này nhà nước Đức vẫn tiếp tục tiến hành thủ tục trục xuất. Nhưng cha mẹ có quyền đứng đón xin tỵ nạn cho con khi con chưa tròn 12 tháng. Khi thủ tục xin tỵ nạn của con chưa được chấm dứt (Sở Liên Bang chưa xét đơn, đơn kiện khi Sở Liên Bang bác đơn chưa được tòa án hành chính xét xong, quyết định bất lợi của tòa này chưa có hiệu lực thi hành pháp luật vì nhờ luật sư xin cho phép kiện lên tòa cấp cao hơn...) thì cha mẹ vẫn chưa bị trục xuất.

Đơn kiện này có thể tự làm và nộp tại tòa hành chính liên hệ mà không cần nhờ luật sư khi nêu rõ được những đòi hỏi ghi trong phần chỉ dẫn luật pháp (Rechtsbelehrung) đính kèm theo quyết định bác đơn như tên họ người kiện, bên bị kiện là nhà nước Đức, số hồ sơ, lý do... Có thể nhờ cơ quan thiện nguyện Đức hay các nhóm thân hữu người xin tỵ nạn như Caritas, Diakonisches Werk, Deutsches Rotes Kreuz, Arbeiterwohlfahrt, amnesty international, Arbeitskreis Asyl (viết tắt là AK Asyl)... qua địa chỉ tìm được trong sổ điện thoại.

H: Nghe nói là cho đến tháng 6.1997 này mà chưa bị trục xuất về Việt Nam thì sẽ không bị trục xuất nữa, có đúng không? Lại có tin khác cho biết là sẽ có một phái đoàn cao cấp của Việt Nam sang Đức để thương thảo vì phía Việt Nam không muốn nhận người nữa. Xin cho biết về các tin này.

Đ: Tôi không được phép trả lời câu hỏi này, dù tin đồn này tôi đã nghe từ lâu. Xin thông cảm. Câu hỏi này chỉ có cơ quan thẩm quyền Đức hay Việt Nam trả lời chính xác mà thôi.

H: Nghe nói là sau khi trục xuất xong khoảng 10.000 người Việt thì Đức sẽ ngừng trục xuất. Có đúng không?

Đ: Qua báo chí tôi chỉ được biết là phần tiền 200/220 triệu Đức Mã phía Đức đã thỏa thuận xong với phía Việt Nam từ trong năm 1995 dùng để trục xuất người Việt Nam và ngân quỹ này đài thọ việc trục xuất số 2.500 người thuộc quy số năm 1995 và 6.500 người quy số năm 1996 mà thôi.

H: Tại sao nộp đơn xin tỵ nạn kế tiếp rồi mà có người vẫn bị trục xuất còn người khác thì không sợ bị trục xuất?

Đ: Tùy trường hợp mà sau khi nộp đơn xin tỵ nạn kế tiếp (Folgeantrag) thì có thể vẫn bị trục xuất hay không.

Nộp Folgeantrag theo luật định chỉ có nghĩa là xin Sở Liên Bang Công Nhận Người Nước Ngoài Tỵ Nạn (Bundesamt für die Anerkennung ausländischer Flüchtlinge) đồng ý cho lập thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp (Asylfolgeverfahren) cũng như xin xác định hội

đủ các tiêu chuẩn để được hưởng cư trú theo điều 51 đoạn 1 luật ngoại kiều và hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng che chở không bị trục xuất theo điều 53 luật ngoại kiều (thường gọi tắt là xin điều 51.1 và 53).

Khi Sở Liên Bang giải quyết đơn này thì thường quyết định trong điều đầu tiên là có đồng ý lập thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp hay không. Khi cơ quan này đồng ý thì chắc chắn người nộp đơn không bị trục xuất cho đến khi thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp (Asylfolgeverfahren) chấm dứt với hiệu lực thi hành pháp luật (rechtskräftig) dù trong cùng quyết định: (1) được xác định hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng các điều 51.1 và 53 hay (2) không được xác định hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng các điều 51.1 và 53; (3) khi Sở Liên Bang không đồng ý lập thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp vì đơn được xem là không có lý do (unbegründet) hay (4) không đồng ý lập thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp vì đơn được xem là rõ ràng không có lý do (offensichtlich unbegründet) thì cơ quan này dĩ nhiên cũng quyết định trong các điều tiếp theo là người xin không hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng cư trú theo điều 51.1 cũng như không hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng che chở không bị trục xuất theo điều 53 luật ngoại kiều mà không cần đe dọa trục xuất nữa. Trong hai trường hợp (3) và (4) này thì người nộp Folgeantrag vẫn có thể bị trục xuất trong khi thủ tục kiện tại tòa chưa xong sau khi đơn luật sư (dựa trên các điều 80.5 và 123 của Luật hành chính chẳng hạn) xin tòa ra án quyết cấm Sở Ngoại Kiều trục xuất khi thủ tục chưa chấm dứt mà đơn này lại bị tòa từ chối (sau khi tòa được Sở Ngoại Kiều cho biết là trong lúc này không trục xuất) trước khi tòa mở phiên tòa xét đơn kiện của luật sư yêu cầu tòa buộc Sở Liên Bang phải mở thủ tục xin tỵ nạn kế tiếp cũng như xin xác định hội đủ các tiêu chuẩn để được hưởng các điều 51.1 và 53 luật ngoại kiều. Vì luật như thế nên có người đã bị trục xuất về nước rồi sau đó luật sư nhận quyết định của tòa thông báo thân chủ được điều 51.1 và 53.

Tiện đây tôi xin đính chính các tin đồn cho rằng tôi có thể lo Paß 51, bảo đảm việc di dân, bảo đảm việc lo cho người Việt Nam hộ chiếu hay bảo đảm sẽ được ở lại Đức... vì tôi không bao giờ hứa, nhận hay làm những dịch vụ như vậy mặc dù tôi đã dịch rất nhiều đơn xin tỵ nạn kế tiếp cũng như chuyên dịch các bài báo chính trị...

H: Tôi nộp Folgeantrag và Bundesamt quyết định là tôi được điều 51 và điều 53 rồi mà không nhận được Paß 51 là tại sao?

Đ: Nộp Folgeantrag và Bundesamt quyết định cho các điều 51 và 53 mà không cần phỏng vấn là trường hợp hạn hữu.

Theo luật thì sau khi Sở Liên Bang ra quyết định là người nộp đơn được hưởng điều

51 và 53 mà quyết định này chưa có hiệu lực thi hành pháp luật (noch nicht rechtskräftig) thì vẫn chưa nhận được "Paß 51".

Cơ quan Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn (Bundesbeauftragter für Asylangelegenheiten) vẫn có quyền kiện quyết định thuận lợi cho người nộp đơn này của Sở Liên Bang. Trong trường hợp thứ nhất Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn không kiện trong hạn định (trong hạn 2 tuần sau khi quyết định của Sở Liên Bang gửi đến Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn) thì quyết định của Sở Liên Bang có hiệu lực thi hành pháp luật và người nộp đơn sẽ nhận hộ chiếu Đức từ Sở Ngoại Kiều liên hệ. Trường hợp kế tiếp là Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn kiện mà (1) tòa án hành chính chấp nhận đơn kiện thì phải đợi tòa xét xong; nếu tòa bác đơn kiện mà Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn không xin phép tòa trên xét lại thì sẽ nhận "Paß 51"; nếu Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn lại xin tòa trên xét lại quyết định của tòa dưới mà tòa trên chưa trả lời người nộp Folgeantrag vẫn phải chờ quyết định nhưng nên tiếp tục chuẩn bị phần hồ sơ của mình theo lời khuyên của luật sư dù chưa cần phải nộp ngay nếu luật sư cho biết chưa cần thiết; nếu tòa trên đồng ý với đơn xin tái xét này của Đặc Ủy Liên Bang Tỵ Nạn thì phải nộp ngay những bằng chứng mới nhờ luật sư chuyển đến tòa cấp cao.

H: Nghe nói tòa đại sứ Việt Nam tại Bonn có trả lời các tòa án hành chính Đức là phía Việt Nam biết những người đang hoạt động chính trị tại Đức chống đối Đảng Cộng Sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam là cố tình tỵ tạo những bằng chứng này để được ở lại Đức. Tin này có đúng không?

Xin anh cho biết thêm là có phải vì như thế mà nhiều đơn Folgeantrag bị Sở Liên Bang hay tòa án Đức bác hay không?

Đ: Vâng, trong khi làm việc tôi đã đọc được án quyết có ghi điều được nêu ở phần đầu câu hỏi mà trong đó tòa án hành chính các cấp cũng dựa vào ý kiến này để bác nhiều đơn kiện. Tuy nhiên vẫn có người được hưởng điều 51. và 53 theo quyết định của Bundesamt hay của tòa vì đã có hoạt động chính trị tại Đức chống đối Đảng Cộng Sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam mà chứng minh được là không tỵ tạo những bằng chứng này, các hoạt động này có quá trình lâu dài, hoạt động có tính chất thật nổi bật, có ảnh hưởng đến chính trị tại Việt Nam, các hoạt động này làm mất mặt nhà nước Việt Nam đến độ mà khi cá nhân người này trở về nước sẽ bị trừng trị vì phía Việt Nam biết đến tên tuổi người này...

H: Tại sao Sở Liên Bang hay tòa án hành chính cứ bác đơn Folgeantrag mặc dù trong đơn có nhiều bằng chứng hoạt động chính trị tại Đức chống đối Đảng Cộng Sản Việt Nam?

Đ: Vì cơ quan hành chính này dựa trên điểm căn bản cho rằng khả năng để cá nhân sau khi về nước có thể bị truy nã chính trị vì những hoạt động của mình trong khi sống tại Đức quá ít và nội dung của hoạt động chính trị cũng như là độ hoạt động chính trị này Việt Nam "không cần lưu ý đến". Được xem là ít và có tính cục bộ địa phương khi hoạt động chính trị dù trước công chúng chỉ có hiệu quả đối với công chúng Đức hay các nước Tây phương mà không có ảnh hưởng đến tình hình tại Việt Nam. Sở Liên Bang và tòa án lại thường dựa theo các bản ý kiến của Bộ Ngoại Giao Đức cũng như án quyết của tòa án hành chính để lý luận thêm là trong trường hợp mà những hoạt động chính trị trong khi sống tại nước ngoài mà Việt Nam biết đi nữa thì người ta lại dễ nghĩ là các người này không được cho về nước nhiều hơn là khả năng sau khi họ về nước rồi sẽ bị truy bức. Các cơ quan này cho rằng cho đến nay không ai biết có trường hợp nào về nước mà bị truy bức vì những hoạt động chính trị tại Đức cả. Do đó chỉ là thành viên bình thường (không có chức vụ quan trọng) của một tổ chức, gửi thỉnh nguyện thư có nhiều chữ ký đến Sở Quán Việt Nam tại Bonn, chỉ gửi báo xuất bản tại Đức về Việt Nam, trình thư tử hay các chứng tử khác cho biết cha mẹ bị nguy hiểm vì hoạt động chính trị của con, tham gia biểu tình đông người tham dự, cầm biểu ngữ hay tấm bia có nội dung chống đối nhà nước Việt Nam cũng như việc tham dự các buổi tổ chức nói chuyện, hội thảo, tuyệt thực, xin chữ ký và kèm ảnh cũng như giấy chứng nhận, một lá thư bạn đọc hay một vài bài báo có nội dung đôn giản đăng trên báo xuất bản và chỉ lưu truyền tại hải ngoại v.v cũng chưa đủ có nhiều khả năng sẽ bị truy bức sau khi về Việt Nam. Và tòa kết luận rằng những hoạt động chính trị do các người đang nộp đơn đã có không thuộc vào loại hoạt động chính trị mà bị phía Việt Nam sử dụng luật hình sự. Do đó tòa phải bác đơn.

Đ: Dĩ nhiên tòa sẽ bác đơn khi tìm ra một bằng chứng nguy hại trong tất cả các bằng chứng đã nộp.

H: Tại sao hoạt động của tôi trội hơn của bạn tôi mà tôi bị bác đơn mà bạn tôi lại được điều 51?

Đ: Tùy người quyết định, tùy tòa! Vì những quyết định này không nhiều thì ít đầy đều có tính chủ quan. Lại có nơi tòa "dễ" cho điều 51 như tòa Saarlouis và trong thời gian qua như tòa Trier. Tòa khác lại có quyết định "chính trị" và bác gần như 100% đơn của người Việt trong thời gian qua như tòa Neutadt.an der Weinstraße.

"Trội" hơn về lượng thì tòa thường không xem là quan trọng. "Trội" hơn về phẩm chất, "trội" hơn về nội dung, bằng chứng nổi bật hơn... cũng như lối lý luận trong đơn, lý luận khi trả lời Sở Liên Bang hay tại tòa sẽ đóng vai trò quyết định hơn.

H: Bị tòa án hành chính cấp thấp (Verwaltungsgericht) bác Folgeantrag rồi thì có được kiện lên tòa cấp cao hay không?

Đ: Không phải được kiện mà được phép nộp đơn xin tòa trên cho khiếu nại (Antrag auf Zulassung der Berufung), nghĩa là xin tòa hành chính cấp cao nhất tiểu bang Verwaltungsgerichtshof (viết tắt là VGH) hay Oberverwaltungsgericht (viết tắt OVG) tái xét án quyết tòa dưới. Đơn này thường nên nhờ luật sư làm hộ và nộp nhờ tòa án hành chính cấp dưới chuyển lên tòa cấp trên... Nên nhớ là hạn nộp đơn này cũng là 14 ngày và tốn phí khoảng 600 Đức mã.

H: Nếu nộp đơn xin tòa trên đồng ý cho khiếu nại thì bao lâu nhận được trả lời?

Đ: Tùy trường hợp. Có tòa trả lời nhanh trong vòng sáu tuần lễ. Có tòa hơn một năm sau mới trả lời. Tôi cũng xin lưu ý là một số VGH hay OVG đòi nộp bằng chứng trong một thời gian ngắn hạn khi đồng ý xử lại quyết định của tòa cấp dưới, chính thế vẫn nên chuẩn bị tốt các bằng chứng hoạt động sau ngày ra tòa cấp dưới. Khi tòa cấp trên chưa quyết định thì thủ tục nộp đơn lần này dĩ nhiên là chưa chấm dứt. Khi thủ tục chưa chấm dứt thì chưa bị trục xuất nhưng có điều là không được nộp đơn lần tiếp theo.

H: Bị tòa án hành chính bác Folgeantrag rồi thì có nộp tiếp đơn xin tỵ nạn kế tiếp nữa hay không?

Đ: Bị tòa án hành chính bác Folgeantrag hay bị Verwaltungsgerichtshof hay Oberverwaltungsgericht bác đơn xin cho khiếu nại thì vẫn được phép nộp Folgeantrag lần nữa vì thủ tục Folgeantrag lần đầu đã chấm dứt xong (nghĩa là án quyết của tòa Verwaltungsgericht đã có hiệu lực thi hành pháp luật).

H: Được nộp mấy lần đơn xin tỵ nạn kế tiếp?

Đ: Muốn nộp mấy lần cũng được. Có người nộp Folgeantrag thứ hai đã thành công vì các bằng chứng hoạt động lần này đủ "đầy".

H: Bằng chứng nộp ở Folgeantrag lần này có thể sử dụng cho Folgeantrag lần sau không?

Đ: Thường thì không nhưng có thể nhắc lại để nhấn mạnh hoạt động chính trị của cá nhân là đã kéo dài từ lâu...

H: Bằng chứng nộp ở Folgeantrag trong đơn kiện lên tòa cao cấp tiểu bang lần này có thể sử dụng cho Folgeantrag lần sau không?

Đ: Một vài luật sư cho biết là có thể được nếu đó là hoạt động tương đối mới và Folgeantrag kế tiếp phải nộp trong thời hạn 14 ngày

sau khi án quyết của tòa cao cấp tiểu bang (VGH, OVG) có hiệu lực thi hành pháp luật.

H: Tôi có vài điều bí mật mà không muốn trình bày cho luật sư biết. Có nên không?

Đ: Luật sư là người bên vực quyền lợi thân chủ. Không nên để xảy ra trường hợp bất lợi là tòa biết bằng chứng trước luật sư. Cũng không nên cho luật sư biết các sự việc quan trọng quá cận ngày ra tòa hay đợi đến lúc bắt đầu phiên xử rồi mới đưa bằng chứng cho luật sư xem vì như thế luật sư không có thời gian để chuẩn bị.

Tiện đây tôi cũng lưu ý là không phải bằng chứng nào cũng có lợi cả. Có khi bằng chứng có lợi cho người khác mà lại bất lợi cho cá nhân mình.

H: Nhờ luật sư nộp bằng chứng Folgeantrag trễ hạn 3 tháng hay nộp đơn kiện trễ quá hạn 14 ngày thì sao?

Đ: "Nhân vô thập toàn" mà! Nhưng tòa vẫn có quyền không sử dụng bằng chứng nộp trễ cũng như bác đơn kiện nộp trễ dù đó là lỗi của văn phòng luật sư. (viengiac.doc)

VINH cây tâm gửi

• ĐÀO THỊ KIM LOAN
(Ủy ban
Giải trừ Pháp nạn Hannover)

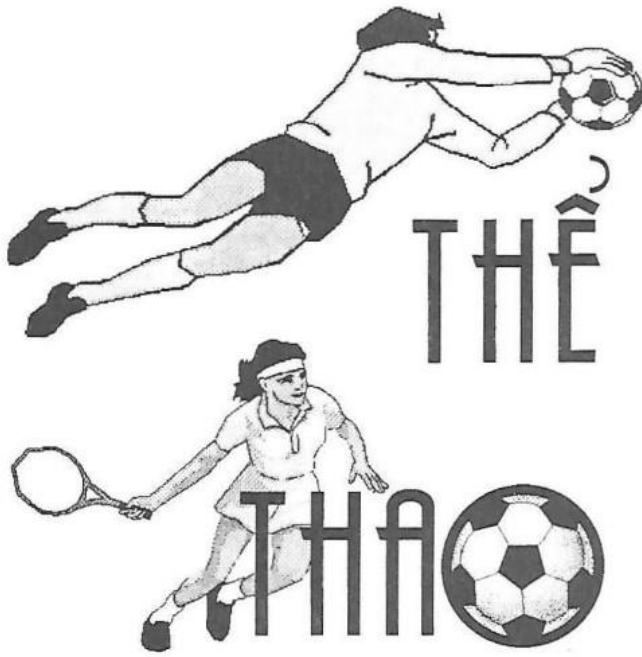


Cuộc đời "tâm gửi" ngấm buồn
teo,

Kiếp sống sao như thể bọt bèo?
Núp bóng cây cao phò "đức"
bám,

Dựa hơi cành lớn trở "tài" đeo,
Mưa sa vũng dạ nhờ hay níu,
Nắng tấp an thân bởi giới trèo,
Thử hỏi có gì mà hãnh diện,
Khi mình là một kẻ ẩn theo?

Tâm gửi : ám chỉ Ban Lãnh Đạo Đảng Cộng
Sản Việt Nam



Người Giám Biên

Trong mấy số báo vừa qua, Người Giám Biên tạm rời khỏi vận động trường không phải vì bị thể đỏ, mà vì nhường chỗ cho những tin tức thời sự quan trọng hơn. Kỳ này báo Viên Giác phát hành số 100, Người Giám Biên lại có mặt trên các cầu trường để cống hiến quý độc giả bốn phương những tin tức liên quan đến hai môn thể thao như bóng tròn và quần vợt mà hầu hết ai cũng ham mê.

■ BÓNG TRÒN

Trong mùa bóng tròn 96-97, các đội cầu Đức Quốc đã làm mưa làm gió trên các vận động trường Châu Âu. Đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.



1. GIẢI VÔ ĐỊCH ÂU CHÂU

Từ ngày 8 đến 30.6.96 tại Anh, đội cầu Đức đã hạ đội cầu Cộng Hòa Tschechien trong một trận chung kết với tỷ số 2 : 1 đoạt chức vô địch Châu Âu.

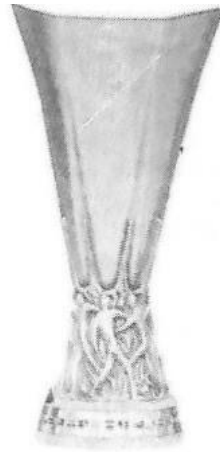


Cúp vô địch

2. GIẢI VÔ ĐỊCH CỦA NHỮNG ĐỘI TUYỂN CHỌN CHÂU ÂU (UEFA Cup)



Ngày 22.5.97, đội cầu Schalke 04 trong trận chung kết giải vô địch của những đội được tuyển chọn Châu Âu đã đụng đội cầu Inter Mailand (Ý). Lượt đầu đá tại sân nhà, Schalke hạ Inter Mailand 1 : 0. Lượt hai đá



Cúp vô địch

tại sân Inter Mailand. Trên 25 ngàn ủng hộ viên người Đức, lớp đi xe lửa, xe Bus, lớp đi máy bay sang Ý quyết tâm ủng hộ hết mình mấy con gà nhà. Vận động trường Mailand chứa 81.675 khán giả, trong đó có gần 60 ngàn người Ý cũng quyết tâm ủng hộ đội mình. Tiền vé thu vào được 5,81 triệu Đức Mã, phá kỷ lục!

Ra quân, hai đội quyết tâm đem thắng lợi về cho đội mình. Tuy nhiên phần lợi điểm nghiêng về phía đội Schalke vì đã có trước một bàn thắng. Trận này chỉ cố gắng thắng thêm 1 trái nữa thì Mailand phải ăn 3 trái mới được; còn ăn hai trái vẫn phải thua! Do đó tiếng còi của trọng tài vừa thổi lên bắt đầu hiệp một, toàn đội Mailand ò ạt tấn công như vũ bão. Nhưng gặp phải hàng



Ba thế hệ một quyết tâm. Bà Anni (66 tuổi) ở Wetzlar cùng đứa con trai Achim (36 tuổi, bên mặt bà). Anh Volker (36 tuổi) ở Gladbeck cùng đứa con trai Sebastian (18 tháng) quyết tâm vượt đường trường xa sang Ý ủng hộ đội Schalke.

phòng vệ kiên cố của Schalke nên banh không thể nào qua lọt được. Thỉnh thoảng cũng có một vài trái banh được thọc sâu vào vùng cấm địa nhưng cũng đều bị phá cả.

Hết hiệp 1, hai bên huề nhau 0 : 0. Sang hiệp 2, đến phút 85, anh Pistone (Ý) ném banh từ ngoài sân vào vùng cấm địa Schalke, Ince (Ý) nối tiếp bằng đầu và anh Zamorano nướng đá dùng chân đá banh nhẹ vào lưới trước sự reo hò của mấy chục ngàn người Ý. Inter Mailand thắng 1 : 0. Kéo dài đến cuối hiệp 2 vẫn không thay đổi tỷ số. Như vậy là hai đội huề nhau 1 : 1.



hình mừng chiến thắng

Đã thêm giờ mỗi hiệp 15 phút, bên đội Ý chỉ còn lại 10 người vì anh Fresi đã phạm lỗi 2 lần nên bị thẻ vàng đỏ. Sau 30 phút vẫn còn huề nhau 1 : 1.

Giải quyết bằng cách đá 11 thước. Schalke bốc thăm được đá trước. Anh Anderbrügge lãnh ấn tiên phương thắng 1 : 0

Zamorano đá, thủ môn Lehmann đón được 0 : 1

Thon đá thắng 2 : 0. Djoerkaeff đá thắng 1 : 2

Max đá thắng nâng tỷ số lên 3 : 1.

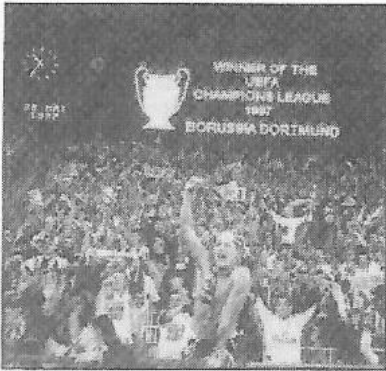
Winter đá banh bay ra ngoài 1 : 3

Wilmots đá thắng, kết thúc trận đấu với 4 : 1 hay 5 : 2.

Đội Schalke 04 đoạt Cúp, một ước mơ trên 25 năm qua nay đã thành sự thật.

3. GIẢI VÔ ĐỊCH NHỮNG ĐỘI VÔ ĐỊCH CÁC QUỐC GIA ÂU CHÂU (EUROPAPOKAL DER LANDESMEISTER)

Ngày 28.5.97, đội Borussia Dortmund trong trận chung kết giải vô địch những đội vô địch các quốc gia Châu Âu đụng đội cầu số 1 của Ý là



Đúng 22g35, đội B. Dortmund đoạt Cúp vô địch

Juventus Turin. Trên đường vào chung kết đội B. Dortmund đã lần lượt hạ các đội cầu danh tiếng nhất Âu Châu như Atlético (Tây Ban Nha), A.J. Auxerre (Pháp), Manchester United (Anh). Đá tại vận động trường Olympia München. Đây cũng là một lợi thế cho đội B. Dortmund vì có trên 50 ngàn khán giả Đức đến ủng hộ gà nhà.

Vừa bắt đầu hiệp 1,

đội J. Turin liền tấn công ở ạt tạo áp lực thường xuyên trước khuôn thành đội Dortmund, nhưng không ghi được bàn thắng nào, vì hàng phòng vệ của Dortmund quá vững hóa giải tất cả các đường banh nguy trong vùng cấm địa. Sau đó đội Dortmund phản công lại để đẩy đội Turin lui bót về thế thủ. Đến phút thứ 29, Möller (Đức) đá phạt góc, Lambert nổi tiếp đường banh vào trước khuôn thành Ý, Riedle đưa người hứng banh và đá ngay vào góc trái gôn nâng tỷ số lên 1 : 0 cho Dortmund. Khán giả vỗ tay tán thưởng vang dội cầu trường. Bị dẫn trước, toàn đội Turin vùng lên tấn công cố san bằng cách biệt. Nhưng đến phút thứ 34, cùng Möller đá phạt góc, Riedle tung người lên cao đội đầu banh bay vào lưới tuyệt đẹp. Dortmund dẫn trước 2 : 0. Như con hổ bị thương, áp dụng phương châm "Được tất cả hay không có gì cả" (Alles oder Nicht) toàn đội Turin vùng lên tấn công, nhưng không ghi được bàn thắng nào ở hiệp 1.

Sang hiệp 2, đang dẫn trước 2 bàn, Dortmund lại nghiêng về thế thủ nhiều hơn, lợi dụng cơ hội này đội Turin dùng toàn lực tấn công ở ạt và kết quả là phá được lưới Dortmund gỡ được 1 : 2. Nung đã thắng, Turin



Anh Heiko Herrlich đội ngước chiếc Cúp nặng 8 kg

vùng lên quyết san bằng cách biệt nhưng chưa tạo được dịp làm bàn. Còn khoảng 10 phút chấm dứt trận đấu, anh Lars Ricken (Đức - 20 tuổi) vào thay Riedle, vừa mới vào sân anh được đồng đội thọc một trái banh sâu trước vùng cấm địa Ý, trong lúc đó thủ môn Ý sơ hở bỏ khuôn thành lên cao gần mười mấy thước, Ricken chỉ chạy khoảng 20 bước và đá trái banh vòng cầu qua đầu thủ môn Ý bay vào lưới



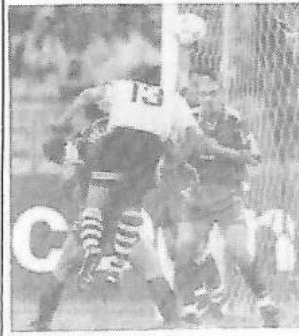
Anh Riedle (bên phải) đưa người hứng banh và thuận đà đá luôn vào lưới ghi bàn thắng thủ nhất cho Dortmund 1 : 0

trước sự reo hò tán thưởng của trên 60 ngàn khán giả!

Bàn thắng của Ricken nâng tỷ số cho Dortmund lên 3 : 1, đội Turin hết hy vọng gỡ huê vì sắp hết giờ. Trận đấu chậm dần lại, không còn sôi động và hồi hộp như lúc đầu vì



Anh L. Ricken vừa chạy vừa đá banh vòng cầu qua đầu thủ môn bay vào gôn nâng tỷ số lên 3 : 1 cho Dortmund.



tỷ số 3 : 1 đã nói lên được ai thắng ai. Tiếng còi chấm dứt trận đấu đánh dấu thêm một thành tích cho đội Dortmund sau mấy mươi năm nổi tiếng và cho Liên Đoàn Bóng Tròn Đức nói chung.

Cũng anh Riedle mang số 13 vừa nhảy cao vừa đội đầu banh xet vào lưới tuyệt đẹp ghi thêm bàn thắng thứ 2. Trước mặt anh có 3 cầu thủ Turin đứng nhìn banh một cách tuyệt vọng.

GIẢI VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI

Giải này sẽ được tranh tại Pháp bắt đầu từ ngày 10.6.1998. Tất cả các quốc gia trên thế giới được phân chia theo từng khu vực để tranh vòng loại đến cuối năm 1997 cho xong. Lần đầu tiên sẽ có 32 đội được tuyển chọn để vào vòng chung kết. Trong số này có hai đội được miễn tranh vòng loại là đội cầu Pháp (quốc gia tổ chức) và đội cầu Brasil (đường kim vô địch)

Đến nay kết quả được tạm xếp như sau:

• ÂU CHÂU

Số điểm : Thắng 3 điểm, Huê 1 điểm, Thua 0 điểm.

TOÀN	số trận	bàn thua bàn thắng	số điểm
Toán 1			
1. Đan Mạch	4	9 : 2	10
2. Hy Lạp	6	8 : 4	10
3. Kroatien	5	10 : 6	9
4. Bosnien-Herzegowina	4	3 : 9	3
5. Slowenien	5	4 : 13	1
Toán 2			
1. Ý	6	11 : 1	16
2. Anh	6	11 : 2	15
3. Ba Lan	6	7 : 9	7
4. Georgien	5	3 : 9	3
5. Moldawien	5	2 : 13	0
Toán 3			
1. Na Uy	4	10 : 1	10
2. Thụy Sĩ	4	4 : 4	6
3. Ungarn	4	4 : 4	6
4. Phần Lan	4	5 : 6	4
5. Aserbaidshân	4	2 : 10	3
Toán 4			
1. Tô Cách Lan	7	8 : 2	14
2. Áo	5	5 : 3	10
3. Thụy Điển	5	9 : 5	9
4. Lettland	6	8 : 8	7
5. Bạch Nga	6	3 : 9	4
6. Estland	5	2 : 8	4
Toán 5			
1. Do Thái	6	9 : 4	13
2. Nga	5	13 : 2	11
3. Bulgarie	4	10 : 5	9
4. Zypern	6	5 : 14	4
5. Luxemburg	5	1 : 13	0

TOÁN	số trận	bàn thua bàn thắng	số điểm
Toán 6			
1. Tây Ban Nha	7	20 : 4	17
2. Nam Tư	7	21 : 6	16
3. Slowakei	5	14 : 5	12
4. Tschechien	4	7 : 3	4
5. Färöer Inseln	6	7 : 23	3
6. Malta	7	1 : 29	0
Toán 7			
1. Hòa Lan	6	23 : 3	15
2. Bỉ	5	10 : 6	12
3. Thổ Nhĩ Kỳ	5	10 : 5	7
4. Wales	6	14 : 12	7
5. San Marino	6	0 : 31	0
Toán 8			
1. Rumanien	6	20 : 0	18
2. Ai Nhĩ Lan	6	15 : 4	10
3. Mazedonien	6	18 : 10	10
4. Litauen	5	6 : 5	9
5. Island	4	1 : 7	2
6. Lichtenstein	7	2 : 36	0
Toán 9			
1. Ukraine	8	7 : 6	14
2. Đức	6	11 : 4	12
3. Portugal	6	5 : 2	9
4. Bắc Ai Nhĩ Lan	7	5 : 5	7
5. Armenien	6	4 : 8	5
6. Albanien	5	3 : 10	1

Thành tích của đội cầu Đức qua 6 trận như sau

Đức - Ukraine	2 : 0	Albanien - Đức	2 : 3
Portugal - Đức	0 : 0	Đức - Bắc Ai Nhĩ Lan	1 : 1
Armenien - Đức	1 : 5	Ukraine - Đức	0 : 0

Đội Ukraine đang dẫn đầu Toán, nhưng chỉ còn đấu 2 trận nữa thôi. Giả thuyết nếu thắng cả hai trận thì được 6 điểm. Tổng cộng là 20 điểm. Đội Đức còn đấu 4 trận nữa. Giả thuyết nếu thắng 3 trận 9 điểm, thua một 0 điểm. Tổng cộng 21 điểm sẽ đứng đầu Toán. Còn nếu thắng 2 trận 6 điểm, hoà 2 trận 2 điểm. Tổng cộng là 20 điểm thì cũng đứng đầu Toán, vì số bàn thắng nhiều hơn. Còn nếu thắng 2 trận 6 điểm, hoà một trận 1 điểm và thua một trận 0 điểm thì coi như đi tàu suốt, vì tổng cộng chỉ có 19 điểm! Liệu ông bầu Berti Vogts có lèo lái nổi đội đang vô địch Âu Châu đến Pháp được không? Có điều là các cầu thủ của đội Đức có tuổi trung bình trên 30, trong khi các đội khác thì dưới 25. Như vậy thì trẻ đã già mà mẫn chưa có mọc hay các đàn anh cứ bám lì ở vị trí, cản bước tiến của mầm non thì làm sao có triển vọng lập được thành tích trong giải này được. Hãy chờ xem.

NAM MỸ	số trận	bàn thua bàn thắng	số điểm
1. Paraguay	10	16 : 6	23
2. Argentinien	11	16 : 10	19
3. Kolumbien	11	16 : 10	18
4. Bolivien	10	15 : 10	14
5. Ekuador	11	15 : 13	14
6. Uruguay	11	11 : 15	14
7. Chile	10	18 : 13	13
8. Peru	11	11 : 14	13
9. Venezuela	11	7 : 33	12

Toán này chưa kết thúc, khi xong 4 đội đầu Toán sẽ được tuyển chọn.

CONCACAF	số trận	thua/thắng	số điểm
1. Mexico	5	13 : 2	11
2. Costa Rica	5	7 : 6	7
3. U.S.A	4	7 : 5	5
4. Kanada	5	1 : 7	5
5. Jamaika	5	2 : 9	5
6. El Salvador	4	2 : 3	4

Á CHÂU

Toán 2

1. Iran	6	39 : 3	16
Kirgisien	5	12 : 11	9
3. Syrien	5	27 : 5	7
4. Malediven	6	0 : 59	0

Toán 4

1. Japan	3	17 : 0	9
2. Oman	3	5 : 1	6
3. Nepal	3	1 : 8	1
4. Macao	3	1 : 15	1

Toán 5

1. Jemen	5	9 : 2	8
2. Indonesia	5	11 : 3	7
3. Uzbekistan	3	8 : 1	7
4. Kambodsha	5	1 : 23	1

Toán 7

1. Kuwait	3	7 : 0	9
2. Libanon	3	3 : 4	4
3. Singapur	4	2 : 8	1

Toán 8

1. China	5	9 : 2	13
2. Tadschikistan	5	10 : 2	10
3. Turkmenistan	5	8 : 8	6
4. Vietnam	5	2 : 17	0

Toán 9

1. Kasachstan	3	12 : 1	9
2. Irak	2	7 : 4	3
3. Pakistan	3	2 : 16	0

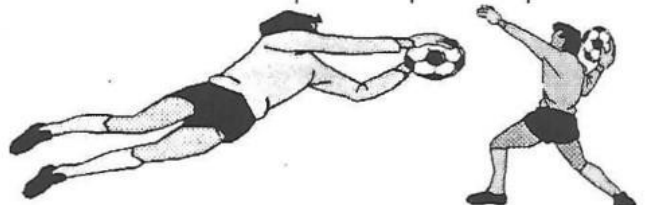
CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Toán 1

1. Úc	2	18 : 0	6
2. Salomon-Inseln	2	4 : 14	3
3. Tahiti	2	1 : 9	0

Toán 2

1. Tân Tây Lan	3	8 : 1	6
2. Fiji	2	3 : 2	3
3. Papua Neuguinea	3	2 : 10	3



PHI CHÂU	số trận	bàn thua bàn thắng	số điểm
Toán 1			
1. Nigeria	5	10 : 3	13
2. Guinea	5	9 : 5	9
3. Kenia	5	7 : 10	7
4. Burkina Faso	5	5 : 13	0
Toán 2			
1. Tunesien	5	6 : 1	13
2. Ai Cập	5	10 : 5	7
3. Libenia	5	2 : 5	4
4. Nambia	5	6 : 13	4
Toán 3			
1. Nam Phi	5	6 : 3	10
2. Kongo	5	5 : 4	10
3. Sambia	5	5 : 6	5
4. Cộng Hòa Kongo (Zaire)	5	4 : 7	2
Toán 4			
1. Kamerun	5	8 : 3	11
2. Angola	5	6 : 3	9
3. Simbabwe	5	5 : 5	4
4. Togo	5	3 : 11	3
Toán 5			
1. Marocko	5	12 : 2	13
2. Ghana	5	7 : 5	6
3. Sierra Leone	4	2 : 6	4
4. Gabun	4	1 : 9	1

• QUẦN VỢT

Trong làng banh nỉ đang xuất hiện những cây vợt rất trẻ mà tài cao như cô Martina Hingis (Thụy Sĩ - 16 tuổi), cô A. Kurunikowa (Nga - 15 tuổi), cô Venus Williams (Mỹ - 15 tuổi) v.v... Nổi bật nhất là cô Hingis, mới 16 tuổi đã trở thành nhà nghề, đã từng hạ những cây vợt nhứt nhì thế giới. Trong hai năm cầm vợt cô đã có một tài sản gần 10 triệu Đức Mã!

Qua kết quả hai giải Grand Slam ở Úc và Pháp vừa qua đã làm đảo lộn sự dự đoán của các tay đánh cá và cả những cây viết chuyên nghiệp về thể thao.

Giải Grand Slam Australien Open (từ 20.01 đến 02.02.97)

Đường kim vô địch là cô M. Seles. Trong trận chung kết năm 96 cô đã hạ cô A. Huber 6:4, 6:1. Năm nay Seles không tham dự vì bị đau một bên vai.

Vào chung kết cô Hingis đụng cô Sanchez Vicario. Gặp lúc sung sức Hingis hạ Sanchez dễ dàng với tỷ số 6:2, 6:3. Đoạt Cúp, cô đã phá kỷ lục vì từ trước tới nay chưa có một cây vợt nữ nào mới 16 tuổi mà đã thắng một giải Grand Slam và đoạt luôn chức nữ vương quần vợt của Steffi Graf, trở thành cây vợt số 1 thế giới.



Cô Martina Hingis - Thụy Sĩ - 16 tuổi
↩ cây vợt số 1 thế giới.

NAM

Đường kim vô địch là anh Boris Becker. Trong trận chung kết năm 96 anh đã hạ M: Chang 6:2, 6:4, 2:6 và 6:2. Năm nay anh bị loại ngay ở vòng đầu.

Giải này bên nam không có tạo sự bất ngờ, vì vẫn cây vợt số 1 thế giới là anh Peter Sampras (Mỹ) đoạt chức vô địch.

GIẢI GRAND SLAM FRENCH (từ 26.5 đến 08.6.97)



French Open

26. Mai bis
8. Juni

• Nữ

Những tay vợt vô địch giải này trong 10 năm qua:

- 1987 - Steffi Graf (Đức)
- 1988 - Steffi Graf
- 1989 - A. Sanchez Vicario (Tây Ban Nha)
- 1990 - Monica Seles (Nam Tư)
- 1991 - Monica Seles
- 1992 - Monica Seles
- 1993 - Steffi Graf
- 1994 - A. Sanchez Vicario
- 1995 - Steffi Graf
- 1996 - Steffi Graf

Đường kim vô địch là Steffi Graf. Năm nay cô bị cô Amanda Coetzer (Nam Phi) hạ ở vòng 4 (Achtelfinale) với tỷ số 6:1, 6:4. Còn lại mấy tay vợt có nhiều triển vọng đoạt Cúp như Sanchez - Hingis - Seles - Novotna v.v... thì lần lượt bị loại ở các vòng đầu. Chỉ còn lại cô Hingis vào đến chung kết đụng phải cô Majoli (19 tuổi - hạng 9) người Croatia.

Trên đường vào chung kết I:

Cô Hingis đã hạ cô Nagyova (Slowakei/37) 6:0, 6:2; Cô Pizzichini (Ý/75) 3:6, 6:4, 6:1; Cô Kurnikowa (Nga/47) 6:1, 6:3; Cô Paulus (Áo/18) 6:3, 0:6, 6:0; Cô Sanchez Vicario (TBN/6) 6:2, 6:2; Cô Seles (Mỹ/4) 6:3, 7:5, 6:4.

Trên đường vào chung kết II:

Cô Majoli đã hạ cô Kleinova (Tiệp/62) 7:5, 6:4; Cô Fusai (Pháp/49) 6:2, 6:3; Cô Grossman (Mỹ/72) 6:1, 4:6, 6:1; Cô Davenport (Mỹ/5) 5:7, 6:4, 6:2; Cô Dragomir (Rom/20) 6:1, 6:1; Cô Coetzer (Nam Phi/11) 6:3, 4:6, 7:5.

Cây vợt số 1 gặp cây vợt số 9 thế giới, ai cũng nghĩ rằng cô Hingis thế nào cũng lập được thêm một thành tích nữa trong đời cầm vợt của mình, nhưng vì gặp ngay không sung sức lại bị đau bắp về nên bị cô Majoli hạ 6:4, 6:2 đoạt Cúp và một tấm ngân phiếu trị giá 960 ngàn Đức Mã! Riêng cô Hingis tuy bị thua nhưng vẫn còn giữ ngôi vị nữ vương quần vợt.

Vô Địch Đôi

Cặp G. Fernandez/Zwerewa (Mỹ/Bạch Nga) hạ cặp M.J. Fernandez/Raymond

Nam

Những tay vợt vô địch giải này trong 10 năm qua:

- 1987 - Ivan Lendl (Mỹ)
- 1988 - Mats Wilander (Thụy Điển)
- 1989 - Michael Chang (Mỹ)
- 1990 - Andres Gomez (Ecuador)
- 1991 - Jim Courier (Mỹ)
- 1992 - Jim Courier
- 1993 - Sergi Bruguera (Tây Ban Nha)
- 1994 - Sergi Bruguera
- 1995 - Thomas Muster (Áo)
- 1996 - Jewgeni Kafelnikow (Nga)

Bên nam lần này có nhiều sự bất ngờ xảy ra là những tay vợt số 1 thế giới như anh Peter Sampras, số 2 anh M. Chang, số 3 anh Kafelnikow, số 4 anh Ivanisevic và số 5 anh Muster đều lần lượt bị loại ở các vòng ngoài. Không anh nào vào được đến bán kết. Một điều ngạc nhiên và thích thú khác nữa là một cây vợt không tên tuổi, hạng 66 người Ba Tây tên Kuerten (20 tuổi) tự nhiên vung lên lần lượt hạ các cây vợt đàn anh nổi tiếng được mệnh danh là vua trên sân cát để vào đến chung kết đụng phải anh Bruguera đã hai lần vô địch.

Trên đường vào chung kết I:

Anh Gustavo Kuerten đã hạ anh Dosedel (Tiệp/hạng 73) 6:0, 7:5, 6:4; Björkman (Thụy Điển/23) 6:4, 6:2, 4:6, 7:5; Muster (Áo/5) 6:7, 6:1, 6:3, 3:6, 6:4; Medwedew (Ukraine/20) 5:7, 6:1, 6:2, 1:6, 7:5; Kafelnikow (Nga/3) 6:2, 5:7, 2:6, 6:0, 6:4; Dewulf (Bỉ/122) 6:1, 3:6, 6:1, 7:6.

Trên đường vào chung kết II:

Anh Sergi Bruguera đã hạ anh Van Herck (Bỉ/70) 6:3, 0:6, 6:2, 6:0; anh Van Scheppingen (Hòa Lan/92) 6:2, 6:3, 6:3; Norman (Bỉ/141) 6:3, 6:1 6:3; M. Chang (Mỹ/2) 3:6, 6:4, 6:3, 6:4; Arazi (Maroc/55) 4:6, 6:3, 6:2, 6:2; Rafter (Úc/25) 6:7, 6:1, 7:5, 7:6.

Anh Bruguera một cây vợt đã hai lần vô địch, đánh rất bình tĩnh, lại nhiều kinh nghiệm trên sân cát, gặp cây vợt vô danh tiểu tốt, chắc chắn phần thắng sẽ nghiêng về anh. Nhưng trên sân thường tạo ra những sự bất ngờ vượt ra ngoài qui luật và sự dự đoán của mọi người.

Vào trận Bruguera thận trọng đánh từng trái banh trong khi Kuerten thì như người điếc không sợ súng; như trâu húc-càng, không sợ thua. Vì khi ghi tên tham dự giải anh đâu có bao giờ nghĩ vào được đến chung kết (theo lời anh thổ lộ với nhà báo khi được phỏng vấn) nên dù anh có thua anh cũng mãn nguyện lắm rồi! Do đó anh không mất bình tĩnh, vì vậy mà anh đánh, trả và dứt điểm nhiều trái banh tuyệt đẹp, nhất là trái giao banh rất mạnh và chính xác. Trên cơ sở đó anh hạ Bruguera dễ dàng 3 bàn trắng là 6:3, 6:4, 6:2. Đoạt Cúp do Công chúa Anna trao và cầm nhẹ tấm ngân phiếu 1.160.000 Đức Mã! Từ hạng 66 nhảy vọt lên hạng 15 rồi 12.

Nói về đôi tu anh Kuerten. Cha mẹ anh là người Đức ở Düsseldorf, di dân sang Ba Tây trên 25 năm rồi. Anh được sanh ra và lớn lên ở Ba Tây, có song tịch, một quốc tịch Ba Tây và một cái Paß Đức. Vào khoảng gần cuối năm nay, anh sẽ có mặt trong đoàn quần vợt dưới lá quốc kỳ và

màu áo Ba Tây sang Đức để gặp đội quần vợt quốc gia Đức tranh khôi bị tuột hạng giải Davis Cup. Hãy chờ xem.



Gustavo Kuerten
vô địch French Open 97



Sergi Bruguera
hạng nhì French Open 97

GIẢI GRAND SLAM WIMBLEDON



(Từ 23.6 đến 06.7.97)

- **Thiết bị cơ sở:** Có 20 sân cỏ - Sân chính chứa 13.120 khán giả. Sân số 1 vừa làm xong chứa 11.400.
- **Loại banh:** Slazenger
- **Tiền thưởng:** Chung cho cả Nữ lẫn Nam 19.277.900 Đức Mã!

Nữ: Đơn vô địch 1.045.800 DM. Hạng nhì 522.900 DM. Bán kết 247.400DM - Tứ kết 128.300DM - Vòng 4 (Achtelfinale) 67.200DM - Vòng ba 36.500DM - Vòng hai 22.100DM - Vòng một 13.500DM.

Nam: Đơn vô địch 1.162.000DM - Hạng nhì 581.000DM - Bán kết 290.500DM - Tứ kết 151.000DM - Vòng 4 (Achtelfinale) 81.400DM - Vòng ba 47.100DM - Vòng hai 28.500DM - Vòng một 17.400DM.

Nữ: Đôi vô địch 411.600DM.

Nam: Đôi vô địch 476.100DM.

Nam+Nữ Vô địch: 202.200DM.

Số điểm:

Nữ: Vô địch 520 điểm - Hạng nhì 364 - Bán kết 234 - Tứ kết 130 - Vòng 4 (Achtelfinale) 72 - Vòng ba 44 - Vòng hai 26 - Vòng một 02!

Nam: Vô địch 750 điểm - Hạng nhì 537 - Bán kết 325 - Tứ kết 163 - Vòng 4 (Achtelfinale) 82 - Vòng ba 41 - Vòng hai 20 - Vòng một 01!

Đương kim vô địch

Nữ: Cô Steffi Graf hạ cô Arantxa Sanchez Vicario (Tây Ban Nha) với tỷ số 6:3, 7:5.

Nam: Anh Richard Krajicek (Hòa Lan) hạ anh Malivai Washington (Mỹ) với tỷ số 6:3, 6:4, 6:3.

Đôi Nữ vô địch: Cặp Martina Hingis/Helena Sukowa (Thụy Sĩ/Tiệp) hạ cặp Larisa Neiland/M.Mc. Grath (Lettland/USA) 5:7, 7:5, 6:4.

Đôi Nam vô địch: Cặp T. Woobridge/M.Woodforde (Úc) hạ cặp B. Black/G. Connell (Simbabwe/Kanada) 4:6, 6:1, 6:3, 6:2.

Rất tiếc là cô Steffi Graf đương kim vô địch không tham dự được vì bị mổ ở đầu gối. Cô nghỉ dưỡng bệnh ít nhất là 3 tháng.

Giải Wimbledon kỳ này không có sự bất ngờ gây thích thú cho khán giả như giải French Open vừa qua. Vì hai cây vợt số 1 thế giới Nam cũng như Nữ đều đoạt chức vô địch. Tuy nhiên mỗi giải đều có một hai cây vợt trẻ đang lên đầy triển vọng làm ngạc nhiên người hâm mộ.

Nữ

Có cô Anna Kurnikowa (Nga/42) mới có 15 tuổi, sanh tại California (Mỹ) là cây vợt trẻ nhất trong giải, sexy nhất và cũng được dân Hồng Mao mến mộ nhất. Cô đã lần lượt hạ những cây vợt đàn chị nhiều kinh nghiệm như cô Rubin (Mỹ/31) 6:1, 6:1 - Rittner (Đức/50) 4:6, 7:6, 6:3 - Huber (Đức/10) 3:6, 6:4, 6:4 - Sukova (Tiệp/72) 6:2, 6:2 - Majoli (Kroatien/5) 6:4, 6:3. Vào bán kết cô gặp cây vợt số 1 là Hingis (Thụy Sĩ) 16 tuổi. Ai cũng hy vọng là cô sẽ hạ Hingis để vào chung kết tạo một thành tích có một không hai trong làng banh nỉ cuối thế kỷ 20 này. Vì trong trận chung kết giải French Open vừa qua cô Hingis bị cô Majoli hạ dễ dàng với 2 bàn trắng. Trong giải này ở trận tứ kết cô Majoli lại thua cô Kurnikowa 2 bàn trắng. Do đó người ta kỳ vọng vào sự chiến thắng của Kurnikowa là đúng. Nhưng khi vào trận, cô thua cô Hingis hai bàn trắng 3:6, 2:6! Thật tréo cẳng ngồng có lẽ vì kỳ "jeu" chẳng? hay còn trẻ thiếu kinh nghiệm chiến trường lại được khán giả ủng hộ quá xá nên khóp chẳng?...

Vào chung kết cô Hingis gặp cô Novotna 28 tuổi (Tiệp/3). Tuổi tác chênh lệch nhau một giáp -12 năm. Lần này là lần thứ hai cô Novotna vào đến chung kết. Năm 1993 cô vào chung kết gặp Steffi Graf, cô bị Steffi hạ, khi nhận giải thưởng cô gục mặt vào vai Công chúa Anna khóc sướt mướt.

Lần này cô hy vọng đoạt được giải để rồi sẽ gác vợt vì tuổi đời ngày càng chông chênh. Nhưng hy vọng trở thành thất vọng mặc dù hết sức cố gắng nhưng cũng bị Hingis hạ với tỷ số 2:6, 6:3, 6:3. Tuy nhiên cầm tấm ngân phiếu 522.900DM trong tay cũng an ủi được phần nào cho một cây vợt đang về chiều.

Cô Hingis 16 tuổi, cầm tấm ngân phiếu 1.045.800DM với chiếc Cúp trong tay, cô vừa ghi thêm trong Konto trên 1 triệu Đức Mã, vừa phá kỷ lục của cô Steffi Graf đang giữ. Trước đây cô Steffi đã đoạt Cúp giải này khi 17 tuổi.

Đôi Nữ:

Cặp Gigi Fernandez/N. Zvereva. (Mỹ/Bach Nga) hạ cặp N. Arent/M. Bolegraf (Mỹ/Hòa Lan) 7:6, 6:4.

NAM

Đương kim vô địch anh Krajicek (Hòa Lan/4) bị anh Henman (Anh/14) loại ở vòng 4. Lần đầu tiên 3 cây vợt người Đức vào đến vòng tứ kết là Boris Becker, Michael Stich và Nikolas Kiefer. Nhưng Becker thì thua Sampras; Kiefer (98) thua Woodbridge (Úc/37); chỉ còn Stich thắng Henman. Nhưng vào bán kết lại thua Pioline (Pháp/44).

Vào chung kết Sampras đụng Pioline. Sampras hạ Pioline dễ dàng với tỷ số 6:4, 6:2,

6:4. Lần này là lần thứ 4 anh đoạt chức vô địch. Lần trước vào những năm 93, 94, 95 liên tiếp 3 năm liền. Tổng cộng tất cả anh đã đoạt 10 giải Grand Slam, đứng vào hàng thứ tư sau các cây vợt đàn anh như Roy Emerson (Úc/12 lần), Björn Borg (Thụy Điển/11 lần) và Rod Laver (Úc/11 lần).

Đến nay anh đã nhận được trên 45 triệu Đức Mã về tiền thưởng phá kỷ lục!

Đôi Nam:
Cặp Todd Woodbridge/M. Woodforde (Úc) hạ cặp J. Eltingh/ P. Haarhuis (Hòa Lan) 7:6, 7:6, 5:7, 6:3.



Peter Sampras (Mỹ/1) đang giơ cao chiếc Cúp lần thứ 4.

TIN GIỜ CHÓT

Sau khi thua anh Sampras trong trận tứ kết anh Boris Becker tuyên bố sẽ không tham dự bất cứ một giải Grand Slam nào trong tương lai. Lý do vì lớn tuổi đánh liên tiếp trong hai tuần và mỗi trận đến 5 ván anh không đủ sức. Anh ra đi để nhường chỗ cho các cây vợt trẻ đang lên.

Riêng anh Michael Stich sau khi thua anh

Pioline trong trận bán kết cũng tuyên bố gác vợt luôn. Thế thì trong làng banh nỉ mất đi hai kiện tướng đã một thời tung hoành trên các sân quần vợt làm say mê các người hâm mộ.

NHỮNG TẤM LÒNG VÀNG TRONG LÀNG BANH NỈ

1. Anh Peter Sampras (Mỹ) cây vợt số 1 thế giới, Huấn luyện viên của anh là Tim Gullikson đã bị ung thư chết. Để tưởng nhớ và đền đáp công ơn người thầy đã khổ công huấn luyện mình trở nên người, năm 1996, Sampras thành lập một Hội Bác Ái mang tên "TIM GULLIKSON" để giúp đỡ những người bị ung thư. Anh hứa là từ nay cho đến khi giải nghệ, trong mỗi trận đấu, mỗi cú giao banh AS của anh, anh sẽ để ra 200 đô-la gây quỹ cho Hội (có trận anh đánh đến 25 cái AS - tức 5.000 đô-la). Đây là một nghĩa cử hết sức cao đẹp. Đông và Tây gặp nhau ở chỗ này. Vì tục ngữ Việt Nam có câu: "Không thầy đố mày làm nên", cũng như hai câu ca dao sau đây xác nhận điều này:

"Mấy ai là kẻ không thầy

Thế gian thường nói: đố mày làm nên"

Vậy mỗi lần Sampras ra trận, chúng ta mong cho anh đánh nhiều cú AS để quỹ có thêm tiền hầu có phương tiện giúp đỡ những người bất hạnh.

2. Anh Boris Becker (Đức) thì bảo trợ Làng Cô Nhi ở Rumania

3. Anh Michael Stich (Đức) thành lập Hội Bác Ái giúp đỡ trẻ em bị ung thư xương, máu v.v...

4. Anh André Agassi (Mỹ) thì mỗi năm để ra cả triệu Mỹ kim giúp đỡ trẻ em nghèo.

và còn nhiều người khác nữa đã và đang âm thầm làm những nghĩa cử cao đẹp mà ta không biết.



Cô Martina Hingis - Thụy Sĩ - 16 tuổi - cây vợt trẻ nhất từ trước tới giờ đoạt Cúp Wimbledon.

MƯỜI CÂY VỢ ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI (CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN 14.7.97)

Nữ

1. M. Hingis (Thụy Sĩ) 5778 điểm
2. J. Novotna (Tiệp) 3559
3. M. Seles (Mỹ) 3181
4. I. Majoli (Kroatien) 3165
5. S. Graf (Đức) 2680
6. A. Coetzer (Nam Phi) 2545
7. L. Davenport (Mỹ) 2437
8. A. Sanchez (TBNha) 2436
9. A. Huber (Đức) 2256
10. M. Pierce (Pháp) 2201

Nam

1. P. Sampras (Mỹ) 5388 điểm
2. M. Chang (Mỹ) 3768
3. G. Ivanisevic (Kroatien) 2788
4. T. Muster (Áo) 2724
5. J. Kafelnikov (Nga) 2436
6. A. Corretja (TBNha) 2208
7. S. Bruguera (TBNha) 2176
8. T. Enqvist (Thụy Điển) 2148
9. M. Rios (Chilê) 2143
10. C. Moya (TBNha) 2085

QUYỀN ANH (Box)

Trận đấu võ quyền anh đêm 28.6.97 giữa hai võ sĩ da đen hạng nặng tại Las Vegas (Mỹ) được đánh giá là có một không hai trong lịch sử đấm đá có bản quyền của thế kỷ.

Bắt đầu từ anh Mike Tyson (31 tuổi) võ sĩ hạng nặng thách võ sĩ Evander Holyfield (34 tuổi) so găng trong một trận đấu phục thù. Vì trước đó vào tháng 11.96 Tyson bị Holyfield cho đo ván (K.O) trong một trận đấu vô địch thế giới. Lần thách đấu này do hai ông bầu của hai võ sĩ cùng Tổng Cuộc Quyền Anh thế giới sắp xếp. Tổng cộng tiền thâu vào và chi ra lên đến trên 150 triệu Mỹ kim. Phá kỷ lục.

Rất tiếc là tại Đức chỉ có đài TV Premiere độc quyền trực tiếp truyền hình trận đấu, nên chỉ có ai đóng tiền cho đài Premiere mới xem được.

Sơ lược trận đấu

Hiệp I

Đây là trận phục thù theo đúng nghĩa của nó, vì chưa chạm găng mà hai đấu thủ nhìn nhau như ăn tuổi nuốt sống nhau. Do đó trọng tài mỗi nhắc lại cho hai bên biết vài điều lệ quan trọng trong trận đấu. Tiếng còi vừa ngân lên bắt đầu hiệp I, chưa đầy 10 giây Holyfield đã đánh một cú như trời giáng bằng tay trái vào má phải của Tyson. Bị cú móc này Tyson tá hỏa tam tinh, mất đi một phần sinh lực, xoay trở kém phần linh động nên bị Holyfield tấn công tới tấp để giành lấy thế thượng phong.



Hiệp I. Holyfield đánh một cú móc nẩy lửa vào má phải của Tyson.

Hiệp II

Hai bên đánh qua trả lại và tránh đòn nhau, nhưng phần thắng nghiêng hẳn về phía Holyfield. Còn 40 giây sắp hết hiệp II, Holyfield đánh một cú móc nữa vào cạnh mắt phải của Tyson, làm anh bị trầy ở má mấy đường và bị thương ở mí mắt, máu chảy đầy mặt. Tyson khiếu nại, trọng tài cho tạm ngừng trận đấu để bác sĩ xem và chữa vết thương. Tiếp tục trận đấu, Tyson vùng lên như con hổ bị tên, nhưng không làm được trò trống gì, mà chỉ lo đỡ những quả đấm nẩy lửa của Holyfield.

Hiệp III

Sang hiệp III, như con chó điên, Tyson lợi dụng hai bên xáp nhau, anh liền cắn đứt một phần phía trên vành tai bên phải của Holyfield,

phun xuống khán đài (miếng vành tai này được một người làm lượm được trao cho Bác sĩ để may lại). Holyfield đau quá la lên, máu chảy ứ đọng một bên mắt. Sự việc xảy ra quá bất ngờ, không ai lường trước được. Trọng tài cho tạm ngừng trận đấu để Bác sĩ xem vết thương và xúc thuốc. Sau khoảng 4 phút gián đoạn Bác sĩ cho tiếp tục và trọng tài lại cảnh cáo Tyson. Nhưng tánh nào tật nấy, lần này anh định tấp luôn vành tai trái của Holyfield; trọng tài quyết định cho ngừng trận đấu và loại



Hiệp 3: Tyson cắn đứt một phần lỗ tai của Holyfield

Tyson vì thiếu tư cách và vi phạm luật. Tiếp theo là một cuộc ẩu đả hỗn loạn giữa hai phe, bàn ghế bay tứ tung. Cảnh sát phải can thiệp, Tyson nổi máu điên lên đánh luôn cả Cảnh sát. Cuối cùng Cảnh sát phải áp giải và bảo vệ Tyson rời khỏi đấu trường vì sợ bị hành hung.

Qua sự việc trên người ta phỏng đoán Tyson có thể sẽ bị một, hai hay nhiều hình phạt như sau:

1. Bị tù trở lại vì hành hung Cảnh sát.
2. Bị phạt một số tiền ít lắm trên một triệu đô-la, và bị treo găng một thời gian.
3. Bị phạt treo găng vĩnh viễn.



Vành tai của Holyfield bị cắn đứt mất đi một miếng.



Miếng vành tai nằm trên sàn

4. Đeo vào miệng một cái khớp, như khớp mỏ chó để khỏi cắn được.
5. Bị đưa vào bệnh viện tâm thần.

Hãy chờ xem quyết định của Tổng Cuộc Quyền Anh thế giới. Sau đây cũng nên biết thêm về đời tư của Tyson để mỗi người có một quan niệm khác nhau về thương hay ghét anh.

Tyson được sanh ra và lớn lên trong một khu phố ổ chuột, bẩn thỉu, nghèo nàn, không tình thương, sống bằng bạo lực dành cho người da đen tại Brooklyn, New York. Cha anh làm nghề nuôi gáị mại dâm, má anh nghiện rượu nặng. Mỗi 13 tuổi anh đã bị bắt giam 37 lần! Sống trong môi trường như vậy, lòng hận thù xã hội, người chung quanh đã đưa đẩy anh chọn nghề đấm đá. Từ một tên võ sĩ tầm thường anh trở thành một võ sĩ hạng nặng vô địch thế giới trẻ tuổi nhất từ trước tới nay. Thiếu tình thương và mất giáo dục từ căn bản, nay có tiền anh làm chuyện bất lương, lỗi đó tại ai? tại gia đình?, tại xã hội? hay tại chính quyền?

Tyson thích đánh đập đàn bà, hãm hiếp một cô hoa hậu da đen năm 1992 bị tòa phạt 6 năm tù ở. Nhưng anh chỉ ở có 3 năm, đến 25.3.95 anh được thả ra nhờ biết chịu ép mình dưới kỷ luật của nhà tù.

Ra tù xong anh trở lại nghề cũ, cắn đứt vành tai đối thủ để nửa hạn. Nhưng rửa hận gì mới được chớ, hận đối thủ? hận đời? hận xã hội? hay hận vì mình là người da đen?... chỉ có chính anh mới trả lời được mà thôi!



PHAN NGỌC

☐ HOA KỲ

Một vài tập quán xem như lỗi thời (?) có một đời sống bền lâu dai dẳng. Ví dụ: quy tắc nghiêm túc xử thế là một trong những tập tục này. Chiến dịch tố cáo và kết tội những mối tình lãng nhãng trong hàng ngũ quân đội cũng như những nỗi đắng cay về mặt pháp lý của Tổng Thống Clinton nổi danh vì tính chim chuột có thể ví như bằng chứng phong hóa vẫn còn cứng nhắc ở Mỹ, nơi mà những chuyện tiểu lâm trở thành mục tiêu của những người chủ trương tư cách phải luôn luôn đứng đắn. Điều này có đúng không?

Nếu nhìn kỹ có thể nhận thấy dư luận Mỹ có vẻ khoan hồng trước những mối tình chốc lát ấy. Liên quan đến đời sống riêng tư và đời sống công cộng, người ta ghi nhận tập quán Mỹ đang thay đổi sâu rộng.

Gần đây, sự kiện phụ nữ Mỹ ngày càng chiếm địa vị quan trọng trong nghề nghiệp, trong xã hội, nhất là trong quân đội đã gây nhiều rối rắm cho một hệ thống mà những tiêu chuẩn đặt ra đều dành riêng cho nam giới. Những vụ lộn xộn hiện tại đều thuộc phạm vi va chạm giữa luật chơi của phái nam với những đòi hỏi nam nữ ngang bằng của lớp người chơi mới là phái nữ hơn là thuộc phạm vi một xã hội bảo thủ về mặt đạo đức. Trong quân đội, một thiết chế bảo thủ nhất, sự va chạm với xã hội đang tiến hóa thật cực mạnh.

Nếu mang tiêu chuẩn đánh giá nêu trên áp dụng vào những vụ tình cảm phòng the đang khuấy động nước Mỹ thì những vụ này phối bày một ý nghĩa khác. Ví dụ thứ nhất: Một sĩ quan cao cấp xuất sắc, dũng cảm, Tướng không quân Joseph Ralston được chọn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Tham mưu Liên quân cuối cùng phải rút đơn ứng cử, vì liên hệ tình cảm với một nữ nhân viên dân sự sau khi ly dị với vợ. Thì hồng vì ngoại tình hay vì thế thức trường thì quá khổt khe?



Thật sự, việc bổ nhiệm sẽ thông qua dễ dàng nếu hai tuần trước Ngũ Giác Đài không hy sinh trên bàn thờ kỷ luật, danh dự Trung úy không quân Kelly Flinn, nữ phi công đầu tiên lái B52, vì tội yêu một người có vợ. Ủy ban Quốc phòng Hạ Viện không phê chuẩn Tướng Ralston không phải vì ông "ăn vụng" nhưng là vì trên thang cấp bậc quân sự, có hai biện pháp đối xử khác nhau tùy theo người phạm lỗi là đàn ông hay đàn bà, có cấp bậc cao hay thấp, có hay không có quen biết.

Vụ Trung úy Flinn còn nêu lên một khía cạnh khác. Phải chăng giới lãnh đạo quân sự tỏ ra quá dè dặt trong việc chấp thuận nữ giới đảm nhận chức vụ chỉ huy? Một sự dè dặt thể hiện sau các tai nạn bi thảm như sau cái chết của nữ Đại úy Klara Hult Green trong lúc thi hành không vụ trên phi cơ F14. Một chiến dịch bôi nhọ đặt nghi vấn về khả năng nghề nghiệp của nữ Đại úy. Hoặc như vào năm 1996, nữ Trung tá không quân Karen Tew tự sát năm ngày sau khi bị quân đội sa thải vì yêu một anh Binh nhì.

Theo các cuộc thăm dò dư luận, đa số dân Mỹ khẳng định nên xóa bỏ danh từ ngoại tình trong bộ luật quân sự. Người ta đua nhau kể trường hợp Tổng Thống Einsenhower vừa yêu nữ thư ký riêng vừa chu toàn nhiệm vụ Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh và Tổng Thống. Thế nhưng mấy lúc gần đây, Tòa án Quân sự nhiều lần kết án các vụ ngoại tình nhất là trong giới Binh nhì? Không phải vì ngoại tình đạt tỷ lệ cao đến nỗi người ta phải hô hào các tân binh nên "chăm lo luyện tập để đánh giặc chứ không nên vào quân ngũ để yêu thương", nhưng là vì phụ nữ gia nhập quân đội khá cao (15%). Do đó, khung lãnh đạo đứng trước một bài toán khá khó búa: hiếp dâm và "quần rầy tinh dục" thường hay xảy ra.

Ví dụ thứ nhì: Khi một phụ nữ trẻ đẹp Paula Jones tố cáo Tổng Thống Clinton khêu gợi sắc dục đối với cô, Tổng Thống không có quyền chờ hết nhiệm kỳ để trả lời trước pháp luật về sự tố cáo này theo quyết định của Tòa án tối cao? Liên quan đến vụ gay gắt này, tâm lý dân Mỹ thay đổi khá nhiều. Bởi hai lần dân Mỹ đã tin tưởng một Tổng Thống không cần che giấu sự yếu đuối chồng vợ của mình. Tai tiếng của một trong những cộng sự thân cận của Tổng Thống là Dick Morris sa vào bẫy của một cô gái giang hồ trong thời gian tranh cử Dân Biểu cũng không ảnh hưởng gì đến sự đắc cử của ông.

Hiện nay, dư luận Mỹ phân biệt rất rõ ràng: 72% nghĩ có vấn đề giữa Bill Clinton và Paula Jones, nhưng 58% cho điểm tốt Tổng Thống trong nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia.

Giữa lúc lộn xộn như thế này, có quan ngôn luận Mỹ hướng về những nước khác (Việt Nam, Pháp chẳng hạn) xem những nước ấy làm ăn như thế nào, về những nơi mà đám tang Lãnh tụ hoặc Tổng Thống là dịp tập hợp gia đình, gia đình theo nghĩa rộng của nó.

☐ ÂU CHÂU

• ĐỨC

Dường như thất nghiệp đang gây xôn xao trên toàn cõi nước Đức. Một dấu hiệu tiêu cực: Chính Thủ Tướng Helmut Kohl cũng không còn tin tưởng vào "khúc quanh nhanh chóng tốt đẹp" trên thị trường lao động trong lúc mà vào năm 1996 ông cam đoan sẽ giảm 1/2 số người thất nghiệp từ đây đến năm 2000. Mức thất nghiệp vượt kỷ lục. Một tình hình chưa từng có sau chiến tranh và viễn ảnh chưa có dấu hiệu nào sáng sủa. Sách lược dựa vào xuất cảng để phục hồi nền kinh tế không mang lại kết quả mong muốn. Bonn chỉ trông mong vào con số thất nghiệp trung bình cho năm 1997 là 4,25 triệu và hy vọng thất nghiệp đứng tăng nữa. Một vài dấu hiệu khác đáng lo ngại: thất nghiệp dài hạn trở nên thông thường, chỗ học nghề giảm trong lúc đơn xin gia tăng, nghèo đói phát triển cho dù còn kín đáo hơn ở các nơi khác.

Tình hình thất nghiệp sâu rộng đang gây nhiều cuộc tranh luận trong các tầng lớp xã hội. Giới trẻ đặt thất nghiệp lên trên bảo vệ môi trường sống. Một vài nhà lãnh đạo nghiệp đoàn đánh giá bản tổng kết việc làm của Chính phủ như một khánh tận về mặt xã hội. Giáo hội Công Giáo, Tin Lành từng điều hành phần lớn các dịch vụ điều hòa xã hội nêu lên nguy hiểm có thể gặp nếu tình thế này kéo dài. Ưu tiên của những ưu tiên là làm thế nào để chống đỡ tai nạn trong một quốc gia đã tin tưởng từ lâu tránh né được hiện tượng thất nghiệp.

Chính thức, mục tiêu là giảm thiểu thất nghiệp trước khi bước vào thế kỷ 21. Nhưng bằng cách nào? Chính phủ bắt đầu áp dụng một vài biện pháp nhằm giảm nhẹ guồng máy kinh tế như giảm phụ cấp thời gian bệnh, thủ tục sa thải công nhân dễ dàng hơn, quy mô hơn. Bonn vừa cải tổ hệ thống y tế: vé thuốc điều hòa tăng 8 Đức Mã, viện phí tăng từ 12 đến 17 Đức Mã cho mỗi ngày, tiền xử dụng xe cứu thương tăng, giá sản

sóc điều trị răng tăng. Từ đây, người bệnh phải gánh lấy 70% chi phí điều trị.

Nói chung, vấn đề việc làm gợi lên nhiều quan điểm tương phản. Một số người muốn noi theo đường lối tự do kiểu Mỹ. Một số khác muốn tiếp tục bảo vệ mạng lưới xã hội hiện có, đặt ưu tiên trên sự phân chia việc làm sao cho hữu hiệu hơn. IG Metall đề nghị 32 giờ lao động cho mỗi tuần. Hơn cả bài toán việc làm, tình hình tài chính liên bang đang gây cuộc khủng hoảng trầm trọng giữa các đảng phái đang cầm quyền, ảnh hưởng đến uy tín, tín nhiệm và đoàn kết nội bộ. Từ lúc dự đoán thuế thất thu khá nhiều cho thời gian 1997 - 2001 (riêng cho năm 1997, thất thu lên đến 9,1 tỷ Đức Mã), chính phủ chật vật tìm phương cách củng cố ngân sách quốc gia, gây nên cuộc xung đột dữ dội với Ngân hàng Trung ương. Ngân hàng chống Bộ Tài Chánh định lại giá số dự trữ vàng và ngoại tệ nhằm cân bằng cán cân chi tiêu (chỉ cho số thất nghiệp 21 tỷ Đức Mã), trả nợ do Cộng Hòa Dân Chủ Đức để lại, giúp Liên Bang gia nhập hệ thống tiền tệ Âu Châu thống nhất. Trước mắt, chính phủ dự trữ vay thêm 71,2 tỷ Đức Mã, số còn lại nhờ vào các bài thuốc khác như bán cổ phần Deutsche Telekom AG lời 9,9 tỷ Đức Mã để lấp lỗ trống thiếu hụt 110 tỷ Đức Mã. Bonn chưa đặt vấn đề cắt xén ngân sách bảo vệ xã hội hoặc tăng thuế vì cuộc bầu cử mùa thu 1998.

• BOSNIE

Ngày 10.7, quốc tế công khai thay đổi đường lối trước các tội phạm chiến tranh qua việc truy bắt hai kẻ có trách nhiệm diệt chủng năm 1992 tại Pritedor: Cựu chỉ huy lực lượng cảnh sát Simo Drijaca (chết trong lúc kháng cự), và cựu Thị trưởng Milan-Kovacevic (được giải giao cho Tòa án quốc tế La Haye xét xử).

Đã quá lâu, quốc tế không làm gì thiết thực. Đã quá lâu, lực lượng duy trì hòa bình ở Bosnie (SFOR) nhất là quân đội Mỹ, Anh, Pháp ngoảnh mặt đi nơi khác lúc họ gặp một vài tội phạm đang bị Tòa án quốc tế truy nã. Đã quá lâu, các thủ lãnh lớn nhỏ chủ trương thanh lọc chủng tộc, đàn áp quy mô nhân dân cựu Liên Bang Nam Tư có cảm tưởng như họ không có điều gì phải sợ trước cộng đồng nhân loại. Đã quá lâu, họ ngủ một giấc ngủ ngon lành.

Bây giờ, Hoa Thịnh Đốn, Luân Đôn, Ba Lê quyết định thay đổi chiến lược, quấy rầy giấc ngủ của 78 tội phạm. Đây là phương pháp tốt nhất? Người ta nghĩ cuộc truy bắt ngày 10.7 trước sau chỉ là phương cách kết toán 1 năm 6 tháng thất bại kể từ khi Hiệp Ước Dayton ra đời. Cho đến ngày hôm nay, quốc tế chủ trương đường lối giao cho Belgrade, Zagreb nhiệm vụ bắt giữ và chuyển giao tội phạm cho Tòa án. Belgrade, Zagreb án binh bất động như người ta chờ đợi. Những kẻ phi nhử dân quyền độc hại nhất tại Âu Châu sau năm 1945 không bao giờ lo sợ. Từ một năm nay, những kẻ này đã thành công phá hoại Hiệp ước Hòa bình, nhằm vào mục tiêu chia xẻ lãnh thổ Bosnie. Mưu toan này chắc chắn sẽ dẫn đến một cuộc chiến tranh mới khi quân đội NATO rút lui. Bởi Quốc hội Mỹ đòi hỏi quân Mỹ phải về nước vào mùa Xuân 1998 và quân Anh, Pháp sẽ nối gót theo sau, viễn ảnh chiến tranh ngày càng tiến đến gần.

Vì lẽ đó, quốc tế bắt buộc phải có chiến lược mới đối với những kẻ bẻ gãy hòa bình. Cuộc hành quân nêu trên trước nhất là hướng về Karadzic đang hoạt động trong bóng tối như một cánh cáo nên giữ gìn ý tứ hơn là phô diễn ý chí bắt hết các tội phạm chiến tranh nhất là các tội phạm đầu sỏ. Một hành động có tầm ảnh hưởng giới hạn.

□ LIÊN HIỆP QUỐC

Trong lúc một vài nhà lãnh đạo các nước hiện đại tiên tiến ca tụng tự do làm kinh tế, ca khúc khải hoàn nhíp nhàng tiến bước hướng về thế kỷ 21, vẫn phòng đặc trách chương trình mở mang thuộc Liên Hiệp Quốc đưa ra bản đúc kết không mấy chi tiết đẹp. Thống kê cho biết trên thế giới của những kẻ hào của, có 1,3 tỷ người sống nghèo đói cực độ. Theo bản vị Mỹ kim, vì phải đo lường như thế, mỗi ngày, mỗi người chỉ sống với một số tiền dưới 1 Mỹ kim. Thế giới thứ 4, mặt trái của nhân loại.

Một bản tổng kết khó phủ nhận. Theo các tác giả, tình trạng này là một điều xấu hổ, là hậu quả của một chính sách do các nhà lãnh đạo

các cường quốc thực hiện. Tình trạng bi đát ăn khớp với điều gọi là sự thế giới hóa nền kinh tế tài chánh không bản đồ, không địa bàn. Bởi trên một thế giới càng ngày càng giàu (sản phẩm toàn cầu trị giá 25.000 tỷ Mỹ kim), khối dân nghèo càng ngày càng nghèo thêm. 20% dân nghèo rần chia được 1,1% lợi tức thế giới so với 2,3% năm 1960. Đánh giá cách khác, cách biệt giàu nghèo ngày càng xa rộng hơn, từ sĩ số 30/1 (1960) lên đến 78/1.

Điều phi lý này, thu gọn tiền của bao nhiêu để sản xuất thì nghèo đói bấy nhiêu, gây ảnh hưởng không nhỏ đến các vùng nghèo đói truyền thống, cùng khắp ở Phi Châu, thông thường ở Á Châu hoặc Mỹ La Tinh, Đông Âu và Nga, ngay cả các nước giàu cũng đang sản xuất "người dân với 1 Mỹ kim".

Người nghèo giữa những người giàu nay lên đến 100 triệu. Tại cựu Liên Xô, Đông Âu, trong vòng 5 năm từ 1988 đến 1994, nghèo đói tăng 7 lần, 150 triệu dân sống bần cùng.

Có thể kể ra hàng loạt con số thống kê về suy dinh dưỡng, về tình trạng sức khỏe, giáo dục, khai thác sức lao động của kẻ nghèo hèn. Chưa kể đến hàng triệu người chết đói, chết vì đói, chết không bằng súc vật. Người ta có thể bảo rằng bao giờ cũng có kẻ to tức bụng, có kẻ đói meo, không nên vì thế mà la ãm lên. Người ta làm chẳng? Vì không có cách nào để quên mất sự tương phản khó hiểu giữa lòng tự mãn của cái bụng đầy và sự đau khổ của cái bụng rỗng, trong lúc sự hiện đại hóa truyền đi hình ảnh, tin tức trong nháy mắt, sản xuất không biết bao nhiêu người máy, gia tăng tuổi thọ, ngược lại thiếu khả năng nuôi sống đầy đủ 1,3 tỷ người.

Người ta gia tăng sản xuất thực phẩm, ca ngợi những món ăn ngon, cầu kỳ. Nhưng người ta không chịu phân chia thức ăn để không ai chết vì đói, một đòi hỏi tối thiểu. Bởi thế giới giàu sang hơn bao giờ hết cùng lúc người nghèo nghèo hơn bao giờ hết. Mọi người đều biết nhưng mọi người thừa ăn đều quên. Chưa có phương thuốc nào để điều trị tình trạng này trong vòng một tháng, một năm. Nhưng không có định mệnh khắt khe nào xô đẩy vĩnh viễn người đói ăn xuống địa ngục. Vấn đề không phải là ở thời đại nào cũng có những cái bụng đói phải đứng xa các bàn tiệc thịnh soạn, các cuộc chè chén. Nhưng hiện giờ, những bụng xẹp càng ngày càng đông trong lúc khoa học kỹ thuật cho phép nghĩ rằng những bụng lép chỉ là những kỷ niệm quái ác xưa cổ. 1,3 tỷ người không biết vui sống là gì. Chắc khó khăn lắm mới nghĩ ra được điều ấy.

□ CẬN ĐÔNG

• IRAN

Đoạt giải thưởng của xã hội dân sự chắc chắn là một vinh dự nhưng khó mà tìm được an nhàn. Bởi điều này kết tinh quanh người đoạt giải quá nhiều hy vọng cho đến nỗi một thất bại dù còn con đến đâu cũng có thể trở nên nghiêm trọng, nếu không muốn nói là nhiệm vụ của Tổng Thống đặc cử, Mohamad Khatami rất khó khăn, càng khó khăn hơn vì các đối thủ của ông sẽ không dung tha ông.

Một làn sóng ngầm đã ủng hộ Khatami đặc cử. Nhưng thang yêu sách rất cao và rất đa dạng, từ sự cải thiện đời sống đến sự giải phóng tập quán cổ truyền không còn hợp thời ngang qua sự cải tổ kinh tế, chống tham nhũng, tôn trọng nhân quyền, đa đảng v.v...

Về phần các phe cánh ủng hộ ông, một bên cánh Hồi Giáo cực đoan, một bên cánh tân thời, sự liên kết giống như sự thông đồng "khách quan" giai đoạn vì bất mãn chế độ hơn là sự đoàn kết giữa hai lực lượng do luật quy định như đã thấy ở các nước theo chế độ đa đảng. Iran ngăn cấm các đảng phái hoạt động. Ngoài ra, Tổng Thống đặc cử còn được lòng một vài lãnh tụ tôn giáo, chủ trương không nên lẫn lộn đạo với đời, tôn giáo với chính trị... và có thể giới Tăng lữ hạ tầng sẽ trợ lực ông vì ông thuộc dòng dõi Đấng Tối Cao Tiên Tri.

Bảo rằng Khatami có thể là Gorbatchew thứ hai không phải quá đáng nhưng với một điều khác biệt: Ông được lòng dân, Gorbatchew thì không. Cũng như vị Tổng Bí Thư cuối cùng đảng cộng sản Liên Xô, ông xuất thân từ một hệ thống chính trị sẵn có. Ông là nhà tu hành, con một nhà tu hành, theo quan điểm "tôn trọng dân quyền do Hiến Pháp Cộng

Hòa Hồi Giáo quy định". Nói cách khác, chỉ lạm dụng mới đi đến sa lầy, do đó "phải cải tổ cho hợp thời".

Vậy thì ông có thể thành công trong công việc cụ thể hóa nguyện vọng của dân Iran không? Như kiến tạo một hệ thống chính trị "lý tưởng" theo đó Iran sẽ "trở thành một quốc gia theo chủ nghĩa dân tộc" cời mở với các nền văn minh quốc tế, tôn trọng nền văn hóa Hồi Giáo dân gian. Có thể lắm vì ông là người đầu tiên kết hợp 3 yếu tố này. Dù thế nào đi nữa, ông sẽ tạo dựng "một xã hội pháp quyền, liên kết các tầng lớp xã hội đoàn kết trước các thế độc đoán, hệ thống hóa các quyền tự do căn bản". Nhưng ông sẽ gặp khó khăn trừ phi những kẻ thua cuộc nhận thấy nơi ông là thuyền trưởng có thể cứu vớt con thuyền quốc gia sắp đắm.

Tuy nhiên, đối thủ ông đã cảnh cáo: "trước nhất phải làm vừa lòng Đấng Tối Cao, thủ đến phải quý trọng tập đoàn lãnh đạo tinh thần hiện tại, sau cùng mới đến lượt củ tri". Ông lật ngược thế cờ báo thù cục đoàn được không? Và nếu ông thành công, ông sẽ chấm dứt sự nghiệp chính trị như Gorbachew không? Có nghĩa là ông không đủ khả năng chặn đứng đà tiến hóa xã hội hoặc ông phải thỏa hiệp với đối thủ. Và nếu ông rơi vào trường hợp thứ hai ông sẽ mất hết tin nhiệm của những người đặt ông ngồi trên quyền hành.

□ BẮC PHI

• ALGERIE

Sau cuộc tổng tuyển cử, (5.6) chế độ quân sự Algeria chắc yên tâm. Cộng với 155 ghế của Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia (FLN) thân chính quyền, đảng Liên Hiệp Dân Chủ (RND) của Tổng Thống Zeroual Liamine đạt đa số tuyệt đối (219/380 ghế). Phong trào Hòa Bình (Hồi Giáo ôn hòa) đạt 69 ghế, Phong trào Hồi Giáo chính thống (bảo thủ) 34 ghế. Tỷ lệ cử tri đi bầu 34,5%. Các quan sát viên quốc tế, Liên Hiệp Quốc ghi nhận nhiều điều bất thường xảy ra trong ngày bỏ phiếu: Thùng phiếu dành riêng cho quân nhân và nhân viên công lực, một số quan sát viên không được phép vào một số địa điểm đầu phiếu để kiểm soát.

Do đó, người ta đưa ra nhiều nghi vấn. Kết quả bầu cử có thể hiện đúng mức nguyện vọng của cử tri hay không? Làm thế nào để tin tưởng vào một đảng phái, đảng của Tổng Thống vừa mới thành lập hơn 3 tháng. Không thể tìm đâu ra được một thông điệp chính trị để truyền đi, với một thủ lãnh không có tài hùng biện lại chiếm gần 1/3 số phiếu? Làm sao buộc người dân phải chấp nhận sự kiện ứng cử viên tôn giáo ôn hòa trong cuộc bầu cử Tổng Thống 1996 đạt gần 3 triệu phiếu nay chỉ đạt 1/2 số phiếu một năm sáu tháng sau. Trong lúc cuộc vận động của ông thu hút đám đông rất lớn? Làm sao giải thích tại sao cử tri tẩy chay cuộc bầu cử lần này nhưng đông đảo tham gia cuộc trưng cầu dân ý về Hiến Pháp 6 tháng trước?

Algerie còn đứng bên lề đường dân chủ. Chế độ do quân đội kiểm soát cương quyết lật qua trang sử Phong trào Hồi Giáo cứu quốc (FIS) bằng bạo lực. Muốn đánh lừa quốc tế, chế độ tổ chức liên tục các cuộc đầu phiếu. Những kết quả các cuộc bầu cử nào, bầu cử Tổng Thống, trưng cầu dân ý Hiến Pháp đều bị các đảng đối lập bác bỏ. Gian lận đã làm hoen ố cuộc bầu cử ngày 5 tháng 6, càng tăng thêm nghi ngờ một vài tháng trước ngày bầu cử hội đồng tỉnh, giai đoạn cuối cùng của điều gọi là "sự bình thường hóa" do Tổng Thống nhạc trưởng điều khiển.

Đặc cử Tổng Thống trên lời hứa mang lại hòa bình, Tướng Zeroual đã mất lòng tin của dân Algeria quá mệt mỏi đang mong ước một đời sống bình thường, dù theo đạo hay theo đời.

□ VIỄN ĐÔNG

• NHẬT - NGA

Lần đầu tiên kể từ năm 1994, chiến hạm Nga Vinogradov đến neo tại cảng Đông Kinh. Cuộc viếng thăm xã giao này chứng tỏ Nga - Nhật hâm nóng lại bang giao từ lâu nguội lạnh.

Tại cuộc họp thượng đỉnh Denver 7 nước giàu nhất thế giới ở Denver Colorado (20-22.6) và trong cuộc thảo luận riêng với Thủ Tướng Nhật

Ryutaro Hashimoto, Tổng Thống Nga quyết định Nga không hướng hòa tiền về phía Nhật nữa, và đề nghị hai nước thiết lập quan hệ chiến lược theo kiểu mẫu Nga - Trung Quốc. Trong khuôn khổ hợp tác quân sự, Nhật dự trữ mua phi cơ chiến đấu Nga. Hai vị nguyên thủ đồng ý trên nguyên tắc mỗi năm gặp nhau một lần. Lần đầu tiên Tổng Thống Nga hứa hẹn ủng hộ Nhật gia nhập Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Cho dù đôi bên còn tranh chấp quần đảo Kouriles (Liên Xô chiếm 4 hòn đảo ở phía Nam từ 8.1945), cho dù vụ chuyển hướng nhắm hòa tiền chưa có tầm quan trọng thực tiễn nào, Đông Kinh vẫn tiến đến cuộc "đối thoại xây dựng" với Mạc Tư Khoa. Sự có mặt Nga tại Denver chứng tỏ Nga là một phần tử đáng kể trong công cuộc tìm kiếm cân bằng cho thế giới.

Sức mạnh đang lên của Trung Quốc thúc đẩy Nhật tăng cường hợp tác với Nga. Dưới mắt điện Cẩm Linh, sau khi ổn định giao thiệp với NATO và Trung Quốc, Nhật còn là bài toán cần phải giải quyết. Nga - Nhật chưa ký kết hiệp ước hòa bình.

Theo truyền thống, Nhật không bao giờ tin tưởng Nga. Việc Staline xua quân chiếm Kouriles sau vụ dội bom Hiroshima dù đôi bên đã ký hiệp ước hữu nghị và số phận 50.000 quân Nhật ở Tây Bá Lợi Á còn để lại tỷ vết. Vì thực tiễn, không vì nhiệt tình, Nhật xem Nga là người chửi bạc không thể coi thường.

Riêng Boris Eltsine ước tính tương quan lực lượng đang nghiêng về phía Nga và dù có thái độ hòa hoãn, ông không chịu nhượng bộ Nhật về quần đảo Kouriles. Dù sao Nga - Nhật đang xúc tiến mạnh việc giao thương với nhau và trong năm 1997, sự buôn bán đạt đến con số 6 tỷ Mỹ kim.

• NAM DƯƠNG

Mọi việc đều do Tổng Thống Shuharto, 75 tuổi, xếp đặt trước. Dù bạo lực xảy ra trong thời gian tranh cử cũng như nhiều vụ mở ám được ghi nhận trong ngày bầu cử (29.5), đảng Golkar đang nắm quyền thắng đậm với 74% số phiếu. Theo Hiến Pháp Nam Dương, Quốc Hội sẽ bỏ phiếu chỉ định Tổng Thống. Như thế, Shuharto có thể giữ chức vụ thêm nhiệm kỳ 7 năm nếu ông muốn.

Tuy nhiên, dưới mắt các nhà bình luận quốc tế, Nam Dương đang trải qua thời kỳ bất ổn. Sau 3 thập niên phát triển cao (mỗi năm 7%), không ai muốn tòa lâu đài rạn nứt. Dù không được phép ứng cử, gương mặt đối lập sáng chói, bà Megawati Sukarnoputri cũng không đòi hỏi cải tổ hệ thống chính trị cứng nhắc từng ngăn cấm khối dân đứng bên lề phát triển đặt yêu sách. Thái độ ôn hòa của bà được giới thượng lưu đặc biệt hoan nghênh. Sự thỏa hiệp rộng rãi này, ngay cả trong hàng ngũ quân đội có lý do của nó.

Sau khi đảng Dân Chủ Nam Dương do bà lãnh đạo tan rã dưới áp lực của Tổng Thống, sự tranh chấp giữa hai đảng Golkar và đảng Mờ mang Thống Nhất (Hồi Giáo) chỉ là bề ngoài của vấn đề. Đảng Thống Nhất thành công lôi kéo về phía mình những phần tử bất mãn chế độ. Tuy nhiên không thể xác nhận đảng này có phải là tiếng nói của quyền đạo trước quyền thế tục hay không. Nếu như phong trào Hồi Giáo là một sự kiện không thể chối cãi, thì những năm gần đây, dân theo đảng Hồi thường bỏ phiếu cho đảng cầm quyền. Phong trào Hồi Giáo không muốn đột giai đoạn?

Bạo động từ mấy tháng qua, bạo lực trong thời gian bầu cử chỉ là biểu hiện thái độ của giới trẻ đang bị phát triển bỏ rơi. Đối với họ, biểu tượng của quyền hành là các nha cảnh sát, và nhóm thiểu số Hoa kiều đang nắm huyết mạch kinh tế. Liên quan đến vấn đề này, chứng trình tranh cử của đảng Golkar (chống tham nhũng, chống gia đình trị) được mọi người chú ý.

Trong giai đoạn hiện tại, Nam Dương là nơi đang xảy ra nhiều vụ xung đột về mặt xã hội, nhưng chưa có độ sa lầy nào về mặt tôn giáo, chính trị. Hồi Giáo đang ở thế chờ đợi và âm mưu của đảng cộng sản Nam Dương đang âm thầm hoạt động chỉ là một vấn đề tường tượng.

Hệ thống chính trị cần đến một luồng sinh khí mới có thể giúp chế độ dễ dàng thu nhận nguyện vọng chính đáng của người dân và giải quyết êm đẹp bất công thịnh hành. Riêng giới quân đội ở trong tình

hướng tế nhị. Bạo động buộc quân đội phải ra trước tuyến đầu cùng lúc phải tránh những hành động thô bạo. Ngay cả lực lượng an ninh cũng không muốn chế dầu thêm vào lửa.

Một số nhà lãnh đạo mong muốn sự nổi nghiệp Suharto sau 30 năm cầm quyền trôi chảy ổn thỏa. Đối với họ, giải pháp tốt đẹp nhất là sau cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1998, Tổng Thống sẽ chỉ định một Phó Tổng Thống như người kế vị chính thức được mọi giới đồng ý. Theo một số khác, tình hình Nam Dương sẽ tùy thuộc vào mức độ rối ren trong thời kỳ chuyển tiếp quyền hành có nghĩa là tùy thuộc vào sự coi mở chính trị cho dù rất hạn hẹp.

• VIỆT NAM

Bộ Chính Trị quyết định vào thế kỷ 21, đường mòn Hồ Chí Minh sẽ trở thành Xa Lộ Thống Nhất. Trên đoạn đường 1.800 cây số xuyên qua Trường Sơn và Cao Nguyên Trung Phần, xa lộ sẽ chấp đôi với con đường Cái Quan nối liền Sài Gòn - Hà Nội. Các Tiểu đoàn Công binh sẽ chỉ huy từ 100.000 đến 200.000 dân công thuộc thành phần nam nữ trong tuổi lao động "Vì lợi ích chung", mỗi người phải tham gia xây dựng công trình, kê góp công, người góp của. Nhưng quốc tế nghi ngờ nhà nước Việt Nam chủ trương lao động khổ sai, điều mà Hà Nội cực lực phản đối.



Tất nhiên không có vấn đề chinh trang 20.000 cây số đường mòn và đường hầm. Luối nhận chi chít này nằm một phần lớn ở Hạ Lào và Đông Bắc Cao Miên. Năm 1970, quân đội Mỹ vượt biên sang Cao Miên nhằm cắt đứt đường mòn sau khi Quốc Hội Cao Miên truất phế Quốc Trưởng Norodom Sihanouk. Năm 1971, quân đội Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân sang Hạ Lào. Hai lần thành công giới hạn. Năm 1973, Henry Kissinger đến Ba Lê ký Hiệp ước Hòa bình cùng lúc làm ngó cho quân đội cộng sản Bắc Việt tiếp tục sử dụng đường mòn đánh phá miền Nam.

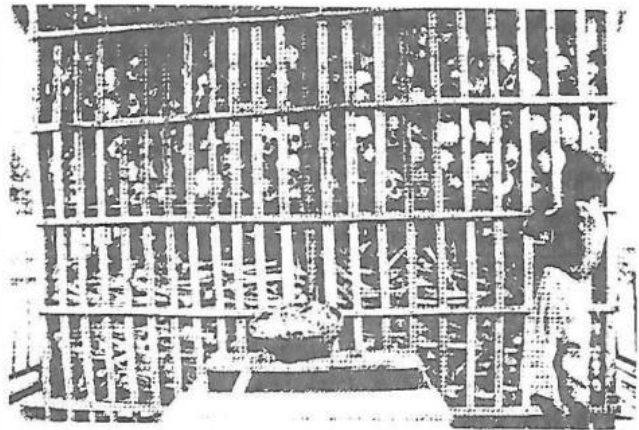
Xa lộ tương lai sẽ nằm trên đoạn đường mòn trên lãnh thổ Việt Nam, như thế nối liền Cao Nguyên Trung Phần với các thành phố lớn. Kế hoạch xây cất xa lộ này ngoài sự thể hiện một tham vọng quá lớn còn ngụ ý nhen nhúm lại ngọn lửa yêu nước đang leo lét trước ngọn gió tiêu xài thụ hưởng do phát triển kinh tế thổi đến.

Dự chi cho công trình đạt đến con số 6 tỷ Mỹ kim và nếu công trình hoàn tất, nhà nước sẽ làm lễ khánh thành xa lộ vào năm 2020. Theo Võ Văn Kiệt, sự đóng góp của quốc tế rất là cần thiết. Nhưng các cơ quan cho vay quốc tế và địa phương tỏ ra dè dặt. Một số Dân biểu tự hỏi kế hoạch có đứng vững không trong lúc Ngân khố Quốc gia trống rỗng.

Quân đội Bắc Việt đã giao nhiệm vụ bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh cho đơn vị 559 lúc đầu gồm 400 quân (1959) sau lên đến 750.000 (vào năm 1975). Nhà nước nhận định phát triển mạnh ở Hoàng Sơn và Cao Nguyên cần đến một sự giao thông hiện đại. Cho dù bắt dân phải tiếp tục hy sinh trong vòng 10 năm hoặc 20 năm, đây là "điều không thể tránh khỏi".

• CAO MIÊN

Một cuộc thanh toán đẫm máu xảy ra tại Anlong Veng Bắc Cao Miên giáp ranh Thái Lan (10.6). Son Sen, người thực hiện cuộc thanh



trừng nội bộ Khmer Đỏ, nổi danh với tư cách quản lý Tuol Sleng, một trường trung học Nam Vang biến thành trung tâm tra khảo nay là Bảo tàng Viện, cùng vợ và thân nhân tử thương. Ngày 20.6, đài phát thanh Khmer Đỏ loan tin Khieu Samphan làm chủ tình hình, Pol Pot bị bắt. Ngày 21.6, chính phủ Nam Vang yêu cầu Liên Hiệp Quốc thành lập Tòa án Quốc tế để xét xử Pol Pot, Trung Quốc lên tiếng chính thức chống đối. Ngày 6.7, Thủ Tướng thứ 2 Hunsen đảo chánh hất Thủ Tướng thứ 1, ông Hoàng Narariddh ra khỏi chính quyền.

Khmer Đỏ xáo xáo nội bộ kể từ năm 1991 lúc đại diện họ đặt chữ ký trên Hiệp định Ba Lê. Nhưng nhóm cực đoan vẫn chiếm ưu thế, không hợp tác với Liên Hiệp Quốc, không tham gia cuộc bầu cử 5.93, không thỏa hiệp với Chính phủ Liên hiệp sau cuộc bầu cử. Năm 1993, rạn nứt càng trầm trọng hơn sau khi Cao Miên phục hồi nền quân chủ. Từ năm 1970, Khmer Đỏ rêu rao chiến đấu vì quân chủ, bây giờ phải làm gì khi Sihanouk lên ngôi. Họ thay đổi chiến lược, triệt để chống chính quyền, tố cáo chính phủ, nhất là Hunsen liếm gót giày Hà Nội. Thủ đoạn này không ăn khách nữa. Ngay cả thủ hạ thân tín của họ cũng không còn tin tưởng họ nữa.

Hàng loạt đơn vị Khmer Đỏ buông súng trở về đời sống dân sự hoặc gia nhập quân đội Hoàng gia. Tuy nhiên, họ còn chiếm giữ hai cứ điểm, một ở cực Tây Nam, Pailin Phnom Mala do leng Sary chỉ huy, một ở cực Bắc, Anlong Veng do Ta Mok quyết thủ, nơi mà Pol Pot, Khieu Samphan, Noun Chea, Son Sen đến ẩn trú.

Tất cả bắt đầu từ lúc đặc phái viên của Thủ Tướng thứ 1, đến Anlong Veng tiếp xúc với nhóm Khmer Đỏ, kêu gọi họ trở về với chính phủ. Một trong những nguyên do cái chết của Son Sen có thể chấp nhận là Son Sen nêu lên tiền lệ Pailin. Năm 1966, leng Sary thỏa hiệp với Trung ương, hưởng quyền tự trị, có quyền giữ quân đội riêng, và tiếp tục công khai buôn bán với Thái Lan. Trung thành với chính mình, Pol Pot cực lực chống đối, ra tay sát hại Son Sen. Nhưng Khieu Samphan lật ngược thế cờ, tiếp tục điều hành với Thủ Tướng thứ 1. Hunsen e ngại ông Hoàng Narariddh có thêm vây cánh nên dùng vũ lực đảo chánh gây nên một cuộc khủng hoảng mới. Cần nhắc lại là chính phủ Nam Vang có 2 Thủ Tướng, 2 Bộ Trưởng đứng đầu mỗi bộ, một thuộc phe Hunsen, một thuộc phe ông Hoàng. Mỗi Thủ Tướng đều có quân đội riêng. Chung quy, vì tranh chấp quyền hành mà ra nông nổi.

Dĩ nhiên người ta không khỏi không vui mừng trước cái chết về mặt chính trị của một bạo chúa khát máu vừa ra kế hoạch vừa thực thi kế hoạch giết chết 2 triệu dân Cao Miên. Người ta không khỏi không hoan trước sự đảo thái của nhóm hung thần điên cuồng, kích động từng xem những hành động điên rồ bạo ác như những hành động chính đáng trên lĩnh vực chính trị. Tuy nhiên người ta không khỏi không cảm thấy khó chịu vì con bài chủ tuy cháy nhưng không giải quyết được tận gốc tai họa Khmer Đỏ.

Pol Pot chết thật (không phải vô cớ mà người ta loan tin Pol Pot bệnh nặng phải di chuyển bằng cáng) hoặc chết về mặt chính trị là bóng tối quên lãng, âm mưu yên lặng phủ đầy lên đất nước Cao Miên. Bởi có nhiều vụ đồng lõa đồng tình chẳng chặt trong cơn điên loạn Khmer Đỏ đến nỗi người ta e ngại nghĩ đến sự bịt miệng Pol Pot. Có nhiều đồng

phạm Pol Pot hiện đang cầm quyền tại Nam Vang về phía bảo Hoàng cũng như về phía cựu cộng sản. Nhóm này từng là bạn đồng hành Pol Pot trước cũng như sau cuộc phiêu lưu vấy máu. Những kẻ này đang run sợ trước viễn ảnh một cuộc xử án nghiêm minh trung thực. Riêng gia đình nạn nhân mất một dịp để đòi hỏi công bằng không phải bằng máu mà bằng sự thật, bằng lẽ phải. Ngoài ra còn rơi rớt thêm một đốn vị khác. Nếu sự băng hoại của Khmer Đỏ như khép kín một thời kỳ "quá độ" thì ngược lại thúc đẩy một cuộc tranh chấp vũ trang khác như vừa xảy ra ngày 6 tháng 7 giữa 2 đảng cầm quyền. Trong lúc mà nền công lý phải sáng tỏ thì cảnh tượng trở trên trở mặt trước mọi người.

☐ HỒNG KÔNG - ASEAN

Liên hiệp các quốc gia Đông Nam Á quyết định nhận Miến Điện, Cao Miên, Lào, 3 nước cuối cùng ở địa phương nhân ngày sinh nhật 30 năm (23.7). Như thế lần đầu tiên 500 triệu dân tập hợp trong liên hiệp, xóa bỏ vĩnh viễn biên giới chiến tranh lạnh khu vực. Riêng Miến Điện chưa chấm dứt thời kỳ tự cô lập kéo dài hơn 30 năm. Dù phải làm mất lòng khối Tây phương, nhất là Mỹ, từ đây Asean có thể thực hiện tham vọng, chuẩn bị bước sang thế kỷ 21: gióng lên tiếng nói của mình trong cộng đồng Á Châu và hoàn tất công trình kiến thiết nội bộ.

Giống như những bước đầu, bước tiến mới này còn là bước đi chập chững. Nền kinh tế Đông Nam Á đang lên vừa phải đối phó với sự suy thoái kinh tế (Thái Lan) hoặc sự chuyển tiếp gay go (Nam Dương), vừa phải thu nhận một khối 140 triệu dân thuộc thế giới thứ ba kể từ khi Việt Nam gia nhập Liên Hiệp năm 1995.

Vì những lý do trên, Liên Hiệp từ định thực hiện vào năm 2003 khu vực tự do mậu dịch cho riêng mình, bắt buộc phải gia hạn 3 năm cho Việt Nam, 5 năm cho Miến Điện, Cao Miên và Lào. Trên lãnh vực này, Liên Hiệp 10 nước đã tạo nên sự phụ thuộc lẫn nhau thấy rõ từ nhiều năm nay. Dù vậy, Liên Hiệp vẫn chấp nhận nguy hiểm kiến thiết một hệ thống với hai tốc độ khác nhau trong khi 6 nước hội viên đầu tiên phải cố gắng duy trì mức độ, phát triển cực mạnh từ 1985 - 1995.

Trên phương diện chính trị, Liên Hiệp 6 nước Brunei, Nam Dương, Thái Lan, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Tân Gia Ba trước kia là một công cụ hữu hiệu trong công việc xoa dịu căng thẳng nội bộ, thống nhất đường lối chung trước cuộc xâm lăng của Việt Nam sang Cao Miên (78-79). Bây giờ ưu tiên thay đổi. Sắp bước sang kỷ nguyên mới, Asean bắt buộc phải để ý đến Trung Quốc. Dưới khía cạnh này, Asean chưa chắc đoàn kết thật sự.

Nhóm quân phiệt Miến Điện là khách hàng của Trung Quốc như thỏa ước song phương 5.97 chứng tỏ, kèm hãm sự lệ thuộc của Rangoon với Bắc Kinh là một trong những lý do thu nhận Miến Điện. Tuy nhiên, thái độ "xây dựng" chưa làm chế độ độc tài tại Miến Điện thay đổi. Mục tiêu hàng đầu của chế độ Miến là khuất phục các dân tộc thiểu số. Do đó vũ khí, tiếp vận, viện trợ kinh tế Trung Quốc rất cần thiết.

Vì lý do nằm gần kề Trung Quốc, Liên Hiệp Đông Nam Á chia thành hai nhóm. Một bên Thái Lan, Miến Điện, Cao Miên, Lào thiên về Bắc Kinh. Một bên 5 nước ven biển Đông, mà Trung Quốc chiếm 80%, rất lo ngại trước âm mưu bành trướng của Trung Quốc. Tân Gia Ba theo nhóm thứ hai.

Sản phẩm của chiến tranh lạnh, cho đến thập niên 90, Liên Hiệp là một tổ chức có cơ cấu vững chắc nhất ở Á Đông cùng lúc thích hợp với chiến lược Pax America của Mỹ. Như vậy, Liên Hiệp là diễn đàn cho các cuộc thảo luận địa phương. Như sau các buổi họp thượng đỉnh thường niên, còn có những cuộc gặp gỡ giữa Liên Hiệp với Mỹ, Cộng đồng Âu Châu, Nga, Nhật, Trung Quốc, các nước Á Châu Thái Bình Dương. Diễn đàn Đông Nam Á ra đời năm 1994 là nơi bàn cãi an ninh khu vực. Sau cùng, Liên Hiệp tiến thêm một bước, mời Trung Quốc, Nam Hàn, Nhật tham dự cuộc họp thượng đỉnh 12.96 tại Kuala Lumpur. Tuy nhiên, sự nổi rộng này có thể làm cho mục tiêu của Liên Hiệp bớt vững chắc. Những năm gần đây, quan hệ Mỹ - Trung Quốc hoặc tình hình bán đảo Triều Tiên đã chiếm hầu hết các buổi thảo luận.

Ngay cả thông điệp chính trị của Liên Hiệp cũng có tầm ảnh hưởng giới hạn. Quan điểm của Tân Gia Ba, Nam Dương, Mã Lai Á về những giá trị Á Châu - kỷ luật, uy quyền, thỏa hiệp - không được chú ý cho lắm. Phi Luật Tân, Nhật, Nam Hàn xem quan điểm trên như mưu mẹo nắm mãi quyền hành, từ chối cởi mở. Ngoài ra, nếu lên quy tắc không can thiệp vào nội bộ các nước, Liên Hiệp không những bằng lòng thu nhận chế độ độc tài khét tiếng Miến Điện mà còn khóa chặt bài toán Đông Timor mà Nam Dương chiếm giữ từ năm 1976.

Cho dù có nhiều điểm dị đồng với quốc tế về trường hợp Miến Điện, Liên Hiệp đã chọn giải pháp thống nhất tuy thống nhất lòng lẻo. Liên Hiệp còn phải ra công dồn sức thích ứng với nhiều bấp bênh liên quan đến Trung Quốc, nội chiến tiềm tàng ở Cao Miên và sự chuyển tiếp khó khăn ở Nam Dương.

• HỒNG KÔNG

Ngày 1.7. Chủ tịch Giang Trạch Dân và Thủ Tướng Lý Bằng thân hành đến Hoàng Cảng dự lễ bàn trao quyền. Một vài giờ trước, ngày 30.6, Thái Tử Charles và Chris Patten, vị Thống Đốc thứ 28 và cũng là vị Thống Đốc cuối cùng dự lễ hạ kỳ, đưa cờ Anh lên du thuyền Britania mang về Anh sau lễ bàn giao.

Những người Trung Quốc yêu nước đã chờ đợi biến cố lịch sử này từ 156 năm nay. 12 năm 6 tháng trước, Đặng Tiểu Bình và Thủ Tướng Margaret Thatcher ký kết bản thông cáo chung. Tại Thiên An Môn, một đồng hồ vĩ đại bắt đầu điểm ngược giờ trước khi thuộc địa trở về mẫu quốc. Bảy giờ đồng hồ ngừng chạy. Ngày 1.7 vừa ra đời tại Hồng Kông. Một trang sử vẻ vang cho Anh, đau buồn cho Trung Quốc chấm dứt vĩnh viễn. Điều mà người ta hết sức khâm phục là ý đồ lâu dài của triều đình Anh và sức chịu đựng bền bỉ của dân tộc Trung Quốc trước mặt vận của mình.

Từ đầu thế kỷ 17, các thương gia Anh không bao giờ biết ngại ngùng, do ý chí thành công thúc đẩy bắt đầu gây thế lực, thi thố quyền hành. Chính tham vọng của họ sau này sẽ ảnh hưởng đến thái độ của các nhà lãnh đạo quân sự và chính giới Anh. Sang thế kỷ 18, họ bộc lộ ý đồ cưỡng ép triều đình Trung Quốc phải "thảo luận theo điều kiện của họ". Trung Quốc chống đối yêu sách bất lịch sử này bằng cách cao ngạo từ chối.

1787: Triều đình Anh ủy nhiệm Đại sứ đầu tiên Charles Cathcart phải làm thế nào để triều đình Trung Quốc bằng lòng nhượng một vùng đất thuận lợi cho tàu bè Anh dễ dàng ra vô buôn bán. Cathcart chết trên biển trước khi đến Bắc Kinh.

1792: Đại sứ thứ hai, Huân tước Macartney nhận chỉ thị phải xin cho bằng được một khoảng đất hoặc một hòn đảo nào khác thuận tiện hơn Quảng Đông vì ở đây, các kho hàng nằm ở địa điểm xa các tàu buôn.

1793: Hoàng đế Càn Long thông báo cho vua Anh biết, Trung Quốc không thể thỏa mãn yêu sách của Anh "tùng đất, từng hòn đảo, từng bờ biển đều được kiểm kê và đặt dưới chủ quyền của Hoàng đế".

1794: Trung úy Parish nhân viên tình báo báo cáo lên thượng cấp có thể xem Hồng Kông như một căn cứ quan trọng trong việc bảo vệ sự vận chuyển hàng hóa cùng lúc nhận định nếu vô hiệu hóa các pháo đài bảo vệ Hồng Kông, thì Trung Quốc sẽ hoảng sợ, bởi Trung Quốc luôn luôn tự hào về sức mạnh vô địch của mình.

1816: Chiến hạm Allest bỏ neo trước Hồng Kông Huân tước Amherst, Đại sứ thứ ba đến Bắc Kinh. Hoàng đế Trung Quốc không tiếp kiến, ra lệnh đuổi Đại sứ ra khỏi Hoàng cung.

1830: 47 thương gia Anh, trong số có William Jardine và James Matheson, 2 nhà buôn nổi danh nhất trong lịch sử buôn bán ma túy đưa thư thỉnh nguyện chính phủ Luân Đôn nên chiếm lấy một hòn đảo gần bờ biển Trung Quốc tạo thuận lợi cho việc buôn bán của họ.

1833: Huân tước William Napier, Tổng quản đốc thương mại Anh tại Trung Quốc gợi ý chiếm Hồng Kông. Có thể trở thành một căn cứ quân sự giúp Anh tiến sâu vào lục địa.

1839: Chiến tranh Nha phiến lần I giữa Anh - Trung Quốc.

1842: Hiệp ước Nam Kinh quy định ngoài việc mở cửa thông thương 5 thương cảng, đặt Hồng Kông vĩnh viễn dưới chủ quyền Anh quốc.

1856: Chiến tranh Nha phiến lần II giữa Trung Quốc - Anh - Pháp.

1860: Hiệp ước Thiên Tân giao cho Anh bán đảo Kowloon, Hồng Kông đổi tên thành Victoria.

1898: Hoàng đế Quang Tự tuyệt vọng bằng lòng cho Anh thuộc dãy đất ven biển trở thành "khu lãnh thổ mới" trong vòng 99 năm. Không một tiếng súng nổ, đe dọa cũng đủ.

Hợp đồng cho thuê chấm dứt 1997. Một giây phút quá ngắn ngủi dưới tầm nhìn của nhân dân Trung Quốc lúc nào cũng xem quốc gia mình trưởng cù. Một giai đoạn quá dài cho nhân dân Anh đến đổi dân Anh xem như vĩnh cù. Nhưng mọi việc đều phải chấm dứt. Ngay cả một thế kỷ cũng phải trôi qua và thuộc địa Hồng Kông không thể đứng vững nếu thiếu các "lãnh thổ mới".

Nhìn thấy quân Anh, nhân chủng cuối cùng của một đế quốc huy hoàng cuốn cờ lần cuối cùng, dân Anh chắc nhỏ nước mắt, lòng se lại. Họ biết rằng đế quốc đã lật qua một trang sử hào hùng. Họ ray rứt vì họ nghĩ rằng những gì họ để lại - một Manhattan Á Châu, một nền thịnh vượng phi thường, một cơ quan ngôn luận tự do - trước sau gì rồi cũng bị chà đạp.

Nhưng dưới mắt của các nhà lãnh đạo Trung Quốc và không riêng gì họ, sự trở về đất mẹ của Hồng Kông đã bôi xóa một kỷ nguyên bất chính thuở xưa kia mở đầu bằng hàng loạt tội ác "Hai tướng cướp (Anh, Pháp) tiến vào Cung điện Mùa Hè. Kè cướp phá, kè phóng hỏa. Một mối lợi, một kỳ công" (Victoria Hugo 1860). Bắt đầu từ đây, dân Trung Quốc khẳng định họ không hề mắc nợ ai và hôm nay chính nghĩa sáng tỏ.

Điều chắc chắn là 2 thế kỷ đầy va chạm giữa các nền văn minh khác biệt đến hồi kết cuộc hoặc lên đến tuyệt đỉnh. Trong hai ngày 30.6, 1.7 nêu trên, hơn 5 thế kỷ lặn chìm, một nghìn năm mới xuất hiện. Ngày 30.6 chôn vùi mãi mãi thời kỳ chinh phục thuộc địa, xóa bỏ ưu thế hàng đầu của Tây phương trên thế giới, ưu thế bắt đầu suy yếu từ năm 1945



bây giờ tàn tạ không hồi phục. Thời kỳ chinh phục bắt đầu từ năm 1420 với sự khai thác nô lệ, thuộc địa tại các vùng ven biển Phi Châu, năm 1492 với sự khám phá Châu Mỹ của Christophe Colomb, năm 1498 với sự xác định vị trí Ấn Độ của Vasco De Gama. Công cuộc chinh phục tiếp tục tiếp tục năm 1519 với chuyến đi vòng quanh thế giới của Fernand De Magellan dẫn đến sự thống trị Phi Luật Tân năm 1521 của Tây Ban Nha, bổ túc bằng sự thuộc địa hóa Nam Dương của Hòa Lan năm 1595, hoàn tất bằng sự khuất phục Đông Dương của Pháp năm 1858 và các nhượng địa Anh, Pháp, Đức, Mỹ ở Trung Quốc. Bây giờ toàn thế giới đế quốc tiêu tan vĩnh viễn.

Ngày 1.7, các dân tộc Á Châu tưởng nhớ đến các nhà lãnh đạo thế giới thứ ba, những Chu Ân Lai, Nehru, Soekarno cùng nhau thề nguyện tại Hội nghị Bandoeng năm 1955 sẽ giải thoát đất nước dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Lời thề giữ vẹn, thách đố san bằng.

Thế kỷ thứ 21 chắc chắn là thế kỷ của Trung Quốc, của Á Châu, cũng là thế kỷ đánh dấu sự suy tàn tương đối của Âu Châu. Đây là tất cả ý nghĩa của 2 ngày lịch sử 30.6, 1.7.1997.

Nhưng trước hiện tình đất nước Trung Quốc quá đặc biệt, Hồng Kông không khỏi không nêu lên một bài toán tâm lý, tinh thần cũng không kém phần đặc biệt.

Thuở xưa, Hồng Kông ra đời vì *nàng tiên náu*, thợ giáo Anh Quốc, vô lại vì mặc chúộc, giàu vì tó lụa, mang tang trắng ở Thiên An Môn, dính hôn với Vancouver, Gia Nã Đại (những người di dân Hồng Kông trước ngày 1.7 gọi Vancouver là Hongkongcouver). Đứng ngày 1.7 Hồng Kông trở thành một cô gái thuộc giai cấp tư sản hoặc đại tư sản đang mang thai. Đối với thân xác người phụ nữ, đối với đứa con trong bụng, trò chơi đã chấm dứt, ván đã đóng thuyền. Người chồng cũ đã ra đi. Người Anh không phải tạm vắng nhà, nhưng đã cắt đứt dây tơ hồng, ra đi không bao giờ trở lại. Người chồng để lại một ngôi nhà, một kiểu mẫu kiến trúc, một ký hiệu gia tộc trước ngõ, các người giúp việc nhà và hương vị bếp núc, áo quần, âm nhạc, bao nhiêu khoáng trống mà người chồng không hề mang theo.



Dù có nêu lên bản chất cuộc hôn nhân dị chủng Á Châu - Tây phương này, sau ngày 1.7, người phụ nữ phải rẽ sang một cuộc hôn nhân mới, ngộ hôn với người chồng cùng huyết thống nhưng chưa bao giờ gặp mặt. Hôn lễ cử hành theo truyền thống văn hóa, hôn nhân do cha mẹ định đoạt. Người vợ chỉ biết mặt chồng một đêm trước ngày hôn lễ. Sau đó, người vợ đặt số mạng của mình vĩnh viễn vào tay người chồng chưa hề quen biết. Không thể từ chối hoặc tự vận.

Thuở xưa, khi kết hôn với Anh, người phụ nữ Hồng Kông đã mang tiếng phản quốc. Bây giờ người ta buộc người phụ nữ ấy về nhà để rửa nhục quốc thể. Người phụ nữ phải tự thuần hóa, bắt tự do phóng túng, đi vào nề nếp đúng theo ý muốn của người chồng, sanh nhiều con cho người chồng cùng nòi giống. Nhưng người vợ không được phép nuôi con vì đầu óc tiềm nhiệm tư tưởng Tây phương, những tư tưởng mà người chồng mới muốn loại trừ.

Cũng có thể ví Hồng Kông như người thiếu nữ bằng bột chưa chín chắn mà người ta cho học tiếng Anh cũng như cách thức phát triển theo kiểu mẫu Anh. Tiếng mẹ đẻ, văn hóa gia đình cổ truyền được xếp qua một bên hoặc trở thành những món đồ cổ. Sau đó, thành quả kinh tế cho phép thiếu nữ hưởng thụ một đời sống vật chất đời dào phong phú. Nhưng cô gái Hồng Kông sống chìm ngập trong một xã hội mà giai cấp giàu nghèo nhìn nhau như kẻ hoàn toàn xa lạ. Hồng Kông không có một hệ thống bảo vệ xã hội. Người thiếu nữ Hồng Kông thiếu ý thức trách nhiệm. Hồng Kông là một kiểu mẫu thành công về mặt kinh tế, thất bại về mặt đạo đức. Người ta không biết sử dụng văn minh tiên tiến cũng như mù quáng dưới ánh sáng tự do.

Hiện nay, dân Hồng Kông liếc mắt đưa tình với người chồng mới, nhất là những người Hồng Kông trung niên hoặc trọng tuổi. Vì lợi nhuận nhất thời, họ ve vãn món trón tay chân của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ngoài ra chính quyền thuộc địa Anh không bao giờ dạy họ bài học làm người. Vì thế họ vội vàng tặng hót một bạo quyền đã và đang ngược đãi nhân dân Trung Quốc. Nhân phẩm xuất phát từ nền văn minh văn hóa

tích lũy, từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ truyền thống và những phản ứng trước truyền thống. Một tích lũy chủ không phải một mô phỏng.

Những người dân Hồng Kông chạy theo chủ nghĩa hưởng thụ có thể tiếp tục sống yên vui chân trời của con người, giàu cũng như nghèo là tiền của giàu sang phú quý. Nhưng Hồng Kông là một thành phố thương mại giống như một guồng máy to lớn điên cuồng. Những người đang sống ở



đây chỉ là những phụ tùng lúc nào cũng có thể bị guồng máy nghiền nát. Một thành phố cho buôn bán, cho mãi dâm, cho buôn lậu, cho băng cướp lộng hành, không phải một thành phố cho con người. Hồng Kông sau 97 sẽ tiếp tục vui sống, ăn chơi nhộn nhịp, sống nhện, như thế chúng ta con người sẽ đi thật lụi. Tiến bộ văn minh không còn ý nghĩa gì cả và con người trở nên hèn hạ.

Người thiếu nữ sẽ qua một đêm tân hôn hết sức êm dịu. Những cảm giác êm dịu kia chỉ là cảm giác mềm yếu, tê cứng. Từ một sự chuyển tiếp không êm dịu mới có thể lóe lên tia sáng tử tưởng, xã hội soi sáng, một xã hội công bằng tự do dân chủ. SA 100583



Lời bay ý đẹp

Những chủ thuyết mới lạ ngày nay mệnh danh là tôn giáo là đạo. Mà đạo không phải là đường, nhưng là "mốt sống", là tà phái (Sekten) (*) thì sự sai lầm này gây bao tổn thương thiệt hại nặng nề cho những ai nhẹ dạ dễ tin theo, không những về tâm linh thần trí, mà cả sức khỏe mạng sống của mình.

SH. Hà Đạu Đồng

(*) Ngày nay các tà thuyết mọc lên như nấm, không riêng gì ở Âu Châu, nhất là ở Đông Âu mà cả tại Mỹ, tại các nước Trung Mỹ. Tại Nhật Bản, sau khi thất trận chiến tranh 1945, đạo Shinto - "Thần Đạo" bị bãi bỏ, mọc lên 200 tà phái (Sekten), trong đó tà phái Aum-Sekte do Guru Shoko Asahara cầm đầu.

thơ Nhữ Tạng

Kính tặng Thượng Tọa Thích Như Điển

từ
đông
sang
hạ

Bên này trời giữa mùa Đông
Nam bán cầu lấm mây bành bồng trời
Sydney gặp lại Thầy rồi
Tủ mùa thu trước nhớ lời mời nhau
Hoa lan hương vẫn còn đây
Thoảng đưa theo gió Đông Tây nổi liền
Nhớ ngày Pháp Bảo đêm trăng
Trung thu năm trước trời giăng mây hồng

Hát lên để đón đưa người
Bắc Nam hai nửa bán cầu kề nhau
Tôi đi để gặp Thầy đây
Mùa Đông, Nam bán cầu này đang mưa
Con tàu lướt khỏi rừng mây
Qua bao dặm Bắc chửa khuấy bóng
chiều

Trên không tiếng núi dường nghe
Tầng mây cao thấp chơ che lòng người
Đồng hương, đồng bạn, đồng thời
Cùng bao chí hướng vì đời có ta
Con tàu Tây Bắc dặm xa
Bay qua xứ Phật nhìn hoa nhớ Ngài

Đời ta, con suối muộn màng
Sao không khởi tự mấy ngàn năm xưa!
Thấm nhuần Pháp Bảo ơn mưa
Cho hoa nhụy thấm kiếp đưa khỏi bờ...
Mumbai trời đã vào đêm
Sương khuya chắn lối đèn thêm lu mờ
Chánh qua, Tượng cũng qua mau
Đời ta, Mạt Pháp, chân sau bước chùng
Càng khuya gió cũng lạnh lùng
Lối riêng riêng giữa cõi lòng quạnh hiu
Ngày qua tàu đuổi bóng chiều
Vẫn không theo kịp tiêu điều vào đêm
Sáng nay đi trước bóng đêm
Vàng dương ló dạng lòng thêm nhiệt tình
Cất lên cao để thấy mình
Qua trường qua suối qua ghềnh qua khe
Vượt qua Đông để đến Hè
Tạm xa giá buốt, tiếng ve đón chào
Bắc đây, giữa Hạ trời cao
Mây bay... cánh trắng chim vào rừng
thưa
Paris trời đã vào trưa
Vẫn mình mấy độ xuân xưa nổi dài
Công chưa bù lại tội đồ
Chủ, Nô thuở ấy thành mờ vẫn mình

Hannover đến rồi đây
Bắt tay chia nỗi vui này với hoa
Chim trời trôi nhạc hòa ca
Tương lai ló dạng thấy tòa mây trôi
Đồng hương, đồng đạo, đồng thời
Lướt xa triền phước tâm rồi cõi không
Đến nơi, VIÊN GIÁC, tột cùng...

(Trên Quantas - Air France từ Sydney đến Hannover 13 đến 14.7.97)

PHƯƠNG DANH CÚNG ĐƯỜNG

(TIẾP THEO VIÊN GIÁC SỐ 99)

•PHẬT ĐÀN

ĐH. Nguyễn Thị Tứ (Freiburg) 50DM. Lương Tuyết Vân (Canada) 30Can. Lê Đức Khiêm (Úc) 50DM. Trịnh Tú Nhiên (Hagen) 50DM. Nguyễn Thanh Cảnh (Pháp) 300FF. Trần Đức Phát (G'Marienhütte) 50DM. Võ Thanh Thủy 20DM. Lý Thị Hoa (Pforzheim) 40DM. Quan Bảo Cầu (Anh) 10Anh kim. Nazareth (Norddeich) 100DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 50DM. Võ Thị Hoa (Frankfurt) 30DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 10DM. Lê Quan Liêm (Pháp) 100FF. Lê Ngọc Chấn (") 100FF. Hạng Văn Lương (") 200FF. Cao Thiên Bửu (") 100FF. Hồ Văn Thị Bồng (") 100FF. Trần Đức Long (") 100FF. Từ Thị Cù (") 200FF. Trần Thị Vân (") 20DM. Trần Kim Lai (Sweden) 500Kr. Nguyễn Thị Chuột (Áo) 1.000Schl. Đỗ Thị Mùi (Hamminkein) 50DM. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 30DM. Võ Văn Quế (Ý) 20DM. Trần Thị Mười (München) 50DM. Huỳnh Thị Quyển & Huỳnh Thị Kiêm (") 20DM. Ô Tửng & Hòa & Tầm (") 50DM. Trần Thị Mỹ (Aachen) 50DM. Tôn Nữ Mỹ An (Hamburg) 50DM. Trịnh Văn Thịnh (Essen) 20DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Thị Giới (Bi) 500FB. Huỳnh Văn Vân (") 500FB. Huỳnh Thị Tâm (") 500FB. Vũ Thị Dấu (Aachen) 50DM. Phan Văn Út (Ý) 10.000Lire. Châu Nam (Spaichingen) 50DM. Lý Hữu Phu (Sindelfingen) 50DM. Lý Trần Thủy Phượng (Pforzheim) 50DM. Phạm Ngọc Quan 50DM. Huỳnh Phú (Burghausen) 50DM. Đông Sỹ Khương (Sigmaringen) 50DM. Quan Chí Nhân (Kempten) 50DM. Nguyễn Thị Thân (Reimscheid) 30DM. Dr. Ing. Vương Thế Anh (Bielefeld) 500DM. Dương Văn Thọ (Eching) 10DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Minh An (") 500FF. Diệu Ngọc (USA) 100US. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 50DM. Võ Thị Khanh (Marienhafte) 10DM. Hà Ngọc Quý (M'Gladbach) 30DM. Nguyễn Khắc Hải (Mainz) 50DM. Phạm Thị Ngọc Phượng (Künzenisau) 30DM. Võ Thị Ngọc Em (Regensburg) 30DM. Trần Quế Lang (Pforzheim) 20DM. Trần Hùng Việt & Trần Thị Hằng (Rostock) 100DM. Chón Bình (Krefeld) 30DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 10DM. Paul Ross (Pháp) 58,31DM. Viên Thị Phương (Koblenz) 20DM. Viên Phước & Viên San (") 20DM. Hoàng Thị Thuận (Trippstadt) 40DM. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 50DM. Bùi Tuấn Kiệt (M'Gladbach) 30DM. Trương Hải (Hòa Lan) 50Guld. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 50DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. T. Hiền Heuser (Berghausen) 10DM. Nguyễn Quốc Anh (Cottbus) 20DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 30DM. Nguyễn Thị Hạnh (Dietenhofen) 20DM. Thích Nữ Diệu Thông (Bi) 500FB. Võ Thị Huệ (") 500FB. Lê Văn Thanh (") 500FB. Huỳnh Văn Viên (Meerbusch) 20DM. Mạch Văn Hưởng (Ý) 100DM. Giang Lệ Kiên (Hamburg) 50DM. An danh (Durmshersheim) 20DM. Vũ Thị Mùng 20DM. Asia Laden (Ravensburg) 100DM. Lâm Thị Hồng Đào (Pháp) 100FF. Trần Quối Thiên (") 200FF. Lê Văn Hồng 20DM. Đinh Hồng Đào (Norden) 50DM. Đinh Bích Thảo (Klingelbach) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Hà Ngọc Dú (Krefeld) 50DM. Lê Thị Bạch Nga (Esslingen) 10DM. Koummarasy Kiên (Pforzheim) 20DM. Thị Phước & Thị Hạnh (USA) 50US. Anh Khương Weis (Bingen) 100DM. Lưu Tuyết Ngọc (") 100DM. Lưu Tuyết Lan (") 100DM. Phạm Tiến Dũng (München) 50DM. Nguyễn Thị Goong (Neustadt) 20DM. Tạ Nhuận (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Minh Trinh (Koblenz) 30DM. Trương Kim Sương (Bad Soden) 50DM.

Trương Quan Phục (Moschheim) 30DM. Huỳnh Văn Thân (Na Uy) 200Kr. Lê Thị 10DM. Trần Thị Đức (München) 20DM. Phạm Ngọc Châu (Frankfurt) 50DM. Trương Cẩm Minh (Darmstadt) 20DM. Đàm Minh (Nordlingen) 50DM. Trình Minh Chí 1.000DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 80DM. Lưu Ngọc Lan (") 50DM. Nguyễn Thị Huệ (Berlin) 100DM. GĐĐH Hồ Minh Hoàng 1 bao gạo. GĐĐH Hoàng Sơn 1 bao gạo nành. Đỗ Thị Bích Chấn 10DM. Chi Hội PTVNTN München 500DM. Trần Bình Lợi (Oberkochen) 150DM. Hà Thị Sanh Cường (Tübingen) 100DM. Gđ. Kiều Thái (Reutlingen) 100DM. Lâm Ngọc Thu 10DM. Nguyễn Thị V 20DM. Kim Thị Hiền 100DM. Trần Ngọc Anh 50DM. Trần Văn Lai 50DM. Trần Văn Thanh 50DM. Tạ Nguyệt Trinh 50DM. Đinh 20DM. Phi Long 20DM. Trần Ngọc Dung 100DM. Trần Ngọc Mỹ 100DM. Trần Ngọc Nhung 50DM. Lâm Minh 50DM. Nguyễn Thị Sự 40DM. Lê Thị Hường (Reutlingen) 40DM. Ngô Thân 20DM. Húi 20DM. Chí Cường 100DM. Trần Thị Thêm 50DM. Đỗ Kiến Châu 50DM. Triệu Mỹ Hường 20DM. Mã Thành 50DM. Đỗ Mẫn 50DM. Đỗ Hồng 50DM. Trương Kim Học (Landstuhl) 20DM. Bà Erika (Langenhagen) 500DM. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Nguyễn Quốc Thông (Troisdorf) 50DM. Vũ Thành (Pforzheim) 20DM. Lê Sanh (") 20DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beuthheim) 50DM. Hoàng Minh Tuấn 50DM. Phạm Thị Thu (Oberhausen) 20DM. Võ Thị Liên (") 20DM. Nguyễn Thị T. Hằng (") 20DM. Hồ Thị Lê (VN) 10DM. Nguyễn Duy Nhân (Berlin) 20DM. Phillip Quách (") 20DM. Huỳnh Trưởng (") 50DM. Fam. Schleiden (") 50DM. Fam. Ngô (") 30DM. Trưởng Tấn Tùng (") 20DM. Lê Đăng Thái (Homburg) 10DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 70DM. Trần Kiệt Tâm (Saarlouis) 20DM. Trần Văn Liễu (Münster) 20DM. Trưởng Mỹ Anh (") 20DM. Nguyễn Thị Thế (") 20DM. Đỗ Thị Đẹp (") 20DM. Châu Ái Hường (") 100DM. Nguyễn Đỗ Thị Nga (") 20DM. Trần Thái (Stadthallendorf) 500DM. Đào Châu (Maschen) 20DM. La Nam Tường (HH) 20DM. Trần Nhứt Quang (Ibbenbüren) 20DM. Thang Diệp Chi (BS) 20DM. Trần Mao (") 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Neustadt) 20DM. Phạm Cao Thòà (") 20DM. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM. Đinh Văn Nghĩa (") 20DM. Tô Mạch T. Trinh (Dingolfing) 50DM. Nguyễn Anh Dũng (Lünen) 80DM. Đỗ Hiệp 30DM. Nguyễn Thị Phòng (Papenburg) 20DM. Bùi Thế Mạnh (") 10DM. Lưu Giới (Nordhorn) 20DM. La Tỷ (") 50DM. Huỳnh Quang Đăng (Berlin) 20DM. Phạm Hồ Lê (Herten) 30DM. Đỗ Thị Liên Hoa (Saarburg) 30DM. Trần Hoài Nam (Konz) 30DM. Tống Thị T. Hà (") 10DM. Trần Diên (Hanau) 20DM. Phan Văn Thanh (Kleinostheim) 30DM. Hồ Nguyễn (Münster) 20DM. Hồ Chí Hùng (") 20DM. Nguyễn Văn Hòa (") 20DM. Trần Thanh Liên (") 20DM. Đào Thị H. Yến (Wilhelmshaven) 20DM. Nguyễn Văn Thiện (Neumark) 20DM. Vũ An Hiền (Libbar) 30DM. Nguyễn Thị Huệ (Dachau) 20DM. Nguyễn Thanh Long (Nassau) 30DM. Phạm Gia Long (Lüne) 20DM. Trần Thị K. Dương (Hanau) 50DM. Trần Cẩm Châu (") 50DM. Sangko Ran (Erfurth) 20DM. Trần Thị Chấn (Schorndorf) 20DM. PT Nürnberg 10DM. Thạch Lai Kim (Kassel) 30DM. Trinh Werda (Lünen) 30DM. Nguyễn Ngọc Quang (Erlangen) 50DM. Hoàng (Frankfurt) 20DM. Võ Thị Lạp (Hòa Lan) 25Guld. Lâm Thị Lón (Haren) 20DM. Trưởng Đình Vĩ (") 20DM. Huỳnh Thoại Đường (Bremen) 50DM. Trưởng Chí Quyền (Loningen) 50DM. Hồng Pat Mùi (") 50DM. Trưởng Tô Hà (") 50DM. Hồ Chánh Kỳ (HH) 30DM. Vũ Văn Lợi (Hannover) 10DM. Đỗ Mạnh Hường 20DM. Đào Văn Hách (Canada) 20DM. Tân Nung (Lünen) 40DM. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM. Hà & Yến 20DM. Lâm Văn Ba (Sweden) 20DM. Trịnh Hoàng M. Hiếu (Münster) 10DM. Võ Ngọc Hiệp (Nordhorn) 50DM. Mai Ngọc Minh (") 30DM. Trần Thị Thập (") 50DM. Huỳnh Thị Hoa 10DM. Đào Công Cấn (D'dorf) 50DM. Lâm Đức (HH) 100DM. Trần Văn Huy (") 50DM. Thanh Hường (") 20DM. Nguyễn Thị Q. Trang (Mainz) 30DM. Trần Thị Lành (Pforzheim) 30DM. Nguyễn Mạnh Cấn (Sander) 20DM. Trang Văn Huy (Eislingen) 50DM. Fam. Chong (Hildesheim) 20DM. Fam. Choo (") 20DM. Fam. Ngô (Essen) 20DM. Trần Huệ Nữ (Ibbenbüren) 20DM. Tsang Fan Sang (Lüneburg) 20DM. Nguyễn Sơn (Essen) 20DM. Westerman Thị Lan (Heesfen) 20DM. Nguyễn Bích 20DM. Phan Minh Trí (Hagen) 100DM. Nguyễn Văn

Tân (Erstedt) 20DM. Đặng Phong Lan 10DM. Nguyễn Minh Huệ (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Huy Luân (") 20DM. Huỳnh Thị T. Thủy (Osnabrück) 20DM. Khổng Gia (Aurich) 20DM. Lôi Thị Sáu (Meppen) 20DM. Lôi Văn Kiệt (") 50DM. Nguyễn Minh Trí (Hildesheim) 50DM. Cao Hữu Danh (Haren) 50DM. Cao Hiên (Anholt) 20DM. Trần Thị Nữ 20DM. Huỳnh Anh Dũng (Haren) 50DM. Lê Thị P. Hồng (Garbsen) 20DM. Bùi Tường Nga 20DM. Trưởng Thị T. Tuyền 20DM. Võ Thị H. Linh (HH) 1,69DM. Vũ Văn Phú (Schwetzigen) 30DM. Ho Trac (Viersen) 40DM. Lê Nguyệt Kim (FF) 10DM. Trần Thị Giới (Đan Mạch) 250Kr. Đoàn Văn Chung (Heppenheim) 50DM. Trần Văn Triều (Osnabrück) 20DM. Nguyễn Tài (Wilhelmshaven) 20DM. Phùng Thị Thảo (Wolfenbüttel) 10DM. Nguyễn Văn Thịnh (Magdeburg) 10DM. Phạm Thị N. Sương (Göttingen) 50DM. Lý Bình Hiền (BS) 30DM. Huỳnh Bích Phượng (Berlin) 10DM. Nguyễn Ngọc N. Linh (FF) 10DM. Lê Dũng (Cloppenburg) 20DM. Vũ Văn Trung (") 20DM. Trần Thị Thủy (Hannover) 10DM. Liêu Tiến Tùng 20DM. Dien Văn Ba (Meppen) 20DM. Hồ Thị Kiều & Văn Công Trám 100DM. Nguyễn Văn Viễn (Reutlingen) 20DM. Võ Ngọc Tuyết (Norden) 20DM. Quỳnh (Köln) 20DM. Âu Tích Hy 20DM. Huỳnh (Speyer) 30DM. Nguyễn Thị Nga (Oberhausen) 25DM. Bùi Thị Vân (") 25DM. Nguyễn Văn Bé (Berlin) 50DM. Ngô Đức Lợi 50DM. Trình Thị Hiền (Stuttgart) 20DM. Trần Ngọc Anh (Tübingen) 20DM. Trần Ngọc Dung (") 20DM. Giang Thái An (Neustadt) 100DM. Lê Thị Thu (Konz) 20DM. Kiều Anh + Hường (") 10DM. Vũ Việt Tân (MG) 20DM. Huỳnh Văn Bình (D'dorf) 50DM. Vũ Mạnh Sơn (Wismar) 20DM. Ngô Sốt Nghinh (Berlin) 10DM. Trang Văn Hy (Heibronn) 20DM. Nguyễn Thị Nhân (München) 20DM. Nguyễn Huy Lương (Stuttgart) 20DM. Ngụy Sơn Hải (Hannover) 20DM. Ngụy Sơn Toàn (") 20DM. Gđ. Thiên Ý (") 50DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 30DM. Nguyễn Thị Năm (Aachen) 50DM. Ngô Ngọc Thanh (Bad Iburg) 20DM. Cô Hạnh Niệm (Chùa VG) 200DM. Hoàng Thị Tân (Langenhagen) 50DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 50DM. Trần Tú Trinh (München) 50DM. Lê Thị Ngo (Kaiselautern) 30DM. Lê Đình Huy (Berlin) 20DM. Trình Thị Thanh (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thị Vân (") 20DM. Nguyễn Thị Yến (") 30DM. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 50DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Trí & Nguyễn Từ (Usingen) 50DM. Lê Thị B. Tùng (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Tiến (") 50DM. Ngô Thị Nhi (Telgte) 30DM. Huỳnh Thị Cẩm Loan (") 50DM. Hà Tống Giang (Köln) 50DM. Ngô Trường Pháp (Münster) 20DM. Hồ Công Trinh (") 40DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 50DM. Võ Văn Trúc (Berlin) 50DM. Lý Phan Thơ (Göttingen) 50DM. Trình Hy (Saarbrücken) 20DM. Giang Siêu (") 20DM. Chung Văn Tấn (") 50DM. Lý Kiến Cường (") 20DM. Lý Kiến Phi (") 30DM. Thái Phi Long + T.T. Liên (Đan Mạch) 200Kr. Trần Thị Lan (Bergkamen) 50DM. Nguyễn Hiếu Anh (Karlsruhe) 50DM. Hứa Xuân Hai (Sindelfingen) 50DM. Dương Thị Hối (") 50DM. Hứa Xuân Hên (") 50DM. Nguyễn Văn Quang (Neustadt) 30DM. Nguyễn Thị B. Phương (") 100DM. Đoàn Bảo Quốc & Kim Chung (Darmstadt) 30DM. Nguyễn Thị B. Thủy (Neustadt) 80DM. Nguyễn Quang Toàn (Mannheim) 300DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Chi Hội PTVNTN Rottweil 50DM. Trang Tông (Celle) 100DM. Trang Quang Đạt (Berlin) 50DM. Nguyễn Ngọc Châu (Scolingen) 50DM. Võ Hiếu Liêm (Wiesbaden) 50DM. Đỗ Thị Thủy (Wilhelmshaven) 30DM. Nguyễn Văn Diên (FF) 50DM. Nguyễn Thị Hạnh (BS) 500DM. Từ Đông Hải (München) 30DM. Sukha Nguyễn Thị Bê (Köln) 20DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 20DM. Trần Văn Dũng (Stuttgart) 100DM. Trần Hữu Lương (N. Anspach) 100DM. Gđ. Hoàng Xuân Chiến 50DM. Nguyễn Thị Sánh (Norddeich) 50DM. Ngô Thị Lan 10DM. Nguyễn Thanh Tùng (Leipzig) 40DM. Hồ Văn Thế 20DM. Nguyễn Đam (HH) 10DM. Lâm Vĩ 10DM. Hồ Xuân Ngo (D'dorf) 20DM. Gđ. Lâm Thành (Úc) 20DM. Nguyễn Quảng Trường 10DM. Gđ. Huỳnh Then (Köln) 100DM. Gđ. Trần Trung Nghĩa (Dresden) 50DM. Nguyễn Văn Quang (BS) 10DM. Phạm Hồng Thái (Halle) 20DM. Phạm Hữu Quang (") 10DM. Nguyễn Xuân Hòa 10DM. Dương Ngọc Lan (Sweden) 20DM. Gđ. Huỳnh Diệp Văn (Köln) 100DM. Minh Yến (FF) 10DM. Vũ Quang Ánh 20DM. Nguyễn Mạnh Nhật

30DM. Văn Hùng Tuấn 5DM. Gđ. Nguyễn Khắc Tuấn (GM Hütte) 20DM. Nguyễn Thị Phụng (Bielefeld) 30DM. Trần Văn Sơn 5DM. Lê Như Thái 10DM. Nguyễn Thị T. Hường (Emden) 20DM. Trưởng Chánh (Friesoythe) 50DM. Phạm Thị B. Đức (Langenhagen) 20DM. Gđ. Triệu Cẩm Nguyễn (Halshoch) 50DM. Gđ. Anh 50DM. Hạnh Ngọc 20DM. Diệu Niên 20DM. Gđ. Phạm Công Lát (Koblenz) 50DM. Phạm Tuấn 10DM. Thanh Thắng (HH) 50DM. Lú Láng (") 20DM. Bùi Đức Trí (Sögel) 30DM. Trần Hồng Ngọc (Wolfsburg) 20DM. Nguyễn Công Lý 50DM. Bùi Xuân Quán 10DM. Gđ. Hoàng Thị Ngà (Trier) 10DM. Nguyễn Đình Thành 20DM. Ngô Kim Liên (Neumünster) 50DM. Hoàng Tuấn Anh (Berlin) 20DM. Tạ Minh Toàn (Hude) 50DM. Đinh Văn Hiền (Hannover) 20DM. Đào Duy Tồn (Berlin) 10DM. Hà Tiến Văn 5US. Gđ. Trần Lý Ái Phương 50DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Qui (Vechta) 20DM. Đỗ Lê Quân (Garbsen) 10DM. Gđ. Bùi + Vũ 10DM. Phạm Thị Huệ 10DM. Tuyết Mai Ohletz 10DM. Nguyễn Thị Dung (Kiel) 20DM. Nguyễn Thị H. Phương 10DM. Gđ. Phạm Hùng 50DM. Trần Văn Chánh (Flensburg) 50DM. Chung Diễm Khanh (Bad Iburg) 50DM. Huỳnh Thị Bửu (Sweden) 50DM. Nguyễn Thị Diệu (Sögel) 30DM. Nguyễn Thị T. Hường (Schoppingen) 50DM. Phước Hậu 20DM. Đặng Thị Liễu 20DM. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 20DM. Vũ Duy Phương 20DM. Gđ. Giang Ái 20DM. Gđ. Dương Thị N. Chiến (Erfurt) 20DM. Gđ. Thiện Giáo + Diệu Hỷ 50DM. Tiểu Chi Chung (St. Ingbert) 50DM. Lê Thị Thu 20DM. Gđ. Phạm Ngọc Quý 20DM. Cao Phạm T. Hà (Bremen) 20DM. Lưu Thị T. Mai 10DM. Nguyễn Đức Huy 20DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Cao Thị M. Huệ 20DM. Nguyễn Thanh Khương (Magdeburg) 10DM. Nguyễn Văn Bình 10DM. Lam Phương 20DM. Nguyễn Thị H. Liên (Köln) 20DM. Cao Minh Đức (Lindern) 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Toàn 20DM. Đỗ Kim Tuyền (Haren) 20DM. Dương Văn Quang (Peine) 10DM. Phan Thủy Hồng (Treuchtlingen) 30DM. Hồ Quang Dung 20DM. Nguyễn Văn Kháng 10DM. Trần Thị Phương 10DM. Gđ. Bùi Thị Thu 20DM. Hồ Thanh Long (Krefeld) 100DM. Gđ. Lê Văn Men (Plauen) 60DM. Gđ. Dương Sang (Helmstedt) 50DM. Bùi Văn Trường. (Sögel) 40DM. Lê Viết Hải 20DM. Low Siew Ping 50DM. Trần Thị Trinh (Gelsenkirchen) 40DM. Nguyễn Thị T. Hiền (Gardelegen) 20DM. Nguyễn Thị Hoài (") 10DM. Lương Quang Chung 20DM. Lê Thị Tinh (Berlin) 10DM. La Nghiêu Anh 30DM. R. Karvitha (Hamm) 10DM. Nguyễn Văn Dũng (Vernigerode) 20DM. Lê Văn Phước (Heidenheim) 50DM. Thiện Hà (Naumburg) 20DM. Vương Mỹ Linh (Lerwerkusen) 50DM. Lý Tam 10DM. Trịnh Yvonne 20DM. Việt + Châu (Up. Schott) 30DM. Nguyễn Thanh Quang (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Lộc 10DM. Trần Vương 20DM. Gđ. Lưu Chấn Hùng 50DM. Hoàn + Di 10DM. Minh Bốn 10DM. Phan Văn Hữu 20DM. Nguyễn Huệ Lan (Landhut) 10DM. Fam. Meng Vilaysane + Kha + Lục + Ching + Siên 150DM. Gđ. Vũ Hồng Minh (Potsdam) 50DM. Phan Thị (GM Hütte) 40DM. Trưởng Minh Đức (HH) 10DM. Lê Thị K. Lê 20DM. Lê Thị Vui (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị K. Vân (Emden) 20DM. Gđ. Nguyễn Hồng An + K. Yến (") 20DM. Gđ. Nguyễn Hồng Tú (Bad. Salzungen) 20DM. Chu Quang Mạnh 15DM. Lê Ngọc Long 20DM. Gđ. Bình Minh Thành 20DM. Gđ. Hứa Trường Hùng (Oldenburg) 50DM. Lý Thanh (") 20DM. Gđ. Tsang (Rietberg) 50DM. Nguyễn Bá Thọ (Monheim) 50DM. Gđ. Nguyễn Thị Quyên (Magdeburg) 20DM. Bùi Thị Vân 10DM. Christian Batian 50DM. Sầm Lưu Kiên (Emden) 10DM. Gđ. Đào Thị Thu Hương (Weitersburg) 50DM. Nguyễn Văn Nhung (Laatzten) 20DM. Lee Thụy Hạnh 20DM. Lê Hồng Nieberding 20DM. Nguyễn Thị X. Trí (HH) 20DM. Diễm + Tường 50DM. Phước Hậu (Viernheim) 20DM. Nguyễn Văn Đức 30DM. Đinh Thị Thu Hằng (Kiel) 10DM. Đặng Minh Tấn (Aschaff.) 10DM. Phan Văn Huệ 10DM. Nguyễn Thị Hương 4DM. Phan Ngọc Dương 10DM. Gđ. Lê Văn Quang 20DM. Diệu Bình 50DM. Gđ. Trần Thân Hai 20DM. Gđ. Nguyễn Công Trí 20DM. Tiết Quang Hải 20DM. Trần Thị Tuyết 20DM. Phương Linh Trưởng 20DM. Fam. Tiet Hok (Berlin) 20DM. Han - Kha Ngọc Dung (Iserloh) 50DM. Phùng Xuân Nguyễn 20DM. Dương Đoàn Phú 20DM. Nguyễn Thị Vinh 20DM. Trần Phi Long (Oettingen) 20DM. Gđ. Phan Khánh Vân 40DM. Nguyễn Thị Nga 10DM.

Nguyễn Thị Phòng (Papenburg) 40DM. Nguyễn Văn Nhón (BS) 30DM. Heinz Wipperfirth (Essen) 20DM. Nguyễn Thị K. Thanh 10DM. Nguyễn Thị B. Huyền 50DM. Ong Thị Hia (Oldenburg) 100DM. Nguyễn Xuân Thanh (Aurich) 20DM. Nguyễn Hữu Chín (Urbur) 20DM. Nguyễn Thị X. Hường 10DM. Nguyễn Thị Vui 10DM. Nguyễn Phi Lâm 10DM. Lưu Tố Hà (Nienburg) 20DM. Su Sau Wuf (Oberhausen) 50DM. Mai Văn Tâm 50DM. Lâm Thảo Nhi 20DM. Nguyễn Thị T. Hoa 20DM. Nguyễn Trọng Nghĩa 10DM. Trưởng Thanh Hùng (Friesoythe) 10DM. Nguyễn Văn Nhón (FF) 20DM. Phạm Mạnh Tuyền 10DM. Trần Thị Anh Đào (Münster) 20DM. Sầm Ngọc Anh (Schwalbach) 100DM. Quan Canh Nha (Celle) 50DM. Hứa Thị Túc (Meppen) 20DM. Phan Minh Hoàng (Telgte) 20DM. Lê Văn Phong 20DM. Trưởng Tấn Thành 20DM. Hoàng Hồng Nhung (Pháp) 100DM. Mạnh Hải 20DM. Hồng Nguyễn Lý 20DM. Lý Hồng Đức (Oldenburg) 20DM. Lia Nieberding (") 20DM. Huỳnh Thanh Thuý (HH) 50DM. Nguyễn Xuân Sáng 10DM. Trần Đức Cường 20DM. Võ Thị Gianh (Solingen) 30DM. Lê Thị T. Hằng 20DM. Phan Văn Đức 30DM. Phan Thị L. Hồng (München) 10DM. Huệ Phương Quan (Göttingen) 50DM. Triệu Hoàng Sa (Emden) 20DM. Gđ. Lam (Rengsdorf) 20DM. Phan Lê T. Quốc 20DM. Vũ Văn Chiến (Lutten) 10DM. Nguyễn Văn Đức 30DM. Ngô Thị Lan (MD) 10DM. Fam. Voeng (Hude) 20DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Konz) 20DM. Đặng Đình Lương (Aschaff.) 50DM. Nguyễn Văn Trung (Haibach) 20DM. La Ba 20DM. Thái Thị N. Khuyến (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Văn Chúc (Hannover) 10DM. Nguyễn Tấn Minh (Ratingen) 20DM. Phan Thị Ngọc Lan 20DM. Bùi Thị H. Thủy (Uelzen) 20DM. Đào Đức Polaske 10DM. Trần Minh Tú (Leipzig) 10DM. Trần Trọng Chí (Leinefelde) 50DM. Thái Trần 50DM. Gđ. Phan Thị Hằng (Morf) 20DM. Nguyễn Văn Hoa 20DM. Lê Quang Đạt (Fürth) 20DM. Nguyễn Giang Thắng 20DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 20DM. Tống Thị Nam (Vechta) 50DM. Trần Văn Trước 20DM. Loan 10DM. Trịnh Ngọc Hiệp (Garbsen) 10DM. Nguyễn Thị Dân (B. Hönningen) 30DM. Đào Ngọc Anh (Bremen) 20DM. Nguyễn Thị Ninh 20DM. Lang Thu Toàn (WHV) 50DM. Ting A Pat (Oberhausen) 50DM. Ca Khin (") 50DM. Chong TN Khoan (") 50DM. Phan Thị T. Xuân 20DM. Gđ. Trần Chí Thành (Hannover) 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Lâm (Münster) 20DM. Gđ. Đặng Sĩ Duyên 60DM. Nguyễn Thị Lệ Trinh (Salzbergen) 100DM. Loan (Vechta) 10DM. Nguyễn Thị Thuận 50DM. Dương Đức (Cloppenburg) 30DM. Nguyễn Thị H. Vân (Hòa Lan) 50DM. Lê Thị H. Yến (") 20Guld. Huỳnh Thị Cẩm Vân (") 25Guld. Phan Duy Tuấn 20DM. Trần Kiệt (Lüneburg) 40DM. Gđ. Phạm Văn Tuấn (HH) 20DM. Gđ. Trần 10DM. Gđ. Huỳnh Khiêm (Aalen) 20DM. Đào Thị Chuyên (Urbur) 10DM. Mai Sinh 20DM. Trần Thu Cúc (Bayreuth) 50DM. Ngọc Khâm + P. Mai 20DM. Gđ. Thiện Quang 40DM. Phạm Thị B. Vân (Lilienthal) 20DM. Tống Hữu Đường (") 20DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Gđ. Giang Ái 10DM. Nguyễn Quốc Nguyễn (Heilkenbrook) 50DM. Nguyễn Văn Lộn (Köln) 20DM. Thu Dung + H. Yến 10DM. Lê Hồng Hà 20DM. Phan Văn Cơ (Staldoldendorf) 100DM. Gđ. Trưởng Văn Lạc (HH) 50DM. Phạm Văn Phần (Saarbrücken) 20DM. Trịnh Văn Minh (Salzbergen) 30DM. Trần Thị Oanh (Trier) 20DM. Gđ. Trưởng Thị Lan (Harzogenrath) 210DM. Lê Thị K. Phúc 10DM. Bùi Hoa Thắm (Rostock) 50DM. Nguyễn Kim Ngọc (Speyer) 20DM. Lý Tường Khoa 20DM. Gđ. Võ Thanh Nao (Essen) 50DM. Gđ. Nguyễn Thị Chính (Landstuhl) 100DM. Phạm Thị Mai (Göttingen) 50DM. Lý Khuôn Phát 10DM. Trần Ngọc Anh (Stadthallendorf) 100DM. Fam Tang 40DM. Trần Phùng 30DM. Ngô Thị Dương (Hofgeismar) 30DM. Nguyễn Thị L. Phương 10DM. Nguyễn Hải Nhân 20DM. Hoàng Thế Dũng (Dresden) 50DM. Nguyễn Văn Ngọc + Tuyết 10DM. Trần Thu Hằng (HH) 20DM. Vũ Thị K. Thanh 20DM. Lâm Ngọc Tông 10DM. Nguyễn Ngọc Thủy (Römerberg) 20DM. Eric Boaheme (Hannover) 7DM. Huỳnh Lê Thu 50DM. Nguyễn Yến 10DM. Đặng Tuyết Mai (Gardelegen) 50DM. Nguyễn Thị Huệ (Berlin) 10DM. Trịnh Quang Long 20DM. Trần Xuân Thủy (Koblenz) 20DM. Đặng Thị H. Vân (N. Ulm) 20DM. Rattava + Uli 20DM. Thị Kiến (HH) 50DM. Ana Maria de Oliveira 47DM. Gđ. Lê Hồ Nam (Papenburg) 20DM. Bùi Văn Tuấn (Winzingen) 20DM. Mạch Cường Tân

(Delmenhorst) 100DM. La Sơn Minh (") 30DM. Chinh Văn Lưu (Essen) 40DM. Gđ. Lại (FF) 200DM. Gđ. Mach 20DM. Nguyễn Thị Hoa (Kassel) 50DM. Trưởng Tài Minh 20DM. Tân Giang (Hameln) 20DM. Trưởng Tuyết Thu 20DM. Lý Mười Thoi (HH) 20DM. Gđ. Phạm Xuân Bình 20DM. Vũ Thị B. Thảo (Berlin) 20DM. Quách Minh (") 20DM. Trưởng Chiêu Đức (") 20DM. Trưởng Anh Đông 10DM. Nguyễn Văn Lý 100DM. Ngô Tuyết Trí (BS) 20DM. Isabel 20DM. Trần Văn Năng 10DM. Gđ. Vũ Tiến Mạnh (Dresden) 100DM. Lê Hoàng Hải 20DM. Phương Phong 30DM. Lê Thị A. Trinh 50DM. Phan Ngọc Hà Khánh (Lutten) 20DM. Cam Nhục Dinh (Hallein) 20DM. Trần Hoa Lê (Sindelfingen) 50DM. Cheung Kan Yung (Paderborn) 30DM. Gđ. Đông + Thanh 20DM. Phạm Thị Ngọc 30DM. Nguyễn Thị Khỏe (D'dorf) 20DM. Huỳnh Văn Khương (Buchloiz) 20DM. Nguyễn Thị Anh (Hòa Lan) 10DM. Trần Gia Thắng 20DM. Trần Quang Giang 30DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Gđ. Thái Văn Ty (Ludwigshafen) 100DM. Huỳnh Thị A. (D'dorf) 50DM. Lý Quốc Đông (HH) 100DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 10DM. Hà Thị C. Nhung (Berlin) 20DM. Lê Chí Thắng (Gosen) 20DM. Gđ. Nguyễn Trọng Nam 40DM. Ngô Thị Tuấn 20DM. Nguyễn Tiến Đức (MD) 10DM. Nguyễn Thu Hường 30DM. Lê Thị B. Lan 5DM. Nguyễn Thị Tuyết 50DM. Gđ. Hoàng Quốc Hùng (Harzgerode) 50DM. Hoàng Công 20DM. Gđ. Trần Hùng Yên 20DM. Nguyễn Thị Tú (Neuss) 30DM. Lý Kim Phương (Willich) 20DM. Trần Công Hà 20DM. Gđ. Trần Ngọc Anh + K. Châu (Stadthallendorf) 100DM. Nguyễn Thanh Hương 20DM. Nguyễn Thị Gái 10DM. Martina Bentele 5DM. Đào Thiệu Mẫn (Emlpede) 10DM. Nguyễn Hữu K. Ngọc 20DM. Quách Tuấn (Helmstedt) 50DM. Nguyễn Thị Chín + Hải 10DM. Kerstin B. Flindt 10DM. Trần Thị Nga (Regens.) 10DM. Thắng + Ngân (Berlin) 50DM. Hứa Thị T. Mai 20DM. Müller Thị H. Yến 20DM. Fam. Nöeske Ferter Van (Thale) 30DM. Bùi Văn Huy 10DM. Nai Ha Ta 10DM. Gđ. Trần Nhã Hòa 10DM. Trần Hòa Hiệp 20DM. Trần Thị Phương (VN) 10DM. Hường (Emden) 40DM. Gđ. Huỳnh Văn Đẳng 50DM. Lương Minh 50DM. Nguyễn Hữu Lộc 20DM. Đoàn Thị H. Phương 20DM. Nguyễn Thị B. Liên (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị T. Thanh (VN) 50DM. Nguyễn Thị Gái (Bielefeld) 50DM. Đặng Mạnh Cường 40DM. Đỗ Thị V. Khương 10DM. Nguyễn Văn Quang 20DM. Trần Kinh Hưng 50DM. Bùi Hữu Thòa (Ahenden) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Thanh 10DM. Trưởng Thị Hường (Gelsenkirchen) 50DM. Gđ. Phan Văn Ngọc 20DM. Phạm Đình Huy (Dresden) 20DM. Gđ. Đỗ Ngọc Dung (Berlin) 40DM. Dương Ngọc Hồng 10DM. Trưởng Hoa (HH) 20DM. Trần Đức Toàn 10DM. Huỳnh Châu Long (Lippstadt) 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Hải 10DM. Trần Ngọc Bích (Lehrte) 20DM. Quán Thị Nhuận 20DM. Gđ. Nguyễn + Phương (Hameln) 20DM. Gđ. Xứ Sích Lương (Stadthagen) 50DM. Dương 20DM. Dung (Emden) 20DM. Trần Nguyễn (Neuss) 10DM. Huỳnh Thủy Linh (FF) 20DM. Lê Phan (") 20DM. Phan Thị Tiếp 10DM. Ngô Thị H. Yến 5DM. Nguyễn Đình Thắng (Lehrte) 10DM. Trần Chương Phú (Watenbüten) 200DM. Nguyễn Kỳ 10DM. Gđ. Phu Văn Thắng 10DM. Gđ. Võ Công 30DM. Fam. Wisskirchen 10DM. Gđ. Nguyễn Hồng Tâm (München) 20DM. Mai Bá Phước (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị T. Lan (Aschaff.) 20DM. Vũ Hùng Hà 10DM. Gđ. Lê Minh Tâm 100DM. Dương Cam Mậu 50DM. Đỗ Văn Bình (MD) 20DM. Dương Sĩ T. Đài 20DM. Mai Tuấn Dung (Pirma) 50DM. Gđ. Phạm Văn Bình 20DM. Cao Thị Hằng (Nienburg) 20DM. Gđ. Trần Thị Nga 30DM. Vũ Hồng K. Khai (Falkensee) 30DM. Kiều Mạnh Cường 10DM. Thái Văn Dũng (FF) 30DM. Nguyễn Sơn Hà (Göttingen) 20DM. Nguyễn Minh Ngón 20DM. Gđ. Huỳnh Thái Bình 20DM. Xúa Xa 20DM. Lâm Quang Vũ 20DM. Hải Lý (Hannover) 20DM. Bùi Tuyết Anh (") 30DM. Phan Thị K. Thoa (D'dorf) 20DM. Hứa Mụi (Sch. Hall) 50DM. Trần Siêu Niên (Hagen) 20DM. Lâm Thị B. Phương 20DM. Đặng Thị Long (Münster) 100DM. Gđ. Trần Khắc Sơn 20DM. Gđ. Lê Văn Ánh 20DM. Vũ Thị Hằng 10DM. Nguyễn Thế Hùng (Bremen) 10DM. Lê Thị T. Hà 20DM. Đặng Ngọc Thành 20DM. Lê Mai 20DM. Gđ. Đinh Minh Hiền 20DM. Phan Minh Tiến 10DM. Đinh Văn Đồng 20DM. Nguyễn Khắc Trung (Gotha) 10DM. Ngô Vĩ Hùng 20DM. Gđ. Tôn Thất Dung 20DM. Ngân Võ (Remshceid) 30DM. Vương Tú Anh 30DM. Lê Thu

Hàng 30DM. Trương Tấn Nhi (Köln) 20DM. Dương Khánh Nam (BS) 20DM. Nguyễn Văn Lộc 10DM. Nguyễn Diệp Bích 10DM. Đinh Thị 10DM. Nguyễn Thị T. Hoa (Ahlhorn) 20DM. Lê Hồng 10DM. Lê Thị C. Linh 10DM. Kiều Hợp 10DM. Trần Đình Điều 20DM. Huỳnh Kim Huệ 10DM. Phan Văn Tý 10DM. Nguyễn Thị Bé 30DM. Gđ. Lê Trung Hải (Dresden) 50DM. Trần Thị Yến (München) 100DM. Vũ Thanh Tường 10DM. Tô Thành Đa 20DM. Dương (Grasdorf) 20DM. Nguyễn Hữu Hạnh (Uelzen) 40DM. Lê Thị K. Phượng 20DM. Lưu Minh Phú 20DM. Tạ Thị Ngọc 10DM. Trần Ngọc Anh 20DM. Phùng Thị Hiền (Hannover) 10DM. Đặng Thị Hiền 20DM. Nguyễn (Bergkamen) 20DM. Lý Tuấn Hùng 20DM. Nguyễn Đức Thắng 10DM. Nguyễn Bích Liên 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Nam (BS) 50DM. Gđ. Khổng Đức Văn Khoa (Nisterberg) 20DM. Trịnh Bấy 20DM. Đào Hồng Loan 30DM. Gđ. Ung (Bremerhaven) 230DM. Hoàng Thị Măng (Chemnitz) 20DM. Trần Huy Thắng (Berne) 20DM. Huỳnh Văn Tú (Göttingen) 20DM. Trịnh Minh (*) 50DM. Hoàng Thị Hạnh 20DM. Huỳnh Quang Trung (Berlin) 10DM. Vũ Thị K. Hà 20DM. Lê Thị Mai 20DM. Nguyễn Việt Cường 10DM. Nguyễn Thị Hoa 20DM. Phùng Văn Châm 10DM. Tạ Quốc Bảo 50DM. Trần Thị M. Thu (Konstanz) 20DM. Đặng Quang Ngọc (Hannover) 20DM. Lê Hồng Long 20DM. Chinahaus (Berlin) 200DM. Nguyễn Quốc Bắc 10DM. Phan Thị Ngọt (Landstuh) 100DM. Nguyễn Quang Huy 10DM. Nguyễn Ngọc Mẫn (Recklg.) 50DM. Nguyễn Đam (Köln) 10DM. Lee Kinh 20DM. Lưu Phước Lai (Nordhorn) 20DM. Tham Khon Tai (Malaysia) 50DM. Kha Tiên (Bremen) 20DM. Huỳnh Quốc Việt 5DM. Nguyễn Thị Hợi 20DM. Lôi Ngọc Trần 20DM. Châu Ngọc Lan (BS) 30DM. Phùng Xuân Nguyễn 20DM. Phạm Tú Anh 10DM. Uyên + Khởi (Neumarkt) 40DM. Trương Mai Thành (Neustadt) 50DM. Gđ. Âu 20DM. Nguyễn Thị Nga 20DM. Cao Minh Bửu (Papenburg) 20DM. Đinh Văn Quân 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Lộc (Ermlichheim) 40DM. Ngô Mỹ Châu 100DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 30DM. Tô Thị Sáng (*) 10DM. Tô Quốc Tuấn (*) 20DM. Đỗ Ngọc Oanh 10DM. Đinh Thị Xếp (Berlin) 50DM. Trương Thị T. Hải 10DM. Trần Bình (Hòa Lan) 50DM. Bình Tuyên 20DM. Võ Thông (Münster) 20DM. Tan Heng Py 30DM. Trần Thị Thê (Schorndorf) 40DM. Nguyễn Văn Quyền 10DM. Trần Thị T. Minh 40DM. Trần Thị Mỹ Lệ + Yên (Nürnberg) 10DM. Đậu Đình Sơn (Speyer) 30DM. Nguyễn Thị T. Lan 10DM. Thái Khiết Anh 30DM. Hoàng Lợi + Thái Bình 10DM. Trần Thị Thủy 20DM. Bùi Thị Trương (Stuttgart) 50DM. Mỹ + Ngọc (Berlin) 30DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Võ Thị Thu 20DM. Hoàng Văn Lân 20DM. Phạm Lệ Thứ (MD) 30DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Phạm Kim Giao (Dortmund) 50DM. Lưu Văn D. Mỹ 20DM. Trần Văn Tài 10DM. Liu Bin Liu (Nürnberg) 50DM. Trần Văn Ngo 30DM. Nguyễn Thị P. Chi 20DM. Nguyễn Ngọc Sang 20DM. Trần Thị Đang 10DM. Lý Tuyết 10DM. Nguyễn Thị Hoa 20DM. Mỹ Văn + Khoang La (Nienburg) 100DM. Nguyễn Minh Huệ (D'dorf) 20DM. Nguyễn Tấn Phát (HH) 30DM. Lý Tuấn Thanh 30DM. Lý Thị Liên 20DM. Quách Thị Loan (FF) 10DM. Kim Yến + Thorsten 10DM. Phạm Thị Ánh Phượng (Berlin) 30DM. Nguyễn Hiền Minh (Saarb.) 40DM. Nguyễn Ngọc Hào (B. Beutheim) 50DM. Nguyễn Hữu Giáp (HH) 10DM. Ngô Văn Quảng 20DM. Mỹ Yến 10DM. Vo Si (Wilhelmshaven) 50DM. Vũ Thị Múi (Berlin) 50DM. Trịnh Khải H. Phượng (Mülheim) 20DM. Mã + Be 50DM. Phùng Mạnh Khiêm 5DM. Gđ. Nguyễn Đăng Hà 50DM. Huỳnh Minh 5DM. Lưu Thị K. Liên (Seevetal) 20DM. Nguyễn Thị Thủy (*) 20DM. Đỗ Việt Hùng 10DM. Liễu Vĩnh Thuận (Göttingen) 20DM. Vong Chau Kim 10DM. Nguyễn Thị Nhi (Helmstedt) 50DM. Vũ Đình Tuyên 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Uelzen) 20DM. Schönberger T. Châu (Nünchen) 20DM. Nhan Thị T. Mai (HH) 20DM. Nguyễn Ngọc Dung 20DM. Vũ Thị M. Hương 10DM. Đào Mộng Long (Fürth) 30DM. Vũ Tùng Sơn (Salzgitter) 20DM. Phan Trọng Hiếu (HH) 20DM. Đỗ Minh Thuận (Berlin) 50DM. Gđ. Lê Thu Hà (*) 30DM. Nguyễn Thu Hằng (*) 10DM. Vũ Quốc Hoà 20DM. Nguyễn Thị Tú Dietrich 20DM. Detlev Dettiving 50DM. Đang Trần (HH) 20DM. Gđ. Trương Tuấn 20DM. Gđ. Nguyễn Thị M. Hương 10DM. Nguyễn Việt Trung 10DM. Gđ. Hải Sơn (Wilhelmshaven) 200DM. Lê Thu Hà (Hannover) 20DM. Lê Thị Liễu (*)

20DM. Lê Thị Xinh (*) 20DM. Gđ. Lộc 20DM. Vũ Thị Nhiên (Aurich) 20DM. Hà Văn Sáng 10DM. Gđ. Huỳnh Tiết Que (Nürnberg) 200DM. Phan Thu Văn 20DM. Huỳnh Đức Ngón 20DM. Nguyễn Văn Sỹ (Wehrheim) 20DM. Lee Nhan Khanh (Rellingen) 50DM. Đàm Duy Sơn (WHV) 50DM. Ngô Anh Toán (Aschaf.) 50DM. Lâm Thủy Hồng 10DM. Đặng Văn Hòa + Nguyệt (Herne) 50DM. Lâm Đức Toàn 5DM. Nguyễn Thủy Lan 10DM. Nhân Hạnh (HH) 20DM. Bùi Hoàng Kha 10DM. Lâm Đông Khánh (Gutersloh) 50DM. Lê Hồng L. Thủy 20DM. Hứa Đổ (Monheim) 100DM. Nguyễn Thu Nguyệt 50DM. Võ Thị M. Phụng 30DM. Lê Sĩ Nam 10DM. Vũ Quốc Kỳ (Berlin) 20DM. Vũ Văn Hoa 50DM. Bùi Đức Xuân (Potsdam) 20DM. Vinh Giang (Koblenz) 50DM. Kim Lan Kinzel (Berlin) 10DM. Huỳnh Thanh Tân 50DM. Đinh Viết Hải 20DM. Gđ. Hoàng Kim Tuấn 10DM. Huỳnh Thị T. Mai (Bergkamen) 20DM. Nguyễn Ngọc Châm (Speyer) 20DM. Ô Thị Tốt (Haren) 50DM. Nguyễn Xuân Minh (Leipzig) 10DM. Gđ. Hoàng Cường 20DM. Lê Thị Chinh (Seelze) 5DM. Khuu Nhan (Nienburg) 100DM. Dương Văn Dương (Essen) 20DM. Trần Anh Dũng (B. Iburg) 30DM. Hà Diệu Có (HH) 10DM. Tăng Thị Huệ (Bremen) 20DM. Mạc Lê Ngọc 20DM. Trần Thị Mến 10DM. Vũ Thị Hương 20DM. Châu Kiều Phú (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thị Lê Sâm (Urbar) 30DM. Tăng Quốc Việt 20DM. Quách Mỹ Trân 10DM. Quách Tài Hùng 10DM. Tăng Thị B. Thảo (Leipzig) 10DM. Hiền Hữu Trang 20DM. Khanh Hà Hiếu 20DM. Nguyễn Văn Nhung (Köln) 10DM. Gđ. Nguyễn Chí Bảo (MGD) 30DM. Phan quốc Thịnh 20DM. Đỗ Thanh Tùng 10DM. Nguyễn Thị Văn 20DM. Nguyễn Phong 10DM. Lai Thị H. Cúc 10DM. Nguyễn Thị Nhiếp (Essen) 30DM. Gđ. Hoàng Minh Phúc 28DM. Gđ. Nguyễn Thị Kim Thoa (Essen) 70DM. Lâm Chương Phát (Osnabrück) 50DM. Nguyễn Văn Thắng (VN) 10DM. Gđ. Đoàn Văn Bách (Halle) 50DM. Triệu Thị T. Mai (Erfurt) 20DM. Vũ Ngọc Long (*) 20DM. Đặng Thị T. Hoa 30DM. Gđ. Lê Chin 30DM. Phan Phước Đại 20DM. Đỗ Thị Đồ (Chemnitz) 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 30DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Tâm 32,25DM. Hồ Minh La (Karben) 50DM. Nguyễn Văn Vinh 60DM. Gđ. Nguyễn Tiến Cảnh 30DM. Nguyễn Thị T. Hương (Dortmund) 20DM. Nguyễn Đức Thịnh (Peine) 10DM. Ngô Thị Thuý 20DM. Đỗ Văn Phát 10DM. Phạm Thị M. Hà (Hannover) 10DM. Hoàng Thị M. Ngọc (Saar.) 30DM. Huỳnh Bích Ngọc 10DM. Nguyễn Thị Hằng (HH) 10DM. Hàn Vinh Quang 50DM. Bích Oanh 10DM. Thái Thu Phi (Nürnberg) 50DM. Vũ Thị B. Phượng 50DM. Lê Việt Anh 20DM. Nguyễn Thị T. Đam 10DM. Gđ. Hồ Hải Sơn 50DM. Gđ. Võ Duy Bá 50DM. Nguyễn Thị B. Loan (Dresden) 20DM. Trịnh Văn Tuấn 20DM. Nguyễn Văn Hoan 10DM. Trần Quang Khiêm 20DM. Đặng Ngọc Dũng (Huê) 20DM. Đức Huệ Hong 2DM. Nguyễn Thị Nhân 40DM. Võ Văn Long 10DM. Nguyễn Thị Thuý 20DM. Trần Thị Ngọc 20DM. Hàn Thị B. Hương (Berlin) 50DM. Gđ. Nguyễn Trần Hiệp 20DM. Gđ. Văn Thuý Đào 20DM. Lâm Chánh Văn 20DM. Triệu Thanh Xuân (Hannover) 10DM. Trần Văn Các (Bremen) 50DM. Nguyễn Thị Dung 10DM. Vũ Đức Thắng 10DM. Nguyễn Hồng Văn (Salzgitter) 10DM. Nguyễn Thị Thái 20DM. Lại Đức Hùng (Speyer) 20DM. Nguyễn Thị Hà 20DM. Đỗ Chiêu Cang 20DM. Đỗ Tú Loan 10DM. Đặng Huy Lương 20DM. Trần Đỗ Anh 10DM. Lê Thị Lan (Hannover) 40DM. Nguyễn Đình Trung 40DM. Mai Thị Tuyên 10DM. La Thu Sung (HH) 50DM. Tho + Hòa 10DM. Nguyễn Thị B. Ngọc 10DM. Quách Th. A. Hoa 50DM. Lâm Anh Đào (Wildbad) 50DM. Tu Dung Đ. 100DM. Gđ. Thiện Tĩnh + Giác An + Thiện Lạc 100DM. Gđ. Thiện Hải 100DM. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 10DM. Ngô Văn Cẩn 10DM. Thị Chưởng Kowalski 10DM. Ngô Duyên Dục 20DM. Nguyễn Thị Liễu 20DM. Nguyễn Văn Khúc (Wuppertal) 100DM. Nguyễn Đạo Thị Chấn (HH) 100DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 20DM. Bùi Văn Chính (Gießen) 20DM. Lâm Thị V. An 20DM. Phạm Ngọc Hải (Lehrte) 10DM. Lê Kinh Tài 20DM. Trần Thủy Hằng 20DM. Trần Văn Hải 50DM. Henry Cường 5DM. Sư Cô Thích Nữ Huệ Niêm 300DM. Nguyễn Thanh Liêm 20DM. Hà Văn Hợi 10DM. Tạ Thu Kiên (Nienburg) 50DM. Nguyễn Thị P. Đào (Dortmund) 50DM. Thái Bích Thủy 20DM. Gđ. Huỳnh Diệp Trung 50DM. Lương Bá Nhón 100DM. Vũ Ngọc Hiền 10DM. Vũ Thị Vinh (Hannover) 20DM. Đinh Văn Tuấn

(Potsdam) 20DM. Nguyễn Đông Sơn (*) 10DM. Bùi Văn Hùng (*) 20DM. Nguyễn Thị La 10DM. Nguyễn Văn Hoa 10DM. Đoàn Trung Cường (Garbsen) 10DM. Nguyễn Văn Ngọc 20DM. Vũ Văn Tuấn + Huyền 20DM. Phạm Thị T. Xuân 50DM. Lý Cẩm Hùng 50DM. Huỳnh Thị X. Hương (Wiesbaden) 30DM. La Quốc Vinh (Nordhorn) 20DM. La Quốc Cường (*) 20DM. Nguyễn Thành Chương (HH) 10DM. Gđ. Dương Quốc Cường 20DM. Phạm Thị T. Huyền (Canada) 2DM. Lâm Mỹ Cầm 20DM. Tú Phượng 20DM. Trương Thanh Hòa 10DM. Lê Văn Sang 10DM. Đoàn Vũ P. Thành 13,86 Trần Thị Lan (Koblenz) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Tuấn (Ludwigshafen) 200DM. Thái Cẩm Huệ 100DM. Gđ. Tsang (Rietberg) 50DM. Trần Tấn Phát 20DM. Kim Oanh 20DM. Hang Ngọc Anh 50DM. Nguyễn Văn Mịch (MGD) 10DM. Phan Thu Hương 20DM. Phan Văn Hùng (Salzgitter) 20DM. Vương Khải Hùng (Göttingen) 30DM. Vương Tuyết Văn 20DM. Nguyễn Ngọc Nhung 20DM. Gđ. Đông (Essen) 50DM. Gđ. Lưu Trinh Yến Tam (Lohne) 420DM. Gđ. Huỳnh Mỹ Phúc (*) 50DM. Nguyễn Thị Oanh 20DM. Lê Thị Vân 10DM. Nguyễn Thu Oanh 30DM. Nguyễn Văn Mạnh (Dachau) 10DM. Trần Khiêm Lễ 10DM. Gđ. Lý Diệu Anh (Vechta) 20DM. Nguyễn Hoàng Hiệp 20DM. Gđ. Thi Liên Thang (Göttingen) 50DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Thông (*) 20DM. Lâm Thảo Nhi 30DM. Lai Hồng Vân 5DM. Klaus Grün 10DM. Trần Văn Ba (Duisburg) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Halle) 20DM. Trần Thị Bích 5DM. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50DM. Nguyễn Minh Hằng 20DM. Đào Thị Hà 20DM. Trần Thị Vĩnh 10DM. Gđ. Nguyễn Đình Phúc 50DM. Đỗ Đình Thực (Aurich) 50DM. Gđ. Khuê Hữu Dung 50DM. Đinh Tiến Thuận (HH) 20DM. Tôn Trung Dung 10DM. Lê Tiên Hoan (Aurich) 20DM. Nguyễn Ngọc Trú (Leipzig) 50DM. Đỗ Duy Phượng 10DM. Gđ. Trần 40DM. Nguyễn Thị Tư (Sindelfingen) 30DM. Nguyễn Thị Xit 10DM. Gđ. Hưng 60DM. Lương Văn Đoàn 20DM. Gđ. Văn 40DM. Vũ Quốc Hùng 20DM. Lê Phượng Lan 20DM. Lê Bích Hương 20DM. Thái + Nga + Tân (Neuenhaus) 20DM. Ngô Thị H. Hoa 20DM. Weidel Hong (HH) 20DM. Trần Tiến Hùng 20DM. Hồng Minh Kiệt (Hildesheim) 50DM. Vũ Thị Nguyệt 20DM. Trương Thị Thủy 10DM. Lee Yung Kwai 40DM. Chung Mỹ Hào (Rottenburg) 20DM. Gđ. Trịnh Thị M. Hoa (Lippstadt) 30DM. Hàn Thi (BS) 50DM. Lê Thị T. Hằng (Hòa Lan) 10Guld. Nguyễn T.T. (*) 10Guld. Hélène Antony (D'dorf) 100DM. Phan Quang (Hagen) 20DM.

• QUÀ HÀNG TÌNH THƯƠNG

ĐH. Phạm Thị Sen (Minden) 50DM. Võ Phước Lầu (Laatzeng) 20DM. Từ Thu Muối (*) 10DM. Bác Viên Tuyết (*) 20DM. Gđ. Bác Minh Tôn (*) 30DM. Sư Cô Hạnh Niệm (Chùa VG) 50DM. Gđ. Thiện Ý (Hannover) 15DM. Hồ Thị Thanh Đam (Romaringen) 20DM. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 500DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thị Vân (*) 50DM. Nguyễn Thị Yến (*) 20DM. Ân danh (Hamburg) 50DM. Ngô Thị Nhi (Telgte) 100DM. Huỳnh Thị Cẩm Loan (*) 50DM. Ban Bảo Trợ GĐPT Chánh Niệm (Berlin) 100DM. Ân danh (Aachen) 100DM. Gđ. Bác Tâm (Hannover) 20DM. Gđ. Hồ Đổ (Berlin) 60DM. Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 100DM. Gđ. Nguyễn Trí + Nguyễn Tử (Usingen) 50DM. Bác Quyền (Hannover) 10DM. Trần Mạnh Tiến (Hildesheim) 50DM. Vũ Hà 10DM. Trịnh Thanh Liêm (Hanau) 30DM. ĐH. Tâm (Pháp) 20DM. Hà Thị M. Thủy (Frankfurt) 20DM. Ân danh 10DM. Bé Hoài Nam (Stuttgart) 5DM. Gđ. Trần Hữu Lượng (Anspach) 100DM. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 95DM + 1 thùng bánh kẹp. Gđ. Hồ Châu (Neustadt) 40 bánh dứa. Gđ. Thiện Căn + Diệu Nữ (Stadthagen) 75 miếng xôi vị. Hà Thị Sanh Cường (Reutlingen) 1 thùng bánh kẹp. Jasmin Garten 5 thùng Cola. Gđ. Diệu Vân (Karlsruhe) 80 bánh da lợn. Gđ. Trần Thị Xê (*) 100 bánh xíu. Gđ. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 18 lon Cola. Gđ. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) Kẹo mè, bánh chuối, bánh khoai mì. Nguyễn Thị Hạnh (Braunschweig) 200 chá giò + 12 kg mấm chay. Gđ. Chi Nghĩa (Hanau) 190 bánh ngọt. Gđ. Diệu Hoàng (Frankfurt) 160 bánh xu xê. Vũ Đình Hải (Neustadt) 50 bánh dẻo + 50 bánh cam. Gđ. Chi Trí (Hanau) Bánh da lợn. Hoàng Ngọc Anh Tuấn (München) 31 bộ quần áo trẻ em. (Sa 9952/PCDD 3

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(tính đến ngày 25.7.1997)

Trong thời gian gần đây, Chúa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đấng Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ân Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bán trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Đấng hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chúa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chúa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chúa tiền ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Đấng xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chúa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Đấng của quý Đạo Hữu và Phát Tử, chúng tôi xin phép chỉ đăng máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

TAM BẢO :

ĐH. Vũ Trọng Thủ (Balge) 20DM. ĐĐH Trần Chi (Pforzheim) 200DM. Trí Hữu (Bonn) 50DM. Chu Văn An (Dresden) 20DM. Lê Thị Hồng Hoa (Walsendorf) 20DM. Mai Hồng Tuấn 60DM. Nguyễn Thị Kiều Liên (Hannover) 50DM. Trình Đức Thông (*) 10DM. Thu Dung (Burgwedel) 5DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 15DM. Heine-Hans-Wilhelm 10DM. Tống Ngọc Long (Leipzig) 50DM. Lee Hy + Le (Lüneburg) 100DM. The Can Hong (*) 20DM. Kim Hên (Bad Kreuznach) 50DM. Trần Thị Tuyết Nhung (Hamburg) 100DM. Huỳnh Thị Côn (Pháp) 100FF. Vương Julien Châu (*) 100DM. Đào Thị Kim Lan (Langenhagen) 100DM. Phạm Thị Kim Xuân (*) 20DM. Jasmin Rest. (Paderborn) 160DM. Lâm Yến Nga (Laalzen) 20DM. Nguyễn Thị Mai (Wußfeld) 50DM. Bùi Thanh Hải (Rosenberg) 20DM. Mai Thị Huệ (Hamm) 400DM. Hoàng + Adamy Edgar (Pháp) 200DM. Sầm Ngọc Anh (Schwalbach) 100DM. Nguyễn Văn Kế + Kim Hằng 80DM. Nguyễn Văn Phó (Bi) 113DM. Diệu Hải (Hochdorf) 50DM. HHLH ĐH Nguyễn Chí Sáng. Diệu Hải (*) 100DM. HHLH ĐH Tôn Thất Đình. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 50DM. Đoàn Thị Yến (Frankfurt) 200DM + 1 bao gạo và 2 thùng mì chay, HHLH ĐH Đoàn Văn Chín. Võ Văn Hùng (Rottweil) 30DM. Chi Hội PTVN Rottweil Tütingen 1 bao gạo. Nguyễn Hữu Hoàng (Bücken) 50DM. Nguyễn Văn Tuấn 10DM. Lê Hoa (Na Uy) 200Kr. Diệu Hoa (Hamm) 10DM. Nguyễn Thị Viện Phương (Koblenz) 800DM. HHLH ĐH Nguyễn Thị Kính. Dương Thị Thanh Hương (Durmshheim) 30DM. Hoàng Lý Trần (Hannover) 10DM. Huỳnh Văn Chung 10DM. Phạm Văn Trúc (Schneberg) 20DM. Nguyễn Thị Công (*) 10DM. Tâm 20DM. Dương Khánh Nam (BS) 20DM. Lê Vũ Hiến 10DM. Tất Ngọc (Hamburg) 20DM. Lê Hữu Tuấn 10DM. Đỗ Minh Tâm 20DM. Bùi Văn Hoàng 40DM. Toàn (Duisburg) 200DM. Trần Văn Hiền (Hameln) 20DM. Đỗ Ngọc Hiền 10DM. Vũ Thị Mộng Thu (USA) 5DM. Huỳnh Thị Trúc Mai 20DM. Đỗ Khắc Hùng (Suisse) 20DM. Trần Hiền (*) 200FS. Đặng Ngọc Bích (VN) 10DM. Heine-Hans-Wilhelm 20DM. Nguyễn Thị Thanh 20DM. Võ Thanh Hải (Neuss) 60DM. Nguyễn Kim Hòa (Weilburg) 10DM. Trịnh Văn Bộ (Kastellau) 20DM. Nguyễn Thu Ba (Regensburg) 40DM. Kim Chonda Cardona (Pháp) 13,50DM. Trần Múi (Münster) 2 bao gạo + 80 lít dầu ăn + 10 gói bún. Trần Ngọc Huệ (*) 20 gói bún tàu. Trần Thị Huệ (Hòa Lan) 100Guld. Gđ. Phùng (Celle) 100DM. Ngô Minh Huệ (Kárlsruhe) 50DM. Phạm Huệ Trần 10DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 10DM. Trần Thanh Pháp (*) 20DM. Thiện Linh 10DM. Nguyễn Văn Tâm (Grivitz) 100DM. Johannes Eigen (Gokels) 20DM. Nguyễn Thị Hoa (Uetzen) 20DM. Thái Minh Lưu 50DM. Võ Bắc Thái 50DM. Trần Hậu Hùng 10DM. Nguyễn Văn Đình (Hildesheim) 10DM. Triệu Thị Thục (Hameln) 20DM. Vương Tuấn Vũ 20DM. Trần Vinh Cam (Münster) 100DM. Fam. Huỳnh (Delmenhorst) 40DM. Dương Han Lương (*) 20DM. Lê Như Nhà (Hannover) 10DM. Ngô Hiệp Lai (Achim) 20DM. Trần Duyệt Khánh (Giphorn) 50DM. Liu, Ho Kwong 20DM. Ngô Thị Thu Ba (BS) 30DM. Trần Siêu Yến (Duisburg) 30DM. Quách Mãn Quê (Osnabrück) 20DM. Teickner (Langenhagen) 10DM. Phùng 20DM. Huỳnh Kim Lang (Syke) 130DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Thu Hằng 30DM. Hồ Vương (USA) 100DM. Đám Chuyển (Stade) 50DM. Nguyễn Ngọc Phúc 20DM. Vũ Minh Thoa (Salzgitter) 5DM. Fam. Lý 10DM. Lý Quốc Thái (Hannover) 20DM. Đào Thiện Mẫn (*) 10DM. Phạm Văn Đàm 50DM. Mạnh Camelin 20DM. Trần Thị Lý 50DM. Ngô Thị Minh Huyền (Halle) 50DM. Ngọc Hà + Thu Hà (BS) 20DM. Bùi Xuân Lâm (Dresden) 15DM. Mach Cứng Tấn (Delmenhorst) 200DM. Trần Yến Huệ 20DM. Trần Ngọc Huệ 20DM. Ngô Đức Dũng 10DM. Đoàn 10DM. Quách Tân 20DM. Tạ Phương Anh (Rastede) 20DM. Nguyễn Thanh Hoà (Bad Grund) 10DM. Mai Trọng Đức (Dresden) 50DM. Quách Mỹ Thu Nga 20DM. Fam. Vinh 15DM. Nguyễn Thị Thủy 20DM. Trần Mỹ Huệ 20DM. Quách Nhi 50DM. Diệu Cam (Hannover) 200DM, HH Giác linh Cô Hạnh Như. Lưu Quốc Vũ (Berlin) 200DM. Trí Thông (*) 500DM. Chi Hội PT Berlin 500DM. Thiện Hải (*) 120DM. Nguy Sơn Hà (Göttingen) 400DM, HHLH ĐH Huỳnh Thị Xuân. Diệu Hoa (Pháp) 1.200FF. Diệu Thanh (*) 100FF. Klaus Dieter Wilts 100DM. Nguyễn Văn Tuấn 13DM. Trần Huệ (Göppingen) 50DM. Hoàng Thị Thủy (Köln) 50DM. Nguyễn Ngọc Diệp 80DM. Ngô Trí Dũng 30DM. Vũ Thị Bích Nga 50DM. Thị Kim Nhung Graeser 30DM. Phan Trọng Thủy (Schaafheim) 200DM. Trần Tân Tiến

20DM. Bùi Thị Mỹ Hồng (Obertshausen) 20DM. GĐH Nguy Sơn Hà (Göttingen) 500DM, HHLH ĐH Huỳnh Thị Xuân. Võ Đăng Tài (*) 50DM. Quang Ngọc (VN) 100US. Phú Thanh Bình (D'dorf) 400DM. Nguyễn Thị Phú Hà (*) 50DM. Phạm Đăng Túy Hưởng (Kassel) 200DM. Phạm Hữu Phước, HHLH ĐH Phạm An (Bergisch. Gladbach) 100DM, HHLH các ĐH Huệ Đức Lê Ngọc Diệp + Huệ Quới Lê Ngọc Túy Sang. Văn Thanh Phụng (Burgdorf) 10DM. Hà Toàn Vinh (M'Gladbach) 30DM. Ngô Ngọc Thu (Erkrath) 20DM. Thiện Châu Nguyễn Thị B. Ngọc (Nga) 50DM. Trần Thị Tuyết Mai (*) 100US. Phạm Thị Minh Huệ (*) 100US. Nguyễn Thị Thu Hằng (*) 100DM. Nguyễn Viện (Đan Mạch) 650Kr. Dương Corinne (Suisse) 100FS. Trương Nam Hoa (Syke) 500DM, HHLH PT Trưởng Nam Phi. Phạm Minh Sơn (Ravensburg) 10DM. Nguyễn Minh Trí 50DM. Đỗ Xuân Đào (Berlin) 10DM. Rolf Schutter (Gotha) 10DM. Vũ Phong (*) 20DM. Thị Hữu Phú (Sindelfingen) 100DM. Châu Nam (Spaichingen) 100DM. Thiên Hào + Thiên Đức (Minden) 20DM. Nguyễn Tùng Anh (Bielefeld) 20DM. Hải Yến (Burgwedel) 10DM. Đặng Thị Đông (Stade) 20DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 10DM. Thị Khiêm (Berlin) 200DM. Nguyễn Văn Đức (Tiếp) 10DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Nguyễn Xuân Trường (Bissendorf) 10DM. Đặng Thị Xuân (Hamburg) 15DM. Trần Thanh Hải (Berlin) 160DM. Nguyễn Minh (*) 20DM. Trần Thị Thất (Úc) 100 Úc kim. Nguyễn Tuấn Anh (Langenhagen) 20DM. Cao Quốc Khánh (Ludwigsfelde) 20DM. Dartnee 20DM. Lê Hạnh Dung 10DM. Bùi Thị Sự (Hòa Lan) 50DM. Phạm Ngọc Khôi 50DM. Trần Xuân Hiền (Tübingen) 400DM, HHLH ĐH Trưởng Mỹ Hưởng. Nguyễn Thanh Trúc (Suisse) 10DM. Trần Trung Độ 30DM. Giao Sinh (Frankfurt) 100DM.

BAO VIỆN GIÁC

ĐH. Huỳnh Công Nhân (Pháp) 200FF. Mỹ Hoa (*) 100FF. Lai Kim Loan (*) 100FF. Từ Thị Quế (*) 200FF. Hoa Trang Diễm (*) 200FF. Thanh Tú (*) 200FF. Vũ Tất Niên (*) 200FF. Thân Trọng Lạc (*) 200FF. Như Xuân Đoàn (Suisse) 200FS. Vũ Trọng Thủ (Balge) 20DM. Nguyễn Thị Sáu (Hamburg) 20DM. Nguyễn Minh Mẫn (Pháp) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Cấn (USA) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Phương (Úc) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Loan (Thái Lan) 50DM. Trần Ngọc Tâm (Lingen) 20DM. Đỗ Văn Lợi (D'dorf) 100DM. Lưu Văn Tỷ (Sweden) 200Kr. Thiên Cung (*) 500Kr. Đào Thị Hà 20DM. Vũ Văn Tâm (Groß Zimmern) 30DM. Nguyễn Thị Hải (Nürnberg) 20DM. Trần Văn Bằng 50DM. Nguyễn Văn Kế (Furt Wangen) 30DM. Võ Văn Hùng (Rottweil) 20DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. Trần Văn Đức (Canada) 25Can. Nguyễn Mạnh Hân (Schorndorf) 30DM. Trần Hoàng Lý (Hannover) 20DM. Trần Anh Tuấn (Oldenburg) 20DM. Dương Long (USA) 20US. Phạm Hữu Vui (Weirode) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Cleve) 100DM. Lê Hoa (Na Uy) 100Kr. Nguyễn Thị Bạch Yến (Aiterhagen) 30DM. Nguyễn Ngọc Thạch (Suisse) 30FS. Khuất Thị Hoa (Idar Oberstein) 20DM. Nhà hàng China (Stuhr) 65DM. Dương Thị Thanh Hương (Durmshheim) 20DM. Trần Thiên Tâm (Köln) 20DM. Lê Văn Đông (Lampertheim) 20DM. Đoàn Văn Tấn (Vlotho) 30DM. Nguyễn Văn Hôn (Wiesbaden) 30DM. Đoàn Nguyễn (München) 30DM. Nguyễn Ngọc Trần (Pháp) 100FF. Hồng Nghiêm Bình (Krefeld) 70DM. Lê Thị Thanh Tâm (Hòa Lan) 100DM. Phạm Thị (Kempen) 20DM. Nguyễn Văn Đạt (München) 20DM. Phạm Thị Sinh (Aschaffenburg) 100DM. Nguyễn Đức Giang (Đan Mạch) 100DM. Trưởng Hòa Khánh (Ý) 20.000Lire. Ngọc Hà 20DM. Bùi Xuân Lam (Dresden) 20DM. Nguyễn Thị Nhu (Canada) 50Can. Nguyễn Thanh Hồng (Möhlau) 22DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 25Guld. Phùng Ngọc Anh (Pháp) 200FF. Fam. Can (Speyer) 100DM. Dương Tấn Thành (Wiesbaden) 20DM. Phạm Thanh Bình (Clausthal) 20DM. Dương Ngọc Liên (Hamm) 20DM. Gđ. Nguyễn (Marl) 30DM. Lâm Mỹ Hiền (Hòa Lan) 100Guld. Trần Đức Trung Khai (Bi) 50DM. Nguyễn Công (Ý) 45DM. Quách Cẩm Thu (üzrig) 30DM. Lâm Nghiêp (Nagold) 50DM. Lê Trường Sinh (Euwangen) 50DM. Trần Siêu Yến (Duisburg) 20DM. Trần Huệ (Göppingen) 100DM. Đoàn Ngọc Anh 50DM. Hội Người Việt Ty Nan CS (Münster) 50DM. Nguyễn Tấn Lộc 30DM. Nguyễn Minh Kim (Metzingen) 100DM. Bùi Thị Thủy (Mainz) 10DM. Dương Tấn Phước (Rodgau) 30DM. Hoàng Khánh Duy (Neukirchen) 50DM. Nguyễn Thị Hiền Thanh Duyên 50DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 20DM. Nguyễn Văn Hùng (Salzgitter) 50DM. Lê Hoàng Sang (Schweinfurt) 20DM. Hà Chấn Xuân (Hòa Lan) 50DM. Bùi Thị Sự (*) 50DM, HHLH ĐH Lê Văn Thấu. Phạm Văn Đăng (Darmstadt) 30DM. Đào Thị (Leipzig) 150DM. Lê Chi (Anh) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Buxtehude) 20DM. Đỗ Đức Đạt (Bi) 20DM. Nguyễn Văn Đế (München) 20DM.

ẤN TỐNG

ĐH. Dương Anh Tuấn 50DM. Trần Thị Hiền (Köln) 40DM, HHLH ĐH Thái Thị Đề. Thiện Hiền + Thiện Châu (Essen) 100DM.

KINH PHÁP HOA

ĐH. Diệu Kính Nguyễn Thị Khánh (Aue) 200DM. Trần Thị Tuyết Mai (USA) 200US. Phùng Yến Bình (Sweden) 1.500Kr. Lâm Hữu (*) 500Kr.

KINH PHÁP BẢO ĐÀN

ĐH. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 23DM. ĐĐH Quảng Ngô + Diệu Hiền (Laalzen) 50DM. Diệu Hải (Hochdorf) 50DM. Phùng Ngọc Anh (Pháp) 200FF. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 20DM.

BẠCH Y THẦN CHỦ

ĐH. Đoàn Minh Tuấn 150DM.

TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Liên Tuyết Hồng + Tuyết Hoa (Krefeld) 50DM. Phùng Văn Thanh 100DM. Trần Huệ (Göppingen) 100DM. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 30DM. Dương Anh Tuấn 50DM.

PHẬT ĐÀN

ĐH. Phạm Nguyễn Huy (USA) 20US.

VU LAN

ĐH. Vũ Tất Niên (Pháp) 300FF. Huỳnh Thị Phòng (Wiesbaden) 30DM. Diệu Hải (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Thị Hiền 30DM. Võ Thị Huệ (Bi) 500FB. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Chuyên Đàm (Stade) 100DM. Lâm Phước Liêm (Emmendingen) 50DM. Lê Trường Sinh (Euwangen) 50DM. Trưởng Thị Lang (Pforzheim) 50DM. Liêu Ngọc Lan (Suisse) 50FS. Lê Chi (Anh) 50DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 10DM. Trần Danh Hùng (Hainburg) 10DM. Nguyễn Tấn Lộc (Bamtrup) 30DM. Lâm Thu Thịnh (Papenburg) 40DM. Nguyễn Thị Thu Hương (Emden) 20DM. Phạm, Đỗ Thị Dũng (Aschaffenburg) 100DM. Trần Quế Lang (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Văn Đế (München) 50DM. Diễm Khánh Chung (Bad Iburg) 50DM. Quan Gia An (Erkrath) 20DM. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 50DM. Hoàng Đôn Trinh (Tübingen) 20DM.

XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Kiều Long (Meinsheim) 50DM. Asia Land (Frankfurt) 200DM. Nguyễn Thanh Long (Möhlau) 30DM. Phường Linh Trưởng 20DM. Lưu Nguyễn Lucie + Lưu David (Pháp) 500FF. Hà Chấn Xướng (Hòa Lan) 50DM. Quan Gia An (Erkrath) 20DM.

MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Dương Thị Trung (Pháp) 120DM. Lý Trinh (Sweden) 120DM. Jasmin Rest. (Paderborn) 240DM/2. Sầm Ngọc Anh (Schwalbach) 120DM. Ngụy Sơn Hà (Göttingen) 120DM. Thiện Châu Nguyễn Thị B. Ngọc (Nga) 100US. Vũ Văn Thiết (Đan Mạch) 120DM. HL PT Trưởng Nam Phi (Syke) 120DM.

QUỸ ỦNG HỘ MÁY IN

ĐH. Nguyễn Việt Đức (Satzgitter) 20DM.

THIỆN TÀI TẠI BANGLADESH

ĐH. Trần Trung 100DM.

HƯƠNG LINH KÝ TỰ

ĐH. Ngụy Sơn Hà (Göttingen) 150DM HL ĐH Huỳnh Thị Xuân.

TRAI TẶNG

ĐH. Thị Kiến (Hamburg) 50DM. Diệu Hải (Hochdorf) 50DM. Trần Thị Huệ (Hòa Lan) 50Guld.

TRAI CÙI + MÙ + CÔ NHỊ VIỆN + VIỆN DƯỠNG LÃO

ĐH. Phan Phước (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Văn Anh (") 50Guld.

TRAI CÙI SÓC TRĂNG

ĐH. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM.

CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld.

QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TRONG VÀO NGOÀI NƯỚC

ĐH. Thiện Văn Nguyễn Văn Chứng (Karlsruhe) 200DM, Nguyễn Ngọc Luân (") 38DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 100DM. Biên Thị Mai 500DM. Gđ. Lê Chí Dũng (Mannheim) 30DM. Gđ. Nguyễn Đình Thủy (Lognes /Pháp) 100FF (= 28,50DM). **Tổng Cộng: 896,50DM.** Số tịnh tài này đã được chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg.

ĐH. Trần Thị Huệ (Hòa Lan) 50Guld. Trần Thị 50DM.

ĐỊNH KÝ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIỆN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungs-weck = mục đích cho việc gì) để vẫn phòng để làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gọi tiền mặt hoặc Check trong thú, có thể gọi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dưỡng định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thú hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. CONGR. D. VEREIN VIETN. BUDDH. KIRCHE E.V.

Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. PAGODE VIEN GIAC

Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kính, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo, Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến:

THƯ TÍN

Đoàn Văn Thông (Mỹ), Cử sĩ Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp), Dương San (Đức), Trần Đăng (Đức), Trần Thị Kim Lan (Đức), Ts. Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Phan Hùng Nhòn (Đức), Diệu Lễ (Canada), Thiện Tâm Nguyễn Hùng (Đức), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Paris/Pháp), Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh (Đài Loan) Bs. Phan Quang Đán (Mỹ), Lê Thái (Đức), Lê Thị Thu (Đức), Thẩm Anh Tuấn (Đức), Phan Việt Cường (Đức), Ds. Đào Trọng Hiếu (Đức), Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền & Thiện Trí Nguyễn Anh Dũng (Đức), Nguyễn Văn Phú (Đức), Thiện Hỷ (Mỹ), N.T. Long Thanh; Nguyễn Chí Thành & Trần Huy Hoàng (Đức), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp), Linh Già (Pháp), Thích Hạnh Nguyễn (Ấn Độ), Thiện Nguyên (Đức), Võ Thị Nga (Đức), Khánh Uyên NTB (Đức), Thủy Trúc (Mỹ) Người Tỵ Nạn, Nguyễn Vĩnh Thảo (Đức), Tùy Anh (Đức), Hồ Trường An (Pháp), Đặng Quốc Việt (Đức), Hoàng Anh (Đức), Người Giám Biên (Đức), Dr. Trần Đại Sỹ (Pháp), Từ Nguyên (Pháp), Dr. Tôn Thất Hứa (Đức), Thiện Căn & Hồng Nhiên (Đức), Gs. Vũ Kỳ (Bi), Huyền Diệu (Ấn Độ), Mai Hồng Khanh (Đức), Trần Thị Thúy (Đức), Thiện Hội Đào Hữu Hải (Đức), Phù Vân (Đức), Nguyễn Minh Khánh (Canada), Nguyễn Văn Ba (Canada), Nguyễn Tấn Hưng & Hồng Lan (Mỹ), Vũ Nam (Đức), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), Từ Hùng Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Vũ Thị Dạ Thảo (Canada), Trình Chung (Canada), Lê Trung Thu; Huy Giang (Đức), Pháp Nguyên (Pháp), Huyền Thanh Lữ (Đức), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Trần Thị Nhật Húng (Thụy Sĩ), Đào Thị Kim Loan (Đức), Minh Trang (Đức), Quang Kính (Đức), Mạnh Bích (Pháp), Trần Thị Ngọc Lan (Đức), Tuệ Nga (Mỹ), Ngọc Tuyết (Đức), Nguyễn Thủy (Pháp), Roland Berthold Từ Xứng (Đức), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Hoàng Ly Giang; Ts. Lâm Như Tạng (Úc), Vũ Hối (Mỹ), Văn Nương LNC (Pháp), Phan Ngọc (Đức).

KINH, SÁCH, BÁO CHÍ

ĐỨC: Đi Tỏi số 25; Sachlich Nr.2; Thiện Chí số 52; Việt Nam Dân Chủ số 9&10; Phục Hưng số 6; TID Aktuell Nr.16; Tuổi Trẻ số 18; Lebensberatungsstelle 1996; Journal für Deutschland 6/7; Dân Tộc số 18; Bình Minh số 5 + 6; Tod und unsterblichkeit im Buddhismus Dalar Lama; Cánh én số 67&68; Người Dân số 15; Diên Hồng số 19; Nhiệt Huyết số 11; Đoàn Kết số 14; Tibets sanfte Medizin Dr. E. Asshauer; Buddhistische Monatsblätter 7/8; Quê Hương số 17; Dân Chúa Âu Châu số 177 + 178; Việt Nam Mới số 5+ 6; Diễn Đàn Việt Nam số 74; Đất Nước số 16; Bản Tin Tâm Giác tháng 7/97; Dân Chủ Cho Việt Nam số 16; Lotusblätter, Tibet & Buddhismus Nr.42; Việt Nam Hòa Bình số 1; Sự Thật số 28; Hương Quê số 9; Cái Lưỡi Không Xương; Thời Mới số 7; Thông Tin VIDİ 3&4; Ánh Sáng Dân Chủ số 7; Dân Tộc số 19; Bản Tin Tự Do Dân Chủ số 16; Hướng Việt số 6.

PHÁP: Nhân Bản số 11; Giao Điểm số 26; Thời Báo Marseille số 54 + 55; Tiếng Dân số 6; Khánh Anh 7/97; Thần Tú Oai Nghi - HT. Thích Huyền Vi.

THUY SĨ: Mục Vụ số 159.

MỸ: Đường Sáng số 12; Đẹp Weekly Magazine Nr.292 + 294 + 295 + 297 + 298 + 299 + 301 + 302; Bồ Đề Hải số 32; Chân Trời Mới số 6/97; Vajra Bodhi See Nr.320; Phật Giáo Hải Ngoại số 11; Ch'an News Letter Nr.123; Nguồn Đạo số 41; Buddha's Light News Letter Nr.22; Thế Giới Ngày Nay số 141; Ch'an Meditation Center, Phật Quang Thế Kỳ số 23;

Chân Nguyên số 32; Chiêm Bao Trờ Giác - Vũ Hồi; Góp Nhặt Cát Đá - Đổ Đỉnh Đờng; Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận - Thích Vân Giác; Bài Học Ngàn Vàng - Thích Thiện Hoa.

CANADA: Từ Ân Phật Đản 2541; Đi Tỏi số 36; Đối Lực số 18;

ÚC ĐẠI LỢI: Phước Huệ số 6; Pháp Bảo số 47; Mặt Trời Văn Chứa Lên (Thế Nhân).

ĐÀI LOAN: Thiên Hoa số 185; Ch'ien Foshan Magazine.

TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ

• Anh Nguyễn Tấn Hưng và chị Hồng Lan (Hoa Kỳ):

Đã nhận được truyện ngắn, thơ và ảnh của anh chị và sau đó cũng nhận được lời nhắn tin của anh trên internet do người quen chuyển lại. Tôi không có khả năng cũng như không phải là dân chuyên nghiệp hay là người trực tiếp trách nhiệm nên không thể sắm một hệ thống computer như anh đề nghị.

Anh chị dù ở cách một đại dương mà bài vở lại đến sớm hơn những văn thi hữu ở gần. Có lẽ vì ý y ở gần nên bài vở lại đến sau. Trong số Viên Giác 100, chỉ chạy truyện ngắn của anh và bài thơ của chị, dĩ nhiên là có tấm ảnh đính kèm. VG các số tới mới giới thiệu thơ của anh chị trong các thi tập (chẳng hiểu đã xuất bản chưa) "Một Thoáng Trong Mơ", "Một Thoáng Hừng Hờ" và "Thơ Hồng Lan" trong Vườn Thơ Viên Giác.

Vì khuôn khổ của tờ báo và với nhiều bài vở ứ đọng, nên rất tiếc không chạy được bản nhạc "Muôn Kiếp An Bà" anh viết tặng Thầy Thích Thanh Từ và các Thiền sư. Lời ca trong bản nhạc có nhiều chất thơ thiền "Dòng đời hủ hao năm tháng long đong, Tục trần nường thân sao củ xa trông, Ngày nào bên nhau ấm áp tình nồng, Nào ngờ mưa bay gió cuốn hủ không, Nếu biết xa nhau đau thương ngập lòng, Thà đừng quen nhau vòng cổ vào tròng, Một đời ăn năn thanh thoát chưa xong... Nếu biết sân si thâm tâm mù lòa...". Thơ nhạc của anh mang bản chất lãng mạn tôn giáo. Xin anh gởi cho các GDPT bên này tập nhạc Thiền của anh để các Đoàn sinh GDPT có dịp trình diễn. Thân mến.

• Chị Lê Thị Bạch Nga (Canada):

Đã nhận được sách "Chiếc Lá Của Rừng Cây" của chị viết tặng. Cảm ơn chị rất nhiều. Ngoài ra còn có thư và bài của chị. PV rất vui vì có "Lá Thư Bắc Mỹ" cho ba con biết tinh thần học Phật của Phật Tử Gia Nã Đại, nhưng PV lại rất lo vì chị nghĩ rằng bên này Phật Tử có duyên may được gần gũi quý Thầy, Cô nên tu học được nhiều. Nói nhỏ chị nghe, chú khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu đã đến kỳ 8 hay 9 gì rồi đó mà PV đã có lần nào tham dự đâu! Vì vậy, PV ghi lời khen tặng của chị để gởi đến khích lệ quý bác, anh chị em Phật Tử đã dày công tu học, tự coi như là một chút "công đức" mình đã đóng góp vậy!

Cho PV gởi lời thăm hỏi đến anh Ngân Uyển và nhờ chị "vận động" anh tiếp tay. Đoạn cuối truyện ngắn của anh "Người Từ Không May Mắn" trong VG 98 bị thâm quá!

PV đã chuyển lời hỏi thăm của chị đến anh Từ Nguyên ở Paris. Hy vọng chuyến đi Pháp của gia đình anh chị theo dự trù, PV sẽ thông báo với các anh chị em trong Ban Biên Tập và Ban Kỹ Thuật & Ấn Loát báo Viên Giác đến họp mặt tại chùa để có dịp tương kiến. Nếu chị dự trù cuối năm nay, thì tin chị rõ Ban Biên Tập và Kỹ Thuật sẽ họp thường niên vào ngày 20.12.97. Mời chị đến tham dự. Thân kính.

• Anh Huyền Thanh Lữ (Đức):

Đã nhận được thư và thơ của anh. Vì vậy mới biết anh đi công tác trong tháng 6, 7 này nên PV không liên lạc thêm. Anh gởi cho PV tấm ảnh trắng đen là đúng điệu của dân làm báo, vì hình sẽ nét và rõ hơn khi in ảnh màu.

Đã quá lâu, trước khi thay đổi chỗ ở, PV không nhận được báo "Dân Văn". Hy vọng người phụ trách phát hành không quên PV.

Vườn thơ Viên Giác trong số tới để dành đất cho thơ anh. Vậy xin anh gởi cho PV một số bài thơ đặc ý để giới thiệu với độc giả, vì nhà thơ Huyền Thanh Lữ ngoài những nét chữ Hán rồng bay phượng múa của

những bài Đường thi, còn có những bài thơ tình tự về quê hương dân tộc nữa. Thân kính.

• Anh Thiện Văn Nguyễn Văn Chương (Đức):

Trong VG 97 số Tân Niên, bài "Lòng Con Quê Nôi" của anh chiếm hết 14 trang trong 100 trang báo VG. Nay nhận thêm bài "Theo Chân Thầy" (Lòng Con Quê Nôi II) với 40 trang dày đặc như một khu rừng rậm chữ nghĩa computer, chưa đọc đã thấy choáng váng mặt mày.

Nếu đăng được (nhiều kỳ) cũng mong là mang được những lợi ích như anh đã kỳ vọng trong phần mở đầu: "... cho các em hiện còn đang bận học, chưa có thì giờ đọc để tìm hiểu đạo, coi thiên ký sự này sẽ có ý niệm đứng đắn về những bước đầu của đạo pháp, sự tích các thánh đệ, tiểu sử của Đấng Từ Phụ và con đường thành đạo".

Sẽ trình lại với Thầy Chủ Nhiệm xét duyệt vì trong mỗi số báo, số trang qui định cho mỗi tiết mục đã được Ban Biên Tập thông qua trong những kỳ họp trước đây.

Biết anh là người chuyên tâm nghiên cứu Phật Giáo, nếu được xin anh viết cho mỗi kỳ một đoạn ngắn chiết giảng về Phật Pháp để đọc và để tiếp thu cho việc tu học hay tra dồi thêm kiến thức Phật Giáo. Trân trọng cảm ơn. Kính.

• Cô Cỏ May / Dresden (Đức):

Người phụ trách Vườn Thơ Viên Giác rất hân hoan khi được thư và thơ của cô, dĩ nhiên cũng rất vui để "chia sẻ tâm sự" của cô qua những bài thơ ngắn - đúng hơn là qua những cảm xúc, rung động thiết tha tự trải tim của những anh chị em trẻ tuổi.

Hãy tiếp tục viết và gởi ngay cho Tòa Soạn báo Viên Giác và sẽ cho đăng trong VTVG sau.

Nhờ đừng quên đề tên và địa chỉ để người phụ trách phát hành gởi báo VG đến tận nhà khi bài được chọn đăng.

Ngoài ra, không quên nhờ cô phổ biến cho các anh chị em Sinh Viên và gia đình bên đó đọc báo Viên Giác để khỏi cảnh "đọc nhờ qua một người bạn" như trong thư cô đã viết.

Gởi lời chúc lành cho các anh chị em Sinh Viên, học giỏi, chóng thành công để trở thành người hữu dụng cho đất nước sau này. (PV)

• Chị Khánh Uyên (NTB) Berlin - Đức:

PV được Tòa Soạn thông báo là chị muốn cộng tác với đại gia đình Viên Giác. Trong hai bài "làm quà ra mắt" của chị, chúng tôi chọn bài "Mệnh Nghiệp" để cho đăng trong số đặc biệt Viên Giác 100 - dù rằng cấu trúc về bố cục không được chặt chẽ lắm! Đây là bước đầu để làm quen với độc giả.

Riêng PV thích bài "Nhớ Đà Lạt xưa" hơn; vì trong đời, ai cũng có lần trải qua một thời cấp sách đến trường, nhất là PV có nhiều kỷ niệm với thành phố đảo nguyên Đà Lạt. Nhưng bài này viết về Mùa Xuân, và nếu không có gì thay đổi, sẽ chọn đăng vào số Xuân Viên Giác 102 - tháng 12.97.

Nếu có thể, xin chị gởi thêm những sáng tác mới. Thân.

TÌM CON VÀ TÌM NGƯỜI KHÔNG QUEN ĐỂ BIẾT TIN CON

Tôi, Trần Văn Quang (Quang Kính), được Thượng Tọa Thích Quảng Bình cho biết khi Thầy còn ở trại Panat Nikhom vào năm 1989 có một thanh niên (cháu của Chuẩn Tướng Nguyễn Thanh Sáng, mà Thầy không nhớ tên) trốn được từ trại giam của Khmer Đỏ, anh nói ở trại đó có khoảng 3.500 thanh niên Việt Nam vượt biên đường rừng, bị Khmer Đỏ bắt và giam giữ tại đó, tỉnh Trat.

Bác Thái (chủ tàu của Thầy Thích Quảng Bình) cũng có 3 người con bị giam giữ ở đó. Tôi có 2 đứa con trai tên Trần Quang Vinh, Trần Hoài Hà và một đứa con nuôi tên Nguyễn Văn Thảo (mặt có sẹo bị phỏng lửa) vượt biên đường Ban Mê Thuật từ năm 1976 và mất tích.

Chúng tôi không còn hy vọng gì nữa, nay được tin trên, chỉ biết tên bác Thái (chủ tàu) và anh thanh niên (cháu của Chuẩn Tướng Sáng) hiện định cư tại Mỹ. Mong Bác Thái và anh đọc được những dòng chữ này, kính xin quý vị vui lòng làm phúc cho chúng tôi biết tin; và các con Bác Thái đã được đoàn tụ với bác chưa?

Chân thành cảm tạ bác Thái và anh (không biết tên).

Địa chỉ: Chùa Viên Giác

c/o Trần Văn Quang Kính - Karlsruhe Str. 6
30519 Hannover - GERMANY

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi:

BÀ HUỖNH THỊ XUÂN

Sanh ngày 24.3.1940. Từ trần ngày 07.7.1997, nhằm ngày mùng 3 tháng 6 năm Đinh Sửu, tại Göttingen, Đức Quốc.

Hưởng dương 57 tuổi.

Lễ cầu siêu được cử hành tại chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.

Lễ an táng vào lúc 13 giờ ngày 16.7.1997, nhằm ngày 12 tháng 6 năm Đinh Sửu tại nghĩa trang Alte Grone - Göttingen, Đức Quốc.

Tang gia đồng khắp báo

Đồng thời chúng con xin đánh lễ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ chùa Viên Giác.

- Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Đan Mạch

- Ni Sư Thích Nữ Như Viên - chùa Viên Giác

- Sư Cô Thích Nữ Trí Thuận

Tang quyến chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ:

- Ban Hộ Niệm, Hộ Trì chùa Viên Giác

- Quý Thông Gia, thân bằng quyến thuộc cùng quý Bác, Anh, Chị, Em và bạn hữu xa gần đã

gởi thiệp, điện thoại đến an ủi chia buồn, nhất là dành thì giờ quý báu đến chia buồn, cầu

nguyện, cầu siêu cũng như giúp đỡ tang quyến

và tiễn đưa linh cữu của Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia hữu sự không sao tránh khỏi lỗi lầm, chúng con kính xin quý Chư Tôn Đức niệm tình hỷ thú. Và cũng xin quý Thông Gia, thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa niệm tình tha thứ.

Toàn thể tang quyến đồng kính bái

-Chồng Ngụy Sơn Hà

-Trưởng Nữ: Trần Thị Diệu Hiền

-Con Rể: Trần Ngọc Trí

-Trưởng Nam: Ngụy Sơn Hùng

-Đầu Trưởng: Ngụy Nhật Thu

-Thứ Nam: Ngụy Chơn Tâm

-Thứ Nam: Ngụy Hữu Đức

-Đầu Thứ: Ngụy Ánh Nguyệt

-Thứ Nữ: Nguyễn Kim Thanh

-Con Rể thứ: Nguyễn Tấn Khanh

-Cháu Nội: Ngụy Sơn Hải + Ngụy Sơn Toàn

-Cháu Ngoại: Trần Mai Thi + Trần Ngọc Huy

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, bằng hữu:

ÔNG PHẠM NGỌC ANH

Pháp danh Thiện Lạc

đã đột ngột ra đi trong một giấc ngủ êm đềm vào lúc 15 giờ ngày 01.7.1997, nhằm ngày 27 tháng 5 năm Đinh Sửu tại tỉnh Essen, Đức Quốc.

Hưởng thọ 70 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiện Hòa

-Quý Cô Bác, Anh Chị Em Phật Tử tỉnh Essen, Erkrath, Mönchengladbach...

-Cộng đoàn Công Giáo tỉnh Essen

-Quý Thông Gia

-Sinh viên Bochum, Hãng Thermik và quý thân hữu, quý đồng hương khắp nơi đã dành thì giờ quý báu đến hộ niệm, cầu nguyện, phân ưu, gửi Thiệp và tiễn đưa Chồng, Cha, Anh, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ suất chúng tôi kính mong quý vị niệm tình hỷ xả. Tang gia đồng bái tạ.

- Bà Quà Phụ Nguyễn Thị Hoa và tang quyến.



CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ tri ân:

- Linh Mục giáo sư St. Michael Ông Müller

- Linh Mục Tuyên Úy Guise Ngô Công Hoan

- Linh Mục Tuyên Úy Vincent Trần Văn Bằng

- Ban Đại Diện Nürnberg và VPC

- Bác Nguyễn Văn Cúc, Pháp quốc

- Chú và Di La, Pháp quốc

- Quý Gia đình Thông Gia

- Quý Ông Bà, Anh, Chị, Em, thân bằng quyến thuộc, bạn bè xa gần đã phân ưu, điện thoại, phúng điếu, đọc kinh cầu nguyện tại tư gia và tiễn đưa linh cữu của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi là:

ÔNG PHÊRÔ PHẠM KIU

đã được Chúa gọi về ngày 24.6.1997 tại Aschaffenburg, hưởng thọ 70 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa trang Friedhof-Damm, Aschaffenburg, vào ngày 30.6.1997.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ:

- Vợ Đỗ Thị Dương, Đức Quốc

- Con trai: Phạm Ngọc Nguyên, Đức Quốc

- Gđ. con trai: Phạm Ngọc Ngự, Đức Quốc

- Gđ. con trai: Phạm Ngọc Ngân, Đức Quốc

- Gđ. con trai: Phạm Ngọc Hoàng, Đức Quốc

- Con trai: Phạm Ngọc Việt, Đức Quốc

- Gđ. con trai: Phạm Ngọc Nam, Đức Quốc

- Con gái: Phạm Thị Sinh, Đức Quốc

- Gđ. con gái: Phạm Thị San, Đức Quốc

- Con trai: Phạm Trọng Thủy, Đức Quốc

- Con gái: Phạm Thị Lan, Đức Quốc

- Con gái: Phạm Thị Phương, Đức Quốc

- Con trai: Phạm Trọng Nghĩa, Đức Quốc.

CẢM TẠ

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, Quán Thế Âm Ni Tự

- Ban Hộ Niệm chùa Thiện Hòa

- Ban Hộ Niệm Quán Thế Âm Ni Tự

- Cùng quý thân bằng quyến thuộc đã đến phân ưu, điện thoại và đưa tiễn Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại và Bà Cố của chúng con cũng như chúng tôi:

BÀ QUÀ PHỤ NINH VĂN NHÂN

Nhũ danh Lại Thị Hiếu

Pháp danh Diệu Lạc

đã mệnh chung tại Düsseldorf ngày 22.4.1997, nhằm ngày 16 tháng 3 năm Đinh Sửu.

Hưởng thọ 80 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót kính xin quý vị niệm tình hỷ xả cho.

Tang gia đồng cảm tạ

- Trưởng Nam: Ninh Văn Sỹ, vợ và các con, các cháu.

- Thứ nữ: Ninh Thị Bê, chồng và các con, các cháu.

- Thứ nữ: Ninh Thị Chung, chồng và các con.

PHÂN ƯU

Được tin

Đ.C. TRẦN THÍCH

Nguyên Ủy Viên Trung Ương / VNQDD tạ thế vào tháng 05/1997 tại Việt Nam.

Hưởng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hương hồn Cố Đồng Chi tiêu điều miền Cực Lạc.

- Vũ Kỳ và gia đình

- Nguyễn Đình Lương- Bùi Công Hải - Phan Thiệp - Phan Ngô - Nguyễn Đình Thiệp - Phan Công Hân - Nguyễn Tường Bá

- Phạm Quang Vạng - Vũ Khắc Tiến - Nguyễn Tường Chi - Võ Văn Lầu.

PHÂN ƯU

Được tin trẻ

Đ. C. TRẦN QUANG TÚC

Bí danh Lê Thành Phát

Nguyên Ủy Viên Trung Ương / VNQDD tạ thế ngày 09.02.1997, nhằm ngày 03 tháng Giêng năm Đinh Sửu.

Hưởng thọ 77 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hương hồn Cố Đồng Chi tiêu điều miền Cực Lạc.

- Vũ Kỳ và gia đình

- Nguyễn Đình Lương - Bùi Công Hải - Phan Thiệp - Phan Ngô - Nguyễn Đình Thiệp.

(Sa 10061/3)



Thẩm Mỹ Viện Thi Thanh

Kosmetik Studio Thi Thanh, Gross-Ziethner-Chaussee 21C
12355 Berlin, Tel. Fax : 030 - 663 78 74
Beauty Center Thi Thanh, Voigtstr.40 - 12047 Berlin, Tel. 030 - 426 63 71

**THẨM MỸ VIỆN CHUYÊN KHOA TẠI ĐỨC, ĐƯỢC TỪ NGHIỆP
TẠI CALIFORNIA, ĐẠI DIỆN THẨM MỸ TẠI HOA KỲ & ĐỨC.**

- Nhân gửi hàng đi khắp nơi. Quý vị cần bản giá biểu xin liên lạc đến các địa chỉ trên, chúng tôi sẽ gửi đến tận nhà.
- Trang điểm đẹp lâu dài và tự nhiên. Mực tốt không phai. Nhận sửa và xóa các vết xăm hủ, gây tê ít đau. Trị các vết nhăn trên mặt. Trị gương mặt mập và ốm. Sửa cảm lẹm và cảm quá ngắn. Làm môi trái tim và môi đầy đặn. Trị các loại da, mụn mủ, da khô, hỗn hợp, dị ứng v.v...
- Đại lý độc quyền bán nhiều loại mỹ phẩm được chọn lọc kỹ qua nhiều nước như Đức, Pháp, Đại Hàn, Nhật được bào chế đặc biệt cho các loại da người Á Đông chúng ta như : Bông thảo mộc Jean D'arcel của Pháp. Bông Sâm Nhung SAMI của Đại Hàn. Vitamin C đặc biệt làm khít lỗ chân lông của Đức.

Mỹ Phẩm trộn vàng là một kho tàng của sắc đẹp hiệu OSCAR của Japan

- ①. GOLD SKIN LOTION làm khít lỗ chân lông 180 DM. ②. GOLD MILK MOISTURIZER cho da khô và dị ứng ban ngày 180 DM. ③. GOLD REJUVENATING làm trắng và dưỡng da ban đêm 220 DM. ④. Xà phòng rửa mặt trộn vàng 65 DM. ⑤. Mặt Ong Chúa trộn vàng và Sâm Nhung trị rụng tóc và làm hồng da 75 DM

Mỹ phẩm trộn vàng hiệu LAC được gọi là cái lão hoàn đồng
①. GOLD SKIN LOTION làm khít lỗ chân lông 180 DM. ②. GOLD SKIN MILK làm mịn và hồng da 180 DM. ③. GOLD NIGHT trị tàn nhang và vết nhăn, đặc biệt cho da quá khô 320 DM. ④. LAC mặt ong chúa trộn vàng và nhân sâm trị tóc bạc, bồi dưỡng khí huyết và làm sống động của sắc hồng da. Bảo đảm kéo lại tuổi xuân 320 DM



HUNG video

**NHẬN CHỤP HÌNH VÀ QUAY PHIM CÁC BUỔI LỄ
TÂN HÔN - SINH NHẬT - HỌP BẠN**

Chúng tôi dùng Computer làm phim
thêm linh động và hấp dẫn hơn

Tel. : 07621 - 64 802

CỬA HÀNG CÔ DÍNH

NÓI TIẾNG VIỆT - HOA - MIÊN
BÁN GẠO VÀ GIAO HÀNG THỰC PHẨM Á CHÂU
BÁN VÀ ĐẠI LÝ WEINE VÀ BIA NƯỚC NGOÀI
RASCHPLATZ 9 H (SAU NHÀ GA CHÍNH HANNOVER)
30161 HANNOVER
SCHAUFELDER STR.21 - 30167 HANNOVER
TEL. 0511 - 3180644. FAX. 0511 - 703565

THI - HIỀN

HAUPTSTR.32A - 79591 EIMELDINGEN.W. GERMANY
TEL. 07621 / 65178 HOẶC 07621 / 44105
HOẶC 0171 / 2674737

NHẬN ĐẶT NẤU : Tiệc cưới - Sinh Nhật - Họp Bạn

ĐẶC BIỆT : Bánh Đám Hối, Bánh Cốm,
ảnh Phu Thê, Bánh Bàn, Trầu Cau Tuổi

Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, bếp ga.

Hơn 500 món ăn để chọn lựa

Hạp khẩu vị vừa túi tiền

Được sự khen ngợi và tin nhiệm của
cộng đồng người Việt tại Đức, Pháp,

Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch



Trung Tâm Karaoke Kadi

Từ nhiều năm qua chúng tôi đã điều
khiển các dàn âm thanh, hát Karaoke cho
các hội đoàn, các lễ sinh nhật, cưới hỏi
tại nhiều thành phố ở Đức : Rostock,
Schwerin, Berlin v.v.. Đan Mạch, Hòa Lan
Dàn âm thanh tối tân 600 - 6000 Watt,
màn ảnh vi đại 3x4 mét. Hơn 600 đĩa
Karaoke Laser Disc và CD của các trung
tâm nhạc U-Sing A Long, Asia, Làng Văn,
Thúy Nga, Diễm Xưa, Người Đẹp Bình
Dương. Mới nhất và nhiều nhạc ngoại
quốc. Phục vụ mau lẹ và giá phải chăng

Xin liên lạc : ĐINH ANH DÙNG
FRANZ-MARC-STR.8, 22115 HAMBURG
TEL. : 040 - 71 56 762

Dipl. Hochkunst **TRỊNH QUANG KHÁNH**
XEM CHỈ TAY - CHỦ KÝ - BÓI BÀI

Đôi danh vũ Ngân Tuyền và Khánh Tuyền
nhận đi trình diễn cho các chương trình văn
hóa, nghệ thuật tại Âu Châu, Mỹ, Canada và
Úc Châu...(Điện thoại liên lạc sau 19 giờ)

Trịnh Quang Khánh :
Kreuzburger Str.22 , 22045 Hamburg .
Tel. 040 / 653 99 88

CHUYÊN NHẬN NẤU

Các món ăn Trung Hoa cho tiệc cưới và sinh nhật...
Chúng tôi có đầy đủ tiện nghi cho tiệc cưới và sinh nhật.

Riêng tiệc cưới cho mượn khay trầu và mâm quả

LONG PHỤNG

Liên lạc Huỳnh Hoàng Bốn
Großherzog Friedrich Str.111, 66121 Saarbrücken
Tel. 0681-635 669 & 01726831072
Fax. 0681 - 635669